ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO TỤC BIÊN

(trọn bộ)

Hán văn: Đại sư Ấn Quang
Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

MỤC LỤC

QUYỂN I **13**

LỜI TỰA ẤN TỐNG ẤN QUANG VĂN SAO TỤC BIÊN **13**

I. THƯ TỪ **16**

1. Một lá thư gởi khắp 16
2. Thư gởi cư sĩ Quách Trang Ngộ 24
3. Trả lời thư cư sĩ Chu Mạnh Do hỏi về bốn câu "sắc bất dị không" trong Tâm Kinh 24
4. Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi 26
5. Thư gởi thầy Minh Bổn 32
6. Thư trả lời cư sĩ Giác Minh 35
7. Thư trả lời đại sư Huyễn Tu 37
8. Trả lời thư cư sĩ Vương Đức Châu ở Vân Nam (hai lá thư) 37
9. Trả lời thư cư sĩ Chu Tụng Nghiêu 40
10. Thư trả lời cư sĩ Đức Sướng 43
11. Thư trả lời cư sĩ Hứa Hy Đường 45
12. Thư trả lời hòa thượng Quảng Diệu 47
13. Thư trả lời cư sĩ Dương Đức Quán 48
14. Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Tế 49
15. Thư trả lời cư sĩ Lý Trọng Hòa 50
16. Thư trả lời cư sĩ Vương Thọ Bành (hai lá thư) 51
17. Thư trả lời cư sĩ Du Huệ Úc 53
18. Thư trả lời cư sĩ Tống Huệ Trạm ở Dịch Huyện 53
19. Trả lời thư cư sĩ Trần Trọng Vi 55
20. Thư trả lời cư sĩ Trần Dật Hiên 55
21. Trả lời thư các cư sĩ Viên Hiếu Cốc và Tào Tung Kiều 57
22. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương 58
23. Trả lời thư cư sĩ Thang Văn Huyên (hai lá thư) 61
24. Thư trả lời cư sĩ Ngô Thương Châu (ba lá thư) 62
25. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn 66
26. Thư trả lời các cư sĩ Lưu Hán Vân và Dương Huệ Xương 67
27. Thư trả lời cư sĩ Lưu Đức Hộ 68
28. Thư trả lời một cư sĩ ở Diêu Duy 68
29. Thư trả lời cư sĩ Vương Hiểu Hy 72
30. Thư trả lời cư sĩ Mẫn Tông Kinh 73
31. Thư trả lời sư Truyền Đức 74
32. Trả lời thư cư sĩ Ninh Đức Hằng và Ninh Đức Phục 75
33. Thư trả lời cư sĩ Phan Trọng Thanh 77
34. Thư gởi cư sĩ Tạ Dục Hoài 79
35. Thư gởi cư sĩ Quách Vũ Tam 80
36. Thư trả lời cư sĩ Trần Phụng Ngô 81
37. Thư gởi cư sĩ Trần Ngạn Thanh 82
38. Thư trả lời cư sĩ Vương Thận Trai 83

39. Thư trả lời cư sĩ Hùng Huệ Dực ... 83
40. Thư trả lời cư sĩ Chu Nam Phố ... 85
41. Thư trả lời cư sĩ Lý Tự Sơ ... 86
42. Thư gởi cư sĩ La Thế Phương ... 87
43. Thư trả lời cư sĩ Quách Giới Mai (hai lá thư) ... 88
44. Thư trả lời cư sĩ Tề Dụng Tu ... 91
45. Thư gởi tiên sinh Thích Hữu Khanh ... 92
46. Thư trả lời cư sĩ Tập Hoài Tân ... 93
47. Thư trả lời cư sĩ Hồ Phụng Trần ... 95
48. Thư trả lời cư sĩ Bào Xung Sĩ ... 96
49. Trả lời thư của cư sĩ Dương Thọ Chi (bốn lá thư) ... 98
50. Thư trả lời cư sĩ Lý Ấn Tuyền ... 104
51. Thư gởi cư sĩ Cao Khế Lý ... 104
52. Trả lời thư cư sĩ Lý Thọ Đường ... 105
53. Thư trả lời cư sĩ Phùng Thiên Tây & Trịnh Viên Oánh ... 106
54. Trả lời thư cư sĩ Trầm Di Sanh ... 107
55. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi ... 108
56. Thư trả lời cư sĩ Đàm Thiếu Phủ ... 108
57. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi ... 109
58. Thư trả lời cư sĩ Từ Thư Dung ... 110
59. Thư trả lời cư sĩ Kim Thiện Sanh ... 111
60. Thư trả lời cư sĩ Cát Chí Lượng ... 112
61. Thư trả lời cư sĩ Vương Tâm Thiền ... 112
62. Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Di và La Huệ Chú ... 113
63. Thư trả lời cư sĩ Thang Huệ Chấn ... 114
64. Thư trả lời sư Hựu Chân và cư sĩ Giác Tam ... 116
65. Thư trả lời cư sĩ Trần Kỳ Xương ... 117
66. Thư gởi cư sĩ Nguyễn Hòa Khanh ... 118
67. Thư trả lời cư sĩ Trầm Thọ Nhân ... 121
68. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (hai lá thư) ... 121
69. Thư trả lời tiên sinh Trịnh Quán Tịnh ... 126
70. Thư trả lời cư sĩ Du Hữu Duy ... 127
71. Thư trả lời đại sư Niệm Tây ... 128
72. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù ... 133
73. Thư trả lời cư sĩ Đường Năng Thành ... 135
74. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Chi ... 136
75. Thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân (hai lá thư) ... 137
76. Thư trả lời cư sĩ X… ... 141
77. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng ... 143
78. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập ... 145
79. Thư gởi cho cư sĩ Lý Huệ Trừng bàn về chuyện xử trí tro thiêu hóa kinh và tiền vãng sanh ... 146
80. Thư giới thiệu sử dụng xà-phòng Tam Tinh làm bằng chất béo thực vật ... 148
81. Thư gởi cư sĩ Minh Quang ... 150

82. Thư gởi cư sĩ Tự Giác 151
83. Thư trả lời cư sĩ Lưu Nhân Hàng bàn về chuyện hoằng dương nhân quả 153
84. Thư trả lời cư sĩ Dương Phật Điển 153
85. Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (năm lá thư) 154
86. Thư trả lời cư sĩ Trầm Lai Vân 161
87. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đỉnh ở Hải Môn (ba lá thư) 162
88. Thư trả lời cư sĩ Lương Huệ Đống 167
89. Thư trả lời cư sĩ Vu Quy Tịnh 168
90. Thư trả lời cư sĩ Tông Thành 168
91. Thư trả lời cư sĩ Hứa Huệ Phảng 170
92. Thư trả lời cư sĩ Ân Đức Tăng 171
93. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng 172
94. Thư gởi cư sĩ Triệu Phụng Chi 173
95. Thư gởi cư sĩ Trần Huệ Cung 174
96. Thư trả lời cư sĩ Trương Thuần Nhất 175
97. Thư trả lời tiên sinh Từ Vĩnh Nghiệp ở Doanh Khẩu 177
98. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng 178
99. Thư trả lời cư sĩ Tiêu Trường Hựu ở Côn Minh 179
100. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Tụng Bình ở Tương Âm 180
101. Thư gởi cư sĩ Trương Tịnh Giang 181
102. Thư trả lời ông Lý Thính Đào ở Hải Môn (bảy lá thư) 182
103. Thư trả lời cư sĩ Trí Lạc 188
104. Thư gởi cư sĩ Hồ Tác Sơ 188
105. Thư gởi cư sĩ Trang Huệ Cự ở Tuyền Châu 190
106. Thư gởi y sĩ Mã Tinh Tiều 191
107. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Hòa (hai lá thư) 193
108. Thư trả lời cư sĩ Trạch Phạm 194
109. Thư trả lời cư sĩ Chu Đức Đại 196
110. Thư trả lời cư sĩ Sa Dung Chi 197
111. Thư trả lời cư sĩ Trương Hải Kiều ở Nam Thông 197
112. Thư trả lời cư sĩ Địch Trí Thuần 198
113. Thư trả lời cư sĩ Đậu Trí Duệ 200
114. Thư chỉ dạy cư sĩ Sài Dã Ngu (pháp danh là Trí Thao) 200
115. Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng 202
116. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên 203
117. Thư gởi cư sĩ Ngụy Mai Tôn (mười sáu lá thư) 203
118. Thư trả lời cư sĩ Chiến Đức Khắc (hai lá thư) 216
119. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (bốn lá thư) 220
120. Thư trả lời đại sư Huệ Không 225
121. Thư gởi cư sĩ Quách Phụ Đình 225
122. Thư trả lời cư sĩ Trác Nhân 227
123. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Tân 228
124. Thư trả lời cư sĩ Tống Đức Trung hỏi đốt kinh là công hay tội 229

QUYỂN II **232**
125. Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình (hai lá thư) 232
126. Thư trả lời ba vị cư sĩ Tống Lục Trạm, Trữ Liên Tịnh và Trương Tử Tịnh 234
127. Thư trả lời Phật học xã Thiếu Niên thuộc Phật học hội Vô Tích 235
128. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (bốn lá thư) 236
129. Thư trả lời tiên sinh Phí Phạm Cửu 239
130. Thư trả lời cư sĩ Huệ Đạo (tức Dương Hán Công) 240
131. Thư trả lời cư sĩ Ông Trí Kỳ (vốn tên là Triệu Kỳ - hai lá thư) 240
132. Thư trả lời cư sĩ Huệ Long 241
133. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Phỉ Kham 242
134. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Đạo 243
135. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương (vốn có tên là Tự Xương - ba lá thư) 244
136. Thư trả lời cư sĩ X… 247
137. Thư trả lời cư sĩ Trương Giác Minh (hai lá thư) 250
138. Thư gởi hai vợ chồng ông X… (hai lá thư) 254
139. Thư gởi nữ sĩ Ngô Huệ Đức 257
140. Thư trả lời đại sư Tế Thiện 258
141. Thư trả lời Trần Huệ Cung và Tôn Huệ Giáp 259
142. Trả lời thư cư sĩ niệm Phật 260
143. Thư gởi nữ sĩ Hoàng Châu Phước Thuần 279
144. Thư gởi nữ sĩ Chu Phước Uyên 280
145. Thư gởi cư sĩ Chu Pháp Lợi (ba lá thư) 280
146. Thư trả lời cư sĩ Tăng Di Chi 284
147. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương 285
148. Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Dân (năm lá thư) 287
149. Thư trả lời đại sư Thiện Giác 288
150. Thư trả lời cư sĩ Tống Huệ Trạm 291
151. Thư trả lời cư sĩ Tào Bội Linh 292
152. Thư gởi hòa thượng Quảng Huệ 293
153. Thư gởi cư sĩ Hồ Tử Hốt 305
154. Thư trả lời cư sĩ Dương Vĩ Chương 306
155. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh 307
156. Thư trả lời thầy Tu Tịnh 310
Phụ lục: Nhất Thừa Quyết Nghi Luận Thuyết của thiền sư Triệt Ngộ 312

II. TỰ **314**
1. Lời tựa cho sách Vãn Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Gốc Lẫn Ngọn 314
2. Lời tựa tái bản Tịnh Độ Ngũ Kinh 318
3. Lời tựa trình bày duyên khởi của việc in kèm phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm vào sau Tịnh Độ Ngũ Kinh 320
4. Lời tựa tái bản lưu thông sách Tâm Kinh Thiêm Túc 321
5. Lời tựa lưu thông kinh Địa Tạng in theo lối thạch bản 323
6. Lời tựa cho sách Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới Tập Chứng 324

7. Lời tựa cho sách Phổ Môn Phẩm Giảng Nghĩa 328
8. Lời tựa cho ấn bản kinh Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm được viết theo lối chữ khải để tặng đại chúng đọc tụng 330
9. Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thập Yếu 333
10. Lời tựa sách Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận Sớ 335
11. Lời tựa cho bộ Di-đà Thánh Điển 337
12. Lời tựa sách Tịnh Độ Tập Yếu 339
13. Lời tựa cho bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ 340
14. Lời tựa sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng 342
15. Lời tựa sách Sức Chung Tân Lương 344
16. Lời tựa bộ Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục 346
17. Lời tựa cho Địa Tạng Bồ-tát Bổn Tích Linh Cảm Lục 347
18. Lời tựa sách Quán Âm Cảm Ứng Khóa 349
19. Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục 349
20. Lời tựa cho sách Trùng Đính Tây Phương Công Cứ 351
21. Lời tựa cho bộ Phổ Đà Lạc Già Tân Chí 352
22. Lời tựa cho bản tu chỉnh Thanh Lương Sơn Chí 356
23. Lời tựa bản tu chỉnh Nga Mi Sơn Chí 358
24. Lời tựa tu chỉnh Cửu Hoa Sơn Chí 367
25. Lời tựa cho cuốn Nhật Tụng Kinh Chú Tuyển Lục 372
26. Lời tựa sách Tịnh Độ Thiên 373
27. Lời tựa cho bản in gộp chung hai sách Tịnh Độ Vấn Biện và Công Quá Cách 375
28. Lời tựa cho bộ Giác Hậu Biên 376
29. Lời tựa sách Học Phật Thiển Thuyết 377
30. Lời tựa lưu thông cho bản in gộp chung hai sách Phật Tổ Tâm Đăng và Thiền Tịnh Song Úc 379
31. Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Tề Chú 381
32. Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Du Chú 384
33. Lời tựa cho bộ Tấn Liên Tông Sơ Tổ Lô Sơn Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao 386
34. Lời tựa bộ Vệ Sinh Tập 389
35. Lời tựa cho bộ Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lưỡng Phong 391
36. Lời tựa nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của sách Khuyến Thế Bạch Thoại Văn 393
37. Lời tựa tái bản hai thiên sách Đạt Sanh và Phước Ấu 394
38. Lời tựa cho sách tường trình hoạt động cứu trợ lũ lụt của hội Cứu Trợ Từ Thiện tỉnh Giang Tô 397
39. Lời tựa cho sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh 399
40. Lời tựa cho bộ Dương Tiêu Sơn Tiên Sinh Ngôn Hạnh Lục 400
41. Lời tựa tái bản bộ Hoàn Cầu Danh Nhân Đức Dục Bảo Giám 404
42. Lời tựa cho sách Phật Học Cứu Kiếp Biên 405
43. Lời tựa cho bộ Vụ Bản Tùng Đàm 410
44. Lời tựa duyên khởi cho Phật Giáo Tây Phương Liên Hoa Hội ở Côn Sơn 412
45. Lời tựa cho Bôi Độ Trai Văn Tập 413
46. Lời tựa cho bản in gộp chung Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục và các bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh 415

47. Lời tựa cho bộ Viên Anh Pháp Vựng 416
48. Lời tựa cho viện mồ côi của hội Phật giáo Thượng Hải 417
49. Bài tụng và lời tựa nêu bày ý nghĩa ẩn kín nhân dịp khánh thành công trình xây dựng thêm nhà cửa cho viện mồ côi của hội Phật giáo thành phố Thượng Hải 418
50. Lời tựa cho bộ Đạo Đức Tùng Thư 420
51. Lời tựa nêu duyên khởi in cuốn Khuê Phạm theo lối thạch bản 422
52. Lời tựa trình bày duyên khởi của liên xã Tịnh Niệm tại trấn Hợp Hưng, thành phố Phụ Ninh 423
53. Lời tựa cho sách Niệm Phật Khẩn Từ 425
54. Lời tựa cho tác phẩm Kỷ Văn Đạt Công Bút Ký Trích Yếu (Trích yếu bút ký của ông Kỷ Quân) 427
55. Lời tựa lưu thông sách Lịch Triều Danh Họa Quán Âm Thánh Tượng Kha La Bản Ấn 429
56. Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Trưng Tín Lục của chùa Pháp Vân 432
57. Lời tựa cho bài Ca Tụng Kinh Vô Lượng Thọ 433
58. Lời tựa cho bài ký "Địa Tạng Bồ-tát cứu mẹ trong kiếp xưa" 435
59. Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh độ Linh Nham Sơn Tự 436
60. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ của Linh Nham Sơn Tự 438
61. Lời tựa cho Linh Nham Khai Thị Pháp Ngữ 439
62. Lời tựa cho Đại tạng kinh bản Tích Sa đời Tống được in theo lối ảnh ấn 443
63. Đề từ và lời tựa cho bộ Gia Ngôn Lục 446
64. Lời tựa cho cuốn Thích Môn Pháp Giới Lục 451

QUYỂN III 454

65. Lời tựa cho tác phẩm Tịnh Độ Tam Yếu Thuật Nghĩa 454
66. Lời tựa cho sách Vật Do Như Thử 455
67. Lời tựa sách Kỹ Lộ Chỉ Quy 458
68. Lời tựa giãi bày ý nghĩa việc Cúng Tế Tổ Tiên Bằng Cỗ Chay 459
69. Lời tựa cho bản kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm được viết bằng lối chữ khải 461
70. Lời tựa cho bản chép kinh Pháp Hoa 465
71. Lời tựa cho tập sách Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Hội Pháp Ngữ 466
72. Lời tựa cho niên san của Phật giáo Tịnh nghiệp xã tại Vô Tích 467
73. Lời tựa trình bày duyên khởi của liên xã Đôn Luân 468
74. Lời tựa cho việc ông Triệu Vận Xương thỉnh bộ Đại tạng kinh bản đời Tống được in theo lối ảnh ấn 470
75. Lời tựa cho bài luận Khuyến Tu Pháp Môn Niệm Phật 471
76. Lời tựa cho sách Trập Viên Trát Ký 472

III. KÝ 474

1. Bi ký trình bày sự thần dị của suối Bát Công Đức thuộc thiền viện Tam Thánh núi Phổ Đà 474

2. Bài ký về chuyện xây dựng đại điện của đạo tràng chuyên tu tịnh nghiệp tại núi Linh Nham 475
3. Bi ký về việc chùa Linh Nham vĩnh viễn trở thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh độ và công đức xây dựng lần này 478
4. Bi ký thuật công đức của phân hội Tô Châu Hội Cứu Giúp Loài Vật Trung Quốc quyên tặng vĩnh viễn khu vườn ao phóng sinh cho Linh Nham Sơn Tự để làm hạ viện 482
5. Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai thành lập ao phóng sanh 485
6. Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai sáng lập ba viện dưỡng lão, dưỡng bệnh và trợ niệm 487
7. Bi ký về chuyện liên xã Hương Quang thuộc thảo am Hương Sơn ở Ngô Huyện xây dựng điện Tam Thánh 490
8. Bi ký thuật duyên khởi của điện Tây Phương tại Vô Tích 491
9. Bi ký ghi duyên khởi sáng lập chùa Pháp Vân bên sông Tam Xoa tại Nam Kinh 493
10. Bi ký ghi công đức xây dựng lầu chứa kinh chùa Đại Phật Lăng Vân thuộc huyện Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên 496
11. Bài ký về việc trùng tu tháp viện của lão nhân Đại Từ 501
12. Bi ký về việc chùa Bích Sơn núi Ngũ Đài được thảo am Quảng Tế tiếp pháp thành tựu, vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ 504
13. Bi ký thuật duyên khởi hạ viện Linh Nham Sơn Tự lập thêm hội phóng sanh bên ao phóng sanh 507
14. Bi ký về việc Linh Nham Sơn Tự xây dựng tháp Phổ Đồng cho tứ chúng 509
15. Bài ký về chuyện cư sĩ Chu Tử San sanh Tây 511
16. Bi ký về ao phóng sanh của am Liên Hoa tại Thường Thục 512
17. Bi ký thuật công đức trùng tu lâu các Di-lặc của Linh Nham Sơn Tự 514
Phụ lục: Toa chế thuốc hoàn tiêu đờm chữa ho 516

IV. TỤNG TÁN 518

1. Phật Bảo Tán 518
2. Pháp Bảo Tán 518
3. Tăng Bảo Tán 518
4. Tán dương tượng Phật Dược Sư 519
5. Dược Sư Phật kệ 519
6. Tán dương tượng Phật A-di-đà 519
7. Tán dương kinh tháp Phật A-di-đà 519
8. Tán dương tượng Tây Phương Tam Thánh 519
9. Tán dương tháp Đa Bảo 520
10. Tán dương tượng Quán Thế Âm Bồ-tát 520
11. Kệ tán dương Quán Thế Âm Bồ-tát 520
12. Kệ hồi hướng cho thất Quán Âm 520
13. Kệ khánh chúc Quán Âm 521
14. Sửa đổi cho đúng bài kệ tán dương đức Quán Âm thường được lưu truyền trong cõi đời 521
15. Tán dương tượng Đại Thế Chí Bồ-tát 522

16. Kệ tán dương Đại Thế Chí Bồ-tát 522
17. Tán dương tượng Địa Tạng Bồ-tát 522
18. Kệ tán dương Địa Tạng Bồ-tát 523
19. Kệ tán dương Di-lặc Bồ-tát 523
20. Kệ tán dương Văn-thù Sư Lợi Bồ-tát 524
21. Kệ tán dương Phổ Hiền Bồ-tát 525
22. Kệ tán dương Trí Tích Bồ-tát 525
23. Tán dương Trí Tích Bồ-tát 526
24. Tán dương tổ đường Tịnh độ 526
25. Tán dương tượng đại sư Viễn công 526
26. Tán tụng mười hai vị tổ của Liên tông 527
27. Tán dương tượng thiền sư Triệt Ngộ 532
28. Tán dương tượng tổ sư Đạt-ma 532
29. Tán dương tượng thiền sư Tế Công 532
30. Ca tụng Nam Bình Tông Thừa 533
31. Tán dương bài ký "hình Phật hiển hiện trên răng lợn" của ông Lưu Công Lỗ ở Quý Trì 533
32. Tán dương tượng đại sư Niệm Thành 534
33. Bài ca tụng nhân dịp cô nhi viện tại Thượng Hải khánh thành nhà mới 534
34. Ca tụng pháp môn Tịnh độ thù thắng 534
35. Ca tụng chuyện sanh Tây của cư sĩ Từ Úy Như 535
36. Ca tụng đức cao đẹp của ông Sa Tuyết Phảng 535
37. Ca tụng chuyện quy Tây của cư sĩ Khuất Tử Kiến 535
38. Ca tụng đức cao đẹp của cư sĩ Trương Miện Đường 536
39. Ca tụng hạnh cao đẹp của cụ bà họ Từ, mẹ ông Chu 536
40. Ca tụng liệt nữ Trương San Trinh 536
41. Ca tụng hạnh đẹp của cư sĩ Trình Chí Bằng ở Vụ Nguyên 537
42. Bài ca tụng nhân dịp minh thọ trăm tuổi của cụ Tề Dữu Nam và phu nhân Kim 537
43. Bài ca tụng nêu tỏ những ý nghĩa ẩn kín của việc Tiền Vũ Túc Vương giương nỏ bắn sóng biển 538
44. Bài tụng hồi hướng cho khắp mọi người trong hiện tại ấn tống và vĩnh viễn lưu truyền Văn Sao 541
Phụ lục: Toa thuốc thần hiệu bạch phàn cứu mạng 542

V. NHỮNG BÀI VIẾT KHÁC 544

1. Lâm chung tam đại yếu (ba điều quan trọng nhất lúc lâm chung) 544
2. Tịnh Độ Chỉ Yếu (chỉ bày những điều trọng yếu trong pháp môn Tịnh độ) 549
3. Trình bày ý nghĩa ẩn kín nơi cuốn Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công 551
4. Nêu tỏ ý nghĩa giáo dục trong gia đình là căn bản khiến cho thiên hạ thái bình 553
5. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng của phân xã Phật Quang tại Xung Điền, Vụ Nguyên 555
6. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc thành lập phân xã Phật Quang tại nội thành Vụ Nguyên 557
7. Trình bày ý nghĩa ẩn kín của chữ nhân (人) 560
8. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc học nghề y 562

9. Pháp ngữ dạy thầy Hoa Quyền đang bị bệnh 563
10. Pháp ngữ dạy mẹ con ông Ân Đức Tăng (hai bài) 564
11. Trả lời những câu hỏi của cư sĩ Khúc Thiên Tường (hai mươi bảy câu) 568
12. Pháp ngữ dạy nữ cư sĩ Chu Dư Chí Liên 574
13. Pháp ngữ khai thị cho cư sĩ Phùng Hữu Thư lúc lâm chung 576
14. Lời thông cáo nhún nhường của hội Phật giáo huyện Ngô tỉnh Giang Tô dành cho tăng chúng các tự viện 576
15. Đôi lời đề tựa cho cuốn kinh A-di-đà của nữ sĩ Vương Tông Ý 579
16. Lời răn dạy khích lệ các học trò ghi sau cuốn Quy Ước của cô nhi viện Phật giáo chùa Pháp Vân 579
17. Khuyên khắp mọi người kính tiếc giấy có chữ và tôn kính kinh sách 580
18. Luận về tên gọi của Tam Dư Đức đường 582
19. Luận về cái tên Tông Đạo 583
20. Sớ quyên mộ nạo vét ao hoa sen chùa Phổ Tế núi Phổ Đà 584
21. Sớ thuật bày duyên khởi trùng hưng chùa Thọ Lượng tại Cám Châu (tỉnh Giang Tây) 585
22. Sớ quyên mộ tu bổ điện vũ và thánh tượng chùa Quán Âm ở thôn Triệu Gia thuộc Đông Hương, huyện Cáp Dương 587
23. Sớ quyên mộ xây dựng đại điện của tịnh xá Liên Tu tại đập Dương Thiện, huyện Giang Đô, Dương Châu 590
24. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện và các điện đường, liêu xá chùa Nam Thiên Trúc Diễn Phước tại Hàng Châu 591
25. Sớ quyên mộ tổ chức pháp hội cầu đảo hằng năm để lợi lạc rộng khắp 592
26. Sớ lễ niệm Quán Thế Âm Bồ-tát cầu con 593
27. Lời bạt cho cuốn Liên Tông Chánh Truyền 597
28. Lời bạt ấn tống Tịnh Độ Ngũ Kinh 598
29. Lời tựa cho bài Sám Hối Văn của ông Thành Phục Sơ 599
30. Duyên khởi của Tịnh nghiệp xã chùa Tiên Khánh tại Tam Giang Khẩu, Hàm Giang 601
31. Duyên khởi của Trợ Niệm Vãng Sanh xã tại trấn Cấp Tân, Hải Môn 603
32. Duyên khởi của liên xã Xí Lô 605
33. Duyên khởi của thư viện Phật học Phước Châu 607
34. Duyên khởi quyên mộ tu bổ tháp Báo Ân chùa Báo Ân, Tô Châu 611
35. Duyên khởi trùng tu niệm Phật đường và mở liên xã tại chùa Tư Phước, Phụ Dương 614
36. Trình bày về việc quyên mộ in cuốn Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng 615

VI. CÂU ĐỐI 618

1. Câu đối tán dương Phật Thích-ca 618
2. Câu đối tán dương A-di-đà Phật 619
3. Câu đối tán dương Phật Thích-ca 619
4. Câu đối tán dương Phật Di-đà 620
5. Câu đối tán dương Phật Di-lặc 622

6. Câu đối tán dương Phật Di-đà 622
7. Câu đối tán dương ngài Di-lặc 622
8. Câu đối tán dương đức Quán Âm 623
9. Câu đối tán dương đức Phật 623
10. Câu đối tán dương Quán Âm Bồ-tát 623
11. Câu đối tán dương Thế Chí Bồ-tát 624
12. Câu đối tán dương Bồ-tát 625
13. Câu đối đề Phật điện 625
14. Câu đối tán dương đức Vi-đà hộ pháp 625
15. Câu đối tán dương Vi-đà Bồ-tát ở Phổ Đà 625
16. Câu đối tán dương Thiên Vương ở Phổ Đà 626
17. Câu đối tán dương Quan Đế 626
18. Câu đối đề Phật điện 626
19. Câu đối tán dương tượng Quán Âm được thờ tại giếng Tiên Nhân thuộc Phổ Đà 627
20. Câu đối đề tại điện Phật 627
21. Câu đối tại điện Trí Tích ở núi Linh Nham 627
22. Câu đối tán dương ngài Trí Tích ở Linh Nham 627
23. Câu đối đề tại tàng kinh các 628
24. Câu đối đề pháp đường 629
25. Câu đối đề tàng kinh các 629
26. Câu đối đề tại Phật điện trong tàng kinh các 629
27. Câu đối đề tàng kinh các 629
28. Câu đối đề giảng đường 629
29. Câu đối tại niệm Phật đường 630
30. Câu đối đề Tam Giáo đường 631
31. Câu đối đề tháp viện ngài Vĩnh Minh 631
32. Câu đối đề Trí Giả phường 631
33. Câu đối đề điện Khổng Thánh 632
34. Câu đối đề liêu Như Ý 632
35. Câu đối đề Địa Tạng Đàn 632
36. Câu đối đề Pháp Hoa Đàn 632
37. Câu đối đề cửa tam quan 633
38. Câu đối đề vườn rau 633
39. Câu đối đề sân khấu 633
40. Câu đối tại cửa tam quan am Pháp Như 634
41. Câu đối mừng lễ truyền giới 634
42. Câu đối về khóa giảng Thiền Lâm Bảo Huấn 634
43. Câu đối viếng pháp sư 635
44. Câu đối mừng thọ năm mươi tuổi 635
45. Câu đối viếng vị giảng sư chuyên giảng Lăng-nghiêm 635
46. Câu đối mừng thọ 636
47. Câu đối viếng người tu hành cao tuổi 636
48. Câu đối viếng hòa thượng Ký Thiền chùa Thiên Đồng 636
49. Câu đối viếng hòa thượng Ký Thiền 637

50. Câu đối viếng hòa thượng Lưu Vân Quán Nguyệt 637
51. Câu đối viếng vị tăng quen biết sống ở ngôi miếu nhỏ nơi chợ búa 638
52. Câu đối của ông tăng viếng vị đại thương gia hộ pháp 638
53. Câu đối nhân dịp huyện Định Hải làm lễ tống ôn 639
54. Câu đối tống ôn 639
55. Câu đối phúng điếu ông Tôn Truyền Phương (viết thay) 639
56. Câu đối tống tiễn thần ôn dịch 639
57. Câu đối tự khích lệ 640
58. Câu đối khi nhàn rỗi 641
59. Câu đối tán dương Phật Dược Sư 642
60. Câu đối đề pháp đường 643
61. Câu đối về Quán Âm, Địa Tạng 643
62. Câu đối chúc mừng Công đức lâm 643
63. Câu đối về Quán Âm, Địa Tạng 643
64. Câu đối chức mừng Công đức lâm 644
65. Câu đối tán dương đức Địa Tạng 644
66. Câu đối về các pháp sâu thẳm như biển 644
67. Câu đối giải thích đích xác ý nghĩa từ ngữ "cách vật trí tri" 644
68. Câu đối về ăn chay niệm Phật 645
69. Câu đối đề chỗ ăn chay 645
70. Câu đối về ăn chay niệm Phật 645

VII. PHỤ LỤC 646

1. Niệm Phật nhiếp tâm kệ 646
2. Bài ký và bài tụng về chuyện cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh vãng sanh 648
3. So sánh sự tổn hại và lợi ích giữa được và không được trợ niệm 651
4. Người tu tịnh nghiệp ăn chay niệm Phật trong xử sự thường nhật chuyện gì cũng phải rất phù hợp với tịnh hạnh thì mới có thể vãng sanh 654
5. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hiểu Phố, viện trưởng Ân Thí Pháp Viện 657
6. Lời bạt ghi sau bài ký về chuyện bà Phó Trâu Nhân Hiển niệm Phật cảm được cọp thả con lợn mà nó đã bắt 661
7. Qua thư của cư sĩ Thôi trả lời cư sĩ Du, nhân tiện dâng lên lời phúc đáp cư sĩ Giang Dịch Viên 663
8. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh 665
9. Tờ kêu gọi quyên mộ của thiền viện Thiên Hoa ở núi Phổ Đà [để có đủ chi phí] tiếp nhận chủ quyền am Sùng Ninh tại Thượng Hải 666
10. Trả lời cư sĩ Tăng Di Chi (bốn bài) 668
11. Bài ký về sự sanh Tây của cư sĩ Phó Xuân Phố 671
12. Bài ký về sự sanh Tây của cư sĩ Nhiếp Vân Sanh 673

QUYỂN I

LỜI TỰA ẤN TỐNG ẤN QUANG VĂN SAO TỤC BIÊN

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài phạm vi của nó được, như trời che khắp, như đất nâng đều. Không một pháp nào chẳng được kiến lập từ pháp này, không một ai chẳng được pháp này un đúc. Do hết thảy các pháp Đại, Tiểu thừa đức Như Lai đã nói trong suốt một đời đều là tùy theo căn tánh của chúng sanh mà nói, hoặc khế lý nhưng chẳng thể khế hợp khắp mọi căn cơ; hoặc khế cơ nhưng chẳng thể khế hợp chí lý (lý tột cùng) một cách triệt để. Vì thế, bản hoài xuất thế độ sanh của đức Như Lai bị khuất lấp chưa được thông suốt, đại pháp khiến cho chúng sanh được liễu thoát ngay trong đời này còn bị ẩn kín chưa được tỏ bày. Pháp hội Hoa Nghiêm tuy đã hướng dẫn về Tây Phương, nhưng hàng Nhân, Thiên, Quyền thừa Bồ-tát chưa được nghe. Các kinh cũng nhiều phen nói đại lược những đầu mối tốt lành, nhưng cương yếu pháp môn chưa được đặt để. Do vậy, đức Như Lai khởi lòng vô duyên từ, vận tâm đồng thể bi, trong hội Phương Đẳng đặc biệt nói ba kinh Tịnh độ Di-đà, độ khắp ba căn, thâu trọn chín giới, xiển dương đạo mầu thành thủy thành chung của Như Lai, dạy cho chúng sanh quy mô vĩ đại "tâm làm, tâm là". Cơ lẫn lý đều khế hợp, phàm lẫn thánh đều được nhờ, như thuốc a-già-đà trị chung vạn bệnh, như mười phương hư không bao hàm trọn muôn hình tượng, khiến cho khắp thánh phàm đều thành tựu đạo nghiệp trong đời hiện tại, tỏ bày thông suốt bản hoài xuất thế độ sanh của Như Lai. Nếu đức Như Lai chẳng nói pháp này thì chúng sanh đời mạt pháp không một ai có thể liễu thoát sanh tử ngay trong một đời này.

Quang túc nghiệp sâu nặng, sanh nhằm nơi đoạn diệt Phật pháp, mới sanh được nửa năm, lại mắc bệnh mắt nhắm nghiền sáu tháng. Đến tuổi đi học, bao lượt gặp cảnh giặc cướp, binh đao quấy nhiễu. Vừa có chút hiểu biết, lại trúng phải chất độc báng Phật của bọn Trình - Chu. May là học thức hoàn toàn chẳng có gì, chẳng thể tạo nghiệp đọa A-tỳ ngay trong khi còn sống. Nếu tài trí được như bọn họ, ắt đến nỗi tạo tội khiên mười phương hư không chẳng dung. Do ý ác ấy nên mắc bệnh khổ lâu dài, cả mấy năm giống hệt như phế nhân. Một ngày nọ mới biết mình lầm lạc, bèn xuất gia làm tăng mong diệt tội lỗi. Tông - Giáo lý sâu không có sức nghiên cứu, Tịnh độ đạo lớn quyết chí tuân hành, toan làm một ông tăng chỉ biết cơm cháo, chỉ lo tự độ, chẳng mộng hoằng pháp lợi sanh. Năm 33 tuổi đến chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, trụ trì là hòa thượng Hóa Văn biết Quang

chỉ biết ăn cơm, không làm chuyện chi khác được, bèn cho làm thực khách thường xuyên, chẳng giao phó chút việc cỏn con gì. Hơn 20 năm qua cũng khá được an lạc, suốt năm không ai đến thăm, không nhận được lá thư nào.

Năm Tuyên Thống thứ ba (1911), tờ Phật Học Tùng Báo được phát hành tại Thượng Hải, ông Cao Hạc Niên mấy lần gởi báo qua bưu điện cho xem. Thấy những văn tự được in trong báo ấy phần nhiều hợp công đạo, nhưng những điều lạm bàn về chánh trị trong báo có chỗ hơi thiên vị, tôi trộm sợ rằng có người sẽ viện vào chuyện ấy để chê cười Phật pháp, bèn dùng cái tên Vân Thủy Tăng Thích Thường Tàm để gởi thư xin nhà báo hãy lập luận cho công bình, đừng để ngọc đẹp có vết, nhưng những vị biên tập chẳng thèm để mắt đến. Về sau ông Hạc Niên lên núi này, tôi kể đầu đuôi, ông ta bèn đem mấy thiên cảo văn đăng báo, ký tên là Thường Tàm, chẳng một ai biết đến.

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ông Từ Úy Như nhận được ba lá thư từ bạn hữu, bèn in ra năm ngàn bản, đặt tựa là Ấn Quang Pháp Sư Tín Cảo (bản thảo thư từ của pháp sư Ấn Quang) tặng cho mọi người. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), ông thu thập được hơn 20 bức thư nữa, đem in tại Bắc Kinh, đặt tựa là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, đem sách ấy đến Phổ Đà xin quy y. Quang bảo ông ta quy y với ngài Đế Nhàn. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), lại in bộ Tục Biên. Mùa thu năm ấy, mẹ ông mất tại nơi cư ngụ ở đất Thân (Thượng Hải). Tang ma xong xuôi, bèn nhờ Thương Vụ Ấn Thư Quán ghép bộ Sơ Biên và Tục Biên thành một. Năm Dân Quốc 12 (1923), Quang bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán in riêng bản Tăng Đính, chia làm bốn quyển, lưu bản[1]. Lần đầu in hai vạn bộ. Năm Dân Quốc 14 (1925), lại cho Trung Hoa Thư Cục in bản Tăng Quảng, vẫn chia thành bốn quyển. Từ đấy, bất luận văn tự gì cũng đều nhất loạt không lưu lại bản nháp nữa, một là để khỏi lãng phí tiền tài thí chủ, hai là chẳng đến nỗi làm gai mắt huệ của người thông sáng. Năm Dân Quốc 19 (1930), yểm quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu, vị đương gia[2] chùa ấy là thầy Minh Đạo cho người sao trộm. Năm Dân Quốc 24 (1935), thầy ấy qua đời mới thôi.

Năm Dân Quốc 26 (1937), Quang tỵ nạn tại núi Linh Nham, người chép lại bèn giao bản cảo cho vị đương gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân. Thầy Diệu

[1] Bản Tăng Đính về sau được bổ sung thêm một số bài nữa nên gọi là Tăng Quảng Chánh Biên, hay Ấn Quang Văn Sao Sơ Biên. "Lưu bản" là giữ lại bản in. Thuở ấy, thường in theo lối mộc bản, bản gỗ khắc chữ để in rất cồng kềnh nên nếu không yêu cầu, nhà in sẽ không giữ lại mộc bản.

[2] Đương gia theo nghĩa gốc là vị quản gia của một dinh thự hoặc một phủ viện. Nhà chùa cũng dùng chữ đương gia để chỉ vị tăng quản trị một ngôi chùa. Sư Diệu Chân làm đương gia từ khi hòa thượng Chân Đạt trụ trì Linh Nham.

Chân lại cho sao lục, đăng tải trong những tờ bán nguyệt san. Quang biết, nhưng lọt vào thế không làm gì được, chỉ đành giảo duyệt kỹ càng để in, hòng mãn nguyện thầy ấy. Quang lúc nhỏ kém học vấn, lớn lên chẳng biết gì, văn cực vụng về, chất phác, chẳng đáng lọt vào mắt. Nhưng những điều Quang nói đều dựa theo ý kinh Phật, lời tổ rồi tùy cơ nói giản lược đó thôi, chẳng dám vọng sanh ý kiến gây lầm lạc cho người, lại thêm vào đó những gì mình đã từng trải hơn 50 năm. Nếu chịu bỏ qua văn để nắm lấy ý nghĩa, ắt có thể coi như một cái mốc gỗ để chỉ thẳng chuyện Tây quy (trở về Tây Phương Cực Lạc) cũng chẳng ngại gì! Xin hãy dốc sức về Tây, dũng mãnh tiến thẳng lên phía trước. Chớ vì cột mốc gỗ này xấu hèn mà chẳng muốn thấy lộ trình về Tây thì người dựng mốc lẫn người quy Tây đều cùng chẳng tiếc nuối.

Thêm nữa, bộ Sơ Biên tuy đã in hơn mười vạn bộ, nhưng bậc đại thông gia thấy sách này chỉ chuyên nói đến chuyện "tín nguyện niệm Phật, nhân quả báo ứng, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, giáo dục gia đình", toàn là những lời văn nôm na khuyên đời, hoàn toàn chẳng phải là những lời lẽ "vén mây thấy trăng, mở cửa thấy núi", mở rộng tâm mục cho người, tỏ bày thông suốt bản hoài của Phật, cho nên coi như đồ bỏ. Cũng có những người cùng một căn tánh như Quang, xem bộ sách này như diệu bảo. Do đây mà người bỏ mê theo ngộ, bỏ tà về chánh, sống giữ vẹn luân thường, mất sanh về Cực Lạc đông lắm. Bộ Tục Biên ngoài những điều đã nói như trong bộ Sơ Biên, còn thêm những chuyện như "khuyên sản phụ niệm Quán Âm, sữa độc giết chết con cái". Đấy đều là những điều cao tăng, thầy thuốc xưa nay chưa hề nói đến mà Quang cứ nhắc đi nhắc lại.

Cổ nhân nếu chẳng phải là tướng giỏi thì cũng là lương y, chỉ mong giúp đời, cứu sống người. Quang là ông tăng vô tri vô thức chỉ biết đến cơm cháo, do một mình ông Từ Úy Như lan truyền cái hư danh, rốt cuộc muôn người nhận tiếng hư, đón tiếng vang, cho là thật, xem như thiện tri thức. Họ đã "đem sai ngoa truyền sai ngoa", Quang chẳng ngại "dùng lầm lạc đáp tạ lầm lạc", dạy người sống có nơi nương tựa, lúc mất có chỗ quy túc, sanh nở không ách nạn, con chẳng chết ngang, để tận hết tấm lòng tôi. Dẫu gai con mắt huệ của bậc thông hiểu, nhưng vì có ích cho người, không gây hại cho đời, nên bèn tùy thuận ý của hai thầy Minh Đạo, Diệu Chân cho lưu thông sách này và lược thuật duyên khởi. Hiểu tôi hay bắt tội tôi, đều không kể đến vậy!

Năm Dân Quốc 28 (1939), Kỷ Mão, đầu hạ,
Thường Tàm Quý Tăng Thích Ấn Quang kính soạn (năm 79 tuổi)

I. THƯ TỪ

1. Một lá thư gởi khắp

(Lời lẽ tuy vụng về chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ kinh Phật. Nếu chịu hành theo, lợi lạc vô cùng. Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Pháp môn Tịnh độ, độ khắp ba căn, lợi độn trọn thâu, chính là đại pháp để đức Như Lai phổ độ hết thảy thượng thánh hạ phàm, khiến cho họ liễu sanh tử ngay trong một đời này. Đối với pháp này chẳng tin chẳng tu, chẳng đáng buồn ư? Pháp môn này lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông[3]. Tín là tin thế giới chúng ta đây là khổ, tin thế giới Cực Lạc là vui. Tin ta là nghiệp lực phàm phu, quyết định chẳng thể cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân hòng liễu sanh thoát tử. Tin A-di-đà Phật có đại thệ nguyện; nếu có chúng sanh niệm danh hiệu Phật, cầu sanh cõi Phật, người ấy lúc mạng chung, Phật ắt rủ lòng từ tiếp dẫn sanh về Tây Phương. Nguyện là nguyện mau thoát lìa thế giới khổ sở này, nguyện mau vãng sanh thế giới Cực Lạc kia. Hạnh là chí thành khẩn thiết, thường niệm Nam-mô (âm đọc là Nạp-mạc[4]) A-di-đà Phật, thời thời khắc khắc chớ để tạm quên. Sáng tối đối trước Phật lễ bái, trì tụng, tùy theo bản thân rảnh rỗi hay bận bịu mà lập một khóa trình[5]. Ngoài ra, trong lúc đi đứng ngồi nằm và làm những chuyện chẳng phải dùng đến tâm thì đều khéo niệm. Lúc ngủ nên thầm niệm, chẳng nên niệm ra tiếng, chỉ nên niệm bốn chữ A-di-đà Phật để khỏi bị nhiều chữ khó niệm. Nếu áo mũ không chỉnh tề, hoặc đang lúc rửa ráy, đại tiểu tiện, hoặc đến chỗ không sạch sẽ đều nên niệm thầm; niệm thầm có cùng một công đức như niệm ra tiếng, niệm ra tiếng không hợp lễ. Bất luận niệm lớn tiếng hay niệm nhỏ tiếng, niệm Kim Cang (niệm có tiếng nhưng người bên cạnh không nghe được), niệm thầm trong tâm, đều phải niệm cho rõ ràng rành rẽ trong tâm, miệng niệm cho rõ ràng rành rẽ, tai nghe cho rõ ràng rành rẽ. Như thế thì tâm chẳng rong ruổi theo bên ngoài, vọng tưởng dần dần dứt, Phật niệm dần dần thuần, công đức rất lớn!

Người niệm Phật phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng (tức thầy dạy ta và những vị có đạo đức), từ tâm không giết (nên ăn chay trường, hoặc ăn chay

---

[3] Tông: Tông ở đây là ý nghĩa chủ yếu của một bộ kinh, hay chủ trương, giáo nghĩa chánh yếu được xiển dương bởi một bộ kinh. Hiểu theo nghĩa rộng, tông là giáo nghĩa căn bản, chủ đạo của một pháp môn. Theo Thiên Thai tông, tông chính là nội dung nhất quán của một bộ kinh hay một pháp môn.

[4] Do chữ Nam-mô 南無 nếu đọc theo giọng Quan Thoại thông thường sẽ thành Nán-wú, nên ở đây tổ ghi âm bằng chữ Nạp-mạc 納莫 (âm Quan Thoại là Nà-mó) để chỉ cách đọc mô phỏng âm Namo trong tiếng Phạn.

[5] Khóa trình: Thời gian tu tập nhất định trong một ngày, thường dùng để chỉ một thời tụng kinh, niệm Phật hay tọa thiền.

kỳ; nếu chưa dứt được ăn mặn thì đừng đích thân giết), tu thập thiện nghiệp (tức là thân chẳng làm chuyện sát sanh, trộm cắp, tà dâm; miệng chẳng nói dối, thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời ác; tâm chẳng khởi niệm tham dục, nóng giận, ngu si). Lại còn phải cha nhân từ, con hiếu thuận, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, nghiêm túc tận hết bổn phận của chính mình. Chẳng cần biết người khác có trọn hết bổn phận đối với ta hay không, ta phải luôn trọn hết phận ta. Nếu có thể đối với gia đình và xã hội trọn hết tình nghĩa, tận hết bổn phận thì gọi là thiện nhân. Thiện nhân niệm Phật cầu sanh Tây Phương chắc chắn khi lâm chung liền được vãng sanh, bởi tâm hợp với Phật nên cảm được Phật từ tiếp dẫn. Nếu tuy thường niệm Phật, nhưng tâm chẳng nương theo đạo, hoặc đối với cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái, bạn bè, xóm làng chẳng thể tận hết bổn phận thì tâm đã trái nghịch Phật, khó thể vãng sanh. Do tự tâm phát sanh chướng ngại, Phật cũng không có cách nào rủ lòng từ tiếp dẫn được.

Lại phải nên khuyên cha mẹ, anh em, chị em, thê thiếp, con cái, xóm làng, thân hữu đều cùng thường niệm "Nam-mô A-di-đà Phật" và "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" (mỗi ngày nếu niệm một vạn câu Phật hiệu thì niệm năm ngàn câu Quán Âm, nhiều hay ít chiếu theo đây mà gia giảm). Bởi chuyện này lợi ích rất lớn, nỡ nào để người sanh ra ta và quyến thuộc của ta cũng như thân hữu chẳng được hưởng lợi ích này hay sao? Huống chi hiện tại đang là lúc cõi đời hoạn nạn lớn lao, tai họa xảy đến không cách gì đối phó được. Nếu thường niệm Phật và niệm Quán Âm, chắc chắn được Phật từ che chở, gặp dữ hóa lành. Dẫu không tai nạn cũng được nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước tăng. Huống chi khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là thành tựu cho kẻ phàm phu thành Phật, công đức rất lớn! Dùng công đức này hồi hướng vãng sanh, ắt được mãn nguyện.

Phàm tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối và cứu tai nạn, giúp kẻ nghèo, mọi thứ công đức từ thiện đều phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau. Hễ có tâm ấy sẽ chẳng có phần vãng sanh! Hễ sanh tử chưa giải quyết xong, phước càng lớn ắt nghiệp càng nặng. Hễ sanh lần nữa, khó khỏi đọa trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu muốn lại được thân người, lại được gặp pháp môn Tịnh độ liễu thoát ngay trong một đời, khó như lên trời! Phật dạy người niệm Phật cầu sanh Tây Phương là để con người liễu thoát sanh tử ngay trong đời này. Nếu cầu phước báo trời người đời sau thì là trái nghịch lời Phật dạy, giống như đem một viên bảo châu vô giá trong khắp cõi đời đổi lấy một thẻ đường để ăn, chẳng đáng tiếc ư? Người ngu niệm Phật chẳng cầu sanh Tây Phương, cầu phước báo trời người đời sau cũng chẳng khác gì!

Người niệm Phật chẳng được lạm tu con đường tham cứu của nhà Thiền, bởi người tham cứu chẳng chú trọng nơi tín nguyện cầu sanh; dẫu có niệm Phật cũng chỉ chú trọng khán câu "người niệm Phật là ai" để cầu khai ngộ mà thôi. Nếu sanh Tây Phương thì không một ai chẳng khai ngộ! Nếu khai ngộ mà hoặc nghiệp hết sạch thì có thể liễu sanh tử, nếu hoặc nghiệp chưa hết sẽ chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử. Lại do không có tín nguyện nên chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử. Tự lực lẫn phật lực cả hai đều không nhờ cậy được, muốn thoát luân hồi há có được chăng? Phải biết, Pháp thân Bồ-tát lúc chưa thành Phật đều phải cậy vào oai lực của Phật, huống chi nghiệp lực phàm phu phí công bàn chuyện tự lực, chẳng cậy Phật lực ư? Lời lẽ tuy cao siêu, nhưng hạnh thật hèn tệ. Phật lực, tự lực lớn nhỏ nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! Nguyện đồng nhân[6] đều hiểu nghĩa này.

Người niệm Phật chớ nên bắt chước kẻ ngu, làm những "Phật sự" như hoàn thọ sanh[7], gởi kho v.v., bởi chuyện "hoàn thọ sanh" chẳng phát xuất từ kinh Phật, mà do người đời sau ngụy tạo. "Gởi kho" là nguyện chết đi làm quỷ, chuẩn bị sẵn tiền tiêu dùng trong quỷ đạo. Đã có tâm nguyện làm quỷ sẽ khó thể vãng sanh. Nếu chưa làm, hãy chớ có làm. Nếu trót đã làm hãy bẩm rõ cùng Phật: *"Đệ tử tên là… chỉ cầu vãng sanh, tiền trước kia gởi kho nơi cõi âm, đều dùng chẩn tế cô hồn hết"*, có vậy thì mới chẳng gây chướng ngại cho việc vãng sanh. Phàm những kinh như Thọ Sanh, Huyết Bồn, Thái Dương, Thái Âm, Nhãn Quang, Táo Vương, Thai Cốt, Phân Châu, Diệu Sa[8] v.v. đều do những kẻ lầm lạc ngụy tạo, chớ nên

---

[6] Đồng nhân: Những người có cùng căn cơ với ta.

[7] Đây là một quan điểm mê tín của người dân Trung Hoa thời xưa. Họ tin rằng khi sanh làm người, ai nấy đều bị thiếu nợ một khoản tiền dưới âm phủ, nếu không đốt tiền giấy van vái trả nợ dần dần sẽ bị tổn phước giảm thọ, gặp nhiều tai nạn, ác mộng, ba hồn bảy phách bị suy bại nên chết yểu. Khoản tiền giấy vàng bạc đốt để trả nợ gọi là *hoàn thọ sanh* (quan điểm này được đề cao qua ngụy kinh Thọ Sanh). "Gởi kho" là đốt tiền giấy, vàng bạc để tích trữ sẵn dưới âm ty như một hình thức gởi tiền tiết kiệm để dùng sau khi chết.

[8] Kinh Thọ Sanh là một kinh do Đạo giáo ngụy tạo. Nội dung kinh nói năm Trinh Quán thứ 13 đời Đường, ngài Huyền Trang duyệt Đại tạng kinh, thấy nói rõ mỗi người khi được đầu thai làm người đều thiếu một khoản nợ lớn tại âm phủ, vị quan chủ mạng của âm phủ sẽ truy tìm người ấy trong nhân gian để đòi nợ. Người nào không chịu trả khoản nợ ấy bằng cách đốt tiền giấy, vàng mã trả nợ cho âm phủ, đêm ngủ sẽ gặp nhiều ác mộng, ba hồn bảy phách vất vưởng, suy bại, sẽ bị 18 thứ tai ương như đi đường bị trộm cắp, sanh nở khó khăn, chết bất đắc kỳ tử, bị trúng phong mà chết, bị chết vì dịch tật, tai nạn xe cộ, bị vu cáo, bắt bớ, giam cầm, tàn tật v.v.. Nếu người nào siêng năng trả tiền nợ thọ sanh sẽ được đủ mọi sung sướng, không tai dịch, không bị sao xấu chiếu, ba đời giàu sang, không bao giờ bị nghèo khổ, khẩu thiệt v.v..

Kinh Huyết Bồn (tên gọi đầy đủ là kinh Phật Thuyết Đại Tạng Chánh Giáo Huyết Bồn) nói ngài Mục-kiền-liên đến huyện Truy Dương ở Vũ Châu thấy một địa ngục có hình dáng một cái chậu máu lớn rộng đến tám vạn bốn ngàn do-tuần, đủ mọi khí cụ hành hình. Trong ngục có nhiều nữ nhân tóc tai rũ rượi, bị ngục tốt bắt uống máu mỗi ngày ba lần. Nếu không chịu uống

sẽ bị quỷ sứ dùng gậy sắt đánh đập tàn nhẫn. Hỏi đến nguyên cớ, quỷ sứ đáp: "Do người nữ lúc sanh nở hoặc khi có kinh, máu dơ thấm đất, xúc phạm thần đất. Hoặc tắm gội khiến nước sông, nước suối bị nhiễm máu dơ. Người khác không biết dùng nước ấy đem nấu trà cúng thánh hiền, Thiên đại tướng quân bèn ghi tội kẻ ấy. Sau khi chết bèn đọa ngục này. Muốn cứu giúp vong linh của mẹ thì phải tụng kinh này ba năm, lập Huyết Bồn thắng hội, thỉnh tăng chúng tụng kinh này, hồn mẹ sẽ được giải thoát!"

Kinh Thái Dương (tên gọi đầy đủ là Thái Dương Tinh Quân Bảo Cáo), có nội dung tán tụng thần mặt trời, xin trích một đoạn như: *"Đỗng dương chí thánh, viêm minh thượng chân, chủ Nam cực chi dương khuyết, chưởng nhân thân chi hồn phách, quang huy thạnh đại, hành vi vạn tượng chi tôn đức cao minh, chủ thế chiếu chúng sanh chi mạng, chiếu hồi thiên địa thần quang trú dạ tuần hành, khu nữu âm dương, viêm phách oai thí hách liệt, phàm mông quang chiếu, thực lại sanh thành, đại bi, đại nguyện, đại thánh, đại từ Nhật Cung Thái Dương Ân Quang Phổ Chiếu Thiên Tôn"* (tạm dịch: Đức Nhật Cung Thái Dương Ân Quang Phổ Chiếu Thiên Tôn đại bi, đại nguyện, đại thánh, đại từ, là bậc chí thánh, dương khí thông suốt, là bậc chân thật tột bậc về mặt nóng sáng, làm chủ cửa Dương nơi mặt cực Nam, nắm giữ hồn phách của con người, rực rỡ vô cùng, có đức cao vời hơn mọi vật, chủ trì việc chiếu soi sanh mạng của chúng sanh, ngày đêm đi tuần hành chiếu soi trời đất, duy trì âm dương. Ngài có bản chất ấm nóng, oai dũng ban bố sự chói ngời, phàm những gì được chiếu soi đều nhờ ngài mà sanh thành). Tiếp đó là bài kệ thần Thái Dương tự khoe công đức: "Trên trời không ta không ngày đêm, dưới đất không ta chẳng tăng trưởng, thần nào cũng có người tôn kính, chẳng ai kính ta thần Thái Dương! Mười chín tháng Giêng Thái Dương sanh. Nhà nhà niệm Phật thắp đèn hồng, ai truyền được kinh Thái Dương này, cả nhà già trẻ không bị sao hạn. Ai không truyền tụng kinh Thái Dương, địa ngục cửa mở ngay trước mắt…"

Kinh Thái Âm có tên gọi đầy đủ là kinh Thái Âm Tinh Quân Thánh, câu cú lủng củng, lộn xộn, có toàn văn như sau: "Thái Âm Bồ-tát đi về phương Đông, mười tầng địa ngục chín tầng mở, mười vạn tám ngàn chư Bồ-tát, chư Phật, Bồ-tát xếp hàng hai bên, chư tôn Phật kính trọng, đất không mây, hoa sen vọt khỏi mặt nước nở đầy đất, đầu đội tháp châu báu bảy tầng, thế giới Sa-bà nhãn quang minh, một Phật báo trọn ân thiên địa, hai Phật báo đáp ân phụ mẫu, cha mẹ còn sống tăng phước thọ, cha mẹ đã mất sớm siêu thăng. Nam-ma Phật, nam-ma Pháp, nam-ma A-di-đà Phật, thiên la thần, địa la thần, người lìa nạn, nạn lìa thân, hết thảy tai ương hóa thành bụi. Có ai niệm được bảy biến kinh Thái Âm, sống chết chẳng đến cửa địa ngục."

Kinh Nhãn Quang rất ngắn, chỉ gồm mấy câu như sau: "Phật nói kinh Nhãn Quang, mắt sáng là đèn tâm, hai bên tháp xá-lợi, hằng sa hậu thế Đại tạng kinh. Ngàn mắt ngàn tay tỏ rõ trong đời. Đại Trí Bồ-tát phóng hào quang, Văn-thù Bồ-tát cưỡi sư tử, Phổ Hiền cưỡi voi chúa. La-hán đầy khắp hư không đại địa, sương mù che phủ mắt bị quét sạch ngay!"

Nội dung kinh Táo Vương (dân gian thường gọi là kinh Ông Táo) như sau: Kinh này do chính đức Phật nói ra ở Ấn Độ, được các vị tam tạng pháp sư truyền qua Trung Hoa. Ông Táo có danh xưng là Đông Trù Tư Mạng, theo dõi hành vi của mọi người trong gia đình, ngày 30 mỗi tháng tấu lên thiên đình, tùy theo hành vi thiện ác, trời sẽ giáng phước hay ban họa. Sinh nhật của ông Táo là ngày mồng 3 tháng 8, gia chủ phải thắp hương, đốt đèn cúng tế mới được phước thọ, tụng niệm kinh này thì học trò sẽ đỗ đạt, người buôn bán hưng vượng v.v.. Cầu đảo ông Táo chí thành sẽ thọ đến 90 tuổi. Kinh cũng khuyên phải giữ bếp cho sạch sẽ, không được khua khoắng nồi xoong trong bếp, không được cởi trần trước bếp, không được khạc nhổ, không được mắng chửi trong bếp, không đem dép dính phân súc vật vào bếp, không đem vỏ tỏi, lông xương gà vịt vào bếp v.v..

Kinh Thai Cốt là kinh nói về sự hình thành con người trong thai mẹ, bắt chước thô thiển vụng về kinh Báo Ân nhà Phật. Xin trích một đoạn: "Tháng thứ tư, thai tăng trưởng, tứ chi đã định, sanh chân trước, sau sanh tay, thu hạ xuân đông, sanh hai tay, khi sanh hai tay, rút rỉa

niệm. Kẻ ngu chẳng biết niệm kinh Đại thừa (tức là các kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Tâm Kinh, Kim Cang, Dược Sư, Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện v.v.). Ngả lòng tin theo các thứ ngụy kinh ngụy tạo mù quáng ấy, ắt phải làm những chuyện hoàn thọ sanh, phá địa ngục, phá huyết hồ mới an tâm được! Có người hiểu lý nói những kinh ấy là ngụy tạo, cũng chẳng chịu tin. Phải biết, làm Phật sự thì chỉ có niệm Phật là công đức lớn nhất. Nên dùng tiền làm chuyện hoàn thọ sanh, phá địa ngục, phá huyết hồ[9] để thỉnh vị tăng có chánh niệm niệm Phật thì lợi ích lớn lắm.

Người niệm Phật nên ăn chay trường. Nếu như chưa thể thì nên giữ lục trai, hoặc thập trai (mồng 8, 14, 15, 23, 29, 30 là lục trai, thêm vào ngày mồng 1, 18, 24, 28 thì thành thập trai. Gặp tháng thiếu thì ăn lên trước đó một ngày. Lại còn tháng Giêng, tháng 5, tháng 9 là ba tháng chay, nên ăn chay trường, làm các công đức). Từ giảm dần đến vĩnh viễn dứt ăn mặn thì mới hợp lý. Tuy chưa dứt được ăn mặn, hãy nên mua thịt làm sẵn, đừng sát sanh trong nhà. Do trong nhà thường nguyện cát tường (tốt lành, may mắn), nếu hằng ngày sát sanh thì nhà ấy liền trở thành nơi giết chóc. Nơi giết chóc chính là chỗ oán quỷ tụ hội, chẳng tốt lành, điều này quan trọng lắm! Do vậy phải kiêng sát sanh trong nhà.

Người niệm Phật nên khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nhưng muốn cho cha mẹ lúc lâm chung quyết định vãng sanh Tây Phương mà không nói sẵn cho quyến thuộc biết về việc trợ niệm lâm chung, và lợi hại của việc phô trương mù quáng và khóc lóc sẽ chẳng thể được. Vì vậy, muốn cho cha mẹ khi lâm chung được hưởng sự lợi ích do quyến thuộc trợ niệm, chẳng bị cái hại phá

---

huyết mạch của mẹ. Khi sanh hai chân, thấu đến huyệt Huyền Quan, mạch máu nhảy mạnh, người mẹ đi trên đất bằng như trèo núi cao, đầu gối đau nhức…”

Kinh Diệu Sa rất ngắn, kinh văn lộn xộn, câu cú không hoàn chỉnh, nội dung như sau: “Diệu Sa Quán Thế Âm ngồi thuyền qua biển cả, thuyền chở ngập sâu năm trăm (không rõ năm trăm cái gì? Năm trăm tấc chăng?), biển cả dậy sóng gió, thỉnh được kinh Diệu Sa. Phật, Phật, Phật, ba mươi sáu vạn ức Phật, hai mươi chín ngàn vô số Phật, năm trăm tạng hằng hà sa số Phật, tám vạn thông minh trí tuệ Phật, niệm đức Đương Lai Di-lặc Phật, hết thảy các Phật trong Tinh Tú thiên cung, Phật nhiều như những hạt bụi nhỏ nhặt trên mặt đất, Phật nhiều như những hạt mưa li ti trong bảy ngày bảy đêm, Phật nhiều như số cát đọng hai bên bờ sông, Phật nhiều như số lá trong vườn thiên hạ, cành cành lá lá quang minh Phật, đức Phật Thế Tôn trong pháp hội Linh Sơn, ông bà cha mẹ bảy đời Phật, hết thảy Phật trong ba đời, có ai trì niệm kinh Diệu Sa, hiềm rằng trên cầu thấy phân minh! Bốn quyển Diệu Sa là một tạng, thiên hạ quỷ thần chẳng dám xâm phạm, Di-đà đồng tử cầm chuông vàng, lắc liền mấy tiếng địa ngục trống rỗng, Diêm-la thiên tử được thành Phật, hết thảy chúng sanh lìa địa ngục.” Chúng tôi không tìm được tài liệu về bản kinh Phân Châu.

[9] Phá địa ngục, phá huyết hồ là những lễ lạc do tà sư Trung Hoa bày ra. Họ làm những mô hình địa ngục, hồ máu bằng giấy, rồi tăng chúng đọc kinh, vẽ bùa, đốt bùa, chạy quanh đàn tràng, hô hoán điều động quỷ thần, dùng tích trượng đục thủng địa ngục, hồ máu, cho rằng làm như thế sẽ cứu được vong linh ra khỏi địa ngục.

hoại chánh niệm, nhưng lúc thường ngày không nói cho họ biết sự lợi ích của việc niệm Phật, khiến cho ai nấy đều thường niệm, sẽ không thể được! Như thế chẳng những có ích cho cha mẹ mà thật sự còn có ích cho những quyến thuộc hiện đời, con cháu đời sau. Lâm chung trợ niệm bất luận già trẻ đều nên như vậy, xem cuốn Sức Chung Tân Lương[10] sẽ tự biết (Thượng Hải Phật Học Thư Cục, chùa Báo Quốc ở Tô Châu đều có bán cuốn ấy).

Nữ nhân khi sanh nở thường đau đớn chẳng kham nổi, nếu mấy ngày chưa sanh rất có thể bị mất mạng. Lại có người sanh xong bị băng huyết, đủ mọi nỗi nguy hiểm, và con cái mắc chứng kinh phong chậm hay gấp, đủ mọi nỗi nguy hiểm. Nếu nhằm lúc sắp sanh, hãy chí thành khẩn thiết niệm ra tiếng rõ ràng "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát", chớ nên niệm thầm trong tâm, bởi niệm thầm sức nhỏ, nên cảm ứng cũng nhỏ. Lại do lúc ấy dùng sức đẩy đứa con ra, nếu thầm niệm thì rất có thể do bế khí mà thành bệnh. Nếu chí thành khẩn thiết niệm chắc chắn chẳng bị đau đớn, khó sanh và băng huyết sau khi sanh, đứa con mắc các chứng kinh phong v.v.. Dẫu cho khó sanh đến tột bậc, người đã sắp chết, hãy nên dạy sản phụ ấy và những người chăm sóc chung quanh đều cùng niệm Quán Thế Âm ra tiếng, người nhà dẫu ở phòng khác cũng đều có thể niệm, chắc chắn công phu chưa đến một khắc liền được an nhiên sanh nở. Ngoại đạo chẳng hiểu lý, chấp chết vào một pháp cung kính, chẳng biết căn cứ vào sự để luận lý, đến nỗi những bà cụ niệm Phật coi sanh nở là chuyện đáng sợ, dẫu là con gái ruột, con dâu cũng chẳng dám nhìn đến, huống chi là dám dạy họ niệm Quán Âm ư? Phải biết Bồ-tát mang tâm cứu khổ, lúc sắp sanh tuy lõa lồ, bất tịnh, nhưng là chuyện không thể nào tránh được, chứ không phải là do cố ý luông tuồng, chẳng những niệm Quán Âm khi ấy không có tội lỗi gì, mà lại còn gieo được đại thiện căn cho cả mẹ lẫn con. Nghĩa này đức Phật dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải là ý kiến ức đoán của tôi, chẳng qua tôi chỉ đề xướng mà thôi! (Kinh Dược Sư nói về

---

[10] Sức Chung Tân Lương (những hướng dẫn trong việc lo liệu cho người lâm chung) là một tác phẩm do ông Lý Viên Tịnh soạn với nội dung hướng dẫn cách thức chuẩn bị cho thời khắc lâm chung và phương pháp trợ niệm nhằm đảm bảo người tu tịnh nghiệp lúc lâm chung không bị phá hoại chánh niệm. Sách này chia làm bốn phần:

1. Sức chung chương trình: Người tu Tịnh độ phải dặn dò gia đình, bạn bè cách xử trí như thế nào khi người ấy lâm chung, cách thức trợ niệm, an táng sao cho người chết giữ được chánh niệm.

2. Sức chung ngôn luận: Tập hợp những lời dạy về chuẩn bị lâm chung của các cổ đức.

3. Dự tri lợi hại: Những phân tích về lẽ lợi hại khi lâm chung như không nên khóc lóc, sát sanh, không bày vẽ phô trương như buộc người chết ngồi xếp bằng, thay áo, tắm rửa trong khi người sắp chết còn đang thở hắt ra.

4. Sức chung thật hiệu: Những bằng chứng vãng sanh do dự bị chu đáo cho phút lâm chung.

thệ nguyện công đức Phật Dược Sư, cho nên dạy niệm Phật Dược Sư. Nhưng danh hiệu Quán Âm ai nấy đều biết, cho nên bất tất phải niệm Phật Dược Sư, cứ niệm Quán Âm cũng được).

Nữ nhân từ 12, 13 tuổi cho đến 48, 49 tuổi đều có kinh nguyệt, có kẻ nói "trong lúc có kinh không được lễ bái, trì tụng". Lời ấy chẳng thông tình lý. Người có kinh ngắn ngày thì hai ba ngày là hết, có người kéo dài đến sáu bảy ngày mới hết. Người tu trì ắt phải niệm niệm không gián đoạn, lẽ đâu vì một tật nhỏ trời sanh ấy để rồi bỏ bê việc tu trì ư? Nay tôi nói: Trong lúc có kinh, chỉ nên lễ bái ít hơn (nên ít lễ bái, chứ không phải là tuyệt đối chẳng được làm lễ), niệm Phật, tụng kinh đều theo như lệ thường. Nên thường thay vải dơ (băng vệ sinh). Nếu tay sờ vào vải dơ, hãy nên rửa sạch, chớ dùng tay đã chạm đồ dơ để lật kinh và thắp hương. Phật pháp thì pháp nào cũng viên thông, ngoại đạo chỉ chấp vào lý ngoài rìa. Người đời đa phần chỉ tin lời ngoại đạo, chẳng biết đến chánh lý trong Phật pháp. Vì thế khiến cho hết thảy đồng nhân chẳng thể được nhuần thấm lợi ích nơi pháp.

Quán Thế Âm Bồ-tát thệ nguyện rộng sâu, theo tiếng cứu khổ. Nếu gặp phải những hoạn nạn như đao binh, nước, lửa, đói kém, sâu rầy, châu chấu, ôn dịch, hạn hán, lụt lội, giặc cướp, oan gia, ác thú, rắn độc, ác quỷ, yêu mị, bệnh tật do oán nghiệp, tiểu nhân hãm hại v.v. mà có thể phát tâm sửa lỗi hướng thiện, tự lợi lợi người, chí thành khẩn thiết niệm Quán Thế Âm, niệm niệm không gián đoạn, chắc chắn sẽ được ngài từ bi che chở, chẳng bị nguy hiểm gì. Nếu vẫn giữ tấm lòng chẳng lành, dẫu có xưng niệm, chẳng qua chỉ tạm gieo căn lành cho vị lai, chẳng được cảm ứng trong hiện thời. Bởi lẽ Phật, Bồ-tát đều là thành tựu thiện niệm cho người, trọn chẳng thành tựu ác niệm cho người. Nếu chẳng phát tâm sửa lỗi hướng thiện, lầm lạc muốn niệm danh hiệu Phật, Bồ-tát để mong thành tựu ác sự cho mình thì quyết định không được cảm ứng, chớ có dấy lên cái tâm điên đảo ấy!

Niệm Phật khẩn yếu nhất là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt đẹp. Có sức làm được thì tích cực làm, chẳng thể làm được thì cũng phải phát thiện tâm ấy, hoặc khuyên người có sức làm, hoặc thấy người khác làm bèn phát tâm hoan hỷ, thốt lời khen ngợi thì cũng là thuộc về công đức nơi tâm và miệng. Nếu chẳng thể tự làm được, thấy người khác làm bèn sanh ganh ghét, liền thành ra tâm hạnh tiểu nhân gian ác, chắc chắn bị tổn phước giảm thọ, chẳng được kết quả tốt lành, hãy nên thống thiết răn dè. Chẳng được làm chuyện giả dối để được tiếng, buôn danh chuốc dự, tâm hạnh ấy

quả thật bị thiên địa quỷ thần đều cùng ghét. Nếu có thì phải sửa đổi, nếu không thì càng thêm cố gắng.

Trong đời có kẻ nữ chẳng hiểu chí lý (lý tột cùng), hoặc chẳng hiếu đối với cha mẹ chồng, lừa dối, khinh miệt chồng, nuông chiều con cái mù quáng, ngược đãi tôi tớ, hoặc là mẹ kế ngược đãi con cái đời vợ trước, chẳng biết hiếu dưỡng cha mẹ chồng, kính trọng chồng, dạy con cái, rộng rãi với tôi tớ, nuôi dạy, chăm sóc con cái vợ trước, chẳng biết những điều ấy quả thật là đạo thánh hiền trong thế gian, mà cũng là pháp vun bồi cái gốc trong nhà Phật. Đầy đủ công đức này, do tu tập tịnh nghiệp chắc chắn danh dự ngày càng cao, phước tăng, tuổi thọ lâu dài, lâm chung được Phật tiếp dẫn lên thẳng chín phẩm sen. Phải biết, có nhân chắc chắn có quả! Nếu mình đã gieo cái nhân hiếu kính từ ái, sẽ tự hưởng cái quả hiếu kính từ ái. Vì người chính là vì mình, hại người còn tệ hơn tự hại mình. Vì thế phải tận hết chức phận của chính mình để mong Phật, trời cùng soi xét.

Trẻ nhỏ từ lúc có sự hiểu biết, liền dạy cho chúng đạo hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ và những sự nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, khiến cho chúng biết tâm của chính chúng nó trong từng hơi thở đều thông với tâm của trời đất quỷ thần, Phật, Bồ-tát. Khởi lên một niệm bất chánh, làm một chuyện bất chánh đã sớm bị trời đất quỷ thần, Phật, Bồ-tát thấy biết tường tận, như đối trước gương sáng đều hiện ra hình bóng xấu không thể trốn tránh được, ngõ hầu chúng nó biết kiêng sợ, gắng làm người lương thiện. Bất luận là ai, dẫu là tôi tớ, trẻ nhỏ cũng chẳng được phép đánh chửi. Dạy chúng tôn kính bậc tôn trưởng, giữ phận người dưới. Phải chú trọng dạy chúng nó kính tiếc giấy có viết chữ, yêu tiếc ngũ cốc, y phục, đồ đạc, thương tiếc che chở trùng kiến, cấm ngặt ăn vặt để khỏi bị bệnh. Dạy được như thế thì phần đông chắc chắn trở thành người hiền thiện. Nếu lúc nhỏ để mặc theo thói quen, điều gì cũng chẳng giáo huấn, lớn lên không thành hạng tầm thường thì cũng thành phường trộm cướp. Lúc ấy có hối cũng chẳng có ích gì! Cổ nhân nói: *"Giáo phụ sơ lai, giáo nhi anh hài"* (Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về), bởi lẽ do huân tập sẽ trở thành bản tánh nên phải cẩn thận ngay từ đầu. Thiên hạ yên hay loạn đều bắt nguồn từ đây, chớ nghĩ lão tăng nói chuyện viển vông, không quan hệ, khẩn yếu chi!

Quang đã già rồi, tinh thần ngày càng suy yếu, không có sức trả lời thư gởi đến. Chỉ vì đường bưu điện thuận tiện khiến cho xa gần nghe lầm hư danh, thường gởi thư đến hỏi mãi. Nếu nhất loạt chẳng phúc đáp, cũng cảm thấy phụ lòng người hỏi đến. Nếu phúc đáp từng thư một, thật chẳng có đủ tinh thần làm như vậy. Vì thế cho in bức thư dài này, phàm những gì liên quan đến chuyện tu trì và đạo lập thân xử thế, thờ cha mẹ, dạy con, đều nói đại lược. Sau này có ai gởi thư đến,

dùng thư này gởi lại. Nếu có một hai chuyện chi đặc biệt liền phê vào thư gởi đến mấy chữ để đôi bên thấu hiểu tình nhau, chẳng đến nỗi nhọc nhằn quá đáng. Nếu muốn thông hiểu sâu xa kinh giáo, xin hãy thỉnh giáo nơi những bậc pháp sư thông hiểu sâu xa dựng cao tràng pháp. Nên biết rằng, người thông hiểu sâu xa kinh giáo chưa chắc đã liễu sanh tử ngay trong đời này. Nếu muốn liễu sanh tử ngay trong đời này, hãy nên chú trọng nơi tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

2. Thư gởi cư sĩ Quách Trang Ngộ

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Nhận được thư của thầy Minh Đạo, biết cư sĩ có chí lớn. Nếu muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này thì Quang chẳng ngại làm cái mốc chuẩn để nặn đất, chạm gỗ. Nếu muốn thông hiểu sâu xa kinh giáo và triệt ngộ tự tâm thì cái mốc chuẩn để nặn đất, chạm gỗ của Quang chẳng dùng được! Nay "đem sai lầm đáp tạ sai lầm", đặt pháp danh cho cư sĩ là Huệ Trang. Trang là kính, một pháp kính chính là căn bản để học đạo thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu chẳng trọng lòng kính, giữ lòng thành, dù có sở ngộ nhưng vẫn chẳng thể được lợi ích thật sự. Hễ rơi vào cuồng huệ, chắc chắn khó thể sự lý viên dung. Thiên chấp lý tánh, chẳng trọng tu trì, tuy thấy lý chẳng lầm, cũng chẳng khác gì tà ma, ngoại đạo cho mấy. Huống chi đã chấp lý phế sự thì cái lý được ngộ cũng khó thể thích đáng, do vậy nói: *"Bất quý tử kiến địa, chỉ quý tử hành lý"* (Chẳng quý chỗ kiến địa của ông, chỉ quý chỗ ông thực hiện). Đấy chính là bẫy sập lớn cho người thông minh trong cả cõi đời; chẳng mắc phải bệnh này mới đáng gọi là thông minh. Nếu không, thông minh lại bị thông minh làm cho lầm lạc, biến thành hạng người tự lầm, lầm người. Quang đã già rồi, chẳng nên thường gởi thư đến nữa. Hễ gởi thư đến chỉ dùng bức thư dài đã in để hồi đáp, nhất loạt chẳng giải thích cho riêng ai để khỏi mệt nhọc quá đỗi, mà cũng chẳng có lợi gì cho người. Không lâu nữa, sẽ có sách Tịnh Độ Thập Yếu bản mới in và bức thư dài gởi đến, không cần phải viết thư nữa. Ngoài nguyên bản sách Thập Yếu ra, còn có kèm thêm mấy cuốn sách cần thiết khác, thật sự là những sách vở quan trọng nhất cho việc tu tịnh nghiệp.

3. Trả lời thư cư sĩ Chu Mạnh Do hỏi về bốn câu "sắc bất dị không" trong Tâm Kinh

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Mấy câu này chính là Đại sĩ đem tướng của *ngũ uẩn đều không* do chính ngài đã thấy thấu suốt (chiếu kiến) để dạy người. Sắc đứng đầu ngũ uẩn, vì thế giảng tường tận trước. Nói *"sắc bất dị không"* (sắc chẳng khác không) là vì sắc tuy có

hình tướng có thể thấy được, nhưng đó là tướng huyễn vọng. Dùng trí bát-nhã sâu xa để quán chiếu thì bản thể của sắc là *"bất khả đắc"* (trọn chẳng thể được), tuy có mà giống như hư không. Chẳng riêng gì bản thể của sắc là "trọn chẳng thể được", mà không cũng "trọn chẳng thể được". Do vậy lại nói *"không bất dị sắc"* (không chẳng khác sắc). Ở đây lại sợ người ta hiểu lầm *thế gian không* chính là tướng của *sắc không* nên nói: "Không cũng chẳng có thực tế để được, cũng như sắc trọn chẳng thể được!" Ấy là vì không cũng là pháp thế gian, tuy không có hình tướng, rỗng rang, trống lỗng, nhưng vẫn có tướng không. Trong ngũ uẩn, cái không của sắc uẩn chẳng phải là cái không của hư không. Do vậy liền nói tiếp *"không bất dị sắc"* (không chẳng khác sắc). Vì lìa trọn vẹn cái không của tướng không nên nói *"không bất dị sắc"* (không chẳng khác sắc). Nói đến cái không của không này cũng giống như sắc "trọn chẳng thể được", chẳng thể hiểu là cái không trống lỗng, rỗng rang.

Vẫn sợ chưa hiểu nên lại nói *"sắc tức thị không, không tức thị sắc"* (sắc tức là không, không tức là sắc), nghĩa là "sắc tức thị không" chẳng thể được, "không tức thị sắc" chẳng thể được. Sắc - không này tịch chiếu cùng hiển lộ, cùng diệt mất. Sắc - không "cùng chính là" và "cùng lìa" sắc không. Nếu thấy được điều này sẽ đích thân chứng được chân như Phật tánh. Sắc uẩn đã như thế thì bốn uẩn thọ, tưởng, hành, thức cứ theo đó mà biết; cho nên không cần nói nữa, chỉ nói *"diệc phục như thị"* (cũng giống như thế). Ngũ uẩn đã như thế thì hết thảy pháp cũng như thế. Cho nên lại nói năm uẩn này đều là tướng không, là tướng không của hết thảy các pháp, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm, bản thể của chúng là như thế, chẳng cần phải ước theo thánh - phàm, chúng sanh - Phật để nói nữa. Do nó vốn chẳng sanh, do đâu mà có diệt, cũng như có nhơ, sạch, tăng, giảm nữa ư? Vì thế, trong tướng không của các pháp, không có năm uẩn "sắc, thọ, tưởng, hành, thức", không có sáu căn "mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý", không có sáu trần "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp", không có sáu thức là nhãn giới (dưới chữ nhãn lược bỏ chữ thức), cho đến không có ý thức giới. Đấy là không có lục phàm pháp giới.

"Vô vô minh, nãi chí vô lão tử" (không vô minh cho đến không lão tử) là mười hai nhân duyên thuộc *lưu chuyển môn*. *"Diệc vô vô minh tận, nãi chí diệc vô lão tử tận"* (cũng không có hết vô minh cho đến không có hết già chết), đấy chính là mười hai nhân duyên thuộc *hoàn diệt môn*. Đây là không có pháp giới Duyên giác. *"Vô khổ, tập, diệt, đạo"*, là không có pháp giới Thanh văn. *"Vô trí"*, trí là độ cuối cùng trong lục độ, cho nên vô trí là không có pháp giới Bồ-tát. *"Diệc vô đắc"* (cũng không có đắc), "đắc" chính là Bồ-đề, Niết-bàn, tức là không có pháp giới Phật. Có kẻ hiểu cái không trong câu "sắc bất dị không" là thật tướng

của chân không. Thoạt nhìn có vẻ hợp lý, nhưng xét kỹ hình như không trọn vẹn. Vì sao vậy? Đã là không có ngũ uẩn, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, tức pháp giới lục phàm của thế gian; lại không có tứ đế, thập nhị nhân duyên, trí, đắc, đó chính là pháp giới tứ thánh xuất thế gian. Hết thảy các pháp thánh phàm đều không, lẽ đâu cái không của thế gian lại chẳng không? Do phàm tình lẫn thánh kiến đều không, cho nên có thể viên mãn Bồ-đề, trở về cái "không có gì để được" (vô sở đắc). Do "không có gì để được" nên *"tâm vô quái ngại, khủng bố, viễn ly điên đảo, mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn"* (tâm không vướng mắc, sợ hãi, xa lìa điên đảo, mộng tưởng, rốt ráo Niết-bàn).

Pháp này chính là pháp rốt ráo thành Phật của ba đời chư Phật, do trong tướng không của các pháp chẳng có những pháp thánh - phàm, chúng sanh - Phật v.v., cho nên có thể từ phàm đến thánh tu nhân chứng quả, chứng trọn vẹn pháp này. Ví như dựng nhà phải có chỗ trống thì người mới ở được. Nếu nhà chẳng có chỗ trống, người ta làm sao ở được? Do không, nên mới có thể chân tu thực chứng. Nếu chẳng không, sẽ chẳng có tác dụng này. Do trong trí bát-nhã sâu chẳng thấy tướng của những thứ tình kiến này nên là vô, chớ hiểu lầm chẳng tu là vô. Nếu hiểu chẳng tu là vô sẽ phá hoại chánh pháp của chư Phật, chắc chắn bị đọa mãi trong địa ngục A-tỳ, hãy nên suy nghĩ cặn kẽ! Thuyết này của Quang có chỗ chẳng phù hợp cách giải thích của người xưa, nhưng ý nghĩa chánh yếu chẳng trái nghịch kinh Phật, cũng có thể nói là một loại kiến giải "thấy rặng, thấy đảnh, thấy nhân, thấy trí"[11] vậy.

4. Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi

Tôi thường nói: "Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, phải cầu nơi cung kính. Có một phần cung kính liền tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước tuệ. Có mười phần cung kính, tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước tuệ." Nếu chẳng cung kính mảy may thì tụng kinh niệm Phật tuy chẳng phải là không được mảy may lợi ích nào, nhưng trước hết phải chịu cái tội khinh nhờn, đọa lạc trong tam đồ bao nhiêu kiếp. Tội trả hết rồi, sẽ nhờ vào nhân lành ấy lại được nghe pháp tu đạo, ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Nếu đời này cạn lòng thành, dốc hết lòng kính thì trong đời này có thể cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh Tây Phương. Hễ được vãng sanh bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa các khổ, chỉ hưởng những sự vui vậy. Con người tu phước hay tạo nghiệp nói chung chẳng ngoài sáu

[11] Câu này dựa theo thành ngữ: "Một dãy Lô sơn nhìn ngang là rặng, nhìn dọc thấy đảnh" và câu "người nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí", cùng ngụ ý: Bản thể là một, nhưng tùy theo sự hiểu biết của mỗi người mà lãnh hội khác biệt.

căn, ba nghiệp. Sáu căn chính là *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý*. Năm căn trước thuộc thân nghiệp, ý căn sau cùng thuộc về tâm, tức ý nghiệp. Ba nghiệp là:

1. Thân nghiệp gồm ba thứ, tức sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Ba sự này tội nghiệp cực nặng.

a. Người học Phật nên ăn chay, yêu tiếc sanh mạng. Phàm là động vật đều biết đau đớn, đều tham sống sợ chết, chẳng nên sát hại. Nếu giết để ăn sẽ kết thành một sát nghiệp, đời kế, đời sau ắt phải bị chúng giết lại.

b. Hai là trộm cắp, phàm những vật của người khác, chớ nên "không cho mà lấy". Trộm vật rẻ tiền là đánh mất nhân cách của chính mình, trộm vật đáng giá chính là hại thân mạng người ta. Trộm cắp vật của người khác tợ hồ chiếm được tiện nghi, nhưng thật ra tổn phước thọ của chính mình, đánh mất những thứ trong mạng mình lẽ ra phải có so với những thứ ăn trộm còn nhiều gấp bội lần. Nếu dùng mưu chiếm đoạt, hoặc dùng oai thế hiếp đáp cướp lấy, hoặc trông coi tài sản cho người khác rồi giở thói xấu chiếm lấy đều gọi là "trộm cắp". Kẻ trộm cắp ắt sanh ra con cái phóng đãng, người liêm khiết ắt sanh con hiền thiện. Đấy chính là thiên lý nhân quả nhất định.

c. Ba là tà dâm, phàm với những kẻ chẳng phải là thê thiếp của chính ta, bất luận kẻ ấy hiền lương hay hạ tiện, đều chẳng được cùng họ hành dâm. Hành tà dâm là hoại loạn nhân luân, tức là dùng thân người làm chuyện súc sanh. Đời hiện tại đã thành súc sanh thì đời kế tiếp phải làm súc sanh. Người đời coi chuyện con gái lén lút cùng người khác là nhục, chẳng biết con trai tà dâm thì cũng đáng nhục giống hệt như con gái. Kẻ tà dâm ắt sanh ra con cái chẳng trinh khiết, ai muốn con cái của chính mình chẳng trinh khiết? Tự mình đã làm chuyện ấy trước, con cái bẩm thụ khí phận của chính mình, quyết khó thể đoan chánh chẳng tà! Không những chẳng được tà dâm với bóng sắc bên ngoài, mà ngay cả trong sự chánh dâm giữa vợ chồng cũng nên có giới hạn. Nếu không, chẳng chết sớm thì cũng tàn phế. Kẻ tham ăn nằm khó có con cái, dù có sanh ra cũng khó thành người. Dẫu có thành người thì cũng yếu đuối, chẳng thành tựu gì. Người đời coi hành dâm là vui, chẳng biết chỉ sướng một khắc, khổ suốt cả đời, khổ lây con cái, cháu chắt.

Ba điều này chẳng làm thì chính là thiện nghiệp nơi thân, nếu làm thì chính là ác nghiệp nơi thân.

2. Khẩu Nghiệp gồm có bốn: nói dối, nói thêu dệt, ác khẩu, nói đôi chiều.

a. Nói dối là nói lời không chân thật, đã không nói chân thật thì tâm cũng chẳng chân thật, đánh mất nhân cách rất lớn.

b. Nói thêu dệt là nói những lời phong lưu tà vạy, khiến cho kẻ khác khởi ý niệm dâm đãng. Kẻ thiếu niên vô tri nghe lâu ngày ắt sẽ bị tà dâm chôn vùi nhân cách, hoặc thủ dâm tổn hại thân mạng. Tuy kẻ ấy chẳng tà dâm cũng sẽ đọa đại địa ngục. Từ địa ngục ra, hoặc làm lợn nái, chó cái. Nếu sanh trong loài người, thường làm gái ăn sương, thoạt đầu trẻ tuổi xinh đẹp, còn chưa khổ sở lắm, lâu ngày bệnh phong tình phát ra, khổ chẳng nói nổi. May có được cái miệng này, sao lại khổ sở tự chuốc lấy họa ương cho cả ta lẫn người, chẳng tạo hạnh phúc cho cả mình lẫn người vậy?

c. Ác khẩu là nói lời hung bạo như đao như kiếm, khiến cho người ta khó chịu đựng nổi.

d. Nói đôi chiều là đòn xóc hai đầu khêu gợi thị phi, nhỏ thì gây rối người khác, lớn thì loạn nước.

Bốn điều này không làm thì là thiện nghiệp nơi miệng, nếu làm thì là ác nghiệp nơi miệng.

3. Ý nghiệp gồm ba thứ, tức tham dục, sân khuể, ngu si.

a. Tham dục là đối với tiền tài, ruộng đất, đồ đạc đều mong gom hết về mình, càng nhiều càng hiềm rằng ít.

b. Sân khuể là bất luận chính mình đúng hay sai, nếu người khác chẳng thuận ý ta bèn nổi cơn thịnh nộ, chẳng chấp nhận lý lẽ của người ta.

c. Ngu si không phải là trọn chẳng biết gì, mà dẫu là kẻ đọc hết sách vở thế gian, vừa qua mắt liền nhớ, mở miệng thành chương, nhưng chẳng tin nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho là con người chết đi thần hồn diệt mất, không còn có đời sau v.v. đều gọi là ngu si. Thứ tri kiến ấy rối nước hại dân còn hơn nước lũ, mãnh thú.

Chẳng làm ba điều này thì là thiện nghiệp nơi ý, làm ba điều này thì là ác nghiệp nơi ý. Người ba nghiệp thân khẩu ý đều thiện thì công đức do tụng kinh niệm Phật so với người ba nghiệp đều ác lớn gấp trăm ngàn lần.

Người học Phật nên giữ tấm lòng tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành. “Giữ tấm lòng tốt lành” là phàm những ác niệm nghịch trời trái lý, tổn người lợi mình đều chẳng cho khởi lên. Nếu khởi lên bèn lập tức sanh lòng hổ thẹn, sám hối khiến cho nó tiêu diệt ngay. Phàm những tâm hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, lợi người, lợi vật đều thường gìn giữ, hễ sức làm được bèn sốt sắng làm. Chẳng thể làm thì tâm cũng thường nghĩ đến điều ấy. “Nói lời tốt lành” là phải nói những lời có ích cho người, hữu ích cho vật; chứ không phải là muốn cho

người khác nghe xong vui sướng mà gọi là lời tốt lành. Như giáo huấn con cái và khuyên người làm lành, khuyên người kiêng ác, khuyên người giữ vẹn luân thường, khuyên người tu phước v.v.. "Làm việc tốt lành" là tích cực làm những chuyện hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính anh, hòa thuận với họ hàng, sửa đổi phong tục cho tốt đẹp hơn. Phàm tụng kinh, lễ Phật, niệm Phật, bái sám, các Phật sự đều phải thân tâm cung kính.

Người học Phật ban đêm đừng ngủ trần truồng, phải mặc áo, quần đùi, tâm thường như đối trước Phật. Ăn cơm chớ nên quá mức, cơm ngon đến đâu đi nữa chỉ ăn đến mức tám chín phần là tối đa. Ăn mười phần đã chẳng có ích cho người; ăn mười mấy phần ắt tạng phủ bị thương tổn. Thường ăn như thế nhất định bị đoản thọ. Hễ ăn quá nhiều, tâm hôn trầm, thân mỏi mệt, tiêu hóa chẳng kịp, ắt phải trung tiện. Chuyện trung tiện là chuyện tệ nhất, là chuyện gây nên tội lỗi lớn nhất. Nơi Phật điện, tăng đường, đều phải cung kính; như thắp hương chẳng qua để biểu lộ tấm lòng, chứ xét rốt ráo ra, chẳng có loại nào đáng xem là hương cả. Nếu ăn nhiều, vãi trung tiện hết sức hôi thối, khiến cho hơi thối ấy xông sực tam bảo, tương lai ắt sanh làm loài giòi trong hầm phân. Chẳng ăn quá mức sẽ chẳng phóng trung tiện!

Nếu như dùng chất lạnh, cảm thấy không ổn, hễ vô sự bèn đi ra chỗ trống xả ra, đợi đến khi tan mùi lại quay vào trong thất. Nếu có việc chẳng ra ngoài được, hãy nên dùng sức kiềm lại, chưa đầy một khắc nó sẽ tan mất trong bụng. Có người nói chẳng phóng ra sẽ thành bệnh, lời lẽ này còn nặng tội hơn chuyện phóng trung tiện, vạn phần chớ nghe theo. Đức Phật chế giới luật chưa nhắc đến sự này, có lẽ cổ nhân thân thể khỏe mạnh, lại không tham ăn, không có chuyện này, cho nên không nói đến. Nếu có, ắt Phật phải nói. Chớ nói Phật không cấm cho nên cứ việc phóng, đấy chính là tự cầu đọa lạc, Phật cũng khó cứu!

Khổng tử dùng tư cách của bậc thánh nhân triều kiến bậc quốc quân (vua một nước) phàm phu, khi sắp lên điện, ở dưới thềm, còn chẳng dám thở mạnh, huống chi lúc đã vào điện gặp mặt vua! Vì thế sách Luận Ngữ chép: *"Nhiếp tề thăng đường, cúc cung như dã. Bình khí tự bất tức dã"* (Nâng vạt áo lên điện, khom mình như thế đó, nín hơi như không thở) (Nhiếp 攝: nâng; tề 齊, đọc như tư 咨[12], nghĩa là vạt áo; cúc 鞠: uốn cong; bình 屏: giấu kín; tức 息: hơi thở từ trong mũi. Khổng tử triều kiến vua, lúc sắp lên điện, trước hết đi khom mình. Do khom mình nên vạt áo trước dài hơn, cho nên phải nâng hai mép vạt áo lên cách mặt đất khoảng chừng một thước mới chẳng đến nỗi đạp lên áo, vấp té, thất lễ. Nghiêm

[12] Âm Quan Thoại cùng đọc hai chữ này gần giống nhau.

túc đến cùng cực, cho nên hơi thở trong mũi tựa hồ chẳng thoát ra. Hãy thử xem ngài kiêng dè đến mức độ nào? Người đời nay so với Khổng tử kém xa lắm, vua khi ấy so với Phật lại kém thật xa nữa. Phóng trung tiện so với thở ra lại càng khác xa lắm. Im lặng suy nghĩ, khác gì đại địa chẳng có chốn dung thân, há chẳng cực lực lưu tâm ư?) Chúng ta là nghiệp lực phàm phu ở trong Phật điện của bậc *thánh trung thánh, thiên trung thiên* (thánh của các thánh, trời của các trời), nơi có đủ tam bảo, sao dám chẳng kiềm chế, mặc tình trung tiện ư? Tội lỗi ấy lớn nhất không gì sánh bằng!

Có lắm kẻ do chẳng xem nhiều trước thuật của cổ đức, nên tưởng là cổ đức không nói đến. Chẳng biết cổ đức nói rất khéo, gọi đó là *"tiết hạ khí"* (hơi rỉ ra từ bên dưới). Họ cũng chẳng hiểu câu đó có nghĩa là gì, chẳng thèm để ý. Ba mươi, bốn mươi năm trước, Quang thường nói đến chuyện này, sau thử hỏi lại, người ta chẳng biết là chuyện gì! Do vậy, tốt nhất cứ nói thẳng là "trung tiện". Trong tuồng hát, hễ chửi người khác nói buông tuồng bèn nói: "Lời ngươi nói như thả rắm." Phàm có chuyện gì kinh sợ, đều chẳng dám thở mạnh, làm sao còn đánh trung tiện được? Do buông tuồng không kiêng dè, nên mới trung tiện! Chớ có nói "nhắc đến chuyện trung tiện nghe không nhã", thật ra tôi vì muốn tạo cách cứu người khỏi bị làm giòi trong hầm phân!

Sáng dậy và lúc đại tiểu tiện xong, phải rửa tay. Phàm sờ lên thân, mò xuống chân đều phải rửa tay. Những tháng mùa hạ ống quần chớ buông thùng thình, phải bó lại. Tùy tiện khạc đàm hỉ mũi là chuyện tổn phước lớn lắm! Đất Phật thanh tịnh, chẳng những trong điện đường chẳng được khạc nhổ, hỉ mũi, mà ngay cả trên cuộc đất sạch phía ngoài điện đường cũng chẳng nên khạc nhổ, xỉ mũi. Nhổ trên đất sạch sẽ tạo thành vẻ dơ bẩn. Có kẻ luông tuồng chẳng kiêng dè, khạc bừa ra đất hay khạc lên vách trong phòng. Một gian phòng đẹp đẽ mà khắp đất, đầy tường toàn là đàm. Kẻ ấy khạc đàm để ra vẻ hống hách, lâu ngày thành bệnh, hằng ngày thường khạc, tinh hoa của đồ ăn thức uống đều biến thành đàm hết. Nếu chịu nuốt đàm xuống, lâu dần không còn đàm nữa, đấy là cách hay nhất để dùng đàm diệt đàm. Nếu chẳng thể nuốt xuống nên bỏ một cái khăn lau đàm trong tay áo, khạc lên đó xong lại bỏ vào trong tay áo. Cách này cũng vừa mệt người, lại không sạch sẽ, chẳng bằng nuốt xuống, vừa không mệt người, vừa chẳng ô uế, lại vĩnh viễn không bị bệnh đàm. Đây là cách hay nhất để trị bệnh đàm.

Người học Phật nhất cử nhất động đều phải lưu tâm. Đối với việc niệm Phật phải chí thành. Nếu khi nào trong tâm khởi lên đau buồn, đấy cũng chính là tướng thiện căn phát hiện, chớ nên để thường xảy ra như thế. Nếu không, sẽ bị ma bi thương dựa vào. Phàm có chuyện gì thích ý, chớ nên hoan hỷ quá mức. Nếu

không, ắt bị ma hoan hỷ dựa. Lúc niệm Phật, mí mắt nên rủ xuống, chớ nên căng thẳng tinh thần quá mức đến nỗi tâm hỏa bốc lên, rất có thể bị những chứng bệnh ngứa đầu, đau đầu v.v., cần phải điều hòa cho thích đáng. Niệm lớn tiếng thì chẳng được cố sức quá mức để khỏi bị bệnh. Lần chuỗi niệm có thể ngừa được sự lười nhác, nhưng lúc tịnh tọa chẳng được lần chuỗi, hễ lần chuỗi thì ngón tay động nên tâm chẳng định được, lâu ngày ắt thành bệnh.

Xem kinh luận và các loại sách vở chớ nên vội vã. Phải xem nhiều lần, xem gấp rút sẽ chẳng thể ngưng lặng được, khó lòng thấu đạt ý chỉ. Kẻ hậu sinh hơi thông minh, được một bộ kinh sách bèn quên ăn bỏ ngủ để xem, coi một lần là xong liền. Lần thứ hai không còn hứng thú xem nữa. Dù có xem, cũng giống như vẻ mất hồn ngơ ngẩn. Những loại người này đều chẳng thể thành tựu, hãy nên tận lực ngăn ngừa! Tô Đông Pha nói: *"Cựu thư bất yếm bách hồi độc. Thục độc thâm tư tử tự tri"* (Sách cũ trăm lần xem chẳng chán; đọc kỹ, nghĩ sâu ắt tự biết).

Khổng tử là bậc thánh thông minh thiên phú còn đọc kinh Dịch đến độ ba lần đứt lề sách. Với tư cách của Khổng tử, vừa qua mắt liền thuộc lòng, cần gì phải nhìn vào văn để đọc nữa? Do vậy ta biết, nhìn vào văn có điểm rất tốt. Đọc thuộc thì phần lớn là miệng đọc qua trơn tru, còn xem văn thì mỗi chữ, mỗi câu đều biết được chỉ thú. Chúng ta nên học theo cách này, chớ nên tỏ vẻ chính mình thông minh, chuyên đọc thuộc lòng. Thời Khổng tử không có giấy, hễ viết thì viết trên tấm gỗ hoặc viết trên thẻ tre (trúc giản 竹簡, tức là thẻ bằng tre). Sáu mươi tư quẻ Dịch do Phục Hy[13] vạch ra. Phần Thoán[14] mở đầu sáu mươi bốn quẻ do Văn Vương soạn. Ý nghĩa của sáu hào trong mỗi quẻ do Chu công định ra. Ngoài ra, phần Thoán Truyện, Tượng Truyện của Thượng Kinh, phần Thoán Truyện, Tượng Truyện của Hạ Kinh và phần Văn Ngôn của hai quẻ Càn Khôn, Hệ Từ Thượng Truyện, Hệ Từ Hạ Truyện, Thuyết Quái Truyện, Tự Quái Truyện, Tạp Quái Truyện[15], được gọi chung là Thập Dực đều do Khổng tử biên soạn. Nếu chỉ

[13] Phục Hy: Còn được gọi là Bào Hy, hoặc Thái Hạo, theo truyền thuyết sống vào khoảng 8.000 hoặc 7.500 trước Công Nguyên, là một trong ba vị thánh vương (Tam Hoàng, tức Phục Hy, Hoàng Đế, Thần Nông) của Cổ Trung Hoa. Ông và bà Nữ Oa (có thuyết nói họ là anh em, nhưng thường được hiểu là vợ chồng) được coi là thủy tổ của nhân loại trong văn hóa Hoa Hạ. Theo đó, cả ông và Nữ Oa đều có nửa thân dưới là rắn. Ông ta đóng đô tại Uyển Khưu (nay là huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam). Theo thần thoại, Phục Hy lên đàn hình vuông, nghe tiếng gió thổi đến từ tám phía, bèn nghĩ ra Bát Quái.

[14] Trong kinh Dịch, mỗi quẻ có một lời giảng tổng quát ý nghĩa của quẻ ấy gọi là Thoán. Lời giải thích ý nghĩa mỗi một Hào (tức một vạch liền hoặc đứt) trong một quẻ gọi là Hào Từ (tương truyền do Chu công soạn).

[15] Kinh Dịch được chia thành hai phần: Thượng Kinh gồm 30 quẻ đầu, Hạ Kinh gồm 34 quẻ sau. Thập Dực có nghĩa là mười cái cánh. Đa phần các nhà chú giải cho rằng: Phần Thoán và phần Hào giống như con chim đã trọn vẹn hình rồi, thêm Thập Dực như chắp cánh thêm lông

xét theo số lượng chữ thì phần biên soạn của Khổng tử gấp mười mấy lần phần trước tác kinh Dịch của Văn Vương, Chu công. Nhưng Khổng tử đọc kinh Dịch của Văn Vương, Chu công rốt cuộc đến nỗi dây buộc sách bằng da thuộc bị mòn đứt ba lần, đủ biết số lần đọc chẳng thể tính đếm xuể! Chúng ta hằng đọc kinh Phật, trì Phật danh giống như Khổng tử đọc kinh Dịch ắt sẽ có thể dùng lời Phật, phẩm đức của Phật mà un đúc cái tâm nghiệp thức của chính mình trở thành trí tuệ tạng của Như Lai. Pháp tắc để chuyên tu Tịnh độ gồm có Tịnh Độ Ngũ Kinh, Tịnh Độ Thập Yếu và các trước thuật Tịnh độ, ở đây không ghi đầy đủ nữa.

5. Thư gởi thầy Minh Bổn

(Năm Dân Quốc 16 - 1927)

Căn bệnh chung của cả cõi đời hiện thời là nhờ công để lợi tư, khiến cho dân cùng khốn, nước nguy ngập, chiến tranh liên miên. Chúng ta xuất gia làm đệ tử Phật, cố nhiên phải lấy lòng bình đẳng đại từ đại bi của đức Phật làm chí hướng, chẳng nên giữ mãi thói kiêu mạn tự đại của người tại gia, coi thường hết thảy, mặc tình xử sự, chẳng tuân theo lề lối cũ. Phải nghĩ chúng ta được trời che đất chở, được cha mẹ giáo dục, nếu chẳng bắt chước tấm lòng của trời đất, cha mẹ, sẽ thành kẻ nghịch trời trái lý, gây nhục sâu xa cho đấng sanh thành. Linh Nham[16] là đạo tràng cổ đã 1.100 năm, sau cơn biến loạn trở thành chốn hoang tàn. Tuy

---

cho con chim được thêm toàn vẹn. Thời cổ, chữ truyện có nghĩa là lời giải thích kinh điển. Thoán Truyện là lời giải thích cho rõ ý nghĩa phần Thoán Từ. Tượng Truyện là phần giải thích ý nghĩa của *tượng* được biểu thị bởi mỗi quẻ (Đại Tượng), phần giải thích tượng của mỗi hào gọi là Tiểu Tượng. Theo cụ Nguyễn Hiến Lê, tượng có nghĩa là hình thái, như câu *"tại thiên thành tượng, tại địa thành hình"* (trên trời thành tượng, dưới đất thành hình); nó còn có ý nghĩa là biểu tượng như câu *"thiên thùy tượng, kiến cát, hung; thánh nhân tượng chi"* (trời hiện ra hình tượng, thấy điềm lành, điềm dữ, thánh nhân phỏng theo đó lập nên biểu tượng). Hệ Từ truyện thường được hiểu là phần giải thích chung cho mỗi quẻ và hào. Văn Ngôn Truyện là phần giảng về lời kinh văn, nhưng chỉ chú trọng vào ý nghĩa hai quả Thuần Càn và Thuần Khôn. Thuyết Quái Truyện giảng về ý nghĩa tám quẻ đơn (Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài). Tự Quái Truyện giải thích về thứ tự các quẻ (lý do tại sao lại sắp các quẻ theo thứ tự đó). Tạp Quái Truyện giải thích linh tinh về một số quẻ.

[16] Chùa Linh Nham tên gọi đầy đủ là Linh Nham Sơn Tự, thuộc Ngô Huyện, Tô Châu. Khởi đầu từ Tư Không Lục Ngoạn biến nhà riêng thành chùa, nhưng rất nhỏ. Đến niên hiệu Thiên Giám (502-519) thời Lương Vũ Đế, chùa mới được mở rộng và mang tên là Tú Phong Tự. Theo kinh Đại Ai (ngài Trúc Pháp Hộ dịch), đây chính là đạo tràng ứng hóa của Trí Tích Bồ-tát. Vào thời Thiên Bảo (742-755) đời Đường Huyền Tông, tổ trung hưng tông Thiên Thai là ngài Đạo Tuân từng tu Pháp Hoa tam-muội tại chùa này. Đầu đời Tống, chùa trở thành học viện giới luật của Luật tông. Vào thời Nguyên Phong (1078-1085), chùa trở thành thiền viện. Chùa bị cháy rụi chỉ còn sót lại một cái tháp đá vào năm Vạn Lịch 18 (1600) đời Minh Thần Tông. Sau khi được trùng tu, chùa lại bị loạn quân Thái Bình Thiên Quốc đốt phá một lần nữa. Mãi đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), hòa thượng Chân Đạt mới đứng ra dựng lại chùa như hiện nay.

còn một ít kiến trúc, nhưng không có người chống đỡ, vẫn suy tàn như cũ. May là vào cuối thời Quang Tự, vị đại hộ pháp họ Nghiêm nghe tiếng thầy Chân[17] bèn nghênh thỉnh. Ấy là vì mong sư sẽ khôi phục đạo tràng vậy. Thầy Chân tuy tiếp nhận, hiềm rằng các sự ràng buộc, chẳng thể đích thân trụ trì. Năm ngoái, pháp sư Giới[18] đến đây, sư mừng tìm được người bèn giãi bày mọi lẽ, đích thân đưa lên núi để làm trụ trì. Lại còn thỉnh vời quan viên, thân sĩ, lên tiếng minh xác biến chùa này thành chốn thập phương thường trụ. Thầy Giới phẩm đức, học nghiệp, tiếng tăm đều xuất sắc, thật đáng làm khuôn phép cho hàng hậu học. Nay thầy đã đáp ứng lời thỉnh cầu [thuyết giảng một khoảng thời gian tại] Ngu Sơn, ông hãy nên hết sức gắng công thay thầy Giới lãnh chúng tu trì, chớ nên lẩn tránh, lười nhác, mong được an nhàn.

Phàm những ai đến núi này ở lại đều là người phát tâm tu đạo, ai nấy đều phải tích cực dụng công, khuyến khích, cổ vũ lẫn nhau, hòng được sự lợi ích *lệ trạch*[19], chẳng được rong chơi, chuyện gẫu, cũng như chẳng tuân theo quy củ nhà chùa, tự làm theo ý mình. Chùa này đã là chùa thập phương, con cháu của Tam Thánh đường[20] sống ở đây cũng phải tu chung với đại chúng, đều cùng hưởng nhọc nhằn hay nhàn nhã, đều đồng cam cộng khổ. Nếu không, sẽ trở thành kẻ quấy loạn thường trụ, khinh dối thầy Chân. Đã là đồ đệ của thầy Chân thì hãy nên vô cùng đúng pháp để khỏi đến nỗi vì chính mình chẳng đúng pháp mà khiến cho người ta nói động đến thầy Chân. Nay dạy giản lược đại khái để làm căn cứ hòng duy trì tiền đồ vậy:

1. Thời thế bất ổn, chỉ nên nhất tâm tu đạo, chớ nên vọng động tính xây dựng. Nếu bất đắc dĩ thì chỉ nên xây dựng thêm nho nhỏ, cốt vừa đủ dùng là được, chớ

---

[17] Thầy Chân (sư Chân) ở đây chính là hòa thượng Chân Đạt, vị trụ trì có công đứng ra trùng tu Linh Nham vào năm Tuyên Thống thứ ba (1911).

[18] Pháp sư Giới Trần (1878-1948) là người xứ Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc, họ Khưu, tự là Địch Ngô, xuất gia năm 19 tuổi, chuyên tu khổ hạnh, sống trong núi Chung Nam, toàn tâm toàn ý tu thiền. Sau sư chuyên tu niệm Phật. Dưới thời Quang Tự, sư vào núi Kê Túc ở Vân Nam chuyên tu pháp ban-chu niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), sư đến mở Hoa Nghiêm Đại Học tại Hàng Châu. Về sau, sư bế quan tại chùa Phật Thản ở Thường Thục, ngầm tu tịnh nghiệp. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), cùng với các vị Liễu Trần, Từ Châu v.v. lập Đại học Hoa Nghiêm tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Sư từng đảm nhiệm trụ trì chùa Linh Nham một thời gian. Sư thị tịch vào năm Dân Quốc 37 (1948) tại chùa Cùng Trúc ở Côn Minh, thọ 71 tuổi, pháp lạp 53 năm. Trước tác gồm Hoa Nghiêm Nhất Trích, Hoa Nghiêm Thất Xứ Cửu Hội Đồ, Liên Xã Minh Huấn, Tịnh Tông Yếu Ngữ v.v..

[19] Kinh Dịch có câu *"Lệ Trạch Đoài, quân tử dĩ bằng hữu giảng tập"* (Lệ Trạch Đoài: quân tử cùng bè bạn nghiên cứu, tu tập) nên chữ "lệ trạch" thường dùng để chỉ bạn bè thân thiết, tốt lành cùng nhau học hỏi, nghiên cứu.

[20] Tam Thánh đường tức Tây Phương Tam Thánh đường, chỉ niệm Phật đường. "Con cháu Tam Thánh đường" là những vị tăng chuyên tu tịnh nghiệp.

nên xây cất nhiều, mong cho thật rộng lớn. Không những vì tài lực không đủ mà còn là để khỏi vì lẽ đó mà bị chuốc họa!

2. Đường đời gian nan, cơm áo ai nấy đều nên tiết kiệm, chi phí cho thường trụ phải dựa theo thu nhập mà chi tiêu. Nếu chẳng tiết kiệm, sau này khó duy trì được. Tất cả các khoản thu vào chi ra đều phải phân minh, chớ nên mua sắm những vật phù phiếm xa hoa: một là phí tiền, hai là chuốc lấy tiếng chê bai. Phải dành dụm chỗ dư ra để bồi đắp chỗ thiếu hụt sau này, chẳng được nói: "Có thầy Chân tiếp tế, cứ mặc tình tiêu xài phù phiếm."

3. Khóa tụng hằng ngày nơi Phật đường nên y theo quy củ đã định hiện thời, tu trì thiết thực, nhưng chớ nên một mực chuyên chú dụng công nơi sự tướng, mà hãy nên tâm tâm niệm niệm đối trị những căn bệnh tập khí của chính mình. Làm được như thế thì mới thật sự là người niệm Phật. Nếu không, sẽ như bọt nước vỗ vào tảng đá, hoàn toàn chẳng có tâm đắc chi. Chỉ nên căn cứ theo quy củ Tịnh độ thông thường, chớ có bày vẽ kiểu cách hoa dạng nào khác. Nếu có kẻ muốn lập dị, như đốt ngón tay, dùng thân đốt đèn, hãy thỉnh người đó đến chùa A-dục Vương[21] mà làm, núi này vĩnh viễn chẳng bày ra thói ấy.

4. Pháp sư Giới đã nhận lời giảng dạy một thời gian ở Ngu Sơn, sợ rằng khó thể trở về ngay được, nhưng danh vị trụ trì vẫn thuộc về thầy Giới, chuyện lãnh chúng tu trì ông tạm thay thế. Phải nên hết sức siêng năng, cẩn thận, khiêm cung, chẳng nên tự đại tự cao. Ông là vãn bối, thay thầy ấy trông nom mọi việc, chẳng được nói năng dường như chính mình là vị trụ trì để đại chúng khâm phục tấm lòng rỗng rang của ông, đạo tâm càng thêm chân thành thiết tha.

5. Phàm xử sự tiếp vật hãy nên khiêm hòa công bình, chẳng được cố chấp ý kiến của chính mình, mạt sát chánh lý. Cần nhất là mọi người khích lệ, khuyên lơn lẫn nhau tu ròng tịnh nghiệp. Thường giảm lỗi mình, đừng bàn lỗi người, cực lực đối trị căn bệnh tập khí. Tập khí khử được một phần thì đạo nghiệp mới tăng

[21] Chùa A-dục Vương ở trên núi A-dục Vương thuộc huyện Cận tỉnh Chiết Giang. Theo truyền thuyết, vào năm Thái Khang thứ hai (281) đời Tấn Vũ Đế, có người tên là Lưu-tát-ha xứ Tinh Châu bị hôn mê trên núi, mộng thấy một vị tăng người Ấn Độ, cho biết tội ông ta sẽ đọa địa ngục, rồi khuyên ông ta nên đến đảnh lễ tháp của A-dục Vương (tháp thờ xá-lợi đức Phật do vua A-dục kiến tạo, sai quỷ thần đem chôn trong các nơi khắp Nam Thiệm Bộ Châu, khi nào Phật giáo hưng thạnh nơi ấy, tháp sẽ tự động trồi lên) để sám hối các tội. Ông này thức dậy bèn xuất gia, đổi tên là Huệ Đạt. Sư đi tìm tháp khắp nơi, nhưng không thấy, đau lòng than khóc. Một đêm, bỗng nghe dưới đất có tiếng chuông vẳng lên. Ba hôm sau, bảo tháp và xá-lợi từ dưới đất cùng vọt lên. Huệ Đạt bèn dựng chùa miếu phụng thờ tháp. Đó là căn nguyên của chùa A-dục Vương. Những người phỏng theo phẩm Dược Vương Bổn Sự trong kinh Pháp Hoa thường đến trước tháp xá-lợi lễ bái đốt ngón tay hay đốt cánh tay để cúng dường.

được một phần. Chẳng được kiêu ngạo, luông tuồng, hãy chú ý giữ cho đúng chừng mực. Nói chung, phải chịu thương chịu khó, an bần thủ phận.

6. Chùa này là chùa thập phương, dù ông mang vật gì đến cũng thuộc về thập phương, nên giữ tinh thần chí công vô tư. Phàm con cháu của Tam Thánh đường trụ trong núi này cũng phải đả phá tình cảm riêng, đặt mình vào địa vị của mười phương tăng chúng, chẳng được tự tiện cậy vào ý riêng để được hưởng sự ưu đãi, mặc sức phóng túng, hủy hoại quy củ đã thành lập. Nếu không, sẽ trở thành tội nhân trong Phật pháp, là oan gia của thầy Chân, hãy cho kẻ đó ra đi để khỏi bị người khác chê cười.

Thời sự gian nan, tiền đồ đáng lo, nếu chẳng có cách tốt đẹp thì sao trở thành đạo tràng cho được? Chỉ sợ ông có lẽ chưa nghĩ tới, cho nên mới dài dòng một phen. Lúc đầu vốn muốn nói chung chung, sau lại muốn cho rõ ràng dễ xem nên chia thành sáu điều, chẳng qua nhằm biểu thị tấm lòng ngu thành của Quang nhằm bảo vệ đạo tràng Linh Nham, xin chớ vì "vượt chén thay thớt"[22] mà chê cười thì Linh Nham may mắn lắm, mà thầy Chân cũng may mắn lắm!

6. Thư trả lời cư sĩ Giác Minh

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Hôm qua nhận được thư bà và thư của cư sĩ Phạm Cổ Nông, biết bà đời trước vốn có thiện căn, nhưng do tập khí văn nhân chưa trừ được, nên gần như chẳng được lợi ích thật sự. Nay tu tập mà vẫn chưa biết mối tương quan rất lớn giữa tự lợi và lợi tha. Đừng nói chi người ngoài, ngay cả chồng, con, dâu, cháu v.v. của chính mình đều nên dạy họ thường niệm Phật hiệu. Một là khiến cho bọn họ cùng gieo thiện căn; đang trong khi cõi đời đại loạn này, nếu chẳng nương tựa vào Phật thì nguy hiểm đáng lo lắm. Hai là nếu lúc bình thường chẳng dạy bọn họ uốn nắn tập khí thì một mai kia lúc bà sắp mất, bọn họ sẽ thuận theo tri kiến thế tục, tính chuyện phô trương, khóc lóc mù quáng, dẫu bà có công phu tịnh nghiệp có thể tương ứng với Phật, được Phật tiếp dẫn, nhưng gặp phải những hành động đó phá hoại tịnh niệm, chắc chắn vẫn ở lại trong cõi Sa-bà, từ trần sa kiếp này cho đến trần sa kiếp khác vẫn bị luân hồi trong sáu nẻo. Do vậy, khuyên quyến thuộc niệm Phật chính là một đại sự khẩn yếu nhất.

---

[22] *"Việt tôn đại trở"* (vượt chén rượu, thay đổi thớt) là một thành ngữ, thường dùng dưới dạng thông dụng hơn là *"việt bào đại trở"* (vượt quyền đầu bếp mà thay cái thớt). Tổ dùng thành ngữ này với ý tự khiêm, đối với Linh Nham, ngài chỉ là một vị trưởng lão danh dự, không phải là đương gia hay trụ trì, không có tư cách gì lên mặt chỉ dạy vị quyền trụ trì là thầy Minh Bổn. Ngài khuyên dạy những lời này thì cũng giống như kẻ tự tiện vượt quyền, dạy dỗ người khác, cắt đặt quy củ theo ý mình, nên mới nói là "việt tôn đại trở".

Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết đến cơm cháo, chẳng thể làm cho bà được hưởng lợi ích nơi diệu lý của kinh giáo, chỉ có mỗi một việc này do từng trải mấy mươi năm là có thể làm cho bà đích thân được lợi ích trong đời này. Nếu bà làm theo được, sẽ chẳng khác gì cầu Phật tiếp dẫn bà và quyến thuộc cùng con cháu đời sau. Nay tôi đặt pháp danh cho bà là Triều Giác, có nghĩa là chính bà, quyến thuộc và những người quen biết đều cùng quy hướng A-di-đà Phật Đại Giác Thế Tôn vậy. Hiện thời, phạm vi hoạt động của nữ giới được nới lỏng, nếu chẳng dùng Phật pháp để duy trì thì sau này chẳng biết biến đổi thành ra tình cảnh như thế nào nữa! Bà xưa đã có huệ căn, há chẳng dùng chuyện tự lợi lợi tha này để tịnh nghiệp của chính mình được thuần thục, cao đăng thượng phẩm hay sao?

Nay tôi gởi cho bà một bộ Tịnh Độ Thập Yếu, đây là loại nguyên bản chứ không phải là loại trích yếu giản lược đang được lưu hành, một bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, một bộ Cứu Kiếp Biên[23], một bộ Quán Âm Tụng in theo lối mộc bản (Quán Âm Tụng do một đệ tử bỏ tiền in, nhờ một vị tăng ở Nam Kinh giảo chánh. Vị này có học thức, giảo chánh khá tốt. Cho đem khắc tại Dương Châu, nhưng do vì chiến tranh, đường bưu điện thường chẳng thông suốt. Đến khi khắc xong, do đường bưu điện không thông nên phải đình lại lâu ngày, sắp đem bản khắc gởi đi thì am của vị tăng đó bị kẻ có thế lực đoạt mất. Tâm tình đã loạn, nên chẳng thể xét duyệt, thẩm định được nữa. Về sau đem in ra 400 bộ. In xong xem lại, mới biết sai ngoa khá nhiều. Do vậy phải in riêng một bản đính chánh ghép vào. Xin hãy chú ý dựa theo bản đó mà sửa cho đúng), một bộ Lịch Sử Thống Kỷ[24] in bằng lối mộc bản (hai bộ này không có người lưu thông vì phí tổn lớn quá) và các thứ khác xếp cho đầy bưu kiện, đều có liên quan đến nhân tâm thế đạo. Lại kèm thêm một lá thư gởi cho khắp mọi người, đúng là của báu truyền đời của mọi người, văn tự tuy nông cạn, hời hợt, nhưng chẳng có một chữ nào vô dụng. Năm ngoái Phật Quang phân xã ở Vụ Nguyên được thành lập, một đệ tử xin Quang viết lời tựa. Quang một mực không giữ lại bản thảo, nhưng với bài ấy đặc biệt sao lại

[23] Cứu Kiếp Biên tên gọi đầy đủ là Phật Học Cứu Kiếp Biên, do ông Hứa Chỉ Tịnh biên soạn. Nội dung tập hợp những giáo huấn trọng yếu để khuyến thiện tu Tịnh độ, bao gồm các huấn thị về tam quy, ngũ giới, thập thiện, cải ác hướng thiện, tín nguyện niệm Phật, Phổ Hiền Hạnh Nguyện v.v..

Quán Âm Tụng tên gọi đầy đủ là Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng, cũng do ông Hứa Chỉ Tịnh biên soạn. Nội dung trích thuật kinh luận nêu rõ những duyên khởi, sự phát tâm, thị hiện cảm ứng của Bồ-tát Quán Thế Âm. Ông Hứa Chỉ Tịnh soạn cuốn này theo yêu cầu của tổ Ấn Quang.

[24] Tên gọi đầy đủ là Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ do ông Nhiếp Vân Đài biên soạn, Hứa Chỉ Tịnh ghi lời bàn định. Nội dung thu thập những câu chuyện trong lịch sử, trích từ các bộ sử nổi tiếng của Trung Hoa từ Sử Ký cho đến Minh Sử, khởi đầu bằng chuyện vua Thuấn, kết thúc bằng chuyện Cáp-lập-ma (tức Karmapa của Phật giáo Tây Tạng) thời Vĩnh Lạc nhà Minh.

đem gởi đi, muốn gởi cho Phật Học Đặc San Xã, nhưng chần chừ chưa gởi. Nay đem gởi tới cho bà, xem xong xin chuyển cho cư sĩ Phạm Cổ Nông, bảo với ông ta tôi đã đặt pháp danh cho bà để Quang khỏi phải viết thư cho ông ta nữa. Quang già rồi, do sức túc nghiệp, sanh ra mới được sáu tháng liền bị bệnh mắt, suốt sáu tháng không mở được mắt, không ngớt tiếng khóc. Nay đã hơn 70 tuổi rồi, gần đây mục lực rất yếu, từ mùa đông năm ngoái hễ có thư từ gì gởi đến đều dặn sau này đừng gởi thư nữa, thư gởi đến quyết không phúc đáp, để khỏi bị ôm nỗi đau Tây Hà[25].

7. Thư trả lời đại sư Huyễn Tu

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Tông chỉ niệm Phật là sanh lòng tin chân thật (tức tín), phát nguyện thiết tha (tức nguyện), chuyên trì Phật hiệu (tức hạnh. Tín - nguyện - hạnh là tông chỉ của niệm Phật). Phương pháp dụng công niệm Phật hay nhất chính là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*. "Nhiếp trọn sáu căn" chính là cái tâm niệm Phật chuyên chú nơi danh hiệu Phật, tức là thâu nhiếp ý căn. Miệng phải niệm cho rõ ràng rành rẽ, tức là thâu nhiếp thiệt căn. Tai phải nghe cho rõ ràng rành rẽ, tức là thâu nhiếp nhĩ căn. Gom ba căn này vào Phật hiệu thì chắc chắn mắt chẳng thể nhìn loạn. Lúc niệm Phật, mắt phải khép hờ, tức là rủ mí mắt xuống, đừng có mở to mắt. Mắt đã nhiếp thì mũi cũng chẳng ngửi loạn, tức là mũi cũng được nhiếp. Thân phải cung kính, tức là thân cũng được nhiếp. Sáu căn đã nhiếp chẳng tán loạn thì tâm không vọng niệm, chỉ nghĩ đến Phật thì mới là tịnh niệm. Sáu căn chẳng nhiếp thì dù có niệm Phật, vọng niệm trong tâm vẫn tưng bừng, khó được lợi ích thật sự! Nếu có thể thường nhiếp trọn sáu căn để niệm thì gọi là "tịnh niệm tiếp nối". Thường giữ được tịnh niệm tiếp nối chính là nhất tâm bất loạn, dần dần sẽ đạt được niệm Phật tam-muội.

8. Trả lời thư cư sĩ Vương Đức Châu ở Vân Nam (hai lá thư)

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

[25] Tử Hạ, tên thật là Bốc Thương, người xứ Ôn nước Tấn (nay là huyện Ôn, tỉnh Hà Nam) thời Xuân Thu, là một đệ tử nổi tiếng của Khổng tử, được thờ phối hưởng trong Văn Miếu. Ông không thích làm quan, nhưng vâng lời thầy ra làm quan ở nước Cử (nay là huyện Cử tỉnh Sơn Đông). Sau khi Khổng tử mất, ông bèn từ quan, sang sống tại Tây Hà, huyện Đào, mở trường dạy học. Học trò ông thành đạt rất đông, có nhiều người rất nổi tiếng như Can Mộc, Ngụy Văn Hầu, Ngô Khởi v.v.. Tuổi già, người con trai duy nhất đột nhiên lăn ra chết, ông thương tâm khóc đến nỗi mù mắt, do đó mới có thành ngữ "ôm nỗi đau Tây Hà". Tổ mượn thành ngữ này với ngụ ý: Tránh viết lách quá nhiều đến nỗi mắt bị mù.

1. Thư tuyên ngôn của Cư sĩ lâm ngôn từ lẫn lý lẽ chu đáo, rất hay, chương trình hoạt động đại lược cũng hết sức nghiêm chỉnh, chu đáo, trọn vẹn. Đủ thấy được tình trạng giáo hóa Phật pháp hưng thạnh ở Vân Nam vậy. Nhưng hãy nên tận lực vâng giữ bổn phận, đừng học theo thói ham cao chuộng xa. Ví như mặc áo, ăn cơm, đều phải căn cứ theo kích cỡ thân thể, sức ăn của mỗi người, mùa hạ mặc áo mỏng, mùa đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn thì dưỡng được thân tâm. Làm sai cách thì thân lẫn tâm đều bị thương tổn, chứ nào phải uống ăn, áo vải mỏng, áo cừu là tốt hay chẳng tốt, mà là do người có khéo dùng hay không? Bất luận tư cách như thế nào, đều phải giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Lại phải nên chuyên chú nơi pháp môn Tịnh độ, vì cậy vào Phật từ lực so với ỷ vào tự lực khó dễ thật cách biệt vời vợi như trời với đất! Gần đây có những hạng người luôn phô phang sự giải thoát đằng miệng, cho người niệm Phật là hủ bại đợi chết, xin chớ bị những tà thuyết ấy mê hoặc. Trong thời thế hiện nay, dẫu là bậc cổ Phật đã thành Chánh giác thị hiện, chắc chắn cũng chẳng đề xướng gì khác ngoài chuyện giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận và chú trọng nơi pháp môn Tịnh độ. Dẫu cho đại sư Đạt-ma thị hiện trong lúc này, cũng sẽ dùng pháp môn cậy vào Phật lực để dạy dỗ. Thời tiết nhân duyên thật sự là căn bản, trái nghịch thời tiết nhân duyên cũng giống như mùa đông mặc áo vải mỏng, mùa hạ mặc áo cừu, đói uống, khát ăn, không chỉ vô ích mà lại còn thành hại.

Chánh nghĩa của Phật giáo hoàn toàn khế hợp luân thường đạo lý, trong đời có kẻ ngoại đạo thường hay xén trộm những danh từ Phật giáo để thực hành đạo vận khí, luyện đan, rồi gọi hoa mỹ là "tam giáo đồng nguyên" (Nho, Thích, Đạo cùng nguồn). Nguồn cố nhiên là đồng, nhưng ngành nhánh thì khác! Nếu chấp nhận kiểu "đồng nguyên" ngoài miệng của bọn dị kiến là nguồn cội của tam giáo sẽ đắc tội lớn với thánh nhân tam giáo. Nay dốc sức nơi luân thường và pháp môn Tịnh độ thì tương lai ở bất cứ nơi đâu cũng sẽ gặp được nguồn. Nếu bỏ điều này, coi pháp bí mật truyền dạy cách luyện đan là nguồn cội, sẽ trở thành vĩnh viễn mê mất nguồn cội chân thật, đi mãi trong nẻo tà. Hãy nên đem điều này nói với những tín sĩ có túc căn nhưng chưa biết cội nguồn của Phật pháp thì lợi ích lớn lao lắm.

Cảnh Kỳ Xương pháp danh là Đức Xương, Hàn Thọ Sơn pháp danh là Đức Sùng. Phải biết, vốn có tánh đức rất sáng suốt, lại cực cao quý, chỉ vì chẳng biết nên đâm ra tối tăm, hèn kém. Nếu chịu kiểm điểm hết thảy khởi tâm động niệm sẽ tự có thể khôi phục gốc, trở về nguồn, đích thân được thụ dụng, nhưng không thể không tận lực chuyên chú giữ vẹn luân thường và niệm Phật. Dùng cách này để tự hành, lại còn để dạy người, thì gọi là Phật tử. Đối với tất cả các sách của

Hoằng Hóa Xã hãy nên bảo họ gởi cho một hai phần để những lâm hữu (thành viên của Cư sĩ lâm) xem đọc, cũng như bảo họ gởi kèm theo thư mục để tiện việc muốn thỉnh sách nào có lợi cho người thì cứ theo danh sách đó mà thỉnh.

Hiện nay có bộ Tăng Tu Lịch Sử Thống Kỷ đã in xong, chẳng bao lâu giảo đính hoàn thành, tôi sẽ gởi một hai bộ để kết duyên. Phổ Đà Sơn Chí có thể xuất bản vào cuối thu hoặc đầu đông. Bộ Chánh Tín Lục của ông La Lưỡng Phong cũng có thể được xuất bản vào đầu thu. Nguyên văn bộ Tịnh Độ Thập Yếu sẽ được xuất bản vào mùa hạ hay mùa thu năm sau. Bộ sách này rất hữu ích cho tịnh nghiệp hành nhân. Do có những việc như vậy nên Quang chưa thể cự tuyệt hết thảy, tuy mang tiếng bế quan nhưng vẫn bận bịu đủ chuyện. Đợi đến khi những việc ấy xong xuôi, ắt sẽ cự tuyệt hết thảy để mong đến ngày 30 tháng Chạp không bị chướng ngại, theo Phật vãng sanh. Sau này không có chuyện cần thiết thì chớ nên gởi thư đến, bởi tôi chẳng đủ tinh thần, không có sức đáp ứng.

2. Nói ngày 30 tháng Chạp nghĩa là nói chuẩn bị sẵn, chứ không phải là biết trước lúc mất sẽ nhằm ngày 30 tháng Chạp; 30 tháng Chạp là ngày năm cùng tháng tận cho nên cổ nhân thường mượn từ ngữ này để ví cho lúc chết. Nếu bình thường chẳng sớm chuẩn bị sẵn, đến lúc ấy chắc chắn tay chân cuống quít. Nhóm bảy người các ông Trần Chánh Am v.v. đã muốn quy y thì hãy nên dựa theo Văn Sao, Gia Ngôn Lục để tu trì thì mới chẳng phụ cái tâm ấy. Hiện nay các nơi ngoại đạo rất nhiều, bọn họ đều coi "luyện đan, vận khí, cầu thành tiên, sanh lên trời" là chuyện tột bậc. Đã quy y Phật pháp thì chớ nên kiêm tu những pháp ấy nữa! Tà chánh xen tạp thì chánh cũng thành tà. Lại nữa, ai nấy đều nên giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, ắt phải lấy nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi làm nhiệm vụ trọng yếu để vun đắp quốc gia, khiến cho ai nấy đều hành theo những điều này thì lẽ đâu thiên hạ chẳng tự được thái bình. Nay thiên hạ loạn lạc, cội nguồn đều do chẳng bàn đến sự giáo dục trong gia đình, chẳng nhắc đến nhân quả báo ứng, nên mới ươm thành mối họa vậy.

Nay tôi gởi bảy bộ Tăng Tu Lịch Sử Thống Kỷ mới được in, bốn bộ Chánh Tín Lục, nhận được xin hãy châm chước mà phân phối. Chánh Tín Lục phá được thiên kiến hẹp hòi, câu nệ bậc nhất. Thiện căn của người đọc sách bị những vị tiên sinh bên Lý học đoạn dứt, nhưng các tiên sinh bên Lý học đều trộm lấy những nghĩa lý của Phật pháp để tự xưng hùng, lại sợ người đời sau học Phật nên bèn ra sức bài xích, hòng ngăn lấp hàng hậu học để họ chẳng biết đến Phật pháp; nhưng làm sao ngăn trở được người có chút túc căn. Chẳng qua là dùng mánh khóe ấy

để người căn tánh trung hạ không cách nào đích thân được gội nhuần pháp trạch vậy.

Nay tôi đặt pháp danh cho mỗi người trong bọn họ, xin hãy chia thư ra giao cho họ, hoặc đem những ý chánh yếu trong thư này viết lại gởi đi để mỗi người tự sao lấy. Không có hình gởi kèm theo, chỉ mong lễ Phật niệm Phật, dùng hình tôi nào có ích chi? Cõi đời hiện thời đã loạn đến cùng cực, thiên tai nhân họa không lúc nào nhiều hơn lúc này. Trong thời thế này, mọi người đều phải phát tâm cảm kích, ai nấy phải nỗ lực tu đạo làm người trong luân thường và ứng xử hằng ngày, kiêm tu pháp môn Tịnh độ. Đấy gọi là "tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo, Phật pháp lẫn thế pháp đều cùng hành". Nếu trong những kiếp xưa chẳng gieo căn lành, danh hiệu Phật còn khó được nghe! Nếu chẳng tích cực tu trì sẽ trở thành lên núi báu trở về tay không, cô phụ ân Phật và tánh linh của chính mình quá lắm.

9. Trả lời thư cư sĩ Chu Tụng Nghiêu

(Đính kèm nguyên văn thư hỏi, năm Dân Quốc 20 - 1931)

"Nay con có một nghi vấn, thỉnh cầu lão pháp sư từ bi khai thị. Đệ tử ăn chay niệm Phật đã nhiều năm. Nhân vì người tin Phật được mười phương ba đời chư Phật hộ niệm, thiên long bát bộ, đại lực thần vương thường theo ủng hộ, ác nghiệp những đời trước cũng dần dần được tiêu diệt, dù có oán đối cũng chẳng thể hại được. Đấy chính là điều kinh Phật đã nói, quyết chẳng phải là lời nói dối. Vậy mà trong tháng 3, con nhận được tin từ mẹ con ở Thượng Hải gởi đến, cho biết có bà Trương hết sức tin Phật, ăn chay đã hơn 20 năm, thường đến Cư sĩ lâm nghe kinh, gặp ai cũng khuyên niệm Phật ăn chay, tâm hết sức từ bi làm lành. Nào ngờ một bữa kia, mang đồ chay đến cho một vị sư huynh nọ, đi đường bị xe hơi tông chết. Sau đó sở cảnh sát giao thông đem xác về, đến ba bữa sau con cháu trong nhà mới biết chuyện, đến lãnh về tẫn liệm. Con nghe chuyện này xong, trong tâm hết sức kinh hãi, đến nay ngờ vực không giải quyết được! Hơn nữa, những người trong Phật hội nghe như vậy cũng đều bất an. Vì thế con mới đặc biệt dâng thư này, khẩn cầu lão pháp sư chỉ bày nguyên do vì sao bà ta lâm chung lại khổ sở đến thế? Rốt cuộc bà ta có được vãng sanh Tây Phương hay chăng? Xin hãy giảng minh bạch điều này khiến cho mọi người an tâm niệm Phật, cảm tạ ân đức khôn cùng."

* * *

Nhận được thư, biết các hạ đối với đạo lý Phật pháp còn chưa thật sự hiểu rõ. Chúng ta từ vô thủy đến nay đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên. Kinh Hoa Nghiêm

dạy: *"Giả sử ác nghiệp hữu thể tướng giả, thập phương hư không bất năng dung thọ"* (Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không cũng chẳng thể chứa đựng được). Phải biết: Người tu trì nếu chân thành, không dối trá thì có thể chuyển được nghiệp, chuyển quả báo nặng nề ở đời sau thành quả báo nhẹ trong đời này. Phàm phu mắt thịt chỉ thấy được những sự thực cát hung hiện thời, chẳng thể biết nhân quả quá khứ và vị lai như thế nào. Như bà cụ ấy tu tập tinh ròng nhiều năm, một bữa kia chết thảm, có thể là do khổ báo ấy sẽ tiêu diệt được quả báo trong tam đồ ác đạo đã tạo, được sanh trong thiện đạo. Nếu lúc sống có tín nguyện chân thật thì cũng có thể vãng sanh Tây Phương. Nhưng chúng ta đã không có tha tâm đạo nhãn, chẳng dám ức đoán là quyết định vãng sanh hoặc quyết định chẳng vãng sanh. Chỉ có thể nói quyết định: "Làm lành ắt được báo lành, làm ác quyết mắc báo ác."

Làm lành mà mắc ác báo thì chính là quả báo của ác nghiệp đời trước, chứ không phải là quả báo của thiện nghiệp trong đời hiện tại. Các ông trông thấy cụ già đó bị quả báo ấy, trong lòng chắc là có tà kiến "làm lành vô phước, điều thiện chẳng đáng làm", cho nên mới kinh hoảng ngờ vực. Tri kiến như vậy thì có khác gì người chưa được nghe Phật pháp đâu? Nếu tin sâu lời Phật, quyết chẳng vì chuyện này mà có thái độ kinh hoảng ngờ vực ấy, bởi lẽ chuyện nhân quả trùng điệp vô tận. Nhân này chưa kết thành quả báo, quả kia đã chín trước. Giống như trồng lúa vậy, thứ lúa chín sớm thu hoạch trước; giống như thiếu nợ, kẻ có sức mạnh lôi đi trước.

Thời xưa có kẻ suốt đời làm lành, khi lâm chung chết thảm để tiêu túc nghiệp, đời sau lại được phú quý tôn vinh. Như một vị tăng ở chùa Dục Vương (chùa A-dục Vương) đời Tống, muốn tu bổ điện thờ xá-lợi, nghĩ Nghi Thân Vương có thế lực, bèn đến quyên mộ, quyên chẳng được mấy, phát phẫn quá mức, bèn dùng búa chặt tay trước điện thờ xá-lợi, chảy máu đến chết. Ngay khi đó, vương gia sanh được một đứa con cứ khóc mãi không ngừng. Vú em bồng đi chơi, đến bên chỗ có treo hình tháp xá-lợi liền nín, đi khỏi lại khóc, bà vú bèn lấy bức hình ấy xuống. Bà vú thường cầm bức hình ấy giơ ra trước mặt thì vĩnh viễn không khóc. Vương nghe vậy, lấy làm lạ, bèn sai người qua chùa Dục Vương hỏi tin vị tăng ấy thì ngày sanh của đứa con đó đúng vào ngày ông sư ấy chặt tay chảy máu đến chết. Vương bèn một mình tu bổ điện xá-lợi. Đến năm đứa con ấy tròn 20 tuổi, Ninh Tông băng, không có con, bèn cho chàng trai ấy nối ngôi, làm hoàng đế 41 năm, tức là Tống Lý Tông (1225-1265) vậy. Cái chết của ông tăng ấy cũng là thảm tử. Nếu chẳng thường khóc không ngừng, thấy bức vẽ xá-lợi bèn nín, ai biết được đứa bé ấy chính là hậu thân của vị tăng đã chặt tay chết thảm? Chuyện này

chép trong A-dục Vương Sơn Chí. Năm Quang Tự 21 (1895), Quang đến lễ xá-lợi mấy chục ngày, đọc được chuyện này.

Người hiểu lý gặp bất cứ hoàn cảnh như thế nào, quyết chẳng nghi nhân quả có sai lầm, hoặc lời Phật có dối! Người không rõ lý chấp chết cứng vào quy củ, chẳng biết nhân quả phức tạp đến nỗi lầm lạc nẩy sanh nghi ngờ, bàn bạc; nói chung là do tâm không có chánh kiến. Như nói người niệm Phật có tam bảo gia bị, long thiên che chở, đấy là lý nhất định, hoàn toàn chẳng hư vọng. Chỉ vì chưa hiểu rõ lý "chuyển báo nặng đời sau thành báo nhẹ đời này" nên chẳng khỏi bàn bạc nghi ngờ không hợp lẽ như thế. Xưa kia, luận sư Giới Hiền[26] ở Tây Vực, đức cao khắp đời, đạo lẫy lừng Tứ Trúc (bốn xứ Thiên Trúc[27]). Do túc nghiệp nên thân mắc ác bệnh, khổ sở cùng cực, chẳng thể chịu đựng nổi, muốn tự tử, chợt thấy ba vị Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm giáng xuống, bảo: "Ông trong kiếp xa xưa kia, nhiều lần làm quốc vương não hại chúng sanh, đáng lẽ đọa ác đạo từ lâu. Do ông hoằng dương Phật pháp nên phải chịu nỗi đau khổ nhỏ này trong cõi người để tiêu diệt nỗi khổ địa ngục cả kiếp dài lâu. Ông nên gắng chịu đựng, xứ Đại Đường có một vị tăng tên là Huyền Trang, ba năm nữa sẽ đến đây học pháp." Luận sư Giới Hiền nghe xong, ráng chịu đau sám hối, lâu ngày lành bệnh. Đến ba năm sau, ngài Huyền Trang đến đó, ngài Giới Hiền bảo đệ tử thuật lại tình trạng đau khổ của căn bệnh. Người kể lại nỗi khổ nghẹn ngào, ứa lệ, đủ thấy sự khổ ấy rất lớn. Nếu chẳng hiểu rõ nhân trong đời trước, người ta sẽ nói Giới Hiền chẳng phải là vị cao tăng đắc đạo, hoặc sẽ nói bậc đại tu hành như vậy mà vẫn bị bệnh thảm như thế, Phật pháp linh cảm lợi ích ở chỗ nào? Những gì trong tâm các ông biết nhỏ nhoi quá, nên thấy chút tướng lạ liền sanh kinh nghi.

---

[26] Giới Hiền (Śīlabhadra) sống khoảng thế kỷ thứ 6, hay thứ 7, là một vị luận sư nổi tiếng của Đại thừa Phật giáo Du-già Hạnh (Duy Thức), trụ trì chùa Na-lan-đà ở tại nước Ma-kiệt-đà, Ấn Độ. Sư thuộc dòng dõi hoàng gia Samatata ở Đông Ấn, hiếu học từ thuở nhỏ, tham học với khắp các bậc minh triết. Khi đến Na-lan-đà, sư gặp được Hộ Pháp Bồ-tát, nghe ngài giảng pháp, tin tưởng, giác ngộ, bèn theo xuất gia. Năm 30 tuổi, sư từng viết luận khiến các sư trưởng ngoại đạo khắp cả một giải Nam Ấn Độ phải chịu thua. Sư trụ trì chùa Na-lan-đà rất lâu, chuyên hoằng truyền giáo nghĩa Duy Thức. Sư y cứ các bộ Giải Thâm Mật Kinh, Du-già Sư Địa Luận v.v., chia Phật giáo thành ba thời là *hữu, không, trung,* lập ra thuyết ngũ chủng tánh. Khi ngài Huyền Trang đến cầu học, sư đã hơn trăm tuổi. Do đức độ và kiến thức của sư, đại chúng không kêu trực tiếp pháp danh nữa mà gọi sư bằng mỹ hiệu Chánh Pháp Tạng.

[27] Thiên Trúc chính là Ấn Độ. Do thời cổ, các âm Trúc, Độc đọc giống nhau. Vì vậy, cổ thư còn phiên Thiên Trúc là Thiên Độc, Thiên Đốc, Thân Độc. Theo các nhà nghiên cứu, đây đều là những âm đọc sai của chữ Hindustan. Trong Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 85, pháp sư Huyền Trang ghi: "Danh xưng Thiên Trúc, nhiều ý kiến bàn bạc khác biệt. Thời cổ gọi là Thân Độc, hoặc gọi là Hiền Đậu. Nay theo chánh âm, nên đọc là Ấn Độ… Ấn Độ, Hán dịch là nguyệt (mặt trăng). Mặt trăng có nhiều tên, đây là một tên!" Ấn Độ chia thành năm xứ (Ngũ Trúc), ngoại trừ phần Trung Ương, bốn khu Đông, Tây, Nam, Bắc, được gọi chung là Tứ Trúc.

Người không có thiện căn bèn thoái thất đạo tâm. Nếu thấy người tạo ác hiện tại được phước báo thì cũng sẽ khởi tâm tà kiến như thế; chẳng biết đều là nhân trước quả sau và chuyển quả báo nặng nề trong đời sau thành quả báo nhẹ nhàng trong hiện đời, cũng như chuyển quả báo nhẹ nhàng trong hiện đời thành quả báo nặng nề trong đời sau v.v. đủ mọi lẽ phức tạp khác nhau!

10. Thư trả lời cư sĩ Đức Sướng

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Nhận được thư ông và thư thầy Minh Đạo, biết đứa con thứ ba mới 20 tuổi chợt bị chết yểu, khôn ngăn than thở. Huống chi ông nuôi dạy bấy nhiêu năm, phí ngần ấy tinh thần, tiền của, trong lòng sao khỏi cảm thương! Tuy nhiên, chớ nghĩ chính mình một lòng sốt sắng làm chuyện công ích, quy y Phật pháp, sao chẳng được Phật che chở, rồi đâm ra oán hận! Phải biết, chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên, hoặc ta thiếu nợ người, hoặc người thiếu nợ ta, hoặc ta thiếu mạng người, hoặc người thiếu mạng ta. Do đôi bên thiếu nợ nhau nên sanh ra đủ loại con cái khác nhau. Có đứa trả nợ, có đứa đòi nợ, có đứa báo đức, có đứa báo oán. Trong đời này, tuy ông khởi tâm xử sự mọi chuyện rất tốt, há lẽ nào nhiều đời nhiều kiếp đều hoàn toàn không có tội nghiệp gì ư? Vì thế gặp cảnh ngộ bất như ý, con người chỉ nên phát tâm sám hối tội nghiệp, chẳng nên sanh ý tưởng oán trời trách người. Nếu có thể phát tâm sám hối, chẳng sanh oán hờn, đó là "gặp nghịch cảnh vâng chịu, phước về sau khó thể suy lường được". Đứa con này của ông đại khái là do đòi nợ mà đến. Đòi đủ nợ rồi bèn lìa đời. Chủ nợ đã đi rồi, sao ông không sanh ý tưởng giải thoát nghiệp lụy, lại nẩy sanh lòng oán trời trách Phật, trở thành điên đảo vậy ư?

Năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông Vương Chi Tường ở Bắc Thông Châu, tên tự là Thiết San, có một đứa con rất thông minh, rất hiếu thuận. Đứa lớn mắc bệnh thần kinh, tâm ông Thiết San mong mỏi đứa nhỏ này sẽ kế thừa tiếng tăm gia đình. Năm nó 21, 22 tuổi, đã cưới vợ, sanh được một gái, một ngày nọ bệnh nặng sắp chết. Thiết San đau khổ cùng cực, gào lên: "X… ơi! Ngươi đã đến làm con ta, sao lại muốn bỏ đi trong khoảnh khắc này?" Đứa con ấy trừng mắt, nói giọng Quảng Tây: "Tao nào phải là con nhà mày, tao là người thứ 14!" Nói xong, chết liền. Trước kia, lúc ông Thiết San giữ việc binh bị ở Quảng Tây, lập kế giết 13 tên đầu lĩnh giặc cướp ra hàng, trước hết dùng cách đối đãi thật chiều chuộng, nồng hậu để xoa dịu, mời chúng ăn cơm. Lại còn mời những người có danh vọng lớn đến bồi tiếp, thưởng cho mỗi tên 24 đồng, bảo chúng: "Ban ngày bận lắm, không thể chuyện trò cặn kẽ cùng các ngươi được, tới tối hãy đến, sẽ xếp đặt chức vụ cho mỗi người trong bọn ngươi." Mười ba người đó chẳng biết ông muốn giết

họ, lại kéo một người bạn thân cùng đi, cho rằng ông Thiết San sẽ nể tình, cũng xin cho người ấy được một chức vụ tốt. Tối hôm ấy họ đến, cứ qua một cửa liền khóa ngay cửa ấy lại, đặt phục binh trong hoa sảnh. Bọn họ đến nơi, Thiết San rút đao đang đeo ra chém, phục binh cùng ùa ra giết, chặt được 14 cái đầu lâu, cũng chẳng biết tên họ là gì. Nào biết người ấy chính là đứa con này. Uổng công hơn 20 năm nuôi dạy nhọc nhằn, đến lúc chết lại trừng mắt quát tháo, chẳng nhận Thiết San là cha!

Nói chung, cái nhân trở thành con cái trong cõi đời chẳng ngoài bốn nghĩa "đòi nợ, trả nợ, báo ân, báo oán". Đứa con này do đời trước ông đã thiếu nợ nó, sạch nợ liền đi. Nếu là trả nợ và báo ân thì sẽ được nó hiếu dưỡng. Hơn nữa, ông đã quy y Phật pháp, phải hiểu thế gian mọi sự vô thường. Nếu chẳng cực lực niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ theo nghiệp luân hồi trong tam đồ lục đạo làm sao ngưng ngớt cho được! Với cái chết của đứa con này, càng phải biết hết thảy mọi sự đều không nương cậy được, chỉ có Tây Phương A-di-đà Phật chính là chỗ nương tựa lớn lao cho hết thảy chúng sanh bọn ta. Từ đấy phát tâm cảm kích, phát tâm tinh tấn, đem những công đức ta đã làm và công đức niệm Phật đều cùng hồi hướng vãng sanh Tây Phương. Ông làm được như thế thì cái chết của đứa con này chính là lời nhắc nhở, thúc đẩy ông, tránh cho ông khỏi bị mê muội bởi phước báo quyến thuộc thế gian đến nỗi chẳng sanh lòng nhàm lìa Sa-bà, cũng như không sanh lòng ưa muốn Cực Lạc. Vì thế giáng cho ông một gậy vào đầu đau buốt, hóa ra ông chẳng quán sát nhận hiểu nơi bản thân, lại sanh khởi đủ mọi ngu kiến oán trời oán Phật, trở thành "mê gốc chạy theo ngọn", chẳng biết tự phản tỉnh.

Người đời thường hay khoe khoang, kiêu căng bởi những công đức chính mình đã tạo, dễ dãi đối với những tội lỗi chính mình đã gây. Con người ai không tội? Đừng nói chi quá khứ, nếu chỉ nói trong đời này thì đã giết đủ loại chúng sanh cho sướng miệng bụng. Chúng nó nào phải gỗ đá, chẳng biết đau khổ, chẳng muốn sống, chỉ mong người ta giết ăn ư? Ông đã giết ăn nó, tương lai nó nhất định cũng muốn giết ăn ông. Suốt một đời, con người không biết đã ăn bao nhiêu sanh linh, có nên lớn lối bảo "ta vô tội, bị trời phạt lầm" hay chăng? Do vậy, nói chung thường nhân chẳng thấy được bản thân có lỗi, nói chung thánh nhân chẳng thấy chính mình có đức. Chẳng thấy có lỗi thì tội chất như núi, chẳng thấy có đức thì đức cao tầy trời. Ông chớ có nói như kẻ ngu si, hãy cực lực làm lành, nỗ lực niệm Phật, tất cả hết thảy công đức thiện sự lợi người đều nên hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì tâm hạnh trong đời hiện tại sẽ khế hợp với tâm hạnh của thánh hiền, đến khi lâm chung, chắc chắn được A-di-đà Phật tiếp dẫn vãng sanh. Đấy chính là lúc gặt hái công lao, kết quả vậy. Nếu chẳng sanh Tây Phương thì

chuyện lành đã làm sớm hay muộn đều hưởng quả báo, nhưng quả báo do giết ăn chúng sanh cũng khó khỏi phải trả, đáng sợ lắm thay!

11. Thư trả lời cư sĩ Hứa Hy Đường

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Lạc Huệ Bân đến cầm theo thư ông và danh sách những người khác xin quy y. Biết cư sĩ niên kỷ đã 65, một con một cháu đều bị chết yểu. Luận theo nhân tình thế gian, thật đáng đau lòng; nếu luận theo pháp môn Tịnh độ liễu sanh tử thì thật là nhân duyên tối thắng để siêu phàm nhập thánh! Người thế gian sanh ra chẳng biết từ đâu đến, chết đi không biết sẽ về đâu, thật là một đại sự trọng yếu trong đời người; chỉ vì tâm niệm coi trọng con cháu nên đâm ra coi thường, bỏ qua đại sự sanh tử của chính mình. Nếu con cháu của cư sĩ trường thọ, làm quan, chắc sẽ bị phú quý phước lộc làm mê, sợ rằng khó phát được cái tâm "quy y tam bảo, xin thọ ngũ giới" này, bất quá chỉ mong "phước, thọ, chết tốt lành" là cùng, đối với pháp thân huệ mạng vẫn không nghe không tin! Nếu như chuyện gì cũng vừa ý, há có thể nào vượt ra ngoài chuyện sống uổng chết phí được hay chăng?

Cảnh ngộ hiện thời chẳng tốt đẹp, biết đời người không gì chẳng phải là khổ, lại được đọc tường tận các sách Tịnh độ, biết chúng ta vốn sẵn có chốn quê cũ An Lạc để yên thân lập mạng, suốt ngày chỉ nghĩ đến Phật, chỉ cầu Tịnh độ, mãi cho đến khi lâm chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử đến tột cùng đời vị lai hưởng diệu lạc thù thắng. Do vậy mới nói "con ấy, cháu ấy quả thật đã thành tựu đại sự liễu sanh tử cho ông nên mới mất trước!" Hãy nên sanh tâm cảm kích lớn lao, nguyện dùng công đức niệm Phật của chính mình để tiêu trừ tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn cho họ, ngõ hầu họ cũng được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, khiến cho người con, người cháu ấy chẳng uổng công chết sớm! Người khéo đạt lợi ích thì không chuyện gì chẳng phải là chuyện lợi ích; người cam lòng chịu bị tổn hại thì không chuyện gì chẳng phải là chuyện tổn hại, tùy theo kiến giải của mỗi người như thế nào.

Ông đã phát tâm quy y, nay tôi đặt pháp danh cho ông là Đức Hy, nghĩa là dùng tâm đại Bồ-đề mong cho dù ta hay người đều được gội từ quang của Phật, sanh về Tịnh độ của Phật. Tất cả những nghĩa lý tam quy, ngũ giới, thập thiện đã giải thích đại lược trong bộ Văn Sao, nên không ghi lại nữa. Đối với việc tự thệ thọ giới, nơi thư gởi cho bà Từ trong bộ Văn Sao[28] cũng đã có nói qua, nên cũng

[28] Tức là lá thư gởi cho bà Từ Phước Hiền, đánh số 33 trong bộ Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1.

không cần phải nhắc lại. Điều đáng nói là phải chăm chú, coi trọng thực hành. Nếu người học Phật chẳng chú trọng tận tụy thực hành thì có khác gì kép hát trong cõi đời đâu! Trên sân khấu khổ sướng, buồn vui diễn cho thật giống như đúc, nhưng thật ra cũng chẳng có mảy may gì liên quan đến ta. Như vậy thì sẽ trở thành gã si ham danh ghét thật, tâm muốn lừa người dối Phật, thật sự chỉ tạo thành cái lỗi lừa người dối Phật. Người còn chẳng nên lừa, huống gì là Phật? Phải chú trọng thật sự thực hiện thì mới nên.

Đối với việc tu trì, hãy nên chuyên chú Tịnh độ, bởi ông đã gần đến tuổi cổ hy (70 tuổi), ngày tháng không còn được mấy. Nếu muốn đọc rộng rãi các kinh luận Đại thừa sẽ không đủ tinh thần, không đủ tri thức, mà lại chẳng có đủ thời gian. Chỉ một pháp sanh lòng tin phát nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương là pháp môn vô thượng thắng diệu bậc nhất. Hãy nên chết sạch cái tâm mong ngóng, một vai gánh vác, quyết định ngay trong đời này giã biệt ngũ trược, cao đăng chín phẩm. Lại nên phát tâm đại từ bi vì hết thảy những người quen biết nói lợi ích của pháp môn này, khiến cho bọn họ đều cùng tu tập thì công đức của chính mình càng thêm rộng lớn. Đối với người ngoài còn như thế, huống gì đối với vợ, con dâu, cháu dâu của chính mình, nỡ để họ chẳng được hưởng ích lợi nơi pháp ư? Một là để an ủi vợ ông trong cảnh già, hai là để an ủi nỗi thê lương của con dâu, cháu dâu, khiến họ cũng do pháp này được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vậy thì thật là có công hiệu lợi người.

Thêm nữa, người niệm Phật nếu đã chứng đạo thì lúc lâm chung mặc cho dao cắt, hương bôi, trọn chẳng hề có chuyện động niệm, nên không có những cái được gọi là tổn hại hay lợi ích. Nếu chỉ có sức tu trì, chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không, khi lâm chung được người khác trợ niệm sẽ quyết định được vãng sanh. Nếu gặp phải quyến thuộc vô tri, ngay trước khi chưa chết đã tắm rửa, thay quần áo sẵn khiến cho người sắp mất bị dời động, chịu khổ. Dù chẳng bị khổ, nhưng vừa bị dời động thì tâm chẳng thể quy nhất nơi Phật (do thân thể bị động, tâm liền chẳng thể triệt để thanh tịnh thuần nhất). Nếu lại còn đối trước người sắp mất khóc lóc thì chính người sắp mất ấy cũng sanh ái luyến, nên chẳng tương ứng cùng Phật, muốn được vãng sanh chẳng có cách nào! Do vậy lúc thường ngày phải làm cho họ biết lợi hại, phải thường bảo với họ để đến khi chính mình lâm chung, bọn họ chính là người trợ đạo, không chỉ có ích cho ta mà đối với bọn họ đều có lợi ích lớn lao. Nếu chỉ biết tự mình tu trì, trọn chẳng thuật lẽ lợi hại cùng bọn họ, lúc ông lâm chung, chắc chắn bọn họ sẽ là kẻ phá hoại chánh niệm, chắc chắn chẳng giúp cho ông tịnh tâm để được vãng sanh.

Ông đã tin Quang, Quang chẳng thể không vì ông tính kế. Do Quang từng trải 52 năm, biết rất kỹ lẽ lợi hại tại đâu. Nếu chẳng nói với ông sẽ chẳng trọn hết phận mình! Em trai ông là Tiếp Khanh cũng đã 60 rồi, cũng nên đưa thư này cho xem. Phải biết trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, nếu muốn cho phàm phu nghiệp lực đầy thân được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này mà lìa pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương này thì đức Phật cũng chẳng nói được pháp môn thứ hai nào khác. Hết thảy các pháp môn khác đều phải tu đến mức nghiệp tận tình không mới có phần liễu sanh tử. Nếu như còn mảy may nào chưa tận thì sanh tử vẫn y như cũ, chẳng giải quyết xong. Nếu luận về "nghiệp tận tình không" thì hiện thời sợ rằng cả cõi đời cũng khó kiếm được một hai kẻ. Nếu do tín nguyện niệm Phật cầu sanh thì vạn người chẳng sót một ai!

Đã niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, thương xót hết thảy, yêu tiếc sanh mạng loài vật, kiêng giết, ăn chay, rộng hành phương tiện, ngõ hầu tâm này thường tương ứng với tâm Phật thì mới nên. Nếu bề ngoài làm ra vẻ tu trì, bên trong không có tâm chân thật, đó là người giả thiện. Kẻ giả thiện làm sao đạt được lợi ích chân thật? Thêm nữa, bà Đàm nhà họ Lạc (là thúc tổ mẫu (bà thím) của ông Bân Chương) 81 tuổi, Bàng Tài Phương sống ở ngõ Ải Nhãn, cửa Đông, hai người này cũng đều cầu thọ tam quy ngũ giới, xin hãy đem ý này bảo lại cho họ. Những điều khác đã nói cặn kẽ trong bộ Văn Sao, ở đây không nhắc lại nữa.

Nay cõi đời hiện thời đã loạn đến cùng cực, thiên lý nhân luân gần như bị phế bỏ hoàn toàn để trở về cái thời con người chẳng khác gì cầm thú! Xét đến nguồn cội gây ra nông nỗi này đều là do chẳng xem nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi là những lý thực, sự thực. Do vậy điều thiện không được khuyến khích, điều ác không bị trừng phạt, khiến cho tâm không có chỗ nương tựa, nên bị một trận gió Âu Tây thổi qua, từ đấy cái gốc bèn bị biến đổi dữ dội, rốt cuộc trở thành hiện tượng như hiện thời. Nay muốn đẩy lùi con sóng cuồng loạn, nếu chẳng lấy việc đề xướng nhân quả báo ứng làm tiêu chuẩn thì dù có phương cách hay ho cũng chẳng có hiệu quả thật sự gì.

12. Thư trả lời hòa thượng Quảng Diệu

(Năm Dân Quốc hai mươi - 1931)

Hình Tam Thánh do Trương Miện Đường vẽ tuyệt khéo, tiếc là vẽ bằng móng tay, nên có những chỗ tỉ mỉ chẳng thể vẽ được. Nếu dùng bút để vẽ sẽ trang nghiêm hơn. Còn lời tán tụng như đã nói, tính soạn hơn một trăm chữ, nhưng vì

chẳng hề luyện chữ nên viết không được. Do vậy chỉ chép lại bản thảo, xin tọa hạ hãy viết, rồi hoặc ghi tên của tọa hạ, hoặc dùng tên của Ấn Quang, như thế nào cũng được. Núi mây xa cách, may được chuyện trò, nay gởi Văn Sao, Gia Ngôn Lục, An Sĩ Toàn Thư, Quán Âm Tụng, Tăng Tu Lịch Sử Thống Kỷ, mỗi thứ hai phần, một phần xin ngài tự giữ, một phần chuyển cho ông Trương Miện Đường. Quang đã già rồi, tinh thần chẳng đủ, từ đây về sau xin đừng đem chuyện bút mực nhờ cậy, ngay cả hỏi về những chuyện trong pháp môn cũng xin tìm hỏi với những bậc dựng cao tràng pháp khác, ngõ hầu mỗi chuyện đều được hợp lẽ (bài ca tụng hạnh đẹp của ông Trương xin xem trong chương Tán Tụng).

13. Thư trả lời cư sĩ Dương Đức Quán

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hiện tượng Hoàng Hậu Giác khá có ích lớn lao cho người học Phật, bất luận là rốt cuộc ông ta vãng sanh hay đọa lạc, thôi đừng bàn đến! Nếu người niệm Phật biết được hiện tượng khi lâm chung của ông ta chắc chắn chẳng dám theo đuổi pháp liễu sanh tử một cách hời hợt nữa. Xem hành vi, cử chỉ của ông ta dường như rất chí thành, nhưng coi những cảnh tượng được biểu hiện khi ông ta lâm chung thì trong lúc thường nhật, ông ta chưa hề nỗ lực dụng công nơi tâm địa, cũng như có lẽ trước kia ông ta có những nghiệp như keo tiếc tiền của khiến cho người khác bị mất mạng, hoặc keo tiếc lời nói khiến cho người khác táng mạng v.v. mà thành ra như vậy ("Keo tiếc lời nói khiến cho người khác mất mạng" là như ta biết chỗ có giặc cướp và biết chỗ có thể trốn tránh được, nhưng vì tâm không từ bi, thích thấy người khác mắc họa cho nên chẳng chịu nói. Chuyện ấy, tâm ấy khiến cho thiên địa quỷ thần rất phẫn nộ. Do vậy lúc lâm chung chẳng nói được, cũng như có chuyện như ghét nghe tiếng niệm Phật v.v.). Hiện ra tình cảnh không chết trong khi ấy (tức không chết trong khi đang có người niệm Phật để trợ niệm) và khi người trợ niệm đi rồi thì không lâu sau liền chết, điều này hoàn toàn tương đồng với chuyện keo kiệt tiền của, keo kiệt lời nói khiến cho người khác bị tổn mạng. Tuy không đọa làm ngạ quỷ, nhưng tánh khí ấy là tánh khí của ngạ quỷ.

Có người nói ông ta được vãng sanh là nhờ vào chú lực của ông Dịch Tử Tuấn. Chú lực cố nhiên chẳng thể nghĩ bàn, nhưng với người nghiệp lực nặng nề thì cũng chẳng dễ gì được hưởng lợi ích! Do vậy, nếu biết chắc chắn ông ta đã được vãng sanh Tây Phương thì may ra mới có chuyện đó. Đã không có chứng cứ, chớ nên đoán mò. Có người nói: Ông ta đã đọa vào ngạ quỷ đạo, căn cứ vào những gì đã nói và những biểu hiện thì tựa hồ lời đoán ấy có căn cứ. Nhưng không chừng do ông ta trong tâm sám hối, hoặc do mọi người và con cái thành khẩn nên

được giảm nhẹ, chẳng đến nỗi đọa thẳng vào ngạ quỷ. Phương kế hiện thời là con cái và các quyến thuộc ai nấy đều hãy nghĩ đến nỗi khổ của ông ta, cùng phát tâm tự lợi lợi tha niệm Phật cho ông ta, cầu Phật rủ lòng từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu thật sự thành khẩn thì ông ta được vãng sanh là điều có thể dự đoán được. Do cha con có mối tương quan tự nhiên, tâm Phật hễ cảm bèn ứng. Nếu quyến thuộc thực hiện hờ hững, lơ là thì khó thể tiêu nghiệp chướng để được Phật tiếp dẫn vậy. Ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ cực nặng!

Phàm là người niệm Phật ai nấy hãy chuyên chú thật sự đối trị tập khí của chính mình, tạo thuận tiện cho người khác. Chuyện gì nên nói, dù người ta có thù với mình cũng phải nói, khiến cho người ta hướng lành lánh dữ, lìa khổ được vui. Thường luôn nói thẳng thắn, rành rọt với người khác những chuyện nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và đạo niệm Phật liễu sanh thoát tử, dạy dỗ con cái lập nền tảng thái bình, tâm như sợi dây đàn thẳng tắp, lời nói chẳng lấp lửng, tâm niệm có thể phô bày thẳng thắn cùng quỷ thần, quyết chẳng làm chuyện trái nghịch thiên lý thì đến lúc lâm chung, chắc chắn chẳng có những hiện tượng đáng thương đáng xót ấy. Như vậy, Hoàng Hậu Giác chính là tiếp dẫn đạo sư của mọi người, nhờ ông ta mọi người sẽ được lợi ích lớn lao trong tương lai. Ông ta cũng sẽ nhờ vào tâm lực của mọi người mà diệt tội, vãng sanh. Lời Quang nói đây chẳng phải là lời nói huề vốn[29], mà chính là lời bàn luận quyết định chẳng khi dối vậy. Nếu chẳng nghĩ là đúng, xin hãy thỉnh vấn nơi bậc pháp sư cao minh và những bậc thánh nhân đại thần thông!

14. Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Tế

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Không ai chẳng mong sanh ra con cái tốt lành, nhưng mười người hết tám chín người dạy con cái ngoan thành hư, về sau bại hoại tiếng tăm gia đình, phá tan tổ nghiệp, trở thành hạng tầm thường, bướng bỉnh, hoặc thành phường giặc cướp, tệ hại. Đặt sai căn bản, nói chung là do chẳng biết cách yêu thương con. Từ nhỏ mặc kệ cho nó quen thói thì lớn lên chuyện gì cũng tự tung tự tác, chẳng nghe răn dạy, đa phần cặp kè, gần gũi bọn xấu xa, gây hại cho xã hội. Thiên tai nhân họa hiện thời phần nhiều là do những người chẳng biết cách làm cha mẹ ươm thành. Nếu như những kẻ không được dạy dỗ đó, từ thuở ban đầu được cha mẹ hiền khéo dạy thì những kẻ làm hại cho xã hội đều là những người tạo lợi ích cho nước nhà, những kẻ chỉ vẽ điều ác đều thành những người khuyến thiện hết, cõi

[29] Nguyên văn là "thủ thử lưỡng phụ", là một thành ngữ hàm nghĩa do dự, không quyết định, đón gió xuôi chiều, nói cách nào cũng được. Chúng tôi tạm dịch là "nói huề vốn".

đời chẳng mong thái bình mà tự thái bình. Đấy chính là đạo căn bản trọng yếu để thất phu, thất phụ dự vào việc bồi đắp cho cõi đời bình yên vậy. Lúc ông đề xướng Phật pháp, hãy nên vì hết thảy những người hữu duyên nói kèm thêm nghĩa này cho tường tận, khiến cho bọn họ ai nấy đều tự trọn hết đạo làm cha mẹ thì lợi ích lớn lao lắm! Con gái càng quan hệ lớn hơn nữa, trọn chẳng được nuôi mà không dạy khiến cho hiện thời nó gây trở ngại cho gia đình nó ("không dạy" là để cho anh em, chị em đều chẳng tuân theo quy củ, mặc lòng phóng túng), tương lai quấy rối nhà chồng. Về sau dạy hư con cái, khiến cho con cháu nhiễm phải thói xấu ấy. Nghĩa lý này nhiều người coi thường chẳng xét đến. Muốn gia đạo tốt lành, con cháu tốt lành, đều phải tìm ở chỗ khéo dạy con cái.

15. Thư trả lời cư sĩ Lý Trọng Hòa

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Con gái xuất giá, giảm nhẹ gánh nặng rất nhiều. Xin hãy khuyên nó: "Nên trọn hết đạo làm vợ, hiếu với bố mẹ chồng, kính trọng chồng, hòa thuận với chị em dâu, rộng rãi với tôi tớ, vẫn giữ đạo niệm Phật, chớ lấy chồng rồi bỏ luôn không niệm. Lại phải mềm mỏng khuyên chồng niệm Phật và Quán Thế Âm để làm chỗ nương tựa cho tương lai. Làm được như thế thì người tôn kính, thần che chở, chẳng gặp tai chướng, điều phước chuyện lành đều cùng hội tụ. Chẳng những chính con được vẻ vang, mà người ta cũng vì con mà kính trọng lây cả cha mẹ sanh ra con; cho là nhà ấy có gia giáo, cho nên cô gái ấy từ nhỏ đã quy y Phật pháp, ăn chay, niệm Phật, nay được tốt lành như thế. Nào phải chỉ cha mẹ được nở mày nở mặt, mà vị thầy con quy y cũng được vẻ vang. Nếu chẳng hiền hiếu, ắt con bị người ta ghét; đấy vẫn còn là chuyện nhỏ. Ắt người ta sẽ nói cha mẹ con không có đức hạnh nên mới sanh ra đứa con gái chẳng hiền chẳng hiếu ấy, ắt cha mẹ con thường bị người khác nhục mạ, vị thầy con quy y cũng bị người ta chê trách là chẳng thể giáo hóa con hành hiếu kính." Mong cho bọn họ hiện tại làm con gái hiền, xuất giá làm vợ hiền của người ta, sau này trở thành hiền mẫu của người khác thì may mắn nào hơn!

Xin hãy sáng suốt suy xét, bảo tường tận cùng bọn họ: Kinh Địa Mẫu[30], kinh Thái Dương, kinh Thái Âm, kinh Táo Vương, kinh Nhãn Quang, kinh Thọ Sanh,

[30] Kinh Địa Mẫu có tên gọi đầy đủ là Vô Thượng Hư Không Địa Mẫu Huyền Hóa Dưỡng Sanh Bảo Mạng Chân Kinh, có nội dung ca ngợi Mẹ Đất, kêu gọi người đời phải kính trọng Địa Mẫu vì Địa Mẫu sanh thành muôn vật, muôn hình tượng, ngay cả kim thân của chư Phật cũng do Địa Mẫu tạo ra. Địa Mẫu rất được sùng bái tại Trung Hoa. Hỗn Độn Cổ Phụng Cung (miếu thờ Địa Mẫu ở trấn Ngọc Lý, huyện Hoa Liên, Đài Loan) thậm chí còn coi Địa Mẫu tương ứng với Thượng Đế sáng tạo trong thần thoại phương Tây, và xem những danh hiệu Hồng Mông Lão

kinh Huyết Bồn, kinh Diệu Sa, kinh Phân Châu v.v. đều là ngụy tạo. Hiềm rằng nữ nhân hiểu biết nông cạn nên thường tín phụng, chỉ nên dạy họ niệm Phật. Nếu muốn niệm kinh, hãy nên niệm Tâm Kinh, văn ít, nghĩa lý phong phú, công đức vô lượng vô biên. Những thứ kinh ngụy tạo kia, xét theo lý, tụng chúng còn bị mắc tội, chẳng qua bọn họ dùng tâm chí thành niệm nên cũng chẳng thể nói là hoàn toàn không có công đức, chỉ được công đức do thành tâm nhưng rất nhỏ nhoi; sao bằng niệm Phật, niệm Tâm Kinh thù thắng hơn! Niệm Phật, niệm Tâm Kinh công đức như biển cả; niệm kinh ngụy tạo chỉ được một giọt, hoặc chưa được một giọt.

16. Thư trả lời cư sĩ Vương Thọ Bành (hai lá thư)

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

1. Tất cả những người xin quy y, đều viết pháp danh trên đơn gởi lại. Do nhiều người quá nên cũng chẳng nói nguyên do của mỗi pháp danh cho từng người được. Chỉ mong ông bảo với họ nên chú trọng giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, quyết định niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng thẹn làm đệ tử Phật. Hiện nay thủy tai không xứ nào chẳng có, hoặc nếu không bị tai nạn này lại bị tai nạn kia, nói chung là do nhân tâm quá hèn kém mà ra. Chúng ta là đệ tử Phật, nên lấy việc sửa sang cho đúng những thói tệ hiện thời làm nhiệm vụ, chớ nên thuận theo trào lưu, khiến cho cõi đời càng bị suy hãm không có mức cùng tột!

Ba người con của ông đều thông minh, nếu khéo dạy sẽ thành chánh khí (hạng người có căn tánh tốt đẹp, chánh trực). Nếu không, càng thông minh càng dễ tự lầm, làm cho người khác lầm lạc. Do vậy, tôi đặt pháp danh cho Kiến Quốc là Huệ Lập, nghĩa là lập được thân thì hết thảy mọi sự đều có thể kiến lập được, thân chính là căn bản của thiên hạ quốc gia và đạo Bồ-đề. Chẳng lập được thân thì trong đạo nghĩa chẳng thành được một sự nào! Đứa con thứ là Huệ Tuyền, thiên tư thông minh, dĩnh ngộ, đáng mừng mà cũng đáng lo. Do vậy đặt pháp danh là Huệ Thao. Nếu có thể giữ kín tài năng, nhũn nhặn, chẳng phô phang tài hoa thì có thể thành chánh khí, có thành tựu lớn. Nếu thiếu hàm dưỡng, cứ ra vẻ ngạo nghễ, khoe khoang, ắt chẳng hưởng phước, chẳng đạt thành tựu lớn lao được. Cô con út là Thúy Na cũng rất có túc căn, đặt pháp danh là Huệ Diệu. Diệu nghĩa là hợp lẽ, thích đáng. Nếu sử dụng trí thông minh vào chuyện vô ích tổn hại thì trở thành trí tuệ hèn tệ, chẳng gọi là Diệu Huệ. Nếu áp dụng trí ấy hợp lẽ thì mới gọi

---

Tổ, Hỗn Độn Lão Tổ, Vô Cực Chí Tôn, Vô Cực Lão Mẫu đều là những biệt danh của Địa Mẫu Nương Nương.

là Diệu Huệ. Những người thông minh hiện thời thường đem trí thông minh của chính mình sử dụng trong việc viết ra những chuyện tiểu thuyết khêu gợi trộm cắp, dâm dật, vượt lý, khinh miệt luân thường để khoe khoang văn tài, chẳng biết: Một hơi thở ra không hít vào được, thân sau trải qua bao nhiêu kiếp chẳng biết có được nghe những danh từ "thiên địa phụ mẫu" hay không? Nếu những kẻ đó không có cái trí tuệ hèn tệ ấy, sao lại đến nỗi khổ sở cùng cực như thế? Vì vậy hãy nên vun quén sao cho cô ta nhất cử nhất động đều hợp với chánh đạo, đối với địa vị mẫu nghi chốn khuê các hay bậc thầy nêu gương cho nữ giới trong tương lai đều có thể dự đoán được từ nơi đây. Huệ Diệu có nghĩa là như vậy đó.

Quang đã già rồi, chẳng kịp thấy chúng thành tựu, nhưng hy vọng chúng sẽ được như thế ấy. Ông cũng nên thường bảo với chúng những lời ấy ngõ hầu chúng nó nhìn vào cái tên nghĩ đến ý nghĩa, đều đáp ứng được lòng mong mỏi vậy!

2. Phan Mậu Xuân đã muốn quy y tự viết thư xin, sao chẳng có lấy một lời khẩn cầu, mà cũng chẳng có chữ nào tỏ vẻ nhún nhường? Nếu bảo là ông ta không biết thì ông cũng không biết hay sao? Trong thế gian, đi đường muốn hỏi đường người ta mà còn phải chắp tay tỏ vẻ cung kính, huống gì quy y tam bảo, muốn nhờ vào đó để liễu sanh thoát tử, rốt cuộc lại xem như chuyện đối xử với người bình thường thì thật là không thông hiểu sự việc quá sức! Quang nói lời này không phải là mong được người khác cung kính, mà là về lý thì phải nên như thế. Nếu không nói, suốt cả đời ông ta cũng chỉ là một người không hiểu chuyện vậy.

Hoàng đế Thuận Trị nhà Thanh lễ thiền sư Ngọc Lâm làm thầy, được đặt pháp danh là Hành Si. Vua viết thư cho đồ đệ của ngài Ngọc Lâm là Hành Sâm, còn ký tên là *"Pháp đệ Hành Si hòa-nam"*. Hòa-nam (vandana) là rập đầu vậy. Hoàng đế đối với đồng môn còn như thế, huống là đối với thầy ư? Quy củ thơm thảo ấy há nên chẳng biết ư? Cổ nhân nói: *"Hạ nhân bất thâm, bất đắc kỳ chân"* (Chẳng hạ mình trước người thật sâu, chẳng đạt được lẽ thật); chứ không nói: *"Thâm hạ ư nhân, nhân tắc tận tâm giáo đạo"* (Hạ mình trước người thật sâu, người sẽ tận tâm dạy dỗ). Bởi lẽ chính mình chẳng thể sanh tâm cung kính, dù người ta có chịu dạy, nhưng trong tâm chính mình có những điều ngạo mạn gây chướng, chẳng được lợi ích. Ví như trên đỉnh núi cao chẳng đọng một giọt nước, nên cây cối chẳng thể sum suê được. Không riêng gì học Phật phải như thế, mà ngay cả học lấy một tài một nghề trong thế gian cũng phải như thế. Nghề nghiệp trong thế gian chỉ là cách kiếm sống bằng thân hay bằng miệng, còn Phật pháp chính là nguồn cội của tánh đạo. Mối quan hệ nặng nhẹ cố nhiên khác biệt vời vợi một trời một vực. Xin hãy đem lời này đưa cho ông ta xem.

Nhưng tôi nay chỉ quan tâm đến cái tâm, chẳng quản đến vẻ ngoài, đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Mậu. Nghĩa là dùng trí tuệ để mình tự cố gắng, khuyến khích người khác, khiến cho ai nấy đều giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, sanh tín phát nguyện, niệm thánh hiệu của Phật, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Làm được như thế thì chính là chân Phật tử. Nếu không, chỉ có cái tên, chẳng được lợi ích thật sự. Những điều khác đã nói tường tận trong bộ Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ. Xin hãy nói với ông ta để luôn tận hết bổn phận vậy.

17. Thư trả lời cư sĩ Du Huệ Úc

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Như nói "gặp phải đại họa, do công hạnh cạn mỏng, không có gì để nắm níu, rất có thể hoảng sợ quẫn trí, đánh mất chánh niệm" thì chỉ nên tin tưởng sâu xa rằng Phật lực, pháp lực, tự tánh công đức lực, sức trì tụng chí thành đều chẳng thể nghĩ bàn. Đừng nói là không có tai họa, dẫu gặp đại họa cũng chẳng đến nỗi quẫn trí, vì có những lực ấy gia bị! Phàm là con người hãy nên hành xử đúng theo địa vị thì chẳng đến nỗi do cảnh ngộ không tốt đẹp mà bị quẫn trí. Phàm những kẻ quẫn trí vì gặp cảnh ngộ không tốt đẹp phần lớn là do không có tín lực sâu xa, lại kèm thêm có ý niệm tiếc nuối cảnh trước, chẳng chịu buông xuống mà ra. Như lúc gặp nạn, chỉ nghĩ cách tránh né, những chuyện khác đều chẳng lo liệu tới, nhất loạt chẳng bận lòng nghĩ đến. Do bận tâm vương vấn chẳng cởi gỡ được nên bị tổn hại vô ích. Do vậy nói: *"Tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn, quân tử vô nhập nhi bất tự đắc yên"* (Gặp cảnh hoạn nạn sống theo hoạn nạn, không trong hoàn cảnh nào mà người quân tử chẳng được tự tại) (chữ nhập (入) nên đọc là như (如), có nghĩa là "đã qua", sách Trung Dung ghi "nhập" nên vẫn ghi theo đúng như sách ấy, chứ thật ra là chữ như). Chúng ta nương dựa một câu Phật hiệu, càng khổ càng tích cực niệm, quyết chẳng đến nỗi lo "bị quẫn trí không làm gì được". Nếu thường ôm giữ nỗi sợ ấy, lâu ngày sẽ thành bệnh (tâm bệnh khó trị nhất), chẳng thể không biết điều này!

18. Thư trả lời cư sĩ Tống Huệ Trạm ở Dịch Huyện

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Phật giáo lấy hiếu làm gốc, kinh Đại thừa tỏ rõ điều này rất nhiều. Những kinh nói tường tận rõ ràng nhất là kinh Phật Báo Ân[31], kinh Địa Tạng, kinh Vô Lượng

[31] Kinh Phật Báo Ân có tên gọi đầy đủ là kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, được dịch vào thời Hậu Hán, mất tên người dịch. Bản kinh này được đánh số 156 và xếp vào phần Bổn Duyên, thuộc tập 3 của Đại Chánh Tân Tu Đại tạng kinh. Kinh này chủ yếu trần thuật những chuyện

Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh Phạm Võng. Một chữ hiếu hiểu theo nghĩa hạn hẹp là thờ cha mẹ; luận theo nghĩa rộng thì phàm những gì thuộc về lý, về tâm mà chẳng trái nghịch thì đều gọi là hiếu. Nếu không, đều là bất hiếu. Người học phải tu đạo hiếu hạn hẹp lẫn rộng rãi thì mới có thể gọi là tận hiếu. Chúng sanh nhập đạo đều phải xem túc nhân như thế nào. Không riêng gì kẻ si độn khó thể giáo hóa, ngay cả người đại thông minh, đại học vấn nhưng lắm khi không bằng kẻ si độn, vì kẻ si độn còn gieo được chút thiện căn, chẳng sanh hủy báng! Chúng ta chỉ tùy phận tùy lực khuyên dạy họ. Nếu muốn tất cả mọi người đều tuân theo sự giáo hóa của Phật thì tuyệt đối chẳng có nhân duyên tốt đẹp như vậy đâu! Chỉ có thể tùy duyên tận tâm mà thôi. Giới là căn bản của hết thảy thiện pháp, hãy nên xem Tại Gia Luật Yếu[32], nhưng kinh văn của giới luật khá nhiều, e khó thể đọc tường tận, nhớ cặn kẽ được. Chỉ cần trong tâm thường giữ tấm lòng "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện", phàm khởi tâm động niệm chẳng để cho một niệm bất thiện nẩy mầm, như thế thì các giới đều giữ trọn vẹn được. Nếu chỉ tìm tòi, suy xét trên mặt sự tướng, dù chẳng phạm một giới nào nhưng vẫn chưa thể gọi là người trì tịnh giới được, bởi trong tâm vẫn có tướng phạm giới, khó khăn như thế đó.

Ông Cừ Bá Ngọc đến năm 20 tuổi biết 19 năm trước là sai; đến năm 50 tuổi, biết 49 năm trước sai trái, muốn giảm bớt lỗi nhưng vẫn chưa thể được. Khổng tử tuổi đã 70 còn mong trời cho sống thêm vài năm để học kinh Dịch hòng tránh khỏi lỗi lớn. Những vị này đều là vì tâm chưa thể hoàn toàn phù hợp khít khao với lẽ trời nên coi là lỗi, chứ không phải việc làm, hành vi của họ còn phạm lỗi. "Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện" là nghĩa trọng yếu trong giới

---

xả thân báo hiếu khi đức Phật còn tu hạnh Bồ-tát, như chuyện thái tử Tu-đạt-noa cắt thịt dâng cho cha mẹ trong khi bôn đào, cũng như giảng giải một số vấn đề về giới luật. Kinh này đã được hòa thượng Quảng Độ dịch ra Việt văn vào trước năm 1975.

[32] Tại Gia Luật Yếu có tên đầy đủ là Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập, do ngài Ngẫu Ích soạn, Nghi Nhuận và Trần Hy Nguyện tăng đính. Đây là một tổng tập các kinh luận liên quan đến giới luật của hàng Phật tử tại gia. Sách này bao gồm một phần trích lục bộ Tứ Phần Luật, Ưu-bà-tắc Thọ Tam Quy Ngũ Giới Pháp Hội Thích (tổng hợp các lời giải thích về cách thọ tam quy ngũ giới), Tam Quy Ngũ Giới Từ Tâm Yếm Ly Công Đức kinh, Quán Đảnh Tam Quy Ngũ Giới Đới Bội Hộ Thân Chú Kinh, Sa Mạt Nẵng Pháp Thiên Tử Thọ Tam Quy Hoạch Miễn Ác Đạo Kinh, Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh, Phật Thuyết Giới Tiêu Tai Kinh, Phật Thuyết Ưu-bà-tắc Ngũ Giới Tướng Kinh Thiển Yếu, Phật Thuyết Trai Kinh Chú (chú giải kinh Phật nói về trai giới), phẩm Quán Tâm và phẩm Phát Bồ-đề Tâm của Đại Thừa Bổn Sanh Tâm Địa Quán Kinh, Ngoại Đạo Vấn Thánh Đại Thừa Pháp Vô Ngã Nghĩa Kinh, Ưu-bà-tắc Giới Kinh Thọ Giới Phẩm Thiển Yếu (giải thích sơ lược về những điều quan trọng trong phẩm Thọ Giới của kinh Ưu-bà-tắc Giới), Bồ-tát Ưu-bà-tắc Ngũ Giới Oai Nghi Kinh, trích yếu phần sớ giải Phật Thuyết Phạm Võng Kinh Tâm Địa Phẩm Bồ-tát Giới, Phạm Võng Kinh Sám Hối Hành Pháp v.v..

kinh của Phật pháp. Người độn căn đời sau phải nên dốc sức nơi đây thì mới có thể khế lý khế cơ. Lúc lễ Phật nên tưởng như đích thân đối trước Phật làm lễ sẽ tiêu diệt được vô lượng tội, tăng vô lượng phước. Ở mức cao hơn thì nên y theo bài kệ lễ Phật trong sách Tịnh Độ Thập Yếu để quán tưởng, lại càng hay hơn. Tâm Bồ-đề là tâm tự lợi lợi tha, nguyện sanh Tây Phương phải lấy tâm Bồ-đề làm gốc thì mới mong cao đăng thượng phẩm. Nếu chỉ có tâm nguyện cầu sanh mà không có tâm Bồ-đề thì công đức hèn nhỏ, khó lên được thượng phẩm.

19. Trả lời thư cư sĩ Trần Trọng Vi

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Chỉ có cung kính, chí thành mới hoàn toàn đạt được lợi ích thật sự nơi Phật pháp. Ngoài ra, tùy theo lòng thành lớn hay nhỏ mà được lợi ích lớn hay nhỏ. Nếu chỉ phô trương, màu mè giả dối hầu sướng mắt khoái tai người khác thì rất có thể lại mắc tội khinh nhờn. Ông muốn làm việc công đức để cầu siêu cho cha mẹ, thật là có lòng hiếu, sao còn phải hỏi việc ấy có công hiệu hay chăng? Hỏi như vậy cho thấy tín tâm của ông chưa chân thật, thiết tha! Chí thành khẩn thiết niệm Phật, niệm đến cùng cực thì có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, cho đến rốt ráo thành Phật. Huống chi ông dùng cái tâm hiếu vì cha mẹ đã khuất mà niệm lại chẳng có công hiệu ư? Chỉ sợ tâm ông chẳng hết sức chân thành thì cha mẹ ông đạt được lợi ích cũng chẳng cao trỗi lớn lao cho lắm. Thấy ông vì làm công đức để cầu siêu cho cha mẹ, viết thư hỏi tôi, mà vẫn chưa chịu nhún mình, chỉ kính một cái rồi thôi, vậy biết tâm vì cha mẹ của ông cũng hời hợt mà thôi! Hãy nên phát tâm chân thật thì mới có thể quyết định cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương.

20. Thư trả lời cư sĩ Trần Dật Hiên

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Xưa nay rất nhiều vị đại anh hùng hào kiệt, cũng có người gánh vác Phật pháp, dốc chí tu trì, mà cũng có người học rộng nghe nhiều, nhưng cả đời chẳng biết đến Phật pháp nghĩa lý như thế nào, cũng có người hoàn toàn chẳng thông hiểu, nhưng cũng chẳng tán dương mà cũng không hủy báng. Có kẻ tuyệt đối chẳng biết gì về Phật pháp, nhưng tùy tiện dựa theo ý mình chê bai xằng bậy. Lại có kẻ trong tâm bội phục Phật pháp sâu xa, đã trộm lấy Phật pháp để lập môn đình xưng hùng, nhưng lại cố ý phỉ báng hòng ngăn lấp hết thảy mọi người học Phật pháp. Tri kiến của chúng sanh biến huyễn lạ lùng! Cứ hễ nghĩ đến, khôn ngăn người ta thở dài đau đớn. Các ông hãy lấy chuyện gặp khổ để làm hướng dẫn nhập pháp. Nếu chuyện gì cũng như ý, chỉ sợ suốt đời làm kẻ đứng ngoài cửa, lại còn tưởng

mình thấu đạt cùng cực, không ai hơn được. Họa phước trong thế gian dấy lên hay ẩn nấp chỉ là do đương nhân có khéo dụng tâm hay không?

Vợ ông có thể nói là đời trước có thiện căn, cô ta chỉ khuyên ông niệm tam thánh kinh[33], chẳng khuyên ông niệm Phật, niệm Quán Thế Âm, tức là chưa biết Phật pháp. Nếu thật sự biết, há lại chịu trong lúc sanh tử không đảm bảo này mà quy y nơi tam thánh kinh ư? Tam thánh kinh cố nhiên có sự cảm ứng lớn lao, nhưng so với việc niệm Phật, niệm Quán Âm bảo là giống nhau sao được? Lúc cô ta lâm chung, cũng dường như tu tịnh nghiệp đã lâu, biết trước lúc mất. Nếu không phải là bịa chuyện thì chính là do thiện căn tịnh nghiệp đời trước chín muồi mà ra. Trong ngục dặn dò ông, lúc lâm chung dặn dò người nhà, nhưng từ đầu đến cuối chưa hề dặn dò niệm Phật, có lẽ sẽ do "từ, thiện, nhân, hiếu" mà được sanh lên cõi trời. Nếu vãng sanh Tây Phương, quyết chẳng đến nỗi lúc lâm chung không tự niệm và không khuyên người nhà niệm. Nay tốt nhất là nên niệm Phật giùm cho cô ta, cầu mong cô ta chưa được vãng sanh bèn vãng sanh, đã vãng sanh sẽ nâng cao phẩm vị.

Ông gởi thư đến lời lẽ khá khẩn thiết, nhưng vẫn còn có tập khí khinh tăng mạn pháp, tập khí ấy thật sự chướng ngại cho việc học đạo. Nếu đích thân đến quy y, pháp sư truyền giới thăng tòa thuyết giới thì phải dập đầu chừng hai mươi, ba mươi lượt trở lên, dẫu nói dễ dãi thì cũng phải dập đầu mấy lượt. Ông gởi thư xin quy y, chỉ nói "chắp tay khải thỉnh" rồi thôi. Chắp tay vái chào là nghi thức giữ lễ của người đi đường hỏi thăm đường, ông muốn quy y tam bảo để giúp cho chuyện liễu sanh thoát tử, lại muốn báo đáp ân đức của hiền thê và độ thoát hết thảy chúng sanh. Kỳ vọng rất lớn, nhưng lại khuất mình rất ít, hơi mắc cái tệ nhân quả chẳng phù hợp! Xưa kia, hoàng đế Thuận Trị viết thư cho môn nhân của quốc sư Ngọc Lâm còn dùng từ ngữ *"Pháp đệ Hành Si hòa-nam"* (Hành Si là pháp danh của Thuận Trị). Đem đây kia so sánh nhau, chẳng khác biệt như trời với đất ư? Quang hoàn toàn chẳng phải vì cầu người khác cung kính mà nói như vậy.

Nếu dựa theo lý tánh thì cố nhiên không có tướng nhân ngã để được, huống chi từ vô thủy đến nay, lần lượt làm cha mẹ, anh em v.v. của nhau, tương lai đều cùng thành Phật để độ chúng sanh! Do vậy nói: "Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai", cung kính còn không xuể, sao còn dám trách móc những thiếu sót của người ta ư? Nhưng duy trì Phật pháp mà không

[33] Tam thánh kinh là những thiện thư được coi trọng nhất tại Trung Hoa từ thời Minh - Thanh trở đi, gồm Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn và Giác Thế Kinh (theo tiến sĩ Du Tử An thuộc đại học Hương Cảng). Giác Thế Kinh chính là Quan Thánh Đế Quân Giác Thế Chân Kinh (tương truyền do Quan Công giáng cơ) có nội dung khuyến thiện, nêu tỏ lẽ nhân quả nên cũng rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

lập ra nghi lễ nghiêm túc thì không sao khiến cho người khác sanh lòng kính ngưỡng, tận lực tu trì được. Do vậy, trong luật quy định: "Hễ thỉnh pháp mà thiếu nghi thức cung kính thì chẳng nói!" Ngài Thường Bất Khinh thấy người khác liền lễ bái, người ta dùng roi, gậy, ngói, đá đánh ném, vẫn chạy tránh ra xa lễ bái, đấy chính là căn cứ trực tiếp trên bản thể để gieo chủng tử, chứ không phải là lề lối duy trì pháp đạo của kẻ phàm phu. Chỉ sợ ông chấp vào danh nghĩa ấy, cho là cái nhìn của Quang hẹp hòi, nên mới trình bày đại lược cùng ông, đó cũng là một cách để trừ khử phiền não vậy. Mạn là căn bản phiền não, học Phật dùng cách này đối trị phiền não hữu ích lắm, cho nên không thể không bảo cùng ông.

Nay đem lầm lạc đáp tạ lầm lạc, đặt pháp danh cho ông là Đức Khiêm, khiêm có nghĩa là chẳng tự thỏa mãn, cho là đủ. Kinh Kim Cang nói: *"Phát độ tận nhất thiết chúng sanh tâm, linh kỳ nhập Vô dư Niết-bàn, nhi bất kiến nhất chúng sanh đắc diệt độ giả"* (phát tâm độ trọn hết thảy chúng sanh khiến cho họ đều nhập Vô dư Niết-bàn, nhưng chẳng thấy một chúng sanh nào được diệt độ). Ví như trời che đất chở, chỉ tận hết bổn phận sanh thành, chẳng hề cậy mình có công lao sanh thành. Đây thật sự đúng là "không có các tướng ta, người, chúng sanh, thọ giả". Đấy gọi là bậc quân tử khiêm nhường, được kết cuộc tốt lành. Khiêm tốn thì sẽ gánh vác được hết thảy những gì nên gánh vác. Dẫu đạt đến địa vị thánh hiền vẫn luôn biết người khác đều hơn mình, như biển dung nạp các sông, như hư không chứa đựng mọi hình tượng, trọn không cự tuyệt một vật nào chẳng dung nạp, chẳng bao gồm. Ông khéo hiểu được nghĩa này thì dù thân mệt nhọc nhưng tâm vẫn thường nhàn nhã, lợi ích ấy ông sẽ tự biết. Những điều khác nên xem trong bộ Văn Sao và các sách Tịnh độ, ở đây không ghi đầy đủ.

Văn Sao, nhất là đối với người mới phát tâm, là một quyển sách không thể không đọc, bởi lẽ ngôn từ nông cạn, gần gũi, tường tận, lại còn có nhiều chỗ phát huy sự lý "sống trong cõi trần học đạo, tu chân trong cõi tục". Do học Phật cho nên căn bản của chí thành, chánh tâm thành ý, tu tề trị bình đều nắm được. Phật pháp thật tích cực, bác ái, kẻ không biết lại ngược ngạo cho là tiêu cực, tự tư tự lợi, coi pháp rốt ráo độ người thoát khổ của Phật là pháp ngu xuẩn, mê hoặc kẻ ngu tục. Do đó dần dần tích tập đến nay, trở thành những thảm kịch như phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường v.v., chẳng nỡ thấy nghe! Nếu như ai nấy đều biết nhân quả báo ứng, biết chết đi thần thức bất diệt, tùy theo tội phước mà thăng trầm, lẽ nào đến nỗi có tình trạng như vậy?

21. Trả lời thư các cư sĩ Viên Hiếu Cốc và Tào Tung Kiều

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Thư các ông gởi đến chẳng nỡ đọc hết, vì sao đồng bào chúng ta lại gặp phải đại kiếp này! Nước lụt vừa rút, đê đập chưa sửa, nước lại trào dâng, càng thêm thảm khốc. Huống chi nạn giặc cướp chưa dẹp yên, tai vạ chiến tranh lại dấy lên, khiến cho dân đen không còn lẽ sống. Gần đây nghe nói những thứ tiền cứu trợ, quần áo đã được liên tục chở đến tặng, nhưng ai chịu bỏ những thứ trang sức phù phiếm để làm công đức? Gần đây có những phụ nữ tuy có những chiếc nhẫn đeo tay hay xuyến vàng đã chê là lỗi thời, nhưng bảo họ đem đóng góp cứu trợ, nhìn vào tình hình thì thấy họ vẫn không chịu bỏ ra. Ngày hôm qua, đương gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân đến nơi, toàn thể đại chúng trong chùa giảm bớt tiền chi dụng, góp lại được 228 đồng, hôm nay đã gởi đến Tào Phủ để cứu trợ miền Giang Bắc.

Lần trước, sau khi Hán Khẩu mắc nạn lụt, Linh Nham đã đóng góp hơn 120 đồng, gởi lên Thượng Hải giao cho hội Cứu trợ thiên tai Hán Khẩu. Sự bố thí của các sư có thể nói là trọn hết tấm lòng không thiếu sót vậy. Những người có tiền trong cõi đời vẫn chẳng chịu nghĩ thương những người dân bị tai nạn, đáng gọi là những kẻ si, uổng công tích cóp tiền tài cho con cháu tiêu xài phí phạm. Đấy gọi là "vứt bỏ công đức để chuốc lấy tội lỗi", khiến người mắt sáng xót thương. Sợ rằng người ấy đời sau nếu gặp phải tai nạn sẽ trọn chẳng gặp được người khác cứu giúp, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng xót ư? Chỉ mong chư vị được Phật gia bị, thân tâm nhẫn nại nhọc nhằn, ngõ hầu dân chúng đang bị tai ương được chở che, chẳng đến nỗi không được cứu giúp, không nơi nương nhờ. Mười ngày trước đây, do đê vỡ, viện mồ côi cũng bị nước tràn vào, còn độ hơn 20 gian phòng chưa ngập. Về sau, nước lại dâng cao hơn, chỉ còn hơn 10 gian. Tường trong viện bị sụp đổ rất nhiều, những bông vải, hoa quả, rau cỏ đã trồng đều bị nước nhận chìm. Tổn thất lần này cũng chẳng ít, biết làm sao bây giờ? Nỗi khổ của người dân bị tai ương có thể nói là đến mức cùng cực, hãy nên dạy họ niệm Phật và niệm Quán Âm. Do nhân duyên ấy mà gieo thiện căn, cũng là một cách cứu tế từ căn bản vậy! Trong cơn đau khổ lớn lao này, thấy quý vị chẳng tiếc tinh thần lo cứu tế, dạy họ niệm Phật sẽ khiến họ tin nhận dễ dàng.

22. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương

(Hai lá thư. Ông này vốn tên là Tự Xương)

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

1. Ông Lưu Hán Vân có thể nói là xưa đã có thiện căn, nhưng đã tin tưởng Phật pháp nhiều năm, lẽ ra phải sớm ăn chay, sao lại đợi đến tuổi hoa giáp (sáu mươi) mới phát tâm vậy? Do đây biết rằng, thói quen thế tục chẳng dễ thay đổi. Nay đã đổi được, cũng đáng gọi là có nghị lực mạnh mẽ. Ông ta đã thường xem

Văn Sao thì cố nhiên tâm đã hiểu rõ ràng phương pháp tu trì. Điều quan trọng nhất là phải quyết định cầu đến khi lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Muốn sanh Tây Phương thì thường ngày phải dốc sức nơi tin sâu nguyện thiết, chí thành niệm Phật, ưa thích sự tịnh diệu của Tịnh độ, nhàm chán sự trược ác cõi Sa-bà. Tự hành như thế mà dạy người cũng giống như thế. Chẳng được có một tâm niệm cầu mong đời sau được hưởng phước báo trời người, ắt sẽ có thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, quyết định có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nay tôi đặt cho ông ta pháp danh là Huệ Vân, nghĩa là dùng vầng mây đại trí tuệ tuôn trận mưa pháp cam lộ để nhuần đượm cả mình lẫn người (đấy chính là "huệ vân pháp vũ"), tức là "thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tin sâu, nguyện thiết, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương".

Ông ta lại từng thương xót siêu độ những cô hồn chết vì băng huyết khi sanh nở. Nhưng đối với hết thảy nữ nhân cũng nên lập cách sao cho họ vĩnh viễn không bị băng huyết khi sanh nở, khiến cho họ được lìa khổ hưởng vui ngay trong đời này. Cách đó ra sao? Phàm là con gái thì từ bé hãy nên niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để cầu tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước thọ. Nếu bình thời thường niệm sẽ tự có thể tiêu diệt được tai nạn trong khi sanh nở này. Như đang lúc sanh nở, vẫn nên chí thành khẩn thiết niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" thì chắc chắn sẽ dễ sanh, chẳng phải chịu khổ. Nếu lúc bình thường hoàn toàn chẳng niệm Phật và niệm Quán Âm, nhưng lúc sanh nở chịu niệm thì cũng nhất định được sanh nở bình an. Nếu có ai khó sanh, hãy dạy kẻ ấy niệm và những người săn sóc chung quanh cùng nhau niệm cho người ấy, cũng quyết định liền được sanh nở bình an.

Chớ nói "đang khi sanh nở lõa lồ, ô uế, niệm danh hiệu Bồ-tát sẽ bị tội!" Phải biết: Đấy là lúc liên quan đến tánh mạng, chẳng thể dùng đạo lý lúc bình thường để luận định được. Lúc bình thường, phàm là người niệm Phật nếu áo mũ không chỉnh tề, hoặc ngủ nghỉ, tắm giặt, đại tiểu tiện v.v. chỉ nên niệm thầm trong tâm, chẳng nên niệm ra tiếng rõ ràng. Còn khi sanh sản, chớ nên niệm thầm trong tâm, mà phải niệm ra tiếng rõ ràng, bởi niệm thầm sức yếu, nếu trong tâm gắng sức sẽ rất có thể bị bệnh. Niệm rõ tiếng thì hơi thở thông suốt, hết sức hữu ích, chớ nên nói "niệm sẽ mắc tội". Phải biết rằng, Bồ-tát xem hết thảy chúng sanh đều giống như con ruột, nếu con cái ngã vào nước lửa, cầu cứu cha mẹ, cha mẹ nghe thấy liền cứu ngay, quyết chẳng vì lý do áo mũ không chỉnh tề, thân thể không sạch sẽ mà chẳng cứu! Nếu lúc bình thường cũng niệm giống như khi vì chẳng đặng đừng mà phải lõa lồ ấy thì tội chẳng nhỏ. Cần phải luận theo sự, đừng chấp chết cứng. Có kẻ chẳng hiểu lý, hễ trong nhà có người sanh nở, họ bèn lánh đi nơi khác hơn

cả tháng mới dám quay về, cho rằng hễ bị huyết tanh xông nhằm thì những kinh, chú, Phật hiệu đã niệm từ trước đều trở thành không có công đức gì. Những kẻ ngu ấy đáng thương xót tột bậc! Hãy nên đem lời Quang bảo với khắp mọi người, ắt sẽ chẳng còn ai bị chết vì sanh sản nữa.

2. Nội công (công phu tu hành bên trong) là tự tu; ngoại công là rộng hành các phương tiện, như: giúp đỡ kẻ ngặt nghèo, cứu người khốn đốn, cứu giúp tai nạn v.v., đấy gọi là trợ đạo. Những điều này nên dựa theo sức lực, khả năng của chính mình mà làm. Nếu không có sức thì hoặc dùng lời nói để chỉ điểm cho kẻ mê, hoặc dùng lời lẽ khuyên lơn đại chúng, khiến cho mọi người đều thành tựu chuyện của họ. Nếu do được người ta thỉnh mà niệm kinh, niệm Phật thì phần nào vẫn là kẻ lười nhác, mang hành vi dựa dẫm vào Phật để kiếm sống. Sao ông lại chen lẫn vào đó, chẳng sợ đánh mất phẩm cách của chính mình hay sao? Chỉ có một sự đáng làm, nhưng ông đã có nghề nghiệp, nên cũng chẳng thuận tiện lắm; tức là hễ gặp lúc có người thường ngày niệm Phật, hoặc con cháu người ấy tin Phật, khi người ấy lâm chung, thỉnh các vị cư sĩ đến trợ niệm, lợi ích ấy rất lớn. Hãy xem sách Sức Chung Tân Lương sẽ tự biết.

Người niệm Phật hãy thường đối trước cha mẹ của chính mình và những quyến thuộc khác nói cho họ nghe lợi ích của sự trợ niệm, để đến khi có người mạng chung, quyến thuộc trong nhà đều cùng niệm Phật thì người sắp mất ấy ắt nương theo Phật lực sanh về Tây Phương. Dẫu chẳng sanh Tây Phương, ắt cũng sanh vào đường lành, có lợi ích rất lớn, chẳng tổn thương mảy may. Nếu chẳng biết điều này, khi chưa chết đã lo tắm rửa, thay quần áo sẵn, nếu do bị dời động mà đau đớn, sân tâm liền nổi lên. Dẫu chẳng đến nỗi nổi sân, nhưng qua một phen dời động, tâm cũng chẳng được thanh tịnh. Nếu là người bình thời niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trải qua một phen như thế, chắc chắn bị mất chánh niệm, chẳng được vãng sanh. Nếu chưa chết đã khóc lóc trước khiến cho người sắp mất ấy sanh tâm ái luyến thì cũng là lôi kéo khiến cho người ấy bị đọa lạc. Một cửa ải lâm chung khẩn yếu tột bậc, do vậy phải nên trợ niệm. Người trợ niệm cần đọc kỹ sách Sức Chung Tân Lương, bảo con cái quyến thuộc trong nhà đều tuân theo chỉ dạy của người trợ niệm, mới hòng chẳng đến nỗi do tâm hiếu lại đâm ra làm cho cha mẹ phải chịu nỗi khổ đọa lạc. Ngoài việc trợ niệm ra, mọi chuyện đều chẳng nên làm. Nếu phong cách này (tức cách ứng phó này) được lưu hành thì chuyện thiện nam tín nữ niệm Phật chẳng trở thành một nếp xử sự phổ biến hay sao? Người hiểu lý chọn lấy chuyện tốt lành để làm, người không hiểu lý chỉ thấy lợi bèn theo, người có nghề nghiệp lỡ làng công việc, kẻ lười nhác bèn dựa vào đó để chòng ghẹo, chẳng những gây trở ngại cho tăng chúng mà còn gây trở ngại cho chính tang gia.

23. Trả lời thư cư sĩ Thang Văn Huyên (hai lá thư)

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

1. Hôm qua thầy Minh Đạo đem thư ông tới. Đọc những lời ông phát lộ sám hối, có thể gọi là bậc hữu chí, nhưng hằng ngày phải mở rộng cái tâm sám hối ấy ra, ngõ hầu chẳng đến nỗi biến sức công đức Phật tánh thành căn cứ để tạo ác nghiệp chịu sự khổ cùng cực. Tội lớn tầy trời chẳng thể cự lại một chữ hối. "Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được niệm bèn thành thánh", tâm Nghiêu, Thuấn, Phật, Bồ-tát và tâm chúng ta có cùng một giác thể, nhưng do chúng ta nghịch tánh mà tu nên chìm đắm trong loài chúng sanh nghiệp khổ. Ông đã biết sai, hãy nên tận lực sửa lỗi. Đối với mọi chuyện, đều có thể tận lực sửa đổi sẽ đạt đến chỗ không còn lỗi lầm. Nếu chỉ sanh lòng hổ thẹn tạm thời, rồi cứ lần chần chẳng tự tu trì thì vẫn lặn hụp trầm luân trong biển tội nghiệp y như cũ, không thể thoát ra được. Xin hãy đọc cặn kẽ các sách thì sẽ lần lần đạt đến chỗ khá hơn, ngõ hầu chẳng đến nỗi sống uổng chết phí, sống như gỗ, đá, cầm thú trong vòng trời đất, sống đã vô ích cho người, mà lại còn có hại cho người!

Về chuyện quy y, hãy để thong thả. Nếu ông vẫn chẳng thay đổi lề thói cũ thì quy y lại trở thành tội lỗi. Vì sao vậy? Chẳng quy y thì khi tạo nghiệp chẳng mắc lỗi hoại pháp. Quy y xong vẫn tạo nghiệp, ắt người ta sẽ dựa vào chuyện đã quy y rồi mà vẫn tạo nghiệp, do đó họ sẽ phỉ báng Phật pháp là tệ hại. Hơn nữa, ông muốn quy y lại hoàn toàn chẳng chịu nhún mình, làm sao thỏa mãn ý nguyện của ông cho được? Người đi đường hướng về người khác hỏi lối, còn phải chắp tay để biểu thị ý cung kính. Nay muốn quy y tam bảo vẫn chẳng chắp tay kính trọng, tức là tập khí tự cao tự đại vẫn chưa chiết phục được mảy may nào, làm sao cho ông quy y được? Nếu đích thân đến xin quy y, pháp sư lên tòa nói pháp quy y, người xin quy y phải dập đầu ba bốn mươi lần, quỳ lâu chừng một giờ. Dẫu nói dễ dãi cũng phải dập đầu mười mấy cái. Ai dám tự chuốc lấy tội khinh pháp để cho ông quy y? Quy y giống như bái sư trong thế gian, há những kẻ bái sư trong đời cũng chẳng theo lễ nghi chắp tay hay sao? Nếu luận từ đằng gốc thì hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, lễ bái cúng dường còn chẳng xuể, nào dám trách ai thiếu lễ! Nếu luận trên hình tích duy trì pháp đạo, phàm những kẻ chẳng chịu tự nhún mình mà cứ cho họ quy y thì chính mình cũng mắc tội lỗi rất nặng.

2. Ai cũng có thể là Nghiêu, Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu, Thuấn, chẳng thể thành Phật là vì chẳng lập chí mà ra. Không có chí sẽ chẳng sanh hổ thẹn, yên phận phàm ngu, luân hồi trong tam đồ lục đạo cả kiếp dài lâu, không thể thoát được. Ông đã phát lòng hổ thẹn, phát tâm mong

thành thánh, thành hiền, học Phật, học tổ, cố nhiên là do thiện căn đời trước tạo thành. Hãy nên "mỗi ngày một mới" để hoàn toàn vứt bỏ mọi ý nghĩ, hành vi chẳng chánh đáng trước kia. Một nhát dao chặt đứt làm đôi, chớ có "dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng", vương vấn do dự ắt đến nỗi chẳng mấy chốc lại quay về nẻo cũ, vùi lấp trong mười thứ ác nghiệp y như cũ, khiến cho Phật tánh "sáng tỏ minh đức" sẵn có đều bị chướng lấp chẳng thể hiển hiện, dùng tư cách thành thánh, thành Phật để nằm tù Diêm-la, đối diện ngục tốt[34], chẳng đáng buồn ư?

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Chấn, nghĩa là dùng trí tuệ đánh động, dẹp dứt, ngõ hầu mình lẫn người đều siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, thoát khỏi đời ác ngũ trược, vượt lên cõi sen chín phẩm. Những sách đã gởi lần trước đều có thể nương theo đó để tu trì, nhưng Văn Sao, Gia Ngôn Lục là trọng yếu nhất. So với Văn Sao, Gia Ngôn Lục đọc đỡ mất công hơn, xin hãy lắng lòng đọc thì phương pháp tu trì thế gian và xuất thế gian sẽ đều hiểu trọn vẹn, ở đây không viết chi tiết nữa. Quang già rồi, tinh thần chẳng đủ, chẳng nên thường gởi thư đến, hễ gởi đến sẽ chẳng phúc đáp. Đại cương của pháp môn Tịnh độ là ba món tín - nguyện - hạnh, cốt lõi tu trì là "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối", không cần phải nói nhiều. Nương theo đó tận lực thực hành sẽ đích thân đạt được lợi ích. Nếu muốn làm một vị đại thông gia chắc sẽ đến nỗi gạt pháp liễu sanh thoát tử ngay trong đời này qua một bên thì đáng thương xót lắm thay!

24. Thư trả lời cư sĩ Ngô Thương Châu (ba lá thư)

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

1. Bệnh dịch đang lan truyền, vợ con đều mắc bệnh, hãy dạy bọn họ ai nấy đều chí thành niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát. Nếu ông có thể niệm chú Đại Bi thì hãy gia trì nước Đại Bi cho họ uống, sẽ tự được lành bệnh, không cần phải miệt mài chữa trị. Những điều ông nói tợ hồ nắm được đại ý, nhưng chỉ là nói suông, hoàn toàn chẳng dùng được mảy may gì. Phật pháp có vô lượng pháp môn, nhưng đều phải tu đến khi nghiệp tận tình không thì mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu không, dù có sở đắc thì vẫn cứ y như cũ, chẳng làm gì được sanh tử. Như trong hiện thời, sợ rằng khắp cõi đời cũng khó được một hai người đạt đến địa vị nghiệp tận tình không. Chỉ có một pháp niệm Phật nếu đầy đủ tín chân, nguyện thiết, chí thành niệm Phật cầu sanh Tây Phương, dù toàn thân là nghiệp lực, vẫn đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, ấy gọi là "mang nghiệp vãng sanh". Hễ sanh về Tây Phương thì liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh.

[34] Ngục tốt: cai ngục, lính canh ngục. Ở đây là các quỷ sứ canh giữ địa ngục.

Vì thế thiện tri thức đời mạt phần nhiều đều chuyên chú Tịnh độ, bởi lẽ Tịnh độ thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, đạt được hiệu quả nhanh chóng.

Thường có những kẻ thông minh, hơi hiểu giáo nghĩa, hoặc biết đôi chút lẽ thiền, bèn tự cho mình là bậc thông suốt, miệt thị niệm Phật, cho niệm Phật là chuyện để bọn ngu phu, ngu phụ làm. Đấy đều là những kẻ chẳng biết tự xét, là hạng cuồng đồ, cứ tưởng "hiểu nghĩa lý theo văn tự chính là thật chứng", chắc chắn là hạng "nói không, làm có", dùng thân báng pháp, tương lai ắt đọa tam ác đạo, được những ngu phu, ngu phụ niệm Phật vãng sanh Tây Phương thương xót nhưng chẳng thể cứu vớt. Ông đã nguyện quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thương, ngụ ý: Đổi tên chẳng đổi thể[35], nhưng chữ Thương trước kia (tức chữ Thương trong tên thật) có nghĩa là cả mình lẫn người đều chìm đắm mênh mông, nay nương theo Phật pháp tu trì, liền trở thành cả mình lẫn người đều được lợi lạc mênh mông. Tuy cùng có nghĩa là mênh mông, nhưng sự khác biệt giữa nguyên do của hai thứ mênh mông ấy cố nhiên nào phải chỉ giống như sự khác biệt giữa trời với vực!

Phương pháp tu trì niệm Phật cùng với giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện v.v. thì Văn Sao, Gia Ngôn Lục đều đã nói đầy đủ cả rồi, ở đây không viết cặn kẽ. Đã thấy hình chụp của ông, còn hình chụp của Quang dĩ nhiên là chẳng có! Vì Quang một bề chẳng thích phô trương, phàm những chuyện trình diễn phô phang sáo rỗng đều chẳng thích làm. Ông nói xưa kia ở chỗ của Sư đoàn trưởng Hám[36] tìm được tiểu sử của Quang, lời ấy cũng chẳng phải là chuyện thật. Ông Hám cố nhiên tin Phật, nhưng chưa từng hỏi Quang câu nào, e rằng ông ta nghe được mấy câu từ nơi Trần Đại Tâm, nhưng Quang một mực chẳng kể cùng người khác những chuyện trước kia. Những lời ông ta nói chắc là chuyện gần đây. Nếu là chuyện trước khi xuất gia thì đều là thêm thắt. Gần đây do phát chẩn[37] ông ta đến thôn tôi thì những tiểu sử do người trong thôn chép lại cho ông ta cũng không đích xác, bởi Quang rời nhà đã 52 năm, những kẻ hậu sinh nghe nói lại chỉ biết được một hai chuyện. Ông ta bảo Quang bổ túc, Quang nại cớ kỳ chết đã gần, chẳng muốn lưu tiếng suông cho đời nên chẳng bổ túc. Về sau ông ta lại viết thư bảo bổ túc, Quang gởi cho ông ta một gói sách, nhưng vẫn chẳng trả lời thư ấy. Tôi nói với ông điều này vì ông nói là ông biết tiểu sử của Quang vậy.

---

[35] Vị cư sĩ này tên là Thương Châu, tổ dùng ngay chữ Thương trong tên để đặt pháp danh nên nói "đổi tên chẳng đổi thể".

[36] Sư đoàn trưởng Hám ở đây chính là ông Hám Ngọc Côn, người cầm đầu sư đoàn trấn giữ Tung Huyện ở Thiểm Tây (đoàn quân này thường được gọi tắt là Trấn Tung Quân).

[37] Phát chẩn: Đi cứu trợ, tặng phẩm vật cứu tế cho nạn nhân thiên tai, chiến cuộc.

2. Quý quyến đều chịu niệm Phật, có thể nói là xưa đã có duyên với Phật, cho nên mới được làm quyến thuộc với nhau. Ông nói chẳng bao lâu nữa sẽ cùng lệnh phu nhân đến đất Tô, trộm cho rằng không cần thiết. Nếu có thể chí thành khẩn thiết niệm Phật thì nào có thiếu sót gì. Dẫu không gặp Ấn Quang cũng hoàn toàn chẳng mất mát gì cả! Dẫu gặp mặt, ngoài Văn Sao ra, há còn có diệu pháp "khẩu truyền, ngầm trao" nào nữa ư? Nếu thật sự có diệu pháp "khẩu truyền, ngầm trao" thì kẻ ấy chính là ma vương, ngoại đạo, nên tránh xa còn không kịp, huống là lại muốn cầu pháp đó nơi kẻ ấy ư? Huống chi nay đang lúc đói kém, nếu những người chủ chốt trong nhà đều đi xa mấy ngày, rất có thể kẻ nhỏ nhen, tệ hại sẽ thừa cơ trộm cắp. Nếu vạn nhất có chuyện ấy, chẳng những vợ chồng ông bị người ta chê là mê tín, mà người ta còn nói Quang thiếu đức khiến cho người khác mắc họa. Cư sĩ Triệu Vân Bằng quy y với pháp sư Ứng Từ[38], cực hay cực tốt, cần gì phải quy y với Quang nữa? Nếu cứ nhất quyết muốn quy y, nào có danh hay không danh để nói đây? Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), ông Từ Úy Như và Quang chưa từng gặp mặt lần nào, nhưng do trong năm đầu Dân Quốc (1911) thấy Phật Học Tùng Báo đăng tải mấy bài của Thường Tàm (đây không phải là tên tôi, chỉ là tên tùy tiện dùng vì chẳng muốn người khác biết tên vậy), chẳng biết là tăng hay tục, nên thường nghe ngóng. Đến năm Dân Quốc thứ năm (1916), đã nghe biết được rồi, bèn cậy bạn ngỏ lời muốn thư từ qua lại thưa hỏi, Quang cự tuyệt không bằng lòng. Đến năm Dân Quốc thứ bảy (1918), đem hơn 20 thiên văn sao in thành sách. Ông ta theo mẹ đến Phổ Đà, xin quy y, Quang dạy ông ta quy y với ngài Đế Nhàn (ông ta rời núi, bèn thỉnh pháp sư Đế Nhàn lên kinh đô giảng kinh). Năm Dân Quốc 17 (1928) gởi thư đến nói: "Trước kia con muốn quy y, thầy dạy quy y với ngài Đế Nhàn, mười năm qua trong lòng vẫn trọn cảm thấy không thỏa ý, vẫn xin thầy chấp nhận cho con quy y." Quang trả lời ông ta: "Ông quyết ý muốn quy y, thôi thì cũng được, nhưng pháp danh thì vẫn dùng pháp danh do ngài Đế Nhàn đã đặt[39], cần gì phải đặt pháp danh khác?"

---

[38] Pháp sư Ứng Từ (1873-1965), quê ở tỉnh An Huy, pháp tự Hiển Thân. Năm Quang Tự 24 (1898), xuất gia tại am Tam Thánh ở Nam Kinh. Bốn năm sau thọ giới cụ túc tại chùa Thiên Đồng ở Chiết Giang do ngài Bát-chỉ-đầu-đà làm hòa thượng truyền giới. Sau sư theo học với ngài Dã Khai ở chùa Thiên Ninh. Năm Quang Tự 34 (1908), cùng với pháp sư Nguyệt Hạ được truyền pháp bởi hòa thượng Dã Khai. Về sau, sư được ngài Nguyệt Hạ giao nhiệm vụ lãnh đạo học viện Pháp Giới. Năm Dân Quốc 12 (1923), sư yếm quan tại chùa Bồ-đề ở Hàng Châu, không lâu sau đứng ra mở học viện Thanh Lương. Sư suốt đời lấy việc hoằng dương kinh Hoa Nghiêm làm chí nguyện, lấy Thiền làm tâm tông, đề xướng khắc in ba thứ bản dịch kinh Hoa Nghiêm cũng như các tác phẩm chú giải kinh Hoa Nghiêm như Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương của ngài Pháp Tạng, Hoa Nghiêm Đại Sớ Diễn Nghĩa Sao của ngài Trừng Quán, và các bản sớ giải của kinh Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Lăng-già v.v.. Sư thị tịch năm Dân Quốc 54 (1965) tại Thượng Hải, thọ 93 tuổi. Khi tổ Ấn Quang viết lá thư này thì pháp sư Ứng Từ đã 58 tuổi.

[39] Ông Từ Úy Như tên thật là Văn Úy, Úy Như là pháp danh do pháp sư Đế Nhàn đặt cho ông.

Ông Triệu đã quy y với sư Ứng Từ, nếu vẫn muốn thờ Quang làm thầy thì hãy nên luận theo phương pháp tu trì Quang đã nói, chứ đừng luận trên pháp danh. Pháp được thầy Ứng nói chính là pháp Đại thừa, còn pháp Quang đã nói chẳng phải Đại, chẳng phải Tiểu, vừa là Đại, vừa là Tiểu, là pháp mà trên đến Đẳng giác Bồ-tát, dưới đến phàm phu sát đất đều cùng tu cùng chứng, cố nhiên phải nên chú trọng pháp này. Nếu hời hợt coi nó giống như hết thảy các pháp Đại thừa thì chuyện liễu sanh thoát tử chắc là lâu lắc lắm. Ông nói "vứt bỏ hết để được độ thoát", xét đến cùng là chỉ lợi ích cho một người, là mặc kệ ba đứa con. Vì thế hãy nên thong thả đã!

3. Phàm phu chưa từng đích thân chứng được Phật tánh, tất cả công đức của tự tánh hoàn toàn chẳng được phát hiện và thọ dụng, nên hết thảy phải thuận theo nghiệp. Cái sắc thân trong đời hiện tại gọi là báo thân, tức là quả báo của những điều thiện hay ác đã tạo trong đời trước. Người niệm Phật tuy không còn tạo nghiệp sanh tử nữa, nhưng túc nghiệp chưa hết, làm sao có thể được vãng sanh ngay lập tức? Nếu tâm nhàm chán thế gian thiết tha, kiệt lòng thành, tận lòng kính, chuyên chí niệm Phật, cầu Phật rủ lòng từ sớm đến tiếp dẫn thì cũng có người sớm được vãng sanh. Nếu tự hủy hoại mạng sống để mong vãng sanh liền thành uổng tử quỷ (quỷ chết oan). Do người ấy công phu chưa đạt mà tự hủy mạng thì khi đang hủy mạng, tâm đã mất chánh niệm, huống chi nỗi khổ do tự hủy mạng không thể thí dụ được. Tâm mất chánh niệm thì làm sao tương ứng với Phật, được Phật tiếp dẫn? Thứ tà kiến này tự lầm, lầm người, gây hại tột bực! Chớ nói lời ấy để kẻ vô tri khỏi bị hại.

Người có quyền lực thì cứu người cứu đời dễ dàng, mà hại người hại đời cũng dễ lắm! Nếu dùng quyền lực có được do hại người hại đời để mong cứu người cứu đời thì dĩ nhiên chẳng bằng dốc lòng từ thiện, tùy phận tùy sức để cứu người cứu đời, sẽ có ích, không bị tổn hại. Nếu hâm mộ quyền lực, muốn có quyền lực để cứu người cứu đời, xin hãy suy xét kỹ: Có thể nào đạt được quyền lực lớn lao ấy mà không phải trả giá hay chăng? Nếu tâm chân thật tu hành, dù không có quyền lực vẫn có thể cứu người cứu đời, chỉ không thể rộng lớn như người có quyền lực mà thôi. Nếu có quyền lực lại có thể làm chuyện cứu người cứu đời, chỉ muốn chuyên chú nơi đạo, chẳng tạo ác nghiệp thì hiện nay không có hạng người ấy đâu! Phú quý làm cho con người mê hoặc đáng sợ vô cùng, người bình thường nếu tiền chuyển giao qua tay, tuy còn chưa phải là vật của chính mình mà tâm niệm đã biến đổi, làm các điều ác, huống chi thật sự có quyền lớn lao mà tâm chẳng thay đổi thì có được mấy ai? Chớ nên hiểu lầm thì chính mình may mắn lắm, mà Phật pháp cũng may mắn lắm vậy!

25. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn

(Năm Dân Quốc 20 - 1931, ông này vốn có tên là Chí Vũ)

Lễ Phật Bồ-tát, trong tâm thầm niệm, hoặc xưng niệm ra tiếng đều được. Niệm Tâm Kinh trước hay sau kinh Di-đà cũng đều được. Vì mở đầu kinh bèn niệm "Liên Trì hải hội Phật Bồ-tát" ba lượt, cho nên niệm kinh Di-đà, chú Vãng Sanh xong rồi mới niệm Tâm Kinh. Chữ đỏa (埵) đọc giống chữ đóa (朵), hoạch (獲) là được.

Vô sanh nhẫn là đối với hết thảy cảnh giới thiện ác, phàm thánh trọn không có một niệm "sanh tâm động niệm có tướng để đạt được". Kinh Kim Cang dạy *"tam tâm liễu bất khả đắc, tức thị Vô sanh nhẫn"* (ba tâm trọn chẳng thể được chính là Vô sanh nhẫn) chính là phần cước chú cho Vô sanh nhẫn. Cũng đừng nói "đối với hết thảy cảnh giới trọn chẳng có một niệm sanh tâm động niệm sẽ thành cây khô, tro lạnh". ["Đối với hết thảy cảnh giới trọn chẳng có một niệm sanh tâm động niệm"] hàm ý là vắng lặng bất động, giống như gương sáng trống không chẳng có vật gì, nhưng hễ cảm bèn thông, giống như gương sáng hễ có hình bèn hiện bóng. Ngay trong lúc có hình bèn hiện bóng ấy vẫn rỗng rang không có vật gì. Chỉ vì "rỗng rang không có vật gì" nên "hễ có hình liền hiện bóng". Vô sanh nhẫn hơi giống như vậy, mong ông hãy khéo hiểu. Chứng được điều này sẽ dự vào địa vị đại Bồ-tát, đây chẳng phải là điều ông và tôi có khả năng đạt được.

Nhiễu Phật nên giống như mặt trời, mặt trăng từ phương Đông sang Nam, qua Tây, lên Bắc, đừng từ Đông lên Bắc, qua Tây, xuống Nam, vì thuận nhiễu (nhiễu theo đúng chiều) có công đức, nghịch nhiễu mắc tội lỗi. Tây Vực coi trọng nhất cách "vi nhiễu" (đi nhiễu quanh), họ coi vi nhiễu tương đương với lễ bái, mang ý nghĩa tùy thuận đức Phật. Lúc niệm Phật bèn niệm Quán Âm luôn, không cần phải bắt đầu niệm bài Quán Âm Tán riêng. Niệm Phật hiệu xong liền niệm tiếp Quán Âm là được rồi. Đại sĩ[40] chính là biệt hiệu của Bồ-tát, hết thảy Bồ-tát đều có thể gọi là Đại sĩ, chứ không riêng gì đức Quán Âm.

Thường dạy bảo, trọn chẳng có ích gì! Thường có thể suy xét, thấu hiểu thì một câu cũng lợi ích có thừa; không thể suy xét, thấu hiểu thì đem kinh giáo trong Đại tạng viết hết cả ra cũng vô ích. Tình thế bây giờ chẳng phải là tình thế như trước tháng 6 năm nay. Giang Nam, Giang Bắc đều bị ngập lụt, nghe đau đớn cõi

[40] Đại sĩ chính là dịch nghĩa chữ Ma-ha-tát (Mahasattva). Theo Pháp Hoa Văn Cú, do Bồ-tát tự lợi lợi tha, có đại nguyện, đại hạnh, nên được xưng tụng là Đại sĩ. Đôi khi, theo một số kinh, như trong Tạp A-hàm, quyển 48, chữ Đại sĩ được dùng để dịch chữ Mahāpurusa (thường dịch là Vô Thượng Sĩ), nghĩa là bậc sĩ phu tối thắng, tức một trong mười tôn hiệu của đức Phật.

lòng! Thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra, hãy thường dạy người nhà cùng niệm Quán Âm để dự phòng vậy.

26. Thư trả lời các cư sĩ Lưu Hán Vân và Dương Huệ Xương

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Gặp phải lúc tai nạn lớn lao xảy ra này, nên tùy theo sức mình lập cách cứu tế hòng trọn hết thiên chức của chính mình thì lợi ích lớn lắm. Quang một mực chẳng làm gì, phàm tất cả những tiền của được người khác bố thí đều đem in sách, hoặc dùng để cứu trợ tai ương. Tháng 6 năm nay, Hán Khẩu xảy ra thủy tai trước tiên, thầy Minh Đạo lên Thượng Hải, thay mặt quyên tặng một trăm đồng. Về sau nước càng dâng cao, lại quyên tặng một trăm đồng nữa. Một đệ tử do vùng Vu Hồ bị thủy tai, gởi thư xin Quang đứng ra tổ chức lạc quyên cứu trợ. Quang trả lời ông ta: Quang một mực không quyên mộ, huống gì đang lúc bế quan, ông đã nguyện mỗi năm cho tôi hai trăm đồng để làm tiền chi dụng, xin hãy đem món tiền ấy cứu trợ, sau này vĩnh viễn không cần phải cho tiền tôi nữa! Tùy ông quyên tặng hai trăm cũng được, mà bốn trăm, sáu trăm, tám trăm hay một ngàn cũng được hết. Sau đấy, một đệ tử là ông Tào Tung Kiều lên Giang Bắc cứu trợ tai ương, đánh điện khuyên Quang đóng góp, Quang gởi một ngàn tiền in sách để cứu trợ. Ông Cao Hạc Niên gởi thư xin cứu trợ tai nạn, Quang sai người giao cho ông ta 230 đồng. Năm nay đã đóng góp cứu trợ tai ương như thế, Quang nói lời này không phải là tự khoe công, mà là muốn cho các vị đều cùng phát tâm, tùy phận tùy sức cứu tế. Có sức ra sức, không có sức thì dùng lời nói khuyên người có sức, đấy cũng là chuyện tốt lành.

Lại nữa, nữ nhân hiện thời, đồ trang sức trên đầu, xuyến đeo tay, hoa tai, nhẫn đều chớ nên đeo, hễ đeo sẽ chuốc họa. Nếu để lại cho con cái sẽ gieo họa cho con cái. Nếu chết đi chôn theo ắt sẽ gặp nông nỗi đào mồ lộ thây, nhục lắm! Nếu chịu đem những món trang sức ấy cứu trợ tai nạn thì chính là "đưa họa đi, đón phước tới" vậy. Xin hãy bày tỏ ý nghĩa này với hết thảy mọi người. Nếu hàng phụ nữ chịu bố thí như vậy thì khoản tiền ấy lớn lắm. Đừng cho lời tôi là viển vông, mà đây là lời chí lý chí tình. Những người giàu có ở Cao Bưu, Thiệu Bá[41] trước kia có lúc nào chẳng nghĩ đến con cháu, chẳng chịu bố thí cứu tế chút nào, nước lũ dâng lên, nhà cửa, đồ đạc, người nhà đều tan đàn xẻ nghé, mười phần chẳng còn được một. Mỗi thôn mấy chục nhà tìm một cái nồi, một cái lò cũng không ra. Ông Tào Tung Kiều ở Dương Châu mua nồi, bếp, gạo, củi, cứ mấy chục nhà biếu một

[41] Cao Bưu, Thiệu Bá đều là những thành phố nằm ở phía Nam Trường Giang (sông Dương Tử), thuộc địa phận tỉnh Giang Tô.

cái nồi, dùng thuyền to chở đến. Trong mỗi thôn dùng thuyền nhỏ để đưa tới. Nói đến chuyện này khiến người ta rơi nước mắt. Có nhà chưa sập thì rắn lẫn rết đều cuộn đầy bên trên, người ta có muốn vào nhà cũng chẳng dám vào. Trên cây cũng vậy, đáng thương vô cùng! Nếu những phụ nữ vẫn muốn giữ những vật chuốc họa, chẳng chịu dùng để cứu tế, e rằng đời sau họ cũng gặp phải tai họa này, không có ai chịu cứu vớt!

27. Thư trả lời cư sĩ Lưu Đức Hộ

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Lệnh chánh[42] đã biết cầu tăng niệm Phật hầu tăng tuổi thọ, hãy nên tự mình thường niệm Phật để cầu vãng sanh. Nếu chỉ dựa vào người khác để cầu sống lâu, chẳng biết cầu A-di-đà Phật để khi tuổi thọ của chính mình chấm dứt được tiếp dẫn vãng sanh thì chính là "thấy điều nhỏ, đánh mất chuyện lớn". Nếu chịu chí thành niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì lúc còn sống và mất đi đều có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Hôm qua có một nữ đệ tử đến đây, đem giùm những thứ thức ăn của một nữ đệ tử họ Uông gởi biếu cho Quang, kể: Họ Uông hai tháng trước đây, một hôm mới vừa xẩm tối, đột nhiên hơn hai chục tên cường đạo đều cầm súng đến cướp. Trong căn nhà lầu ấy, tầng trên, tầng dưới có tổng cộng bảy gia đình cư ngụ. Họ Uông ở trên lầu, do vậy bèn tắt đèn điện đi, vợ chồng họ quỳ trước Phật cầu nguyện, nhưng đèn thắp trước bàn Phật dường như có ai thổi tắt đi. Bọn cường đạo đập cửa không mở được, bèn không đập nữa. Sáu nhà kia đều bị cướp, chỉ mình họ chẳng mất vật gì. Đủ biết, người niệm Phật lúc bình thường còn có thể gặp dữ hóa lành, huống gì lúc lâm chung! Lợi ích vãng sanh Tây Phương so với chuyện này còn lớn lao gấp bội lần, chẳng thể nói trọn hình tướng được. Nên khuyên bà ta thường niệm thì may mắn lắm thay!

28. Thư trả lời một cư sĩ ở Diêu Duy

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Mỗi người nhập đạo đều có nhân duyên, nếu duyên đã đến sẽ có sự cơ cảm mầu nhiệm không thể diễn tả được. Quang là một ông tăng vụng về, yên phận, chỉ biết cơm cháo, xuất gia từ năm Quang Tự thứ bảy (1881) đến nay, chỉ muốn tự giải thoát mà thôi, trọn chẳng có một niệm dám có lòng tạo điều lợi cho người. Từ năm Quang Tự thứ mười chín (1893) đến Phổ Đà chẳng làm chuyện gì, chỉ làm một ông tăng ăn cơm chùa Pháp Vũ. Nếu ngẫu nhiên được sai khiến làm chuyện gì dính đến bút mực, trọn chẳng dùng hai chữ Ấn Quang. Ngay cả chuyện

[42] Lệnh chánh: Danh xưng tỏ ý tôn trọng vợ cả (chánh thất) của người khác.

do chính mình tự làm cũng dùng tên khác. Vì thế hơn 20 năm khá được yên vui, suốt năm không một ai đến thăm, không một lá thư nào gởi đến.

Đến năm đầu Dân Quốc (1911), ông Cao Hạc Niên đem mấy bản thảo đăng trên Phật Học Tùng Báo, nhưng không dùng tên thật nên cũng không ai biết. Trong khoảng thời gian ấy, có một hai kẻ đa sự nghe ngóng. Đến năm Dân Quốc thứ năm (1916), ông Từ Úy Như đã biết tới, muốn gởi thư, cậy người bạn dọ ý, Quang chẳng bằng lòng. Đến năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ông Từ đem ba lá thư của Quang gởi cho bè bạn in ra mấy ngàn bản để biếu tặng. Năm sau, lại sưu tập được hai ba chục lá thư, đem in ở Bắc Kinh, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao. Từ đấy cái tên Ấn Quang thường trái tai gai mắt người ta, hạnh phúc tự tại trước kia hoàn toàn bị mất đi. Từ ấy thư từ ngày một nhiều, thậm chí có tháng đến hơn trăm lá, nhưng Quang một mực chẳng muốn nhờ vả người khác, cứ bóc ra, viết, bỏ vào phong bì, dán lại, hoàn toàn tự làm. Huống chi lại còn chuyện tình nghĩa qua lại, cảm thấy khá khổ sở. Vì thế, năm trước đã chấp thuận lời thỉnh của mấy đệ tử ở Hương Cảng, quyết ý muốn đi qua đó, do ngôn ngữ chẳng thông, lánh mình nơi hải đảo hòng được yên vui cho xong kiếp thừa. Do Phổ Đà Sơn Chí chưa được biên soạn hoàn thành, bạn bè cực lực giữ lại, liền bế quan ở Tô Châu.

Năm ngoái, lo in riêng Lịch Sử Thống Kỷ bản Tăng Tu, nay đã in xong, chắc là ông đã thỉnh được rồi. Phổ Đà Sơn Chí sắp được in, khoảng chừng tháng 10 sẽ in xong. Hiện thời có sách Chánh Tín Lục đã in xong, sách này đả phá tà kiến hẹp hòi, câu nệ. Nay lại còn in nguyên văn Tịnh Độ Thập Yếu, so với bản trích tuyển của đại sư Thành Thời[43] nhiều hơn hai phần năm, lại còn kèm thêm mấy bài văn quan trọng để bổ túc cho Thập Yếu rất nhiều. Ước chừng mùa xuân năm sau sẽ in xong.

Quang bình sinh chất phác, giữ phận ngu, trọn chẳng dám ăn nói lớn lối phô trương rỗng tuếch để lầm mình, lầm người. Những gì được nói trong Văn Sao đều

[43] Thành Thời (không rõ năm sinh, mất năm 1678), là cao tăng đời Minh, người huyện Hấp, Huy Châu, pháp hiệu Kiên Mật. Sư thuở nhỏ học Nho, xuất gia năm 28 tuổi. Thoạt đầu học Thiền và Giáo, sau y chỉ ngài Trí Húc Ngẫu Ích, sống trong Ngưỡng Sơn, các loài mãnh thú đều quy phục. Sư tự soạn Trai Thiên Pháp Nghi (nghi thức cúng dường chư thiên). Về sau, sư qua Giang Ninh trụ tích tại chùa Thiên Giới, hoằng dương Pháp Hoa, siêng tu tịnh nghiệp. Công khóa mỗi ngày dù nóng hay lạnh, bận hay rảnh đều chẳng hề biếng trễ. Sư san khắc Tịnh Độ Thập Yếu cho lưu truyền rộng rãi, khuyên người thật tu, lại còn tự viết lời tựa. Sư thị tịch vào tháng 10 năm Khang Hy 70 (1678), không rõ tuổi thọ. Còn để lại những trước tác như Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sơ Tâm Tam-muội Môn, Thọ Trì Phật Thuyết A-di-đà Kinh Hạnh Nguyện Nghi...

là những điều ai cũng có thể làm được, lại còn tự được lợi ích thật sự ngay trong đời này. Nếu ai chê Quang vô tri vô thức, chỉ đem chuyện ngu phu, ngu phụ có thể làm được để dạy người thì cũng chẳng tiếc. Nhưng có người cho là hợp với cơ nghi của chính mình, do đây sanh lòng tin tu trì, những người như vậy cũng chẳng thiếu.

Phải biết: Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, muốn nương theo những pháp môn ấy để tu trì hòng liễu sanh thoát tử, ắt phải đạt đến địa vị "nghiệp tận tình không" thì mới được. Nếu không, có mộng cũng mộng chẳng được! Chỉ có pháp môn Tịnh độ, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, lại thêm chí thành khẩn thiết niệm Phật bèn có thể nương theo Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh là đã liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Nếu chẳng nương vào pháp này, tu những pháp môn khác thì chắc chắn khó thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Đời này đã gặp được pháp này mà chẳng chú ý, tương lai há thể lại được gặp pháp này để liền chú ý tu trì hay sao? Do vậy hãy nên sớm chú ý nơi pháp này.

Pháp môn Tịnh độ chẳng trở ngại hết thảy sự vụ thế gian, chỉ cần ai nấy tận hết bổn phận, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành là được rồi. Ông là kẻ tại gia, tu hành rất hợp, thường giữ tấm lòng "trừ bạo an lương" (trừ khử kẻ bạo tàn, khiến cho người lương thiện được an vui), coi nhân dân như người nhà của chính mình, coi binh sĩ như anh em của chính mình, ắt sẽ mong mỏi anh em bảo vệ người nhà. Hễ đi đến đâu đều răn nhắc binh sĩ giữ tấm lòng trung hậu, khoan thứ, chẳng được cướp bóc, gian dâm chút nào. Dẫu con người không biết, nhưng thiên địa quỷ thần ghi công chép tội. Hoặc trong đời này, hoặc trong đời sau, quyết định phải chịu quả báo thiện hay ác, quyết định chẳng thể "có nhân, không quả".

Năm Dân Quốc thứ tám, thứ chín (1919-1920), một quân nhân họ Dương là người hết sức trung hậu, ưa điều thiện, làm sĩ quan trong quân đội trấn giữ Tung Huyện của đất Thiểm Tây, ăn chay trường, tụng thuộc lòng kinh Kim Cang, mỗi ngày niệm mấy biến. Trong quân ngũ mười năm, giao tranh hơn 400 trận, khắp thân chưa hề mang một vết thương lớn hay nhỏ. Thoạt đầu, ông ta muốn xin giải ngũ; do Lưu Trấn Hoa, Hám Ngọc Côn đều là đồng hương, chẳng cho ông ta giải ngũ. Một năm nọ, do kéo quân sang Hà Nam đánh nhau với Triệu Thích[44], ông ta bèn đào ngũ. Từ đó triều bái Ngũ Đài, Nga Mi, Cửu Hoa, Phổ Đà. Đến Phổ Đà,

[44] Triệu Thích là một gã quân phiệt thời Dân Quốc, chiếm lãnh tỉnh Hà Nam, tự xưng là Đốc Quân.

ở chùa Pháp Vũ, trò chuyện cùng Quang về tâm hạnh của ông ta, tiếc là thiếu học vấn, chưa thể xiển dương đại pháp, tùy cơ lợi người.

Pháp niệm Phật thì trong Văn Sao đã có giảng cặn kẽ, ở đây không viết chi tiết nữa. Với quyến thuộc trong nhà đều nên dạy họ chí thành niệm Phật, lợi ích ấy lớn lắm. Đời có kẻ ngu chẳng biết vì sao Phật là Phật, thường chấp chết cứng lễ cung kính, chẳng biết biến - thông, chẳng hạn như ăn mặn thì chẳng dám niệm. Lại như nữ nhân khi có kinh nguyệt hoặc sanh nở bèn chẳng dám niệm. Phải biết, ăn chay là tốt nhất, nhưng ăn mặn cũng vẫn niệm được. Có kinh nguyệt thì thường rửa ráy sạch sẽ, đừng dùng tay bẩn chưa rửa chạm vào kinh, tượng và thắp hương v.v.. Hễ rửa ráy sạch sẽ thì chẳng ngại gì. Nữ nhân khi sanh nở phải niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" ra tiếng, chắc chắn chẳng đến nỗi bị sanh khó. Dẫu bị sanh khó mà chịu chí thành niệm cũng chắc chắn sanh ngay. Điều này trước kia Quang không nói, sau này nghe rất nhiều người hoặc mấy ngày mới sanh được, hoặc phải mổ, hoặc do sanh nở mà chết, nên thường nói với hết thảy mọi người: Nếu khi sanh nở mà niệm thì không ai bị khó sanh!

Lúc bình thường ắt phải cung kính, khiết tịnh; lúc ấy lõa lồ bất tịnh vốn là chuyện bất đắc dĩ, là chuyện có liên quan đến tánh mạng. Chỉ cần trong tâm chí thành, chẳng cần phải luận trên hình tướng bề ngoài. Nếu là lúc bình thường, ắt cần phải mũ áo tề chỉnh, tay lẫn mặt đều sạch sẽ thì mới được niệm ra tiếng. Nếu không, chỉ niệm thầm trong tâm thì công đức vẫn giống hệt như vậy. Vì thế lúc ngủ nghỉ, tắm rửa, tiêu tiểu, hoặc đến chỗ không sạch sẽ đều niệm thầm trong tâm. Chỉ khi nữ nhân đang sanh nở thì cần phải niệm ra tiếng, vì niệm trong tâm thì sức yếu, khó thể cảm thông. Nếu lại gắng sức, sợ bị thương tổn. Vì thế nên niệm ra tiếng. Ông đã muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Tông Từ. Tông là chủ, lấy tâm từ bi làm chủ để làm chuyện tự lợi lợi tha thì mới không uổng kiếp sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này.

Gần đây, người ta thường ưa ham cao chuộng xa, hơi thông minh bèn học Thiền tông, Tướng tông[45], Mật tông, phần nhiều coi niệm Phật là vô dụng. Họ chỉ biết sự huyền diệu của cơ ngữ[46] nhà Thiền, sự tinh vi của pháp tướng trong Tướng tông, oai thần rộng lớn của Mật tông, nhưng chẳng biết: Thiền dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nhưng nếu chưa hết sạch phiền hoặc thì vẫn sanh tử y như cũ, chẳng thể liễu thoát được! Với Tướng tông thì nếu không phá sạch ngã chấp và

[45] Tướng tông: Gọi đủ là Pháp Tướng Duy Thức tông. Do tông này chú trọng nghiên cứu tướng trạng của các pháp, phân chia các trạng thái tâm thức tỉ mỉ, nên gọi là Tướng tông.
[46] Cơ ngữ: Gọi tắt của cơ phong chuyển ngữ, tức những câu đối đáp thuận theo căn cơ, nhằm giúp cho người hỏi kiến tánh, chẳng hạn như "Phật là gì?" Thiền sư bèn đáp "con mèo trèo lên cây cột".

pháp chấp, dù có hiểu rành rẽ đủ mọi danh tướng[47], cũng giống như "kể chuyện ăn, đếm của báu", rốt cuộc có ích gì đâu! Với Mật tông thì tuy nói là có thể "thành Phật ngay nơi thân hiện tại", nhưng quyết chẳng phải là chuyện của hạng phàm phu sát đất có thể thành tựu được. Phàm phu lầm sanh ý tưởng ấy bèn bị ma dựa phát cuồng, mười người hết tám chín người bị như vậy. Do vậy, hãy nên chuyên chí vào một môn Niệm Phật là pháp tắc vô thượng bậc nhất ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng vậy.

29. Thư trả lời cư sĩ Vương Hiểu Hy

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Thủy tai năm nay từ xưa đến nay chưa hề nghe thấy, tiền đồ nguy hiểm vạn phần, nếu ông đắc thần thông của Đại-lạt-ma thì chẳng cần phải lo. Nếu không, hãy nên chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để làm kế dự phòng. Một pháp Mật tông thật sự chẳng thể nghĩ bàn, nhưng tiểu trượng phu dùng đến chưa chắc được lợi ích mà sẽ bị tổn hại trước. Xin đừng với quá cao, may ra sẽ tự được lợi ích thật sự. Nếu không, hơi bị nguy hiểm đấy! Sư Hiển Ấm[48] được chân truyền của Mật tông, lại thông hiểu giáo nghĩa tông Thiên Thai, đã là bậc Quán Đảnh Đại A-xà-lê hiển mật viên thông[49]. Phàm ai được thọ quán đảnh từ nơi sư đều có thể thành Phật ngay trong thân này, nhưng Hiển Ấm khi mất rất hồ đồ (sư chết

---

[47] Danh là tên gọi của sự vật, tướng là hình trạng của sự vật. Dùng danh xưng để nêu rõ tướng trạng của sự vật nên gọi là "danh tướng". Một cách giải thích khác: Những gì nghe được thì gọi là danh, thấy được thì gọi là tướng. Danh và tướng đều không có thật thể, chỉ là giả lập để tiện giáo hóa.

[48] Hiển Ấm (1902-1925), pháp tự Đại Minh, người huyện Côn Minh, tỉnh Giang Tô, là đệ tử xuất gia của ngài Đế Nhàn. Thiên tư thông mẫn, thông suốt kinh tạng, văn chương lỗi lạc. Do có tài văn chương, sư từng giữ các chức vụ biên tập các tờ nguyệt san của Cư sĩ lâm, đăng rất nhiều bài viết trên tờ Hải Triều Âm. Năm Dân Quốc 12 (1923), sư vượt biển sang Nhật đến học viện Thiên Đức trên núi Cao Dã (Koyasan) để học Mật tông và được truyền quán đảnh. Năm Dân Quốc 14, sư trở về Hàng Châu truyền thọ Mật pháp, nổi danh lừng lẫy. Tháng 5 cùng năm đó, sư mất, chỉ hưởng thọ được 24 tuổi. Do quá thông minh, sư thường có những bài viết đề xướng Mật tông là pháp vô thượng, chê bai tất cả các pháp môn khác, cũng như nêu lên rất nhiều ý kiến cực đoan, võ đoán. Sư Đế Nhàn cũng không tán thành quan niệm của Hiển Ấm, nhưng không làm gì được.

[49] A-xà-lê (acarya): Dịch nghĩa là giáo thọ, có nghĩa là vị thầy có đủ giới đức, hành vi đoan nghiêm có thể dạy dỗ học trò đúng khuôn phép. Trong Mật tông, vị sư đầy đủ giới đức có sự hiểu biết uyên thâm về mật pháp, thông hiểu đàn pháp, ấn khế, đã được quán đảnh và tu trì, đủ tư cách để truyền dạy Mật pháp cho người khác mới được gọi là a-xà-lê. Tiêu chuẩn để được xưng là a-xà-lê trong Mật tông được giảng rất rõ trong phẩm a-xà-lê của kinh Tô Tất Địa. Theo đó, những điều kiện để xứng danh là một vị Mật tông a-xà-lê rất khó và rất cao. "Hiển Mật viên thông" là Hiển giáo lẫn Mật giáo đều thông hiểu sâu xa, viên dung.

tại Cư sĩ lâm, một đệ tử đích thân chứng kiến), chú cũng chẳng niệm được, mà Phật cũng chẳng thể niệm, cho nên biết: Pháp ấy chẳng bằng pháp niệm Phật ổn thỏa, thích đáng hơn nhiều!

30. Thư trả lời cư sĩ Mẫn Tông Kinh

(Năm Dân Quốc 20 - 1931. Ông này vốn có tên là Vĩnh Liêm)

Đọc thư ông gởi cho thầy Minh Đạo, biết rõ tấm lòng vì dân vì pháp, khôn ngăn mừng rỡ an ủi. Phàm khi phán xử kẻ phạm pháp, nên chiếu theo tội trạng và phải cân nhắc khả năng của hắn. Nếu hắn không có tài lực, phạt quá nặng thì hắn do trót sa chân sẽ vĩnh viễn không ngoi lên được[50], cũng chưa khỏi thương tổn đạo nghĩa của một người "làm cha mẹ của dân". Kẻ phạm tội có tài lực thì có thể phạt nặng được, không có tài lực thì răn đe mà thôi, sao cho ổn thỏa đôi đàng. Còn về chuyện xoay hướng cửa chùa, dựng điện thờ khác, tượng đá của đức Bổn sư trong điện cũ chẳng dời được, cần gì phải lo nghĩ? Chánh điện đã thờ Bổn sư thì điện phụ há chẳng thể thờ Bổn sư nữa hay sao? Cố nhiên, chẳng cần quá lo nghĩ về chuyện này! Ông đã từ chức, nếu cấp trên không bằng lòng thì cố nhiên nên sửa sang theo lề lối cũ, chỉ cần giữ sao cho giản dị, chất phác, đừng chuộng hoa mỹ. Chỉ mong mọi người thật lòng tin tưởng thật sự tu hành, chẳng cần phải lập bất cứ kiến trúc, hay bầy vẽ bất cứ quang cảnh nào.

Một pháp Tịnh độ ai ai cũng tu được, hễ tu đều có cảm ứng. Người thời nay phần đông ham cao chuộng xa, đến nỗi có thể là vì bầy vẽ bề ngoài mà đâm ra gây trở ngại cho lợi ích thật sự. Con người bây giờ hễ ra công tu hành liền nói đến chuyện xây dựng trước, chẳng biết duyên do của Tịnh độ, lại muốn nghiên cứu rộng khắp kinh luận Đại thừa, hoặc hâm mộ sự huyền diệu của Thiền tông, hoặc hâm mộ sự tinh vi của Tướng tông, hoặc hâm mộ thần thông của Mật tông, xem pháp "cậy vào Phật lực để liễu sanh tử" như chuyện vô ích. Thiền tông dù có ngộ, nhưng ai đạt đến địa vị nghiệp tận tình không? Tướng tông dẫu có thể nhớ rõ ràng danh tướng, nhưng ai có thể thật sự phá được ngã chấp và pháp chấp? Thần thông của Mật tông và "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân này) thì quả thật cũng có chuyện ấy, nhưng chẳng phải là chuyện để hạng căn tánh như ông và tôi mong mỏi được. Nếu muốn được thần thông, muốn được thành Phật ngay, thì do đấy bị ma dựa phát cuồng rất nhiều! Sư Hiển Ấm đã thông hiểu giáo nghĩa tông Thiên Thai lại được chân truyền của Mật tông, đã là bậc Quán Đảnh Đại A-xà-lê. Phàm ai được ông ta quán đảnh đều có thể thành Phật

[50] Nguyên văn "nhất quyết bất chấn" là một thành ngữ, ngụ ý: Do bị vấp ngã, phạm sai lầm một lần, không cách nào hồi phục được nữa.

ngay trong thân này. Đến lúc ông ta chết thì chú cũng chẳng niệm được, mà Phật cũng không niệm được. Trong lúc bình thường, qua ý tứ của những lời sư nói, trong lòng sư thường nghĩ ta là bậc Pháp thân đại sĩ. Đến lúc lâm chung, còn thua bà cụ già một chữ không biết nhưng thật thà niệm Phật có thể an nhiên niệm Phật qua đời nhiều lắm!

Ở Thành Đô có Lưu X… lầm tưởng một người nữ đã chứng quả nên chỉ nghe lời một mình người nữ ấy. Hễ ai bài bác, liền tuyệt giao không gởi thư nữa. Một lạt-ma[51] ở Trùng Khánh nói là nương theo pháp của ông ta trong bảy ngày sẽ được vãng sanh. Hễ vãng sanh liền thành Phật, trọn chẳng cần phải tu tập nữa. Những thứ tri thức ấy nên kính nhi viễn chi, đừng thân cận để ngõ hầu khỏi đến nỗi chưa được lợi ích ấy mà đã bị tổn hại trước. Nếu không, chỗ bị tổn hại là điều chắc chắn, còn chỗ lợi ích sợ rằng tại năm nảo năm nao! Nếu năm sau là năm nảo năm nao thì cũng còn may mắn lắm, sợ rằng năm sau cũng vẫn chưa phải, chắc sẽ đến nỗi tuyệt vọng.

31. Thư trả lời sư Truyền Đức

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hiện thời là lúc tình thế nguy hiểm nhất. Ông phát tâm bế quan, nhưng theo tôi thấy, chẳng bằng không bế quan hay hơn! Ông ở trong quan phòng chẳng thể lo liệu việc bên ngoài, nếu có cường đạo đến trộm hoặc cướp, ông làm như thế nào đây? Nay các nơi lụt lội, dân bị thiên tai lưu lạc bốn phương, không biết là bao nhiêu (nỗi nguy hiểm sau này nào phải chỉ có thế, sợ rằng sẽ còn có cuộc chiến tranh lớn nữa). Bên trong có bọn giặc thì khó tránh khỏi có thứ hành vi sai trái ấy. Nếu bế quan, gặp phải chuyện ấy, sẽ dàn xếp như thế nào đây? Ví như lại do bế quan cho nên mời mọc thí chủ đến dự lễ khóa cửa quan phòng, một cổng lại khóa nhiều lần, bọn cướp ắt cho là hòa thượng đang bế quan này có tiền, ắt sẽ nẩy sanh ý niệm bất lương. Các ổ khóa ở cánh cổng quan phòng chính là căn cứ để chuốc họa đấy!

Ông đã thiếu học vấn, chỉ nên chí thành khẩn thiết, sáng chiều tụng niệm. Ngoài ra, lập ra mấy thời niệm kinh (tùy theo khả năng của chính mình). Đối với việc niệm Phật, có thể chiếu theo thời mà niệm cũng được. Nếu không, suốt ngày thừa dịp thuận tiện mà niệm, chẳng luận đi đứng ngồi nằm (hễ nằm thì nên niệm

[51] Lạt-ma là dịch âm của chữ lama trong tiếng Tây Tạng. Lạt-ma có nghĩa là thượng sư, thượng nhân. Có lẽ đây là cách dịch chữ Uttara hoặc Guru của tiếng Phạn sang tiếng Tây Tạng. Thoạt đầu, tại Tây Tạng danh xưng này chỉ dùng để tôn xưng bậc trưởng lão hay thượng tọa trong nhà Phật, sau trở thành tiếng gọi chung các tăng lữ.

thầm, chớ nên niệm ra tiếng). Nói chung, lấy niệm Phật làm chánh. Nhưng cần phải sanh lòng tin, phát nguyện, cầu sanh Tây Phương, vạn phần chớ nên cầu phước báo đời sau. Nếu cầu phước báo đời sau thì chính là phá giới trái pháp, vì pháp môn niệm Phật chính là pháp môn dạy người cầu sanh Tây Phương. Ông đã niệm Phật, chẳng cầu sanh Tây Phương, lại muốn cầu đời sau, tức là chẳng tuân lời Phật dạy. Đấy là pháp Phật dạy người như thế, phải nhất định tuân theo, ông chẳng chịu tuân theo, nên gọi là "phá giới, trái pháp". Nếu đời này còn có tu trì, đời sau chắc chắn có phước thế gian để hưởng. Hễ hưởng phước, chắc chắn phải tạo ác nghiệp (nay cõi đời loạn lạc đến như thế, quá nửa là do những kẻ đời trước tu si phước ương thành). Đã tạo ác nghiệp thì khổ báo về sau chẳng nỡ nói ra. Quang nói như vậy, nghe theo hay không tùy ông. Sau này đừng gởi thư đến nữa vì Quang già rồi, chẳng thể thù tiếp được.

32. Trả lời thư cư sĩ Ninh Đức Hằng và Ninh Đức Phục

(Năm Dân Quốc 20 - 1931. Hai người này đều là em trai ông Đức Tấn)

Thế đạo nhân tâm hiện thời bại hoại đến cùng cực. Phàm đạo đức, nhân nghĩa, hiếu, từ, liêm khiết, tiết nghĩa do thánh hiền truyền thuật đều bị vứt bỏ. Phàm những chuyện xưa kia chẳng nỡ thấy nghe, chẳng chịu nhắc đến, bây giờ đều cực lực đề xướng, mong sao nhất trí tiến hành. Những nơi chốn hay nhà trường để cho nam nữ tự do luyến ái, lõa thể ôm nhau khiêu vũ chẳng biết nổi con số. Trong trường đại học vẽ hình lõa thể để mong mỹ thuật tiến bộ. Mỹ thuật cố nhiên tiến bộ, nhưng hoàn toàn chẳng lo nhân đạo thụt lùi, súc sanh đạo tiến bộ ư? Các con đều đang độ tuổi thiếu niên, phải biết tốt xấu, chớ trúng phải độc khí của những thứ tà thuyết diệt luân diệt lý ấy, thì sau này còn có thể tự lập trong vòng trời đất, không hổ thẹn. Nếu không, dẫu tài cao học rộng, đối với mình, đối với người nào có ích chi?

Các con phải biết nhân quả báo ứng trọn không sai sẩy, tuy nhất thời chưa thể thấy được, nhưng sau mấy chục năm, chắc chắn không gì chẳng thấy. Huống chi chết đi, đời sau và những đời kế tiếp phàm phu có biết được hay chăng? Ngày nay thế đạo bại hoại là vì Nho gia phần nhiều chẳng tin nhân quả báo ứng và sanh tử luân hồi. Những nhà Lý học ấy trộm lấy ý nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để hoằng dương Nho tông, ngược ngạo coi đạo phổ độ chúng sanh của đức Phật là mê hoặc ngu xuẩn bọn phàm tục ngu ngốc, chê bai bài bác đến nỗi hễ là nhà Nho thì chẳng chịu dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để khuyên dạy, mọi người đều cho là nhân quả luân hồi dường như có, dường như không. Vì vậy thế đạo ngày càng tệ bạc. Những kẻ trọn đủ khí khái đội trời đạp đất chẳng bị xoay chuyển bởi thói phàm tục thì chẳng được mấy người. Một cơn gió Âu vừa thổi tới, hùa

nhau theo gió biến đổi tận gốc càng dữ dội hơn. Bởi vậy, thế đạo ngày nay, tình người như nước, lễ pháp như đê; bỏ cái đê lễ pháp đi há ngăn được lòng ham muốn của con người hoành hành?

Lòng ham muốn của con người đã tung hoành thì sẽ ra sức trừ bỏ lễ pháp. Do vậy, [lòng ham muốn dữ dội của con người] cảm vời nước lũ dâng khắp nơi, đê đập trên sông ngòi nơi nơi bị vỡ, biết bao nhân dân bị chết chìm. Những kẻ chưa chết thì không áo, cơm, chỗ ở, than lạnh, rên đói, chẳng nỡ thấy nghe! Dẫu có bậc chuộng điều thiện ra sức quyên góp, nhưng vì người đông, khoản đóng góp ít, khó thể giúp trọn khắp được. Nhưng càng phải nên quyên góp nhiều hơn để tu bổ đê đập trên sông ngòi. Nếu không tu bổ thì từ nhỏ sẽ thành lớn, nước tràn dâng khắp cùng. Nếu tu bổ thì thật sự không có được tài lực ấy. Huống chi giặc cướp bạo tàn, Nam - Bắc thù nghịch, nước ngoài ngang ngược lấn hiếp. Người dân trong lúc này thật có thể nói là đáng thương xót quá, nhưng không biết kêu gào vào đâu.

Hai đứa tụi con tuổi còn trẻ, hãy nên tận lực vâng giữ nếp đạo đức cũ. Tám chữ "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" chính là quy củ, mực thước để làm người. Nếu ai chẳng tận sức nơi tám chữ ấy chính là đã mất đi tám chữ, tám chữ đã mất thì là loài cầm thú đội mũ mặc áo. Người tuổi còn trẻ thì cái khó chế ngự nhất là tình dục, thế đạo hiện thời chuyên lấy việc hướng dẫn khêu gợi dâm dục làm mục đích, các con tuy có âm đức của tổ tiên, chẳng đến nỗi sa đà lắm, nhưng cần phải dè dặt tự giữ gìn mới hòng chẳng thẹn với cha ông. Nếu chẳng dốc sức tạo lập phẩm hạnh, bị dâm dục khống chế, sau này quyết định chẳng có thành tựu, hoặc đến nỗi đoản mạng mà chết. Nay ta gởi cho các con hai bộ Lịch Sử Thống Kỷ - đây là những chuyện nhân quả báo ứng rõ ràng trích từ 24 bộ sử ra, hai cuốn Gia Ngôn Lục - đây chính là đạo trọng yếu để học Phật, là quy củ thường hằng để tu thân, hãy nên đọc kỹ.

Câu "Nam-mô A-di-đà Phật" như đã nói chính là diệu pháp để tiêu nghiệp chướng, chuyển phàm thành thánh, nếu có thể thường niệm thì tâm địa tự nhiên mở mang thông suốt, tri kiến tự trở về chánh lý, học hành hay làm việc đều có lợi ích lớn. Huống nay đang lúc thế đạo hoạn nạn, niệm Phật sẽ có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành chuyện may, lợi ích chẳng thể nói trọn hết, các con hãy nên hành theo Gia Ngôn Lục. Đọc Thọ Khang Bảo Giám, Thanh Niên Bảo Thân v.v. thì chẳng đến nỗi buông lung theo tình dục hoặc thủ dâm. Thiếu niên hiện thời quá nửa mắc chứng thủ dâm, đấy thật sự là một con dao thật sắc giết hại cái thân vậy, hãy nên đau đáu răn dè.

Anh các con là Đức Tấn mong mỏi các con sẽ do Phật pháp mà giữ vẹn hạnh nhà Nho, đã sớm xin Quang viết thư khuyên lơn các con. Quang sợ các con bị nhiễm theo trào lưu thời thượng, trái nghịch Phật pháp, uổng phí tâm ta, vô ích cho các con, nên không viết thư ngay. Nay các con đã biết tấm lòng sâu đậm của anh mình, gởi thư xin dạy dỗ, nên ta chỉ nói những điều khẩn yếu. Những điều khác hãy tự mình chịu tận lực thực hiện, lâu ngày sẽ chẳng khó gì mà dần dần biết được. Phải biết con người và trời đất cùng xưng là tam tài, trời đất cao dày ai có thể biết được, con người với tấm thân sáu thước sao lại có thể cùng trời cao đất dày khôn lường cùng xưng là tam tài cho được? Ấy là vì con người có thể kế tục bậc thánh đời xưa, mở lối cho hàng hậu học đời sau, dự phần vào cuộc sanh thành, dưỡng dục của trời đất vậy. Con người không thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì đã mất cái danh nghĩa con người, huống hồ kẻ chuyên ôm lòng mưu mẹo dối trá, ỷ mạnh nuốt yếu ư? Người như thế còn thua kém sài lang, hổ, báo, rắn độc, rết dữ nữa, còn có thể gọi là người được ư?

Thường nghĩ đến lời ta đừng quên thì sẽ dần dần tự có thể dự vào bậc thánh, hưởng được phước nhân từ, sống thọ. Cuốn sách Chánh Tín Lục chuyên vì những Nho sĩ câu nệ mà viết ra, nay cũng gởi đến, mong hãy đọc kỹ. Chịu tin sâu, tận lực làm thì sẽ chẳng thẹn với trời đất quỷ thần, làm người hoàn toàn trong thế gian. Công danh phú quý vốn chẳng mong mà trời thường vì người lành, chắc cũng chẳng đến nỗi trắc trở, khốn khó. Các con hãy khéo suy nghĩ thì chẳng uổng cuộc đời này, uổng dịp gặp gỡ này!

33. Thư trả lời cư sĩ Phan Trọng Thanh

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Năm ngoái Huệ Viên đến đây nói ông tu trì không lười nhác, tôi mừng vui an ủi vô cùng. Nay nhận được thư, biết Hồ Nam có lắm người vốn sẵn túc căn, tiếc là thiếu người đề xướng, nên quá nửa chẳng vào được cửa của đức Phật ta. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, đáng than thở khôn cùng! Ngô Thiệu Di trước kia không tin Phật pháp, do đọc những sách như Nhân Sanh Chỉ Tân[52] v.v. bèn trái trần hiệp giác, sanh lòng tin phát nguyện, tận lực tu tịnh nghiệp. Nếu chẳng phải đã trồng thiện căn từ trước, sao đạt được như vậy? Ông ta đã muốn quy y, tôi sẽ đặt pháp danh cho ông ta, bảo ông đối trước Phật, tự thệ quy y là

[52] Nhân Sanh Chỉ Tân là một tác phẩm do ông Nhiếp Vân Đài biên soạn, bao gồm những hướng dẫn về thái độ, quan niệm sống cũng như những nguyên tắc đại cương để sống trọn vẹn luân thường, trọn hết bổn phận.

được rồi, cần gì phải từ đất Tương sang đất Ngô[53], bôn ba mấy ngàn dặm để mong gặp mặt Quang một phen? Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ông ta đã từng đọc rồi, dẫu gặp mặt, há có diệu pháp bí mật "miệng truyền, tâm trao" nào ngoài Văn Sao nữa ư? Nếu thật sự có pháp "miệng truyền, tâm trao" thì chính là ma vương, ngoại đạo. Tránh xa kẻ ấy còn không xuể, há nên tự khinh tự nhục để gặp gỡ ma vương ngoại đạo đó ư? Huống hồ thời cuộc hiện nay, nguy ngập vô cùng, há nên đi xa?

Chỉ mong ông ta có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, đề xướng nhân quả báo ứng, lục đạo luân hồi, ngõ hầu những kẻ phóng túng không kiêng nể sẽ biết báo ứng thiện ác như bóng theo hình: Hoặc đời này làm thiện hay làm ác sẽ hưởng phước mắc họa ngay trong đời này; hoặc đời này làm thiện tạo ác, đời sau mới chịu thiện báo hay ác báo; hoặc ba đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn vạn ức đời mới chịu quả báo ấy. Lý học vay mượn những nghĩa uyên áo của Phật pháp để hoằng dương đạo Nho, sợ người đời sau đều theo vào cửa Phật, liền bài bác xằng bậy, bảo nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi do đức Phật đã nói đều là lời lẽ dối trá lừa gạt thế tục ngu độn, nào thật sự có cái gọi là luân hồi ư? Do hình chất đã hư diệt, thần hồn cũng phiêu tán, còn ai để chịu khổ, còn ai để luân hồi nữa ư? Từ đấy quân tử lười tự tu, tiểu nhân dám tạo nghiệp! Do Nghiêu hay Kiệt đều cùng chết sạch, cần gì phải suốt ngày miệt mài gắng sức tu trì để cầu cái tiếng suông sau khi chết đi? Do vậy, nhà Nho phần nhiều đều coi nhân quả luân hồi là chuyện hoang đường quái đản. Dẫu có người biết là thật sự có, cũng chẳng dám đề xướng, sợ người khác chê là tục nho, trái nghịch bậc tiên triết.

Lại hoặc là có người có chút thành đạt đáng dự vào Văn Miếu, nếu đề xướng chuyện ấy thì chuyện được dự vào Văn Miếu sẽ trở thành tuyệt vọng. Do vậy mọi người nếu chẳng cực lực bài bác thì cũng trọn chẳng nhắc đến. Cho đến gần đây, gió Âu dần dần thổi sang Đông, ngả rạp theo gió, biến đổi tận gốc càng thêm dữ dội, chỉ sợ con người khác với cầm thú, chỉ sợ con người lỡ có kẻ hiểu biết luân thường, đạo lý! Xét đến cội nguồn hiện tượng ấy quả thật bắt nguồn từ học thuyết "bài xích nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi" của bọn Lý học. Họ mong mỏi dùng chuyện "tận hết tình nghĩa, tận hết bổn phận, chánh tâm thành ý" để làm căn cứ hòng giáo hóa dân chúng, tạo thành phong tục, nhưng đã hoàn toàn phế bỏ rồi lại còn hủy báng, chê trách nhân quả luân hồi là phương tiện khiến cho hết thảy mọi người chẳng thể không trọn hết tình nghĩa, bổn phận, chánh tâm thành ý. Ví như sông cái Trường Giang, do có đê đập nên chẳng ngập lụt. Tánh tình con người

[53] Tương là tên riêng của tỉnh Hồ Nam, do sông Tương nằm trong cương vực tỉnh này nên Hồ Nam còn gọi là đất Tương. Ngô là vùng Giang Tô, do đất này thuộc lãnh thổ nước Đông Ngô thời Tam Quốc nên còn gọi là Ngô.

như nước, sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo cũng giống như đê. Sông cái Trường Giang mà bỏ đê đập đi, chắc chắn sẽ ngập lụt. Tánh tình con người nếu không có nhân quả luân hồi mà vẫn còn dùng lễ để tự ràng buộc thì trong ngàn vạn người, khó được một hai kẻ! Trừ bậc thượng trí ấy ra, ai chẳng nghĩ buông lung tình ý là vui? Do vậy hiện tại muốn cho thiên hạ, quốc gia tốt đẹp mà không đề xướng nhân quả luân hồi sẽ chẳng được. Điều này không phải là chuyện sức chúng ta không thể làm được, trong gia đình nên cực lực đề xướng, ngõ hầu dần dần được lưu truyền rộng rãi, cũng như ngừa cho con cái khỏi bị những tư tưởng cuồng vọng dụ dỗ, mê hoặc, mong hưởng thụ hết thảy phước tự do.

Nghĩa lý "thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, dùng đấy để tự hành lại còn dạy người" đã ghi chép tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết chi tiết. Nay đặt pháp danh cho Ngô Thiệu Di là Huệ Di, ngụ ý là dùng Phật pháp để tự hành, dạy người. Đặt pháp danh cho Bành Đức Tôn là Huệ Tôn, ngụ ý là dùng pháp môn Tịnh độ để khiến cho dù mình hay người đều cùng siêu phàm nhập thánh. Đặt pháp danh cho La Viễn Chú là Huệ Chú, ngụ ý là dùng mưa pháp cam lộ "một đời thành Phật" để thấm nhuần khắp hết thảy thiện căn của mình lẫn người. Sợ rằng những sách [Lịch Sử Cảm Ứng] Thống Kỷ loại mới, Chánh Tín Lục mới được in gần đây ba vị ấy chưa được xem, nên nay tôi gởi bốn bộ Thống Kỷ, ông tự giữ một bộ, những bộ khác gởi cho ba người ấy. Chánh Tín Lục hơn mười cuốn, hãy ước lượng mà gởi, sách này phá được những kiến giải lệch lạc, câu nệ của họ mạnh nhất. Ở chỗ ông nếu có sao chép thư này thì nên bảo người chép sao toàn văn cho Thiệu Di, hai người kia chỉ sao chép những điều thông thường, chỉ sao lục lại ý nghĩa của pháp danh và gởi sách mà thôi. Sự nguy hiểm hiện thời giống như trứng chồng, bất luận là ai đều nên chí tâm niệm "Nam-mô A-di-đà Phật" và "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" để làm kế dự phòng. Nếu có thể khẩn thiết chí thành ắt sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn vậy!

34. Thư gởi cư sĩ Tạ Dục Hoài

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hôm qua nhận được thư ông Phan Trọng Thanh nói ông và mẹ cùng em gái đều muốn quy y. Đã phát tâm quy y thì hãy nên sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lại do mẹ ông tuổi cao, nên tích cực khuyên cụ buông xuống hết thảy, nhất tâm niệm Phật. Như tới lúc lâm chung, chớ nên làm theo cách làm của thế tục. Nên đọc kỹ Sức Chung Tân Lương hòng khỏi đến nỗi làm hỏng đại sự vãng sanh của cụ. Ông và cô em gái cũng nên lấy chuyện vãng sanh Tây Phương làm trọng, đừng chỉ cầu phước lạc hiện đời và phước báo đời sau. Nay đặt pháp danh

cho mẹ ông là Huệ Kính, đã kính lại thêm huệ thì có thể mau đoạn được phàm tình. Phàm tình chẳng dấy thì chánh niệm rỡ ràng, chắc chắn có thể vãng sanh Tây Phương! Đặt pháp danh cho ông là Huệ Tịnh, nghĩa là dùng huệ để tưới tắm thì ý niệm trần tục tiêu diệt, chánh niệm thanh tịnh. Đặt pháp danh cho em gái ông là Huệ Hinh, ngụ ý là tâm giữ chánh niệm, thơm sạch, vi diệu như hoa sen. Nên đọc kỹ Gia Ngôn Lục thì phương pháp tu trì và giáo huấn con cái cùng đạo lý "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận" sẽ tự hiểu rõ.

Sách Sức Chung Tân Lương nói về lợi ích của việc trợ niệm khi lâm chung. Lời tựa cho Đạt Sanh Thiên[54] nêu rõ chuyện niệm Quán Thế Âm khi sanh nở. Do hai chuyện sanh và tử là chuyện lớn nhất trong đời người, nhưng nỗi khổ sanh nở quả thật là nỗi khổ lớn nhất của nữ nhân. Trước kia Quang chẳng nói đến chuyện này, sau này do biết chuyện khó sanh rất đáng thương, nên đề xướng rộng rãi (Lúc sanh nở phải niệm ra tiếng; nếu niệm thầm trong tâm, chẳng những sức yếu khó thể cảm thông mà còn sợ rằng có thể vì gắng sức mà đến nỗi bị tổn thương). Phàm những ai tuân theo mà niệm thì không một ai chẳng được an nhiên sanh nở. Nguyện các vị dạy hàng nữ nhân thường ngày niệm Phật sẽ tự không bị nỗi khổ ấy. Dẫu là người chẳng niệm, nhưng lúc đang sanh nở chịu niệm thì cũng liền thấy hiệu nghiệm lạ lùng. Lúc ấy chỉ nên chí thành, chớ đừng vì lõa lồ bất tịnh mà ngại ngần, cũng chớ nên nghi bị tội mà chẳng dám niệm thì cả mẹ lẫn con đều hưởng lợi ích không gì lớn hơn.

35. Thư gởi cư sĩ Quách Vũ Tam

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Ngôi vị Thành hoàng[55] chính là do người thông minh chánh trực trong cõi đời đảm nhiệm. Luận theo Phật pháp thì họ vẫn thuộc trong số những kẻ bị đọa lạc, nhưng nhìn theo thế tục, họ đã rất phi thường rồi. Ông buồn vì nghĩ Thành hoàng chẳng được kể tên vào tế điển[56] là điều bất hạnh ư? Hết thảy đạo đức thánh hiền

[54] Đạt Sanh Thiên là một thiên sách nói về cách đoạn dục để dưỡng thai do cư sĩ Cức Trai biên soạn, xin xem chi tiết trong "Lời tựa tái bản hai thiên sách Đạt Sanh và Phước Ấu" được đánh số 37 trong phần Tự của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 2.

[55] Theo nghĩa gốc, Thành hoàng là một vị thần có nhiệm vụ bảo vệ một thành trì. Về sau, được hiểu là một vị thần chưởng quản cõi âm lẫn cõi dương của một vùng. Dưới vị thần này có nhiều viên công sai chuyên ghi chép những chuyện thiện ác, họa phước của người dân địa phương để trình tấu thiên đình. Thành hoàng có nguồn gốc từ thần Thủy Dung thời cổ. Thoạt đầu Thành Hoàng chỉ được thờ trên một nền đất đắp, sau phát triển thành miếu thờ tráng lệ, trang nghiêm. Phong tục thờ Thành hoàng thạnh hành nhất ở Hoa Lục, Đài Loan và Singapore.

[56] Tế điển: Sách ghi tên các vị thần được triều đình công nhận và quy định cúng tế hằng năm.

đều bị gã cuồng kia phế bỏ, lẽ nào thánh hiền đều trở thành kẻ khốn cùng không nơi nương tựa hay sao? Cha ông bẩm tánh rất thật thà, e rằng vẫn chưa hiểu sâu xa nguyên do của pháp niệm Phật. Nếu biết sâu xa, ắt sẽ chẳng đến nỗi có chuyện trở thành Thành hoàng! Nếu cụ là Thành hoàng thì há lẽ nào vì bị kẻ cuồng trong đời phế bỏ mà do đó không có chức vị, trách nhiệm của Thành hoàng nữa hay sao? Thành hoàng có lớn, có nhỏ, giống như các quan địa phương ở tỉnh, phủ, huyện. Do họ hưởng huyết thực[57], nắm quyền thưởng phạt, nên người biết Phật pháp quyết chẳng chịu làm. Nếu huệ lực sâu thì còn có thể tiến tu, nếu huệ lực cạn thì chẳng phải là điều tốt lành cho lắm, vì phàm phu trọn đủ hoặc nghiệp, do tâm sân khuể nặng nề nên chẳng thể gọi là chuyện tốt đẹp được.

Nếu ông có thể chí tâm niệm Phật hồi hướng cho cha, khiến cho cụ chưa nhận chức Thành hoàng liền sanh về Tây Phương, còn nếu đã nhận chức Thành hoàng thì khi mãn chức sẽ vãng sanh, đấy mới là thờ cha mẹ đến mức rốt ráo. Phải biết vãng sanh Tây Phương còn vượt trỗi chư thiên cõi trời Phi Phi Tưởng[58] bao nhiêu lần chẳng thể tính được, huống gì là Thành hoàng? Hễ vãng sanh bèn siêu phàm nhập thánh, còn Thành hoàng chỉ là một chức vụ nắm quyền thưởng phạt trong quỷ thần đạo mà thôi, vẫn ở trong Dục giới! Chức vụ đã mãn thì hoặc là được thăng chức, hoặc sanh lên trời, hoặc sanh vào nhân gian, đều tùy theo nghiệp lực mà thọ các thứ quả báo cao hay thấp vậy.

36. Thư trả lời cư sĩ Trần Phụng Ngô

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Đời người khổ nhất là từ thuở bé không gặp được thầy lành bạn tốt, đến nỗi mặc tình buông lung, gây các ác nghiệp, như câu nói: *"Duy thánh võng niệm tác cuồng dã"*, có nghĩa là: Tâm tánh về bản thể có thể làm bậc thánh, nhưng do không tu tỉnh, nên trở thành cuồng ngu! Nay ông đã biết 56 năm qua, ba nghiệp thân miệng ý đều chẳng thanh tịnh, nhưng ý nghiệp nặng nề hơn cả. Ấy là vì ý nghiệp làm chủ, do ý nghiệp dấy lên cái niệm thiện hay ác nên thân miệng bèn

[57] Huyết thực: Theo lệ xưa, các vị thần thường được cúng bằng heo bò làm thịt để nguyên con chưa nấu nướng dâng lên tế. Hiểu theo nghĩa rộng, do thần thánh thường được cúng tế bằng động vật nên gọi là "hưởng của huyết thực".

[58] Phi Phi Tưởng Thiên, gọi đầy đủ là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên (Naiva-samjñānāsamjñāyatan), đôi khi còn dịch là Vô Tư Tưởng Diệc Vô Tư Tưởng Thiên, Hữu Tưởng Vô Tưởng Trí Thiên, hay Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ Thiên, là tầng trời cao nhất trong Vô Sắc Giới. Tên tầng trời này được gọi theo môn Thiền Định của chư thiên trong tầng trời ấy. Định tâm của họ cực kỳ vi diệu, không còn có thô tưởng nữa nên gọi là Phi Tưởng, nhưng vẫn còn những Tưởng vi tế, nên gọi là Phi Phi Tưởng. Do tầng trời này cao nhất trong Tam Giới nên đôi khi còn gọi là Đảnh Thiên.

nói những lời thiện ác và làm những chuyện thiện ác. Nay đã biết hổ biết thẹn, muốn quy y Phật pháp để làm căn cứ cho tiền đồ tu trì thì cố nhiên phải nên tích cực giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, sanh lòng tin, phát nguyện niệm danh hiệu Phật, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, sẽ bèn có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Có câu: *"Duy cuồng khắc niệm tác thánh dã"* (Cuồng mà chế ngự được ý niệm bèn thành thánh), thành cuồng hay thành thánh chỉ do đánh mất ý niệm hay chế ngự được ý niệm mà thôi. Từ nay trở đi, hãy nên đau đáu tự gìn giữ, phàm ý niệm bất hảo vừa dấy lên liền sanh lòng hổ thẹn lớn lao, hệt như lõa lồ trước bao người đông đúc, hổ thẹn muốn chết! Lâu ngày như thế thì ý niệm xấu sẽ tự nhiên chẳng dấy. Ý nghiệp được tịnh thì thân miệng cũng tịnh theo. Ba nghiệp thanh tịnh niệm danh hiệu Phật, công đức ấy càng rộng lớn chẳng thể diễn tả được. Nhưng ba nghiệp chưa tịnh thì càng phải hết sức chí thành niệm Phật để cầu được thanh tịnh. Chớ nên hiểu lầm, cho rằng ba nghiệp chẳng tịnh thì niệm Phật không có công đức chi cả. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tịnh, ngụ ý: Dùng niệm Phật để đối trị ba nghiệp thân miệng ý cho được thanh tịnh, để mong nghiệp chướng hiện đời tiêu diệt, phước tuệ tăng trưởng, lâm chung cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng khôi phục chân như Phật tánh sẵn có. Đã hành như thế rồi lại càng phải dùng điều này khuyên dạy hết thảy, trong là quyến thuộc, ngoài là bạn bè. Công đức khuyên người khác sẽ thành tựu đạo nghiệp cho chính mình. Ông hãy nên gắng lên nhé!

37. Thư gởi cư sĩ Trần Ngạn Thanh

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Gần đây chắc là thân thể ông đã lành mạnh lắm rồi. Tuổi ông đã già suy, con cháu thật đông, hãy nên đem chuyện nhà, chuyện tiệm giao cho lũ con trông nom, còn chính mình làm một người nhàn tản chẳng bận tâm một việc gì, ngày đêm trong tâm thanh tịnh niệm "Nam-mô A-di-đà Phật" và "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát", chắc chắn sẽ được thân tâm an lạc trong hiện tại, lâm chung vãng sanh Tây Phương. Chuyện nữ sắc còn gây trở ngại cho tuổi thanh niên, huống chi tuổi đã già suy? Ông đã quy y Phật pháp, muốn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, hãy nên đoạn ái dục. Bất luận vợ già hay hầu non đều coi như bạn đạo, trọn chẳng nghĩ như vợ chồng, dạy họ hằng ngày bầu bạn niệm Phật cùng ông thì ông chính là vị thầy hướng dẫn của bọn họ, mà họ cũng là bạn hữu ích cho ông. Đôi bên giúp đỡ nhau, lợi ích rất lớn. Tương lai cùng sanh về Tây Phương, cùng thân cận A-di-đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát. Lại còn

cùng chứng chân như diệu tánh, cùng phổ độ các chúng sanh trong thế giới, may mắn nào bằng!

Lại nữa, nếu như khí lực suy yếu, hãy nên bảo vợ cả, vợ lẽ, và con, dâu, cháu, hễ rảnh rỗi bèn chia ban bầu bạn niệm Phật với ông. Mỗi người niệm một giờ, cũng chẳng nhọc nhằn đâu! Ông niệm theo được thì niệm theo. Nếu không, nghe tiếng họ niệm. Chẳng những ông được hưởng điều lợi ích ấy mà khắp cả bọn họ cũng được tiêu trừ tai chướng, tăng trưởng phước thọ. Huống chi hiện tại đang nhằm tình thế hoạn nạn, nếu dùng pháp này khiến cho bọn họ ai nấy đều hành hiếu thuận để gieo căn lành lớn, thì đó mới là đạo lý yêu thương con cháu và quyến thuộc chân thật. Đấy là thân ông tuy bệnh nhưng thật ra lại hướng dẫn cho cả nhà không bệnh, yên vui. Những lời này chính là lời chí lý chí tình. Nếu chẳng tin tưởng, xin hãy sốt sắng làm thử xem, sẽ tự biết là lời chân thật vậy!

38. Thư trả lời cư sĩ Vương Thận Trai

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Chồng bà Triệu Lãnh Cô bỏ vợ mê gái làng chơi, luận theo tình cảm thế gian thì số mạng lãnh cô mỏng manh, bất hạnh; còn luận theo Phật pháp thì thật là may mắn lớn! Nếu chồng chẳng ruồng rẫy thì tình ái vợ chồng, con cái ràng buộc, suốt ngày bận bịu, càng khó niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nay do chồng bỏ mà được chuyên tâm niệm Phật, để đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn liền liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Lợi ích ấy hoàn toàn do bị chồng bỏ, hãy răn nhắc bà ta đừng sanh lòng oán hận, mà hãy nên sanh lòng cảm kích. Lại nên đem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho chồng, khiến cho ông ta mau thoát khỏi nẻo mê, mau tìm lối giác. Có lòng dạ như vậy thì hai lòng yêu ghét đều chẳng thể sanh, niệm Phật càng được hiệu quả lớn lao.

Nay đặt pháp danh cho bà ta là Huệ Băng, ngụ ý nên giữ tấm lòng như băng thanh khiết, trọn không bị trần lụy. Hãy nên đem những pháp luyện đan vận khí trước kia hoàn toàn vứt bỏ đi hết, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì chẳng uổng đời này và dịp gặp gỡ này. Đối với pháp niệm Phật, nếu bà ta đọc được sách thì nên bảo xem Gia Ngôn Lục và những sách dễ hiểu, gần gũi. Nếu không, hãy giảng đại lược cho bà ta. Hiện tại, vận nước nguy ngập, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, hãy nên khiến cho hết thảy mọi người cùng niệm Phật hiệu và niệm danh hiệu Quán Thế Âm để làm kế dự phòng.

39. Thư trả lời cư sĩ Hùng Huệ Dực

(Năm Dân Quốc 20 -1931)

Sách Lễ Ký chép: *"Nghĩ nhân tất ư kỳ luân"* (Nếu là con người ắt phải trọn luân thường), huống gì là bậc thánh nhân Trung Quốc tái lai ư? Kiểu ăn nói ấy sau này chớ nên sử dụng nữa, hễ dùng đến thì đôi bên đều bị lỗi, ông phải cẩn thận!

Cha mẹ ông tuổi đã cao, đúng là lúc nên mềm mỏng khuyên họ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Đã biết đến pháp môn này, nỡ nào để cha mẹ ta chẳng được hưởng lợi ích hay sao? Hãy nên làm cho anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái, họ hàng, bạn bè và hết thảy những người quen biết cùng tu tịnh nghiệp. Đem công đức ấy hồi hướng cho cha mẹ ông, chắc chắn họ có thể cao đăng chín phẩm.

Ông muốn quy y, nhưng ở chỗ ký tên, tuyệt chẳng thấy một chữ nào nhún mình. Chiếu theo lý, quyết chẳng thể chấp nhận, bởi chấp thuận sẽ tạo thành cái tội mạn pháp (khinh thường pháp) cho cả đôi bên. Phải biết, quy y giống như bái sư trong thế gian, thế gian bái sư há chỉ nói *"cẩn khải"* (kính xin) là xong ư? Xưa kia, Thanh Thế Tổ gởi thư cho môn nhân của quốc sư Ngọc Lâm là Lữu Khê Hành Sâm[59] còn ghi: *"Pháp đệ Hành Si* (tức pháp danh của Thế Tổ) *hòa-nam."* Ông ta là hoàng đế gởi thư cho đồng môn mà còn như thế đấy. Ông muốn quy y mà chỉ nói "cẩn khải" với vị thầy mà ông tính quy y thì thất lễ đến cùng cực! Đi đường hỏi lối còn phải chắp tay, hoặc vái chào, huống chi muốn nhờ vào chuyện quy y này để liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, mà chỉ "cẩn khải" rồi thôi, há có được ư? Người thật sự tin tưởng Phật pháp thấy hết thảy các vị tăng còn kính lễ, huống gì đối với vị thầy quy y ban đầu ư? Nếu đích thân đến quy y, phải

[59] Hành Sâm (1614-1677) là cao tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh, người huyện Bác La (Quảng Đông), hiệu là Lữu Khê, biệt hiệu là Từ Ông. Mẹ ngài sắp đến ngày sanh, nằm mộng thấy ánh sáng trắng chiếu vào bụng, tỉnh dậy bèn sanh ra ngài. Sư dáng mạo hùng vĩ, tuấn tú. Năm 7 tuổi, bị bệnh, đang nằm dựa vào gối, chợt nghe tiếng trống liền nhận biết túc căn bèn quyết chí xuất gia với ngài Tông Bảo, rồi tham học với ngài Tuyết Kiểu Viên Tín của tông Vân Môn. Sau ngài yết kiến Phổ Tế Năng Nhân Quốc Sư Ngọc Lâm Thông Tú, được thấu hiểu tâm yếu. Ngài Ngọc Lâm thường sai sư thay mặt mình thuyết pháp, tiếp dẫn hải chúng. Quốc sư còn phó chúc truyền thừa pháp hệ. Năm Thuận Trị mười bảy (1660), ngài Ngọc Lâm vâng thánh chỉ vào kinh, sư theo hầu, rất được vua Thuận Trị coi trọng, thậm chí xưng tụng sư là Đại Thông Phật. Vua nhiều lần toan hạ chiếu phong tước hiệu, nhưng sư đều tìm cách khéo léo từ chối. Sau khi từ núi Ngũ Đài trở về, xin vua cho phép được ẩn cư tại Long Khê Am ở Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Vua bèn hạ chiếu biến Long Khê thành Viên Chiếu Tự, ân sủng rất hậu. Năm Khang Hy 16 (1677), sư thị tịch tại chùa Hoa Nghiêm thuộc Ngô Sơn, thọ 64 tuổi. Năm Ung Chánh 11 (1733), hoàng đế lại sắc phong cho sư thụy hiệu Minh Đạo Chánh Giác Thiền Sư. Những câu nói của sư được thu thập vào Ngự Tuyển Ngữ Lục quyển thứ 11. Quyển này về sau được lưu hành riêng trong cõi đời với tên gọi Lữu Khê Sâm Thiền Sư Ngữ Lục.

dập đầu mấy chục lượt, quỳ hơn một tiếng đồng hồ. Dẫu nói dễ dãi, không thăng tòa[60] thì cũng phải dập đầu mười mấy lượt.

Nhưng xem thư ông lời lẽ khá kiền thành, nên bỏ qua, nhưng vẫn phải nói rõ cho ông, chứ không phải mong được ông cung kính, mà là muốn cho ông biết Phật pháp tôn quý, ngõ hầu ông tự được lợi ích thật sự. Tượng đức Phật bằng đất nặn, gỗ khắc, nếu cung kính như đức Phật thật thì liền có thể siêu phàm nhập thánh. Nếu coi là đất, gỗ y như cũ thì tội ấy chẳng kham nói được. Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, nên hướng đến sự cung kính mà cầu. Ông có thể hành theo đây thì lợi ích ấy chỉ có đức Phật biết được. Nay đặt cho ông pháp danh là Huệ Dực, nghĩa là vốn sẵn Phật tánh, nhưng không có Huệ sẽ không sao biết được[61]. Nếu thường dùng trí tuệ để giúp sức thì sẽ dần dần đoạn được phiền não, dần dần hiển hiện được Phật tánh. Nhưng muốn đoạn, muốn hiển, chỉ có một pháp niệm Phật là thẳng chóng nhất. Nên đọc kỹ Gia Ngôn Lục, Văn Sao v.v. thì sẽ tự biết được cách tu trì.

Phải biết: Muốn học Phật thì trước hết phải bắt đầu từ giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Nếu việc làm, tâm tư trái nghịch với Phật, dẫu suốt ngày niệm Phật, lợi ích rất nhỏ. Như gieo hạt lúa tốt nơi đất cát mặn, khó trúng mùa lớn. Nhưng thường niệm Phật sẽ trọn chẳng có nuối tiếc gì. Cõi đời hiện thời nguy hiểm tột bực, nếu chí tâm thường niệm Phật hiệu và niệm kèm thánh hiệu Quán Âm, thảy đều gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành may. Chịu lắng lòng đọc Văn Sao v.v. thì cũng có thể hiểu đạo tu trì một cách đầy đủ vậy.

40. Thư trả lời cư sĩ Chu Nam Phố

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Chú Đại Bi nếu khẩn thiết, chí thành niệm sẽ có cảm ứng chẳng thể lường được. Nếu hướng đến người học Mật tông để cầu cách đọc thì cũng chẳng phải là không được, nhưng người học Mật tông phần nhiều chẳng chú trọng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chỉ sợ bị họ đoạt mất chí hướng vãng sanh trong đời này, để mong "được thành Phật ngay nơi thân này". Thành Phật ngay nơi thân này, nói dễ dàng sao! Nếu cho là điều ấy bản thân ông chắc chắn thật sự làm được, sợ rằng còn chưa thành Phật mà đã thành ma trước rồi. Những kẻ đem phàm lạm thánh, bộp chộp lầm lạc, khoe khoang rỗng tuếch, phần nhiều phạm phải căn bệnh

[60] "Thăng tòa" ở đây có nghĩa là vị pháp sư truyền giới lên tòa, trước hết dạy người muốn quy y sám hối, phát nguyện quy y tam bảo, đảnh lễ cầu giới, phát nguyện thọ giới.
[61] Dực có nghĩa là giúp đỡ.

này, chẳng thể không biết. Bế quan tu hành tuy tốt, nhưng tại gia cố nhiên nên tùy duyên tùy phận, tự hành dạy người là hợp với căn cơ nhất, cần gì coi trọng bế quan? Nếu vướng bận gia đình mà cứ cưỡng muốn bế quan, sẽ đâm ra trở thành chướng ngại.

Nếu nói "ban sẵn thứ quý báu, bí mật" tức là chẳng biết pháp môn Tịnh độ trọn chẳng có gì là bí mật. Nếu có bí mật "truyền miệng, trao ngầm bằng tâm" ("cạn lòng thành, tận lòng kính" chính là bí pháp vô thượng để học Phật, hãy nên nói với mọi người. Chẳng nỗ lực nơi pháp này thì chính là bỏ gốc theo ngọn vậy) liền thành tà ma, ngoại đạo, chẳng phải là con Phật. Mật tông thì có bí truyền, nhưng chẳng thẳng chóng, ổn thỏa thích đáng bằng Tịnh độ. Ông chớ lấy những lời lẽ lớn lối "thành Phật ngay nơi thân này" làm điều tự mong, mà phải cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Nếu muốn thành Phật ngay nơi thân này, sợ rằng Phật chẳng thể thành, mà cũng chẳng được vãng sanh, đôi đằng đều thành không, đáng lo lắm!

Trâu Hoa Lệ, Hoa Tùng đã dốc sức tu tịnh nghiệp, đấy là trước đã có thiện căn Tịnh độ. Nay đặt pháp danh cho hai người ấy: Hoa Lệ pháp danh là Huệ Vinh, Hoa Tùng pháp danh là Huệ Trinh. Trí tuệ sáng rạng thì có thể tự lợi lợi tha, trí tuệ kiên trinh thì chắc là chẳng đến nỗi bị những tư tưởng khác lạ dời động. Người thông minh trong thế gian phần nhiều chẳng tự lượng, coi pháp môn Tịnh độ là lười nhác, muốn nương theo các pháp môn thâm diệu cậy vào tự lực hòng được lợi ích lớn lao, rốt cuộc chỉ biết giáo nghĩa, chưa thể tâm đắc. Dẫu có tâm đắc, cũng chẳng thể thực hiện trọn khắp. Bỏ dễ cầu khó, biến khéo thành vụng, người thông minh mười kẻ hết chín phạm phải tâm bệnh này. Chẳng bị xoay chuyển bởi những thứ tri kiến ấy, lại còn giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, chính là đệ tử thật sự của đức Phật, chắc chắn có thể liễu sanh thoát tử trong đời này. Xin đem lời này đưa cho họ xem.

41. Thư trả lời cư sĩ Lý Tự Sơ

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Ông đã thọ giới, đã có Văn Sao, Gia Ngôn Lục, hãy nương theo đó tu trì mới hòng khỏi phụ bạc cuộc đời này, cần gì phải hỏi đạo nơi minh sư chi nữa? Phải biết: Phật pháp ví như biển cả, ai có thể một bước đạp đến tận đáy, một miệng hút sạch được? Chỉ nương theo tín - nguyện - hạnh trong pháp môn niệm Phật thì chắc chắn sẽ có thể cậy vào Phật từ lực, mang nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì đã được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Pháp này chính là vô

thượng đại pháp để đức Như Lai phổ độ hết thảy dù phàm hay thánh. Nếu chẳng chuyên tu pháp này mà muốn liễu sanh tử bằng các pháp môn như Thiền, hay Giáo, hay Mật, hay Luật, đừng nói là đời này chẳng được liễu thoát, thật sợ rằng ngàn đời vạn kiếp vẫn khó liễu thoát. Do các pháp môn ấy đều phải đoạn hết sạch phiền não thì mới có phần được liễu sanh tử.

Ông nói "gởi thư qua lại hòng được chỉ dạy rõ ràng con đường chánh cho hết thảy chuyện tu hành" thì Văn Sao, Gia Ngôn Lục há chẳng phải đã chỉ ra con đường rồi ư? Chỉ cần nương theo đó mà tu là được rồi, cần gì phải dùng thư từ để chỉ đi dạy lại nữa? Các sách như Văn Sao v.v. ông còn chẳng y theo, làm sao có thể dùng thư từ để hỏi lại, nói lại được? Hóa ra ông chỉ chịu nương theo lời nói ít ỏi nhất! Nếu ông y theo Văn Sao tu hành, đảm bảo vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Nếu ngoài pháp này ra mà muốn đạt được lợi ích liễu sanh thoát tử thật sự, dù có mơ cũng mơ chẳng được. Ông chịu tuân theo lời tôi tức là chẳng khác gì quy y, cũng không cần phải đặt pháp danh mới là quy y vậy. Phàm nêu tên người trên, do chẳng dám gọi thẳng tên họ người ta ra nên mới nói là "thượng X… hạ Y…". Ông tự xưng pháp danh mà cũng nói là "thượng Thường hạ Lạc" thì thành ra ăn nói nhảm nhí, tự cao tự đại, không thể không biết điều này. Quang đã già rồi, chẳng thể thường trả lời thư ông, chớ thường gởi thư đến nữa. Nếu muốn đọc kinh sách, nên thỉnh nơi Hoằng Hóa Xã.

42. Thư gởi cư sĩ La Thế Phương

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Giữa tháng 8, đại sư Liễu Nguyện từ Phước Châu đến, nói cư sĩ là con em nhà giàu có, tuổi chớm đôi mươi, chẳng bận lòng về thanh sắc, của cải, khá thích Phật pháp, tiếc chưa gặp được bậc tri thức chân thật, xin tôi gởi thư cũng như gởi cho ông tất cả những sách quan trọng đã được lưu thông, ngõ hầu ông hiểu được đường nẻo, Quang bằng lòng. Rồi nghĩ người ta chưa từng viết thư cho mình, mình gởi thư ngay cho người ta, chắc họ sẽ nghĩ mình tính dựa dẫm nên chưa gởi. Gần đây thầy ấy từ Thượng Hải đến nói ông cho thầy ấy biết: Quang chưa gởi thư cho ông, lại còn xin Quang gởi thư. Do vậy chẳng thể không viết thư cho ông. Người quy y ở Phước Châu có ba bốn chục vị, Quang tuyệt đối chẳng vô cớ gởi thư cho họ, cũng chẳng quyên mộ họ làm công đức. Chỉ có La Khanh Đoan nhiều lần thỉnh sách, là có gởi thư qua lại. Ngoài ra, đều chỉ là do họ xin quy y, Quang bèn gởi thư trả lời dặn dò mà thôi.

Con người đức hạnh sung mãn, lập được sự nghiệp, đầu mối là do lúc thiếu niên có lập được chí hay không? Ông sanh trưởng trong nhà giàu có, nên hết lòng

bỏ sạch tập khí phú quý thì mới có phần học đạo liễu sanh tử. Nếu không, thanh, sắc, của cải, bạn bè ăn nhậu, tà vạy thừa cơ chen vào. Tuy mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học tổ, nhưng chẳng thể được. Muốn học Phật pháp, trước hết phải tận hết chức trách, bổn phận của chính mình. Nếu không thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, dù có học Phật pháp cũng khó được lợi ích lớn lao, bởi tâm địa chưa được lương thiện vậy. Nếu làm được những điều như vừa nói trên đây thì gọi là "thiện nhân". Như nền tảng kiên cố, lầu cao vạn trượng mặc lòng xây cất, chắc chắn chẳng bị sụp đổ. Chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn, toan dùng tự lực để ngộ hiểu tâm tánh, đoạn sạch phiền hoặc, hòng liễu sanh tử, ngàn người chưa được một. Hãy nên y theo pháp môn Tịnh độ, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Đấy là pháp môn "vạn người tu, vạn người đến" thẳng chóng, ổn thỏa, thích đáng nhất!

Trước hết, phải thấu hiểu được nguồn cội của pháp môn này, tâm hiểu cho rõ ràng. Nếu thừa sức, sẽ lại nghiên cứu hết thảy kinh luận, các pháp môn đều có thể giúp cho pháp môn này. Nếu chưa hiểu rõ nguyên do của pháp môn này, lại tùy ý nghiên cứu các kinh luận khác và thân cận tri thức các tông để làm bậc đại thông gia và gieo thiện căn cho đời vị lai thì quả thật là có như thế, nhưng muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, sợ rằng có mộng cũng mộng chẳng được. Quang một mực nói thẳng, lòng dạ thẳng tuột, mong sao có ích cho người, cũng chẳng sợ người khác nói tôi vô tri vô thức, chỉ biết niệm Phật. Vì thế với kẻ hữu duyên đều bảo họ như vậy. Tuy không quen biết ông, nhưng do thầy Liễu Nguyện đôi ba lượt cầu xin, nên cũng nói với ông như vậy.

Nay tôi bảo Hoằng Hóa Xã gởi cho ông những sách đã lưu thông mỗi thứ một bộ, ông bằng lòng xem thì giữ lại để tự xem. Nếu không, đưa cho người có học vấn biết cung kính xem thì cũng rất tốt, chẳng ép ông phải xem. Nếu muốn thỉnh để tặng cho người khác thì cũng có thể tự thỉnh từ Hoằng Hóa Xã. Những sách do Hoằng Hóa Xã đã thỉnh từ bên ngoài, chỉ tính tiền giấy và tiền công thợ in, hết thảy chi phí khác đều chẳng tính vào đó. Nếu không biết, hãy hỏi Khanh Đoan sẽ tự biết rõ. Gần đây tai họa khôn lường, nếu có thể chí tâm niệm Phật và niệm Quán Âm, chắc chắn sẽ có thể gặp dữ hóa lành. Mong đem những lời này nói với hết thảy mọi người thì lợi ích lớn lắm!

43. Thư trả lời cư sĩ Quách Giới Mai (hai lá thư)

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

1. Nhận được thư và bộ Vụ Bổn Tùng Đàm[62] biết các hạ có lòng với thế đạo nhân tâm, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Nói đến những chuyện ngoa truyền trong cõi tục, nói chung là do thiện căn cạn mỏng, ác nghiệp sâu nặng mà ra. Người cõi tục trong làng quê vô tri, chỉ muốn chết đi chẳng chịu tội, có tiền xài, đến nỗi có kẻ tục tăng không hiểu giáo lý, ngụy tạo kinh Thọ Sanh khớp với điều họ ưa chuộng, thành ra những kẻ vốn sẵn lòng hèn kém tham tiền và chỉ cầu tự lợi, bèn chẳng tiếc nhiều tiền bạc để trả nợ tiền thọ sanh. Lại còn gởi kho để mong chết đi được thọ dụng, chẳng biết thọ sanh tùy thuộc nghiệp thiện hay ác, há có thể nhờ tiền để chuộc mạng nơi các quan ở âm tào ư? Lúc còn sống chịu tu thiện thì chết đi sẽ tự được thọ dụng. Nếu chẳng tu thiện, dẫu con cháu vì người đã mất ấy đốt y phục, tiền tài cũng chẳng thọ dụng được, sẽ bị kẻ mạnh bạo có sức mạnh cướp đoạt mất. Đây là nói về người bình thường chẳng biết niệm Phật.

Nếu là người niệm Phật, lúc sống nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, lâm chung sẽ tự được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, sao chẳng cầu sanh Tây Phương, chỉ mong chết đi làm quỷ vậy? Đúng là chẳng biết tự trọng, toan tính làm chuyện thấp kém, muốn vĩnh viễn ở trong biển khổ sanh tử, chẳng muốn thoát lìa, sao mà ngu cùng cực đến như thế?

Lại nữa, hàng nữ nhân thường nghi sanh sản là có tội, hàng tăng sĩ kém cỏi, vô tri bèn ngụy tạo kinh Huyết Bồn, sám Huyết Bồn. Nữ nhân nghe vậy, mừng rỡ quá đỗi, ai nấy đều muốn niệm kinh Huyết Bồn, lạy sám Huyết Bồn, phá huyết hồ. Đúng là lấy trò đùa của trẻ con để làm căn cứ diệt tội, thoát khổ, đáng than quá đỗi! Cái tội của nữ nhân là ở chỗ phạm lỗi "chẳng hiếu với cha mẹ và bố mẹ chồng, chẳng kính trọng chồng, chẳng đối xử nhân hậu với tôi tớ, chẳng dùng thiện đạo để dạy con, và chẳng tắm rửa đúng lúc". Nếu do chí thành, cung kính niệm Phật để mong tiêu diệt nghiệp xưa, tẩy lòng rửa ý, chẳng tạo tội khiên về sau nữa, do Sa-bà dấy động lắm tội khiên bèn quyết chí vãng sanh Tây Phương, đấy mới là chánh lý. Sao chẳng sám hối tội lỗi trong tự tâm mà chuyên dựa vào ngụy kinh để sám diệt tội lỗi vậy?

Đã tin Phật là bậc cứu độ, sao chẳng niệm kinh Đại thừa do đức Phật đã nói như kinh Kim Cang, kinh Di-đà, Tâm Kinh, chú Đại Bi, chú Vãng Sanh và kinh

[62] Vụ Bổn Tùng Đàm là một cuốn sách do ông Quách Giới Mai biên soạn với nội dung khuyến cáo những người làm cha mẹ chú trọng vun bồi đức hạnh, luân thường của chính bản thân rồi áp dụng vào việc giáo dục con cái, cũng như những điều cần tránh để tạo thành những thói xấu cho trẻ.

Pháp Hoa, kinh Lăng-nghiêm v.v. để mong diệt tội tăng phước? Diệm Khẩu[63] là pháp trọng yếu để cứu vớt cô hồn, lại ngược ngạo chẳng tin, xúm nhau phá huyết hồ, phá địa ngục, coi đó là những "Phật sự" không thể không làm! Chính mình chẳng được lợi ích chân thật, đâm ra làm cho kẻ hiểu lý thế gian nhưng không biết Phật pháp tưởng đó chính là Phật pháp. Do đó nẩy sanh đủ mọi lời lẽ báng pháp bừa bãi, còn tự cho là đúng. Những kẻ mù quáng đâm ra tuân phụng những ý kiến sai lạc ấy, coi như khuôn thước. Như trong cổ văn, qua bài văn "Viết sau cuốn Hành Hiếu Truyện của Lưu Vũ Trù" của Lưu Bá Ôn[64], đủ thấy kẻ ngụy tạo kinh Huyết Bồn tội lớn ngập trời!

Đối với người niệm Phật, khi lâm chung mọi người đồng thanh niệm Phật, khiến cho người ấy chánh niệm rỡ ràng, liền được theo Phật vãng sanh. Cần gì phải đối trước thần thổ địa dâng cơm ba ngày để mong họ đối xử nương tay với người chết, chẳng trị tội khắc nghiệt? Đúng là trở thành kẻ si vậy! Như người đã được Đại tổng thống tuyển dụng, người ta có còn phải hướng về cảnh sát cầu xin

---

[63] Đây là một khoa nghi thí thực cho cô hồn ngạ quỷ dựa theo lời dạy trong kinh Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà-la-ni. Theo kinh đó, ngài A-nan nhập định trong rừng, thấy một ngạ quỷ mặt bốc lửa bừng bừng, hình hài khô kháo, đầu tóc rối bù, bụng to như trống, họng bé như kim, nên có tên là Diệm Khẩu. Quỷ cho biết kiếp trước keo kiệt, tham lam không biết chán đủ nên bị đọa vào loài ngạ quỷ. Quỷ cũng báo trước A-nan sau ba ngày nữa sẽ chết, đọa làm ngạ quỷ. A-nan kinh sợ vội chạy đến cầu cứu đức Phật. Nhân đó, Phật dạy cách thí thực, vận tâm từ bi, quán tưởng và chú lực để thí khắp hằng hà sa số ngạ quỷ và chư tiên, công đức vô lượng, tăng trưởng thọ mạng, thoát báo ngạ quỷ. Nguyên tắc chủ yếu là dùng đồ chứa sạch sẽ, đựng nước ăn, chút ít thức ăn dùng tay phải đè lên trên, tụng chú bảy biến, xưng danh hiệu thất Phật (Đa Bảo, Diệu Sắc Thân v.v.) rồi rải khắp bốn phương, khảy ngón tay bảy lần. Đem món ăn ấy đổ xuống chỗ đất sạch để ngạ quỷ hưởng dụng. Về sau, khoa nghi nguyên thủy được biên soạn dựa theo Du-già Tập Yếu Cứu A-nan Đà-la-ni Diệm Khẩu Nghi Quỹ Kinh (do ngài Bất Không dịch) đã chịu ảnh hưởng nhiều của Mật tông Tây Tạng nên trở thành dần dần quá phức tạp, rườm rà. Vì thế, để thuận tiện cho việc hành trì, cao tăng các đời đều lưu tâm chỉnh lý. Hiện thời, khoa nghi Diệm Khẩu phổ biến nhất là bản Thiên Cơ Diệm Khẩu (tức Tu Tập Du-già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi do ngài Thiên Cơ đời Minh tu chỉnh các khoa nghi Diệm Khẩu sẵn có từ trước). Bản Thiên Cơ lưu hành hiện thời đã được tổ Liên Trì tu chỉnh tạo thành Tu Thiết Du-già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi (nhưng vẫn quen gọi là Thiên Cơ Diệm Khẩu). Kế đến là bản Hoa Sơn Diệm Khẩu do ngài Đức Cơ núi Bảo Hoa tu chỉnh bản của ngài Liên Trì một lần nữa, đặt tên là Du-già Diệm Khẩu Thí Thực Tập Yếu.

[64] Lưu Bá Ôn (1311-1375), tên thật là Lưu Cơ, tự là Bá Ôn, thụy hiệu Văn Thành, người Nam Điền, huyện Văn Thành, Ôn Châu, là một nhà quân sự và chính trị gia lỗi lạc đồng thời là một thi nhân nổi tiếng cuối đời Nguyên, đầu đời Minh. Ông rất giỏi về binh pháp và sách lược, phù tá Chu Nguyên Chương sáng lập cơ nghiệp nhà Minh. Ông được hậu thế xưng tụng "tài trí vượt hẳn Gia Cát Lượng". Chu Nguyên Chương từng khen ngợi: "Ông là Tử Phòng (Trương Lương) của ta." Do ông quá tài giỏi, trong dân gian đã lưu truyền nhiều truyền thuyết tô vẽ Lưu Cơ như một bậc đạo sĩ tu chứng trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, thấu hiểu huyền cơ, có thể thấy trước vận mạng đất nước vài trăm năm.

rộng lòng hậu đãi hay chăng, há chẳng phải là lời lẽ tức cười đó ư? Chúng sanh nghiệp nặng chướng sâu, phàm là pháp do Phật Bồ-tát, thiện tri thức đã nói thì phần nhiều chẳng tín phụng, còn những pháp do tà ma ngoại đạo nói thì lại như ruồi bâu theo hơi thối, xúm xít như kiến bu, chim đậu ùa nhau hùa theo. Xét đến kết quả, nếu được phước báo trời người nhỏ nhoi đã là muôn vàn may mắn rồi. Phần nhiều coi tà đạo là Phật pháp, chê Phật pháp là tà đạo, dẫu trong đời này chẳng vướng phép nước thì chết đi sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục, vạn người chẳng sót một ai, chẳng đáng buồn ư? Nguyện các hạ lớn tiếng kêu gào để họ được tỉnh giấc mộng.

2. Giở sách xem qua loa, chưa thể đọc kỹ, đã thấy trong ấy cũng có lắm chỗ lầm lẫn, còn những điều khác tôi chưa để ý đến. Nơi trang 22, trong dòng 3 và dòng 4 ở cuối trang, viết chữ tình (情) của từ ngữ "tình trạng" thành hình (形) là đã bỏ gốc chạy theo ngọn vậy. "Tình" là tâm thức, còn "trạng" là hình tướng. Đây có lẽ là vì không nhớ rõ mà ra. Lại nữa, trong trang ấy và trang kế đó, chữ hồi (迴) trong luân hồi (輪迴) phần nhiều bị viết sai thành huýnh (迥)[65] (ở đây là do người sắp chữ không chú ý, người giảo chánh cũng không duyệt kỹ), nên giảo chánh lại, sửa cho đúng thì in lần sau mới có lợi ích hơn.

Hơn nữa, phàm là trong văn bạch thoại, hễ dẫn kinh Phật hay sách Nho, trước hết nên trích nguyên văn, rồi mới dùng từ ngữ bạch thoại để diễn giải thì có căn cứ rõ ràng, người đọc dễ lãnh hội. Nếu dùng ngay văn bạch thoại để nói tuy vẫn có lợi, nhưng người ta khó lòng chấp nhận. Do vậy mới nói: *"Ngôn nhi vô văn, hành chi bất viễn"*[66] (nói năng không có sắc thái văn chương thì không lan truyền được xa). Gần đây Quang bị đủ mọi chuyện bận bịu, chẳng thể vì các hạ nhọc công dò theo từng hàng mực được[67], nhưng cái tâm giảo chánh cố nhiên là ân cần thiết tha, vì thế trình bày đại lược một hai điều vậy.

44. Thư trả lời cư sĩ Tề Dụng Tu

(Năm Dân Quốc 20 -1931)

---

[65] Tuy tự dạng khá giống nhau, nhưng hai chữ này ý nghĩa khác nhau rất xa. Hồi (迴) là quay trở về, còn huýnh (迥) là xa cách. Do đó, viết luân hồi (輪迴) thành luân huýnh (輪迥) vừa sai âm vừa sai nghĩa quá nhiều.

[66] Đây là một câu thành ngữ vốn trích từ một bài hát cổ mang tên Giác Điệu Khúc trong những ca từ do Yến Tạ soạn. Cả câu là *"ngôn nhi vô văn, hành chi bất viễn, nghĩa nhi vô lập, cần tắc vô thành"* (nói năng không có sắc thái văn chương thì không lan truyền được xa, nghĩa không được lập, dù có siêng năng cũng chẳng thành công). Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích của Hán Điển Thành Ngữ.

[67] Ý nói: Dò theo từng dòng chữ để giảo chánh.

Bài văn của Phật Quang xã ý nghĩa dường như chấp nhận được, nhưng văn từ hơi vụng về, chưa trau chuốt, thầy Dịch[68] và ông đều cho là hay, chắc là vì tình người yêu mến, dù văn không hay nhưng vẫn cho là hay đó chăng? Còn như nói đến chuyện quy y, rất sợ sau này ông sẽ hối hận, nên chẳng dám chấp thuận. Nay tôi lại nói: Chỉ đành đem lầm lạc đáp tạ lầm lạc, đến khi biết kỹ càng là lầm lạc thì chẳng ngại gì coi nhau như người đi đường, hoặc chống đối lại vị thầy đã từng theo đuổi cũng chẳng sao cả[69].

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Mậu, nghĩa là dùng trí tuệ để tự cố gắng, khích lệ người khác cố gắng, mong sao giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, sanh lòng tin phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu thật sự làm được như thế thì chẳng cô phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình, là bậc hướng đạo trong một làng, làm kim chỉ nam cho hàng hậu học, may mắn nào hơn!

45. Thư gởi tiên sinh Thích Hữu Khanh

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hôm trước Trần Dự Đường gởi thư cho biết hai cha con ông đều muốn quy y, xin đặt pháp danh và dạy pháp tắc tu hành. Lại nói ông giỏi nghề y và địa lý[70], bẩm tánh nhân hậu. Con gái ông giữ lòng trinh lương tu hành, nay con gái ông đã đón ông đến am cô ta tu hành. Ông đã bảy mươi, tháng ngày chẳng còn nhiều, hãy nên sốt sắng sanh lòng tin, phát nguyện, niệm thánh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Phàm những chuyện lo toan trong gia đình và chuyện của con cháu đều nên gác ra ngoài. Giả sử ta ngoài sáu mươi liền chết thì không phải là con cháu ấy vẫn sống bình thường hay sao? Nay ta chỉ quan tâm niệm Phật để liễu sanh tử, bọn họ đã chẳng thể liễu sanh tử thay cho ta được, ta há có nên vì họ mà làm hỏng đại sự của ta chăng? Nếu nghĩ được như vậy, tự nhiên sẽ có thể nhất tâm niệm Phật. Con gái ông là Mai Cúc, giữ lòng trinh tu hành, đón ông về am, đôi bên giúp đỡ nhau cùng tu tịnh nghiệp ngõ hầu cùng sanh Tây Phương.

Phải biết: Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, nhưng đều phải đạt đến nghiệp tận tình không mới có thể liễu sanh thoát tử, khó cũng như lên trời. Hiện thời trên cả thế giới, sợ rằng cũng khó có mấy người làm được! Nếu chí thành

[68] Tức cư sĩ Giang Dịch Viên, ông Tề Dụng Tu là môn sinh của Giang Dịch Viên.
[69] Ở đây, tổ đã thấy trước thầy trò Giang Dịch Viên về sau mê man cầu cơ, tin theo ngoại đạo, chống đối những lời dạy của tổ.
[70] Địa Lý ở đây là thuật xem hướng mộ phần, chọn đất an táng để mong con cháu được vinh hiển, phú quý.

khẩn thiết niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, bất luận là ai đều chắc chắn được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Chỉ có kẻ chẳng sanh lòng tin, chẳng phát nguyện là không thể vãng sanh! Nếu có lòng tin thật sự, nguyện thiết tha, không một ai chẳng được sanh. Một pháp này chính là hoàn toàn cậy vào Phật từ lực gia bị, tiếp dẫn vậy. Ví như ngồi chiếc tàu thủy to vượt biển, nhờ vào sức tàu, chứ không phải là bản lãnh của chính mình. Hai cha con ông nên thuận theo lời tôi thì chẳng uổng đời này và dịp gặp gỡ này.

Nay đặt pháp danh cho ông là Đức Khánh. Ông tên là Dư Khánh (điều vui mừng có thừa), ấy chính là điều vui mừng trong thế gian, nay niệm Phật cầu sanh Tây Phương tức là lấy Phật đức để nương về, đấy là điều vui mừng mà ngoài đức Phật ra chẳng ai tuyên nói được. Mai Cúc có pháp danh là Đức Tịnh, nghĩa là dùng ba nghiệp thân miệng ý thanh tịnh để niệm Phật, mong vãng sanh Tịnh độ, vĩnh viễn lìa các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui. Ấn Quang Văn Sao, Gia Ngôn Lục, chắc là có người đã tặng cho ông, hãy nên đọc kỹ, y theo đó mà tu. Nếu không có, nên gởi thư sang Hoằng Hóa Xã của chùa Báo Quốc ở góc đường Hộ Long và Xuyên Tâm để thỉnh. Nay tôi gởi kèm theo một bản danh sách để ông tự xem, hoặc cho người khác xem.

Lại nữa, bà họ Thích nhà họ Nguyễn[71], chắc cũng là em gái ông, nay đặt pháp danh cho bà ta là Đức Chánh, nghĩa là quyết định niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ấy là con đường chánh đại quang minh nhất để liễu sanh thoát tử, đừng nghe những tà tri tà kiến "luyện đan, vận khí, cầu trường sanh" và "trả nợ tiền thọ sanh, gởi kho, cầu làm quỷ" của kẻ thiếu hiểu biết để rồi uổng mất công phu, đánh mất lợi ích thật sự. Những lời vừa nói trên xin hãy bảo cho bà ta biết. *"Nhân sanh thất thập cổ lai hy"*[72] (Người sống được 70 tuổi xưa nay hiếm) chính là câu nói vào thời Đường từ hơn một ngàn năm trước. Người 70 tuổi, đừng coi thường, hờ hững chuyện niệm Phật thì mới có thể quyết định được vãng sanh.

46. Thư trả lời cư sĩ Tập Hoài Tân

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

[71] Đây là cách gọi các phụ nữ đã có chồng khi xưa. Bà này họ Thích, về làm dâu họ Nguyễn nên được gọi là "Nguyễn môn Thích thị".

[72] Đây là một câu thơ trích từ bài thơ Khúc Giang của Đỗ Phủ đời Đường. *"Tửu trái tầm thường hành hữu xứ, nhân sanh thất thập cổ lai hy"* (Nợ nần chè rượu thường luôn thấy, sống đến bảy mươi dễ kiếm đâu!) Về sau câu thơ này trở thành một thứ ngạn ngữ phổ biến trong dân gian để nói về sự hiếm hoi của những người sống thọ trên bảy mươi.

Ông đã biết lợi ích của việc niệm Phật thì từ rày hãy nên gắng công hơn để tự được nhất tâm. Nhưng một pháp niệm Phật chú trọng vào ba pháp tín - nguyện - hạnh, chỉ biết niệm nhưng không sanh lòng tin và phát nguyện, dù có đắc nhất tâm cũng chưa chắc được vãng sanh. Nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa đạt nhất tâm bất loạn, vẫn có thể cậy vào Phật từ lực để vãng sanh. Những người tu hành ngoài rìa phần nhiều cầu giác ngộ, cầu được các thứ cảnh giới, chẳng lấy chuyện quyết định cầu sanh làm chánh yếu, đấy gọi là "bỏ gốc chạy theo ngọn" vậy. Vì sao? Vì ngộ đến cùng cực, nhưng nếu chưa đoạn hết sạch phiền hoặc, vẫn là kẻ luân hồi trong lục đạo. Nếu được vãng sanh, so với chuyện ngộ đến mức cùng cực nhưng chưa đoạn phiền hoặc, lẽ cao thấp khác biệt dường như trời với vực. Ông muốn sớm biết cái nhân mầu nhiệm thì cũng là cái tâm tốt lành, nhưng cũng là do chẳng hiểu sâu xa pháp môn Tịnh độ, nên nói chuyện tu hành ngoài rìa. Ông hãy chết lòng trọn ý niệm đi, sẽ tự được lợi ích chân thật. Nhưng chính mình đã may mắn nghe được pháp này, nỡ nào chẳng làm cho cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con, bè bạn, và hết thảy mọi người đều cùng nghe, cùng tu, cùng được vãng sanh ư?

Cư sĩ Giáp Tam xưa có huệ căn, vừa nghe ông nói đến Tịnh độ và đọc Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, liền có thể tin nhận phụng hành, nhưng vẫn lấy chuyện chưa gặp được Quang làm điều tiếc nuối. Đấy vẫn là hiện tượng tin đạo nhưng chưa chuyên dốc vậy. Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn vừa cực khó vừa cực dễ. Nói là khó thì là do vì bậc đại triệt đại ngộ thâm nhập kinh tạng còn chẳng tin được. Nói là dễ là do vì ngu phu, ngu phụ chí thành khẩn thiết niệm, liền có thể lúc lâm chung hiện tướng lành, vãng sanh Tây Phương. Những vị đại triệt đại ngộ, thông hiểu sâu xa kinh luận kia còn chẳng mong ngang vai bằng lứa với họ! Ấy là vì một đằng bỏ Phật lực, chuyên cậy vào tự lực; một đằng chuyên cậy vào Phật từ lực, lấy Phật lực dẫn phát tự lực. Do Phật lực, pháp lực, sức sẵn có trong tự tâm, ba pháp khế hợp, nên được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Pháp này quan trọng nhất là tín nguyện, có tín nguyện sẽ chắc chắn chịu tích cực tu trì, chịu tu trì liền được lợi ích vãng sanh. Chẳng giống như Thiền tông, Mật tông phải thường có thiện tri thức chỉ dạy. Nếu không, sợ rằng sẽ đi vào đường ma, ngay cả đức Phật cũng khó cứu. Nhưng hành theo lời Quang đã nói, chắc chắn chẳng bị nguy hiểm và chẳng lo không được lợi ích thật sự. Nếu cư sĩ Giáp Tam tuổi trẻ, nhà giàu, thời cuộc thái bình thì xuôi Nam cũng được. Đã vừa già vừa nghèo, lại nhằm lúc loạn lạc, cứ đi thì đâm ra có chướng ngại lớn cho sự tu trì, đấy chính là dấu vết thật sự của chuyện "chẳng hành xử thuận theo địa vị" vậy!

47. Thư trả lời cư sĩ Hồ Phụng Trần

(Năm Dân Quốc 20 - 1931. Ông này còn có tên là Sư Viễn)

Người học Phật nên thấy xa trông rộng. Nếu chỉ biết chuyện thuộc phạm vi ba thước trước mắt thì không khỏi đường cùng nẻo tận. Nước ta suốt 20 năm tàn sát lẫn nhau, rốt cuộc ai là giặc, ai chẳng phải là giặc? Giết người ta, há người ta mặc kệ cho ông giết ư? Hy sinh tánh mạng dân, quân đôi bên hòng giành cái danh suông "vì nước vì dân"! Người khác đều như thế, ta cũng như vậy, còn quý báu gì mà học Phật nữa cơ chứ? Nước ta tàn sát lẫn nhau, vẫn còn là nhìn từ mặt ngoài, chứ thật ra là tự chặt chân tay và đầu sọ của chính mình mà còn hiềm rằng chưa giúp cho được lẹ làng hơn nữa kia. Danh thì vang rền, kinh tai cõi tục, nhưng bản chất thì đau buốt tan nát lòng trời. Chớ nên hùa vào giúp cho chuyện náo nhiệt này.

Còn như nói "thổ phỉ nhiều như lông, nếu chẳng trang bị vũ khí, chẳng thể sống yên được" thì có thể bảo người trong vùng hợp thành một đoàn tự vệ. Phàm những người tuổi trẻ mạnh dạn, đều dạy cho họ biết đây là chuyện nhằm phô trương oai thế để thổ phỉ nghe tiếng không dám đến. Nếu hăng máu giết thổ phỉ ắt sẽ kết thành mối thù sâu; sau này chúng nó ắt sẽ tàn sát thôn chúng ta, đào tung phần mộ tổ tiên mỗi nhà trong làng ta. Bất luận già trẻ trai gái đều thường niệm Quan Thế Âm Bồ-tát để mong được ngầm che chở. Nếu mọi người biết tốt xấu, chịu tuân theo biện pháp này thì đề phòng giặc cướp chính là tu đạo, công đức lợi ích há thể nghĩ bàn? Nếu mọi người đều dùng tâm sân, thủ đoạn độc ác hòng mong vui sướng một chốc thì dẫu muốn khóc cũng chẳng thể ứa lệ được. Quang có ý kiến như thế, chẳng biết cư sĩ nghĩ như thế nào? Sau này đừng gởi thư bàn bạc chuyện này, bởi người ngoài cuộc làm sao có thể bày kế hoạch cho người khác ý với ta cho được?

"Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại" (bất hiếu có ba điều, không có con nối dõi là điều bất hiếu lớn), đây chính là nói về kẻ chẳng trọn hết phận sự con người vậy. Nếu đã lấy vợ, nhưng không sanh nở được, cố nhiên chẳng phải là "không trọn hết phận sự con người". Một vị cư sĩ ở quê tôi không con, cầu khấn nhiều cách đều chẳng thỏa nguyện, bèn cưới một người thiếp, nhưng thê thiếp bất hòa, nẩy sanh xích mích, vẫn không có con. Một người bạn bày kế, tính sang làng xa cưới một người thiếp nữa, chẳng rước về nhà, mỗi năm người ấy qua lại một đôi lượt để mong sanh con. Đem chuyện ấy thưa với Quang, Quang nghe xong khôn ngăn than thở cảm khái. Gần đây lòng người bại hoại đến cùng cực, trai gái tự do luyến ái gần như trở thành công khai. Một cô gái tuổi nhỏ, ở một mình ngoài mấy trăm dặm, cô gái ấy chẳng sanh chuyện bên ngoài thì chính là bậc đại hiền, sợ rằng

trong trăm ngàn người cũng khó được mấy kẻ! Huống chi cô gái ấy tự sống thành một nhà, lại cần phải thuê đầy tớ, phí tổn cũng khá. Nếu may mắn sanh được con thì kẻ ưa gièm pha ắt sẽ có kẻ nói xấu miệt thị là làm chuyện ám muội. Nếu chẳng may vẫn không sanh được con thì cô gái ấy suốt đời cô đơn quạnh quẽ, người chồng phải chu cấp suốt đời, đúng là tự gieo mình vào lao ngục, làm nô lệ cho cô gái ấy, chẳng đáng buồn ư? Kế hoạch ấy nói chung là vì cái danh mà bày ra, vì cho rằng không con là thiếu đức, có con thì người ta chẳng nói mình thiếu đức. Cái danh gây lụy cho con người đến nỗi như thế đấy.

Ta chỉ trọn hết phận ta, hết thảy những chuyện khác không tính đến thì mới là "biết vui theo mạng trời". Số mạng vốn không có con thì phải tích đức mà cầu, cầu không được thì có gì tiếc nuối đâu? Nay những kẻ đả đảo giềng mối "cha con, vợ chồng" để tự do luyến ái, nam nữ lõa lồ ôm nhau khiêu vũ, chẳng phải là những đứa con do cha mẹ sanh ra hay sao? Không có những đứa con như thế thì tốt hơn. Anh em Quang ba người, Quang bé nhất, hai anh đều không con, dòng họ tuyệt tự. Quang nghe xong, khôn ngăn mừng rỡ an ủi, bởi sau này chẳng còn có con cháu tạo ác nghiệp làm nhục tổ tiên nữa! Chuyện như vậy, đâu phải chỉ riêng quê tôi mới có, có lẽ có người mang cảm giác đồng tình với quê tôi, cũng có thể giải bớt nỗi lo buồn vậy. Huống chi người tu hành chẳng mong huyết mạch được tiếp tục. Cư sĩ Bàng con trai chẳng lấy vợ, con gái chẳng gả chồng. Ông Bành Nhị Lâm suốt đời hoằng pháp tu tịnh nghiệp, vợ sanh được hai con gái, không có con trai cũng chẳng cưới thiếp, cũng chẳng nuôi cháu nối dòng, do ông chí tại vãng sanh Tây Phương, chẳng muốn tiếp tục dâm dục hòng sanh con đẻ cháu. Chúng ta dù chẳng dám với cao muốn được như cư sĩ Bàng, nhưng gương thơm của Bành Nhị Lâm chúng ta nên tự giữ. Cần gì phải lập ra kế hoạch cực nguy hiểm ấy để mong đạt cho được vậy?

Nếu nói: "Ông nói như vậy, quá bất cận nhân tình, nỡ để phần mộ tổ tiên không người lễ bái, quét dọn, cúng tế ư?" Vậy thưa: "Do lấy thiếp mà bị người gièm pha là làm chuyện ám muội, sao bằng đến viện mồ côi, ẵm lấy một đứa bé mũm mĩm, trông có phước phận về làm con thì tốt đẹp đôi bề, không ai nuôi nó, ta nuôi làm con, tức là cứu mạng nó, nó cũng có thể thay thờ phụng tổ tiên, mà cũng làm cho tổ tiên của nó chẳng đến nỗi đau lòng vì con cháu bị vùi lấp nơi khe rãnh vậy. Nghĩa cử ấy người ta cho là nuôi tò vò, nhưng nuôi tò vò có thẹn gì cơ chứ?"

48. Thư trả lời cư sĩ Bào Xung Sĩ

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Tai họa, bệnh tật trùng trùng, nói chung là do ác nghiệp đời trước sâu đậm, do hành vi hiện thời chẳng cẩn thận mà ra. Đời người muốn được không bệnh khỏe mạnh ắt phải cực lực tiết dục. Hễ lắm dục sự thì đủ mọi bệnh tật đều phát sanh. Người đời cho làm chuyện dâm dục là vui, chẳng biết vui chỉ trong khoảng khảy ngón tay, khổ cả đời thường chịu! Ông nên lắng lòng niệm Phật và niệm Quán Âm, coi thê thiếp của chính mình như bạn đạo, kính trọng như khách, chẳng để một dục niệm dấy lên. Lâu ngày như thế thì các chứng bệnh đều được lành hẳn. Nếu đã lành bệnh hoàn toàn, vẫn chẳng nên ăn nằm ngay. Phải là sau khi khỏe mạnh hoàn toàn rồi, vì để có kẻ nối dõi thì vừa chung đụng nhau ắt sẽ có con, đứa con lại mũm mĩm, thông minh, không mắc các bệnh tật, do tiên thiên[73] được vun bồi vậy. Nếu không biết nghĩa này thì thê thiếp của chính mình và con cái sanh ra đều chẳng được hạnh phúc mạnh khỏe, không bệnh hoạn. Cũng nên nói với thê thiếp lời này, đây chính là "cầu nơi chính mình vậy", còn như niệm Phật là cầu nơi chư Phật. Chính mình không tiết dục, Phật cũng chẳng dễ gì gia hộ được. Chính mình chịu tiết dục, lại thêm chí thành niệm Phật thì chắc chắn các bệnh chẳng sanh.

Nói về ăn chay thì vốn là thương chúng nó đau khổ, nuôi dưỡng lòng nhân từ của ta. Mỡ và thịt nào có phân biệt chi, nước súp thịt cũng chớ nên ăn. Nhưng chúng sanh căn tánh khác nhau, nếu ăn chay trường được thì dạy họ trường trai. Nếu không, dạy họ giữ thập trai, lục trai, ăn những món rau ở cạnh thịt[74]. Đấy chính là pháp phương tiện cho những ai không ăn chay trường được, chứ không phải là thật nghĩa. Ông đã khổ vì bệnh, hãy nghĩ thương nỗi khổ của chúng sanh, nên ăn đồ chay thanh tịnh, đừng để miệng bụng làm lụy tâm tánh. Phàm những thứ có tri giác đều chẳng nên ăn. Tuy không có tri giác nhưng có mầm sống như các loại trứng cũng không nên ăn. Uống sữa bò thì không trở ngại gì, nhưng sữa cũng là lấy chất bổ béo của bò để bồi bổ thân thể ta, do vậy cũng không nên dùng. Đậu nành, dầu đậu nành có nhiều chất bổ nhất, hãy nên thường dùng. Trong cháo ăn điểm tâm nên bỏ thêm đậu nành đã xay vỡ. Với loại dầu để thường ăn thì chuyên dùng dầu đậu nành, so với mỡ heo, dầu đậu nành có nhiều chất bổ hơn, sao lại khổ sở đem tiền chuốc họa để mong được bồi bổ ư? (bởi ăn thịt sẽ mắc nợ giết chóc, nên nói là "chuốc họa"). Người ăn mặn nếu chịu ăn chay chắc chắn ít

[73] Tiên thiên ở đây là những gì được bẩm thụ từ cha mẹ. Những gì có được do nuôi dưỡng sau khi đẻ ra thì gọi là hậu thiên.

[74] Ở đây, tổ Ấn Quang nhắc lại chuyện Lục tổ Huệ Năng do bị truy đuổi trong vấn đề giành giật y bát được truyền thừa từ Ngũ tổ đã phải trốn tránh, sống lẫn trong đám thợ săn. Đến mỗi bữa ăn, tổ đem các thứ rau bỏ vào nồi rồi chỉ gắp ăn những lá rau ấy, chứ không ăn thịt.

bệnh, khỏe mạnh, bởi ăn thịt gây trở ngại cho phép dưỡng sinh, ăn chay có tác dụng dưỡng sinh.

Mắm tôm độc nhất, muôn vàn chớ có ăn, vì lúc làm thì người ta đào một cái hố to bên bờ biển, trong vòng năm sáu tháng, đánh bắt các loài tôm và những thứ cá nhỏ, đổ vào trong hố, phơi dưới nắng gắt, cả hố trở mùi, thối suốt mấy dặm[75]. Những loài ruồi, kiến, rắn v.v. ưa mùi đó đều tự gieo mình chết ngủm trong hố. Đến khi mắm đã ngấu, bèn cà nhuyễn, đựng trong sọt đem bán. Người ăn mặn coi như món hàng quý báu, đáng thương quá chừng! Đây là do một vị tăng trông thấy cách làm kể cho Quang nghe. Ông đã ăn chay, nếu chẳng thể làm cho cả nhà ăn chay thì bảo họ hãy bớt ăn mặn đi, chớ mua con vật còn sống về giết trong nhà, trong nhà hằng ngày giết chóc sẽ trở thành chỗ giết hại, xui xẻo lắm đấy!

49. Trả lời thư của cư sĩ Dương Thọ Chi (bốn lá thư)

(Năm Dân Quốc 20 -1931)

1. Quang chẳng có hành trạng gì, năm Quang Tự thứ bảy (1881) lìa khỏi nhà đến nay đã là 50 năm, vẫn là cái tôi y hệt như cũ: Nghiệp chướng chưa tiêu, đạo nghiệp chưa thành, không mặt mũi nào quay về quê cũ. Tuy trước kia được hai Đốc soái Trần Bá Sanh và Lưu Tuyết Á[76] gởi thư khuyên nên về lại đất Tần (Thiểm Tây), nhưng tự thẹn quả thật chẳng kham nổi, chẳng đành vâng lệnh. Thậm chí phần mộ tổ tiên và phần mộ cha mẹ đều chưa thể lễ bái lần nào. Cái tội bất hiếu quả thật không thể sám hối được, mỗi phen nghĩ đến, mồ hôi đẫm lưng. Cư sĩ ôm tấm lòng đau đáu cứu tế, hành pháp hạnh bình đẳng, chẳng khinh rẻ nhà tôi nghèo khó, một mực chăm nom, có thể nói là "lòng thành thương đến cả loài quạ làm tổ trong nhà"[77], lại còn trông coi mộ tổ của Quang, có thể nói *"lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão"*[78] (tôn kính cha mẹ, người bề trên của chính mình rồi mở

[75] Đây là cách người Tàu làm mắm. Người Việt làm mắm hơi khác, nhưng cũng theo một nguyên tắc dùng muối để làm cho cá, tôm phân hủy, lên men, và dĩ nhiên các lu khạp làm mắm cũng không được giữ gìn sạch sẽ.

[76] Trần Bá Sanh là một tướng quân phiệt, chiếm giữ tỉnh Thiểm Tây dưới thời Dân Quốc, Lưu Tuyết Á là tỉnh trưởng Thiểm Tây, cũng là một gã quân phiệt thời ấy.

[77] Nguyên văn "ốc ô thôi thành": "Ốc ô" là loài quạ làm tổ dưới mái nhà, còn "thôi thành" là một thành ngữ được rút gọn từ *"thôi thành trí phúc"* (vận dụng lòng thành đến tận tâm can), đôi khi còn nói là *"thôi tâm trí phúc"*, có nghĩa là dùng lòng chân thành đối xử với người khác.

[78] Đây là câu nói trích từ sách Mạnh Tử. Mạnh tử sang nước Tề, gặp vua nước ấy là Tuyên Vương. Tuyên Vương thấy kẻ hầu sắp giết một con trâu để cúng tế, con trâu sợ hãi, run lẩy bẩy, bèn hạ lệnh thả trâu, dùng dê để tế. Mạnh tử khen ngợi vua dùng vương đạo để trị dân. Nhân đó, vua hỏi đến cách thực hiện vương đạo cho thập phần mỹ mãn. Mạnh tử khuyên: *"Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu"* (tôn kính cha mẹ, người bề trên của chính mình rồi mở rộng thành lòng tôn kính cha mẹ, người bề trên của kẻ khác, yêu thương

rộng ra thành lòng tôn kính cha mẹ, người bề trên của kẻ khác). Quang đọc đến đây, khôn ngăn ứa lệ, thảm thiết hồi lâu. Nhưng Quang làm người trọn chẳng muốn lưu hư danh làm bẩn tai gai mắt người khác, chỉ mong lâm chung nương vào Phật từ lực vãng sanh là thỏa nguyện rồi. Đối với những sự từng trải của chính mình nào đáng tốn bút mực để ghi chép lại, mà cũng chẳng hề trước thuật.

Văn Sao là do ông Từ Úy Như sau khi đem in xong, bèn tùy thuận lòng người mà lưu truyền. Từ năm Dân Quốc 15 (1926), Trung Hoa Thư Cục in bản Tăng Quảng Văn Sao hoàn chỉnh. Từ đấy trở đi, tất cả những viết lách tùy tiện để trao đổi đều nhất loạt chẳng giữ lại bản nháp. Những người cùng quê với tôi đều mất cả rồi, Triệu Sĩ Anh là kẻ thuộc lớp sau, chỉ nghe lời đồn đại, mà bài kệ *"nhất phiến minh nguyệt chiếu cửu châu"* (một vầng trăng sáng soi chín châu) cũng chẳng phải do Quang viết. Quang làm người chẳng kiêu ngạo, chẳng siểm nịnh, coi hết thảy người có thế lực và người không thế lực đều hệt như nhau. Bài ký của Triệu Sĩ Anh do cư sĩ đã chép nay tôi cũng gởi lại, cũng chẳng sửa đổi, vì chẳng muốn lưu dấu tích xấu xa ấy lại cho đời. Nếu đem bài ấy xé nát đi, lại sợ cư sĩ nói tôi "bất cận nhân tình".

Con người hiện thời thường cầu các bậc danh nhân soạn các truyện ký cho cha mẹ của chính mình và bản thân để mong lưu danh sau khi chết đi, Quang coi đó là chuyện xấu hổ! Không những Quang chẳng cầu cạnh người khác viết về mình, mà ngay đến cha mẹ Quang, Quang cũng không tự viết, huống là cầu cạnh người khác ư? Dù danh trùm thiên hạ thì có dùng chuyện ấy để liễu sanh tử được hay không? Vì thế tấm lòng cầu danh của Quang nguội lạnh cùng cực. Hễ thấy những kẻ cầu cạnh người khác soạn văn, lòng liền bức rức, cho nên thường nói: "Người thế gian phần nhiều đều là chuộng danh ghét thật." Nào có phải là Quang ghét danh đâu? Mà là vì cái danh mà không có thực chất thì thật là đại nhục, cho nên chẳng muốn có cái danh suông ấy.

2. Phàm mọi việc nên chiếu theo chức trách, bổn phận của chính mình để suy tính. Đã biết rõ điều gì không nên làm mà cứ thường muốn làm, há chẳng phải là vô sự sanh sự, luống nhọc tâm thần, có ích gì chăng? Chuyện ông hỏi ông đã tự biết là chẳng thể, sao còn hỏi tôi chi nữa? Há tôi có nên vượt lý để bảo ông cứ làm hay chăng? Huống chi hiện nay học Phật hết sức thuận tiện, chẳng giống như thuở xưa: "Nếu không xuất gia bèn khó được nghe pháp tu hành!" Hiện nay bưu

---

con cái của chính mình thành lòng yêu thương con cái của người khác). Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích.

điện rất thuận tiện, kinh ở mọi nơi đều có thể thỉnh được, tri thức trong thiên hạ đều có thể thỉnh giáo, cớ gì phải xuất gia mới tu hành được?

Phải biết xuất gia ngày nay, đâm ra chẳng hữu ích bằng cư sĩ tại gia, do pháp yếu ma mạnh, ác đồ tà đảng thường ôm lòng khi dễ tăng, chiếm đoạt tài sản. Nếu sống ở chỗ núi rừng vắng lặng thì tiểu nhân chỉ vì đoạt mấy thưng gạo, mấy chiếc áo, mấy đồng tiền mà đánh giết, sự nguy hiểm ấy xưa kia chẳng hề có. Nếu ở tại thành thị cũng khó tránh chuyện qua lại với người ta. Ai có thể không làm chuyện gì mà nhận cúng dường yên ổn ư? Do Quang là kẻ không có khả năng gì, ở Phổ Đà hơn 20 năm, chỉ theo đại chúng ăn cơm mà thôi. Từ năm Dân Quốc thứ bảy (1918), sau khi Từ Úy Như in Văn Sao, cũng là suốt ngày bị người khác làm rộn. Ông tưởng xuất gia là không có chuyện gì hết ư? Chẳng biết xuất gia mà nếu phải duy trì đạo tràng, hoằng dương Phật pháp thì công việc càng nhiều nữa. Nếu là kẻ chỉ lo tự giải thoát thì cơm áo cần dùng đều phải lo toan. Ba bữa cơm mỗi ngày đều phải lo liệu. Nếu chẳng tu trì, còn nhàn hạ lắm, chứ nếu siêng năng tu trì thì bận rộn không rảnh được chút nào.

Ông muốn được quy y, nên đối trước Phật lễ bái tự thọ. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Mậu, nghĩa là dùng Phật pháp để tự mình cố gắng, khiến người khác cố gắng, mong giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, chẳng trái nghịch Nhân thừa, Thiên thừa do đức Phật đã dạy, tín nguyện niệm Phật, thực hành pháp môn hoành siêu của Phật dạy. Dẫu cho Phật Bồ-tát hiện thân cũng chẳng chịu lìa khỏi hai con đường này, tu pháp nào khác. Tuy chưa thể đạt được Phật tâm, nhưng đã thật sự cậy vào Phật từ lực. Chúng sanh đời mạt chẳng dùng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khó liễu sanh tử vạn phần! Lại nữa, đừng coi chuyện không thể nghiên cứu trọn khắp kinh luận Đại thừa, thông suốt trọn khắp Thiền, Giáo, Luật, Mật là điều thiếu sót. Nếu bỏ một pháp Tịnh độ, dẫu có hiểu sâu xa trọn khắp các kinh luật, thông suốt trọn khắp các pháp môn, chỉ e chuyện liễu sanh thoát tử vẫn là chuyện chẳng biết bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp trong vị lai mới có thể xảy ra. Đừng nói cha mẹ chấp nhận hay không, Quang một mực chẳng tán thành người khác xuất gia. Huống chi hiện nay là đời loạn lạc, quá nửa đều là kẻ tục dối làm tăng ư?

Đối với chuyện thọ giới, cũng chẳng ngại gì đối trước Phật sám hối cho nhiều, tự thệ thọ giới như đã nói trong lá thư gởi cho bà Từ Phước Hiền trong bộ Văn Sao. Nhưng bất luận thọ giới hay không thọ giới, đã quy y tam bảo, ắt phải giữ năm chuyện ấy, chẳng dám vi phạm thì mới là đệ tử chánh tín của Phật. Nếu do chưa thọ giới mà đối với năm giới ấy chẳng cần chú ý đến thì còn chưa đáng là bậc chánh nhân quân tử, huống là đệ tử Phật? "Đừng làm các điều ác, vâng làm

các điều thiện, hết thảy thiện pháp đều nên tu, hết thảy ác pháp đều nên đoạn" chính là giới kinh đại lược do Phật dạy. Thế đạo hiện thời suy bại đến cùng cực vì thuyết "bài xích nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho Phật pháp là lừa dối kẻ ngu, người tục" của nhà Nho. Vì thế nhà Nho đều chẳng lấy nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi để giáo huấn, đến nỗi điều thiện không được khuyến khích, điều ác không bị trừng phạt. Đến khi gió Âu thổi qua đều ùa nhau theo. Nếu mọi người đều biết có sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo thì đâu đến nỗi tàn sát lẫn nhau, đến nỗi sát kiếp vĩnh viễn không có lúc chấm dứt. Than ôi, buồn thay!

3. Anh ông là Lập Điền thiên tư thật tốt, tiếc là chưa học nên đã hơn nửa đời người rồi mà không thể thành tựu. Chỉ nên nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông ta vọng tưởng quá lớn, muốn tu hành một hai năm liền đắc ngũ nhãn lục thông, lại muốn biết cha mẹ rốt ráo sướng hay khổ. Lời lẽ ấy tuy do tấm lòng một niềm mộ đạo báo ân, nhưng nếu không nói cho tan biến cái tâm ấy đi, sau này chắc sẽ bị ma dựa, đáng sợ cùng cực! Ông ta đã muốn báo ân cha mẹ, hãy nên nhất tâm niệm Phật, thay cho cha mẹ sám hối nghiệp chướng, cầu Phật gia bị, khiến cho thiện căn được tăng trưởng, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Tự mình lại nên nhiều cách kính khuyên, hai thứ minh (tức là cầu đức Phật gia bị), hiển (tức sự khuyên lơn của chính mình), tâm chân thành, lời lẽ chân thành, ngõ hầu cha mẹ sanh lòng tin niệm Phật. Chịu niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì lúc lâm chung cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, tức là đã siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử rồi. Chẳng biết vì cha mẹ mưu tính như vậy, mà cứ muốn biết khổ vui để tính toán thì làm sao lo liệu trước khi mất cho được? Người thật thà chỉ nên làm cư sĩ tại gia, tùy phần tùy sức tu trì. Nếu xuất gia thì càng chẳng thể tu trì. Mong hãy nói tường tận với ông ta!

Nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Úc, úc cũng là gắng sức, dùng những chuyện như giữ vẹn luân thường v.v. và tín nguyện niệm Phật v.v. để tự gắng, thúc đẩy người khác cố gắng, công đức lợi ích ấy vô lượng vô biên. Chớ nên vọng tưởng đắc đạo, đắc thần thông, chỉ nhất tâm niệm Phật rồi lại dùng điều này khuyên người, thì tuy chẳng đắc đạo mà còn hơn đắc đạo. Do lợi ích đạt được bởi vãng sanh lớn hơn đắc đạo nhiều, huống chi tu mù luyện đui phần nhiều bị ma dựa phát cuồng đó ư? Mong hãy tích cực nói kỹ với ông ta. Nếu không, chắc là sẽ có nguy hiểm đấy.

4. Thời thế mạt pháp, tà ma ngoại đạo nhiều vô kể. Gã ma con họ Hàn ấy chẳng cần biết hắn tu trì ra sao, chỉ nội bốn chữ "ngũ giáo đại đồng" liền biết tận ruột gan rồi! Ngoại đạo đều cậy vào huyễn thuật để lừa đời dối người, những kẻ có mắt không tròng thấy chúng thần thông rộng lớn bèn dốc thân mạng quy y.

Nếu là người thật sự biết đạo lý sẽ tránh xa còn không kịp, huống còn vui thích, hâm mộ, hoài nghi muốn quy y hay sao? Đây chính là mười loại ma thuộc về *tưởng ấm* trong kinh Lăng-nghiêm vậy. Kẻ ngu chốn quê cho chuyện có thể thấy được thần, thấy được quỷ là hiếm lạ, chẳng biết hắn làm những tà thuật đó để mê hoặc người ta. Ông còn muốn hỏi chuyện đời trước nơi gã ma con ấy, tức là ông bị hắn thu hút rồi. Những gì Hoàng Quan nói cũng là ma nói dối. Ông đã từng theo Hoàng Quan, sao từ đầu chẳng ưa thích chuyện tu luyện của gã? Ông nên biết yêu ma quỷ quái đều có "thần thông" (tức là yêu thông (thần thông của ma quái), chứ không phải là thần thông chân chánh). Kẻ ngu thấy hắn có thần thông, liền cho hắn là Bồ-tát, bèn sa vào lưới rập ma của hắn. Đã là thật sự có thần thông, thì sao người theo học với hắn lại sanh bệnh cuồng như vậy? Huống chi những gì hắn nói và những danh từ do hắn lập ra đều chẳng có trong Phật pháp. Hắn nói pháp của hắn thật sự là Phật pháp, chính là căn cứ chung cho hết thảy ngoại đạo dùng để lừa dối người. Nói lời ấy đủ biết hắn chính là ma!

Phật nói vô lượng pháp môn, pháp nào cũng đều thật. Thiện tri thức tùy theo sở tri sở đắc của chính mình mà đề xướng, chỉ là phù hợp căn cơ hay không. Nếu nói "pháp của ta là thật, các pháp khác đều chẳng thật", không hỏi cũng biết kẻ ấy là ma. Trong tâm ông quả thật chẳng có chủ ý, may là bọn chúng đã hiện tướng xấu mà trong tâm vẫn còn ngờ vực chẳng quyết đoán được. Nếu kẻ học đạo ấy chẳng hiện tướng xấu xa, há ông chẳng bái kẻ ấy làm thầy, muốn đạt được thần thông diệu đạo của hắn ư? Thầy X… đã học viên dung, dạy người khác ăn thịt, đánh Phật, cho đó là viên dung, tức là dạy người ta ăn thịt của chính mình, đánh chính mình, cũng là do sức ma phát hiện. Huống chi loài bị giết kia cũng chẳng chịu nói như vậy (ăn thịt ta, đánh ta) đó ư? Phải biết, người truyền bá, hoằng dương Phật pháp phải nương theo cấm giới của Phật, đã chẳng trì giới làm sao dạy người khác tu trì?

Hắn thấy Chí Công, Tế Điên đều có chuyện ăn thịt, nhưng Chí Công, Tế Điên chưa từng mang chức trách hoằng dương Phật pháp, chẳng qua gặp cảnh chạm duyên, đặc biệt chỉ dạy, thị hiện sự lý cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn trong Phật pháp, nhưng người giữ nhiệm vụ hoằng dương pháp đạo muôn vàn chớ nên học theo! Hơn nữa, họ ăn vào thứ chết, ói ra thứ sống, còn bọn X… kia ăn thứ chết vào, ngay cả từng miếng từng khối còn nguyên dạng vẫn chẳng thể ói ra được. Ham học xằng lại còn dạy người khác nữa ư? Người duy trì Phật pháp, nếu chẳng y theo những điều Phật chế định thì chính là loài ma. Huống chi gã ma con kia là quyến thuộc của ma vương, hoàn toàn chẳng phải là Phật pháp đó ư? Nay loại này đâu đâu cũng đều có, nhưng kẻ không có mắt như ruồi bu theo hơi thối, dẫu không vui cũng chỉ có thể đi theo chúng. Vì sao vậy? Bọn chúng thế mạnh người

đông, nếu nói ra sự thật thì chẳng mắc họa rõ ràng ắt cũng mắc họa ngầm. Khuyên người cũng chỉ có thể khuyên ai có thể khuyên được mà thôi. Hắn đã mất trí phát cuồng, khuyên lơn sẽ bị cắn lại. Nếu ông đọc mười loại ma thuộc tưởng ấm trong kinh Lăng-nghiêm (cảnh ngũ ấm ma chỉ có tưởng ấm nhiều nhất, là chuyện bọn ma con đời sau sẽ làm) thì đối với những cảnh tượng do gã ma con ấy hiện ra, há nào có chuyện động tâm hoài nghi nữa ư? Nhưng ông cũng có khí phận của ma, chẳng trừ khử khí phận ấy thì sau này cũng sẽ phát sanh ma sự!

Một là tánh tự thị, ông viết công văn cho người khác, viết những chữ khiến cho khá nhiều người kém học vấn đều chẳng nhận được mặt chữ, đấy có còn là tâm hạnh lợi người lợi vật nữa chăng? Nếu tôi không nói toạc ra thì sẽ suốt đời cứ như thế, chẳng biết phải hỏng bao nhiêu chuyện. Dẫu chẳng hỏng chuyện nhưng khiến cho người khác phải phí hết tâm tư để suy đoán thì chính mình cũng đã tổn phước rồi phải không? Ông Phùng Mộng Hoa là một vị cựu thám hoa[79], từng làm đến chức Tuần phủ[80] tỉnh An Huy, về sau chuyên lo cứu tế tai nạn. Những chữ ông ta viết, người tầm thường chẳng hiểu được một nửa. Một năm kia viết thư cho tôi, tôi liền nói toạc lỗi ấy ra. Sau này viết thư cho tôi, ông ta toàn dùng lối chữ khải[81], nhưng hỏi đến người khác thì khi viết cho người khác, ông

[79] Thám hoa là danh xưng của người đậu tiến sĩ hạng thứ ba trong cuộc thi đình. Người đỗ đầu gọi là trạng nguyên, người đậu hạng nhì gọi là bảng nhãn. Theo các nhà nghiên cứu, danh xưng này bắt nguồn từ đời Đường, các ông tân tiến sĩ được vua đãi yến và đi thăm Thượng Uyển, gọi là "thám hoa viên" (thăm vườn hoa), nhưng danh hiệu này cho đến tận đời Bắc Tống vẫn chưa có. Vào thời Bắc Tống, người đỗ đầu gọi là trạng nguyên, người đậu thứ hai và thứ ba đều gọi là bảng nhãn với hàm ý: Hai người này là tả hữu của trạng nguyên, giống như hai con mắt trên khuôn mặt vị thủ khoa. Mãi đến cuối đời Tống, mới gọi người đậu tiến sĩ hạng thứ ba là thám hoa.

[80] Tuần phủ là một chức quan xuất hiện từ khoảng năm 1371 thời Minh. Dưới đời Minh, do Tể tướng Hồ Duy Dung cấu kết các thế lực địa phương định làm phản triều đình nên chức Tể tướng bị phế bỏ, đồng thời Chu Nguyên Chương phân tán quyền hành các quan mỗi tỉnh để tránh nguy cơ các quan địa phương phản loạn. Do đó, lập ra chức Tuần phủ làm người đứng đầu tỉnh lãnh đạo ba ty trực thuộc là Đô chỉ huy sứ ty (coi về binh bị), Thừa tuyên bố chánh sứ ty (coi việc nội trị và trị an) và Đề hình án sát sứ ty (coi việc xét xử, kiêm nhiệm cai quản nhà tù). Chức trách nhiệm vụ chủ yếu của quan Tuần phủ là thu thuế, lo việc trị an, chứ không trực tiếp cầm quân, tuy có thể điều động quân binh trong tỉnh nếu cần. Đến đời Thanh, cả nước Trung Hoa chỉ có 16 quan Tuần phủ.

[81] Khải thư là một trong bốn lối viết chữ Hán (hành, khải, triện, thảo). Khải thư còn được gọi là chân thư. Đặc trưng của lối viết này là vuông vắn, ngay ngắn, đầy đủ nét, rõ ràng, không viết tắt, được coi là lối viết chữ Hán tiêu chuẩn bắt buộc trong các công văn. Theo các nhà nghiên cứu, khải có nghĩa là "khải mô" (khuôn phép, mẫu mực). Các lối chữ hành, triện, thảo đòi hỏi phải dụng công nghiên cứu và tập quen mới đọc được do nét chữ tung hoành, bớt nét, phá thể, nhiều khi khác hẳn tự dạng trong lối chữ khải.

ta vẫn cứ y như cũ. Người ấy khá chăm đạo hạnh, nhưng con cháu đều chết sạch, đứa cháu nuôi để nối dõi cũng chết luôn. Ông ta 84 tuổi mới mất, lúc mất đứa chắt mới được ba bốn tuổi. Cả một đời muốn dùng chữ nghĩa để ra vẻ ăn trên ngồi chốc, lại còn nhiều năm lo phát chẩn, rốt cuộc chỉ còn lại một nhà năm sáu bà góa, chỉ có một đứa chắt ba bốn tuổi, chẳng đáng buồn ư?

Hai là ngã mạn kiêu căng. Trước kia, ông viết thư xin quy y cho anh của ông, ký tên cuối thư chỉ ghi là "cẩn khải" (kính thưa). Vì sao coi nhẹ chuyện quy y như chuyện chẳng đặng đừng, chẳng đáng tỏ vẻ cung kính, rồi đâm ra tỏ thái độ thua cả sự lễ phép của người đi đường hỏi lối như vậy? Người đi đường hỏi lối còn phải vòng tay thưa hỏi. Ông thay mặt xin quy y, chỉ viết "cẩn khải", hệt như hỏi đường không vòng tay, chỉ nói "xin hỏi" mà thôi! Đấy chính là coi chuyện quy y và người thầy để ta quy y dẫu một đồng cũng chưa đáng! Nay đem chuyện của gã ma con ra hỏi, lại là "cẩn khải". Nếu tôi không nói toạc ra, suốt cả đời ông cứ ngã mạn ngạo nghễ, mà vẫn chẳng biết là sai. Lâu ngày chầy tháng, ắt đến nỗi bị ma dựa. Ông lễ phép, tôi chẳng thêm được gì; ông vô phép, tôi cũng chẳng suy suyển gì. Nhưng do ông đã thờ tôi làm thầy, há nhẫn tâm chẳng trị bệnh cho ông, thiếu sót trách nhiệm của tôi ư? Vì thế nói như vậy. Nếu nghĩ là tôi muốn được cung kính nên quở trách ông thì ông sẽ bị ma dựa chẳng lâu lắc gì nữa đâu. Thư này đừng để cho người khác xem, để bọn đồ đệ ma khỏi tạo khẩu nghiệp (đây là thư trả lời cho lá thư đầu tiên).

50. Thư trả lời cư sĩ Lý Ấn Tuyền

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Buổi sáng hôm qua thư đưa đến, vừa bóc ra xem qua, liền viết thư phúc đáp ngay và đóng năm gói sách đưa cho người đem thư đến. Sau đó đem sách của ông gởi trả lại mới biết bên trong có hình ông. Quang nghĩ hai chữ Xuyên Tâm rất hay; nếu đổi thành Truyền Tâm, tuy ý nghĩa có lẽ hay hơn, nhưng Quang cho là tự phụ, vọng tưởng mình là người truyền tâm ấn của Phật thì đâm ra không còn tốt đẹp nữa! Điều Quang thiếu sót chính là tâm bị nghiệp chướng, trọn chẳng thể xuyên được. Nếu có thể xuyên được thì xuyên chính mình và còn làm cho hết thảy mọi người đều xuyên theo, lại còn không có dấu vết. Nếu ông ham cái nghĩa ấy thì tôi cũng không có chỗ nào để chõ miệng vào cả!

51. Thư gởi cư sĩ Cao Khế Lý

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Mẹ ông đã 71 tuổi rồi, ngày tháng không còn nhiều nữa, hãy nên bảo quyến thuộc trong nhà: "Mọi người hằng ngày hãy thay phiên nhau niệm Phật trước mẹ." Vì sao vậy? Do bọn họ lúc thường ngày nếu không niệm Phật thì tới lúc mẹ ông sắp mất, họ cũng sẽ chẳng chịu niệm. Lúc bình thường đã quen niệm, đến lúc ấy sẽ niệm được. Phải thỉnh một cuốn Sức Chung Tân Lương gởi về nhà cho bọn họ đọc, ngõ hầu hiểu được người đến lúc lâm chung phải nên làm như thế nào thì mới hữu ích, như thế nào sẽ bị tổn hại. Đã biết những điều thế tục thường làm đều là chuyện "đã bị té xuống giếng còn bị quăng đá" sẽ chẳng đến nỗi cứ nghĩ những chuyện ấy mới là hiếu, khiến cho mẹ chẳng được vãng sanh, ngược lại càng bị đọa lạc hơn.

Nay đặt pháp danh cho mẹ ông là Đức Siêu, nghĩa là do nhất tâm niệm Phật liền có thể siêu xuất tam giới, cao đăng chín phẩm sen báu. Hãy răn nhắc bà cụ đừng cầu phước báo trời người trong đời sau. Nếu có cái tâm mong cầu cho đời sau, chắc chắn chẳng được vãng sanh Tây Phương, chuyện này khẩn yếu tột bậc! Giúp cho cha mẹ được vãng sanh thành công chính là giúp cho cha mẹ thành Phật, công đức ấy cực lớn, không thể sánh tầy. Nếu phá hoại chánh niệm của cha mẹ, khiến cho họ chẳng được vãng sanh thì tội lỗi ấy cũng cực lớn không thể sánh tầy. Ông hãy dốc chí nhé!

52. Trả lời thư cư sĩ Lý Thọ Đường

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hôm trước, thư ông được viện khắc kinh Bắc Bình chuyển đến đây, xem thư biết ông khá có tín tâm. Nay đặt cho ông pháp danh là Huệ Ấm, nghĩa là dùng trí tuệ để bẩm thọ pháp môn niệm Phật của đức Như Lai hòng tự che chở, che chở cho người, khiến cho những chúng sanh bị nhiệt não[82] bức bách kia cùng được che rợp, được mát dịu trong đời hiện tại, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Chỉ y theo Gia Ngôn Lục tu trì, chắc chắn sẽ được lợi ích rốt ráo. Đừng nên học theo những pháp luyện đan[83], vận khí v.v. của ngoại đạo. Nếu trước kia đã từng học, hãy hoàn toàn bỏ đi thì mới có lợi ích.

---

[82] Nhiệt não: Những sự khổ não dày vò thân tâm, khiến chúng sanh bức rức, bồn chồn, đau đớn như bị nung nấu nên gọi là "nhiệt não". Phẩm Nhập Pháp Giới kinh Hoa Nghiêm có câu: "Như chiên-đàn trắng nếu đem bôi lên thân sẽ trừ được hết thảy nhiệt não, khiến cho thân tâm được mát dịu trọn khắp."

[83] Luyện đan: Còn gọi là ngoại đan để phân biệt với nội đan. Nội đan là tập luyện bằng các phương pháp dưỡng sinh, hít thở để hấp thụ tinh hoa của nhật, nguyệt, trời đất (thường được gọi là "vận khí" hay khí công), thiền định, quán tưởng để kết "thánh thai" nhằm biến đổi xác phàm thành tiên v.v.. Ngoại đan là phương pháp dùng những dược vật, hóa chất nung luyện thành những loại thuốc tiên (kim đan) để uống vào sẽ thành tiên. Luyện đan có thể coi như tiền

Lại nên dạy bảo quyến thuộc trong nhà và hết thảy những kẻ hữu duyên bên ngoài khiến cho họ đều chí thành niệm Phật. Nếu chịu chân thật niệm thì trong đời này ắt gặp dữ hóa lành, lâm chung quyết định vãng sanh Tây Phương, lợi ích ấy làm sao diễn tả được? Ai nấy lại cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, đề xướng nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, khiến cho hết thảy mọi người đều giữ tấm lòng tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành. Người niệm Phật làm được như thế thì là đệ tử thật sự của Phật. Ông từ mấy ngàn dặm gởi thư đến mà sao ghi địa chỉ vẫn viết tháu, chẳng cẩn thận, đúng lề lối, có thể làm hỏng chuyện vậy? Chỉ một chuyện này đủ biết ông làm việc phần nhiều chẳng nghiêm túc rồi!

53. Thư trả lời cư sĩ Phùng Thiên Tây & Trịnh Viên Oánh

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Ba bốn hôm trước nhận được thư và hối phiếu (money order) một trăm đồng, đã nhận rồi, đừng lo. Ngay hôm ấy, Hoằng Hóa Xã đã gởi hơn ba chục bộ sách cho các vị, chắc là đã nhận được rồi. Do bận bịu không rảnh rỗi nên chưa phúc đáp được. Trộm nghĩ, chúng sanh đời mạt pháp căn cơ cạn mỏng, nếu không cậy vào Phật lực, chắc chắn khó thể liễu thoát. Do vậy, phải giữ chắc một môn "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ" thì mới có thể thoát khỏi cõi ngũ trược này, lên cõi chín phẩm sen kia. Nếu lầm lẫn cho mình là cao quý, muốn cậy vào sức chính mình để tu các pháp môn Thiền, Giáo, Mật hòng liễu sanh tử thì phần nhiều sẽ là "có nhân, không quả". Vì sao vậy? Dù có thể triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, nhưng chưa đoạn hết sạch phiền hoặc, chắc chắn chẳng có phần liễu sanh tử, huống hồ kẻ chưa thể triệt ngộ tự tâm và chưa thể thâm nhập ư? Mật tông đề xướng "thành Phật ngay trong thân này" cũng chẳng phải là điều ai cũng có thể làm được. Người học Mật tông thường bị ma dựa, đều là do chẳng biết tự lượng, lầm lạc muốn đắc thần thông và thành Phật mà ra.

Quý vị đã trọn đủ tín tâm, nên y theo pháp môn Tịnh độ mà Quang đã nói để tu. Nên biết, pháp này chính là pháp được hoằng dương bởi chư Phật, chư tổ, chư đại thiện tri thức, Quang bất quá dựa theo ý nghĩa của lời chư Phật, chư tổ, chư đại thiện tri thức mà truyền thuật lại. Đừng nói: "Ông là hạng người gì mà dám

---

thân của ngành hóa học hiện đại. Phối hợp với quan điểm âm dương ngũ hành cũng như những đặc tính được Đạo gia gán cho những kim loại nặng (chẳng hạn thủy ngân chính là mẹ của bạc, chì là mẹ của các kim loại), các nhà luyện đan thường nấu chì, thủy ngân, vàng, lưu huỳnh… thành thuốc trường sanh bất lão theo những phương cách bí truyền trong một ngày giờ nhất định, dĩ nhiên kiêm thêm tụng chú, ếm bùa, cầu đảo để thuốc tiên được linh nghiệm. Rất nhiều loại "tiên đan" chứa những chất cực độc nên người uống vào hộc máu chết tươi!

bảo người khác bỏ những pháp môn Thiền, Giáo, Mật do đức Phật đã nói để chuyên y theo lời ông nói đó mà tu ư?" Nếu nói như vậy chính là chẳng y theo lời Phật dạy, bởi những gì Quang đã nói chính là những gì mười phương ba đời chư Phật đều cùng nói. Há có nên vì Quang bất tài mà chẳng tin tưởng ư? Hiện thời tà ma, ngoại đạo nhiều khôn kể xiết, họ đều nói chính họ mới thật là bậc nhất. Quý vị chớ bị những loài ma con ấy mê hoặc. Nếu trước kia đã từng dự vào môn hộ của chúng, hãy nên bỏ sạch hết đi. Chớ nói "lúc nhập môn đã thề độc, sợ bỏ đi chắc sẽ mắc họa!" Phải biết rằng, bỏ tà theo chánh, sao mắc họa được? Chẳng những không mắc họa, lại còn có công đức. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết chi tiết.

Những sách đã gởi đến đó, cứ chiếu theo khả năng của người ta mà trao ra, đừng nhất định phải trao sách theo đúng số tiền người ta đã trả. Nay tôi gởi một trang danh mục sách của Hoằng Hóa Xã, nếu có ai thỉnh nhiều để tặng cho người khác hòng kết duyên thì cứ dựa theo giá tiền trong danh sách mà thỉnh. Nếu có gởi tiền thì trên bưu phiếu xin đề rõ là bưu cục ngõ Dưỡng Dục, Tô Châu sẽ đỡ mất công nhiều lắm. Nếu chỉ viết là Tô Châu thì phải đưa về tổng cục [bưu điện], cách chùa Báo Quốc khoảng bốn dặm, gởi đi giao về khá bất tiện. Sợ người đưa tiền ghi tên sách không rõ ràng, xin hãy đem danh mục gởi lại kèm theo thư để khỏi đến nỗi chẳng thỉnh được sách rồi đâm ra nghi ngờ.

54. Trả lời thư cư sĩ Trầm Di Sanh

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Nói đến chuyện làm câu đối để treo hai bên chữ "Phật" lớn, nay tôi soạn một cặp liễn, không biết có dùng được hay không? *"Mê ngộ tình không chứng tự tánh. Thánh phàm kiến tận hiển duy tâm"* (Mê, ngộ, tình không, chứng tự tánh, thánh phàm kiến[84] hết tỏ duy tâm). Nếu viết theo lối tám chữ thì là "mê ngộ tình không, viên minh tự tánh; thánh phàm kiến tận, triệt chứng duy tâm". Lối văn tám chữ ý nghĩa cũng hay, tùy ý sử dụng. Phàm phu đang mê, tam thừa tuy ngộ, nhưng chưa đạt đến địa vị "mê lẫn ngộ đều mất" cho nên chưa thể chứng tự tánh rốt ráo viên mãn. Phàm phu có tình kiến phàm phu, thánh nhân có tình kiến thánh nhân, chỉ có đức Phật không có cả hai thứ kiến ấy. Do vậy đức Phật triệt để tỏ lộ lý thể duy tâm.

Niệm Phật nhắm mắt dễ bị hôn trầm, nếu không khéo dụng tâm rất có thể gặp cảnh ma. Chỉ buông hờ mí mắt (tức là như mắt các tượng Phật vậy) thì tâm sẽ lặng xuống, chẳng sôi động, cũng chẳng bị hỏa bốc lên đầu. Nếu ông niệm Phật

[84] Kiến ở đây là kiến hoặc.

mà trên đầu dường như có vật gì rờ đụng, hoặc lôi kéo v.v. là vì suy tưởng trong lúc niệm Phật khiến cho sóng tâm thức dâng trào đến nỗi tâm hỏa bốc lên. Nếu buông rủ mí mắt và hướng tâm suy tưởng xuống phía dưới thì tâm hỏa chẳng bốc lên, bệnh ấy sẽ mất đi. Chớ nên lầm tưởng hiện tượng ấy là công phu đã đạt đến mức, cũng đừng sợ đấy là ma cảnh, chỉ chí thành nhiếp tâm mà niệm và tưởng bản thân đang ngồi hoặc đứng trên hoa sen, nhất tâm tưởng ta đang ngồi hay đứng trên hoa sen thì hiện tượng ấy sẽ tự nhanh chóng biến mất (Nếu chẳng dám tưởng đang ngồi hay đứng trên hoa sen, sợ rằng có thể gặp ma sự, hãy chỉ nghĩ đến phía dưới bàn chân thì tâm hỏa lẫn hơi nóng trên đầu đều chẳng phát sanh nữa). Hiện nay tà ma ngoại đạo rất nhiều, chớ nên ôm lòng thăm dò, tu thử chút nào! Nếu có cái tâm ấy, ắt sẽ bị chúng dụ dỗ. Hễ lọt vào tròng của chúng, ắt sẽ đến nỗi mất trí phát cuồng. Nghe nói một vị pháp sư rất có tiếng tăm nay đã tự mình ăn thịt, dạy người khác ăn thịt, lại còn dạy người khác hủy hoại tượng Phật, ông ta đã hiện rõ tướng ma rồi đấy.

55. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Bài Tây Quy Tụng của Tử Kiến Ông gồm 160 chữ, ý nghĩa gần như chấp nhận được, nhưng văn từ còn vụng về, thiếu lưu loát, chỉ làm cho xong chuyện mà thôi[85]. Cư sĩ Khuất Văn Lục đã ăn chay, trong khi tang ma, tế thần, đãi khách đều nên dùng đồ chay để khởi nguồn phong hóa cho địa phương. Muôn phần chớ nên thuận theo tục cũ, phô trương bày vẽ, sát sanh, tấu nhạc, biến đám ma thành tiệc tùng vui chơi, ngõ hầu đối với cha mẹ, đối với chính mình, đối với khách khứa, đối với xóm giềng đều có lợi ích. Hiện nay vận nước nguy ngập, bất luận là ai đều nên niệm Phật, niệm Quán Âm để làm kế dự phòng. Ngoại trừ cách này ra, làm bất cứ cách nào, chẳng lay chuyển được nghiệp nào, chỉ thành uổng công nhọc nhằn mà thôi. Mong hãy đem điều này nói với hết thảy những người hữu duyên.

56. Thư trả lời cư sĩ Đàm Thiếu Phủ

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Nhận được tin cáo phó lần trước, tính nói gốc ngọn cùng ông ngõ hầu có ích cho cha mẹ, chẳng tổn hại chính mình, nhưng vì bận bịu không rảnh rỗi, rốt cuộc chưa thể trả lời thư được. Lần này nhận được thư ông là do Vi Nghiễm gởi từ chỗ

[85] Tử Kiến Ông chính là cư sĩ Khuất Tử Kiến. Trong phần Tụng của Ấn Quang Văn Sao Tục Biên có lời đề từ cho bài Tây Quy Tụng này do chính tổ Ấn Quang viết.

anh ông ta tới, cũng đã gần mười ngày rồi. Nên biết: Người trong thế gian chỉ biết chú ý đến thân xác, đến nghi thức, chứ đối với hai phương diện tâm thức và lợi ích đều bỏ qua không xét đến. Dường như là muốn làm chuyện lợi ích, nhưng thật ra chỉ là làm chuyện sướng tai khoái mắt người đời, chẳng làm vì linh hồn của vong linh. Ông đã quy y Phật pháp, hãy nên dốc cạn lòng thành niệm Phật, hồi hướng cho cha mẹ và dạy quyến thuộc trong cả nhà đều nén đau thương niệm Phật thì đối với cha mẹ, đối với chính mình đều có lợi ích lớn.

Hiện thời vận đời nguy ngập, nếu có thể chí thành niệm Phật, chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành. Nếu không, họa hại trong hiện thời khác hẳn khi trước, đúng là muốn tránh né nhưng không thể nào tránh né được, muốn ngăn ngừa nhưng không thể nào phòng ngừa được, cuộc sống người dân lúc này đáng thương đến cùng cực. Hãy nên nói cặn kẽ với quyến thuộc thì người còn lẫn kẻ mất đều hưởng lợi ích. Chùa miếu ở Quảng Châu đều bị hủy bỏ, mà cũng chẳng có tăng chúng rất chân thật tu hành, gần đây càng thêm điêu linh thì chẳng có cách nào tìm được chân tăng. Chỉ có chính mình đem lòng chí thành niệm Phật, so với việc thỉnh tăng sĩ ăn thịt uống rượu đến niệm kinh, bái sám, công đức lớn hơn nhiều lắm. Niệm Phật là chuyện quan trọng nhất trong đời người, không phải là vì cha mẹ mất rồi mới niệm, còn lúc bình thường chẳng niệm. Làm đám tang cho cha mẹ [thoạt trông thì dường như chỉ] vì cha mẹ, nhưng thật ra, chính do cái chết của cha mẹ đã dẫn khởi các ông cùng chứng đại sự "muôn kiếp chẳng chết" vậy. Phải biết cảm ơn, hãy sốt sắng niệm Phật để báo ân.

57. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Trong lúc cõi đời loạn lạc này, mọi việc nên đơn giản là hay nhất. Nếu bày thêm chuyện phụ thuộc thừa thãi "có cũng được mà không cũng chẳng sao" thì sẽ gây phiền phức lớn lắm. Quán Âm Linh Thiêm[86] rất hay, nhưng nên cầu nơi chính mình. Nếu chân thành thiết tha, không dối trá sẽ tự được Bồ-tát gia bị. Nếu

[86] Quán Âm Linh Thiêm (hay bị đọc trại thành Quán Âm Linh Sâm, hay Quán Âm Linh Xăm) thường được người Việt biết đến dưới tên gọi Xăm Quán Âm, gồm một trăm quẻ. Mỗi quẻ có hình thức như sau: Thứ tự của quẻ, quẻ tốt hay xấu, thuộc cung nào trong 12 chi, một điển tích trong văn học Trung Hoa, rồi lời bàn. Chẳng hạn như: "Quẻ thứ hai, xăm Hạ Hạ, cung Tý, Tô Tần hỏng thi, thơ rằng…", rồi đến lời bàn và lời nhận định chung cho toàn quẻ. Đây là một thứ hình thức bói toán bằng cách rút thăm do người Hoa chế ra, hầu như bất cứ vị tiên, thánh nào cũng đều có xăm, như Quan Thánh Đế Quân Linh Thiêm, Thiên Hậu Linh Thiêm, Đại Tiên Linh Thiêm, Tế Công Linh Thiêm, Lã Tổ Linh Thiêm… Ở đây, dựa theo niềm tin tưởng phổ biến vào sự bói toán, xin xăm của người Trung Hoa, Tổ đã khuyên dạy "hãy nên chí tâm niệm Phật, tận hết sức mình để sửa đổi vận mạng".

cái tâm cầu nơi chính mình không chân thành, Bồ-tát cũng khó gia bị được. Sách Lịch Sử Thống Kỷ tôi đã bảo thầy Minh Đạo chiếu theo thư yêu cầu gởi đi, lại còn bảo gởi hai bộ Phổ Đà Chí, tổng cộng là bốn bộ; một bộ ông tự giữ, một bộ đưa cho Hồ Phụng Trần, hai bộ kia tùy theo cơ duyên mà tặng.

Sanh con không khó, dạy con rất khó. Rất nhiều kẻ chẳng hiểu việc, không có con bèn cầu Bồ-tát, đến khi có con chỉ biết quý báu, do đấy nuôi thành hạng hư hỏng nhiều lắm. Ví như trồng lúa, chỉ biết tìm hạt giống tốt và ươm cho lên mạ rồi thôi, tất cả những chuyện trừ cỏ dại, bón, tưới v.v. đều nhất loạt chẳng ngó ngàng tới. Giống lúa ấy tuy tốt, còn mong chi thu hoạch được chăng? Như Quang hiểu biết, đến chín mươi chín phần trăm những kẻ không con và đông con đều là loại kết quả này. Chỉ có mình cha của Diêm Đan Sơ (Kính Minh) là người thương yêu con bậc nhất từ xưa đến nay, cho nên nhờ các vị hương thân trưởng thượng kèm cặp khiến cho con ông được bổ vào Hàn Lâm, rồi làm quan to. Ông dạy con nghiêm ngặt cũng là thiên hạ xưa nay chưa hề có. Một mặt vun bồi đức hạnh, một mặt tận lực dạy dỗ. Nguyên do là vì yêu thương con thật sự. Lòng thương yêu của những kẻ khác thường là còn tệ hơn giết con, bởi giết con thì chỉ có một người chết. Đứa con không dạy dỗ sẽ chẳng nghiệp gì không làm, vĩnh viễn đọa trong tam đồ ác đạo. So với nỗi thảm khốc của một lần chết nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! Sợ ông chẳng tránh khỏi như vậy nên tôi phải nói toạc ra trước để đề phòng.

58. Thư trả lời cư sĩ Từ Thư Dung

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Nhận được thư ông, biết đạo tâm chưa lui sụt, chí hướng vẫn cao, khôn ngăn mừng rỡ an ủi. Hãy nên biết: Học thánh, học Phật đều lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" làm gốc. Lại còn phải giữ phận khiêm nhường, ẩn giấu tài năng, noi theo cổ nhân, tận tụy dõi theo đường lối thực tiễn. Làm được như vậy thì học vấn lẫn phẩm hạnh đều vượt trỗi những kẻ tầm thường. Thông thường những kẻ thông minh đều kiêu căng, khoe khoang, phô tài, chua ngoa, khắc bạc, tâm hoàn toàn thiếu sự hàm dưỡng. Kẻ ấy nếu không suốt đời trắc trở, ắt sẽ chết yểu lúc trẻ. Ông đời trước nhiều may mắn, vun bồi được thiện căn này, hãy nên dốc hết sức vun bồi ngõ hầu có thành tựu. Kẻ thông minh dễ phạm nhất chỉ có sắc dục, nên thường giữ tâm kiêng sợ, đừng để nẩy sanh chút tà vọng nào. Nếu như ngẫu nhiên khởi lên ý niệm ấy, liền tưởng: Mỗi một cử động của chúng ta, thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ-tát không vị nào chẳng biết hết, thấy hết! Trước mặt người khác còn chẳng dám làm quấy, huống gì là đối trước chỗ Phật, trời nghiêm túc cẩn mật, lại

dám ôm giữ ý niệm tà vạy tệ hại và làm chuyện tà vạy tệ hại ư? Mạnh tử nói: *"Sự thục vi đại? Sự thân vi đại. Thủ thục vi đại? Thủ thân vi đại"* (Thờ ai là chuyện lớn? Thờ cha mẹ là chuyện lớn. Giữ gì là chuyện lớn? Giữ cái thân là chuyện lớn). Nếu không giữ được cái thân, dù có phụng dưỡng cha mẹ cũng chỉ là hình thức bề ngoài mà thôi, chứ thật ra là coi rẻ di thể nhận từ cha mẹ, đấy chính là bất hiếu lớn lắm! Do vậy, Tăng tử lúc sắp mất mới nói: *"Phóng tâm vô lự"* (tâm thảnh thơi không lo lắng). Kinh Thi chép: *"Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim, nhi hậu, ngô tri miễn phù"* (Dè dặt, đề phòng như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, hiện thời, mai sau, ta biết tránh khỏi). Chưa đến lúc ấy vẫn phải giữ lòng dè dặt, Tăng tử còn như vậy, huống gì là lũ phàm tục, tầm thường chúng ta ư?

Nay gởi cho ông một bộ Lịch Sử Thống Kỷ, hai cuốn Thọ Khang Bảo Giám, ba cuốn Gia Ngôn Lục. Thống Kỷ thì ông tự giữ để biết cõi đời bình trị hay loạn lạc, biết gương nhân quả. Thường xem Thọ Khang Bảo Giám thì chẳng đến nỗi phạm tà dâm và thủ dâm v.v. tự hại cuộc đời, tự hao phước thọ, chẳng bị tàn phế và chết chóc. Hãy nên tặng một cuốn sách này cho ông Lý Hồng Nghiệp, còn Gia Ngôn Lục thì ông với ông Cổ, ông Lý, mỗi người một cuốn. Y theo đó tu trì thì pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian đều biết được cương lãnh trọng yếu.

Cổ Vệ Sanh, Lý Hồng Nghiệp đã muốn quy y thì nay đặt pháp danh cho Vệ Sanh là Huệ Sanh, nghĩa là dùng trí tuệ cầu sanh Tây Phương, vĩnh viễn chứng đạo bất sanh bất diệt để tự bảo vệ mình, bảo vệ người, cùng được bất tử. Đặt pháp danh cho Hồng Nghiệp là Huệ Nghiệp, nghĩa là dùng trí tuệ để đoạn trừ ác nghiệp thế gian, tu trì tịnh nghiệp vãng sanh Tây Phương. Sự nghiệp như thế mới là "hồng nghiệp" (sự nghiệp vĩ đại). Tu thân lập nghiệp cho đến thành thánh, thành hiền trong thế gian nếu đem so với sự nghiệp vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử thì nhỏ bé vô cùng. Xin hãy đem đoạn thư này chép lại cho hai người ấy đọc, hoặc đem cả lá thư chép lại cho họ xem. Dẫu họ đã đến tuổi hoa giáp (sáu mươi) cũng được lợi ích, huống chi họ là hàng hậu sinh vừa mới qua tuổi đôi mươi!

59. Thư trả lời cư sĩ Kim Thiện Sanh

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Trong đời trước, con người nghiệp nào chẳng tạo? May mắn được nghe Phật pháp, hãy nên sốt sắng tu trì để mong tiêu trừ túc nghiệp, siêu độ oan gia. Tất cả oan gia tuy khó cởi gỡ nhưng nếu chịu phát tâm Bồ-đề và thành tâm siêu độ sẽ không có mối oán kết nào chẳng cởi gỡ được. Ông niệm Phật bị nghẹn hơi chẳng phải vì thân thể yếu đuối mà là do nghiệp chướng tạo ra, ông chỉ nên khẩn thiết,

chí thành niệm. Nếu niệm không được thì tâm hãy thường tưởng nhớ. Nếu niệm được thì vẫn cần phải dùng miệng để niệm, không thể niệm được thì chỉ tâm chuyển, tâm nhớ, lâu ngày nghiệp ấy sẽ tiêu. Từ rày, phàm khởi tâm làm việc đều phải hướng theo phương diện ăn ở cho có tình nghĩa nồng hậu mà làm. Ăn ở trọn vẹn tình nghĩa thì thêm phước, ăn ở bạc bẽo thì chẳng đạt được phước gì! Nếu lại còn khắc nghiệt, hiểm độc, gian xảo thì giống như đảnh núi chót vót, mưa đẫm cách nào cũng không nhận được, bất cứ cây cỏ gì cũng không mọc được.

60. Thư trả lời cư sĩ Cát Chí Lượng

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hôm trước nhận được thư, khôn ngăn mừng - thẹn đến cùng cực. Vui là vì dường như cư sĩ đã có cơ chuyển biến, chẳng còn cậy mình thông minh như trước, nói bừa đạo lý, tôn sùng khoa học, miệt thị Phật pháp. Thẹn là vì tôi là một ông tăng vô tri vô thức, tầm thường chỉ biết cơm cháo, nếu ai học theo tôi đều thành thân phận ngu phu ngu phụ. Muốn làm bậc đại thông gia, hãy nên bái một vị đại pháp sư dựng cao tràng pháp để khỏi uổng cái tâm quy y. Nếu thờ Quang làm thầy, sau này do Quang vô tri vô thức sẽ hối hận bỏ đi, hóa ra là một phen làm chuyện vô ích! Nhưng Quang là kẻ thẳng tánh, ăn nói thẳng tuột, ông đã lầm lẫn gởi thư cho Quang, cố nhiên Quang không dám chấp nhận, nhưng cũng chẳng ngại trao đổi mấy câu để giúp cho việc lập thân hành đạo, liễu sanh thoát tử mai sau. Như kẻ không chân chỉ đường, dẫu chẳng thể đi được một bước, nhưng chẳng ngại gì hỏi tới để nhờ đấy mà về được nhà.

Những gì ông nói đều toàn là cậy vào ý kiến của chính mình, chẳng lấy thật lý, thật sự làm chuẩn. Nay ông đã biết sai, ắt phải cực lực đối trị tập khí ấy. Không trừ được tập khí ấy thì mỗi một cử động đều có thể tổn phước, chuốc họa. Câu nghi vấn đầu tiên của ông chính là lời hủy báng, chứ tuyệt đối chẳng phải là nghi vấn, dùng chữ "nghi vấn" chính là chơi chữ để che đậy. So với chuyện nói thẳng thừng là không tin, lỗi lầm ấy còn lớn hơn nữa. Nếu vẫn cứ giữ thói ấy, chẳng biết sửa đổi ắt sẽ có ngày bị ma dựa phát cuồng. Thuốc hay đắng miệng, không biết cư sĩ có chịu uống hay không?

61. Thư trả lời cư sĩ Vương Tâm Thiền

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Mẹ ông đã có thể niệm Phật thì hãy nên bảo các cô con dâu cùng bầu bạn niệm Phật với mẹ. Lại nên khuyên cụ ăn chay trường để trợ thành đạo nghiệp cho mẹ, đó là hiếu. Nếu chỉ nghĩ "đừng niệm Phật, sợ nhọc nhằn tâm lực; đừng ăn chay,

sợ rằng chẳng hợp phép dinh dưỡng" là hiếu thì lòng hiếu ấy giống như la-sát nữ yêu thương con người vậy. Lòng hiếu ấy phá hoại đạo nghiệp của mẹ, khiến cho cụ vốn có thể liễu sanh thoát tử lại đâm ra ở mãi trong sanh tử. Lòng hiếu ấy chính là lòng hiếu "đã xô xuống giếng, lại còn quăng đá", khiến cho mẹ ông chẳng được siêu sanh, đọa lạc suốt kiếp. Hiếu thì có hiếu đấy, nhưng chẳng biết hiếu như vậy hóa ra là ngỗ nghịch. Ông đã làm công chức, về mặt hình tích chẳng cần phải thể hiện vẻ tu trì, nhưng trong tâm địa há chẳng thể thường ức niệm ư? Giống như ông nhớ mẹ, ai cấm ông trong tâm thường nhớ nghĩ mẹ? Ông nêu ra những sự trở ngại ấy, hoàn toàn là luận trên hình tích, chứ không phải luận trên tâm địa. Hiện nay thời cuộc nguy ngập như thế, nếu vẫn chẳng chịu thầm niệm Phật trong tâm, chuyện tương lai rốt cuộc chẳng biết giải quyết ra sao? Ông đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục, những gì nói trong ấy chẳng đủ để giải quyết mối nghi của ông, cứ cần phải có một lá thư vài trăm chữ mới thỏa lòng mong ngóng, đều là do thường ngày chẳng chịu thể hội, quán sát mà ra. Hãy nên dùng lòng chân hiếu để khuyên lơn các nàng dâu và thường xuyên tự hành mật niệm (niệm thầm) thì lợi ích lớn lắm!

62. Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Di và La Huệ Chú

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Pháp môn Tịnh độ chú trọng nơi tín nguyện, có kẻ chẳng biết cho nên hoặc cầu phước báo trời người, hoặc cầu đời sau làm tăng để hoằng dương Phật pháp, độ thoát chúng sanh. Những loại tâm niệm ấy đều phải trừ khử sạch sẽ, nếu có mảy may sẽ chẳng thể vãng sanh. Vãng sanh là siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Không vãng sanh thì tuy một đời, hai đời chẳng mê, chắc chắn khó lòng vĩnh viễn chẳng mê. Hễ mê thì do có phước tu trì, bèn tạo nghiệp đáng sợ lắm. Ác nghiệp đã tạo, ác báo tự xảy đến, cầu thoát tam đồ chỉ sợ chẳng có ngày đâu!

Lại nữa, người niệm Phật phải nên khuyên quyến thuộc trong nhà cùng sanh tín tâm, cùng thường niệm Phật để chuẩn bị cho cha mẹ và các quyến thuộc trong nhà người ấy hễ có ai mạng chung liền trợ niệm cho. Nếu không, chẳng những không thể giúp cho người sắp chết giữ được chánh niệm, mà trái lại còn làm cho người ấy sanh khởi những tâm sân hận, ái luyến v.v.. (Tắm rửa sẵn, thay áo làm mất chánh niệm. Nếu dời động khiến cho người sắp mất bị đau đớn bèn sanh sân hận, sân hận thì có thể đọa vào loài độc trùng. Nếu đối trước người sắp mất khóc lóc, người ấy liền sanh ái luyến. Những chuyện này đều làm mất chánh niệm, vĩnh viễn không mong chi được vãng sanh, buồn thay!) Người không niệm Phật còn chẳng đến nỗi bị tổn hại lớn, chứ người niệm Phật hễ bị phá hoại, chánh niệm

mất sạch, muốn được vãng sanh trọn không thể được. Từ đấy luân hồi trong lục đạo suốt kiếp dài lâu, đều là do bị bọn quyến thuộc ấy gây nên.

Nếu bọn họ chẳng phát tâm thì nên đem chuyện thời cuộc nguy hiểm, hễ chí thành niệm Phật chắc chắn gặp dữ hóa lành ra khuyên lơn. Nếu là nữ nhân mà chịu niệm Phật thì chắc chắn không bị đau khổ trong khi sanh nở. Nếu nữ nhân lúc bình thường chẳng biết niệm Phật, khi sanh nở hết sức đau khổ mà chịu chí thành niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát", chắc chắn lập tức an nhiên sanh nở. Điều này linh cảm tột bậc, hãy nên nói với hết thảy bạn bè và những người quen biết, khiến cho họ ai nấy đều được sanh con tốt lành, lại còn làm cho cả mẹ lẫn con đều được yên vui, cùng gieo thiện căn. Có kẻ ít hiểu biết cho rằng lúc sanh nở lõa lồ bất tịnh, hễ niệm sẽ bị tội, chẳng biết đây là chuyện liên quan đến tánh mạng, chớ nên đem nghi thức lúc bình thường vô sự mà bàn. Ví như con cái té trong lửa, nước, vừa gọi cha mẹ, cha mẹ liền đến cứu giúp ngay, chắc chắn chẳng vì con cái mũ áo không tề chỉnh, thân thể chẳng sạch sẽ mà không cứu! Nếu do vậy mà chẳng cứu thì cũng chẳng đáng gọi là Phật Bồ-tát. Nếu là lúc bình thường, cố nhiên nên cạn lòng thành, tận lòng kính, chẳng được lấy chuyện trong khi sanh nở làm lệ.

Con người chẳng có ai không yêu thương con cái, nếu dạy con cái niệm Phật, niệm Quán Âm từ nhỏ, sẽ tiêu trừ được nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn mà chẳng hay chẳng biết. Huống chi kẻ tự mình thường niệm Phật, lúc lâm chung ắt càng chẳng nên khuấy rối, càng phải dùng niệm Phật để giúp đỡ ngõ hầu người ấy quyết định vãng sanh Tây Phương. Trong hiện thời, niệm Phật, niệm Quán Âm gặp dữ hóa lành là điều chắc chắn. Quang già rồi, tinh thần chẳng đủ, chỉ nên đọc kỹ Văn Sao, y theo đó tu hành sẽ liền được lợi ích, đừng nên thường xuyên gởi thư để khỏi tự phiền, phiền người.

63. Thư trả lời cư sĩ Thang Huệ Chấn

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Người đang độ thiếu niên nếu chẳng gặp được thầy lành bạn tốt, ngày ngày qua lại với lũ bạn nhậu nhẹt, tà vạy sẽ nguy hiểm muôn phần. Nặng thì không bao lâu sẽ chết, nhẹ thì cũng thành yếu ớt, hoặc thành tàn phế. Xét đến nguyên do, đều là do chúng cứ nghĩ tìm hoa hỏi liễu là vui, chẳng biết là chuyện thảm khốc, hoặc giống như giết người, hoặc giống như giết hại con cháu đời đời. Những kẻ ham ăn chơi thường mắc bệnh phong tình, con cái sanh ra lúc nhỏ còn chưa thấy gì, đến khi 12, 13 tuổi, tới lúc dậy thì sẽ thấy rõ. Con lại truyền cho con, cháu truyền cho cháu, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng đau đớn ư? Cha ông là Chu Tử

Quyền bán thân bất toại sợ rằng cũng là do tham sắc mà ra. Chớ nên tham tà sắc, dẫu vợ chồng sống với nhau cũng chớ nên tham đắm. Hễ tham thì sẽ bị một bề mất mạng hay sanh bệnh!

Người ấy đã phát tâm muốn quy y, hãy nên chí thành niệm thánh hiệu "Nam-mô A-di-đà Phật" và "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát", hết thảy tạp niệm trong tâm nhất loạt chẳng cho khởi lên, sửa lỗi hướng thiện và kiêng giết ăn chay. Cần phải vĩnh viễn dứt bỏ chuyện ăn nằm; nếu chưa phải là khi bệnh tình đã bình phục hơn một năm, muôn vàn chẳng được gần gũi phụ nữ. Nếu không, muôn phần khó lành bệnh được! Lại nên dạy vợ con ông ta cũng nên niệm Phật và niệm Quán Âm cho ông ta, nếu thật sự chí thành sẽ mau được lành bệnh. Nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Thoát, nghĩa là dùng trí tuệ để thoát trừ những tập khí xấu trước kia, lại do niệm Phật cầu sanh Tây Phương, vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ sanh tử luân hồi, thường hưởng sự vui chân thường vô lậu, thì do cơn bệnh ngặt này mà được lợi ích lớn lao, vợ con người ấy cũng nhờ đây mà cùng được thoát khổ hưởng vui, may mắn lắm thay!

Ông ta đã không thể cử động được thì suốt ngày dùng tâm chí thành niệm Phật, hoặc niệm lớn tiếng, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm trong tâm đều được. Niệm ra tiếng thì có thể niệm sáu chữ, chứ niệm thầm trong tâm thì nhiều chữ quá sẽ khó niệm, nên niệm bốn chữ. Bất luận niệm lớn tiếng hay nhỏ tiếng, đều phải trong tâm niệm cho rõ ràng rành rẽ, miệng niệm cho rõ ràng rành rẽ, tai nghe cho rõ ràng rành rẽ. Tuy chẳng thể lễ bái, trong tâm thường phải giữ lòng cung kính như đối trước Phật, như té vào nước lửa cầu xin cứu giúp, trọn chẳng dám khởi một tâm niệm không chánh đáng. Từ sáng đến tối, ngủ thì để mặc đó, thức dậy lại niệm tiếp. Lấy niệm Phật làm bổn mạng nguyên thần của chính mình thì sẽ có thể tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn, có thể hy vọng lành bệnh yên thân. Lành bệnh rồi vẫn chẳng được buông bỏ, cứ tiếp tục niệm Phật ngõ hầu siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vãng sanh Tây Phương.

Hiện thời là tình thế hoạn nạn, nếu chịu chí thành niệm Phật liền có thể gặp dữ hóa lành. Hàng nữ nhân trong nhà nếu chịu niệm Phật chắc chắn chẳng mắc họa sanh khó. Dẫu là người lúc bình thường chẳng niệm Phật, đến khi sanh nở, sanh không được, chịu chí thành niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" chắc chắn sẽ tức khắc an nhiên sanh nở. Chớ nên nói "lõa lồ bất tịnh, niệm sẽ mắc tội". Trong lúc bình thường thì cần phải cung kính, sạch sẽ. Nếu mũ áo không tề chỉnh, thân thể chẳng sạch sẽ, hoặc đang tắm rửa, tiêu tiểu và khi ngủ nghỉ, đều nên niệm thầm trong tâm, chớ nên niệm ra tiếng. Chỉ khi sanh nở, nên niệm ra tiếng, đừng nên niệm thầm. Những người săn sóc chung quanh cũng niệm giúp cho người ấy

thì đôi bên đều có công đức lợi ích. Nên đưa thư này cho ông ta xem và làm cho hết thảy mọi người đều biết thì mới có lợi ích cho ông ta được.

64. Thư trả lời sư Hựu Chân và cư sĩ Giác Tam

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Người niệm Phật hãy nên cung kính, chí thành, từng câu từng chữ trong tâm niệm cho rõ ràng rành mạch, miệng niệm cho rõ ràng rành mạch. Nếu làm được như thế, dẫu chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng cũng chẳng đến nỗi quá đáng. Có lắm kẻ chỉ mong lẹ, mong nhiều, thuận miệng niệm ào ào, cho nên không có hiệu quả! Nếu có thể nhiếp tâm thì mới gọi là người niệm Phật thật sự. Đại Thế Chí Bồ-tát đã ví dụ "như con nhớ mẹ", trong tâm con chỉ nghĩ đến mẹ, những cảnh khác đều chẳng phải là chuyện trong tâm chính mình. Vì thế có thể cảm ứng đạo giao. Lại nói: *"Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, đắc tam-ma-địa*[87]*, tư vi đệ nhất"* (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa (tức tam-muội), ấy là bậc nhất). Nói "khiến cho tâm, miệng, tai đều được rõ ràng" chính là pháp tắc nhiếp trọn sáu căn vậy (tâm là ý căn, miệng là thiệt căn). Tâm và miệng niệm hợp cùng tai nghe thì mắt, mũi quyết định chẳng đến nỗi rong ruổi theo bên ngoài, thân cũng chẳng đến nỗi láo xược, phóng túng. Người đời nay niệm Phật phần nhiều đều chẳng chịu nỗ lực nên không có hiệu quả gì.

Lại nữa, khi không niệm Phật, vọng tưởng tuy nhiều nhưng không cách nào biết được, chứ không phải là lúc không niệm thì không có vọng tưởng. Ví như đối với hư không trong nhà, dẫu mắt cực tốt cũng không thể thấy được bụi bặm. Nếu từ khe cửa sổ soi vào một tia nắng, sẽ thấy bụi bặm trong tia nắng chao lên đảo xuống không khi nào ngừng; khi ánh sáng chưa chiếu đến nơi, vẫn chẳng thấy có bụi bặm. Vì thế biết rằng: Khi niệm Phật mà nhận biết có vọng tưởng thì đấy vẫn là cái hay của việc niệm Phật; lúc không niệm Phật, hoàn toàn bị vùi lấp trong vọng tưởng cho nên không biết.

Lại nữa, pháp niệm Phật khẩn yếu nhất là có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Hễ có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa đạt đến nhất tâm bất loạn vẫn có thể cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Nếu không có tín nguyện, dẫu tâm không có vọng niệm thì vẫn chỉ là phước báo trời người, bởi vì chẳng

[87] Tam-ma-địa (samādhi), còn dịch là tam-muội, tam-ma-đề, tam-ma-đế. Dịch ý là đẳng trì, chánh định, định ý, điều trực định, hay chánh tâm hạnh xứ, có nghĩa là xa lìa hôn trầm, lao chao, chuyên tâm trụ vào một cảnh. Do quá nhiều ý nghĩa, chữ này thường được dùng dưới dạng dịch âm, chứ không dịch nghĩa. Thông thường, tam-ma-địa được hiểu là quán tưởng ngưng lặng cho trí tuệ rạng ngời, để đoạn trừ được hết thảy phiền hoặc, hòng chứng đắc chân lý.

tương ứng với Phật. Do vậy, đương nhiên phải chú trọng nơi tín nguyện cầu sanh Tây Phương. Thật sự có tín nguyện, vọng sẽ tự hết. Nếu lúc bình thường có vọng tưởng quá mức, muốn đắc thần thông, được danh dự, được duyên pháp, đắc đạo v.v., hoàn toàn lấy vọng tưởng làm bản tâm của chính mình như vậy thì càng tinh tấn, dũng mãnh, những thứ vọng tưởng ấy càng nhiều càng lớn. Nếu chẳng giác chiếu để dứt trừ vĩnh viễn những vọng tưởng ấy thì sau này vẫn bị ma dựa phát cuồng, há nào phải chỉ có vọng tưởng mà thôi ư? Vì thế phải miệt mài đoạn dứt những thứ vọng tưởng quá mức ấy.

Thực hiện công khóa thì nên y theo chương trình của công khóa. Khi đi kinh hành niệm Phật xong trở về chỗ, niệm thêm danh hiệu hai vị Phật Thích-ca, Dược Sư cũng không ngại gì. Luận theo mặt lý thì lễ Phật trước khi chưa niệm chính là lễ Phật Thích-ca. Người đời phần nhiều xử sự theo tình cảm, không ai chẳng cầu tiêu tai, tăng tuổi thọ, vì thế niệm thêm Phật Dược Sư. Thật ra oai thần công đức của A-di-đà Phật bằng với oai thần công đức của mười phương ba đời hết thảy chư Phật, chứ không phải là niệm A-di-đà Phật chẳng thể tiêu tai, tăng tuổi thọ.

65. Thư trả lời cư sĩ Trần Kỳ Xương

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Xem bài văn phát nguyện đã tu chỉnh, có thể nói là "đại nguyện". Đối trước Phật phát nguyện hãy nên bày tỏ giản lược. Bài văn phát nguyện do các hạ đã soạn chính là lời phát biểu trước người khác và lời đề xướng, hướng dẫn, sao có thể gọi là bài văn sánh bằng bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì, nào có hữu ích chi đâu? Hiện thời rõ ràng là một ông tăng phàm phu đối trước Phật phát nguyện mà vẫn dùng hai chữ "thượng - hạ"[88] thì thật là thất lễ quá sức! Công khóa do các hạ đã lập ra nếu tuyệt đối không có chuyện gì thì còn có thể thực hiện được, chứ nếu có cha, mẹ, vợ, con, lại còn phải chữa trị khắp các chứng bệnh, không ai mời mà từ chối được, chỉ nội một chuyện này đã khó thể ứng phó được, huống gì là công khóa sớm, trưa, chiều ư? Các hạ và Quang hoàn toàn khác đường, Quang một bề giản lược, các hạ một mực phô trương, xin đừng lui tới tốt hơn!

Sách Long Thư Tịnh Độ Văn dạy niệm ba mươi sáu vạn ức mười một vạn chín ngàn năm trăm đồng danh đồng hiệu A-di-đà Phật, chuyện này nên luận trên phương diện dụng công, chớ nên luận theo phương diện nhiều hay ít. Nếu đem so

[88] "Thượng - hạ" là cách tôn xưng danh hiệu một vị tăng, chẳng hạn, thay vì nói sỗ sàng "kính bạch hòa thượng Trí Tịnh", ta thường nói "kính bạch hòa thượng thượng Trí hạ Tịnh" để tỏ lòng tôn kính. Ở đây, ông tăng tự xưng pháp danh của mình mà cũng thêm vào hai chữ "thượng - hạ" nên bị tổ chê là thất lễ.

sánh một câu này (tức câu niệm "ba mươi sáu vạn ức mười một vạn chín ngàn năm trăm đồng danh đồng hiệu A-di-đà Phật") với chuyện chỉ niệm sáu chữ Phật hiệu thì tuy mỗi ngày niệm được mười vạn câu, niệm suốt trăm năm, vẫn chẳng bằng được số lượng đức Phật trong một câu này. [Tức là số lượng đức Phật được niệm bởi] kẻ niệm sáu chữ niệm suốt một đời chẳng bằng [số lượng đức Phật được] niệm bởi một câu này. Nhưng kẻ niệm một câu này dẫu có tín nguyện vẫn chưa chắc có thể được vãng sanh[89], còn kẻ niệm sáu chữ suốt đời nhưng có tín nguyện thì chắc chắn có thể vãng sanh. Nên y theo quy định do chư tổ đã thành lập mà niệm sáu chữ danh hiệu, đừng tính toán nhiều hay ít! Phải biết: A-di-đà Phật là pháp giới tạng thân, tức là một danh hiệu A-di-đà Phật này gồm trọn danh hiệu của mười phương ba đời hết thảy chư Phật, nào phải chỉ có ba mươi sáu vạn ức mười một vạn chín ngàn năm trăm mà thôi ư? Ai nấy đều có tâm, có hạnh, có chí khác biệt. Đã hỏi đến bèn chẳng ngại gì nói thẳng. Đã khác đường lối, ắt chẳng nên gặp gỡ. Quang là kẻ vô tri vô thức, nào đáng gọi là bậc tông tượng[90] của Tịnh độ. Há chẳng khiến cho người ta hổ thẹn không chốn dung thân ư?

66. Thư gởi cư sĩ Nguyễn Hòa Khanh

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Trước kia, ông Trần Dự Đường gởi thư đến cho biết có sáu người thiện nữ xin quy y, nhờ gởi thư về cho các hạ để chia ra giao cho những người ấy. Lại nói, bà Thích nhà họ Nguyễn quy y lần trước, pháp danh Đức Chánh chính là phu nhân của các hạ. Biết cư sĩ học Phật nhiều năm, người nhà đều được cảm hóa, thật đáng bội phục. Chẳng biết cư sĩ có tin tưởng chắc chắn nơi pháp Tịnh độ hoành siêu hay chăng? Nay đã có nhân duyên này, chẳng ngại bày tỏ đại lược nỗi lòng. Suốt một đời đức Như Lai đã nói ra vô lượng vô biên pháp môn, tìm lấy pháp trực tiếp, nhanh chóng nhất thì không gì hơn được tham thiền. Nếu là bậc thượng căn, nghe một ngộ được cả ngàn, đắc đại tổng trì[91], nhưng đấy vẫn còn là ngộ chứ chưa phải

[89] Sở dĩ có tín nguyện mà vẫn chưa chắc được vãng sanh là vì tâm không chuyên nhất. Thêm nữa, ỷ vào số lượng đức Phật niệm trong mỗi câu rất nhiều sẽ rất dễ nẩy sanh giải đãi, không miên mật trì danh hiệu Phật nên vọng tưởng khó thể khuất phục được.

[90] Tông tượng: Tượng là người thợ. Bậc sư trưởng có thể đào tạo các đệ tử thành tựu giới định tuệ, phẩm đức kiêm ưu, ví như người thợ khéo chế tạo vật dụng tinh vi nên được gọi là sư tượng. Vị thầy có thể hoằng dương mạnh mẽ một tông cũng giống như vậy, nên được gọi là tông tượng.

[91] Tổng trì (dhāranī), còn dịch là đà-ra-ni, năng trì, năng giá (có khả năng ngăn che), đều có nghĩa là huệ lực có khả năng gìn giữ, ghi nhớ hết thảy vô lượng Phật pháp chẳng quên mất. Hiểu theo nghĩa rộng, tổng trì có nghĩa là khả năng ghi nhớ không quên mất. Từ một nghĩa, một pháp có thể liên tưởng, nhớ được hết thảy pháp, hết thảy nghĩa, không quên mất, không sai sót. Theo luận Đại Trí Độ, tổng trì gồm có bốn loại là văn trì đà-ra-ni (năng lực nghe không

là chứng. Người có thể thật sự đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì trong đời mạt quả thật chẳng thấy được mấy ai. Những kẻ khác phần nhiều đều là nhận lầm tin tức. Cái được gọi là ngộ đó, phần nhiều đều là "thác ngộ" (lầm lẫn), ít có kẻ ngộ thật sự. Dẫu thật sự ngộ thì vẫn còn cách xa chuyện liễu sanh tử nhiều lắm! Vì tuy được khai ngộ, vẫn cần phải dùng đủ mọi phương tiện để đối trị phiền não tập khí từ bao kiếp đến nay, khiến cho hết sạch không còn sót thì mới có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Nếu phiền não đã đoạn được chừng bao nhiêu đó, nhưng vẫn còn mảy may chưa đoạn hết thì vẫn cứ sanh tử y như cũ, không thoát ra được.

Nếu chỉ nghĩ "hiểu được tự tâm chính là đạo", ngoài ra không tu trì gì cả thì sự hiểu lầm ấy chẳng nhỏ đâu! Nếu hiểu biết, nhưng không thấy có phiền não nào để được cả, thì có thể gọi là "đắc đạo", người như vậy đã có thể chém đứt căn bản sanh tử cho nên có thể liễu sanh thoát tử. Nếu tuy hiểu biết, nhưng phiền não chưa đoạn thì làm sao có thể liễu sanh thoát tử cho được? So với kẻ chẳng nhận biết, tuy người ấy cao trỗi hơn nhiều lắm, nhưng sanh tử chẳng liễu thì lại phải thọ sanh, hoặc đâm ra mê muội, đáng sợ vô cùng. Đó là nói về người thật sự khai ngộ đấy nhé, còn những kẻ tưởng lầm là ngộ, càng khỏi cần phải nói đến nữa! Ấy là vì pháp tham thiền chính là pháp môn cậy vào tự lực, cho nên đem so với pháp môn niệm Phật về mặt lợi ích thì thật chẳng khác nào một trời một vực.

Pháp môn niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt trong những pháp môn đã được giảng trong suốt một đời đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi độn. Bậc thượng thượng căn như các vị đại Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền chẳng thể vượt ra ngoài pháp này, kẻ hạ hạ căn như phường đại tội nhân ngũ nghịch thập ác cũng có thể dự vào trong ấy. Chỉ cần có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì đều có thể cậy vào Phật từ lực, mang nghiệp vãng sanh. Nếu đã đắc tam-muội và đã đoạn dứt phiền não, hễ được vãng sanh sẽ liền dự vào địa vị đại Bồ-tát. Hết thảy pháp môn đều lưu xuất từ pháp môn này, hết thảy pháp môn đều quy hoàn pháp môn này (gọi là "vãng sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật quả"). Dường như nông cạn nhưng sâu chẳng thể lường, tợ hồ nhỏ nhoi nhưng lớn lao không gì chẳng bao trùm. Mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật

---

quên mất), phân biệt tri đà-ra-ni (năng lực phân biệt biết hết thảy tà chánh, tốt xấu), nhập âm thanh đà-ra-ni (khả năng nghe hiểu hết thảy mọi ngôn ngữ âm thanh, nhưng không đắm trước, sân hận), tự nhập môn đà-ra-ni (nghe những chú ngữ bí mật liền có thể thông đạt thật tướng hết thảy các pháp). Luận Du-già Sư Địa lại nêu lên bốn loại khác là ngữ đà-ra-ni, chú đà-ra-ni, nhẫn đà-ra-ni và nghĩa đà-ra-ni. Do có nhiều loại tổng trì nên kinh luận thường nói là "vô lượng tổng trì môn". Đại tổng trì là thông đạt bốn môn tổng trì nói trên.

đạo, dưới hóa độ chúng sanh không vị nào chẳng cậy vào đạo thành thủy thành chung này.

Sợ cư sĩ chưa gặp được người thật sự biết Tịnh độ, chắc sẽ coi pháp này là thiển cận, bèn chuyên dốc sức nơi pháp thiền minh tâm kiến tánh, cho rằng "hiểu biết được tự tâm là đã giải quyết xong rồi". Bởi thế khôn ngăn dông dài một phen. Nếu lời Quang chẳng đáng tin, xin hãy đọc kỹ Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và bộ Văn Sao của Quang sẽ chẳng nghĩ Quang sai lầm, bịa đặt. Nếu thật sự biết sự hơn kém giữa Phật lực và tự lực, chắc chắn chẳng đến nỗi vẫn còn chấp vào chuyện chỉ suy xét tự tâm, cho rằng "hiểu được cái tâm chính là đạo, chẳng cần phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương". Cổ nhân như sư Viên Quán[92] biết được quá khứ, vị lai vẫn chẳng thể liễu thoát. Sở ngộ về thiền của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, người đời nay há có bén gót được chăng, nhưng họ vẫn phải thọ sanh trở lại. Do vậy biết: Phàm phu quyết định phải tu pháp môn đặc biệt do đức Phật khai thị thì bất luận căn tánh như thế nào đều có thể liễu sanh thoát tử do cậy vào Phật lực vậy. Nếu cậy vào tự lực, sợ rằng có mộng cũng mộng không được! Chẳng biết cư sĩ có chịu tin lời này hay chăng?

---

[92] Viên Quán (còn có tên là Viên Trạch) là một vị cao tăng đời Đường, không rõ sanh năm nào, quê quán tại đâu. Sư sống tại thành Lạc Dương, bẩm tánh hoạt bát, chất phác, thích nghiên cứu Phật học, nhưng cũng rất ưa tạo tác tài sản thế gian. Sư mua được nhiều ruộng đất, vườn tược, nên người đương thời gọi sư là Không Môn Nông Mục Phú Nhân (phú nông chăn nuôi giàu có trong cửa Thiền). Sư rất giỏi âm nhạc. Một người bạn tri giao của sư là Lý Nguyên, do cha là Lý Trừng bị giặc thảm sát, bèn cúng hết gia sản vào chùa Huệ Lâm. Mỗi bữa theo tăng chúng Huệ Lâm chỉ ăn một bữa. Lý Nguyên ham học tiên thuật luyện đan nên bèn khẩn khoản yêu cầu sư Viên Quán cùng sang Tứ Xuyên triều bái các núi Thanh Thành, Nga Mi v.v. để cầu tiên dược. Viên Quán muốn từ Trường An đi theo ngõ Tà Cốc, nhưng Lý Nguyên muốn từ Kinh Châu đi vào Tam Hiệp. Hai người cứ dùng dằng tranh chấp cả nửa năm không quyết định được. Đến khi Lý Nguyên cho biết ông ta không muốn theo đường Lạc Dương hay Trường An là vì không muốn chạm mặt những quan chức quen biết trong triều đình. Viên Quán bèn đồng ý đi theo lối Kinh Châu. Khi thuyền vừa đến Nam Phố, gặp nước ngược phải cắm thuyền, trông thấy một phụ nữ mặc áo gấm đội một cái vò nhỏ ra sông lấy nước, Viên Quán trông thấy bèn cúi đầu buồn khóc: "Sở dĩ ta không muốn đi con đường này là sợ gặp bà ta." Lý Nguyên hỏi: "Từ khi vào đến Tam Hiệp, những phụ nữ ăn mặc như thế này cũng không hiếm. Sao với chỉ mình bà này, sư lại khóc lóc?" Sư đáp: "Bà này họ Vương, sẽ là nơi ta thác sanh. Bà ta mang thai đã ba năm vẫn chưa sanh được, vì ta không chịu vào bụng mẹ. Nay đã trông thấy không thể trốn tránh được nữa! Đợi đến khi ta sanh xong, ba ngày sau đến thăm ta, ta sẽ cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm Trung Thu lại hẹn gặp nhau ngoài chùa Thiên Trúc ở Tiền Đường, Hàng Châu." Sư nói xong liền tịch. Sự việc sau này xảy ra đúng như lời Viên Quán đã nói. Khi trở về chùa Huệ Lâm, Lý Nguyên thấy sư đã ghi chép sẵn việc này trong một trang giấy kẹp trong một cuốn kinh, mới biết sư biết trước nhân quả nhưng vẫn không thể nào tránh né được.

67. Thư trả lời cư sĩ Trầm Thọ Nhân

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Nhận được thư ông từ ba hôm trước, biết lệnh lang[93] là Hà Sanh đã niệm Phật vãng sanh. Tuy về *thế đế*, tựa hồ đó là chuyện bất hạnh, nhưng vãng sanh là đã siêu phàm nhập thánh, quả thật là may mắn lớn lao. Nên luận theo *thật tế*, đừng chấp vào tướng thế gian rồi sanh bi cảm. Nay những kẻ mù quáng, khuấy rối đều do cha mẹ họ mong mỏi họ sẽ hưng gia lập nghiệp, vẻ vang tổ tông, nhưng chẳng biết cách nuôi dạy, nên đều trở thành những kẻ ác tự hại, hại người, hại đời. Do vậy, con người phải mở rộng tầm mắt để nhìn thì trong tâm sẽ thản nhiên, không lo lắng.

Chùa Báo Quốc có tất cả 42 vị tăng, ai nấy đều có chức trách, chẳng thể làm Phật sự. Với số tiền một trăm đồng ông đã gởi, tôi bảo chùa Linh Nham lập một bài vị trong niệm Phật đường. Chùa Linh Nham niệm Phật có thể coi là bậc nhất trong vùng Giang - Chiết, công khóa mỗi ngày chẳng khác gì khi đả Phật thất. Khi đả thất chỉ thêm ba lượt hồi hướng sáng, trưa, tối. Chùa này thuộc địa phương của hòa thượng Chân Đạt chùa Thái Bình, gần đây đã đổi thành đạo tràng thập phương, chuyên môn niệm Phật. Phàm những chuyện như niệm kinh, bái sám, Phóng Diệm Khẩu, làm đàn Thủy Lục, giảng kinh, truyền giới, thu nhận đồ đệ, truyền pháp v.v. đều chẳng làm. Quanh năm niệm Phật, những tháng mùa hạ nếu thuận tiện sẽ giảng pháp môn Tịnh độ, chẳng chèo kéo người ngoài đến nghe.

Nhận được thư ông thì trong ngày hôm sau tôi đã bảo Hoằng Hóa Xã đem những sách đã in trong một hai năm qua gởi đi mỗi loại một cuốn, chắc là ông đã nhận được rồi. Lại thêm do người ta thường nhân dịp nghỉ Tết đến thăm nhiều lắm, hiện thời không rảnh rang, đợi đến tháng Giêng năm sau sẽ vì Hà Sanh niệm Phật suốt ba ngày hầu thỏa tâm nguyện của ông. Mười đồng ông đã gởi sẽ dùng vào chi phí in sách.

68. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (hai lá thư)

(Năm Dân Quốc 24 - 1935, ông này vốn có tên là Bỉnh Nam[94])

1. Ngạn ngữ có câu: *"Thiên hạ bổn thái bình, duy nhân tự nhiễu chi"* (thiên hạ vốn thái bình, chỉ có con người tự khuấy rối), người trí dùng trí để khuấy, kẻ

[93] Danh xưng để gọi con trai người khác nhằm tỏ ý tôn trọng.

[94] Vị này chính là lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, thầy của hòa thượng Tịnh Không. Theo Tuyết Lư Lão Nhân Sự Lược trong Tuyết Lư Lão Nhân Tịnh Độ Tuyển Tập, cụ Lý Bỉnh Nam tên thật là Lý Diễm, tự là Bỉnh Nam, hiệu Tuyết Lư, pháp hiệu Đức Minh, biệt hiệu là Tuyết Tăng, hay Tuyết Tẩu, quê ở huyện Tế Nam, tỉnh Sơn Đông.

ngu dùng dục để quậy. Mối họa do lòng dục khuấy nhiễu tuy khốc liệt, nhưng người ta còn biết được. Sự khuấy nhiễu của trí nếu chẳng phải là bậc tri kiến vượt trội sẽ chẳng thể biết được. Đã chẳng biết là khuấy nhiễu, lại ngược ngạo coi đó là đức, đấy chính là cội nguồn gây nên đại loạn cho nước ta từ thuở mới có trời đất đến nay! Học thuyết gây lầm lạc cho con người thật đáng sợ sâu xa. Văn Vương ân trạch thấm đến xương khô không biết mấy trăm năm, nhưng phong tục giết người để tuẫn táng[95] phổ biến khắp thiên hạ, Mục Công là vua hiền của nước Tần còn giết 177 người để tuẫn táng. Ba vị họ Tử Xa[96] cũng chẳng vì là hiền thần của đất nước mà được miễn, còn những kẻ chẳng hiền bèn giết chóc nhiều hơn nữa, sao nỡ nói đến!

Từ khi Phật pháp truyền qua phương Đông, nêu thật rành rẽ sự lý nhân quả luân hồi, những kẻ "ngoảnh mặt về phía Nam xưng trẫm" thuộc những đời sau cũng chẳng dám làm. Dẫu ông vua bạo ác vẫn cứ muốn làm như vậy, quyết chẳng dám coi đó là vẻ vang cũng như cho là giết càng nhiều càng sang. Nếu như cõi đời không có Phật pháp, nhân dân ai được sống trọn hết tuổi thọ ư? Do vậy tôi nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh." Ông Chu An Sĩ nói: *"Nhân nhân tri nhân quả, đại trị chi đạo dã. Nhân nhân bất tri nhân quả, đại loạn chi đạo dã"* (Ai nấy biết nhân quả là đạo để thịnh trị vậy. Ai cũng chẳng biết nhân quả đấy chính là đường lối đại loạn). Họ Trình, họ Chu[97] thiên tư cao trỗi, ăn trộm nghĩa lý từ kinh Phật để giải thích kinh điển Nho giáo, lại sợ người ta học Phật, nên đặc biệt xướng lên dị nghĩa, cho là nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi do đức Phật đã nói đó thật ra đâu có chuyện ấy, chẳng qua Phật mượn những chuyện ấy để lừa dối ngu phu, ngu phụ tuân phụng Phật giáo đấy thôi! Hơn nữa, con người chết đi, thân xác đã hư mất, thần hồn cũng phiêu tán, dù có băm vằm xay giã còn có chỗ nào để làm? Hơn nữa, thần hồn đã phiêu tán, còn có người nào để thác sanh nữa đây?

Chuyện ấy là chuyện nông cạn nhất trong đạo Phật, nhưng lại là chuyện quan trọng nhất cho quốc gia xã hội. Họ đã đề xướng nhân quả luân hồi là hư vọng, sai lầm, vậy thì thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để răn, khư khư ôm suông "chánh tâm thành ý" để làm cái gốc dạy dân, giữ yên đất nước, chẳng biết nếu không có nhân quả luân hồi thì chánh tâm thành ý và không chánh tâm thành

[95] Tuẫn táng: Đây là một phong tục mê tín của cổ Trung Hoa, chôn người sống theo người chết để người chết có người hầu hạ, bảo vệ.

[96] Tử Xa là một họ rất cổ của đất Tần. Thời Tần Mục Công, có ba vị đại phu cùng được coi là hiền thần, cùng thuộc họ Tử Xa là Tử Xa Yểm Tức, Tử Xa Trọng Hành và Tử Xa Kiềm Hổ. Cả ba vị này đều bị vương thất nhà Tần hạ lệnh giết tuẫn táng theo Tần Mục Công.

[97] Tức Trình Di và Chu Hy, những người sáng lập ra Tống Nho, chủ trương Lý học.

ý có khác biệt chi đâu, bất quá chỉ là hư danh mà thôi! Nếu đã thật sự là không có thì còn ai bận tâm đến cái hư danh ấy? Trong giới Lý học từ đấy trở đi, không kẻ nào chẳng lén lút xem kinh Phật, nhưng không một ai chẳng bài bác Phật pháp. Do chẳng đề xướng nhân quả nên ngược ngạo coi căn bản để trị quốc, trị dân, trị tâm là bàn xằng, thấy bậy!

Mấy trăm năm qua vẫn còn duy trì được, vẫn còn có lễ giáo trên hình thức. Đến khi gió Âu dần dần thổi sang Đông, hoàn toàn ngả rạp theo gió Âu. Do không có căn bản nhân quả luân hồi nên mới thành phóng túng, quái quỷ, xa xỉ, tà vạy, không gì chẳng làm. Bản tâm của họ Trình, họ Chu thời ấy chính là muốn nhờ chuyện hủy Phật để bảo vệ đạo Nho, nhưng chẳng biết hủy Phật lại trở thành hủy Nho. Như hiện nay, Ngũ Kinh, Tứ Thư đã trở thành sách bị cấm đoán, trường học dù lớn hay nhỏ đều không cho học những sách ấy, đấy là chứng cớ rõ ràng. Nho và Thích vốn cùng nguồn, bọn Lý học cho là tâm tánh khác hẳn với thân hình, mưu tính diệt trừ tâm tánh nhưng thân hình bị diệt trước. Nếu hai ông ấy có thiêng, sẽ chẳng cho những gì chính mình đã nói là đúng, sẽ hối hận còn không kịp! Những lời lẽ ấy tợ hồ xa cách nhưng thật ra rất gần gũi, người đọc sách nếu không hiểu rõ ràng chỗ quan yếu này thì xem kinh Phật cũng sanh lòng tín ngưỡng, đọc những sách báng Phật bên Lý học cũng sanh lòng tín ngưỡng, lý và dục đánh lộn trong cùng một tâm, tự lợi và lợi tha bị chướng ngại lớn lao! Do vậy tôi nói đại lược mối tệ ấy, mong ông hãy suy xét thì những điều tương tự sẽ đều hiểu hết.

Trang Hậu Trạch tuổi đã 65, muốn thờ ông tăng chỉ biết cơm cháo làm thầy, nên đặt pháp danh cho ông ta là Đức Phù, nghĩa là dùng nhân quả báo ứng, tín nguyện niệm Phật để làm pháp tự giúp mình giúp người, khiến cho hết thảy những người đồng hàng khi sống làm bậc thánh hiền, mất đi sanh về thế giới Cực Lạc. Ông Phương Trưởng Long, tên tự là Hàn Tuyền, dùng tấm lòng trong sạch không bon chen, cạnh tranh để nhuần thấm hết thảy nên có pháp danh là Đức Trạch.

Một chữ chiến quan hệ rất sâu, ranh giới giữa lòng ham muốn của con người và thiên lý nếu chẳng tận lực chiến đấu thì lý bị lòng dục che lấp, khiến cho lý ắt bị ẩn, lòng ham muốn tỏ rõ vậy. Khổng tử nói *"tứ thập nhi bất hoặc"* (40 tuổi không lầm lẫn) chính là nói về lúc lý thắng, dục bị khuất phục. *"Thất thập sở dục bất du củ"* (70 tuổi lòng ham muốn chẳng ra ngoài khuôn khổ) chính là thiên hạ thái bình, trọn không có chiến sự vậy. Khổng tử nói *"ngã chiến tắc khắc"* (ta đánh trận ắt thắng), Khổng tử suốt đời chưa hề nắm binh quyền, sao dám nói "ta đánh trận ắt thắng"? Đấy chính là ý chỉ nhỏ nhiệm của Khổng tử nhằm dạy con người "chế ngự ý niệm để thành thánh hiền" vậy! Do vậy đặt pháp danh là Đức Khắc. Thánh nhân rủ áo khoanh tay trị thiên hạ, điều cốt yếu chỉ là "vô dục". Vô

dục thì không phải chiến đấu, có dục thì phải chiến đấu dài dài cho đến khi ta lẫn người đều chết hết, tấm lòng mới chịu nguội lạnh. Nếu không, ắt sẽ mong người khác chết để riêng ta còn sống, quyết chẳng nghĩ đến sự thảm khốc của chiến tranh để tạm ngừng. Vu Bái Lâm nếu biết "pháp môn Tịnh độ của đức Như Lai là trận mưa dầm cam lộ cho chúng sanh trong chín giới", có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tự hành, dạy người thì một người xướng, trăm người hòa, nhìn nhau bắt chước nhau làm lành đông đảo lắm. Vì thế đặt cho ông ta pháp danh là Đức Lâm.

Ông nói bản thân là người ở trọ, sợ không có người kế thừa. Nay bốn người này chính là những người có quê quán ở đấy, hãy nên bảo họ đem pháp môn này truyền bá vĩnh viễn. Quang giúp cho ông một tay, đem 40 đồng tiền hương kính[98] của bọn họ hoàn toàn dùng làm chi phí gởi sách, khiến cho ông và bọn họ mỗi người có cái để bắt chước theo, chuyện tự hành, dạy người sẽ có căn cứ. Tôi sẽ liệt kê một danh sách để gởi sách đi, phàm những bộ sách lớn và nghĩa lý sâu xa, hàm súc, bốn người các ông mỗi người giữ một phần; phàm những sách người thông thường cũng đọc được thì tùy tiện tặng cho người ta cũng như đem cho các tù nhân. Nhưng phải thiết tha dặn họ cung kính, chớ nên giống như người bình thường đọc các sách Nho trọn chẳng cung kính tí nào, ngõ hầu được lợi ích, chẳng đến nỗi chuốc lấy tội khinh nhờn, ô uế. Chuyện này hãy xem trong bài viết về "kính trọng sách, tiếc giấy chữ", ở đây không viết cặn kẽ.

2. Đã nhận được thư của ông và Huệ Tu v.v. từ trước, nhưng do Hoằng Hóa Xã nói: Có hai trăm cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy[99] (chỉ bảo đường rẽ) của ông Đức Khắc còn chưa gởi tới nên chưa viết thư trả lời. Ngày hôm qua, sách gởi ấy được gởi đến, Quang mục lực không đủ nên xem sơ qua hai ba bài, cảm thấy hay lắm, bèn gắng sức xem ba bốn lần. Cả cuốn sách đều hay, nhưng có ba chỗ lầm lẫn, chẳng thể không nói rõ.

Trang 58, dòng 8 và 9, *"Sức Chung Tân Lương, Hoằng Hóa Xã ở Tô Châu tặng đọc"*, đây là một cuốn sách nhỏ nên cũng không phiền cho lắm. Trang 62, hàng thứ 2: *"Các sách Khuyến Thế Bạch Thoại Văn, Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ*

[98] Theo thông lệ, người xin quy y dâng lên vị thầy truyền giới một món tiền cúng dường gọi là "tiền hương kính" với ý nghĩa cúng cho thầy có tiền mua nhang đèn thờ Phật.

[99] Kỹ Lộ Chỉ Quy là tác phẩm của ông Chiến Đức Khắc, được tổ Ấn Quang và cư sĩ Lý Bỉnh Nam cùng giám định. Nội dung biện định nên theo tôn giáo nào, vì sao nên học Phật, ai là người có thể học Phật, rồi nêu bật phương pháp tu học Phật pháp thiết yếu nhất chính là pháp môn niệm Phật. Đồng thời nêu rõ cách thức hành trì pháp môn niệm Phật và chuẩn bị cho việc lâm chung như thế nào.

Nam, Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích, Sức Chung Tân Lương, Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao v.v., Hoằng Hóa Xã ở Tô Châu đều tặng đọc." Những sách này đều tặng đọc thì chi phí in sách lấy đâu ra? Hiện nay người học Phật thật đông, nếu đều là tặng miễn phí thì ai chẳng muốn thỉnh? Sao không coi kỹ mà lưu thông theo giá vốn, cần thỉnh bao nhiêu thì giao cho bấy nhiêu. Lưu thông nửa giá hoặc tặng không sẽ bị hạn chế. Nếu đều là sách tặng xem thì đừng nói không có nguồn tiền để in sách, ngay cả thợ in sách và đóng sách không biết phải dùng đến bao nhiêu người mới giải quyết được chuyện này. Chuyện này do thầy Minh Đạo lo toan, Quang hoàn toàn chẳng cho chuyện lưu thông nửa giá hay hoàn toàn biếu tặng là đúng! Có người có học vấn nhưng tương đối khá giả, yêu cầu bao nhiêu bộ sách lớn ấy thì cũng chỉ tính nửa giá. Quyền biếu tặng là tại nơi ta, chứ không phải nơi người, tùy theo ý ta mà tặng. Nếu công khai mà còn có hạn chế, người ta không đọc kỹ thì cũng khó ứng phó.

Nhưng đấy vẫn là chuyện thuộc về phương diện tiền bạc, nếu người ta trách móc, cũng có thể rút lại chương trình ấy, không đáng phải bận tâm. Chỉ có trang 32, dòng 8 và 9, *"từ đại sư Huệ Viễn đời Tấn cho đến gần đây nhất là đại sư Ấn Quang vẫn còn tại thế"*, mười hai chữ này tôi cảm thấy thật quá thất cách. Đức Khắc viết như vậy với dụng ý đề cao thầy, nhưng chẳng biết đã dựng cái đích cho mọi mũi tên cùng bắn vào. Mười hai chữ ấy nên đổi thành *"từ đại sư Huệ Viễn đời Tấn cho đến Thiện Đạo, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích, Tỉnh Am, Triệt Ngộ* (Triệt Ngộ chính là ngài Mộng Đông, hiện thời ở An Huy có người tên Mộng Đông, cho nên chỉ dùng tên Triệt Ngộ) *đều là những vị có học vấn nhất"*. Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, dẫu biết lợi ích của pháp môn Tịnh độ, sao lại có thể kể vào số những vị tổ sư trên đây! Vì chẳng biết do ông Đức Khắc tự viết, người hiện thời sẽ nói là ông ta làm theo ý Quang, người ta ắt sẽ cho Quang mạo nhận là bậc thông gia, muốn được kể ngang hàng với Sơ tổ của Liên tông thì Quang mắc tội lỗi về mặt nhân cách chẳng thể tưởng tượng được. May là nỗ lực xem hết cuốn sách, chứ nếu không sẽ không có cách gì thu thập được.

Nhất cử nhất động của chúng ta đều giữ bổn phận, người ta sẽ không để ý hủy báng. Nếu có chút khí phận khoe khoang, tiếm vị, vượt phận thì không những kẻ thổi lông tìm vết sẽ đều cất giọng công kích phê bình, mà ngay cả bậc quân tử đức dày cũng sẽ vì chuyện này mà coi thường. Xin hãy bảo với Đức Khắc sửa đổi ba chỗ ấy, mà cũng không phải thêm nhiều dòng, chỉ là thêm vài chữ nơi dòng 8 và 9 trong trang 32, bởi hàng kế tiếp còn có 11 chỗ trống. Sách này được lưu thông, thật sự có lợi ích lớn lao. Quang cũng không phải là người khách trọ lâu ngày trong cõi thế. Khi tôi mất rồi, phàm là đệ tử của tôi chỉ nên y theo lời dạy tu

trì, đừng liên miên lan man, đem tôi là một bức tượng đất đi thếp vàng ròng, đấy là đem phàm lạm thánh, chính mình và Quang đều mắc tội lỗi. Hãy đọc những bức thư gởi cho Phan Đối Phù và Mã Khế Tây trong bộ Văn Sao.

69. Thư trả lời tiên sinh Trịnh Quán Tịnh

(Năm Dân Quốc 20 - 1931 - đính kèm nguyên văn thư hỏi)

"Trước kia con đọc bài văn "kính tiếc giấy chữ" của lão pháp sư, văn từ, nghĩa lý chánh xác, quả thật là phương thuốc mầu nhiệm để cứu chữa thói tệ đương thời. Theo như trong bài Công Quá Cách của Văn Đế (Văn Xương Đế Quân) có nói: "Dùng giấy có chữ bọc kinh, lót mõ, phạm năm mươi lỗi." Trước kia, con gởi thư hỏi tiên sinh Nhiếp Vân Đài: "Nếu dùng giấy báo để tập luyện thư pháp, viết xong đốt đi, có mắc tội khinh nhờn hay chăng? Có nên dùng để bọc kinh điển hay không?" Tiên sinh lại dạy rằng: "Bỉ nhân cũng không tránh khỏi, nhưng cũng chẳng dám nói lời quyết đoán, xin hãy hỏi bậc cao tăng đại đức." Lại nữa, trước kia cư sĩ Phạm Cổ Nông đã đáp lời hỏi của bỉ nhân như sau: "Kính tiếc giấy chữ thì dường như là đối với những văn tự trong báo chí, phải phân biệt xem có phải là kinh truyện của thánh hiền, có đáng để tôn trọng hay không v.v.." Những thứ giấy có chữ thông thường dùng để bao kinh sách, tập luyện thư pháp có được hay chăng? Kính xin lão pháp sư quyết đoán một lời.

Ngoài ra, trong bài Công Quá Cách của Văn Xương Đế Quân có nói: "Đưa con đi xuất gia phạm năm mươi lỗi", nhưng kinh Phật cực lực tán dương công đức xuất gia thù thắng. Do Văn Xương Đế Quân quy y, tin tưởng tam bảo, từng được Phật thọ ký, sao lại nói lời ấy rất mâu thuẫn với ý chỉ trong kinh như thế, cũng rất mong cầu lão pháp sư phán định."

* * *

Dùng giấy có chữ để bọc kinh hay lót mõ chẳng những là khinh nhờn giấy có chữ mà còn là khinh nhờn kinh điển, khinh nhờn đạo tràng! Ông là người đọc sách mà còn phải hỏi người khác chuyện này mấy lần ư? Dùng giấy báo để luyện viết chữ cũng không phải là không được, nhưng chớ nên viết bừa xóa loạn. Viết bừa xóa loạn sẽ trở thành thiếu ý thành kính. Ông Cổ Nông nói xét theo giá trị của chữ viết trên báo cũng gần hợp lẽ, nhưng ai dùng cái tâm ấy? Kinh truyện của thánh hiền đâu có chữ nào đặc biệt không dùng đến những chữ thông thường! Công Quá Cách nói "đưa con em đi xuất gia mắc lỗi" là nhằm ngăn ngừa thói tệ "kẻ ác do ác tâm ruồng bỏ con em mà vẫn muốn được tiếng tốt", chứ không phải là chuyện cha con, anh em cùng phát tâm Bồ-đề đưa nhau đi xuất gia mà cũng bị tội. Tri kiến của ông hạn hẹp, chẳng hiểu biết viên dung, nên mỗi chuyện trong

thế gian đều phải hỏi người khác nhiều lượt mà vẫn chẳng thể giải quyết được. Vì sao vậy? Do có ngã chấp. Tuy người khác đã giải mối nghi này cho ông, ông lại do lời giải thích mà sanh nghi, ngã chấp chẳng bỏ thì làm sao theo lời người ta cho được? Mấy câu nói ấy người hiểu rõ lý cố nhiên chẳng cần phải bận lòng suy tính, vì vốn đã tự hiểu rõ rồi. Nếu ông dùng tâm tư ấy để học Phật pháp thì suốt đời cũng chẳng thể vượt ra lối mòn tình tưởng phân biệt được.

70. Thư trả lời cư sĩ Du Hữu Duy

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Đọc thư ông gởi đến, văn từ lẫn ý nghĩa đều hay, không thể thay đổi được, nên chẳng ghi lời phê. Ông 21 tuổi, biết làm văn làm thơ, chính là đời trước có thiện căn, nhưng hãy nên khiêm tốn náu mình, đừng cậy thông minh khinh người, học vấn càng rộng rãi, càng cảm thấy không đủ thì sự thành tựu sau này sẽ khó thể suy lường được! Mười năm trước, pháp sư Đế Nhàn có một đồ đệ tên Hiển Ấm là người cực thông minh, xuất gia năm 17, 18 tuổi, nhưng khí lượng quá nhỏ, không chịu thua kém một chút nào. Lần đầu tiên giảng tiểu tòa[100] xong, lễ sư phụ, sư phụ trọn chẳng chê ông ta giảng không hay, chỉ nói âm thanh quá nhỏ. Do một câu nói ấy liền ngã bệnh, mà ngài Đế Nhàn là người một mực làm cho ông ta thường sanh tâm hoan hỷ. Vì thế, Hiển Ấm tánh kiêu ngạo tăng trưởng hằng ngày hằng tháng. Sau này qua Nhật Bản học Mật tông, những bài viết nhằm hoằng dương Mật tông của ông đều gởi đăng trên tờ lâm san của Cư sĩ lâm Thượng Hải. Ông tự đặt mình vào vị trí cao cả, cho rằng chỉ có ta là cao. Sau đó về nước, đến chùa Quán Tông[101] thăm thầy. Ngài Đế Nhàn nói: "Ông thanh danh rất lớn, tiếc là chưa thật sự dụng công, hãy nên bế quan ba năm để dụng công thì mới nên." Ông ta vừa nghe câu nói ấy như dao cứa tim, ngay bữa ấy liền sanh bệnh. Ngày hôm sau ôm cơn bệnh đi qua Cư sĩ lâm Thượng Hải, được hơn một năm liền mất.

Ông ta mất không lâu, Quang đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải, một thành viên của Cư sĩ lâm là Chu Thạch Tăng đến thăm, hỏi tình hình lúc Hiển Ấm mất, ông Chu nói: "Hồ đồ, Phật chẳng niệm được, mà chú cũng chẳng niệm được!" Đấy chính là hạng đại pháp sư hiển mật viên thông, tự cảm thấy trong đời không

[100] Giảng tiểu tòa là một hình thức tập giảng. Trong một buổi giảng tiểu tòa chỉ có thầy và các đồng học tham dự hầu rút kinh nghiệm diễn giảng.

[101] Chùa Quán Tông thuộc thành phố Ninh Ba, vốn có tên là Thập Lục Quán Đường, được xây dựng vào thời Nguyên Phong (1078-1085) đời Bắc Tống, vốn là nơi tỳ-kheo Giới Nhiên tu quán tưởng niệm Phật, quyên mộ dựng ra chùa này, gồm hơn mười sáu gian. Ngài Đế Nhàn trụ trì chùa này từ năm 1912, đổi tên chùa thành Quán Tông, biến thành một đạo tràng chuyên hoằng dương Thiên Thai tông.

có ai sánh bằng, do không tự lượng, cậy vào huệ căn đời trước, thành ra mới 22, 23 tuổi đã đoản mạng, chết thành con quỷ hồ đồ, chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Nếu như Hiển Ấm chẳng tự cao, khiêm tốn náu mình thì những học giả Trung Quốc chưa chắc trỗi hơn ông ta được! Quang thương Hiển Ấm do đó mà chết nên lấy chuyện xe trước bị đổ để làm gương cho ông.

Hiện thời, Quang đã khổ không thể nói nổi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, hằng ngày đã có người đến hỏi han, lại còn thư tín bốn phương, đừng nói chi chuyện trả lời, chỉ đọc không thôi cũng phải mất nhiều công sức. Quang ở Phổ Đà từ năm Quang Tự 19 (1893) cho đến năm Dân Quốc thứ năm (1916), hơn 20 năm khá yên vui, suốt năm không ai đến thăm, không một lá thư nào gởi đến. Từ năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ông Vương Ấu Nông đem một lá thư in ra mấy ngàn bản, ông Từ Úy Như đem ba lá thư in ra mấy ngàn bản, rồi năm sau lại in Văn Sao. Từ đấy một người truyền hư, vạn người truyền thật. Lại do chẳng tự lượng, khắc in các sách để mong lợi người; 20 năm qua, đúng là chuyên bận bịu vì người khác, nay đã già rồi, mong bế quan làm kế lánh phiền. Đối với công khóa sớm tối, ngoài việc theo cả chùa thực hiện công khóa ra, mỗi tối niệm thêm chú Đại Bi 50 lượt, hoặc 25 lượt. Ngoài ra, hễ lúc nào rảnh thì niệm Phật, chẳng nhớ số, bởi nhớ số tốn sức.

Ông có thời gian rộng rãi, sức lực mạnh mẽ, hãy nên nỗ lực nghiên cứu, tu trì pháp Tịnh độ. Đây chính là đại pháp để phàm phu liễu sanh tử ngay trong đời này. Pháp này nếu không có túc căn thì đừng nói là người tầm thường không thể thấu hiểu triệt để, ngay cả bậc cao nhân lỗi lạc triệt ngộ tự tâm thâm nhập kinh tạng cũng quá nửa là không thể thấu hiểu triệt để được. Do họ chẳng biết đây là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, đều cứ chiếu theo nghĩa lý của các pháp môn thông thường nên chẳng chịu tin. Hoặc là có người tin, nhưng sợ chuyên hoằng dương Tịnh độ, người ta sẽ coi thường mình, vì thế chẳng chịu đề xướng. Phải biết: Tu bất luận pháp môn nào, nếu phiền hoặc chưa đoạn, chắc chắn không liễu được sanh tử. Chỉ có một pháp này, chỉ cần đầy đủ tín nguyện liền có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Ông chớ nên coi qua loa, mà phải đọc kỹ nghĩ chín mới biết lời Quang không lầm.

Hiện nay, người giảng kinh cũng không ít, nhưng mỗi người tùy theo ý mình, ông nên tự tu trì ở chỗ cư sĩ Giang Dịch Viên, đến khi đã có chủ ý rồi, chẳng ngại gì tùy hỷ tham dự giảng tòa của các pháp sư. Ông phải tự thương mình, Quang mến ông, nên chỉ có lần này là viết hai trang, sau này cũng không rảnh rỗi để răn dạy nhiều lần được nữa đâu!

71. Thư trả lời đại sư Niệm Tây

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Nhận được thư, thấy một mực dùng những lời lẽ "đem phàm lạm thánh" để khen ngợi, khôn ngăn hổ thẹn, nên để đó không trả lời. Thêm vào đó, công việc bận bịu, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ, nên dùng biện pháp làm lơ ấy. Tiếp đó, nghĩ tọa hạ thiên tư thông minh, mẫn tiệp, chẳng học giáo mà chăm tu tịnh nghiệp, ắt tương lai có thể kế thừa được các tổ sư Khuông Lô[102] để lợi ích khắp các chúng sanh, vì thế viết thư trả lời. Những câu hỏi trong thư nếu nói tường tận thì quá tốn bút mực. Do vậy đối với lá thư gốc liền ghi vắn tắt vài chữ bên cạnh, nhưng mắt già lòa quáng, làm bẩn tờ hoa. Thứ nhất, luận Bảo Vương[103] do pháp sư Phi Tích[104] đời Đường trước tác. Liên Tông Bảo Giám[105] ghi chép theo những

[102] Khuông Lô, còn gọi là Khuông Sơn, hay Lô Sơn, ở thành phố Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Theo truyền thuyết, vào thời Chu có bảy anh em họ Khuông đến ẩn cư tại đây, rồi về sau cùng thành tiên bay đi. Chỗ ở của họ bèn biến thành ngọn núi cao, nên núi mang tên ấy. Núi dài đến 36 km, bề ngang gần 20 km, mặt Bắc nhìn xuống sông Dương Tử, mặt Nam nhìn xuống hồ Thẩm Dương, ngọn cao nhất là Hán Dương cao đến 1.417 m. Do chung quanh là nước nên núi lúc nào cũng mờ mờ ảo ảo trong sương mù nên Phật giáo Trung Hoa thường dùng từ ngữ "Lô Sơn chân diện mục" để ví cho bản lai diện mục của tự tâm. Sơ tổ Huệ Viễn đã mở liên xã tu Tịnh độ trên ngọn núi này.

[103] Luận Bảo Vương, gọi đủ là luận Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương, do đại sư Phi Tích soạn vào năm Thiên Bảo nguyên niên (742). Sư coi niệm Phật tam-muội là vua của các tam-muội cho nên gọi niệm Phật tam-muội là bảo vương tam-muội. Nội dung bộ luận này đề xướng vạn thiện đồng quy, ba đời đều cùng tu niệm Phật. Luận này dẫn chứng rất nhiều kinh sách Tịnh độ, dung thông những tư tưởng của Pháp Hoa, Bát-nhã, Đại Bảo Tích, Đại Tập, luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa v.v.. Sách này được ngài Ngẫu Ích đưa vào trong Tịnh Độ Thập Yếu vào năm Vạn Lịch 36 (1608) đời Minh Thần Tông.

[104] Phi Tích (không rõ năm sanh, năm mất, nguyên quán): Là một vị cao tăng đời Đường, học vấn cao trỗi, kiến thức siêu việt, thông hiểu các học thuyết Nho gia, Mặc Tử, tinh thông văn chương. Sư thường nghiên cứu Luật tông, sau tu Mật giáo, chứng ngộ khá nhiều. Vĩnh Thái nguyên niên (765) đời Đường Đại Tông, sư phụng chiếu cùng 16 vị như Lương Phần v.v. tham dự đạo tràng dịch kinh của đại hành giả Mật Tông Bất Không, dịch được các kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã, kinh Mật Nghiêm... Tuy thế, sư đặc biệt chú trọng đề xướng Tịnh độ nên đã soạn luận Bảo Vương Tam-muội. Ngoài ra còn soạn Thệ Vãng Sanh Tịnh Độ Văn.

[105] Liên Tông Bảo Giám, tác phẩm của ngài Ưu-đàm Phổ Độ chùa Đông Lâm soạn vào đời Nguyên. Tác phẩm này còn có tên là Lô Sơn Liên Tông Bảo Giám, Lô Sơn Ưu Đàm Bảo Giám, Lô Sơn Bảo Giám Niệm Phật Chánh Nhân, hay Niệm Phật Bảo Giám. Ngài Phổ Độ tự xưng là đồ tôn chánh truyền của Sơ tổ Huệ Viễn , kế thừa tư tưởng Bạch Liên tông của ngài Từ Chiếu Tử Nguyên đời Nam Tống. Sư thu thập những kinh điển, sử truyện liên quan đến niệm Phật tam-muội. Sư cảm thán trước hiện tượng quá nhiều người xưng là Liên tông, nhưng chẳng hiểu được ý tổ Huệ Viễn cũng như lãnh hội ý chỉ của tổ Tử Nguyên, hiểu biết tà vạy, diễn dịch sai lạc pháp môn Tịnh độ. Vì thế qua tác phẩm này, sư muốn hoằng dương giáo nghĩa Tịnh độ chân chánh, đả phá những tà thuyết, nhất là trong lúc ấy, tà giáo Bạch Liên cố ý lập lờ với Liên tông nên pháp môn Tịnh độ bị triều Nguyên cấm đoán. Sách chia ra nhiều chương, mỗi chương gồm lời nhận định chung, dẫn những kinh luận trọng yếu và hành trạng, ngôn giáo của các vị

lời ngoa truyền. Bảo Vương Luận chia thành ba quyển, trong nguyên bản mỗi quyển gồm bảy môn. Hiện thời quyển trung chỉ có sáu môn là vì người mắt sáng đời sau đã lược bỏ môn "niệm Phật ít được lợi ích như niệm Phật nhiều" (đây là tên gọi dựa theo ý tưởng[106]). Trộm nghĩ pháp sư Phi Tích thông hiểu rộng rãi kinh tạng và các sách vở. Thời ấy chắc có kẻ ngụy tạo ra sách có thuyết ấy, pháp sư vì lòng đại bi chưa xét tường tận nên trích dẫn. Người lưu truyền luận Bảo Vương sau này sợ kẻ vô tri đâm ra hiểu lầm, nên đặc biệt lược bỏ đi, thật là thích đáng đến cùng cực! Đại sư Liên Trì cũng bác thuyết ấy. Có ai niệm câu ấy thì vẫn có công đức, nhưng chẳng được ngờ nghệch cho rằng niệm một câu Phật hiệu ấy vượt trỗi công đức của người khác niệm sáu chữ danh hiệu Phật suốt cả đời, như thế là lầm lẫn lớn, làm người khác bị lầm chẳng cạn. Nếu một người mỗi ngày niệm mười vạn câu, niệm trọn một trăm năm, cũng chẳng bằng số lượng các vị Phật trong một câu ấy. Kẻ ngu tưởng đấy là nghĩa lý chân thật, đâm ra khơi gợi cái tâm mong ngóng, lười nhác, biếng trễ của họ. Bỏ đoạn văn ấy đi có công đức lớn lao! Những nghĩa khác chẳng cần phải nói tường tận.

Luận Bảo Vương nằm trong sách Tịnh Độ Thập Yếu, nay tôi đem bản được in trong năm ngoái gởi đi, chắc là được đại lợi ích vậy. Bản khắc gỗ từ trước đến nay đều là bản trích lược do môn nhân của đại sư Ngẫu Ích là Thành Thời biên soạn. Do văn quá nhiều khó lưu thông, nên đặc biệt trích lược. Nhưng đại sư Thành Thời thông minh hơn người, quá tùy tiện, đọc đến đâu trích lược đến đó, cũng chẳng duyệt lại, nên đến nỗi trong bản ấy sai sót tầng tầng lớp lớp. Có chỗ từ ngữ chẳng diễn tả được ý, có chỗ khẩu khí sai lầm tán loạn, có chỗ văn từ và ý nghĩa hoàn toàn mâu thuẫn (trong luận Tây Phương Hiệp, trang 40, dòng thứ 6, bỏ mất hai chữ dụng thì văn và nghĩa hoàn toàn trái nghịch. Trong kinh (tức kinh Bát-chu Tam-muội) này, hễ dùng với nghĩa là *dĩ* thì đều viết thành *dụng*. Sư Thành Thời không suy xét, bỏ chữ dụng đi[107]). Nếu chịu đọc lại lần nữa, quyết

---

cổ đức. Tác phẩm này khi được dâng lên Nguyên Thành Tông, nhà vua đã đích thân duyệt xét và cho phép ấn hành.

[106] Đây là dị thuyết cho rằng nếu niệm danh hiệu ba mươi sáu vạn ức mười một vạn chín ngàn năm trăm đồng danh đồng hiệu A-di-đà Phật thì dẫu niệm ít vẫn có công đức lớn lao không thua gì niệm liên tục sáu chữ hồng danh Di-đà. Thậm chí không cần liên tục niệm Phật, mỗi ngày chỉ niệm vài câu này là đủ rồi. Chư tổ sư Tịnh độ như các vị Liên Trì, Ngẫu Ích đều bác thuyết này vì nếu cứ nghĩ như vậy sẽ sanh tâm phân biệt Phật nhiều, Phật ít, không thể nhất tâm, cũng như sẽ lười nhác không chịu niệm Phật liên tục chẳng gián đoạn.

[107] Để dễ hiểu ý tổ, xin trích nguyên văn luận Tây Phương Hiệp của ông Viên Hoằng Đạo đời Minh: *"Nhất Bát-chu Tam-muội kinh: Phật cáo Bạt-đà-hòa Bồ-tát: Nhược sa-môn, bạch y, sở văn Tây Phương A-di-đà Phật sát, thường niệm bỉ phương Phật, bất đắc khuyết giới, nhất tâm niệm, nhược nhất nhật trú dạ, nhược thất nhật thất dạ, quá thất nhật dĩ hậu, kiến A-di-đà Phật, ư giác bất kiến, ư mộng trung kiến chi. Thí như mộng trung sở kiến, bất tri trú, bất tri dạ, diệc*

chẳng đến nỗi để sai sót đáng tiếc như thế. Hơn nữa lược bớt quá nhiều, chỉ còn được hơn hai phần năm nguyên tác. Vì thế lúc đầu Quang bảo ông Từ Úy Như tìm kiếm để khắc in, sau này may mắn mười thứ[108] [kinh luận đã được chọn vào Tịnh Độ Thập Yếu] đều tìm được, nên đặc biệt đem in ra một vạn bộ. Xin hãy đọc lời tựa của Quang sẽ tự biết.

Thứ hai, nguyên văn ghi: *"Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ"*, cổ đức giải thích: "Niệm lớn tiếng thì thấy được thân đức Phật lớn, niệm nhỏ tiếng thì thấy được thân đức Phật nhỏ", cũng có thể giải thích là: "Niệm với cái tâm lớn thì thấy được thân đức Phật lớn, dùng tâm đại Bồ-đề niệm Phật thì sẽ thấy được ứng thân thắng diệu của Phật, hoặc báo thân" (đây là thuyết của Quang). Lời này trích từ sách khác, chứ không sao lục trực tiếp từ kinh Đại Tập[109] ra. Quang sanh

---

*bất tri nội, diệc bất tri ngoại, bất **dụng** tại minh trung cố bất kiến, bất **dụng** hữu sở tế ngại cố bất kiến. Như thị Bạt-đà-hòa Bồ-tát, tâm đương tác thị niệm"* (Một là như trong kinh Bát-chu Tam-muội có nói: Phật bảo Bạt-đà-hòa Bồ-tát: 'Nếu hàng sa-môn hoặc kẻ bạch y nghe nói về cõi Tây Phương của Phật A-di-đà, thường niệm đến đức Phật ở phương ấy, giữ giới chẳng được thiếu sót, nhất tâm niệm, thì hoặc trong một ngày đêm hoặc trong bảy ngày bảy đêm, sau bảy ngày sẽ thấy Phật A-di-đà, nếu khi tỉnh không thấy thì sẽ được thấy trong mộng. Ví như những gì được thấy trong mộng chẳng biết là ngày, chẳng biết là đêm, cũng chẳng biết bên trong, cũng chẳng biết bên ngoài, chẳng vì ở trong tối tăm mà chẳng thấy, chẳng vì bị che lấp ngăn ngại mà chẳng thấy. Như thế đó Bạt-đà-hòa Bồ-tát, tâm nên niệm như thế'). Tổ Ấn Quang giải thích hai chữ "dụng" ở đây phải hiểu là chữ "dĩ". Do không chú ý nên sư Thành Thời đã lược bỏ hai chữ dụng này đi.

[108] Tịnh Độ Thập Yếu gồm mười tác phẩm gộp lại: A-di-đà Kinh Yếu Giải (của ngài Ngẫu Ích soạn), Vãng Sanh Tịnh Độ Sám Nguyện Nghi, Vãng Sanh Tịnh Độ Quyết Nghi Hạnh Nguyện Nhị Môn (hai cuốn này đều do ngài Tuân Thức đời Tống soạn), Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sơ Tâm Tam-muội Môn (do ngài Thành Thời soạn), Thọ Trì Phật Thuyết A-di-đà Kinh Hạnh Nguyện Nghi (cũng do ngài Thành Thời soạn), Tịnh Độ Thập Nghi Luận (do ngài Trí Khải soạn vào đời Tùy), luận Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương (của ngài Phi Tích đời Đường soạn), Tịnh Độ Hoặc Vấn (do ngài Thiện Ngộ đời Nguyên soạn), Bảo Vương Tam-muội Niệm Phật Trực Chỉ (do ngài Diệu Hiệp soạn vào đời Minh), Tây Trai Tịnh Độ Thi (do ngài Phạm Kỳ đời Nguyên trước tác), luận Tịnh Độ Sanh Vô Sanh (do ngài Truyền Đăng soạn vào đời Minh) và luận Tây Phương Hiệp (do cư sĩ Viên Hoằng Đạo soạn vào đời Minh).

[109] Kinh Đại Tập (Mahā-Samnipāta-Sūtra), có tên gọi đầy đủ là kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, chính là tổng tập của các kinh thuộc hệ thống bộ Đại Tập. Vào năm thứ 16 sau khi thành đạo, đức Phật tập hợp tất cả các Bồ-tát và long thiên quỷ thần trong mười phương cõi nước, giảng cho họ nghe pháp tạng thậm thâm về 16 thứ đại bi, 32 thứ nghiệp v.v., chủ yếu tuyên giảng về lục ba-la-mật của Đại thừa và tánh không của pháp, cũng như các giáo nghĩa, đà-la-ni trong Mật giáo và những chuyện hộ pháp của các vị Phạm Thiên, long chúng v.v.. Ngoài phương diện xiển dương tánh không ra, kinh này mang đậm sắc thái Mật giáo. Toàn kinh chia làm 17 phẩm, gồm 60 quyển. Từ phẩm thứ nhất đến phẩm 11 do ngài Đàm-vô-sấm dịch vào đời Bắc Lương, phẩm 12 do ngài Trí Nghiêm và Bảo Vân cùng dịch vào đời Lưu Tống (phẩm Bảo Kế Bồ-tát này còn có bản dịch khác mang tên kinh Vô Tận Ý Bồ-tát), phẩm 13 do ngài

ra liền bị bệnh mắt, ngoài 40 tuổi chẳng thể thường xem kinh. Vì thế chưa thể đọc hết toàn bộ Đại tạng. Kể từ năm Dân Quốc thứ bảy (1918) đến nay, suốt ngày bận bịu trả lời thư, đúng là không rảnh rỗi để xem kinh. Nay mục lực yếu đến tột cùng, có lúc còn phải thức đêm để lo tiếp chuyện bút mực ban ngày, khổ sở hết sức. Tính năm sau ẩn dật vĩnh viễn, chuyên trì Phật hiệu cho hết tuổi thừa!

Pháp niệm Phật há nên chấp chặt vào lề lối nhất định, cổ nhân lập ra phương pháp giống như tiệm thuốc có đủ các loại thuốc. Cách dùng của chúng ta là phải phù hợp với tinh thần, khí lực và thiện căn xưa kia của chính mình. Niệm Phật lớn tiếng hoặc nhỏ tiếng, hoặc niệm Kim Cang, hoặc niệm thầm, không cách nào chẳng được. Hễ hôn trầm chẳng ngại gì niệm lớn tiếng để đẩy lùi cơn hôn trầm tán loạn thì cũng được. Nếu thường niệm lớn tiếng ắt sẽ đến nỗi bị bệnh. Đừng nói người thông thường chớ nên thường niệm như vậy, dẫu người hết sức khỏe mạnh cũng chớ nên thường như thế. Trong một ngày, hễ nóng thì bỏ bớt áo, lạnh thì mặc thêm áo, há nên đối với một pháp niệm Phật để liễu sanh tử lại chấp chết cứng vào một pháp nhất định, chẳng chọn lấy pháp thích nghi, há có còn được gọi là "biết pháp" hay chăng? Lại còn có người đề xướng lần chuỗi nhớ số, cách này vừa có lợi vừa có điều tệ. Lợi là mỗi một câu niệm, lần một hạt, chẳng dễ dãi lướt qua thì tâm dễ quy về một mối. Điều tệ là khi tịnh tọa mà lần chuỗi thì tâm ắt khó an định được, lâu ngày sẽ thành bệnh.

Hơn nữa, tinh thần con người mỗi người mỗi khác, há nên chấp vào một pháp, chẳng biết điều chỉnh theo mỗi việc ư? Phàm là mọi người cùng nhau tu trì nên căn cứ theo tinh thần của mọi người để liệu định riêng biệt. Cá nhân tu trì cũng phải chiếu theo tinh thần của chính mình mà định. Đâu có pháp chết cứng buộc mọi người đều phải tuân thủ ư? Sau khi dùng tinh thần đến tột cùng rồi, nếu không lui sụt lười nhác, ắt sẽ đổ bệnh. Lượng theo sức mình mà làm sẽ có ích, không bị tổn hại.

Đàm-vô-sấm dịch, phẩm 14, 15, 16 do ngài Na-liên-đề-da-xá dịch. Ba phẩm này còn được dịch với các tên khác là kinh Đại Thừa Đại Phương Đẳng Đại Tập Nhật Tạng, kinh Đại Thừa Đại Phương Đẳng Đại Tập Nguyệt Tạng, kinh Đại Thừa Tu-di Tạng. Phẩm 17 tập hợp những kinh về lục độ do ngài An Thế Cao dịch. Ngoài ra, kinh này còn có nhiều bản dịch khác tương đồng như: Phẩm 1 và phẩm 2 tương ứng với kinh Đại Ai do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn. Phẩm 3 tương ứng với kinh Bảo Nữ Sở Vấn cũng do ngài Trúc Pháp Hộ dịch. Phẩm 5 tương ứng với kinh Hải Ý Bồ-tát Sở Vấn Tịnh Ấn Pháp Môn do ngài Duy Tịnh dịch vào đời Bắc Tống. Phẩm 6 tương ứng với kinh Vô Ngôn Đồng Tử do ngài Trúc Pháp Hộ dịch. Phẩm 8 tương ứng với kinh Đại Tập Hư Không Tạng Bồ-tát Sở Vấn do ngài Bất Không dịch vào đời Đường. Phẩm 9 tương ứng với kinh Bảo Tinh Đà-la-ni do ngài Ba-la-phả-mật-đa dịch vào đời Đường. Phẩm 10 tương ứng với kinh Bảo Kế Bồ-tát Sở Vấn do ngài Trúc Pháp Hộ dịch. Phẩm 11 tương ứng với kinh A-sai-mạt Bồ-tát cũng do ngài Trúc Pháp Hộ dịch.

Hoằng Hóa Xã ở tệ xứ mang tánh chất lo liệu thay cho người khác, những kinh sách đã in đều tính giá tiền theo giấy mực và công thợ in, những khoản chi phí ấn loát khác và các chi phí cần dùng đều chẳng tính vào giá sách, cũng có khi hoàn toàn biếu không hay tính tiền một nửa, nhưng chỉ là một số ít. Nay đem những sách quan trọng mới được in gần đây gởi cho tọa hạ mỗi thứ một phần. Sau này, nếu lại muốn thỉnh sẽ căn cứ theo danh mục mà tính toán giá cả để thỉnh từ Hoằng Hóa Xã, cũng đừng có thuận tay gởi thư cho Quang nữa. Từ mùa đông năm ngoái, phàm với những thư gởi đến, Quang đều nói: "Từ rày đừng nên gởi thư đến nữa, gởi đến nhất định không trả lời; cũng chẳng chấp thuận việc giới thiệu người khác xin quy y với Quang, để khỏi nhọc nhằn quá mức đến nỗi mù mắt và hao tổn tánh mạng." Xem những câu hỏi của tọa hạ, đa phần là do chẳng biết suy xét tường tận mà ra. Nếu suy xét kỹ càng hơn, ắt chẳng cần phải hỏi người khác! Những lời tọa hạ trước sau khen ngợi Quang, đáng tiếc là văn chương tuy hay nhưng dùng lầm chỗ vậy!

72. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù

Nhận được thư từ hôm trước, nhưng gần đây công việc khá bận rộn, nên trả lời thư trễ nải. May là cả nhà ông vẫn tu trì như cũ, thật là mừng rỡ, an ủi lắm. Mấy năm nay tai họa xảy ra quá thường xuyên, thật đáng nguội lạnh cõi lòng, nói chung là do lòng người ngày càng bại hoại mà ra. Những phương cách giúp cho nạn nhân có cái để gây dựng lại cuộc sống về sau đều là các phương cách quan trọng để cứu giúp trong lúc ngặt nghèo, nhưng cách này không phải là thường có. Nay để làm chuyện thường có, đặc biệt lập ra một pháp, mong hãy thường truyền bá thì lợi ích vô cùng. Hiện thời là lúc tình thế đại hoạn nạn, bất luận phú quý hay nghèo hèn, già trẻ, trai gái đều nên niệm thánh hiệu "Nam-mô A-di-đà Phật" và niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" để làm căn cứ phòng ngừa tai họa. Phàm đao binh, nước lửa, ôn dịch, sâu rầy, hạn hán, lụt lội, thổ phỉ, cường đạo và các tai họa ngoài ý muốn, bệnh tật do oán nghiệp, oan gia gặp gỡ v.v., nếu có thể chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành. Dẫu là do định nghiệp tạo thành cũng có thể giảm nhẹ, chẳng đến nỗi khốc liệt quá mức. Những tai họa ấy chẳng phân biệt phú quý hay nghèo hèn. Nhưng người phú quý xem ra còn khó chịu đựng hơn kẻ nghèo hèn, do vậy chớ nên vì ta phú quý rồi coi thường, cũng như vì ta nghèo hèn bèn mặc kệ, chẳng lập kế đề phòng sẵn.

Hơn nữa, pháp niệm Phật đối với chuyện sống lẫn chết của con người đều có lợi ích, thế gian chỉ biết đến lợi ích của việc trợ niệm khi lâm chung, chẳng biết cái lợi ích khuyên niệm khi sanh nở, đến nỗi rất nhiều mẹ con phải chịu vô lượng khổ, hoặc đến nỗi mất mạng, không cách gì cứu được. Nữ nhân nếu có thể thường

niệm thánh hiệu Phật và Quán Âm từ nhỏ thì về sau chắc chắn chẳng bị nỗi khổ gặp tai biến trong khi sanh nở. Hoặc vừa cấn thai liền niệm, hoặc ba bốn tháng trước khi sanh bèn niệm, hoặc đang sanh nở mới bắt đầu niệm, đều được an nhiên sanh nở. Nếu sanh khó đến cùng cực và sắp mất mạng, chịu niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, chắc chắn lập tức được an nhiên sanh nở. Đừng nói lúc ấy lõa lồ bất tịnh, nếu niệm sợ mắc tội lỗi! Phải biết Quán Âm Bồ-tát đại từ đại bi tầm thanh cứu khổ, ví như thấy con cái té vào nước, lửa, hầm xí, gọi cha mẹ để cầu cứu, cha mẹ quyết chẳng vì chúng nó y phục không chỉnh tề, thân thể chẳng sạch sẽ mà bỏ mặc không cứu.

Tâm cứu chúng sanh của Bồ-tát sâu xa thiết tha hơn lòng thương yêu con cái của cha mẹ trong cõi đời, đúng là gấp cả trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa lần. Do vậy, phụ nữ khi sanh nở có thể niệm rõ ràng danh hiệu của Bồ-tát chính là diệu pháp tối thượng cực kỳ linh nghiệm, hữu hiệu vậy. Chẳng những không có tội lỗi mà còn khiến cho cả mẹ lẫn con đều được gieo đại thiện căn. Nghĩa này do đức Phật Thích-ca đã dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải do Bất Huệ bịa đặt. Phàm những ai có niệm thì không một ai chẳng được an nhiên sanh nở. Gần đây người bị sanh khó quá nhiều, một phần là do nghiệp chướng đời trước, một phần là do đời này chẳng biết tiết dục mà ra. Bồ-tát cứu khổ cố nhiên chẳng tính đến người ấy bị nạn do nhân như thế nào, đều bình đẳng cứu giúp.

Lúc bình thường niệm Phật, tuy đi đứng nằm ngồi đều có thể niệm, nhưng lúc ngủ chỉ nên niệm thầm trong tâm, chớ nên niệm ra tiếng. Nếu lúc tỉnh giấc, áo mũ hãy còn chưa chỉnh tề, tay lẫn mặt còn chưa rửa ráy, súc miệng, và khi tắm gội, tiêu tiểu, và đến những nơi ô uế chẳng sạch, chỉ nên niệm thầm trong tâm, đừng niệm ra tiếng. Trong những lúc, những chỗ ấy, công đức niệm thầm giống với công đức niệm lúc bình thường. Niệm ra tiếng chẳng hợp nghi thức. Còn lúc sanh nở nhất định phải niệm ra tiếng rõ ràng, chớ nên niệm thầm trong tâm, bởi niệm thầm sức cảm ứng nhỏ nhoi. Tại vì lúc ấy phải dùng sức đẩy đứa con ra, nếu niệm thầm trong tâm, do vì bế khí sẽ có thể thành bệnh. Không riêng gì sản phụ phải niệm rõ tiếng mà những người chăm sóc ở bên cạnh cũng đều phải niệm rõ tiếng. Dẫu cho người nhà ở chỗ khác cũng vẫn có thể niệm cho sản phụ ấy. Nếu pháp này được truyền bá, thế gian sẽ vĩnh viễn không có nỗi khổ vì sanh sản và nỗi khổ cả mẹ lẫn con đều chết vì sanh nở.

Phải biết Phật pháp lợi khắp hết thảy, Phật là cha mẹ đại từ bi, là trời của các vị trời, là bậc thánh của chư thánh, do tâm đại Bồ-đề lợi khắp hết thảy chúng sanh nên được viên mãn thành tựu. Trong đời có kẻ nói giọng cao xa "chán nghe chuyện nhân quả báo ứng và pháp siêng gắng tu trì", chỉ lấy "hết thảy đều là

không, hết thảy chẳng chấp" làm bùa hộ thân, chẳng biết đã chấp "hết thảy đều là không, hết thảy chẳng chấp" thì đã chẳng phải là ý nghĩa "hết thảy đều là không, hết thảy chẳng chấp" rồi! Huống chi kẻ ấy mượn cớ đó để lấp liếm dấu vết lười nhác, biếng trễ, chẳng chuyên chú thật tu, chỉ là "bàn suông, tranh cao", đến khi nghiệp báo đã chín muồi, Diêm lão (vua Diêm-la) sẽ dâng đồ cúng dường tối thượng cho kẻ "hết thảy chẳng chấp, hết thảy đều là không" ấy. Không biết trong lúc ấy, kẻ đó còn có thể "đều là không, đều chẳng chấp" được hay chăng? Chúng ta nên kính nhi viễn chi đối với những kẻ ấy, để khỏi phải nhận sự cung kính cúng dường tối thượng của Diêm lão vậy.

73. Thư trả lời cư sĩ Đường Năng Thành

Hôm qua nhận được thư, biết nỗi thảm do thổ phỉ gây ra tại Tứ Xuyên, khôn ngăn người ta phải than dài sườn sượt. Tôi thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ chúng sanh." Từ đời Tống, họ Trình, họ Chu do đọc kinh Đại thừa nhà Phật, thân cận bậc thiện tri thức Thiền tông, biết đại khái nghĩa lý "toàn sự chính là lý, hết thảy duy tâm", liền chấp bừa vào ý kiến của chính mình, chấp lý bỏ sự để làm ra vẻ chính mình kiến thức cao siêu, quá sợ người đời sau biết được do đâu họ có được kiến giải ấy nên đem lòng đen tối báng Phật, nói nhân quả báo ứng, lục đạo luân hồi do đức Phật đã dạy chính là căn cứ để lừa dối bọn ngu phu ngu phụ tin thờ giáo pháp của ngài, chứ thật ra không có chuyện ấy. Con người chết rồi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém, chặt, xay, giã thì lấy gì để làm? Lại do thần hồn đã tiêu tan rồi, có ai để thác sanh nữa đây? Từ đấy trở đi, phàm là nhà Nho hễ kẻ nào hiểu biết cao xa thì ai nấy đều lén xem kinh Phật, nhưng đều cực lực báng Phật; kẻ hiểu biết thấp kém bèn hùa theo người khác dấy lên kiến giải điên đảo, từ sống đến chết chẳng được lợi ích nơi Phật pháp, từ sống đến chết thường tạo nghiệp báng Phật.

Học thuyết của họ Trình, họ Chu vừa được lưu hành thì Nho gia vâng giữ như khuôn vàng thước ngọc, còn chuyện họ Trình, họ Chu trái nghịch tiên thánh (thánh nhân Nho giáo) thì cả cõi đời không ai chịu nói đến! Sau này nhà Nho nào nói ngược với Trình, Chu sẽ không thể đứng vững được trong khoảng trời đất. Do vậy, nhà Nho chẳng dám nói nhân quả luân hồi, nói ra sẽ bị người ta công kích. Lại muốn sau này lỡ ra có thành tựu, muốn được dự vào Hương Hiền Từ (miếu thờ bậc hiền tài trong làng) hay trong Văn Miếu, nếu nói đến nhân quả luân hồi thì hai đằng đều tuyệt vọng. Từ đấy, hoàn toàn thủ tiêu căn bản trị quốc bình thiên hạ, cậy suông vào "chánh tâm thành ý" để trị thiên hạ. Phải biết: Nếu có nhân quả luân hồi thì kẻ chưa thể chánh tâm thành ý vẫn gắng sức làm. Không có nhân quả luân hồi thì chỉ có bậc đại hiền mới có thể chánh tâm thành ý; còn những

kẻ khác do không có gì để sợ hãi, không có gì để mong mỏi, lẽ đâu lại khăng khăng chánh tâm thành ý hay sao?

Trình - Chu đề xướng chánh tâm thành ý là do học được diệu nghĩa của Phật pháp, nhưng để phô tỏ cái trí của chính mình, bèn ngược ngạo cực lực chê trách Phật. Như vậy là họ đã chánh tâm thành ý nơi chỗ không quan trọng, khẩn yếu, hoàn toàn chẳng mảy may nào chánh tâm thành ý nơi chỗ quan trọng, khẩn yếu lớn lao. Dùng đây để tạo thành cái danh cho chính mình, di hại cho thiên hạ đời sau. Gần đây tai họa liên tục xảy ra, dân không lẽ sống, đều là do chất độc của học thuyết Tống Nho bạo phát, ông có biết hay chăng?

Niệm Phật, tụng kinh thì lấy sự chí thành làm gốc, có xướng tán hay không chẳng quan hệ gì. Còn với chuyện tụng một quyển kinh Pháp Hoa, rất tốt, nhưng đối với người bận bịu và già cả, hãy nên thường tụng Tịnh Độ Ngũ Kinh thì sẽ hiểu biết đại lược nguyên do của pháp môn Tịnh độ. Niệm Phật thì phải trong tâm niệm cho rành rẽ, miệng niệm cho rành rẽ, tai nghe cho rành rẽ, từ sáng đến tối niệm thì từ sáng đến tối nghe, so với những kẻ tham niệm nhiều, tham niệm nhanh nhưng hồ đồ không rõ ràng, công hiệu khác xa lắm. Nay gởi cho ông một gói Tịnh Độ Ngũ Kinh, ai có lòng tin, có thể cung kính thì tặng cho họ những cuốn còn dư ra. Chớ dùng cách đọc sách Nho để xem kinh Phật thì mới được lợi ích, tránh khỏi tội khiên. Nếu không, cái tội khinh nhờn sẽ lớn hơn công đức đọc tụng đấy!

74. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Chi

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Buổi tối hôm trước nhận được thư, do mục lực không đủ nên chẳng xem được. Trong hai ngày nay lại do phải lo toan chuyện khác không rảnh rỗi nên quên mất. Buổi chiều, ngẫu nhiên kiểm thấy mới biết là muốn thỉnh sách và có gởi chi phí cho Quang, liền bảo Hoằng Hóa Xã gởi sách theo đúng số lượng. Ngoài ra còn nhờ họ gởi giùm cho Quang thêm bốn gói sách nữa. Quang già rồi, mục lực không đủ, một mực chẳng quan tâm đến chuyện bên ngoài, cũng chẳng có môn đình pháp phái, mặc ai nói hay kể dở, Quang cũng chẳng muốn quan tâm đến. Ông đã thờ Quang làm thầy, chẳng ngại gì nói cách điều hòa các pháp môn cho ông nghe. Hãy nên dùng cái tâm chí công chí chánh, dùng ngôn ngữ chí công chí chánh để khuyên dụ thì là phước cho pháp môn vậy. Nếu do sự kính yêu của chính mình mà làm thì hoàn toàn không có chút gì đáng bàn nữa. Khiến cho người khác bất mãn hoàn toàn hủy báng thiện tri thức, tạo nghiệp địa ngục thì vốn nhằm hòa hợp pháp môn lại đâm ra trở thành kéo bè kết lũ những người cùng ý kiến với mình

để công kích những người khác ý kiến với ta, đâm ra hộ pháp trở thành hoại pháp, tâm tốt chẳng đạt được quả báo tốt vậy. Nếu như vậy thì ông thấy người ta là kẻ đáng thương xót, người ta cũng thấy ông là kẻ đáng thương xót, ngay cả bậc cao tăng đáng tôn trọng chí cao vô thượng tuyệt đối chẳng thể dị nghị gì được cũng trở thành kẻ đáng thương luôn! Do vậy, Khổng tử dạy kẻ chánh tâm thành ý thì phải trí tri (thấu hiểu cặn kẽ), muốn trí tri thì phải cách vật (trừ khử vật dục). Không "cách vật" thì giống như đeo kính màu xanh, đỏ v.v., phàm những màu được thấy đều chẳng phải là màu thật sự của nó. Do có tư dục làm chủ nên chết chìm vào một bên, chẳng thấy chân lý của sự việc, thấy điều đúng của người khác trở thành sai. Phàm đối với những chuyện trị thế tu đạo đều nên lấy lời này làm khuôn phép, đừng coi là hủ bại rồi xem thường.

75. Thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân (hai lá thư)

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

1. Cầu cơ[110] chính là tác dụng của linh quỷ, chúng xưng là vị Phật này, vị Bồ-tát nọ, vị tiên kia đều là giả mạo danh các ngài. Nếu chân tiên ngẫu nhiên giáng cơ thì sợ rằng trong trăm ngàn trường hợp chẳng được lấy một, huống gì là Phật, Bồ-tát! Dùng cầu cơ để đề xướng Phật pháp tuy có lợi ích nho nhỏ, nhưng về căn bản đã sai lầm. Người học Phật chân chánh quyết chẳng nhờ vào cách này để đề xướng Phật pháp, vì sao vậy? Vì đấy là tác dụng của quỷ thần. Nếu có linh quỷ thông minh thì họa may còn chẳng đến nỗi làm hỏng chuyện, chứ nếu là một con quỷ hồ đồ giáng cơ, ắt sẽ làm hỏng chuyện lớn. Người ta do lời giáng cơ bị hỏng chuyện lớn liền nói Phật pháp sai lầm, thì đề xướng kiểu ấy chính là đầu mối để phá diệt Phật pháp. Ông cho là bị mất lợi ích, hỏi có tội hay không tội thì biết ông hoàn toàn chẳng biết chân nghĩa của Phật pháp, đáng than thở quá đỗi!

Trong thời Đạo Quang - Hàm Phong (1821-1861) nhà Thanh, tại phủ Quảng Tín, tỉnh Giang Tây có một viên Hàn lâm[111] tên là Từ Khiêm, tự Bạch Phảng.

---

[110] Nguyên văn là "phù cơ" (thường bị đọc trại thành "phò cơ"), tức là hình thức "vịn cơ bút". Cơ bút ở Trung Hoa thường được làm có hình dáng giống như cái giỏ, trang trí đẹp đẽ, trên thành giỏ có một cái mỏ nhọn khắc hình chim loan, nên đôi khi còn gọi là "phù loan". Mỗi lần cầu cơ, hai người "phù cơ" (thường gọi là "đồng tử" hay "thanh đồng") sẽ nâng hai bên cái giỏ, dịch chuyển cho mỏ chim loan viết chữ xuống mâm gạo hay mâm cát.

[111] Hàn lâm viện là một cơ cấu được thiết lập từ thời Đường, thoạt đầu chỉ nhằm tuyển chọn những người có tài văn chương, nghệ thuật, tri thức quảng bác làm cố vấn cho triều đình. Nhưng từ đời Đường Huyền Tông trở đi, Hàn lâm viện trở thành một cơ quan trọng yếu chuyên trách soạn thảo những chiếu chỉ, chế văn cơ mật cho hoàng đế. Những người làm việc trong cơ quan này được gọi chung là Hàn lâm học sĩ, hay gọi tắt là Hàn lâm. Thật ra, có hai loại: *Hàn lâm học sĩ* chuyên soạn công văn, chế, chiếu. Còn *Hàn lâm cung phụng* lo giữ sổ sách và công

Người ấy sống đến 96 tuổi, lúc mất thiên nhạc vang lừng trên không, ấy là sanh lên trời vậy. Ông ta không biết đến pháp môn Tịnh độ, đối với địa vị Phật, Bồ-tát, trời hay tiên, ông ta đều chẳng phân biệt rõ ràng. Một vị lão tăng ở Phổ Đà là môn nhân nhỏ tuổi nhất của ông ta đã kể cho Quang nghe câu chuyện này thật tường tận. Ông ta có trước tác cuốn Hải Nam Nhất Chước (một giọt nước Hải Nam), trong sách ấy coi quyển trung, quyển hạ ngụy tạo của Tâm Kinh giống như Tâm Kinh, lại chép lời giáng cơ cầu mưa ở Tứ Xuyên, trong ấy nói Quán Âm quỳ trong điện Ngọc Đế[112] cầu mưa. Đủ biết lời cơ nói xằng tán nhảm và tri kiến của ông ta đều là tà chánh chẳng phân.

Ông cho rằng "không cầu cơ sẽ đánh mất lợi ích", chẳng biết cái họa của việc ấy là có thể đến nỗi diệt pháp ư? Từ Khiêm là người chuộng điều thiện tin Phật, nhưng thật sự chẳng hiểu rõ Phật lý, chẳng thích làm quan, ở nhà dạy người làm lành, cũng tự cầu cơ, dạy đệ tử của chính mình cầu cơ. Mọi người đều chẳng biết cội nguồn của cầu cơ và cội nguồn của Phật. Đương thời, một vị cử nhân ở Nam Xương (tỉnh Giang Tây) cũng có hành vi giống như Từ Khiêm. Môn nhân của ông cử nhân này cầu cơ khám bệnh tại tỉnh thành rất linh. Mẹ quan Tuần phủ mắc bệnh, thuốc men vô hiệu, có người thưa ông X… đó cầu cơ khám bệnh linh lắm, do vậy bèn mời đến thăm bệnh. Kê toa, uống thuốc vào người bệnh chết ngay. Vội vàng đem toa thuốc cho thầy lang coi, thì ra trong ấy có vị thuốc công phạt. Do vậy bắt ông ta đến hỏi, ông ta thưa: "Đây chính là do thầy tôi là ông Y… dạy." Vì thế, quan Tuần phủ bắt đền thầy ông ta, bảo: "Ngươi dối đời hại người", giết chết thầy ông ta. Từ Khiêm nghe chuyện ấy, răn dạy bọn môn đồ từ rày đừng cầu cơ nữa.

Ông cho "không cầu cơ thì pháp thiếu duyên", trong tâm chấn động sôi sục, chẳng biết cái họa của cầu cơ lớn tầy trời, công đức khuyên người của nó chẳng

---

việc hành chánh trong cơ quan. Chữ Hàn lâm viện của cổ Trung Hoa có ý nghĩa hoàn toàn khác biệt với chữ Hàn lâm viện hiện thời.

[112] Ngọc Đế, gọi đầy đủ là Ngọc Hoàng Thượng Đế, theo tín ngưỡng dân gian là một vị thần tối cao chưởng quản chư thiên và muôn loài trong toàn thể vũ trụ, thường được Nho gia xưng tụng là Hạo Thiên Thượng Đế. Tuy thế trong Đạo giáo, Ngọc Đế vẫn thấp hơn Tam Thanh (Thái Thanh, Thượng Thanh và Ngọc Thanh), vì được coi như một vị tôn thần được Tam Thanh sanh ra để thay các ngài chưởng quản vũ trụ. Theo Ngọc Hoàng Bản Hạnh Tập, vương tử của Quang Minh Diệu Quốc bỏ ngôi vua, tu theo đạo của Tam Thanh trong núi Hương Nghiêm trở thành chân tiên. Đạo giáo xưng tặng Ngọc Đế mỹ hiệu "Hạo Thiên Kim Khuyết Vô Thượng Chí Tôn Tự Nhiên Diệu Hữu Di La Chí Chân Ngọc Hoàng Thượng Đế". Trong Phật pháp, Ngọc Hoàng Thượng Đế chính là Đế Thích trong Dục giới. Như vậy, địa vị của Ngọc Hoàng Thượng Đế còn thấp hơn Đại Phạm Thiên Vương rất nhiều, có lẽ nào Quán Thế Âm Bồ-tát quỳ trong điện Linh Tiêu cầu Thượng Đế hạ chiếu làm mưa!

thể bù đắp được. Bậc chánh nhân quân tử quyết chẳng bước vào đàn tràng ấy. Cuối đời Minh, ở Tô Châu có một người cầu cơ, có bảy tám môn đồ. Một ngày nọ, cơ giáng nói Phật pháp, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, so với những gì cơ đã nói trước kia hoàn toàn khác hẳn. Sau đấy lại giáng cơ giống như vậy hơn hai mươi lần nữa, sau cùng mới lại nói "cầu cơ chính là tác dụng của quỷ thần, ta là vị X… đó, sau này sẽ không đến nữa, các ông chớ nên cầu cơ nữa!" Chuyện ấy được chép trong Tây Phương Xác Chỉ[113].

Năm đầu Dân Quốc (1911), ở Hương Cảng có người cầu cơ, nói là đại tiên Hoàng Xích Tùng giáng cơ xem bệnh cực linh. Có kẻ trọn chẳng còn lẽ sống, cầu vị tiên ấy dạy cho một phương thuốc. Thuốc ấy cũng là tùy tiện nói ra một loại nào chẳng quan trọng lắm, nhưng hễ uống vào liền lành bệnh. Hoàng Tiểu Vỹ hâm mộ đến học, học được cách cầu cơ, nhưng hễ vịn cơ, cơ liền không chạy. Người khác hỏi thì cơ dạy niệm kinh Kim Cang bao nhiêu biến đó rồi lại vịn cơ, làm theo thì cũng rất linh. Nhân đó thường khai thị pháp môn niệm Phật. Bọn ông Vỹ liền muốn lập đạo tràng niệm Phật, cơ dạy: "Nên để ba năm nữa rồi mới lập." Ba năm sau, bốn năm người bọn họ lên Thượng Hải thỉnh kinh sách, năm sau đến quy y, lập ra Phật học xã Đa-đa, đem chương trình niệm Phật gởi cho tôi: Niệm Phật xong, niệm Quán Âm, Thế Chí xong, lại niệm thêm một vị tên là Đa-đa-ha Bồ-tát. Quang hỏi: "Làm sao có được danh hiệu ấy?" Bọn họ bèn thuật lai lịch, nói là trước kia cơ xưng là đại tiên Hoàng Xích Tùng[114], sau dạy tu pháp môn Tịnh độ, đến cuối cùng mới cho biết rõ gốc gác là Đa-đa-ha Bồ-tát, lại răn vĩnh viễn không được cầu cơ nữa.

---

[113] Tây Phương Xác Chỉ là tập sách ghi chép những lời giáng cơ của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát, do Thường Nhiếp kết tập. Theo đó, vào cuối đời Minh, bọn ông Tưởng Vô Hủ gồm tám người thích tu tiên thường tụ tập lại cùng nhau cầu cơ. Một ngày nọ, có một vị tiên giáng xuống, dạy họ niệm Nam-mô Phật, họ bèn xưng Nam-mô Phật, vị ấy bảo niệm Phật không phải chỉ niệm bằng miệng suông như thế, rồi dần dần chỉ dạy họ tu pháp môn Tịnh độ, trừ bỏ tâm ham muốn trường sanh bất tử, cũng như đả phá những thói hư tật xấu của họ. Tám người này về sau đều thành những hành nhân Tịnh độ tinh tấn. Những lời dạy của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát về Tịnh độ hoàn toàn phù hợp với giáo huấn của chư tổ Tịnh độ, đả phá mạnh mẽ tệ nạn cầu cơ nên rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng. Tây Phương Xác Chỉ cũng được đưa vào Tục tạng kinh.

[114] Đại tiên Hoàng Xích Tùng: Trong hệ thống thần thánh của Đạo giáo không thấy liệt kê tên vị này. Theo truyền thuyết, năm Quang Tự 23 (1897), tại Hoa Nam, dân tình khốn khổ, bệnh dịch lan tràn, nên các đàn cầu cơ cầu tiên cho thuốc chữa bệnh rất thịnh hành. Có một vị giáng cơ tự xưng tên là đại tiên Hoàng Xích Tùng, thường cho thuốc rất linh nghiệm. Từ đó hình thành tín ngưỡng thờ phụng Hoàng Đại Tiên. Do vị này tự xưng lúc sống là một thầy lang nên tranh thờ thường vẽ một vị trung niên mặc y phục theo kiểu thầy lang thời Mãn Thanh. Miếu thờ đầu tiên được thành lập ở thôn Nẫm Cương, thuộc huyện Nam Hải, tỉnh Quảng Đông, đặt tên là Phổ Độ Đàn, rồi dần dần phổ biến sang Hương Cảng và Đài Loan.

Hai chuyện này do một người đệ tử sưu tập những pháp ngữ Tịnh độ, soạn thành sách đặt tên là Tịnh Độ Tập Yếu[115], Quang bảo đem hai chuyện ấy ghi kèm vào đằng sau. Nay gởi cho ông ba bản, đọc rồi sẽ tự biết (với Đa-đa-ha Bồ-tát, Quang bảo họ lập riêng một điện để thờ phụng, chớ nên kèm thêm vào nghi thức niệm Phật để khỏi làm cho người khác nghe rồi dị nghị). Dự vào liên xã niệm Phật thì một là phải bôn ba, hai là phải bỏ công chuyện hiện thời. Ở nhà tùy phần tùy sức niệm Phật, lợi ích rất lớn. Mỗi tháng một lần hoặc hai lần, đề xướng diễn thuyết trong liên xã khiến cho mọi người biết được pháp tắc, lợi ích, còn lúc bình thường cần gì cứ phải hằng ngày đến liên xã niệm Phật? Đây chính là ý kiến chánh của Quang kể từ khi lập Lâm xã Niệm Phật đến nay.

Đệ tử Phật há nên kỷ niệm những thánh đản của Đạo giáo? Nếu nói là thói quen thế tục lưu truyền khó dứt thì vẫn nên lấy niệm Phật làm chánh. Thần thánh trong Đạo giáo thuộc về thiên tiên, quỷ thần, là một trong ba thứ đó. Vì họ niệm Phật chính là để tăng trưởng thiện căn xuất thế cho họ, tiêu diệt ác nghiệp đời trước cho họ. Ông chẳng thấy trong lời hồi hướng khóa sáng có câu: *"Hồi hướng hộ pháp chúng long thiên, thủ hộ già lam chư thánh chúng"* (hồi hướng cho các trời rồng hộ pháp, các vị thánh gìn giữ, bảo vệ nhà chùa) đó ư? Phương Nam thường đọc là tam bảo, còn phương Bắc thường đọc là "hộ pháp", hợp với ý nghĩa hơn. Thiên tiên, quỷ thần đều xếp vào hàng hộ pháp. Vì hàng long thiên hộ pháp mà niệm Phật là đúng với chánh lý. Nếu niệm những kinh ngụy tạo như kinh Ngọc Hoàng[116] v.v. sẽ trở thành tà kiến.

Phật pháp suy vi đều là do tục tăng chẳng biết Phật pháp, dùng những kinh ngụy tạo như kinh Huyết Bồn, kinh Thọ Sanh để làm đạo trọng yếu nhằm cầu tiền tài. Từ đấy những "Phật sự" như phá huyết hồ, phá địa ngục, hoàn tiền thọ sanh, gởi kho v.v. ngày thấy càng nhiều. Tuy lừa được tiền của kẻ ngu, nhưng lại khiến cho người có học vấn hiểu rõ lý lẽ thế gian nhưng chẳng biết chân lý Phật pháp hủy báng. Tục tăng chỉ cốt được tiền, chẳng đoái hoài cái họa hoại diệt Phật pháp sâu xa của những loại "Phật sự" ấy. Nếu gặp kẻ có chân tri chánh kiến đem chi phí làm những thứ "Phật sự" ấy để dùng vào việc niệm Phật thì lợi ích lớn lắm!

---

[115] Tịnh Độ Tập Yếu là một tác phẩm do cư sĩ Khổ Hạnh biên soạn, cư sĩ Phan Huệ Thuần và Thiệu Huệ Viên tu đính, đại sư Ấn Quang giám định, được chia thành ba phần: Phần đầu giải thích, biện định pháp môn Tịnh độ, phần thứ hai trích thuật những pháp ngữ Tịnh độ của chư tổ sư đại đức, phần cuối cùng là nghi thức niệm Phật và trích lục một số kinh sách chủ yếu của Tịnh độ.

[116] Kinh Ngọc Hoàng, còn gọi là kinh Thánh Nguyên Giác Chân, hoặc chỉ gọi gọn là Hoàng Kinh, là một bộ kinh điển chủ yếu của Đạo giáo, nội dung tán dương Ngọc Đế và thuật những sự tích xưa kia của ông ta.

2. Thư chuẩn bị xong, pháp danh của 24 người mỗi tên đều ghi ra giấy riêng. Quy y tuy dễ dàng, nhưng chớ nên vẫn giữ chương trình của ngoại đạo. Quang mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể khai thị nhiều. Nay gởi 24 cuốn Gia Ngôn Lục, mỗi người một cuốn, 30 tờ "Một bức thư gởi khắp", mỗi người một tờ, số còn dư tùy ý đem tặng, ba bản Tịnh Độ Tập Yếu, ba cuốn Sức Chung Tân Lương, hai loại này dùng để giúp cho việc đề xướng.

Hãy nên bảo với bọn họ: Đã quy y Phật pháp làm đệ tử Phật, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tâm lành, nói lời lành, làm chuyện lành, hành như vậy mới là đệ tử Phật thật sự. Nếu miệng tuy niệm Phật, nhưng tấm lòng chẳng lành sẽ tương phản với khí phận của Phật, chẳng thể được lợi ích thật sự nơi niệm Phật. Hãy nên thường xem Gia Ngôn Lục thì tất cả lợi ích của pháp môn sẽ đều biết rõ từng điều. Thêm nữa, *Một lá thư gởi khắp* chính là nghi thức, quy cách giản tiện để tu trì hằng ngày. Bài văn ấy văn từ tuy thiển cận, nhưng lý thật thâm sâu, hãy nên dùng làm của báu gia truyền vĩnh viễn. Những điều khác đã nói tường tận trong Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ nữa.

76. Thư trả lời cư sĩ X…

Con người sống trong thế gian, quý ở chỗ giữ bổn phận. Phàm hết thảy những kẻ phát điên phát cuồng thậm chí thường hay sanh lòng bi quan, thường muốn tự sát, đều là do chẳng tu thật hạnh, muốn được đại hạnh phúc, mọi chuyện đều như ý, tài, sắc, danh vị đều hơn người. Nếu đời trước tu trì có si phước, được thỏa lòng mong mỏi ấy, bèn kiêu ngạo, xa xỉ, dâm dật, không gì chẳng làm. Cái họa như thế so với chuyện tự sát còn nặng gấp vạn lần! May là chưa đạt được, nên còn chưa đến nỗi khốc liệt như thế. Ông muốn tiêu phiền não ấy, hãy nên mọi chuyện đều giữ phận, chẳng nên dấy lên mảy may vọng niệm nào muốn vượt ngoài bổn phận.

Tùy duyên làm việc, nếu làm tôi tớ của người khác, ắt phải tận hết chức phận tôi tớ của ta, chẳng lấy đó làm thẹn, và ôm giữ tấm lòng "ta vốn chẳng có tư cách làm tôi tớ, nay được làm tôi tớ, ta phải tận hết chức phận làm tôi tớ của ta", chẳng sanh tâm hợm mình khinh người. Chủ nhân biết đến ta, ta cũng chẳng vui; chủ nhân không biết, ta cũng chẳng bực. Ta trọn hết phận ta, biết hay không mặc người. Tâm không so đo, lòng không uất ức. Làm tôi tớ như thế, chủ sẽ tôn kính như thầy, chẳng dám coi như tôi tớ. Nếu vì ta khéo tận hết chức phận tôi tớ của ta, người khác chẳng dám coi ta là tôi tớ, kính trọng ta như thầy, ta vẫn chẳng khởi cái tâm tự cao tự đại, biết tớ hay thầy đều là giả danh, tận hết chức phận của ta mới là thật hạnh. Chỉ sợ hạnh chẳng xứng với danh, mặc kệ người ta đãi ngộ

như thế nào. Bậc đại nhân thời cổ tuy gặp lúc cùng quẫn chẳng thể sống được, cũng chẳng có ý niệm lo buồn, uất hận, dẫu cho sang quý như bậc thiên tử, giàu trùm thiên hạ, vẫn giữ thái độ như kẻ nông phu nơi rẫy bái. Đấy gọi là *"phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất"* (phú quý chẳng phóng túng, nghèo hèn chẳng đổi dời ý chí, oai vũ chẳng khuất phục), nên người quân tử vì vậy luôn thản nhiên, thảnh thơi. Nếu không, kẻ tiểu nhân cứ thường phải lo nghĩ.

Ông muốn cầu Quang trừ căn bệnh của ông, nhưng đối với những chữ ông dùng trong lá thư này, đúng là phải dần dần châm chước mà xem mới hiểu được đó là chữ gì, mới hiểu thư nói về ý gì. Do vậy Quang biết ông chí lớn, ăn nói lớn lối, chứ tuyệt đối chẳng chú trọng tận lực làm. Nếu yên phận chẳng khoe khoang, nào chịu nêu ra yêu cầu lớn nhất, dùng những chữ hết sức khó nhận biết này, khiến cho người khác phải tốn khá nhiều tâm tư để đọc thư của mình, vì mình lập cách giải quyết nỗi sầu muộn cho mình. Nếu ông có địa vị lớn thì hết thảy những lời phê phán không biết sẽ choáng lộn, cầu kỳ đến đâu! Như chữ viết của ông Phùng Mộng Hoa, viết mười bức thư có đến chín bức người khác chẳng nhận biết được toàn bộ mặt chữ, đến nỗi con chết, cháu chết, đứa cháu nuôi để nối dòng cũng chết, quá nửa là do chữ viết vậy. Ông đừng coi đó là điều lạ lùng đặc biệt!

Phàm viết chữ phải sao cho người ta vừa nhìn liền hiểu ngay thì mới là cái tâm của vị đại quân tử vừa lợi người vừa tự lợi. Ông Phùng gởi thư cho Quang, Quang phí rất nhiều công phu chỉ nhận được mặt chữ tám phần. Quang viết lại cho ông ta, nói: "Thư của ông Quang chỉ đọc được tám phần, nhưng cũng hiểu ý. Nếu là người không thông thạo mặt chữ cho lắm thì sẽ bị hư chuyện không ít. Mong từ rày đừng dùng kiểu đó nữa để mong lợi khắp mọi người." Về sau ông ta viết thư cho Quang, dùng lối chữ khải, Quang cho rằng ông ta đã đổi thói quen. Hỏi tới người khác thì ra ông ta vẫn giữ nguyên thói cũ. Ông đã phẫn chí muốn tự sát, sợ rằng những gì Quang nói ông chẳng cho là đúng!

Trước kia một sĩ quan là người huyện Phiền Trĩ tỉnh Sơn Tây, họ Tục, do quốc gia chẳng được thái bình, đến lăng của Tôn Trung Sơn (Tôn Văn) mổ bụng, được người khác cứu nên chưa chết. Một đệ tử nghĩ là ông ta do đau lòng cho đất nước nên tự sát, liền đặc biệt khuyên ông ta đến Tô Châu quy y. Ông ta ở Tô Châu nhiều ngày, vợ con cũng đi theo. Một bữa nọ, dẫn con gái và đứa hầu đi theo, đứa con gái đã lên mười, đứa hầu đã gần ba mươi. Ông ta trò chuyện với Quang, đứa con gái và đứa hầu chơi giỡn. Ông ta quở mắng, đứa con gái không nghe, liền nổi giận quát mắng. Chúng hơi yên lặng được một khắc, lại nghịch giỡn. Quang hiểu ông ta chỉ biết uất đời, chứ hoàn toàn chẳng có tài giữ yên cõi đời. Chỉ có một bé

gái ở chỗ Quang mà còn không kiềm giữ được, huống chi là cầm quân! Chẳng thể dạy con cái thì làm sao huấn luyện binh sĩ được? Nói chuyện này, sợ ông chẳng cho lời Quang nói là đúng, nên mới nêu ra một chứng cớ.

Nay gởi cho ông một bộ An Sĩ Toàn Thư, một cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn (văn chương lẫn nghĩa lý đều chu đáo đến cùng cực), một cuốn Gia Ngôn Lục, một cuốn Tọa Hoa Chí Quả[117], một cuốn Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, một bộ Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, hễ lắng lòng đọc ắt sẽ mong thật hành. Đừng đọc theo kiểu cưỡi ngựa vùn vụt xem đèn, thì mọi chuyện trước kia sẽ giống như đã chết từ hôm qua, mọi sự từ rày sẽ giống như được sanh trong hôm nay. Phàm những tập khí trước kia chẳng để chớm lên trong tâm nữa, ngõ hầu mong thành thánh thành hiền. Tiến thêm nữa là niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh, mãi mãi lìa các khổ, thường hưởng pháp lạc.

Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, bất luận ông nghĩ là đúng hay sai cũng đừng gởi thư đến nữa, cũng như chẳng chấp thuận ông giới thiệu người khác đến quy y. Nếu thỉnh kinh nơi Hoằng Hóa Xã cũng đừng gởi kèm thơ cho Quang. Gởi riêng hay gởi kèm đều chẳng trả lời, vì chẳng có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Cổ nhân nói: "Bậc quân tử tận lực thực hành thì được một câu nói tốt lành sẽ thọ dụng suốt đời không hết. Nếu chẳng chăm chú tận tụy thực hành, dẫu đọc hết sách vở thế gian, đối với chính mình vẫn vô ích!" Như rồng thật hễ được một giọt nước liền có thể làm mưa khắp cả thế giới; rồng đất dẫu ngâm trong nước cũng chẳng khỏi cái họa táng thân!

77. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng

Bài Đại Học Tán (ca ngợi sách Đại Học) rất hay, nhưng Quang có mắt như mù, sư Đức Sâm suốt hai ba năm lo việc tài sản nhà chùa ở Giang Tây[118], mệt nhọc đã thành bệnh, chẳng dám dụng tâm. Người trong Hoằng Hóa Xã không có công phu học thức ấy, chẳng thể đứng in giùm những trước tác của cha ông được. Khi đã gom thành sách, hãy tự đứng ra in. Nay đem bài tán này và những bản thảo trước đây gởi lại để khỏi bị thất lạc. Hữu Trinh giữ lòng trinh, nhưng vẫn

[117] Tọa Hoa Chí Quả là một tác phẩm tập hợp những chuyện về quả báo do Vương Đạo Đỉnh (Tọa Hoa chủ nhân) biên soạn vào thời Hàm Phong nhà Thanh.

[118] Do chánh quyền huyện Cám Châu (tỉnh Giang Tây) toan biến chùa Thọ Lượng thành khu chợ búa, rồi họ mượn tiếng xây dựng đường xá, toan phá ngôi chùa này thành bình địa, nhân sĩ địa phương cậy thầy Đức Sâm lập cách cứu vãn, do thầy Đức Sâm đã từng trụ ở chùa Thọ Lượng một thời gian. Xin coi chi tiết nơi bài Sớ Thuật Duyên Khởi Trùng Hưng Chùa Thọ Lượng trong phần Tạp Trước và bài "So sánh sự tổn hại và lợi ích giữa được và không được trợ niệm" của thầy Đức Sâm trong phần Phụ Lục, sách Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 3.

còn chú ý đến thuốc men, đáng gọi là kẻ si. Những hành động sợ hãi, băn khoăn cho sự đói lạnh ấy đều là do vọng tâm "đang hưởng phước mà không biết là có phước" gây nên. Nếu chịu nghĩ: Giả sử ta sanh vào nhà nghèo túng, suốt ngày quanh năm bận bịu cơm áo mà vẫn khó được thỏa nguyện thì chẳng muốn làm người nữa hay chăng?

Cổ nhân nói:

Tha kỵ tuấn mã, ngã kỵ lư
Tồn tế tư lượng ngã bất như
Hồi đầu hựu kiến thôi xa hán
Tỷ thượng bất túc, hạ hữu dư .

(Tạm dịch:
Người cưỡi ngựa, ta cưỡi lừa
Xét soi cho kỹ, ta thua xa người
Ngoảnh đầu thấy gã đẩy xe
Nhìn lên thua kém, dưới ai bằng mình?)

Đây lời đề thơ cho bức tranh Hành Lạc. Trong bức tranh ấy, phía trước là một người cưỡi ngựa, ở giữa là một người cưỡi lừa, phía sau là một người đẩy xe. Nếu Hữu Trinh hiểu được ý này, nhất tâm cầu sanh Tây Phương, sẽ lành bệnh si, chánh trí mở mang thì mới đáng gọi là Huệ Trinh. Nếu không, sẽ thành Si Trinh! Trinh đã kèm theo si thì sanh về Tây Phương cũng chẳng dễ dàng đâu. Chịu uống phương thuốc này thì may mắn lắm!

Về giấc mộng của ông thì chính là do tâm ông biến hiện, không dính dáng chi đến Quang. Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, làm sao hiện trong giấc mộng của người khác cho được? Nghi vấn của Du Hữu Phương và những gì nói trong mộng phù hợp với những gì đã được viết trong thư Quang, đấy là Bồ-tát chỉ dạy ông ta hòng sanh chánh kiến. Kinh dạy: "Nên hiện thân nào để độ được, liền hiện thân ấy để thuyết pháp", núi sông, cây cỏ, cầu bến, đường nẻo, người ngựa, binh tướng, không gì chẳng tùy cơ mà hiện. Nếu nói đấy chẳng phải là Bồ-tát hiện mà chắc là do Quang hiện thì núi sông, cây cỏ, cầu bến, đường nẻo, người ngựa, binh tướng cũng có thể hiện mộng cho người, có lý ấy hay chăng? Ông đừng có si dại tưởng là Quang. Nếu si dại cho là Quang sẽ thành ra "đem phàm lạm thánh", thì ông lẫn Quang đều mắc tội chẳng cạn đâu, nhớ kỹ nhé!

Căn bệnh lắc đầu của cha ông chính là dấu vết cho thấy chẳng thể lành bệnh, nhưng do niệm Phật sẽ có thể được lành bệnh. Ông muốn cụ được hết bệnh hoàn

toàn thì cũng có cách. Ông cùng Huệ Trinh và vợ ông ba người chí thành niệm Quán Âm cầu gia bị. Nếu thật sự chí thành, chắc chắn cụ có thể lành bệnh, vì cha con có sẵn mối liên quan bẩm sanh. Năm Dân Quốc thứ 10 (1921), ông Hoàng Hàm Chi và vợ ăn chay trường, bà mẹ 81 tuổi, khuyên cụ ăn chay, cụ không mở miệng. Dọn thức ăn chay, cụ không nuốt thức ăn, chỉ ăn cơm trắng. Quang dạy họ sám hối thay cho mẹ, chưa đầy một tháng, cụ liền ăn chay trường. Do mối liên quan bẩm sanh, hễ chí thành ắt sẽ cảm động được Phật, Bồ-tát.

78. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập

Con người và trời đất cùng xưng là tam tài, chẳng phải là chuyện suông, mà ắt phải có công tham dự, giúp đỡ sự sanh trưởng, thì mới chẳng thẹn. Nếu không, thịt đi thây chạy, suốt đời ô uế trời đất, sao có thể gọi là tam tài cho được? Nếu lãnh hội được ý này, đem áp dụng vào việc dạy dỗ bọn trẻ, ắt sẽ có thể tận tâm kiệt lực, đem tài năng ra dạy dỗ, trước hết lấy đạo đức làm gốc, rồi mới đến văn chương là ngọn. Thường luôn giảng nói hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, khiến cho chúng nó biết đạo làm người, khởi tâm động niệm, cư xử nói năng đều thuần thiện, tạo thành cơ sở có thể dự vào bậc thánh. Kinh Dịch nói: *"Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã"* (dạy cho bọn trẻ nhỏ lẽ chánh, công lao [bằng với công lao] của bậc thánh nhân vậy), tức là nói về điều này. Nếu có thể dùng cái tâm này để dạy người thì học vấn lẫn phẩm đức của chính mình ngày càng tươi sáng, con người sẽ được cảm hóa, chẳng đợi phải đốc thúc, quở trách mong cho họ sẽ thuận theo. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm, hiện thời nước loạn, dân khốn đốn, anh em cùng một nhà đánh nhau, tranh đua muốn tàn hại lẫn nhau, dân không lẽ sống đều do cha mẹ trong gia đình không khéo dạy, thầy giáo trong nhà trường không khéo dạy, đến nỗi kẻ có thiên tư quen thói làm xằng, đứa không có thiên tư cam lòng làm kẻ giặc bướng bỉnh.

Ông giữ được tấm lòng "gốc chánh, nguồn trong" để làm chuyện vun trồng nhân tài, tức là chẳng có địa vị mà nắm quyền cai trị, chẳng lên tòa mà thuyết pháp vậy, còn vui nào hơn? Đối với việc niệm Phật, nào có trở ngại chi? Sáng chiều tùy sức xưng niệm. Ngoài ra, những lúc chẳng cần vận dụng tâm tư, hễ thuận tiện bèn niệm, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha sẽ tự được vãng sanh. Nếu cứ nói "bận rộn cày cấy sẽ dễ niệm Phật", chẳng biết lúc bận rộn cày cấy, do khổ sở nên chắc chắn chẳng thể niệm được. Ông nghĩ như vậy đều là chẳng chú trọng tự phản tỉnh, là tình kiến "đứng núi này thấy núi nọ cao hơn", chứ không phải là chánh trí thấu hiểu sâu xa tự tâm, hiểu thấu triệt để nguyên nhân trong thế gian vậy. Ông chỉ nên "đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành", kiêm dùng tín nguyện trì danh để cầu sanh Tây Phương. Dùng những

điều ấy để tự hành, dạy người, dẫu chẳng có thể thành tựu lớn lao, nhưng cũng có thể chẳng thẹn làm người, chẳng thẹn làm thầy, đội trời đạp đất vậy!

79. Thư gởi cho cư sĩ Lý Huệ Trừng bàn về chuyện xử trí tro thiêu hóa kinh và tiền vãng sanh

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Chuyện đốt kinh cũ rách tuy có công đức, nhưng chúng tôi chẳng dám đề xướng, bởi kẻ thô tâm thì nhiều, họ thường đốt lẫn với tro giấy vàng mã. Tro giấy vàng mã đem bán cho người buôn tro, họ sẽ lược tro giấy để giữ lại những mảnh thiếc đem bán, chẳng khác gì vứt tro kinh ấy vào đống rác hay chăng? Ai chịu cẩn thận dùng riêng vật dụng khác để thiêu, rồi đem tro ấy bỏ trong sông cái, biển cả hay chăng? Quang lúc mới xuất gia thấy khi nhà chùa làm lễ phóng Mông Sơn[119], đốt ngân phiếu, trong ấy có kèm thêm tiền vãng sanh (in chú Vãng Sanh giống như đồng tiền nên gọi là tiền vãng sanh). Lúc thiêu thì đốt rồi cầm trên tay, khi lửa cháy đến tay không cầm được nữa bèn vứt đi, thường là chưa cháy hết, mỗi tờ có nhiều chữ chưa cháy.

Năm Quang Tự thứ mười sáu (1890), tại chùa Long Tuyền ở Bắc Kinh, buổi sáng ra khỏi cửa chùa, thấy trong đống giấy đã đốt để tiễn cô hồn trong lễ Phóng Diệm Khẩu hồi đêm có xấp tiền vãng sanh dày độ hai tấc, chỉ cháy một nửa, Quang nhặt lấy bỏ trong sọt đựng giấy chữ. Nếu tro ấy bị kẻ hầu quét dọn thì có khác gì bị quăng trong đống rác hay chăng? Do vậy biết rằng, bất luận cách nào cũng đều cần phải có người cẩn thận để làm. Nếu người phô trương làm thì chưa được lợi ích mà đã bị họa trước! Mấy năm trước, chùa Thái Bình bán giùm kinh Kim Cang viết bằng chữ son[120] cho *Ẩn bần hội Tô Châu* thuộc chùa Linh Ẩn ở

---

[119] Mông Sơn Thí Thực là một khoa nghi thí thực cho cô hồn. Mông Sơn nay thuộc huyện Danh Sơn, tỉnh Tứ Xuyên. Vào đời Tống, có thượng sư Bất Động sống trên núi này, được thế gian xưng tặng là đại sư Cam Lộ. Để phổ tế cô hồn, sư tập hợp những điểm chánh yếu trong khoa nghi Du-già Diệm Khẩu và các kinh phổ thí cô hồn trong Mật tạng soạn thành khoa Mông Sơn Thí Thực. Khoa nghi này thường được các chùa tụng niệm vào khóa chiều một cách đơn giản, phẩm vật cúng thí thường chỉ là gạo muối hay cháo. Cận đại, pháp sư Hưng Từ đề xướng thêm vào đấy sáu phen khai thị, nên khoa nghi mới này được gọi là Đại Mông Sơn Thí Thực để phân biệt với khoa nghi Mông Sơn thường dùng. Trong Đại Mông Sơn Thí Thực, phải lập pháp đàn, thờ tượng Phật, bày nhiều hương hoa, vật cúng, gạo trắng, nước trong, cung thỉnh vị tăng có phẩm đức thuyết pháp khai thị. Trước đàn chánh bày đài cô hồn và thờ bài vị của các vong linh trong mười phương pháp giới. Sau khi dâng hương bèn dùng vải vàng bọc quanh đài cô hồn để quỷ thần tụ vào đó lễ bái, nghe pháp thọ thực, không bị chướng ngại. Giờ cử hành pháp sự thường vào hai giờ Tuất và Hợi.

[120] Đây là một tục lệ kỳ quặc của Phật môn Trung Hoa vùng Hoa Nam. Kinh Kim Cang viết bằng chữ son thường được đốt trong các pháp sự cầu siêu để thí cho quỷ thần. Ẩn bần hội (hội

Tô Châu, hòa thượng Chân Đạt nghe Quang nói bèn thôi, chẳng bán nữa. Nếu có người tặng cho kinh Kim Cang viết bằng chữ son, bất tất phải đốt trong khi làm Phật sự, sợ rằng không có người chú tâm cẩn thận để lo toan thì sẽ mắc phải tội trên đây.

Hãy nên ở chỗ thanh tịnh trong nhà, dùng một cái nồi lớn hoặc một cái chậu sắt Tây to, phía dưới lót giấy thiếc, đặt kinh lên trên, phía trên lại phủ giấy thiếc để khỏi bị bay lung tung. Chờ khi lửa tắt, thu lấy tro ấy chứa trong đãy vải mới, bên trong lại bỏ thêm cát sạch, hoặc đá sạch, ngói sạch, bỏ nơi chỗ sâu trong sông hay biển, để khỏi mắc lỗi. Nếu chẳng bỏ thêm cát đá bên trong, đãy tro sẽ nổi lên không chìm, lại trôi tấp vào bờ, rốt cuộc bị ô uế. Đốt kinh mà dụng tâm như vậy ắt có công đức, ắt chẳng bị tội khiên. Nếu không, tôi chẳng dám nói!

Những kẻ đốt kinh kia, có ai không đốt lẫn với giấy vàng bạc? Ở phương Nam giấy vàng bạc tốt, người ta chẳng chịu đốt trên đất. Ở Bắc Kinh giấy vàng bạc xấu tệ, các chùa đều chẳng biết kính tiếc chữ. Hễ người ta làm Phật sự, thường hay đem sớ văn đốt trên đường trước cửa nhà, hoàn toàn chẳng dùng đồ chứa đựng. Người, thú giày xéo, lỗi ấy chẳng nhỏ. Tập quen thành thói, đáng đau xót thay! Đối với chuyện này, về phần chúng ta nên thầm lặng tự giữ.

Như khăn vuông lót tay để lễ Phật của nữ nhân ở phương Nam có in danh hiệu của Phật Bồ-tát, trên đó có đóng dấu các chùa, trải lên đất để lễ Phật, hoặc dùng để lót ngồi. Phong tục xấu xa này lưu truyền khắp xa gần. Năm Quang Tự hai mươi mốt (1895), ở chùa A-dục Vương, Quang thấy một phụ nữ dùng miếng vải ấy để lót ngồi, do đấy bèn nói với vị điện chủ điện Xá-lợi, điện chủ nói: "Đấy là phong tục của vùng này", có ý cho rằng Quang lắm chuyện! Vì thế trong Phổ Đà Chí có nói đến tội lỗi ấy, không biết có ai chịu lưu tâm hay chăng?

Thế gian chẳng biết có bao chuyện chẳng thể suy xét đến tận cùng, do đã thành thói quen, ai cũng cho là có lý. Như người ăn mặn cho kẻ ăn chay là không tốt lành, bất lợi cho con cháu; nếu ăn chay trường sẽ làm cho con cháu đoạn tuyệt. Rốt cuộc có kẻ tin theo, chẳng bằng lòng cho cha mẹ ăn chay trường. Những lời ngoa truyền ấy trọn khắp các nơi. Lại nữa, hễ có người sanh nở thì có kẻ niệm Phật trọn chẳng dám gần. Lại có người chẳng nhìn người chết, chẳng nhìn cô dâu mới cưới, cũng như phá địa ngục, phá huyết hồ, trả tiền thọ sanh. Những chuyện vô lý ấy, những ông sư phàm tục vì cầu lợi bèn làm cho người ta, kẻ vô tri vì để tiêu tội bèn bỏ tiền mời người làm, còn đối với pháp môn niệm Phật thật sự được lợi ích lại coi thường.

---

giúp đỡ người nghèo) gây quỹ bằng cách nhờ các chùa bán loại kinh Kim Cang viết bằng chữ son này.

Vào năm Dân Quốc 18 (1929), Long Tử Tu, Bộc Thu Thừa tính dùng 1.600 hay 1.700 đồng để làm một hội Thủy Lục[121] tại núi Bảo Hoa, nói với Quang. Quang bảo đem tiền ấy để tổ chức niệm Phật thất, bọn họ liền bỏ đi không làm, chỉ dùng mấy trăm đồng để niệm Phật. Nếu Quang tán thành họ làm đàn Thủy Lục thì hai người mỗi người đều phải tốn hơn 800 đồng, đủ thấy người thế gian phần nhiều thích chuyện náo nhiệt phô trương, chứ không phải là chân thật cầu siêu cho người đã khuất và phổ độ cô hồn. Giấy vàng bạc cũng chớ nên bỏ, mà cũng không nhất định phải thiêu bao nhiêu. Cần biết, đây là thứ dùng để cứu giúp cô hồn, chứ Phật Bồ-tát và người vãng sanh trọn chẳng dùng đến. Cũng là nhờ Phật lực, pháp lực, tâm lực mà biến ít thành nhiều. Nếu mỗi người đều được một tờ thì dù số đến ngàn vạn vạn tờ cũng chẳng thể trọn khắp được, vì cô hồn và quỷ thần trọn khắp hư không vậy! Nếu biết nghĩa "biến ít thành nhiều" thì cái tâm cứu tế cô hồn cũng trọn hết, mà cũng không mắc lỗi quá sức phung phí. Ấy là do lòng ai nấy chí thành làm thì tâm lực trọn khắp, của cải trong cõi âm cũng được trọn khắp theo.

80. Thư giới thiệu sử dụng xà-phòng Tam Tinh làm bằng chất béo thực vật

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Nỗi thảm sát kiếp trong cõi đời gần đây đúng là xưa nay chưa từng nghe đến; xét đến cội nguồn, phần nhiều là do sát sanh ăn thịt mà ra. Muốn cứu vãn, nếu không từ đề xướng nhân quả báo ứng khiến cho hết thảy mọi người cùng phát cái tâm "dân như người ruột thịt, vật giống hệt như ta", đều cùng kiêng giết ăn chay, sẽ không thể có cách nào đạt hiệu quả cho được. Ngoài chuyện ăn thịt ra, phàm với những chuyện gì có thể dấy động cơ duyên giết chóc đều phải lập cách sửa đổi. Như do từ chuyện chế biến xà-phòng mà sát sanh thì cũng không thể kể hết được số. Bởi lẽ xà-phòng dùng mỡ động vật mới khử được hòm. Những thứ chất béo khác không có tánh ngưng kết, hoặc tuy có tánh ngưng kết nhưng đều mắc

[121] Thủy Lục là pháp hội thí thực cho ngạ quỷ cũng như hết thảy những sinh vật sống trên đất, dưới nước nhằm cứu bạt các loài quỷ. Theo Thích Môn Chánh Thống, quyển 4: "Gọi tên là Thủy Lục là do ý nghĩa 'chư tiên đến ăn trong các dòng nước, quỷ đến ăn nơi đất sạch'." Duyên khởi của pháp hội này là do Tiêu Diễn (Lương Vũ Đế) mộng thấy thần tăng dạy lập trai hội nhằm phổ tế quần linh trong lục đạo tứ sanh. Vua bèn cầu cao tăng đọc khắp các kinh điển, y theo chuyện A-nan gặp quỷ Diện Nhiên, thiết lập pháp hội thí thực bình đẳng, soạn ra khoa nghi. Theo Phật Tổ Thống Ký, pháp hội Thủy Lục đầu tiên được cử hành tại chùa Kim Sơn vào năm Thiên Giám thứ tư (505) đời Hậu Lương. Về sau khoa nghi này thất truyền. Đến niên hiệu Hàm Thuần đời Đường, pháp sư Đạo Anh chùa Pháp Hải tại Trường An được dị nhân chỉ điểm, tìm lại được khoa nghi bèn tổ chức và lưu truyền pháp hội này.

quá. Vì vậy đều dùng mỡ bò để làm. Bò là loài gia súc có công lớn đối với con người; do điều này mà chúng bị giết không thể tính toán được, thật là một chuyện đáng ngậm ngùi lắm!

Mấy năm trước, cư sĩ Chu Văn Minh và một vị tăng ở Phổ Đà sáng chế một loại xà-phòng làm bằng dầu thực vật, Quang đã từng thuyết minh căn cội của nó, báo với tứ chúng, hầu như được hết thảy thiện tín tán thành, chấp thuận. Tiếc là nguồn vốn không bao nhiêu, chẳng đầy mấy tháng bèn lỗ vốn, phải đình chỉ. Sau này xưởng xà-phòng và nến Nam Dương làm kèm thêm xà-phòng bằng dầu thực vật, do giá thành cao nhưng lợi tức kém nên cũng lại đình chỉ. Ba bốn năm trước, thường có Phật giáo đồ từ phương xa gởi thư hỏi Quang chỗ bán, muốn mua về dùng. Cũng có người muốn đứng làm đại lý bán lại. Quang thường đem chuyện ấy ghim trong lòng, mong có người phát tâm "cứu sanh mạng, ngăn giết" lại làm xà-phòng bằng chất béo thực vật để cởi gỡ mối lo buồn kín đáo của tôi thì còn may mắn nào hơn!

Tháng 10 năm ngoái, tổng lý (giám đốc) của *Hóa học công nghiệp xã Trung Quốc* tại Thượng Hải là Phương Dịch Tiên cùng mẹ và vợ đến quy y. Quang hỏi: "Ông có làm xà-phòng hay không?" Thưa: "Có làm ạ!" Quang dặn nên làm xà-phòng bằng chất béo thực vật. Ông ta thưa: "Vâng", chỉ nói: "Xà-phòng bằng chất béo thực vật giá thành khá cao. Nếu để giá cao, người ta không chịu dùng. Do vậy các xưởng chế tạo xà-phòng đều chẳng chịu làm. Đã vâng lời thầy dạy, sẽ thỏa nguyện thầy, nhưng nếu không nghiên cứu nhiều cách sẽ không thể được. Khoảng giữa xuân và hạ năm sau sẽ có thể làm ra được sản phẩm." Đến đầu tháng 3 năm nay, ông ta đến gặp Quang, nói: "Xà-phòng bằng chất béo thực vật thì khuôn và đồ đựng đều chế tạo ổn thỏa rồi, nhưng phòng xưởng chưa đủ dùng, hiện đang xây cất, đến giữa tháng 4 sẽ có thể bán ra được." Quang nghe xong, khôn ngăn mừng rỡ!

Mạnh tử có nói: *"Thỉ nhân khủng duy bất thương nhân, hàm nhân duy khủng thương nhân"* (Người chế tạo mũi tên chỉ sợ chẳng làm người khác bị thương, người chế tạo áo giáp chỉ sợ người khác bị thương). Cùng là kiếm lời, nhưng từ bi hay tàn nhẫn, tội hay phước khác biệt lớn lắm! Chỉ một hành động này không biết đã bớt giết bao nhiêu sanh mạng, đúng là *"nghệ dã nhi tấn hồ đạo hỹ"* (nghề nghiệp là để tăng tấn đạo vậy). Mong sao hết thảy mọi người cùng hàng với tôi đều dùng loại xà-phòng bằng dầu thực vật này thì hết thảy những xưởng chế tạo xà-phòng bằng mỡ động vật phải đổi sang làm xà-phòng bằng dầu thực vật, ngõ hầu được mọi người chiếu cố, quyết chẳng vì giá thành của xà-phòng bằng mỡ động vật rẻ hơn mà chẳng chịu thay đổi. Quang già rồi, tinh thần ngày càng giảm,

việc thù tiếp ngày càng nhiều, sau thu sẽ náu mình ẩn kín mãi mãi. Sợ rằng có lẽ các Phật giáo đồ đồng hàng với tôi tại các tỉnh không biết nên tôi bảo ông ta in ra bảng giá để mọi người đều biết.

81. Thư gởi cư sĩ Minh Quang

Pháp môn Tịnh độ là pháp môn bình thường nhất nhưng cao sâu nhất trong Phật pháp. Nếu không phải đời trước sẵn đủ huệ căn, quả thật khó thể sanh chánh tín sâu xa. Đừng nói nhà Nho chẳng dễ sanh lòng tin, ngay cả bậc tri thức thông Tông thông Giáo cũng thường dựa theo ý nghĩa trong Tông - Giáo để luận định phán đoán, đến nỗi đối với pháp "khiến cho hàng phàm phu sát đất chưa đoạn phiền hoặc mà được liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh ngay trong đời hiện tại" chẳng thể nghĩ bàn này họ chẳng những không chịu tự tu, mà còn chẳng chịu dạy người khác tu, vì họ chẳng biết pháp này chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, cứ lấy giáo nghĩa của Tông - Giáo làm chuẩn, nên mới phạm những lỗi lầm ấy. Nếu thoạt đầu họ liền biết được nghĩa này thì lợi ích lớn lắm. Người thông minh phần nhiều chú trọng "hiểu lý để ngộ cái tâm", chẳng biết niệm Phật chính là đường tắt để hiểu lý ngộ tâm.

Nếu có thể niệm niệm tương ứng thì sẽ tự hiểu được lý, ngộ được tâm. Dẫu chưa làm được, bèn cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, so với những kẻ "hiểu được lý, ngộ được tâm, nhưng chưa đoạn phiền hoặc, vẫn cứ luân hồi sanh tử, trọn không có lúc thoát ra", thì sự khác biệt giữa trời và đất đã chẳng đủ để sánh ví sự hay và dở. Huống chi đã vãng sanh liền thân cận Phật Di-đà và thánh chúng, sẽ đích thân chứng được Vô sanh pháp nhẫn, há nào phải chỉ hiểu được lý, ngộ được tâm mà thôi ư! Pháp môn Tịnh độ chỉ có bậc thượng thượng căn và ngu phu ngu phụ mới được lợi ích thật sự, còn kẻ thông minh thông Tông thông Giáo phần nhiều do chí lớn, ăn nói lớn lối, chẳng chịu cậy vào Phật từ lực, cứ dốc chí cậy vào đạo lực của chính mình, cam lòng nhường cho ngu phu ngu phụ sớm dự vào dòng thánh. Có lẽ trong quý ấp có kẻ mang kiến giải như vậy cho nên tôi mới nói sơ lược nguyên do.

Đã muốn quy y thì nay đặt cho ông pháp danh là Khế Quang. Tiếng Phạn "A-di-đà", cõi này dịch là Vô Lượng Thọ, hay cũng dịch là Vô Lượng Quang. Nếu có thể nhất tâm niệm Phật, thì chính là lấy quả địa giác làm nhân địa tâm. Nếu có thể tâm tâm tương ứng thì nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân, cực bình thường nhưng cực huyền diệu. Nếu có thể tin nhận thì đáng gọi là bậc đại trượng phu lỗi lạc. Quang do túc nghiệp, sanh ra liền bị bệnh mắt, may còn được thấy bầu trời hơn 70 năm. Nay thì mắt hết sức yếu lòa, cự tuyệt hết thảy những chuyện thù tiếp bút mực. Sợ ông bị dao động, bị thuyết phục bởi những kẻ đề xướng

hướng dẫn thuộc những tông khác, nên đặc biệt nói đại lược hai nghĩa đặc biệt và thông thường, ngõ hầu chẳng đến nỗi biến khéo thành vụng, cầu thăng lên đâm ra đọa xuống.

Hãy nên thường xem Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết pháp môn Tịnh độ là pháp môn tổng trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu vẫn chưa bị thuyết phục, hãy nên thường xem Tịnh Độ Thập Yếu thì mọi thứ nghi ngờ sẽ tiêu tan, vầng trăng nhất tâm rạng ngời. Văn Sao tuy ngôn từ vụng về chất phác, nhưng đã nêu tỏ đại lược về duyên do của Thiền và Tịnh, cũng như những điều có ích cho luân thường trong cuộc sống hằng ngày, cũng có thể giúp cho việc tự lợi lợi tha.

82. Thư gởi cư sĩ Tự Giác

(Năm Dân Quốc 16 - 1927)

Chuyện trong thiên hạ có lý nhất định, chứ không có sự nhất định. Hãy nên dùng lý để định đoạt sự, dùng sự để luận lý, ngõ hầu phù hợp thiên lý, tình người thì mới nên. Mạnh tử dạy: *"Nam nữ thọ thọ bất thân vi lễ"*[122] (Nam nữ trao và nhận đồ vật, chẳng đụng chạm nhau, đó là lễ), nhưng lại cũng nói: *"Tẩu nịch bất viện vi sài lang"* (Chị dâu chết đuối không cứu thì là loài lang sói). Trong lúc ấy, cố nhiên chẳng thể tuân theo lễ nghi trong lúc bình thường để luận được. Đứa con hiếu thờ cha mẹ không hề trái nghịch. Nếu cha mẹ mọc nhọt độc, còn phải dùng kim, dùi, dao, kim nạo để khêu, cắt, lại còn phải dùng hết sức nặn mủ đến khi thấy ra máu mới thôi, đấy cũng là chỗ thể hiện lòng hiếu. Nếu sợ là mạo phạm, ngỗ nghịch thì mạng sống của cha mẹ xong luôn! Nhưng chớ nên thấy có những người làm như vậy được cho là hiếu, để rồi cha mẹ không bị nhọt độc mà vẫn cứ khêu, cứ cắt như vậy sẽ trở thành đại nghịch bất đạo, trời sẽ nổi sấm xử tử.

Kinh nguyệt của nữ nhân là cố tật của quá nửa đời người, xảy ra độ mấy ngày, sao lại vì thế liền ngưng niệm Phật? Lúc bình thường ắt phải hết sức sạch sẽ, chí thành, đến lúc ấy tuy thân thể chẳng thể hết sức sạch sẽ thì càng nên chí thành gấp bội. Trong đồ lót phải chêm thêm vải lót dày, đừng để máu dơ chảy ra Phật đường. Hễ tay sờ vào phần dưới thân ắt phải rửa sạch. Nếu lễ bái không tiện thì ít lễ bái. Đối với việc niệm Phật, tụng kinh, cố nhiên dùng tâm hạnh chí thành cung kính thì công đức chẳng giảm bớt so với lúc bình thường. Do Phật là cha

[122] Câu nói này xuất phát từ sách Mạnh Tử, thiên Ly Số: *"Nam nữ thọ thọ bất thân, lễ dã. Tẩu nịch viện chi dĩ thủ giả, quyền dã."* Sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích giảng: Nam nữ vâng giữ khuôn phép lễ kính, đạo đức, chẳng thể đích thân dùng tay chạm trực tiếp vào đồ vật, để da thịt khỏi bị đụng chạm nhau, đó là lễ. Nhưng nếu chị dâu chết đuối, em chồng cứu vớt bằng cách dùng tay kéo lên, đó là quyền biến.

mẹ đại từ bi của hết thảy chúng sanh, trong lúc bệnh ấy phát ra, nếu chí thành niệm Phật thì Phật sẽ càng sanh lòng xót thương gấp bội.

Như kẻ ngu chấp trước "hễ thân có bệnh chẳng sạch như vậy thì chẳng thể niệm Phật", vậy thì nếu con cái té trong hầm xí cũng chẳng thể gọi cha mẹ cầu cứu, có lẽ ấy hay chăng? Người niệm Phật nên đi đứng nằm ngồi, tâm thường nghĩ nhớ. Lúc bình thời ở nơi sạch sẽ, hoặc lúc áo mũ chỉnh tề thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Chỉ lúc ngủ, đại tiểu tiện, trần truồng tắm gội thì nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Nếu gặp tai nạn đao binh nước lửa thì ở bất cứ chỗ nào, trong bất cứ trạng thái nào đều nên niệm ra tiếng, vì niệm ra tiếng so với niệm thầm càng đắc lực hơn. Nếu khi nữ nhân sanh con, nên niệm ngay từ lúc chưa sanh và đến khi lâm bồn, tuy trần truồng chẳng sạch sẽ, vẫn nên niệm ra tiếng. Lúc ấy là lúc có liên quan đến tánh mạng, như té trong nước lửa cầu được cứu giúp, chẳng thể luận trên dáng vẻ chẳng đoan trang, ô uế, bất tịnh v.v..

Nữ nhân khó sanh chẳng phải là có oán thù với đứa con sắp sanh, mà chính là oan gia đời trước, gây trở ngại hầu không sanh được, khiến cho bị đau khổ. Sản phụ niệm Phật và những người chăm sóc chung quanh đều cùng vì người ấy niệm Phật thì những kẻ oan gia kia nghe tiếng niệm Phật sẽ liền tháo lui, chẳng dám cản trở. Do vậy càng phải nên dạy con gái niệm Phật từ nhỏ ngõ hầu diệt sẵn cái nạn này. Nếu là người lúc bình thường luôn niệm Phật chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi có sự nguy nan này. Dẫu là người lúc bình thường chẳng niệm Phật mà lúc ấy có thể chí tâm niệm thì chắc chắn cũng được dễ sanh. Kẻ ngu chấp lý hẹp hòi, cho là hễ đàn bà trong nhà sanh con thì cả nhà đều chẳng được cúng Phật, cũng chẳng được niệm Phật; nếu không, sẽ mắc tội! Đấy là chấp chết cứng vào toa thuốc để trị biến chứng, chỉ biết lẽ thường, chẳng biết quyền biến, đáng thương vậy thay!

Ông nên đem nghĩa này nói với những phụ nữ thân cận, láng giềng, vậy thì công đức ấy lớn lắm, lại chẳng tốn kém mảy may, có thể gọi là "cứu người từ lúc chưa nguy". Nhưng cần phải phân biệt cặn kẽ, chớ nên cho rằng nữ nhân sanh con trần truồng, ô uế không trở ngại gì, do vậy lúc bình thường cũng trọn không kính sợ chi, chẳng cần phải sạch sẽ, thì lại chuốc tội chẳng cạn! Lúc bình thường phải noi theo lẽ thường. Lúc có kinh nguyệt và lúc sanh con chính là lúc "biến lý" (lý thay đổi). Hãy xét kỹ thí dụ do Mạnh tử và Quang đã nói sẽ tự biết rõ.

Nay gởi cho ông một bộ Văn Sao, một bộ An Sĩ Toàn Thư, một bộ Quán Âm Tụng, hai cuốn Thọ Khang Bảo Giám, xin hãy đọc kỹ. Văn Sao thì chẳng những tu trì tịnh nghiệp có chỗ làm căn cứ nương tựa, ngay cả những cách xử thế, giữ thân, tề gia, dạy con v.v. đều có nêu rõ. Trong đời hiện thời, ắt cần phải sốt sắng

đề xướng nhân quả báo ứng. Dạy con cố nhiên là nhiệm vụ trọng yếu, nhưng dạy con gái càng quan trọng hơn dạy con trai, bởi lẽ con người lúc bé thường ở bên mẹ, nếu mẹ hiền thì con cái cũng tự nhiên sẽ hiền. Do thường được un đúc nuôi dạy đã tập quen thành thói, đến khi lớn lên được cha dạy dỗ sẽ thuận chiều chỉ dạy, thật là dễ dàng. Đời hiện tại loạn đến mức như thế này đều là vì không có hai thứ khéo dạy trên đây mà nên nỗi. Quang không có sức cứu vãn kiếp vận, nhưng có tâm cứu đời, cho nên ở đây mới dài dòng một phen. Nếu chẳng cho lời bàn của lão tăng là viển vông, hủ bại thì may mắn lắm thay!

83. Thư trả lời cư sĩ Lưu Nhân Hàng bàn về chuyện hoằng dương nhân quả

Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, sao lại khen ngợi quá mức khiến Quang hổ thẹn không chốn nương thân! Thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian dùng sự lý nhân quả để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Người đời nay đa phần chẳng cho như vậy là đúng, cứ làm riêng theo cách mới, đến nỗi chú trọng cạnh tranh, xâm đoạt để mong tăng lớn thế lực, mở rộng lãnh thổ của ta, tàn sát lẫn nhau, trọn không ngưng dứt. Nhân họa đã khốc liệt, thiên tai lại giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống, đều vì chẳng coi nhân quả báo ứng là đúng mà ra. Cái gốc họa này vấn vít kết lại đã lâu, nay đã dần dần bộc phát, nào phải do một hai người tuyên truyền mà có thể vãn hồi được ư?

Nguyện rộng sâu của các hạ Quang khâm phục cùng cực, nhưng Quang đã trở thành phế nhân, chẳng những không thể tương trợ, mà cũng chẳng thể khuyên người khác tương trợ. Vì sao vậy? Do không có tinh thần ăn nói và không có mục lực để viết chữ. Trộm cho rằng tuyên truyền trong lúc sắp đánh nhau hay lúc sắp đánh nhau, cái tâm quyết liệt của đôi bên hơi khó buông xuống ngay lập tức được. Vừa uổng tiền tàu xe, vừa bị nguy hiểm. Chẳng bằng dứt lo, quên duyên, nhất tâm lễ tụng, cầu tam bảo ngầm rủ lòng gia bị khiến cho những kẻ có quyền lực trong các nước diệt dứt niệm ác, phát khởi tâm từ. Nếu được cảm ứng, lợi ích ấy lớn lắm. Nếu chẳng thể cảm ứng nơi các nước thì cũng sẽ ngầm kết pháp duyên với người các nước, lợi ích ấy cũng chẳng nông cạn đâu!

84. Thư trả lời cư sĩ Dương Phật Điển

Nhận được thư, biết ông hằng ngày lễ tụng siêng năng, chuyên tinh, vui mừng, an ủi không chi sánh bằng! Bóng đen ông đã nói đó chẳng phải là bóng của Phật hay Bồ-tát, mà cũng chẳng phải là bóng của oán gia đối đầu hiện ra. Vì Phật Bồ-tát nếu đã hiện ắt sẽ sáng tỏ, thấy được mặt, mắt v.v., còn oan gia sẽ hiện tướng đáng sợ. Bóng ấy chính là cô hồn đã có duyên với ông trong đời trước mong nhờ

vào sức niệm Phật tụng kinh để được siêu sanh vào đường lành. Hãy nên sau khóa tụng vì họ hồi hướng, lại còn chuyên hồi hướng cho họ, khiến cho họ tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì có ích cho họ, ngõ hầu chẳng phụ một phen họ khổ sở hiện bóng.

Lại nữa, phàm là người tu hành tâm phải có chủ ý, thấy cảnh giới tốt chẳng sanh hoan hỷ, thấy cảnh giới không tốt chẳng sanh sợ hãi. Được như thế thì các cảnh giới đã hiện đều trở thành duyên trợ đạo. Nếu không, chúng đều trở thành duyên chướng đạo. Thêm nữa, phàm là người tu hành đều nên lấy chí thành cung kính làm gốc, giữ lòng từ bi khiêm tốn. Lòng nghĩ, thân làm tuy chẳng thể hoàn toàn tương ứng với Phật, nhưng cần phải nỗ lực gắng công ngõ hầu chẳng trái nghịch tâm hạnh của Phật, vậy thì mới đáng gọi là người tu hành thật sự, là đệ tử Phật thật sự.

85. Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (năm lá thư)

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

1. Hết thảy chúng sanh đều sẵn có tánh đức, nhưng rất ít có tu đức. Nay đã phát tâm học Phật là do từ tánh đức khởi lên tu đức. Tuy có tâm ấy, nhưng nếu chẳng kiệt thành tận kính tu trì thì tu đức chẳng thể tăng trưởng, tánh đức vẫn bị phiền não ác nghiệp gây chướng ngại như cũ, chẳng thể hiển hiện được. Như mặt trời trong mây, trọn chẳng thấy được tướng sáng. Vì thế phải phấn chấn tinh thần, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, làm các điều lành trong thế gian. Lại phải cạn lòng thành, tột lòng kính, sanh tín, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương để tu pháp xuất thế gian.

Trong thế gian, học một tài, một nghề đều phải dốc hết toàn bộ tinh thần thì mới có thể thành được. Nay là phàm phu sát đất lại muốn ngay trong đời này siêu phàm nhập thánh liễu sanh thoát tử, há chẳng phát khởi mạnh mẽ chí hướng lớn lao nâng cao tinh thần mà thành được ư? Ý nghĩa của chữ Đức Chấn là như vậy đó. Nếu có thể mạnh mẽ dẹp dứt thì danh tương ứng với thật. Nếu không, chỉ là hữu danh vô thật! Đấy là do chính mình phạm lỗi không thể mạnh mẽ dứt dẹp, chứ không phải là Phật pháp chẳng thể lợi người vậy.

2. Bệnh đã sắp phát ra, do nhờ Đại sĩ che chở nên được lành, lẽ ra nên sốt sắng coi trọng việc ấy, tu trì pháp môn Tịnh độ trọng yếu bậc nhất này, sao lại ơ hờ đi hỏi chuyện chẳng cần kíp? Rốt cuộc chẳng qua cũng là cùng một điệu bộ với kẻ đi đường hỏi lối, do vậy tôi biết lòng tin các hạ đã nói ấy chỉ là lòng tin hời hợt bên ngoài, cái hạnh các hạ đã nói đó chính là hạnh vui chơi. Nếu thật sự lấy

chuyện này làm chuyện bậc nhất trong đời người thì những gì được ẩn chứa bên trong sẽ lộ tướng ra bên ngoài, thoạt nhìn là biết ngay. Các hạ có câu hỏi thì đã phúc đáp, có yêu cầu kinh sách cũng đã gởi qua bưu điện. Quang già rồi, tinh lực chẳng đủ, từ rày chớ nên gởi thư tới nữa. Gởi đến sẽ không trả lời, một là do không rảnh rỗi để thù tiếp, hai là do bận bịu quá nhiều chuyện.

Thứ nhất, Tâm Kinh[123] (bản dịch của ngài Huyền Trang) chính là bản dịch toát yếu, cho nên không có phần chứng tín tự và phần kinh văn lưu thông. Nhưng bản dịch của ngài Bát-nhã[124] và Lợi Ngôn[125] đời Đường với bản dịch của ngài Thi Hộ đời Tống đều có cả.

---

[123] Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (Prajñāpāramitā Hrdaya Sūtra), ngoài bản dịch của ngài Huyền Trang ra, còn có sáu bản dịch nữa với tên gọi khác biệt: Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Đại Minh Chú Kinh (Cưu-ma-la-thập dịch), Bát-nhã Ba-la-mật-đa Na-đề Kinh (Bồ-đề-lưu-chi dịch), Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (Bát-nhã và Lợi Ngôn dịch), Phổ Biến Trí Tạng Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (Pháp Nguyệt dịch), Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (Trí Huệ Luân dịch), và Thánh Phật Mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh (Thi Hộ dịch).

[124] Bát-nhã (734-?), là một vị cao tăng dịch kinh đời Đường, đôi khi còn được phiên âm là Bát-lạt-nhã (Prajñā), người nước Kế Tân ở Bắc Ấn Độ, họ Kiều-đáp-ma (Gotama), xuất gia năm 7 tuổi, năm 20 tuổi thọ cụ túc, năm 23 tuổi đến chùa Na-lan-đà ở Trung Ấn theo học với các vị Trí Hộ, Tấn Hữu, Trí Hữu v.v. chuyên nghiên cứu Duy Thức, Du-già, Trung Biên, kinh Kim Cang, Ngũ Minh v.v.. Năm Kiến Trung thứ hai (781) đời Đường Đức Tông, sư đến Trường An. Năm Trinh Nguyên thứ tư (788), sư dịch bộ kinh Đại Thừa Lý Thú Lục Ba-la-mật-đa, năm sau lại dịch các ấn khế, chân ngôn, pháp môn từ trong Mật tạng. Tháng 7 năm Trinh Nguyên thứ sáu (790), phụng chiếu đi sứ nước Ca-thấp-di-la (Kashmir). Không lâu sau, sư được sắc phong danh hiệu Bát-nhã Tam Tạng và được ban ca-sa tía. Sau đó, sư dịch các bộ kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm, Tứ Thập Hoa Nghiêm, kinh Đại Thừa Bản Tánh Tâm Địa Quán, kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-la-ni v.v.. Sư mất tại Lạc Dương, di thể chôn ở Tây Cương, Long Môn, không rõ thọ được bao nhiêu tuổi.

[125] Lợi Ngôn, không rõ năm sanh, là một vị cao tăng đời Đường, người xứ Cưu-ty (Kuche) ở Tây Vực. Tên ngài còn được phiên âm là Địa-chiến-thấp-la (Chân Nguyệt). Khi sa-môn Pháp Nguyệt từ Đông Ấn Độ sang Cưu-ty, sư được gặp gỡ, bèn theo ngài Pháp Nguyệt học tập nội ngoại điển, nghe giảng các bộ kinh Đại Thừa Nguyệt Đăng Tam-ma-địa, Lịch Đế Kỷ, Du-già Chân Ngôn đều nhớ năm lòng. Năm Khai Nguyên 14 (726), sư được thọ cụ túc, chuyên nghiên cứu học hỏi các kinh Đại Tiểu thừa, sách tiếng Hán, sách tiếng Phạn, cũng như các phương ngôn ở Tây Vực. Năm Khai Nguyên 18 (730), theo thầy qua phương Đông, đến năm Khai Nguyên 20 (732), thầy trò tới Trường An, sư làm người phiên dịch cho thầy, thường vào cung, rất được Đường Huyền Tông kính nể. Năm Khai Nguyên 24 (736), sư trở về Tây Vực. Lúc ấy nước Phùng Thức Nặc đang có quốc biến, đường đi bị nghẽn, sư bèn sang Vu Điền. Sau khi ngài Pháp Nguyệt thị tịch, sư bèn trở về chùa cũ. Năm Thiên Bảo 13 (754), sư lại sang phương Đông, đến tháng 2 năm sau bèn tới ngụ tại các chùa Long Hưng và Báo Ân, giúp ngài Bất Không dịch kinh. Năm Trinh Nguyên thứ 4 (788), sư chính thức giữ chức Dịch Ngữ trong đạo tràng phiên dịch. Năm sau, lại theo hầu Bát-nhã Tam Tạng, đảm nhiệm việc phiên dịch kinh Na-la-diên Lực. Không rõ sư mất khi nào. Còn để lại những trước tác như Phạm Ngữ Tạp Danh, Tây Minh Tự Viên Chiếu Thi Tập. Ngoài ra những di cảo của sư cũng được môn nhân thu thập thành Phiên Kinh Đại Đức Hàn Lâm Đãi Chiếu Quang Trạch Tự Lợi Ngôn Tập.

Thứ hai, hết thảy kinh chú tuy có các loại do Phật nói hay Bồ-tát nói khác nhau, tuy do Bồ-tát nói nhưng cũng đã được Phật chứng minh thì đều có thể gọi là "Phật thuyết". Ông cho đó là do đệ tử đức Phật trước thuật (người hỏi vốn dùng lầm chữ trước thành chữ bút), sao lại miệt thị kinh chú quá đáng vậy? Dùng cái tâm này để tụng kinh chú chắc chắn chẳng có sự cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn!

Thứ ba, tu-la (asura), cõi này dịch là phi thiên, nghĩa là có phước báo trời nhưng không có đức của chư thiên. Do họ có phước nên cũng được xếp vào thiện đạo. Do họ sân hận, kiêu mạn, tranh đấu nên cũng bị xếp vào ác đạo, vì thiện ác, tội phước xen tạp vậy. Trong đời có kẻ tin Phật, nhưng thường lầm lạc tự nẩy sanh ý kiến, ôm lòng nghi báng. Nói về phần được của người ấy thì có gọi là bậc chánh tín, nhưng nói về chỗ mất của người ấy thì cũng gọi là kẻ tà mê.

Thứ tư, Sa-bà (Sahā) là tên chung của tam thiên đại thiên thế giới.

Thứ năm, "kết già phu tọa" (ngồi kết già): Trước hết dùng chân phải đè lên đùi trái, dùng chân trái đè lên đùi phải, gọi là "già phu". Chữ già (跏) vốn viết là chữ gia (加), có nghĩa là hai mu bàn chân đâu vào nhau. Phu (趺) là mu bàn chân. Nhưng ngồi lâu thì có thể thay đổi trái và phải cho nhau, đừng chấp chặt phải luôn luôn như vậy. Nếu chẳng thể xếp cả hai chân thì chỉ cần dùng chân trái đè lên chân phải là được rồi. Cách này còn gọi là "bán gia" (thường đọc trại thành "bán già").

Thứ sáu, "giường to cao rộng" [được nói đến trong bát quan trai giới] chính là giường dây của tăng nhân hành hạnh đầu-đà ở Tây Vực. Nước ta không theo cách này, chỉ là chớ nên ngồi trên giường, sập quý trọng hiếm đẹp mà thôi. Loại giường dây này giống như bộ cương ngựa ngày nay, dùng dây bện thành, có thể mở ra hay xếp lại được. Cao chẳng quá một thước sáu tấc, rộng chẳng quá bốn thước. Thước ở đây là thước đời Chu[126], nhỏ hơn thước hiện thời hai tấc. Giường này không phải là giường để ngủ, mà là giường để tọa thiền.

Thứ bảy, "chỉ có đường tắt tu hành". Đây chính là giáo nghĩa, có thể chiếu theo văn tự để hiểu. "Y theo như cũ đi nhiễu", đây chính là ý nghĩa trong nhà Thiền, phải có chỗ ngộ thì mới biết triệt để được. Tào Lỗ Xuyên[127] tự cho là bậc

[126] Một thước (xích) đời Chu bằng 23.1cm.

[127] Tào Lỗ Xuyên là một vị cư sĩ sống cùng thời tổ Liên Trì. Khi tác phẩm A-di-đà Kinh Sớ Sao của đại sư Liên Trì được phổ biến trong cõi đời, Tào Lỗ Xuyên đôi ba phen cật vấn, cho là tổ phế bỏ Tam tạng kinh điển, coi căn khí của mọi người đều hèn kém như nhau, buộc tất cả mọi người đều phải tu pháp thiền cận, lên án tổ coi thường kinh Hoa Nghiêm, đề cao kinh Di-đà quá đáng, toan dùng pháp môn Tịnh độ chèn ép các tông khác, coi thường chư Phật, chỉ đề cao riêng mình Phật Di-đà v.v..

đại thông gia thông Tông thông Giáo còn hiểu lầm ý này. Các hạ muốn tôi giảng ý nghĩa này, đúng là lời hỏi giỡn chơi! Các hạ hãy buông xuống hết thảy tri kiến thừa thãi, nhất tâm niệm Phật, niệm cho đến khi tâm lẫn Phật đều mất cả rồi, sẽ tự phát ra một tràng cười to, hoàn toàn hiểu rõ. Khi chưa đạt đến, dẫu người khác có giảng cho vẫn chẳng biết được. Ví như đã đến điện Hàm Nguyên[128], mọi thứ trong điện ấy đều biết hết. Nếu vì người chưa đến đấy mà nói thì dù có nói rõ ràng, vẫn mờ mịt không biết y như cũ.

Những câu nói trong nhà Thiền đều nhằm dạy người khác tham cứu. Nếu hiểu theo ý nghĩa văn tự thì chẳng những không được lợi ích, mà còn có thể coi "hiểu lầm" là ngộ, tội ấy cực lớn. Dẫu ngộ thật sự nhưng liễu sanh thoát tử vẫn còn cách xa lắm! Do kẻ ấy chỉ cậy vào tự lực, phải là sau khi đại ngộ rồi, phiền não, hoặc nghiệp đoạn sạch không còn sót gì thì mới liễu được. Nếu không, chẳng do đâu mà liễu được. Pháp môn niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Căn tánh của các hạ cũng chỉ có thể học theo cách tu trì của hàng ngu phu ngu phụ. Nếu lầm lẫn bắt chước thân phận của Tào Lỗ Xuyên thì chẳng những liễu sanh tử trọn chẳng có phần mà còn thật sợ rằng đọa lạc ba ác đạo ắt đã sẵn phần. Vì sao vậy? Do "chưa được bảo là được, do chưa chứng nói là chứng", do vậy hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ.

Thứ tám, những sách như Văn Sao v.v. gởi đi một gói, nếu chẳng hiềm là hèn kém, dở tệ, xin hãy đọc kỹ, hành theo, ngõ hầu chẳng uổng cuộc đời này và sự gặp gỡ này. Nếu cho là chẳng đáng để vào mắt thì hãy đem cho người thiếu mắt. Từ rày chỉ nên bàn bạc, trình bày với ông Phí Phạm Cửu, đừng gởi thư cho Bất Huệ nữa, do tôi không đủ tinh thần thù tiếp.

3. Chuyện trong thế gian, có chuyện nên dùng lý để luận, có chuyện nên dùng tình để luận. Ông nói về chuyện của vị tên X… nọ cố nhiên nên dùng tình để luận, chớ nên cố chấp vào lẽ thường để đoán định. Sự việc xảy ra đã 5 năm rồi, cũng không sợ người ta thấy nghe. Người ấy đã cùng với người tên Y… sống yên, chỉ nên để mặc. Nếu thật sự có lòng hiếu thảo, ắt sẽ thay cho người ấy lễ Phật sám hối, cầu cho người ấy giác ngộ. Lúc đến thăm hỏi nên khuyên người ấy niệm Phật, đây là dùng tình cảm. Nếu người ấy gặp khốn khó thì chẳng ngại gì chu cấp.

[128] Điện Hàm Nguyên là tiền điện của cung Đại Minh thuộc kinh đô Trường An (nay là thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây) của nhà Đường. Căn cứ trên phế tích và những di vật được khai quật, người ta biết điện này hùng vĩ và tráng lệ hơn điện Thái Hòa thuộc Tử Cấm Thành Bắc Kinh đời Minh rất nhiều. Do được dùng chủ yếu để thiết đại triều, nên trong điện Hàm Nguyên tập trung mọi thứ quý báu, hoa mỹ nhất của đế quốc Đại Đường.

Buôn bán trái lẽ để sống, không thể khuyên can được thì chuyện này lấy tình mẹ con làm chuẩn, chẳng thể luận theo lẽ thường. Còn đối với ông Y… ấy cũng chẳng được coi như kẻ oán cừu, kính nhi viễn chi mới là hợp lẽ.

Nam nữ tuy khác, tâm niệm vốn đồng. Trong đời có những gã đàn ông trong nhà đã có thê thiếp, vẫn còn lang chạ với phụ nữ của người khác ở bên ngoài, con cái người ấy chẳng thể vì chuyện đó mà không coi ông ta là cha. Đối với người được cha thương yêu, tuy chẳng thể coi như là mẹ, nhưng cũng chớ nên xem như kẻ oán cừu. Coi như kẻ oán cừu tức là oán cừu cha! Sau này có thể dẫn đến những cử chỉ báo oán, hành hung, vì thế hãy nên kính nhi viễn chi. Sách Lễ Ký nói: *"Phụ mẫu chi sở ái diệc ái chi. Phụ mẫu chi sở kính diệc kính chi"* (Cha mẹ yêu mến gì thì ta cũng yêu mến nấy. Cha mẹ kính trọng gì thì ta cũng kính trọng nấy). Đối với chó, ngựa mà còn như thế huống gì là con người? Chỉ cần chẳng sanh phân biệt, tận hết lòng hiếu thảo của chính mình thì đối với thiên lý, tình người, lẫn Phật pháp đều có thể chẳng trái nghịch. Mong hãy đem ý này nói với người ấy. Người ấy sẽ trọn được lòng hiếu đôi bề, có thể khiến cho cha mẹ sanh lòng chánh tín, cầu sanh Tây Phương, lấy niệm Phật làm chuyện chánh. Chỉ nên quên đi chuyện cũ thì tình cảm mỗi ngày một thân thiết, lời nói sẽ nghe lọt tai.

Về phần cậu của ông, tôi đã bảo gởi Văn Sao, Gia Ngôn, Thống Kỷ, An Sĩ, Chánh Tín v.v. cùng một bưu kiện, nay sẽ gởi sách đi. Thư hôm trước của ông tôi cũng đã nhận được rồi. Cha mẹ ông đều một bề có tín tâm, nay hãy nên uyển chuyển khuyên dụ họ, khiến cho tín tâm của họ tăng trưởng, quả thật là ý nghĩa trọng yếu để người làm con, người làm Phật tử báo đền cội gốc vậy. Ông nói phần Biện Thể và Lợi Ích Về Mặt Pháp Do Nghe Chim Hót trong sách Di-đà Yếu Giải không rõ ràng, xin Quang giải thích; các giáo nghĩa thấu đạt lý rất sâu ấy há kẻ sơ tâm có thể hiểu rõ ngay được ư? Nếu giải thích, người nghe cũng phải đã có mấy phần hiểu rõ rồi thì mới được. Nếu không, phải tốn bao nhiêu bút mực mới có thể làm cho ông hiểu rõ ràng từng điều một? Ông hãy nên nhất tâm niệm Phật, sau hai ba năm, sẽ tự có cơ hội hiểu rõ ràng. Nếu muốn gấp hiểu rõ ràng ngay, hãy nên thỉnh một bộ Di-đà Yếu Giải Tiện Mông Sao[129], lắng lòng đọc, họa chăng biết ngay. Nếu vẫn chưa thể hiểu rõ ngay thì cần phải trui luyện từ từ mới biết được.

Vào năm ngoái, Quang đã nhận lời cư sĩ Lý Viên Tịnh tu chỉnh các bộ Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa Chí. Năm ngoái đã nhờ ông Hứa Chỉ Tịnh lo đại cương,

[129] Di-đà Yếu Giải Tiện Mông Sao là tác phẩm giải thích bộ Di-đà Kinh Yếu Giải, do sa-môn Đạt Mặc ở Hồng Loa viết lời sao, tỳ-kheo Đạt Lâm tu đính. Hai vị này cùng sống vào giữa đời Thanh.

còn phần tu chỉnh đều giao cho Quang. Hơn một năm qua, do thư từ và các việc bộn bề, một bộ cũng chưa thể sửa xong. Trước kia chưa sắp chữ ngay nên có chậm trễ cũng không sao, nay Thanh Lương Chí đã sắp chữ, mà mới chỉ sửa được một nửa, thường là mười mấy bữa chẳng rảnh rỗi được một ngày. Vì thế nay quyết cự tuyệt hết thảy chuyện thù tiếp để làm việc này. Nếu không, hai đằng đều chẳng được lợi ích. Từ rày, bất luận chuyện nào, người nào cũng đều đừng gởi thư đến, gởi đến cũng không trả lời. Nếu không, do chuyện này thúc bách cùng cực, khó được như pháp. Lưu truyền những bộ danh sơn chí trong thế gian há nên làm cho xong chuyện hay sao? Mong hãy đem lời này nói với hết thảy người quen biết, và cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y.

4. Đứa con gái ấy sanh ra để đòi nợ, chết là xong nợ, không còn ngờ gì! Chỗ có người đã bị chết đuối ấy thường có người chết đuối, chính là chỗ được gọi là "quỷ kiếm người chết thay". Hãy nên ở nơi ấy lập một cái mốc gỗ, phía trên dùng một tấm sắt Tây trắng thật dày, khắc sáu chữ "Nam-mô A-di-đà Phật". Chữ phải to để thấy được từ xa, phải tồn tại được lâu ngày thì sẽ dứt được cái họa ấy. Do lòng từ của người khắc những chữ ấy sẽ cảm được từ quang của Phật gia bị. Từ rày bảo đảm chắc chắn không còn cái họa ấy nữa. Do đây có thể thấy được sức từ bi của Phật chẳng thể nghĩ bàn.

Cách cầu siêu cho người đã khuất chỉ có niệm Phật thật là bậc nhất, thí thực trong đời nay đều là hình thức mà thôi, do vậy chẳng bằng thỉnh tăng niệm Phật, buổi tối phóng Mông Sơn sẽ có lợi ích thật sự. Kinh sám pháp sự của Đạo gia thường là trộm lấy những danh nghĩa trong Phật pháp rồi bịa đặt ra. Tăng thí thực còn khó được lợi ích thật sự, thì đạo sĩ thí thực há độ được vong ư? Chẳng qua mượn chuyện này để dối người mà thôi. Bị oán quỷ dẫn đi, ước về sự thì tợ hồ chịu khuất, nhưng ước về nhân thì chẳng phải là khuất. Đối với những điều đã dạy trong quẻ xăm, há nên chấp chặt? Bởi sự có muôn vàn biến hóa, xăm chỉ có bấy nhiêu đó thôi. Ngay như lời giáng cơ còn có khi chẳng ứng nghiệm, huống chi là lời thơ trong quẻ xăm?

Nếu vợ chồng ông bỏ con gái bên sông rồi đi về, đứa con gái bị chết đuối thì vợ chồng ông có lỗi, chứ nó ở trong nhà, rốt cuộc tự đến chết nơi sông, ông tự bảo đó là lỗi mình thì thành nói xàm rồi. Thật vậy đó! Oán chớ nên kết. Đời trước đã kết, đời sau chịu quả báo. Con quỷ ấy há không có nhân gì lại có thể lôi được đứa con gái ấy xuống sông ư? Do vậy có thể biết là nhân quả vĩnh viễn không bị mất vậy.

5. Phật pháp viên thông vô ngại, cố nhiên Mật tông có chuyện "chẳng được a-xà-lê truyền dạy mà cứ tu học Mật pháp thì là trộm pháp" chính là nhằm thể hiện ý tôn trọng pháp đến tột cùng, chứ không phải nhằm vĩnh viễn đoạn trừ Mật tông. Nếu theo như lời ông nói, chưa thọ tam-muội-da giới[130] chẳng thể niệm Mông Sơn Thí Thực, thì không riêng gì Mông Sơn Thí Thực, ngay cả hết thảy chú cũng đều chẳng được niệm, vì chưa được a-xà-lê truyền dạy! Nhưng từ xưa đến nay, người bình thường niệm các chú Đại Bi, Chuẩn Đề[131] có cảm ứng rất nhiều. Thậm chí nhà Nho từ bia, thiếp mà biết có Tâm Kinh, mắc bệnh sốt rét[132] bèn gượng bệnh niệm kinh thì con quỷ gây bệnh sốt rét bèn tháo lui. Nếu đúng như ông nói thì con quỷ gây bệnh sốt rét sẽ càng thêm đắc thế[133]! Nay kể cùng ông một thí dụ. Ví như bậc quân tử đức dày lấy thân làm gương để dìu dắt người khác, người trong một làng nghe theo sự chỉ huy, thảy đều an phận giữ mình. Người ấy do lấy thân làm gương để dìu dắt người khác, vượt hơn quan phủ phát ra hiệu lệnh buộc dân thi hành. Chớ nói sự cảm hóa bằng đức của người ấy trỗi

---

[130] Tam-muội-da giới: Còn gọi là tam-ma-da giới, tức giới pháp bí mật trong Mật tông. Theo giáo nghĩa Mật tông, giới này lấy tâm Bồ-đề làm giới thể, lấy pháp giới vô lượng đức viên mãn làm hành tướng cho *bí mật chân ngôn giới*. Giới tướng của giới này là chẳng bỏ chánh pháp, chẳng lìa bỏ tâm Bồ-đề, chẳng keo kiệt hết thảy pháp, chẳng hề không lợi lạc chúng sanh. Đấy chính là bốn điểm trọng yếu của giới này. Ngoài ra còn có những điều phải tuân thủ riêng khi thọ trì một bộ chú pháp nào đó, chẳng hạn như không được ăn một số thực phẩm nào đó, phải tẩy tịnh trước khi vào đàn tràng theo một nghi thức chuyên biệt v.v. cũng như phát thệ không tự tiện nói cho người khác biết những gì mình đã được học, nhằm tránh tạo khẩu nghiệp báng pháp cho người thiếu căn duyên với Mật pháp khởi lòng nghi rồi hủy báng. Trước khi vào đàn thọ pháp Mật tông phải thọ giới này. Nói chung, tam-muội-da giới vẫn lấy ngũ giới làm căn bản, những kẻ tự xưng là Mật tông bí truyền không vâng giữ ngũ giới đều là tà sư hoại loạn Phật pháp.

[131] Chuẩn Đề (Cundī), còn được gọi là Chuẩn Chi, Chuẩn Nê, Chuẩn Đề Quán Âm, Chuẩn Đề Phật Mẫu, Phật Mẫu Chuẩn Đề, dịch nghĩa là thanh tịnh. Đây là một hóa thân của đức Quán Thế Âm Bồ-tát, đặc biệt bảo hộ chúng sanh đoản mạng và chiết phục oán quỷ. Thiền tông đặc biệt tôn sùng vị Bồ-tát này, hầu như các tự viện tùng lâm lớn của Trung Hoa đều thờ ngài. Thai Mật của Nhật Bản xếp ngài vào một trong các vị Phật Mẫu thuộc Phật Bộ, còn Đông Mật Nhật Bản xếp ngài vào một trong số sáu vị Quán Âm thuộc Liên Hoa Bộ (Thiên Thủ Quán Âm, Thánh Quán Âm, Mã Đầu Quán Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm, Chuẩn Đề Quán Âm, Như Ý Luân Quán Âm). Đại sĩ Quán Âm hiện thân này khi nói chú Chuẩn Đề. Ngài thường được tạc tượng có mười tám tay, mỗi tay cầm một món pháp khí, nhằm thể hiện ý nghĩa phân thân hóa độ khắp cả lục đạo ứng với mười tám giới.

[132] Ngược bệnh: Chữ ngược ở đây không phải là bệnh sốt rét thông thường, mà là bệnh do oán đối quỷ mị dựa vào khiến cho bệnh nhân lên cơn sốt rét mỗi ngày, phải nhờ vào chú lực hoặc kinh lực để giải trừ oán kết thì mới hết bệnh được. Chúng tôi vẫn dùng chữ "bệnh sốt rét" cho dễ hiểu.

[133] Do cuối Tâm Kinh là một bài chú nên nếu hiểu như ông Thôi Đức Chấn "chưa được a-xà-lê truyền dạy sẽ không được niệm, nếu tự tiện niệm sẽ mắc tội vượt pháp" thì những Nho sĩ do không được truyền dạy mà khi bị bệnh ngược cứ tự tiện niệm Tâm Kinh sẽ mắc tội vượt pháp, phước đức càng bị sút giảm, con quỷ gây bệnh ngược do đó càng được tăng thêm thế lực.

hơn quan phủ. Nếu bắt chước quan phủ phát ra hiệu lệnh buộc người ta thi hành thì mọi người đều cho đó là phản nghịch. Chỉ dùng tụng chú để tự tu trì thì có ích, còn nếu tự tiếm mạo sẽ có tội. Như thế thì chẳng đến nỗi đoạn diệt Mật tông, mà cũng chẳng đến nỗi phá hoại Mật tông. Người thời nay phần nhiều dùng tình kiến phàm phu để nói Phật pháp. Vì thế khắp mọi nơi đều trở thành gai góc, không chỗ nào để đặt chân bước đi được.

"Tiếm mạo"[134] là dối xưng a-xà-lê. Tác pháp[135] nào có trở ngại gì, vẽ chữ Phạn để quán tưởng đều có thể chiếu theo nghi quỹ, nhưng chớ nên tự xưng là đã được a-xà-lê quán đảnh. Ai biết được nghĩa này thì lời khuyên của Quang càng thêm rõ ràng. Người thời nay học Phật đều bằng cái tâm mù quáng khiến cho pháp nào cũng bị trở ngại, pháp nào cũng chẳng thành, đáng than cùng cực!

86. Thư trả lời cư sĩ Trầm Lai Vân

(Năm Dân Quốc 21- 1932)

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, điều đáng lo là trái giác hợp trần, chẳng chịu quay đầu thì Phật không làm thế nào được. Nếu chịu quay đầu thì kẻ trước kia trái giác hợp trần, mất niệm thành cuồng nay sẽ trái trần hợp giác, chế ngự được ý niệm, thành thánh vậy. Do tự tâm sẵn có Phật tánh, lòng từ của Phật nhiều kiếp thường rủ, huống chi di phạm (khuôn mẫu để lại) của lệnh nghiêm, lệnh cô trượng[136] vẫn còn, thật đúng là "hễ cầu bèn được". Quang đã già rồi, tinh thần chẳng đủ, vì thế trốn sang chùa Báo Quốc ở Tô Châu. Chùa này đã không có bất động sản mà cũng chẳng có chuyện thù tiếp, chỉ có mấy người kết lều tranh trú ngụ, suốt ngày đóng cửa sống qua ngày. Nay do lòng thành của ông muốn khai thị nhiều thì sẽ mệt nhọc khôn ngằn. Nay gởi cho ông Văn Sao, Gia Ngôn Lục, mỗi thứ một bộ. Xin đọc kỹ rồi hành theo đó thì ông cũng sẽ đạt được những gì lệnh nghiêm, lệnh cô trượng đã đạt được.

Nhưng muốn sanh về Tịnh độ, ắt cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới được. Nếu không, tâm trái nghịch với Phật, khó được lợi ích thật sự. "Giữ vẹn luân thường" vừa nói đó chính là tận lực hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa,

---

[134] "Tiếm mạo" là vượt phận và mạo nhận. Ý nói có những người tu Mật tông biết được một vài nghi quỹ, được truyền thụ một vài Mật pháp, nhưng chưa đủ tư cách, giới hạnh của một bậc đạo sư, chưa thấu hiểu Mật pháp, nhất là chưa đủ sự hành trì, đã tự tiện lập đàn truyền pháp, thu nhận đệ tử, tự xưng là a-xà-lê, rồi lập tông, lập phái.

[135] Đây là một thuật ngữ Mật tông, hành nhân vào đàn, quán tưởng, kết ấn, cúng dường, tụng niệm, hỏa cúng dường (hộ-ma) đều gọi chung là "tác pháp".

[136] Lệnh nghiêm: Tiếng gọi cha người khác một cách tôn kính. Lệnh cô trượng: Dượng (chồng cô)

liêm, sỉ. Cần phải thực hiện thật sự giữa cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn; nhưng bổn phận làm con còn dễ trọn, dễ biết, chứ bổn phận làm cha mẹ của người khác thì khó trọn, khó biết. Rất nhiều kẻ mù quáng quấy rối ngày nay tuy là tội của bọn họ, nhưng xét đến cội nguồn thì đều vì cha mẹ họ chưa hề đem đạo lý làm người và sự thật nhân quả bảo ban. Những gì họ được dạy dỗ đều là chú trọng suy nghĩ mưu mẹo lường gạt nên mới đến nỗi xấu hèn như thế. Do vậy nói rằng: "Nếu con người khéo dạy dỗ con cái thì gia đạo tự được hưng vượng, thiên hạ thái bình!" Khi con cái vừa mới hiểu biết, xin hãy đem ngay những chuyện con người nên làm và những điều chứng nghiệm thật sự về thiện ác, nhân quả thường nói với chúng thì con cháu nhiều đời về sau đều trở thành hiền nhân, thiện nhân. Do vậy, đây là nguyên do tại sao bổn phận của người làm cha mẹ so với bổn phận của kẻ làm con cái khó thể trọn hết được vậy!

87. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đỉnh ở Hải Môn (ba lá thư)

1. Điều ông chấp thuộc về đoạn kiến[137], chẳng biết một niệm tâm tánh của con người chúng ta chẳng phải thường, chẳng phải đoạn. Vì sao chẳng phải đoạn? Trước không có khởi đầu, sau không có kết thúc. Nếu có khởi đầu và kết thúc là rớt vào đoạn kiến. Vì sao chẳng phải thường? Bản tánh thường nhiên bất biến, nhưng lại có ý nghĩa tùy duyên. Hễ gặp duyên ngộ - tịnh sẽ thành Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật. Tuy viên thành Phật đạo nhưng tâm tánh trọn chẳng tăng, chỉ bỏ hết vọng tưởng, chấp trước, khôi phục tâm tánh sẵn có mà thôi. Nếu gặp duyên mê - nhiễm bèn thành trời, người, tu-la, quỷ, súc sanh, địa ngục. Tuy luân hồi trong sáu nẻo nhưng tâm tánh trọn chẳng bị giảm, chỉ do vọng tưởng, chấp trước che lấp bản tánh như mây che mặt trời nhưng mặt trời vẫn y như cũ, không bị hao hụt. Thuở ban đầu ông học phép *châu thiên đại đạo*[138], đây chẳng

[137] Đoạn kiến (uccheda-drsti): Còn gọi là đoạn diệt luận, phản nghĩa với thường kiến. Đây là tà kiến cho rằng rốt cuộc thế gian và ta đều mất hết, không còn nữa, hay nói đơn giản là chấp rằng "chết đi là hết". Do vậy, kẻ chủ trương đoạn kiến không tin vào nhân quả báo ứng. Quan điểm tà kiến có thể thấy rõ nhất qua cách nói của ngoại đạo Phú-lan-na Ca-diếp được ghi trong kinh Đại Bát Niết-bàn: "Không thiện, không ác, cũng không có quả báo thiện ác."

[138] Châu thiên là một thuật ngữ của Nội đan trong Đạo giáo. Trong ý nghĩa nguyên thủy, châu thiên là sự chuyển vận tuần hoàn của trời đất. Từ ý nghĩa này, các nhà Dịch học đã gán cho mỗi quẻ trong kinh Dịch một con số, gọi là *châu thiên số*, chẳng hạn quẻ Khôn khởi từ số 6, 6 lần 6 là 36, đấy chính là số thành của âm. Quẻ Càn khởi từ số 9, 6 lần 9 bằng 54, chính là số thành của dương. Từ đó, các nhà Nội đan đi xa hơn, cho rằng 9 và 6 cộng thành 15 là số của nhất khí (tức âm dương hợp nhất). Do vậy, họ cho rằng thân thể con người là một tiểu thiên địa. Một hơi thở hít vào, thở ra chính là một vòng *tiểu châu thiên* giống như sự tuần hoàn của âm dương trong vòng trời đất. Thở ra hít vào đủ 360 lần là một *đại châu thiên*. Tuy vậy, sau này, dưới ảnh hưởng của khí công, đại châu thiên và tiểu châu thiên được hiểu khác hẳn đi. Đại

những không phải là Phật pháp, mà cũng chẳng phải là phép của Lão tử. Hãy thử xem Đạo Đức Kinh của Lão tử có câu: *"Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân"* (ta có mối lo lớn là vì ta có thân).

Ngoại đạo đều chú trọng trường sanh bất lão và thành Đại La thần tiên. Nếu trở thành thần tiên nơi cung Đại La[139], xưng "thần" (bầy tôi) dưới tòa của Ngọc Đế, liền cho là vinh dự không chi hơn được! Chẳng biết Ngọc Đế vẫn còn thuộc trong lục đạo, huống gì những kẻ xưng thần dưới tòa Ngọc Đế. Hơn nữa, ông nói lúc trời đất mở mang, chúng sanh từ đâu đến ư? Chẳng biết trời đất giống như nhà cửa. Khi dựng xong cái nhà mới thì những người ở trong căn nhà cũ bị phá trước kia đã phải di cư sang nơi khác, nay theo như cũ trở về chốn xưa. Đến khi nhà cửa sắp hư, sẽ di chuyển sang nơi khác cũng giống như thế. Vì vậy kẻ có tội nghiệp sẽ di cư sang ác đạo trong thế giới phương khác. Người có công đức sanh vào trời Nhị thiền[140]. Sơ thiền[141] hoại bảy lần thì Nhị Thiền mới hoại một lần. Nhị

---

châu thiên và tiểu chân thiên là cách vận công hít thở theo hai mạch Nhâm và Đốc, tùy theo đường vận chuyển của khí mà gọi là đại hay tiểu châu thiên. Châu thiên đại đạo là một phái luyện Nội đan thịnh hành ở Trung Hoa thời đó, trá xưng là Phật giáo chánh truyền để thu hút tín đồ. Do phép vận khí này do các đạo sĩ đời sau chế ra, gán cho Lão tử, nên tổ Ấn Quang nói "phép này cũng chẳng phải là của Lão tử".

[139] Cung Đại La là chỗ ở của Ngọc Đế theo truyền thuyết Đạo giáo. Câu nói quen thuộc của đạo sĩ là: *"Tam Thanh thượng, viết Đại La"* (phía trên Tam Thanh là Đại La). Theo các đạo sĩ, chỗ cư trú trên thiên giới có 36 nơi, chỗ cao nhất gọi là trời Đại La. Cung Đại La nằm trên tầng trời Đại La.

[140] Nhị thiền là tầng trời thứ hai trong Sắc giới, là chỗ ở của những người đã chứng Nhị thiền. Tầng trời này thật ra gồm ba cõi trời: trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang và trời Quang Âm. Do chư thiên trong tầng trời không còn *tầm, tư*, nhưng vẫn còn ý niệm hỷ lạc nên vẫn không tránh khỏi đại thủy tai.

[141] Trời Sơ thiền chính là tầng trời đầu tiên trong Sắc giới. Đây chính là chỗ những người đã đắc Sơ thiền sau khi mạng chung sanh về nên gọi là trời Sơ thiền. Chư thiên trong tầng trời này đã viễn ly những ác pháp trong Dục giới, sanh cảm thụ hỷ và lạc, nên tầng trời này còn gọi là Ly Sanh Hỷ Lạc Địa. Theo luận Câu-xá, quyển 8, quyển 28 và luận Chánh Lý quyển 21 thì chúng sanh trong tầng trời này lại chia thành ba loại:

1. Trời Đại Phạm (Mahā-brahman): Nơi ở của Đại Phạm thiên vương (Mahā-brahmaraja), tức chúa tể thế giới Sa-bà này.

2. Trời Phạm Chúng (Brahma-pārisadya): Nơi ở của tất cả những chúng sanh được thống lãnh, giáo hóa bởi Đại Phạm thiên vương.

3. Trời Phạm Phụ (Brahma-purohita): Các đại thần, thị vệ của Đại Phạm thiên vương.

Theo kinh Trường A-hàm, quyển 20, ngoài ba loại thiên chúng kể trên còn có một loại nữa mệnh danh là trời Phạm Thân (Brahma-kāyika). Do đây là chỗ ở của những vị tu phạm hạnh thanh tịnh nên còn gọi là Phạm Giới (cõi thanh tịnh) hoặc Nhị Tịnh Xứ.

Thiền hoại bảy lần thì Tam thiền[142] mới hoại một lần. Đây gọi là tam tai. Cõi trời Tứ thiền[143] vĩnh viễn không bị hư hoại. Khi Tam thiền hoại, những chúng sanh có công đức đều sanh lên Tứ thiền.

Lại nữa, ông đã tin vào pháp môn Tịnh độ sao không sốt sắng tu hành, lại cứ lầm lạc muốn trở thành bậc thông gia hỏi những chuyện chẳng liên quan đến phận mình như vậy? Ông vốn mang tánh chất ngoại đạo, coi ngoại đạo là Phật pháp, coi Phật pháp là ngoại đạo. Những niềm tin hồ đồ này lẽ ra chẳng nên trả lời, nhưng thật sợ biết đâu ông có duyên với Phật, nhờ đây có thể phản tà quy chánh cũng không chừng. Vì thế khôn ngăn dài dòng một phen. Nếu tin được thì cứ chiếu theo Gia Ngôn Lục mà tu, ắt được lợi ích lớn lao. Nếu muốn phô phang sự biện luận mù quáng của chính mình, cứ gởi thư tới thư lui để hỏi han, chắc chắn tôi sẽ không trả lời. Vì sao vậy? Đã chẳng thể lãnh hội, vẫn chấp mê là đúng, ai rảnh rỗi tâm tư để biện luận cùng ông những chuyện chẳng liên quan đến thân tâm tánh mạng của chính mình cơ chứ? Tôi vốn muốn phê đại lược vào thư ông, hiềm rằng ý nghĩa lời phê quá sơ sài thì lòng nghi của ông vẫn chẳng thể giải quyết được, vì thế mới tiếp tục viết hai trang.

2. Năm ngoái đã phải giảo duyệt sách không rảnh rỗi, sau đó lại bị bệnh không rảnh rang để sửa sách, cho nên chỉ bảo Lý Viên Tịnh[144] gởi pháp danh Đức Tịnh

---

[142] Trời Tam thiền là tầng trời thứ ba trong Sắc giới, còn gọi là Đệ Tam Tịnh Lự. Do chư thiên cõi này lìa được hỷ trong Nhị thiền nhưng lại sanh ý niệm lạc tịnh diệu nên tầng trời này còn gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc Địa, tâm tư tương ứng với hai cảm thụ lạc và xả. Tầng trời này gồm ba tầng nhỏ là Thiểu Tịnh, Vô Lượng Tịnh và Biến Tịnh.

[143] Trời Tứ thiền (Caturdhyānabhūmi) còn gọi là Đệ Tứ Tịnh Lự Thiên, Đệ Tứ Tịnh Lự Xứ, Tứ Sanh Tịnh Xứ, Sanh Tịnh Xứ, là tầng trời cuối cùng trong Sắc giới, là nơi những người đắc Tứ thiền sanh về sau khi mạng chung. Tầng trời này thật ra bao gồm tám tầng trời nhỏ: trời Vô Vân, trời Phước Sanh, trời Quảng Quả, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Hiện, trời Thiện Kiến, trời Sắc Cứu Cánh. Ý thức của chư thiên cõi này chỉ tương ứng với hai cảm thụ hữu và xả.

[144] Lý Viên Tịnh (1894-1950) tên thật là Vinh Tường, Viên Tịnh là pháp danh. Ông là người huyện Tam Thủy, tỉnh Quảng Đông, từng tốt nghiệp về ngành văn chương tại đại học Phúc Đán ở Thượng Hải, quy y với ngài Đế Nhàn, chuyên tu Tịnh độ. Thoạt đầu vốn ham học rộng nghe nhiều, thông thạo các bộ kinh lớn của Đại thừa. Về sau bị bệnh phổi, phải sang Nhật chữa trị. Nhân đọc Văn Sao bèn lãnh ngộ, tự nguyện làm môn nhân của tổ Ấn Quang, dốc chí xiển dương Tịnh độ. Ông chính là tác giả biên soạn Gia Ngôn Lục. Ngoài ra, ông còn viết những tác phẩm khác như Phật Pháp Đạo Luận, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm Thích, Hoa Nghiêm Kinh Sớ Khoa Văn Biểu Giải, Hộ Sanh Thống Ngôn, Sức Chung Tân Lương, Đại Thừa Tông Yếu, Lăng-nghiêm Kinh Bạch Thoại Giảng Yếu, Phạm Võng Bồ-tát Giới Bổn Hội Thích v.v.. Ông cùng các vị Tưởng Duy Kiều, Hoàng Hàm Chi v.v. tổ chức Hoa Nghiêm Đại Sớ Sao Biên Ấn Hội để hiệu chỉnh, ấn tống bộ Hoa Nghiêm Đại Sao Nghĩa Sớ của ngài Thanh Lương Trừng Quán cũng như tham gia công tác vĩ đại là ấn tống bộ

cho ông mà thôi! Những gì đã được nói trong Văn Sao đều là khai thị, nhưng Gia Ngôn Lục lại tom góp những khai thị trọng yếu vào một chỗ, khá dễ lãnh hội, cần gì cứ phải có một lá thư trả lời trong lúc trăm chuyện bận bịu? Những kẻ hoằng pháp hiện thời đa phần tự khoe thượng căn lợi khí, lại còn dùng cung cách thượng căn lợi khí để đối xử với người khác nên chẳng chú trọng trì danh cầu vãng sanh, chỉ mong mỏi khai ngộ. Điều này phải do chính bản thân người tu hành tự lượng thì mới nên. Nếu người ấy có thể khai ngộ, hiểu giáo lý, lại có thể đoạn sạch được kiến hoặc và tư hoặc thì còn chi tốt bằng? Nếu chẳng thể, lẽ đương nhiên nên y theo tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, đấy là sách lược quyết định tốt đẹp có một không hai. Nếu không, về mặt gieo thiện căn quả thật là có, nhưng với chuyện liễu sanh tử sợ rằng khó thể dự đoán được số kiếp nào sẽ có thể liễu thoát được!

Ông ở trong hàng ngoại đạo đã lâu, ông đã sanh lòng chánh tín thì phàm lời ăn tiếng nói, xử sự chớ nên giống với bọn họ, có lẽ sẽ chuyển được tà chấp của họ. Điều cần thiết bậc nhất là phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Điều cần thiết thứ hai là phải có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, chẳng để cho tâm danh lợi và cầu mong phước báo trời người chớm nẩy chút nào thì có thể gọi là Đức Tịnh. Tức là như kinh Duy-ma đã dạy: *"Dục sanh Tịnh độ, đương tịnh kỳ tâm. Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh"* (Muốn sanh Tịnh độ, nên tịnh cái tâm. Hễ cái tâm đã tịnh thì cõi Phật sẽ tịnh). Tâm có ô uế, làm sao sanh về Tịnh độ cho được?

Nếu muốn hóa độ người khác, quả thật chẳng cần phải bày vẽ môn đình, chỉ nên bảo mọi người ai nấy ở trong nhà của chính họ tu trì những điều vừa nói trên đây là được rồi. Nếu muốn lập một tổ chức hẳn hoi thì chỉ cần mượn một chùa miếu nào đã có sẵn để làm chỗ đề xướng mỗi kỳ (Mỗi kỳ tùy theo nhân sự để hạn định, hoặc là mỗi tháng hai lần, hoặc là mỗi tuần một lần, chớ nên lãng phí tiền tài. Mọi chuyện phải lấy tiết kiệm làm điều chánh yếu). Nếu muốn xây cất ngay thì trong lúc này thời cuộc gian nan, không những khó thể thành tựu mà còn rất có thể chuốc lấy những họa hoạn khác. Suốt đời Quang chẳng ưa bày vẽ, cho nên suốt đời chẳng làm chủ nhân, chẳng thu đồ đệ, chỉ làm một ông tăng ăn nhờ ở đậu trong chùa người ta. Mười mấy năm gần đây, do bên ngoài đồn thổi, mọi người lầm nghe, tưởng Quang là thiện tri thức đến nỗi bận bịu khôn cùng. Nay đã bảy mươi rồi, làm sao có thể thường bận bịu cho được? Vì thế muốn gấp ẩn cư, cự

Phổ Huệ Đại tạng kinh (đây là Càn Long Đại tạng kinh đã được giảo duyệt cẩn thận và do cư sĩ Phổ Huệ bỏ tiền ấn tống nên được gọi là Phổ Huệ Đại tạng kinh).

tuyệt hết thảy chuyện tình nghĩa qua lại. Tôi sẽ qua Thượng Hải ẩn dật mãi mãi, từ rày đừng gởi thư tới nữa!

3. Đệ tử Phật cúng tổ tiên, lẽ đương nhiên nên lấy tụng kinh, trì chú, niệm Phật làm chánh. Đốt giấy vàng bạc cũng chẳng nên bỏ, bởi chẳng biết chắc tổ tiên đã được vãng sanh ngay hay chưa? Dẫu chắc chắn được vãng sanh ngay, cũng chẳng ngại gì giúp cho kẻ chưa được vãng sanh chi dùng. Người thọ ngũ giới nên đắp mạn y[145] là loại y có năm điều thẳng, chứ không phải là loại y năm điều gồm một miếng dài, một miếng ngắn. Nay thì y năm điều một dài một ngắn, y bảy điều hai dài một ngắn, [hàng tại gia đệ tử] thường đắp loạn xạ, thật là "tiếm việt" (lạm danh, vượt phận). So với chuyện tiếm việt này, chẳng thà không đắp y còn tốt hơn! Nếu muốn đắp y thì chỉ nên trong lúc lễ bái mới đắp, chẳng nên thường đắp đến nỗi rối loạn nghi thức, quy củ. "Cụ" vốn có tên là "tọa cụ"[146] để dùng trong lúc ngồi, nước ta lại thường dùng trong lúc lễ bái. Hễ theo đại chúng thì không

[145] Mạn y (patta), dịch âm là bát-tra, là một trong các loại y của tăng chúng. "Mạn" nghĩa là y trơn, không có điều, tức là không gồm nhiều mảnh vải nhỏ may ghép lại. Thông thường mạn y được mặc bởi những vị sa-di, sa-di-ni, do họ chưa thọ cụ túc, chưa đủ tư cách làm bậc Ứng Cúng nên y để đắp không cắt thành hình thửa ruộng (phước điền y) như y của chư tăng. Ở Trung Hoa, cư sĩ cũng đắp y, nhưng y không có điều. Lại nữa, loại mạn y này để nguyên cả khổ vải để may, chỉ viền mép y, còn y của sa-di thì gồm hai mảnh vải may đâu lại, may thành sọc ở chính giữa để phân biệt với y của chư tỳ-kheo và cư sĩ. Khi xưa do khổ vải hẹp, đôi khi mạn y cũng gồm nhiều mảnh vải nhỏ (mỗi miếng ấy được gọi là điều) ghép lại, như trong lá thư trên, tổ có nói đến loại mạn y gồm năm miếng dành cho cư sĩ, nhưng để phân biệt, năm miếng đó có chiều dài bằng nhau, chứ không cắt thành miếng dài, miếng ngắn may ghép lại như y của người xuất gia. Hiện thời ngoại trừ trong một số đạo tràng như Phật Quang Sơn chẳng hạn, cư sĩ thọ ngũ giới thường đắp y khi tụng niệm, trong các đạo tràng khác, chỉ cư sĩ đã thọ Bồ-tát giới mới đắp y trong khi làm lễ tụng giới, chứ không đắp y thường xuyên trong các buổi tụng kinh.

[146] Tọa cụ (nisīdana), thường được phiên là ni-sư-đàn, hoặc ni-sư-đát-na, nĩnh-sử-na-nẵng, dịch nghĩa là phu cụ, phố cụ, tọa cụ, tọa y, tùy tọa y v.v., đều có nghĩa là đồ trải ra trên mặt đất để ngồi hay nằm với mục đích tránh các loại côn trùng bò lên cắn chích thân thể, và giữ cho ba y khỏi bị lấm dơ. Giống như ba y, tọa cụ chỉ dùng hoại sắc, tức những màu úa. Tọa cụ thường may như một tấm chăn to, dùng vải cũ viền quanh mép, may thành hai ba lớp, hay được chế từ y cũ. Theo luật định, kích thước của tọa dài chừng 4 thước tám tấc, rộng ba thước sáu tấc (thước Tàu). Tuy thế, khi đạo Phật truyền xuống Nam Ấn, chư tăng thường dùng ngọa cụ vắt vai, như khi đi khất thực hoặc bố-tát (tụng giới), chư tăng sĩ Tích Lan, Thái Lan nay vẫn khoác chéo lên vai, rồi dùng đai lưng buộc lại. Đến khi truyền sang Trung Hoa, tọa cụ biến thành một dụng cụ để lễ bái, trước khi lễ, vị tăng cầm tọa cụ giơ lên trước Phật, xá một lần, rồi mở tọa cụ ra (gọi là "triển cụ"), đặt xuống bục quỳ, lễ xong, lại xếp tọa cụ, giơ lên xá, rồi vắt lên tay. Bách Trượng Thanh Quy đã quy định rất chặt chẽ về nghi thức "triển cụ" trong khi lễ bái, nhất là khi cử hành các pháp sự lớn như Diệm Khẩu, Thủy Lục, Trai Tăng, Truyền Giới. Ở đây, tổ có ý chê tọa cụ bị dùng sai mục đích, cũng như khuyên ông Thái Tích Đỉnh đừng chấp trước cứ nhất thiết phải đắp y, triển cụ trong khi lễ bái.

thể chẳng dùng, còn tự hành thì dùng hay không tùy ý ta. Tăng còn như thế huống gì là cư sĩ ư?

88. Thư trả lời cư sĩ Lương Huệ Đống

(Năm Dân Quốc 21- 1932)

Quang già rồi, không có tinh thần để khai thị. Do ông đề xướng pháp môn Tịnh độ nên nay gởi cho ông Tịnh Độ Thập Yếu, Phật Học Cứu Kiếp Biên và bức thư dài (tức Một Lá Thư Gởi Khắp). Y theo đó tu trì sẽ tự được lợi ích thật sự. Nhưng đã đề xướng Phật học, ắt phải chú trọng đến pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu không, chỉ là gieo thiện căn, chẳng thể liễu sanh tử ngay trong đời này. Hơn nữa tại quý địa, ngoại đạo rất đông, bất luận là loại ngoại đạo nào, đều chớ nên tu trì theo pháp của chúng. Nếu học Phật mà vẫn tu pháp ngoại đạo sẽ trở thành cái tội hoại loạn Phật pháp, gây lầm lạc, nghi ngờ cho chúng sanh. Đã học Phật pháp ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tín nguyện niệm Phật, quyết định cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Dùng những điều ấy để tự hành, dạy người, ngõ hầu trong là gia đình, quyến thuộc, ngoài là hết thảy những ai hữu duyên đều cùng tu pháp này, cùng hưởng lợi ích này.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Đống, nghĩa là dùng trí tuệ của Phật để làm rường cột cho cõi đời, ngõ hầu những người cô đơn không nơi nương tựa cùng được nương nhờ, che chở dưới mái nhà Phật pháp lớn lao này. Nếu chịu nhìn vào danh, nghĩ tới nghĩa sẽ chẳng bỏ uổng đời này và dịp gặp gỡ này. Hơn nữa, những điều nói trong bức thư dài đều là những chuyện thiết yếu. Khi sanh nở niệm thánh hiệu Quán Âm thật sự là chuyện quan trọng bậc nhất trong đời người, hãy nên bảo với hết thảy mọi người thì sau này chẳng những không phải chịu nỗi nguy hiểm đau khổ mà con cái sanh ra còn được yên vui, không có các tai ương. Tiếc rằng người đời không biết, nên đến nỗi thường chịu khổ sở chẳng kham, hoặc đến nỗi cả mẹ lẫn con đều chết, đáng buồn thay!

Tịnh Độ Thập Yếu là sách quan trọng nhất trong pháp môn Tịnh độ. Bản ấn hành lần này lại thêm vào mấy cuốn sách quan trọng, mấy bài văn thiết yếu. Có được cuốn sách này y theo đó tu trì, ví như mặt trời rực rỡ giữa trời, đi trên đường lớn của vua, tiến thẳng về phía trước, trọn không lầm lẫn. Những kẻ đứng ngoài cửa thường chẳng cho những điều đã nói trong sách là đúng, liền cầu bí pháp "miệng truyền, tâm trao". Đây chính là quen thói nghe theo tà thuyết "phải là

miệng truyền tâm trao thì mới có thể đắc đạo" của ngoại đạo, rồi tưởng lầm Phật pháp cũng giống như vậy, đáng buồn, đáng đau, chớ nhiễm tà kiến ấy.

89. Thư trả lời cư sĩ Vu Quy Tịnh

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Muốn học Phật phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới được. Chẳng thể làm hiền nhân, thiện nhân trong thế gian, làm sao được lợi ích chân thật nơi Phật pháp? Mẹ ông đã ăn chay trường niệm Phật, hãy nên đem tông chỉ Tịnh độ và những nghĩa lý tu trì quan trọng kể cho mẹ ông nghe, ngõ hầu mẹ lẫn con cùng sanh về Liên Bang. Lại phải đem pháp này nói với khắp hết thảy bạn bè hữu duyên, ngõ hầu mọi người cùng được gội ân giáo hóa của Phật, cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh về Tây Phương. Ông đã tốt nghiệp, trong cõi đời lúc này tuyệt đối chớ nên xuất gia, huống chi mẹ ông lại không bằng lòng. Ngay cả bế quan cũng không cần! Nay tôi vì ông tính kế, ông có thể làm thầy giáo trong trường tư thục, hoặc trông coi sổ sách cho công ty của người khác, đều có thể nhận được một ít lương bổng để sống qua ngày. Nhưng cần phải chuyên cần đọc sách sao cho văn tự thông suốt thì mới nên, chớ có biếng trễ, lười nhác đến nỗi chẳng có thành tựu gì.

Pháp danh của ông vốn sẵn có hai chữ Quy Tịnh thật hay, cổ nhân nói: *"Túng nhiên sanh đáo Phi Phi Tưởng, bất như Tây Phương quy khứ lai"* (Phi Phi Tưởng dẫu được sanh, chớ hề bằng được trở về Tây Phương). Nếu có thể chất phác niệm Phật thì nương theo nguyện thuyền của đức Di-đà, trở về quê hương Cực Lạc Tịnh Độ là điều có thể đoán chắc. Đây chính là điều ngàn kinh muôn luận, đâu đâu cũng chỉ dẫn hướng về. Nếu chẳng trở về đây, chắc chắn sẽ như đứa con nghèo túng, chẳng biết quê cũ, chẳng nhớ cha lành, cam phận lênh đênh quê người, lê la khe rãnh. Nếu chẳng so đo, chẳng bàn đi tính lại, cứ nhất tâm quay về, mới biết tự tánh vốn sẵn thanh tịnh, còn có chỗ nào để cầu tướng quay về và tướng tịnh nữa ư? Cổ nhân lại nói: *"Tự thị bất quy, quy tiện đắc. Cố hương phong nguyệt hữu thùy tranh?"* (Tự mình chẳng về, về liền được. Gió trăng quê cũ há ai giành?) Quy Tịnh hãy trở về cõi tịnh, niệm tại đâu nghĩ tại đó nhé!

90. Thư trả lời cư sĩ Tông Thành

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Học đường hiện thời đúng là một cái bẫy hãm người, chẳng hãm trong đảng phái sẽ lại hãm trong tự do luyến ái, mặc tình chơi bời bừa bãi. Phải biết, con

người chỉ là một loài động vật cao năm sáu thước mà sánh cùng trời đất xưng là tam tài thì danh xưng con người cao quý không chi bằng được! Danh đã tôn quý, ắt phải có thực chất đáng tôn quý thì mới có thể gọi là người. Nếu không, chính là loài cầm thú mặc áo đội mũ, do chẳng có khí phận của con người vậy. Tài chính là khả năng, trời có thể sanh ra muôn vật, đất có thể chở muôn vật, con người có thể kế thừa bậc thánh đời trước, giúp cho thế hệ tương lai học theo, giúp cho những chỗ mà sự sanh thành, dưỡng dục của trời đất chưa thấu tới, nên cùng với trời đất xưng là tam tài. Nếu chỉ biết ăn uống, trai gái, chẳng biết hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ thì còn kém hèn hơn loài cầm thú, uổng một đời mang thân con người, trọn chẳng có khí phận của con người chút nào. Hễ một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ đọa vào địa ngục trải trăm ngàn kiếp trọn chẳng có kỳ ra. Muốn được làm cầm thú còn chưa thể được, huống gì lại được làm người ư?

Do ông thuở đầu chẳng biết nghĩa này, nghe bạn ác dụ dỗ nên chơi bời bừa bãi, đến khi đã mắc bệnh phong tình, đau đớn không kham nổi. Lành bệnh rồi lại ăn chơi, lại phát bệnh, lành bệnh xong lại phạm, cũng là kẻ chẳng biết tốt xấu quá đáng, quá thiếu chí hướng, khí tiết vậy! Phải biết đàn ông chơi bời bừa bãi và đàn bà lén lút tằng tịu với người khác trọn chẳng khác gì nhau. Người đời thường cho đàn bà lén lút tằng tịu với người khác là hèn hạ, nhưng đàn ông chơi bời bừa bãi lại chẳng bị chê trách. Đấy đều là vì chẳng biết ý nghĩa cái tên gọi con người nên mới có tri kiến hèn kém ấy. May là ông đã nhiều lần chịu khổ, mới biết quay đầu, cũng là do thiện căn đời trước xui khiến, nhưng Quang lại phải nói cặn kẽ nguyên do, vì sợ cái tâm ông chưa nguội lạnh, sau này có thể lại dẫm theo vết xe ấy. Do vậy, muốn làm cho ông biết danh hiệu con người tôn quý, chẳng đến nỗi tự ruồng rẫy, tự vứt bỏ bản thân, và đem điều này khuyên dụ hết thảy nam nữ thanh niên đều cùng bẩm thụ danh xưng con người tôn quý, thực hành những điều lành trong thế gian là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành.

Lại còn phát tâm Bồ-đề, lợi khắp mình lẫn người, đều cùng sanh lòng tin, phát nguyện, niệm thánh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, để tu điều lành xuất thế ngõ hầu đáng gọi là người. Tuy chẳng thể kế tục người xưa, nêu gương cho đời sau, giúp vào quyền sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất như bậc cổ thánh tiên hiền, cũng vẫn có chút công đức kế tục người xưa, nêu gương cho đời sau, giúp vào quyền sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất thì danh xưng con người mới có thực chất, chẳng trở thành chuyện nói suông. Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Thành, tông là chủ, là gốc, tông thành nghĩa là dùng lòng chân thật chí thành để tự hành, dạy người, chẳng có chút nào hư giả mảy may và ý niệm xấu hèn để đến nỗi cô phụ chữ người. Ngũ giới có thể tự trì trước, khi đã trì thật sự lâu ngày rồi

thì lại chánh thức thọ giới nào khó chi đâu? Nếu tâm vẫn còn do dự thì đáng gọi là trò trẻ con đùa bỡn, chẳng những chính ông mắc tội lỗi, mà Quang cũng có tội lỗi nữa đấy!

91. Thư trả lời cư sĩ Hứa Huệ Phảng

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Bệnh của ông là do trong đời trước hoặc trong đời này đã làm chuyện hại đến tánh mạng người ta. Nghiệp này chẳng tiêu, bệnh quyết khó lành. Hiện thời uống thuốc vô hiệu thì có thể chẳng uống, chỉ lắng lòng niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để mong siêu độ oán gia. Niệm Phật tuy chẳng thấy hiệu quả nhưng vẫn có lợi ích, chẳng thể xem như có cùng một tác dụng với uống thuốc. Sinh kế trong nhà ông ra sao? Nếu không có tài lực thì tự mình hãy chí thành khẩn thiết niệm Phật. Hãy nên sanh lòng hổ thẹn, chớ nên sanh tâm phẫn hận. Sanh lòng hổ thẹn thì lòng oán hận của oán gia sẽ tháo gỡ được, nếu sanh tâm phẫn hận thì muốn tháo gỡ càng thêm kết chặt. Do người ta ôm lòng báo hận, ông lại ôm lòng hận báo thù người ta, nên càng kết sâu thêm, không cách nào cởi gỡ được. Đấy chính là cách cởi gỡ oán kết bậc nhất.

Nếu sinh kế trong gia đình dư dả thì có thể đến núi Linh Nham dự một Phật thất, hoặc thỉnh 15, 20, 30 người đều được. Linh Nham là chỗ sốt sắng tu hành bậc nhất trong vùng Giang - Chiết, niệm Phật quanh năm giống như lối đả Phật thất thông thường[147]. Có thí chủ mời bao nhiêu người đả thất thì vẫn niệm Phật theo lệ thường, chẳng qua là đối trước Phật, đối trước bài vị, hồi hướng thêm ba lần mà thôi. Bất luận đả thất hay không đả thất, đều niệm giống hệt như nhau, chẳng qua là thỉnh bao nhiêu đó người thì sẽ được công đức của bấy nhiêu đó người. Hiện thời niệm Phật đường có hơn 30 người. Nếu đả thất sẽ lập một bài vị *Cởi gỡ oán kết*[148] bằng giấy, ngày Phật thất viên mãn sẽ đốt đi. Nếu chính mình lập một bài vị *Trường sanh lộc vị* thì làm một bài vị bằng gỗ, thờ vĩnh viễn trong

[147] Nguyên văn "phổ thông Phật thất": Gọi như vậy để phân biệt với Tinh Tấn Phật Thất. Tinh Tấn Phật Thất là niệm Phật suốt 24 tiếng đồng hồ, ai mệt hoặc đuối sức cứ lui ra, khi nào khỏe sẽ lại theo đại chúng niệm Phật, nhưng không được viện cớ để trốn tránh, biếng nhác. Còn Phổ Thông Phật Thất chỉ chia một ngày thành sáu thời niệm Phật, có công khóa sáng tối, có định giờ cho đại chúng nghỉ ngơi. Khi đã nói đến Phật Thất là phải cử hành niệm Phật tối thiểu bảy ngày (Thất là bảy ngày, chứ không có nghĩa là cái nhà, cái thất như trong chữ Nhập Thất). Nếu chỉ niệm Phật một hai ngày, không thể gọi là Phật Thất được! Nếu như chỉ cử hành ba ngày hay một ngày, người Trung Hoa sẽ gọi là Phật tam, hoặc Phật nhất, hoặc chỉ gọi là Niệm Phật Cộng Tu.

[148] Đây là một bài vị viết *"Phật Quang chú chiếu, phục vị tín chủ mỗ giải oán thích kết, hồi hướng siêu độ oán gia chi vị"* (Phật Quang tưới gội, bài vị kính vì thí chủ… cởi gỡ oán kết, hồi hướng siêu độ cho oán gia).

niệm Phật đường thì thêm 50 đồng. Nếu không làm thì cứ tính mỗi người là 10 đồng, như 15 người thì là 150 đồng; 30 người là 300 đồng. Đây chẳng phải vì Linh Nham mà tổ chức Phật thất, mà là do bệnh tình ông trầm trọng nên chẳng ngại gì mà nói đến biện pháp này. Ông hãy tự châm chước, nếu không có sức, chớ nên miễn cưỡng!

Nay tôi gởi cho ông hai cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, ông và vợ cùng được thọ trì, có thể dùng làm kinh thường tụng. Hơn nữa, năm ngoái Linh Nham đã trùng tu lớn. Hiện thời bia đã khắc xong, đã rập bài văn bia ấy, nay gởi cho ông một tờ, đọc rồi sẽ biết đại khái về tu trì. Đối với những điều Quang tùy tiện nói ra cần gì phải sao chép, thu thập? Văn Sao, Gia Ngôn Lục đã đủ để làm khuôn mẫu rồi, sao lại phải cầu cho nhiều? Đối với những sách ngụy tạo của bọn ngoại đạo tên X… nọ, chúng ta chỉ nên mặc kệ chúng, mỗi người đi theo đường lối riêng. Nếu cùng với bọn mù quáng không mắt ấy biện định trắng đen, chúng nó làm sao tự biết là sai, đâm ra lại chuốc lấy sự phỉ báng của chúng. Ví như con chó ăn phân, nó tự cho là thơm ngon; nếu bảo với nó là tởm thối, chắc chắn nó chẳng chịu tin, chê ngược người vừa nói đó chẳng biết tốt xấu! Trong đời hiện thời, mọi người hoàn toàn ở trong tăm tối, học vấn càng cao, càng hồ đồ. Xưa kia ông Trình, ông Chu học vấn lẫn nhân phẩm có thể nói rất rộng rất cao, nhưng lại cực lực bài xích nhân quả luân hồi, cho là đức Phật mượn những chuyện ấy để dối gạt bọn ngu phu ngu phụ. Lời lẽ ấy chính là căn cứ lớn lao để đề xướng phá hoại hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Biết điều này sẽ càng thêm nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Kẻ có học vấn hiện thời còn đáng để nói nữa ư?

92. Thư trả lời cư sĩ Ân Đức Tăng

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Muốn đọc tụng Đại thừa để giúp cho tịnh nghiệp mà không thật sự có chánh tri chánh kiến hiểu biết Tịnh độ sâu xa sẽ không được. Nếu không, sẽ coi những pháp môn cao sâu huyền diệu trong kinh giáo là bậc thượng, hoàn toàn xem pháp môn Tịnh độ là sự tu trì của ngu phu ngu phụ. Gần đây những người giảng Hoa Nghiêm, giảng Pháp Tướng, phần nhiều đả phá Tịnh độ. Ông X… ở Hồ Nam hiểu sâu Tịnh độ và còn cực lực đề xướng, do học Pháp Tướng tông, những gì ông ta nói về sau này đều là báng Phật, báng pháp, báng tăng. Ông đã phát cái tâm lớn lao này, khá là khó có, nhưng chưa chắc đã không bị lay chuyển bởi những tri thức từ kinh giáo. Chẳng bị chuyển thì đáng gọi là Phật tử chân thật; hễ bị chuyển thì sẽ trở thành bỏ dễ chọn khó, hoặc giống như ông X… ở Hồ Nam thì than ôi,

buồn thay! Khi xưa, một vị pháp sư dùng niệm Phật để bán đậu ngũ hương[149], dùng giảng kinh để mở ngân hàng, niệm Phật lại biến thành cơm trộn lẫn cát, làm sao ăn được? Do vậy biết rằng, không có đại thiện căn sẽ chẳng thể tin tưởng sâu xa pháp này! Nói với ông điều này là nhằm làm cho trước khi ông cất bước đã nhận biết chắc chắn hướng chỉ của kim chỉ nam. Nếu không, có thể mạo xưng là bậc đại thông gia, sợ khó lòng đạt được liễu sanh tử. Niệm Di-đà cũng có thể làm chỗ nương cậy, niệm Quán Âm cũng có thể vãng sanh Tây Phương, chỉ cần giữ lòng chí thành sẽ có cảm ứng, sao lại suy tính hạn hẹp như vậy? Quán Âm là Pháp Vương Tử của Phật Di-đà, phụ trợ Phật Di-đà độ thoát chúng sanh là chuyện trong cùng một nhà, chứ đâu phải là mỗi vị môn đình khác biệt.

93. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Hiện thời thế đạo suy vi, tu hành tại gia tốt hơn, xuất gia đâm ra bị nhiều chướng ngại, con cái đừng nẩy sanh ý tưởng xuất gia. Trong đời kiếp trược này, cha ông chẳng biết nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cứ si dại muốn tham thiền để minh tâm kiến tánh. Nên biết: Những gì ông ta tham đó chẳng phải là thiền mà chính là văn tự tri kiến, có tham đến già cũng chẳng ăn nhập gì tới thiền! Dẫu có được lợi ích minh tâm kiến tánh thật sự nơi tham thiền thì vẫn cách liễu sanh thoát tử rất xa. Bởi lẽ, phiền não hoặc nghiệp chưa đoạn, ngộ thì ngộ đấy, sanh tử vẫn sanh tử. Nếu nói minh tâm kiến tánh liền đạt được không sanh tử thì đấy là sự nhận lầm lạc của gã đứng ngoài cửa và kẻ cuồng thiền. Nhưng trong hiện thời ai là người minh tâm kiến tánh đây?

Pháp môn Tịnh độ hoàn toàn cậy vào Phật lực, hãy xem kỹ Gia Ngôn Lục, Văn Sao, y theo đó tu hành sẽ chắc chắn có thể vãng sanh Tây Phương. Mùa thu năm ngoái đã in xong bộ Tịnh Độ Thập Yếu, đây là bộ sách quan trọng nhất của pháp môn Tịnh độ. Cuối năm in xong cuốn Phật Học Cứu Kiếp Biên, nhà in vẫn chưa gởi đến, đợi khi nào họ gởi đến sẽ gởi cho ông dăm ba gói. Y theo đó tu hành, so ra còn ổn thỏa thích đáng hơn thân cận thiện tri thức. Nếu chẳng tự lượng, đi tham phỏng khắp các bậc cao nhân trong vùng Giang - Chiết, rất có thể là cuối cùng cái tín tâm ấy bị cao nhân đả phá thì Thiền đã trở thành vô vọng, Tịnh lại chẳng tin, tiền đồ mờ mịt, biết hướng về đâu?

[149] Đậu ngũ hương là một món ăn vặt nổi tiếng của Hoa Nam, nổi tiếng nhất là đậu ngũ hương ở miếu Thành Hoàng, Thượng Hải. Món này dùng đậu ván tẩm hồi hương, quế, muối, đường, và một số hương liệu nữa rồi chiên bằng bơ.

Những người muốn thân cận thiện tri thức hiện nay trước hết phải biết nguyên do của Thiền và Tịnh. Nếu không, mười người hết tám chín kẻ bị thiện tri thức phá hoại thiện căn Tịnh độ mà vẫn cứ nhơn nhơn đắc ý, cho là đã được chánh pháp, thật đáng đau lòng than thở! Năm nay Quang nhất quyết chẳng xuất quan. Năm sau, nếu bốn bộ sơn chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa[150], Linh Nham đã tu chỉnh xong, sẽ tìm một nơi không ai hay biết để sống hết tuổi thừa. Xin hãy nói với cha ông những lời lẽ này, hơn nữa hãy nên tích cực giáo huấn con thơ, đừng nuông chiều quá khiến cho chúng quen thói kiêu ngạo.

94. Thư gởi cư sĩ Triệu Phụng Chi

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Hôm qua nhận được thư ông Trương Văn Lý cho biết cư sĩ gần đây niệm Phật khá khẩn thiết, vẫn lấy chuyện không gặp được Bất Huệ làm điều tiếc nuối. Bất Huệ là nghiệp lực phàm phu, dù gặp cũng vô ích, chịu y theo Gia Ngôn Lục tu trì sẽ còn tốt hơn gặp mặt nhiều lắm. Nay gởi cho cư sĩ Văn Sao, Tịnh Độ Thập Yếu, Thánh Hiền Lục mỗi thứ một bộ, Sức Chung Tân Lương, Chánh Tín Lục, mỗi thứ một cuốn. Có được những sách này thì tự hành, dạy người dư sức. Người già 67 tuổi cũng chẳng cần phải nghiên cứu những thứ kinh điển khác, chỉ nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì tự có thể cậy vào Phật từ lực, mang nghiệp vãng sanh. Hết thảy các pháp môn khác đều cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân mới hòng liễu sanh thoát tử; pháp môn niệm Phật chỉ cần đầy đủ tín nguyện liền được vãng sanh Cực Lạc thế giới. Sự khó dễ giữa chúng khác nào trời với vực.

Xin hãy sốt sắng tu hành, lại hãy nên làm cho quyến thuộc cùng niệm. Hãy dựa theo Sức Chung Tân Lương mà nói đến những lợi ích do trợ niệm khi lâm

[150] Núi Cửu Hoa nằm ở phía Tây Nam huyện Thanh Dương, tỉnh An Huy, chiếm một diện tích rất lớn. Núi vốn có tên là núi Cửu Tử, do rặng núi này gồm chín ngọn, trông xa giống như chín đứa trẻ xếp vòng tròn tựa lưng vào nhau chơi giỡn. Khi Lý Bạch lên chơi núi này, lại cảm nhận chín ngọn núi trông giống như chín đóa hoa sen lơ lửng giữa mây trời nên viết: *"Tích tại Cửu Giang thượng, dao vọng Cửu Hoa phong, thiên hà quải lục thủy, tú xuất cửu phù dung"* (Khi xưa lướt sóng Cửu Giang, ngước nhìn chín ngọn núi hoa xa vời, sông trời nước biếc chơi vơi, sen hồng chín đóa khoe tươi não nùng). Do đó núi được gọi là Cửu Hoa từ đấy. Từ năm Long An thứ năm (401) đời Đông Tấn, hòa thượng Bôi Độ đã dựng ngôi chùa đầu tiên tại đây. Về sau, không rõ vào năm nào, vương tử Kim Kiều Giác xứ Tân-la (một trong ba vương quốc cổ của Đại Hàn) là Kim Kiều Giác đến ẩn tu tại núi này. Vào đầu niên hiệu Chí Đức (756), Gia Cát Tiết đến đây, cảm mộ đức hạnh của ngài Kim Kiều Giác bèn dựng chùa cúng dường. Đến năm Trinh Nguyên thứ 19 (803) đời Đường, ngài Kim Kiều Giác thị tịch, thọ 99 tuổi, thổ lộ thân thế là Địa Tạng Bồ-tát hóa thân. Từ đấy, Cửu Hoa trở thành đạo tràng của ngài Địa Tạng Bồ-tát.

chung, nỗi họa hại do phá hoại chánh niệm, khiến cho bọn họ đều niệm quen, nghe quen, đến khi ông lâm chung thì mọi người đều có thể tương trợ. Nếu không, chắc chắn mọi người sẽ cùng phá hoại chánh niệm của ông. Quang già rồi, mục lực quá suy, lại còn ba bộ Sơn Chí bức bách chẳng thể trì hoãn được. Từ đầu tháng tôi đã cự tuyệt hết thảy, từ rày đừng gởi thư đến nữa. Văn Sao là sách nhập môn Tịnh độ, Thập Yếu là sách hết sức sâu xa thiết thực, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục là gương sáng của cổ nhân đã nêu. Có được những sách ấy thì còn thiếu thốn gì mà phải dùng một lá thư để hỏi pháp nữa đây?

95. Thư gởi cư sĩ Trần Huệ Cung

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Lòng thành đến cùng cực, sắt đá cũng cảm động, huống gì cậy vào sức tam bảo ư? Nếu cư sĩ có thể thật sự đọc kỹ các sách, tương lai sẽ có thành tựu. Nếu không, sẽ trở thành một kẻ cuồng thiếu tấm lòng thường hằng[151]. Kẻ tại gia niệm Mông Sơn có gì là không được? Đây là nghi thức để kết duyên với khắp các cô hồn. Nhỏ là Mông Sơn, trung là Diệm Khẩu, lớn là Thủy Lục, cùng là một chuyện cả. Thường kết duyên với cô hồn thì thường được sự tốt lành. Người ta chẳng dám niệm vì sợ sẽ vời quỷ đến, chẳng biết quỷ và người sống lẫn lộn, không chỗ nào không có quỷ. Dẫu không vời quỷ, nhà ai không có quỷ? Quỷ đông hơn người trăm ngàn lần. Nếu con người sợ quỷ, hãy nên tích đức làm lành thì quỷ liền kính trọng, bảo vệ. Nếu con người làm chuyện ám muội, quỷ sẽ tranh nhau quấy phá, cho nên khó thể tốt lành. Nếu con người biết điều này, dẫu ở trong nhà tối cũng chẳng dám khởi lên ý niệm xấu xa, huống chi là chuyện xấu? Loại quỷ này chính là thiện quỷ, người đến chúng bèn nhường, người đi chúng lại chiếm khắp chỗ đất ấy. Nếu quỷ dữ xuất hiện sẽ có chuyện chẳng tốt lành lớn.

Phóng Mông Sơn nếu chí thành, dẫu là loài quỷ dữ dằn cũng kính cẩn vâng lời Phật sắc truyền, chẳng còn dữ dằn nữa. Do vậy, phàm là các bệnh do oán nghiệp, thuốc chẳng thể chữa lành, chí thành niệm Phật, niệm Quán Âm sẽ liền được mau lành, do oán quỷ được nhờ ơn niệm Phật, được sanh vào thiện đạo. Có thể biết là trước mặt mỗi người thường có rất nhiều thiện quỷ hoặc ác quỷ. Người sợ quỷ thì nên giữ cái tâm tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành thì tất cả

[151] Nguyên văn "vô hằng chi cuồng nhân": Chữ *vô hằng* xuất phát từ sách Luận Ngữ, Khổng tử nói: "Nhân nhi vô hằng, bất khả tác dĩ tác vu y." Sách Tập Giải Trịnh Chú giảng: "Con người không có cái tâm thường hằng (tức cái tâm kiên quyết không thay đổi chủ ý dễ dàng) sẽ chẳng thể làm đồng cốt hay thầy thuốc được." Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích thêm: "Thầy thuốc hay đồng cốt cần phải có sức chú ý, không dễ bị dao động, không dễ bị phân vân, bối rối thì mới hành nghề được!" Cổ nhân thường mượn chữ "vô hằng" để chỉ những người không có chủ ý nhất định, dễ bị chao đảo.

các quỷ đều trở thành kẻ hộ vệ. Loại quỷ ấy chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt, đâu có sợ chi?

Vợ ông đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho bà ta là Huệ Nhã, nhã là chánh, có thể nhất tâm niệm Phật, chẳng sanh vọng tưởng phước báo trời người đời sau thì mới là chánh huệ nương theo trí tuệ của Phật, nên gọi là Huệ Nhã. Cô con gái thứ ba tên Phùng Xuân, pháp danh là Tông Trinh, tông là chủ, trinh là chánh, mùa xuân đứng đầu một năm, trinh là kết thúc của Càn đức (phẩm đức của quẻ Càn). [Trong kinh Dịch, phần giảng về] quẻ Càn có ghi: "Càn, nguyên, hanh, lợi, trinh", Khổng tử giải thích: *"Trinh giả, sự chi cán dã"* (Trinh là cái cốt lõi của sự vật). Chữ Trinh này nghĩa lý rộng sâu, chứ không phải chỉ có nghĩa con gái giữ thân là trinh đâu! Phàm hết thảy mọi người, nếu mọi hành vi đều phù hợp đại thể thì đều gọi là trinh. Nếu Phùng Xuân có thể tận lực giữ tròn bổn phận, dùng tám chữ "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" để sau này giúp chồng dạy con ngõ hầu chồng lẫn con đều thành hiền thiện, thì mới đúng với ý nghĩa thật sự của chữ Tông Trinh, mới hợp với xuân là mùa đứng đầu một năm, hợp với đức trinh của quẻ Càn, trở thành bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới, là bậc mẫu nghi chốn khuê khổn, vẻ vang sao diễn tả cho được? Mong hãy sáng suốt suy xét, bảo với cô ta vậy!

96. Thư trả lời cư sĩ Trương Thuần Nhất

Vợ chồng lệnh hữu[152] Trần Đôn Phục tận lực hành hiếu hữu, lại có thể dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu ròng tịnh nghiệp, đúng là những kẻ hiếm thấy trong đời nay. Nay họ muốn quy y và thọ ngũ giới, ắt phải hiểu rõ tông chỉ pháp môn Tịnh độ, ngõ hầu có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này. Phải biết, pháp môn Tịnh độ lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm tông chỉ. Người đời thường nghĩ điều này là chuyện tầm thường, không có chi kỳ lạ, bèn coi pháp tham cứu trong nhà Thiền mới là thù thắng, chú trọng vào khai ngộ, chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh. Đặt tên hoa mỹ là Thiền Tịnh song tu, nhưng xét tới thực chất thì hoàn toàn là không Thiền, không Tịnh độ!

Vì sao nói vậy? Do chẳng đạt đến đại triệt đại ngộ thì chẳng gọi là "có Thiền". Người tham Thiền bây giờ ai thật sự đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ? Do chú trọng vào tham cứu nên đem sự trang nghiêm của y báo, chánh báo Tây Phương quy hết vào tự tâm, chẳng có mảy may ý niệm tín nguyện cầu sanh. Tuy gọi là niệm Phật nhưng thực chất là trái nghịch đạo niệm Phật. Hoặc nói ra vẻ cao xa là "niệm thật tướng Phật", tuy thật tướng là cái gốc của các pháp, nhưng phàm phu nghiệp

[152] Tiếng gọi tỏ ý tôn trọng bạn người khác.

chướng sâu nặng làm sao đạt đến được? Ra vẻ "quy Tông" (quy kết mọi thứ về Thiền) nhưng Thiền cũng không nương tựa được, mà Tịnh cũng không nương tựa được luôn. Cậy vào tự lực dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nhưng vì chưa đoạn hoặc nghiệp sẽ chẳng thể liễu sanh tử được. Chưa ngộ đến mức đại triệt đại ngộ thì khỏi cần phải bàn chi nữa! Cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới được. Do một mực đem Tây Phương Tịnh Độ, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, mỗi thứ đều quy hết vào tự tâm, nhưng tự tâm chỉ là chấp suông cái danh, chưa chứng được cái thật, cho nên đức Phật ở phương Tây do không cảm sẽ chẳng thể có ứng, đức Phật nơi tự tâm do còn đang ở trong nhân nên không có oai đức.

Những kẻ ham cao chuộng xa trong cõi đời thường đều hay trở thành biến khéo thành vụng, cầu thăng hóa đọa, nhưng kẻ tri thức muốn được người khác ca ngợi mình là viên dung, vẫn trọn chẳng chịu nói như vậy, đến nỗi đức Như Lai do tâm đại từ bi muốn làm cho hết thảy chúng sanh liễu sanh tử ngay trong đời này, nhưng họ vẫn cứ y như cũ chẳng thể liễu được. Đời này đã chẳng thể liễu, tương lai may ra có thể liễu, nhưng vẫn phải luân hồi trong lục đạo còn nhiều hơn số lượng từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác. Nếu thật sự hiểu được sự lợi hại này, lại lắng lòng xem các kinh sách Tịnh độ, mới biết một pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương này không gì lớn lao ra ngoài được, mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh không vị nào chẳng nhờ vào pháp này để thành tựu lúc khởi đầu, thành tựu khi kết thúc.

Nay đặt pháp danh cho Đôn Phục là Huệ Phục, nghĩa là dùng pháp môn Tịnh độ được nói từ trí tuệ của Phật để tự hành, dạy người, ai nấy đều khôi phục được nguồn tâm sẵn có. Vợ ông ta là Trịnh Hàm Chương, có pháp danh là Huệ Chương, nghĩa là nương theo pháp môn Tịnh độ do đức Phật đã nói để tự hành, dạy người, lại còn dạy dỗ con cái và hết thảy các phụ nữ ngõ hầu đạo của hai bà Phi, ba bà Thái, Vy-đề-hy đều được sáng tỏ rực rỡ trong đời hiện tại. Vì vậy có tên là Huệ Chương. Tôi thường nói "quyền trị quốc, bình thiên hạ, hàng nữ nhân nắm quá nửa." Ấy là vì mẹ hiền thì con cái đều hiền, trong thai bẩm thụ khí chất của mẹ, lúc nhỏ thì nhìn vào hành vi của mẹ, nghe lời mẹ, đã được huân tập trước khi học hành, đến khi đi học sẽ tận lực ứng dụng mỗi điều ấy vào cư xử, cho nên là hiền nhân, thiện nhân. Lại nói: "Dạy con là cái gốc để bình trị thiên hạ, nhưng dạy con gái càng quan trọng hơn!" Do không có hiền nữ sẽ không có hiền thê, hiền mẫu, do đó cũng chẳng có hiền nhân.

Nay tôi không chỉ dạy pháp môn Tịnh độ mà lại bàn tràn lan sang điều này, là vì mong ai nấy đều biết chăm chú nơi bổn phận. Cái gốc này đã được lập thì hết

thảy đạo lý thế gian, xuất thế gian đều được khôi phục, hiển hiện rõ ràng. Nay tôi gởi cho họ hai bao kinh sách Tịnh độ, hãy lắng lòng đọc. Sự lợi ích do tu pháp này cố nhiên Quang chẳng cần phải nói nhiều. Bất luận đã thọ ngũ giới hay chưa, đều phải nghiêm ngặt gìn giữ, do bốn điều đầu tức giết, trộm, dâm, dối gọi là tánh giới, tức là người chẳng nghe đến tên của bốn giới này, hễ phạm thì vẫn bị tội lỗi, nhưng thọ giới rồi còn phạm thì thành ra mắc tội hai tầng. Ngoài cái tội vốn đã phạm ra, còn thêm tội lỗi phạm giới. Vì thế nói "hết thảy mọi người đều nên gìn giữ nghiêm ngặt". Uống rượu gọi là giá giới (giới có tác dụng ngăn che), chưa thọ giới mà uống thì không mắc tội, thọ rồi vẫn uống chỉ bị tội phạm giới. Mong hãy sáng suốt suy xét và đưa cho vợ chồng họ đọc thư này.

97. Thư trả lời tiên sinh Từ Vĩnh Nghiệp ở Doanh Khẩu

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Đọc thư biết tiên sinh là người có tấm lòng lớn lao, tiếc là ngài chưa đọc kỹ lời tựa[153] của Quang nên đối với chuyện chẳng đáng nghi lại sanh nghi. Lại như lấy Phổ Đà làm lệ, cũng là chẳng đáng làm lệ mà lại lấy làm lệ. Đất Phổ Đà tuy chẳng phải thuộc Nam Hải nơi Thiên Trúc, nhưng Quán Âm cố nhiên là một đức Quán Âm. Tiền nhân đều dùng chuyện Thiện Tài đi về phương Nam tham học trong kinh Hoa Nghiêm để nêu tỏ [ý nghĩa tên gọi của núi Phổ Đà], há Quang lập dị cho như vậy là chẳng thể được ư? Nếu nói như các hạ, ở bất cứ chỗ nào có miếu thờ Quán Âm, nếu không phải là sự tích nơi chỗ ấy thì đều chẳng được dẫn chứng ư? Trong phẩm Bồ-tát Trụ Xứ[154] trước hết nói đến bốn phương, rồi nói đến

[153] Đây là bài tựa của tổ Ấn Quang cho bộ Phổ Đà Sơn Chí (Ấn Quang Văn Sao Chánh Biên, quyển 3), trong ấy có câu: "Đạo tràng ứng hóa của ngài cố nhiên không phải chỉ một chỗ. Như núi Nam Ngũ Đài, núi Đại Hương ở Thiểm Tây, núi Thiên Trúc ở Chiết Giang v.v. là những nơi cảm ứng rõ ràng, hương đèn nhộn nhịp, nhưng chỉ có núi Nam Hải Phổ Đà thật là bậc nhất do tên chỗ này được ghi trong kinh Hoa Nghiêm, năm xưa Thiện Tài đích thân tham học tại đây." Ông Từ Vĩnh Nghiệp dựa vào đó, bắt bẻ tổ viết sai, vì Phổ Đà Lạc Già (Potalaka) thật ra nằm trong Nam Hải của Ấn Độ.

[154] Đây là phẩm thứ 32 trong kinh Bát Thập Hoa Nghiêm, giảng về những trụ xứ (chỗ ở) của các vị Bồ-tát. Xin trích một đoạn: "Lúc bấy giờ Tâm Vương Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong chúng hội bảo các vị Bồ-tát rằng: - Phật tử! Phương Đông có nơi tên là núi Tiên Nhân, từ xưa đến nay các vị Bồ-tát sống ở trong ấy. Hiện đang có vị Bồ-tát tên là Kim Cang Thắng và các quyến thuộc là những vị Bồ-tát gồm ba trăm người thường sống trong ấy, diễn thuyết pháp. Phương Nam có nơi là núi Thắng Phong, từ xưa đến nay các vị Bồ-tát sống ở trong ấy, hiện đang có Bồ-tát tên là Pháp Huệ cùng với quyến thuộc là những vị Bồ-tát thường sống trong ấy diễn thuyết pháp… Phương Đông Bắc có chỗ tên là núi Thanh Lương, từ xưa đến nay các vị Bồ-tát sống ở trong ấy. Hiện đang có vị Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi và các quyến thuộc là những vị Bồ-tát gồm một vạn người thường sống trong ấy, diễn thuyết pháp… Phương Tây Nam có chỗ tên là núi Quang Minh, từ xưa đến nay các vị Bồ-tát sống ở trong ấy. Hiện đang có vị Bồ-tát

bốn góc, ngay như phương Tây Nam được nhắc đến trong kinh, chẳng thể lấy đó làm chứng cứ để bảo là phương Tây Nam của cõi Chấn Đán[155] (Trung Hoa)! Đối với câu kinh "hiện thời có Bồ-tát tên là Hiền Thắng", sao lại coi ngài Hiền Thắng là đức Phổ Hiền? Chẳng biết phẩm đức của Phổ Hiền, bất cứ chỗ nào cũng đều có thể là đạo tràng, do vậy chẳng vì trong kinh có nói rõ hay không [mà bảo chỗ nào đó chẳng phải là đạo tràng của Bồ-tát]. Nếu cứ ương ngạnh trích dẫn sai ngoa, đâm ra sẽ trở thành vu báng kinh. Đây chẳng phải là khơi dậy chánh tín mà là khơi dậy tà kiến cho người khác, do đây họ sẽ nghi kinh, nghi thánh vậy.

Mong hãy lắng lòng đọc kỹ nguyên văn bài tựa, mọi mối nghi sẽ tự tháo gỡ. Nếu cho là không đúng thì tùy các hạ nghị luận ra sao, Quang chẳng hỏi đến nữa. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, đã từ tháng 11 mùa đông năm ngoái, đối với những câu đối, những tin tức đăng tải, bản tin, bán nguyệt san, các báo đều cự tuyệt hết thảy những chuyện thư từ, nhờ cậy viết lách. Từ rày xin đừng gởi thư đến nữa, gởi đến nhất quyết không trả lời.

98. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng

Tục ngữ nói: *"Phú ông bất tri bần nhân chi khổ, tráng phu bất tri lão nhân chi khổ"* (Phú ông chẳng biết nỗi khổ kẻ nghèo, người khỏe mạnh chẳng biết nỗi khổ của người già). Ông cho rằng Quang cự tuyệt chẳng qua là để tịnh tu mà thôi ư? Ông chẳng biết thật ra là vì mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ. Chỉ nội chuyện đọc thư ông gởi đến và để viết thư trả lời thì kiếng đeo mắt lẫn kiếng cầm tay (kính lúp) đều phải dùng đến hết, mới xem, mới viết được! Giấy trắng ngần lóa mắt, không viết được chữ nào. Niệm Phật tam-muội cũng chẳng dễ gì đạt được, nếu chẳng tự lượng, rất có thể bị ma dựa. Phải biết, vãng sanh Tịnh độ hoàn toàn cậy vào tín nguyện; có tín nguyện, dẫu chưa đắc tam-muội, chưa đắc nhất tâm bất loạn, vẫn có thể vãng sanh. Hãy đừng chỉ lấy nhất tâm bất loạn và đạt được niệm Phật tam-muội làm chí hướng sự nghiệp, rồi chẳng dốc chí vào tín nguyện và tịnh niệm (nhiếp trọn sáu căn mà niệm là "tịnh niệm". Lúc niệm Phật, thường nghe âm thanh niệm Phật của chính mình, tức là chỗ để thực hiện việc "nhiếp trọn sáu căn". Hãy nên chú ý). Sợ rằng chí lớn, ăn nói lớn lối, sẽ chẳng được lợi ích thật

---

tên là Hiền Thắng và các quyến thuộc là những vị Bồ-tát gồm ba ngàn người thường sống trong ấy, diễn thuyết pháp."

[155] Ông Từ Vĩnh Nghiệp chấp phương Tây Nam được nói đến trong đoạn kinh văn trích dẫn ở trên đây là phương Tây Nam của Trung Hoa vì trong kinh đã nói ở phương Đông Bắc có đạo tràng núi Thanh Lương của ngài Văn-thù-sư-lợi (Núi Ngũ Đài nằm ở phương Đông Bắc Trung Hoa và cũng có tên là Thanh Lương). Do Nga Mi nằm ở phương Tây Nam Trung Hoa, ông Từ bèn chấp Hiền Thắng Bồ-tát chính là ngài Phổ Hiền.

sự vì chẳng chú trọng tín nguyện, chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, vẫn làm một chúng sanh khổ sở trong đời ác ngũ trược này.

Đối với bài Cảnh Sách của ngài Ngẫu Ích[156] như ông đã nói đó, hãy nên thỉnh người viết chữ đẹp viết bằng chữ to, ngay ngắn, cẩn thận, treo trên vách trong sân để khơi gợi tín tâm của hết thảy mọi người, đấy thật là ý nghĩa quan trọng. Còn chuyện ông xin soạn thêm bài Cảnh Sách khác thì những điều được nói trong Văn Sao đều chẳng đáng để dùng làm Cảnh Sách hay sao? Thời cuộc hiện tại nguy ngập đến cùng cực, hãy nên khuyên mọi người già trẻ trong nhà cùng niệm Nam-mô A-di-đà Phật và niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát để làm kế dự phòng. Nếu không, khi tai họa xảy đến, trốn lánh cũng không được, đề phòng cũng không xong, biết làm sao được? Hãy nên đem lời này nói với hết thảy những ai có sự hiểu biết, ngõ hầu những ai nghe đến được gieo thiện căn xuất thế. Sau này đừng gởi thư đến nữa, phàm những chuyện viết lời tựa, ghi lời bạt, giảo chánh đều nhất loạt chẳng thể thù tiếp!

99. Thư trả lời cư sĩ Tiêu Trường Hựu ở Côn Minh

Lời nói của nhà phong thủy[157] sao đáng lấy làm căn cứ? Nếu đúng như họ nói thì người phú quý sẽ vĩnh viễn phú quý, há có thường thấy con nhà cao sang bị chết đói nữa ư? Người có thế lực nhất trong cõi đời để chọn được cuộc đất tốt, nơi làm nhà tốt, có ai bằng hoàng đế? Cớ sao hoàng đế phần nhiều thường đoản thọ? Từ đời Hán đến nay, chưa có triều đại nào tồn tại hơn 400 năm. Người nghèo các nỗi khổ dẫy đầy, lại muốn được chỗ ở tốt, huyệt mộ tốt nhưng chẳng được, đấy là muốn khỏi khổ lại tự lập ra cách để càng bị khổ sâu xa hơn. Ông chỉ giữ tấm lòng tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành, nhất tâm niệm Phật, lần lượt khuyên người, y theo Một Lá Thư Gởi Khắp để khuyến hóa thì nghiệp chướng ngầm tiêu, thiện căn tăng trưởng. Quang sám hối cho ông sao bằng chính ông cạn kiệt lòng thành kính tự sám hối có hay hơn không?

Người sắp chết rất cần trợ niệm; người sắp sanh cũng cần phải bảo sản phụ niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, những người săn sóc bên cạnh cũng lớn tiếng trợ niệm thì chắc chắn chẳng gặp chuyện khó sanh đau khổ. Dẫu khó sanh sắp chết, dạy sản phụ ấy tự niệm và cả nhà hoặc ở trong phòng sanh ở chỗ khác

---

[156] Tức bài Bệnh Khởi Cảnh Sách Kệ của ngài Ngẫu Ích trong Linh Phong Tông Luận.

[157] Nguyên văn "kham dư", *kham* có nghĩa là khám xét, quan sát, *dư* có nghĩa là cỗ xe, hàm ý chuyên chở, đi khắp lãnh thổ. Hiểu theo ý nghĩa hẹp, chữ dư chỉ la bàn dùng trong phong thủy. Do vậy, kham dư có nghĩa là quan sát tướng đất, dùng la bàn để trắc định hướng đất. *Kham dư thuật* là tên gọi khác của phong thủy.

cùng niệm thì cũng chẳng bao lâu sẽ liền an nhiên sanh nở. Ông muốn chuyển họa thành phước, nên đem những chuyện trong Một Lá Thư Gởi Khắp này gặp ai cũng nói, so với chuyện sửa sang nhà cửa, di chuyển mộ phần tổ tiên sẽ có ích không tổn hại. Người đời chẳng cầu phước điền nơi tâm, cứ cầu phước điền nơi ngoại cảnh, thường chôn vùi thiên lương để mưu đoạt nhà cửa, đất đai tốt đẹp của người khác, đến nỗi nhà tan người chết, con cháu tuyệt diệt đều là vì bị lũ thầy phong thủy mê hoặc mà ra!

Nếu thầy phong thủy biết họa phước đều do tâm tạo, mà cũng do tâm chuyển, phong thủy sẽ trở thành khuôn phép hữu ích cho cuộc đời. Hơn nữa, các nhà phong thủy mỗi người một ý kiến khác nhau, phàm với cách nhìn của người xưa, người đời nay chưa chắc đã hoàn toàn tán đồng, do muốn tỏ ra chính mình hiểu biết cao siêu, chứ thật ra quá nửa là dụng tâm của tiểu nhân, muốn nhờ vào đó để dối đời trộm danh vậy. Hãy thử nhìn vào những nhà phong thủy xem, có ai đại phát đạt hay không? Họ có thể mưu tính cho người khác, cớ sao chẳng mưu tính cho chính mình? Quang già rồi, mục lực suy yếu tột cùng, từ rày đừng gởi thư đến nữa, gởi đến sẽ nhất quyết không trả lời!

100. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Tụng Bình ở Tương Âm

Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo mà thôi, một mực chất phác, trọn chẳng chịu khen suông người khác, cũng trọn chẳng mong người khác khen suông chính mình. Trang thứ nhất trong bài văn của các hạ tôi chẳng muốn nghe đâu, bởi tôi không có thân phận ấy, hóa ra còn gì nhục nhã lớn hơn? Bệnh do thân sanh, thân do nghiệp sanh, hãy càng nên đau đáu sám hối để tiêu túc nghiệp. Lại phải tận lực kiêng chuyện ăn nằm để bệnh khỏi nặng thêm. Bất luận bệnh gì, nếu chẳng kiêng ăn nằm, chắc chắn khó thể lành bệnh! Khổng tử đã nói: *"Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu giả"* (cha mẹ chỉ lo lắng về cái tật ấy[158]), là vì chuyện ăn nằm là căn bản của hết thảy bệnh vậy. Lúc thân thể đang bệnh tật, cớ gì phải tới Cư sĩ lâm để theo đại chúng niệm Phật? Chỉ nên ở nhà, lắng lòng tịnh niệm thì thật là tốt nhất.

Còn nói tới chuyện cùng với thiện tri thức nghiên cứu Phật lý thì trong lúc thân đang mang bệnh nặng, chỉ nên nỗ lực tu trì như chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm. Lúc này, chớ nên nghiên cứu, nếu nghiên cứu một kinh sẽ đâm ra trở thành lan man. Ví như mắc bệnh, được một viên linh đan liền chăm chú uống

[158] Thông thường chữ tật ở đây thường được các nhà chú giải hiểu là những thói hư tật xấu như không giữ luân thường, lễ nghĩa; riêng tổ giải thích chữ tật ở đây phải hiểu là thói tham mê tình dục quá đáng. Tổ giảng rất rõ về ý nghĩa này trong lá thư 142, tức lá thư gởi cho cư sĩ niệm Phật.

ngay, chớ có trước hết phải nghiên cứu xem viên linh đan này do những thuốc gì chế thành, thuốc nào chạy vào kinh mạch nào, trị bệnh gì, đều mong hiểu rành mạch từng điều rồi mới chịu uống thuốc ư? Ông trọn chẳng biết nguyên do của chuyện học giải và học hành nên chẳng được lợi ích chân thật.

Những danh mục của ngoại đạo kể ra cả trăm cả ngàn, nhưng nếu xét đến chuyện dụng công của họ, nói chung chẳng ngoài luyện đan, vận khí. Dẫu họ dạy người khác xem kinh niệm Phật, cũng đều là phô trương bề ngoài, lẽ đương nhiên họ chẳng coi đấy là đạo, muốn đắc cái đạo của họ thì phải khẩn thiết tột bậc, ban đêm một mình vào trong thất, đóng chặt cửa cái, cửa sổ, phía ngoài cắt người tuần phòng, chỉ cho một người vào thất. Trước tiên phải phát lời nguyền cực ác, cực thảm: Nếu gây nguy hại cho giáo phái của họ chắc chắn sẽ bị những báo ứng thê thảm như thế ấy. Thề độc xong, sẽ điểm khiếu chỉ huyệt cho người ấy, hoặc trên đầu, trên mặt, hoặc ở trong thân. Nếu là huyệt trong thân phải cởi bỏ áo ngoài, áo quần lót phải vén lên để chỉ. Thật ra, cách làm như vậy đều là bẫy rập mê hoặc con người, nhưng hết thảy ngoại đạo đều tuyên bố kẻ mới ban đầu nhập đạo hễ được truyền đạo rồi thì "chẳng tu vẫn được thành". Nếu bỏ đi cách bí mật, dạy rõ cho người, chẳng phát lời nguyền, cho người khác mặc tình vào đạo, bỏ đạo, thì ngoại đạo sẽ không có căn cứ để tồn tại được.

Phật pháp không có chuyện bí mật truyền dạy riêng tư, cũng chẳng buộc người thề thốt. Tin thì y theo đó tu trì, không tin tưởng thì để mặc người ấy bỏ đi. Ông đã niệm Phật, còn tính muốn gia nhập ngoại đạo, tức là ông hoàn toàn chẳng biết Phật pháp và ngoại đạo chánh tà như thế nào, chỉ dựa theo người khác mà sanh lòng tin, quả thật chưa phải là lòng tin thật sự. Nếu sanh lòng tin chân thật, chỉ nên dốc sức tu trì, cần gì phải lo ngoại đạo đông đảo có thể bị sụp bẫy ư? Đã do túc nghiệp mắc bệnh ngặt nghèo thì hãy nên ăn chay niệm Phật, làm chuyện siêu độ cho oán gia đời trước. Nói đến siêu độ thì cũng chẳng cần phải mời tăng làm Phật sự, chỉ là chính mình khẩn thiết chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm. Hơn nữa đừng cật vấn: "Chỉ niệm một đức Phật, một vị Bồ-tát mà có thể lành bệnh hay sao?" Phải biết, niệm Phật là pháp thẳng chóng, viên đốn nhất trong Phật pháp, lợi ích vượt trỗi hết thảy pháp môn! Chỉ do tâm chí thành hay không mà thành khác biệt, chứ không phải là Phật pháp có linh nghiệm hay không?

101. Thư gởi cư sĩ Trương Tịnh Giang

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Nghe cư sĩ niệm Phật đã lâu, chẳng biết có chú ý nơi tín nguyện cầu sanh Tây Phương hay chăng? Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, bất luận Đại, Tiểu,

Quyền, Thật, hết thảy pháp môn đều phải dùng giới định tuệ để đoạn tham sân si cho hết sạch không còn sót thì mới có thể liễu sanh thoát tử. Điều này khó như lên trời, chẳng phải là chuyện hàng phàm phu sát đất đầy dẫy triền phược như chúng ta mà hòng mong mỏi được. Nếu dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, cầu sanh Tây Phương thì bất luận công phu cạn hay sâu, công đức lớn hay nhỏ, đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Điều này giống như ngồi chiếc tàu thủy to vượt biển, chỉ chịu lên tàu liền có thể đến được bờ kia, ấy là nhờ sức tàu chứ chẳng phải bản lãnh của chính mình. Tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương cũng giống như thế, hoàn toàn là Phật lực, chứ không phải đạo lực của chính mình.

Hễ đã sanh về Tây Phương thì sanh tử đã liễu, phiền não chẳng sanh, đã giống như người vận dụng công phu tại nơi ấy đã lâu, đã đoạn sạch phiền não liễu sanh tử. Vì thế, niệm Phật quyết định phải cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau, chớ nên nương theo những kẻ rời tín nguyện, chỉ dẫn người khác niệm Phật cầu khai ngộ. Niệm Phật cốt yếu là nhiếp trọn sáu căn. Trong lúc niệm Phật, nhiếp tai lắng nghe kỹ, đấy chính là biện pháp để nhiếp sáu căn. Có thể chí tâm lắng nghe kỹ thì công đức so với việc "chẳng lắng nghe, niệm tán loạn" khác biệt rất lớn. Pháp này bất luận người thượng, trung, hạ căn đều dùng được, đều được lợi ích, chỉ có lợi, không điều tệ. Hãy nên bảo hết thảy mọi người tu đều tu theo đây. Tôi vốn muốn nói cặn kẽ, nhưng do không có thời giờ, sợ trễ tràng chuyến trở về của ông, nên chỉ viết đại lược những nghĩa lý trọng yếu. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, đọc rồi sẽ tự biết hết.

102. Thư trả lời ông Lý Thính Đào ở Hải Môn (bảy lá thư)

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

1. Qua bức thư do Trần Huệ Sưởng chuyển đến, biết ông tuổi chưa đến tráng niên, nhưng khá có tín tâm, hằng ngày tụng vài quyển kinh Kim Cang để mong sám hối túc nghiệp, quả thật là một đại sự trong đời người. Nhưng cần phải chí thành cung kính mới tốt. Nếu giống như cung cách ông viết chữ nguệch ngoạc thì lợi ích sẽ thuận theo cái tâm phù phiếm bị giảm đi rất nhiều. Ông lại muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tài. Ông vốn tên là Thông Tài, vừa thông minh vừa có tài, sử dụng chánh đáng thì có thể mong thành thánh, thành hiền, tạo công lập nghiệp; nếu sử dụng không chánh đáng sẽ tự lầm, lầm người, đọa trong ba ác đạo. Thiên tai, nhân họa hiện thời đại đa số đều do những kẻ thông minh có tài tạo nên. Nếu do trí tuệ, phân biệt được tà chánh, hiểu rõ nhân quả, xuôi theo điều

lành, tránh điều dữ sẽ thành tài đạt đức. Có trí tuệ thì tài năng sẽ giúp cho đạo, không có trí tuệ thì tài năng sẽ trái đức. Vì thế đặt tên cho ông là Huệ Tài.

Ông hãy nên nhìn vào cái tên nghĩ đến ý nghĩa, trong khi khởi tâm động niệm hãy thường suy xét xem có hợp trí tuệ hay không. Nếu hợp thì mở rộng ra, chẳng hợp liền tiêu diệt ngay, chẳng cho nó chớm nẩy nữa. Lại phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dạy người. Người làm được như vậy chính là đệ tử thật sự của Phật. Huống chi nay đang là lúc tình thế hoạn nạn, phàm trong là gia đình, cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con và tôi tớ, ngoài là thân thích, bè bạn và hết thảy những ai quen biết, đều nên khuyên họ thường niệm thánh hiệu A-di-đà Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để làm căn cứ "gặp nguy thành an, gặp dữ hóa lành" trong hiện tại, để làm phương cách sao cho trong tương lai khi hết tuổi thọ sẽ vĩnh viễn lìa khỏi biển khổ sanh tử. Phương pháp niệm và lợi ích chẳng dễ gì nói tường tận trong chốc lát được.

Tôi đã bảo Huệ Sưởng gởi cho ông Gia Ngôn Lục và những sách thích hợp, hãy đọc sẽ tự biết. Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải thực hiện với mười phần thành tâm. Trì kinh và niệm Phật về mặt sự tuy giống nhau, nhưng lòng thành có sâu hay cạn, phù phiếm hay thiết tha khác biệt, cho nên lợi ích càng khác biệt lớn lao. Mọi chuyện trong thế gian đều phải do lòng thành để được thành tựu, huống gì trì kinh, niệm Phật, muốn dùng cái thân phàm phu để liễu sanh thoát tử, siêu lên cõi Phật, mà thiếu lòng thành há có được chăng?

2. Người tu hành chỉ trọng thật hành, cần gì phải bày vẽ phô trương, muốn chụp hình quá lố? Quang một mực không thích chụp hình, gần đây trong tờ Phật Hóa San của Phật học hội Hương Cảng có đăng hình Quang, một đệ tử gởi đến mười cuốn, nay gởi cho ông một cuốn. Hơn nữa, trước kia ông Trương Thụy Tăng khắc in kinh Dược Sư ở Dương Châu có gởi cho một gói, nay gởi cho ông năm cuốn, ngoại trừ một bản tự giữ, bốn bản kia đưa cho những người xin quy y. Tiền "hương kính" của bọn họ đã nhận đầy đủ.

Hãy nên nói với bọn họ: Đã quy y Phật pháp, hãy chiếu theo pháp môn Tịnh độ trong Phật pháp để tu, đừng đèo thêm những pháp luyện đan, vận khí v.v. của ngoại đạo. Pháp này được ích lợi dễ dàng nhất do cậy vào Phật lực. Ngoài ra, những pháp khác đều cậy vào tự lực, cho nên khác với pháp này như trời với vực. Luyện đan là pháp để hộ thân, hộ khí, chẳng phải là pháp liễu sanh thoát tử. Ngay cả các pháp tham thiền, nghiên cứu giáo nghĩa và Mật tông cũng chẳng phải là pháp khế cơ, pháp chẳng khế cơ giống như thuốc không đúng bệnh. Chỉ có mỗi

mình pháp Tịnh độ thích hợp khắp ba căn cơ thượng trung hạ, dù phàm hay thánh đều nên tu tập, chớ nên nghe Thiền tông, Mật tông cao siêu huyền diệu, rồi bỏ pháp này tu pháp kia, đến nỗi vĩnh viễn không có ngày liễu sanh thoát tử.

Hiện nay là tình thế hoạn nạn, bất luận là ai đều nên niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để dự phòng. Phàm những nguy hiểm như đao binh, nước, lửa, ôn dịch, sâu rầy, bệnh ngặt, oán gia, đối đầu v.v. mà chí thành niệm thì chắc chắn chẳng đến nỗi không cởi gỡ được. Ngay cả nữ nhân sanh nở, càng phải nên chí thành niệm thánh hiệu Quán Thế Âm ra tiếng rõ ràng, chắc chắn không có các sự đau khổ. Lúc ấy chớ nên niệm thầm trong tâm, vì đang dùng sức để đẩy đứa con ra, nếu niệm thầm có thể bị bệnh, quan trọng lắm! Dẫu khó sanh đến cùng cực, đã sắp mất mạng mà niệm cũng lập tức được an nhiên sanh nở. Phải biết, chịu niệm từ nhỏ sẽ chẳng có chuyện khó sanh. Dẫu không khó sanh, niệm vẫn có lợi ích lớn lao. Chớ vì lõa lồ bất tịnh mà chẳng dám niệm để đánh mất lợi ích hoặc bị đau khổ, hoặc đến nỗi cả mẹ lẫn con đều chết. Bản thân sản phụ ấy niệm, những người chăm sóc bên cạnh cũng niệm, người trong nhà ở chỗ khác cũng có thể niệm giúp cho sản phụ ấy. Nếu ai nấy đều biết điều này thì thế gian sẽ không có chuyện sanh khó và chết vì sanh nở.

Ông Lưu Ôn Phủ đã 74 tuổi, hãy nên toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu không, một phen lầm lỡ bỏ qua chẳng biết đến kiếp nào mới có thể gặp được pháp môn này? Những người khác tuy chưa đến nỗi quá già, nhưng nhân mạng vô thường, chẳng chắc gì sống đến già mới chết. Những điều khác hãy xem trong bức thư dài, ở đây không viết cặn kẽ. Mong ai nấy đều thật hành thì may mắn thay!

3. Người có lòng tin ở quý địa tuy nhiều, sợ rằng chưa chắc đã chân thật tu trì theo Phật pháp. Hãy nên nói với bọn họ Phật pháp và ngoại đạo khác nhau. Ngoại đạo chuyên chú trọng bí truyền, dùng công phu luyện đan, vận khí, tuyệt đối chẳng chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Lại còn có chuyện "phù cơ giáng loan" (cầu cơ), tuy cũng khuyên người làm lành, nhưng rốt cuộc là linh quỷ giả mạo danh nghĩa tiên, Phật. Nếu chẳng hiểu lý, tưởng lầm là chân tiên, chân Phật giáng đàn, ấy là sai lầm lớn. Chẳng phải là hoàn toàn không có một lần nào chân tiên giáng đàn, nhưng vẫn là trong ngàn lần cũng khó có được một dịp.

Cuối đời Minh, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát dùng cơ bút để chỉ dạy Phật pháp, lúc bỏ đi, ngài dạy đại chúng vĩnh viễn bỏ cầu cơ! Mười năm trước tại Phật học xã Đa-đa ở Hương Cảng, Đa-đa-ha Bồ-tát giáng đàn cũng giống như thế. Hai vị này đều là Bồ-tát thật sự, nhưng đều cấm chỉ cầu cơ, bởi những linh quỷ không có đạo lực cao lắm cứ nói bừa khiến cho người ta bị lầm lạc thật sâu. Vì thế tuy

Bồ-tát giáng cơ nhưng cấm tuyệt cầu cơ. Trong bộ Văn Sao của tôi đã từng có nói qua. Nếu có ai chẳng chịu bỏ công phu ngoại đạo và sự nghiệp cầu cơ, chớ nên cho người ấy quy y để khỏi bị người đời nói "Phật pháp chẳng khác gì ngoại đạo".

4. Thư trước đã bàn về cái tệ cầu cơ, người học Phật chẳng nên dự vào chuyện này. Chuyện ấy phần nhiều là do linh quỷ giả mạo, lâu ngày ắt đến nỗi bị hỏng việc. Dẫu chẳng hỏng việc, nhưng những điều chúng nó nói phần nhiều giống với tri kiến của người đời, thường hay mâu thuẫn đạo lý chân chánh. Danh sách kê khai tên họ người xin quy y đừng dùng giấy đỏ, mắt già nhìn không rõ, hết sức tốn công. Sau này có ai đến cầu quy y, hãy nên nói với họ: Nếu đã từng theo ngoại đạo và cầu cơ thì nên đem những đạo đã hành trước kia hoàn toàn vứt bỏ đi. Nếu không, chẳng nên giới thiệu, ngõ hầu chẳng đến nỗi coi ngoại đạo là Phật pháp khiến cho kẻ vô tri tà chánh chẳng phân vẫn cứ xem tà là chánh. Nay đặt pháp danh cho mỗi người quy y, xin hãy sao ra gởi đến họ.

Thêm nữa, những kẻ yêu thương con cái trong cõi đời đều là hại con cái. Chẳng chịu giáo huấn chúng học hành chăm chỉ, một mực để mặc cho quen thói kiêu ngạo, khiến cho những đứa có thiên tư tốt đẹp đều trở thành phường ương bướng, tầm thường, bại hoại. Thiên hạ do đây mà loạn, đều là vì những kẻ không biết cách làm cha mẹ người khác nuôi dưỡng thành. Nay muốn cho con cái hiền thiện, nên vào lúc chúng nó mới hiểu biết liền dùng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ để giảng giải, bảo chúng nó thực hành, thì con cái chắc chắn sẽ là hiền nhân, thiện nhân. Sự vinh hiển ấy đời đời vô cùng.

5. Khi con trẻ chết yểu thì thói đời sẽ thường do tình cảnh ấy mà dấy lòng oán hờn, đâm ra biếng nhác. Phải biết đời người nhân quả phức tạp, hễ có nhân ắt phải có quả, có quả chắc chắn chẳng thể không có nhân. Biết "nhân trước quả sau" sẽ chẳng sanh oán hận; biết "đức có thể cảm được trời", ắt chẳng đến nỗi gặp nghịch cảnh nhỏ nhoi bèn biếng trễ tu tâm. Ví như lúc trời vừa mới nóng, chợt rất mát, hoặc thoạt đầu trời đang mát, chợt nóng hừng hực, đấy là sự biến động tạm thời, chứ không phải luôn thường như vậy. Chỉ tận hết tấm lòng ta tu tập, chẳng cần biết tình cảnh hiện thời là thuận hay nghịch. Nếu ai thường làm được như thế ắt sẽ vĩnh viễn được nhiều phước. Nếu do chuyện nghịch ý nhỏ nhoi liền nói "tu trì vô ích" thì đấy chính là tri kiến của kẻ vô tri vô thức. Dẫu cho cả đời không chuyện gì chẳng như ý cũng khó đạt đến địa vị "vui theo mạng trời".

Nếu có thể tu trì không lười biếng, ắt sẽ sanh được đứa con trường thọ, vẹn đức. Nếu chẳng luận tốt xấu, chỉ cốt sao nó chẳng chết yểu, nó sẽ vét sạch mỡ màng của bá tánh, đem khoản tiền ấy gởi vào ngân hàng ngoại quốc, khi một hơi thở hắt ra không hít vào được, tiền ấy hoàn toàn về tay người ngoại quốc, như vậy thì đứa con yêu quý không bị chết yểu có may mắn chi đâu! Đứa con chẳng ra gì ấy nếu bị chết yểu chính là do đức lớn cảm vời, vì nếu nó chẳng chết yểu sẽ khiến cho nhân dân cả nước lầm than. Nếu ngày nay những kẻ như vậy đều chết yểu hết sạch thì nước ta đâu đến nỗi không có thuốc chữa, chỉ đợi diệt vong mà thôi? Chỉ nên lắng lòng niệm Phật hầu tiêu tội nghiệp, nhận lấy điều lành.

6. Ngữ Lục của lệnh tổ[159] không liên quan gì đến Sơn Chí. Nếu là bài minh đề trên tháp, hoặc truyện thì có lẽ sẽ có chỗ cần dùng đến. Đối với chuyện hình ảnh thì các vị cổ đức nhiều đời đều không có thờ ảnh, nếu gởi đến cũng chẳng tiện sắp xếp, vì Linh Nham ngày nay hoàn toàn chẳng thừa kế Linh Nham xưa kia, do sau khi bị đốt phá trong chiến tranh, chỉ còn sót lại một cái tháp đổ nát, những thứ khác đều bị đốt trụi. Huống chi nay chùa theo pháp môn Tịnh độ, lệnh tổ chính là bậc tri thức trong Thiền tông; luận trên phương diện chùa miếu thì không phải là kế thừa, luận trên pháp đạo thì chính là môn đình khác. Ví như thuyền dưới nước, xe trên bộ, đưa về đến nhà rồi thì hoàn toàn giống nhau, nhưng trên lộ trình thì mỗi thứ mỗi khác. Con người hiện thời chẳng phải là đại thông gia, trọn chẳng thể nói lời viên dung, chỉ ưa nghe nói ngọt đến nỗi không có lợi ích thật sự. Trữ Công[160] chính là đệ tử khá nhất của sư Hán Nguyệt Tạng[161], Hán

[159] Tiếng gọi ông nội của người khác một cách tôn trọng.

[160] Trữ Công ở đây chính là Hoằng Trữ (1605-1672). Sư thuộc tông Lâm Tế sống vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh, người Thông Châu, Giang Nam, pháp tự Kế Khởi, pháp hiệu Thoái Ông. Thuở nhỏ gia đình gặp cảnh tai biến, được bà nội đem về nuôi dưỡng. Sư tuy chăm học nhưng không ham công danh, chí mộ Phật pháp, thích đạo Thiền, lãnh hội Phật pháp. Năm 25 tuổi, sư xuất gia với Hán Nguyệt Pháp Tạng, siêng tu nhọc nhằn, đắc ngộ tâm pháp. Sư thông hiểu học thuyết của bách gia chư tử, học vấn tinh thâm, tư cách đoan nghiêm, khiến đại chúng rất ngưỡng mộ. Sư tưởng nhớ nhà Minh, thường mong khôi phục. Khi quân phản Thanh phục Minh dấy lên ở vùng Ngô - Việt, sư nhiều lần ám trợ, từng bị bắt giam, sau được nghĩa sĩ cứu ra. Mỗi năm vào ngày vua Sùng Trinh tuẫn tiết, sư đều mặc tang phục, lễ bái, khóc lóc. Suốt 28 năm đều giữ đúng lệ như vậy. Đệ tử nổi tiếng dưới tòa có cả hằng trăm người. Sư thị tịch năm Khang Hy mười một, thọ 68 tuổi. Sư còn để lại các trước tác như Ngữ Lục (100 quyển), Nam Nhạc Kế Khởi Hòa Thượng Ngữ Lục (10 quyển), Nam Nhạc Lặc Cổ, Linh Nham Ký Lược.

[161] Hán Nguyệt Pháp Tạng (1573-1635) là đệ tử của ngài Mật Vân Viên Ngộ, sống vào cuối đời Minh, xuất gia từ năm 15 tuổi. Năm Thiên Khải thứ tư (1624) đến chùa Kim Túc, yết kiến ngài Mật Vân, được ấn khả. Sư cực thông minh, rất có biện tài, nhưng lại lập ra dị thuyết, soạn ra bộ Ngũ Tông Nguyên, chỉ trích mạt sát nặng nề tông Tào Động, coi bốn tông kia là đọa lạc, đều không hiểu tông chỉ nhà Thiền, chỉ mình tông Lâm Tế là nắm được yếu lãnh của Lục tổ. Luận thuyết của sư khiến cho thiền đức các tông thời ấy tranh luận ồn ào. Ngài Viên Ngộ nhiều

Nguyệt muốn làm cao nhân bậc nhất xưa nay, hết sức kình chống tổ Thiên Đồng Mật[162]. Bọn Hoằng Nhẫn, Cụ Đức v.v. đều là phường khinh miệt tổ, chỉ có Trữ Công là chẳng có thứ tập khí ấy, đáng là người khiến cho hậu thế khâm phục, kính ngưỡng vậy.

7. Nhiều lần gặp mộng lành chính là túc nhân được cảm vời bởi lòng khẩn thiết trong hiện tại. Mộng thấy đại tự viện chính là pháp hội Hoa Nghiêm, nhưng do chưa phá được phiền hoặc nên chỉ thấy tướng kém cỏi, chẳng thấy tướng thù thắng, nhưng cũng chẳng dễ gì thấy được cảnh giới ấy. Đối với chuyện trưởng giả lấy nước ban cho uống, ấy chính là Văn-thù Bồ-tát đem cam lộ[163] ban cho ông, hãy nên thường gắng sức để chẳng phụ ân đức một phen gia bị. Bởi lẽ phàm phu sát đất phần nhiều bị cảnh chuyển, nên Tăng tử lúc sắp mất mới đọc thơ rằng: *"Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim, nhi hậu, ngô tri miễn phù"* (Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, hiện tại, mai sau, ta biết thoát rồi). Chưa đến lúc lâm chung còn sợ có thể bị sa sẩy, chẳng

---

lần gởi thư khuyên răn sư hãy bỏ luận thuyết dị kỳ ấy, nhưng sư không thèm nghe theo. Sư thị tịch năm Sùng Trinh thứ tám, thọ 62 tuổi. Tác phẩm Ngũ Tông Nguyên gây nên tranh luận kéo dài mãi đến đời Thanh, vua Ung Chánh phải viết Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục vạch ra những điểm sai lầm trong cuốn sách nói trên và hạ lệnh cấm tuyệt lưu hành Ngũ Tông Nguyên, nhưng do đồ đảng của Hán Nguyệt đến lúc ấy vẫn còn rất đông nên cuốn Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục không được đưa vào Đại tạng. Hoằng Nhẫn và Cụ Đức đều là đệ tử của Hán Nguyệt. Hoằng Nhẫn còn cực đoan, đả phá các tông phái Thiền khác gấp mấy lần Hán Nguyệt.

[162] Mật Vân Viên Ngộ (1566-1642) là cao tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào đời Minh, thụy hiệu là Huệ Định Thiền Sư. Ngài là con nhà nông, do tình cờ đọc Lục Tổ Đàn Kinh bèn ham chuộng pháp Thiền. Một ngày nọ đang chất củi bỗng tỉnh ngộ, bèn xuất gia với ngài Huyễn Hữu Chánh Truyền tại chùa Long Trì. Năm Vạn Lịch 30 (1602), ngài Chánh Truyền lên kinh đô, giao cho sư làm giám viện chùa Vũ Môn. Một hôm, trong khi đi ngang qua núi Động Quan, ngài chợt khai ngộ. Năm Vạn Lịch 39 (1611), được ngài Huyễn Hữu trao y bát. Ngài lần lượt làm trụ trì nhiều đạo tràng Thiền tông nổi tiếng, do thời gian ngài làm trụ trì chùa Thiên Đồng lâu nhất nên thường được gọi là Thiên Đồng Mật. Ngài được coi là người có công trung hưng tông Lâm Tế, đệ tử đến hơn ba vạn người. Sư thị tịch năm Sùng Trinh 15 tại chùa Huyền Thông, thọ 70 tuổi.

[163] Cam lộ (amrta): Đôi khi còn được phiên âm là a-mật-lý-đa, a-mật-lật-đa, dịch nghĩa là bất tử, bất tử dịch, thiên tửu, nghĩa đen là thuốc tiên bất tử, rượu thiêng của cõi trời. Theo kinh Vệ-đà, cõi trời có rượu thiêng Tô-ma (Soma) uống vào sẽ sống mãi chẳng già chẳng chết, vị ngọt như mật nên gọi là cam lộ (sương ngọt). Phật Giáo dùng chữ "cam lộ" để ví cho pháp vị của Phật pháp có tác dụng mát lành nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng vĩnh viễn cho chúng sanh. Chữ cam lộ ở đây là chỉ pháp thủy, trí tuệ thủy khiến cho người uống vào phiền não tiêu diệt, trí tuệ tăng trưởng chứ không phải là thuốc tiên của cõi trời. Ngoài ra, cam lộ chính là một trong ba tên của đức Phật A-di-đà (Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, Vô Lượng Cam Lộ) nên đôi khi Phật Di-đà còn được gọi bằng danh hiệu là Cam Lộ Vương Như Lai. Vì lẽ đó, chú Vãng Sanh đôi khi còn gọi là chú Thập Cam Lộ vì có nhắc đến chữ amrta mười lần.

dám nói lời lớn lối ấy. Nay những người thích ăn nói lớn lối, đều là những kẻ cuồng trọn chẳng dụng công nơi cơ sở. Lệnh hữu miệng lưỡi không nhanh nhạy chính là do túc nghiệp. Tụng Pháp Hoa đương nhiên là tốt, niệm Phật, niệm Quán Âm cũng có thể tiêu nghiệp, tăng tuệ. Chớ nên cố chấp cho rằng chỉ có tụng Pháp Hoa mới được! Niệm Phật nếu thật sự chí thành còn có thể siêu phàm nhập thánh, há lẽ chỉ có thiệt căn nhạy bén mà thôi ư?

103. Thư trả lời cư sĩ Trí Lạc

Vãng sanh chẳng ở chỗ biết chữ hay không biết chữ, mà chỉ tại nơi có tín nguyện hay không. Có tín nguyện chắc chắn vãng sanh, không tín nguyện chắc chắn chẳng được vãng sanh. Mẹ ông chẳng thể niệm kinh chú, hãy nên khuyên cụ nhất tâm niệm Phật. Hãy nên ăn chay trường, đừng nghĩ đem máu thịt dâng lên cha mẹ là thể hiện lòng hiếu. Đấy chính là thói mê tín của kẻ không biết Phật pháp. Chúng ta đã biết ăn thịt của chúng nó, tương lai cũng sẽ đem thân mạng đền trả, cho nên hiếu dưỡng kiểu đó chính là làm cho cha mẹ đời đời kiếp kiếp bị người khác mổ xẻ. Lòng hiếu ấy chính là lòng hiếu đời đời kiếp kiếp hại cha mẹ, chẳng đáng buồn ư?

Nếu muốn cho mẹ được vãng sanh, hãy nên thiết tha khuyên anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái đều cùng hằng ngày bầu bạn bên cha mẹ niệm Phật. Nếu chẳng quây quần, cũng nên bảo họ thường niệm. Nếu đã quen niệm, đến khi cha mẹ lâm chung sẽ tự nhiên biết niệm. Lại phải nói cặn kẽ lợi ích của việc trợ niệm, họa hại do phá hoại chánh niệm thì mới được lợi ích nơi trợ niệm, chẳng mắc cái hại bị phá hoại. Những điều khác đã nói cặn kẽ trong Một Lá Thư Gởi Khắp và sách Sức Chung Tân Lương. Nếu không có, hãy thỉnh từ Hoằng Hóa Xã.

104. Thư gởi cư sĩ Hồ Tác Sơ

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Mấy hôm trước, lệnh điệt[164] Thôi Chú Bình gởi thư đến, và cũng gởi kèm theo thư của các hạ gởi cho anh ta, xin Quang gởi các loại sách cho các hạ, Quang đã bảo người gởi đi rồi. Các hạ một mực có tín tâm, nhưng chưa gặp được người thông suốt nên vẫn tu trì những pháp luyện đan, vận khí của ngoại đạo. Bọn họ tự khoe "tánh mạng song tu"[165], cho là đã đắc chân truyền của Lục tổ, chứ thật ra

[164] Tiếng gọi cháu trai của người khác. Điệt là con của anh hay em trai, nếu là con của chị hay em gái sẽ gọi là sanh.

[165] Bọn luyện đan vận khí cho rằng họ tu tập để bảo tồn cái thân bất hoại, trường thọ, đó là tu mạng. Đồng thời tu luyện để trở thành tiên, thành thánh, đó là tu tánh. Vì thế họ tự xưng là "tánh mạng song tu".

chỉ là pháp gìn giữ cái thân, trọn chẳng có khí phận liễu sanh tử chi cả. Bọn họ nào biết ý nghĩa của tánh và mạng. Nhưng người đời không biết chánh pháp nên chẳng thể do đâu phân biệt, chọn lựa chân và ngụy, khó tránh khỏi mù quáng đi theo. Pháp luyện đan, vận khí của bọn họ dùng đúng cách thì huyết mạch châu lưu, thân thể khỏe mạnh; dùng sai cách, khí bị ngưng trệ, không thông suốt, tai hại chẳng nhỏ. Có khá nhiều người dự vào Đồng Thiện xã để ngồi luyện công đến nỗi trở thành si ngốc, tê bại, thân thể mất cảm giác, đều là do pháp ấy chẳng lành, mong dưỡng thân đâm ra trở thành hại thân, chẳng đáng buồn ư?

Xét kỹ căn bệnh của các hạ là do một mực ham chuộng cao xa nên thường hay bị bệnh vì khí, đây là một chuyện. Hơn nữa, do thiên tánh thông minh, vì vậy vướng lấy tập khí của người thông minh, đối với chuyện nữ sắc chẳng thể hạn chế, lại thêm lửa phẫn nộ thường nổi lên không đúng lúc. Ví như hai lưỡi rìu cùng đốn một cái cây lẻ loi, nguy hiểm tột cùng! Lại thêm do dùng cách tịnh tọa không tốt lành của Đồng Thiện xã tạo thêm trợ duyên cho bệnh khổ, đến nỗi đủ mọi hiện tượng đều do đấy mà sanh. Nếu nay chịu hành theo pháp "thanh tâm quả dục" (giữ lòng thanh tịnh, giảm bớt ham muốn), nhiếp tâm niệm Phật thì lâu ngày chầy tháng túc nghiệp sẽ tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng, hết thảy các chứng mất ngủ, nghẹt mũi, rung cơ v.v. sẽ đều dần dần tiêu diệt.

Trước hết, hãy nên xem phương pháp tu trì trong Gia Ngôn Lục, một câu "Nam-mô A-di-đà Phật" miên miên mật mật trì niệm lâu dài. Hễ mỗi khi những ý niệm phẫn nộ, dâm dục, háo thắng, bộp chộp v.v. ngẫu nhiên chớm sanh, bèn lập tức nghĩ rằng: "Ta là người niệm Phật, há nên dấy lên những tâm niệm này?" Niệm vừa dấy lên bèn dứt, lâu ngày hết thảy những ý niệm hao tổn tinh thần, mệt nhọc thân xác đều không cách chi dấy lên được. Suốt ngày dùng công đức chẳng thể nghĩ bàn của đức Phật để gia trì thân tâm, dám bảo đảm chẳng cần đến mười ngày sẽ liền thấy hiệu quả lớn lao. Nếu chỉ thỉnh thoảng niệm một hai câu liền muốn thấy hiệu quả thì là dối mình, lừa người, tuy vẫn có công đức, nhưng muốn nhờ vào đấy để lành bệnh thì chắc chắn chẳng thể được. Phàm mọi chuyện đều phải lấy lòng thành làm gốc, há có thể nào tu trì chẳng bằng lòng thành mà muốn hưởng lợi ích lành bệnh diệt khổ ư?

Lại nữa, nếu tập khí sâu dày, tốt nhất là nên chuyên niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, do tâm Bồ-tát cứu khổ thiết tha. Nay gởi kèm theo Một Lá Thư Gởi Khắp, hãy đọc, sẽ tự biết. Hiện thời Quang có chuyện hết sức gấp rút, sau này chẳng cần phải gởi thư cho Quang nữa. Nếu có gì cần bàn định nên gởi thư cho Chú Bình, nhưng cũng đừng nên để Chú Bình gởi thư đến cho Quang nữa. Chẳng qua anh ta biết được đường nẻo, hiểu rõ ràng hơn các hạ đôi chút!

105. Thư gởi cư sĩ Trang Huệ Cự ở Tuyền Châu

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Hiện thời khắp cả thế gian đều có ngoại đạo. Do Phật pháp sâu xa, nhiệm mầu con người không thể nào biết được, bọn chúng bèn trộm danh Phật pháp, nhưng chẳng biết nghĩa lý, bèn coi pháp luyện đan, vận khí để giữ gìn cái thân là pháp liễu sanh thoát tử. Hơn nữa, bọn chúng chẳng biết sanh tử do đâu mà có, nên mù quáng bịa đặt đồn thổi, nói: "Luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư, lại hợp nhất một chỗ là đắc đạo." Thật ra hoàn toàn là dùng thức thần để tu tập, tuyệt đối chưa thể mộng thấy được lý thể của chân như thật tế nơi tâm tánh mà vẫn tự phụ: *"Lục tổ loạn truyền pháp, pháp quy tại gia nhân, tăng gia vô hữu pháp"* (Lục tổ truyền pháp loạn xạ, pháp trở về với kẻ tại gia, tăng chúng chẳng có pháp). Lời lẽ này chẳng chỉ nói ra miệng mà còn viết thành sách, dùng giả để hủy chân, lấy tà làm chánh, kẻ vô tri vô thức bèn bị chúng mê hoặc. Ngoại đạo có thể truyền khắp trong cõi đời là nhờ có hai pháp đắc lực:

1. Một là bí truyền, tức là bảo hễ được minh sư chân truyền, chẳng tu vẫn thành. Vì thế bèn nói một cách thần thánh hóa rằng: "Chuột nghe thấy, chuột cũng đều thành đạo! Chim sẻ nghe thấy, chim sẻ đều thành đạo!" Vì thế lúc truyền đạo phải ở trong mật thất, khẽ tiếng nói thì thầm, bên ngoài còn sai phái người tuần tra, sợ có kẻ nghe trộm.

2. Hai là bày ra lệnh cấm nghiêm ngặt, dẫu thân thiết như cha con, vợ chồng đều chẳng được nói cho nhau biết. Nói ra sẽ bị trời hành! Vì thế trước khi được truyền đạo, trước hết buộc kẻ ấy thề thốt: "Nếu sau này phản đạo sẽ bị quả báo thê thảm như thế nào đó!" Thề thốt rồi mới được truyền đạo. Sau này dẫu người nào biết là sai, nhưng vì sợ ông thần canh lời thề nên thà chết chẳng dám rời bỏ đạo ấy để học Phật pháp.

Giả sử ngoại đạo bỏ bí truyền để công khai, làm cho khắp mọi người cùng nghe, cũng chẳng buộc người khác thề thốt, thì người trong khắp cõi đời có mấy ai chịu vào đạo của chúng? Cố nhiên bọn chúng chẳng có đạo, trộm lấy cái danh liễu sanh tử của Phật pháp để thực hành chuyện luyện đan, vận khí, giữ gìn thân thể. Dẫu có khiến cho tâm hạnh thanh khiết thì cũng bất quá là thành tiên mà thôi. Địa vị của tiên còn kém xa trời, huống gì là [đem địa vị tiên so với] các địa vị Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát ư? Ông đã quy y Phật pháp, hãy nên triệt để vứt những pháp ngoại đạo đã tu trước kia ra ngoài biển cả Đông Dương, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu chẳng uổng cuộc sống này và dịp gặp gỡ này!

106. Thư gởi y sĩ Mã Tinh Tiều

Đức Phật là Đại Y Vương, trị khắp các bệnh nơi thân và tâm của chúng sanh. Y sĩ trong thế gian chỉ trị được cái thân, dẫu cho y thuật cao siêu, xét đến kết quả thì trọn chẳng có ích gì cho thần thức của người bệnh ấy. Ông đã quy y tam bảo, phát tâm Bồ-đề, trị bệnh cho người, thì trong lúc trị thân bệnh hãy nên kèm vào cách trị tâm bệnh. Vì sao nói vậy? Phàm những bệnh ngặt nghèo nguy hiểm, phần lớn là do sát nghiệp trong đời trước hay trong đời này tạo thành, nhưng người có bệnh ắt phải đoạn tuyệt chuyện ăn nằm mới chóng lành bệnh. Muốn giảm sát nghiệp trong đời trước hay trong đời hiện tại, phải kiêng giết ăn chay. Lại còn phải chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt bệnh sẽ mau được lành, vừa vun bồi đức, vừa gieo thiện căn. Nếu là bệnh do oán nghiệp thì ngoại trừ cách này ra, chắc chắn khó thể lành bệnh. Người ấy và cha mẹ, vợ con trong nhà do tâm gấp rút mong được lành bệnh, chưa chắc không chịu hành theo. Nếu chịu hành theo, sẽ gieo được thiện căn xuất thế. Từ đây sanh tâm chánh tín, sau này biết đâu do đây sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh thì đối với người ấy, đối với ông đều có ích lợi lớn lao.

Đối với chuyện đoạn dục, hãy nên coi đó là cách trọng yếu bậc nhất để trị bệnh. Bất luận nội chứng hay ngoại chứng, bệnh chưa được lành lặn vẹn mười, muôn vàn chớ nên dính đến chuyện ăn nằm. Hễ nhiễm vào chuyện ăn nằm, bệnh nhẹ sẽ thành nặng, bệnh nặng có thể bị chết ngay, hoặc chẳng chết liền nhưng đã trở thành cái nhân ắt phải chết. Muốn chẳng bị chết, cũng thật khó khăn lắm! Dẫu cho không chết, chắc là trở thành kẻ bấy bớt, tàn phế, chắc chắn khó thể giữ được sức khỏe. Chẳng biết là do chính mình chẳng khéo dưỡng sức, lại đổ hô "y sĩ chẳng có bản lãnh thật sự". Bất luận nam hay nữ (đối với gái trinh và bà góa thì chẳng nên nói, còn những người khác thì không ngại gì), đều nên thẳng thừng, đanh gọn, nói rõ chuyện lợi hại để bệnh họ dễ được lành, nhờ đấy cái danh của ông cũng được rạng rỡ. Thường là y sĩ chỉ biết trị bệnh, chẳng nói đến chuyện kiêng kỵ cho căn bệnh, huống là chịu dạy người ta sửa lỗi hướng thiện để vun đức tích phước ư? Đấy chính là tâm hạnh của kẻ bán hàng rong chỉ mong cầu lợi ngoài đường, ngoài chợ, chứ không phải là tâm hạnh cứu vớt người, khiến cho cõi đời đều được sống lâu, huống hồ là có thể khiến cho người ta do bệnh tật sẽ được vô thượng lợi ích "sống thì dự vào bậc thánh hiền, mất đi trở về cõi Cực Lạc" ư! Cổ nhân nói: *"Bất vi lương tướng, tất vi lương y"* (chẳng làm vị tể tướng giỏi thì làm thầy thuốc giỏi). Do vậy gọi vị y sĩ là "đại quốc thủ". Trong thế gian, y sĩ danh phận đã cao tột bậc, nếu kiêm dùng Phật pháp, nhờ vào đó để độ chúng sanh, hành đạo Bồ-tát, thật là nghiệp quan trọng nhất trong hết thảy các nghiệp. Do con người trong khi bệnh hoạn, được nghe một y sĩ chẳng chuyên cầu lợi, có

chí mong lợi người, phát tâm Bồ-đề bảo ban, ắt có thể khiến cho bệnh được lành thì tự mình chẳng thể sanh lòng chánh tín hành theo ư?

Muốn gây lòng tin nơi người khác, chớ nên tính toán bệnh nhân sẽ tạ lễ nhiều hay ít rồi sanh phân biệt. Nếu với kẻ giàu bèn tích cực chữa trị, với người nghèo chỉ đãi bôi cho xong chuyện, lâu ngày người ta sẽ vì y sĩ hám lợi mà khinh thường, dẫu có nói những câu lợi ích kẻ khác, người ta cũng chẳng tin theo. Lại hãy nên gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành và nhân quả báo ứng thấu suốt ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai), sanh tử luân hồi trong sáu nẻo. Có thể nói được với ai thì chẳng ngại gì hữu ý vờ như vô ý nhàn đàm, khiến cho người nghe dần dần mở mang tâm địa, biết sanh tử luân hồi đáng sợ, may là có pháp để liễu sanh thoát tử! Người làm được như vậy thì thật sự có thể gọi là "dùng pháp thế gian để hành Phật pháp, dùng trị bệnh nơi thân để chữa bệnh nơi tâm". Nay hiện đang là tình thế hoạn nạn, thiên tai nhân họa thường xuyên giáng xuống. Bất luận gặp phải những tai ương, hoạn nạn như nước lửa, đao binh, đói kém, ôn dịch, sâu rầy, châu chấu, hạn hán, lụt lội, oán gia đối đầu v.v. chỉ chịu chí thành khẩn thiết thường niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, chắc chắn có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên.

Hơn nữa, nữ nhân khi sanh nở niệm Quán Thế Âm chắc chắn sẽ an nhiên sanh nở, không bị đau khổ. Dù đã lâu chưa sanh được, sắp chết, nếu chịu niệm thì sẽ lập tức sanh được (phải niệm ra tiếng, chớ nên niệm thầm trong tâm. Do lúc ấy, cần phải dùng sức để tống đứa con ra. Nếu niệm thầm ắt sẽ bị tổn thương thành bệnh. Những người săn sóc chung quanh cũng niệm thay cho người ấy. Những người trong nhà không ở trong phòng sanh cũng nên niệm giùm. Bất luận ở trong phòng sanh hay ở ngoài, hễ niệm đều có lợi ích. Lúc bình thường khi ngủ nghỉ, và khi áo mũ không chỉnh tề, và chưa rửa ráy, súc miệng, tắm gội, tiêu tiểu, đến chỗ không sạch sẽ, đều nên niệm thầm. Niệm thầm công đức vẫn giống hệt như niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng trong những lúc ấy, tại những nơi ấy không hợp nghi thức, chứ hoàn toàn chẳng phải là không thể niệm). Người đời vô tri coi chuyện này là chuyện đáng sợ, dẫu bình thường là người có tín tâm cũng chẳng dám dạy người khác niệm, cho là lõa lồ bất tịnh, hễ niệm sẽ bị tội. Chẳng biết lúc ấy liên quan đến tánh mạng của cả mẹ lẫn con, Bồ-tát chỉ chuyên chú độ sanh, lúc ấy chỉ dốc lòng thành, lõa lồ bất tịnh chính là chuyện bất đắc dĩ, không thể so với chuyện cố ý không cung kính làm ra như vậy. Chịu niệm thì đứa con liền sanh, chẳng những không có tội lỗi mà còn làm cho cả mẹ lẫn con cùng gieo thiện căn (điều này thấy từ kinh Dược Sư, chứ không phải là Quang bịa chuyện).

Nếu lúc bình thường cần phải hết sức kiền thành, thật sạch sẽ, chẳng thể dẫn lúc sanh nở ấy để làm lệ được, khinh mạn bất kính thì tội lỗi ngập trời! Phàm những ai là người niệm Phật đều không biết chuyện này, trước kia Quang chẳng biết đến sự sai lầm trong tập tục, cho nên trong Văn Sao hoàn toàn chẳng nhắc tới. Về sau do hiểu sâu xa nên thường nói với hết thảy mọi người, những kẻ y theo không một ai chẳng được hiệu nghiệm ngay. Đây là một đầu mối để lợi người vậy.

107. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Hòa (hai lá thư)

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

1. Do Huệ Hồng chuyển thư đến, biết ông sẵn có túc nhân, vừa nghe Phật pháp liền sanh chánh tín. Nhưng người học Phật ắt phải dốc lòng giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục cái lễ, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều lành, kiêng giết, ăn chay, tín nguyện niệm Phật, dùng những điều này để tự hành, lại còn dạy người. Kẻ làm được như thế chắc chắn trong hiện đời có thể dự vào bậc thánh hiền, lâm chung lên thẳng cõi Cực Lạc. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Hòa, nghĩa là dùng trí tuệ để điều hòa thân tâm, chẳng cho chấp lệch lạc vào các thứ kiến chấp không - hữu, tham sân si v.v.. Lại còn dùng giới định tuệ, từ bi hỷ xả v.v. hòa hợp hòng làm căn cứ tự lợi lợi tha, ngõ hầu chẳng dẫm theo vết bọn cuồng đồ tự phụ cao minh trong mấy lúc gần đây, mà cũng chẳng rớt vào bọn ngu phu kém hèn, tự yên phận.

2. Con người sống trong thế gian nguy hiểm muôn vẻ, một hơi thở ra không hít vào được, chẳng biết sẽ lại có hình dạng như thế nào. Ông đã đầu thai vào loài người, may là tâm địa sáng suốt, một niềm hiếu thuận, nhân từ, khôi phục được bản thể. Nếu như mê muội sẽ khó quay về! Phải biết, đây vẫn còn là tin tức tốt lành nhất, nếu đầu thai vào dị loại thì càng nguy hiểm hơn. Do vậy biết rằng, chúng sanh trong lục đạo đều không có giống nhau hay khác biệt, đều theo nghiệp thọ báo, không sanh ở chỗ nào nhất định. Ông đã trải qua nạn ấy, tâm hãy nên quyết định cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu do cơn nguy hiểm này sẽ vĩnh viễn hưởng yên vui. Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Triệt Ngộ Ngữ Lục đã thỉnh được. Lại còn các sách đã in gần đây đóng thành sáu gói gởi đi, mong hãy xem xét thu nhận. Chuyện ăn chay là do chẳng biết con người và súc vật luân hồi, sanh ra lẫn nhau, giết hại lẫn nhau, lầm lẫn cho rằng con người nên ăn chúng nó, chúng nó sanh ra là để cho con người ăn. Đến khi đầu thai vào loài ấy mới biết những suy tính trước kia là sai lầm.

Ông đã trải qua một phen nguy hiểm ấy, cố nhiên hãy nên gắng sức tu học, ăn chay. Nếu ở hàng quán, thật khó tự do ăn chay theo ý muốn thì cũng nên sanh tâm bất nhẫn, sanh tâm độ thoát, bớt ăn một chút thì tốt lắm. Nếu có thể tự do, hãy chớ nên ăn. Lại nữa, tu hành pháp môn Tịnh độ đương nhiên chẳng phải ở chỗ xuất gia hay không! Ông trên có mẹ già, dưới có vợ con, nếu bỏ mặc không hỏi tới, tự cầu yên vui thì đối với Phật pháp lẫn thế pháp đều mắc tội lớn, vì chẳng thể tận hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận. Dù có tu trì, công khó địch lại tội, huống gì chẳng thể tu trì ư? Quán kinh dạy rõ chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật: Thứ nhất là "hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp", cách tu này được chư Phật khen ngợi. Người tại gia tu hành hiện thời so với bốn mươi năm trước kia đông đảo gấp mấy chục lần, đâu có bao giờ nghe nói người tại gia chẳng tu hành tốt đẹp đâu? Ông chỉ y theo những điều đã nói trong các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục của tôi mà tu, chắc chắn sẽ có thể cùng với cha mẹ, vợ con ông cùng được "sống thì làm bậc thánh hiền, mất đi dự vào Liên Trì hải hội", mới biết lời tôi quyết chẳng dối gạt ông!

108. Thư trả lời cư sĩ Trạch Phạm

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Những người đàn bà niệm Phật ở vùng Giang - Chiết, thảy đều là tin nhận lý lẽ vô lý của ngoại đạo, chỉ biết cung kính, khiết tịnh, chẳng biết luận định theo sự việc, cho nên mới có cái thuyết mù quáng ấy gây hại trong thế gian khiến cho người ta bị lầm lẫn chẳng cạn. Trước kia Quang chẳng biết đến những thứ tà thuyết ấy nên trong Văn Sao tuyệt chẳng nhắc đến. Sau này mới biết rõ tệ nạn ấy, nên thường nói với hết thảy mọi người. Có ai khó sanh hãy y theo đó mà niệm thì không một ai chẳng lập tức được an nhiên sanh nở. Người niệm Phật thì đi đứng nằm ngồi đều khéo niệm, nhưng lúc ngủ nghỉ và khi mũ áo không chỉnh tề, tay chưa rửa, miệng chưa súc, cùng lúc tắm gội, tiêu tiểu cũng như khi đến chỗ ô uế, đều nên niệm thầm trong tâm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm thầm công đức vẫn chẳng giảm bớt, chứ niệm ra tiếng thì không hợp nghi thức.

Nếu đàn bà gặp khi sanh nở, chỉ nên niệm Quán Thế Âm Bồ-tát (do Quán Thế Âm Bồ-tát bi nguyện sâu nặng, chứ không phải là chẳng được niệm Phật chỉ được niệm Quán Âm, chớ có hiểu lầm) do đức Quán Âm tâm cứu khổ sâu nặng, nhưng phải niệm ra tiếng rõ ràng, trọn chớ nên niệm thầm trong tâm. Niệm thầm trong tâm thì so ra sức yếu hơn, hiệu quả cảm thông cũng nhỏ. Hơn nữa, lúc ấy phải dùng sức tống đứa con ra, nếu đang dùng sức tống đứa con ra lại niệm thầm sẽ bị tổn khí thành bệnh. Chính sản phụ tự niệm ra tiếng rõ ràng, những người trông nom trong phòng sanh cũng niệm ra tiếng rõ ràng, người nhà ở phòng khác cũng

nên niệm cho sản phụ ấy. Chớ nên bảo "lõa lồ bất tịnh, nếu niệm sợ bị mắc tội lỗi!" Phải biết, lý cố nhiên có nhất định, nhưng sự biến đổi, chứ không phải chỉ có một. Chỉ nên dựa theo sự để luận lý, đừng luận theo kiểu chấp lý hẹp hòi. Ví như con cái lỡ dại té vào hầm xí, nước lửa, kêu cha mẹ để cầu cứu, cha mẹ nghe tiếng liền đến cứu ngay, trọn chẳng đến nỗi vì thân thể của chúng nó không sạch sẽ, áo mũ không chỉnh tề mà chẳng chịu cứu vớt, mặc kệ cho chúng nó chết. Phẩm đức của Bồ-tát sâu xa hơn cha mẹ vô lượng vạn vạn lần. Khi chúng sanh bị khổ cầu cứu ngài, Bồ-tát chỉ có ý niệm cứu khổ, trọn chẳng có ý niệm so đo hình dạng.

Hơn nữa, lúc ấy là lúc không làm sao khác được, chẳng thể biểu thị sự cung kính, sạch sẽ, đành lõa lồ, bất tịnh. Nếu có thể cung kính, sạch sẽ mà không làm sẽ thành có tội. Nếu chẳng thể tỏ lộ vẻ cung kính thì chỉ nên luận theo lòng thành quy hướng trong tâm, đừng bàn đến chuyện lễ mạo, nghi thức nơi hình tướng. Bồ-tát không khổ nào chẳng cứu, không nạn nào chẳng cứu, lẽ đâu lại bỏ rơi sản phụ? Tuy trong kinh chưa nói đến rõ ràng, nhưng hãy nên suy tưởng cái tâm "cứu khổ mong dứt bặt nỗi khổ lớn lao trong đời người để thỏa từ tâm" của Bồ-tát. Huống chi trong kinh Dược Sư, đoạn kinh đức Phật dạy sản phụ niệm Phật Dược Sư như sau: *"Nếu có nữ nhân đang lúc sanh nở, chịu nỗi khổ cùng cực, nếu có thể chí tâm xưng danh, lễ bái, tán thán* (xưng danh thì sản phụ làm được, còn lễ bái, tán thán, cung kính, cúng dường chính là chuyện của người nhà, chứ sản phụ không thể làm được), *cung kính, cúng dường đức Như Lai ấy, mọi nỗi khổ đều trừ"* ("Mọi nỗi khổ đều trừ" thì chẳng bị khổ gì, đứa con sanh ra được lợi ích lớn lao không thể diễn tả được. Sản phụ niệm thì được lợi ích lớn lao như thế, lẽ nào người niệm Phật vừa bước vào phòng bà đẻ thì công đức niệm Phật thường ngày liền hoàn toàn bị mất sạch hay sao? Kẻ vô tri tự lập hạn định, tự lầm, lầm người, tội há thể cùng tận, đáng thương thay). Đứa con sanh ra thân thể trọn vẹn, hình sắc đoan chánh, ai thấy đều hoan hỷ, lợi căn thông minh, an ổn ít bệnh, không bị phi nhân đoạt mất tinh khí. Có thể biết rằng lúc sanh nở chịu niệm thì chẳng những vô tội mà cả mẹ lẫn con đều an toàn, được lợi ích lớn lao, gieo đại thiện căn. Sản phụ còn như vậy thì những người khác cứ suy ra ắt biết được.

Ông Mã Thuấn Khanh ở Hồ Nam (trong Văn Sao có nhắc đến tên ông này) là người Hồi Hồi[166] (người Hồi Hồi quy y chỉ có một gia đình này), vợ chồng họ và

[166] Hồi Hồi, còn gọi là Hồi tộc, Hồi Hột, là một danh từ chung để chỉ những người theo đạo Hồi ở Trung Hoa. Trước kia, danh từ này được dùng với nghĩa rộng hơn để chỉ chung tất cả giáo đồ Hồi giáo và các quốc gia theo đạo Hồi. Từ đời Thanh trở đi, chữ Hồi Hồi được dùng để chỉ riêng những dân tộc thiểu số theo đạo Hồi tại Trung Hoa, như dân Duy Ngô Nhĩ (Uigur) ở Tân Cương, dân Đông Hương Hồi ở Cam Túc, dân Tán Lạp ở Thanh Hải, dân Hồi Cương,

năm đứa con đều gởi thư xin quy y. Mùa thu năm Dân Quốc 18 (1929) gởi thư cho biết: Vợ ông ta sanh năm đứa con, hai lần đầu còn bình an, lần thứ ba liền băng huyết, lần thứ tư thứ năm càng nguy ngập hơn. Nay chẳng bao lâu nữa sẽ sanh, nếu bị băng huyết lần nữa, chắc sẽ mất mạng, xin chỉ cách cứu vớt. Quang bảo họ chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, lúc đang sanh nở tuy lõa lồ bất tịnh, chớ nghĩ vì lẽ đó chẳng thể niệm được. Lại cần phải niệm ra tiếng, chớ nên niệm thầm. Ông ta lại xin đặt sẵn pháp danh cho thai nhi. Thư Quang gởi đến, vợ chồng ông ta cùng xem, vợ ông ta niệm liền. Ngày hôm sau liền sanh, trong lúc đang sanh vẫn niệm, được an nhiên không khổ sở. Ông ta liền viết thư phúc đáp cho biết chuyện vượt ngoài ý nghĩ, Bồ-tát thật có thể nói là đại từ đại bi vậy! Từ mùa thu năm Dân Quốc 15 (1926) trở đi, Tăng Quảng Văn Sao in xong, bất luận văn tự nào đều nhất loạt chẳng giữ lại bản nháp để khỏi uổng tiền ấn loát. Do gần đây biết sâu xa thói tệ này, luôn thường nói chuyện lợi hại với hết thảy mọi người, mong họ lan truyền điều này để cứu vớt sẵn nỗi hoạn nạn và tánh mạng của sản phụ cùng đứa con. Dẫu có ai không thông cảm, cho là Quang ưa nói chuyện bà đẻ cũng chẳng tiếc gì, chỉ mong cứu vãn thói ác này khiến cho mọi người cùng sanh chánh tín mà thôi!

109. Thư trả lời cư sĩ Chu Đức Đại

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Pháp môn niệm Phật chú trọng tín nguyện, có tín nguyện nhưng chưa được nhất tâm cũng có thể vãng sanh; đắc nhất tâm nhưng không có tín nguyện, vẫn chẳng được vãng sanh. Người đời phần nhiều chú trọng nhất tâm, chẳng chú trọng tín nguyện, tức là đã đánh mất cái quan trọng cốt lõi nhất. Nếu lại còn sanh khởi mối nghi "chưa đắc nhất tâm, sợ rằng chẳng được vãng sanh" thì hoàn toàn trái nghịch với lòng tin chân thành, nguyện thiết tha mất rồi! Kiểu suy nghĩ này tợ hồ là suy nghĩ tốt, nhưng thật ra nếu do đây càng tăng thêm tín nguyện để đạt đến nhất tâm thì đó là cách suy nghĩ tốt; còn nếu do chưa được nhất tâm bèn thường nghĩ chẳng thể nào vãng sanh được thì sẽ trở thành cách suy nghĩ xấu, chẳng thể không biết. Muốn được nhiếp tâm quy nhất, điều quan trọng nhất là tâm thiết tha vì sanh tử, điều thứ hai là khẩn thiết chí thành, điều thứ ba là phải chân thật niệm từ trong tâm, miệng đừng lem lém đọc qua. Nếu vẫn chẳng thể quy nhất, hãy nên dựa theo cách *thập niệm ký số* trong Văn Sao, ắt sẽ dễ dàng tự đạt được quy nhất.

Đột Quyết sống dưới chân Thiên Sơn chẳng hạn. Dân Hồi Hồi có nguồn gốc từ Trung Á như Ả Rập hoặc Iran v.v..

110. Thư trả lời cư sĩ Sa Dung Chi

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Làm phận con, đạo làm vẻ vang cha mẹ là tận lực thực hành tu đức ngõ hầu hết thảy mọi người đều do kính trọng ta mà nghĩ đến đấng sanh ra ta, đấy mới là phương pháp thiết yếu nhất. Thường hay thấy người đời, sau khi cha mẹ khuất núi rồi bèn đi khắp nơi tìm những người có danh tiếng, có địa vị để nhờ viết lời tán tụng, chứ chẳng chú trọng tự mình gắng công tu đức, làm điều nhân nghĩa khiến cho cha mẹ được vang danh. Tôi thường nói: "Người đời phần nhiều chuộng danh ghét thật, đặc biệt muốn phô trương một chốc, chẳng nghĩ tới chuyện kỷ niệm suốt đời!" Ông đã tin nhận Phật pháp, cha ông cũng đã biết nghĩa lý "tâm sẵn có đầy đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là". Phàm ma chay, chôn cất, kính thần, đãi khách, mọi chuyện đều nên y theo sự chế định của đức Phật, chẳng dùng rượu thịt, ngõ hầu xướng suất cả làng noi theo gương tốt đẹp ấy.

Quang già rồi, tinh thần, công phu, mục lực đều chẳng đủ. Chỉ soạn mười sáu câu tụng[167], chẳng thể viết bài ký Sanh Tây. Ông hãy tự viết, hoặc xin bậc cao nhân khác viết. Gần đây những chuyện bút mực do người khác nhờ vả Quang đều nhất loạt thoái thác, chẳng phải do không muốn nhọc công vì người khác, mà vì sức chẳng kham nổi! Trong thư ông hoàn toàn chẳng nhắc đến danh tự của cha ông, nên trong phần đầu chỉ đành để trống chỗ hai chữ, xin hãy đề thêm vào. May là cha ông đã được vãng sanh, mẹ ông vẫn còn, cố nhiên nên khuyên chỉ sẵn, ngõ hầu cụ chết sạch cái tâm mong cầu hết thảy phước báo trời người vinh hiển hư huyễn trong thế gian, lấy quyết chí vãng sanh hòng siêu phàm nhập thánh làm chí hướng sự nghiệp thì lợi ích lớn lắm. Phàm làm những Phật sự trong khi tang lễ đều nên lấy niệm Phật làm chánh. Nếu niệm kinh, bái sám, làm đạo tràng Thủy Lục thì ít được lợi ích thật sự vậy.

111. Thư trả lời cư sĩ Trương Hải Kiều ở Nam Thông

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Trong lúc vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống này, gặp lúc chuyện tương lai chẳng thể suy tính được này, đã là hạng phàm phu sát đất, đầy đủ hoặc nghiệp, chẳng thể chuyên tâm dốc chí học Phật, lại cứ muốn ngay trong đời này sẽ giải quyết được đại sự sanh tử vốn chẳng thể giải quyết xong trong trăm ngàn vạn ức kiếp, mà nếu chẳng lấy chuyện cầu sanh Tịnh độ làm chí hướng sự nghiệp thì sợ rằng chỉ có nhân, chứ không thể do đâu đạt được cái quả! Quang tự lượng là phận

[167] Xin xem bài "Ca tụng hạnh cao đẹp của ông Sa Tuyết Phảng" trong phần Tán Tụng của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 3.

độn căn, lúc mới xuất gia liền quy y nơi Tịnh độ. Lại do hơn 50 năm trải đời, tuy chẳng hiểu rành Phật pháp chi hết, nhưng đối với pháp Tịnh độ cố nhiên do đã sẵn cái chí từ thuở ban đầu nên chưa hề lầm lẫn. Đối với hết thảy những ai hữu duyên đều dùng pháp này để kính khuyên.

Biển sanh tử sâu thẳm, đường Bồ-đề xa vời, muốn trong đời này giải quyết xong đại sự này mà bỏ một pháp Tịnh độ, đừng nói chi không thông suốt hết thảy pháp môn, dù có thông cũng chẳng thể rốt ráo được hưởng lợi ích thật sự. Vì sao vậy? Do hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân hòng liễu sanh tử; còn pháp môn Tịnh độ nếu đầy đủ tín nguyện, niệm danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương liền có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. So sánh hai pháp thì sự khó dễ khác biệt vời vợi như trời với vực. Huống chi đương lúc đại kiếp đón đầu này, vẫn cứ muốn nghiên cứu kinh luận sâu thẳm, chẳng lấy pháp "hễ siêu bèn vào thẳng địa vị Như Lai" này làm chí hướng, sự nghiệp thì sợ rằng khó thể mãn nguyện mà sẽ thành ra than dài sườn sượt "mười người hết chín kẻ chần chừ"!

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Độ, nghĩa là quy y pháp môn Tịnh độ được nói ra bởi trí tuệ của Phật để tự hành, dạy người, ngõ hầu nương theo Phật từ lực vượt thoát sanh tử, nên có tên là Huệ Độ. Ông biếu Quang tám đồng, Quang bèn gởi cho ông tám đồng kinh sách. Nếu chịu lắng lòng đọc tụng những kinh ấy, mở xem các thứ trước thuật, sẽ tự có thể biết cái nhìn của Quang không lầm. Lại cần phải biết nay đang là đời loạn đã đến mức tột cùng, không có thuốc chữa. Nguyên nhân đều là do học thuyết Tống Nho bài xích nhân quả, luân hồi ươm mầm từ tám chín trăm năm trước, đến nay liền bộc phát. Nay muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm, nếu chẳng nêu rõ cái gốc họa này, dù có muốn vãn hồi cũng khó thể được, vì nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ chúng sanh, là pháp để trị bệnh cả gốc lẫn ngọn vậy. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ rày chỉ nên y theo những kinh sách đã gởi mà tu, chẳng cần gởi thư đến nữa để đôi bên khỏi mất công nhọc nhằn!

112. Thư trả lời cư sĩ Địch Trí Thuần

(Năm Dân Quốc 27 - 1938. Ông này vốn có tên là Văn Tuyển)

Thư của ông và thư của Liên Phương đã nhận đủ cả rồi. Ông có thể trì được kinh Lăng-già, có thể nói là xưa đã có thiện căn. Pháp ấn tâm chẳng phải chỉ hạn cuộc tại chỗ ấy. Nếu có thể tuân theo lời dạy của Bồ-tát Đại Huệ[168] trong phẩm Đoạn Nhục, phàm thấy hết thảy những sinh vật đều coi như cha mẹ, anh em trai,

[168]Đại Huệ (Mahāmati) là vị Bồ-tát thượng thủ, đương cơ của kinh Lăng-già.

chị em gái, vợ con, quyến thuộc thì môn ấy sẽ rộng mở, không pháp nào chẳng nhập được. Nếu thật sự nhập được môn này (tức "tưởng hết thảy sinh vật như ruột thịt, không ăn thịt chúng nó") dẫu chưa đạt được pháp ấn tâm, so với những kẻ đã đắc pháp ấn tâm kia nhưng chưa chịu nhập môn này thì công đức cách biệt như trời với vực. Bởi lẽ một đằng là hiểu suông nhưng chẳng có tâm đại Bồ-đề, một đằng là thật hành đạo Bồ-đề.

Vả nữa đừng cho lời tôi là sai. Dẫu chưa đạt được tâm ấn của Phật, của tổ, nhưng đem công đức này hồi hướng vãng sanh, hễ được vãng sanh liền lên thẳng địa vị Bất thoái, thân cận Di-đà và thánh chúng, sẽ đích thân chứng được tâm của Phật, của tổ. Chúng sanh đời mạt muốn liễu sanh tử, chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chí hướng sự nghiệp, tuy sở ngộ giống như Ngũ Tổ Giới (Ngũ Tổ là tên chùa, thiền sư Sư Giới từng làm trụ trì chùa Ngũ Tổ ở Hoàng Mai nên cõi đời gọi ngài là Ngũ Tổ Giới), Thảo Đường Thanh cũng chỉ được kết quả thân sau trở thành Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công[169]. Đường sanh tử xa xôi, đời sau đời sau nữa, chẳng biết kết quả lại như thế nào? Pháp môn Tịnh độ chính là pháp đặc biệt khế lý khế cơ trong cả một đời giáo hóa của đức Phật, dưới là từ ngũ nghịch thập ác, trên đến Đẳng giác Bồ-tát đều nên tu tập, đều có thể siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này. Tất cả hết thảy những pháp cao sâu huyền diệu khác phần nhiều khế lý, nhưng trọn chẳng thể khế hợp khắp cả ba căn cơ thượng, trung, hạ. Chúng ta từ vô thỉ cho đến tận đời này vẫn còn lưu chuyển trong luân hồi, đều là vì trong những đời trước do ngu muội nên chẳng dám gánh vác, hoặc do cuồng dại nên hoàn toàn chẳng tin nhận mà ra.

Quang nói điều này vì sợ ông vẫn để chí nơi kinh Lăng-già, lấy chuyện đắc tâm ấn của Phật làm chí hướng sự nghiệp thì kết quả sẽ giống hệt như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh mà thôi! Ông đừng học theo bậc đại thông gia, hãy chết

[169] Tăng Lượng (1019-1083), tự Tử Nhân, người xứ Kiến Xương, Nam Phong (nay là huyện Nam Phong, tỉnh Giang Tây), là một nhà văn nổi tiếng thời Bắc Tống, được xếp vào Đường Tống Bát Đại Gia (tám văn gia, thi sĩ nổi tiếng thời Đường Tống). Từ năm 18 tuổi, do theo cha du ngoạn, ông viết bài Du Tín Châu Ngọc Sơn Tiểu Nham Ký, rất được giới văn sĩ thời ấy tán thưởng. Năm 20 tuổi, ông ngao du khắp Trung Hoa, giao du rộng rãi với những danh nhân đương thời như Vương An Thạch và Âu Dương Tu. Ông đỗ tiến sĩ năm 1057, làm quan đến chức Trung Thư Xá Nhân, chuyên trách biên soạn sử liệu cho triều đình. Theo truyện ký, mẹ ông vốn là phu nhân của Tể tướng Tăng Dịch Chiêm, là một tín đồ rất hâm mộ Phật pháp, thường cúng dường hòa thượng Thảo Đường Thanh rất trọng hậu. Khi Tể tướng Tăng Dịch Chiêm cáo lão hồi hưu rất vinh hiển, Thanh Thảo Đường sanh tâm hâm mộ, bèn nói: "Lão tăng nguyện làm con của phu nhân." Nói xong, không lâu sau bèn viên tịch năm 70 tuổi, liền đầu thai vào nhà họ Tăng. Khi đó, phu nhân nhớ lại lời Thanh Thảo Đường, cho người sang chùa hỏi thì quả nhiên hòa thượng mất đúng vào lúc Tăng Lượng được sanh ra.

lòng trọn ý, tuân theo lời dạy trong phẩm Đoạn Nhục tu tịnh nghiệp thì chắc chắn có thể sanh về Tây Phương được. Quang mục lực chẳng đủ, chẳng thể viết tường tận. Trong mùa xuân, một đệ tử ở Vô Tích đã in cuốn Đồng Mông Tu Tri[170], một nửa phía sau in kèm theo Phật Pháp Cảm Ứng cũng như mấy bài văn của Quang, cũng có thể giúp cho việc tự lợi lợi tha. Sách Tang Tế Tu Tri (những điều cần biết trong ma chay cúng tế) cũng là đạo trọng yếu để dứt tai trừ họa, tôn trọng cha mẹ, mến yêu cha mẹ. Mỗi thứ gởi hai bản, một để tự giữ, một bản tặng cho người khác xem. Đấy cũng là những sách trọng yếu để người học Phật thay đổi phong tục vậy.

113. Thư trả lời cư sĩ Đậu Trí Duệ

(Năm Dân Quốc 27 - 1938. Ông này vốn có tên là Liên Phương)

Đức Phật dạy: *"Chư Phật dĩ bát khổ vi sư, cố đắc thành vô thượng giác đạo"* (Chư Phật lấy tám khổ làm thầy, cho nên được thành giác đạo vô thượng). Nếu ông không có bệnh, sợ rằng trong đời này chẳng có nhân duyên nghe đến Phật pháp. Cao Tử Khâm dùng Văn Sao để trị chứng bệnh của ông, ông có thể y theo Văn Sao tu trì thì chắc chắn có thể vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Những lời lẽ trong bộ Văn Sao của Quang đều là lấy những lời của Phật, của tổ đã nói rồi tùy theo căn cơ mà nói cho dễ hiểu, chứ thật sự không có một câu nào nói mò. Ông có thể y theo đó tu hành sẽ tốt hơn gặp mặt Quang nhiều lắm. Hiện thời chẳng bằng được trước kia, nhất cử nhất động đều có chướng ngại. Huống chi tuổi già đường xa, gặp nhau ích gì? Không gặp nhau tổn hại gì? Dẫu có khai thị cũng chỉ là những lời lẽ trong Văn Sao, há có lý nào mới mẻ được nói riêng ư? Ngàn phần mong ông đừng tới, cứ lấy tâm khế hợp nhau coi như đã gặp gỡ là được rồi. Điều quan trọng thứ nhất là ăn chay, những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao. Thư của cư sĩ Địch (tức ông Địch Trí Thuần) viết thẳng một lèo cũng là nhằm để khai thị cho ông. Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Duệ, đọc Văn Sao sẽ biết chỗ quay về, nương tựa. Trí thức ấy có thể gọi là Trí Duệ (trí tuệ thông minh, sáng suốt) vậy!

114. Thư chỉ dạy cư sĩ Sài Dã Ngu (pháp danh là Trí Thao)

Ai cũng đều có thể làm Nghiêu, Thuấn, ai nấy đều có thể thành Phật. Chỉ là "thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm sẽ thành thánh. Hễ

[170] Đồng Mông Tu Tri (trẻ nít cần biết) là một cuốn sách dạy nhi đồng, do Lý Dục Tú biên soạn vào đời Thanh, nội dung dạy những điều cần thiết về phép ứng xử và bổn phận làm người của đứa con trong gia đình. Về sau, ông Giả Tồn Nhân cũng sống vào đời Thanh, tu chỉnh, nhuận sắc, đổi tên sách này thành Đệ Tử Quy.

mê thì Phật là chúng sanh, hễ ngộ thì chúng sanh là Phật". Hãy cầu theo đó, mấu chốt tại ta. Do vậy, cố nhiên hãy nên trên kính mộ chư thánh, dưới coi trọng linh tánh của chính mình, dè dặt kiêng sợ, gắng sức phẫn chí tu trì. Sốt sắng vâng giữ luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, sáng dậy tối ngủ chẳng khiến người sanh ra ta phải hổ thẹn. Người làm được như thế chính là hiền, là thiện, chẳng đến nỗi nhơ nhớp trời đất. Lại còn sanh tín phát nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương để mong đích thân chứng được Phật tánh sẵn có, viên thành vô thượng Bồ-đề mới thôi.

Đại trượng phu sanh trong thế gian, nếu chẳng biết đại thể, chỉ biết ham mê ăn uống nam nữ, tham cầu thanh sắc, của cải lợi lộc thì có khác gì các dị loại, nỡ để tư cách "có thể trở thành Nghiêu - Thuấn, có thể thành Phật" biến thành căn cứ để luân hồi kiếp số dài lâu trong lục đạo, chịu đủ mọi nỗi khổ, chẳng đáng buồn ư? Ông đã phát tâm quy y tam bảo, hãy nên lấy *"*niệm niệm đối trị phiền não tập khí làm gốc, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục cái lễ, sửa ác tu thiện, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, tu ròng tịnh nghiệp" để tự hành, dạy người, ngõ hầu trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là họ hàng, bè bạn, xóm giềng, làng nước đều cùng được tưới gội bởi sự giáo hóa của Phật, cùng trở thành người lành thì mới chẳng uổng cuộc đời này và dịp gặp gỡ này.

Sách Trung Dung nói: *"Nhân giai viết dư trí, khu nhi nạp chư cổ, hoạch hãm tịnh chi trung, nhi mạc chi tri tỵ dã"* (Con người ai cũng tự cho là mình thông minh, nhưng nếu thân bị hãm vào lưới rập, sụp hầm bẫy, chẳng biết tránh né ra sao)[171]. Do chỉ biết hướng ra ngoài theo đuổi, chẳng biết hồi quang phản chiếu nên mới tai hại như thế. Nếu có thể phản chiếu tự tâm, ẩn giấu cái trí để mong tự chiếu thì sẽ có thể học thánh, học hiền, học Phật, học tổ, ắt còn sống thì dự vào bậc thánh hiền, mất sẽ lên cõi Cực Lạc. Đấy chính là đại ý của cái tên Quang đặt cho ông vậy. Lại chỉ vì "thánh đánh mất ý niệm bèn thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh, mê thì Phật là chúng sanh, ngộ thì chúng sanh chính là Phật", bốn câu này nếu chẳng khéo hiểu chắc sẽ đến nỗi nẩy sanh nghi ngờ, bàn luận sai lầm. Nay sẽ giải thích đại lược: Thoạt đầu nói đến thánh hay Phật đều là ước theo bản thể của tự tâm mà nói, chứ không phải là đã thành thánh hay thành Phật. Kế đó, nói đến "đánh mất ý niệm, khắc chế ý niệm, mê, ngộ" chính là luận trên sự tu trì, rèn luyện thuận hay nghịch. Cuối cùng, nói "thành cuồng, thành thánh, tức là chúng sanh, tức là Phật" chính là nói đến hiệu quả ước theo

[171] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích. Theo sách ấy, chữ Chư (諸) ở đây chính là cách viết giả tá của chữ Ư (於).

sự tu trì nghịch hay thuận. Nếu chẳng biết Phật và thánh được nói trong phần đầu là nói theo bản thể của cái tâm, sẽ tưởng là đã thành thánh, thành Phật lại còn trở thành cuồng, thành chúng sanh thì tai hại lớn lắm. Do vậy chẳng thể không giảng đại lược cho ông. Những điều khác hãy đọc kỹ trong Văn Sao, tự đọc sẽ biết hết.

115. Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng

Chuyện phóng sanh vốn là để cảm phát cái tâm kiêng giết, bảo vệ sanh mạng của đồng nhân, thực hành ý niệm bất nhẫn trắc ẩn của chính mình mà thôi. Người đời đông đúc, tâm hạnh mỗi người mỗi khác. Tuy chẳng thể cảm động toàn bộ mọi người, dầu chỉ cảm động được một người thì suốt một đời kẻ ấy đã bớt giết bao nhiêu sanh mạng, huống chi chẳng phải chỉ có một người bị cảm động mà thôi!

Nếu nói "cá nhỏ bị cá lớn ăn, dẫu có thả trong sông to cũng khó khỏi sa lưới rập" thì kiểu suy tính này tợ hồ có lý, nhưng thật ra đã ngăn trở thiện niệm của người khác, giúp người ta tạo sát nghiệp. Kẻ ấy may mắn được làm người, bản thân có lẽ chẳng đến nỗi bị giết chóc nên mới nêu ra lý lẽ vô lý đó để tỏ ra mình có trí hòng khuất phục kẻ phóng sanh. Nếu kẻ ấy là cá và là các sanh mạng lúc sắp bị giết, chắc chắn sẽ chẳng chịu khởi lên thứ ý tưởng ấy, chỉ mong có người cứu mạng cho mình, chẳng hề có ý tưởng "dù có được loài khác cứu, vẫn sợ sau này lại bị loài vật khác ăn thịt hay bị người khác bắt được", chỉ nguyện cam tâm bị giết để sau này khỏi gặp tai ương nữa! Nếu trong lúc ấy mà khởi lên được ý niệm ấy thì vẫn chưa đủ để tranh cãi. Huống chi muôn vàn phần là trong lúc ấy chẳng thể nào khởi lên được ý niệm ấy. Trong lúc không bị dính dáng đau đớn, lại thốt ra lời ấy ngăn trở thiện niệm của người ta, dấy động cơ duyên giết chóc của người ta. Nếu kẻ ấy trong đời sau chẳng tự thọ lấy quả báo ấy thì mặt trời, mặt trăng sẽ từ phương Tây xoay sang phương Đông, trời đất sẽ đổi ngôi vậy! Há nên thốt lời xằng bậy ư?

Cá lớn nuốt cá nhỏ cố nhiên có chuyện ấy, đã thả ra rồi bị bắt lại cũng chẳng thể không có chuyện ấy. Nếu nói cá nhỏ bị cá lớn ăn sạch không còn sót gì thì chẳng hề có sự lý ấy, những con vật được thả đều bị người ta bắt lại hết cũng chẳng hề có sự lý ấy. Sao lại lo lắng quá đáng như thế? Ví như cứu giúp dân chúng bị nạn thì cho người ta một manh áo hoặc một bữa ăn, họ cũng chẳng đến nỗi phải bị chết ngay. Trong lúc ấy bèn nói: "Một manh áo, một bữa cơm này sao có thể no ấm suốt đời được? Cho họ có ích lợi chi đâu, chẳng thà để họ chết rét, chết đói thì sẽ chẳng bị chết đói, chết rét lâu dài ư?" Lại như cường đạo cướp bóc người ta, nếu được kẻ có sức mạnh chống cự, kẻ ấy (tức nạn nhân) sẽ nói "nếu ông có thể chống cự suốt cả đời thì tốt lắm, chứ chỉ chống cự được một chốc, có

ích gì đâu? Đâm ra chẳng bằng cứ mặc kệ cho nó cướp sạch hết đi, sau này sẽ chẳng lại bị cướp đoạt nữa thì hay hơn" hay sao? Cha mẹ thường nuôi nấng vỗ về con cái, nhưng mẹ hiền chẳng thể nuôi nấng, vỗ về thân đời sau của đứa con, nó sẽ nói "chẳng thể nuôi nấng vỗ về, chẳng thà giết đi thì hơn" hay sao?

Quân tử tu đức, chẳng vì điều thiện nhỏ mà không làm, chẳng vì điều ác nhỏ mà làm. Những kẻ cứ mong muốn chẳng sót một điều nào rồi mới chịu thực hành phóng sanh sẽ làm cho người trong cả cõi đời dẫu sống hết tuổi thọ đều chẳng thực hiện chuyện kiêng giết, phóng sanh, trong tương lai ắt họ sẽ lâm vào cảnh "muôn người không một ai có thể cứu cho mình khỏi chết được". Buồn thay, đau đớn thay, khôn ngăn dài dòng bày tỏ!

116. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên

Ngày hôm qua nhận được thư cho biết trong số những vị hương thân nơi chỗ ông có Phan Trọng Thanh ở Trương Gia Khẩu gởi thư đến muốn được quy y. Người này tánh chất chân thành chất phác, về mặt học vấn cũng có nghiên cứu. Ông ta đã phát tâm, Quang chỉ nên tùy duyên. Nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Thuần, do hết thảy chúng sanh đều sẵn đủ Phật tánh, tức là đều sẵn đủ Phật huệ; nhưng do tham sân si v.v. xen tạp vào trong nên Phật huệ bèn trở thành tri kiến của chúng sanh. Nay đã biết Phật huệ vốn sẵn có, bèn chú tâm kiểm điểm nơi khởi tâm động niệm, xử sự, chẳng để cho tri kiến tham sân si v.v. phát sanh. Lại hãy nên dùng lòng tín nguyện sâu để trì danh hiệu Phật, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tự hành dạy người cùng tu tịnh nghiệp thì huệ ấy sẽ dần dần thuần. Nếu giữ được điều này chẳng để mất thì vãng sanh Tây Phương sẽ vừa thuần vừa dễ. Đến khi phiền hoặc hết sạch, phước trí viên mãn thì huệ sẽ thuần đến tột bậc, viên thành Phật đạo. Người đời thường lầm lạc bảo mình có trí tuệ, chẳng biết trí tuệ là vàng còn trong quặng, hoàn toàn chưa sử dụng được, cần phải luyện ròng khiến cho những chất xỉ quặng (những tạp chất) hoàn toàn tiêu hết thì mới được lợi ích. Đại ý là như vậy, mong hãy chuyển những ý nghĩa này đến cho ông ta. Người học Phật chú trọng vào việc tận tụy thực hành. Con người hiện thời phần nhiều mong sao miệng lưỡi nhạy bén, tức là kể tên những món ăn thật hay, thật đẹp, nhưng vô ích cho cái bụng rỗng tuếch, đáng buồn thay!

117. Thư gởi cư sĩ Ngụy Mai Tôn[172] (mười sáu lá thư)

[172] Ông Ngụy Mai Tôn (1862-1933), tên thật là Gia Hoa, tự là Mai Tôn, hiệu Trinh Sĩ, người xứ Giang Ninh, đỗ tiến sĩ thời Quang Tự, từng làm quan đến chức Hàn lâm biên tu, rồi Tri phủ đông xương tỉnh Sơn Đông, quan tước đến Tam phẩm, rất nhiệt thành hộ vệ Phật pháp và làm chuyện từ thiện như mở viện mồ côi tại chùa Pháp Vân trên sông Tam Xoa, lập ao phóng sanh...

(Năm Dân Quốc 11 - 1922. Ông này vốn tên là Gia Hoa, Mai Tôn đến năm Dân Quốc 18 (1929) mới quy y, lúc này còn coi như là bè bạn)

1. Mùa đông năm ngoái, Vương Ấu Nông gởi thư đến nói các hạ tín tâm chân thật, thiết tha. Quang nói: Biết rõ hết thảy chúng sanh đều sẵn có Phật tánh, nhưng chưa thôi ăn thịt được, tức là *"phú quý học đạo nan"* (giàu sang học đạo khó). Nào ngờ chưa đầy ba bốn tháng, các hạ liền thôi ăn thịt. Ấu Nông lại gởi thư tường thuật đầu đuôi, do lòng tinh thành cảm vời ra đó chăng? Hay chỉ là chuyện phù hợp ngẫu nhiên? Người học đạo muốn đoạn được tập khí cần phải có nghị lực, nếu chần chừ thoái thác sẽ tiếp tục lâu dài, trọn không khi nào dứt được! Các hạ đã trừ được tập khí phú quý, cố nhiên dễ dàng thành tựu tịnh nghiệp. Mai sau cao đăng thượng phẩm, chứng Vô sanh nhẫn, hầu đức Di-đà dài lâu, đích thân theo gót hải chúng, sẽ lại phân thân hiện bóng trở vào đời ác ngũ trược này độ thoát chúng sanh, đều do nghị lực ấy làm cơ sở, may mắn nào hơn?

Do một người bạn khuyến khích, Quang bèn in An Sĩ Toàn Thư dạng thâu nhỏ ngõ hầu phổ biến rộng khắp để mong vãn hồi thế đạo nhân tâm, nhưng người thưa đức bạc, người nghe theo sự xướng suất này ít ỏi, đến nay mới chỉ quyên mộ in được hai vạn hai ba ngàn bộ sách mà thôi. Năm ngoái đã muốn gởi thư các hạ mong giúp đỡ quyên mộ ấn hành, nhưng do bận bịu giảo chánh và các việc khác không rảnh rang nên để trễ nải đến nay. Ông Trương Quý Trực ở Thông Châu buôn bán phát đạt, giàu có dư dả, nhiệt tâm làm chuyện công ích. Trộm nghĩ, Quang lưu hành An Sĩ Toàn Thư chính là mưu tính lợi lạc cho quốc dân, biện pháp làm chuyện này trọn chẳng tệ hại. Nếu ông ta biết được, cũng sẽ bỏ ra một khoản tiền lớn để mong làm chuyện cứu nước cứu dân không lưu lại dấu vết, nhưng Quang trọn chưa hề gặp gỡ, chẳng tiện gởi thơ khuyên. Nếu các hạ xót thương tấm lòng ngu thành của Quang hãy nên gởi thư kính khuyên. Nếu ông ta chịu phát đại tâm in mấy vạn bộ, hoặc mấy ngàn bộ thí cho quốc dân thì may mắn chi hơn? Dẫu cho ông ta chẳng phát tâm thì lòng nhiệt thành của các hạ đối với quốc dân cũng đã phát lộ, thành tựu tịnh nghiệp cố nhiên là vừa sâu vừa rộng.

2. Các hạ túc căn sâu dày, nên có thể từ lời dạy của lão nhân Triệt Ngộ liền sanh lòng cảnh tỉnh lớn lao, đấy chính là "thời tiết nhân duyên gặp đúng lúc, trọn chẳng phải là ngẫu nhiên". Do kính trọng ngài Triệt Ngộ, bèn khen ngợi Quang quá mức khiến người ta thẹn thùng khôn ngằn! Sách An Sĩ Toàn Thư đã quyên

---

Ông này được tổ nhắc đến rất nhiều lần trong Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên. Trong lần khai thị tại pháp hội Hộ Quốc Tức Tai ở Thượng Hải, tổ có nhắc đến chuyện ông Ngụy Mai Tôn hỏi tổ xin dạy cách đoạn trừ thói quen ăn thịt, tổ khuyên nên đọc kỹ bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh trong Văn Sao (tức bài Sớ Quyên Mộ Tu Bổ Ao Phóng Sanh ở Nam Tầm).

mộ được hơn ba vạn bốn ngàn bộ, cũng tạm thỏa ý nguyện ngu muội của Quang. Tiên sinh Quý Trực hứa sau này sẽ theo đuổi chuyện ấy, thật là công đức không chi lớn hơn, sớm hay muộn cố nhiên chẳng khác gì nhau. Nay tai họa chiến tranh sắp xảy ra, bầu không khí chiến tranh tràn ngập. Cư sĩ Vưu Tích Âm đã đăng tải trong các báo ở Trực Lệ, Phụng Thiên, Bắc Kinh, Tân (Thiên Tân), Lỗ (Sơn Đông), Biện (Khai Phong) cho giới quân nhân biết để họ gởi thư thỉnh An Sĩ Toàn Thư hầu mong tiêu diệt kiếp họa. Trách nhiệm gởi sách đều giao cho những người tại các tỉnh ấy lo liệu chuyện gởi tặng. May là các cư sĩ ở những tỉnh nhận trách nhiệm biếu sách lo năm ngàn bộ, tự mình chỉ phải lo hơn một ngàn bộ, hơn bốn ngàn bộ kia để tùy tiện kết duyên.

Thoạt đầu Quang muốn gởi cho Đốc quân, Tỉnh trưởng các tỉnh mỗi người một trăm bộ. Chỉ mình Tỉnh trưởng Thiểm Tây là chịu trách nhiệm một ngàn bộ, Đốc quân tỉnh Chiết Giang năm trăm bộ, Tỉnh trưởng tỉnh ấy một trăm bộ, chẳng gởi nữa thì vẫn có dư sách. Do ông Tích Âm lo cái họa chiến tranh sắp xảy ra nên càng gấp rút, phân tán hết số sách ấy trong giới quân nhân mấy nơi. Hơn nữa, ông Tích Âm có một trăm bộ, Quang có khoảng năm sáu trăm bộ, và ông Lưu một trăm bộ, ông Hoàng hai trăm bộ, và ba bốn người bạn nữa của Quang giữ tổng cộng hơn một ngàn bộ, gộp lại cũng được hơn hai ngàn bộ. Tính dùng hơn sáu ngàn bộ sách ấy làm công cụ tiêu diệt tai họa chiến tranh. Nếu Phật, trời gia bị chắc sẽ chuyển biến ngấm ngầm. Dẫu như Quang chẳng có đức hạnh khó thể cảm thông thì cũng giảm bớt được sự khốc liệt. Quang thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian dùng để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh." Nay nước loạn, dân khốn cùng, tình hình sau này khó thể tưởng tượng được đều là do những người đang cầm quyền chẳng biết nhân quả mà ra. Kế sách trong hiện thời ngoại trừ việc đề xướng cho nhân quả được sáng tỏ thì dẫu là thánh nhân cũng chẳng biết xoay sở ra làm sao, huống gì bọn vô tri vô thức chúng ta? Vì thế đem những lời khuôn phép của tiền nhân để làm hướng dẫn cho tương lai của cõi đời này, tuy chẳng thể khiến cho mọi người đều tuân theo, cũng chẳng đến nỗi không một ai chẳng chịu nương theo. Chỉ có cách này là có thể ngầm giúp cho quốc kế, dân sanh. Đây là chuyện ông Tích Âm và Quang miệt mài cầu viện các bậc quân tử, mong được tán thành, hỗ trợ để cuối cùng có hiệu quả thật sự.

Các hạ gương trí treo cao, chẳng tiếc hơi sức khuyên lơn, phát khởi, do công đức ấy sẽ vãng sanh thượng phẩm, hầu hạ đức Từ Phụ Di-đà, kề cận Quán Âm, Thế Chí, cùng vào Sa-bà tùy loại hiện thân để độ thoát hết thảy. Quang nói lời này chẳng phải là dối trá, các hạ chỉ nên giữ vững mười sáu chữ của ngài Triệt

Ngộ (thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật) thì ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng vậy.

3. Năm xưa ông Tiền đến núi này, được một phen gặp gỡ. Mùa xuân năm ngoái Văn Sao in xong, tôi gởi thơ nhờ Trương Vân Lôi tặng cho ông ta một bộ. Sau đấy nhận được thư của Vân Lôi báo ông ta đã mất rồi, khôn ngăn than thở cảm khái! Mạng người vô thường, phải tính sẵn kế quay về chắc chắn! Ông ta đã phát tâm in tặng Nhất Hạnh Cư Tập[173], chắc là do thiện tâm ấy sẽ vãng sanh Cực Lạc. Nếu không, chủng tử tịnh nghiệp đã gieo sâu rồi, khi tái sanh chắc chắn sẽ thâm nhập pháp môn này. Các hạ túc căn sâu dày, có thể đem phú quý, học vấn, tập khí trên toàn thân bỏ hết xuống được, hằng ngày dùng sáu chữ hồng danh Di-đà để làm cảnh buộc tâm, lại dùng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, luận Phát Bồ-đề Tâm của ngài Thiên Thân v.v. để phấn chấn tinh thần, mở rộng chí nguyện, trong hiện tại đã hiểu tâm đạt gốc, lâm chung mau chóng lên thượng phẩm là điều đương nhiên có thể đoán trước được. Vô thỉ luân hồi đến nay chấm dứt. Một đằng do vui, một đằng do sợ nên chẳng tiếc sức hiện thân thuyết pháp để phổ độ hết thảy những kẻ hữu duyên. Bộ An Sĩ Toàn Thư do ông Giang Khiêm đề xướng có thể được lưu truyền rộng khắp cũng là do lòng chân thành tán dương của các hạ cảm vời ra.

4. Hiện thời, tăng phần nhiều ngu muội, tầm thường, chẳng thể hoằng dương, xiển phát sự nhiệm mầu của đạo, khiến cho hết thảy kẻ gian muốn mượn công để lợi tư, mưu đoạt tăng sản. Họ đặc biệt mượn cớ mở trường học hòng hủy chùa đuổi tăng, đến nỗi người suốt đời cẩn thận là ông Vương Thiết San[174] thuận theo lời cầu thỉnh của họ, thốt lời khen ngợi là làm như vậy chẳng hại gì đến pháp, lại hợp tình mọi lẽ, đã cẩn thận suy xét chu đáo, thỏa đáng, thật đáng khâm phục, ra lệnh cho các huyện trong cả tỉnh Giang Tô tuân hành xử lý. Chẳng ngờ ông Thiết San lại lầm lẫn, ngạo ngược đến tột cùng như thế! Nếu thi hành lệnh ấy, chắc chắn các tỉnh sẽ đua nhau bắt chước theo. Đốt cả rặng Côn Luân[175], ngọc lẫn đá

[173] Nhất Hạnh Cư Tập: Tác phẩm của Bành Thiệu Thăng, nội dung bao gồm những nhận định, văn chương nhằm phát huy yếu chỉ Tịnh độ tông rất tinh diệu của ông Bành. Năm Càn Long 50 (1785), ông Bành ngụ tại Văn Tinh Các ở Tô Châu, tu nhất hạnh tam-muội, chuyên tâm niệm một đức Phật, do vậy gọi chỗ mình ở là Nhất Hạnh Cư. Vì thế tổng tập những trước tác có liên quan đến Phật giáo của ông được đặt tên là Nhất Hạnh Cư Tập.

[174] Vương Thiết San là tỉnh trưởng tỉnh Giang Tô thời ấy.

[175] Côn Luân là một rặng núi lớn ở phía Tây Trung Quốc, dài đến 2.500 km, chạy từ cao nguyên Pamir đến tận tỉnh Thanh Hải. Núi vừa cao vừa rộng, nên được người Trung Hoa thần thánh hóa, coi như là chỗ thần tiên ở, vương cung của Tây Vương Mẫu (bà chúa tiên) nằm trên ngọn núi này. Tương truyền trên núi có rất nhiều ngọc quý ẩn ngầm trong đá.

đều cháy, có khác gì đời Tam Vũ[176] diệt Phật đâu? Nhưng trong đời Tam Vũ, cao nhân như rừng, dẫu gặp cảnh nguy ách tạm thời, rốt cuộc lại phục hưng lớn lao. Nếu nay thực hành theo lệnh ấy thì Phật pháp diệt vong chỉ còn là chuyện thời gian.

Cư sĩ túc nguyện rộng sâu, hạnh trong hiện đời thuần dốc, gặp phải chánh sách sai lầm này, dám mong chẳng tiếc hơi sức, nêu cặn kẽ lẽ lợi hại với Đốc quân, Tỉnh trưởng và chỉ ra điều lệnh do Đại tổng thống đã ban hành năm ngoái. Nếu thủ tiêu được lệnh này thì may mắn chi bằng! Nếu họ không nghe, vẫn mong ông khẩn cầu lệnh sư là tiên sinh Phùng Hao Am[177] và tiên sinh Trương Quý Trực cùng ra tay cứu viện ngõ hầu lệnh ấy chẳng trở thành sự thật. Quang một là không có môn đình, hai là không quyến thuộc, lại do tuổi xế bóng rất gần, có gì mà phải

---

[176] "Tam Vũ diệt Phật" là ba lần chánh quyền hủy diệt Phật giáo trong lịch sử Trung Hoa do Bắc Ngụy Thái Vũ Đế (408-452), Chu Vũ Đế (543-578) và Đường Vũ Tông (840-846) chủ trương. Về sau này lại còn Chu Thế Tông (921-959) nhà Hậu Chu hủy diệt Phật pháp một lần nữa nên sử thường gọi là "Tam Vũ Nhất Thế chi họa". Nghe lời Tư đồ Thôi Hạo và đại sĩ Khấu Khiêm Chi, Ngụy Thái Vũ Đế đàn áp Phật giáo. Năm Thái Bình Chân Quân thứ bảy (446), vua hạ lệnh xử tử các sa-môn ở Trường An, phá hoại hết thảy kinh tượng. Không lâu sau vua bệnh chết, con là Văn Thành Đế lại phục hưng Phật giáo. Chu Vũ Đế nhà Bắc Chu tin lời sàm tấu của các đạo sĩ Trương Tân và Vệ Nguyên Tung, có ý phế Phật. Lúc ấy các vị Chân Loan, Đạo An, Tăng Miễn ra sức biện hộ nên chưa phế bỏ. Đến năm Kiến Đức thứ hai (573), vua hạ lệnh phế bỏ cả Đạo giáo lẫn Phật giáo, hủy hoại kinh tượng, buộc tăng sĩ, đạo sĩ hoàn tục, chỉ giữ lại 200 đạo sĩ có danh tiếng ở Trường An. Năm Kiến Đức thứ sáu (577) vua băng, Phật giáo mới lại phục hưng. Thời Đường Vũ Tông, bọn Tể tướng Lý Đức Dụ v.v. chủ trương bài Phật. Nghe lời sàm tấu của bọn chúng, cũng như do tham lam, muốn chiếm đoạt tăng sản, năm Hội Xương thứ năm (845), vua hạ chiếu chỉ giữ lại bao nhiêu đó chùa và chừng 300 tăng, còn lại đều hủy bỏ, buộc tăng ni hoàn tục, đem tượng Phật, chuông, khánh đúc thành tiền đồng, nông cụ… Sử gọi là Hội Xương Pháp Nạn. Năm sau vua chết, Tuyên Tông lại phục hưng Phật giáo. Trong số những ông vua bạo ác này, Chu Thế Tông (Sài Vinh) nhà Hậu Chu là hung hăng nhất. Năm Hiển Đức thứ hai (955), vua thực hành chánh sách bài Phật để có tiền trang trải chiến tranh. Vua hạ chiếu phế bỏ tất cả tự viện (sử ghi là ba vạn ba trăm ba mươi sáu ngôi chùa), hủy hoại tượng Phật, tịch thu chuông, khánh, bạt, linh để đúc tiền, sung công toàn bộ điền sản của nhà chùa. Lúc ấy ở Trấn Châu có tượng Quán Âm bằng đồng rất linh thiêng, nên tuy chiếu chỉ ban xuống, không ai dám phá hủy. Vua nghe vậy, đích thân đến chùa, cầm búa đập vào ngực tượng Phật, mặc cho người xem run sợ. Năm Hiển Đức thứ sáu (959), vua lên miền Bắc đánh nhau, tự nhiên ngực mọc ra mụn nhọt độc rất to, đau đớn không chịu nổi, mất trên đường hành quân. Triệu Khuông Dẫn thừa cơ chiếm binh quyền lập ra nhà Tống, nhà Hậu Chu diệt vong.

[177] Phùng Hú (1843-1927), tự là Mộng Hoa, hiệu Hao Am, về già thường xưng là Hao Tẩu, hay Hao Ẩn, người huyện Kim Đàn, tỉnh Giang Tây, đỗ tiến sĩ năm 1886, làm quan đến chức Án sát sứ tỉnh Tứ Xuyên và Tuần phủ tỉnh An Huy. Sau Cách Mạng Tân Hợi (1911), ông về sống tại Thượng Hải, chuyên tâm về văn chương, tham dự biên soạn bộ Giang Nam Thông Chí, trước tác nổi tiếng nhất là bộ Mông Hương Thất Từ. Do có danh phận và đạo đức, ông rất được những người có chức quyền tỉnh Giang Tô thời ấy coi trọng.

lo lắng, nhưng vì trong lúc này lòng người chìm đắm đã đến cực điểm, đạo đức nhân nghĩa xem nhẹ như mảy lông, pháp luật, hình phạt, chánh lệnh trọn chẳng kiêng nể! Nếu có thể xương minh đạo nhân quả luân hồi báo ứng ba đời của đức Như Lai thì dù là kẻ đại gian cực ác cũng chẳng đến nỗi trọn chẳng có một niệm kiêng sợ quả báo đời sau, gột rửa cái tâm khi trước. Quang thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh."

Đời lắm kẻ có cái nhìn thiển cận, phải biết rằng từ địa vị phàm phu cho đến khi thành Phật đều chẳng ra ngoài nhân quả. Nếu hiểu sâu nhân quả thì người bậc thượng liền minh tâm kiến tánh, đoạn hoặc chứng chân, kẻ bậc hạ cũng có thể sửa lỗi làm lành, mong thành thánh thành hiền, có ích lớn lao cho thế đạo nhân tâm. Trong lúc chế độ quân chủ bị phế bỏ, Nho giáo suy vi này, chẳng dùng Phật pháp để giúp cho việc cai trị là đã đánh mất thời cơ, huống hồ lại miệt mài lấy chuyện hủy chùa đuổi tăng làm nhiệm vụ cấp bách? Họ bèn nói: "Tăng đều tầm thường, ngu muội, hoàn toàn vô ích cho nước, cho dân", nào biết một khi lệnh ấy được thi hành, dù có vị tăng chân tu thực sự tu tập cũng sẽ bị xếp vào loại đáng xua đuổi. Ấy là muốn giữ gìn mạng mạch của quốc gia, nhưng lại đoạn mạng căn trước. Cái tội của Vương Thiết San ngập tràn hư không mười phương, kẻ do lệnh của Thiết San mà làm chuyện này thì tội cũng chẳng khác gì Thiết San. Một kẻ đui dẫn lũ mù kéo nhau vào hầm lửa, chính là nói về Thiết San đấy!

5. Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích an ủi. Lời các hạ nói hoàn toàn phù hợp lời của ông Ấu Nông. Nghe nói đã phái hòa thượng Diệu Liên liên lạc các vị tăng thủ lãnh các nơi để bẩm báo, trình bày. Nói lý hãy nên thấu triệt, giọng điệu đừng nóng nảy, kích động, quả thật là lời bàn định chí lý. Quang cũng đã trình bày đại lược ý này với ngài Diệu Liên. Phàm mọi chuyện đều nên ngăn ngừa thói tệ lưu hành trước khi nó được tiến hành. Các hạ nói mượn chùa làm trường học thì mỗi năm phải trả tiền thuê, cách ấy rất hay, nhưng chẳng biết cái tệ sẽ vô cùng! Đầu đời Nguyên, đạo sĩ ở nhờ chùa tăng, phong trào ấy đã dấy lên thì gần như không sao cấm đoán được (vùng phụ cận kinh thành, đạo sĩ chiếm hơn 300 ngôi chùa, những nơi xa càng nhiều nữa). Về sau do tăng tâu lên phản bác, Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) hạ lệnh bắt trả lại, chỉ trả được một nửa, nhưng sản nghiệp phần nhiều đã bị họ trộm sẵn mất rồi. Có thể lấy đó làm gương.

Nói chung, kẻ làm chuyện ấy trước hết đã sẵn lòng mưu mô chiếm đoạt tài sản của tăng, kết bè kéo đảng những kẻ đồng lòng để đánh phá người khác ý kiến, do muốn được lợi riêng nên thế lực mạnh mẽ khôn ngăn. Chữ mượn và chữ đổi tuy danh khác nhưng quả thật là cùng nghĩa. Các hạ là bậc quân tử đức dày, chưa

xét kỹ người đời nay ngụy kế đa đoan. Nhưng pháp đạo hưng thịnh hay suy vong cố nhiên có số vận nhất định, đương nhiên Quang và các hạ phải tận hết phận sự của con người trước, rồi sau hãy nghe theo mạng trời.

6. Nhận được thư khôn ngăn cảm kích. Nếu thi hành chuyện ấy ắt pháp đạo bị diệt mau chóng. Nếu không do các hạ, Trúc Trang, Ấu Nông v.v. dốc hết sức chống đỡ sẽ không thể nào tưởng tượng được! Bọn Viên - Đường[178] chắc là bè lũ muốn diệt Phật pháp xưa kia, nhưng do cao nhân như rừng, không cách gì ra tay tàn độc hòng thỏa ác nguyện, do nguyện lực xưa kia nên mới có cử chỉ ấy. Nhưng Phật trí soi xét thời cơ, biết có kẻ muốn diệt Phật pháp, nên bèn sắp đặt sẵn khiến cho những vị phá hoại ma lực kia sanh nhằm thời này. Chẳng những pháp đạo không bị ngăn trở, lấn át, mà có thể còn chuyển được tâm ma của chúng, bèn tin tưởng hướng theo Phật pháp, hòng chúng tự biết Phật tánh sẵn có, do vì trái trần hiệp giác khiến cho chính mình bị tổn hại. Nay đã biết rồi thì trái trần hiệp giác, chuyển lòng mong muốn tự hại trước kia thành tự vệ thì ở mức độ nông cạn sẽ là đổi ác tu lành, gieo phước trời người, còn ở mức độ sâu xa thì sẽ đoạn hoặc chứng chân, đích thân đạt được quả Niết-bàn. Như câu nói*: "Phật pháp như chiên-đàn hương, hoặc phụng trì, hoặc tiễn đạp, giai đắc hương khí sở huân, nhi đồng nhất khí vị dã"* (Phật pháp như hương chiên-đàn, dù nâng niu hay giày xéo đều được mùi thơm ướp đượm, có cùng một khí vị). Quang nguyện khi ba vị thành Phật, sẽ đích thân làm hàng đệ tử hộ pháp phụ chánh tồi tà[179] cho ba vị hòng báo đáp ân đức ngày nay. Ngay khi họ Viên, họ Đường thành Phật, Quang cũng nguyện giống như thế ngõ hầu toàn bộ ma giới biến thành Phật giới, cùng chứng chân như pháp tánh, cùng trọn vẹn chủng trí mới thôi!

7. Hôm qua nhận được thư của ngài Diệu Liên và lời phê của Tỉnh trưởng, biết chuyện ấy bị tiêu diệt triệt để, cảm động, hổ thẹn khôn sánh! Trộm nghĩ chuyện này nếu không có các hạ và ông Trang (Tư Giam), Tưởng (Trúc Trang), Vương (Ấu Nông), ba vị dốc hết sức duy trì thì sợ rằng chẳng triệt tiêu được. Hôm qua đã gởi thư cho cư sĩ Trang, gởi kèm theo lời phê, mong giao cho Bộ

[178] Viên ở đây là Viên Thế Khải, Đường là Đường Thiệu Nghi. Họ Viên từng làm Tổng Lý Nội Các Đại Thần của nhà Thanh. Về sau, khi nhà Thanh bị lật đổ, nhờ mưu mẹo, ông ta nắm giữ quyền lực lớn, trở thành Đại Tổng Thống, rồi sau đó, tự xưng là hoàng đế, lấy niên hiệu là Hồng Hiến. Họ Đường là bạn thân của họ Viên, từng giữ chức Quốc Vụ Tổng Lý (gần như Thủ Tướng). Do ông ta được đào tạo từ trường đại học Tin Lành của Mỹ nên mang tư tưởng bài xích Phật giáo rất mạnh, còn họ Viên thì sẵn lòng gian manh, giảo hoạt, muốn thừa cơ chiếm đoạt tài sản của Phật giáo để thực hiện những mưu đồ đánh gục đối thủ chính trị, rốt cục, ông ta vẫn bị lật đổ.

[179] Phụ chánh tồi tà: Giúp cho điều chánh, đập tan điều tà.

trưởng Nội vụ lưu hành. Sau này nơi khác có sự tình như vậy trình lên bộ thì mong hãy căn cứ vào "Điều lệ quản lý chùa miếu" để bác đi, không chấp thuận, ngõ hầu chẳng đến nỗi nếu không có người chống đối sẽ trở thành sự thật. Dẫu có người chống đối nhưng do vậy cũng phải uổng phí tâm lực. Pháp vận thông suốt hay bế tắc chắc chắn đã có số vận nhất định, nhưng chư Phật, Bồ-tát đã sớm biết sẵn. Vì thế khiến cho các vị ở đúng vào địa phương này, gặp đúng dịp này dốc sức duy trì, ngõ hầu ngọn lửa đốt đồng liền bị dập tắt ngấm. Nguy hiểm cùng cực, may mắn cùng cực!

8. Vụ án của hội Giáo dục đã giải quyết xong trọn vẹn toàn là nhờ các hạ và Trúc Trang, Ấu Nông, ba vị ra sức xoay chuyển khiến cho Tỉnh trưởng và bộ Nội vụ đều tuân theo *Điều lệ quản lý chùa miếu* để thực hiện sự bảo vệ. Lời phê của Tỉnh trưởng đã xét đến cả hai mặt, trọn chẳng tổn thương đến phương diện tình cảm của hội Giáo dục lại còn tận lực lập cách ngăn ngừa, đề phòng để họ khỏi vượt luật được. Có thể nói dốc trọn thâm tâm hộ pháp khiến cho người khác cảm kích, bội phục vô ngằn!

9. Các hạ đặt tên chùa là Pháp Vân, dụng ý rất sâu. Trộm nghĩ chùa Pháp Vân đã trở thành đạo tràng từ thiện bậc nhất của Giang Nam, hãy nên hành riêng một pháp chẳng giống với các nơi. Một là chẳng thế độ, hai là chẳng truyền pháp[180]. Tất cả trụ trì chỉ chọn lấy người hiền, chẳng cần biết là Lâm Tế, Tào Động, Thiên Thai hay Hiền Thủ, chỉ cần dốc lòng tin tưởng pháp môn Tịnh độ, ngôn hạnh tương ứng là được rồi. Trụ trì luận theo số thứ tự, chứ không tính theo thế hệ[181]. Ấy chính là đạo tràng đại công vô tư, chứ không như những nơi truyền cho đệ tử thế độ, truyền cho pháp đồ, dính vào phạm vi chuyên trọng riêng tư vậy.

10. Tiên sinh Trần Kiếm Đàm tin nhân quả, tính muốn nêu rõ nhân quả, nhưng lại không chịu niệm Phật, ấy chính là tập khí của văn nhân. Thuở trước tổ Huệ Viễn do thấy Đào Uyên Minh[182] bụng dạ trống rỗng, khoảng khoát, có thể học

[180] Thế độ: Thế là cạo tóc, xuống tóc. Thế độ tức là thâu nhận đệ tử xin xuống tóc, xuất gia làm tăng. Truyền pháp ở đây có nghĩa là thu nhận môn đệ xuất gia tạo thành pháp phái, môn đình riêng.

[181] Ý nói: Chọn người có tuổi hạ (tăng lạp) cao, đạo cao đức trọng làm trụ trì chứ không truyền theo thế hệ truyền thừa. Chẳng hạn, khi một vị trụ trì đã mất hoặc xin thoái hưu, sẽ chọn trong số những vị có tăng lạp cao, có đức hạnh làm vị trụ trì kế tiếp, chứ không chọn trong số những vị xuất gia tuổi tuy còn trẻ, nhưng do là đệ tử của sư phụ những vị trưởng lão trong chùa nên thuộc thế hệ trên, đứng vào hàng sư thúc, sư bá của những vị tôn túc lớn tuổi ấy.

[182] Đào Uyên Minh (365-427), tên thật là Đào Tiềm, Uyên Minh là tên tự. Có thuyết lại nói ông ta vốn tên thật là Uyên Minh, tên tự là Nguyên Lượng, sau sang đất Tống bèn đổi tên thành Đào Tiềm. Từ đời Đường, do kỵ húy Đường Cao Tổ (Lý Uyên, cha Đường Thái Tông) nên Đào Uyên Minh thường bị viết trại thành Đào Thâm Minh hoặc Đào Tuyền Minh. Ông Đào tự

đạo, liền mời dự vào liên xã. Nhưng ông ta lấy rượu làm tánh mạng, biết Phật môn cấm rượu, chẳng dám nhận lời mời, nên nói: "Cho tôi uống rượu thì tôi đến." Tổ Huệ Viễn tâm đại từ bi bèn chấp nhận. Ông ta đến niệm Phật được ba ngày, cau mày bỏ đi, do chỉ có thể buông xuống, chẳng thể đề khởi. Như bọn ông Kỷ Văn Đạt, Viên Tử Tài[183] đều cùng một bệnh. Họ Kỷ, họ Viên khá tin tưởng nhân quả, thường hay ghi chép sự thật cảm ứng trong Phật pháp, nhưng đều chưa từng lắng lòng nghiên cứu, nên những lời luận định phần nhiều đều là bàn về chuyện thực hành bề ngoài. Ông Viên thoạt đầu báng Phật, về sau lại tin Phật, tuy tin nhưng chẳng thể nghiên cứu tu trì, đó gọi là "thông minh văn tự chướng". Ông Trần sẽ có ngày thiện căn phát hiện, chưa chắc đã suốt đời như thế.

Nay đã có lá thư gởi cho cư sĩ Cố Hiển Vi hồi năm ngoái (đã chép trong Văn Sao Chánh Biên, quyển hai), tòa soạn báo Chi Giang in ra, đem gởi đến, xin hãy xem để làm trò cười. Sở dĩ có lá thư ấy là vì bạn ông Cố là Phan Thừa Ngạc (hai vị đều là người Tô Châu, ông Cố là tây tân[184] của ông Hoàng Đạo Doãn ở Ninh Ba, quy y với pháp sư Đế Nhàn) rất thân với ông Cố; ông Cố khuyên ông Phan niệm Phật, ông ta viết thư vặn ngược lại, bảo rằng chẳng thể sanh lòng tin, càng thêm ngờ vực. Ông Cố gởi thư ấy cho Quang, xin Quang hãy đả phá. Quang đem thư gởi lại, bảo đừng giao thư cho ông Phan xem.

---

xưng hiệu là Ngũ Liễu Tiên Sinh, vốn là người xứ Tầm Dương (nay thuộc huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây) là một nhà văn học lỗi lạc thời Tấn, có rất nhiều bài thơ được truyền tụng trong đời.

[183] Kỷ Văn Đạt (1724-1805), tên thật là Kỷ Quân, tự Hiểu Lam, thụy hiệu là Văn Đạt, người huyện Hiến, tỉnh Hà Bắc, rất thông minh, văn tài lỗi lạc, làm quan đến chức *Lễ bộ thượng thư hiệp biện đại học sĩ* thời Càn Long, rất được vua hâm mộ. Ông chính là người làm công tác tổng toản tu (tổng biên tập) bộ Tứ Khố Toàn Thư Hội Yếu.

Viên Tử Tài (1716-1797), tên thật là Viên Mai, hiệu Tử Tài, bút hiệu Tùy Viên Lão Nhân, người Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Từng ra làm quan, nhưng do tính tình phóng khoáng bèn từ quan, trở về sống trong núi Tiểu Thương thuộc Nam Kinh, lập ra vườn cảnh, đặt tên là Tùy Viên để xướng họa, ăn nhậu, trước tác và nghiên cứu ẩm thực. Ông làm thơ rất hay, văn chương rất ưu nhã. Ông lại soạn riêng một cuốn sách ghi chép những món ăn ngon và cách nấu nướng chúng đặt tên là Tùy Viên Thực Đơn. Cuốn sách này cho đến tận giờ vẫn được coi là một trong những tác phẩm nổi tiếng về nghệ thuật ẩm thực cổ Trung Quốc. Thậm chí người Nhật còn cho dịch ra Nhật ngữ và tái bản nhiều lần. Cũng giống như Kỷ Hiểu Lam, họ Viên rất thông hiểu và hâm mộ đạo Phật, nhưng do quen thói phóng túng, thích ngâm vịnh, ăn uống, xướng họa, thù tạc nên rốt cuộc cả hai ông đều không thể nào tu tập được.

[184] Tây tân (vị khách ngồi ở phía Tây), còn gọi là tây tịch, chính là tên gọi khác của vị giáo sư trong gia đình. Theo Lễ Ký, trong thời cổ, khi tiếp khách, chủ nhà ngồi ở phía Đông, khách ngồi ở phía Tây. Để tỏ lòng trọng vọng thầy có công dạy dỗ cho con em mình, gia chủ thường dùng lễ đãi thầy như khách quý viếng thăm nên từ đó chữ tây tân hay tây tịch được dùng để chỉ vị giáo sư của gia đình.

Ông Cố liền gởi thư cho ông Phan: "Lời em chẳng thể khiến cho anh tin được, chẳng thể đoạn lòng nghi của anh, do vậy đã xin được thư của vị pháp sư X... Thư ấy đã gởi tới, nhưng lời lẽ trong thư chẳng khiêm tốn mảy may, nói thẳng tuột không úp mở, chẳng hề kiêng kỵ, sợ sẽ gây đụng chạm, nên chẳng dám gởi."

Ông ta nói: "Bệnh tôi đã sâu, chẳng phải là thuốc hung bạo như cọp sói sẽ chẳng trị được. Càng chẳng kiêng dè càng hay, hãy gởi gấp đi." Ông Cố liền gởi đi, tâm ông Phan bội phục, bèn quy y với pháp sư Đế Nhàn, nhưng sợ Quang ăn nói thẳng thừng nên trọn chẳng dám gởi thư thăm hỏi.

Chuyện ông Trần nhập đạo hãy để từ từ chớ gấp. Ví như nhuộm vải, vải càng dày chắc, nhất định khó bén màu. Nếu bỏ trong vò thuốc nhuộm hơn mười ngày, dẫu chẳng muốn thành màu xanh đậm cũng không thể được.

11. Văn của Quản Đông Minh[185] quả thật là thuốc để trị đúng căn bệnh cho đời hiện tại, người đọc bài văn ấy sẽ mửa ra chất độc bác nhân quả của bọn Trình - Chu, mà cũng có thể làm chứng cớ cho Ấn Quang đề xướng nhân quả. Cách nói của Trình - Chu là chỉ mong cho cao, chẳng tính đến lợi hại, chẳng hạn như làm lành thì coi chuyện "không làm gì mà làm" chính là làm lành, hễ có làm gì để làm lành thì chính là ác. Nếu "không làm gì mà làm" là thiện thì đấy chính là thân phận của bậc đại thánh nhân. Nếu không phải là thánh nhân, chỉ giữ lấy "không làm gì", còn "những gì có làm" sẽ đều chẳng chịu làm. Như vậy là đã mâu thuẫn với tông chỉ "tự cường bất tức, triêu càn tịch dịch"[186] vậy! Chịu hiểu rõ lời ông

[185] Quản Đông Minh (1537-1608), tên thật là Chí Đạo, tự Đăng Chi, người huyện Đại Thương, tỉnh Giang Tô, là một cư sĩ hữu danh cuối đời Minh, thâm hiểu sâu xa đạo Phật. Ông từng được đại sư Hám Sơn khen ngợi qua lá thư gởi cho Ngô Vận Sứ trong cuốn Mộng Du Tập. Ông viết nhiều về Phật giáo, thường khéo léo dẫn dụng những tư tưởng của Nho gia để chứng minh Nho học chỉ ngang với nhân thiên thừa trong Phật giáo, hướng dẫn giới Nho sĩ hướng về Phật giáo. Bài văn được nói đến ở đây chính là Đa Tích Âm Đức (tích lũy nhiều âm đức).

[186] "Tự cường bất tức" là một thành ngữ, dựa theo câu giải thích về tánh chất của quẻ Càn trích từ kinh Dịch: *"Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức."* Hán Điển Thành Ngữ giảng: "Trời vận hành tự nhiên, có sức mạnh mẽ, quân tử phải nên bắt chước theo đạo trời, không ngừng cầu tiến, chẳng lười nhác trong bất cứ thời khắc nào."

"Triêu càn tịch dịch" cũng là một câu giải thích về tánh chất của quẻ Càn trích từ kinh Dịch: *"Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược lệ, vô cữu."* Sách Hán Điển Thành Ngữ giảng: "Càn càn là không ngừng gắng sức. Tịch dịch nhược lệ là trời đã tối rồi, người quân tử vẫn ôm lòng đau đáu kiêng dè, kinh sợ như luôn bận tâm vì còn có chuyện gì chưa xong. Cả câu có ý nói: Người quân tử luôn gắng sức hướng thượng, tâm luôn chú ý cẩn thận, tận lực tu tâm dưỡng tánh thì mới không phạm lầm lỗi."

Quản rồi phá vòng vây hãm[187] thì quân tử lẫn tiểu nhân đều được lợi ích lớn lao. Nếu các hạ không chép ra lời chân thật cứu đời ấy thì trong Phật pháp nhiều kẻ chẳng tin, trong đạo Nho nhiều kẻ chẳng suy xét, tiền đồ sẽ nguy hiểm. Vì thế, Quang đặc biệt chép thành phần phụ lục của Văn Sao để lợi chung cho người hữu duyên.

12. Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn kinh dị! Ông Phương Tuấn Sanh có thể gọi là người đã bỏ được điều khó bỏ, tuy nhiên vẫn cần phải tính toán cho cuộc sống sau này của ông ta. Xin các hạ hãy mời ông ta đến am Quán Âm, cùng các ngài Diệu Liên, Tâm Tịnh v.v. hỏi cặn kẽ xem ông ta còn bao nhiêu ruộng đất. Nếu tất cả số ruộng đất còn lại ấy có thể nuôi sống gia đình thì số ruộng nương do ông ta đã phát tâm cúng cho chùa Pháp Vân sẽ dùng để làm công đức cho ông ta. Nếu tất cả số ruộng còn lại ấy chẳng đủ để nuôi sống gia đình thì hãy nên coi số ruộng đã cúng cho nhà chùa ấy như ruộng cho chùa Pháp Vân thuê để cấy rẽ, mỗi năm trích ra tiền huê lợi ra bao nhiêu đó cho nhà chùa, mặc lòng Pháp Vân trồng trúc, gỗ, ngũ cốc, hay rau dưa, coi như là cơ sở sản xuất của viện mồ côi. Như vậy thì đôi bên mới đều trọn hết đạo, đôi bên đều được lợi ích. Nếu ông ta do bỏ ra những ruộng ấy mà không đủ sống thì quả thật trong tâm chúng ta hết sức chẳng thoải mái, vui sướng cho lắm!

Tuy khế ước [chủ quyền những thửa ruộng] ấy đã giao, phải nên thương nghị như vậy thì mới chẳng phụ họ Phương một phen thực hiện nghĩa cử tốt lành. Nếu ngoài số ruộng ấy, ông ta vẫn còn có đủ ruộng để chi dụng thì sẽ trở thành vị đại công đức chủ bậc nhất của chùa Pháp Vân. Cần phải thỉnh đôi ba vị có đức hạnh trọng vọng đến chứng minh. Người ta đã lo lắng cho mình sâu đậm, thiết tha, mình cũng chẳng thể không lo sâu đậm, thiết tha cho người ta!

13. Những chuyện báo ứng của việc sát sanh đã sao lục quả thật có thể khiến cho kẻ hiếu sát nguội lạnh cõi lòng, nhưng các tướng lãnh, sứ quân hiện thời chưa chắc đã chịu đọc. Nếu dự tính dành cho mai sau và những chỗ hiếu sanh, ghét giết chóc thì dường như lại quá hạn cuộc, bởi những chuyện ấy chuyên để nói với những hạng tướng lãnh, sứ quân, có lẽ hạng dân đen sẽ cho là chuyện chẳng liên quan gì tới chính mình. Hơn nữa, hàng tướng lãnh, sứ quân bạo tàn chắc sẽ nghĩ ta châm chích họ bèn căm ghét. Theo như ngu kiến của Quang, có lẽ nên dùng

[187] Nho gia tin tưởng mù quáng vào lời dạy của Trình - Chu phỉ báng Phật giáo, tuy chưa hề đọc kinh Phật, nên tổ ví họ giống như bị Trình - Chu nhốt chặt, không cho thoát ra ngoài nhìn trời cao đất rộng.

cuốn Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục của ông Bành Lan Đài[188] in dưới dạng chữ nhỏ rút gọn, lại thêm vào mấy bài văn đau lòng rơi lệ để lưu truyền khắp công lẫn tư thì lợi ích lớn lắm. Mấy đầu sách của ông Đinh Phước Bảo những loại nào có thể đưa vào phần phụ lục hãy nên in kèm vào đó thì quan chức, sứ quân, kẻ sĩ, dân chúng đều biết được những tấm gương tốt lành, mà không bị khuyết điểm bài xích rõ rệt kẻ đương quyền, ngầm khuất phục được cuồng tâm của con cái của họ.

Những kẻ đang nắm đại quyền phần lớn đều là do lúc nhỏ chưa nghe thấy những chuyện nhân quả báo ứng, nên trong tâm họ chỉ biết có chính mình, chẳng biết có người khác, chỉ cầu lợi ích cho chính mình, chẳng sợ hại người. Nếu như họ từ lúc bé đã biết hại người còn tệ hại hơn hại chính mình, vì người khác rốt cục sẽ quy về chính mình, chắc chắn họ chẳng chịu do những chuyện nhỏ nhặt như ý kiến khác biệt, danh lợi v.v. mà làm cho vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Ý của Quang là như thế đó, mong các hạ hãy châm chước. Cũng có thể ấn hành trước 37 điều này để cứu vãn cái họa cháy mày, để sau này đợi khi yên

[188] Bành Lan Đài tên thật là Hy Tốc, Lan Đài là hiệu. Ông là cháu của Bành Thiệu Thăng, gọi Bành Thiệu Thăng bằng chú, cũng quê ở Tô Châu, thích ăn chay từ nhỏ, đến tuổi thiếu niên bèn ăn chay trường suốt năm năm. Về sau do bệnh nặng, y sĩ buộc ăn thịt. Do bệnh vẫn không thuyên giảm, ông bèn phát tâm nghiên cứu Phật pháp, giữ lục trai, tụng kinh Hoa Nghiêm, công khóa hằng ngày luôn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, chưa hề thiếu khoát. Ông Bành Thiệu Thăng thấy tác phẩm Vãng Sanh Tập của đại sư Liên Trì quá giản lược nên muốn tiếp tục bổ sung những chuyện vãng sanh mới. Ông Bành Hy Tốc vui vẻ đảm nhiệm chuyện này, thường cùng vợ là Cố Thị khêu đèn biên chép, tạo thành chín quyển, đổi tên thành Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Ngày mồng 3 tháng 5 năm Càn Long 50 (1785), ông vừa bị sốt rét vừa bệnh lỵ, từ phòng ngủ đến thăm mẹ, hoàn toàn không đả động chuyện nhà, chỉ khuyên mẹ chăm chỉ niệm Phật, hẹn sẽ gặp lại mẹ nơi Tây Phương. Trước đó ba ngày ông đã cho người thỉnh hòa thượng Trừng Cốc đến tận giường bệnh truyền ngũ giới, sám hối, phát nguyện. Sáng ngày 13, ông sai gia nhân treo tượng Phật, xoay giường về phía Tây, bảo Đăng Cốc: "Phiền thầy trợ niệm cho con." Đến chiều ông lâm râm niệm Phật rồi nằm bên hông phải qua đời, mùi hương lạ ngập thất, thọ được 33 tuổi. Vợ ông là Cố Uẩn Ngọc, đã qua đời trước đó, thọ 29 tuổi, trong khi bị bệnh bà đã ngồi niệm Phật qua đời.

Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục là một tác phẩm trích lục từ 22 bộ sử trọng yếu của Trung Quốc nhằm thuyết minh chuyện nhân quả báo ứng. Nhị Thập Nhị Sử gồm Sử Ký Tư Mã Thiên, Hán Thư, Hậu Hán Thư, Tam Quốc Chí (xin đừng lầm với tiểu thuyết chương hồi Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa của La Quán Trung. Bộ Tam Quốc Chí được nhắc đến ở đây do Trần Đào biên soạn vào đời Tây Tấn), Tấn Sử, Tống Thư, Nam Tề Thư, Lương Thư, Trần Thư, Ngụy Thư, Bắc Tề Thư, Châu Thư, Tùy Thư, Nam Sử, Bắc Sử, Cựu Đường Thư, Tân Đường Thư, Cựu Ngũ Đại Sử, Tân Ngũ Đại Sử, Liêu Sử, Kim Sử. Bành Hy Tốc sống vào đời Thanh, nếu sử dụng những chuyện vào thời Minh và thời Nguyên sẽ dễ bị kết tội "yêu thư, yêu ngôn" theo luật Đại Thanh nên ông chỉ sử dụng 22 bộ sử nói trên để biên soạn tác phẩm này.

ổn rồi sẽ lại in Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục để làm sách khiến cho mọi người đều được lợi ích, khuyên khắp đồng nhân vậy.

14. Nếu chịu bổ sung, biên tập tường tận bộ Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục tạo thành một bộ toàn thư thì thật là may mắn cho quốc gia, nhân dân. Trước kia ông Đinh Phước Bảo nói ở chỗ ông ta có sáu bảy loại Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục, hãy nên mượn về, phàm những chuyện không có trong cuốn sách này, đều nên sao lục bổ sung vào. Lại nữa, phần cuối cuốn Dục Hải Hồi Cuồng của bộ An Sĩ Toàn Thư có chép chuyện người biến thành súc vật và chuyện người sanh lên trời, trời trở thành người trích từ Nhị Thập Nhị Sử, cũng nên ghi vào thì những kẻ tri kiến hẹp hòi, câu nệ xem thấy ắt sẽ giật mình một phen, còn kẻ tin sâu nhân quả sẽ nhờ đây mà siêu thoát, bước thẳng vào Như Lai địa.

Khổng tử soạn kinh Xuân Thu để khen chê hòng khiến cho loạn thần, tặc tử sợ hãi. Nhưng loạn thần, tặc tử thật ra đâu có sợ lời khen chê, bởi chỉ là một lời gán cho cái danh suông, rốt cuộc ta đâu có bị tổn thương gì? Nếu đem những chuyện nhân quả cảm ứng và sự tích người và súc vật chuyển biến lẫn nhau trong Nhị Thập Nhị Sử, mỗi chuyện đều sao chép ra, kèm theo lời luận định thì kẻ sẵn tánh chất làm loạn, làm giặc xem thấy, há chẳng sợ hãi dựng cả lông tóc, buốt thấu cả xương, rồi từ đấy xoay chuyển ý niệm mưu tính cho phước báo về sau ư? Như vậy thì chuyện các hạ tiếp nối tâm pháp khen chê của Khổng tử để giáo hóa thiên hạ hậu thế, có ai bảo là không đúng?

15. Trong niên hiệu Đồng Trị - Quang Tự, pháp sư Ngọc Phong hoằng dương Tịnh độ, chẳng tiếc sức thừa, nhưng ngài thường hay nói những lời cố chấp, ương bướng, khiến cho người đọc phải đau lòng. Trước kia ông Tâm Bạch biên tập những câu nói trong Tịnh tông (tức sách Tịnh Độ Lương Đạo) cũng có tuyển những lời của pháp sư, Quang hoàn toàn gạt bỏ những câu ấy đi, vì sợ người ta cho pháp sư Ngọc Phong là tay cự phách trong Tịnh tông thì di hại chẳng nhỏ. Trong Văn Sao, nơi lá thư tính phúc đáp cho vị cư sĩ X…, người gởi thư dẫn lời của bốn vị Linh Phong, Thành Thời, Triệt Ngộ, Ngọc Phong, nhưng trong lời đáp, tôi chẳng đề cao Ngọc Phong mà cũng chẳng chê trách, cũng là vì ý này. Trong lúc mạt pháp này mà muốn cực lực đề xướng Tịnh độ thì hãy nên tỏ rõ tường tận về sự lớn nhỏ, khó dễ giữa Phật lực và tự lực, cũng như nêu rõ nguyên do "thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi độn", ngõ hầu chẳng đến nỗi toan khuyên người mà lại đâm ra làm cho người ta sanh hủy báng. Tiên sinh Cốc Nhân chuyên căn cứ theo sự để hoằng dương, nhưng thường vướng khuyết điểm coi sự là lý, như giảng [câu kinh Vô Lượng Thọ] *"lưu kinh lại một trăm năm"* là người ta thọ một trăm tuổi, ấy là chỉ cho chúng sanh giới tận, kinh này mới diệt. Giảng như vậy tợ

hồ cao thâm, nhưng thật ra làm cho người khác bị lầm lạc. Đấy gọi là "sự lý rối loạn", chẳng những không thể phát khởi cái tâm "Phật pháp khó gặp gỡ" cho người ta, mà rất có thể còn dập tắt cái tâm dũng mãnh tinh tấn của người khác. Nếu muốn lợi người thì có thể nói sách Di-đà Yếu Giải mỗi một chữ là một hạt châu.

16. Gần đây cả nước như cuồng, bàn luận chuyện ly kỳ, may là các cư sĩ ở Thượng Hải nhiệt tâm hộ pháp tái lập duy trì. Chuyện ở Pháp Vân tôi đã biết đại khái, nhưng do thời cuộc bức bách, rốt cuộc chẳng biết kết quả ra sao? Hiện thời các cư sĩ, sa-môn bàn bạc chỉ định 14 người lên Ninh Ba thỉnh nguyện. Do hội Giáo dục đề nghị "chú trọng phế bỏ tài sản của chùa miếu để mở trường học", sợ rằng mọi người đều muốn phát tài, chẳng chịu thỏa hiệp thì Phật pháp toàn quốc ắt sẽ bị tiêu diệt! Nếu pháp đạo chẳng đáng bị diệt ngay, ắt sẽ có Phật Bồ-tát hiển hiện oai linh lớn lao để có thể duy trì mạng mạch nhà Phật. Nếu không, đối với ngũ luân của Khổng tử họ còn chịu hoàn toàn gạt bỏ, huống chi là Phật giáo đồ hoàn toàn không có thế lực, há có thể chống đỡ chẳng bị diệt vong ư?

(Xét đến vụ án phế bỏ tài sản của chùa miếu để mở trường học là do Thai Sảng Thu thuộc giới giáo dục huyện Đan Đồ tỉnh Giang Tô đề nghị vào năm Dân Quốc 17 (1928), chuyện này đã do vì tăng chúng, cư sĩ thỉnh nguyện nên bị thủ tiêu. Năm Dân Quốc 27 (1938) - người sao lục ghi chú.)

118. Thư trả lời cư sĩ Chiến Đức Khắc (hai lá thư)

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

1. Pháp danh của mười chín người quy y được viết trong một tờ giấy khác. Khoản tiền gởi đến bất luận là tiền hương kính hay tiền quyên mộ để in sách đều dùng làm chi phí ấn tống cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy. Hiện thời đã sắp chữ xong, nếu bản sắp chữ cuối cùng gởi đến, phải đợi sửa lỗi xong rồi mới in ra sách. In trước ba vạn cuốn để gởi cho những người có tín tâm xa gần. Lần này tính dùng hết hơn 230 đồng để gởi đến chỗ ông hơn 230 đồng tiền sách cho mỗi người đóng góp ấn tống ấy, mỗi người bao nhiêu đó sách, còn dư thì tùy ý chia ra đem biếu.

Chuyện cầu cơ phần nhiều là linh quỷ giả mạo danh nghĩa tiên, Phật, nếu người hầu cơ vốn sẵn có học vấn thì lời giáng cơ văn chương rộng lớn, dài lê thê, nói đến đạo lý thế gian còn thông suốt, chứ nếu luận về Phật pháp là điều chúng nó không biết, nên sẽ coi chuyện luyện đan, vận khí là Phật pháp, hoặc ăn trộm nghĩa lý kinh Kim Cang, nói nhăng nói cuội, không thể chỉ ra con đường liễu sanh tử cho con người được. Lại hoặc là bịa đặt đồn thổi, dùng những lời lẽ loạn xạ thất điên bát đảo, khiến cho kẻ vô tri tưởng là bí quyết, há chẳng đáng buồn quá

sức ư? Đối với chuyện khuyên lơn quyên góp làm những hành động tốt đẹp thì cầu cơ có ích, nhưng hỏi đến tu trì, nói đến Phật pháp thì lại có hại. Vì linh quỷ phần nhiều chẳng thông hiểu Phật pháp nên mù quáng bịa chuyện, hoại loạn Phật pháp, khiến chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ. Ông Tôn Thương ở Phụng Hóa, tự là Ngọc Tiên (tuổi chừng 80), rất mê cầu cơ. Bảy năm trước, nói Ngọc Đế thoái vị, Quan Đế là Ngọc Đế mới, đã mở khoa thi. Trạng nguyên là ông Chu X… ở Kim Hoa, bảng nhãn là Dương Chương Phủ ở Vô Tích, thám hoa là ông Hứa Chỉ Tịnh ở Bành Trạch. Ông Tôn gởi thư cho họ Chu, họ Chu mừng lắm, tuổi đã cao, 80 tuổi rồi vẫn tới Thượng Hải họp mặt. Ông Dương cũng rất tin cầu cơ, chẳng biết trả lời như thế nào, liền gởi thư cho ông Hứa Chỉ Tịnh, ông Hứa trọn chẳng trả lời một chữ nào. Ông ta nhiều lần gởi những bài giáng cơ cho ông Hứa, nhưng ông Hứa trọn chẳng phúc đáp. Về sau không làm cách nào được, lại gởi thư nói: "Tôi đã nhiều lần gởi sách, nhưng trọn chẳng trả lời, chắc là nghe lời pháp sư Ấn Quang không tin cầu cơ! Tôi từng hỏi Lã tổ[189], Lã tổ nói: 'Sắt ở đáy biển', sao ông lại tin lời thầy ấy?" Ông Hứa vẫn không trả lời thư. "Sắt ở đáy biển" là vĩnh viễn chìm trong biển khổ, không có ngày ngoi lên được. Ông Tôn đỗ tiến sĩ, cũng là người ưa làm lành, tri kiến như thế đó, chẳng thể dùng lý để khuyên dụ được.

Thư gởi đến, đâu cần phải đặc biệt dùng giấy vàng, chỉ chớ nên dùng giấy trắng ngần để khỏi bị lóa mắt mà thôi. Nay đem hai danh sách người quy y và cúng tiền viết vào mặt sau lá thư gởi lại, mong rằng khi sách Kỹ Lộ Chỉ Quy gởi đến hãy khéo chiếu theo số tiền, dựa theo ý muốn của từng người để chia ra gởi tặng. Hiện nay thời cuộc nguy hiểm, hãy nên dạy hết thảy mọi người đều cùng niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm để dự phòng. Nếu chịu chí thành thường niệm, ắt sẽ được gia bị. Dẫu đại kiếp khó tránh, mọi người đều chết sạch, người

[189] Lã tổ: Tên thật là Lã Nham, là một vị đạo sĩ nổi tiếng sống vào cuối đời Đường, đầu thời Ngũ Đại, được xếp vào Bát Tiên, hiệu là Thuần Dương Tử, tên tự là Động Tân. Tương truyền, ông sanh vào cuối đời Đường, từng đi thi nhiều lần, nhưng không đậu, trong quán trọ gặp được ẩn sĩ Chung Ly Quyền điểm hóa bằng cách cho một cái gối, bảo kê đầu nằm ngủ. Lã Nham nằm ngủ, mơ thấy mình đậu trạng nguyên, làm quan đến tột phẩm, nắm quyền Tể tướng, rồi về sau bị gian thần gièm pha, bị lôi ra pháp trường chém đầu, sợ quá tỉnh dậy thì ra chủ quán đang nấu nồi cháo kê vàng vẫn chưa chín. Bao nhiêu chuyện xảy ra trong 50 năm, chỉ là một giấc mộng trong mấy phút (do truyền thuyết này nên có điển tích văn học *"hoàng lương mộng"*). Ông Lã tỉnh ngộ, theo Chung Ly Quyền tu tiên. Lã Động Tân đề xướng nhiều biện pháp tu Nội đan quan trọng nên rất được Đạo gia đề cao. Đến đời Nguyên, năm 1269, Nguyên Thế Tổ sắc phong cho Lã Động Tân đạo hiệu Thuần Dương Diễn Chánh Cảnh Hóa Chân Quân, rồi Thuần Dương Diễn Chánh Phù Hựu Đế Quân. Do Vương Triết (tức Vương Trùng Dương), sáng tổ Toàn Chân giáo, tự xưng ông ta đã được chính Lã Động Tân đích thân truyền đạo, xưng tụng họ Lã là tổ sư khai đạo, nên từ đó Lã Động Tân thường được gọi bằng danh xưng Lã tổ, hay Thuần Dương tổ sư. Tương truyền sách Công Quá Cách cũng do Lã tổ truyền dạy.

niệm Phật sẽ sanh về Tây Phương. Hoặc nếu như tín nguyện chưa đến mức chân thành thiết tha, cũng phần nhiều sanh vào đường lành. Chớ nên nói: "Chẳng thể tránh khỏi số kiếp, niệm chỉ uổng công thôi!" Phải biết sự sướng hay khổ phải chịu trong đời này chính là do cái nhân thiện hay ác đã tạo trong đời trước chiêu cảm. Cái nhân đã gây trong đời này lại là cái nhân cho quả báo thiện hay ác sẽ phải hứng chịu trong đời sau. Lấy niệm Phật làm nhân thì sanh về Tây Phương; lấy giết, trộm, dâm làm nhân thì đọa trong tam đồ. Đấy chính là lý sự nhất định.

Sách Vật Do Như Thử[190] (loài vật còn như thế) đã sửa đổi theo thứ tự khác, sắp xếp thành một quyển, 14 tấm gương hiếu nghĩa của loài vật được xếp nối tiếp nhau, đỡ tốn giấy rất nhiều. Sửa thành bản chữ lớn "tam hiệu tự"[191], mỗi trang 12 hàng, mỗi hàng 32 chữ, sẽ in ba vạn bản. Đợi đến khi in ra sẽ gởi đến bao nhiêu đó gói sách. Đây là do một đệ tử người huyện Vĩnh Xuân, tỉnh Phước Kiến, đang buôn bán tại Tân Gia Ba (Singapore) gởi về 1.600 đồng, phỏng chừng số tiền ấy đủ cho chi phí ấn tống, nhưng không đủ, phải bù thêm chút ít bao nhiêu đó tiền. Sách này không nói về kiêng giết, nhưng thật ra là sách trọng yếu về kiêng giết. Người có lòng lo cho người khác thấy loài vật hiếu hữu, trung nghĩa, trinh liệt, từ ái v.v. ắt sẽ bị cảm động, ai nấy trọn hết thiên chức của chính mình, lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" để mong sao chẳng bị loài vật xem thường. Loài vật còn như thế, há ta thua kém chúng? Phải gắng sức sốt sắng thực hiện ngõ hầu khỏi bị hổ thẹn! Đối với lý sâu trong Phật pháp, ông Từ Bạch Phảng[192] tà chánh chẳng phân. Trong sách này chỉ chép những đức tốt hạnh đẹp của loài vật, có ích lớn lao cho đời. Quang có viết lời tựa, nếu chịu đọc kỹ sẽ không mong cầu mà tự nhiên học thánh, học hiền, học Phật, học tổ vậy.

2. Thư hôm mồng 7 cho đến chiều ngày hôm qua là 16 mới nhận được, do ở nơi có chiến tranh, giao thông bị gián đoạn mà ra. Pháp danh của 18 người xin quy y được viết riêng trong tờ giấy khác, mong hãy chia ra gởi đi. Hãy nên bảo bọn họ ai ấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Chớ nên cầu phước báo trời người, phàm phu có phước ắt tạo sát nghiệp,

[190] Vật Do Như Thử là một tác phẩm tập hợp những chuyện tình nghĩa, nhân ái, đạo đức trong giới động vật như quạ biết tha mồi về phụng dưỡng mẹ già v.v.. Tác phẩm này do Từ Khiêm biên soạn vào đời Thanh.

[191] "Tam hiệu tự" là một lối in với kích cỡ chữ khá lớn, tương đương với font chữ size 32 trong bản in bằng máy vi tính hiện thời.

[192] Bạch Phảng là tên tự của Từ Khiêm. Ông này cũng là tác giả cuốn Hải Nam Nhất Chước, rất mê cầu cơ. Ông này đã được tổ Ấn Quang nhắc đến trong thư số 75, tức thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân.

đã tạo sát nghiệp thì khó tránh khỏi sát báo (quả báo do giết hại), huống chi kẻ có phước chẳng phải chỉ tạo sát nghiệp ư? Do vậy kẻ cầu phước chính là cầu họa cho cả mình lẫn người. Người học Phật không thể không biết nghĩa này.

Ông Lý Đức Minh xin mọi người niệm Quán Âm, mỗi người niệm mười vạn câu, phóng sanh một trăm vạn sanh mạng để mong tiêu diệt sát kiếp. Đây cũng là công đức không gì lớn hơn. Nhưng hãy nên thường niệm Quán Âm suốt đời. Phàm những người gia nhập hội ai nấy kiêng giết, ăn chay thì mới là biện pháp triệt để. Nếu không, bữa nay bỏ tiền ra mua một số con vật đem thả, nhưng hằng ngày lại mua sanh vật về tự giết, hoặc là mua từ chỗ người ta giết đem bán thì vẫn là một bữa nóng, trăm bữa lạnh, làm sao có thể tiêu trừ sát nghiệp đời trước đời này của mình lẫn người cho được? Phóng sanh là cách để đề xướng kiêng giết, ăn chay; nếu chẳng chú trọng kiêng giết, ăn chay thì số được thả có hạn, số bị giết vô cùng!

Ngày 28 tháng 6, Quang gởi thơ cho các tờ báo, tạp chí tại Thượng Hải cậy đăng quảng cáo *Khuyên khắp đồng bào toàn cầu cùng niệm thánh hiệu Quán Âm*, mỗi tờ đăng mười ngày. Bản sao quảng cáo ấy gởi kèm theo thư này, do chiến sự ngăn trở chẳng biết ông đã thấy trên báo rồi hay chưa? Lại bảo Tào Hà Kính in năm mươi vạn tờ truyền đơn rộng bảy tấc, phát cho những cơ quan Phật học các tỉnh, chiến sự đã nổ ra, cũng khó thực hiện được ngay. Bài văn ấy chẳng chỉ dùng riêng trong thời chiến, mà trong hết thảy mọi lúc đều dùng được. Ông nói đến chuyện nêu rõ sự bắt nguồn của chiến sự và đạo trọng yếu để tiêu diệt chiến sự thì Chu An Sĩ nói: *"Nhân nhân tri nhân quả, đại trị chi đạo dã. Nhân nhân bất tri nhân quả, đại loạn chi đạo dã"* (Người người biết nhân quả là đạo để đạt thái bình lớn lao. Người người chẳng biết nhân quả là đường lối đại loạn vậy). Bởi lẽ biết nhân quả sẽ xử sự thuận theo thiên lý, ăn nói thuận theo lòng người, do đâu mà có chuyện chiến tranh cho được?

Nếu khinh rẻ các thứ hàng hóa của nước nhà, quý trọng các món hàng nhập cảng, tiền tài của cả nước đều bị chở hết ra ngoại quốc, đấy chính là "chẳng noi theo thiên lý, chẳng thuận theo lòng người" rất lớn, khiến cho kẻ khác dùng tiền tài của chính ta để chế tạo súng ống đánh ta. Do vậy biết rằng: Những kẻ ưa dùng hàng hóa ngoại quốc đều chẳng thể không gánh lấy cái tội vời người khác đến đánh ta! Từ nay trở đi hãy thống thiết sửa đổi lỗi trước, học theo Cam Địa[193]

[193] Mohandas Karamchand Gandhi (1869-1948) là một chính trị gia và lãnh đạo tinh thần của Ấn Độ, có công hướng dẫn dân Ấn đấu tranh bất bạo động giành độc lập cho Ấn Độ từ tay Anh quốc. Ông thường được gọi là Mahatma Gandhi. Từng tốt nghiệp luật sư, ông đã áp dụng sự đối kháng hòa bình vào cuộc đấu tranh tại Nam Phi. Trong vai trò lãnh đạo đảng Quốc Đại Ấn

(Gandhi) chẳng dùng hàng ngoại quốc, thì tiền của ít bị thất thoát, đất nước giàu mạnh. Lời lẽ này tựa hồ viển vông, nhưng thật ra quan trọng tột bậc.

Phải biết: Kẻ hiểu nhân quả khi khởi tâm làm việc chỉ sợ mắc phải tội khiên, ắt sẽ sốt sắng hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", suy xét cùng tột tám việc "cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", dẫu là trùng kiến cũng chẳng dám giết. Kẻ không biết nhân quả tự giết cha mẹ, còn tự khoe công, cực lực đề xướng chuyện biến con người thành loài thú, tính làm cho người trong cả thiên hạ trọn chẳng khác gì cầm thú thì tâm họ mới yên vui, sung sướng. Nhân quả chính là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ thoát chúng sanh. Nếu bỏ nhân quả thì thánh nhân, Phật, Bồ-tát cũng không bày ra cách nào khác được. Hiện nay đã loạn đến cùng cực, mong tưởng cứu vãn thì phải chuyên chú nơi sự giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng. Lúc con cái mới vừa hiểu biết, mới bắt đầu học nói liền đem những sự lý nhân quả báo ứng v.v. khéo léo khuyên dụ dần dần để un đúc, ngõ hầu chúng sẽ tin sâu nhân quả báo ứng chẳng sai sót mảy may. Đấy chính là căn bản để đạt đến bình trị, dứt trừ tai nạn vậy. Đừng cho đó là chuyện viển vông rồi coi thường thì may mắn lắm thay!

119. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (bốn lá thư)

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

(Lúc ấy ông ta còn chưa mê tín chuyện cầu cơ. Đọc bốn lá thư này sẽ biết trình độ Phật pháp của ông Giang. Lão nhân (tức tổ Ấn Quang) đã khuyên lơn, chỉ dạy như thế mà vẫn chẳng thể lãnh hội đôi phần thì đủ thấy rõ ràng trình độ Phật học của ông Giang như thế nào rồi - người sao lục ghi.)

1. Những điều đã nói trong thư gởi đến thật là thiết yếu, nhưng điều cần phải chú ý từ đầu đến cuối là nhân quả, luân hồi và giáo dục trong gia đình. Giáo dục trong gia đình thì mẹ dạy con là quan trọng nhất, nếu lúc con cái vừa mới hiểu biết, mẹ liền đem nhân quả báo ứng và sự lý làm người ra giáo huấn, khi lớn lên

---

Độ (Indian National Congress), với chủ thuyết bất bạo động, ông đã liên kết được mọi phần tử khác biệt chính kiến, tôn giáo, giai cấp trong xã hội Ấn Độ để chung sức tranh đấu cho nền độc lập nước nhà. Tuy thế, khi Ấn Độ giành được độc lập, do sự bất đồng chính kiến và tranh giành quyền lực giữa những phe phái tín đồ Ấn giáo và Hồi giáo, Pakistan đòi tách khỏi Ấn Độ. Một tín đồ Ấn giáo cuồng nhiệt thuộc nhóm quá khích Ấn giáo Mahasabha là Nathuram Godse đã ám sát Gandhi, vì cho rằng chính ông ta đã nhu nhược nhượng bộ trước sự đòi hỏi phân ly của Pakistan. Gandhi từng chống đối hàng nhập cảng của Anh, nên đã hướng dẫn một đoàn người đi bộ ra tận biển khơi lấy nước biển làm muối khi thực dân Anh đánh thuế muối, cũng như tự quay xa, kéo sợi dệt vải lấy để khỏi phải dùng vải nhập từ Anh.

sẽ biết tốt xấu, chẳng bị ác đảng, tà thuyết mê hoặc, sẽ trở thành hiền nhân, thiện nhân. Nếu lúc nhỏ mặc cho nó kiêu ngạo thành thói, lớn lên không tự chủ được, sẽ ngả theo tà thuyết, muốn quay lại đường chánh thì trăm kẻ khó thể được một. Trong lúc hiện nay, nếu chẳng lấy nhân quả báo ứng làm thuốc chuyên trị để cứu nước cứu dân, dù có làm gì đi nữa thì vẫn chẳng có hiệu quả lớn lao cho được. Do bọn họ chẳng chú trọng thực hành, chỉ là dùng lời nói suông bày vẽ cho xong chuyện. Nhân quả chính là cách để trị cả gốc lẫn ngọn, phàm phu sơ phát tâm, Như Lai thành Chánh giác đều chẳng ra ngoài nhân quả. Kẻ cuồng coi nhân quả là Tiểu thừa rồi khinh miệt, tự tiện buông lung, làm ác chẳng kiêng dè, và thơn thớt nói suông những lời lẽ lớn lối!

2. Sách Các Xứ Giảng Diễn Lục[194] (tập sách ghi chép những bài diễn giảng tại các nơi) nghe nói đã in rồi. Quang mục lực quá yếu, để viết gởi đi và trả lời hai lá thư này, phải dùng cả kiếng lão lẫn kiếng lúp mới thấy được lờ mờ, do vậy chẳng thể can dự vào việc giáo duyệt tập sách Giảng Lục được. Đối với danh vị xã trưởng Phật Quang xã của Trương Sư Từ, Quang chỉ mang tiếng suông, chứ đối với việc giảng diễn, đề từ, ghi lời bạt, sức chẳng thể kham được. Bà tiết phụ họ Trương dùng Đại tạng kinh làm pháp bảo trấn môn để lợi sanh của Phật Quang xã, công đức ấy khiến cho chính bà được tăng cao phẩm sen, cháu bà ta là Thận Tu liền được khỏi bệnh đờm.

Nay gởi cho Thận Tu và lệnh ái[195] Hữu Trinh mỗi người một bao tro hương Đại Bi. Tro này đã gia trì hơn ba tháng rồi, mỗi ngày nếu ít thì tụng 50 biến, nhiều thì 75 biến, đựng trong thùng bánh quy to, mỗi thùng khoảng hơn mười cân[196], phỏng tính đã trì tụng chú Đại Bi đến sáu bảy ngàn biến. Một bao tro này có thể dùng để pha nước được khoảng hai ba trăm lần, pha lần đầu nên dùng một phần hai mươi lượng tro ấy bỏ trong chén lớn, dùng nước sôi để hòa, khuấy lên, đợi cho chất tro lắng xuống, đem nước ấy đổ vào trong bầu hay trong bình, mỗi ngày uống ba lần. Hãy nên ăn chay, thường niệm thánh hiệu "Nam-mô Quán Thế Âm" ắt sẽ có công hiệu thần diệu. Sau khi bệnh lành hẳn rồi, nên pha ít đi, không cần phải uống một phần hai mươi giống như trước nữa. Nếu không tin, không chí thành sẽ vô hiệu!

---

[194] Đây là cuốn sách tập hợp những bài giảng về Phật pháp của Giang Dịch Viên, do cư sĩ Thôi Chú Bình ghi chép lại, Trần Thự Đình giảo chánh và ấn hành.

[195] Lệnh ái: Tiếng gọi con gái người nhằm tỏ ý tôn trọng.

[196] Cân là một đơn vị đo lường trọng lượng đã có từ thời cổ, định lượng không đồng, mỗi đời mỗi khác. Thời Hán một cân chỉ là 200 gr. Qua mỗi đời, cân nặng dần lên, đến đời Thanh, một cân khoảng 590 gr. Hiện thời, Đài Loan quy định một cân là 600 gr, tại Hoa Lục là 500 gr, riêng Hương Cảng là 604,79 gr.

Người phú quý lắm bệnh, một là vì chẳng chịu cất tay nhấc chân làm chuyện gì, huyết mạch không thông suốt; hai là vì ăn nhiều các món huyết nhục, nếu gặp phải món có chất độc thì họa hoạn chẳng nhỏ, không chừng bị mất mạng. Dẫu là con vật không độc, nhưng do lúc nó bị giết, hận tâm kết lại, nên thịt nó có độc tánh. Tuy chẳng có tác dụng giết chết người ngay lập tức, nhưng chất độc tích lại lâu ngày, ắt sẽ phát ra thành ghẻ, thành bệnh. Bà Trầm nhà họ Trương chịu để cho Thận Tu kiêng giết, ăn chay thì bệnh đờm sẽ được lành ngay. Số tro còn dư nên để thờ ở phía dưới khám thờ Phật hoặc treo nơi cao ráo, sạch sẽ, để phòng khi bất ngờ cần đến và tùy tiện dùng để cứu giúp những chứng bệnh nguy hiểm, chớ nên khinh lờn. Chất tro đã đem dùng để hòa nước xong, hãy nên trộn với nước trát lên nóc nhà để tỏ lòng kính trọng. Đây chính là "nước Đại Bi khô"[197] có thể gởi đi phương xa, có thể giữ lâu năm được. Ở chỗ ông, nếu không phải là chứng bệnh cực nguy hiểm, đừng đem cho!

Hàng tôi tớ phần nhiều không biết tốt xấu, làm lụng trong nhà giàu có hay nhà người khác, chẳng biết quý tiếc gạo thóc, vật dụng, đấy chính là chuyện hao phước tổn thọ, hằng ngày chẳng biết làm như vậy bao nhiêu lần. Gần đây nghe ông Tào Tung Kiều nói: "Có một tiên nhân dựa vào thân người khác để chẩn bệnh, một bà vú thuộc một nhà giàu có nọ, gần như bán thân bất toại cũng đến xin xem bệnh. Bà ta chưa đến trước mặt, tiên nhân đã nói: 'Ngươi khỏi đến, ngươi phung phí cơm gạo, thức ăn của chủ nhân quá nhiều, chẳng bao lâu nữa toàn thân sẽ điên cuồng, tê liệt mà chết!' Nên đem lời này kể với hai cô con gái Hữu Trinh và Chiêu Nga của ông để họ biết mến tiếc đồ vật của chủ nhân, vun bồi phước thọ của chính mình, cũng như có thể đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh.

Mấy hôm trước, ông Phí Phạm Cửu tới đây, cho biết Hiếu Nhược và con gái ông ta là Sán Vũ chết hết sức thê thảm. Cư sĩ Dịch Viên khuyên nhà họ làm công đức siêu độ, do đấy bèn bỏ ra 400 đồng, đem 200 đồng giao cho Quang để in sách thí tặng giùm cho họ, 200 đồng nhờ Linh Nham đả Phật thất. Ngay khi ấy liền bảo ông Trần Thự Đình thuộc Hoằng Hóa Xã hãy gởi thư cho Dịch Viên nói Quang đã dùng hết số tiền 200 đồng để gởi sách cho họ Giang ngõ hầu ông ta tùy cơ thí tặng. Nên gởi loại sách nào nhiều, loại nào gởi ít, đợi khi cư sĩ Giang gởi thư đến sẽ gởi đi. Dùng tiền tài của nhà họ Trương để làm lợi người làng họ Trương, vô cùng ổn thỏa, chẳng biết thư đã gởi tới hay chưa?

[197] Tổ Ấn Quang thường trì chú Đại Bi vào nước, gọi là nước Đại Bi, hoặc trì chú vào gạo cho người bệnh nấu cơm ăn gọi là cơm Đại Bi. Để tiện gởi đi xa, tổ trì chú vào tro hương, để người nhận đem tro hòa nước uống, giống như uống nước Đại Bi vậy.

Đến tối, Quang có ý lập cho Hiếu Nhược, Sán Vũ mỗi người một bài vị, hai người tổng cộng là 100 đồng, dùng 100 đồng để đả Phật thất. Tính sáng hôm sau khi ông Phí lên núi sẽ nói. Sau bữa điểm tâm sáng hôm sau, hỏi đến thì ông ta đã đi rồi, chẳng thể trở về trong một hai ngày được, chỉ đành để ông ta đi thôi. Bài vị ở Linh Nham đặt trong niệm Phật đường, suốt năm được Phật hiệu ngầm huân tập, so với những chỗ khác thờ trong căn phòng lạnh lẽo, hết sức khác biệt! Tất cả mỗi người cúng dường 35 đồng, không cần gởi đến nữa, hãy dùng để chi tiêu cho Phật Quang xã. Quang mang tiếng xã trưởng suông, cũng chẳng thể không đem công đức của người khác để thay cho người khác làm chuyện công đức.

3. Thư lần trước và một gói sách nhỏ đã nhận được rồi, 35 đồng vốn tính gởi về cho Phật Quang xã chi dụng, hôm qua nhận được thư và thông báo từ ngân hàng, mới biết thư từ trao đổi giữa đôi bên đều đến trễ quá. Tới chiều ông Thành Dực Thanh đến, nói Giang Tô bị thủy tai nặng nhất trong cả nước. Ông này là môn sinh của Phùng Mộng Hoa, Vương Ấu Nông, nhiều năm lo liệu việc phát chẩn, khá có tiếng tăm. Quang bèn lấy 35 đồng đó, lại thêm vào 5 đồng, thành ra 40 đồng, giao cho ông Thành. Ông ta hỏi biên nhận đề tên ai, Quang nói: "Giữa ông và tôi cần gì biên nhận?" Ông ta đáp: "Phải giao cho hội tính sổ." Quang nói: "Tùy ý ông đề tên Dịch Viên hay Ấn Quang đều được." Thư trước cho biết Phí Phạm Cửu đã đi Linh Nham, chưa gặp mặt Quang, ba hôm sau trở về, ngủ lại một đêm, sáng sớm hôm sau hỏi đến, ông ta đã đi rồi. Phàm mọi chuyện đều có nhân duyên, chẳng thể miễn cưỡng. Hết thảy tùy duyên, chớ nên bận lòng vì đó, bận lòng sẽ đâm ra bị mệt mỏi, cho nên chẳng bằng tùy duyên sẽ giải thoát hơn.

4. Bài Đại Học Tụng giải thích về quán, về chỉ chẳng thích đáng lắm. Thầy Đức Sâm nói: "Đối với tục đế trong tam đế và giả quán trong tam quán dường như cư sĩ chưa hiểu sâu xa"; do vậy liền mở trang đầu của sách Giảng Diễn Lục đã in lần trước ra xem. Những điều được nói trong trang sách ấy tuy có đạo lý, cũng có thể dẫn dắt người khác tiến vào chỗ thù thắng, nhưng đối với thật nghĩa của *không* và *giả* chưa hoàn toàn phù hợp khít khao.

Tam quán, tam đế chính là cương yếu của Phật pháp. Nói theo lý tánh thì gọi là đế, đế tức là lý, nói theo mặt tu trì thì gọi là tam quán, quán tức là tu. Chân đế: một pháp chẳng lập, tục đế: vạn pháp trọn đủ. Quán cái lý nơi chân đế thì gọi là không quán, quán cái lý nơi tục đế thì gọi là giả quán. Không quán chính là quán chân như pháp tánh "một pháp chẳng lập", điều này chính là cái không "chẳng có cả không lẫn hữu". Đấy chính là tướng không trong "chư pháp không tướng" của Tâm Kinh. Chẳng những sắc không, không không, mà Bồ-đề, Niết-bàn cũng không, nếu có một pháp nào chẳng không sẽ chẳng thể gọi là chân không. Cái

không này của không quán trong tam quán sao có thể hiểu là "muôn sự chẳng quan tâm, chẳng làm" cho được? Tục của tục đế chẳng phải là tục theo kiểu thô tục hay nhã tục, mà do vì tạo dựng, đặt bày nên gọi là tục. Giả cũng chẳng phải là giả trong chân - giả (thật - giả), mà cũng là cái giả của sự tạo dựng, đặt bày. Phép quán nhằm quán lý của tục đế được gọi là giả quán, vì tánh thể của chân đế là "chẳng lập một pháp" nhưng có công đức trọn đủ lục độ vạn hạnh, các pháp toàn vẹn. Đây chính là "chư pháp" trong câu "chư pháp không tướng" (tướng không của các pháp) của Tâm Kinh, sao lại coi đó là phàm phu cho được? Phàm phu thuộc về hai đế khổ và tập, còn không và giả đây thuộc đạo lý viên diệu của Viên giáo, Nhị thừa còn chẳng có phần, huống gì phàm phu?

Hơn nữa, trang 30 nói đến chuyện cậy vào tự lực, dùng tự lực để tu đạo, từ nhân gian sanh lên cõi trời cho đến trời Vô sắc giới, gọi đó là "thụ xuất tam giới" (vượt tam giới theo chiều dọc). Câu nói này cũng không trọn vẹn! Cậy vào tự lực thì phải đoạn hết sạch kiến tư phiền não trong tam giới, hàng lợi căn có thể đoạn được ngay trong đời này, còn độn căn thì trước hết phải đoạn phiền não trong Dục giới, sanh lên Sắc giới. Kế đó đoạn phiền não trong Sắc giới, sanh lên Vô sắc giới. Mãi cho đến khi đoạn hết sạch phiền não trong Vô sắc giới, chứng chân đế Niết-bàn, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh vậy. Chư thiên trong tam giới ngoại trừ các vị đại Bồ-tát thuộc nội viện Đâu-suất (sanh về nội viện[198] đều là Pháp thân đại sĩ) và thánh nhân tam quả thuộc năm tầng trời Bất Hoàn (trời Ngũ Bất Hoàn) là Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện, Sắc Cứu Cánh thì đều là người trong lục đạo luân hồi, chẳng thể coi sanh lên trời Vô sắc giới là đã thoát tam giới. Uất-đầu-lam-phất[199] tu *phi phi tưởng định* trong núi non, lũ chim làm ồn, chẳng thể đắc định, dời sang bờ biển, cá lớn trong biển đánh nhau chẳng thể đắc định, do vậy sanh phẫn hận, có ý niệm giết sạch chim và cá. Về sau tu định thành tựu, sanh lên trời Phi Phi Tưởng, thọ tám vạn đại kiếp, sau khi hết phước trời, đọa làm con phi ly (chồn bay), vào rừng ăn chim, xuống nước ăn cá. Vì thế phải phân biệt sự khác biệt giữa chuyện sanh lên trời do y theo Phật pháp tu trì đoạn hoặc chứng chân và chuyện sanh lên trời do tu phước thế gian hay tu thiền

[198] Nội viện chính là Thiện Pháp Đường của tầng trời Đâu-suất, do đại thần Lao-độ-bạt-đề kiến tạo, là trụ xứ của Bồ-tát Di-lặc. Tất cả các vị Phật thị hiện trong Sa-bà đều trụ tại nội viện Đâu-suất trước khi giáng sanh trong nhân gian. Các phàm thiên không thể nào thấy được nội viện Đâu-suất.

[199] Uất-đầu-lam-phất (Udraka Ramaputra), còn được phiên âm là Úc-đầu-lam-phất, hay Ưu-đà-la Ca-la-ma-tử, là một vị tiên nhân nổi tiếng, thành tựu *phi phi tưởng định*, đắc ngũ thông. Khi đức Phật vượt cung xuất gia từng đến tham học với ông này. Trong kinh Niết-bàn, đức Phật đã cho ông Tu-bạt-đà biết về kết cục của Uất-đầu-lam-phất: bị đọa làm con chồn bay sau khi hưởng hết phước trời.

định thế gian để người đọc chẳng đến nỗi hiểu lầm. (Sách Giảng Diễn Lục hoàn toàn do Trần Thự Đình giảo chánh, đối chiếu, lo liệu lưu thông.)

120. Thư trả lời đại sư Huệ Không

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Chiều hôm qua nhận được thư sư, đối với chuyện sư đến chùa Báo Quốc, Quang hoàn toàn quên khuấy. Đọc thư sư gởi đến, thấy vẫn còn lấy tri kiến Tông môn làm chủ, đối với pháp môn Tịnh độ vẫn chưa hoàn toàn tin tưởng. Do vậy chỉ cầu tương ứng đến nỗi ma cảnh dấy lên. Pháp môn niệm Phật dùng tín nguyện làm tiên phong. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, đừng nói "không tương ứng chẳng thể vãng sanh", dù có tương ứng cũng chẳng thể quyết định vãng sanh được. Nhất tâm bất loạn và niệm Phật tam-muội cũng chẳng dễ gì đạt được. Nếu có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa được tương ứng vẫn có thể vãng sanh, huống gì đã tương ứng! Sư chỉ biết cầu tương ứng, hơi có chút khí phận tương ứng bèn sanh lòng hoan hỷ tán thán, đấy cũng là hiện tượng chẳng tương ứng, cho nên mới có tướng lạ lùng hiện ra. Người tu hành kỵ nhất là được chút ít đã cho là đủ. Được chút ít đã cho là đủ bèn sanh lòng thoái đọa, đấy là lý nhất định. Mong sư chỉ nên nhất tâm niệm, đừng sanh nghi sợ "chẳng tương ứng sẽ không được vãng sanh". Tất cả cảnh giới đều chẳng quan tâm đến, cũng chẳng cần biết người ta chết tốt đẹp hay khổ sở; ngoại trừ chuyện niệm Phật ra, chẳng để cho niệm thứ hai nào dấy lên. Có như vậy thì mới có thể đạt được lợi ích quyết định vãng sanh.

Nếu quá sợ lúc chết gặp đủ mọi chướng ngại chẳng nên có, do vậy bèn tính nhịn đói đả thất thì chuyện này nguy hiểm cùng cực. Ăn cơm no còn chưa thể tương ứng, đến lúc đói gần chết làm sao tương ứng cho được? Nếu cứ muốn nhịn đói đả thất, xin hãy xuống núi qua chỗ khác mà làm, Linh Nham nhất quyết chẳng chấp nhận biện pháp này. Sư hoàn toàn noi theo lối mòn vọng tưởng để cầu tương ứng. Nếu chịu buông toàn bộ hết thảy vọng tưởng xuống, ắt sẽ bệnh lành, thân yên. Dẫu tuổi thọ đã tận, cũng sẽ chánh niệm rỡ ràng, theo Phật vãng sanh. Người niệm Phật chẳng được có ý niệm mong mỏi đời kế tiếp, đời sau. Tâm vãng sanh của sư còn chưa chuyên nhất thì chắc chắn sẽ không thể không thọ sanh trong lục đạo nơi thế giới này.

121. Thư gởi cư sĩ Quách Phụ Đình

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Hôm qua nhận được thư, biết lệnh nghiêm đã về Tây trong ngày 28 tháng trước, khôn ngăn cảm khái, than thở. Cố nhiên trong đời trước lệnh nghiêm đã có vun bồi, nên trong đời này tay trắng làm nên sự nghiệp, giàu có cự vạn, thọ quá tuổi "cổ hy" (bảy mươi), con cháu đầy nhà, bình sinh ưa làm lành không mệt mỏi, hộ trì tam bảo. Nếu có tín nguyện sẽ vãng sanh Tây Phương; nếu không có tín nguyện, chắc sẽ sanh lên trời, hoặc sanh trong nhà đại phú quý cõi nhân gian để hưởng đại phước. Nhưng phước thế gian chẳng thường hằng, hãy nên bảo các hiếu quyến đều cùng nhau chí tâm niệm Phật, để mong cụ chưa được vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị, đấy mới là lòng hiếu có ích. Ai nấy hãy nên bớt đau thương niệm Phật, đừng học theo người đời chỉ cốt sướng tai khoái mắt người khác, chẳng màng thần thức của cha mẹ có được lợi ích hay chăng?

Hơn nữa, lúc lệnh nghiêm còn sống đã tin vào Phật pháp, nay ma chay cho cụ, theo đúng lý, hãy nên thuận theo chí của cụ lúc sinh tiền, nhất loạt đừng dùng đồ mặn. Phàm tế thần, cúng linh, đãi khách đều dùng món chay, điều này đem so với phóng sanh, công đức càng lớn hơn. Nếu chẳng dùng đồ chay thì xong đám tang này, số lượng sanh mạng bị giết quá nhiều. Nỡ nào vì bọn ta thể hiện lòng hiếu mà khiến cho cha mẹ ta phải kết sát nghiệp với vô số sanh mạng ấy?

Năm Dân Quốc 13 (1924), tiên sinh Chu Ngọc Sơn mất (vị này từng làm Tổng đốc Lưỡng Giang), con ông là Tập Chi quen biết với Quang, gởi cho Quang một tờ cáo phó. Quang khuyên đừng dùng đồ mặn. Do ông ta là quan chức có tiếng tăm rất lớn, nếu dùng đồ mặn sẽ chẳng tránh khỏi "làm cho cha nở mày nở mặt lại hóa thành gây lụy cho cha!" Thư Quang gởi đến, ông Tập Chi chẳng quyết đoán, bảo những người lo việc bàn bạc. Những kẻ lo việc toàn là bọn tham ăn tục uống, đều chẳng tán thành dùng món chay. Thiết lễ điếu tang tại Thiên Tân, khách viếng tang ngồi hơn bốn ngàn bàn. Năm sau, rước linh về đất Hoàn (An Huy): Đến Nam Kinh làm lễ điếu tang, tới Vu Hồ (thuộc tỉnh An Huy) lại làm lễ điếu tang, về đến nhà lại thiết lễ điếu tang. Con cháu dòng trưởng làm lễ điếu tang tại Dương Châu. Chỉ năm lần thiết lễ điếu tang này, những sanh mạng bị giết đã chẳng thể tính nổi số. Chôn cất xong, trở về Thiên Tân, có kẻ cầu cơ, tiên sinh Ngọc Sơn giáng đàn, đau đớn oán hận người nhà dùng đồ mặn, nói công đức thuở làm quan khi còn sống đã bị tiêu diệt hết mà vẫn chưa đủ để bù đắp cái tội ấy!

Tập Chi quá sức hối hận nhưng không làm sao được, muốn lập một đại tùng lâm tại Thiên Tân để chuộc lỗi. Đã chọn được cuộc đất thỏa đáng rồi, gặp phải

cuộc chiến ở Phụng Thiên - Trực Lệ[200] nổ ra, vẫn chưa thực hiện được, chỉ tìm cách kết những duyên nho nhỏ, ngõ hầu người lui tới có chỗ nghỉ ngơi mà thôi. Lệnh nghiêm khá có duyên với Quang, cư sĩ cũng có duyên với Quang. Trong lúc này mà Quang chẳng vì cư sĩ nói chuyện lợi hại này thì là thiếu sót tình bè bạn. Sợ cư sĩ có thể nghĩ là chuyện không quan trọng, khẩn yếu, nên dẫn đầy đủ chuyện của Chu Tập Chi để chứng minh. Đối với chuyện làm Phật sự, hãy nên coi niệm Phật là bậc nhất, những chuyện khác đều là bày vẽ bề ngoài cho dễ coi mà thôi. Trong khóa tụng sớm tối, Quang đọc tên của lệnh nghiêm để hồi hướng trong 21 ngày. Do đối với bạn thân thiết, Quang đều một mực chẳng làm theo lễ nghi thế tục, chỉ dùng niệm Phật để hồi hướng nhằm biểu lộ tình bạn mà thôi! (Cầu cơ là tác dụng của linh quỷ, trong ấy có khi là thật, nhưng Quang chẳng tán thành cầu cơ, xin đừng hiểu lầm.)

122. Thư trả lời cư sĩ Trác Nhân

(Năm Dân Quốc 16 - 1927)

Nhận được thư khôn ngăn mừng rỡ an ủi. Tự phản tỉnh được như thế thì trong đời này, thật hiếm mấy ai! Nếu có thể thẳng tiến chẳng lùi thì cái đạo của lệnh nghiêm, đạo của Khổng - Mạnh, đạo của Phật, của tổ đều có thể đích thân thật sự chứng được. Nhưng đối với đồ ngọt, giòn, béo, nồng vẫn chưa thể buông xuống được, nếu ước theo lý luận bên Nho, vẫn chưa là chuyện khẩn yếu lớn lao; nhưng nếu ước theo lý luận nhà Phật, đấy chính là làm ác, chứ chẳng phải chỉ là ý ác. Năm Dân Quốc thứ 10 (1921), Quang đến Nam Kinh, ông Ngụy Mai Tôn (làm quan Hàn lâm, lúc ấy đã 60 tuổi) nói với Quang: "Đối với Phật pháp, tôi cũng tin tưởng, cũng chịu niệm Phật, sách Văn Sao của sư tôi cũng đã đọc rồi, nhưng ăn chay chưa được!" Quang nói: "Người phú quý khó quên tập khí, ông muốn ăn chay xin hãy đọc kỹ bài Sớ Quyên Mộ Lập Ao Phóng Sanh tại Nam Tầm, hãy đọc nhiều lượt sẽ tự có thể không ăn thịt." Nói lời ấy vào ngày 12 tháng 8, đến

[200] Cuộc chiến Phụng Thiên Trực Lệ xảy ra hai lần, sử thường gọi là Phụng Trực Chiến Sự, hoặc Trực Phụng Chiến Tranh. Lần thứ nhất kéo dài từ ngày 28 tháng 4 đến ngày 5 tháng 5 năm 1922. Phe Tôn Trung Sơn liên minh với các quân phiệt Đoàn Kỳ Thụy và Trương Tác Sâm tại Phụng Thiên để triệt hạ thế lực của phe quân phiệt Tào Côn, Ngô Bội Phu tại Trực Lệ. Cuộc chiến rất khốc liệt vì phe Tào Côn có đến bảy sư đoàn, năm lữ đoàn. Hai bên đều bị thiệt hại nặng nề, phải nhờ các giáo sĩ Tây Phương làm trung gian điều đình ngưng chiến. Lần thứ hai xảy ra vào ngày 15 tháng 9 đến ngày mồng 3 tháng 11 năm 1924, Trương Tác Sâm đem năm mươi vạn quân từ Phụng Thiên kéo sang Trực Lệ rửa hận bại trận lần trước. Hai bên giao tranh khốc liệt tại Sơn Hải Quan. Tổn thất nhân mạng, tài lực trong lần thứ hai gần gấp đôi lần thứ nhất.

tháng 10 là ngày sinh nhật 60 tuổi của ông ta, sợ thương tổn tình cảm người khác, ông qua Kim Sơn dự sinh nhật, về nhà liền ăn chay trường.

Năm sau, lại đề xướng mở chùa Pháp Vân làm đạo tràng niệm Phật phóng sanh, nay ông ta đã 66 tuổi rồi, nhưng đối với sự nghiệp từ thiện chẳng hề tiếc tinh thần, cực lực đề xướng, như lập viện mồ côi, như thí cháo mỗi năm, như trong hai năm gần đây, chiến sự phát sanh, ông đã thu gom những người già cả, yếu đuối, phụ nữ về nuôi trong chùa Pháp Vân, dựng mấy chục gian chái cho họ ở, nấu cháo cho họ ăn. Chiến sự kết thúc, tùy theo họ ở xa hay gần mà cấp lộ phí để họ quay về. Lần đầu là hơn một ngàn người, lần sau là hơn hai ngàn người. Mỗi ngày ăn cháo xong, dạy họ ai nấy niệm Phật và niệm Quán Âm. Ba bốn lần giao tranh, trọn không có một ai bị thương, chẳng một ai đổ bệnh, cũng có thể gọi là khó có.

Các hạ đang độ tráng niên, lại có chí lớn, có thể tự phản tỉnh suy xét, tự trách lỗi. Nếu có thể tự cường chẳng ngơi thì sống sẽ dự vào bậc thánh, mất sẽ lên cõi Như Lai là điều chắc chắn. Đừng coi đạt được điều nhỏ là đủ, đừng nghĩ lỗi nhỏ không ăn nhằm gì! Đừng coi "tự tánh Di-đà" là rốt ráo, rồi chẳng niệm đức Phật Di-đà ở Tây Phương, đừng chỉ cầu đức Phật thầm gia hộ rồi đối với đức Phật do chính mình cảm được trong tâm chẳng sốt sắng tu hành, thì đối với chuyện đạt được ba mối đạo như Quang đã nói đó (tức đạo của cha, đạo của Khổng Mạnh và đạo của Phật, của tổ), xin chúc mừng các hạ trước! Hơn nữa, thời thế hiện nay đã bại hoại đến cùng cực, nguyên do là vì chẳng biết nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình. Muốn vãn hồi thì hãy nên chú trọng hai pháp này, nhưng giáo dục trong gia đình cần phải chú trọng nhất vào nhân quả báo ứng, vì nhân quả báo ứng có thể chế ngự được lòng người. Ngoại trừ cách này ra, thực hiện bằng bất cứ cách nào đều là hết thuốc chữa, vì tâm chẳng thay đổi thành tốt lành thì một pháp vừa lập, trăm điều tệ chen chúc nhau nẩy sanh!

123. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Tân

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Công khóa tu trì hãy tùy cơ mà lập, càng đơn giản càng hay. Nếu đều là những người tu lâu thì chẳng ngại gì y theo Thiền Môn Nhật Tụng mà niệm. Nếu nhiều kẻ sơ tâm thì bất luận sáng hay tối đều có thể niệm kinh A-di-đà, chú Vãng Sanh, rồi niệm Phật. Sáng tối đều như vậy, trong ban ngày niệm như vậy cũng được. Nếu không niệm kinh chú thì có thể bắt đầu bằng kệ tán Phật cũng được. Phải biết: Tất cả công khóa đều lấy niệm Phật làm chủ, kinh chú là khách. Biết nghĩa này rồi, lại phải căn cứ theo khả năng của thành viên trong Cư sĩ lâm để lượng

định sao cho thích nghi, chứ Quang làm sao có thể định riêng một chương trình để mọi người đều dựa theo được? Tùng lâm trong thiên hạ đều chiếu theo Thiền Môn Nhật Tụng, nhưng chùa Tây Phương thuộc xã Từ Khê, thành phố Văn Khê, sáng tối đều niệm kinh Di-đà, do vậy chớ nên luận định một cách chấp trước.

Điều không thể chỉ có chút ít mà phải hết sức khuếch trương chính là tông chỉ gồm ba món tín - nguyện - hạnh. Nếu dùng cách tham cứu của nhà Thiền "người niệm Phật là ai" thì chính là tham thiền cầu khai ngộ, hoàn toàn đánh mất tông chỉ Tịnh tông. Điều này quan hệ lớn nhất, quan trọng nhất. Con người thường hay mạo danh Thiền Tịnh song tu, nhưng tận lực chú trọng tham cứu sẽ đạt được lợi ích hữu hạn (niệm đến chỗ cùng cực cũng sẽ khai ngộ), đánh mất lợi ích vô cùng, vì chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh sẽ chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật. Dẫu có đích thân thấy được "người niệm Phật là ai" cũng khó được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, vì không có cái tâm tín nguyện cầu sanh. Lại chưa đoạn phiền hoặc nên chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử. Kẻ ưa ăn nói lớn lối đều do chẳng biết nghĩa này. Pháp môn Tịnh độ vượt trỗi hết thảy các pháp môn ở chỗ cậy vào Phật lực, những pháp môn khác đều cậy vào tự lực. Tự lực há có thể sánh cùng Phật lực mà luận ư? Đấy chính là một mấu chốt quan trọng nhất trong pháp môn Tịnh độ!

124. Thư trả lời cư sĩ Tống Đức Trung hỏi đốt kinh là công hay tội

(Năm Dân Quốc 20 - 1932. Đính kèm nguyên thư)

"Trong mục lục sách vở của Phật Kinh Lưu Thông Xứ của Công đức lâm Thượng Hải, nơi trang 83 có nói đến tám công dụng của việc thiêu kinh Kim Cang viết bằng chữ son. Đức Trung cho rằng những hành vi được nói trong hạng mục này trái nghịch ý chỉ đức Phật, công ít tội nhiều, kính thỉnh đại sư giải thích."

* * *

Kinh Phật trọng nơi thọ trì, chưa từng nghe dạy đem đốt đi. Dù bảo là đốt đi sẽ có ích cho cô hồn và cho người đã khuất đang được cầu siêu, vẫn là chuyện công chẳng bù được lỗi, huống hồ là vô ích! Vì sao nói như vậy? Phàm những kẻ thiêu kinh phần nhiều đều thiêu trong dụng cụ để đốt giấy vàng mã, tro ấy lại đem bán lẫn với tro giấy vàng mã. Những kẻ mua tro đó đem về, gạt bỏ sạch hết tro giấy đi, chỉ giữ lại tro vàng mã. Như vậy thì tro kinh chẳng thể không bị quăng vào rác rưởi hay sao? Có ai chịu phí công lập riêng một đồ đựng, phía dưới lót giấy thiếc, đặt kinh vào giữa, phía trên lại bịt những tờ giấy thiếc. Đốt giấy thiếc, kinh sẽ cháy theo, do phía trên có bọc giấy thiếc nên tro kinh chẳng đến nỗi bay lung tung ra ngoài. Đợi đến khi cháy hết, đã nguội rồi, hốt tro ấy bỏ vào trong túi

vải mới, bỏ thêm cát sạch hoặc đá sạch vào trong, may miệng túi lại. Nếu có thân hữu hết sức đáng tin cậy đem ra biển, hoặc đem ra sông lớn, tới chỗ sâu nhất gieo xuống thì chẳng mắc lỗi khinh nhờn. Nếu chiếu theo cách đốt vàng mã bình thường, rồi lại còn bán tro giấy, tôi sợ rằng mắc tội vô lượng, công chẳng được mấy!

Phàm làm các Phật sự đều phải làm bằng lòng thành kính thì mới có sự cảm thông. Những kẻ thiêu kinh kia chỉ biết thiêu mà thôi, có bao giờ nghĩ đến chuyện này? Các kinh Đại thừa đều khen ngợi công đức biên chép, thọ trì, đọc tụng, chẳng hề nghe khen ngợi thiêu kinh có công đức. Nếu thật sự có công đức, vẫn chẳng nên duy trì phong tục này, vì rất có thể là kẻ vô tri hiểu lầm sẽ chú trọng thiêu kinh, chẳng chú trọng thọ trì. Kinh Kim Cang đã thiêu được, lẽ nào các kinh Đại thừa khác chẳng thể thiêu được? Kẻ giàu có nhưng vô tri ắt sẽ tạo nghiệp thiêu kinh vô cùng vậy! Chuyện này Bất Huệ hoàn toàn chẳng tán thành, tuy nghe người ta nói có đại cảm ứng, vẫn chẳng thốt ra một tiếng nào tán dương, bởi sợ tạo thành mối tệ vô cùng.

Thế gian thường hay đem chú Vãng Sanh viết thành hình tròn, đem khắc rồi in ra, đặt tên là tiền Vãng Sanh, lắm kẻ đem thiêu tiền ấy thí cho cô hồn. Năm Quang Tự mười sáu (1890), tại chùa Long Tuyền ở Bắc Kinh, vào buổi sáng sớm Quang ra ngoài cửa tam quan, thấy trong đống tro giấy và tro vàng bạc của lễ Phóng Diệm Khẩu hồi đêm có một xấp giấy tiền Vãng Sanh dày hai tấc chỉ cháy một nửa. Nếu tôi không thấy thì người hầu quét dọn, sợ rằng cũng bị quét vào đống rác luôn. Do vậy biết được rằng: Cái lỗi thiêu chú ấy không chỗ nào chẳng có! Có vị tăng phóng Mông Sơn, dùng ngân phiếu và tiền giấy kẹp tiền Vãng Sanh vào trong, xếp thành hình một đầu to đầu nhỏ, đợi đến khi xuất sanh[201] sẽ đốt. Khi lửa cháy gần tới tay sẽ quăng xuống đất. Trong ấy thường có chữ chưa cháy hết. Dù cháy hết, tro ấy hoàn toàn bị quăng xuống đất, há không có lỗi hay sao? Đây chính là điều chính mắt Bất Huệ trông thấy.

[201] Xuất sanh là một thuật ngữ thường dùng trong Thiền lâm: Khi chúng tăng đến trai đường dùng bữa, vị đường chủ hoặc trụ trì sẽ lấy ra một ít cơm (gọi là "sanh phạn") từ chén của mình bỏ vào một đồ đựng riêng (gọi là xuất sanh đài hay sanh đài) để thí cho Đại Bằng Kim Xí Điểu, chúng quỷ thần Khoáng Dã, Ha Lợi Đế Quỷ Tử Mẫu v.v.. Chữ "sanh phạn" ngụ ý cơm này dùng để nuôi mạng sống của chúng quỷ thần, do vậy mới có từ ngữ xuất sanh. Vị thị giả sẽ mang cơm ấy ra phía ngoài trai đường, đặt nơi đất sạch, trong bóng râm, đọc kệ Xuất Thực. Sở dĩ phải thí thực cho chúng quỷ thần vì khi đức Phật hàng phục quỷ Khoáng Dã, Quỷ Tử Mẫu, đã khuyên các loại quỷ thần ấy không nên ăn máu thịt chúng sanh nữa, và hứa khi nào Phật pháp còn tồn tại, tăng chúng sẽ hằng ngày cúng dường thực phẩm cho họ được no đủ. Không hiểu vì lý do gì, Phật giáo Trung Hoa, nhất là tại Hoa Nam, lại thêm vào chuyện đốt giấy tiền vàng bạc mỗi khi xuất sanh.

Vì thế biết rằng "một pháp đã lập, trăm mối tệ chen chúc nẩy sanh" chính là lời chân thật vậy. Phàm mọi chuyện phải lo sao cho lâu ngày về sau chẳng có điều tệ thì mới tốt lành, thỏa đáng được. Thiêu kinh dẫu có công đức, chỉ sợ do kẻ chẳng cẩn thận lo liệu thì chuyện công đức đâm ra thành chuyện tội lỗi, huống chi chưa chắc đã thật sự có công đức ư? Bất Huệ hiểu biết như thế đó. Đối với bậc đại thông gia thì hết thảy vô ngại, pháp nào cũng viên thông, chứ đối với cái trí hèn kém, thấy biết nhỏ nhoi của Bất Huệ thì chẳng thể nào như vậy được. Những gì Bất Huệ nói chỉ là ước theo phân lượng của Bất Huệ để làm chuẩn mà thôi.

QUYỂN II

125. Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình (hai lá thư)

1. Muốn quy y Phật pháp, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, cần phải nên gắng sức trọn hết đạo luân thường. Nếu chẳng thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, vậy thì căn bản đã khiếm khuyết, chẳng tương ứng với Phật, làm sao có thể được Phật rủ lòng từ tiếp dẫn hòng mang nghiệp vãng sanh? Vì vậy phải nên hiếu với cha mẹ, kính bậc tôn trưởng, đối với anh em trai, chị em gái, vợ chồng, chủ tớ mỗi mỗi đều phải trọn hết chức trách bổn phận của chính mình. Đối với những điều đã được đề cao đều trọn hết chức trách bổn phận thì chính là hiền nhân, thiện nhân trong thế gian. Người hiền thiện niệm Phật sẽ dễ cảm được Phật. Muốn liễu sanh tử, chẳng thể không chú ý đến luân thường.

Lại phải nên dựa theo những gì kinh điển Tịnh độ đã dạy để sanh lòng tin, phát nguyện, chuyên tâm niệm Phật, quyết định sanh về Tây Phương ngay trong đời này, trọn chẳng khởi tâm cầu phước báo trời người trong đời sau. Phật xem hết thảy chúng sanh như con một, hãy nên kiêng giết, ăn chay, yêu tiếc sanh mạng loài vật, dùng điều này để tự hành, lại còn dạy người. Phàm trong gia đình, cha mẹ, anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái, ngoài là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu đều nên nói cho họ biết về lợi ích niệm Phật: Đời này tiêu trừ tai chướng, tăng trưởng phước thọ, mạng chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Gần đây thế đạo loạn đến tột cùng, phàm những ai tin Phật, niệm Phật thường gặp dữ hóa lành. Họa hoạn hiện thời có tránh cũng không thể tránh được, có ngừa cũng không thể ngừa. Nếu có thể chí thành niệm Phật thì sẽ âm thầm chẳng gặp phải tai họa. Có lợi ích to lớn như vậy, nỡ nào chẳng cho cha mẹ, anh em v.v. của ta và hàng xóm, láng giềng v.v. biết đến ư? Nhưng muốn cảm hóa người khác thì chính mình phải thật hành mới được. Nếu chính mình tuy niệm Phật, nhưng đối với chuyện giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, suy nghĩ, xử sự phần nhiều chẳng đến nơi đến chốn, sẽ khó thể cảm thông.

Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Thành, tông là chủ, thành là chân thật, nếu đối với mỗi chuyện ông đều có thể lấy chân thành làm chủ thì lâu ngày chầy tháng ai nấy đều nhìn theo bắt chước nhau làm lành, đấy gọi là *"thành chi sở chí, kim thạch vị khai"* (lòng thành đến cùng cực, sắt đá cũng cảm động), huống gì là

người đồng loại ư? Hãy nên thường xem Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải[202], Gia Ngôn Lục, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng. Từ nhỏ đã dạy cho con cái thường đọc Cảm Ứng Thiên, bài văn này mỗi ngày đọc dăm ba lượt, tối thiểu phải đọc một lần. Đọc suốt cả một đời này, lại đọc sách Trực Giảng, hành theo đó sẽ tự có thể dự vào bậc chánh nhân quân tử.

Quang già rồi, chẳng nên thường gởi thư đến nữa. Muốn xem những sách nào, hãy thỉnh từ Hoằng Hóa Xã, đừng thuận tiện gởi thư cho tôi. Ông chịu hành theo Gia Ngôn Lục, Văn Sao v.v. thì cần gì một hai bức thư nữa? Mùa đông năm ngoái đã in ba toa thuốc cai thuốc phiện, cực linh nghiệm, còn toa thuốc trị bệnh sốt rét chẳng tốn một phân tiền mà không ai chẳng trị được lành, nay gởi kèm ba trang theo thư, xin hãy bảo với hết thảy mọi người ngõ hầu con quỷ gây bệnh sốt rét chẳng làm khó người ta nữa thì lợi ích lớn lao thay!

2. Đã biết hổ thẹn sám hối, cớ sao vẫn hành động y như cũ, ác chẳng thấy giảm, thiện chẳng thấy tăng vậy? Không có chi khác cả, vì tâm chẳng chí thành vậy! Nếu tâm lấy chí thành làm chủ, lẽ nào biết rồi mà vẫn cố phạm? Biết mà tâm vẫn cố phạm là vì tâm thật ra chẳng có lòng thành khẩn, quyết định đổi lỗi hướng thiện mà ra. Chính ông đã muốn làm hiền nhân, thiện nhân thì tự có thể xa lìa tập khí ác. Kẻ chẳng thể xa lìa là vì tâm chẳng quyết định, nếu hời hợt, chơi vơi, chần chừ, khinh mạn sẽ khó tránh khỏi quay về đường cũ.

Từ rày đừng gởi thư đến nữa, ông chẳng chịu chân thật khắc phục, trừ khử lòng riêng tư của chính mình, dù tôi khai thị, rốt cuộc có ích lợi chi đâu? Nếu ông chịu sốt sắng tự suy xét tội lỗi của chính mình, cần chi tôi phải nói nhiều? Nội hai chữ Tông Thành đã bao quát sạch cả rồi! Con người nếu tâm không hư ngụy, chắc chắn chẳng đến nỗi không chịu sửa lỗi hướng lành. Ví như ta thật sự biết kẻ nào muốn hại ta, dù hắn có lắm lời ngon lẽ ngọt dụ dỗ, chắc chắn chẳng để hắn gạt rồi giao phó tánh mạng của ta. Chịu bị lừa chính là kẻ chẳng biết tốt xấu. Đã có kẻ đối đầu lớn lao liên quan đến tánh mạng, sao còn chịu để cho hắn lừa? Đấy gọi là "cầu người khác nói ra phương cách mầu nhiệm để bảo vệ thân mạng cho ông" nào có ích gì đâu? Vì thế chẳng muốn nhiều lượt nói dông dài với ông.

[202] A-di-đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích là tác phẩm của ông Hoàng Hàm Chi (tự Khánh Lan, pháp danh Trí Hải), nhằm chú thích những chữ khó trong kinh và dùng lối văn bạch thoại "diễn tả" ý nghĩa của những câu kinh vốn được viết bằng cổ văn để người ít thông hiểu cổ văn vẫn có thể hiểu được ý nghĩa của kinh văn. Cụ Hoàng Trí Hải viết rất nhiều cuốn Bạch Thoại Giải Thích cho các kinh Tịnh độ.

126. Thư trả lời ba vị cư sĩ Tống Lục Trạm, Trữ Liên Tịnh và Trương Tử Tịnh

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Đời loạn tột bậc chẳng kham nói nổi! Xét đến nguồn cội, nguyên nhân gần là trong vòng 110 năm gần đây, hết thảy những kẻ đọc sách làm quan chỉ biết tập luyện cử nghiệp[203], cầu công danh, chẳng biết đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình. Nếu luận đến cái nhân xa thì quả thật là do họ Trình, họ Chu đả phá, bài xích nhân quả báo ứng và sanh tử luân hồi mà ra. Do trọn chẳng được gia đình khéo dạy, lại chẳng biết con người vì sao làm người, lại quen nghe nói "chết là diệt mất, trọn chẳng có đời trước, đời sau", nên vừa gặp gió Âu thổi tới, cảm thấy thuyết "phế bỏ lòng hiếu, phế trừ luân thường, không hổ thẹn" ấy tự tại vô ngại lắm, bèn nhất trí tiến hành. Tạo ra căn bản gây lầm lạc cho con người không thể không quy tội về các vị bên Lý học. Quang nói lời này đích xác tột bậc, biện định tột cùng, chứ chẳng phải nói bừa đâu!

Phương kế lúc này là phải sốt sắng đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và giáo dục trong gia đình, nhưng giáo dục trong gia đình lại càng cần phải chú trọng đến nhân quả báo ứng. Hai pháp này duy trì lẫn nhau thì mới có thể làm cho con cháu sau này chẳng đến nỗi mấy chốc sống như loài thú. Nếu không, dù có giáo dục cũng khó thể giữ cho chúng nó chẳng bị xoay chuyển bởi thói tà. Nói đến các phương pháp tu trì niệm Phật thì trong Văn Sao đã có nêu đủ. Nếu nói rõ sẽ rất tốn bút mực, dù trong thư này có giảng cặn kẽ thì cũng vẫn là những điều như trong Văn Sao đã nói.

Nay tôi gởi cho các ông Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Gia Ngôn Lục, Di-đà Bạch Thoại Giải, Quán Âm Bổn Tích Tụng, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, Thọ Khang Bảo Giám, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Khuê Phạm[204] v.v. mỗi thứ một phần. Nếu tôi có nhiều sách sẽ kết duyên, nhưng vì Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư đã gởi đi hết, còn chưa in ra sách mới. Gia Ngôn Lục một vạn cuốn đã gởi đi hết rồi, hai ba vạn cuốn đều chưa in thành sách, chẳng thể gởi nhiều. Do trong Gia Ngôn Lục đã chia thành từng đề tài khác biệt, nên đọc khá đỡ tốn tâm lực. Mong dùng đây để tự hành, dùng đây để dạy người thì chắc chắn sẽ đích thân được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

---

[203] Cử nghiệp là lối học chỉ nhằm mục đích thi đậu ra làm quan, chú trọng luyện tập văn chương sao cho phù hợp với yêu cầu làm bài thi như văn sách, chiếu, biểu, thơ, phú v.v., chứ không chú trọng hiểu ý nghĩa giáo dục của thánh hiền để tu dưỡng bản thân.

[204] Khuê Phạm là một tác phẩm do Lã Khôn biên soạn dưới thời Vạn Lịch nhà Minh, có nội dung hướng dẫn giáo dục phụ nữ bồi dưỡng đức hạnh, nêu gương hiền hiếu, giúp chồng dạy con, trọn hết bổn phận.

Nếu muốn tu trì tịnh nghiệp, phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, ăn chay, bảo vệ, quý tiếc sanh mạng loài vật, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Trong là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, ngoài là thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước đều dùng điều này để kính khuyên. Bất luận họ có tin nhận hay không, chớ nên chẳng làm cho họ được một phen nghe biết.

Các ông đã muốn quy y thì nay đặt pháp danh cho mỗi người các ông: Tống Lục Trạm pháp danh là Huệ Trạm, Trữ Liên Tịnh pháp danh Huệ Tịnh, Trương Tử Tịnh pháp danh là Huệ Trừng. Nếu có thể đoạn trừ vọng tưởng, nhất tâm chánh niệm thì gọi là trạm (trong lặng), là tịnh, là trừng (lắng trong), đấy đều là những đức sẵn có trong tâm, chứ không phải từ bên ngoài mà có. Nếu tâm niệm trần lao thì những đức *trạm, tịnh, trừng* sẵn có sẽ bị vọng tưởng khuấy động, biến thành những tướng đục ngầu, bẩn thỉu, ô uế. Đầu tháng 3 năm sau Quang sẽ lại sang Thượng Hải để hoàn tất chuyện in sách. Sau mùa thu năm tới sẽ rời khỏi Phổ Đà, đi khắp Đông, Tây, Nam, Bắc để trốn nỗi cực nhọc thù tiếp thư từ. Ngàn phần xin đừng tới Phổ Đà, chỉ đọc kỹ Văn Sao, Gia Ngôn Lục còn hơn đích thân đến gặp mặt Quang nhiều lắm!

127. Thư trả lời Phật học xã Thiếu Niên thuộc Phật học hội Vô Tích

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Hôm qua nhận được thư và phương án nghiên cứu của quý xã, khôn ngăn hổ thẹn. Quang là một ông tăng tầm thường, chẳng có mảy may tri thức gì, chỉ biết học đòi ngu phu ngu phụ lễ bái, trì tụng để cầu mang nghiệp vãng sanh, sao có thể làm vị thầy chỉ đạo cho quý xã được? Còn về chương trình đơn giản, duyên khởi đã gởi lần trước, quả thật không biết đến chuyện ấy, chắc là do người trong chùa thấy Quang cự tuyệt hết thảy, hơn nữa cũng chẳng phải là chuyện khẩn yếu nên đã giao cho Bính Đinh Đồng Tử[205] thu nhận rồi cũng không chừng. Quang tuổi đã bảy mươi, tâm như trẻ nít vô tri, chỉ đợi kỳ hạn chết; ngoại trừ niệm Phật ra, không làm chi khác, huống là dám nhận lãnh chức vị cao cả trong quý xã để điều trần ý nghĩa, tông chỉ kinh sách nghiên cứu hòng mọi người nương theo tu trì ư?

Tuy nhiên quý xã đã tưởng lầm gởi thư tới, tôi cũng chẳng thể không thưa trình sự hiểu biết của chính mình. Thiếu niên học Phật thì phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận (tức là thật hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ

[205] Theo Dịch Học, hai can Bính Đinh trong Thiên Can thuộc về hành Hỏa. Do vậy, người ta thường gọi thần lửa là thần Bính Đinh hay Bính Đinh Đồng Tử.

v.v.), dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tin sâu nhân quả và luân hồi, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại dạy cho người khác. Hễ hành rồi mà vẫn còn thừa sức, sẽ nghiên cứu hết thảy kinh luận Đại thừa và những trước thuật của các bậc cổ đức Nho - Thích xưa nay. Lại phải hiểu biết, nắm được cương tông, dùng điều đó để hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, tiếp nối đạo của Phật, tổ, thánh hiền. Đấy gọi là "do thực hành nên học rộng, do học rộng nên hiểu được điều cốt lõi". Như thế thì chắc chắn sẽ được dự vào bậc thánh hiền trong đời này, lâm chung liền sanh vào cõi Cực Lạc.

Nếu chẳng chú trọng tận lực thực hành, chỉ mong biết nhiều thấy lắm, ắt sẽ đến nỗi kiêu căng khinh thường mọi thứ, bài bác nhân quả. Người như thế thiên tư quả thật đủ để kế thừa người trước, mở đường cho người sau học theo, nhưng do bước đầu tiên chưa từng kiểm điểm thân tâm của chính mình, từ đấy càng đi càng xa, sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm, rốt cuộc thành kẻ phá hoại đạo của Phật, tổ, thánh hiền. Đấy chính là chuyện đáng thương xót nhất của những kẻ thông minh xưa nay. Chuyện này trong trăm người hết tám chín mươi kẻ mắc phải, khiến cho người khác phải đau lòng tuôn lệ. Quang học vấn quẩn quanh, nhưng nếu chẳng đem sự từng trải bảy mươi năm dâng lên quý xã, một mai chết đi sẽ giống như sống uổng chết phí. Dùng một mảnh giấy này giãi tỏ tấm lòng thành, may ra có thể giúp cho quý xã trong chuyện "kế thừa người xưa, mở mang đường lối cho người sau". Cũng nhờ vào công mọn này, Quang được sanh về Tây Phương thì cũng là được thành tựu bởi quý xã, cảm kích biết dường nào? Trân trọng trao lại lời phó thác, nếu gởi thư đến nữa, quyết chẳng trả lời.

128. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (bốn lá thư)

(Năm Dân Quốc 22 - 1933 và năm Dân Quốc 27 - 1938. Ông này vốn tên là Lệ Đình)

1. Trước kia, ông do mê muội tạo nghiệp, may là xưa đã có thiện căn, nên do nhân duyên ác bèn được vào trong Phật pháp. Đấy là sự may mắn không gì lớn bằng. Nay hãy nên tận lực làm chuyện lành, từ tâm địa thấu hiểu, chẳng để cho những ác niệm trước kia nẩy sanh nữa. Hãy nên giữ cho cái tâm niệm Phật và tâm tự lợi lợi tha chẳng hề bị gián đoạn thì sống sẽ là bậc thánh bậc hiền, mất đi trở về Cực Lạc Phật quốc. Đã đọc Văn Sao, hãy nên hành theo Văn Sao, cần gì cứ phải hành cho giống với người khác?

Còn như Đồng Thiện xã, đàn cầu cơ, tuy cũng mang tiếng là tu thiện, nhưng người học Phật chớ nên dính vào. Vì sao vậy? Sợ sẽ bị hiểu lầm, tưởng những gì

do bọn chúng nói là Phật pháp chân truyền. Ví như mua đồ vật, chớ nên cứ dựa suông theo quảng cáo, cho đó là đúng, phải xét kỹ hàng hóa coi xem thật giả ra sao. Quang già rồi, tinh thần, mục lực, công phu đều chẳng đủ, lại còn bị chuyện tu chỉnh ba bộ Sơn Chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa bức bách khôn cùng, hãy nên đọc Văn Sao, đừng đến đất Tô, hễ tới chắc chắn sẽ phải than thở "gặp mặt chẳng bằng nghe tên vậy!"

2. Cơm Đại Bi chớ nên chắt nước. Nếu không quen nấu cơm ráo không chắt nước, hãy nên lấy nước cơm ấy để luộc rau, hoặc dùng làm nước uống. Phàm những ai nấu cơm chắt nước thì phải dùng nhiều nước, tốn nhiều củi. Chất cốt của gạo đều nằm trong nước cơm, lại ngược ngạo vất đi, chỉ giữ lại xác gạo, bỏ đi chất bổ. Vừa tổn phước, vừa phí tiền, mà sức bồi dưỡng con người cũng ít. Đối với bệnh của mẹ và người em họ thứ hai của ông, đều nên dùng tâm đại Bồ-đề để cung cấp cho họ cơm rau Đại Bi suốt một tháng. Nếu bệnh họ thật sự lành sẽ gieo được đại thiện căn. Người em họ thứ hai của ông nếu hồi tâm chuyển niệm sẽ có thái độ khác hẳn.

Con người ai nấy đều có thiên lương, nhưng khởi tâm động niệm, cư xử hoàn toàn chẳng thuận theo đạo lý. Ông ta vẫn chê người khác chẳng tuân theo đạo lý, còn ông ta thì có đạo lý. Chỉ nội một niệm này đã là chỗ thiên lương phát hiện đấy! Đáng tiếc là không ai chỉ điểm, lại chẳng phản tỉnh tự trách nên trở thành hạng cuồng ngu. Nếu chịu hồi tâm tự vấn, ắt sẽ hổ thẹn muốn chết, cảm thấy trong trời đất không có chỗ nào cho ta dung thân. Từ đấy hằng ngày biết là sai trái, hằng ngày sửa lỗi, sẽ thành bậc thánh bậc hiền. Nếu lành được thân bệnh thì tâm bệnh sẽ dần dần lành. Hằng ngày ông hãy nên hồi hướng cho ông ta, cầu tam bảo gia bị. Lại nương vào từ lực của đức Quán Âm và diệu nghĩa của thần chú, ăn cơm Đại Bi suốt một tháng ắt sẽ có hiệu nghiệm dị kỳ. Nếu bệnh của mẹ và bệnh của người em họ của ông được lành, sẽ làm rạng rỡ tổ tông nhiều lắm. So với những kẻ được lên chức, được một tước quan, nhưng chẳng thể vì nước vì dân thì khác hẳn một trời một vực.

Tuy chẳng quen nấu cơm ráo không chắt nước, nhưng lưu tâm làm thử sẽ tự biết cách. Đấy cũng là tiếc phước, sống hợp dinh dưỡng nhiều lắm. Tại chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà, vào năm Quang Tự mười mấy, một vị sư phạn đầu[206] dù nấu cơm cho một hai trăm người ăn vẫn nấu cơm không chắt nước. Trong mấy năm, vị ấy

[206] Phạn đầu là một vị chức vị thuộc về thập vụ trong tùng lâm, dưới quyền quản trị của vị điển tọa. Vị phạn đầu chuyên lo cơm cháo cho tăng chúng, cũng như chịu trách nhiệm đảm bảo cơm nước, củi lửa đầy đủ, nồi niêu sạch sẽ, bát đũa tinh sạch.

đã tiết kiệm củi lửa, mỗi ngày chỉ cần một hai gánh củi, lại nấu được nhiều cơm, cơm còn bồi bổ con người. Vị phạn đầu kế tiếp thường hay chắt cả mấy thùng nước cơm, nước gần đầy thùng bèn đổ xuống cống ngầm. Nhà kho, khách đường, chấp sự đều chẳng hỏi đến. Đủ biết vị phạn đầu ấy mỗi năm đã phí phạm củi lửa, nước cơm của thường trụ, tội ấy lớn lắm! Mong hãy đem nghĩa này nói với hết thảy mọi người, đây cũng là chuyện quý tiếc củi lửa, ngũ cốc lớn lao vậy.

3. Mẹ ông ăn cơm Đại Bi đã có hiệu nghiệm, nhưng chưa đủ để lành bệnh thì hãy ăn thêm một tháng nữa, chuyện này hoàn toàn chẳng khó thực hiện. Nếu gạo ít thì chẳng ngại gì gởi ít, hễ thuận tiện lại gởi tiếp. Còn thái độ của người em thứ hai của ông đã trở thành lương thiện, quả thật là do lòng thành của ông cảm được tam bảo gia bị. Cổ nhân đã nói: *"Chí thành nhi bất động giả, vị chi hữu dã. Bất thành vị hữu năng động giả"* (Chí thành mà chẳng cảm động được thì là chuyện chưa hề có. Chẳng chí thành thì chưa hề có chuyện cảm động được). Ngày hôm nay vị đương gia mới trở về, đã đưa thư cho thầy ấy coi, ngày hôm sau nữa sẽ niệm Phật cho ông. Người già 70 tuổi mắc bệnh nơi chân đã lâu, chẳng thể gấp gáp mong cho lành ngay được. Nếu ăn thêm một tháng nữa chắc có thể khỏi bệnh hoàn toàn. Dẫu cho chẳng lành, cũng chớ nên nói "lòng thành chẳng có cảm ứng gì, Phật pháp chẳng linh!"

Đối với người em thứ hai của ông, càng phải nên dùng lòng thành để cảm, ngõ hầu tổ tông có được đứa con cháu tốt lành, vinh diệu chi bằng? Lời lẽ trong báo ở Vô Tích quá sức phô trương sáo rỗng, người quy y gần một vạn, há nên nói là mấy chục vạn? Dẫu thật sự là mấy chục vạn cũng nên nói là mấy vạn thôi, để khỏi mắc họa bị tiểu nhân nghi kỵ. Cổ nhân có sự hàm dưỡng "tuy có mà như không, có thật mà như dối", sao nhà báo lại quên tuốt, ngược ngạo phô phang thanh thế trống rỗng vậy? Từ rày đừng nên làm như thế nữa! Quang còn chưa lên đến huyện (huyện Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây) làm sao nhập học ở trường huyện cho được?

Vào trường học ở huyện hay không, nói chung chẳng khác gì nhau. Nhưng một đằng thật, một đằng giả, chỉ khiến cho người ta hổ thẹn không nơi lánh mình, có ích chi chăng? Quang làm người trong cõi thế không lâu nữa đâu, một mai chết đi, muôn vàn chớ nên truyền bậy điều ấy khiến cho người khác nghi ngờ, cười chê. Đối với cha mẹ, sư trưởng, Quang chẳng ghi chép một chữ, vì sợ bị hãm trong vực xoáy tiếng tăm hư vọng của con người hiện thời, chuốc lấy tiếng dị nghị của người khác. Chỉ mong chẳng nhục lây cha mẹ, coi đó là chuyện rạng danh cha mẹ. Huống chi người học Phật há có nên giống như trẻ nít ngoài đường

ngoài chợ cầu xin khắp những người có danh vị tán tụng mới coi đó là hiếu hạnh ư?

4. Soạn bài kệ Hồi Hướng hay lắm, kẻ đứng bên ngoài ắt sẽ chê là viển vông, nhưng thật ra nó tương ứng với tâm của bậc Đại sĩ, dễ được cảm thông. Ấy là vì người ta dùng sự hung ác, ta dùng lòng từ thiện, như nước diệt lửa, nhưng mặt trời làm tan băng. Nếu dùng tình kiến của chúng sanh để cầu đảo sẽ trái nghịch tâm của Đại sĩ, dẫu có cảm thông nhưng nhỏ nhoi thôi! Bài kệ như sau: *"Nguyện thử tụng trì thắng công đức, tức mông Đại sĩ thùy gia bị. Tiêu trừ tự tha túc hiện nghiệp. Tăng trưởng ngã nhân thắng thiện căn. Vĩnh kiếp hằng tồn Đại sĩ tâm, biến giới thường hành Đại sĩ sự. Tận vị lai tế tác nhiêu ích, phổ linh hữu tình vô họa hại!"* (Nguyện do công đức trì tụng thù thắng này liền được Đại sĩ rủ lòng gia bị, tiêu trừ nghiệp trong hiện tại hay đời trước của ta và người, tăng trưởng thiện căn thù thắng cho ta và người. Bao kiếp luôn giữ tấm lòng Đại sĩ, khắp mọi cõi thường làm chuyện của bậc Đại sĩ, đến cùng tột đời vị lai tạo sự lợi ích, khiến cho khắp mọi hữu tình chẳng bị họa hại.)

129. Thư trả lời tiên sinh Phí Phạm Cửu

Mấy hôm trước, thư ông được chuyển từ núi đến, biết tâm ông mộ đạo tha thiết, tu trì cẩn thận, khôn ngăn mừng rỡ, hâm mộ, nhưng do bận bịu công chuyện nơi đất Hỗ (Thượng Hải), chưa thể trả lời ngay! Ngày hôm qua do có việc sang đất Hàng tạm được thong dong, liền viết đại khái. "Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp" là chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật. Ông đã hiếu thảo với cha mẹ, tiết kiệm, chất phác, ắt chẳng đến nỗi nhận tiền tài phi nghĩa, hạnh ấy tâm ấy khá hợp với Phật. Nếu lại còn dùng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ắt sẽ được như nguyện. Đã làm con người ta, làm cha người khác, hãy nên suy nghĩ ngọn nguồn rốt ráo tới đường lối khiến cho cha mẹ ta, con cái ta rốt ráo được an ổn, há chẳng tận lực khuyên lơn cha mẹ và con cái ta cùng tu tịnh nghiệp hay sao? Đây là luận theo phía người thân, nhưng hết thảy chúng sanh đều là Phật tử, ta đã biết rồi, nỡ nào chẳng làm cho anh em trai, chị em gái, thân thích, xóm giềng, hết thảy những người tiếp xúc ai nấy đều được biết ư? Ông muốn quy y để mong vãng sanh, há chẳng phát ra hoằng thệ để hành sẵn cái đạo tùy phận tùy lực độ người hay sao?

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Mậu, nghĩa là dùng đại trí tuệ để hành đạo tự lợi lợi người. Cái đạo tự lợi lợi người vừa nói đó chính là bảo hết thảy mọi người đôn đốc luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn của chính mình để khôi phục cái lễ, đừng làm các

điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Trong Văn Sao đã nói nhiều lần, nay lại nói nữa, vì sợ có thể là chẳng chú ý, đến nỗi lầm lỡ bỏ qua. Do vậy chẳng ngại gì lại nói nữa. Hơn nữa, thế đạo hiện thời rối loạn, bày ra những chuyện chưa từng có, xét đến cội nguồn, nói chung là do trong gia đình không khéo dạy và chẳng giảng nhân quả báo ứng mà ra. Thiên hạ chẳng yên, thất phu thất phụ cùng có trách nhiệm! Chú trọng giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng thì hiền tài tự nhiên sẽ khởi lên đông đảo, thiên hạ sẽ dần dần thái bình. Mong ông đối với hết thảy mọi người đều dùng lời lẽ này khẩn thiết bảo ban, đấy cũng chính là đại sự "sống trong cõi trần học đạo (cư trần học đạo), tuy mình chưa đắc độ liền có thể độ được người" quan trọng nhất. Mong hãy sáng suốt xét soi thì may mắn lắm, những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không ghi chi tiết.

130. Thư trả lời cư sĩ Huệ Đạo (tức Dương Hán Công)

Thư ông đã nhận đủ cả, những chỗ ông trải qua đều được người tốt lành chiếu cố, chính là do tam bảo gia bị mà ra. Những đạo lý được nói ở cuối thư rất hay. Bí quyết "dùng sự khiêm tốn để thực hiện thành ý" nếu luận trên hạng thượng căn thì được, còn đối với hết thảy những người thượng, trung, hạ căn mà luận, hãy nên dùng trí tri, cách vật mới là lời luận định khế lý khế cơ tột cùng. Trí tri và cách vật theo kiểu họ Trình, họ Chu đã nói muôn vàn chẳng thể nương theo được, cần phải biết: Trí tri và cách vật chính là căn bản để mong thành thánh thành hiền, bởi tri kiến đã thiên lệch sẽ chẳng thể thành ý được. Tri kiến bị thiên lệch là do trong tâm có nhân dục (lòng ham muốn của con người) riêng tư, lệch lạc. Trừ khử được lòng nhân dục riêng tư, lệch lạc ấy thì tri kiến sẽ tự chánh. Tri kiến đã chánh thì ý sẽ thành, tâm sẽ chánh, tu được thân. Học vấn thật sự chẳng cần phải tỏ lộ nơi huyền diệu, chỉ cần làm cho hết thảy mọi người biết phải thực hiện nơi đâu, họ sẽ vui vẻ thuận theo (phần sau lược đi).

131. Thư trả lời cư sĩ Ông Trí Kỳ (vốn tên là Triệu Kỳ - hai lá thư)

1. Đã nhận được thư đủ cả. Chất độc của họ Âu, họ Hàn còn nhỏ, chất độc của họ Chu, họ Trình mới lớn, vì những nhà Lý học sau thời Trình - Chu, không một ai chẳng xem trộm kinh Phật, nhưng không một ai chẳng cực lực báng bổ Phật pháp đến nỗi biến thành mối đại loạn này, đều là vì cái nhìn hạn cuộc nơi môn hộ của các vị tiên sinh ấy mà ra. Quang già rồi, chẳng thể viết khai thị cặn kẽ được, nay gởi cho ông hai gói sách, nếu chịu lắng lòng đọc kỹ, sẽ không có mối nghi nào chẳng cởi gỡ được, có nguyện gì đều đạt được.

Điểm quan trọng trong việc học Phật là quý ở chỗ trọn hết luân lý, học Phật như thế sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu chẳng trọn hết luân lý thì chính là tội nhân trong Phật giáo. Đức Phật gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, thiện pháp thế gian đều chẳng bỏ sót chi, chỉ không chấp thuận cho con người luyện đan vận khí. Ngoại đạo trong thế gian ăn trộm kinh Phật để tự tạo kinh điển, ngược ngạo báng bổ Phật pháp, cho là pháp của chúng mới chính là pháp được truyền bởi Lục tổ, từ đấy các hòa thượng đều chẳng có pháp nữa, pháp trở về tay người tại gia bọn chúng. Dối đời lừa dân, không chi hơn thế! Những điều khác đã được nói tường tận trong mỗi kinh sách, ở đây không viết cặn kẽ. Ý nghĩa của pháp danh là Trí Kỳ được viết riêng trong tờ giấy khác. Từ rày chỉ nên dựa theo kinh để tu trì, đừng gởi thư đến nữa, vì tôi không có sức để thù tiếp vậy.

2. Thư và bài viết tường thuật hành trạng đều nhận được đủ cả, nay đặt pháp danh cho Tịnh Nhàn là Trí Nghi, nghĩa là trước đã niệm Phật, nay vãng sanh thảy đều hợp thời nghi. Bài tường thuật hành trạng nếu không phải là nói thêm thắt, Quang một mực chẳng ưa khen ngợi xằng bậy người khác, huống chi là đệ tử càng chẳng nên khen ngợi. Nay soạn một bài tụng để ca ngợi sự lợi ích cao siêu, thù thắng của pháp môn Tịnh độ[207] ngõ hầu người thấy nghe cùng sanh tịnh tín, cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh độ. Dùng công đức này bồi đắp thêm cho Trí Nghi, ngõ hầu bà ta được cao thăng thượng phẩm, mau chứng Vô sanh, xin hãy sáng suốt suy xét. Cõi đời lại thường hay đem hình ảnh của người đã mất, cậy danh nhân viết bài ca tụng rồi in ra tặng cho người khác, người ta hoặc xem qua một lần hoặc chẳng đọc kỹ liền quăng vào trong đống giấy vụn, người mất bị khinh lờn như thế, chẳng có ích gì cho ai! Chi bằng đem gởi cho bán nguyệt san Phật Học Thượng Hải để hết thảy mọi người đều được xem thì chẳng tốt hơn ư? Mong hãy châm chước lượng định rồi thực hiện.

132. Thư trả lời cư sĩ Huệ Long

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Đã nhận được thư đầy đủ. Chuyện lánh nạn sang đất khác là hành vi của đại phú ông, tôi chỉ là một hòa thượng nghèo khó, làm sao có thể hễ dự tính liền tránh né được ngay? Nếu như chiến tranh thật sự lan đến đất Tô, cũng không phải là nhất định không tránh né, tránh né cũng dễ thôi! Sao lại coi chuyện này quá trọng đại như thế? Nếu có thể đình chiến thì nhà in sách sẽ hoạt động, còn làm chuyện lớn được. Nếu lìa bỏ đất Tô đi xa, các sự hoạn nạn sẽ ứng vào ngay. Con em của

[207] Xin xem bài Ca tụng pháp môn Tịnh độ thù thắng trong phần Tán Tụng của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 3.

kẻ phú quý phần nhiều chẳng làm chuyện gì, một mai gặp họa loạn ắt sẽ đến nỗi không sao tự lập được. Nay hãy hoàn toàn đừng sai bảo đầy tớ, hãy đích thân nhấc chân động tay, một là tập làm lụng cực nhọc cho huyết mạch điều hòa, hai là do ít nhàn rỗi sẽ tiêu được các vọng niệm, đây thật sự là biện pháp căn bản để yêu thương con cái, còn gì tốt lành hơn?

Đạo Nho bị suy, nguyên do là vì bọn Lý học bài xích, đả phá nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi, khiến cho thiện chẳng có gì để khuyến khích, ác không có gì để trừng phạt, những hiện tượng diễn ra trước mắt quả thật là do học thuyết của bọn Lý học đã dẫn dắt ra. Muốn chấn hưng Nho tông thì phải tận lực chăm chú hành từ, hiếu, hòa thuận, cung kính (thiên hạ loạn lạc đều là do những kẻ làm cha mẹ chẳng biết dạy dỗ con cái mà ra. Vì thế một chữ "từ" cả cõi đời chẳng biết được ý nghĩa thật sự. Nếu thật sự biết thì cả cõi đời sẽ tự thái bình).

Lệnh nghiêm chẳng sanh lòng tin cũng là vì bị học thuyết Lý học sai khiến, nhưng trong những năm gần đây, chiến tranh xảy ra tại đất Hỗ (Thượng Hải), sự tích của những người do niệm Phật mà được những thứ cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn rất nhiều, sao không uyển chuyển kể lể tường tận khiến cho cụ sẽ do đó mà nẩy sanh lòng tin? Nếu cụ đã biết rõ chuyện này mà vẫn chẳng sanh lòng tin thì chỉ nên hướng về Phật sám hối túc nghiệp thay cho cụ, lại đem công đức niệm Phật của chính mình đều hồi hướng cho cụ, chắc sẽ có ngày sanh lòng tin phát nguyện. Nếu có thể sanh lòng tin tu trì tịnh nghiệp để được vãng sanh Tịnh độ thì có thể gọi là "thờ cha mẹ đại hiếu". Cả nhà đều ăn chay, cố nhiên chẳng cần phải lo riêng đồ mặn, chỉ cần nấu đồ chay sao cho có mùi vị dễ ăn thì cũng không phải là không được. Nếu giết chúng sanh hòng thỏa thích miệng bụng của cha mẹ sẽ khiến cho cha mẹ thật sự phải hứng chịu quả báo giết hại trong đời sau. Lòng hiếu ấy, nếu hoàn toàn là vì chẳng biết đến Phật pháp thì còn chấp nhận được! Nhưng đã chẳng có ý sống đơn giản, chất phác thì cần gì tâm phải tự bất an như vậy? Nếu lũ con cái vẫn ăn mặn như cũ, chứ không phải là cả nhà đều ăn chay hết thì cũng chẳng nên buộc một mình cụ già phải ăn chay; nhưng cũng chớ nên mặc sức ăn để khỏi chồng chất sát nghiệp cho cha mẹ ta vậy.

133. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Phỉ Kham

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Thời cuộc nguy hiểm vạn phần, trước hết hãy nên làm cho Trần Trọng Mỹ chú trọng ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Trong thời kỳ này, chỉ nên sốt sắng tu trì, chớ nên nghiên cứu tràn lan, bởi "sống chết, còn mất" đã ở ngay trước mắt! Nếu chỉ nghiên cứu tràn lan, về mặt gieo thiện căn thì có, nhưng nơi

liễu sanh tử thì không. Ngoài niệm Phật ra, hãy niệm kèm thêm thánh hiệu Quán Âm để cầu ngừng chiến, khỏi nạn. Ắt cần phải có lòng thành như cứu đầu cháy thì mới có cảm ứng được. Dẫu vận nước chẳng thể xoay chuyển được ngay, nhưng chính mình chắc chắn được tam bảo gia bị, gặp nguy hiểm vẫn bình yên.

Ngoài những sách đã nêu [trong danh mục xin thỉnh sách của ông], còn thêm Văn Sao, Tức Tai Hội Khai Thị, Chân An Bút Ký, Khuyến Niệm Quán Âm Văn, chắc là Trương Công Quán đã sớm gởi rồi. Nay phụ thêm mấy trương, mong hãy nói với những người tri giao: Tuy Tô Châu bị ném bom nhiều lần, có người khuyên Quang đi chỗ khác, nhưng Quang nghĩ sống chết có mạng, so với chuyện bị kinh sợ trên đường đi, sao bằng ở yên bất động, bị trúng bom chết yên vui? Vì thế nhất loạt dùng lý do này để từ khước, hằng ngày chỉ niệm Phật, niệm Quán Âm, niệm chú Đại Bi để làm căn cứ hộ quốc, hộ dân, bảo vệ chính mình. Nếu như định nghiệp khó thể trốn tránh, bị trúng bom chết sẽ liền vãng sanh, đấy cũng là điều mong mỏi vậy! Chỉ chán nghe lời khuyên bỏ sang nơi khác, bởi đấy là đã khổ còn chồng thêm khổ.

134. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Đạo

Con người sống trong thế gian điều quan trọng nhất là thân cận thầy lành bạn tốt. Có thầy lành bạn tốt thì sẽ có thể trở về chánh đạo. Nếu không, bạn bè nhậu nhẹt tụ họp, hằng ngày xen lộn với phường hạ lưu, bệnh tật cũng do đó thường chẳng lành được. Pháp môn Tịnh độ không gì lớn lao ra ngoài được, nhưng kẻ thiếu hiểu biết thường coi nhẹ. Ông đã trì danh, nhưng tâm chưa quy nhất là vì nghiệp chướng sâu đậm vậy. Lúc niệm phải giữ tấm lòng kính sợ, niệm khởi từ nơi tâm, tiếng phát ra từ miệng, âm thanh lọt vào tai, phải sao cho nghe từng câu rõ ràng, từ sáng đến tối lúc nào không phải dùng tâm để làm việc thì thường niệm. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm thầm trong tâm đều phải nghe, bởi tâm vừa khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai của chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình là chuyện hết sức rõ ràng. Sáng tối lập một công khóa, hoặc tụng một biến kinh Di-đà, ba biến chú Vãng Sanh, rồi niệm kệ Tán Phật, niệm Phật, hoặc một ngàn hay tám trăm câu, hay năm trăm câu, tùy theo mỗi người mà lập ra công phu. Nếu quá bận thì dùng cách sáng tối thập niệm.

Ngoại trừ lúc thực hiện công khóa sáng tối ra, đi đứng nằm ngồi đều phải niệm. Chỉ cầu tâm quy nhất, chẳng nhất định phải cầu tướng lành. Vì nếu tâm đã quy nhất sẽ khác với lúc tâm phập phều, tán loạn. Nếu chẳng chú trọng tâm quy nhất, thường mong thấy được tướng lành, rất có thể ma sự khởi lên, chẳng thể không biết. Chí thành khẩn thiết lắng nghe, chắc chắn chẳng đến nỗi ma sự dấy lên. “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” chính là cách niệm Phật mầu nhiệm

nhất. Phải thường xem Tịnh Độ Ngũ Kinh, cần phải cung kính, chớ nên khinh nhờn. Đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết đại nguyện của đức Di-đà, sự trang nghiêm của cõi Tịnh độ, và sự thích hợp trọn khắp của pháp môn.

Những kẻ nói pháp môn Tịnh độ là Tiểu thừa, là pháp tu của ngu phu ngu phụ, thì biết là họ trong đời trước chưa từng gieo thiện căn Tịnh độ, nên mới nói nhăng nói càn như vậy. Trước hết hãy nên đọc Gia Ngôn Lục, rồi xem Văn Sao, rồi xem Tịnh Độ Thập Yếu, sẽ biết rõ đại nghĩa Tịnh độ. Nhưng cần phải tự lợi lợi tha, nên khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái, thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước đều cùng ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông tu trì được như thế thì bảo đảm thân thể ngày càng khỏe mạnh, tâm thần ngày càng định, chuyện tiền đồ đều thuận lợi. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, nay gởi cho ông hai gói kinh sách đủ loại, đấy chính là vô lượng vô biên thầy lành bạn tốt, từ rày chẳng nên gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y, vì không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Thời cuộc hiện thời nguy hiểm muôn vàn, nếu chẳng dùng niệm Phật để dự phòng, lỡ như chiến sự phát sanh, lấy gì để nương cậy? Chiến sự hiện thời có trốn cũng không được, đề phòng cũng không được. Nếu siêng năng niệm Phật sẽ có thể gặp dữ hóa lành, mong hãy sáng suốt soi xét, pháp danh quy y gởi kèm theo thư.

135. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương (vốn có tên là Tự Xương - ba lá thư)

1. Lệnh nghiêm lâm chung thần thức sáng suốt, niệm Phật qua đời, chắc là sanh về Tây Phương; nhưng bất luận đã sanh về hay chưa, phận làm con cố nhiên nên thường lễ bái, trì tụng để mong cụ chưa được sanh sẽ sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Hơn nữa, sự lễ tụng này không chỉ hữu ích riêng cho người đã khuất, mà thật ra có lợi lớn lao cho người còn sống. Do dùng cái tâm hiếu kính với cha mẹ để lễ tụng, so với những kẻ chuyên vì chính mình lễ tụng, công đức lớn hơn, bởi tâm hiếu chính là tâm Bồ-đề vậy. Cha ông đời trước đã có vun bồi rất nhiều, nên đời này ưa làm lành, chuộng điều nghĩa, tin sâu Phật pháp, tu trì tịnh nghiệp. Trong một đời cụ bị lắm bệnh ngặt nghèo, ấy là do nghiệp đời trước; vì chuộng làm lành, tin Phật nên chuyển báo nặng đời sau thành báo nhẹ trong đời này để giải quyết cho xong. Ông đã muốn kế thừa chí cha, lại muốn cha mẹ ông đều cùng được cao đăng phẩm sen, tâm ấy tốt lành lắm, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Xương, nghĩa là dùng trí tuệ để thừa kế chí cha, ắt sẽ quyết chí xương minh pháp môn Tịnh độ và khiến cho con cháu được hưng thịnh.

Phàm là người quy y Phật pháp, đối với luân thường đạo lý đều phải tích cực phi thường để trọn hết tình nghĩa và bổn phận, có vậy mới đáng gọi là đệ tử thật

sự của Phật. Nếu luân thường bị khiếm khuyết, sẽ khó thể cảm hóa những người cùng hàng. Nay cha mẹ ông đã không còn, vậy thì càng phải chú trọng đến bổn phận đối với anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái. Đời bây giờ đã loạn đến cùng cực, cội nguồn là do những kẻ làm cha mẹ trong cõi đời chẳng biết cách dạy con, chẳng biết dùng đạo đức nhân nghĩa, nhân quả báo ứng để dạy con cái, chỉ nuông chiều, nuôi dưỡng thói kiêu ngạo, đem mưu mẹo mánh khóe dạy con. Vì thế kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư quen nết ương bướng, ngu độn, đến nỗi có chuyện vượt lễ, trái phận thường thấy xảy ra. Nếu người làm cha mẹ ai nấy trọn hết đạo dạy con thì thế đạo đâu đến nỗi như thế này!

Trước kia nếu không dạy dỗ con cái đàng hoàng thì vẫn chưa khẩn yếu lắm, bất quá chúng nó không hiếu thuận, không ra giống gì mà thôi. Hiện thời nếu không dạy con cho đàng hoàng, mối họa quả thật chẳng thể nào tưởng tượng được. Hãy nên đem lời này nói với hết thảy mọi người. Về chuyện đọc sách, do chính ông đã mang chức vụ, chẳng được rảnh rỗi nhiều, chỉ nên bắt đầu xem trước các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục, rồi đến Tịnh Độ Tam Kinh, Vãng Sanh Luận Chú, Triệt Ngộ Ngữ Lục, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Tịnh Độ Chỉ Quy Tập[208], Long Thư Tịnh Độ Văn, hãy nên đọc kỹ! Những thứ khác như Thiền tông hoặc bên Giáo như Thiên Thai tông, Hiền Thủ tông, Từ Ân tông và Mật tông hãy nên gác lại vì không dư thời gian để xem đến. Tu tịnh nghiệp mà trước hết chẳng nghiên cứu pháp môn Tịnh độ cho rõ ràng thì giống như muốn về nhà nhưng chẳng biết đường lối, những gì biết được tuy vẫn có thể dùng để trở về nhà được, nhưng quanh co, xa xôi lắm, thật giống như một trời một vực. Xin hãy sáng suốt suy xét!

---

[208] Tịnh Độ Chỉ Quy Tập do ngài Đại Hựu ở chùa Bắc Thiền thuộc Ngô Quận soạn. Nội dung được chia thành mười môn, nêu rõ sự thù thắng của Tịnh độ, nhân duyên, quả đức, thệ nguyện của Phật Di-đà, các giáo nghĩa trọng yếu của Tịnh độ như tướng quang minh, thọ mạng, bốn cõi Tịnh độ, phương tiện thắng diệu, cũng như biện định sự khó dễ, lục tức thành Phật, nhất tâm tam quán, cách thức tu hành, những chứng nghiệm vãng sanh, cũng như nêu rất nhiều kinh luận, điển tịch dẫn chứng pháp môn Tịnh độ là "ngàn kinh muôn luận chỉ quy". Nội dung rất phong phú và hữu ích cho những ai muốn chuyên tâm nghiên cứu giáo nghĩa Tịnh độ.

Ngài Đại Hựu (1334-1407), sống vào đời Minh, là cao tăng thuộc tông Thiên Thai, quê ở Ngô Huyện, tỉnh Giang Tô. Ngài còn có hiệu là Cừ Am, xuất gia năm 20 tuổi, thông thạo giáo nghĩa Hoa Nghiêm, Thiên Thai. Tuy vậy ngài chuyên tu niệm Phật tam-muội, từng giữ chức *Tăng lục ty* trong niên hiệu Hồng Vũ. Sư từng vâng chiếu biên tập kinh điển, trước tác khá nhiều bản chú giải như Bát-nhã Yếu Nghĩa, Di-đà Kinh Lược Giải, Kim Cang Kinh Lược Giải v.v..

2. Thư của ông và của các vị Vương, Lý, Uông, Chu đều nhận đủ cả, pháp danh của ba người ấy được viết trong tờ giấy khác, mong hãy chuyển giao. Tuy đại nguyện của ông Vương rất cao đẹp, nhưng trong lúc thời cuộc nguy hiểm này, chẳng biết quyết chí cầu sanh Tây Phương, vẫn muốn đợi sau khi xuất gia sẽ tụng kinh chú bao nhiêu đó để thỏa đại nguyện. Lại mong tuổi thọ bằng với lời nguyện: Nếu nguyện chưa xong, tuổi thọ cũng chưa chấm dứt. Đúng là kẻ si nói chuyện mộng! Ông ta đọc sách Tịnh độ hoàn toàn chẳng nương theo ý sách, tự lập chương trình. Nếu chẳng kịp thời tùy phận tùy lực tu trì, chẳng những sở nguyện đều trở thành bánh vẽ hết, mà còn có thể mắc bệnh rối loạn thần kinh. Bệnh ấy rất dễ bị, nhưng rất khó lành. Quang già rồi, một mực lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, trọn chẳng dám thuận theo ý người khác để vui dạ người ta. Vì thế nói huỵch toẹt ra để ông ta khỏi bị mắc bệnh.

Hai ông Uông và Lý chất trực, không giả dối, khá tốt đẹp hơn. Nay với mỗi người trong ba vị ấy đều gởi cho một bộ Văn Sao, một cuốn Gia Ngôn Lục và những tập sách nhỏ, tổng cộng là hai gói, xin hãy chia ra đưa tặng. Ông Chu Thái Nhiên trong thư chỉ viết "hợp thập" (chắp mười ngón tay), tôi chẳng dám chấp nhận cho ông ta quy y, trân trọng trả lại bốn đồng tiền hương kính cho ông ta. Tuy Quang chẳng thể hoằng dương Phật pháp, quyết chẳng dám tự mình khinh mạn Phật pháp, cũng như chẳng để cho người khác khinh mạn Phật pháp! Hãy nói với ba người ấy, từ rày đừng gởi thư đến nữa, gởi đến nhất quyết không trả lời, do mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ vậy.

3. Thư ông và thư của Chu Thái Nhiên đã nhận được cả rồi. Phải biết: Trong Phật pháp có trụ trì thế gian pháp và có duy luận lý tánh pháp, trụ trì thế gian pháp là nếu người khác chẳng hết sức chí thành, sẽ chẳng vì kẻ đó thuyết pháp. Nay thế đạo suy vi, chẳng thể hoàn toàn hành đúng như vậy. Vì thế đối với những thư hỏi pháp, mặc lòng người ta viết như thế nào, Quang cũng đều trả lời. Nếu quá ngạo mạn, vẫn chỉ bày, trách móc lỗi ấy để khỏi phụ lòng kẻ đó gởi thư đến. Chỉ có kẻ xin quy y, nếu chẳng dùng những chữ tỏ ý tự nhún mình, chắc chắn chẳng dám chấp thuận. Vì chấp thuận như vậy tức là tự khinh Phật pháp, mà cũng khiến cho kẻ ấy khinh thường Phật pháp. Có thể là vì kẻ ấy chẳng biết lễ nghi, hoặc là do ngã mạn tự đại. Người tự đại thì làm sao dám nói với họ? Kẻ chẳng biết lễ nghi thì ắt sẽ làm cho họ biết, chứ không phải mong được người khác cung kính, ấy chính là chẳng khinh pháp và khinh người vậy. Nếu chẳng duy trì như thế, Phật pháp sẽ chẳng thể lưu truyền.

"Duy luận lý tánh pháp" (pháp chỉ xét trên mặt tánh, trên lý, không luận trên hình tướng, trên mặt sự) thì phàm tăng chẳng thể làm được, chỉ có đại Bồ-tát và

người không có trách nhiệm duy trì pháp đạo làm như vậy sẽ có lợi ích sâu xa. Phàm phu làm theo sẽ phá hoại chánh pháp của Như Lai, tai hại chẳng cạn. Như trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ-tát hễ thấy tứ chúng đều lễ bái, thưa: "Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật!" Tứ chúng có kẻ dùng roi gậy, ngói, đá đánh ném, bèn chạy ra xa đứng, rồi làm lễ, tán thán rằng: "Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật!" Sợ ông chẳng biết nghĩa này rồi lầm lạc sanh ra nghi ngờ, bàn bạc, nên mới nói đại lược. Nếu là phàm phu tăng, trọn chẳng thể nương theo cách hành động ấy. Bậc đại Bồ-tát trụ trì pháp đạo cũng phải y theo cách hành động của phàm tăng. Như sư Tế Điên chính là bậc cao nhân vượt ngoài khuôn khổ, nhưng vẫn hành động trong chừng mực[209], ngài Tế Điên chẳng giữ thanh quy nhằm hiển lộ đại thần thông. Nếu giữ thanh quy cẩn thận mà hiển lộ thần thông thì chẳng thể sống trong thế gian được. Chỉ có mượn cách điên điên khùng khùng làm cho người ta tin tưởng, nghi ngờ lẫn lộn, hòng ngầm giáo hóa khiến cho người ta biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn hầu sanh tâm chánh tín. Những kẻ vô tri không biết xấu hổ trong cõi đời học đòi theo đó, sao chẳng học "ăn thứ chết vào, ói ra thứ sống"? Sao chẳng học "uống rượu say ngủ vùi mấy ngày, nhưng trăm ngàn cội gỗ to từ dưới giếng trồi lên", và "uống rượu say bét nhè, ói ra vàng để thếp vàng tượng Phật trong cả điện"? Thứ chuyện chẳng thể nghĩ bàn ấy chỉ có hạng người ấy thực hiện thì không trở ngại chi, chứ nếu người giữ thanh quy cẩn thận mà làm, chắc chắn sẽ phải qua đời ngay! Nếu không, ai nấy đều đến tìm vị ấy, chẳng thể làm hết thảy mọi chuyện được. Hãy chuyển thư cho cư sĩ Chu và đem những lời này đưa cho ông ta xem, Quang mục lực chẳng đủ, chẳng thể viết nhiều. Pháp môn Tịnh độ và pháp tắc tu trì đã có các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục v.v. nhắc đến rồi, nên cũng không nói tường tận trong thư này.

136. Thư trả lời cư sĩ X…

Đọc thư gởi đến, biết ông thông minh nhưng chưa triệt để! Vì thế mới coi nhân quả của Nho - Phật giống như cách thưởng phạt trong phép vua trong thế gian, tợ hồ có lý, nhưng thật ra vô lý. Sự thưởng phạt trong thế gian ước theo tình người mà định, còn nhân quả chính là do tâm thức chiêu cảm. Nho và Thích không hai đạo! Ông cho rằng đạo Nho có những điều chưa nêu tỏ tức là đạo Nho chỉ dừng lại ở đó, đấy cũng là một chứng cớ cho thấy ông thông minh nhưng chưa triệt để. Phàm nhân quả thiện hay ác đều do tự tâm chiêu cảm, người đời không

[209] Nguyên văn "thằng xu xích bộ". Đây là một thành ngữ hàm nghĩa cử chỉ, hành động tuân theo mực thước, khuôn khổ. Thằng tức là dây làm mực, xích là thước đo, tức hai dụng cụ chánh yếu của thợ mộc. "Thằng xu xích bộ" hiểu theo nghĩa đen là noi theo dấu dây mực, bước theo thước đã vạch.

biết, đức Phật giảng cặn kẽ, ông cho là đức Phật bày đặt ra, há có phải là thông minh thật sự hay chăng?

Quả báo xảy đến có khi là tức khắc, ngay trong đời này, có khi là trong đời kế tiếp, đời sau, và nhiều đời, nhiều kiếp. Ông hiềm quả báo xa xôi, muốn quả báo xảy đến cho nhanh, là đã trở thành tà kiến rồi. Phải biết, quả báo siêu phàm nhập thánh liễu sanh thoát tử cho đến thành Phật đều phải là nhiều kiếp. Tuy nói: *"Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật"* (buông dao đồ tể xuống, thành Phật ngay nơi đó), nhưng thật sự chứng Phật quả cũng phải mất nhiều kiếp. Đừng cho rằng "hễ ngộ được Phật tánh liền thật sự chứng được Phật quả". Nếu nói như ông, trong cõi đời không một ai có thể liễu sanh thoát tử, huống chi là thành Phật ư? Nếu ông biết điều này, sẽ chẳng đến nỗi trách Phật tàn ác, sẽ cảm được lòng từ bi của đức Phật, đau lòng tuôn lệ bảo với những kẻ cùng hàng.

Ông hiềm rằng chẳng được quả báo nhanh chóng, nhưng chẳng biết đến cái lợi lớn lao của việc không nhanh chóng, chính là loài trùng mùa hạ chẳng biết có băng, con phù du[210] chẳng thấy được ngày hôm sau, chẳng đáng thương ư? Quả báo chậm hay mau đều do nghiệp thức của chính mình cảm nên, há nên đùn đẩy cho đức Phật? Do ông thông minh nên trong ý ông vẫn mắc lỗi "có biết nhưng vẫn cố phạm". Đủ thấy, chuyện "giảm bớt lỗi" dẫu là thánh nhân vẫn phải nỗ lực. Do vậy, Khổng tử tuổi đã bảy mươi vẫn muốn trời cho sống thêm năm hay mười năm nữa để học Dịch hòng tránh được lỗi lớn. Nhà Nho thấy biết nông cạn, cho là thánh nhân quá khiêm tốn, chẳng biết thánh đạo sâu xa, chẳng phải là "hễ ngộ liền có thể thấu hiểu tột cùng được".

Những chuyện khác khoan nói tới, chỉ lấy Viên giáo để luận, thì Sơ tín đoạn kiến hoặc, Thất tín đoạn tư hoặc, Bát tín, Cửu tín, Thập tín phá trần sa hoặc, khuất phục vô minh. Thập tín hậu tâm[211] lại phá một phần vô minh liền chứng Sơ trụ, trở thành Pháp thân đại sĩ. Từ Sơ trụ cho đến Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, trải qua 41 địa vị vẫn chưa đạt đến địa vị "hết sạch vô minh". Đẳng giác lại phá một phần vô minh, tức là "chân cùng, hoặc tận", thành Phật quả viên mãn Bồ-đề. Sự xa xôi của thiện báo và ác báo cũng gần ngang

[210] Phù du (đôi khi còn được gọi là "con vờ") là tên gọi chung của hơn hai trăm loài côn trùng nhỏ thuộc họ Ephemeroptera, chuồn chuồn cũng thuộc họ này, nhưng tuổi thọ không quá ngắn ngủi như những con phù du. Đa phần những con phù du khá giống chuồn chuồn, nhưng nhỏ hơn. Loài ấu trùng của chúng (naiad) sống trong những vũng nước ngọt cả năm trời, đến khi lột xác bay lên thành phù du chỉ sống được vài giờ. Có loài như chuồn chuồn thì sống được vài ngày.

[211] Thập tín hậu tâm: Sau khi đã chứng nhập viên mãn mười địa vị thuộc Thập tín.

nhau, huống hồ tu nhân chứng quả cho đến lúc thành Phật ư? Nếu mọi chuyện đều xong ngay trong một chốc thì sẽ trở thành hầm sâu đoạn diệt "không nhân không quả".

Chẳng thấy đạo trời vận hành hay sao? Tiết Hạ chí, nhất âm sanh bèn nắng gắt; tiết Đông chí, nhất dương sanh bèn lạnh buốt[212]. Lập xuân có khi trước Tết, có khi sau Tết[213], mỗi mỗi đều chẳng thể cùng xong hết trong một lúc được, nên mới thành năm tháng. Nếu cùng một lúc xong hết thì chẳng trở thành vận hành, mà thành đoạn diệt. Đối với việc thưởng phạt tội phước, trong cõi âm quả thật có người chủ trì, nhưng chẳng phức tạp như trong dương gian, bởi án từ, sổ sách đều tự hiện, tự tiêu, và cũng không có người ghi chép, khóa sổ. Vì thế cõi âm không sai lầm. Có chuyện người tên X… ở tỉnh kia bị bắt vì lầm với người cùng tên X… ở tỉnh này; ấy chính là mượn chuyện người không đáng chết này để tỏ rõ thật sự có những chuyện địa ngục, hình phạt trong cõi âm v.v. ngõ hầu người đời sanh lòng tin. Do vậy thường có chuyện bậc sĩ phu chánh trực trong thế gian tạm thời xử đoán chuyện của vua Diêm-la, người bình thường trong thế gian làm sai nha cho cõi âm, do bắt lộn người nên bị đánh đòn, cách chức, đều là *"nhân cùng thố đại"* (do nhờ vào hoàn cảnh ép ngặt để thực hiện sự giáo hóa vậy - "thố đại" là thực hiện đại sự tu tề trị bình), bởi lẽ mắt chẳng thấy sẽ không tin, lại còn mượn cớ báng Phật, cho nên đặc biệt hiện ra chuyện ấy để tỏ bày đại sự hòng mở rộng tầm mắt.

Chuyện như vậy rất nhiều, nêu lên một chuyện để hòng biết trọn. Trong Kiến Văn Lục của đại sư Ngẫu Ích có chép chuyện một sinh viên[214] ở Hồ Bắc nắm quyền xử lý dưới tay Ngũ Điện Diêm-la Vương[215]. Một đêm đến cõi âm, thấy một

---

[212] Hạ chí là một trong 24 tiết khí của âm lịch. Nhằm ngày đó, ngày dài nhất, đêm ngắn nhất tại Bắc bán cầu. Ngày này được coi như ngày mở đầu cho mùa hạ. Hạ chí thường rơi vào ngày 21 hoặc 22 tháng 6 dương lịch. Theo cách giải thích trong Dịch Học, chí là cực điểm, nhất âm khởi đầu từ mùa hạ ("Hạ chí, nhất âm sanh; Đông chí, nhất dương sanh"), hàm nghĩa: "Đến lúc này, khí dương đã đạt đến cực điểm, bắt đầu suy vi, nên khí âm lấn lên, âm trưởng, dương hao vậy!" Tương tự, Đông chí bắt đầu vào ngày 21, 22 tháng 12, tượng trưng cho khí âm đã đến cực điểm, bắt đầu suy vi, âm hao, dương trưởng.

[213] Tiết Lập xuân dao động từ mồng 3 đến mồng 5 tháng 2 dương lịch, ngày Tết thường rơi vào từ cuối tháng Giêng cho đến cuối tháng 2 Tây, tùy theo cách tính năm nhuận.

[214] Vào thời Minh - Thanh, sinh viên chính là người đỗ cuộc thi khảo hạch tại phủ huyện, tức tương ứng với danh hiệu tú tài trong các đời trước.

[215] Diêm-la vương (Yama-rāja) chính là vị chủ tể cõi âm. Theo luận Du-già Sư Địa, Diêm-la vương do những vị Bồ-tát hóa hiện để giáo huấn tội nhân. Theo kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân, kinh Đại Phương Quảng Thập Luân, Địa Tạng Bồ-tát cũng hóa hiện thân Diêm vương để độ chúng sanh. Người Trung Quốc tin rằng: Diêm vương giữ sổ sanh tử, người chết sẽ đến trước mặt Diêm vương để bị xét xử tội lỗi. Có mười vị Diêm vương cai quản địa

cuốn sổ chép vợ mình giết trộm gà hàng xóm, kể cả lông thì nặng 1 cân 12 lượng, nhân đó bèn xé một góc trang sổ để đánh dấu. Tỉnh dậy, ông ta hỏi vợ sao lại giết trộm gà hàng xóm, bà vợ chẳng thừa nhận, ông ta nói: "Bà vẫn cứ lừa dối tôi, sổ sách trong cõi âm đã chép bà giết trộm gà hàng xóm, kể cả lông thì nặng 1 cân 12 lạng." Bà vợ kể: "Phơi thóc gạo trong sân, gà hàng xóm đến ăn, dùng đồ vật quăng nó, nó chết lăn quay, còn chưa động đến!" Bảo đem gà cân lên, quả thật nặng 1 cân 12 lạng. Ông sai vợ đem gà và một số tiền bằng giá một con gà đem trả, thưa rõ đầu đuôi với người ta, xin đừng quở trách. Đêm ấy, ông ta lại vào cõi âm xem sổ, góc trang sổ bị xé vẫn còn đó, nhưng không thấy một chữ nào cả. Ông cho rằng hình phạt trong cõi âm là do đức Phật đặt chuyện, có thể nói là đã cô phụ ơn Phật quá lắm!

Ông viết chữ nhỏ xíu, mắt Quang quá mờ, lược nêu những điều quan trọng để giải lòng nghi của ông. Nếu ông biết điều này sẽ nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Hãy nên biết rằng, lợi ích do ông đạt được bắt đầu từ nơi con cái của ông, huống gì lợi ích sau khi sanh về Tây cho đến khi viên mãn Phật quả mới thôi. Nếu chẳng tự lượng, từ đây nghiên cứu các tông Tánh, Tướng, Thiền, Mật, chẳng chú trọng niệm Phật thì có thể trở thành một bậc thông gia nửa vời, nhưng liễu sanh thoát tử sẽ thành chuyện năm nảo năm nao! Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, từ rày đừng gởi thư đến nữa, dù có cậy thầy Diệu hỏi giùm cũng chẳng trả lời. Vì sao vậy? Do ông chẳng phải là người hễ nêu ra một điều bèn hiểu rõ ba điều, dù có dạy từng điều một thì một vẫn là một, nên chẳng thể viên thông được.

137. Thư trả lời cư sĩ Trương Giác Minh (hai lá thư)

(Ngày 30 Tết năm Mậu Dần, đính kèm nguyên thư)

"Sư tôn từ bi soi xét, con chẳng được nghe lời giáo huấn từ bi đã hơn một năm rồi, nỗi niềm mong ngóng ngày càng chất chứa. Tháng 10 mùa đông năm ngoái đệ tử tỵ loạn tại núi Mạc Can, được đại thiện sĩ che chở, bình an không bệnh tật. Trên núi hoàn cảnh thanh tịnh, niệm Phật rất đắc lực. Bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, nhắm mắt, mở mắt đều có thể tưởng thấy từ dung của Tam Thánh. Tháng trước do thổ phỉ rình rập nên chẳng thể không xuống núi sang đất Hàng, ở tạm

---

ngục, tức Tần Quảng vương, Sở Giang vương, Tống Đế vương, Ngũ Quan vương, Diêm-la vương, Biện Thành vương, Thái Sơn vương, Đô Thị vương, Bình Đẳng vương và Chuyển Luân vương. Phật môn Trung Hoa cho rằng Đệ Ngũ Điện Diêm-la Vương chính là hóa thân của Địa Tạng Bồ-tát. Theo đó, người chết đến ngày thứ 35 sẽ đến Ngũ Điện thuộc địa ngục Khiếu Hoán. Khi vong hồn những kẻ tích cóp tài sản, tham lam, bạc ác đến trước Ngũ Điện Diêm-la Vương, sẽ được đưa lên Nghiệt Kính Đài (Vọng Hương Đài) cho thấy rõ tình hình của người thân còn sống đang phung phí, phá tán tài sản của người đã mất.

nhà người bạn. Muốn trở về nhà thì giao thông tắc nghẽn. Muốn đến đất Thân (Thượng Hải) thì tiền tiêu dùng chẳng đủ. Lẩn quẩn trong ngõ rẽ, không biết theo ngõ nào. Mùa đông năm ngoái, ông Dượng cũng lên núi, tháng 3 mùa xuân năm nay đã sang đất Thân, ở nhà con rể, mọi chuyện bình yên tốt đẹp, rất yên dạ. Đệ tử ở đây, tuy cũng xếp đặt tịnh thất, khóa tụng sáng tối, nhưng do hoàn cảnh trần tục, con cái nặng nề, lúc niệm Phật chẳng khỏi có tạp niệm.

Chỉ có mấy chuyện đáng kể, có người bạn trong cảnh hoạn nạn là ông Hà, vốn là sinh viên du học ở ngoại quốc, sùng tín khoa học vạn năng. Năm ngoái do bị bệnh mù mắt, khoa học chẳng thể trị được. Đệ tử khuyên ông ta nên tin Phật niệm Phật và dùng bài thuốc rửa mắt của sư tôn đã ấn tống để điều trị, đã thấy được một tia ánh nắng. Vì thế gần đây ông ta yêu cầu đệ tử mỗi ngày giảng giải kinh A-di-đà. Lại có một con hồng tước do ông Hà nuôi, nó nói được, cười được. Dạy nó niệm Phật thì thoạt đầu mười phần rất chán ngán, nó không nói *"không biết"* thì cũng nói *"cái gì"*. Thấy đệ tử lễ Phật nó liền cười điên cuồng không ngừng. Đệ tử vẫn nhẫn nại, mỗi ngày dạy nó bốn chữ chân ngôn, nay đã chịu niệm rồi. Có lúc nó niệm "A-di-đà Phật" bốn chữ, có khi niệm "A-di-đà Phật A-di-đà" bảy chữ, nhưng không chịu niệm nhiều.

Thêm nữa, đệ tử có hai đứa tớ gái cùng lên núi tỵ nạn, đều bị bệnh nặng. Đệ tử và con cái đích thân chăm sóc thuốc men, chăm nom ăn uống. Sau khi chúng nó lành bệnh đều cảm ngộ, ăn chay trường, tin Phật, niệm Phật. Mai này sau khi giao thông được khôi phục, tính đưa chúng nó đến quy y thọ giới, chẳng biết có được hay không? Khi đệ tử ở núi Mạc Can, từng cậy người gởi thư đến chùa Báo Quốc xin bài thuốc trị bệnh khí thống[216]. Về sau mới biết sư tôn hiện thời chẳng đọc thư từ đến đi, nên họ đưa trả lại. Hiện đệ tử đang bị khí thống, đã được chữa lành bởi bài thuốc này. Do vậy kính dâng 15 đồng để làm chuyện liên quan đến Phật pháp, kính dâng 14 đồng hương kính, một đồng để giúp cho việc in bài thuốc khí thống, cầu mong thầy hãy rộng lòng thu nhận."

* * *

1. Hôm qua nhận được thư biết cả nhà ông tỵ nạn trên núi Mạc Can, đều yên vui vô sự, khôn ngăn mừng rỡ an ủi. Tai kiếp này do đồng phận ác nghiệp của mọi người chiêu cảm. Ai có lòng tin niệm thánh hiệu Phật đều được gặp dữ hóa lành, ấy là vì biệt nghiệp của cá nhân do được Phật gia bị nên từ nặng chuyển thành nhẹ. Đang trong lúc đại kiếp phá tan hoang trời đất từ xưa đến nay chưa từng có này, kẻ nào chẳng sanh tín tâm, chẳng chịu niệm Phật cầu Phật rủ lòng

[216] Khí thống là một chứng bệnh thuộc về tiêu hóa, hơi sanh ra trong bao tử hay ruột quá nhiều khiến người bệnh cảm thấy đau nhói trong ngực, bụng.

gia bị thì kẻ ấy đáng xót thương thay. Ông Hà tinh tường khoa học, biết khoa học vạn năng, nhưng chẳng biết các nước tàn sát lẫn nhau chính là hiệu quả của sự vạn năng ấy. Đến khi do bị bệnh không thấy được ánh sáng, vạn năng vô hiệu, mới do một pháp niệm Phật trước kia trọn chẳng thèm chú ý đến và cách rửa mắt đã được truyền thụ mà lại được thấy ánh mặt trời. Do đấy sanh lòng chánh tín, xin ông giảng kinh Di-đà, sẽ do nhân duyên này tu ròng tịnh nghiệp, để mong cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Gần là liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, xa là dần dần tấn tu, cho đến viên mãn Bồ-đề, thành vô thượng đạo.

Hết thảy chúng sanh từ vô thỉ đến nay, đủ mọi tịnh nhân, đủ mọi ác nhân, gặp phải ác tri thức thì ác nhân phát hiện, nhẹ là hủy báng, nặng là diệt pháp. Gặp được thiện tri thức thì tịnh nhân phát hiện, thoạt đầu là tin nhận, đến cuối cùng là vãng sanh. Ông Trịnh Tuấn ở Bình Lương, tỉnh Cam Túc, tự là Triết Hầu, đỗ cử nhân đời Thanh trước kia, trúng phải chất độc của Âu, Hàn, Chu, Trình rất sâu, trước khi tròn 60 tuổi, thù nghịch Phật pháp. Năm 60 tuổi đọc Văn Sao của Quang, mới thẹn cho sự sai lầm trước kia, liền ăn chay trường, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, gởi thư xin quy y. Về sau (năm Dân Quốc 24 - 1935), cùng với em trai đích thân đến đất Tô và triều bái Phổ Đà, tính thỉnh mấy vị tăng niệm Phật đến khai hóa ở quê mình. Người phương Nam không ai muốn đi, ông đến chùa Ngọa Long ở Thiểm Tây thỉnh được mấy vị niệm Phật quanh năm.

Người đã như thế thì vật cũng như thế, con hồng tước khuyên nó niệm Phật, nói "không biết", nói "cái gì", thấy ông niệm Phật liền cười điên cuồng. Đấy chính là ác tập khí hủy báng Phật pháp. Đến khi hằng ngày dạy nó thì nó chịu niệm. Nếu có người thường niệm Phật, hằng ngày thường niệm Phật theo nó, biết đâu nó sẽ giống như con nhồng đời Tống, đứng niệm Phật qua đời. Đem chôn, hoa sen mọc trên mộ. Đào lên xem thấy gốc hoa sen mọc từ chót lưỡi chim. Hai đứa tớ gái của ông bệnh nặng, ông chăm sóc thuốc men, chữa trị. Ông cùng con cái chăm nom miếng ăn thức uống, lành bệnh, do cảm động chúng bèn ăn chay trường, đấy gọi là "dùng đức khuất phục người" vậy. Cổ nhân nói: *"Dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng. Quân tử cư hương, dĩ thân suất vật, linh đức phục nhân, tương quán nhi thiện"* (Dùng lời lẽ để dạy thì bị tranh cãi, dùng thân để dạy thì người khác thuận theo. Quân tử sống trong làng, dùng thân để làm gương lôi kéo mọi người, dùng đức khiến người khác khâm phục rồi nhìn theo bắt chước làm lành) chính là nghĩa này vậy.

Tiếc rằng người tin Phật trong cõi đời thì ít, kẻ báng Phật lại nhiều, cho nên rất nhiều kẻ đời trước có thiện căn nhưng chẳng thể phát khởi tịnh nhân đời trước, gội ân Phật sâu xa, để được là kẻ phàm phu triền phược đầy dẫy mà ngay trong

đời này nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh để dần dần đạt đến viên thành Phật đạo. Quang già rồi, ngày mai tròn 79 tuổi, sáng chiều sẽ mất, từ rày không có chuyện gì quan trọng đừng gởi thư đến, bởi chẳng có mục lực, tinh thần thù tiếp!

2. Trước sau hai lá thư đã nhận đủ. Con người ông Hà có hào khí sâu đậm, nhưng chưa từng nghe pháp của thánh nhân Nho - Thích tu thân trị tâm, nên gặp phải cảnh ngộ ấy. Tình cảnh đó khá giống với tình cảnh của ông Du Tịnh Ý[217], nhưng họ Du vẫn chưa biết sâu xa về pháp môn Tịnh độ. Sao bằng chịu nghĩ "đã chết đi sống lại", đem hào khí trước đây sửa đổi thành khiêm nhường, tự kiềm chế, thì sự thành tựu sau này còn cao siêu hơn ông Du. Ông ta do thoạt đầu thấy tăng phần nhiều hủ bại, nên chẳng chịu quy y. Nay Quang cũng là ông tăng hủ bại, mà vẫn muốn quy y, quả thật chẳng biết tăng là người như thế nào?

So với hạng tăng ăn thịt uống rượu, Quang còn có chút điểm tốt. Các vị đại Bồ-tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền v.v. và những Quyền vị Bồ-tát chưa chứng pháp thân, đã đoạn hoặc nghiệp trong tam giới và Nhị thừa thánh nhân đã chứng quả Duyên giác, chứng quả A-la-hán đều thuộc về tăng. Như Quang đây, kém xa các vị tăng A-la-hán khác nào sự cách biệt vời vợi giữa trời với đất, huống gì là sánh với các Quyền vị Bồ-tát chưa chứng pháp thân! Huống hồ lại đem sánh với các vị tăng như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền ư? Ông ta chỉ biết các ông tăng uống rượu ăn thịt trong nhân gian thì ngay cả những vị tăng giữ thanh quy cẩn thận (do chẳng chú ý nên cũng sanh ý tưởng kém hèn

[217] Du Tịnh Ý tên thật là Du Đô, tự Lương Thần, sống vào thời Gia Tĩnh nhà Minh, học rộng tài cao, đỗ tú tài năm 18 tuổi. Đến tuổi trưởng thành, ông ta cùng mấy người bạn học lập ra Văn Xương xã, tận lực thực hiện những thiện sự được dạy trong bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân. Thế nhưng thi cử lận đận, mãi không đậu được cử nhân, tiến sĩ, sanh được năm đứa con trai, bốn đứa chết yểu, đứa con thứ ba năm 8 tuổi chạy chơi trong làng, bị lạc mất. Sanh năm đứa con gái, chỉ còn sống được một. Vợ khóc con đến nỗi mù cả hai mắt. Mỗi đêm cuối năm, cảnh nhà nghèo túng, quạnh quẽ thê lương, ông than thở mình không có tội lỗi chi lớn, than là bị trời phạt bèn viết sớ tâu lên Táo thần, cầu chuyển lên Thiên Đình. Làm như vậy mấy năm, không thấy cảm ứng gì. Đến năm 47 tuổi, tối Giao Thừa, vợ chồng và con gái đang ngồi trong nhà, thấy một ông lão đến xưng là họ Trương, đến hỏi chuyện, an ủi. Họ Du nhân đó kể lể nỗi niềm, ông Trương bèn cặn kẽ chỉ ra những khuyết điểm của họ Du: "Tuy làm lành, phóng sanh, nhưng chuộng hư danh, không thực chất, chỉ làm qua loa cho xong chuyện, cốt làm cho nhiều mà thôi, ăn nói bóng bẩy nhưng khắc bạc, gây thương tổn tình cảm người khác v.v.", rồi chỉ dạy cách ăn ở sao cho trọn vẹn tình nghĩa. Giảng giải xong, ông lão đi ra sau bếp, họ Du chạy theo thì ông lão đã biến mất, do vậy mới biết là Táo quân hiện thân chỉ điểm. Câu chuyện này được ghi lại thành Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký.

không kham nổi này) trong nhân gian cũng chưa được thấy nghe, huống gì là các vị tăng đại thánh nhân khác.

Quang là ông tăng hèn kém đến cùng cực mà ông ta vẫn muốn quy y thì suy ra đương nhiên cũng sẽ quy y với các bậc thánh tăng khác. Do vậy nói: Kết quả thù thắng hơn ông Du, do biết được pháp môn Tịnh độ, được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này để dần dần tấn tu viên thành Phật đạo. Đối với bệnh phổi của vợ ông ta hãy nên kiền thành niệm thánh hiệu Quán Âm sẽ tự lành. Mắt lắm khi tỏ, lắm khi mờ, gốc bệnh là vì gấp gáp, bộp chộp. Nếu có hàm dưỡng, lại kiền thành niệm Phật và niệm Quán Âm thì một khi lành bệnh sẽ vĩnh viễn lành bệnh. Xin hãy nói với ông ta!

138. Thư gởi hai vợ chồng ông X… (hai lá thư)

(Đính kèm lá thư thứ hai của bà ta)

1. Nhận được thư khôn ngăn than thở cảm khái. Cớ sao bà mù quáng đơm đặt, nói Nhiên Đăng Cổ Phật[218] giáng sanh trong nhà bà, chưa đầy năm đã chết non? Chư Phật sanh tử đã xong, quyết chẳng có lẽ nào thị hiện giáng sanh rồi lại chết yểu! Nếu vì độ chúng sanh, đức Phật bèn thừa nguyện thị hiện giáng sanh, quả thật có chuyện ấy, nhưng đã thị hiện giáng sanh, cũng chắc chắn chẳng nói ta là vị Phật nào đó, đến khi độ sanh xong xuôi, sắp thị hiện Niết-bàn mới tỏ rõ gốc tích. Chắc chắn không có chuyện thị hiện giáng sanh, rồi chẳng làm Phật sự lớn lao đã chết yểu ngay. Thanh văn Sơ quả đã đoạn kiến hoặc, vẫn còn tư hoặc chưa đoạn nên phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh vào nhân gian mới đoạn được tư hoặc, chứng Tứ quả. Nhị quả thì một lần sanh lên trời, một lần sanh trở lại trong nhân gian rồi chứng Tứ quả. (Bậc Sơ quả, Nhị quả sanh trong nhân gian tuổi thọ đều dài ngắn bất định, hoặc mấy tháng, mấy năm, mấy chục năm, chính là theo nghiệp thọ sanh vậy). Tam quả do đã đoạn sạch tư hoặc trong Dục giới, vẫn phải ở trong trời Ngũ Bất Hoàn của Sắc giới trải qua nhiều kiếp mới có thể đoạn sạch tư hoặc, chứng Tứ quả. Tứ quả đoạn sạch kiến hoặc và tư hoặc, trọn chẳng còn sanh duyên trong tam giới. Nếu phát hoằng thệ nguyện thị hiện giáng

[218] Nhiên Đăng Phật (Dīpamkara): Đôi khi còn được dịch âm là Đề-hòa-kiệt-la, hoặc Đề-hoàn-kiệt. Danh hiệu đức Phật này còn được dịch nghĩa thành Phổ Quang Phật, Định Quang Phật. Ngài là vị Phật trong quá khứ từng thọ ký cho đức Phật Thích-ca. Theo kinh Tu Hành Bản Khởi, quyển thượng, thánh vương nước Đề-hòa-vệ (Dīpavatī) tên là Đăng Thạnh, lúc lâm chung truyền ngôi cho thái tử Định Quang. Thái tử biết cõi đời vô thường bèn truyền ngôi cho em trai rồi xuất gia làm sa-môn, sau thành Phật quả. Lúc ấy có đứa hầu trai của một vị Phạm Chí gặp được đức Phật Nhiên Đăng đang đi du hóa, bèn mua hoa cúng Phật, Phật thọ ký cho đứa hầu trai sẽ thành Phật trong tương lai, hiệu là Thích-ca Mâu-ni Phật.

sanh thì có thể giáng sanh trong tam giới, kẻ theo nghiệp thọ sanh chẳng thể sánh bằng những vị này.

Bà là phàm phu nghiệp lực bịa chuyện đồn đại này, vu báng cổ Phật, muốn được những kẻ mù mắt trong thế gian cho rằng bà là cha mẹ của Phật. Nếu nói với kẻ thông hiểu Phật pháp, nhất định họ sẽ quở bà là dùng lời lẽ tà quái lừa dối mọi người. Dẫu cho người trong cuộc không rảnh rang hỏi đến, há cũng chẳng sợ thiên lôi giết bà hay sao? Bà còn đến các nơi tìm người họa thơ của bà. Nếu chẳng phải là ngoại đạo không phân biệt được tà hay chánh và là kẻ si chẳng biết thơm hay thối, ai chịu chấp nhận lời nói ấy của bà là đúng? Bà hãy nên thống thiết sửa đổi lỗi trước, phàm đã gởi thư cho những ai đều hãy nên gởi thư cho họ bày tỏ thẳng thắn cái tội ấy, buồn đau cầu sám hối, ngõ hầu chẳng đến nỗi đem phàm lạm thánh, vĩnh viễn đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu các nỗi khổ cùng cực, vĩnh viễn không có ngày ra. Nếu chẳng coi lời Quang là đúng thì bà là quyến thuộc của ma, chứ không phải là đệ tử của tôi! Sao bà lại khổ sở mù quáng bịa chuyện, bị người sáng mắt thóa mạ, bị thiên địa quỷ thần tru diệt vậy? Do mong mỏi bà biết lỗi liền sửa đổi, hối lỗi; nếu không, khi khổ báo xảy đến, có hối cũng chẳng kịp, vì thế tôi không thể trọn hết bổn phận, nói thẳng, quở trách gay gắt. Nếu bà chẳng nghe, chẳng liên can gì đến tôi nữa!

* * *

"Kính vâng lời dạy từ bi, được nhận lời quở trách nghiêm khắc, cung kính đọc đi đọc lại, cảm kích lẫn hổ thẹn chen lẫn. Đứa con yêu quý bị chết yểu, tâm chua xót muôn phần, nghiệp chướng sâu nặng, làm thơ nói động đến cổ Phật, khơi ra tội lỗi thật nhiều! Kiền thành sám hối, thống thiết sửa đổi lỗi trước. Phàm phu tục tử bẩm tánh ngu độn, lỗ mãng, hoàn toàn cậy vào ân sư khai thị, sáng tối suy nghĩ cặn kẽ, tiền trình nguy hiểm, thật đáng sợ quá! Do nghĩ đến điều này, kính dâng thư bày tỏ, cảm tạ, cúi mong ân sư rủ lòng xót thương như biển rộng. Nghiệp căn đã gieo từ trước, pháp duyên thiếu sót đã lâu, dốc lòng cầu xin thầy thường ban pháp hối (sự dạy dỗ về mặt pháp), ngõ hầu trong chốn lưới trần âm u, được nhờ đuốc tuệ soi sáng thông suốt; trong biển khổ mịt mù, được nhờ thuyền từ phổ độ."

2. Hôm trước nhận được thư biết bà đã nhận lỗi, xót xa xin sám hối, vốn muốn trả lời ngay, nhưng không rảnh rỗi, nên chần chừ đến nay. Con người sống trong thế gian, phải giữ bổn phận. Y phục, đồ vật, danh xưng đều chẳng nên quá tôn quý, chớ vì muốn đẹp mặt mà xưng hô bừa bãi. Ví như thứ dân xưng bừa là đế vương, tội ắt diệt tộc, chẳng đáng sợ ư? Bà đem đứa con chưa đầy năm bị chết yểu, xưng bừa là Nhiên Đăng Cổ Phật thị hiện, muốn được cái mỹ danh là cha

mẹ của Phật, chẳng biết cái tội khinh nhờn, miệt thị cổ Phật cho đến hết đời vị lai cũng chẳng có ngày thoát khỏi địa ngục A-tỳ.

Nếu Quang không nói toạc ra, bà vẫn cứ muốn đem bài thơ đã soạn gởi cho khắp mọi người trong nước, ngõ hầu kẻ vô tri cũng bắt chước dẫm theo vết chân của bà, thì những kẻ gian tà "ngư ông đắc lợi" đều coi đứa con chết yểu là cổ Phật thị hiện. Thoạt đầu chỉ mong được kẻ vô tri khen ngợi, kế đến là dựng tháp, xây miếu, tom góp của cải để làm giàu. Kế đến là những kẻ gian tà cùng nhau tụ tập, bèn lập giáo môn, lừa dối gạt gẫm kẻ ngu tục. Lâu ngày dấu vết xấu xa lộ ra khiến cho mọi người cùng chịu phép nước trừng phạt, nhưng trong số những kẻ gian tà đương thời, có những kẻ ẩn nấp giấu mình chưa bị tru diệt, lâu ngày lại dấy lên, giống như bọn Bạch Liên giáo[219] cứ lây nhây không ngừng, là mối hại cho thế gian. Kể từ sau đó, bọn giáo đồ chỉ đổi danh xưng, chẳng đổi bản chất. Lũ ngoại đạo ấy đều chuộng bí mật, dẫu là cha con, chồng vợ vẫn đều chẳng bảo cho biết.

---

[219] Bạch Liên giáo là một tà phái mạo danh Phật giáo trong lịch sử Trung Hoa. Vào năm Thiệu Hưng thứ ba (1133) đời Tống Cao Tông, Từ Chiếu Tử Nguyên (tức Mao Tử Nguyên) hâm mộ di phong của Sơ tổ Huệ Viễn Tịnh độ tông bèn xướng suất dân chúng kết xã niệm Phật, tự xưng là Bạch Liên tông. Nhưng rồi bị môn nhân là Tiểu Mao Xà Lê bóp méo giáo nghĩa, pha trộn các giáo thuyết của Minh giáo (Bái Hỏa giáo, tức Ma-ni giáo, thường bị gọi miệt thị là Ma giáo) và Di-lặc giáo (thoạt đầu đây là một đoàn thể sùng bái Di-lặc Bồ-tát, nguyện vãng sanh Đâu-suất, nhưng rồi bị các phần tử có dã tâm lợi dụng, tạo thành một thứ hội kín nhằm tạo phản). Họ có tổ chức khá quy mô, dự trữ vũ khí, chiêu mộ vũ sĩ. Vào thời Nguyên, giáo phái này tuyên bố Minh Vương xuất thế, Di-lặc Phật hạ sanh, rất có thế lực tại Hà Nam, Giang Hoài, và các nơi khác thuộc lưu vực Trường Giang. Năm Chí Đại nguyên niên (1308), do bị Nguyên Vũ Tông hạ chiếu truy nã, Bạch Liên giáo rút vào hoạt động bí mật. Đến năm Chí Chánh 11 (1351), dưới danh xưng Hồng Cân Quân (quân khăn hồng), Bạch Liên giáo dấy loạn nhiều nơi. Ngay cả Chu Nguyên Chương cũng phải dựa dẫm vào thế lực của Bạch Liên giáo, nhất là phe Hàn Sơn Đồng, để khởi nghĩa chống Mông Cổ. Do vậy, sau khi đánh đuổi xong quân Mông, Minh Thái Tổ (Chu Nguyên Chương) bèn lập kế hoạch truy diệt Bạch Liên giáo, quy định "thủ lãnh bị xử giảo, tín đồ bị đánh một trăm trượng, đày đi ba ngàn dặm". Tuy thế, Bạch Liên giáo vẫn tồn tại trong vòng bí mật, đội lốt dưới các tên khác như Niết-bàn giáo, Hồng Dương giáo, Hồng Phong giáo, Lão Tử giáo, La Tổ giáo, Nam-mô giáo, Tịnh Không giáo, Ngộ Minh giáo, Đại Oai Vô Vi giáo, Thiên Lý giáo, Nhất Quán gạo, Hồng Thương Hội… Đến đời Thanh, Bạch Liên giáo vẫn còn tồn tại và chia thành nhiều phái nhỏ như Lão Quan Trai, Bát Quái giáo, Đại Thừa giáo, Cửu Tiên Hội, Đại Đao Hội, Tiểu Đao Hội, Thiên Môn Hội, Vô Cực Hội, Kim Đan Đạo, Khoái Đạo, Phiến Tử Hội, Thiên Hoàng Hội, Báo Đức Môn, Vô Cực Lão Mẫu Hội, Thập Tổ Môn, Kim Đan Hội, Tọa Công Hội, Hiền Thánh giáo… Họ lại đề xướng phản Thanh phục Minh, nhằm lôi cuốn những người chống đối Thanh triều. Hai đợt bạo loạn lớn nhất của Bạch Liên giáo là vào năm Càn Long 39 (1774) và cuộc biến loạn tôn giáo vùng Xuyên Sở (sử gọi là Xuyên Sở giáo loạn) thời Gia Khánh. Theo Lao Nãi Huyên, tác giả cuốn Nghĩa Hòa Quyền Giáo Môn Nguyên Lưu Khảo, đến cuối đời Thanh, Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phỉ) chính là hậu thân của Bạch Liên giáo, nhưng thuyết này bị nhiều học giả nghi ngờ, phản bác.

Do điều bí mật ấy cố kết trong tâm kẻ ngu nên bất cứ vị thiện tri thức nào khai thị, chỉ dạy, họ đều chẳng chịu tin theo, như con chó coi phẩn là thơm, không ăn không được! Thường nói với người khác: Thầy ta là vị Phật nọ, vị tổ sư kia xuất thế, ta là vị Phật nọ, vị tổ sư kia xuất thế, mù quáng bịa chuyện để mong được danh văn lợi dưỡng, chẳng tính đến chuyện Phật pháp bị hoại loạn, khiến cho chúng sanh bị nghi ngờ, lầm lạc, sống chịu phép nước, chết đọa ác đạo từ kiếp này sang kiếp khác, không có lúc thoát ra. Mối tệ ấy lưu truyền chẳng thể kể xiết được!

Hành vi của bà nếu chẳng thống thiết sửa đổi ắt sẽ giống như bọn chúng, chẳng đáng sợ ư? Hãy nên in một tờ thư sửa lỗi sám hối, phàm trước kia đã gởi bài thơ đó cho những ai, nay đều gởi tờ thư ấy ngõ hầu họ biết tường tận. Cái huy hiệu có ba chữ *Niết-bàn thất* hãy đốt đi, những chuyện đã lầm lạc tính làm trước kia thảy đều dẹp hết. Dựa theo những điều đã nói trong Một Bức Thư Gởi Khắp, sanh tín, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu thật sự chịu thật tâm bày tỏ sám hối, chắc chắn sẽ được nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước tăng, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, lợi ích ấy há diễn tả được chăng? Quang đã vì bà có thể nói là tột bực không gì hơn được nữa, tôi đã trọn hết trách nhiệm, bổn phận của tôi. Nếu bà đọc kỹ nghĩ sâu, ắt sẽ lâm vào tình cảnh lệ ứa đầm đìa không thể cầm được!

139. Thư gởi nữ sĩ Ngô Huệ Đức

(Đính kèm lá thư của Tông Xước gởi đến - năm Dân Quốc 28 - 1939)

"Sư tôn từ bi soi xét! Nữ sĩ Ngô Huệ Đức ở bến Á Sa Hán (Sungai Asahan) thuộc đảo Tô Môn Đáp Lạp (Sumatra) tại Nam Dương (Indonesia) trước kia gặp chuyện khốn khó, tai ách, phát tâm thờ Phật đã được tám năm. Trước kia đệ tử là một trong năm người đầu tiên phát tâm thờ Phật tại thành phố Miên Lan (Medan), vốn nằm trong thuộc địa Tô Môn Đáp Lạp của Hà Lan. Mẹ bà ta là cụ Ngô Trần Thị, người huyện Đồng An, tỉnh Phước Kiến, đồng thời được nghe pháp, không lâu sau cũng phát tâm thờ Phật, pháp danh là Hiền Hạnh. Mười năm gần đây, từ thành phố Dân Lễ (Kota Binjai) ở Tô Đảo (đảo Sumatra) chuyển sang sống ở Tân Gia Ba (Singapore) là thuộc địa của Anh, qua đời vào ngày mồng 3 tháng 11 năm nay. Những nét chánh trong cuộc đời cụ đã được con gái cụ là Huệ Đức ghi chép tường tận, xin sao lại trong tờ giấy khác, đính kèm. Nữ sĩ Huệ Đức thường từ Á Sa Hán đến tỉnh Tân Gia Ba thăm viếng song thân. Mỗi lần lui tới đều đến chỗ ở của đệ tử tại đảo Tân Lang (Penang) để hàn huyên.

Trước kia đệ tử đã về nước, lên núi triều bái, đến chùa Báo Quốc ở thành Tô Châu lễ bái, thân cận sư tôn và có lần cùng với mấy vị cư sĩ nam nữ từ Vô Tích đến Tô Châu khẩu kiến, được nghe lời dạy, tán thán đạo tràng tịnh nghiệp Linh Nham, được trọng vọng ở vùng Đông Nam. Có người phát tâm làm lễ cầu siêu cho tiên linh, được tăng chúng chùa Linh Nham rủ lòng từ thành tựu pháp sự cầu siêu, được thọ ân lớn lao khó thể nghĩ bàn! Sau khi trở về Nam, cũng đã từng tán dương, kể lể với mấy vị tịnh lữ[220]. Nữ sĩ Huệ Đức vốn hướng lòng về thầy đã lâu. Lần này, sau khi mẹ bà ta qua đời, tuy do thân hữu kiều bào đất Mân (Phước Kiến) chủ trương đã cử hành pháp sự cầu siêu tại chùa Long Sơn thuộc Tân Gia Ba là chỗ trụ của tăng chúng quê ở đất Mân, Huệ Đức đã bao lần hướng về cha và quyến thuộc xưng tụng chùa Linh Nham là đạo tràng hy hữu. Nếu có thể thỉnh cầu chùa làm pháp sự siêu độ thì có phước lớn lao chẳng thể sánh ví được. Đã được người nhà đồng ý, bà ta liền đến chỗ đệ tử, giao cho 200 đồng tiền của nước nhà, dặn trình đầy đủ mọi lẽ với sư tôn, cầu xin rủ lòng từ phương tiện, chuyển đạt lời thỉnh hòng thành toàn chuyện này, khôn ngăn ghi khắc cảm kích đến cùng cực. Đệ tử Tông Xước kính cẩn khấu đầu!”

* * *

Nhận được thư của nữ sĩ Tông Xước giới thiệu bà xin cầu siêu cho mẹ, biết mẹ con bà đã sớm được gội ân Phật giáo hóa, tin sâu Tịnh độ. Mẹ bà yêu tiếc đồ vật, biến những thứ bị người ta bỏ đi thành những món được người ta quý trọng, tâm nhạy bén, bàn tay khéo léo ấy cũng do nhiều đời vun bồi thành. Đến khi lâm chung, bà lại có thể bảo cả nhà trợ niệm và thỉnh tịnh lữ trợ niệm, nên cụ buông xuống được hết thảy, chỉ nghĩ đến Phật, qua đời rồi đỉnh đầu vẫn còn nóng bừng, vẻ mặt tươi nhuận, có thể là tướng lành chứng tỏ cụ đã vãng sanh. Nay bà lại xin Linh Nham cầu siêu thì phẩm sen chắc sẽ tăng cao. Có thể nói là bà là người đã báo được ân mẹ. So với những kẻ bày vẽ mù quáng, coi giết hại mạng sống loài vật, tụ họp bạn bè tiệc tùng là sang, chẳng biết đấy chính là hành vi của những kẻ đại bất hiếu “cha mẹ đã té xuống giếng còn bị quăng đá” thì khác biệt như một trời một vực vậy!

140. Thư trả lời đại sư Tế Thiện

Nhận được thư hôm trước, do chữ nhỏ, mắt lòa, trời lại âm u, nên chẳng trả lời ngay được. Hôm nay trời quang mây tạnh, bèn dùng kiếng lão lẫn kiếng lúp hỗ trợ để đọc và trả lời đại lược. Những tướng trong mấy năm qua như thầy đã kể thật nguy hiểm quá. May là chưa gặp được đại thiện tri thức có cùng chí hướng,

[220] Tịnh lữ: Bạn thanh tịnh, tức bạn cùng tu Tịnh độ.

nên biết đấy là cuồng vọng, chẳng đến nỗi do hoằng pháp lại biến thành nghiệp diệt pháp. Nếu không, nguy hiểm lắm thay! Đối với pháp tắc tu Tịnh đã nói thì đều vốn là lời thành thật của chư tổ, cố nhiên không có gì chẳng thích đáng. Nhưng người căn tánh viên đốn thọ pháp không pháp nào chẳng viên.

Kinh Vô Lượng Thọ, Quán kinh, kinh A-di-đà tuy sai khác về mặt văn tự, nhưng ý nghĩa dung thông lẫn nhau. Đức Phật vì chúng sanh trong chín pháp giới nói ra, chúng ta há nên chẳng tự lượng, cứ chuyên chú theo cái nhìn của bậc tối thắng ư? Thân trượng sáu hay tám thước, đức Phật đã từng giảng qua cho chúng ta. Đức Phật đã vì kẻ hạ phẩm trước khi đọa địa ngục mà rộng mở pháp trì danh, đấy chính là Quán kinh vẫn coi trì danh là hạnh thiết yếu nhất. Kinh Vô Lượng Thọ nói cặn kẽ thệ nguyện của Phật và những tướng thanh tịnh, đấy chính là bí quyết quan trọng cho người tu tập dựa theo kinh Tiểu Bổn (kinh A-di-đà). Do hai kinh này sẽ biết văn tự của kinh Tiểu Bổn chỉ là toát yếu. Do vậy biết rằng: Tuy y theo Tiểu Bổn, chớ nên nghĩ hai kinh kia không khẩn yếu rồi coi thường!

Đối với sự tu trì, nếu thật sự chí thành thì một lần chiêm ngưỡng, một lạy, một lượt xưng danh đều tiêu diệt được vô lượng tội, tăng vô lượng phước, chứ không phải là nhất định phải tu theo một cách nào mới được. Tâm địa thanh tịnh, thánh cảnh hiện tiền, nhưng đấy vẫn là những gì ta sẵn có. Há nên như đứa con nghèo nhặt được vàng bèn mừng vui quá mức như điên như cuồng? Đã có tình trạng ấy, hoàn toàn là tính cách của phàm tình. Nếu chẳng suy xét phản tỉnh, khó khỏi bị ma dựa. Xưa kia đại sư Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa, đến chỗ *"thị danh chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai"* (đấy gọi là chân tinh tấn, đấy gọi là chân pháp cúng dường Như Lai) hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, đích thân thấy một hội Linh Sơn nghiễm nhiên chưa tan. Nếu có tướng trạng mừng rỡ điên cuồng không kiềm chế được thì làm sao nhập định cho được? Suy nghĩ điều này sẽ biết: Thánh cảnh hiện bèn mừng rỡ như điên thì đều là phàm tình, rất trái nghịch thánh trí. Nếu chẳng tự lượng, cũng nguy hiểm lắm thay! Một pháp Tịnh độ chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, lắm kẻ muốn làm bậc cao nhân đệ nhất xưa nay bèn coi thường, hủy báng pháp này. Chúng ta nên lấy chư Phật, chư tổ làm thầy, chớ nên lấy những hạng cao nhân ấy làm căn cứ, sẽ được nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Nếu không, liễu sanh thoát tử sẽ là chuyện lâu xa lắm!

141. Thư trả lời Trần Huệ Cung và Tôn Huệ Giáp

Nhận được thư khôn ngăn mừng rỡ an ủi, Quang do 58 năm trải đời, biết một pháp Tịnh độ là pháp môn tổng trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên

thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Những pháp môn khác tuy cao sâu huyền diệu, nhưng phàm phu sát đất ai có thể đích thân chứng được ngay trong đời này để được lợi ích thật sự? Chỉ có tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương là có thể cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Đã vãng sanh Tây Phương bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Kẻ thấp nhất đã bằng với Tứ quả A-la-hán trong Tiểu thừa và bậc Bồ-tát thuộc địa vị Thất tín trong Viên giáo. Do vậy biết pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong các pháp môn do đức Phật đã nói ra trong cả một đời ngài, chớ nên dùng sự tu chứng của hết thảy các pháp môn để so sánh, bàn định pháp này.

Hiện thời có rất nhiều kẻ đại thông minh, coi Tịnh độ là Tiểu thừa, chẳng những chính mình không tu trì, mà còn lắm cách chê bai bài bác, phá hoại sự tu trì của người khác. Chẳng biết pháp này chính là pháp để phàm lẫn thánh cùng tu, kẻ phàm phu do nghiệp lực sắp đọa địa ngục mà niệm được danh hiệu Phật liền có thể lập tức vãng sanh, bậc Đẳng giác Bồ-tát sắp thành Phật đạo vẫn phải dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Pháp môn Tịnh độ lớn lao thay!

Đáng thương thay, những kẻ đại thông minh chẳng những không tu trì lại còn chê bai bài bác. May mắn thay, ngu phu ngu phụ tín nguyện trì danh được cùng với Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh hải chúng làm bạn lữ. Những kẻ đại thông minh kia dẫu có túc phước chẳng bị đọa tam đồ ngay lập tức, nhưng mong được kề vai sát cánh với ngu phu ngu phụ vẫn chẳng được. Huống hồ đã báng pháp này, khó khỏi bị đọa lạc! Những kẻ ấy mắc bệnh ham cao chuộng xa, thật sự chẳng biết cội nguồn của sự cao xa, nếu họ thấy chư vị trong Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành, dùng mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương sẽ hổ thẹn muốn chết, đâu dám coi pháp môn này là Tiểu thừa chẳng đáng để tu trì ư?

142. Trả lời thư cư sĩ niệm Phật

(Tức là cư sĩ X... ở Vĩnh Gia được nhắc đến trong Văn Sao Chánh Biên, những lá thư này được viết bắt đầu từ năm Dân Quốc 16 - 1927 đến năm Dân Quốc 26 – 1937 - sao lục đầy đủ)

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn cảm khái, than thở. Đã biết căn bệnh, lại biết thuốc chữa, chẳng chịu uống ngay, lại còn hỏi han thuốc men, há chẳng phải là vô sự sanh sự? Còn như niệm Phật cũng được, niệm Quán Âm cũng được, cần gì phải lắm phen so đo thừa thãi như vậy? Do nỗi khổ trong mạt kiếp nặng nề, đức Quán Âm lòng bi sâu xa, nên Quang thường khuyên người khác niệm kèm thêm danh hiệu ngài để mong mau được ngài từ bi che chở. Niệm Phật cũng chẳng

phải là không được cảm thông, mà niệm Phật cũng không phải là chẳng thể niệm kèm danh hiệu Quán Âm. Chuyên niệm hay kiêm niệm đều được, đức Phật cũng từng dạy con người niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát. Vì thế biết là hoàn toàn chẳng trở ngại gì. Nếu niệm Di-đà cầu sanh Tây Phương, lại niệm Dược Sư cầu sanh Đông phương thì không được; còn Di-đà và Quán Âm là cùng một sự, nhưng đức Quán Âm bi sâu nguyện nặng nên thường kiêm niệm để mong mau được cảm thông. Tất cả những thứ nghị luận thừa thãi đều là chẳng cần thiết! Cổ nhân nói: *"Tuân kỳ sở văn, hành kỳ sở tri"* (Tuân theo điều đã nghe, hành điều đã biết). Hai câu ấy chính là khuôn phép để tu trì chân thật vậy!

Quán Âm chính là cổ Phật quá khứ, làm bậc phù tá đức Di-đà. Niệm Quán Âm cầu sanh Tây Phương vẫn có thể được như nguyện, có gì là không được. So sánh những công đức niệm Quán Âm, Địa Tạng, Di-đà v.v. chính là nhằm khiến cho người ta phát tâm quyết định niệm Phật, chẳng có ý niệm đổi dời mà thôi. Nếu chấp chết cứng vào lời ấy, chẳng hiểu được ý, sẽ trở thành oan uổng cho đức Phật. Hiện thời mọi người đều đang trong cảnh hoạn nạn, hãy nên nói với hết thảy mọi người "để giải trừ hoạn nạn chỉ có một cách là sửa lỗi hướng thiện, đôn đốc luân thường, chí thành khẩn thiết, xưng niệm danh hiệu Quán Âm", ấy là diệu pháp độc nhất vô nhị. Bất luận các sự nguy hiểm như nước lửa, đao binh v.v. và bệnh tật do oán nghiệp, thuốc men chẳng thể trị được, nếu chịu tuân theo những điều vừa nói trên đây, chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành, gặp nguy thành an, và oán nghiệp tiêu diệt, không uống thuốc mà lành bệnh. Nhìn vào thời cuộc hiện tại, nguy hiểm muôn phần, nếu chiến sự xảy ra, cả nước không một chỗ nào yên vui cả. Dẫu là chỗ chưa bị chiến tranh lan đến thì cái họa thổ phỉ so với chiến tranh còn khốc liệt hơn nữa. Hãy nên bảo hết thảy già trẻ trai gái đồng niệm "Nam-mô A-di-đà Phật" và "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát", ngoại trừ cách này ra thì không có cách tốt lành nào khác. Đối với tai nạn nhỏ thì sẽ gặp dữ hóa lành. Dẫu cho mọi người đều cùng chết sạch, người niệm Phật sẽ nương theo Phật lực, hoặc sanh về Tây Phương, hoặc sanh vào đường lành. Chớ nên nói "đã không thể nào tránh khỏi cái chết thì niệm Phật vô ích". Chẳng biết: Con người được thọ sanh làm người đều do nhân duyên tội phước đã gây trong đời trước tạo thành cái gốc để quyết định sanh vào nhà phú quý hay bần tiện. Người niệm Phật có tín nguyện sẽ được vãng sanh, dẫu không có tín nguyện cũng chẳng đến nỗi đọa vào ác đạo, há có nên chẳng niệm để tự mình lầm, lầm người ư?

Mọi chuyện phải khéo suy nghĩ, chớ nên mặc tình làm bừa. Ngay như hành vi bố thí thường là chuyện lành, nhưng đối với kẻ chẳng biết hổ thẹn lại biến thành chướng ngại, cố nhiên hãy từ chối, không chấp nhận. Nếu kẻ như vậy đến xin, chỉ cho một chút, hắn sẽ tự chẳng đến nữa, cũng chẳng đến nỗi nổi nóng phát

cáu, chỉ có cách mặc kệ hắn là hay nhất. Gia Ngôn (lời dạy trong gia đình) của ông Nhiếp Vân Đài khá hay, muốn giúp cho tác phẩm ấy được lưu truyền, có lẽ hãy nên giúp tiền cho ông ấy để tùy ông ta làm sao cho đôi bên đều không bị ngăn ngại.

Mua con vật đem phóng sanh cũng giống như bố thí: Đều cần phải khéo lập cách, đừng định kỳ hạn nhất định, đừng bắt buộc ở một nơi cố định, đừng bàn bạc phải thả một loài vật nhất định, hãy tùy duyên mua rồi đem phóng sanh thì sẽ được lợi ích thật sự. Nếu lập kỳ hạn nhất định, chọn nơi nhất định, thả một loài vật nhất định, sẽ thúc đẩy người khác săn bắt nhiều loại đó. Mua trâu, dê, lợn đều phải có khoản tiền cỏ, tiền thức ăn quanh năm, đấy là một khoản tiền lớn. Nhưng mỗi lần có người thả, nếu họ chẳng đóng khoản tiền ấy thì người lo liệu phải mua giùm. Có lẽ nên đem tiền giao cho người trông nom để họ tùy ý, hoặc mua sinh vật, hoặc mua cỏ, thức ăn cho thích hợp. Bài văn khuyên người khác phóng sanh của sư Thọ rất hay, nhưng nên chú trọng khuyên người ta kiêng giết, ăn chay, che chở yêu tiếc sanh mạng loài vật thì chẳng tốn tiền tài, chẳng tạo thành chuyện đánh bắt nhiều, công đức ấy rất lớn.

Trước tượng Tây Phương Tam Thánh không cần phải đắp tượng Phật Thích-ca. Phàm những thứ đeo giắt trên thân như chú Lăng-nghiêm v.v. khi nằm nghỉ, lúc đại tiểu tiện nên cởi ra. Chỉ khi gặp cảnh nguy hiểm cùng cực là có thể không cần tháo ra. Nếu lúc bình thường không nguy hiểm vẫn không bỏ ra, sẽ thành cái tội khinh nhờn không thể kể xiết được. Nếu trong phòng có kinh tượng thì hãy nên hết sức kính trọng! Hàn Sơn và Thập Đắc[221] là do Văn-thù và Phổ Hiền hiện ra, vì thế phải thường giữ lòng kiêng sợ, chẳng dám phóng túng mới nên.

Đồ chay nơi những quán cơm không sạch sẽ, người ăn chay nên vĩnh viễn đoạn trừ những thứ ăn uống giao tế ấy. Nếu người ta mời, bèn viện cớ chẳng thanh khiết để từ chối, vừa khỏi bị người ta mời vừa chẳng bị phí tiền oan uổng mời lại người ta. Người ta dùng cái lễ vô lý để mời, không đi đâu có sao.

Dạy trẻ nhỏ nên dạy cặn kẽ làm người phải tự lập chí hướng, đừng nên quở trách nghiêm khắc. Bởi lẽ những học thuyết hiện thời thường đả phá quy củ cũ, nếu quở trách nghiêm ngặt thì con cái sẽ có thể bị kẻ vô tri dụ dỗ mê hoặc, sẽ từ ân biến thành oán. Tuổi nó đã mười lăm, nếu có thể đem lẽ lợi hại nói với nó, ắt sẽ chẳng đến nỗi nó không cảm động mảy may nào. Làm như thế mà chẳng cảm động tức là giống như gỗ đá vô tri; nếu nghiêm khắc, đâm ra càng biến thành

[221] Thời ấy người Trung Hoa thường hay tạo hình tượng Hàn Sơn và Thập Đắc gọi là Hòa Hợp Nhị Thánh trưng bày trong nhà hay trong tiệm như một loại bùa cầu may, nên ở đây tổ dạy không được khinh nhờn tượng hai vị này.

phản đối. Những kẻ giết cha tự khoe công để được khen thưởng đều là do từng bị trói buộc, muốn phát tiết nỗi hận một phen, chẳng biết sẽ vĩnh viễn bị hãm trong súc sanh, địa ngục chẳng thể thoát ra.

Hãy nên đọc toàn bộ Tứ Thư. Kinh Thư văn lẫn lý rất hay, cũng nên đọc toàn bộ. Đại đạo nơi kinh Dịch có thể để thong thả. Muốn thành học vấn càng phải dốc sức vào nguyên lý "từ hiện tượng biết được pháp tắc". Phần Đại Tượng[222] thuộc 64 quẻ của kinh Dịch có thể gom thành một thiên, khắc thành bài minh đặt bên chỗ ngồi, nội dung bài minh ấy cực rõ ràng rộng lớn, cực thân thiết. Chẳng biết tri kiến lãnh hội của những kẻ phế kinh như thế nào? Kinh Thi có thể để từ từ, bởi nếu không phải là người có tư cách đại thông minh sẽ chẳng thể khéo hiểu được ý nghĩa. Lễ Ký[223] và Tả Truyện[224] nên chọn đọc những phần có ích cho thân tâm và quan hệ lớn lao đến sự giáo hóa trong cõi đời.

Trẻ nhỏ thích ăn cắp đồ vật của người khác thì hãy nên hằng ngày bảo nó: "Con người chẳng thể làm chuyện gì khiến lòng áy náy, nếu làm chuyện khiến lòng phải áy náy, dẫu cho người khác từ đầu đến cuối chẳng hay biết, nhưng trong tâm chính mình luôn ôm nỗi thẹn thùng. Huống chi thiên địa quỷ thần, Phật Bồ-tát, không một vị nào chẳng biết ư? Sao con chẳng biết tự gắng sức, làm chuyện hạ lưu như vậy? Từ rày nếu vẫn còn ăn trộm đồ của người ta, chắc chắn ta sẽ dẫn con đến trước người ta rập đầu thú tội, trả lại đồ cho người ta. Ngay cả vật chẳng đáng một đồng cũng phải làm như vậy! Lại còn yêu cầu người ta nếu có chuyện con lấy trộm đồ thì phải tận lực đánh đòn, đe nẹt, chớ nên vì thể diện của ta mà

---

[222] Trong kinh Dịch, phần giải thích ý nghĩa của 64 quẻ được gọi là Tượng Truyện. Tượng Truyện được chia thành hai phần: Đại Tượng giải thích ý nghĩa tổng quát của mỗi quẻ, Tiểu Tượng giải thích mỗi hào trong một quẻ.

[223] Lễ Ký là một bộ kinh điển trọng yếu của Nho giáo, Khổng tử tự nhận mình chỉ biên tập, chỉnh lý chứ không phải là tác giả. Vào thời Tần Thủy Hoàng, bộ sách này chịu chung số phận bị hủy diệt với những kinh điển khác. Đến thời Hán, dựa theo 130 thiên do Lưu Hướng thu thập được, Đới Đức liền rút gọn lại thành 85 thiên, và tác phẩm này được gọi là Đại Đới Lễ Ký. Về sau, Đới Thánh lại rút gọn bộ Đại Đới Lễ Ký thành 46 thiên, thêm vào các chương Nguyệt Lệnh, Minh Đường Vị và Nhạc Ký, thành 49 thiên. Bộ này chính là Lễ Ký được lưu truyền đến hiện thời. Nội dung Lễ Ký rất phong phú bao gồm các quy chế, điển chương, lễ nghi cũng như những quan điểm đạo đức, phạm trù triết học. Hai chương nổi tiếng nhất là Đại Học và Trung Dung được tách riêng ra, xếp vào Tứ Thư. Khái niệm "thế giới đại đồng" cũng phát xuất từ Lễ Ký.

[224] Tả Truyện, gọi đủ là Xuân Thu Tả Thị Truyện, hoặc Tả Thị Xuân Thu, là một bộ biên niên sử nước Lỗ thời Xuân Thu Chiến Quốc, do sử quan nước Lỗ là Tả Khâu Minh biên soạn. Nội dung ghi chép những sự kiện lịch sử của nước Lỗ trải qua 12 đời vua từ Lỗ Ẩn Công (722-712 trước Công Nguyên) cho đến Lỗ Ai Công (494-468 trước Công Nguyên). Nho gia xếp bộ sách này vào mười ba kinh (Thập Tam Kinh) bắt buộc phải học của Nho sĩ.

chẳng chịu nói, đến nỗi con ngày càng cảm thấy ăn trộm đồ vật chẳng quan trọng, khẩn yếu chi, thường mong tưởng ăn trộm.

Con hãy suy nghĩ xem: Ví như con người làm việc gì, nếu có ai khen người đó giỏi, hắn sẽ vui vẻ; chê hắn dở, hắn không vui. Sao con lại làm ra sự thể khiến cho người ta phải thóa mạ, khinh bỉ? Nếu ta giấu giếm, che chở cho con, tức là ta dạy con làm giặc. Sau này chắc chắn con hoàn toàn chẳng thể thành người được. Vì vậy ta bảo với con, từ rày trở đi, nếu con ăn trộm đồ của ta, ta nhất định phải đánh con! Nếu ăn trộm đồ của người khác, ta nhất định đem con tới chỗ người ấy rập đầu thú tội và đem đồ vật trả lại cho người ta. Chẳng những con mất mặt mà thật ra ta còn khó chịu hơn con nữa! Do mong con thành người, bất đắc dĩ ta phải kiềm chế con như vậy. Con biết lỗi phải sửa đi, gắng sức học cho giỏi để ai nấy đều kính trọng con; do vậy sẽ kính trọng tổ tông, cha mẹ con. Nếu con vẫn không chịu sửa đổi thì cũng giống như con hằng ngày tự chửi bới tổ tông, cha mẹ vậy. Sấm sẽ đánh con! Đây là chỗ ta đại từ đại bi yêu thương con, nếu con biết tốt xấu như vậy thì may ra có hiệu quả."

Đối với chuyện của đứa con gái lớn, chỉ nên khuyên nó sốt sắng niệm Phật, những điều khác chẳng đáng bận tâm đến. *"Thiên định giả thắng nhân, nhân định giả thắng thiên"*, thật ra khổ vui, hên xui mà người đời gặp phải quá nửa là do người ấy đã tạo, có mấy ai một bề giữ nguyên số mạng? Nói chung, người làm ác cuộc đời chẳng thể tốt đẹp đúng như số mạng thì nhiều, người tu thiện biến đổi số mạng xấu hèn thành tốt đẹp thì ít. Hai loại người này đều là "nhân định thắng thiên". Người đời mỗi khi có ý niệm thiện liền có thể chuyển họa thành phước, chuyển dữ thành lành, huống gì suốt đời ăn chay, niệm hồng danh vạn đức của Như Lai mà chẳng thể xoay chuyển tạo hóa ư? Chỉ cần dạy họ thường giữ lòng kính sợ, phát tâm Bồ-đề thì những điều ấy còn có thể làm phương tiện dẫn đường để siêu phàm nhập thánh, huống hồ những chuyện phước nhỏ nhặt khác mà chẳng thể đạt được ư? Phước và họa dựa dẫm lẫn nhau, muốn thuần được phước chẳng mắc họa thì cũng chỉ do chính mình nỗ lực tu trì. Hôn sự của con gái ông, người nhà đã không bằng lòng, hãy nên châm chước, và hỏi con gái ông có ý kiến quyết định hay không? Nếu con gái ông có ý kiến quyết định thì chẳng trở ngại gì. Còn như con gái ông không có ý kiến quyết định, sau này có thể vì chán ghét nghèo cùng, ghét bị trói buộc, lại bị những kẻ ghét nghèo chê bai, oán thán, chắc sẽ chẳng tốt lành gì. Chẳng thể không tính sẵn điều này. Trước hết hãy nên hỏi con gái ông rồi hỏi Phật để quyết định.

Người thế gian tính toán cho con cái phần nhiều đều mưu tính trên gia tài, chứ không tính trên nhân phẩm. Con em nhà giàu chẳng được mấy năm liền bị đói

lạnh chết đi, nào có hạn lượng? Kẻ nghèo trắng tay nhẫn nhụi, thành gia lập nghiệp được cả nước tôn sùng, há lại có hạn lượng ư? (Đây là nói theo giới thương nghiệp, bọn quân phiệt không tính vào đây). Do ông đã nhắc đến, nên chẳng thể không bảo cùng ông biện pháp thận trọng. Con gái ông gặp được người thuộc gia đình tốt đẹp như vậy thật là may mắn lớn lao. Gặp năm tháng chẳng vừa ý là tại trời, nhưng tu trì là tại ta, mạng tự ta lập. Nếu có thể thường giữ lòng kính sợ, nhất tâm niệm Phật và niệm Quán Âm thì không nghiệp nào chẳng tiêu, không phước nào chẳng đưa tới, đây chính là ý nghĩa lớn lao "nhân định thắng thiên" vậy. Nếu cô ta lười nhác, biếng trễ, trong tâm không đặt nặng chuyện năm tháng không vừa ý, sẽ thành ra "thiên định thắng nhân". Xin hãy đem ý nghĩa "lập mạng tu thân" lớn lao này nói với cô ta, ắt cô ta sẽ rửa lòng gột ý, dè dặt, chăm chú tu trì, siêu phàm nhập thánh hãy còn dư, huống hồ khuyết điểm năm tháng nhỏ nhặt ư?

Cô con gái thứ hai nếu chưa hứa gả cho ai, hãy nên chọn một gia đình tin Phật để cho cô ta được xuất giá sớm hòng nhẹ trách nhiệm, khỏi phải lo lắng. Hãy nên bảo cô ta: Hiện thời lòng người chẳng được như xưa, người ta càng phú quý càng nguy hiểm, chớ nên không hiểu việc, cứ muốn chọn gia đình giàu có để mong hưởng phú quý dài lâu. Tuy nhà người ta nghèo, chỉ cốt sao giữ bổn phận là được rồi; nếu thời cuộc biến động, cũng chẳng đến nỗi quá thê thảm. Nếu là nhà phú quý, rất có thể cả thân lẫn mạng đều chẳng giữ được. Ai nấy đều có điều ưa thích, kẻ chuộng danh suông ắt sẽ chẳng chú trọng lợi ích thật sự.

Bà nội kế của ông tuy có mấy chục năm tu trì nhưng vẫn là một kẻ phàm tục, đối với việc vãng sanh sợ rằng càng khó khăn hơn nữa. Nhưng cũng có thể coi điều này như một mũi kim đâm vào đỉnh đầu người niệm Phật: Cần phải buông xuống hoàn toàn sự ham chuộng thể diện tốt đẹp thì mới là người thật sự niệm Phật. Quang cũng chẳng phải là bậc thánh nhân có đủ thần thông, chỉ có thể chí thành hồi hướng cho cụ, chẳng thể làm cho cụ quyết định được vãng sanh. Bà nội kế của ông hành trì đã quy về thuần nhất, nhưng trong lúc ấy nói đến sự lợi ích cầu sanh Tây Phương thì cụ vẫn hơi hàm hồ, càng khó vãng sanh. Do có chút phước tu hành, chắc chắn đời sau bị phước làm mê, sẽ rộng tạo ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, chắc chắn bị đọa mãi trong tam đồ ác đạo. Biết sự lợi hại này rồi, hãy chớ si tâm vọng tưởng, luyến tiếc trần cảnh thế gian, chẳng nguyện vãng sanh. Cụ thành tựu được sự vãng sanh sẽ có lợi ích rất lớn cho ông và quyến thuộc.

Cư sĩ Chí Liên đã ngoài 70 tuổi, tháng ngày không còn mấy, hãy nên khuyên cụ chuyên tâm dốc chí cầu được vãng sanh, muôn phần chẳng được có chút ý niệm cầu phước báo trời người trong đời sau, ngõ hầu cụ quyết định được vãng

sanh. Thêm nữa, lúc cụ lâm chung càng phải khéo giúp đỡ, giữ gìn, đừng để vì không khéo lo liệu mà cụ bị phá hoại tịnh niệm, sự mất mát sẽ chẳng nhỏ nhoi đâu. Thành tựu một người vãng sanh Tây Phương chính là thành tựu một chúng sanh thành Phật. Vốn có thể vãng sanh, nhưng vì chẳng khéo lo liệu, đến nỗi do bị đau đớn, tâm sân nổi lên, hoặc vì đau thương mà dấy tâm yêu mến. Tâm sân hay tâm ái vừa khởi lên thì tịnh niệm liền bị vẩn đục, dao động, chuyện mong cầu vãng sanh kể như khỏi tính nữa. Từ công đức thành tựu một người vãng sanh mà nghĩ đến lỗi phá hoại sự vãng sanh của người khác, thật đáng sợ hãi lớn lao thay! Mạng sống của con người trong thế gian chớp mắt đã qua, một hơi thở ra không hít vào được nữa, chẳng biết lại đi về đâu. Nếu chẳng biết chắc chắn một pháp Tịnh độ, thật đáng sợ hãi đến cùng cực!

Ông Tào Tung Kiều kể: Khi cha ông ta đi học, một bạn học là con nhà phú ông, hết sức đần độn. Thầy giáo dạy cho hắn, hắn còn chưa hiểu, cha ông Tào vừa nghe liền thuộc được ngay. Gã con phú ông ấy chết sớm, về sau thấy hắn đến nhà ông Tào, rồi chợt chẳng thấy nữa; Tào Tung Kiều bèn sanh được một gái, nay đã 31 tuổi, cực thông minh, học hành hoàn toàn chẳng phải tốn công. Thoạt đầu là con trai phú ông, đời sau làm cháu nội gái của người bạn học. Con người luân hồi, thật đáng sợ thay! Đây chỉ là thay đổi hình tướng nam nữ, chứ kẻ biến đổi toàn thể thì trong mười người đã hết tám, chín. Buồn thay!

Tu hành chẳng si ngốc[225], quyết khó thể thành tựu! Nhất tâm niệm Phật chính là chánh niệm chân như lớn lao. Khi chuyện chẳng ngờ trước xảy đến, dẫu là chuyện chẳng thể thoái thác được, hãy nên bình tâm hòa khí, suy xét cẩn thận, đấy chính là "xét lời nói, xem vẻ mặt" hết sức kỹ càng. Tâm gấp rút chính là chướng ngại lớn cho người tu hành, buông được cái tâm này xuống thì đương thể sẽ thanh lương. Trong lúc cõi đời rối loạn này, tuổi ông đã gần 50 rồi, nếu chẳng chịu chết lòng niệm Phật, do đọc sách có chỗ không biết bèn muốn học Giáo. Suy tính kiểu ấy, nếu đem hỏi vị pháp sư khác thì chắc vị ấy sẽ bảo là rất tốt; nếu đem hỏi Quang thì Quang sẽ bảo đấy chính là suy tính chẳng tuân giữ bổn phận. Kẻ ngu một chữ không biết kia còn được vãng sanh Tây Phương, nhưng bậc đại thông gia thông Tông thông Giáo sâu xa vẫn không được hưởng lợi ích ấy. Sao ông lại xem đó là điều tiếc nuối? Những cảnh tượng ông đã thấy trong mộng rất tốt, hãy nên nỗ lực, lâu dần sẽ tự được không chướng ngại. Loại hiện tượng ấy cố nhiên

[225] Ở đây không có nghĩa là người ngu si, đần độn mới tu hành được, mà có nghĩa là hành nhân phải hiểu mình là phàm phu độn căn, không tự kiêu, ngạo nghễ, không cậy mình thông minh, mà thật thà, chất phác tu hành, không mong ngóng trở thành bậc thông gia diễn giảng Phật pháp hoạt bát hòng phô tài thế trí biện thông, đến nỗi không có sự tu tập thật hạnh.

chẳng dễ dàng đạt được, nhưng chớ nên vạch đất tự giới hạn không tiến nữa, nếu không do những chuyện ấy mà kiêu căng khoe khoang, ắt sẽ có lợi ích thật sự.

Niệm Phật tu trì giống như uống thuốc, nếu hiểu rõ giáo lý, giống như biết cặn kẽ nguồn gốc căn bệnh, dược tánh, mạch lý, rồi sẽ uống thuốc thì có thể gọi là "tự lợi lợi tha", không chi tốt lành bằng. Nếu không được như thế, trước hết chỉ chịu uống thuốc a-già-đà[226] đã được đức Phật thay ta bào chế sẵn thì bệnh cũng được lành. Cũng có thể đem thuốc này cho hết thảy mọi người uống để được lành bệnh. Chỉ mong sao lành bệnh, không cần phải buồn lòng vì chẳng biết nguồn gốc căn bệnh, dược tánh, mạch lý. Đoạn trừ niệm dâm, niệm sân thật chẳng dễ dàng gì. Nếu chẳng có sở chứng, quyết chẳng thể rốt ráo thanh tịnh. Như 12 câu trong sách Cảm Ứng Thiên, *"kiến nhân chi đắc, như kỷ chi đắc"* (thấy người khác đạt được điều gì, giống như chính mình đạt được) v.v., nếu có thể đối với mỗi chuyện đều có thể xét soi tự tâm, dẫu tâm chưa thể thuần ngay thì vẫn có thể thường được như vậy. Nhan tử (Nhan Uyên) ba tháng chẳng trái nghịch điều nhân, nhưng vẫn hơi bị gián đoạn, chưa thể hoàn toàn hòa lẫn thành một khối với lòng nhân được. Mong thành thánh thành hiền là do con người tự gắng sức. Nếu phóng túng thì sẽ chẳng thể nào diễn tả được, giống như những kẻ "vì nước vì dân" hiện thời vậy. Chẳng đáng buồn ư?

Người tu hành tâm chớ nên lệch lạc, nếu lệch lạc chắc sẽ mắc bệnh. Thân thể yếu đuối hãy nên lắng lòng chánh niệm để tâm thần chẳng rong ruổi theo bên ngoài, tâm tự quy nhất thì thân cũng dần dần được yên ổn, khỏe mạnh. Nếu muốn được vãng sanh mà tâm này kết chặt chẳng cởi gỡ được, chắc sẽ dấy lên ma sự. Mặc cho nghiệp đến đi, chính mình tự trấn định. Nếu muốn được thành tựu ngay, sẽ như dưa chưa chín đã hái trước, há còn dùng được nữa hay chăng? Ông bạn X… nọ thần kinh suy nhược, một là do tham sắc, hai là do quá mức vọng tưởng muốn làm chuyện sức mình không thể làm được mà ra. Nếu cởi gỡ được hai điều này, bệnh sẽ tự lành. Nếu không, sau này bị mất trí phát cuồng cũng chẳng biết chừng!

Căn bệnh của Huệ Tịnh càng sâu nặng hơn, đáng than hết sức! Người xưa nói: *"Ninh khả thiên sanh bất ngộ, vật giao nhất thời trước ma"* (Thà cho ngàn đời chẳng ngộ, chẳng để ma dựa một lúc). Người thông minh tự kiêu, đa phần phạm phải căn bệnh này. Do trước đó tự tâm đã chứa sẵn chí khí phô trương, sai trái, hung hăng này, ma bèn thừa cơ xen vào. Nếu chẳng nông nổi, bộp chộp, tự kiêu,

[226] A-già-đà (agada), còn phiên là a-yết-đà hoặc a-kiệt-đà, có nghĩa là mạnh khỏe, trường sanh bất tử, không bệnh, trừ khử khắp mọi thứ. Đây là một loại thuốc theo huyền thoại Ấn Độ có tác dụng trị tất cả mọi bệnh, giá trị vô lượng.

ma sẽ lánh xa. Ông ta còn biết cầu Quán Âm, cầu cứu Quang. Đức Quán Âm đại từ đại bi, ông ta sẽ được ngài từ bi che chở, Quang là nghiệp lực phàm phu chỉ có thể khấn nguyện, hồi hướng cho ông ta, đâu có thể như bậc thánh nhân thần thông chữa cho ông ta lành bệnh từ xa được? Nay tính kế cho ông ta, đem 50 đồng ông ta đã cúng gởi sang Linh Nham Sơn Tự để họ lập một bài vị Trường Sanh Liên Vị[227] cho ông ta (sanh tử đều vô ngại, Trường Sanh Lộc Vị chỉ thích hợp cho người sống), thờ trong niệm Phật đường. Lại vì ông ta trì chú Đại Bi hai ngày, mong cậy vào Phật lực, Pháp lực, chúng tăng lực, ắt sẽ được lành bệnh.

Linh Nham cách thành Tô Châu hơn 20 dặm, là một đạo tràng cổ; 20 năm trước đã giao về tay hòa thượng Chân Đạt, gần đây đổi thành đạo tràng thập phương, 30 vị sống ở đó chuyên tâm tu tập, niệm Phật suốt năm. Cũng không có chuyện khách thập phương lui tới cúng bái, cũng chẳng làm Phật sự, cũng không truyền giới, công khóa rất nghiêm mật, cả tỉnh Giang Tô không có đạo tràng nào như vậy. Huê lợi mỗi năm chẳng quá một ngàn đồng, lập chương trình: Nếu chi dụng cho 20 người sống ở đó không đủ, hòa thượng Chân Đạt sẽ bù thêm. Hai năm gần đây, do có người đả Phật thất, nên số người cũng đông hơn, nhưng vẫn vừa đủ chi dụng. Phật thất vừa nói đó mỗi lần cử hành đều viết thư thông báo, nhưng số người trong vùng đến dự mười phần chưa được một. Chùa Linh Nham chỉ niệm Phật, ngay cả Diệm Khẩu cũng không thực hiện.

Đu đủ trừ được phong thấp. Nếu muốn cho ấm, chẳng ngại gì mua đu đủ tươi, rồi tạo cách giữ cho nóng bằng cách buộc trên đùi, loại tươi có tác dụng mạnh nhất. Quang do sợ lạnh, nên dùng loại đu đủ khô cắt thành miếng. Cháu ngoại gái của ông thiếu sữa hãy nên dùng sữa bò. Con dâu trưởng của ông Vương Ấu Nông mất, cháu nội là Tích Quan chưa đầy năm, liền cho bú bằng sữa bò, chưa hề phải mướn nhũ mẫu. Phàm mọi chuyện nên định lượng lợi hại, được mất từ trên căn bản, hãy cân nhắc nặng nhẹ để chọn cách thực hiện.

---

[227] Trường Sanh Liên Vị, hơi khác với Trường Sanh Lộc Vị, là một bài vị màu vàng, ghi tên những người còn sống hay đã chết trong một khung hình hoa sen, thường được bày trong niệm Phật đường ở phía sau bàn Quán Âm (nếu có thêm bàn thờ riêng Quán Âm ngoài bàn thờ chính thờ tượng Tam Thánh), hoặc gắn lên vách tường bên trái bàn thờ chánh (đối với người còn sống), hoặc thờ sau bàn Địa Tạng (nếu người ấy đã mất) nhằm đem công đức niệm Phật hồi hướng cho những người ấy hễ còn sống sẽ được tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ, nhất tâm tu trì, khi lâm chung sẽ nhờ phước lực niệm Phật của mọi người và sức tu trì của chính mình được vãng sanh Cực Lạc. Trường Sanh Lộc Vị thường có màu đỏ và không có hình hoa sen, chỉ ghi tên người sống. Mục đích của cả hai loại bài vị này là dùng công đức niệm Phật huân tập tâm thức, hồi hướng, gieo thiện duyên cho người được ghi danh.

Bệnh lác[228] thật khó trị nhất, dễ truyền nhiễm nhất. Thuốc cao thương nhĩ[229] hiện thời quả thật trừ khử được họa hại, tăng phước lợi lớn nhất cho xã hội. Tuy chẳng thể tránh khỏi tổn thương đến sanh mạng loài trùng, nhưng thuốc ấy có lợi ích lớn lao. Huống chi Quang còn bảo kẻ chế thuốc cao và người uống đều niệm Quán Âm nữa ư? Nếu theo như ý ông, cứ dẫn lời ông Đào Ẩn Cư (viết sai là Quân) để rồi kiêng kỵ, sẽ làm hại người bị bệnh lác, mặc cho người ấy cứ mắc bệnh mãi để rồi thường truyền nhiễm ư? Mong hãy dứt khoát bỏ đi ý nghĩ ấy!

Nói đến căn bệnh của người bạn tên X… nọ, chẳng biết ông ta có cho [những lời Quang nhận định] như vậy là đúng hay không? Lúc này đúng nhằm lúc thời cuộc từ ngàn xưa chưa hề có, nhưng ngay trong lúc này, ông ta vẫn cứ buồn vì đã 50 tuổi mà chưa có con, chẳng biết đoạn nghiệp chủng ấy để mai sau chẳng đến nỗi rộng tạo ác nghiệp, di hại cho xã hội, con cháu, điếm nhục tổ tông, cha mẹ thì may mắn chi hơn?

Về sách Nhân Phổ, trước kia ông Minh Đạo chỉ đem đến một cuốn Nhân Phổ Loại Ký[230], nói ông Đậu Tồn Ngã muốn ấn hành lưu thông, xin tôi khuyên, điểm câu văn[231] cho dễ đọc. Đến cuối tháng, Minh Đạo và Tồn Ngã đến cầm theo hai bộ sách trọn vẹn, một bộ in theo lối chữ to, một bộ in thạch bản chữ nhỏ. Như vậy là Nhân Phổ Chánh Biên một quyển, chỉ gồm hơn một trang, và Nhân Phổ Tục Biên quyển một và quyển hai, tổng cộng là 18, 19 trang[232]. Lời tựa mở đầu

---

[228] Nguyên văn là *đại ma phong* (bệnh cùi). Theo mạch văn ở đây, có lẽ là một loại bệnh gây lở loét ngoài da, chứ bệnh cùi đến nay vẫn chưa có thuốc trị, và không phải là căn bệnh ai cũng bị lây. Hơn nữa, trong phần dược tánh của lá thương nhĩ không thấy nói chữa được bệnh cùi. Do vậy chúng tôi tạm dịch là "bệnh lác".

[229] Thương nhĩ (tên khoa học là xanthi sibiricum), còn được gọi là quyển nhĩ, tước nhĩ, địa quỳ, dương phụ lai, đạo nhân đầu, tiến hiền thái, dã gia v.v., là một loại thảo mộc thuộc họ cúc, thường mọc hoang, trổ hoa vào khoảng giữa hạ sang thu, có trái hình trứng, khắp thân cây mọc đầy gai rất cứng. Loại thực vật này có chất độc, đôi khi có thể gây ra tử vong. Theo Đông y, thương nhĩ tánh ôn, vị cay và đắng, có tác dụng đi vào kinh Phế, thường dùng để chữa phong thấp, đau đầu do cảm mạo, trừ các chứng ghẻ lở, ngứa ngáy, mụn nhọt, ù tai… Tuy thế, liều lượng sử dụng phải hết sức cẩn thận. Trong khoảng 1960-1962, tại Trung Quốc đã có 30.119 trường hợp bị ngộ độc, trong số đó có 405 người chết vì dùng thương nhĩ.

[230] Nhân Phổ và Nhân Phổ Loại Ký là hai cuốn sách do Lưu Tông Châu soạn vào đời Minh. Nhân Phổ gồm những phương châm nói về quan điểm làm người, nêu rõ lỗi lầm và phương cách sửa đổi lỗi lầm theo quan điểm Nho gia. Bộ Nhân Phổ Loại Ký tập hợp những giáo huấn của thánh hiền bên Nho học, chia thành từng loại với mục đích giáo huấn hàng sơ học theo quan điểm của Tống Nho. Cả hai bộ này đều được đưa vào Tứ Khố Toàn Thư.

[231] Trước kia, người Trung Hoa viết văn không chấm câu, nên có những tác phẩm khi tái bản phải nhờ người học rộng cân nhắc kỹ lưỡng rồi mới chấm câu để người đọc khỏi tự chấm câu bừa bãi, hiểu sai ý tác giả.

[232] Ở đây chúng tôi dịch theo đúng nguyên văn, nhưng vẫn sợ rằng nguyên bản chép lầm, vì cả một bộ sách được chia thành ba quyển mà tổng cộng chỉ gồm 20, 21 trang (Chánh Biên gồm

sách ấy đúng là đả phá bài xích nhân quả báo ứng đến tột cùng. Văn tự của họ Hàn, họ Âu dẫu nhiều đến đâu đi nữa cũng chẳng quyết liệt bằng bài tựa gần được 400 chữ này! Độc tánh của bài tựa ấy ắt sẽ khiến cho kẻ khác giết cha hại mẹ chẳng hề do dự, run sợ mảy may nào, xui khiến cho con người trong cả đời đều biến thành cầm thú hết mới thôi.

Cung cách giảng về chánh tâm thành ý của những tiên sinh bên Lý học như thế chính là đả phá, bài xích cội nguồn của chánh tâm thành ý chẳng tiếc sức chút nào. Họ chỉ muốn làm cho con người tận nghĩa tận phận, nhưng chẳng biết: Đã phá bỏ nhân quả thì thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt, phóng túng không kiêng dè, không điều ác nào chẳng làm, chẳng đáng buồn ư? Chất độc khiến cho đất nước thoi thóp, dân không lẽ sống hiện thời đều là do những vị tiên sinh Lý học này đã hạ độc từ trước, đến nay mới bắt đầu phát tác mạnh mẽ. Do vậy tôi bèn bảo ông Tồn Ngã: "Muôn vàn chớ nên lưu thông sách này, chỗ tốt của nó thì các thiện thư đều có, còn chỗ sai lầm của nó đúng là móc bỏ chánh nhãn của người đời sau trong thiên hạ. Vì thế hãy nên bỏ đi ý định ấn hành. Những sách chú thích Công Quá Cách cũng chẳng phải là sách thích hợp căn cơ, vì con người hiện thời phần nhiều chán nghe những chuyện nhân quả, luân thường, chỉ có người chân tâm tu trì mới chịu đọc mà thôi. Sách Lịch Sử Thống Kỷ bất luận là người tin Phật hay báng Phật đều chịu xem, bởi đó là những chuyện được chép trong sách sử. Dẫu kẻ coi nhân quả là hư vọng, phô phang trống rỗng, ưa tỏ vẻ là bậc đại thông gia trước mặt người khác, nếu đọc sách này, chẳng khỏi bị cảm hóa! So với hết thảy các thiện thư thì sách này là thiết yếu nhất để đạt được lợi ích thật sự." Tiếc cho con người chẳng để ý. Nếu để ý, kẻ ngu liền thành trí, kẻ cuồng bèn thành thánh vậy.

Họ Trầm tâm cực thành khẩn, nhưng lời lẽ phần nhiều thiên chấp, tri thức cũng khó ngửi giống như Ngọc Phong, trước đây tôi đã nói với ông Úy Như như thế. Còn như lưu thông hay không, cứ mặc cho người ta làm, không đả phá mà cũng chẳng tán thành, tôi cũng chẳng dính vào hai chuyện ấy. Ông Hứa Chỉ Tịnh lại còn sửa chữa, bổ sung đại lược sách Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, những điều được ông ta thêm vào tuy đại lược nhưng có tầm quan hệ lớn lao, nói chung thêm vào hơn một vạn chữ. Cư sĩ Lý Kỳ Khanh tính bỏ ra hai ngàn đồng để khắc in mộc bản, phỏng chừng phải mất hai năm mới in thành sách hoàn chỉnh. Thượng Hải lại cho tái bản, hiện đã giao cho Quốc Quang Thư Cục đúc bản kẽm mới, sẽ

---

hai trang, Tục Biên 2 quyển gồm 18, 19 trang) thì quá ít! Với số lượng trang quá ít như thế, không ai chia thành ba quyển làm gì. Chúng tôi đoán có lẽ là 189 trang, nhưng vẫn tôn trọng nguyên bản nên không dám sửa theo ý kiến riêng, chỉ xin ghi lại như một điều tồn nghi.

giao cho nhà in trong khoảng tháng 8, chắc có thể in thành sách trong năm nay. Hiện thời pháp diệt, Nho và Thích đều như nhau, không có loại sách này thì chẳng có gì để uốn nắn lòng người cho ngay thẳng, duy trì thế đạo được. Vì thế Quang vẫn còn phải lo toan đôi chút. Đối với việc giảo chánh, đối chiếu v.v., ở Giang Tây có một vị tăng tên là Đức Sâm tánh khá tỉ mỉ, chịu khó, hiện đang trụ tại chùa Báo Quốc, giảo chánh kỹ càng.

Muốn tụng chương Quán Âm Viên Thông[233], hãy nên niệm trọn bài văn tiếp theo đó. Tuy phần kinh văn ấy chẳng chuyên nói về phép viên thông của đức Quán Âm, nhưng văn lẫn nghĩa thấu lý tột cùng, viên diệu không gì bằng được. Nếu lược bỏ đi không đọc cũng chẳng có tội lỗi gì, nhưng đầu đuôi không được toàn vẹn, trở thành cái bệnh chọn lựa. Nên tụng cho đến hết phần sau bài kệ chọn lựa pháp viên thông của ngài Văn-thù, tức là phần kinh văn trường hàng từ *"lúc bấy giờ, A-nan và các đại chúng…"* cho đến *"vô lượng chúng sanh đều phát tâm Vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề"*, tụng như vậy thì một đại sự nhân duyên viên thông của đức Quán Âm mới được trình bày trọn vẹn; hoặc chuyên niệm phẩm Phổ Môn cũng được. Nếu tụng phép viên thông của ngài Quán Âm thì phải tụng đúng như sách Quán Thế Âm Bổn Tích Cảm Ứng Tụng đã sao lục. Trước kia ông Hứa Chỉ Tịnh cũng đem phần kinh văn trường hàng sau bài kệ ấy trích lược đôi chỗ, Quang cho sao lục toàn bộ để đại sự ấy hoàn toàn không bị khiếm khuyết thì mới nên.

Kinh Kim Cang được rất nhiều người chú giải, muốn tìm một bản gọn ghẽ, thoáng đạt, dễ đọc thì hãy nên thỉnh bản chú giải của Tông Lặc[234] để xem. Ý nghĩa kinh văn của phẩm Tịnh Hạnh[235] pháp nào cũng viên thông, chớ nên chấp chết

---

[233] Quán Âm Viên Thông Chương tức là đoạn kinh Lăng-nghiêm nói về pháp tu Viên Thông "phản văn tự tánh" (xoay trở lại nghe nơi tánh) của ngài Quán Âm.

[234] Tông Lặc (1318-1391) là một vị tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào đầu đời Minh, người Thai Châu (nay là huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang), có hiệu là Toàn Thất. Năm 8 tuổi, sư đã đến xin học với ngài Tiếu Ẩn tại chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, 14 tuổi được xuống tóc, 20 tuổi thọ cụ túc. Do sở học tinh thâm, sư cùng với sư Như Phi soạn Lăng-già Kinh Chú Giải, Bát-nhã Tâm Kinh Chú Giải và Kim Cang Bát-nhã Kinh Chú Giải. Sư còn soạn ra Tán Phật Nhạc Chương. Năm Hồng Vũ thứ 10 (1377), sư qua Tây Vực cầu pháp, thỉnh được các kinh Trang Nghiêm Bảo Vương và kinh Văn-thù v.v.. Khi về nước, sư từng giữ chức Hữu Thiện Thế quản nhiệm Tăng lục ty, tức cơ quan quản lý tăng sĩ cả nước thời ấy. Do triều thần ghen ghét, sư bèn lui về ẩn cư tại am Viên Thông cho đến khi mất. Bản chú giải được tổ Ấn Quang nhắc đến ở đây chính là Kim Cang Bát-nhã Kinh Chú Giải.

[235] Phẩm Tịnh Hạnh là phẩm thứ bảy trong bản Bát Thập Hoa Nghiêm do ngài Thật-xoa-nan-đà dịch vào đời Đường. Trong phẩm này, Trí Thủ Bồ-tát hỏi Văn-thù Bồ-tát về phương pháp giữ cho thân - ngữ - ý đều thanh tịnh, thù thắng, không bị hủy hoại, không bị thoái chuyển, cũng như đắc các môn giải thoát tam-muội nhiễm tịnh trí lực, túc trụ niệm trí lực v.v.. Nhân

cứng vào từng chữ từng câu. Những đoạn như *"được thức ăn ngon, trọn thỏa ý nguyện, tâm không còn mong muốn"* đều bao gồm ý nghĩa đoạn hoặc chứng chân trong ấy, nếu chỉ hiểu là chuyện ăn uống thì hoàn toàn trái nghịch ý nghĩa của kinh mất rồi. Còn như bài kệ *"Sở tác giai biện, cụ chư Phật pháp"* (việc làm đã xong, đầy đủ Phật pháp), há chẳng bao gồm ý nghĩa vãng sanh Cực Lạc trong ấy hay sao? Vì thế đương nhiên phải tụng đúng theo kinh. Nếu như ông nói, người niệm Phật đối với mỗi bài kệ trong phẩm Tịnh Hạnh đều nên sửa đổi, làm như vậy sẽ trở thành làm chuyện sai quấy, trái nghịch kinh mất rồi. Quang chưa rảnh rỗi để giải thích Triệt Ngộ Ngữ Lục.

Nhất sanh bổ xứ là danh xưng chung để gọi những vị phá vô minh, chứng pháp tánh, há có nên giải thích là số lần sanh vào trong nhân gian? Các vị Bồ-tát ấy chứng vô sanh sâu xa, trong khoảng một niệm cũng có thể thị hiện sanh trong khắp các cõi. Tuy bao lượt thị hiện giáng sanh, nhưng thật sự chẳng có tướng sanh nào để đạt được cả, do vậy gọi là vô sanh. Nếu chỉ hiểu "chẳng sanh" là vô sanh thì có khác gì hành tướng "khôi thân mẫn trí"[236] của Tiểu thừa đâu? [Các vị Nhất sanh bổ xứ] biến dịch sanh tử[237], chứ không thật sự sanh tử. Vì tuy đã liễu sanh tử nhưng vẫn còn vô minh hoặc chưa thể nhanh chóng đoạn sạch được, nên

---

đó, Văn-thù Bồ-tát liền dạy phương pháp quán niệm trong mỗi hành động, chẳng hạn như: "Bồ-tát ở tại gia, nên nguyện chúng sanh, biết tánh của nhà là không, thoát khỏi bức bách, hiếu thuận cha mẹ, nên nguyện chúng sanh, khéo thờ đức Phật, bảo vệ, nuôi nấng hết thảy. Vợ con tụ tập, nên nguyện chúng sanh, oán thân bình đẳng, vĩnh viễn lìa khỏi tham đắm…" Thậm chí trong những hành động nhỏ nhặt như xỉa răng, súc miệng, tắm rửa, đi vệ sinh, đều luôn quán tưởng. Những bài kệ trong Tỳ-ni Nhật Dụng đều trích từ phẩm Tịnh Hạnh. Ba câu tự quy y trong kinh Nhật Tụng cũng trích từ phẩm Tịnh Hạnh này. Câu "được thức ăn ngon, trọn thỏa ý nguyện, tâm không còn mong muốn" được tổ Ấn Quang nhắc đến ở đây chính là một phép quán niệm trích từ phẩm Tịnh Hạnh.

[236] "Khôi thân mẫn trí" (nói phổ biến hơn là "khôi thân diệt trí") là một từ ngữ diễn tả cảnh giới tịch diệt vắng lặng của thánh nhân Nhị thừa, thân không còn bị ngũ dục lay chuyển, vắng lặng, không còn phiền não, dục vọng, giống như tro nguội, trí không còn vọng tưởng lăng xăng, chìm lặng trong cảnh tịch định. Gọi là "mẫn trí" hay "diệt trí" vì trí của các vị thánh nhân Tiểu thừa vắng lặng, nhưng không có công năng "quán chiếu, thấu hiểu mọi cảnh nhưng không chấp trước vào cảnh" như các vị đại Bồ-tát, tức là "tịch nhưng không chiếu".

[237] Biến dịch sanh tử, còn gọi là "vô vi sanh tử", là sự sanh tử của hàng A-la-hán, Bích-chi Phật cho đến Đại lực Bồ-tát. Do dùng nghiệp phân biệt vô lậu làm nhân, dùng vô minh trụ địa làm nhân để chiêu cảm báo thân thù thắng, vi tế, mầu nhiệm. Do dùng đại nguyện đại bi vô lậu để chuyển biến cái thân sanh tử có hạn lượng (phần đoạn sanh tử) thành cái thân vi diệu thù thắng, thân ấy do nguyện lực cảm thành nên gọi là biến dịch (thay đổi). Do thân này vì nguyện lực cảm thành nên diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn, vì thế còn gọi là "bất tư nghị thân". Do nguyện lực cảm thành nên khi thệ nguyện đã mãn, hoặc cơ duyên hóa độ đã hết bèn xả thân, chứ không phải vì nghiệp lực quyết định thọ mạng; vì thế, gọi là "biến dịch", tức thay đổi theo hoàn cảnh và căn cơ của người được hóa độ.

phải nhiều lần đoạn hoặc, nhiều lượt chứng chân. Ước theo ý nghĩa sở đoạn nên gọi là *tử*, ước theo ý nghĩa sở chứng nên gọi là *sanh*. "Địa vị Bổ xứ Phật" và "đạt đến địa vị Bổ xứ" ý nghĩa chẳng hai.

Ông cho rằng "thành Phật chính là đạt đến địa vị Bổ xứ", nhưng mỗi vị Phật thành Phật có cơ duyên riêng, há nên chấp chết cứng? Chỉ cần phá vô minh, chứng pháp tánh thì hoặc là thành Phật ngay, hoặc phải trải qua nhiều kiếp dài lâu mới thành Phật, đều tùy thuộc cơ duyên của mỗi vị như thế nào mà thôi. *"Chúng sanh sanh giả, giai thị A-bệ-bạt-trí"* (Chúng sanh vãng sanh cõi Cực Lạc đều là A-bệ-bạt-trí), A-bệ-bạt-trí và Nhất sanh bổ xứ cũng đều thuộc trong số ấy, nhưng để chỉ rõ những vị thuộc vào địa vị sâu xa số lượng rất nhiều nên kinh Di-đà lại nói: *"Kỳ trung đa hữu Nhất sanh bổ xứ"* (trong số ấy có nhiều vị Nhất sanh bổ xứ). Đừng luận định các vị thượng thiện nhân cõi Cực Lạc bằng cách chấp chết cứng vào giáo lý. Há nên dùng câu nói trên đây để kết thúc phần nói về tam bất thoái? Địa vị bất thoái thứ ba là Niệm bất thoái, chính là những vị từ Sơ trụ cho đến Đẳng giác trong Viên giáo, chớ nên giới hạn, đặt tam bất thoái nằm ngoài số những vị Nhất sanh bổ xứ. Hãy nên nghiền ngẫm kỹ chữ "giai" (đều) và chữ "kỳ trung" sẽ chẳng tự lầm lẫn tách rời [tam bất thoái khỏi Nhất sanh bổ xứ].

Kinh A-di-đà nói giản lược, nhưng công phu, công đức của mỗi người vãng sanh đều sai khác vô lượng vô biên, phẩm vị vãng sanh cũng khác nhau vô lượng vô biên. Nói "chín phẩm" bất quá là nêu sơ lược đại cương mà thôi. Nếu đạt đến nhất tâm bất loạn thì giống với [những người vãng sanh thuộc địa vị] thượng phẩm thượng sanh như trong Quán kinh đã nói. Người chưa đạt nhất tâm và kẻ ác nghiệp nặng nề sắp bị đọa địa ngục cố nhiên giống hệt như những vị vãng sanh thuộc các phẩm trung và hạ trong Quán kinh, chứ không phải là kinh này chuyên tiếp dẫn người nhất tâm bất loạn, những kẻ khác đều chẳng phải là căn cơ được nhiếp thọ bởi kinh này. Hiểu như vậy thì cố nhiên ba kinh là một kinh. Nếu không, chính là chấp văn trái ý, lỗi chẳng phải nhỏ! Tịnh độ hoành siêu có người viên chứng, có kẻ chưa thể viên chứng ngay. Dù chưa thể viên chứng nhưng đã liễu sanh tử, không còn có chuyện luân hồi sanh tử nữa, vẫn ngay trong một đời này được dự vào hàng Bổ xứ, được thành Bồ-đề. So với những kẻ cậy vào tự lực nhưng chưa viên chứng thì khác nào một trời một vực, do vậy cũng có thể gọi là "viên chứng".

Ông cho rằng: "Nếu sanh vào cõi ấy, chứng Phương tiện, Thật báo, Tịch quang có nhanh hay chậm sai khác, vì thế không một ai hễ sanh bèn chứng ngay." Đọc phần kinh văn trong Quán kinh dạy về chín phẩm vãng sanh ắt biết liền. Đối với những điều khác được nêu bày trong phần kinh văn tiếp theo đó, ông hiểu quá sai

ý nghĩa. *"Đoạn sạch kiến - tư, ra khỏi Đồng cư, vào cõi Phương tiện, đoạn sạch trần sa và phá một phần vô minh bèn ra khỏi Phương tiện, vào Thật báo. Đoạn sạch vô minh, ra khỏi Thật báo, chứng cõi Tịch quang."* Đây chính là ước theo sở chứng sâu hay cạn, ước theo điều đã đạt được là thô hay diệu mà nói; đọc kỹ phần luận về bốn cõi tịnh độ trong Di-đà Yếu Giải sẽ tự biết. Hơn nữa, trong Văn Sao từng nói Thật báo và Tịch quang vốn là một cõi. Ước theo lý tánh bèn gọi là Tịch quang, ước theo quả báo gọi là Thật báo. Cõi Tịch quang không có tướng, cõi Thật báo có đủ các tướng thù thắng trang nghiêm với số lượng nhiều như số vi trần trong một cõi Phật. Phá một phần vô minh bèn phần chứng Thật báo, mà cũng chứng một phần Tịch quang. Vô minh phá sạch bèn rốt ráo Thật báo, rốt ráo Tịch quang. Để dễ hiểu, những người giảng giải quy kết *phần chứng* vào Thật báo, quy kết *cứu cánh* (rốt ráo) vào Tịch quang. Cần biết rằng, Thật báo và Tịch quang đều có phần chứng, đều có cứu cánh. Ông muốn tỏ rõ lý viên mãn của Tịnh độ, nhưng đối với ý nghĩa "viên chứng bốn cõi Tịnh độ" lại nêu lên ý nghĩa "viên xuất cõi này" (thoát khỏi trọn vẹn cõi này - tức cõi Phàm thánh đồng cư) thì đâm ra ăn nói sai quấy mất rồi. Đoạn hết kiến tư xong là ra khỏi Đồng cư; đoạn trần sa, phá vô minh xong, chẳng còn phải đèo bồng Đồng cư nữa[238], huống hồ là đã đoạn sạch vô minh, cần chi phải thoát khỏi hai cõi Đồng cư, Phương tiện nữa ư? Chẳng biết: Do phàm phu được dự vào Bổ xứ nên tại Đồng cư đã thấy trọn vẹn cả ba cõi trên. Đây là đã chứng nhập địa vị sâu, há còn nói là "thoát khỏi Đồng cư, Phương Tiện v.v." nữa ư?

"Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc" là bốn câu khó lãnh hội nhất. Lời chú giải của mỗi tác giả đều dựa trên cái thấy của chính mình. Theo ngu kiến của Quang, bản thể của sắc chẳng thể đạt được, há không còn có thực tế để đạt được hay sao? Hai câu sau nhằm giải thích thêm về ý nghĩa của hai câu trước đó. Thật sự thì ngay cả không lẫn sắc đều chẳng thể đạt được, *thọ tưởng hành thức* cũng giống như thế, đấy chính là "chiếu kiến ngũ uẩn giai không". Ngũ uẩn đều chẳng thể đạt được, ấy chính là thật tướng của chân không. Vì thế gọi là "chư pháp không tướng" (tướng không của các pháp). Do

[238] Do người đã đoạn trần sa xong bèn chứng cõi Phương tiện, đã đạt đến cảnh giới ấy, sẽ không còn thấy có cảnh giới Đồng cư (sách Di-đà Yếu Giải gọi là "thoát khỏi Đồng cư"), tức là không còn phân biệt nhân - ngã, thánh - phàm, nên gọi là "thoát khỏi Đồng cư", vì thế tổ mới nói "chẳng cần phải đèo bồng Đồng cư nữa" (vì không chấp vào cảnh Đồng cư nữa). Cư sĩ niệm Phật lại tưởng lầm bốn cõi tách biệt nhau, có cảnh giới để lần lượt vượt thoát, nên mới lập luận rằng những vị đã đoạn trần sa sẽ thoát khỏi cõi Đồng cư trọn vẹn. Do người đã vãng sanh, liền dự vào địa vị Bất thoái nên thấy được cả ba cõi trên, tức là lãnh ngộ, phần chứng được cảnh giới thù thắng của ba cõi trên, nhưng chưa hoàn toàn thụ dụng được, mới chỉ ngộ, nhưng chưa chứng, nên gọi là "thấy", chứ chưa gọi là "nhập".

"chư pháp không tướng" này bèn chẳng có sanh, diệt, cấu, tịnh, tăng, giảm và ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, tứ đế, thập nhị nhân duyên, lục độ, trí tuệ cùng với Niết-bàn (Niết-bàn là thật tế của chữ đắc). Chỉ vì trong thật tướng, chẳng có các pháp thánh phàm v.v. ấy nên có thể tu nhân chứng quả từ phàm đến thánh. Ví như nhà trống thì người mới ở trong ấy được. Nếu chẳng trống, vậy làm sao con người ở được? Do không nên mới có thể chân tu thật chứng. Nếu chẳng không, sẽ chẳng có tác dụng này. Chớ nên hiểu lầm! Hiểu lầm sẽ phá hoại chánh pháp của chư Phật, coi lý là sự, đấy gọi là "tà kiến", chẳng gọi là "biết pháp", hãy nên suy nghĩ cặn kẽ. Thuyết này của Quang có chỗ chẳng phù hợp ý kiến của cổ đức, nhưng ý nghĩa tổng quát chẳng đến nỗi vô cùng trái nghịch kinh Phật, cũng có thể xem như một thứ kiến giải "thấy ngọn, thấy rặng"[239] vậy.

Trong thư trả lời cư sĩ Hương Nghiêm, đại sư Triệt Ngộ có viết bốn câu: *"Tâm ngoại vô Phật, Phật ngoại vô tâm, toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức tâm"* (ngoài tâm không có Phật, Phật chẳng ở ngoài tâm, toàn tâm chính là Phật, toàn Phật chính là tâm). Phía trên lại có câu "hãy nên tin sâu, hiểu chắc chắn ngay vào đó", đấy chính là nói về lý. Ông bỏ không sao lục câu "hãy nên tin sâu hiểu chắc chắn ngay vào đó", nên mới suy lường loạn xạ công phu "đã thành thục" hay "chưa thành thục". Bốn câu trước nói về lý, bốn câu sau nói về công phu ấy: hoặc là công phu trong một niệm hoặc niệm niệm tương ứng với hiện tiền. "Tương ứng với hiện tiền" là nói đến ý nghĩa của "tin sâu, hiểu chắc chắn vào ý nghĩa của bốn câu ngoài tâm không có Phật". Người tu hành tâm mong mỏi, hy vọng quá thiết tha, ắt sẽ gặp ma sự. Đoạn trước của bức thư ấy nhằm dạy khắp các hành nhân về một quy tắc chung để hết thảy kẻ tu trì thật sự vâng giữ như khuôn phép, ngõ hầu chẳng đến nỗi cầu lợi ích lớn lao, lại đâm ra bị tổn hại lớn lao.

Đối với lớp hậu sinh trong hiện thời, khi chúng nó vừa hiểu chuyện đời liền dạy chúng nó về đạo giữ tinh, hộ thân. Nếu chúng nó biết tốt xấu sẽ chẳng đến nỗi tự xem thủ dâm là vui, để rồi mắc các nỗi họa như bị mất tánh mạng, hoặc trở thành tàn phế, hoặc vĩnh viễn truyền lại nòi giống yếu ớt v.v.. Với đứa chưa hiểu chuyện đời, chớ nên nói. Còn đứa đã hiểu chuyện đời nếu chẳng nói thì trong mười đứa hết chín đứa phạm phải tật này, đáng sợ vô cùng! Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiếu, Khổng tử dạy: *"Phụ mẫu duy kỳ tật nhi ưu"* (Cha mẹ chỉ lo về tật ấy). Những tật khác đều không quan hệ lắm. Chơi bời bừa bãi, thủ dâm, tham ân ái,

[239] Đây là một thành ngữ dựa theo câu nói "*trắc kiến thành phong, hoành kiến thành lãnh, túng giai bất tận Lô Sơn chân cảnh"* (nhìn phía bên thấy đỉnh, nhìn ngang thấy thành rặng, vẫn chẳng thể trọn hết cảnh Lô Sơn thật sự). "Thấy đỉnh, thấy rặng" hàm nghĩa là do nhìn từ những góc độ khác nhau, sẽ hiểu vấn đề khác nhau, nhưng vẫn không xa bản chất của sự vật.

quả thật là chuyện khẩn yếu, quan trọng nhất. Vì thế Khổng tử mới nói đến điều này, nhưng người chú giải chẳng chịu nói rõ chỗ tai hại nhất, khiến cho lời của Khổng tử cũng chẳng có hiệu quả thật sự, đáng than thay!

Hiện thời Phật giáo bị tai ách đến cùng cực, đúng là tới mức không làm sao được nữa. Những vị đại hòa thượng mơ màng chỉ biết tham danh lợi, ham quyến thuộc, chẳng nói đến chuyện chân tu thực hành, chỉ mong thu nhận đồ đệ tràn lan, truyền giới tràn lan, cho tăng chúng cư ngụ tràn lan thật đông, mong nhờ vào đó để phô trương thanh thế đạo khí của chính mình, đến nỗi có hiện tượng như ngày nay. Em trai ông có gởi thư đến kể về hiện tượng Lạc Thanh. Ở vùng ông cũng nguy ngập hết sức, nếu chẳng quan tâm đến thì dường như thiếu sót trách nhiệm hộ pháp. Nếu quan tâm thì đúng là chẳng có biện pháp gì! Vì thế hãy nên xét kỹ tình thế, làm được thì làm, nếu không làm được mà vẫn cứ làm thì cũng vô ích. Kẻ đáng ngại nhất thì một là người hoằng pháp, hai là kẻ trà trộn để kiếm cơm đã ươm sẵn thành mối họa này. Cho đến khi tai họa ụp xuống vẫn chẳng biết hối cải, chỉ biết cầu người khác, chẳng biết cầu Phật và cầu nơi chính mình, cũng đáng buồn thay! Do vậy Quang giữ chặt chủ nghĩa "chẳng lập đồ chúng" vì quá chán ngán những hành vi ấy, chẳng muốn giúp họ tạo sóng gió để rồi cùng đi đến chỗ bại hoại.

Nghe nói ở Nam Kinh đã có tăng sĩ cưới vợ, ở Bắc Kinh đã tiến hành cướp đoạt tài sản. Những kẻ đoạt tài sản vẫn không cấm người khác tu trì. Sở dĩ như vậy là vì họ muốn mượn danh nghĩa khuếch trương giáo dục để mong lèn đầy túi riêng. Chẳng hiểu nhân quả, chẳng biết đạo làm người, chỉ lăm lăm cậy mạnh nuốt yếu, đã thế tăng không có thật đức, nên mới thành ra ác quả này, buồn thay! Hiện thời quân đội thường đóng quân trong nhà người ta, huống chi là chùa miếu. Ông và vị tăng đầu-đà đều chẳng biết sự thể hiện tại, cứ cầu cạnh người khác, đâm ra chuốc lấy sự hủy nhục, phỉ báng. Chỉ có cực lực tu trì, cầu tam bảo gia bị là thượng sách. Bốn mươi, năm mươi năm trước đây, viện Đại Bi ở Thiên Tân hoàn toàn lọt vào giữa trại lính, hồ tiên[240] quậy phá, sĩ quan trong trại lính chẳng thể ở được, thỉnh lão Hòa Thượng của viện Đại Bi đến liền lặng yên vô sự. Sĩ quan rất tôn trọng, những chuyện quét dọn hằng ngày trong viện Đại Bi đều do các binh lính thuộc doanh trại làm. Buổi tối tăng chúng ra ngoài phóng Diệm Khẩu, trở về kêu cửa, họ liền mở cửa trại. Lại có vị đáp thuyền, thuyền cập bến trong đêm cũng không bị ngăn cấm. Thị trấn Mộc Độc (thuộc tỉnh Giang Tô) có đến một ngàn lính đều đóng trong nhà dân. Nghe nói binh lính gần đây vẫn còn hiền lành, chẳng ngang ngược tàn bạo.

[240] Hồ tiên: hồ ly tinh

Trong lúc này, một là dùng tu trì để cầu tam bảo gia bị, hai là dùng tu trì khiến cho quan lẫn lính đều kính trọng. Hạ viện chùa Linh Nham ở ngoài cửa Tây thành Tô Châu cũng có bốn mươi, năm mươi tên lính ở, chúng còn hiền lành, chẳng nấu đồ mặn trong chùa, đây cũng là chuyện rất khó có vậy. Mong ông hãy nói với vị tăng đầu-đà, từ rày chỉ nên cầu tam bảo, đừng cầu cạnh người khác, cầu cạnh người khác chẳng những vô ích, ngược lại còn bị mang tiếng nhục là bản thân thiếu đạo đức. Kẻ quấy rối thần sẽ gặp tai ương, chắc điều ấy cũng khiến cho cái tâm của kẻ tàn bạo bị nguội lạnh, cũng có thể dùng điều này để hướng dẫn sự "dứt ác, bỏ bạo" vậy. Thân thích của ông khoe khoang giàu có, chẳng mấy chốc sẽ tan cửa nát nhà. Đang trong đời loạn này, vẫn chẳng biết náu mình, đúng là nằm yên trên đống củi chất cao, phía dưới đã đốt lửa, vẫn cứ lầm tưởng đang nhởn nhơ, cứ muốn được trường thọ, an lạc, buồn thay!

Hiện thời các xứ đói kém, há nên biếu tặng ngân nhĩ? Một hộp ngân nhĩ[241] ấy bằng tiền ăn trong một tháng của mấy gia đình, chúng ta ăn xong rốt cuộc có ích chi đâu? Danh tiếng của học đường Lô Sơn, Quang đã nghe ông Vương Ấu Nông nói đến từ lâu, cho rằng đây là do một bậc đại thông gia thành lập. Nhưng trong thời thế này muốn thành tựu nhân tài thật sự mà mỗi chuyện học sinh đều phải tự làm thì thời gian học hành sẽ ít, thời gian làm lụng lại nhiều; đối với kẻ thượng căn thì được, đối với kẻ trung hạ không khỏi khó thể thành tựu. Đang trong thời thế này, học sinh chẳng làm văn, mà muốn học thành tài xong, sẽ tự biết khế lý, thích nghi, sợ rằng kẻ bình thường chẳng thể mong chi thành công được. Lại nghe Tích Quan[242] kể nhiều lần nhà trường sai học sinh xuống núi gánh vải (vải do nữ sinh dệt, gởi xuống tiệm nhuộm ở dưới núi nhuộm cho đẹp, rồi đem về cắt quần áo), đi về hơn trăm dặm, chẳng cho tiền chi dụng. Lời này dường như chẳng thật, nhưng qua điều này cũng có thể thấy được tình trạng chẳng thông cảm cho nỗi vất vả khi học sinh đi ra ngoài. Tích Quan từng đưa một học sinh bị bệnh trở về Nam Kinh, mà Tích Quan cũng đang bệnh rất nặng. Do vậy Thứ Bân[243] giữ lại chẳng cho quay về trường nữa. Dẫu có đến trường cũng chỉ học thành lão nông, lão ngư phủ, còn chuyện đọc sách làm văn muốn đào luyện cho thích hợp lại càng là điều khó nhất trong những điều khó.

---

[241] Ngân nhĩ (tremella fuciformis berk) là một loại nấm màu trắng bạc, hơi trong, có độ nhớt. Nấm mọc thành hình nhiều cánh trông tựa tựa như hoa cúc. Mỗi tai nấm to từ 3 đến 15cm, thường mọc trên gỗ mục vào cuối thu. Dân gian Trung Quốc coi ngân nhĩ là một thứ hết sức bổ dưỡng, có tác dụng kéo dài tuổi thọ, cường thân kiện thể, trường sanh bất lão, nên rất mắc tiền. Thật ra đây cũng chỉ là ngoa truyền, chứ theo dược điển nó chỉ có tác dụng chống bệnh thũng, nhuận gan, ích khí, an thần, dễ tiêu.

[242] Tích Quan là cháu nội của Vương Ấu Nông.

[243] Thứ Bân là con trai cả của Vương Ấu Nông, cha của Tích Quan.

Vị hiệu trưởng ấy vì muốn uốn nắn thói tệ đương thời, nhưng chấp nệ quy cách thời cổ, chẳng biết xử sự linh động để trí óc, thân thể và quốc gia đều được lợi ích. Nhưng các trường học khác thường dạy học sinh học theo nhân cách bại hoại, còn trong nhà trường này chỉ có mỗi một việc ấy (tức vừa học vừa làm) là còn đáng an ủi. Cổ nhân vừa cày vừa học, người hiện thời lìa nhà theo thầy, há nên dùng cách vừa học vừa cày để vun quén nhân tài hay chăng? Những chuyện nấu cơm, trồng rau, đẵn củi, hãy nên để cho những kẻ hầu làm, còn những chuyện khác học sinh tự làm thì chẳng phí thời gian mà cũng chẳng mệt nhọc quá mức, miễn sao chẳng sanh kiêu căng phóng dật là được rồi. Tiếc cho vị hiệu trưởng ấy chưa thấy được điều đó, đến nỗi một phen mang tâm sự tốt lành, hóa ra chẳng có thành tựu gì. Đấy cũng là một tình trạng đáng thương xót nhất trong đời mạt.

Trong thư gởi lại lần trước, ông nói ngày tháng dương lịch khác với âm lịch, nên theo loại nào? Chưa chắc âm lịch đã hoàn toàn biến mất. Dẫu hoàn toàn biến mất nhưng trong dương lịch còn có ghi ngày Sóc, Vọng[244] của âm lịch thì vẫn có thể suy ra biết ngày tháng được. Nếu hoàn toàn chẳng biết thì chỉ dùng cái tâm tiết dục, căn cứ theo dương lịch mà thực hành[245], cũng vẫn được lợi ích do bảo vệ thân thể; bất quá ngày tốt xấu, can chi của mỗi ngày chẳng thể dễ gì biết được. Trong thư trước tôi quên mất không nhắc đến chuyện này.

Ông gởi thư cho thầy Đức Sâm, cho biết sau một năm rưỡi nữa sẽ giao việc nhà cho vợ, sang đất Tô chuyên tâm tu trì tịnh nghiệp, Quang tuyệt đối chẳng cho như vậy là đúng. Nếu vợ ông là người hiểu rõ lý, khéo chăm sóc gia đình, dạy con thì cố nhiên chẳng có gì là không được. Nhưng bà ta là hạng người chẳng hiểu biết gì, ông lại đem hai đứa con chưa được nuôi dạy nên người giao cho bà ta trông nom, tức là ông đã đẩy hai đứa con vào phường hạ lưu rồi đấy, thiếu sót thiên chức của người làm cha quá lớn! Đối với hai đứa con, ông thiếu lòng từ; đối với tổ tiên, cha mẹ, ông bất hiếu; đối với Phật pháp ông trái nghịch tam quy, ngũ giới. Lục độ vạn hạnh trong Phật pháp và luân thường xử thế cũng thuộc trong ấy. Ông ở nhà có thể dẫn chúng nó trở về đường chánh, lắm người trong làng lấy ông làm chuẩn mực. Tuy ông chẳng thi thố lớn lao gì, vẫn có thể là bậc khuôn mẫu cho cả làng. Có lẽ những vị pháp sư khác sẽ ra sức tán thành cách ông làm như thế, chứ Quang chẳng phải là loại nhân vật ấy, ông chớ có hiểu lầm.

---

[244] Sóc: mồng 1, Vọng: ngày Rằm.

[245] Đây là phương tiện tiết dục được nói trong sách Thọ Khang Bảo Giám. Theo đó, mỗi tháng có những ngày kỵ, vợ chồng không được ăn nằm trong những ngày ấy để khỏi bị đoản mạng, tổn phước, sanh ra con cái si ngốc. Những ngày ấy nhằm thánh đản của các vị Phật, Bồ-tát, thánh nhân trong tam giáo, hoặc lục trai, thập trai.

Nếu ông quyết định chẳng nghe theo lời tôi, tôi cũng không có cách gì buộc ông phải nghe theo, nhưng chắc chắn chẳng chấp nhận cho ông sống trong chùa Báo Quốc. Có lẽ tôi có thể làm được chuyện này. Nếu không phải như vậy, tôi trở về đất Thiểm (Thiểm Tây) cũng chẳng ngại gì, chứ không nhất định phải sống tại chùa Báo Quốc cho hết kiếp thừa này. Mỗi người đều có thiên chức, Quang chẳng trụ tại chỗ nào khác mà an trụ tại Báo Quốc cũng là thiên chức vậy. Nếu Quang là kẻ vọng động, vô tri, ắt sẽ sanh lòng kinh sợ lớn lao, khó thể nào an trụ được, người hiểu lý ắt sẽ miệt thị Quang và khinh mạn Phật pháp. Tuy tôi không có sức ngăn kẻ ác, tôi vẫn còn có sức giữ yên người lành. Tôi đi hay ở có quan hệ lớn với người ở Tô Châu, ông đi hay ở sẽ có quan hệ lớn đối với hai đứa con. Tôi vốn chẳng muốn nói lời này, vì lo ông đánh mất thiên chức của người cha nên mới nói đến chuyện hoàn toàn chẳng liên quan đến thiên chức của tôi.

Niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chẳng lạy Phật, lại lạy Ngọc Đế, thật là điên đảo quá! Phật cao siêu hơn Ngọc Đế, nào phải chỉ khác biệt như trời với vực. Người kém hiểu biết thường cảm thấy Ngọc Đế cao quý cùng cực khôn sánh, đấy là căn bệnh chung của phường ngu phu ngu phụ chẳng hiểu Phật pháp. Con người có thể tự kiềm chế mình, thường giữ lòng kiêng sợ, và nghĩ mình chẳng bằng người sẽ chẳng khởi lên ý niệm tranh chấp với người khác. Vì thế Phóng Ông[246] do giữ tấm lòng kiềm chế, kiêng sợ và nghĩ mình chẳng bằng người nên thành bậc thánh triết vậy.

143. Thư gởi nữ sĩ Hoàng Châu Phước Thuần

Thời cuộc chẳng yên, cha bà trở lại, liền nhanh chóng đưa bà về nhà. Chớ học theo kẻ si cho là cha bà chẳng có lòng yêu thương bà. Phải biết, đấy là lòng yêu thương bà thật sự, hơn nữa là do tôi dạy ông ta làm như thế, bà phải khéo hiểu ý tôi! Bà là một phụ nữ, do muốn học theo một trường phái văn chương nào đó, bèn muốn bái một đại văn gia làm thầy ư? Tôi dạy bà một cách giản tiện nhất: Mỗi ngày bà chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm, cầu Phật Bồ-tát gia bị cho bà nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Nếu được như thế thì vừa đọc

[246] Lục Du (1125-1210), tự Vụ Quán, hiệu Phóng Ông, là một thi nhân trứ danh đời Tống. Sống vào thời Nam Tống đang bị quân Kim xâm lăng, ông mang tấm lòng ái quốc nồng nàn, tuy rất giỏi văn chương, vẫn chú trọng học binh thư. Trong khóa thi do Lễ Bộ tổ chức, do đạt điểm cao hơn cháu Tần Cối, lại do viết bài thi nhắc đến mối nhục đất nước yếu hèn, chủ trương làm cho dân giàu nước mạnh, giảm thuế, phát triển thương nghiệp, ông bị Tần Cối đánh hỏng. Khi Tần Cối chết, ông mới được triều đình vời ra làm quan. Do theo phái chủ chiến, ông bị phái chủ hòa trong triều đình ghép tội "cấu kết bè lũ, khuấy động thị phi, hùa theo Trương Tuấn dụng binh" nên bị miễn chức, rồi lại phục chức. Đường hoạn lộ của ông chìm nổi tùy theo phe chủ chiến hay chủ hòa thắng thế. Cho đến tận khi chết, ông vẫn đau đáu ôm ước vọng khôi phục đất nước, đuổi sạch quân Kim ra khỏi bờ cõi.

sách của cổ nhân liền hiểu đạo lý, hiểu cách viết văn, do vậy chẳng cần phải bái sư học văn nữa. Hết thảy kinh, hết thảy sách đều là văn chương, nếu tâm địa mở mang thì lo chi chẳng biết cách viết văn. Tâm địa chẳng mở mang, dù có học cũng chẳng có thành tựu lớn lao. Bà chí thành thì chẳng những thông thạo văn chương mà còn có thể sanh con, vì sao vậy? Nữ nhân xem có con là điều vinh hạnh. Tuy chồng bà ăn ở có tình có nghĩa, không để ý đến chuyện có con hay không, rốt cuộc vẫn chẳng bằng có con hòng thỏa mãn ý nguyện cưới vợ. Phẩm Phổ Môn nói: *"Nhược hữu nữ nhân, thiết dục cầu nam, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát, tiện sanh phước đức trí tuệ chi nam"* (Nếu có người nữ, ví như muốn cầu con trai, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát bèn sanh con trai phước đức, trí tuệ). Không bao lâu nữa tôi sẽ chết, do bà vừa là đồ đệ vừa là đồ tôn của tôi, nên tính toán cho bà tôi đều tính trên đại thể. Bà phải khéo hiểu ý tôi, tự nhiên bà sẽ dùng được cả đời vẫn chẳng hết.

144. Thư gởi nữ sĩ Chu Phước Uyên

Con người sống trong thế gian, cha mẹ, thọ mạng, tướng mạo, học vấn, chồng vợ, con cái đều do nghiệp đã tạo trong đời trước chiêu cảm. Nếu có đại công đức, đời này sẽ hơn gấp bội so với đời trước. Nếu có tội lỗi lớn, sẽ kém hơn đời trước bội phần. Do vậy phải sốt sắng tu trì để bù đắp nghiệp trước. Bà muốn có một người chồng tốt có học vấn, có tài năng, có phong thái đạo đức thì sợ rằng đời trước bà chưa vun bồi được phước ấy nên tấm lòng si dại của bà chưa thể thỏa mãn được đâu. Kinh Lăng-nghiêm nói kẻ niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì cầu vợ được vợ, cầu con được con. Cầu vợ nơi Bồ-tát nghĩa là cầu Bồ-tát gia bị để được vợ hiền, có trí tuệ, phước đức, bà cầu chồng cũng vậy thôi. Dốc hết sức niệm Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ được mãn nguyện. Nếu không, dù lấy được người chồng tốt, có thể ông ta lại đoản mạng, lắm bệnh, gặp họa hoạn v.v.. Huống chi chưa chắc đã lấy được người chồng tốt đó ư? Bà chớ nên cậy xinh đẹp rồi khởi tâm kiêu ngạo, chẳng dứt được cái tâm ấy sẽ khó thể được phước. Bà nghe kỹ lời tôi sẽ được thọ dụng vượt xa hơn phước đã vun bồi trong đời trước nhiều lần lắm!

145. Thư gởi cư sĩ Chu Pháp Lợi (ba lá thư)

1. Xem thư ông, những gì ông nói đều chỉ là do bày trò đùa bỡn, hoàn toàn chẳng phải do từng trải thật hành mà có. Thời cuộc hiện tại không tốt, thương nghiệp suy kém, do chẳng thể kiếm tiền nhiều, ông bèn chẳng muốn buôn bán, lại muốn theo đuổi nghề Nho, nhưng trong thương trường bẩn thỉu, bừa bãi, chẳng nên dấn mình vào sóng gió để bị chìm đắm. Nho và thương nghiệp xét chung giống như nhau. Con buôn keo bẩn, bừa bãi, người ta dễ biết, chứ nhà Nho xấu

xa, bừa bãi, vẫn được người khác ngưỡng mộ, nếu ông không có tri kiến lỗi lạc ắt sẽ bị hãm vào chỗ nước xoáy ấy. Ông chỉ học được thói ăn nói lớn lối, chẳng biết "đạo Nghiêu - Thuấn là hiếu đễ mà thôi!" Đạo của quân tử nằm trong vòng con cái, bầy tôi, em, bè bạn.

Thấu hiểu cùng tận lý của sự vật trong thiên hạ thì tuy là bậc thánh nhân vẫn chưa chắc đã làm được. Nhưng trừ khử được món vật tư dục trong tâm của chính mình thì sự lý của mọi sự vật trong thiên hạ sẽ đều thấu hiểu cùng tận (Tư dục trong tâm, nêu lên những thứ nặng nề nhất thì chính là tham, sân, si, tài, sắc, của cải, thanh danh, quyền thế, địa vị, hễ có điều gì ham muốn đều là tư dục cả. Ngay như bọn Lý học nói lý trái lẽ là vì tư dục quá lớn vậy. Lúc này đất nước lắm tai nạn, nhân dân thống khổ đều là vì bọn Lý học phá nhân quả rồi thai nghén thành hình, chẳng thể không biết). Thánh nhân dạy người phương pháp "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" chính là dạy con người tu dưỡng từ gần đến xa, từ thân đến sơ, sao cho tư dục trong lòng người bị trừ khử thì lương tri sẵn có sẽ tự phát hiện. Từ đấy ý thành, tâm chánh, thân tu, gia tề, nước trị, thiên hạ bình. Há có phải thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ rồi mới có thể thành ý chánh tâm ư? Nếu nói như vậy thì kẻ chẳng đọc trọn khắp hết thảy các sách thế gian và xuất thế gian, chẳng đi khắp các nước sẽ chẳng có hy vọng "thành ý, chánh tâm" hay sao?

Phải biết, trừ khử tư dục để thấu tỏ lương tri hòng thành ý chánh tâm thì người tuy chẳng biết một chữ vẫn có thể làm được. Nếu do thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ để cầu đạt đến tột cùng, dù có là thánh nhân vẫn chẳng thể làm được. Ông chẳng biết họ Chu (tức Chu Hy) hiểu sai chữ "vật" và chữ "cách" nên báng Phật, phá nhân quả, luân hồi; lại còn ăn trộm cách tham cứu của Thiền tông để tự khoe tài, vì thế nói "một mai bừng tỏ liền thông suốt". Nếu ông nghĩ giải thích chữ "cách vật" theo kiểu của họ Chu là đúng thì dẫu ông "cách" suốt cả đời vẫn chẳng đạt đến chỗ cùng tận, nói gì đến chuyện "bừng tỏ, thông suốt"! Lời bàn luận dài dòng lần này quan hệ rất lớn, do vậy tôi khuyên ông cũng nên đưa cho cha ông đọc thư này. Còn chuyện ông theo đuổi nghề buôn bán hay nghề Nho, ông hãy tự suy xét. Nếu đọc đến phần nói về căn bệnh của ông trong đoạn thư trước chẳng sanh lòng cảm kích, trái lại sanh ra phiền não thì ông làm thương nhân cũng sẽ là ngụy thương, làm nhà Nho cũng là ngụy Nho. Theo đuổi việc dạy dỗ người khác mà lìa khỏi luân thường, nhân quả thì cũng chỉ rớt vào tình cảnh thật sự là "tự lầm, lầm người" mà thôi. Sợ ông còn mơ màng chẳng thấy được điều này nên phải nói sẵn. Nếu không tin tưởng, chẳng ngại gì giữ lại thư này để sau này làm gương nhằm biện định thành hay bại do tuân theo hay chống trái.

Quốc Học Chuyên Tu Quán ở Vô Tích do quan Hàn lâm đời Thanh trước kia là Đường Văn Trị sáng lập. Ông này hai mắt không thấy đường. Bộ Thập Tam Kinh Độc Bản do ông ta chú giải, ông Thi Tỉnh Chi bỏ ra mấy vạn đồng khắc ván, in được 200 bộ, cậy Quang viết lời tựa; nhân đó Quang xin gởi cho một bộ. Một bộ gồm hơn 80 cuốn, không gắn dây đánh dấu, không in phần thư căn[247], hơn 80 cuốn sách ấy làm sao có thể kiểm nghiệm cho được? Do vậy biết họ chỉ tuân theo lối cổ, chẳng biết làm lợi cho người khác. Quang bận bịu lắm việc, chẳng thể nào đọc hết được. Giở xem đại lược, thấy ông ta chỉ ra những thiên Thuấn Điển, Thái Giáp, Hàm Hữu Nhất Đức, Thuyết Mạng v.v. trong kinh Thư đều là ngụy tạo; đối với thiên Hàm Hữu Nhất Đức đều lấy những "sách" đã dẫn trên đây để làm chứng, chẳng nghĩ kẻ ngụy tạo có thể dẫn những đoạn kinh văn thuộc phần sau thiên Hàm Hữu Nhất Đức. Há những người viết ra những sách[248] ấy chẳng được trích dẫn phần trước của thiên Hàm Hữu Nhất Đức ư? Do vậy Quang sợ quá, sau này gặp ông Thi Tỉnh Chi cho biết: Ông Đường muốn làm bậc cao nhân đệ nhất từ ngàn xưa tới nay, bèn làm ra vẻ lập dị hòng lưu danh cho đời sau, đến nỗi mắt của chính mình không thấy được ánh sáng mặt trời nữa, chẳng đáng buồn ư?

---

[247] Dây đánh dấu (thư thiêm - bookmark): Cái thẻ để cài vào sách nhằm đánh dấu phần đã đọc, hoặc sợi dây dẹp để đánh dấu phần sách đã đọc đều gọi là "thư thiêm".

Thư căn: Vì không tìm được từ tương ứng để diễn tả chữ này, chúng tôi đành để nguyên không dịch. Trong cách in sách chữ Hán, mỗi trang thường chừa một khoản trống bên trái trang sách (tức phần "giáp lai") để ghi tên sách, số trang, số quyển cho tiện; nói cách khác, nó tương ứng với phần header hay footer trong Microsoft Word.

[248] Kinh Thư, gọi đầy đủ là Thượng Thư, là một trong năm kinh của Nho gia. Theo Hán Thư, thiên Văn Nghệ Chí, sách này do Khổng tử chỉnh lý, biên tập, gồm một trăm thiên. Đến thời Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò, quan Bác sĩ Phục Sanh (có thuyết nói là Phục Thắng) lén đem giấu trong vách, khi Lưu Bang lật đổ nhà Tần, lập ra nhà Hán, Phục Sanh tìm lại thấy sách đã bị hư mất mấy chục thiên, chỉ còn sót lại 29 thiên. Sau đấy triều đình nhà Hán sai Tiều Thố đến nghe Phục Sanh giảng sách, ghi chép lại thành bộ Thượng Thư hiện thời (mệnh danh là Kim Văn Thượng Thư để phân biệt với Cổ Thượng Thư do những người khác sưu tập được, chẳng hạn như bản của Khổng An Quốc - cháu đời thứ 11 của Khổng tử). Nội dung của sách Thượng Thư được chia thành bốn phần chánh, mỗi phần gọi là Thư (sách), tức Ngu Thư, Hạ Thư, Thương Thư và Chu Thư, chép các điển chế từ thời Nghiêu Thuấn đến đời Tần Mục Công thời Xuân Thu. Thuấn Điển, Thái Giáp, Hàm Hữu Nhất Đức, Thuyết Mạng đều là những thiên sách trong Thượng Thư. Đôi khi người ta cũng gọi mỗi thiên của Thượng Thư là sách (điển hay thư). Ông Đường Văn Trị cho những thiên vừa được nói trên đây đều là ngụy tạo vì thiên Hàm Hữu Nhất Đức trích dẫn những câu trong những thiên trước. Tổ Ấn Quang chỉ ra chỗ mâu thuẫn, khiên cưỡng trong lập luận này: Kẻ ngụy tạo có thể dẫn cả những phần nằm trước Hàm Hữu Nhất Đức hay sau thiên đó, đâu có gì buộc họ chỉ được quyền trích dẫn những phần nằm trước mà thôi. Hơn nữa khi viết sách, có ai cấm tác giả không được trích dẫn những sách khác hoặc những điều đã được nói trong những chương trước.

2. Hôm trước đã nhận được thư của ông đủ cả. Ông đã lấy vợ, phải thường mang ý niệm làm vui lòng cha mẹ. Vợ chồng kính trọng lẫn nhau, chớ nên vì hiềm khích nhỏ nhặt mà đến nỗi vợ chồng chẳng hòa thuận khiến cho cha mẹ đau lòng. Sách Trung Dung nói: *"Thê tử hảo hợp, như cổ sắt cầm, huynh đệ ký hấp, hòa lạc thả đam. Nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa"* (Vợ con vui vẻ hòa hợp như khảy đàn sắt, đàn cầm[249]. Anh em hòa thuận, vừa yên vừa vui. Cửa nhà yên ổn, vợ con vui vầy). Khổng tử nói "phụ mẫu kỳ thuận hỹ hồ" chính là nói vợ chồng, anh em hòa thuận thì lòng cha mẹ vui sướng vậy. Nay làm phận con, không lâu sau lại sẽ làm cha kẻ khác, nếu chẳng thực hành đạo khiến cho cha mẹ vui sướng, ắt sẽ sanh con ngỗ nghịch, bất hiếu. Ví như nước nhỏ giọt ở mái hiên, từng giọt từng giọt, giống hệt như nhau. Quang già rồi, chẳng thể thường răn dạy ông, ông chịu nỗ lực trọn hết đạo làm con ắt sẽ có thể dự vào bậc thánh bậc hiền, tương lai vãng sanh Tây Phương, đấy chính là pháp lợi ông sẽ đạt được. Vợ ông có pháp danh là Pháp Ích, chịu hành theo pháp sẽ đạt được lợi ích chân thật.

Bệnh cùi[250] là căn bệnh chẳng dễ gì trị được, năm ngoái do ông Bàng Tánh Tồn đi phát chẩn, tìm ra được cách trị, nay gởi cho ông phương thuốc ấy (tức là bài thuốc trị bệnh cùi ở sau cuốn Sơ Cơ Tiên Đạo (hướng dẫn cho người sơ cơ)), mong hãy lưu hành rộng khắp. Nếu quý địa cũng có căn bệnh này thì chẳng ngại gì đề xướng loại ngao cao[251] này cho mọi người.

3. Ở ngân hàng, trong hết thảy mọi lúc, ông phải chú tâm cẩn thận, đừng học thói ăn nói lớn lối, chẳng tích cực dốc lòng vào mọi chuyện nhỏ nhặt. Phải biết thái độ ấy là thái độ của kẻ bại hoại, bởi chưa làm chuyện lớn đã coi thường chuyện nhỏ, tưởng mình tài năng lớn lao, cớ gì phải ràng buộc bởi chuyện này? Phải biết đấy là mầm mống của phường hạ lưu dối mình lừa người. Phàm người làm việc lớn, quyết chẳng chịu khinh thường chuyện nhỏ. Phàm ai khinh thường

---

[249] Sắt là một loại đàn cổ thường đặt nằm ngang khi diễn tấu, hình dáng tương tự như đàn tranh, thân đàn làm bằng gỗ tử, nhưng có hai mươi lăm dây, mỗi dây có một trục đỡ (con sáo, hoặc con nhạn) có thể di chuyển được nhằm điều chỉnh độ căng của dây đàn. Loại đàn này thịnh hành cho đến cuối đời Đường thì hầu như rất hiếm thấy sử dụng. Cầm tức là cổ cầm (còn gọi là dao cầm, hoặc thất huyền cầm), là một loại đàn hơi giống như đàn sắt, nhưng chỉ có bảy dây, thân bằng gỗ ngô đồng, âm thanh trầm ấm, lan xa, chứ không lảnh lót, réo rắt như đàn sắt. Hai loại đàn này thường được dùng để hòa tấu chung với nhau, nên thường dùng để ví cho tình chồng vợ.

[250] Nguyên văn "ma phong": Chúng tôi vẫn băn khoăn không biết đây có phải thật sự là bệnh cùi hay không, hay chỉ là một loại bệnh lở loét ngoài da. Vì cho đến tận giờ, vẫn chưa nghe thấy Trung Quốc đã tìm ra được thuốc trị bệnh cùi. Xin ghi lại như một điều tồn nghi.

[251] Ngao cao: Đây là một cách chế thuốc cao trong y học cổ truyền Trung Quốc, dùng nước hoặc rượu làm dung môi (chất hòa tan) để ngâm dược liệu vào, đun nóng từ từ cho chất thuốc ngấm ra, rồi cô đặc lại. Một cách khác là ép dược liệu lấy nước, rồi cô đặc.

chuyện nhỏ, chắc chắn chẳng thể đảm nhiệm chuyện lớn. Vì sao biết vậy? Do quân tử hành xử đúng với địa vị. Ông thuộc địa vị làm chuyện nhỏ, nhưng chẳng chịu trọn hết chức trách và bổn phận, cho rằng ta cần gì phải dụng tâm nơi chuyện này, vậy khi được làm chuyện lớn thì kiêu căng, phóng túng, buông lung sẽ dấy lên, ấy là vì cội rễ chưa lập, do đâu mà cành nhánh tươi tốt, tỏa rộng cho được?

Ví như một người có chút tài mọn, cũng có đôi chút tu trì, trong tâm bèn cảm thấy ta rất cao minh, tu trì dữ lắm. Do đó cái tâm ngạo nghễ, ngã mạn sẽ chiêu khởi những oán gia đối đầu từng bị ta hãm hại trong đời trước nhập vào thân tâm hiện thời, đến nỗi tài chẳng thành gì, tu chẳng ra chi! Nếu kẻ ấy khiêm cung hiếu thuận, do sức tu trì ấy sẽ tiêu diệt được túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, mai sau lâm chung sẽ vãng sanh Tây Phương, được lợi ích thật sự là siêu phàm nhập thánh. So với những kẻ tự lầm lạc ngạo nghễ, lợi hại nào phải chỉ khác biệt như trời với vực. Chuyện này đương nhiên ông phải biết, ngõ hầu dùng điều này làm hướng dẫn cho tương lai của ông vậy.

146. Thư trả lời cư sĩ Tăng Di Chi

Đọc những gì ông Diêu Hà Sanh kể về mọi chuyện trong lúc cha ông ta là Tiết Khanh lâm chung, biết đó là vì lúc bình thường quả thật cụ ấy chưa nhất quyết muốn vãng sanh. Nếu nhất quyết muốn vãng sanh, há lẽ nào bảo người nhà niệm Quán Âm để cầu lành bệnh, đợi khi tắt thở rồi mới niệm Phật ư? Người niệm Phật bị bệnh liền nghĩ là sắp chết, nhất tâm niệm Phật. Nếu tuổi thọ chưa hết, sẽ đâm ra chóng lành. Nếu chỉ mong lành bệnh tức là sợ chết, có cái tâm sợ chết sẽ khó cảm được Phật. May là Tiết Khanh lâm chung có người trợ niệm, Hà Sanh chẳng tiếc nuối vì chưa kiệt lực trợ niệm, lại ngược ngạo buồn tiếc rằng thuốc thang chưa tinh tường đến tột cùng, đúng là vô vị đến cùng cực. Cha sắp chết, há còn cần phải mời thầy thuốc khám bệnh (do chẩn trị càng thêm mù quáng), há có nên sau đó lại nói những lời lẽ tệ hại vô vị ấy hay chăng?

Dựa theo tình hình lúc Tiết Khanh lâm chung, phần nhiều là do sức người khác trợ niệm. Người trợ niệm nên hướng dẫn quyến thuộc cả nhà đều cùng niệm Phật. Cư sĩ Trương há nên sợ phiền rồi chẳng hỏi đến con cái ông cụ? Những chuyện này cũng đều là vì chẳng biết sự thể của việc trợ niệm, sau này phải chú ý, phải cực lực khuyên cả nhà hãy chuyên tâm niệm Phật. Nhờ sức trợ niệm nên Tiết Khanh lâm chung có tướng lành; thiêu xong, xương trắng sạch, lại có miếng xương đỏ như hoa sen. Ấy đều là do nhân duyên Phật pháp và thiện hạnh cảm thành. Còn như nói xương Quán Âm đều là màu hoa sen đỏ, lời lẽ ấy phát xuất từ sách vở do ngoại đạo ngụy tạo, chẳng đáng tin cậy (Quán Âm chính là vị cổ

Phật trong quá khứ, ai thấy màu xương của ngài như thế nào, quả thật kinh Phật chẳng hề nói đến).

Hà Sanh nói "do phạm lỗi kê toa thuốc không khéo, và sau này cha nhiều lần bị bệnh trầm kha, không thể tiêu tan được mối tiếc hận ấy v.v. ", đều là nói nhảm nhí! Sao không suất lãnh người nhà ông ta bỏ ngủ quên ăn chí tâm niệm Phật để nếu như cha chưa được vãng sanh bèn vãng sanh ngay, nếu đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm sen? Quang mục lực, tinh thần đều chẳng đủ, nhưng do thấy những điều sai lầm của cha con Hà Sanh và cư sĩ Trương, không thể không chỉ ra từng điều một, ngõ hầu sau này ai nấy đều được vãng sanh Tây Phương.

147. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương

(Ngày 18 tháng 10 năm Dân Quốc 28 - 1939)

Nhận được thư khôn ngăn cảm thán, may là bưu phiếu bị sai; nếu không, các ông sẽ tưởng chuyện sai lầm là trợ niệm đắc lực (khoảng giữa hạ sang thu năm nay, ôn dịch xảy ra dữ dội tại huyện Độc Sơn, Quý Châu, có hai đệ tử nhiễm bệnh dịch qua đời). Trần Tông Từ sau cơn thổ tả nằm trên giường niệm Phật, nhẹ nhàng qua đời, hoàn toàn không có hiện tượng rên rỉ khổ sở. Do tâm chính mình chẳng điên đảo, mọi người trợ niệm, ắt được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Tông Tịnh sau cơn thổ tả, thần thức rất thanh tịnh, vẫn muốn được lành bệnh bèn niệm Quán Âm. Đây cũng là sự sai lầm do ít đọc những sách Tịnh độ và Văn Sao. Hễ có bệnh liền nghĩ sắp vãng sanh, niệm Phật cầu vãng sanh, nếu tuổi thọ trong cõi đời chưa hết chắc sẽ mau được lành. Nếu tuổi thọ trong cõi đời đã hết, chẳng đến nỗi vì cầu lành bệnh mà chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật. May là ông ta tự biết chẳng thể vãn hồi được nữa, bèn ngồi xếp bằng niệm Phật, dặn dò người nhà. Câu đầu tiên bèn nói: "Ta chết rồi đừng động đến di thể", ấy là vì muốn ngồi qua đời để làm gương cho những người cùng chí hướng. Tiếp đó dặn đừng sát sanh, chẳng dùng đồ mặn để cúng bái v.v., và bảo báo cho ông biết để chuyển tin cho Quang, rồi nhất tâm niệm Phật và dặn người nhà trợ niệm.

Tông Khiết hoàn toàn chẳng biết sự quan trọng của việc trợ niệm: "Không động đến thân thể thì tâm chẳng vì bị động mà không thể quy nhất. Hoặc nếu do thân không có sức, lại do bị dời động sanh đau đớn, tâm sân hận sẽ khởi lên." Tông Khiết lầm lạc đặt thân thể của Tông Tịnh nằm xuống, ngay lập tức Tông Tịnh sân tâm bùng lên, cho nên sắc mặt đỏ bừng. May là mọi người tưởng lầm đã đến lúc vãng sanh bèn lớn tiếng niệm Phật, ông ta còn có thể mấp máy môi niệm theo, vẫn chưa đến nỗi hỏng chuyện. Đến khi tắt hơi rồi, một chân còn chưa duỗi ra là vì Tông Tịnh muốn nhỏm dậy nhưng lực bất tùng tâm. Do vậy Tông Khiết

nói: "Cụ co được một chân, bèn nhỏm dậy muốn ngồi, nhưng không còn sức nữa, bèn nằm thẳng đờ qua đời!" Nếu không bị Tông Khiết mù quáng quấy rối, cảnh tượng lúc Tông Tịnh mất sẽ là chuyện lạ được đồn đại cả một vùng. Nhưng tắt hơi rồi, vẫn còn có những chuyện như co chân, nhỏm dậy v.v. cũng là rất không bình thường, chắc là ông ta cũng được vãng sanh.

Hiện thời gởi sách đến nơi xa rất khó khăn, trước đây tôi vốn muốn gởi sách, cho người hỏi bưu cục, họ nói "không thể gởi được". Đợi đến lúc gởi được sẽ gởi cho những sách thiết yếu. Công phu của Tông Tịnh đủ để chứng tỏ ông ta vượt trội bọn ta, trải qua một phen bị phá hoại như vậy, sau khi tắt hơi vẫn còn hiện tướng co chân, nhỏm dậy, cũng là chuyện trong trăm ngàn vạn người hiếm có được một hai kẻ. Đủ biết rằng, người trợ niệm phải theo chương trình. Tuy Tông Khiết chẳng biết chương trình, há có nên chẳng y theo lời ông ta dặn dò "mất rồi không động đến thân thể" ư? Vẫn cứ tưởng mình trợ đạo, chẳng biết mình đã phá hoại. Nhưng người sở đắc sâu xa thì vẫn chẳng đến nỗi chẳng được hưởng lợi ích vãng sanh vậy!

Hơn mười năm trước, Trịnh Huệ Hồng ở huyện thành Bảo Sơn tỉnh Vân Nam gởi thư xin quy y, rồi khuyên cha mẹ niệm Phật. Năm Dân Quốc 22 (1933), Huệ Hồng mất. Bà mẹ tình thương con quá đậm bèn uống thuốc độc, ngồi xếp bằng, chắp tay niệm Phật qua đời, vẻ mặt tươi nhuận, so ra còn đẹp đẽ hơn lúc sống. Người trong cả một vùng nghe chuyện, từ đấy niệm Phật quá nửa. Cha Huệ Hồng tên là Bá Thuần, pháp danh Đức Thuần, là kẻ sĩ học rộng nhưng chẳng muốn ra làm quan, trước đấy đã nghiên cứu kinh Dịch mấy năm, rồi nghiên cứu kinh điển của thuật luyện đan, sau đó nghiên cứu Thiền tông. Huệ Hồng buôn bán ở bên ngoài, gởi cho cha rất nhiều sách Tịnh độ khuyên tu tịnh nghiệp, ông ta bèn chuyên tu tịnh nghiệp, đồng thời làm người hướng dẫn cho cả vùng, nhưng người tin theo rất ít. Do bà vợ ông ta uống thuốc độc, ngồi xếp bằng, chắp tay niệm Phật qua đời, kẻ không tin đều sanh lòng tin. Người phụ nữ đó chưa từng học hành, uống thuốc độc xong có thể hiện tướng chẳng thể nghĩ bàn ấy, đủ biết được lợi ích của pháp môn này là rất khó có, hy hữu vậy!

Do loại tiền năm cắc[252] (số tiền gởi bằng mỗi tờ 5 cắc tính gộp lại là 22 đồng), là loại chẳng thể dùng được, ông bèn gởi bù, đây cũng là do sự mất mát nhỏ nhoi mà được sự lợi ích lớn lao, sao lại nói là "sự mất mát nhỏ nhoi"? Ông hoàn toàn chẳng biết Quang là người như thế nào, trong lòng cứ áy náy vì bưu phiếu 22

[252] Thời ấy, chính quyền Dân Quốc đột nhiên đổi loại tiền năm cắc thành một đồng, tăng lệ phí tem thư từ hai cắc lên bốn cắc. Điều này khiến cho những đồng năm cắc cũng như bưu phiếu năm cắc đang lưu hành không dùng được nữa.

đồng vô dụng, mong Quang gởi trả lại để điều đình với bưu cục đổi cho bưu phiếu khác. Chẳng biết Quang suốt đời chẳng dùng tiền sai quấy! Hễ có tiền, nếu không dùng để in sách, tặng sách, cũng dùng tiền đó để cứu trợ tai nạn, giúp kẻ ngặt nghèo, chẳng thu đồ đệ, chẳng làm trụ trì chùa miếu, chẳng để lại gì hòng kỷ niệm sau khi mất, trừ quần áo bản thân đang mặc ra, đều dùng làm chuyện công ích; 22 đồng dẫu vô dụng cũng giống như đem cho nhà nước. Ông làm cách đó chính là dùng thói trẻ nít đầu đường xó chợ để xét Quang vậy. Nhưng nếu chẳng do chuyện này, chưa chắc đã đặc biệt nói đến chuyện của Tông Từ, Tông Tịnh. Do những chuyện này, mong mọi người niệm Phật đều được nhờ sức trợ niệm vãng sanh, đấy là lợi ích không chi lớn lao hơn được!

148. Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Dân (năm lá thư)

(Ông này pháp danh là Đức Huệ. [Những lá thư này được viết trong khoảng thời gian] từ năm Dân Quốc 21 - 1932 đến năm Dân Quốc 28 -1939. Tập hợp những sao lục trích yếu)

1. Dùng "chắp mười ngón tay" để xin quy y, há cõi đời có lẽ ấy hay chăng? Kẻ muốn học nghề cạo đầu, chữa chân, khi bái sư cũng phải ba lần quỳ, chín lần dập đầu, huống chi quy y tam bảo, muốn nhờ đó để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử ư? Khinh mạn như thế, sao dám chấp nhận để tự khinh ư? Vì thế đem nguyên thư gởi lại, mong hãy kiếm vị minh sư khác!

2. Người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, tự hành dạy người cùng tu tịnh nghiệp. Lúc niệm Phật cần phải thâu nhiếp tai lắng nghe, từng chữ từng câu chẳng để luống qua, lâu ngày chầy tháng, thân tâm sẽ quy nhất. Một pháp lắng nghe đúng là pháp quan trọng trong pháp môn niệm Phật, bất luận là ai đều có lợi chứ không có điều tệ, công đức rất sâu. Chẳng như những pháp quán tưởng v.v. người biết pháp sẽ được lợi ích, kẻ chẳng biết pháp phần nhiều bị tổn hại. Vì thế chẳng thể dạy kẻ chẳng hiểu giáo lý, chẳng thông tánh thể tu tập những pháp quán tưởng v.v.. Ông muốn quy y, bèn đặt pháp danh là Đức Huệ. Dùng pháp tín nguyện niệm Phật để tự lợi mình lợi người, công đức chẳng thể nghĩ bàn!

3. Hôm trước nhận được khoản tiền 10 đồng do ông gởi, nay đã đem 100 đồng để phụ giúp hành động tốt lành của một đệ tử thuộc thành phố này, 10 đồng của ông cũng nằm trong số đó. Quang hễ có tiền bèn dùng ngay, hoặc là dùng để in kinh sách, hoặc để cứu trợ tai nạn, ngõ hầu những ai gởi biếu Quang đều được

quy công vào thật tế. Cho đến lúc chết, Quang chỉ mang theo y phục tùy thân mà thôi, để khỏi bị sau khi chết đi, kẻ được hưởng tài vật rủa sả là con quỷ tham lam.

4. Bệnh của con gái lệnh hữu đã lành, cũng là do lòng thành của bà nội cảm nên. Phàm uống nước đã được gia trì bằng chú Đại Bi, kẻ chí thành sẽ thấy linh nghiệm, kẻ chẳng chí thành khó thấy được hiệu quả. Sách do lệnh sư soạn đã được tiên sinh Đinh Trọng Hựu[253] khen thì được rồi. Quang mắt đã gần lòa, ngay khi viết thư này phải dùng cả kính lão lẫn kính lúp, miễn cưỡng gò gẫm. Cái thói sáo rỗng chưa thấy cuốn sách ấy mà đã viết lời bàn luận, khen ngợi, Quang tuyệt đối chẳng có gan viết. Nay mục lực ngày càng suy, trí nhớ ngày càng kém, sách đã không thể đọc được thì lời tựa cũng chẳng thể nào viết được. Hai thứ sách đề nghị, yêu cầu viết lời tựa, lời bình đều gởi lại bằng thư bảo đảm, từ rày đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y do không đủ sức để thù tiếp.

5. Ông là người đề xướng thì phải nên ăn chay trường để làm gương. Điện Quán Âm nên đợi thái bình rồi hãy xây cất để khỏi bị kẻ khác nghĩ ông có tiền rồi nảy sanh ý xấu. Mẹ ông đã ngoài sáu mươi, hãy nên nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chớ có tâm cầu phước báo trời người đời sau. Tâm hễ có một niệm cầu phước báo trời người đời sau sẽ chẳng thể vãng sanh Tây Phương được. Bốn pháp danh viết trong tờ giấy khác, gởi kèm theo thư. Tiền hương kính không cần phải gởi thêm, hiện thời Quang chẳng có chuyện gì cần dùng đến tiền, chỉ mong mọi người ai nấy ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, ngoài ra chẳng mong cầu chi hết. Pháp sư Đức Sâm hiện đang ở chùa Thái Bình tại Thượng Hải đợi giảo chánh các sách. Hiện tại bưu điện chẳng thể gởi các bưu kiện theo đúng thời hạn được, sợ bị lạc mất. Vì thế thầy ấy ở luôn tại đất Thân (Thượng Hải) để giảo chánh cho ổn thỏa. Hoằng Hóa Xã do giao thông hiện thời chẳng tiện, chuyện gì cũng gian nan, phạm vi bị thu hẹp lại, ba người tại gia đều từ biệt ra đi. Do thầy Đức Sâm vẫn còn ở đất Thân, Quang phái một vị tăng tạm thời thay thế lo liệu. Phương pháp "chiếu theo giá vốn, và nhận tiền xong mới giao sách" do vấn đề thời cuộc, sách gởi bị lạc mất giữa đường, nên không đủ sức và có sách để gởi tiếp tục được. Không phải chúng tôi khắc nghiệt mà do thời thế xui khiến cho chẳng thể không làm như vậy được.

149. Thư trả lời đại sư Thiện Giác

(Tháng 2 năm Dân Quốc 29 - 1940, đính kèm thư gởi đến)

[253] Trọng Hựu chính là tên tự của ông Đinh Phước Bảo, tác giả bộ Phật Học Đại Từ Điển.

"Lão pháp sư Ấn công từ bi soi xét, ngưỡng mộ bậc Thái Sơn, Bắc Đẩu đã lâu, hận chưa thể đích thân hầu hạ. Đệ tử từ khi xuất gia đến nay đối với pháp môn Tịnh độ sanh lòng tín nguyện sâu xa, hành trì theo pháp này kể ra cũng đã lâu rồi. Gần đây do đọc cuốn Nghiên Cứu So Sánh Giữa Khoa Học Và Phật Pháp, thấy trong tác phẩm ấy nữ sĩ Lã Bích Thành gởi thư cho cư sĩ Vương Quý Đồng[254], nói: Trong 48 nguyện có câu "chỉ trừ ngũ nghịch", nhưng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật lại chấp nhận cho kẻ ngũ nghịch được vãng sanh, cho là hai kinh mâu thuẫn lẫn nhau, lòng tin bèn lui sụt, ông Vương Quý Đồng trả lời chẳng thật tường tận. Đệ tử chướng nặng si nhiều, đối với điều này cũng sanh nghi hoặc sâu đậm, lại sợ người khác cũng sanh mối nghi này, vì thế riêng dâng thư này, rạp mình khẩn cầu thầy từ bi thương xót, khai thị tường tận để đệ tử và hết thảy chúng sanh trong hiện tại, vị lai đều được trừ nghi sanh tín, cảm tạ khôn cùng. Thêm nữa, trong 48 nguyện, phía sau câu "chỉ trừ ngũ nghịch" còn có bốn chữ "phỉ báng chánh pháp", còn Quán kinh không có, chẳng biết có phải là do bốn chữ này nên hai kinh chẳng mâu thuẫn lẫn nhau hay không?"

* * *

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, lợi ích khác biệt với những pháp môn thông thường rất lớn. Xưa nay có nhiều người cứ dựa theo những pháp môn phổ thông để luận định pháp môn Tịnh độ, do vậy tự lầm

[254] Vương Quý Đồng (1875-1948) tự Tiểu Từ, là một cư sĩ kiêm khoa học gia, nguyên quán tại Vu Hồ, tỉnh An Huy, nhưng sống tại Tô Châu, được dạy dỗ theo truyền thống Nho học, tốt nghiệp trường Đồng Văn Quán ở Bắc Kinh. Năm Quang Tự 28 (1903), ông hợp tác với Thái Nguyên Bồi và Uông Doãn Tông sáng lập tạp chí Nga Sự Cảnh Văn nhằm nêu rõ dã tâm xâm chiếm Trung Hoa của đế quốc Nga La Tư khi ấy. Cuối thời Quang Tự, ông Quý Đồng sang châu Âu du học, tốt nghiệp về ngành điện cơ tại Anh, từng học việc tại Đức, tham gia sáng chế máy biến áp đổi dòng điện xoay chiều thành một chiều, viết luận văn về đề tài tính toán thiết kế mạng lưới phân bố điện bằng tiếng Anh rất được giới khoa học châu Âu khen ngợi. Đầu thời Dân Quốc, ông về nước, làm việc trong viện khoa học Trung Quốc, từng dạy học tại đại học Bắc Kinh, là đồng sự của những người nổi danh thời ấy như Hồ Thích, Cổ Hồng Minh v.v.. Sau đó ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trong giới khoa học gia. Từ thời trẻ, ông Vương cho hết thảy tôn giáo đều là mê tín, mãi cho đến khoảng 30 tuổi, do nghe cư sĩ Dương Nhân Sơn giảng thuyết Phật pháp, mới chú tâm nghiên cứu Phật pháp, rồi đặc biệt ham thích Duy Thức và Nhân Minh Học. Đến tuổi trung niên, ông chuyên tâm khán thoại đầu của nhà Thiền, lập Phật đường trong nhà, mỗi ngày tọa thiền hết một cây hương. Ông cũng từng viết lời tựa cho các sách Duy Thức Nghiên Cứu của Chu Thúc Ca, Phật Pháp Đích Khoa Học Quan (Phật Pháp dưới cái nhìn khoa học) của Uông Trí Biểu và nhiều bài nghiên cứu về Phật pháp, chủ trương dùng những danh từ khoa học để diễn giảng Phật pháp, hòng chứng tỏ Phật pháp là một thứ siêu khoa học. Trước tác nổi tiếng nhất của ông chính là cuốn Nghiên Cứu So Sánh Giữa Khoa Học Và Phật Pháp.

lầm người, vẫn tự cho là mình đã hoằng pháp lợi sanh, nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Điều lầm lẫn trước nhất là do chẳng suy xét sự lớn nhỏ, khó dễ giữa Phật lực và tự lực. Đối với pháp môn cậy vào Phật lực lại ương ngạnh muốn viện dẫn pháp môn cậy vào tự lực để biện luận nên mới bị lầm lạc như vậy. Nếu biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể dùng sức tu trì của kẻ phàm phu đầy dẫy triền phược để bình luận thì hết thảy những tâm nghi hoặc, chẳng tin đều tiêu tan hết.

Những câu *"nãi chí thập niệm, hàm giai nhiếp thọ, duy trừ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp"* (cho đến mười niệm đều được nhiếp thọ, chỉ trừ kẻ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp) trong kinh Vô Lượng Thọ là luận theo lúc bình thường, chứ không luận trên lúc lâm chung. Do kẻ ấy đã có tội ngũ nghịch cực nặng, lại kèm thêm tà kiến sâu nặng, phỉ báng chánh pháp, cho rằng pháp "siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử và niệm Phật vãng sanh" do đức Phật đã nói đều là căn cứ để dụ dỗ, gạt gẫm ngu phu ngu phụ vâng thờ giáo pháp của ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy; do có tội chướng cực nặng ấy, dẫu có thiện căn một niệm hay mười niệm, nhưng vì không có tâm hổ thẹn cùng cực, tin tưởng cùng cực nên chẳng thể vãng sanh được. Chương Hạ Hạ Phẩm trong Quán kinh nói về những kẻ lúc sắp lâm chung, tướng địa ngục A-tỳ hiện, tuy Quán kinh chẳng nói kẻ ấy phỉ báng chánh pháp, nhưng đã là kẻ ngũ nghịch thập ác, đầy đủ mọi điều bất thiện, ắt không thể nào chẳng phỉ báng chánh pháp. Nếu hoàn toàn không phỉ báng chánh pháp, sao lại có thể giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng, làm thân Phật chảy máu được?

Thường có kẻ giải thích rằng trong trường hợp này (tức những kẻ được nói trong Quán kinh) thì không báng chánh pháp, trong trường hợp kia (tức những kẻ được nói trong kinh Vô Lượng Thọ) là báng chánh pháp, thoạt nghe qua cũng rất có lý, nhưng đã không báng pháp thì sao lại có thể làm ba sự đại nghịch ấy cho được? Do vậy biết rằng, 48 nguyện là luận theo lúc bình thường, còn chương Hạ Hạ Phẩm của Quán kinh luận theo lúc đã thấy tướng khổ cùng cực của địa ngục, kẻ ấy hoảng sợ không thể nào diễn tả được, vừa nghe danh hiệu Phật bèn xót xa cầu xin được cứu giúp, trọn chẳng có ý niệm nào khác, chỉ có ý niệm cầu Phật cứu độ, hộ niệm. Tuy là vừa nghe liền niệm, nhưng đã "toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm", cho nên tuy chỉ mười niệm hoặc chỉ một niệm, vẫn được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Bốn mươi tám nguyện là luận theo lúc bình thường, chương Hạ Hạ Phẩm của Quán kinh nói về

lúc lâm chung. Do thời gian, sự việc khác biệt nên có sự nhiếp thọ hay không nhiếp thọ sai khác. Cho đó là mâu thuẫn, tức là trở thành gã si ngốc[255] vậy!

150. Thư trả lời cư sĩ Tống Huệ Trạm

(Năm Dân Quốc 27 - 1938. Hoằng Hóa Xã tăng giá sách ba phần, đây là so sánh giá sách của năm 27 với năm 26 mà nói. Đến mùa thu năm Dân Quốc 28 - 1939 trở đi, lại tăng giá gấp đôi, nhưng vẫn chưa tái bản sách được)

Quang thật bội phục tâm nguyện của ông, nhưng Quang chẳng nghĩ cách hành động của ông là đúng. Trong lúc đại kiếp này, chỉ chú trọng khuyên người niệm Phật và niệm Quán Âm, cần gì phải có cho nhiều thứ sách khiến cho người đọc hoang mang, không biết quay về đâu! Huống chi chiến sự vẫn ngày càng thêm dữ dội, há có bảo đảm được sau này không có chuyện gì phải trốn tránh nữa hay chăng? Chuyện của Hoằng Hóa Xã là vì nhân dân hiện thời khốn khổ gian nan, những người giúp đỡ tiền in trước kia hoặc phải lánh đi xa, hoặc đã nghèo cùng, Quang vừa già vừa lòa mắt, chẳng hỏi đến được, Hoằng Hóa Xã do thầy Đức Sâm đảm nhiệm. Quang bảo thu hẹp phạm vi hoạt động lại, chỉ tuân theo biện pháp lưu thông theo giá vốn. Hiện thời giấy mắc thêm gấp ba, hễ thư gởi suông liền không trả lời, thư có kèm theo tiền thỉnh sách bèn chiếu theo khoản tiền ấy giao sách, ắt chẳng đến nỗi khó nghĩ cho đôi bên. Ông chỉ biết đến biện pháp làm ra vẻ kẻ cả, ắt sẽ tốn tiền nhiều, nhưng thu được hiệu quả ít ỏi. Nếu chuyên đề xướng niệm Phật thì hãy chuẩn bị đại lược các kinh sách Tịnh độ để cực lực đề xướng sẽ ít tốn kém mà hiệu quả lại lớn.

Hơn nữa, đề xướng cần phải có nơi chốn, tu trì vẫn nên ai tu trong nhà nấy, cốt sao chẳng lỡ việc mà cũng chẳng tốn sức, đấy mới thật là một biện pháp hữu ích nhất. Bộ Văn Sao của Quang kể từ năm Dân Quốc 15 (1926), Trung Hoa Thư Cục ấn hành hoàn chỉnh bộ Tăng Quảng Văn Sao xong, bất luận bản nháp nào cũng đều không giữ lại, nhưng vì thầy Minh Đạo tự lén sai người sao chép lại rất nhiều, rồi sau đó đương gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân sai người chép lại cho rõ ràng, cho sắp chữ, Quang mới biết, bèn giảo duyệt từng bài một. Sắp chữ xong, riêng phần thư tín cũng dày tới một cuốn, những bài văn khác như tự, ký v.v. cũng được một cuốn dày. Hai cuốn sách lần này, số trang bằng khoảng ba phần năm bộ Văn Sao bốn cuốn đã in lần trước. Cách sắp xếp căn cứ theo y như

[255] Nguyên văn "tạc tử mão tử hán", là một thành ngữ của Thiểm Tây để chỉ kẻ si ngốc, khăng khăng cố chấp, không hiểu biết gì. Có thuyết giải thích từ ngữ này xuất phát từ câu chuyện có một gã khờ thấy một con thỏ chạy đâm vào gốc cây bị chết, bèn khoét lỗ nơi thân ấy, cứ đứng đợi mãi để chờ xem có con thỏ nào dại dột đâm đầu vào ấy chết hay không. Xin ghi lại lời giải thích này như một điều tồn nghi.

bộ Văn Sao đã in lần trước. Ông không cần phải băn khoăn, nếu là những lá thư bình thường, phần nhiều sẽ đâm ra chuốc lấy sự chán ghét của người khác; nếu là lá thư thật sự hữu ích, có thể sao ra gởi sang chùa Thái Bình ở đường Bắc Thành Đô, Thượng Hải, giao cho pháp sư Đức Sâm. Sau này thỉnh kinh sách cũng nên tiếp xúc với thầy ấy.

Ông nên buông bỏ biện pháp lớn lao, chỉ nên tu trì thiết thực, lấy thân làm gương, sốt sắng đề xướng, dùng lòng chí thành cảm người, người ta sẽ vui vẻ thuận theo. Quan giám ngục Cử Huyện là Lý Bỉnh Nam đề xướng chưa đầy hai ba năm, người quy y tại Cử Huyện đã hơn một trăm người, đều là những nam tử trong giới sĩ, nông, công, thương, hay chánh trị gia. Ông muốn Quang đại diện đề xướng quyên góp, ông chẳng biết Quang chưa hề mở miệng kêu gọi chuyện ấy. Hễ có ai tặng tiền cho Quang, liền dùng tiền ấy làm công đức: hoặc tặng kinh sách, hoặc cứu trợ tai nạn hay giúp kẻ nghèo khó. Nếu có kẻ chuộng thể diện đưa sổ vàng quyên góp bảo Quang đứng ra quyên mộ, Quang cũng gởi trả lại sổ vàng, chỉ tùy sức tôi giúp được bao nhiêu thì giúp, cũng chẳng viết tên vào sổ vàng ấy, lại còn nói rõ nguyên do: Khi Quang xuất gia liền phát nguyện chẳng làm chủ nhân chùa miếu, chẳng thế độ đồ đệ, chẳng mộ duyên. Nay đã 78 tuổi rồi, luôn giữ được như vậy. Sau hai ngày nữa là tròn 79 tuổi rồi, trong sáng tối sẽ chết, cớ gì lại trái nghịch lòng ngay thực ban đầu? Đại họa lần này xưa nay chưa hề nghe đến, quả thật là do họ Chu, họ Trình bài xích nhân quả ươm thành. Pháp thế gian hay xuất thế gian đều dùng nhân quả để duy trì, họ bảo "thật ra chẳng hề có chuyện ấy", nên khiến cho những kẻ tâm tàn độc nhất càng thêm rất độc. Thật vậy, quân tử chẳng thốt ra những lời nói chơi!

151. Thư trả lời cư sĩ Tào Bội Linh

"Vợ chồng cư sĩ Bội Linh sanh liên tiếp năm đứa con gái. Sau khi quy y Phật pháp, tận lực làm chuyện lành, ăn chay niệm Phật và cực lực đề xướng khuyến hóa, tự lợi lợi người. Đến năm Dân Quốc 25 - 1936, ông cùng với các vị cư sĩ như Viên Lệ Đình v.v. sáng lập Phật giáo Tịnh nghiệp xã Vô Tích, hướng dẫn nhiều cách, chẳng tiếc sức thừa. Mùa đông năm ấy sanh được một trai. Đến mùa thu năm Dân Quốc 28 (1939) lại sanh được Đức Trừng. Do cảm kích ân Phật bèn đem một trăm đồng cúng dường cụ Ấn Quang. Lúc ấy nhằm đúng lúc cư sĩ Đậu Tồn Ngô vì hai đứa trẻ nghèo cậy Sâm thỉnh lão nhân (tổ Ấn Quang) viết thư cho cư sĩ Hoàng Hàm Chi giới thiệu chúng được vào học miễn phí tại trung học Tam Dục. Lão nhân bèn bảo đem một trăm đồng ấy giao cho cư sĩ Hoàng, thay vì đóng góp để cứu chẩn, liền dùng món tiền ấy làm điều kiện giới thiệu cho hai đứa trẻ nghèo, cũng như để khỏi nhờ người khác nói giúp. Cư sĩ Hoàng cũng nghĩ đến

lòng từ bi của lão nhân mà lo liệu. Cư sĩ Bội Linh cảm kích trước hành động này của lão nhân, hành động ấy chẳng chỉ hữu ích riêng cho pháp môn, vì nếu ai nấy đều dụng tâm như vậy, hiền tài của đất nước sẽ dấy lên đông đảo là chuyện chính mắt sẽ thấy. Ông ta bèn đem thư này gởi cho Sâm, bảo đưa vào sách và lược thuật nguyên do đầu đuôi." - Đức Sâm kính ghi

* * *

Trước kia ông nhiều lần sanh con gái, nay đã nhiều lượt sanh con trai. Có thể thấy là Phật, trời gia bị người làm lành, khiến cho mọi việc như ý. Pháp danh của lệnh lang là Phước Vĩnh, nhũ danh là Đức Trừng. Chẳng biết Phước Vĩnh có nặng hơn chị và anh hay không. Nặng hơn thì đặt pháp danh là Đức Trừng. Phật, trời gia bị ông, ông hãy nên tích cực dạy dỗ để nó trở thành chánh khí. Trong thế gian chẳng biết bao nhiêu đứa con có thiên tư tốt đẹp đều bị những kẻ làm cha mẹ không biết dạy dỗ nuôi thành phường bại hoại, khiến chúng vĩnh viễn đọa trong địa ngục A-tỳ. Đấy là một đại bất hạnh cho nước ta. Ông hãy nên biến lòng yêu thương thành khéo dạy thì phước thọ đều được dài lâu để làm bằng chứng cho thấy tổ tông và ông đã tích đức. Một trăm đồng ông gởi biếu Quang sẽ dùng làm tiền phòng hờ[256] để giới thiệu hai đứa trẻ nghèo được nhập học. Nếu chẳng thể xin nhập học miễn phí được thì sẽ dùng món tiền ấy để đóng học phí, tôi sẽ làm công đức khác, chắc là ông chẳng đến nỗi thất vọng. Trong thời cuộc lúc này chớ nên bày tiệc đãi khách và dùng rượu thịt, hãy nên nghĩ đến nỗi đói lạnh của những kẻ đói cơm, thiếu áo, đừng dùng tiền hữu dụng để làm chuyện tổn phước. Những kẻ si trong thế gian phần nhiều như thế đó, mong rằng ông chẳng đến nỗi như vậy! Thà bị coi như thốt lời bậy bạ, nhưng chẳng thể không nói. Nếu vẫn thuận theo thói tục mà làm thì sai lầm quá rồi!

152. Thư gởi hòa thượng Quảng Huệ

(Tháng Giêng năm Dân Quốc 29 - 1940)

Bốn năm năm qua, chưa được gặp gỡ, khôn ngăn nghĩ nhớ. Mùa thu năm ngoái, thầy giám viện là Pháp Độ đến núi, cho biết thầy ấy tính qua Nam Dương, Tân Gia Ba, xin Quang viết một bức thư cho một hai người quen biết, để người Nam Dương không sanh nghi ngờ. Sau khi chiến sự nổ ra vào năm Dân Quốc 26 (1937), Quang trọn chẳng biết đến tình hình trên núi, được thầy Pháp Độ tận mặt tường thuật, khôn ngăn hoan hỷ. Nhân đó giao cho thầy Pháp Độ 300 đồng, nhờ thầy Pháp Độ bẩm lại với tọa hạ, không biết thầy Pháp Độ đã thưa lại hay chưa?

[256] Nguyên văn "lộng dẫn" (quà biếu). Do tiếp đó có câu "nếu chẳng thể miễn phí được" nên chúng tôi dịch theo ngữ cảnh là "tiền phòng hờ".

Ngũ Đài là đạo tràng ứng hóa của ngài Văn-thù, xưa kia bậc cao nhân ở lại đấy nhiều khôn kể xiết. Từ cuối đời Thanh trở đi, quốc gia chẳng rảnh rỗi để đề xướng, đến nỗi mang tiếng là đạo tràng mà chỉ còn chùa miếu, muốn tìm một vị tăng giữ giới thanh tịnh cũng khó tìm được.

Từ năm Quang Tự 33 (1907), hai vị Hằng Tu và Thừa Tham phát tâm Bồ-đề, dựng thảo am Quảng Tế ở ngọn Bắc Đài, Quang nghe tiếng, tâm cực khâm phục, nhưng chưa thể tận mặt gặp gỡ chuyện trò. Hai vị ấy mất đi, thượng nhân[257] Quả Định kế tục chí hướng trụ trì, từng gặp gỡ bốn năm lần, nhưng chưa chuyện trò cặn kẽ. Đến năm Dân Quốc 24 (1935), tọa hạ và cư sĩ Hồ đến Tô Châu thăm viếng, lúc ấy nhằm đúng khi mưa sa gió táp, mất còn chưa định, đúng là cứu vãn sự mất mát còn không xuể, sao có thể bàn đến chuyện gì khác được[258]! May là đại sĩ Văn-thù gia bị khiến được trở thành cơ nghiệp vĩnh viễn, kiên cố, các cư sĩ nghe vậy đều tính toán phương châm hoằng pháp cho tương lai. Thầy Pháp Độ đem chương trình do ông Nhiếp Vân Đài tu chỉnh, trong ấy có điều khoản gây quỹ chi dụng cho tăng chúng muôn năm, Quang đọc xong khôn ngăn vui vẻ an ủi, bởi muốn chuyển pháp luân phải nhờ vào thực luân. Nếu không có thực luân, nhờ vào đâu để tu đạo cho được? Vì thế đấy là chuyện cấp bách.

Hiện thời Phật pháp tại các tỉnh thuộc vùng Giang - Chiết tuy suy, do thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống, hàng cư sĩ tại gia đua nhau đề xướng niệm Phật. Tuy dường như xâm phạm đến tài lợi nhờ làm Phật sự của tăng chúng, thật ra đấy là phên giậu cho Phật pháp chẳng nhỏ nhoi đâu. Vào đầu đời Quang Tự, các báo ở Thượng Hải hằng ngày đăng tải những chuyện xấu của tăng sĩ. Tuy cũng có chuyện là sự thật, nhưng quá nửa là bịa đặt, dựng chuyện. Từ thời Dân Quốc đến nay, những tổ chức tu trì của cư sĩ đâu đâu cũng có, các tòa báo chẳng dám hằng ngày đăng tải những lời đồn đại bịa đặt để vu báng, miệt thị Phật pháp nữa. Phật pháp trong thời gần đây, luận trên phía cư sĩ thì tợ hồ hưng thạnh lớn lao, nhìn về phía tăng chúng trọn chẳng có tướng hưng thạnh. Vì sao vậy? Cư sĩ

---

[257] Tại Trung Hoa, thượng nhân (purusarsabha) là danh xưng nhằm tôn xưng bậc cao tăng trí lẫn đức đều trọn vẹn, đầy đủ tư cách làm thầy của chư tăng lẫn mọi người. Sách Thích Thị Yếu Lãm, quyển thượng, giảng: "Trong có trí đức, ngoài có hạnh thù thắng, cao trỗi mọi người thì gọi là thượng nhân." Theo phẩm Kiên Cố Tâm trong quyển 17 kinh Đại Phẩm Bát-nhã, tiêu chuẩn thượng nhân lại cao hơn nữa: "Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể nhất tâm hành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hộ trì tâm chẳng tán loạn, thì gọi là thượng nhân." Tại Nhật Bản, Tịnh Độ Chân Tông cho rằng danh hiệu thượng nhân kém hơn thánh nhân, nên họ gọi sáng tổ Pháp Nhiên và sơ tổ Thân Loan của Tịnh Độ Chân Tông là thánh nhân, chư tổ kế thừa là thượng nhân. Vào thời xưa, triều đình Nhật Bản còn coi đây là một tước vị dành riêng để phong tặng cho những vị sư.

[258] Trong năm ấy, theo đề nghị của Thai Sảng Thu, tỉnh trưởng Giang Tô là Vương Tiền San ban hành quyết định trưng thu, sung công chùa miếu để biến thành trường học.

phần nhiều lấy niệm Phật làm chánh, tăng chúng thì những kẻ phải ứng phó kinh sám hằng ngày chỉ coi chuyện niệm kinh bái sám cho người ta là chuyện chánh, gác bỏ chuyện tu trì ra ngoài, những vị có chánh niệm thì quy về Tông môn. Chuyện tham thiền chẳng phải là chuyện hành nhân căn cơ nhỏ nhoi có thể làm được, dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ nhưng chưa thể đoạn hết sạch phiền não thì vẫn y như cũ, chẳng thể thoát khỏi sanh tử.

Đừng nói chi con người hiện thời, ngay như Ngũ Tổ Giới đời Tống (Ngũ Tổ là tên chùa, thiền sư Sư Giới trụ tại chùa Ngũ Tổ nên gọi là Ngũ Tổ Giới), Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết, sở ngộ của họ tiếng rền cả nước, nhưng Ngũ Tổ Giới thân sau thành Tô Đông Pha. Tô Đông Pha thông minh tuyệt đỉnh trong cõi đời, chẳng câu nệ tiểu tiết, vẫn thường ra vào chốn ăn chơi, nhà thổ. Đủ biết sở ngộ của Ngũ Tổ Giới tuy cao, nhưng vẫn chưa chứng được đạo Sơ quả, bởi Sơ quả đã đắc giới tương ứng với đạo, tùy ý chẳng phạm giới (tùy ý là tự nhiên) nghĩa là kẻ chưa chứng Sơ quả thường phải giác chiếu mới có thể chẳng phạm, còn Sơ quả thì tự nhiên chẳng đến nỗi phạm giới, như khi họ cày ruộng, hễ họ cày chỗ nào, trùng bọ rời khỏi chỗ đó bốn tấc, đạo lực khiến cho tự nhiên được như vậy. Nếu không xuất gia, họ cũng cưới vợ, nhưng dù có dùng oai lực đe dọa tánh mạng để uy hiếp họ, buộc họ làm chuyện tà dâm, họ thà mất mạng chứ trọn chẳng thuận theo. Đông Pha đã từng ra vào nhà thổ, cho thấy Ngũ Tổ Giới còn chưa đắc đạo lực của bậc Sơ quả, nói gì đến chuyện liễu sanh tử nữa ư!

Hậu thân của Chân Như Triết sanh vào chỗ đại phú quý, một đời chịu nhiều ưu khổ, đã biết ông ta sanh vào nhà phú quý, lại chẳng chỉ rõ ông ta là ai, há chẳng phải là Tống Khâm Tông[259] ư? Bị quân Kim lấn hiếp, Huy Tông "thiện vị" (truyền

[259] Tống Khâm Tông (1100-1156), tên thật là Triệu Hằng, là con trai của Triệu Cát (Tống Huy Tông). Huy Tông chỉ ham mê thư pháp, tranh vẽ, thi phú, và tu hành theo pháp luyện đan trường sanh bất tử của Đạo giáo, tự xưng là Đạo Quân Hoàng Đế, việc triều chánh phó mặc cho gian thần Thái Kinh, Đồng Quán lộng hành. Khi chánh sự nát bét, quân Kim hai lượt uy hiếp Đông Kinh (Khai Phong), để trốn tránh trách nhiệm, Huy Tông bèn nhường ngôi cho con, trở thành Thái Thượng Hoàng. Khâm Tông lên ngôi, đổi niên hiệu là Tĩnh Khang, bèn lập tức biếm truất Thái Kinh, trọng dụng Lý Cương làm tể tướng. Tuy vậy, Khâm Tông là con người hồ đồ, vô tài, nghe lời gian thần sàm tấu, chẳng bao lâu sau liền cách chức Lý Cương, cầu hòa với quân Kim. Năm 1127, nhằm đúng năm Tĩnh Khang thứ hai, quân Kim đại phá Đông Kinh, bắt giải cha con Huy Tông và Khâm Tông về đất Kim. Sử gọi sự kiện này là Tĩnh Khang Chi Biến, hoặc Tĩnh Khang Chi Nhục. Ngay trong năm ấy, Kim Thái Tông hạ lệnh giáng Huy Tông và Khâm Tông làm thường dân. Đến năm Tĩnh Khang thứ ba (1128), bị giải về Thượng Kinh của đất Kim, hai vua bị buộc mặc thường phục, đến trước miếu Kim Thái Tổ quỳ lạy, cử hành lễ Khiên Dương (lễ dắt dê, một hình thức rất sỉ nhục, vì những con dê để tế vốn chỉ do bọn tiểu thái giám dắt đến chỗ tế), rồi sang điện Càn Nguyên bái lạy Kim Thái Tông, xưng thần. Huy Tông được phong là Hôn Đức Công, Khâm Tông được phong là Trùng Hôn Hầu. Đến tháng

ngôi - chữ thiền 禪 đọc như chữ thiện 繕, có nghĩa là truyền) cho thái tử (tức Khâm Tông), từ đầu đến cuối chỉ được hai năm, cả hai vua Huy Tông và Khâm Tông bị quân Kim bắt đi, đều phải hướng về triều đình nhà Kim xưng thần (bầy tôi), chết tại thành Ngũ Quốc. Do chỗ sở ngộ, Chân Như Triết sanh vào nơi đại phú quý là hoàng cung, nhưng sự phú quý ấy cũng chỉ là hư danh, cả đời chịu nhiều ưu khổ vẫn là sự thật. Là hoàng đế một nước lớn, bị người Kim bắt làm bầy tôi nhà Kim, đáng thương muôn phần!

Hậu thân của Thảo Đường Thanh là Tăng Lượng, 50 tuổi làm tể tướng, được phong là Lỗ Quốc Công, nhưng đối với Phật pháp hết sức lợt lạt, chưa được thông suốt như Đông Pha. Hải Ấn Tín[260] cũng là một vị đại lão trong Tông môn đời Tống, thường được gia đình Phòng ngự Chu cúng dường (Phòng ngự là tên một chức quan võ). Một ngày nọ, nhà họ Chu thấy lão nhân Tín vào nhà, liền sanh được một gái, sai người sang chùa Hải Ấn hỏi thăm thì sư viên tịch đúng vào lúc đứa con gái được sanh ra. Chuyện này cả thành Hàng Châu đều biết. Đến ngày đầy tháng, thiền sư Viên Chiếu Bổn[261] đến nhà Phòng ngự Chu, bảo ẵm đứa bé gái ra. Đứa bé gái vừa thấy Viên Chiếu liền cười, Viên Chiếu gọi: "Trưởng lão Tín, lầm mất rồi!" Đứa bé gái liền khóc thét lên rồi chết. Tuy là đã chết, vẫn phải thọ sanh, nhưng chẳng biết lại sanh về nơi đâu. Tần Cối[262] đời trước là một vị

10, hai vua bị đày đi Hàn Châu (nay là huyện Lê Thọ thuộc tỉnh Cát Lâm), rồi đến tháng 7 năm Thiên Hội thứ tám (1130) bị đưa sang giam lỏng ở thành Ngũ Quốc (nay là huyện Y Lan tỉnh Hắc Long Giang) cho đến khi chết.

[260] Theo Tông Môn Vũ Khố, Hải Ấn Siêu Tín là một vị tăng đời Tống, nối pháp ngài Lang Nha Huệ Giác, trụ trì chùa Định Huệ ở Tô Châu. Hành trạng của vị này không được biết đến nhiều, ngoại trừ câu chuyện được nhắc đến trên đây, cũng như một vài câu Thiền ngữ được ghi lại trong bộ Thiền Tông Tụng Cổ Liên Châu Tập (sách số 1295, quyển 65, Tục tạng kinh) và Thiền Lâm Loại Tụ.

[261] Viên Chiếu Tông Bổn (1020-1099), quê ở huyện Vô Tích, Thường Châu (nay là huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô), có pháp tự là Vô Triết, năm 19 tuổi xin xuất gia với ngài Đạo Thăng chùa Vĩnh An ở Tô Châu, khổ tu mười năm mới được thầy cho chánh thức xuống tóc, thọ giới cụ túc. Sau đó sư đến học với Thiên Y Hoài Nhượng, được khai ngộ. Về sau sư trụ tại chùa Tịnh Từ, được tăng tục vùng Tô Châu thỉnh hoằng pháp tại hai chùa Vạn Thọ và Long Hoa, cả ngàn người nghênh tiếp sư về chùa giảng pháp. Năm Nguyên Phong thứ năm (1082), sư được Tống Thần Tông vời vào điện Diên Hòa hỏi đạo. Tống Triết Tông phong tặng sư danh hiệu thiền sư Viên Chiếu. Nguyên Hựu nguyên niên (1086), sư viện cớ già lão, xin quy ẩn, những người theo đưa tiễn nghe sư giáo huấn lệ tuôn như suối. Về già, sư bế môn tại chùa Linh Quang chuyên tu thiền và tịnh nghiệp. Sư thích diễn giảng Hoa Nghiêm, được người đương thời khen là đã thấu đạt sâu xa chỗ huyền áo của kinh Hoa Nghiêm. Sư còn để lại những trước tác như Quy Nguyên Trực Chỉ (2 quyển), Huệ Biện Lục (1 quyển) v.v..

[262] Tần Cối (1094-1155), tự Hội Chi, quê ở Giang Ninh (nay là thành phố Nam Kinh), đậu tiến sĩ năm Chánh Hòa thứ năm (1115) đời Tống Huy Tông. Do cưới cháu ngoại của tể tướng Vương Khuê, nên hoạn lộ thăng tiến rất nhanh. Khi Tống Huy Tông và Khâm Tông bị quân Kim bắt về Bắc, Tần Cối cũng bị bắt theo. Sau khi được thả trở về Nam, Tống Cao Tông rất

tăng ở núi Nhạn Đãng, do sự tu trì đời trước trở thành tể tướng triều Tống, bị người Kim hối lộ, mọi chuyện đều mưu tính cho quân Kim, giết Nhạc Phi là người đã khiến cho quân Kim sợ hãi. Phàm những ai không đồng mưu với gã thì hoặc là biếm trích (giáng chức đày đi xa), hoặc là tru lục. Rốt cuộc chết đi vĩnh viễn đọa trong địa ngục, nhưng mối hận của trăm họ không cách nào tiêu được, vì thế người ta dùng bột mì làm thành hai miếng (tượng trưng cho Tần Cối và vợ) cùng chiên lên ăn, đặt tên là "du tạc cối"[263] (Tần Cối chiên dầu). Lại đúc tượng sắt quỳ trước mộ Nhạc Phi, phàm những ai đến lễ Nhạc Phi đều cầm thước gỗ đập [tượng vợ chồng Tần Cối] tơi tả, lại đái lên đầu, lên thân tượng cho vơi hận. Sau này có kẻ mang họ Tần làm Tuần phủ tỉnh Chiết Giang, nói tượng người sắt ở trước mộ Nhạc Phi bị người ta đái vào khiến mộ Nhạc Phi bị ô uế, sai quăng xuống Tây Hồ để mộ Nhạc Phi thường được thanh tịnh. Từ đó nước Tây Hồ hôi thối, chẳng thể dùng để nấu ăn hay uống được, thường thấy trong hồ lềnh bềnh mấy xác chết, đến khi toan vớt lại chìm xuống. Do đấy quan bèn ra cáo thị, sai dùng nhiều thuyền bè vây quanh để vớt, thì ra đó là tượng Tần Cối, vợ hắn và tướng Ngột Truật[264] nhà Kim đúc bằng sắt. Biết tội chướng của chúng sâu nặng, bèn ra lệnh đem đặt trước mộ để bị người ta đánh, đái. Năm Dân Quốc thứ mười (1921), Quang đến viếng mộ Nhạc Phi, tượng của bọn Tần Cối vẫn bị đái y như cũ, hôi thối không sao chịu đựng được nổi.

---

tin cậy Tần Cối. Do đó y ngoi dần lên, từ Tham tri chánh sự, tăng chức rất nhanh, trở thành tể tướng. Tống Cao Tông sợ phe chủ chiến là Nhạc Phi và Hàn Thế Trung đánh thắng quân Kim sẽ đem hai vua Huy Tông và Khâm Tông về Nam, nên Cao Tông làm ngơ cho Tần Cối dùng đủ mọi cách triệt hạ, hãm hại Nhạc Phi. Tần Cối trong một ngày phát ra 12 đạo kim bài, buộc Nhạc Phi phải triệt thoái về triều chịu tội. Vụ hãm hại này nổi tiếng với câu nói *"mạc tu hữu"* (không cần có) khi có một số quan lại can đảm chất vấn Tần Cối: "Nhạc Phi đã phạm tội gì?" Điều đáng nực cười là khi Tần Cối chết, Tống Cao Tông phong cho tên bán nước cầu vinh ấy thụy hiệu là Trung Hiến.

[263] Nguyên thủy từ ngữ này là "du tạc cối" (Tần Cối chiên dầu, âm Quảng Đông là *dầu chá quẩy*), nhưng do vùng Quảng Đông đọc chữ quỷ cùng âm với chữ cối nên dần dần bị viết trại thành du điều quỷ (âm Quảng Đông là dầu cháo quẩy), rồi thành du xao quỷ.

[264] Ngột Truật (?-1148) họ Hoàn Nhan. Do lấy theo tên họ người Hán là Vương Tông Bật, nên đôi khi sử còn gọi là Hoàn Nhan Tông Bật, dân gian thường gọi là Kim Ngột Truật. Ngột Truật là con thứ tư của Kim Thái Tổ (Hoàn Nhan A Cốt Đả). Ngột Truật rất giỏi dùng quân nên được phong chức Đô nguyên soái, lãnh Hành Đài Thượng Thư Sự, chủ trì xâm lăng tiêu diệt nhà Nam Tống. Ngột Truật từng đại bại thê thảm dưới tay Nhạc Phi và Hàn Thế Trung. Năm 1130, Nhạc Phi đại phá quân Ngột Truật tại núi Ngưu Đầu khiến cho Ngột Truật phải tháo chạy, lui về giữ Khai Phong, tính bỏ luôn cuộc Nam xâm, phải chấp nhận ký hòa ước với Nam Tống. Do mua chuộc được Tần Cối, bày mưu cho Tần Cối hãm hại Nhạc Phi và Hàn Thế Trung, Ngột Truật đã dễ dàng đập tan sự kháng cự của Nam Tống, biến Nam Tống thành chư hầu nhược tiểu của nước Kim. Bởi vậy, Ngột Truật bị người Hoa căm ghét không thua gì Tần Cối.

Ôi, đạo đức như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết mà còn chẳng thể liễu sanh thoát tử, nhưng làm bậc văn học lỗi lạc, làm tể tướng đã kém xa đời trước. Đến như cụ Triết làm hoàng đế, phải xưng thần với triều đình giặc, đáng thương đến cùng cực! Kết quả của Tần Cối khiến cho tâm can người khác phải nguội lạnh, đau đớn. Do công phu thiền định nhiều năm, đời sau làm tể tướng, vừa bị người Kim hối lộ liền mê hoặc, trở thành gã si ngốc chẳng biết thơm thối, tốt xấu, trung gian, đến nỗi tượng hắn bị đánh đập, đái lên, thân bị chiên lên ăn, trăm ngàn năm qua vẫn chẳng thay đổi. Người tham thiền dùng tông để tự hùng, chẳng chịu cậy vào Phật lực để liễu sanh tử, nếu vừa nghĩ đến kết quả này há chẳng nói ngược lại: "Cậy vào tự lực và cậy vào Phật lực sai khác quá xa, sao bằng chuyên tu tịnh nghiệp để mong được liễu thoát ngay trong đời này há chẳng tốt hơn ư?" Bậc tông tượng đại danh vòi vọi đời Tống thân sau còn phải kém hơn đời trước, chẳng biết thân đời sau nữa hành trạng sẽ lại ra sao?

Quang túc nghiệp sâu nặng, sanh ra mới sáu tháng liền bị bệnh mắt, suốt 180 ngày chưa hề mở mắt được. Ngoại trừ lúc ăn, ngủ, cứ khóc suốt đêm ngày, người già cho rằng chẳng thể thấy mặt trời được, nhưng nhờ thiện căn đời trước, may còn thấy được ánh mặt trời, thật may mắn muôn phần! Đến tuổi đi học, lại trúng phải chất độc báng Phật của Chu - Trình, may là chẳng có học vấn như Chu - Trình. Nếu không, đã sớm đọa vào trong địa ngục A-tỳ ngay trong khi còn sống rồi! Do vậy bệnh tật triền miên, sống uổng mấy năm. Do nghĩ đến Phật pháp truyền sang phương Đông đã được bao nhiêu vua thánh tôi hiền hộ trì lưu thông, lời lẽ của Chu - Trình chẳng đáng làm căn cứ. Do vậy bèn xuất gia làm tăng chuyên tu tịnh nghiệp. Tiên sư dạy tham cứu, liền thưa: "Đệ tử không có được thiện căn ấy, nguyện chuyên niệm Phật để mong mang nghiệp vãng sanh." Sáu mươi năm qua, sống ơ hờ phí uổng, nay đã tám mươi, tâm còn chưa tương ứng với Phật. Nếu chuyên cậy vào tự lực thì sự tự lầm ấy chẳng thể tưởng tượng được đâu! Nhưng do sáu mươi năm trải đời, lại xét kỹ thiện căn của mình lẫn người, kẻ cậy vào Phật lực còn chẳng dễ gì chứng ngay được tam-muội; người cậy vào tự lực ai cao siêu hơn được Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết?

Từ thời Dân Quốc đến nay, đường lối cũ bị thay đổi rất lớn: Phế bỏ kinh điển, gạt bỏ luân thường, bỏ lòng hiếu cho khỏi hổ thẹn, thực hành chuyện biến con người thành loài thú, cả nước như cuồng, tàn sát lẫn nhau, hằng ngày theo đuổi chiến tranh. Kẻ có tri thức sợ nhân đạo gần như dứt mất, cho nên ai nấy lập phương cách cứu vãn, nêu tỏ nhân quả ba đời, xiển dương luân hồi lục đạo, làm cho khắp già trẻ nam nữ đều cùng niệm vạn đức hồng danh. Trong số ấy tuy không thiếu kẻ hùa theo sự náo nhiệt, nhưng quả thật có những ngu phu ngu phụ

đạt được đại cảm ứng. Nay nêu lên hai trường hợp để tỏ rõ dấu tích chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Một là ông Trịnh Huệ Hồng (đây chính là pháp danh quy y, tục danh không nhớ) ở thành Bảo Sơn tỉnh Vân Nam, buôn bán phát đạt. Năm Dân Quốc 11 (1922), gởi thư xin quy y, do vậy bèn đem những sách đã in gởi cho. Ông ta liền khuyên cha mẹ ăn chay niệm Phật. Cha ông ta (tên là Bá Thuần) là một vị ẩn sĩ học rộng, thoạt đầu chuyên nghiên cứu kinh Dịch mấy năm, tiếp đó nghiên cứu kinh sách của thuật luyện đan. Do con là Huệ Hồng khuyên cha học Phật, cụ bèn nghiên cứu Thiền tông, sau đấy chuyên tu tịnh nghiệp, cùng với vợ xin quy y. Bá Thuần pháp danh là Đức Thuần, bà vợ pháp danh là Đức Ý. Năm Dân Quốc 22 (1933), Huệ Hồng từ đất Xuyên (Tứ Xuyên) trở về Điền (Vân Nam), đi ngang Tô Châu, ở lại chùa Báo Quốc mấy ngày. Mùa xuân năm sau, Huệ Hồng chết. Bà mẹ lòng quá yêu thương con, liền uống thuốc độc, ngồi kiết già, chắp tay niệm Phật qua đời. Mất rồi sắc mặt tươi sáng vui vẻ, phàm những ai thấy nghe không ai chẳng tán thán. Bảo Sơn là chốn biên địa của tỉnh Vân Nam, trọn chẳng biết đến Phật. Bá Thuần tuy học rộng, vốn sẵn đức hạnh, đề xướng Tịnh độ, người có trí tuệ ít có kẻ tin theo. Vợ cụ uống thuốc độc, ngồi kiết già, niệm Phật qua đời, người cả một vùng mười phần hết tám chín đều tin lời Bá Thuần niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Như vị thiện tri thức lâm chung, ngồi kết già, chắp tay niệm Phật đã là chẳng tầm thường, huống chi một bà lão không có học vấn gì, uống thuốc độc lại được như thế, nếu chẳng phải là Phật lực gia bị, há được như thế ư? Do vậy biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn! Chúng sanh tuy sẵn có tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, nhưng chẳng được Phật lực, pháp lực gia trì thì vẫn chẳng thể thọ dụng được. Do được Phật lực, pháp lực gia trì khiến cho tâm lực của chúng sanh hoàn toàn hiển hiện. Vì thế chất độc chẳng đầu độc được, hiện tướng lạ lùng đặc biệt, nhằm hướng dẫn cả một vùng. Với tư cách ngu phụ, bà ta còn có thể hiện được tướng lạ lùng đặc biệt như thế thì vị tỳ-kheo tu mi trượng phu đường đường cũng sẽ có thể tự phấn chấn, quyết chí dốc sức tu tập.

Trường hợp thứ hai là Lục Tử Khanh (pháp danh là Đức Siêu) ở Quật Cảng, Như Cao, tỉnh Giang Tô, là một nông phu chỉ hơi thông chữ nghĩa, vợ chồng con cái đều quy y. Con gái ông ta xuất gia, nhưng vẫn ở nhà. Con ông ta xuất gia, chưa được bao lâu đã chết. Quần áo xuất gia, phí tổn thọ giới và tiền tống táng đều do ông ta lo liệu. Ông ta tính bán sạch hết điền sản để làm công đức hòng khỏi phải bận tâm. Ruộng đã bán rồi, anh ông ta biết, liền bắt chuộc lại. Người

anh thấy em không con trai bèn cho con trai mình làm người thừa kế, mưu tính đoạt gia sản với khí thế thật dữ dội. Bất đắc dĩ, ông ta phải tìm trưởng làng thưa trình chuyện ấy. Ruộng đã bán đi với giá quá hời, trưởng làng không chịu cho chuộc lại. Người ấy tiến thoái lưỡng nan, ra khỏi nhà trưởng làng bèn nhảy xuống sông tự tử. Xác ông ta đứng thẳng trong nước, ngoảnh mặt về Tây chắp tay. Người nhà biết tin, ra vớt xác về. Nhân đấy gởi thư cho đương gia chùa Linh Nham, xin lập một bài vị trong niệm Phật đường, nên mới biết chuyện ấy. Đấy là chuyện xảy ra vào mồng 8 tháng Chạp năm ngoái. Trong đời, người đứng mất cũng không nhiều, Đức Siêu gieo mình xuống sông lại đứng thẳng trong sông, so với người đứng thẳng trên đất bằng thật là lạ lùng đặc biệt! Nếu không phải là toàn thân đã buông xuống hết, quyết mong vãng sanh, há có thể làm được như vậy ư?

Ôi, sở ngộ của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết tiếng tăm chấn động cả nước, chết đi làm tể tướng, làm hoàng đế, đạo lực đã thụt lùi, huống chi là liễu sanh tử ư? Hai người trên đây dùng tư cách ngu phu ngu phụ, lâm chung chết ngang, so với vị thiện tri thức đắc đạo chẳng thua kém tí nào. Đủ biết tự lực chẳng đủ để trông cậy, Phật lực khó thể nghĩ bàn! Những người làm tăng trong cõi đời gần đây, đều coi tham thiền là vô thượng thừa, niệm Phật là cách tu trì của bọn ngu phu ngu phụ. Nay nói: Thuở xưa bậc tham thiền đại ngộ đã chứng thì thần thông đạo lực của các ngài, cố nhiên phàm tình chẳng thể suy lường được. Những vị đại ngộ nhưng chưa chứng như Ngũ Tổ Giới v.v. có đạt được cảnh tượng như hai người ấy (tức mẹ ông Trịnh Huệ Hồng và Lục Tử Khanh) hay không? Một đằng chuyên cậy vào tự lực, một đằng kiêm nhờ Phật lực. Do vậy bậc thượng trí chẳng bằng được kẻ hạ ngu, khéo quá hóa vụng. Vì thế kinh Đại Tập dạy: *"Mạt pháp ức ức nhân tu hành, hãn nhất đắc đạo. Duy y niệm Phật, đắc độ sanh tử"* (Đời mạt pháp ức ức người tu hành, hiếm một ai đắc đạo. Chỉ có nương vào niệm Phật để vượt thoát sanh tử). Bởi đó từ thời Nguyên - Minh trở đi, phàm là bậc tri thức nhà Thiền phần nhiều đều đề xướng niệm Phật, như Trung Phong Bổn, Sở Thạch Kỳ v.v.. Ngài Liên Trì sau khi ngộ đạo bèn chủ trương Tịnh độ, ngài Triệt Ngộ ngộ đạo rồi bèn bỏ tham cứu, chuyên niệm Phật. Do xét đến căn cơ đương thời không thể nào làm khác được. Như mùa hạ mặc áo mỏng, mùa đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn, chẳng thể chấp chết cứng một pháp. Hành theo pháp thích đáng sẽ được lợi lớn, không chút điều tệ nhỏ.

Hơn nữa, pháp Tịnh độ lợi khắp mọi căn cơ, quả thật là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt một đời đức Như Lai, lợi ích vượt trỗi những giáo lý thông thường trong cả một đời giáo hóa của đức Phật. Câu nói của cổ đức: "Do dùng sự giác ngộ nơi quả vị để làm cái tâm trong khi tu nhân nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu tột nguồn nhân", có thể nói là khéo hình dung nhất, không còn gì hay

tuyệt hơn được nữa. Huống chi Tứ tổ Liên tông là đại sư Pháp Chiếu đích thân gặp đức Văn-thù dạy niệm Phật. Há có nên chẳng ngửa tuân theo thánh ý chuyên chú niệm Phật, vẫn cứ muốn cậy vào tự lực, vứt bỏ Phật lực, chỉ mong chống đỡ môn đình cho lớn lao, chẳng tính đến chuyện có được lợi ích hay không? Hâm mộ hư danh, khinh rẻ lợi ích thật sự, sao lại mất trí điên cuồng quá mức như thế vậy?

Theo tập ba của Cao Tăng Truyện, trong truyện của đại sư Pháp Chiếu có nói: Vào năm Đại Lịch thứ hai (767), sư trụ tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, nhiều lần thấy thánh cảnh hiện trong bát cháo, chẳng biết là danh sơn nào. Có vị tăng đã từng đến Ngũ Đài, bảo đấy ắt phải là Ngũ Đài. Về sau sư bèn đi triều bái. Năm Đại Lịch thứ năm (770), sư đến huyện Ngũ Đài, nhìn thấy phía xa có ánh sáng trắng, lần theo ánh sáng đi tìm, đến Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sư vào chùa, đến giảng đường thì thấy đức Văn-thù ở phía Tây, đức Phổ Hiền ở phía Đông, ngồi trên tòa sư tử, thuyết pháp thâm diệu. Sư lễ hai vị thánh, thưa hỏi: "Phàm phu đời mạt, thời gian cách thánh đã xa, tri thức ngày càng kém cỏi, cấu chướng thật sâu, Phật tánh không do đâu hiển hiện được. Phật pháp mênh mông, chưa rõ tu hành pháp môn nào là thiết yếu nhất? Kính mong Đại Thánh đoạn trừ lưới nghi cho con." Đức Văn-thù bảo: "Nay ông niệm Phật là hợp thời nhất, các môn tu hành không gì hơn được niệm Phật, cúng dường tam bảo, phước tuệ song tu. Hai môn này nhanh chóng, quan trọng nhất. Vì sao vậy? Trong đời quá khứ, ta do quán Phật, do niệm Phật, do cúng dường nên nay đắc nhất thiết chủng trí. Do vậy biết niệm Phật là vua trong các pháp. Ông hãy nên thường niệm Pháp Vương vô thượng chớ để dừng nghỉ." Sư lại hỏi: "Nên niệm ra sao?" Ngài Văn-thù nói: "Phía Tây thế giới này có A-di-đà Phật, đức Phật ấy nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Ông hãy nên niệm liên tục đừng để gián đoạn, sau khi mạng chung chắc chắn vãng sanh, vĩnh viễn không thoái chuyển." Nói lời ấy xong, khi đó hai vị Đại Thánh đều duỗi cánh tay sắc vàng xoa đầu sư thọ ký: "Do ông niệm Phật chẳng bao lâu sau sẽ chứng Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề. Nếu hàng thiện nam, thiện nữ nguyện mau chóng thành Phật thì không gì hơn niệm Phật, sẽ mau chóng chứng Vô thượng Bồ-đề." Nói xong, khi ấy hai vị Đại Thánh cùng nhau nói già-đà (kệ). Sư nghe xong, hoan hỷ hớn hở, lưới nghi đều trừ. Đây là đại sư Pháp Chiếu đích thân đến Trúc Lâm Thánh Tự được hai vị Đại Thánh khai thị.

Trong Thanh Lương Chí bản cũ, chuyện này bị một thiền tăng vô tri sửa đổi lời khai thị, biến thành thiền ngữ, thật đáng thống hận! Bộ Sơn Chí được tu chỉnh gần đây đã sao chép theo đúng truyện đại sư Pháp Chiếu trong tập ba của bộ Cao Tăng Truyện. Tôi chẳng dẫn Thanh Lương Chí vì sợ người ta không biết, cứ đọc theo bộ Sơn Chí cũ sẽ đâm ra nghi báng. Làm mù con mắt chánh pháp, đoạn thiện

căn của người khác, tội chẳng gì lớn hơn được! Phần trước và phần sau đoạn trích dẫn này đều lược đi, sao lục chỗ khai thị chẳng sót một chữ nào, chỉ có với chữ "chiếu" là vì thuận theo cách nói bèn viết là chữ sư cho rõ. Ngũ Đài chính là đạo tràng ứng hóa của ngài Văn-thù. Văn-thù chính là thầy của bảy đức Phật, tự nói: "Ta trong quá khứ do quán Phật, do niệm Phật nên nay đắc nhất thiết chủng trí." Do vậy hết thảy các pháp bát-nhã ba-la-mật, thiền định rất sâu, thậm chí chư Phật đều sanh từ niệm Phật. Quá khứ chư Phật còn sanh từ niệm Phật, huống chi chúng sanh đời mạt pháp nghiệp nặng phước nhẹ, chướng sâu tuệ cạn, miệt thị niệm Phật chẳng chịu tu hành, ý muốn siêu thoát, vào thẳng địa vị Như Lai, chẳng biết rằng dù có muốn nối gót hít bụi của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh vẫn còn chưa được nữa ư?

Thiền tông bắt nguồn từ đời Lương, pháp ngữ nhằm dạy người đích thân thấy tự tánh của họ tuy cao siêu huyền diệu, nhưng mỗi câu còn ý nghĩa. Sau thời Lục tổ, hai vị tổ Nam Nhạc, Thanh Nguyên liền dùng cơ phong chuyển ngữ, chỉ sợ người ta tưởng hiểu nghĩa là ngộ, chẳng thể thật chứng, nên dùng pháp này hòng dứt bặt cái tệ tưởng lầm là đã ngộ đạo. Nhưng công phu tham cứu ấy chẳng dễ gì đạt được, có nhiều kẻ mấy chục năm vẫn chưa thể nào thấu hiểu triệt để được. Ngài Triệu Châu 80 tuổi còn tham khấu[265] khắp Bắc Nam, nên có câu nói: *"Triệu Châu bát thập do hành cước, chỉ vị tâm đầu vị tiêu nhiên"* (Triệu Châu tám chục còn hành cước, chỉ bởi trong lòng chửa rỗng rang). Đủ biết là bậc hành nhân đại căn còn phải siêng nhọc như thế, huống gì kẻ căn tánh hèn kém ư?

Đến đời Tống, đạo Thiền vẫn hưng thịnh lớn lao, kẻ thật chứng đã ít ỏi hẳn đi. Ngay như Ngũ Tổ Giới vẫn chẳng phải là kẻ tầm thường, sư thuộc pháp hệ của ngài Vân Môn Yển[266], là pháp tổ của quốc sư Đại Giác Liên đời Tống, môn đình cao ngất như long môn[267], kẻ học thường dõi nhìn vách đá chót vót mà chùn bước, thuở đương thời danh vọng hiển hách chi bằng. Nhưng một thứ kiến hoặc còn chưa đoạn được, nói gì đến liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh nữa ư? Thân sau của Giới công là Tô Đông Pha, tăng tục đều biết. Lúc họ Tô giữ đất

[265] Tham khấu: Đến tham học với các bậc tôn túc đã ngộ đạo.

[266] Vân Môn Văn Yển (864-949) là sơ tổ tông Vân Môn, quê ở huyện Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang. Sư mang chí hướng xuất gia từ nhỏ, xin thế độ với ngài Chí Trừng tại chùa Không Vương ở Gia Hưng. Không lâu sau, được thọ cụ túc, học rộng khắp các kinh điển, đặc biệt nghiên cứu tinh tường luật Tứ Phần. Sau đó sang Mục Châu tham học với ngài Đạo Minh, thấu hiểu thiền chỉ. Rồi sư tham học với Tuyết Phong Nghĩa Tồn, được ấn khả. Năm Càn Hóa nguyên niên (911), đến Tào Khê lễ tháp Lục tổ, tham học với ngài Linh Thọ Như Mẫn, được nối pháp vị này. Do sư trụ tại chùa Quang Thái núi Vân Môn nên tông phong của ngài được gọi là Vân Môn.

[267] Long Môn còn gọi là Vũ Môn, là nơi theo truyền thuyết con cá chép nào vượt ngược sóng, nhảy qua được ba bậc của thác Vũ Môn sẽ biến thành rồng.

Hàng vẫn chẳng cự tuyệt kỹ nữ lui tới, đủ biết vẫn là phàm phu đầy dẫy triền phược, ngay cả Sơ quả Tu-đà-hoàn vẫn chưa hề chứng được. Người bây giờ ai có được đạo lực như Ngũ Tổ Giới mà vẫn muốn cậy vào tự lực để liễu sanh tử, lại còn đề cao Thiền tông, miệt thị Tịnh độ, là do cớ gì vậy?

Một là do ít đọc kinh điển và kinh Hoa Nghiêm, hoặc từng đọc qua nhưng hoàn toàn chẳng chú ý. Hai là do chẳng biết tông chỉ của Thiền tông, bất luận hỏi đến Phật, hỏi đến pháp, dù hỏi đến tất cả những thứ gì trong thế gian, khi đáp đều chỉ về bổn phận, chứ tuyệt đối chẳng luận trên Phật, trên pháp và trên mặt sự để đáp. Đó gọi là "hỏi tại nơi đáp, đáp tại nơi hỏi", nếu hiểu là nói về mặt sự thì hoàn toàn hiểu lầm mất rồi, nhưng người đời nay nghiệp sâu tuệ cạn, thường đem những lời trực chỉ bổn phận giải nghĩa theo mặt văn tự. Như ngài Triệu Châu nói: "Lão tăng niệm Phật một tiếng, súc miệng ba bữa" và "một chữ Phật, ta chẳng thích nghe", ai nấy đều lầm tưởng là lời nói thật, bèn coi niệm Phật là không ra gì, rồi miệt thị. Chẳng biết sau câu "một chữ Phật ta chẳng thích nghe" của ngài Triệu Châu, có kẻ hỏi: "Hòa thượng có còn vì người khác hay không?" Triệu Châu nói "Phật, Phật" đó ư? Có kẻ hỏi: "Hòa thượng được đại vương cúng dường như thế (cha con vua nước Triệu và Yên Vương đều cung kính cúng dường), báo đáp như thế nào?" Triệu Châu nói "niệm Phật" đó ư? Lại có ông tăng hỏi: "Mười phương chư Phật còn có thầy hay không?" Triệu Châu nói "có!" Hỏi: "Thế nào là thầy của chư Phật?" Triệu Châu nói "A-di-đà Phật, A-di-đà Phật" đó ư? Phàm "niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày" và "một chữ Phật ta chẳng thích nghe" và "dùng Phật Phật để vì người khác", "dùng niệm Phật để báo ân", "lấy A-di-đà Phật làm thầy của mười phương chư Phật" đều là chuyển ngữ chỉ về bổn phận.

Nếu hiểu hai câu trước là lời thật bèn thật hành theo (tức "niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày" và "một chữ Phật ta chẳng thích nghe"), ắt sẽ đến nỗi báng Phật, báng pháp, báng tăng, vĩnh viễn đọa trong ác đạo. Nếu coi ba câu sau ("dùng Phật Phật để vì người khác", "dùng niệm Phật để báo ân", "lấy A-di-đà Phật làm thầy của mười phương chư Phật") là lời thật rồi thật hành, ắt sẽ được nghiệp tận tình không, đời này chứng thánh, vãng sanh thượng phẩm, dần dần đạt đến thành Phật. Hai cách nói này các sách Thiền đều cùng sao lục. Hai câu nói trước ấy, hết thảy mọi người đều thường đề xướng; ba câu nói sau, mấy chục năm qua tôi chưa hề thấy có một ai nhắc đến một câu nào! Những câu nói trước và sau đều quy về bổn phận. Đối với ba câu sau, dẫu chẳng hiểu ý của ngài Triệu Châu, đem so với chuyện hiểu được ý ngài Triệu Châu thì lợi ích vẫn lớn hơn. Bởi lẽ không hiểu được ý của tổ Triệu Châu, nhưng vẫn là tuân theo lời Phật dạy chân thật phát xuất từ kim khẩu của đức Như Lai. Đối với hai câu trước, dẫu có hiểu ý của ngài Triệu Châu cũng chẳng qua là khai ngộ mà thôi, còn cách liễu sanh thoát tử xa lắm. Cớ

sao đối với lời nói của cùng một người, nếu không hiểu, coi hai câu trước là lời đúng thật thì họa hại khôn lường, nhưng ai nấy đều đề xướng; còn ba câu sau nếu không hiểu, coi là lời nói đúng thật lại lợi ích vô cùng, nhưng cả cõi đời chẳng ai thèm nghe?

Ấy là vì thuở ban đầu chưa hề gặp được thiện tri thức thật sự, do bản thân chẳng ra sức nghiên cứu, vừa nghe lời bài bác tưởng như hy hữu, lạ lùng, trong tâm bèn vui sướng, thường xuyên đề xướng. Chẳng biết đấy là lời nói thẳng chóng nhằm dạy người khác đích thân thấy được bản lai của cổ nhân, cứ hiểu thành lời báng pháp dè bỉu, chê bỏ niệm Phật. Trong đời mạt loại người như vậy nhiều lắm! Trừ kẻ biết tự lượng, có hàm dưỡng, quyết chẳng chịu coi cách suy lường mặt chữ là tham cứu pháp thiền thì chẳng mắc phải bệnh ấy. Nếu không, ắt sẽ là kẻ tưởng "ngộ" (誤: hiểu lầm) là "ngộ" (悟: ngộ đạo), vẫn cứ noi theo lề lối ấy mà tu hành, chẳng nghĩ đến sửa đổi chi cả!

Huống chi cư sĩ các nơi, tâm hộ trì chùa Quảng Tế hết sức sôi nổi. Nếu vẫn dùng cái danh tham thiền để tự đề cao thì còn được, chứ nếu do cậy vào tự lực mà chẳng thể được đại lợi ích thì làm sao báo đáp nhiệt tâm của các cư sĩ đây? Lại làm sao có thể thúc đẩy mạnh mẽ đạo niệm của các cư sĩ đây? Quang thẹn mình hủ bại, không có tài đức, nhưng do kinh nghiệm xuất gia từng trải sáu chục năm, vốn chẳng dám đối trước hết thảy mọi người mà nói, nhưng vì thượng nhân Quả Định và hòa thượng đều để mắt xanh đoái tưởng, lại thêm vì tuổi đã tám mươi, sống buổi sáng chẳng đảm bảo được buổi tối, nếu chẳng đem điều Quang hiểu biết dâng lên thường trụ chùa Bích Sơn thì thật chịu lỗi đến cùng cực.

Pháp môn niệm Phật chính là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là đường tắt thành Phật của trời người, thánh phàm. Hết thảy các pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy các pháp môn không pháp nào chẳng trở về pháp này. Kẻ tri kiến nhỏ nhoi cho niệm Phật là pháp môn của ngu phu ngu phụ; nào biết trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài sau khi chứng được Thập tín hậu tâm, vâng lời ngài Văn-thù dạy đã đi tham học với khắp các thiện tri thức, hễ nghe dạy liền chứng. Cuối cùng đến chỗ Phổ Hiền Bồ-tát, được ngài gia bị, khai thị, sở chứng ngang với Phổ Hiền và chư Phật. Đức Phổ Hiền bèn vì Thiện Tài xưng tán công đức thù thắng, mầu nhiệm của Như Lai, dạy Thiện Tài phát mười đại nguyện vương, dùng công đức này hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả, và khuyến tấn trọn hết các Bồ-tát trong Hoa Tạng thế giới hải nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương. Hoa Tạng hải chúng không một ai là phàm phu, Nhị thừa hay Quyền vị Bồ-tát chưa phá vô minh, vị nào chứng ngộ thấp nhất đã là bậc Sơ trụ trong Viên giáo.

Vị ấy đã có thể hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật, và tùy theo mỗi loài hiện đủ mọi thân để độ thoát chúng sanh. Sau đó từ Nhị trụ cho đến Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, mỗi địa vị càng thù thắng hơn. Các vị Bồ-tát ấy đều dùng mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương, những kẻ kia (tức kẻ phỉ báng niệm Phật) là hạng người nào mà dám chống đối các ngài ấy?

Do vậy biết pháp môn niệm Phật quả thật là pháp môn tổng trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành thủy thành chung. Vì thế pháp này được chín giới hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói. Do pháp này dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, nên liền được "nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân". Cúi xin hòa thượng thương xót lòng ngu thành của Quang, quán sát thời cơ, bỏ tham thiền để niệm Phật, tuân theo thánh huấn của các vị Văn-thù, Phổ Hiền, noi theo dấu thơm của các vị Triệt Ngộ, Liên Trì, ngõ hầu người theo học đều được lợi ích liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, khiến những vị cư sĩ hộ pháp đều được dự vào hội thượng thiện nhân ở Liên Trì, bi tâm của ba đời chư Phật được xoa dịu lớn lao nơi cõi Tịch quang, chư tổ của năm tông đều mỉm cười rạng rỡ nơi chân tế. Ngũ Đài vòi vọi, đã có bậc hoằng dương đạo thành thủy thành chung, Phật tử đông đảo sẽ đều tu đạo "tâm làm, tâm là". Chẳng biết hòa thượng có chịu rủ lòng nghe theo hay không? Nếu nói: "Ai có chí nấy, sao lại cưỡng bức, ông giữ pháp của ông, tôi hành đạo của tôi", Quang cũng chỉ tự thẹn cuồng vọng, chẳng dám khinh nhờn nữa! Mong hãy đem thư này trả về Linh Nham để đốt trước tượng Văn-thù Bồ-tát trong đại điện hòng tỏ lộ tấm lòng khăng khăng ngu thành của Quang đối với Ngũ Đài mà thôi!

153. Thư gởi cư sĩ Hồ Tử Hốt

(Năm Dân Quốc 29 - 1940)

Từ khi gặp gỡ đến nay, trước sau đã bảy năm, thế giới tang thương, khôn ngăn cảm thán! Thư của các hạ, mùa thu năm ngoái do thầy Pháp Độ đến núi, mới được chiêm ngưỡng, do những năm trước thầy Pháp Độ đến đất Hỗ (Thượng Hải) liền đi ngay. Mùa thu năm ngoái thầy Pháp Độ đến đây, hỏi thăm các hạ và thường trụ Bích Sơn, may là không mắc tai nạn lớn lao, khôn ngăn mừng rỡ an ủi. Quang nghĩ đạo tràng Bích Sơn sẽ khôi phục được quang cảnh cũ, pháp môn tu hành nên tùy thời nghi, đã đại lược tỏ ý của Quang với thầy Pháp Độ. Lại bỏ ra 300 đồng để làm khoản chi tiêu trước. Tiếp đó, nghĩ Quang là loại tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, dù nói có ai chịu nghe theo, bèn thôi, không bàn đến nữa!

Nửa sau tháng Chạp, pháp sư Đức Sâm gởi thư về hỏi: "Sao vẫn chưa dâng thư lên hòa thượng Quảng Huệ?" Quang bảo: "Vì phận hèn lời nhẹ, ắt khó được nghe theo, vì thế không bàn đến nữa!" Thầy Đức Sâm bảo: "Chúng ta làm việc chỉ mong trọn hết lòng thành của chính mình, cớ sao lại sợ người khác chẳng thấy nghe, để rồi rốt cuộc đạo tràng của đức Văn-thù không được một phen nghị luận như thế này ư?" Do vậy tôi bèn quên mình hèn kém thô lậu, miễn cưỡng viết hơn mười trang, trình bày đại lược chuyện "áo mỏng, áo cừu, ăn uống cần phải thích nghi, sự tu trì thời mạt pháp cũng phải giống như vậy". Vẫn mong các hạ thương cho lòng ngu thành của Quang, ở trước mặt hòa thượng nhiều cách khen ngợi, nói vun vào, may ra chẳng đến nỗi Quang bị sa chân chuốc nhục, hoàn toàn chẳng có ích gì!

154. Thư trả lời cư sĩ Dương Vĩ Chương

Hôm nay đặt pháp danh, dùng Một Lá Thư Gởi Khắp để khai thị. Gởi thư xong, đọc lại thư ông, biết ông chưa biết tông chỉ Tịnh độ. Hãy nên y theo những gì đã nói trong Một Lá Thư Gởi Khắp mà sanh lòng tin thật sự, phát nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết, niệm danh hiệu Phật. Đừng dùng cách niệm quán tâm, hãy nên dùng cách niệm nhiếp tâm. Trong kinh Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát nói "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất". Khi niệm Phật trong tâm (ý căn) phải niệm cho rõ ràng rành rẽ, nơi miệng (thiệt căn) phải niệm cho rõ ràng rành rẽ, nơi tai (nhĩ căn) phải nghe cho rõ ràng rành rẽ. Ba căn ý, thiệt, nhĩ mỗi mỗi đều nhiếp thủ Phật hiệu thì mắt cũng chẳng ngó Đông, dòm Tây, mũi cũng chẳng ngửi những thứ khí vị khác, thân cũng chẳng lười trễ, biếng nhác, đó gọi là "nhiếp trọn sáu căn". Nhiếp trọn sáu căn để niệm tuy chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng so với kẻ chẳng nhiếp sáu căn để niệm thì trong tâm thanh tịnh hơn nhiều lắm, vì thế gọi là tịnh niệm.

Nếu thường giữ được tịnh niệm cho liên tục chẳng bị gián đoạn, tâm sẽ tự được quy về một chỗ. Ở mức cạn là đắc nhất tâm, mức sâu là đắc tam-muội. Tam-ma-địa cũng là tên gọi khác của tam-muội, ở đây (Trung Hoa) dịch là chánh định, hay còn dịch là chánh thọ. Chánh định nghĩa là tâm an trụ nơi Phật hiệu, chẳng còn rong ruổi theo bên ngoài nữa. Chánh thọ ngụ ý những gì được nạp thọ (thu nhận) trong tâm chỉ là cảnh duyên công đức của Phật hiệu, hết thảy cảnh duyên đều chẳng thể được. Có thể thật sự nhiếp cả sáu căn để niệm, chắc chắn nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Chẳng cần phải quán tâm mà tâm tự thanh tịnh sáng tỏ, sao lại đến nỗi mắc bệnh tâm hỏa bốc lên nữa ư? Do ông là phàm phu nghiệp lực cực nặng, lầm lạc dùng pháp quán tâm nên mới đến nỗi như thế. Pháp quán tâm chính là pháp tu quán bên Giáo, chẳng thích hợp lắm với người

niệm Phật. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mới là vô thượng diệu pháp thích hợp khắp hết thảy căn cơ thượng, trung, hạ, cả phàm lẫn thánh.

Nên biết "nhiếp trọn" chú trọng tại nghe. Dẫu niệm thầm trong tâm cũng vẫn phải nghe, bởi lẽ trong tâm khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình, vẫn rành rẽ rõ ràng. Nếu có thể nghe được từng câu từng chữ rõ ràng thì sáu căn đều quy về một, so với tu những pháp quán khác là ổn thỏa thích đáng nhất, ít tốn sức nhất, khế lý khế cơ nhất. Đã phát tâm niệm Phật, ắt cần phải kiêng giết, ăn chay, đoạn cả hút sách lẫn uống rượu. Thanh tâm quả dục (tấm lòng trong sạch, ít ham muốn), cưới vợ chủ yếu để sanh con. Người đời thường thường coi chuyện ân ái như chuyện ăn cơm, uống trà thường ngày trong nhà mà mong tưởng sanh được đứa con tốt đẹp sẽ là chuyện khó nhất trong các sự khó. Ông đã lầm lẫn, khiến cho tánh mạng nguy ngập mấy lần, hãy nên đoạn dục một hai năm để sanh được con. Đợi cho thiên quý (kinh nguyệt) của vợ sạch rồi, lại cần chọn ngày tháng tốt đẹp để ăn nằm, ắt nhất định thọ thai. Từ đấy vĩnh viễn đoạn dục. Đứa con sanh ra chắc chắn hiền thiện, khỏe mạnh. Lại cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, trong là gia đình, ngoài là những người cùng hàng, đều nên dùng điều này để kính khuyên thì sẽ là Phật tử thật sự vậy. Nếu không, vẫn là kẻ tội nhân nơi danh giáo, huống hồ còn muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh mà được hay sao?

155. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh

Năm Dân Quốc 16 (1927), tôi vốn muốn nhận lời thỉnh của đệ tử ở Hương Cảng, nên trong tháng 7 năm Dân Quốc 17 (1928) liền rời Phổ Đà. Năm sau, do ông Hứa Chỉ Tịnh vừa hoàn tất bản thảo bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, nên phải lo liệu giảo duyệt cho đến khoảng cuối thu đầu đông. Trong tháng 3 năm sau cho sắp chữ theo kiểu Tam Hiệu Tự, được một bộ gồm bốn cuốn. Do học sinh thích đọc chữ nhỏ, ông Nhiếp Vân Đài lại cho in theo lối Tứ Hiệu Tự thành một bộ hai cuốn. Trong tháng 3, cho sắp chữ hai bộ sách này. Pháp sư Đức Sâm chịu trách nhiệm giảo chánh lần đầu, Quang chịu trách nhiệm giảo chánh lần thứ hai. Hết đêm tới ngày, khá cực nhọc. Lo xong việc, một đệ tử mời đến nhà ông ta ăn cơm, do chẳng quen ngồi xe hơi, toát mồ hôi bị trúng gió. Ra về, bảo họ gọi xe kéo, họ không chịu, bèn bảo lái chậm một chút, đang chảy mồ hôi mà lại ra gió, bị bệnh hơn mười ngày.

Năm sau, Thái Bình Chân lão (tức hòa thượng Chân Đạt chùa Thái Bình) khuyên đừng về Nam, sợ đường biển sóng gió rất có thể bị bệnh. Năm Dân Quốc 19 (1930) đến Tô Châu, bế quan tại chùa Báo Quốc. Mồng 10 tháng 10 năm Dân

Quốc 26 (1937) tỵ nạn sang Linh Nham. Hiện nay đã 80 tuổi rồi, buổi sáng chẳng bảo đảm được buổi tối. Ở quý địa, người có lòng tin khá đông, hãy nên bảo họ quy y với chư tăng nơi ấy, chớ nên thay mặt Quang thu nhận. Vì sao vậy? Lòng người biến đổi, trong khoảnh khắc khác hẳn. Quang là kẻ sắp chết, há có nên giữ quy củ này, để về sau nếu có kẻ chẳng giữ như pháp, Quang bỗng dưng mắc phải họa hại ấy! Gần đây Quang thường thấy kẻ vốn là người cực tốt liền biến thành kẻ cực xấu, ngay khi Quang vẫn còn sống mà còn như thế, vậy khi Quang chết rồi thì ai có thể lại biến họ thành người tốt cho được? Chuyện này Quang tuyệt đối chẳng chấp nhận.

Cư sĩ diễn giảng, chỉ nên chuyên chú nơi một pháp Tịnh độ, chớ nên giảng tràn lan. Giảng tràn lan là chuyện của pháp sư giảng kinh, cư sĩ há nên khơi ra đầu mối ấy! Do pháp môn niệm Phật thích hợp khắp ba căn, bởi mọi người chẳng biết pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, hãy vì họ nói tín - nguyện - hạnh, khiến cho kẻ có trí tuệ nhưng không hiểu biết ai nấy đều chú trọng pháp này. Há nên chỉ mong khuếch trương môn đình, chẳng xét đến có khế cơ hành nhân hay không. Thiền sư Đạo Xước đời Đường cả đời giảng ba kinh Tịnh độ gần 200 lượt, vị này vẫn là người thân cận hòa thượng Thiện Đạo. Sư thọ ngoài tám mươi, tính trên những khóa giảng thì mỗi năm sư giảng ba bốn lượt. Hiện thời trong Phật thất đang đề xướng giảng các kinh thuộc những tông khác, nếu đại chúng trong pháp hội đối với Tịnh tông đều hiểu biết sâu xa thì còn được, chỉ sợ kẻ thông suốt chưa được dăm ba người trong trăm kẻ, người không thông suốt mười phần hết tám chín. Những vị pháp sư giảng kinh tràn lan kia còn có rất nhiều vị chẳng coi niệm Phật là đúng. Nay chẳng chú trọng pháp môn cậy vào Phật lực để liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, nếu giảng Bát-nhã cho kẻ chẳng hiểu Tịnh tông tức là dạy họ chuyên tâm dốc chí nơi phương diện khai ngộ, đâm ra làm cho đại pháp "muốn cho phàm phu sát đất được liễu sanh thoát tử" phát xuất từ lòng đại từ bi của đức Di-đà bị coi rẻ.

Người xin nghe giảng đã không hay biết, sao người nhận lời giảng không nói rõ nguyên do cho họ? Nếu họ không nghe, hãy nói: "Tôi không phải là người giảng kinh, xin hãy mời vị chuyên chú trọng giảng kinh đến giảng." Cư sĩ lâm tại thị trấn Đường Áp thuộc thành phố Nam Thông (tỉnh Giang Tô) rất tích cực, năm ngoái một thành viên của Cư sĩ lâm rất thông minh, giảng kinh Địa Tạng một lần, từ đấy những kẻ chẳng biết "pháp môn niệm Phật là pháp môn để phàm phu cậy vào Phật lực hòng liễu sanh tử trong đời này" quá nửa đều chẳng niệm Phật, chuyên chú trọng nghe kinh. Lâm trưởng thỉnh Quang nói với người giảng kinh. Do vậy bèn dạy vị ấy: "Phật pháp như biển cả, một giọt có đủ vị của muôn sông. Phật pháp như lưới kết bằng những hạt châu của Thiên Đế, mỗi hạt châu có đủ

ánh sáng của ngàn hạt châu. Luận về phía bậc đại thông gia thì lời thô lẽ tế đều là nhất chân. Luận về phía kẻ chưa về đến nhà, hãy nên chỉ đường về nhà cho đỡ tốn sức. Huống chi bậc đã chứng Đẳng giác muốn viên mãn Phật quả vẫn phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương; kẻ sắp đọa A-tỳ, mười niệm thành công, có thể cao dự hải hội. Như thuốc a-già-đà trị chung vạn bệnh, như ánh nắng xuân vừa chiếu đến thì trăm loài cây cỏ sum suê. Lợi ích mầu nhiệm ấy ngoại trừ đức Phật ra chẳng ai có thể biết được! Sao chẳng từ những chỗ ấy phát khởi lòng tín nguyện cho bọn họ, ngõ hầu ai nấy đều được vãng sanh. So với những kẻ giải thích từng chữ từng câu để tạo thành thiện căn đắc độ trong tương lai, khác biệt như thể một trời một vực. Hãy theo quy củ thường lệ, đừng tạo ra hai đường lối hành trì trong cùng một lâm!"

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, nếu nhóm họp mọi người niệm Phật nhưng chẳng đem nguyên do và phương pháp, lợi ích do tu trì pháp môn này diễn thuyết cho đại chúng thì vì chẳng biết tông chỉ, sẽ chỉ được phước báo trời người, cô phụ ơn Phật rất sâu. Tăng hay tục đều diễn giảng được, chứ không riêng gì cư sĩ. Đây là luận trên phương tiện diễn thuyết, chớ nên lấy lề lối giảng kinh làm chuẩn mực. Nếu thỉnh người chuyên giảng một thất, lần đầu nên đảnh lễ hòa thượng hoặc lâm trưởng, xã trưởng và thành viên trong Cư sĩ lâm, lạy khắp mọi người một lạy. Sau đấy đối trước pháp tòa, lễ Phật ba lạy, rồi lên tòa giảng. Hoặc giảng trích lược kinh văn, hoặc giảng chung chung về pháp tắc niệm Phật và tâm hạnh suy nghĩ, xử sự phải hợp với Phật. Giảng xong, nói đại lược lời tạ lỗi, xin chư vị rộng lượng dung thứ, liền xuống tòa, lễ Phật ba lạy là xong. Phía trên pháp tòa nên thờ tượng Phật. Hiện thời mọi thứ quá mắc mỏ, chỉ nên đốt một cây hương, chẳng cần phải thắp nến, đốt đàn hương[268]. Lên tòa rồi, chẳng cho người khác lễ bái để khỏi lâm vào tình cảnh khó xử cho cả đôi bên. Nếu ngẫu nhiên được thỉnh giảng một lần, liền lễ Phật ba lạy, lên tòa diễn thuyết, giảng xong, xuống tòa lễ Phật ba lạy là được rồi. Mở đầu buổi giảng chẳng cần phải niệm kinh, xướng kệ, đấy là phong cách của kẻ diễn thuyết. Nếu cứ theo đúng như lề lối giảng pháp sẽ trở thành tiếm phận! (Hiện thời đang là mạt pháp, tại gia cư sĩ nghiên cứu diễn thuyết cùng đồng đạo, cố nhiên không có gì là chẳng được. Nếu cứ chiếu theo nghi thức giảng kinh, đấy chính là chuyện của pháp sư xuất gia, cư sĩ làm theo đó chính là "tiếm việt".) Đứng diễn thuyết cũng không thích hợp, rất mất ý nghĩa kính trọng pháp (trên đây là lời đáp cho điều thứ nhất).

[268] Đàn hương (sandalwood), tức chiên-đàn, là một loại thuộc gỗ thơm, còn có tên là bạch đàn, vốn phát xuất từ Ấn Độ. Gỗ có sắc vàng, có mùi thơm ngát, dịu dàng nên thường được dùng để chế hương. Các loại đàn hương của Trung Quốc đôi khi chế bằng giáng đàn hương, tức là một loài cây khác thuộc họ đậu, sớ gỗ hơi hồng, có mùi thơm nhẹ hơn.

Phật gia hộ cho kẻ nào đáng nên gia hộ, nếu là kẻ chẳng nên gia hộ mà cứ gia hộ ắt kẻ ấy sẽ bị tổn hại[269]. Nay chẳng luận trên sự việc là giả hay thật, chỉ luận về chuyện "do sự gia hộ sẽ bị tổn hại hay hữu ích". Phàm là người có sự hàm dưỡng sâu xa, hễ tâm quang vừa phát ra, nhất định càng thêm khiêm tốn tự náu mình, nhất định sẽ từ ngay nơi sự hiểu được lý. Người như thế được gia hộ sẽ hữu ích. Nếu là kẻ thiếu hàm dưỡng, chẳng chú trọng sự tu, chuyên chú trọng nghiên cứu lý tánh, sẽ trở thành kẻ cuồng huệ tự cao tự đại, tuy tợ hồ có ích nhưng thật ra đối với hậu học và pháp đạo ắt tổn hại lớn lao. Vì thế hễ được gia hộ bèn thâu liễm thì sẽ lại được gia hộ. Nếu sau này vẫn cứ thường như thế thì hễ một phen được gia hộ bèn được gia hộ mãi mãi. Nếu khi ấy đúng là như thế, sau đấy lại y như cũ thì để phòng ngừa hậu hoạn[270], hãy bỏ sự tham cứu đi sẽ càng thêm ích lợi. Chỉ sợ ông chưa có sự hàm dưỡng thuần túy thâm trầm, có lẽ sau này sẽ coi niệm Phật chẳng cao siêu mầu nhiệm bằng tham cứu cái tâm. Vì thế hãy bỏ ngay sự tham cứu đi thì còn có thể giữ nguyên được thiện căn vãng sanh của mình lẫn người. Bởi vậy chẳng nên thêm [sự tham cứu vào pháp niệm Phật] (từ trên đến đây là lời đáp cho điều thứ hai). Hiểu rõ lý tánh để liễu sanh tử, phải là địa vị Thất tín trong Viên giáo mới làm được, đủ biết rằng chẳng chú trọng niệm Phật sẽ bị mất mát lớn lao không gì có thể ví dụ được.

156. Thư trả lời thầy Tu Tịnh

Hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực để liễu sanh tử; pháp môn niệm Phật cậy vào Phật lực để liễu sanh tử. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử chẳng phải là chuyện có thể thực hiện xong trong một hai đời, bậc chứng Sơ quả còn phải bảy lần sanh trong cõi trời và nhân gian, mới chứng Tứ quả. Tứ quả là liễu sanh tử! Người chưa chứng Sơ quả thăng trầm bất định. Kẻ đời này tu hành rất khá, đời

---

[269] Sự gia hộ được nói đến ở đây bắt nguồn từ nghi vấn được nhắc đến trong luận Giáo Quán Toát Yếu: "Hàng sơ tâm thuộc Viên giáo và Biệt giáo có được Phật gia hộ để thấy được lý tánh hay không?" Theo luận ấy, hàng sơ cơ Bồ-tát trong hội Hoa Nghiêm, nếu chỉ dựa trên tự lực sẽ chẳng thấy được lý tánh, do Phật lực gia hộ nên mới thấy được tánh, mới hiểu được những giáo nghĩa được giảng trong pháp hội Hoa Nghiêm. Tổ nhấn mạnh người tham cứu tự tánh sẽ được Phật lực gia hộ hay không tùy theo sự hàm dưỡng của người ấy, nhắc lại ý kiến chính của luận Giáo Quán Toát Yếu là Phật chỉ gia hộ cho những ai do thấy được tánh rồi sẽ càng thêm khiêm nhượng, tấn tu, do tấn tu sẽ ngày càng tăng tấn, do tâm càng thêm thanh tịnh nên càng dễ cảm được Phật gia hộ. Tổ dùng những ý này để đả phá kiến chấp của ông Chương Duyên Tịnh cho rằng niệm Phật phải kèm thêm tham cứu cái tâm để được tăng thêm phần gia hộ của Phật lực, chứ không lo thật hành "tịnh niệm tiếp nối" hòng giữ cho cái tâm được thanh tịnh thì tự nhiên cảm được Phật gia hộ.

[270] Ý nói: Trong lúc tham cứu, được Phật lực gia hộ nên thấy được tánh (tức ngộ, nhưng chưa chứng), nhưng rồi không chịu khiêm nhượng, tấn tu, vẫn giữ nguyên tập khí cũ, sẽ dễ bị ma chướng, nên chẳng thà không tham cứu, cứ chăm chú giữ cho tịnh niệm tiếp nối mà niệm Phật sẽ được lợi lạc hơn.

sau tạo nghiệp lớn lao, trong trăm kẻ có đến hơn chín mươi người. Bậc chứng Sơ quả, dẫu dùng oai lực bức bách họ tạo nghiệp, họ thà chịu xả mạng, chẳng chịu tạo những ác nghiệp giết, trộm, dâm v.v.. Nếu không xuất gia, cũng sẽ cưới vợ. Nếu buộc họ tà dâm, họ thà chết chẳng làm! Vị ấy tuy chưa liễu sanh tử, quyết định chẳng bị đọa xuống, còn kẻ chưa chứng Sơ quả thì không chắc. Dẫu một đời, hai đời chẳng tạo nghiệp, chắc chắn khó thể vĩnh viễn không tạo nghiệp. Vì thế biết, cậy vào tự lực đoạn hoặc chứng chân khó khăn như lên trời vậy!

Người niệm Phật ắt phải sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, quyết định cầu Phật gia bị trong đời hiện tại, đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Lúc bình thường niệm Phật, phải thành khẩn như làm đám tang cho cha mẹ, phải tích cực như cứu đầu cháy; lại phải đem pháp môn này tùy phần tùy sức nói với hết thảy mọi người; lại còn đối với mọi chuyện đều phải trọn hết bổn phận của chính mình để được mãn nguyện.

Muốn xem kinh, trước hết hãy nên đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh. Muốn đọc những sách nông cạn, gần gũi thì hãy đọc Ấn Quang Văn Sao, Ấn Quang Gia Ngôn Lục. Lại muốn đọc những sách thiết yếu, hết sức thâm diệu, vừa dễ lãnh hội thì hãy nên đọc Tịnh Độ Thập Yếu. Muốn biết sự tích vãng sanh xưa nay, hãy đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Hiện thời chẳng thể gởi sách, hãy nên mượn xem từ chỗ của cư sĩ Tạ Huệ Lâm ở số 32 phố Đông Châu cửa Bắc thành phố Thành Đô, các kinh sách ấy ông ta đều có, nhưng không thể tặng cho người khác. Hơn mười năm trước đây, Quang gởi mấy chục gói kinh sách các thứ cho Phật học xã Trùng Khánh, chắc họ hãy còn. Hãy hỏi các ông Vương Hiểu Tây, Thư Thứ Phạm, Vương Thích Quân v.v. thuộc Phật học xã, có lẽ họ sẽ có sách để tặng cho ông; nếu không thì mượn xem. Ở chỗ ông Tưởng Đặc Sanh tại ngõ Tam Nguyên Cung ở huyện Tam Đài chắc cũng còn, nếu còn sẽ gởi cho ông. Gởi sách cho Tứ Xuyên, chỉ có Phật học xã Trùng Khánh là được gởi nhiều nhất, kế đó là ông Tưởng Đặc Sanh. Ở chỗ ông Tạ Huệ Lâm bất quá chỉ có thể cho ông mượn đọc, chứ chẳng thể tặng cho người khác được.

Pháp môn niệm Phật thực hiện dễ thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh chóng, đi đứng nằm ngồi, trong hết thảy mọi lúc, hết thảy chỗ đều có thể niệm. Nếu áo mũ tề chỉnh, tay và mặt sạch sẽ, niệm ra tiếng hoặc niệm thầm đều được. Nếu ngủ nghỉ và áo mũ chẳng chỉnh tề, còn chưa rửa ráy, súc miệng, hay đến chỗ bất tịnh, hoặc lúc đại tiểu tiện, đều phải niệm thầm, đừng niệm ra tiếng. Dù ngủ cũng chẳng nên lõa lồ, hãy nên mặc quần áo, trong tâm thường giữ lòng kính sợ, chớ nên phóng túng.

Muốn thâu nhiếp vọng niệm thì điều thiết yếu bậc nhất là phải giữ lòng cung kính, thường nghĩ như thân đang đối trước đức Phật, chẳng dám dấy lên những thứ suy tưởng khác. Điều thiết yếu thứ hai là từng câu từng chữ trong tâm phải niệm cho rõ ràng rành rẽ, nơi miệng niệm cho rõ ràng rành rẽ thì vọng tưởng sẽ dần dần tiêu diệt. Dẫu niệm thầm cũng phải nghe, bởi tâm vừa dấy niệm liền có tiếng. Tai chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình, đương nhiên rõ ràng rành rẽ.

Trong kinh Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát nói: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, đấy là bậc nhất", chú trọng ở nơi nghe. Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; tâm là ý căn, miệng là thiệt căn, nghe chính là nhĩ căn. Tâm niệm, miệng niệm, tai nghe. Hễ ba căn này được nhiếp rồi thì mắt cũng chẳng thể ngó Đông ngóng Tây, mũi cũng chẳng thể ngửi khí vị khác, thân cũng chẳng dám buông lung, giải đãi, vì thế gọi là "nhiếp trọn sáu căn". Nhiếp trọn sáu căn để niệm sẽ tự không có vọng niệm ô tạp, nên gọi là "tịnh niệm". Tịnh niệm ắt phải thường thường tiếp nối chẳng đoạn, vì thế gọi là "tịnh niệm tiếp nối". Nếu tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày chầy tháng sẽ đắc niệm Phật tam-muội. Cách "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" này là diệu pháp bậc nhất để đắc tam-muội, vì thế nói "đắc tam-ma-địa, đấy là bậc nhất". Tam-ma-địa chính là tên khác của tam-muội. Niệm như thế, chắc chắn sẽ có ngày được "tịnh niệm thường tồn tại, vọng niệm hoàn toàn không còn".

Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, đã từng cự tuyệt hết thảy thư từ. Thương lòng thành của ông nên giảng cho ông về cách nhiếp tâm và biện pháp thỉnh kinh sách, nhưng kinh sách đã lâu sợ rằng chẳng còn nữa, dẫu mượn chẳng được cũng có lợi ích. Nếu mượn được, hãy hành theo đó thì vãng sanh sẽ là điều chắc chắn đạt được.

Phụ lục: Nhất Thừa Quyết Nghi Luận Thuyết của thiền sư Triệt Ngộ

Muốn chẳng chuốc lấy nghiệp Vô Gián, đừng báng chánh pháp luân của Như Lai. Đấy là lời ứa lệ, đau buốt ruột gan thốt từ lòng đại từ bi của cổ đức. Bởi lẽ đức Thích-ca Như Lai ta vì chúng sanh mà tu chứng pháp này trong vô ương số kiếp, hành hết thảy pháp khó hành, bỏ quốc thành, vợ con yêu thương, đầu mắt, tủy não, chẳng biết mấy ngàn vạn ức. Đến khi thành đạo, vẫn dùng bình đẳng đại bi, thuận theo nghĩa lý tất đàn[271] để phô diễn. Vì thế, phàm mỗi câu mỗi chữ đều

[271] Tất đàn (siddhānta), dịch nghĩa là tác thành tựu, tông, lý v.v., nghĩa là sự giáo hóa của đức Phật có thể chia thành bốn loại tổng quát, tức "thế giới, mỗi chuyện đều vì người khác, đối trị và đệ nhất nghĩa". Theo Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa quyển một, chữ tất đàn là hợp dịch của

là đuốc báu trong đêm dài vô minh, là thuyền từ trong biển khổ sanh tử. Phàm là hữu tình không ai chẳng được lợi ích. Nhưng các ông vẫn nhìn theo lẽ thông thường, mặc sức chê trách, chướng chánh pháp minh, làm mù con mắt của người học trong đời tương lai, gây nghi lầm cho chúng sanh, thật chẳng phải là chuyện nhỏ nhoi đâu! Bảo là vô tội, há có lẽ ấy hay chăng? Nay đem lý Nhất thừa xẻo gọn mọi mối nghi, đại pháp quang minh cắt thật nhanh ngay, quét cho hết sạch mây mê, Phật nhật lại sáng tỏ rạng ngời, quả thật là đại kim thang[272] cho pháp môn vậy. Ngay trong lúc này, đối với thiên nhãn, pháp chấp, nếu các ông đã thông, đã quên, sẽ tự sanh được lòng tùy hỷ sâu xa. Nếu như chưa quên, chưa thông, nhất định sẽ mau chóng đạt được lợi ích thù thắng. Vì thế biết: Soạn bài luận này, chẳng những chỉ hữu ích cho pháp môn, mà thật ra còn hữu ích cho các ông. Chẳng những chỉ có ích cho các ông mà còn hữu ích sâu xa cho những người học đời sau trong thiên hạ. Xin hãy lưu thông để rộng hành pháp thí!

---

tiếng Phạn và tiếng Hán, *tất* là trọn khắp, *đàn* là đàn-na (dāna), tức bố thí. Đại Trí Độ Luận quyển một, giải thích chi tiết hơn về *tứ tất đàn* như sau:

1. Thế giới tất đàn: Tùy thuận pháp thế gian, nói ý nghĩa nhân duyên hòa hợp. Nói cách khác là dùng những tư tưởng, ngôn ngữ của thế gian để thuyết minh chân lý duyên khởi.
2. Các các vi nhân tất đàn (gọi tắt là nhân tất đàn): Ứng theo căn cơ, năng lực sai biệt của từng chúng sanh mà nói ra những pháp thực tiễn để chúng sanh sanh khởi thiện căn. Vì thế, tất đàn này còn gọi là sanh thiện tất đàn.
3. Đối trị tất đàn: Ứng theo từng phiền não, từng chứng bệnh tham - sân - si của chúng sanh mà nói pháp đối trị. Do tất đàn này có tác dụng diệt trừ hết thảy phiền não ác nghiệp, nên còn gọi là đoạn ác tất đàn.
4. Đệ nhất nghĩa tất đàn: Phá trừ hết thảy luận nghị, ngôn ngữ, trực tiếp thuyết minh lý thật tướng đệ nhất nghĩa đế, khiến cho chúng sanh thật sự khế nhập giáo pháp. Do vậy, tất đàn này còn gọi là nhập lý tất đàn.

[272] Kim thang là nói gọn của "kim thành thang trì", tức thành dày vững như sắt, hào sâu thăm thẳm như ao nước sôi, không dễ gì vượt qua được.

II. TỰ

1. Lời tựa cho sách Vãn Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Gốc Lẫn Ngọn

(Mùa đông năm Kỷ Mão (1939) thời Dân Quốc, khi ấy đã 79 tuổi)

Lý thế gian lẫn xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ "tâm tánh", sự thế gian và xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ "nhân quả". Lý tâm tánh nhỏ nhiệm, dẫu là thánh nhân vẫn có điều không biết; sự nhân quả rành rành, dù ngu phu cũng có thể hiểu đại khái. Thánh nhân muốn cho thiên hạ vĩnh viễn thái bình, nhân dân thường yên vui, bèn đặc biệt soạn ra sách Đại Học để dạy pháp ấy. Vừa mở đầu sách, liền nói: *"Đại Học chi đạo, tại minh minh đức"* (đạo Đại Học nhằm làm sáng tỏ đức sáng). Minh đức chính là điều ai nấy đều sẵn có, nhưng do thiếu công phu khắc chế ý niệm, tự phản tỉnh, suy xét nên minh đức bị tư dục huyễn vọng che lấp chẳng thể hiển hiện để thụ dụng được. Cách để làm sáng tỏ minh đức là "khắc chế ý niệm". Thứ tự của công phu khắc chế ý niệm là "tu thân, chánh tâm, thành ý, trí tri, cách vật". "Vật" là gì? Chính là tư dục huyễn vọng được sanh bởi cảnh, chẳng hợp thiên lý, chẳng thuận nhân tình, chứ không phải là vật ở bên ngoài.

Do những tư dục này kết chặt trong tâm nên tất cả tri kiến đều xuôi theo tư dục, trở thành lệch lạc, tà vạy. Như kẻ tham danh tham lợi chỉ biết có lợi, chẳng biết đến hại, kiệt lực lo toan, rất có thể đến nỗi thân bại danh liệt. Kẻ yêu vợ thương con chỉ biết đến những điều tốt của vợ con, chẳng biết đến những thói xấu của họ, nuôi thành mầm họa, sẽ có thể đến nỗi bị tan nhà nát cửa. Đấy đều là do tư dục tham và ái sai khiến. Nếu trừ khử hết sạch những thứ tư dục chẳng hợp tình hợp lý ấy thì vợ con đúng hay sai sẽ tự biết, đối với đường lối để đạt được danh lợi sẽ chẳng cần phải đút lót hay mong cầu sai trái nữa.

Trước hết phải hiểu chữ vật này là tư dục huyễn vọng chẳng hợp tình hợp lý thì trừ khử nó sẽ là chuyện dễ dàng. Nếu không, suốt đời dốc sức cũng chẳng làm gì được nó! Dẫu đọc trọn hết sách vở thế gian cũng chỉ trở thành một loài dây leo sống bám vào cội cây lớn, trở thành một gã theo sóng đuổi sóng. Cái họa của món vật tư dục lớn lắm thay! Nếu biết "vật" ấy là oán gia sanh tử của chúng ta, quyết chẳng để cho nó được tạm tồn tại trong tâm ta thì chánh tri vốn sẵn có trong cái tâm này sẽ tự hiển hiện. Chánh tri đã hiển hiện thì "ý thành, tâm chánh, thân tu" sẽ được hướng dẫn xuôi dòng với khí thế như chẻ tre, chẳng mong cầu mà tự nhiên được như thế. Con người ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, vì hết thảy mọi người ai nấy đều sẵn có minh đức, hết thảy

chúng sanh đều có Phật tánh. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu - Thuấn, chẳng thể làm Phật đều do bị tư dục bít chặt, chẳng mạnh mẽ đổ công sức khắc chế ý niệm đến nỗi bị tư dục xoay chuyển, luân hồi sáu nẻo từ kiếp này sang kiếp khác, trọn chẳng có lúc thoát ra, chẳng đáng buồn sao? Những kẻ chuyên dạy "cách vật trí tri" mà chẳng dùng nhân quả để phụ giúp cho sự hướng dẫn, chắc sẽ khó thể phát khởi đại tâm mạnh mẽ, dốc chí tu trì được.

Tôi thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ thoát chúng sanh." Luận theo Phật pháp, từ địa vị phàm phu cho đến Phật quả, tất cả các pháp đều chẳng ra ngoài nhân quả. Luận theo thế gian, lẽ đâu riêng một pháp nào lại chẳng như thế? Vì thế Khổng tử khen ngợi Chu Dịch[273], thoạt đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (nhà tích thiện sự vui mừng có thừa, nhà chất chứa điều bất thiện tai ương có thừa). "Tích thiện, tích bất thiện" là nhân, "dư khánh, dư ương" là quả. Hơn nữa, đã có dư khánh, dư ương, lẽ đâu chẳng có bổn khánh, bổn ương? Bổn khánh, bổn ương chính là quả báo sẽ đạt được trong đời kế tiếp hoặc trong những đời sau nữa của người tích lũy điều thiện hay điều bất thiện, những quả báo ấy sẽ lớn lao hơn dư khánh, dư ương mà con cháu được hưởng cả trăm ngàn vạn lần. Phàm phu chẳng thấy được, há nên cho là không có ư? Ví như trong đêm tối om chẳng thấy được hết thảy mọi vật, nhưng chẳng được nói hết thảy mọi vật đều bị tiêu diệt. Cơ Tử[274] trình bày Hồng Phạm, trong phần cuối cùng mới nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều khốn khó). Ngũ phước lục cực là nói đến cái nhân trong đời trước trở thành cái quả trong đời này. "Hưởng" (嚮) là thuận theo, "dụng" (用) là "dĩ" (以) (thì, là), là đắc (得) (được). Trong ngũ phước, một là "thọ", hai là "phú" (giàu có), ba là "khang ninh" (mạnh khỏe, yên ổn), điều thứ

[273] Chu Dịch tức kinh Dịch. Người Trung Hoa tin kinh Dịch đã có từ đời Hạ, Chu Văn Vương chỉ chỉnh lý, biên soạn, hoàn thiện; do đó kinh Dịch được lưu hành hiện thời thường gọi là Chu Dịch để phân biệt với Liên Sơn Dịch của nhà Hạ và Quy Tàng Dịch của nhà Thương.

[274] Cơ Tử chính là chú của vua Trụ, giữ chức Thái sư, được phong ở đất Cơ, nên gọi là Cơ Tử. Do thấy Trụ Vương sử dụng đũa bằng ngà, mâm vàng, chén ngọc, xa xỉ quá mức, nên hết lời can gián, bị Trụ Vương giam vào ngục. Khi Chu Vũ Vương diệt nhà Thương, Cơ Tử được thả, những lời nghị luận của ông về đạo trị nước với Chu Vũ Vương được ghi trong thiên Hồng Phạm của sách Thượng Thư (kinh Thư). Hồng Phạm có nghĩa là khuôn mẫu lớn lao, thiên Ngũ Hành Chí trong sách Hán Thư giảng: "Vua Vũ trị hồng thủy (lụt lớn), được ban Lạc Thư, trong ấy trình bày pháp này, tức là Hồng Phạm vậy." Trong thiên sách Hồng Phạm, Cơ Tử bảo Chu Vũ Vương do vua Vũ trị thủy có công, Thượng Đế bèn ban cho Hồng Phạm Cửu Trù (chín mối đại pháp). Ngoài những quan điểm về ngũ hành, thiên sách này còn trình bày những đại pháp trị dân hết sức độc đáo như chánh trực, cang khắc (chế ngự dân chúng bằng biện pháp cứng rắn), nhu khắc (cai trị dân bằng biện pháp mềm dẻo).

năm là "khảo chung mạng" (hết tuổi thọ mới chết), đó chính là quả cảm thành bởi tu đạo, tu đức trong đời trước; điều thứ tư là "du hảo đức" (thường có đức tốt) chính là thói quen tu đạo tu đức từ đời trước. "Cực" (極) có nghĩa là tai ách tột cùng. Nên hiểu nghĩa chữ oai (威) là vi (違)[275], tức trái nghịch; ý nói những gì đã làm trong đời trước trái nghịch với đạo đức thì đến đời này sẽ bị: một là xui xẻo chết ngang và đoản thọ (xui xẻo và đoản thọ gộp thành điều thứ nhất); hai là thân bệnh tật chẳng được mạnh khỏe; ba là tâm lo lắng không yên; bốn là nghèo cùng, chi dùng chẳng đủ; năm là diện mạo xấu xa; sáu là thân yếu ớt, không có năng lực.

Nhà Nho mờ mịt nơi nhân trước quả sau, nên chuyện gì cũng đều quy về sự cai trị của vua, gần như diệt thiên lý, vu báng sự cai trị của nhà vua. Trẻ nhỏ sanh vào nhà phú quý bèn hưởng phước, sanh vào nhà nghèo cùng sẽ chịu khổ, há có phải là do nhà vua cai trị có phân biệt khiến nó phải sanh như vậy hay chăng? Vì thế kinh dạy: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị; dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"* (Muốn biết cái nhân đời trước thì những gì phải chịu trong đời này chính là nó đấy; muốn biết quả trong đời sau thì những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy). Hồng Phạm do vua Đại Vũ soạn ra, Cơ Tử trần thuật nội dung sách ấy với Vũ Vương. Lời nói về ngũ phước lục cực ở cuối thiên sách ấy đã giảng rõ nghĩa "nhân quả ba đời" cực kỳ xác đáng, thiết thực.

Tống Nho cho rằng: "Phật nói nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi chính là chỗ dựa để lừa bịp ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp của ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy." Họ phán quyết: "Con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dù có chém chặt xay giã, lấy chi để thực hiện? Thần hồn đã phiêu tán rồi, còn ai để thọ sanh?" Họ quyết đoán "chắc chắn không có nhân quả", vậy thì trong Xuân Thu Truyện, Sử Ký, Hán Thư thường chép những kẻ bị giết oan quấy phá, kẻ chịu ân báo đức, đủ mọi sự tích, chắc là tiền hiền đã tạo sẵn căn cứ cho Phật giáo lừa phỉnh người khác đó chăng? Đã không có nhân quả, không có đời sau thì Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả rồi, ai chịu khăng khăng tu trì để cầu hư danh sau khi chết nữa đây? Bởi lẽ cái ta thật sự đã không có, vậy hư danh có ích chi đâu? Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt. Lại còn riêng xướng cao giọng dạy người "làm lành thì phải là không làm gì cả, hễ có làm gì để làm lành tức là ác". Thứ tà thuyết này gây lầm lạc, nguy hãm cho quốc gia, xã hội chẳng cạn đâu!

[275] Do hai chữ này thời cổ đọc âm gần giống nhau nên thường dùng lẫn cho nhau theo lối *giả tá*.

Kẻ vô tri khâm phục Chu - Trình cao minh, trọn chẳng có một niệm muốn làm lành. Người có trí đau xé tâm can bởi Tống Nho hoàn toàn phế bỏ đạo "khuyên dụ dần dần làm lành" của thánh nhân mà cứ mong con người có tư cách thánh nhân. Nhưng thánh nhân cũng chẳng phải là hạng "chẳng làm gì mới là làm lành". Khổng tử đến năm 70 tuổi vẫn muốn trời cho sống thêm dăm mười năm nữa để học Dịch hòng tránh khỏi lỗi lớn. Một bộ kinh Dịch không điều gì chẳng nhằm dạy con người về đạo "hướng lành tránh dữ, lo lắng dè dặt khắc chế ý niệm để tu trì". Nếu đúng như họ (tức những nhà Tống Nho) nói thì Phục Hy, Văn Vương, Chu công, Khổng tử đều trở thành những kẻ tội lỗi đứng đầu, là cội gốc họa hại lầm lạc dạy người khác làm ác cả, có lẽ ấy hay chăng?

Tình người như nước, nhân quả như đê. Tống Nho cực lực bài bác nhân quả, cho đấy là chỗ dựa dẫm để Như Lai gạt gẫm người ta tuân phụng giáo pháp của ngài, nhưng lẽ nào nhân quả được nói trong kinh điển đạo Nho chẳng phải là thật có ư? Họ muốn bác Phật để bảo vệ Nho, rốt cuộc trở thành phế kinh, phế trừ luân thường, thực hành biến con người thành loài thú. Vở tuồng xấu xa ấy đều do những kẻ cao giọng đề xướng ấy diễn xuất, khiến cho đạo làm người hầu như diệt mất. Ông Phí Trí Nghiễm xưa kia từng lậm phải chất độc của Trình - Chu rất sâu, đến lúc tuổi già, do sự lịch duyệt sâu xa, nhân đời loạn mà biết được cái gốc họa, bởi vậy bèn quy y tam bảo, đọc khắp các sách vở, đối với sự tích nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi đều sao chép sơ lược đại khái, ngõ hầu người đọc bỏ được tà kiến đoạn diệt, tuân theo quy củ lớn lao của đạo Nho và Thích. Nếu con người ai nấy đều hành theo thì cõi đời sẽ trở lại thuở Đường Ngu, con người giữ vẹn lễ giáo, biến nghị lực tàn sát lẫn nhau trở thành sự nghiệp lớn lao duy trì lẫn nhau. Do vậy bèn đặt tên cho sách này là Tập Sách Vãn Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Gốc Lẫn Ngọn.

Do thầy thuốc trị bệnh, bệnh cấp bách bèn trị nơi đằng ngọn (triệu chứng), bệnh tình hòa hoãn bèn trị nơi đằng gốc (căn nguyên). Như người cổ họng sưng phồng, hai đường đại tiểu tiện chẳng thông, nếu trước hết chẳng dùng thuốc để tiêu chứng phù thũng và khai thông đại tiểu tiện thì người ấy sẽ chết ngay, dẫu có cách trị tận gốc cũng trọn chẳng có chỗ nào để áp dụng được. Vì thế phải trị đằng ngọn trước. Với những chứng bệnh thuộc đằng ngọn khác, chỉ cần điều hòa tạng phủ cho tốt lành thì những chứng đằng ngọn không trị cũng sẽ tự mất. Sự lý "cách vật, trí tri, thận độc (cẩn thận, dè dặt), khắc chế ý niệm, nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi" từ địa vị phàm phu cho đến khi thành thánh, thành Phật đều chẳng thể lìa được! Khổng tử lo âu vì "đức chẳng tu, học chẳng giảng, nghe điều nghĩa chẳng thể noi theo, điều không tốt chẳng thể sửa đổi"; đức Như Lai giảng tứ đế,

thập nhị nhân duyên, lục độ vạn hạnh, mỗi mỗi đều là nhân quả. Nếu không có nhân quả thì con người có khác gì cầm thú, há nên nói xằng ư?

2. Lời tựa tái bản Tịnh Độ Ngũ Kinh

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài được, thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn độn căn. Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật rời khỏi pháp này thì dưới chẳng thể độ khắp quần manh. Hết thảy pháp môn, không một pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này. Hết thảy hạnh môn, không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Nếu luận theo chỗ thấy của bậc căn cơ Đại thừa thì pháp môn này quả thật bắt nguồn từ kinh Hoa Nghiêm, vì Thiện Tài tham học với khắp các tri thức, cuối cùng ở dưới tòa của đức Phổ Hiền nhờ oai thần của ngài gia bị, sở chứng bằng với đức Phổ Hiền và bằng với chư Phật, trở thành bậc Đẳng giác Bồ-tát. Ngài Phổ Hiền bèn đem mười đại nguyện vương khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng, tức là hàng Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị đều hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả, đấy chính là pháp quy tông kết đảnh của kinh Hoa Nghiêm vậy. Kinh Hoa Nghiêm dạy rõ pháp thành Phật trong một đời, nhưng quy tông[276] nơi cầu sanh Tịnh độ. Do đó biết rằng: Một pháp Tịnh độ chính là vô thượng đại pháp thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh vậy. Đấy chính là chỗ thấy của bậc căn cơ Đại thừa, hàng Nhị thừa còn chưa được thấy nghe, huống là phàm phu đầy dẫy triền phược ư?

Cho đến hội Phương Đẳng[277], đức Phật đặc biệt chuyên nói ba kinh Tịnh độ để hết thảy dù phàm hay thánh đều cùng chăm chú tu trì ngõ hầu được thoát khỏi cõi ngũ trược đây, vượt lên cõi sen chín phẩm kia ngay trong đời này. Tại núi

[276] Tông là điều được đề cao bởi một bộ kinh, "quy tông" là giáo pháp tối hậu của một bộ kinh. Nói cách khác, "quy tông" là pháp chánh yếu của một bộ kinh, những điều khác được nói trong bộ kinh ấy chỉ nhằm dẫn dắt về pháp chánh yếu ấy.

[277] Phương Đẳng (Vaipulya), đôi khi còn dịch âm là Tỳ-phật-lược, Tỳ phú la, Bạt-phật-lục, Bùi-phì-la, Vi-đầu-ly, hoặc dịch nghĩa là Phương Quảng, Quảng Đại, Quảng Giải, Vô Tỷ v.v., là một trong 12 thể loại trong cách phân chia hệ thống kinh Phật. Những danh từ này đều nhằm diễn tả ý nghĩa "những kinh này nội dung sâu rộng thăm thẳm". Theo cách phán giáo của tông Thiên Thai, thời Phương Đẳng bao gồm những kinh được nói sau thời Bát-nhã và A-hàm, không những văn từ rộng sâu, giáo nghĩa rộng lớn, mà huyền nghĩa còn trùng trùng, nhằm dẫn dắt thính chúng từ chân không đi vào diệu hữu, thấy được cảnh giới vô thượng bất khả tư nghì của chư Pháp thân Bồ-tát và chư Phật.

Linh Thứu[278] thuộc nước Ma-kiệt-đề, đức Phật nói ra nhân địa lúc ban đầu của A-di-đà Phật: Bỏ nước xuất gia, phát ra 48 nguyện. Lại trải kiếp dài lâu, tu hành theo đúng lời nguyện, cho đến khi phước tuệ viên mãn, được thành Phật đạo, cảm được thế giới trang nghiêm mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được, mười phương chư Phật đều cùng tán thán. Mười phương Bồ-tát và hàng Nhị thừa hồi tiểu hướng đại lẫn phàm phu trọn đủ hoặc nghiệp đều được vãng sanh, đều được bình đẳng nhiếp thọ. Đấy là kinh Vô Lượng Thọ.

Trong vương cung nước Ma-kiệt-đề, nói ra ba phước tịnh nghiệp, mười sáu phép quán mầu nhiệm để hết thảy chúng sanh đều biết nghĩa lý "tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biển Chánh biến tri[279] của chư Phật đều từ tâm tưởng sanh; tâm này là chúng sanh, tâm này làm chúng sanh, biển nghiệp phiền não của chúng sanh từ tâm tưởng sanh" đã được nêu rõ ràng. Nếu có thể hiểu sâu xa nghĩa này, ai chịu bị luân hồi oan uổng? Cuối kinh nói rõ cái nhân của chín phẩm vãng sanh ngõ hầu ai nấy đều tu thượng phẩm. Đấy là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

Tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, nói diệu quả của y báo và chánh báo cõi Tịnh độ để thính chúng sanh lòng tin, khuyên những người nghe hãy nên phát nguyện cầu được vãng sanh. Lại dạy các hành giả lập hạnh chấp trì danh hiệu. Ba điều tín - nguyện - hạnh là cương tông của pháp môn Tịnh độ, đầy đủ ba pháp này thì hoặc là suốt đời chấp trì đã đắc nhất tâm, hoặc khi lâm chung mới được nghe, chỉ xưng danh mười niệm đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đấy là kinh A-di-đà.

Ba kinh này là những kinh chuyên giảng về Tịnh độ, nhưng A-di-đà Kinh thâu nhiếp căn cơ phổ biến nhất. Vì thế, các tông Thiền, Giáo, Luật đều cùng vâng dùng làm kinh nhật tụng. Các kinh Đại thừa nói kèm về Tịnh độ nhiều không đếm xuể, nhưng chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng-nghiêm

---

[278] Linh Thứu (Grdhrakūta) dịch âm là Kỳ-xà-quật, thường gọi tắt là Linh Sơn, Thứu Nhạc, hoặc Thứu Phong, nằm về phía Đông Bắc kinh đô Vương Xá của nước Magadha. Do núi có hình giống đầu chim thứu (kền kền), trong núi lại có nhiều giống chim ấy nên thành tên. Tại tinh xá nơi núi này, Phật đã giảng rất nhiều bộ kinh Đại thừa.

[279] Có hai cách hiểu chữ chánh biến tri:

1. Chánh Biến Tri (samyak-sambuddha), còn được dịch âm là Tam-miệu Tam-phật-đà, hoặc dịch nghĩa là Chánh Biến Giác, Chánh Chân Đạo, Chánh Đẳng Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc Chánh Đẳng Giác Giả, là một trong mười hiệu của đức Phật. Danh hiệu này hàm nghĩa vị giác ngộ hiểu biết chân chánh trọn khắp hết thảy các pháp.

2. Danh từ Tam-miệu tam-bồ-đề (Samyaksambodhi) cũng được phiên dịch là Chánh biến tri hay Chánh biến tri đạo, chỉ cho sự chứng ngộ do hiểu biết chân chánh trọn khắp bản thể của hết thảy các pháp.

Dựa theo mạch văn ở đây, chữ Chánh biến tri phải hiểu theo nghĩa thứ hai.

quả thật là khai thị mầu nhiệm nhất về pháp niệm Phật. Nếu chúng sanh có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm, há có ai chẳng thể trong hiện tại hay tương lai nhất định thấy Phật, gần là chứng viên thông, xa là thành Phật đạo ư? Vì thế đem chương này xếp vào sau ba kinh, nối theo sau phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện để thành một đại duyên khởi cho pháp môn Tịnh độ, khiến cho những người đọc sẽ biết pháp này tỏ bày thông suốt rộng lớn bản hoài của đức Phật, so với các pháp cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân hòng liễu sanh tử thì sự khó dễ khác xa một trời một vực. Do vậy chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết. Bản khắc Tịnh Độ Tứ Kinh ở Kim Lăng đã bị mờ nét, người tu tịnh nghiệp khổ vì không có bản rõ ràng nhất để đọc. Vì thế cho đúc bản kẽm, ghép chương Thế Chí Niệm Phật Viên Thông vào sau ba kinh Tịnh độ và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, gọi là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Nếu luận trên duyên khởi của pháp môn nên để kinh Vô Lượng Thọ đứng đầu, nhưng nay để thuận tiện cho việc đọc tụng nên đặt kinh A-di-đà lên đầu, mong người đọc lượng thứ.

3. Lời tựa trình bày duyên khởi của việc in kèm phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm vào sau Tịnh Độ Ngũ Kinh

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Bộ kinh Hoa Nghiêm mầu nhiệm sự lý viên dung, lý là do sự mà hiển, sự là do lý mà thành, lý lẫn sự đều đạt đến tột cùng, viên chứng Pháp thân Tỳ-lô. Vì thế đức Như Lai khi mới thành Chánh giác bèn cùng các Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác nói ra các pháp nhân quả của những pháp môn do đức Như Lai tự chứng. Nhân quả chính là sự, pháp do đức Như Lai tự chứng chính là nhất chân pháp giới, là chân như Phật tánh tịch chiếu viên dung, bất sanh bất diệt, chẳng phải có, chẳng phải không. Phật tánh ấy nơi phàm chẳng giảm, tại thánh chẳng tăng. Đức Phật do đã chứng rốt ráo nên thường hưởng pháp lạc thường - lạc - ngã - tịnh; chúng sanh do triệt để mê nên luôn chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi hư vọng. Ví như tấm gương báu tròn lớn bị bụi đóng cả kiếp, dẫu có ánh sáng chiếu trời soi đất vẫn chẳng có cách nào tỏ lộ để thụ dụng được. Vì thế phải nhờ đến các vị Bồ-tát hỏi đáp với nhau để nói ra những pháp môn Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác. Lại dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc hòng viên mãn Phật quả. Đấy là Như Lai đem nhân quả do ngài tự chứng dạy cho khắp hết thảy chúng sanh, khiến cho ai nấy đều đích thân chứng được khuôn phép lớn lao. Những người thuộc Tín vị (tức những người thuộc địa vị Thập tín) thì dùng phẩm Tịnh Hạnh làm nhân địa tâm (cái tâm trong lúc tu nhân) để trên là hợp với

hoằng thệ đại nguyện về quả giác. Dù có vượt lên những bậc cao sâu hơn như Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, nhưng trong mỗi địa vị vẫn phải dùng 141 nguyện này[280] để làm căn cứ tấn tu.

Do vậy biết rằng phẩm kinh này giữ một vai trò quan trọng rất lớn, nó chẳng những là cơ sở đầu tiên để nhập cảnh giới Phật, mà thật sự còn đáng gọi là cội gốc lớn lao để thành Phật. Chúng sanh đời mạt căn cơ kém mỏng, nếu có thể tâm tâm niệm niệm thường tụng kinh văn này, thường phát những nguyện này thì tam nghiệp sẽ mau được thanh tịnh, niệm niệm trên khế hợp tâm Phật, lâm chung lên thẳng thượng phẩm, công đức của phẩm này cùng công đức thọ trì phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện soi rọi lẫn nhau, chẳng hề kém sút. Vì thế, pháp sư Tỉnh Thường đầu đời Tống hâm mộ phong thái của Lô Sơn Viễn Công (tổ Huệ Viễn), đề xướng pháp môn Tịnh độ, trích máu chép phẩm này. Lại dùng chữ Tịnh Hạnh để đặt tên cho liên xã. Liên tông được chấn hưng, nguyên do là vì dốc sức sâu xa nơi lời lẽ hành vi thường ngày đều hợp với giác đạo vô thượng của Như Lai vậy!

Một đệ tử là Dương Huệ Đạo tính muốn in gộp chung phẩm Tịnh Hạnh và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện để lưu thông, Quang nói: "Muốn cho kẻ sơ cơ lắng lòng niệm Phật, hãy nên dùng Tịnh Độ Ngũ Kinh để dẫn đường, chẳng nên chỉ chọn một mình phẩm Hạnh Nguyện trong Ngũ Kinh, hãy nên làm sao cho họ được đọc trọn khắp năm kinh, lại còn dùng phẩm Tịnh Hạnh để răn nhắc trong hết thảy thời, hết thảy chỗ thì họ sẽ tự hớn hở nơi đạo vậy!" Than ôi, đời bây giờ là đời gì vậy? Chính là lúc vứt bỏ cương thường luân lý, chuyên đề cao mưu mẹo dối trá, tàn sát lẫn nhau. Nếu chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để hướng dẫn thì sợ rằng đời sau làm người đối với những tên gọi "cương thường luân lý" do thánh nhân đời trước đã lập còn chẳng thể được nghe. Vì thế, phàm là người có đủ chánh tri kiến, chánh tín tâm đều lấy sự tu trì tịnh nghiệp làm chí hướng sự nghiệp. Do vậy ở đây tôi riêng thuật duyên khởi ghép phẩm này vào sau kinh văn để người đọc sau này không nghi ngờ vậy!

4. Lời tựa tái bản lưu thông sách Tâm Kinh Thiêm Túc

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Tâm Kinh dạy rõ về Bồ-đề, Niết-bàn được chứng bởi ba đời chư Phật và hết thảy chúng sanh sẵn có chân như Phật tánh. Kinh này là đạo trọng yếu để độ sanh của mười phương Như Lai, là khuôn mẫu tốt lành cho cả hằng trăm hành nhân thành Phật. Văn giản dị, nghĩa phong phú, từ ngữ ngắn gọn nhưng lý uyên thâm, khiến cho khắp mọi thượng trung hạ căn hễ khởi công tu tập đều cùng được vào

[280] Tức 141 điều nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh.

thẳng địa vị của Như Lai, trong các kinh thật là bậc nhất! Tuy chỉ gồm 260 chữ, nhưng nghĩa lý sâu thẳm của 600 quyển kinh Đại Bát-nhã đều được bao trùm sạch sành sanh.

Ấy là vì đức Như Lai trí tuệ tự tại vô ngại, tùy theo đương cơ nghe pháp mà nói rộng hay nói đại lược cho phù hợp. Nói rộng thì tuy trọn hết biển mực cũng chẳng thể viết trọn hết được, nói đại lược thì kiếm một chữ cũng không ra, khiến cho người nghe ai nấy đều được lợi ích thật sự. Chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn thường trì kinh này, y theo đó tu tập, sẽ tự được ngũ uẩn rỗng không, chứng thật tướng các pháp, lìa điên đảo, đạt được Niết-bàn rốt ráo. Vì thế, trong số các danh nhân thời cổ thường có những vị tụng đến mấy trăm vạn biến, bởi kinh này là pháp môn tổng trì của các pháp.

Con trai thứ của cư sĩ Hạ Huệ Hoa là Thúc Quỳ bẩm tánh thông minh mẫn tiệp, nhiệt tâm làm chuyện công ích, luôn ôm ấp chí hướng "chẳng làm lương tướng ắt làm lương y", làm hội trưởng Hội Sinh viên trường thuốc Hiệp Hòa tại Bắc Bình (Bắc Kinh). Năm Dân Quốc 15 (1926), tuổi tròn hai mươi bảy, bị bệnh rất nặng, khi sắp chết, hỏi cha rằng: "Nên giải nói ý nghĩa bất sanh bất diệt của Tâm Kinh như thế nào?" Cư sĩ dạy: "Đấy chính là nói về bản thể của cái tâm bọn ta, giống như thái hư không, không tướng, không hình, chẳng phải không, chẳng phải có, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng, ở trong sanh tử chẳng nhơ, chứng Niết-bàn chẳng sạch, tướng sanh còn chẳng có, làm sao có tướng diệt cho được? Ngộ được lý ấy, mới xứng danh là Phật tử. Tuy nhiên, nói thì dễ dàng làm sao! Con hãy nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đợi đến khi hoa nở thấy Phật chứng Vô sanh nhẫn thì mới phần chứng được tâm thể bất sanh bất diệt này. Từ đấy tấn tu mãi cho đến khi ba hoặc đều hết sạch, hai thứ tử (biến dịch và phần đoạn) đều vĩnh viễn mất, viên mãn Bồ-đề, trở về chỗ không có gì để đạt được nữa thì mới là rốt ráo chứng được tâm thể bất sanh bất diệt ấy. Chớ nên nghĩ 'nghe tên là đích thân chứng', chẳng cầu vãng sanh, để đến nỗi trầm luân cả kiếp dài lâu, không cách nào thoát khỏi được!"

Không lâu sau, người con liền mất, lúc sống đối với Phật pháp anh ta hoàn toàn chưa từng bận tâm, lâm chung lại hỏi đến chuyện này, chẳng phải là có túc căn hay sao? Được cư sĩ khai thị, nếu không vãng sanh cũng có thể trở thành duyên nhập đạo cho đời sau, so với những kẻ cho đến hết đời chẳng được nghe đến, khác biệt hệt như một trời một vực.

Nhân đó cư sĩ muốn lưu thông bản chú giải Tâm Kinh rõ ràng, rộng rãi, cặn kẽ nhất ngõ hầu hàng sơ cơ đều có thể lãnh hội được; cư sĩ Phạm Cổ Nông khuyên nên in cuốn Tâm Kinh Thiêm Túc của pháp sư Hoằng Tán đời Minh, lại còn đích

thân giảo chánh câu chữ. Do vậy bèn cho in ra chừng đó quyển để tặng các tịnh lữ hòng kết pháp duyên để siêu tiến, giữ lại hai bản in để tái bản mãi mãi. Mong những ai thấy nghe, thọ trì đều dùng *quán trí* rất sâu soi thấy ngũ uẩn đều không, đích thân chứng được tâm thể bất sanh bất diệt này để vượt qua hết thảy khổ ách.

5. Lời tựa lưu thông kinh Địa Tạng in theo lối thạch bản

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Tâm chúng sanh và tâm Phật không hai. Kẻ chẳng thể làm Phật, thường làm chúng sanh là vì chính họ chẳng có tuệ lực, chẳng thể giác ngộ, lại không có thiện tri thức chỉ dạy. Do vậy, diệu tâm sẵn có Phật tánh trở thành căn bản để khởi hoặc tạo nghiệp đến nỗi luân hồi cả kiếp dài lâu, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Vì thế lúc mới thành Chánh giác, đức Thế Tôn ta bèn lên cung trời Đao-lợi thuyết pháp cho mẹ, vì muốn cho hết thảy chúng sanh đều cùng mong báo ơn cha mẹ, nên đặc biệt dạy rõ Địa Tạng Bồ-tát trong những kiếp xưa do cứu mẹ đã rộng phát thệ nguyện Bồ-đề để làm thuyền bè cho chúng sanh trong tương lai được thoát biển khổ.

Toàn bộ kinh văn của kinh Địa Tạng Bổn Nguyện dạy cặn kẽ cả sự lẫn lý, văn từ rõ ràng thoáng đạt, nêu tỏ trọn vẹn những nghĩa lý "tâm này làm Phật, tâm này là Phật; tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh" và "tâm có thể tạo nghiệp thì tâm có thể chuyển nghiệp, tâm chẳng chuyển được nghiệp thì nghiệp sẽ trói buộc tâm" v.v.. Hai câu chuyện đức Địa Tạng trong kiếp xưa cứu mẹ càng nêu thật sát sao, rõ ràng ý nghĩa này; thật có thể gọi là "người dẫn đường nơi lối hiểm, đuốc tuệ nơi đường tối, kho báu cho kẻ nghèo thiếu, gạo thóc cho năm đói kém", khiến cho hết thảy chúng sanh mê muội mau được giác ngộ, hết thảy những đứa con hiếu thuận có được sư thừa[281]. Lợi ích của kinh không thể nào tuyên nói được! Tây Thiên, Đông Độ, những người đọc kinh này bèn khởi chí chẳng thể nào đếm xuể.

Hòa thượng Chân Đạt muốn báo ân võng cực[282], tính mời người viết chữ đẹp cung kính chép kinh này để in theo lối thạch bản thí tặng, gặp đúng lúc cư sĩ Trí Chuẩn Lỗ Chỉ Nam đem bản kinh Kim Cang do chính ông ta tự viết xin hòa

---

[281] Sư thừa: Quan hệ truyền thừa giữa thầy và trò.

[282] Ân võng cực: Đại ân của cha mẹ. Chữ này xuất phát từ bài thơ Lục Nga trong thiên Tiểu Nhã kinh Thi: *"Phụ hề sanh ngã, mẫu hề cúc ngã, phủ ngã, súc ngã, trưởng ngã, dục ngã, cố ngã, phúc ngã, xuất nhập phục ngã, dục báo chi đức, hạo thiên võng cực"* (Cha sanh ra ta, mẹ nuôi nấng ta, vỗ về nuôi nấng, nuôi dạy lớn khôn, chăm nom che chở, ra vào uốn nắn, muốn báo đức ấy, lồng lộng trời cao, khôn bề sánh ví). Chín chữ "sanh, cúc, phủ, súc, trưởng, dục, cố, phúc, phục" thường được gọi là "cù lao cửu tự" (chín chữ cù lao).

thượng giảo chánh. Sư thấy cư sĩ vì muốn báo ân cha mẹ liền đích thân cung kính chép kinh Kim Cang để thường trì tụng, ắt cũng sẽ vui sướng chép kinh này, nên bèn khẩn khoản nhờ chép, liền được cư sĩ nhận lời. Hòa thượng sai Quang viết lời tựa phơi bày trọn vẹn sự lợi ích của kinh, hòng phát khởi tấm lòng hiếu thảo của những kẻ làm con trong thế gian, mong họ sẽ tùy thời, tùy việc trọn hết đạo hiếu. Nghĩ đến ân sâu cù lao[283], ắt sẽ thực hiện cho đến khi cha mẹ ta được rốt ráo an ổn nơi bảo sở mới thôi. Do vậy dùng tâm chí thành, niệm thánh hiệu Phật, kèm thêm kính cẩn giữ vẹn luân thường, trọn hết thiên chức của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng công đức này để giúp cho cha mẹ ta, mong cho cha mẹ còn sống sẽ được nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, phước thọ tăng cao, trí tuệ khơi mở, đã khuất bóng thì thần hồn siêu thăng cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, chứng Vô sanh nhẫn, ở vào địa vị Bất thoái, ngõ hầu hơi trọn được tấm lòng riêng của quạ[284], chẳng làm đấng sanh thành phải thẹn. Lại còn phải biết, hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, hãy nên dùng tâm đại Bồ-đề tùy thuận cơ nghi vì họ tuyên nói và cứu giúp hòng khế hợp tâm Phật, phù hợp cái nguyện của chính mình, quạt gió từ dập tắt ác nghiệp, sẽ thấy lễ nghĩa, nhân nhượng được hưng khởi, can qua dứt bặt mãi mãi, phong tục tốt đẹp, thiên hạ hòa bình.

6. Lời tựa cho sách Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới Tập Chứng

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Kinh Phạm Võng là đại pháp để đức Như Lai nung luyện hết thảy dù thánh hay phàm, ngõ hầu họ sẽ rốt ráo đoạn trừ ba hoặc, đích thân chứng được ba đức, khôi phục Phật tánh sẵn có, thành Phật quả vô thượng. Ấy là vì đối với chân như diệu tánh thì chúng sanh và Phật cùng một thể, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh chẳng tăng, nhưng từ vô thủy đến nay cứ mê chẳng ngộ, như vàng còn trong quặng chẳng thụ dụng được. Đức Như Lai thương xót hết thảy chúng sanh mê mất minh châu trong chéo áo, uổng công rong ruổi hướng ra ngoài tìm tòi. Do vậy khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm đến nỗi luân hồi lục đạo trọn chẳng có thuở ra. Dù có người đoạn được những hoặc trong tam giới, thoát lìa sanh tử,

---

[283] Cù lao: Ân cha mẹ, đây cũng là chữ xuất phát từ phần đầu bài thơ Lục Nga trong kinh Thi: *"Lục lục giả nga, phi nga y hao, ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao. Lục lục giả nga, phi nga y úy, ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao"* (Cỏ nga sum suê, không phải cỏ nga, cũng là cỏ hao, xót thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn; cỏ nga sum suê, chẳng phải cỏ nga, cũng là cỏ úy; xót thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn).

[284] Đây là một điển tích dựa theo câu chuyện trong sách Vật Do Như Thử. Theo đó, con quạ thấy mẹ nó đã già yếu không kiếm ăn nổi bèn tha mồi mớm cho quạ mẹ. "Trọn tấm lòng riêng của quạ" tức là trọn hết tấm lòng hiếu thảo vậy.

nhưng vẫn còn cách địa vị Phật quá xa. Bởi thế khi mới thành Chánh giác, Phật liền lập tức vì hết thảy thánh phàm giảng đại pháp này, trước hết làm cho họ liễu ngộ tự tâm vốn là tâm Phật, nên mới nói: "Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, các ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành."

Tin được như thế, chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi đề cao thánh cảnh nhưng tự cam phận phàm ngu, trên là cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới là phụ bạc tánh linh của chính mình. Cho nên mới nói: "Thường tin tưởng như thế thì giới phẩm đã đầy đủ!" Rồi đối với những lời ăn tiếng nói, hành vi thường ngày, khởi tâm từ bi, tâm hiếu thuận, dẹp lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ cái ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm những điều thiện, sao cho luôn đúng chừng mực, không phải hổ thẹn chút nào, nơi ba nghiệp vĩnh viễn trọn chẳng có tỳ vết thì hai thứ đại thể đại dụng "tự lập lập người, tự lợi lợi tha" đều đầy đủ. Giữ tấm lòng thanh khiết xông tận trời thẳm, khác nào hư không mênh mông chứa khắp muôn hình tượng trọn chẳng chướng ngại gì. Xử sự chánh đại quang minh như mặt trời chói lọi chiếu khắp muôn phương, nhưng trọn chẳng hề chọn lựa. Do vậy, tứ nhiếp cùng được thực hiện, tứ hoằng[285] phổ độ, đáng gọi là *"tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí"* (trước hết dùng dục[286] để lôi kéo, sau làm cho nhập trí Phật), hư không dẫu có tận, nguyện tôi vẫn vô cùng.

Làm được như thế, nào còn có cái tâm ta người, đúng sai, tự tư tự lợi chi nữa, huống là có chuyện phá trai phạm giới và tổn người lợi mình, lật đổ tàn hại lẫn nhau nữa ư? Do vậy biết, kinh này dẫu thuộc về đại pháp xuất thế, nhưng quả thật là mưu lược tốt lành để giữ yên cõi đời. Vì thế hết thảy quốc vương đại thần và tứ chúng xuất gia, bốn chúng tại gia cùng các quỷ thần đều nên thọ trì! Nếu có thể thọ trì sẽ như nước rửa sạch đồ đựng, liền khôi phục sự sạch sẽ sẵn có; như hương xông áo, sẽ mau chóng thêm thơm ngát hơn. Trong lúc kiếp trược này muốn vãn hồi mà bỏ pháp này thì làm sao yên được?

Hành giả Diệu Lãng xưa đã có linh căn, dốc lòng tu tịnh nghiệp, thường đọc kinh này, ngưỡng mộ khôn xiết, phát nguyện lưu thông để lợi khắp hết thảy. Lại thường đối với những ý nghĩa trì giới trọng yếu đã được khai thị trong các kinh Tiểu thừa, Đại thừa và các truyện ký mà chính mình đã đọc đều trích lục, ghi vào

[285] Tứ hoằng chính là tứ hoằng thệ nguyện: Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.
[286] Dục ở đây là lòng ham muốn, ý nói chư Phật, Bồ-tát dùng lợi để dẫn dụ con người do lòng ham lợi sẽ thực hành Phật pháp, rồi dần dần dẫn họ nhập đạo, thể ngộ Phật trí. Chẳng hạn, các kinh Đại thừa thường nói rất nhiều đến những phước báo hiện tiền do trì tụng, thọ trì kinh, chú, lễ bái, cúng dường, tùy hỷ v.v..

đằng sau chánh kinh để làm pháp răn dạy cho mình lẫn người cùng tu trì, ngõ hầu người đọc biết được lợi ích do trì giới: Gần là ba nghiệp thanh tịnh, tam học (giới định tuệ) viên minh, xa là sạch hết ba hoặc, ba đức trọn bày. Họa hoạn do phạm giới thì gần là ba nghiệp ô trược, vĩnh viễn đọa trong tam đồ; xa là ba chướng[287] thường hiện diện, chẳng thoát được tam giới. Phật do chính ta làm, địa ngục do chính ta tạo, như đến trước gương báu, tốt xấu hiện rành rành, ai lại chịu tự chuốc lấy mối lo, bỏ lợi ích để nhận lấy họa hoạn cơ chứ?

Người chị dâu của Diệu Lãng là Phương Tỉnh, vâng theo di mạng của bà mẹ chồng đã quá cố, nguyện bỏ ra tịnh tài để giúp in một vạn cuốn hòng thành tựu chí nguyện này, ngõ hầu kính tặng các Phật tử tại gia và xuất gia. Do công đức này, mong cửa nhà bình yên may mắn, quyến thuộc yên ổn mạnh khỏe, đời này được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, con cháu được hưởng trăm điều tốt lành như trong bài huấn dụ của Y Doãn[288]. Lại cầu thời thế hòa bình, mùa màng

[287] Ba chướng: Tam chướng (trīnyāvaranāni) có nhiều cách giải thích. Phổ biến nhất là cách giảng dựa theo kinh Đại Bát Niết-bàn, kinh Phật Danh (quyển 1), luận Phát Trí, luận Thành Thật, luận Đại Trí Độ, luận Tỳ-bà-sa và luận Câu-xá. Theo những kinh luận ấy, tam chướng là phiền não chướng (kleśāvarana), nghiệp chướng (karmāvarana) và dị thục chướng (vipākāvarana). Phiền não chướng là ba thứ phiền não tham sân si sẵn có trong tánh thức. Nghiệp chướng chính là nghiệp ngũ vô gián hoặc những nghiệp bất thiện do thân khẩu ý gây nên. Dị thục chướng còn gọi báo chướng hoặc quả báo chướng, tức là quả báo của nghiệp chướng và phiền não chướng. Theo kinh Du-già Đại Thừa Đại Giáo Vương, quyển 5, thì tam chướng lại là ngã mạn trọng chướng, tật đố trọng chướng (ganh ghét) và tham dục trọng chướng (theo cách giải thích này thì ba chướng ấy chỉ tương ứng với phiền não chướng mà thôi). Còn rất nhiều cách giải thích khác, nhưng sợ quá rườm rà nên không dẫn vào đây.

[288] Nguyên văn "Y Huấn", đây chính là tên của một thiên sách trong sách Thượng Thư, ghi lại nội dung bài giáo huấn của Y Doãn. Trong năm Thái Giáp nguyên niên, trong lễ tế tiên vương vào tháng Chạp, Y Doãn đã ban lời giáo huấn này cho vua cùng bá quan. Trong bài giáo huấn ấy có nhắc đến trăm điều tốt lành do thuận theo đạo trời nên thường được văn học nhắc đến với từ ngữ "Y Huấn chi bách tường". Y Doãn (1648-1549 trước Công Nguyên) tên thật là Chí, Doãn có nghĩa là Hữu Tể Tướng; do kính trọng nên không gọi tên mà gọi bằng chức vụ. Y Doãn vốn là nô lệ bồi giá của Sân thị (khi xưa, cô dâu về nhà chồng thường mang theo nô lệ, những nô lệ ấy được gọi là "nô lệ bồi giá"), giữ nhiệm vụ nấu ăn. Khi Sân thị được gả cho vua Thành Thang (Thương Thang), Y Doãn nhân cơ hội dâng cơm cho Thương Thang liền phân tích tình thế thiên hạ, rất được Thương Thang tán thưởng, bèn xóa bỏ thân phận nô lệ cho Y Doãn, phong cho ông ta làm Tể tướng. Năm 1600 trước Công Nguyên, với sự phù tá của Y Doãn, Thương Thang diệt nhà Hạ, thành lập nhà Thương. Y Doãn tận lực chỉnh đốn chính thể, hiểu cặn kẽ dân tình nên nhà Thương lúc ấy rất cường thịnh. Khi Thành Thang mất, con là Thái Giáp kế vị, vốn là kẻ bất tài hôn ám, nên trong giỗ đầu của tiên vương, Y Doãn đã nêu lên bài huấn dụ này để răn nhắc đương kim hoàng thượng. Do Y Doãn dùng đủ mọi biện pháp cứng rắn lẫn mềm dẻo uốn nắn nhà vua, Thái Giáp nổi giận, đày Y Doãn sang đất Đồng ba năm (có sách chép là bảy năm). Về sau Thái Giáp hối hận, rước về, và tuân theo lời chỉ dạy của Y Doãn, bèn trở thành một bậc minh quân.

sung túc, dân giàu vật mạnh, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng khởi, can qua vĩnh viễn chấm dứt, pháp vận thông suốt, thiên hạ thái bình. Do vậy bèn tụng rằng:

Đức Thế Tôn ta,
Là vua các pháp,
Khiến khắp chín giới,
Cùng chứng chân thường,
Các pháp nói ra,
Đều tùy cơ nghi,
Chỉ giới pháp này,
Phàm thánh cùng nương,
Đẳng giác Bồ-tát,
Quần manh sáu đường,
Không có một ai,
Chẳng nên hành trì!
Do tâm chúng sanh,
Chẳng khác tâm Phật,
Do bởi hoặc nghiệp,
Trở thành khác xa,
Về tướng tuy khác,
Nhưng tánh vốn đồng,
Nên nói kinh này,
Hòng chứng Đại Hùng[289],
Đã biết chúng sanh,
Đều có Phật tánh,
Phật là đã thành,
Ta thật sẽ chứng,
Ví như cùng tử[290],
Được kho báu xưa,
Được, vốn chẳng được,
Hoan hỷ vô lượng,
Đã ngộ Phật tánh,
Phải hành Phật hạnh,

[289] Đại Hùng (Mahā-vīra), có nghĩa là vĩ đại, anh hùng, là một trong những đức hiệu của đức Phật. Do đức Phật có đại trí lực, hàng phục ma chướng không ngăn ngại, run sợ nên được tôn xưng là Đại Hùng.
[290] Cùng tử: Đứa con nghèo đói.

Nghiêm tịnh tỳ-ni[291],
Cẩn thận bóng áo[292],
Phát tâm từ bi,
Và tâm hiếu thuận,
Tự lợi, lợi tha,
Cùng thoát vòng khổ,
Người được như thế,
Là chân Phật tử,
Những gì Phật đắc,
Ta sẽ giống thế,
Phải biết kinh này:
Khuôn lành đúc Phật,
Tận lực tu theo,
Liền chứng Vô dư[293],
Nguyện người thấy nghe,
Cùng chăm thọ trì,
Tiêu trừ hoặc nghiệp,
Viên mãn Bồ-đề.

7. Lời tựa cho sách Phổ Môn Phẩm Giảng Nghĩa

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Quán Thế Âm Bồ-tát trong vô lượng kiếp trước đã sớm thành Chánh giác, hiệu là Chánh Pháp Minh[294], nhưng do thệ nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn, chẳng lìa cõi Tịch quang, hiện hình trong chín giới, tùy loại hiện thân, tầm thanh cứu khổ. Nên dùng thân nào để độ được liền hiện thân ấy để thuyết pháp, nguyện cho hết thảy chúng sanh trong hết thảy thế giới đều được lìa khỏi nỗi khổ huyễn vọng trong hiện tại, hưởng pháp lạc chân thường, nhưng ngài lại thương xót thế giới Sa-bà nhất. Do vậy trong hội Pháp Hoa, Thích-ca Thế Tôn muốn cho chúng sanh

[291] Tỳ-ni (vinaya): Giới luật.
[292] Trích từ thành ngữ "thận độc khâm ảnh": Ý nói dè dặt, cẩn thận, dẫu chỉ có một mình vẫn cẩn thận, nghiêm cẩn, chẳng làm chuyện gì để thẹn với ngay cả bóng vạt áo của chính mình.
[293] Vô dư ở đây là Vô dư Niết-bàn (Nirupadhiśesa-Nirvāna). Đôi khi còn được dịch là Vô dư y Niết-bàn. Có nghĩa là đoạn sạch phiền não, diệt hết những dị thục khổ quả do ngũ uẩn tạo thành, chứng Niết-bàn rốt ráo không còn vướng mắc vào đâu nữa.
[294] Theo kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-la-ni, trong quá khứ vô lượng kiếp, đức Quán Thế Âm đã thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, nhưng do nguyện lực độ sanh nên luôn thị hiện thân phận Bồ-tát hòng phù tá hết thảy Như Lai độ sanh.

cõi Sa-bà luôn được che chở, bèn đặc biệt nhân lời hỏi của Vô Tận Ý Bồ-tát[295] mà trình bày rõ ràng thệ nguyện từ bi, công đức, oai thần của đức Quán Âm để hết thảy chúng sanh trong chín giới đều được nương tựa.

Cho đến khi Phật pháp được truyền sang xứ này, đến đời Tấn, pháp sư La-thập riêng dịch kinh Pháp Hoa, mọi người mới biết đức Quán Âm dù bổn địa hay tích môn đều khó nghĩ lường. Trong hội Lăng-nghiêm, đức Quán Âm tự thuật pháp viên thông; trong hội Hoa Nghiêm, đức Quán Âm chỉ dạy Thiện Tài, đều phù hợp khít khao với ý chỉ Pháp Hoa. Do vậy biết: Đại sĩ vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm của chính mình, cho nên hễ cảm liền ứng, trọn chẳng sai chạy. Vào cuối đời Tấn, Thư Cừ Mông Tốn[296] nhà Bắc Lương bị bệnh, ngài Đàm-vô-sấm[297]

---

[295] Vô Tận Ý Bồ-tát (Aksayamatir Bodhisattvah), còn được phiên âm là A-sai-mạt Bồ-tát, hoặc dịch nghĩa là Vô Tận Huệ, Vô Lượng Ý, còn có tên là Vô Tận Kim Cang, hay Định Huệ Kim Cang, là một trong mười sáu vị đại Bồ-tát của Hiền kiếp. Do Bồ-tát quán hết thảy nhân duyên quả báo đều vô tận bèn phát tâm cầu chứng công đức vô tận của chư Phật nên được danh xưng này. Theo hội A-sai-mạt trong kinh Đại Tập, Bồ-tát hiện đang trụ trong cõi nước Bất Thuấn của đức Phổ Hiền Như Lai ở phương Đông.

[296] Thư Cừ Mông Tốn (368-433) là người sáng lập triều đại Bắc Lương vào thời Nam Bắc Triều cuối đời Tấn, thuộc sắc dân Hung Nô. Thoạt đầu Mông Tốn ủng hộ Lữ Quang ly khai nhà Diêu Tần, lập ra nhà Hậu Lương; sau đó lại chống Lữ Quang, chiếm lãnh miền Cô Tạng, tự xưng là Tây Vương. Về sau, Mông Tốn diệt nhà Hậu Lương, khống chế đường giao thông Tây Vực, trở thành vua một nước hùng mạnh. Thư Cừ Mông Tốn rất tôn sùng Phật giáo, từng thỉnh ngài Đàm-vô-sấm dịch kinh Phương Đẳng, Niết-bàn v.v.. Em họ Mông Tốn là Thư Cừ Kinh Thanh (?-464) là một cư sĩ học rộng, từng sang Vu Điền học tiếng Phạn, thông thạo Phạn Văn. Chính Kinh Thanh đã đích thân thỉnh ngài Đàm-vô-sấm đến đất Lương và chính ông ta đã dịch các bộ kinh Thiền Yếu Bí Mật Trị Bệnh, kinh Bát Quan Trai Giới, kinh Quán Di-lặc Bồ-tát Thượng Sanh Đâu-suất v.v..

[297] Đàm-vô-sấm (385-433), tên Phạn ngữ là Dharma-raksa, đôi khi còn phiên là Đàm-ma-la-thức, Đàm-ma-sám, Đàm-mô-sấm, Đàm-la-vô-sấm, dịch nghĩa là Pháp Phong. Ngài xuất thân từ dòng Bà-la-môn tại Trung Ấn Độ, thoạt đầu tu học Tiểu thừa. Sau gặp được thiền sư Bạch Đầu truyền thụ kinh Đại Niết-bàn bèn phát tâm học Đại thừa. Năm 20 tuổi sư đã thông thạo các kinh Đại thừa, kiêm hiểu Mật chú nên được gọi là Đại Chú Sư. Sau sư mang kinh Đại Bát Niết-bàn, kinh Bồ-tát Giới, Bồ-tát Giới Bổn v.v. sang Kế Tân, đến nước Quy Tư. Do thấy hai xứ này sùng trọng Tiểu thừa, bèn sang Đôn Hoàng. Năm Huyền Thỉ nguyên niên (412) nhà Bắc Lương, Hà Tây Vương Thư Cừ Mông Tốn sai Thư Cừ Kinh Thanh cung thỉnh sư đến Cô Tạng để sư học tiếng Hán trong vòng ba năm, rồi bắt đầu phiên dịch kinh Đại Bát Niết-bàn, hai vị Huệ Tung và Đạo Lãng giữ nhiệm vụ bút thọ. Do kinh Niết-bàn sư mang theo chưa trọn vẹn, sư bèn trở về Vu Điền, tìm được một phần cuối kinh ấy, mang về Cô Tạng tiếp tục dịch. Nhận lời thỉnh của Huệ Tung và Đạo Lãng, sư chủ trì công việc phiên dịch các kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, kinh Kim Quang Minh, kinh Bi Hoa, kinh Bồ-tát Địa Trì, Bồ-tát Giới Bổn… Do Thái Võ Đế nhà Bắc Ngụy nghe tin sư thông thạo phương thuật, bèn sai sứ sang thỉnh, Thư Cừ Mông Tốn sợ sư sẽ sang đất Ngụy, liền giả vờ sai sư sang Tây Vực tìm kiếm phần sau kinh Niết-bàn (phần này về sau được ngài Nhã-na Bạt-đà-la dịch tiếp vào đời Đường), rồi ngầm sai thích khách giết chết sư giữa đường. Bản kinh Đại Bát Niết-bàn của sư được gọi là Bắc Bản

dạy tụng phẩm Phổ Môn, Mông Tốn liền được lành bệnh. Do vậy phẩm này được lưu truyền riêng. Đời Tùy - Trần, đại sư Trí Giả chú giải kinh Pháp Hoa, đặc biệt giải thích cặn kẽ phẩm này. Đủ thấy tâm của Phật, Bồ-tát, tổ sư chỉ mong cho hết thảy chúng sanh lìa hết thảy khổ, được hưởng hết thảy vui.

Pháp sư Đế Nhàn tận lực hoằng dương tông Thiên Thai, kiêm tu Tịnh độ. Mùa hạ này sư hoằng giới (diễn giảng về giới luật) tại Cáp Nhĩ Tân (Harbin), trở về đi ngang qua Đại Liên, các cư sĩ Phan Đối Phù, Thi Tỉnh Chi v.v. thỉnh sư giảng diễn kinh này. Lại sợ tiếng địa phương Nam - Bắc không thông, nhân đấy bèn đem những nghĩa đã giảng trước đó, in ra 500 bản, tặng cho mọi thính giả để họ đều được tận mắt thấy lời dạy; nhưng do thời gian vội vã, chẳng tránh khỏi sai sót. Cư sĩ Phan Đối Phù muốn bài giảng ấy được lưu truyền rộng rãi trong cõi đời, do vậy bèn gởi cho tôi một bản và cậy viết lời tựa.

Trộm nghĩ kinh tạng Pháp Hoa sâu thẳm u viễn, không ai có thể thấu đạt được, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu triệt rốt ráo, Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, làm sao có thể nêu tỏ đến mức tột bậc cho được? Đành lược thuật bổn - tích[298] của đức Quán Âm và lai lịch lưu thông, chú thích kinh này cho xong trách nhiệm. Nguyện khắp các đồng nhân thường niệm thánh hiệu Quán Âm. Nếu đạt đến mức "niệm cực tình vong", tâm lẫn cảnh cùng vắng lặng thì hằng sa công đức, vô lượng diệu nghĩa sẽ tự hiển hiện trọn vẹn trong một niệm. Do vậy chẳng cần phải trình bày rườm rà chi nữa!

8. Lời tựa cho ấn bản kinh Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm được viết theo lối chữ khải để tặng đại chúng đọc tụng

Như Lai tạng diệu chân như tánh chúng sanh và Phật cùng sẵn đủ, trọn chẳng hề tăng giảm. Phật do rốt ráo chứng nên an trụ Tịch quang, thụ hưởng pháp lạc thường - lạc - ngã - tịnh. Chúng sanh do triệt để mê nên khởi hoặc tạo nghiệp, chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi huyễn vọng. Tuy là tịnh nhiễm bất đồng, khổ vui sai khác, nhưng tánh chân như mầu nhiệm sẵn có vẫn tự chẳng tăng chẳng giảm. Chúng sanh chỉ có tánh đức, trọn chẳng có tu đức, nên chẳng thể thụ dụng được, ngược ngạo nương theo sức công đức của diệu tánh ấy để tạo ra cái nhân sanh tử, chịu quả luân hồi. Do nhân duyên ấy cảm Phật dấy lòng từ bi, thị hiện sanh trong

Niết-bàn để phân biệt với bản dịch kinh Nê Hoàn của ngài Pháp Hiển dịch (thường gọi là kinh Nam Bản Niết-bàn).

[298] Bổn tích: Bổn thường được hiểu là chánh nhân, chánh vị của chư Phật, Bồ-tát. Tích là phương tiện quyền biến thị hiện. Chẳng hạn, đức Quán Thế Âm Bồ-tát là Phật (như vậy về mặt bổn ngài là một vị Phật, đã thành Phật từ vô lượng kiếp), nhưng vì lòng từ bi thị hiện thân Bồ-tát (đấy là tích). Hoặc có thể hiểu ngài là một vị Bồ-tát (bổn), nhưng lại hiện vô số ứng thân nhằm hóa độ mọi loài chúng sanh (đấy là tích).

thế gian, tùy cơ thuyết pháp, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, biết lấy hạt châu trong chéo áo, ngõ hầu chẳng đến nỗi cô quạnh lênh đênh, không nơi nương tựa.

Kinh Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm chính là nhân bí mật để viên mãn Bồ-đề của ba đời chư Phật, là diệu hạnh để tiến về giác đạo của hết thảy Bồ-tát, cho nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm (Śūrangama). Tiếng Phạn là Thủ-lăng-nghiêm, tiếng Hán là Nhất thiết sự cứu cánh kiên cố (hết thảy sự rốt ráo cứng chắc). Nhất thiết sự là gì? Chính là hai pháp tâm và cảnh; nói rộng ra là ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại. Nhất thiết sự (hết thảy mọi sự) này đều là toàn thể đại dụng của Như Lai tạng diệu chân như tánh, vốn tự cứng chắc, trọn chẳng có các tướng sanh, diệt, sạch, nhơ, tăng, giảm, nhưng chúng sanh mê chân đuổi theo vọng, trái giác hợp trần, dù tâm hay cảnh đều thành huyễn vọng, đều là sanh diệt, đều chẳng cứng chắc.

Vì thế, do ngài A-nan thưa hỏi phương tiện ban đầu để mười phương Như Lai thành tựu Bồ-đề, xa-ma-tha, tam-ma[299], thiền-na mầu nhiệm, Như Lai liền gạn hỏi cái tâm, chỉ rõ cái thấy, lần lượt giảng về ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại để hiển thị "mỗi mỗi đều là Như Lai tạng, thuận theo tâm chúng sanh, thuận theo nghiệp mà tỏ lộ" khiến cho họ khai ngộ. Kế đó, 25 vị thánh nhân, mỗi vị chứng một pháp viên thông riêng biệt trong 25 pháp, [mỗi vị tường thuật pháp viên thông do chính mình đã chứng] nhằm chứng thực lời giảng ấy. Kinh này nhằm thích ứng với năng lực đa văn của A-nan và căn cơ "tánh nghe nhạy bén nhất" của cõi Sa-bà. Do vậy đức Văn-thù chọn lựa pháp viên thông bèn chỉ chọn pháp viên thông của Quán Âm.

Pháp môn Tịnh độ niệm Phật thích hợp trọn khắp căn cơ của hết thảy chúng sanh trong mười phương ba đời, do vậy được kể sau pháp viên thông của ngài Di-lặc, trước pháp viên thông của đức Quán Âm, nhằm ngầm nêu ý nghĩa thích hợp khắp mọi căn cơ. Nếu không, sẽ kể pháp này sau pháp của ngài Hư Không Tạng[300], trước pháp của ngài Di-lặc. Luận sát sao về những pháp môn thông

---

[299] Xa-ma-tha (śamatha) có nghĩa là chỉ (ngưng dứt), tịch tĩnh, hay năng diệt, là một trong bảy tên của thiền định. Do chú trọng đến tác dụng lắng đọng tâm không bị ngoại cảnh lay động khiến tâm được tịch tĩnh, nên gọi là chỉ, hàm nghĩa ngưng dứt mọi tán loạn.

Tam-ma là gọi tắt của tam-ma-địa (samādhi), hay còn được phiên âm là tam-muội hay tam-ma-đề. Dịch nghĩa là đẳng trì, chánh định, định ý v.v., tức là xa lìa hết thảy lao chao, hôn trầm, chuyên tâm nơi một cảnh.

[300] Hư Không Tạng (Ākāśa-garbha) có nghĩa là phước trí hai tạng đều vô lượng, rộng lớn như hư không, không có ngằn mé. Ngài lưu xuất vô lượng pháp bảo, thí khắp cho người cầu muốn, lợi lạc chúng sanh. Ngài được đặc biệt tôn sùng trong Mật giáo và Thiên Đài tông Nhật Bản.

thường thì phải đoạn sạch phiền hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử, chỉ có bậc thượng thượng lợi căn nhất mới có thể giải quyết xong ngay trong đời này. Nếu chẳng phải là loại căn tánh ấy thì hoặc hai, ba, bốn, năm đời, hoặc hai, ba, bốn, năm kiếp, hoặc thậm chí từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn luân hồi trong lục đạo, kẻ như vậy nhiều lắm! Bởi cậy vào sức giới định tuệ của chính mình để đoạn sạch hoặc nghiệp phiền não tham sân si cho nên khó khăn. Huống chi đang nhằm thời mạt pháp, căn cơ con người hèn kém, thọ mạng ngắn chủn, tri thức hiếm hoi, tà ma ngoại đạo tung hoành, hễ chánh kiến hơi thiếu liền bị đọa vào lưới ma ư? Chỉ có pháp môn Tịnh độ đặc biệt "cậy vào thệ nguyện từ bi của đức Di-đà và sức tín nguyện ức niệm của chính mình", đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương là thỏa đáng. Nếu là hạng thượng thượng căn sẽ mau chứng Vô sanh, dẫu là kẻ hạ hạ căn vẫn được dự vào dòng thánh. Lợi ích ấy làm sao diễn tả được? Nghĩa này là nghĩa quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, đừng vì Quang là kẻ kém cỏi mà cho là sai lầm, bịa đặt!

Nếu chúng ta có thể đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha như con nhớ mẹ, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối để niệm, thì hai tầng công phu "xoay cái niệm để niệm nơi tự tánh" của đức Thế Chí và "xoay cái nghe để nghe nơi tự tánh" của đức Quán Âm sẽ hòa lẫn trong một tâm để niệm hồng danh vạn đức của Như Lai. Lâu ngày chầy tháng, cái tâm nghiệp thức chúng sanh sẽ trở thành Như Lai bí mật tạng, đấy gọi là "dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, cho nên nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân". Người có duyên gặp được, mong chớ coi rẻ. Đấy là đường vào cửa Niết-bàn của vi trần đức Phật, huống gì chúng ta là người đời mạt pháp há dám chẳng noi theo? Cuối cùng, kinh chỉ bày nghiêm ngặt bốn thứ giới luật để bồi đắp nền tảng ấy, nói cặn kẽ công đức của thần chú Lăng-nghiêm ngõ hầu hành nhân được nương tựa, bảo vệ.

Kinh giảng cặn kẽ nhân quả của mười pháp giới, mỗi mỗi đều là theo nghiệp hiện ra. Chỉ rõ cảnh ngũ ấm ma hòng người nghe biết kẻ công hạnh sâu vẫn còn có chuyện bị ma dựa tạo tội đọa địa ngục, huống hồ kẻ sơ tâm ư? Xem kinh thoạt đầu là bảy chỗ gạn tâm, mười phen tỏ rõ cái thấy, lần lượt giảng đến *ấm, nhập, xứ, giới, đại*, tầng tầng khai thị khiến cho vị căn tánh nhạy bén nhất là A-nan viên ngộ tạng tánh (tức là cái được nhà Thiền gọi là đích thân thấy được "bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra"), vậy thì đại triệt đại ngộ quả thật chẳng dễ

Đông Mật Chân Ngôn Tông Cao Dã Sơn phái của Nhật Bản còn lưu truyền câu chuyện tổ sư Không Hải nhờ trì chú của Hư Không Tạng Bồ-tát mà trí tuệ mở mang, sang Trung Hoa học Mật với ngài Huệ Quả, lãnh hội được tinh nghĩa của Mật giáo chỉ trong vài ba năm, trở thành Sơ tổ Mật tông Nhật Bản. Trong kinh Đại Tập có hai pháp hội chuyên giảng về Hư Không Tạng Bồ-tát. Trong kinh Lăng-nghiêm, Bồ-tát dạy về pháp viên thông quán không đại.

dàng gì! Phần sau kinh nói về hành giả đã có sức thiền định sâu rồi, đã phá được hai ấm là sắc và thọ, vẫn bị ma mê hoặc, đánh mất chánh kiến, tạo các ác nghiệp, sống vướng phép vua, chết đọa địa ngục. Do vậy biết: Muốn liễu sanh tử chỉ cậy vào tự lực thì nguy hiểm, khó khăn chẳng thể nào sánh ví được! Nguyện những người cùng hàng hãy nương theo pháp "nhớ Phật niệm Phật" của đức Thế Chí và lời dạy mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc của đức Phổ Hiền để cùng với các vị Bồ-tát trong Hoa Tạng Thế Giới Hải nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương, đấy mới thật là kế sách vẹn toàn vậy!

Cư sĩ Trí Mậu Hứa Văn Thanh chép kinh Lăng-nghiêm theo lối chữ khải để tặng những liên hữu trong Giác xã đọc tụng; hai vị cư sĩ Cù Trí Hồng, Diệp Thánh Phương mua giấy. Chép xong, xin Quang viết lời tựa. Do Quang thấy Giác xã là đạo tràng niệm Phật, theo đúng lý thì phải nêu tỏ ý nghĩa thắng diệu của pháp môn Tịnh độ, ngõ hầu những kẻ ham cao chuộng xa chẳng đến nỗi chuyên trọng tự lực, vứt bỏ Phật lực, rốt cuộc trở thành kết quả "cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng". Vì vậy lời lẽ tựa hồ bàn luận tràn lan, viển vông, hủ bại. Dẫu có ai vì điều này mà quở trách, cũng chỉ thưa A-di-đà Phật, A-di-đà Phật mà thôi!

9. Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thập Yếu

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Hết thảy các pháp môn do đức Như Lai đã nói trong suốt cả một đời tuy là Đại, Tiểu, Đốn, Tạm bất đồng, Quyền, Thật, Thiên, Viên sai khác, nhưng không pháp nào chẳng nhằm khiến cho hết thảy chúng sanh đều theo đường về nhà, khôi phục tâm tánh mà thôi! Nhưng những pháp ấy đều cần tự lực tu trì để đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, hoàn toàn không được một sức nào khác nhiếp trì hòng chắc chắn được siêu phàm nhập thánh, thành tựu sở nguyện ngay trong đời này. Chỉ có pháp môn Tịnh độ cậy vào sức thệ nguyện, nhiếp thọ của Phật và lòng thành tín nguyện niệm Phật của chính mình, bất luận đã chứng ngộ hay không; thậm chí kẻ chưa đoạn mảy may phiền hoặc nào vẫn đều có thể cậy vào Phật từ lực liền được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Đã được vãng sanh, nếu là người đã chứng ngộ liền lên thẳng thượng phẩm, kẻ chưa đoạn hoặc vẫn dự vào dòng thánh.

Do vậy biết pháp môn Tịnh độ rộng lớn không có gì ra ngoài được, như trời che khắp, dường đất chở đều, thống nhiếp các căn cơ trọn chẳng sót vật nào. Thật có thể nói là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, thâu trọn lợi căn và độn căn. Trên là bậc Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt

ra ngoài được, dưới là phàm phu nghịch ác vẫn có thể dự vào trong đó. Thỏa thích bản hoài xuất thế của đức Như Lai, mở ra con đường chánh để chúng sanh trở về nguồn. Vì thế pháp này được chín giới cùng quay về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Huống chi đang nhằm thời mạt pháp, căn cơ con người kém hèn, bỏ pháp này tu pháp khác thì chẳng những hàng phàm phu bộn bề phiền não chẳng có cách nào thoát ly sanh tử, mà ngay cả bậc thánh nhân Thập địa cũng khó viên mãn Bồ-đề! Vì vậy Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Viễn công, Trí Giả, Thanh Lương, Vĩnh Minh đều phát tâm Kim Cang hoằng truyền, tán dương, ngõ hầu lục đạo, tam thừa đều được vượt ngang ra khỏi tam giới, khôi phục lại tâm tánh vốn có. Trước thuật tại Thiên Trúc và Chấn Đán (Trung Hoa) để tuyên giảng pháp môn này nhiều khó thể kể xiết. Đại sư Ngẫu Ích chọn lấy chín tác phẩm khế hợp thời cơ nhất và bộ Di-đà Yếu Giải do chính mình trước tác, gộp thành một bộ sách đặt tên là Tịnh Độ Thập Yếu, muốn cho người học nhờ xem những tác phẩm này sẽ hiểu trọn vẹn chỗ trọng yếu trong sự độ sanh của đức Như Lai và nguyên do pháp này thống nhiếp khắp hết thảy các pháp.

Đại sư mất rồi, môn nhân là Thành Thời muốn tác phẩm này được lưu truyền trọn khắp pháp giới, nhưng sợ văn từ dài dòng, số lượng quyển quá lớn, chi phí lớn lao, khó thể lưu truyền rộng khắp được, bèn tóm lược câu chữ, đối với mỗi tác phẩm chỉ trình bày đại lược những ý chánh quan trọng, thêm vào những điều bình luận, quả thật hết sức lao tâm khổ tứ! Tiếc rằng sư ỷ mình trí có thể chiếu soi trọn vẹn, đọc đến đâu, trích lược đến đấy, chẳng bỏ công tra duyệt lại, cứ cho khắc in ngay, đến nỗi lời văn nhiều chỗ mù mờ, lại thêm giọng điệu sai lầm, lời lẽ chẳng đạt ý vậy.

Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), cư sĩ Từ Úy Như đến thăm Quang; do ông ta lo liệu việc khắc in Tạng kinh, tôi bèn cậy ông ta sưu tập, khắc in bản gốc của bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Sau đấy ông ta bèn khắc in hai tác phẩm là Di-đà Yếu Giải và luận Tây Phương Hiệp. Nay đã có được nguyên bản đầy đủ, cư sĩ Lý Viên Tịnh tính tái bản theo đúng như hình thức sách Tịnh Độ Thập Yếu đã được in trước kia: Phàm mỗi một lời bình luận do sư Thành Thời đã viết đều chiếu theo đó sao lục, chỉ bổ sung những chỗ sư Thành Thời khiếm khuyết, hòng chẳng diệt mất sự cực trí của sư Thành Thời, soạn thành bốn quyển. Do những chỗ trích lược khác nhau bao nhiêu đó chỗ, cho nên phải sắp xếp lại thứ tự từng quyển. Trước kia Tây Trai Thi, Niệm Phật Trực Chỉ thứ tự trước sau bị đảo lộn, nay sắp xếp lại cho thích đáng; cuối mỗi quyển đều kèm theo những bài văn quan trọng và những đoạn trích từ Triệt Ngộ Ngữ Lục. Lại còn đem Vãng Sanh Luận Chú và Liên Hoa

Thế Giới Thi gộp thành một quyển để làm phụ bản, tổng cộng là năm quyển, thảy đều phù hợp với lời văn, ý nghĩa và tông chỉ của sách Thập Yếu, hoàn toàn chẳng khác biệt. Giống như những hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế soi bóng lẫn nhau, khiến cho những người đọc biết sâu xa pháp môn Tịnh độ chính là chỗ quy túc của hết thảy các pháp. Hết thảy các pháp, không pháp nào chẳng lưu lộ từ pháp giới này, chẳng trở về pháp giới này.

10. Lời tựa sách Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận Sớ

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Pháp sư Triệu[301] nói: "Trong trời đất, giữa vũ trụ, có một vật báu giấu kín trong núi hình." Lời này nói về kẻ chưa ngộ chưa chứng, chứ thật ra vật báu ấy bao quát thái hư, cùng tột theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang, hằng cổ hằng kim, luôn luôn hiển lộ. Đấy chính là như câu nói: *"Thời thời thị thời nhân, thời nhân tự bất thức"* (Luôn luôn chỉ dạy cho người, mà người vẫn cứ chẳng hề biết cho), chẳng đáng buồn sao? Chỉ có mình đức Thích-ca Thế Tôn ta đích thân thụ dụng được, những chúng sanh khác trải kiếp này sang kiếp khác dựa vào sức oai thần của vật báu ấy để khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có thuở ra. Ví như kẻ mù đích thân lên núi báu, chẳng những không thụ dụng được, trái lại còn bị thương!

Do vậy, đức Thế Tôn tùy thuận cơ nghi mà khai thị, khiến cho bọn họ ai nấy đều theo đường trở về nhà, nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, tùy theo từng hoàn cảnh mà quán sát kỹ càng mong họ đích thân thấy được vật báu ấy. Nhưng bậc có đủ trí chiếu bát-nhã liền lập tức rỗng không các uẩn, hết sạch mọi khổ ách, tuy có nhiều vị làm được như vậy, nhưng đấy chẳng phải là điều bọn chúng sanh độn căn đời mạt mà hòng mong mỏi được. Bởi vậy, đức Phật mở ra một pháp

[301] Pháp sư Triệu chính là ngài Tăng Triệu (384-414), môn nhân nổi tiếng nhất của đại sư Cưu-ma-la-thập. Sư là con nhà nghèo, phải chép sách thuê để kiếm sống. Do vậy, thông hiểu kinh sử rất sâu. Thoạt đầu, sư hâm mộ thuyết Lão Trang, sau do đọc kinh Duy-ma-cật bèn cảm ngộ, đi xuất gia. Ngài thông hiểu kinh Phương Đẳng, thanh danh lẫy lừng miền Bắc Trung Hoa. Nghe pháp sư Cưu-ma-la-thập đến đất Lương, bèn xin theo học, được ngài Cưu-ma-la-thập khen là bậc kỳ tài. Đến khi Diêu Tần diệt nhà Lương, sư bèn theo ngài La-thập sang Trường An. Tuân sắc lệnh của Diêu Hưng, Tăng Triệu cùng với Tăng Duệ lo phù tá ngài La-thập phiên dịch kinh điển. Do vậy giải ngộ càng sâu, được tôn xưng là bậc Giải Không Đệ Nhất. Năm Hoằng Thỉ thứ sáu (404), khi ngài La-thập dịch xong bộ Đại Phẩm Bát-nhã, sư soạn cuốn luận Bát-nhã Vô Tri trình lên, được hai vị La-thập và Huệ Viễn nồng nhiệt tán thán. Sau đó sư còn soạn luận Phá Không, luận Vật Bất Thiên, luận Niết-bàn Vô Danh, Chú Duy-ma-cật Kinh v.v.. Tiếc là sư mất rất sớm, chỉ thọ được 31 tuổi. Những bài luận của sư được thu thập thành cuốn Triệu Luận.

môn đặc biệt ngõ hầu thượng trung hạ căn đều đạt được lợi ích thật sự ngay trong đời này, dạy họ dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha chuyên niệm thánh hiệu A-di-đà Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày chầy tháng, chính cái tâm nghiệp thức chúng sanh này sẽ trở thành Như Lai bí mật tạng, tức là do báu tam-muội chứng được báu thật tướng, mới biết vật báu này trọn khắp pháp giới, lại đem vật báu này thí khắp hết thảy.

Do vậy, từ khi đức Phật mở ra pháp môn này, hết thảy Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức thảy đều tuân hành pháp này do pháp này trọn đủ tự lực và tha lực, so với những pháp chuyên cậy vào tự lực thì khó dễ khác nào một trời một vực. Pháp sư Phi Tích đời Đường trụ tích[302] tại chùa Thảo Đường núi Tử Các trong rặng Chung Nam, hoằng dương giáo hóa rộng lớn pháp môn Tịnh độ, đặc biệt soạn ra bộ luận Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương để hết thảy tứ chúng niệm trọn vẹn ba đời Phật, nhưng chuyên chú nơi Tây Phương A-di-đà Phật. Do nếu chẳng niệm chư Phật vị lai sẽ chẳng thể phát tâm đại Bồ-đề, chiết phục tràng ngạo mạn, trong hết thảy cảnh vẫn còn có tình kiến phàm thánh, làm sao lìa trọn vẹn bốn tướng, triệt chứng nhất chân cho được? Nếu thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật thì tâm sẽ tự chẳng còn có tình kiến phàm thánh để được nữa, nên mới rốt ráo đoạn trừ phiền não, rốt ráo viên chứng tự tâm. Nếu chẳng niệm trọn vẹn chư Phật trong quá khứ và hiện tại thì có lẽ cái tâm niệm A-di-đà Phật sẽ bị câu nệ, hạn cuộc, chẳng thể viên mãn, trọn khắp. Vì thế, dạy người niệm Phật "dẫu niệm một đức Phật nhưng niệm trọn ba đời chư Phật; tuy niệm trọn hết ba đời chư Phật nhưng ắt phải chuyên dốc sức nơi A-di-đà Phật, ngõ hầu cái tâm niệm Phật theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tột cùng ba đời". Đây chính là cái tâm niệm Phật này và tâm của mười phương ba đời chư Phật không lúc nào chẳng khế hợp nhau.

Bộ luận này ý nghĩa sâu rộng, nếu chẳng chú thích chắc có lẽ người đọc sẽ gặp tận mặt mà bỏ lỡ, cũng như chưa chắc đã khỏi hiểu lầm lý sự. May mà lão pháp sư Đế Nhàn thuộc tông Thiên Thai chẳng tiếc tinh lực, riêng soạn sớ giải để dù văn hay nghĩa đều được sáng tỏ. Lợi ích ấy há diễn tả được ư? Cư sĩ Chí Tịnh tu tịnh nghiệp đã lâu, tâm lợi người tha thiết, phát tâm in năm ngàn bộ để tặng cho các vị tăng tục tu Tịnh độ, xin tôi trình bày đại ý của bộ luận, ngõ hầu người đọc ngay từ đầu đã thấy được chỗ chỉ quy của bộ luận. Do vậy chẳng nài thô lậu, trình bày đại lược những điều ẩn chứa, để người đọc biết pháp môn Tịnh độ là pháp môn vừa cạn vừa sâu, vừa là quyền vừa là thật. Hết thảy pháp môn, hà sa diệu nghĩa, không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu lộ, không pháp nào chẳng

[302] Trụ tích: Còn gọi là "quải tích". Khi một vị pháp sư trụ ở tại nơi đâu thì gọi là trụ tích tại nơi đó. Tích ở đây là tích trượng.

trở về pháp giới này, do pháp này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu thấy lời này chẳng thích đáng, xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ-tát là vị đã khuyên phát mười đại nguyện vương, hướng dẫn về Cực Lạc!

11. Lời tựa cho bộ Di-đà Thánh Điển

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Một pháp niệm Phật chính là tổng trì lời Phật dạy, nhưng có người chuyên niệm tự Phật, có người chuyên niệm tha Phật, hoặc niệm tự Phật lẫn tha Phật bất đồng. Kẻ chuyên niệm tự Phật là như tham cứu sâu xa đến cùng tận thật tướng trong các kinh để mong ngộ chứng, dùng trí chiếu bát-nhã để thấu hiểu trọn vẹn đương thể của hết thảy các pháp ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại v.v. toàn là không, đích thân thấy được tánh chân như mầu nhiệm vốn sẵn có, hoặc như Thiền tông khán những câu thoại đầu như "người niệm Phật là ai?" v.v. để mong đích thân thấy được "bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra". Trong bốn loại niệm Phật, cách này được gọi là thật tướng niệm Phật.

Chuyên niệm tha Phật thì có ba cách niệm:

1. Một là quán tưởng, nghĩa là dựa theo kinh Thập Lục Quán để quán, hoặc chuyên quán tướng bạch hào[303], hoặc chỉ quán thân Phật một trượng sáu, hay thân tám thước, hoặc quán pháp thân rộng lớn và quán trọn vẹn mười sáu phép quán.

2. Hai là quán tượng, tức là đối trước hình tượng Phật, tưởng tướng hảo, quang minh của Phật v.v..

3. Ba là trì danh, tức là nhất tâm xưng niệm thánh hiệu A-di-đà Phật.

Ba cách niệm Phật này tuy cách thức khác nhau, nhưng đều cần phải có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì mới cảm ứng đạo giao cùng đức Phật được,

---

[303] Tướng bạch hào (ūrna-laksana): Đôi khi còn dịch là hào tướng, hào mi, tướng bạch mao, tướng mi gian bạch hào, tướng bạch hào trang nghiêm, tướng mi gian bạch hào nhuyễn bạch đâu-la-miên v.v., là một trong 32 tướng của đức Như Lai. Đấy chính là một sợi lông trắng trong ngần, sáng ngời như ngọc lưu ly, thường tỏa quang minh, nằm giữa hai chân mày, cuộn tròn lại, quấn quanh theo chiều bên phải, nếu kéo dài ra sẽ dài đến một tầm (tầm là đơn vị đo lường thời cổ, có chiều dài bằng khoảng cách giữa hai cánh tay giang thẳng ra hai bên). Theo kinh Vô Thượng Y, quyển hạ, tướng này do lúc tu nhân Phật thường tán thán mỗi khi thấy có chúng sanh nào tu tập giới - định - tuệ. Theo kinh Quán Phật Tam-muội Hải thì quang minh tỏa ra từ tướng bạch hào có công năng trừ được tội lỗi trong trăm ức na-do-tha hằng sa kiếp sanh tử, nên là tướng thù thắng nhất trong vô lượng tướng của đức Phật.

mới có thể chắc chắn trong đời này lìa khỏi cõi Sa-bà này, sanh sang cõi Cực Lạc kia.

Trong bốn thứ niệm Phật này, chỉ có thật tướng niệm Phật là đế lý sâu xa nhất, nhưng chẳng dễ gì tu được! Do cậy vào giới định tuệ và sức tham cứu, quán chiếu, soi xét của chính mình, chứ không có tha lực nào khác phụ trợ, nếu chẳng phải là hạng túc căn chín muồi thì ngộ còn chưa dễ gì đạt được, huống là thật chứng! Chỉ có trì danh niệm Phật, thực hiện dễ dàng nhất, thành công nhanh nhất. Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục ắt sẽ đích thân chứng được niệm Phật tam-muội ngay trong đời này, lâm chung chắc chắn vãng sanh thượng phẩm. Dẫu căn cơ hèn kém, chưa chứng được tam-muội, chỉ dùng lòng tin chân thành trì danh hiệu Phật như con nhớ mẹ, luôn luôn chẳng gián đoạn, đến khi lâm chung cảm ứng đạo giao, nương theo Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Chúng sanh đời mạt chỉ có pháp này để nhờ cậy. Nếu không, chỉ gieo được cái nhân cho đời sau, khó được lợi ích thật sự.

Nếu có thể chí tâm trì niệm, niệm đến khi "toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, không niệm mà niệm, niệm mà không niệm, tâm lẫn Phật cùng tỏ rạng, lại cùng mất hẳn" thì diệu lý thật tướng sẽ hiện rõ rành rành, y báo chánh báo cõi Tây Phương triệt để hiện trọn vẹn. Tuy trì danh nhưng đạt thật tướng sâu xa, chẳng quán tưởng mà đích thân thấy được Tây Phương. Pháp trì danh nhiếp thọ căn cơ phổ biến nhất, được lợi ích sâu xa nhất, lợi lạc nhất cho kẻ độn căn trong đời mạt pháp, thỏa thích lớn lao bản hoài xuất thế của Như Lai. Vì thế từ xưa hàng tri thức phần nhiều đều chuyên chú nơi một môn trì danh. Đây là nói đại lược về cách niệm tha Phật vậy.

Còn như niệm tự Phật lẫn tha Phật thường được gọi là Thiền Tịnh song tu, có người chuyên khán câu "người niệm Phật là ai?" để mong minh tâm kiến tánh, chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh. Tuy tợ hồ Thiền Tịnh song tu, nhưng thật ra là "có Thiền, chẳng có Tịnh". Đã không có tín nguyện thì sẽ không có cách nào cậy vào Phật lực để mang nghiệp vãng sanh được. Nếu chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không, vẫn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử. Do vậy biết, Thiền Tịnh song tu chỉ hạng người có đầy đủ tín nguyện sâu xa mới có thể được lợi ích. Nếu không, đương nhiên chẳng bằng chuyên dốc sức nơi một môn trì danh hiệu Phật. Pháp môn Tịnh độ thật là pháp môn đặc biệt khế lý khế cơ trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai. Vì thế vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ bảo hướng về.

Ông X… ở Đông Doanh (Nhật Bản), trích lục những nghĩa lý xiển dương pháp niệm Phật từ các kinh luận, soạn thành bộ Di-đà Thuyết Lâm, nội dung phân

thành mười môn, diễn giảng thông suốt nhất hạnh[304], đáng là một bộ sách trợ giúp cho việc tu tịnh nghiệp. Cư sĩ Phạm Cổ Nông đích thân giảo chánh, tra cứu, đổi tên thành A-di-đà Phật Thánh Điển nhằm tỏ rõ ý nghĩa tôn sùng; nhưng những phần trích lục hoàn toàn chẳng nêu rõ nguồn gốc, đợi khi nào có thời gian rảnh rỗi, cư sĩ sẽ dựa theo kinh mà phân định tường tận để hết thảy mọi người biết một pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là đạo để hết thảy thượng thánh hạ phàm cùng tu, ngõ hầu chẳng đến nỗi phạm những lỗi như sanh lòng tự phụ "ta là bậc thượng căn", chẳng chịu tu trì; hoặc tự hạ thấp "ta là hạ căn chẳng thể tu trì được". Thợ sắp chữ gần xong, cậy Quang viết lời tựa, bèn ước theo những điều mình biết để giãi bày. Nên biết rằng, một pháp niệm Phật chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu chẳng tin tưởng được, xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ-tát!

12. Lời tựa sách Tịnh Độ Tập Yếu

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Thuốc không quý hèn, thuốc nào trị được bệnh thì thuốc ấy là thuốc hay; pháp chẳng cạn sâu, pháp nào hợp căn cơ sẽ là pháp mầu nhiệm. Đang thời mạt pháp, căn cơ con người kém hèn, nếu chẳng nương vào hoằng thệ nguyện lực của đức Như Lai, ai có thể đoạn phiền hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng vô sanh? Ví như bệnh đã lậm vào tạng phủ, tuy bệnh tình hòa hoãn vẫn không thể làm gì được, nhưng nếu chịu uống thuốc a-già-đà trị chung vạn bệnh này, thì chuyện "đoạn phiền hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng Vô sanh" vừa nói trên đây ai nấy đều đích thân chứng được, hoàn toàn chẳng khó khăn gì. Vì sao vậy? Do người ấy dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, lâm chung chắc chắn sẽ được Phật tiếp dẫn, liền được vãng sanh. Đã được vãng sanh, thân cận Phật Di-đà dài lâu, theo gót hải chúng, còn có thể viên mãn Bồ-đề, triệt chứng Niết-bàn rốt ráo, huống là những chuyện "đoạn phiền hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng Vô sanh" vừa mới nói đó ư? Do vậy biết rằng, trong thời tiết[305] này chỉ có một pháp này thích hợp căn cơ nhất, nếu bỏ pháp môn cậy vào Phật lực này để tu những pháp môn tự lực khác, đừng nói hạng trung hạ căn không cách chi mong mỏi, dẫu là thượng căn

[304] Nhất hạnh: Có nghĩa là chuyên chú nơi một sự, là một từ ngữ đặc biệt chỉ hạnh niệm Phật. Do vậy, niệm Phật tam-muội còn gọi là nhất hạnh tam-muội.

[305] Xin đừng hiểu lầm chữ "thời tiết" ở đây là weather, mà có nghĩa là thời thế, đúng dịp, đúng lúc nhân duyên chín muồi, các duyên hội đủ, như trong thành ngữ "nhân duyên thời tiết" thường được dùng trong kinh sách.

chắc chắn cũng khó lòng thành tựu ngay trong một đời được, phần nhiều chỉ gieo nhân cho đời sau, khó được lợi ích thật sự. Vì thế, hàng tri thức xưa nay cực lực hoằng dương pháp này để mong trên báo ơn Phật, dưới độ những người cùng hàng.

Các ông Phan Huệ Thuần và Thiệu Huệ Viên ở Lưu Dương (thuộc tỉnh Hồ Nam) dốc lòng tin tưởng Phật pháp, xem xét thời tiết, căn cơ, do vậy bèn tập hợp những ý nghĩa trọng yếu đề xướng Tịnh độ xưa nay, tạo thành một cuốn sách, chia làm ba thiên. Thiên đầu là tập hợp sao lục, biên tập những lời dạy từ tướng lưỡi rộng dài của đức Phật, hơi tóm gọn một chút, để làm bậc thang nhập môn đầu tiên cho hàng sơ cơ. Thiên giữa gồm những phần trích lục những lời khai thị thiết yếu nhất, viên đốn nhất trích từ sách Long Thư Tịnh Độ Văn, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát, và ngữ lục của các đại sư Thiện Đạo, Vĩnh Minh, Ưu Đàm, Thiên Như[306], Liên Trì, Hám Sơn, Ngẫu Ích, Triệt Lưu, Tỉnh Am, Triệt Ngộ, và gần đây nhất là cư sĩ Bành Nhị Lâm, ngõ hầu người đọc từ cạn tiến đến sâu, lãnh ngộ đại lược chỉ thú của pháp môn Tịnh độ. Thiên cuối cùng tập hợp những ghi chép về nghi thức niệm Phật, những kinh chú Tịnh độ trong khóa tụng hằng ngày và các bài văn hồi hướng để dùng làm nghi thức cho khóa tụng sáng tối. Cuối cùng là phần phụ lục về nhân duyên ứng hóa của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát và Đa-đa-ha Bồ-tát để nêu bật pháp môn Tịnh độ khế hợp thời cơ sâu xa. Họ tính ấn hành lưu thông để biếu những ai có cùng chí hướng trong khắp cõi xem đọc, do vậy bèn đặt tựa đề là Tịnh Độ Tập Yếu, và lược thuật nguyên do của pháp môn Tịnh độ ngõ hầu người đọc lẫn người nghe đều cùng sanh chánh tín, cùng tu tịnh nghiệp, để có thể cùng sanh về Tịnh độ, cùng chứng Vô sanh, để rồi cùng thành Chánh giác.

13. Lời tựa cho bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

---

[306] Thiên Như Duy Tắc (không rõ năm sanh -1354), là một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế sống vào thời Nguyên, xuống tóc từ nhỏ tại Hòa Sơn, về sau qua Thiên Mục, đắc pháp với ngài Trung Phong Minh Bổn, được nối pháp của ngài Trung Phong. Sư cực lực hoằng dương Thiền tông nhưng chuyên tu tịnh nghiệp, được vua ban danh hiệu Phật Tâm Phổ Tế Văn Huệ Đại Biện Thiền Sư. Sư chú thích kinh Lăng-nghiêm đồng thời tổng hợp chín tác phẩm chú giải đã có từ thời Đường và Tống, tạo thành bộ Lăng-nghiêm Kinh Hội Giải 20 quyển, lại soạn bộ Lăng-nghiêm Kinh Viên Thông Sớ 10 quyển. Để xiển minh giáo nghĩa Tịnh độ, sư soạn bộ Tịnh Độ Hoặc Vấn nhằm phá trừ những nghi vấn về Tịnh độ, sách tấn người học tu tập tịnh nghiệp. Ngoài ra sư còn để lại những tác phẩm như Ngữ Lục, Thập Phương Giới Đồ Thuyết v.v..

Lịch sử tường thuật những chuyện thanh bình hay loạn lạc, hiền hay ngu xưa nay, *cảm ứng* là những chứng nghiệm về sự được mất, tốt xấu xưa nay. Lịch sử nhiều quá, ai có thể đọc trọn khắp từng chuyện cho được! Vì thế đặc biệt chọn lấy những sự tích cảm ứng rõ ràng nhất ghi lại hết để cống hiến cho những người cùng hàng, hòng làm tấm gương "cách vật, trí tri, thành tâm, chánh ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", ngõ hầu tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, thiên hạ sẽ thái bình, nhân dân sẽ yên vui. Phải biết, nói đến cảm ứng chính là nói đến nhân quả vậy, tu nhân như thế nào sẽ được quả như thế ấy, như trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu. Nếu muốn tránh khỏi quả ác, ắt phải tu nhân lành; nếu tạo nhân ác, quyết khó thể được quả thiện. Tôi thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh."

Nếu không có nhân quả, thiện sẽ không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, há còn bàn đến chuyện "làm sáng tỏ minh đức để đạt đến chí thiện, đoạn phiền hoặc, chứng Bồ-đề" nữa ư? Do những ai biết có nhân quả ắt sẽ hướng lành lánh dữ, sửa lỗi hướng thiện, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, ngõ hầu được dự vào bậc thánh, mong lên được cõi Cực Lạc. Bậc thượng bèn yên vui mà làm, bậc trung bèn vì lợi mà làm, bậc hạ bèn miễn cưỡng làm, đều cùng trừ khử được vật dục để tỏ lộ lương tri, thoát đường mê, lên bờ giác. Do vậy biết thánh hiền, Phật Bồ-tát tham dự, giúp đỡ cho đạo sanh thành, dưỡng dục, xét từ cội nguồn đến kết thúc chẳng ngoài hai chữ "nhân quả", đấy là căn cứ lớn lao khiến cho thiên hạ xưa nay thanh bình hay loạn lạc, vững vàng hay nguy ngập và để được yên thân, giác ngộ cõi đời, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu muốn vãn hồi thế đạo lòng người mà bỏ đi việc đề xướng nhân quả báo ứng thì dẫu cho người ấy học thức, đạo đức, thần thông, trí tuệ ngang bằng thánh hiền, Phật Bồ-tát vẫn chẳng làm gì được, huống là những kẻ kém cỏi hơn ư?

Người đời thường tưởng nhân quả diệt mất không dấu vết, thường hay coi thường, chẳng chịu suy xét sâu xa. Đối với những thứ nhân quả rõ ràng dễ thấy, có thể có những thứ nhân quả khác xen lẫn vào khiến cho khó thấy được sự báo ứng; phàm phu mắt thịt chẳng biết nguyên do, bèn bảo "thiện ác đều rỗng không, chẳng có nhân quả". Do vậy cậy vào thiên kiến của chính mình cho là đích xác không lầm lẫn, coi lời của thánh hiền, Phật Bồ-tát đều là hoang đường, vô căn cứ, chẳng đáng noi theo. Từ đấy phô phang tà kiến của chính mình, lầm lạc khoe khoang là bậc thông gia, lập ra những nghị luận tự lầm lầm người. Do một đồn thành nhiều, biến đổi tận gốc càng thêm tệ hại, đến nỗi ào ạt biến thành những thảm kịch "phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, mặc kệ lòng hổ thẹn,

tranh thành, đoạt đất, tàn sát lẫn nhau" mỗi mỗi đều diễn ra, đến nỗi thiên tai nhân họa giáng xuống hằng ngày, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Xét đến cội nguồn, nói chung là do chẳng biết nhân quả báo ứng mà ra!

Năm Dân Quốc 13 (1924), vùng Giang - Chiết đánh nhau, cư sĩ Ngụy Mai Tôn tản cư sang Thượng Hải, nghĩ cách muốn dứt sát kiếp để chấm dứt họa loạn cho tương lai. Tôi khuyên ông ta nên đọc khắp 24 bộ sử, chọn lấy những chuyện nhân quả báo ứng rõ ràng nhất, chép thành một bộ sách để làm gương răn mình cho các giới trong thiên hạ đời sau. Ông Mai Tôn rất hoan hỷ, từng nhiều lần thương lượng biện pháp, nhưng vì tuổi già, tinh thần chẳng đủ, lại không có sức thỉnh người khác chịu nhọc nhằn thay cho chính mình nên đành buồn bã bỏ dở giữa chừng. May sao tháng 9 năm Dân Quốc thứ 16 (1927), cư sĩ Nhiếp Vân Đài thỉnh được cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh biên tập, vâng lệnh của thái phu nhân cung cấp chi dụng. Đến tháng 8 năm nay hoàn thành bản thảo, gặp đúng dịp ông Nhiếp Vân Đài dưỡng bệnh tại Lô Sơn, tôi bèn vượt quyền tiếm phận, lo toan những chuyện trình bày, ấn hành v.v.. Do thỏa lòng mong mỏi của tôi, ông Nhiếp Vân Đài bèn vui vẻ giảo định và gom góp tiền bạc để khắc in rộng rãi. Lần đầu in hai vạn bộ, nay lại dùng loại giấy in báo, in một bản với kiểu chữ Tứ Hiệu Tự[307] để mong cho giới thanh niên học sinh đều mua đọc được. Hai loại sách này mỗi thứ đều cho đánh máy thành ba bản, tận hết sức chắc cũng in được mấy chục vạn bộ, khiến cho người đời đều biết nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai. Do vậy sẽ giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ngõ hầu thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui sẽ trở thành sự thật, chứ không phải chỉ là niềm hy vọng suông.

14. Lời tựa sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Con người tánh vốn lành, do đối cảnh chạm duyên nhưng chẳng ra sức kiểm điểm xem xét, cho nên khởi lên các chấp trước tốt xấu, đủ mọi thứ tình kiến khiến bản tánh bị mai một, đều luôn là như thế. Do vậy, những vị thánh nhân thời cổ vị nào cũng để lại ngôn giáo, mong cho con người hành theo để trở lại thuần thiện như thuở ban đầu. Những lời dạy ấy tuy nhiều, nhưng chẳng ngoài "cách vật trí tri, làm sáng tỏ minh đức, ở yên nơi sự tốt lành tột cùng" mà thôi.

Trong chữ "cách vật" vừa nói đó, "cách" (格) giống như "cách đấu" (格鬬: trừ khử, chiến đấu), giống như một người chống lại muôn người; "vật" (物) là phiền não, vọng tưởng, mà cũng là cái được gọi là "nhân dục" (lòng ham muốn

[307] Một kiểu chữ cỡ lớn vừa phải, tương đương với font chữ size 24 trong Microsoft Word.

của con người) trong cõi đời. Chiến đấu với lòng nhân dục vọng tưởng phiền não, ắt một phen phải đầy đủ ý chí chẳng khiếp nhược thì mới có hiệu quả thật sự. Nếu không, tâm bị chuyển theo vật, làm sao trừ khử vật cho được? "Trí" (致) có nghĩa là thúc đẩy, mở rộng đến cùng cực. "Tri" (知) chính là lương tri "yêu thương cha mẹ, kính trọng anh" sẵn có của chúng ta, chứ không phải do dạy dỗ, do học hành rồi mới có. Nhưng thường nhân trong xử sự thường ngày, nếu chẳng phản tỉnh, soi xét, kiểm điểm thì từ đấy sẽ bị vật chuyển, chắc là lương tri "yêu thương cha mẹ, kính trọng anh" ấy cũng bị mất đi, còn mong chi thúc đẩy lương tri ấy đến cùng cực để đối phó khắp vạn sự, hàm dưỡng tự tâm nữa ư? Do vậy, thánh nhân muốn con người làm sáng tỏ minh đức, ở yên nơi chỗ tốt lành tột cùng, bèn dạy con người chỗ thực hiện đầu tiên chính là trước hết phải khởi sự từ cách vật trí tri. Công phu vừa nói ấy mầu nhiệm không chi hơn được!

Nhưng muốn cho thường nhân y theo đó tu trì, phải có khuôn phép đã hoàn chỉnh thì mới dễ được lợi ích. Ngũ Kinh, Tứ Thư đều là những khuôn phép đã hoàn chỉnh, nhưng do lời lẽ mênh mông, lại còn rải rác trong các sách, chẳng được tập hợp lại chia theo từng loại, hơi khó để bắt chước theo. Kẻ chưa đọc nhiều sách càng chẳng thể nhờ vào đâu để vâng theo những khuôn mẫu ấy. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên thâu tóm những lý lẽ tột cùng "thuận theo chánh đạo thì tốt lành, trái nghịch thì xấu, phước thiện họa dâm", thốt ra lời nghị luận rung trời rúng đất, mắt nhìn vào, tâm kinh hãi: "Thế nào là thiện? Thế nào là ác? Kẻ làm lành sẽ đắc thiện báo nào? Kẻ làm ác sẽ mắc ác báo nào?" đều thấy rõ cội nguồn sáng tỏ như xem ngọn lửa; nhưng kẻ ngu chẳng chịu làm lành, cứ mặc tình làm ác! Ấy là vì cái tâm tự tư tự lợi xui khiến như thế. Nay biết, kẻ tự tư tự lợi đâm ra sẽ đánh mất lợi ích lớn lao, mắc họa ương lớn lao, há dám chẳng gắng sức lương thiện để mong họa diệt, phước nhóm ư? Do vậy bèn nói rằng, sách này tạo lợi ích cho con người cũng sâu xa lắm. Vì thế, bậc đại Nho thời cổ phần nhiều đều ngầm tu tập theo sách này.

Đời Thanh, ông Bành Ngưng Chỉ ở Trường Châu phụng hành sách này từ bé, đến lúc vinh hiển đậu kỳ thi đình, đạt đến địa vị thượng thư rồi mà vẫn hằng ngày đọc sách này, lại còn đem tặng người khác, ghi tựa đề là Nguyên Tể Tất Độc Thư (sách phải đọc của trạng nguyên, tể tướng). Lại còn giải thích rằng: "Chẳng có nghĩa là đọc sách này liền có thể làm trạng nguyên, tể tướng, mà nghĩa là trạng nguyên, tể tướng nhất quyết không thể không đọc sách này!" Sự nêu tỏ ý nghĩa ấy có thể nói là thấu triệt đến tột bậc! Nhưng "người nhân thấy là nhân, kẻ trí thấy là trí", đều tùy theo tánh chất của từng người. Sách này luận đến tột cùng thì chỉ có thể thành tiên. Nếu dùng tâm đại Bồ-đề để thực hành sẽ có thể siêu phàm nhập

thánh, liễu sanh thoát tử, đoạn tam hoặc, chứng pháp thân, viên mãn phước tuệ, thành tựu Phật đạo; huống hồ cứ khăng khăng nơi những quả báo nhỏ nhoi trong cõi trời người như thành tiên ư?

Sách này được chú giải rất nhiều, chỉ có bản Tiên Chú của Nguyên Hòa Huệ Đống[308] đời Thanh tinh xác, sâu xa, rộng rãi, thông suốt nhất, tiếc rằng nếu chẳng phải là hạng học rộng sẽ không thể đọc nổi. Kế đến là bộ Vựng Biên quả thật là bản hay nhất để người nhã, kẻ tục đều cùng xem được, nhưng đàn bà, trẻ nít không thông thạo chữ nghĩa lắm thì vẫn khó thể lãnh hội được. Chỉ có mỗi một cuốn Trực Giảng là có thể lợi ích trọn khắp, lời văn tuy nông cạn, dễ hiểu, nhưng từ ngữ thật hay đẹp, giản dị nhưng không thô thiển, dễ cảm động con người nhất. Cư sĩ Hương Đào bỏ ra một ngàn đồng ấn hành để lưu thông rộng khắp. Cũng có những người cùng chí hướng đều giúp sức, nguyện cho cuốn sách này được phổ biến trọn khắp vũ trụ, ngõ hầu người người tu thập thiện, nhà nhà tôn sùng hiếu đễ. Biết họa phước chỉ do con người tự chuốc lấy, thiện hay ác đều có báo ứng thì có ai còn chịu làm ác để chuốc họa nữa đây? Phong tục ấy vừa được lưu hành thì điều thiện sẽ có thiện báo: lễ nghĩa, nhân nhượng sẽ hưng thịnh, can qua vĩnh viễn chấm dứt, nhân dân yên vui, thiên hạ thái bình. Nguyện những ai có tài lực hay trí lực hoặc in rộng rãi sách này để lưu truyền, hoặc thuyết pháp để giảng diễn khiến cho những kẻ chưa đánh mất bản tánh sẽ càng thêm thuần chân, kẻ đã mất bản tánh sẽ mau khôi phục cái tánh ban đầu. Hành vi ấy có công đức há thể diễn tả được ư?

15. Lời tựa sách Sức Chung Tân Lương

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, phàm thánh như một. Do Phật rốt ráo ngộ được tâm này nên triệt chứng Niết-bàn, chúng sanh do rốt ráo mê cái tâm này nên luân hồi sanh tử dài lâu. Nghĩ lại từ vô thủy đến nay, bọn chúng sanh ta và đức Thích-ca Thế Tôn cùng là phàm phu, cùng chịu nỗi khổ sanh tử dữ dội. Đức Thế Tôn do tự phát khởi hùng tâm, trọn đủ sức đại hùng mãnh, tu ròng giới định tuệ, nên đoạn trọn vẹn tam hoặc, hai thứ tử (biến dịch và phần đoạn) vĩnh viễn mất, an trụ trong tam đức bí tạng, phổ

[308] Huệ Đống (1697-1758), tự Định Vũ, hiệu Tùng Nhai, là một nhà kinh học gia (chuyên gia nghiên cứu kinh truyện) đời Thanh, người huyện Nguyên Hòa (nay là Ngô Huyện, Tô Châu), tỉnh Giang Tô, nên thường được gọi là Nguyên Hòa Huệ Đống. Ông nội Huệ Đống là một nhà nghiên cứu kinh Dịch rất nổi tiếng thời ấy, cha Huệ Đống cũng là một nhà nghiên cứu cổ thư rất nổi tiếng. Ông chống đối cách giải thích kinh điển theo quan điểm Tống Nho, chủ trương để hiểu cổ thư phải đọc thẳng vào kinh điển, đừng dựa dẫm theo cách giải thích xuyên tạc, thiên kiến của Tống Nho.

độ quần manh thuộc chín giới. Luận về thời kiếp, dù có dùng hết số vi trần trong một cõi nước cũng chẳng thể tính toán được, luận về pháp môn thì cạn hết biển mực vẫn khó chép được.

Trong thời kiếp ấy, ban sự pháp hóa này, bọn chúng sanh ta há chẳng nghe pháp tu hành, muốn chứng được tâm này trong một đời hay sao? Chỉ vì phiền hoặc sâu dày, không sức nào đoạn trừ được, hễ thọ sanh lần nữa lại bị mê mất. Cũng như do chưa gặp được pháp cậy vào Phật từ lực để vãng sanh ngay trong đời này, hoặc do tu pháp này nhưng tự lực mỏng yếu, không người giúp đỡ, hoặc tuy tự lực sung túc nhưng lâm chung bị quyến thuộc lắm cách phá hoại. Do đấy trải cả kiếp dài lâu, luân hồi sanh tử. Dẫu được Phật giáo hóa, vẫn y như cũ uổng mang cái tâm chẳng khác gì tâm Phật, nhưng chẳng thể chứng được quả chân thường giống như đức Phật. Trên đã cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới phụ bạc tánh linh của chính mình. Mỗi phen nghĩ đến, ngũ tạng[309] như lửa đốt.

Nay may được nghe đức Như Lai vì thương xót chúng sanh thuở mạt kiếp không có sức đoạn hoặc, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ để hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này vãng sanh Tây Phương: kẻ đã đoạn hoặc sẽ cao đăng Bổ xứ, kẻ vẫn còn đầy dẫy phiền não cũng dự vào dòng thánh. Thật là một pháp môn đặc biệt trong suốt cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều thâu tóm. Trên là bậc Đẳng giác Bồ-tát còn chẳng thể vượt ra ngoài pháp môn này được, dưới là phàm phu ngũ nghịch thập ác cũng có thể dự vào trong số ấy. Vì thế pháp môn này được mười phương cùng khen ngợi, chín giới cùng tuân hành. Huống hồ bọn phàm phu chúng ta bỏ đi pháp này thì lấy đâu để nhờ cậy?

Gần đây đời đã loạn đến cùng cực, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Người có chánh tri kiến đều biết thế giới này là nơi không yên ổn, thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là quê nhà ta sẵn có. Do vậy tính kế trở về nhà, cùng tu tịnh nghiệp. Lại sợ khi lâm chung tự lực mỏng yếu, không ai phụ trợ, và bị quyến thuộc vô tri phá hoại chánh niệm đến nỗi vẫn lưu lại trong thế giới này, chẳng được vãng sanh. Do vậy mọi người đề xướng chuyện trợ niệm hòng phụ trợ kẻ lâm chung. Như các hội Phật học ở Thiệu Hưng, Dư Diêu, Vân Nam, Thượng Hải hoặc soạn định chương trình, hoặc xiển dương sự lợi hại, đều nhằm mong sao người mạng chung chắc chắn được sanh về Tây Phương mới thôi. Tâm ấy, chuyện ấy thật đáng khâm phục!

[309] Nguyên văn "ngũ nội", tức là một danh xưng khác của ngũ tạng, tức tim, gan, lá lách, phổi, thận.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh vẫn sợ những chương trình ấy quá giản lược, rất có thể người ta chẳng lưu ý, bèn tuyển chọn những điểm hay nhất của chương trình các nơi và các ngôn luận, lại còn chọn lọc những bài văn nêu rõ lẽ lợi hại lúc lâm chung của xưa nay và những câu chuyện vãng sanh do được trợ niệm gần đây, biên soạn thành bốn thiên. Thiên đầu tiên là Sức Chung Chương Trình (chương trình trợ niệm cho kẻ lâm chung), thiên thứ hai là Sức Chung Ngôn Luận (những bàn luận về việc trợ niệm cho kẻ lâm chung), thiên thứ ba là Dự Tri Lợi Hại (biết sẵn những điều lợi hại), thiên thứ tư là Sức Chung Thật Hiệu (hiệu quả thật sự do trợ niệm lúc lâm chung), đặt tên cho cả tập sách là Sức Chung Tân Lương (những hướng dẫn về việc trợ niệm khi lâm chung), và xin Quang viết lời tựa.

Quang đã ở vào tuổi bảy mươi, học chẳng thành được gì, trộm sợ một hơi thở ra không hít vào được sẽ lại bị luân hồi trong sáu nẻo thì khổ chẳng thể nào tưởng tượng được. Do vậy bèn giấu tung tích, ẩn dật lâu dài, chuyên tu tịnh nghiệp, ngõ hầu chẳng đến nỗi thường luôn khuyên người khác mà ngược lại chính mình chẳng có phần, khiến cho kẻ vô tri do đấy sẽ báng pháp rồi đọa ác đạo. Trước lúc bế quan, nhận được thư của ông ta, lòng khôn ngăn cảm động, bèn nêu đại lược đại ý của pháp môn Tịnh độ và lợi ích của sự trợ niệm, mong sao những người học Phật trong cõi đời ai nấy đều chú ý, ngõ hầu thỏa thích lớn lao bản hoài phổ độ chúng sanh của đức Như Lai cũng như nhằm để làm chín muồi cái nhân thù thắng đã được vun bồi từ nhiều kiếp.

16. Lời tựa bộ Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Quán Thế Âm Bồ-tát thệ nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn, vì thế phân thân trong các cõi nhiều như số vi trần, tùy loại hiện hình, tầm thanh cứu khổ độ thoát chúng sanh, nhưng đối với thế giới Sa-bà, ngài lại càng nghĩ thương xót trọn khắp, tha thiết cứu vớt chẳng sót. Huống chi trong những năm gần đây, nhân dân hằng ngày gặp cảnh hoạn nạn, dù muốn trốn tránh quả thật cũng không có chỗ nào để lánh mình được, mà cũng chẳng có cách nào trốn lánh được, bởi thế đạo nhân tâm gần đây đã bại hoại đến cùng cực. Ngay như đại ân sanh thành, nuôi dạy của cha mẹ, vẫn cứ công khai đề xướng bỏ đi lòng hiếu và coi giết hại cha mẹ là chuyện đại nghĩa diệt thân. Người dân sống trong cõi đời này chẳng đáng thương ư? Do vậy, phàm những ai có chánh tri kiến không ai chẳng nghiên cứu Phật học, tu trì tịnh nghiệp để cầu thoát lìa đời ác ngũ trược này, mau được dự vào Liên Trì hải hội, ngõ hầu vĩnh viễn lìa mọi sự khổ, chỉ hưởng các sự vui.

Trong thời thế này, Quán Thế Âm Bồ-tát đặc biệt dấy lên lòng đại từ vô duyên, vận lòng đại bi đồng thể, trong đủ mọi khổ nạn, rủ lòng nghĩ nhớ, bảo vệ che chở. Xưng hồng danh của ngài gặp dữ sẽ hóa lành, gặp nạn lại trở thành điều may mắn, làm sao kể xiết? Những sự tích Bồ-tát cảm ứng đã được ghi chép thấy rải rác khắp các sách. Những sách chuyên ghi chép thì có bộ Quán Âm Từ Lâm Tập của ngài Hoằng Tán, Quán Âm Trì Nghiệm Ký của ông Chu Khắc Phục[310], Quán Âm Linh Cảm Lục của ông Vưu Tích Âm, Quán Âm Bổn Tích Tụng của ông Hứa Chỉ Tịnh, Quán Âm Linh Nghiệm Kỷ của ông Nhiếp Vân Đài, đều là những sách do được thấy nghe rồi bèn ghi lại.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh lại tổng hợp từ tất cả các sách nói trên soạn thành một tác phẩm, đặt tên là Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục, có thể gọi là tập hợp tất cả những chuyện linh cảm của đức Quán Âm, là chỗ y cứ cho hết thảy những người tín phụng, trì niệm. Tuy nhiên cần phải biết vì sao đức Quán Âm có thể linh cảm như thế? Ấy là vì ngài xoay được tánh nghe để nghe nơi tự tánh và chiếu soi ngũ uẩn đều không. Đọc bộ sách này rồi, có thể chí thành khẩn thiết niệm hồng danh của Đại sĩ Quán Âm, niệm đến khi niệm cực tình vong thì bản thể của hết thảy phiền não ác nghiệp đều là không, ngó lại hết thảy cảnh duyên sướng khổ đều là chẳng thể được. Trong cái "chẳng thể được" ấy, chẳng ngại gì hưng lòng từ, vận lòng bi, tùy cơ tiếp dẫn, lấy tâm của đức Quán Âm làm tâm mình, lấy sự nghiệp của đức Quán Âm làm sự nghiệp của mình, làm cho khắp hết thảy chúng sanh đang chịu khổ cùng được gội ân trạch của đức Quán Thế Âm, để rồi trong đời vị lai sẽ cùng hành đạo Quán Thế Âm xoay vần cứu độ vậy.

17. Lời tựa cho Địa Tạng Bồ-tát Bổn Tích Linh Cảm Lục

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Địa Tạng Bồ-tát thệ nguyện rộng sâu, tuy đã chứng cùng tột pháp tánh từ lâu, nhưng vẫn chẳng trụ Tịch quang, chẳng chứng Phật quả, do lòng đại từ bi tùy loại

[310] Quán Âm Từ Lâm Tập được ngài Hoằng Tán biên soạn vào năm Khang Hy thứ bảy (1668), được đưa vào tập 149 của Vạn tục tạng, gồm ba quyển. Quyển Thượng trích lục những kinh điển trọng yếu về bổn địa của ngài Quán Âm như Bi Hoa, Quán Thế Âm Đại Thế Chí Thọ Ký, Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương, Thỉnh Quán Thế Âm Bồ-tát Tiêu Phục Độc Hại Đà-la-ni v.v.. Quyển trung và hạ chép 154 câu chuyện cảm ứng ở Ấn Độ và Trung Hoa từ đời Tấn đến đầu đời Thanh.

Quán Âm Kinh Trì Nghiệm Ký gồm hai quyển do Chu Khắc Phục soạn vào năm Thuận Trị 16 (1659), còn có tên là Quán Thế Âm Kinh Chú Trì Nghiệm Ký, được xếp vào tập 134 của Vạn tục tạng. Nội dung bao gồm 118 câu chuyện cảm ứng do trì chú Đại Bi, xưng danh hiệu ngài hay tụng trì phẩm Phổ Môn v.v.. Cuối sách lại còn chép các bài kinh như Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà-la-ni (do ngài Bất Không dịch), kinh Bạch Y Đại Bi Ngũ Ấn Tâm Đà-la-ni, Lễ Quán Âm Văn và một chương sách giải trừ những điều ngoa truyền về đức Quán Âm.

hiện thân độ thoát hữu tình trọn khắp các cõi nước nhiều như số vi trần. Ngài lại còn thường ở trong chốn u minh nhằm cứu bạt chúng sanh tội khổ cực nặng trong địa ngục. Do Bồ-tát xưa kia từng phát đại nguyện: *"Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ-đề, địa ngục vị không thệ bất thành Phật"* (Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ-đề, địa ngục chưa trống không thề chẳng thành Phật). Ấy là vì tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của Phật chẳng hai, do mê muội nên đối với chân thường lầm sanh mê hoặc, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm đến nỗi luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Lúc sanh vào trời người thì ít, khi đọa tam đồ lại nhiều. Bồ-tát riêng rủ lòng từ mẫn, nhiều cách cứu vớt, mong sao chúng sanh sẽ bỏ vọng về với chân, trừ mê được ngộ, để khôi phục lại chân như Phật tánh sẵn có mới thôi. Ví như bảo châu ma-ni[311] vô giá, rớt trong nhà xí, kẻ ngu coi như đồ dơ, chẳng thèm mến tiếc. Người trí biết là bảo châu vô giá, vào nhà xí nhặt lấy, gột trừ phân dơ, dùng nước thơm gột rửa, treo trên tràng cao, tỏa sáng chiếu trời soi đất, mưa ra khắp đủ mọi thứ báu. Tâm tánh của chúng sanh cũng giống như vậy, tuy còn mê muội tạo nghiệp, đọa lạc trong ác đạo, nhưng chân như Phật tánh sẵn có vẫn trạm tịch thường hằng, bất sanh bất diệt, trọn chẳng có tướng biến đổi, tổn thất. Vì thế, bất luận kẻ nghiệp nặng tội sâu đến đâu, tâm Bồ-tát trọn chẳng có một niệm vứt bỏ, đối với chúng sanh khổ sở nhất càng riêng rủ lòng thương xót hơn, gấp gáp muốn độ thoát hơn.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh cảm lòng từ bi của Bồ-tát, tiếc cho chúng sanh mê muội, do vậy bèn dùng thể văn bạch thoại, biên soạn trình bày những chuyện thuộc về mặt bổn lẫn mặt tích của Bồ-tát. Lại sao lục 18 chương sự tích cảm ứng của ngài từ Tục tạng của Nhật Bản, cho ấn hành lưu thông, mong sao hết thảy hữu tình đều biết Bồ-tát từ vô lượng kiếp đến nay khởi lòng từ, vận lòng bi, ngõ hầu hết thảy chúng sanh được thoát khỏi sanh tử, chứng được Phật tánh vốn có. Từ đấy chúng sanh đều quy mạng, cung kính, cúng dường, xưng niệm hồng danh để được nương cậy, được thoát khỏi cõi ngũ trược này, sanh sang cõi sen chín phẩm kia, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, lấy tâm Bồ-tát làm tâm của chính mình, lấy sự nghiệp của Bồ-tát làm sự nghiệp của chính mình, ngõ hầu chẳng cô phụ sự giáo

[311] Ma-ni (mani) gọi đủ là chân-đà-ma-ni (cintāmani), còn được phiên âm là chấn-đà-mạt-ni, dịch nghĩa là bảo châu như ý, châu như ý, hoặc ma-ni như ý, bảo vô giá, đều có nghĩa là một viên ngọc quý có thể thỏa mãn mọi ước vọng. Kinh luận chép có nhiều loại ma-ni, chẳng hạn như luận Đại Tỳ-bà-sa nói có 102 loại ma-ni như ma-ni Quang Minh, ma-ni Thanh Thủy, ma-ni Phương Đẳng, ma-ni Nguyệt Tràng, ma-ni Diệu Tạng, ma-ni Đại Đăng v.v.. Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập nêu tên của 47 loại ma-ni như ma-ni Tỳ-lăng-già, ma-ni Phạm Thiên Quang Tràng v.v.. Pháp tướng Thiên Thủ Thiên Nhãn của đức Quán Âm cũng cầm hai viên ma-ni: ma-ni Nhật Tinh và ma-ni Nguyệt Tinh.

hóa của đức Phật, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình mà thôi. Do vậy tôi bèn viết duyên khởi để thưa với những bậc thông sáng mai sau vậy.

18. Lời tựa sách Quán Âm Cảm Ứng Khóa

Tâm Quán Thế Âm Bồ-tát nghĩ thương chúng sanh, chẳng thể dùng ngôn ngữ để hình dung được. Dẫu lấy trời đất, cha mẹ, vẫn chưa đủ để sánh ví chút phần! Làm cho kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa độ thoát, liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát. Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa ban ngày, muôn vật đều được chiếu tỏ. Xuân về trên lãnh thổ vua Vũ, trăm loài thảo mộc đều được sanh thành. Có cảm liền thông, không chuyện mưu cầu gì chẳng ứng. Ấy là vì Bồ-tát vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm của chính ngài, nên hễ khắp pháp giới cảm, liền ứng khắp pháp giới, đều đáp ứng tâm niệm của họ trọn chẳng sai biệt. Quán Âm Cảm Ứng Khóa[312] là phương tiện mầu nhiệm lớn lao thuận theo thói đời để bói tốt xấu ngõ hầu cùng gieo thiện căn. Phàm những người xem bói đều phải xưng niệm danh hiệu Bồ-tát. Như trẻ nhỏ bị bệnh chẳng chịu uống thuốc, bèn bôi thuốc lên vú, thì trẻ nhỏ không uống thuốc mà vẫn uống thuốc[313]. Danh hiệu của Bồ-tát như *hương phản hồn*, nếu được thấy nghe, túc nghiệp tự tiêu, túc thiện (sự lành trong đời trước) sẽ tự sanh, dần dần cho đến trên là noi theo chí hướng, sự nghiệp của đức Quán Âm, rốt ráo tự lợi lợi tha nơi vô ký. Sách này do cư sĩ Từ Tích Dư và phu nhân tìm được cổ bản thuộc đời Minh trước kia, đem in thạch ấn một ngàn quyển để kết tịnh duyên. Tôi bèn lược thuật ý nghĩa Bồ-tát hành lòng từ như vậy đó.

19. Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh độ rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không. Hết thảy các pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy các hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Người thiên tư thông minh thường vì tưởng lầm pháp này sự giản dị, lý tầm thường nên chẳng bỏ công xét kỹ, chẳng những chính mình không tu tập, lại còn thốt lời bàn luận, ngăn trở, phá hoại, bài xích người khác tu trì, nhằm tỏ vẻ chính mình cao minh. Điều này đúng là *"biến quán lục hợp nhi bất kiến lai mao"* (thấy trọn vũ trụ nhưng chẳng thấy được sợi lông nơi khóe mắt), biết trọn các pháp nhưng chẳng biết chính mình thế trí biện thông, tự coi mình Tông - Giáo đều thông, đức Phật gọi kẻ ấy là kẻ đáng

[312] Quán Âm Cảm Ứng Khóa là tên gọi khác của Quán Âm Linh Thiêm, tức Xăm Quán Âm.
[313] Đây là một ví dụ được nói trong kinh Niết-bàn nhằm diễn tả phương tiện độ sanh thiện xảo của hàng đại Bồ-tát.

thương xót! Họ chẳng nghĩ chỗ quy tông của kinh Hoa Nghiêm là cầu sanh Tịnh độ, Văn-thù, Phổ Hiền thảy đều phát nguyện vãng sanh. Những vị ấy là người như thế nào, chuyện ấy là chuyện như thế nào? Dẫu bọn ta có hiểu được chút giáo nghĩa, nhưng phiền hoặc chưa đoạn, sanh tử chưa giải quyết xong, hễ trải qua một phen biến đổi sanh sang kiếp sau, há có thể chẳng mê mất được ư? Chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Nguyên do đức Như Lai đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ này là nhằm làm cho thượng thánh hạ phàm đều cùng thoát được sanh tử ngay trong đời này. Huống chi hai vị Đại sĩ kia thành Phật đã lâu, thị hiện thuộc địa vị Đẳng giác, lấy thân làm gương cho kẻ khác phát nguyện cầu sanh, ta là hạng người nào mà dám chống đối các vị ấy?

Nghĩ kỹ như thế, chắc chắn sẽ nhanh nhảu thay đổi, tuân theo giáo huấn phổ độ thánh phàm của đức Như Lai, noi theo Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Viễn công, Trí Giả, Thiện Đạo, Vĩnh Minh v.v. các vị đại Bồ-tát, tổ sư mà nhất trí tiến hành, dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, ngõ hầu viên mãn Phật quả, làm bậc đại trượng phu rốt ráo. Ai chịu cam lòng nhường đại lợi ích này cho người khác, rồi tự mình ở yên trong nhà lửa tam giới, thường bị thiêu đốt vậy thay? Từ khi đại pháp được truyền sang phương Đông, người đích thân chứng được tam-muội, đắc đạo, vãng sanh trong hiện đời và kẻ đầy dẫy phiền hoặc cậy vào Phật từ lực được mang nghiệp vãng sanh kể sao cho xiết?

Trong thời Càn Long đời Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh sai cháu trai là Hy Tốc tập hợp, sao lục những câu chuyện vãng sanh Tịnh độ, đầu tiên thuật chuyện Phật Di-đà nhằm chỉ rõ đấng giáo chủ lập ra pháp môn này. Kế đến là Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền v.v. nhằm tỏ rõ thánh chúng xiển dương pháp môn này. Tiếp đó là tỳ-kheo tăng ni, vua chúa, quan lại, thường dân, nữ nhân, các loài vật vãng sanh, nhằm kể ra tứ chúng vãng sanh Tịnh độ, tổng cộng hơn 500 người, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Đấy chính là bộ Sơ Biên. Trong số ấy dù thánh hay phàm, dù trí hay ngu, đều cùng vào trong biển đại thệ nguyện của đức Như Lai, rồi dần dần chứng được sự vui sướng trong cõi Thường tịch quang. Nhìn từ chỗ này thì biết pháp môn Tịnh độ dường như biển cả dung nạp khắp mọi dòng chảy, cũng giống như thái hư bao hàm khắp vạn tượng, chúng sanh trọn khắp pháp giới không một ai chẳng được nhiếp vào đây. Các pháp trong khắp cả pháp giới đều do pháp môn này mà đắc thật tế, bởi nó là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, là đạo tổng trì trọng yếu của ba đời chư Phật.

Đến cuối niên hiệu Đạo Quang, cư sĩ Liên Quy Hồ Đĩnh tập hợp hành trạng của những vị vãng sanh sau thời Càn Long được hơn một trăm mấy chục người,

soạn thành sách đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục Tục Biên. Vào đời Hàm Phong - Đồng Trị, giặc giã tràn lan, người đề xướng ít ỏi, gần như quạnh quẽ. Gần đây thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, phàm những ai có con mắt thông suốt, mang lòng cứu đời, không ai chẳng đề xướng nhân quả báo ứng và pháp tín nguyện niệm Phật. Người có chánh tri kiến, không ai chẳng thuận theo chiều gió. Vì thế trong mấy chục năm qua lại tập hợp được chuyện vãng sanh của hơn 200 người nữa, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục Tam Biên. Bản thảo này do thầy Đức Sâm biên tập, nay đã sắp chữ xong. Vì thế tôi thuật duyên khởi.

Khi xưa không có thuyền máy, xe lửa, bưu cục, tòa báo, tuy từng địa phương ở sát cạnh nhau nhưng thường chẳng hay biết, cho nên thời cổ pháp đạo hưng thạnh lớn lao, nhưng số người vãng sanh được ghi chép lại trong một ngàn mấy trăm năm chỉ được mấy trăm người mà thôi! Một là vì thiếu ghi chép, hai là vì sách vở xưa thất lạc. Nếu mọi chuyện đều tiện lợi như ngày nay, dẫu cả mấy chục vạn vẫn là chưa nhiều. Người đọc chớ nên đem xưa để luận nay, nghĩ chưa chắc đã đều là chuyện thật; mà cũng đừng dùng nay luận xưa, cho là pháp khi xưa chẳng hưng thịnh lớn lao. Hãy thử nghĩ ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiếu Khang tại Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp nẻo đường, những người vãng sanh đương nhiên chẳng phải chỉ có trăm ngàn vạn ức. Nay thì xa cách ngàn dặm, sáng vừa gởi đi, tối đã đến, lại thêm bưu điện, báo chí, vì thế tuy ngoài ngàn dặm thảy đều biết được liền. Nhưng vẫn còn nhiều người vãng sanh chưa được ghi chép, nếu mỗi chuyện đều chép, quả thật còn nhiều hơn thế nữa! Nguyện người trong khắp cõi đời, ai nấy đều lấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành làm nền tảng, lấy "thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" để tu trì, thì sống sẽ là bầu bạn của thánh hiền, thác sẽ vào cõi nước của Như Lai, lợi ích ấy nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể nào biết được. Nguyện khắp những ai thấy nghe đều gắng công!

20. Lời tựa cho sách Trùng Đính Tây Phương Công Cứ

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Sách Tây Phương Công Cứ lưu truyền trong cõi đời đã lâu, tuyển chọn sao lục những ngôn luận hoặc tỉ mỉ hoặc giản lược khác nhau, có bản xếp kinh Di-đà, chú Vãng Sanh vào đầu sách, cũng có bản chẳng chép. Nhưng bên trong có in hình Tam Thánh, đài sen chín phẩm, trên đài sen có những vòng tròn để người niệm Phật chấm vào đấy hòng ghi nhớ số câu đã niệm thì các bản in đều giống nhau. Đa số các bản in, với mỗi đài sen thuộc chín phẩm đều vẽ một tượng Phật. Tiếp đó chọn lọc những khai thị thiết yếu xưa nay và những sự tích rõ ràng, ngõ

hầu người đọc sanh lòng tín nguyện quyết định, chắc chắn nhờ vào đó để vãng sanh. Dụng ý sâu đậm, chu đáo làm sao, nhưng do niệm xong, hoặc do người niệm đã khuất, bèn đốt đi, thật cảm thấy mắc lỗi hủy hoại kinh tượng. Một cuốn sách tốt đẹp lợi người rốt cuộc bị phó cho ngọn lửa, chẳng những uổng phí một món vật quý báu, lại còn chẳng thể lợi lạc rộng khắp. Nếu giữ lại để truyền cho đời sau thì do khuyên chấm đen đúa, lem luốc, khó gợi hứng thú cho người đọc được. Suy đi nghĩ lại, thật khó thể nào thích hợp!

Bạn tôi là Dật Nhân sắp xếp nội dung sách lại theo một thứ tự khác: Đầu tiên là kinh, chú, nghi thức niệm Phật. Kế đến liệt kê các khai thị rõ ràng, rộng rãi, giản dị, gần gũi từ xưa đến nay, rồi lại chú trọng đến cách thức trợ niệm khi lâm chung, ngõ hầu chẳng đến nỗi công lao niệm Phật sắp thành công lại bị quyến thuộc vô tri phá hoại. Tiếp đó là những giải thích đại lược về tam quy, ngũ giới, thập thiện, tứ đế, tứ liệu giản và một trăm bài ca tụng Phật hiệu để cho người sơ phát tâm biết đại lược ý nghĩa. Tu chỉnh thành một bản hòng giữ lại đọc vĩnh viễn. Cách thức dùng chín phẩm đài sen để ghi nhớ số câu đã niệm được in riêng thành một quyển, kèm theo cuốn chánh để giúp hành giả nhớ số rồi thiêu đi trong tương lai. Cách này rất hay, bèn cho ấn hành để biếu tặng rộng rãi, mong sao hết thảy những người cùng hàng đều được vãng sanh.

Phải biết lợi ích của pháp môn Tịnh độ nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể biết được! Do vậy trong hội Hoa Nghiêm, những vị Bồ-tát sau khi đã chứng Đẳng giác vẫn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh. Trong Quán kinh, kẻ ngũ nghịch thập ác lúc sắp đọa A-tỳ, niệm chưa đủ mười tiếng liền dự vào chín phẩm, quả thật có thể nói là mười phương ba đời hết thảy Như Lai, trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, không vị nào chẳng bắt đầu bằng pháp này và đến cuối cùng quy kết về pháp này. Nguyện khắp những người cùng hàng ai nấy đều sanh chánh tín.

21. Lời tựa cho bộ Phổ Đà Lạc Già Tân Chí

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian đều do thời tiết nhân duyên mà phát khởi, vì thế cổ đức nói: *"Thời tiết nhược chí, kỳ lý tự chương"* (Nếu đến thời tiết, lý sẽ tự được tỏ rõ), thật là đúng lắm! Quang vì tầm thường kém cỏi, trăm chuyện chẳng làm được một chuyện nào, ăn bám chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà 32 năm. Trước kia đọc Phổ Đà Chí thấy những điều được ghi chép đều là chuyện đạo tràng hưng suy và những chuyện tầm thường giống như vậy, còn đối với sự lý bổn tích

trong các kiếp xưa của Đại sĩ Quán Âm và nhân duyên cảm ứng nơi phương này thảy đều thiếu sót sơ sài, khôn ngăn người ta phải thở dài!

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ba vị cư sĩ Vương Thái Thần, Chu Hiếu Hoài, Trần Tích Châu tới núi thăm viếng. Ông Vương và ông Chu nói: "Phổ Đà là thánh địa đạo tràng của Đại sĩ Quán Âm, trong nước lẫn ngoài nước đều kính ngưỡng, cớ sao dẹp bỏ giảng tòa đã lâu, nỡ để cho pháp đạo tịch mịch vậy? Xin thầy hãy phát tâm giảng kinh, chúng con sẽ lo liệu chi dụng đầy đủ." Quang viện cớ kém cỏi cực lực chối từ. Ông Tích Châu liền nói: "Bộ Sơn Chí chưa được tu chỉnh đã lâu, bản in đã mờ mịt rồi, nếu thầy chịu sửa chữa, con sẽ cho khắc in." Quang nói:

- Chuyện ấy nào phải dễ dàng! Nếu theo như lệ cũ thì bậc văn nhân mới có thể làm được. Nếu đem sự tu chứng về mặt bổn lẫn mặt tích của Đại sĩ trong những kiếp xưa và sự tích cảm ứng nơi phương này mỗi mỗi đều lược thuật những nét chánh yếu khiến cho người đọc đều biết ân Đại sĩ trọn khắp các cõi nước số lượng nhiều như cát, lòng từ cứu vớt không ngằn mé, từ đấy phát khởi chánh tín, thân lẫn tâm đều quy y thì gần là được hưởng phước trong cõi trời người, xa là chứng quả Bồ-đề. Nếu không đọc trọn khắp Đại tạng, tham khảo trọn khắp các sách sẽ không thể làm được. Nếu chẳng tỏ rõ các sự lý cảm ứng về mặt bổn lẫn mặt tích của Đại sĩ sẽ trở thành bỏ chủ trọng khách, bỏ gốc lấy ngọn, có khác gì những sơn kinh thủy chí[314] tầm thường đâu? Làm sao có thể tỏ rõ Phổ Đà chính là đạo tràng ứng hóa của Đại sĩ, lại làm sao có thể tỏ rõ Đại sĩ chính là cha mẹ đại từ bi của chúng sanh trong pháp giới, có nhân duyên sâu đậm nhất đối với chúng sanh cõi Sa-bà? Nhưng Quang do túc nghiệp, đến nỗi tâm không hiểu biết, mắt gần như lòa, vẫn cần phải sám hối một hai năm, đợi khi nghiệp tiêu trí rạng, chướng hết, mắt sáng, sẽ chẳng tiếc thân mạng, gắng sức thành tựu. Nếu như nghiệp nặng, chẳng thể cảm ứng, trừ khử được nghiệp chướng, thì sẽ qua Giang Tây cầu cư sĩ Lê Đoan Phủ thay tôi lo liệu công việc này. Vị ấy học thông suốt cả Nho lẫn Thích, văn chương hơn người, ắt sẽ có thể nêu tỏ tấm lòng, sự tích từ bi của Đại sĩ được.

Năm sau, cư sĩ Từ Úy Như đem Văn Sao ấn hành, khiến cho những người không suy xét tường tận, tưởng lầm Quang là tri thức, từ đấy thư từ qua lại, hằng ngày chẳng rảnh rỗi. Giữa xuân năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông Đoan Phủ quy Tây, cái tâm đã phát trước kia rốt cuộc trở thành lời nói suông. Mùa xuân

[314] Sơn kinh thủy chí: những sách ghi chép về đặc điểm, lịch sử sông, núi.

năm Dân Quốc 11 (1922), Tri sự[315] huyện Định Hải là ông Đào Tại Đông lên núi, nói: "Sơn Chí lưu thông sẽ khiến cho người ta do tin tưởng, đổi dữ hướng lành, bỏ vọng về với chân, quả thật là nhiệm vụ trọng yếu căn bản để vãn hồi thế đạo nhân tâm, hãy nên gấp rút sửa chữa, tu chỉnh." Do ông Đào tâm hộ pháp tha thiết, lòng cứu thế ân cần, Quang liền cậy chủ nhân hai chùa Phổ Tế, Pháp Vũ khẩn khoản thỉnh ông Đào đích thân đảm nhiệm chuyện ấy. Ông Đào do việc công chẳng rảnh rỗi, bèn ủy thác một vị hương thân trong vùng là ông Vương Nhã Tam đảm nhiệm. Hết thảy sự việc cần thiết thì bên ngoài có ông Đào, trong núi có hòa thượng Khai Như đã về hưu[316] châm chước lo liệu. Do không rảnh rỗi nên Quang trọn chẳng hề hỏi đến. Năm sau ông Đào được thăng chức lên huyện Hàng, nhưng vẫn thư từ qua lại, bàn soạn lo liệu mọi sự. Nếu chẳng phải là do đời trước đã nhận sự phó chúc của Đại sĩ, há có thể được như thế chăng?

Thoạt đầu vừa bàn bạc về chuyện tu chỉnh Sơn Chí xong, chưa đầy một tháng thì cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh ở Bành Trạch tỉnh Giang Tây đến thăm, vừa gặp mặt đã trở thành bạn thiết. Quang thuật lại nỗi niềm trước kia, rồi đem chuyện soạn Đại Sĩ Tụng gởi gắm, ông ta liền nhận lời. Nếu không phải là Đại sĩ thầm rủ lòng gia hộ, há có dịp gặp gỡ như vậy hay chăng? Ông Hứa bèn tra duyệt, sưu tập trong khắp kinh tạng và các sách vở, mất cả hai năm mới hoàn thành bản thảo, soạn ra lời văn ca tụng gần đến hai vạn chữ, lại còn chú thích ý nghĩa liền ngay sau đó để người đọc đều biết rõ nguyên do. Lại còn trích lục các kinh để làm chứng cớ rõ ràng. Lời văn ca tụng gồm ba quyển, kinh văn trích dẫn để làm chứng gồm một quyển, tổng cộng hơn 370 trang, gởi tới Phổ Đà vào đầu hạ. Ý nghĩa bài tụng đã được trình bày trong lời tựa của ông Hứa, ở đây không nhắc lại nữa.

Thoạt đầu Quang muốn đặt cuốn này vào đầu bộ Sơn Chí, nay vì số quyển quá nhiều, bèn cho lưu hành riêng ngõ hầu được lưu truyền rộng khắp trong thiên hạ đời sau. Nếu in chung với Sơn Chí sẽ khó thể lưu hành rộng rãi được! (Về sau ông Đào thấy tụng văn cao trỗi, tuyệt diệu, bảo phải đặt vào đầu bộ Sơn Chí, bèn lược bớt lời chú thích và các dẫn chứng từ kinh điển, chỉ sao lục chánh văn, gộp chung thành một quyển, đặt tên là Bổn Tích Môn, tức quyển thứ nhất của bộ Sơn Chí). Nhưng Đại sĩ từ vô lượng kiếp đến nay, phân thân trong các cõi nước số nhiều như vi trần, cảm ứng dù bổn hay tích nếu không phải là đức Phật sẽ chẳng thể biết được. Mấy quyển tụng ấy bất quá là một hạt bụi trong đại địa, là một giọt

[315] Vào đầu thời Dân Quốc, chánh quyền đổi chức vụ Tri châu, Tri huyện thành Tri sự, nhưng chức trách vẫn là người đứng đầu ngành hành chánh một huyện.
[316] Nguyên văn là "thoái cư", tức là đã từng làm trụ trì, rồi nại cớ tuổi già xin thôi, không làm trụ trì nữa.

nước trong biển cả, để kẻ chẳng biết đến lòng đại từ bi sâu xa của Đại sĩ sẽ tạm biết đại khái. Từ đấy sẽ thẹn thùng xấu hổ, hào khí bừng bừng nói:

- Cái tâm của chúng ta và tâm Đại sĩ không hai, không khác, nhưng Đại sĩ viên thành Phật đạo đã trải kiếp lâu xa, lại do Bi tâm vô tận chẳng lìa cõi Tịch quang, hiện hình trong chín giới, hiện khắp các sắc thân độ thoát chúng sanh. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay luân hồi sáu nẻo, những kẻ được nhờ ơn Bồ-tát đích thân dẹp khổ ban vui, chẳng biết là bao nhiêu? Mãi cho đến ngày nay, ta vẫn còn là phàm phu, trên đã phụ bạc ân sâu Đại sĩ cứu vớt, dưới ruồng rẫy Phật tánh sẵn có của chính mình. Lặng im suy nghĩ, há chẳng thẹn đến chết ư? Ngài đã là trượng phu, ta cũng thế, chẳng nên tự khinh rồi lùi bước, thua sụt.

Do vậy chuyển phàm tình để dõi theo dấu thánh, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, dứt lòng tà, giữ lòng thành, sốt sắng làm các điều lành thế gian, kiêm tu tịnh nghiệp. Lâu ngày chầy tháng sẽ cùng được biến đổi. Bậc thượng sẽ liền có thể đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này; bậc hạ đến khi lâm chung, sẽ nương vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương. Được như thế thì ai nấy đều giữ vẹn lễ nghĩa, ai nấy biết nhân quả, tự nhiên can qua vĩnh viễn dứt, nhân họa vĩnh viễn diệt, mưa nắng đúng thời, quyến thuộc trời thường giáng xuống. Nhiệm vụ căn bản trọng yếu để vãn hồi thế đạo nhân tâm như ông Đào đã nói có phải là đấy hay chăng? Nguyện cho người thấy, kẻ nghe đều cùng phát tâm ngưỡng mộ Đại sĩ, gắng sức tu tập, may mắn vô cùng! Tán rằng:

Quán Âm thệ nguyện diệu nan tư,
Phó cảm ứng cơ bất thất thời,
Cứu khổ tầm thanh từ hấp thiết,
Hiện thân thuyết pháp nguyệt ấn trì,
Trần sát quốc trung hàm sự tế,
Sa-bà giới nội cánh thùy từ,
Thâm ân cùng kiếp mạc năng tán,
Ký mẫn quần manh phổ hộ trì.

(Quán Âm thệ nguyện diệu khôn lường,
Cảm ứng tùy cơ há trễ tràng,
Cứu khổ tầm thanh: từ hút sắt[317],
Hiện thân thuyết pháp: nước in trăng,
Cứu vớt muôn sự trần sát cõi.

[317] Từ hút sắt: nam châm hút sắt.

Sa-bà càng nặng tấm lòng từ,
Ân sâu hết kiếp khen sao trọn,
Che chở quần manh khắp xót thương.)

22. Lời tựa cho bản tu chỉnh Thanh Lương Sơn Chí

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Văn-thù Bồ-tát đạo chứng nhất chân, đức vượt trỗi Thập địa, nhập bí tạng tam đức, thường trụ trong Tịch quang, nhưng do lòng cứu khổ ân cần, niệm độ sanh thiết tha, nên chẳng lìa cõi Tịch quang, hiện thân trong các cõi nhiều như số vi trần, đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh. Ngài là thầy của bảy đức Phật, là mẹ của các Bồ-tát, đấy vẫn là những sự thuộc về tích môn. Luận về bổn địa, nếu chẳng phải là đức Phật sẽ không thể biết được. Dù trọn hết các cõi nhiều như số vi trần trong một cõi nước, không cõi nào ngài chẳng trụ, nhưng phàm phu chướng nặng không cách nào biết được diệu dụng, chiêm ngưỡng pháp phạm (khuôn mẫu về đạo pháp). Vì thế chẳng thể không vì kẻ sơ cơ bày ra một cuộc đất ứng hóa để họ có chỗ hướng về hòng gieo thiện căn xuất thế. Do vậy từ xưa đến nay, ngài cùng với một vạn Bồ-tát thường trụ tại núi báu Thanh Lương, diễn thuyết đạo nhất thật, đồng thời thị hiện đủ mọi thứ biến hóa thần dị chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho kẻ thiện căn chín muồi liền chứng chân thường, kẻ chưa chín muồi do đó sẽ được tăng trưởng.

Phải biết, Bồ-tát chẳng dấy niệm mà tùy cơ thị hiện thuyết pháp, trọn chẳng khác biệt gì! Như vầng trăng giữa trời, in bóng trong các chỗ có nước. Chẳng những sông to rạch lớn mỗi nơi đều hiện một vầng trăng, ngay cả một chước[318], một giọt cũng đều hiện một vầng trăng. Vầng trăng trong sông rạch, một người nhìn vào chỉ thấy một vầng trăng; trăm ngàn vạn người ở trăm ngàn vạn nơi nhìn vào, ai nấy cũng đều thấy một vầng trăng. Nếu con người đi qua phía Đông, trăng cũng theo sang Đông; nếu ai đi sang Tây, trăng cũng theo sang Tây; nếu con người đứng yên, trăng cũng bất động. Sắc pháp trong thế gian còn hay khéo như thế, huống là bậc Bồ-tát triệt ngộ duy tâm, viên chứng tự tánh, vận lòng bi đồng thể, khởi lòng từ vô duyên ư? Sợ những kẻ câu nệ hẹp hòi thấy tất cả những chuyện thần diệu trong Sơn Chí sẽ ôm lòng ngờ vực, cho nên mới bày tỏ căn cội. Hiểu được điều này thì đọc khắp kinh điển Đại thừa sẽ chẳng đến nỗi kinh nghi, sợ hãi, chẳng uổng công đọc bộ Sơn Chí này để làm phương tiện dẫn đường. Bộ

[318] Chước: Là một đơn vị đo lường thời cổ rất bé, bằng một phần trăm của một thăng. Do thăng thay đổi tùy theo thời đại nên ta có thể tạm hiểu chước chừng bằng 10ml.

Sơn Chí cũ được pháp sư Trấn Trừng[319] tu chỉnh vào thời Vạn Lịch nhà Minh nói chung rất hay, nhưng trong ấy có những lỗi chưa khảo cứu tường tận. Lúc ấy các vị Hám Sơn, Tử Bách, Diệu Phong đều là bạn thiết, chẳng những có quan hệ lớn lao với núi này, mà thật ra còn có quan hệ lớn lao với Phật pháp, thế đạo, nhưng trong Sơn Chí đều chẳng thuật truyện các ngài. Dưới thời Khang Hy đời Thanh, lại có người tu chỉnh, trọn chẳng tham khảo rộng khắp, đối với những phần văn tự quan hệ lớn lao lại mặc tình cắt xén, do vậy chẳng được lưu truyền. Nay y theo bộ Sơn Chí đời Minh, khảo cứu, hiệu đính, bổ túc, tu chỉnh đại lược mà thôi! Mùa xuân năm ngoái, một đệ tử là Lý Viên Tịnh nói:

- Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng, bốn đại Bồ-tát quả thật là chỗ nương cậy cho hết thảy chúng sanh. Thầy ở tại Phổ Đà từng thỉnh cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh soạn Quán Âm Bổn Tích Tụng, nêu rõ ân sâu đức nặng của ngài Quán Âm thật là chu đáo! Thầy lại còn sửa chữa bản Phổ Đà Chí do ông Vương Nhã Tam đã tu chỉnh, sao chẳng đem Sơn Chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa tu chỉnh đúng theo lệ ấy? Huống chi Thanh Lương Chí không thỉnh ở đâu được, nhưng thể tài còn khá, chứ Nga Mi Chí thì chỉ chú trọng đến thế núi, vẫn chẳng chú trọng nêu tỏ đạo của ngài Phổ Hiền. Cửu Hoa Chí càng đau lòng đáng than hơn nữa! Đang trong lúc thế đạo, lòng người suy yếu đến cùng cực này, cố nhiên càng phải khăng khắng sửa chữa cho lưu thông hòng làm căn cứ vãn hồi vậy.

Do vậy bèn quên mình hèn tệ, gắng sức theo đuổi, bèn thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh trình bày những nét chánh, còn việc tu chỉnh, sửa chữa do Quang đảm nhiệm. Việc giảo chánh, đối chiếu do thầy Đức Sâm lo. Nay đã hoàn thành bản thảo, dẫu chưa thể nêu tỏ lớn lao, nhưng cũng bổ túc không ít. Đối với những chuyện gần đây, do thân chẳng ở nơi ấy, lại tuổi đã "sáng không bảo đảm được chiều", cũng chẳng dám cậy người hỏi dò. Sợ chưa tập hợp được đầy đủ tài liệu mà người đã

[319] Trấn Trừng (1547-1617) là một vị danh tăng thuộc tông Hoa Nghiêm, pháp tự Không Ấn, thông minh từ nhỏ. Năm 15 tuổi xin xuất gia với Dẫn Công chùa Quảng Ứng ở Tây Sơn, chỉ ba năm sau được bổn sư hứa khả cho thọ cụ túc, chuyên học Tánh Tướng tông và kinh Hoa Nghiêm hơn 10 năm. Sau sư tham yết ngài Tiếu Nham được ấn khả thiền chỉ. Năm Vạn Lịch thứ 10 (1582), sư cùng ngài Hám Sơn Đức Thanh lập hội Vô Già tại Ngũ Đài, rồi ngồi nhìn vách suốt 3 năm tại lan-nhã Tử Hà mà đại ngộ. Năm Vạn Lịch 24 (1596), sư tu chỉnh Thanh Lương Chí, rồi cùng bạn là Tuyết Phong sáng lập Sư Tử Quật tại Ngũ Đài, dựng Vạn Phật Lưu Ly Tháp, giảng kinh Hoa Nghiêm, thính chúng rất đông, được thái hậu Từ Thánh ban tặng Đại tạng kinh. Tuân sắc chỉ của thái hậu, sư giảng bộ Lăng-nghiêm Chánh Quán do chính mình soạn tại chùa Thiên Phật ở Bắc Kinh, rồi giảng các kinh khác ở chùa Từ Ân. Ngoài các bộ sách kể trên, sư còn để lại Kim Cang Kinh Chánh Nhãn, Bát-nhã Chiếu Chân Luận, cũng như những bài giảng về Nhân Minh, Khởi Tín Luận, Nhiếp Luận, Vĩnh Gia Tập Chư Giải v.v.. Khi sư mất, chính ngài Hám Sơn viết lời minh đề trên tháp và còn chép bài minh ấy vào bộ Mộng Du Tập.

mất, đến nỗi trở thành chuyện nói suông. Vì thế để lại những chuyện gần đây cho bậc thông suốt đời sau tu chỉnh!

Nhớ năm Quang Tự 13 (1887) khi trước, tại núi Hồng Loa, xin nghỉ phép đi triều bái Ngũ Đài (tức tên khác của Thanh Lương), muốn thỉnh Thanh Lương Sơn Chí, tới xưởng lưu ly ở kinh đô, hỏi khắp các tiệm bán sách cũ thì chỉ tìm được một bộ, do vậy bèn mua về. Nay cho ấn hành lưu thông để người đời sau dễ tìm được hầu cởi gỡ mối tiếc nuối của chính mình thì may mắn nào hơn! Ngũ Đài tuy là đạo tràng của Văn-thù Bồ-tát, nhưng chưa hề thấy khi niệm danh hiệu Bồ-tát bèn cất lên lời tán tụng. Mùa hạ năm nay, một vị sư ở Hoa Nghiêm Lãnh là Tĩnh Thê xin tôi viết một bài tán để nghi thức niệm tụng được đầy đủ, bèn ghép thành tám câu gởi cho thầy ấy. Tán rằng:

Văn-thù Bồ-tát đức nan lượng,
Cửu thành Long Chủng Thượng pháp vương,

(Long Chủng Thượng Phật chính là danh hiệu khi ngài Văn-thù thành Phật trong một đời thuộc quá khứ. Long Chủng Thượng Tôn Vương trong kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội lại là một đức Phật khác, chẳng thể lầm lẫn dùng làm dẫn chứng được!)

Nhân mẫn chúng sanh mê tự tánh,
Đặc phụ Thích-ca chấn huyền cương,
Vi thất Phật sư thể mạc trắc,
Tác Bồ-tát mẫu dụng vô phương,
Thường trụ Tịch quang ứng chúng cảm,
Vạn xuyên nhất nguyệt ảnh hàm chương.

(Văn-thù Bồ-tát đức khôn lường,
Quá khứ thành Phật Long Chủng Thượng,
Do thương chúng sanh mê tự tánh,
Riêng giúp Thích-ca mở đạo huyền,
Thầy bảy vị Phật thể khôn thấu,
Mẹ chư Bồ-tát dụng khôn ngằn,
Thường trụ Tịch quang ứng mọi cảm,
Muôn sông trăng hiện bóng muôn gương.)

23. Lời tựa bản tu chỉnh Nga Mi Sơn Chí

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Phổ Hiền Bồ-tát đạo chứng nhất chân, đức viên mãn lưỡng túc[320], trụ cõi Tịch quang, nhưng hưng khởi lòng từ, vận dụng lòng bi, phù tá đấng Thiện Thệ dùng quả để tu nhân. Trọn đủ toàn thể của đức Giá-na[321], thị hiện thuộc địa vị Bổ xứ, kết quy đại nghĩa Hoa Nghiêm chỉ về Tây Phương. Tuy trọn hết mười phương pháp giới, nhưng không nơi nào chẳng trụ trong chân cảnh. Hòn núi Đại Quang Minh này thật ra là đạo tràng ứng hóa vậy. Xét đến ý nghĩa đặt tên thì chính là vì Phật quang hiện trong ban ngày, thánh đăng xuất hiện trong đêm, xưa nay vẫn thường chẳng hề ẩn diệt cho đến tận đời vị lai hòng khơi gợi quần sanh. Do vậy núi báu Nga Mi[322] này còn gọi là Đại Quang Minh. Một tên đặt theo hình thế của núi, tên kia đặt theo thánh tích, cố nhiên chẳng có nhân duyên gì khác, nhưng những kẻ không biết đến đức tướng của Bồ-tát cứ muốn dựa vào lời kinh để làm bằng chứng rất thuyết phục, bèn lầm lạc dẫn câu kinh trong phẩm Bồ-tát Trụ Xứ của kinh Hoa Nghiêm: "Phương Tây Nam có chỗ tên là núi Quang Minh, từ xưa đến nay các vị Bồ-tát trụ ở trong đó, hiện đang có vị Bồ-tát tên là Hiền Thắng và các vị Bồ-tát quyến thuộc ba ngàn người cùng thường trụ trong ấy để diễn thuyết pháp."

Đức Như Lai ở bên Thiên Trúc, thành Đẳng chánh giác tại nước Ma-kiệt-đề, giảng kinh Hoa Nghiêm lần lượt tại bảy chỗ, tổng cộng chín hội. Hội đầu tiên được nói tại Bồ-đề tràng. Hội thứ hai, hội thứ bảy, hội thứ tám đều giảng trong điện Phổ Quang Minh. Điện này cũng nằm trong Bồ-đề tràng. Phẩm Bồ-tát Trụ Xứ là một phẩm được giảng trong hội thứ bảy. Trước hết, nói đến bốn phương Đông, Nam, Tây, Bắc, rồi đến bốn phương bàng Đông Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc. Thứ tự của các phương vị rạch ròi chẳng loạn. Những kẻ ấy thấy có ba chữ "núi Quang Minh" liền tưởng ngọn núi ở phía Tây Nam [được nói trong kinh Hoa Nghiêm] ấy chính là Nga Mi của nước Chấn Đán (Trung Hoa), vì Nga Mi nằm ở phía Tây Nam Trung Quốc. Đối với câu kinh "nay có Bồ-tát tên là Hiền

[320] Trí tuệ lẫn phước đức đều trọn vẹn.
[321] Xá-na, tức Tỳ-lô-giá-na (Vairocana), Pháp thân Phật.
[322] Núi Nga Mi thuộc huyện Nga Mi tỉnh Tứ Xuyên, còn có những tên gọi khác là núi Quang Minh, hay Hư Linh Đỗng Thiên. Đây là một nhánh của rặng Dân Sơn. Thế núi chập chùng, trông xa như một cái cầu vồng, quanh co đến hơn tám trăm cây số. Cao nhất là ba ngọn chính: Đại Nga, Trung Nga và Tiểu Nga. Từ chân núi lên đến đỉnh có hơn 70 ngôi chùa, đạo tràng Thánh Thọ Vạn Niên Tự được coi là đạo tràng trung tâm. Chùa này được khởi công xây từ đời Tấn do Bồ Ông thấy Phổ Hiền Bồ-tát hiển hiện, bèn dựng Bạch Thủy Phổ Hiền Tự. Chùa này được đổi tên thành Vạn Niên Tự vào đời Vạn Lịch nhà Minh, trong chùa có đúc tượng Phật bằng đồng, được coi là văn vật trân quý của Phật giáo Trung Hoa. Những chùa rất nổi tiếng khác tại đây là Phục Hổ Tự, Báo Quốc Tự, Thanh Âm Các, Tiên Phong Tự, Kim Đảnh Tự, Quang Tướng Tự v.v..

Thắng", bèn lầm lạc chú thích rằng "tức là Phổ Hiền". Đức Phổ Hiền còn có tên là Biến Cát, chưa hề thấy ngài còn có tên là Hiền Thắng. Viện dẫn kinh nhưng trái nghịch kinh sâu xa, ấy là muốn làm cho người khác sanh lòng tin lại ngược ngạo khiến cho người ta dấy lòng nghi.

Chẳng biết, dẫu vận dụng trí tuệ của Như Lai hết cả kiếp cũng chẳng thể nói hết đức tướng của ngài Phổ Hiền! Trong 81 quyển của bộ kinh Hoa Nghiêm, thần thông, trí tuệ, đức tướng, đạo đức, công nghiệp của Phổ Hiền Bồ-tát được phô diễn rõ ràng đến hơn 10 quyển. Nếu bỏ công nghiên cứu một chút, há chịu dẫn giải sai lầm! Giống như chỗ Luân Vương ngụ chính là vương đô (kinh thành), chỗ được quang minh chiếu đến sẽ trọn chẳng tối tăm. Do vậy trong bộ Sơn Chí hiện tại, đặc biệt lập ra một môn gọi là Bồ-tát Thánh Tích. Trong môn ấy, chia thành sáu chương:

1. Một là Thích Danh, tức phần giải thích đại lược ý nghĩa danh hiệu Phổ Hiền.

2. Hai là Tu Chứng: Trích lục hai kinh Bi Hoa và Lăng-nghiêm để chỉ rõ nhân địa và công phu tu chứng của Bồ-tát. Theo kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới[323] thì Bồ-tát thành Phật đã lâu, bổn địa của ngài nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể biết được.

3. Ba là Đức Tướng: Trích dẫn đại lược những đoạn kinh Hoa Nghiêm xưng tán Bồ-tát thần thông đạo lực chẳng thể nghĩ bàn.

4. Bốn là Pháp Yếu: Nêu đại lược những pháp trọng yếu do Bồ-tát đã nói, nhưng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc, khuyên Thiện Tài và khắp Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc ngõ hầu viên mãn Phật quả, đấy chính là chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm. Do vậy biết một quyển kinh này rộng

[323] Kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới do ngài Thật-xoa-nan-đà (652-710) dịch vào đời Đường, còn có tên là kinh Đại Phương Quảng Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới, hoặc gọi tắt là kinh Bất Tư Nghị Cảnh Giới. Theo kinh chép, khi đức Phật vừa thành Chánh giác dưới cây Bồ-đề tại nước Ma-kiệt-đề thì Phổ Hiền Bồ-tát, Quán Tự Tại Bồ-tát, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Thích Phạm Hộ Thế, thiên long bát bộ v.v. các vị thánh giả cùng nhóm đến, đức Phật muốn cho đại chúng hiểu rõ sức oai thần thiền định bí mật cực sâu của chư Phật liền nhập Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Tam-muội. Khi ấy trong mỗi tướng của 32 tướng đều hiện ra vô lượng cõi Phật trong mười phương, trong mỗi tướng hảo của 80 tướng hảo lại hiện ra đủ mọi phương tiện tu hành của đức Như Lai khi còn tu hạnh Bồ-tát. Vì thế Đức Tạng Bồ-tát bèn hỏi Phổ Hiền Bồ-tát về danh nghĩa, cách chứng nhập cũng như phước đức, nhân duyên của tam-muội này. Phổ Hiền Bồ-tát bèn giảng cặn kẽ từng điều một. Kinh này chính là bản dịch khác của pháp hội Hoa Nghiêm được giảng tại giảng đường Phổ Quang Minh.

mở pháp môn Tịnh độ, quả thật là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, phàm lẫn thánh đều cùng nhiếp thọ, hành nhân đời mạt đều nên y chỉ. Vì thế sao lục toàn văn để mong mọi người cùng chứng Liên Bang.

5. Năm là Lợi Hành: Trích lục kinh Pháp Hoa, kinh Quán Phổ Hiền Hành Pháp[324] để nêu đại lược những chuyện Bồ-tát bảo vệ, che chở hành nhân.

6. Sáu là Ứng Hóa: Chỉ rõ Bồ-tát chứng trọn cùng pháp giới, tùy loại hiện thân trong mười phương pháp giới, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Vì vậy mười phương pháp giới chỗ nào cũng đều có thể là đạo tràng của Bồ-tát, nhưng ngài muốn cho chúng sanh có chỗ để gieo lòng thành nên mới đặc biệt thị hiện ứng hóa ở núi Nga Mi. Phải biết rằng, Bồ-tát ứng hóa gồm có *phổ* và *chuyên*, phổ là đại chúng đều được đích thân trông thấy, chuyên là chỉ có chính mình tự hiểu rõ trong tâm. Ví như hiện tướng trên chót mây, mọi người đều cùng thấy; [Bồ-tát hiện] tướng đứng với viên quang trùm thân, dẫu có rất nhiều người cùng đứng sát bên nhau nhưng mỗi người mỗi thấy thân Bồ-tát hiện cho chính mình, chẳng thấy thân hiện cho người khác. Đối với hai điều này, đủ biết Bồ-tát thần thông ứng hiện không ngằn mé; phàm phu, Nhị thừa chẳng thể suy lường được! Đã có những nghĩa chẳng thể nghĩ bàn như thế, cần gì cứ phải lầm lạc dẫn kinh văn để tự vu báng, trở thành trò cười cho người khác ư?

Những điều được chép trong bộ Sơn Chí cũ sai lạc rất nhiều. Như với truyện Thiên Tuế Bảo Chưởng[325] trong quyển hai, nơi phần *Nêu tỏ ý nghĩa các kinh* đã

---

[324] Kinh Quán Phổ Hiền Bồ-tát Hành Pháp do ngài Đàm-ma-mật-đa (Dharmamitra) dịch vào đời Lưu Tống, còn có tên là kinh Xuất Thâm Công Đức, thường được gọi tắt là kinh Phổ Hiền Quán. Theo kinh chép, sau khi đức Phật nói kinh Pháp Hoa, đã giảng kinh này tại tinh xá Đại Lâm trong nước Tỳ-xá-ly, rồi tuyên cáo ba tháng nữa Phật sẽ nhập Niết-bàn. Các vị đệ tử như A-nan liền thưa hỏi Phật nhập diệt rồi thì nên tu hành như thế nào cũng như các pháp nghĩa Đại thừa quan trọng, đức Phật bèn dạy phương pháp quán tưởng đức tướng của ngài Phổ Hiền, cách sám hối để diệt tội nơi lục căn và công đức do sám hối. Kinh này được tông Thiên Thai coi là phần kết thúc của kinh Pháp Hoa, do vậy cùng với Vô Lượng Nghĩa và kinh Pháp Hoa hợp thành Pháp Hoa Tam Bộ.

[325] Ngài Bảo Chưởng (?-657) là người Trung Ấn Độ, được cõi đời xưng tụng là hòa thượng Bảo Chưởng Thiên Tuế (vị hòa thượng tay báu ngàn tuổi). Theo truyền thuyết, lúc ngài sanh ra tay trái nắm chặt mãi đến 7 tuổi mới mở ra, nên có tên là Bảo Chưởng. Ngài đến Trung Hoa vào thời Ngụy - Tấn, vào đất Thục (Tứ Xuyên) tham lễ Phổ Hiền. Sư thường nhịn ăn, hằng ngày tụng kinh Bát-nhã đến hơn một ngàn quyển. Một bữa, đột nhiên bảo đại chúng: "Ta nguyện trụ thế một ngàn năm, nay đã 626 năm rồi!" Vì thế, có danh xưng là Thiên Tuế. Sư từng tham phỏng Ngũ Đài, Lô Sơn v.v.. Không lâu sau gặp Đạt-ma sang Trung Hoa bèn đến hỏi đạo, được khai ngộ. Từ năm Trinh Quán 15 (641), sư ở lại chùa Bảo Nghiêm tại Bồ Giang,

nói: Trước năm Quý Hợi (63) thuộc niên hiệu Vĩnh Bình đời Hán, Thiên Tuế Bảo Chưởng đã trụ tại núi này, Bồ Công thấy dấu chân nai giống như hoa sen, liền theo đường tắt đến hỏi chuyện ngài Bảo Chưởng. Ngài Bảo Chưởng dạy Bồ Công qua Lạc Dương hỏi đạo với hai vị sư Ma-đằng và Pháp Lan. Năm Giáp Tý, Bồ Công qua Lạc Dương, yết kiến hai vị sư. Người biên soạn Sơn Chí chẳng biết Giáp Tý (64) chính là năm thứ bảy đời Hán Minh Đế (58-75), năm ấy vua mới sai Thái Âm, Tần Cảnh, Vương Tuân v.v. sang Tây Vực tìm kiếm Phật pháp. Đến năm Đinh Mão (67), tức năm thứ mười đời Hán Minh Đế, hai vị sư mới theo những người ấy đến Lạc Dương. Theo truyện Bảo Chưởng trong Truyền Đăng Lục, ngài Bảo Chưởng đến Trung Quốc vào năm Kiến An hai mươi bốn (219) đời Hiến Đế (196-220) nhà Đông Hán. Vào thời Ngụy - Tấn, sư vào đất Thục lễ đức Phổ Hiền, ở lại chùa Đại Từ. Trong bản Sơn Chí cũ, truyện này chỉ bỏ đi một câu "Đông Hán, Hiến Đế…", sao chẳng lấy điều này để chứng tỏ sự sai ngoa trong phần trên? Cả hai cảnh ấy đều còn mà vẫn chẳng thể nói ai đúng, ai sai được ư?

Đại sư Trí Giả cả đời chẳng đến Tây Thục, mà bản Sơn Chí cũ cũng lập truyện. Lại còn nói đại sư với tôn giả Mậu Chân, Tôn Chân Nhân, đấu cờ vây trên bàn cờ khắc trên tảng đá dưới chân ngọn Hô Ứng. Lại còn dựng am Hô Ứng để ở, đều dùng tiếng hô, tiếng đáp trong khi đấu cờ vây để đặt tên cho ngọn núi và am! Kẻ đặt ra thuyết này chẳng những không biết gì về ngài Trí Giả, mà còn hoàn toàn chẳng thông Phật pháp. Ngài Trí Giả cả đời đem thân phụng sự pháp, làm gương mẫu cho hàng hậu học, làm sao có thể hằng ngày cùng với ông tăng, đạo sĩ nhàn tản thường làm chuyện phạm giới cấm nhà Phật, vui chơi đánh mất chí hướng cho được?

Ngài Huyền Trang sanh vào năm Giáp Tý, tức năm Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy Văn Đế. Anh ngài là pháp sư Tiệp cho ngài đi xuất gia, sống tại chùa Tịnh Độ ở Lạc Dương. Năm 15 tuổi, do nhà Tùy sụp đổ, bèn đến Trường An, khi ấy nhà Đường mới thành lập, vẫn còn nhiều chuyện chưa thể giải quyết xong, chưa rảnh rỗi để hoằng pháp được. Ngài cùng với anh qua Thành Đô cầu học, chẳng bao lâu, tiếng tăm lan xa. Năm Vũ Đức thứ năm (622), thọ giới cụ túc ở Thành Đô. Sư tính lên kinh đô để mong nghe được những điều chưa từng nghe. Bị anh giữ lại, sư bèn lén ra đi, theo đường Tam Hiệp đến Hán Dương, tới Tương Châu, theo đuổi chuyện cầu học, hoằng pháp. Sau đó đến Trường An, muốn theo gót các vị Pháp Hiển, Trí Nghiêm, bèn kết bạn, dâng sớ xin qua Tây Vực để cầu

chơi thân với thiền sư Lãng, thường sai một con chó trắng đưa thư, sư Lãng sai con vượn xanh đưa thư đáp lời. Sư thị tịch năm Hiển Khánh thứ hai.

những kinh chưa có tại Trung Hoa. Thuở ấy cõi đời mới thái bình, Trung Hoa và ngoại quốc còn chưa qua lại, nên vua xuống chiếu không chuẩn tấu. Mọi người đều ngã lòng, riêng sư chẳng khuất phục, vào tháng 8 năm Trinh Quán thứ ba (629) bèn lén ra đi, suốt cả 17 năm mới trở về Trung Quốc. Đến Vu Điền[326], sư liền sai người dâng biểu lên Đường Thái Tông. Thái Tông ưu ái xuống chiếu đáp lời, lại còn hạ lệnh cho các quan chức có trách nhiệm dọc theo đường đi đều phải hộ vệ, đưa đón. Sư nghe vua muốn hỏi tội xứ Liêu Tân, sợ trùng trình sẽ chẳng gặp được nhà vua bèn lên đường đi suốt ngày đêm. Từ Lưu Sa đến Sa Châu, đều do đường Cam Túc mà đến, vua sắc các quan chức có trách nhiệm phải chuẩn bị nghi trượng nghênh tiếp. Đột nhiên sư đã đến Tây Tào của kinh thành, vị quan chịu trách nhiệm nơi đó không biết xoay trở ra sao. (Do căn cứ theo hành trình mà chuẩn bị nghi trượng, nhưng vì sư đi suốt ngày đêm nên mới đón hụt). Từ đấy hằng ngày sư lo phiên dịch. Sự nghiệp chưa hoàn tất đã tịch, lẽ nào có chuyện ngài còn trở sang Tây Vực, đến động Cửu Lão núi Nga Mi, gặp đức Thánh nói kệ, truyền dạy kinh ư? Chỉ vì đời đã xa, người đã khuất, qua bao lượt biển dâu, sách vở thất lạc, thiếu chứng cứ đến nỗi đem chuyện sai lầm truyền tụng sai lầm, không cách nào khảo cứu để sửa cho đúng được, nên mới thành ra như thế!

[326] Vu Điền (Kustana, Khotan), còn có tên là Hòa Điền, là một vương quốc cổ thuộc Tây Vực, thuộc vùng trũng Tarim, nằm trong miền Tây xứ Tân Cương ngày nay, có quan hệ rất lớn đối với Phật giáo Đại thừa. Kustana có nghĩa là Địa Nhũ (sữa đất). Trung Hoa đã biết đến xứ này từ thời Tây Hán. Đời Hán Minh Đế, năm Vĩnh Bình 16 (73), Ban Siêu từng đem quân tấn công Vu Điền, vua Vu Điền chấp nhận trở thành chư hầu nhà Hán. Theo Đại Đường Tây Vực Ký quyển 20, xứ này quá nửa là lũng cát, nhưng khí hậu ôn hòa, có nhiều bảo ngọc, sản vật phong phú, dân chúng hòa hoãn, sùng mộ Phật pháp. Từ Ấn Độ vào Trung Hoa, phần lớn phải đi qua xứ này nên tại đây giữ được rất nhiều kinh Phật. Vào năm Thái Khang thứ bảy (286) đời Tây Tấn, ngài Kỳ-đa-mật-tề là người Vu Điền đã dịch Quang Tán Bát-nhã tại đây. Ngài Chi Pháp Lãnh cũng tìm được bộ Lục Thập Hoa Nghiêm tại xứ này. Cũng tại Vu Điền, vào thời Bắc Lương, ngài Đàm-vô-sấm cầu được kinh Đại Bát Niết-bàn, Thư Cừ Kinh Thanh tìm được Thiền Pháp Yếu Giải, Thiền Tông Bí Yếu Trị Bệnh Kinh; vào thời Tiêu Tề, ngài Pháp Hiến tìm được Quán Thế Âm Sám Hối Trừ Tội Chú Kinh. Vào thời Lương (548), ngài Cầu-na-bạt-đà người xứ Vu Điền mang kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã từ Vu Điền đến Trung Hoa. Đến đời Đường, ngài Thật-xoa-nan-đà là người xứ Vu Điền đã mang Bát Thập Hoa Nghiêm sang Đông Thổ. Đến thế kỷ thứ 9, vương triều Karakhanids (sử Tàu gọi là Mặc Hãn vương triều) tấn công, chiếm đóng Vu Điền, buộc dân chúng cải theo đạo Hồi, đạo Phật dần dần suy vong, ngôn ngữ bị cải biến theo giọng của các sắc dân Đột Quyết (Turkic). Sau khi vương triều Mặc Hãn bị diệt vong, Vu Điền lần lượt rơi vào ách thống trị của Tây Liêu, Mông Cổ, rồi bị Càn Long nhà Thanh diệt quốc, biến Vu Điền thành một châu huyện của Trung Hoa (năm 1759). Đến đời Quang Tự, Vu Điền bị đổi tên thành huyện Hòa Điền, trực thuộc Khang Châu.

Vào cuối đời Minh, ông Hồ Thế An[327] thích đi chơi núi, tuy tin Phật nhưng chẳng lắng lòng nghiên cứu. Vì vậy thu thập rộng rãi những sáng tác nghệ thuật, biên tập thành bộ sách Dịch Nga Lại, thật ra Dịch Nga Lại chính là công trình sưu tập văn học[328] cho bộ Sơn Chí của Tưởng Hổ Thần đời Thanh. Hổ Thần tự cho là bộ Dịch Nga Lại đã thu thập hết những trước tác chẳng sót một chữ nào, nhưng những gì ông ta sao lục chẳng ngoài mô tả những ngọn núi chót vót, vách núi đẹp tót vời, tình huống gió mây biến chuyển, chùa chiền hưng thịnh hay suy sụp mà thôi! Còn đối với nguyên do đức Phổ Hiền khởi lòng từ, vận lòng bi và tại sao tứ chúng cạn lòng thành tận lòng kính thì vẫn chưa thể hình dung được chút nào; huống hồ là quang cảnh rạng ngời nơi bổn địa của Bồ-tát, tâm tứ chúng khế hợp biển giác thì làm sao có thể hình dung cho được?

Thêm nữa, núi này xưa kia có quán, miếu của Đạo giáo. Từ khi đại pháp hưng thịnh, họ lần lượt trở về với lẽ chân. Quả sáng diệt yêu quái, chói ngời dựng chùa nơi ngọn núi Trung Ương. Bọn khoác áo lông (đạo sĩ) cảm đức, lũ đội mão vàng trở thành tăng sĩ mặc áo thâm. Từ đấy nhất trí tiến hành, quy y tam bảo, Đạo giáo mất tăm mất tích đã hơn một ngàn năm. Đối với những chuyện về đức Phổ Hiền và bậc cao tăng thuở trước đã có kinh truyện để khảo chứng mà bộ Sơn Chí cũ vẫn còn ghi chép lắm điều sai ngoa, huống hồ là những sự thực về Đạo giáo vốn bị tuyệt tích đã lâu, há lại chẳng thể sai ngoa được ư? Hoàng Đế[329] đến núi Không

---

[327] Hồ Thế An (không rõ năm sinh-1663), tự là Xử Tĩnh, biệt hiệu Cúc Đàm, người huyện Khai Tỉnh, Tứ Xuyên, đỗ tiến sĩ năm đầu Sùng Trinh (1628) đời Minh, đến thời Thuận Trị làm quan đến chức Vũ anh điện Đại học sĩ, kiêm Binh bộ Thượng thư, tước Thái Tử Thái Bảo và Thái Tử Thái Phó. Ông thích du sơn ngoạn thủy, trước tác rất nhiều tác phẩm ca ngợi cảnh núi sông xinh đẹp, nổi tiếng nhất là bộ Tú Nham Tập (11 quyển). Những tác phẩm nổi tiếng khác là Đại Dịch Tắc Thông, Hễ Thiếp Tổng Văn, Dị Ngư Đồ Tán Tiên, Dị Ngư Đồ Tán Bổ v.v.. Những tác phẩm này đều được đưa vào bộ Tứ Khố Toàn Thư.

[328] Nguyên văn là "quyền dư": Quyền Dư là tên một bài thơ trong phần Tần Phong (dân ca đất Tần) thuộc thiên Quốc Phong trong kinh Thi. Về sau Quyền Dư được dùng như một từ ngữ chỉ công việc thu thập những sáng tác dân gian. Hiện thời, đa phần tăng nhân ở Nga Mi vẫn tin bộ Nga Mi Sơn Chí được biên soạn dựa trên bộ Dịch Nga Lại do Hồ Thế An (tuy tác giả thật sự của bộ Dịch Nga Lại là Tưởng Hổ Thần) biên tập vào thời Vạn Lịch nhà Minh.

[329] Hoàng Đế là một vị thánh quân thời cổ theo huyền sử Trung Hoa. Vua họ Công Tôn (có thuyết nói là họ Cơ), tên là Hiên Viên, hiệu là Hiên Viên Thị, hoặc Hữu Hùng Thị, là con của Thiếu Điển, họ Công Tôn, đóng đô tại gò Hiên Viên thuộc Trịnh Châu (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Mẹ Hoàng Đế thấy tia sáng Bắc Cực bèn có thai, rồi sanh ra ông. Hoàng Đế dẹp yên các bộ tộc đối kháng, được tôn làm Cộng Chủ, tức vua Trung Nguyên. Kẻ thù đáng gờm nhất của ông ta là Si Vưu, vua của bộ tộc Cửu Lê ở phía Đông. Sau ba năm giao tranh dai dẳng, cuối cùng Hoàng Đế đánh bại được Si Vưu tại cánh đồng Trác Lộc (thuộc địa phận Hà Nam), thống nhất Trung Nguyên. Tuy thế, theo các sử gia, thời ấy vẫn chưa thể nào có một chế độ quân chủ trung ương tập quyền như thời Hán sau này, Cộng Chủ chỉ là thủ lãnh tối cao của tù trưởng các

Động, hỏi đạo với Quảng Thành Tử[330], như đã chép trong thiên Tại Hựu sách Trang Tử thì làm sao lại có thể đến núi Nga Mi hỏi đạo nơi Thiên Hoàng chân nhân cho được?

Thiên Hoàng chân nhân chính là Quảng Thành Tử! Hoàng Đế là người có trách nhiệm với thiên hạ, đâu thể nào sánh với tăng sĩ hay đạo sĩ nhàn tản, tùy ý vân du. Đã đến Không Động hai lần, ắt có sở ngộ. Dẫu cho Quảng Thành Tử dời sang sống tại Nga Mi, lẽ nào Hoàng Đế lại tới Nga Mi? Huống chi đường sang đất Thục gian nan, đến nay vẫn còn nghe tiếng than vang dậy. Trong thời Hoàng Đế, chẳng lẽ không khó khăn hơn hiện thời trăm ngàn lần ư? Vì thế biết những điều ghi chép ấy đều là bịa đặt. Dẫu cho cực đích xác đi nữa, cũng chẳng liên quan khẩn yếu, bởi những pháp được nói ấy đều là pháp thuộc về Nhân thừa và Thiên thừa trong Phật pháp. Đạo giáo ở Nga Mi đã tuyệt tích từ lâu, sao lại còn lập riêng pháp ấy để đến nỗi đời sau bị phân vân đôi đường, chẳng biết theo ngả nào? Bởi thế đem những chuyện ghi chép ấy bỏ đi gần hết, hòng giương cao Phật

---

bộ tộc. Do đất của bộ tộc Cửu Lê nằm trong lưu vực sông Dương Tử và phía Nam Hoàng Hà, không thuộc địa bàn cai trị của Hoàng Đế, sau khi đánh bại tộc Cửu Lê, vua phải lo tổ chức guồng máy cai trị cũng như khai khẩn tại phía vùng đất mới, phải tốn rất nhiều thời gian và sức lực để giữ yên dân tình, hầu như không thể nào có thời gian rảnh rỗi để trèo đèo lặn suối sang tận núi Nga Mi ở phía Tây để gặp Quảng Thành Tử hỏi đạo! Đường vào đất Thục (Tứ Xuyên) còn hiểm trở hơn nữa. Ngay đến thời Hán Cao Tổ, khi bị Sở Bá Vương Hạng Vũ phong cho đất Ba Thục (Tứ Xuyên), đường vào Tứ Xuyên vẫn còn rất hiểm trở đến nỗi khi Trương Lương lập kế nghi binh, cho đốt sạn đạo, Hạng Vũ bèn an tâm ngủ say trên chiến thắng, cho rằng Lưu Bang không còn đường nào khác để thoát ra khỏi Ba Thục được. Tới thời An Lộc Sơn làm phản, vua tôi nhà Đường phải chạy vào Tứ Xuyên, đường vào đất Thục vẫn còn rất hiểm trở đến nỗi thi nhân thời ấy than thở "đường vào đất Thục cheo leo tận trời thẳm".

[330] Quảng Thành Tử được nhắc đến đầu tiên trong thiên Tại Hựu của Trang Tử. Theo đó, Quảng Thành Tử đang tu tại núi Không Động, Hoàng Đế đến hỏi đạo hai lần. Quảng Thành Tử dạy về thuyết tinh - khí - thần, chú trọng tu dưỡng nội tâm. Có thể đây là một câu chuyện ngụ ngôn do Trang Tử đặt ra nhằm trình bày quan điểm triết học của chính ông vì Trang Tử rất nổi tiếng về những câu chuyện ngụ ngôn, đến nỗi người Hán thường gọi những chuyện bịa đặt nhằm gởi gắm ý riêng là "Trang Tử ngụ ngôn"; nhưng Đạo giáo bèn vịn vào đó, đặt ra rất nhiều thuyết để khẳng định Quảng Thành Tử chính là do Thái Thượng Lão Quân (Lão Tử) hóa thân. Họ còn soạn ra Thái Thượng Lão Quân Khai Thiên Kinh để làm căn cứ chứng minh cho câu chuyện này và tôn xưng Không Động Sơn là Đạo Giáo Đệ Nhất Sơn. Điều đáng nói là thuyết tinh - khí - thần là một thuyết được lập ra rất trễ sau khi Đạo giáo đã phát triển; ngay cả thời Trương Lăng sáng lập Ngũ Đấu Mễ đạo (tiền thân của Đạo giáo), cũng chưa thấy nói đến khái niệm tinh - khí - thần! Nếu Quảng Thành Tử thật sự là Thái Thượng Lão Quân, sao Đạo Đức Kinh không hề nhắc đến tinh - khí - thần? Đến thời Minh, qua sự miêu tả của Hứa Trọng Lâm trong Phong Thần Diễn Nghĩa, Quảng Thành Tử là thủ lãnh của mười hai vị Kim Tiên thuộc phe Xiển Giáo, sống tại Đào Nguyên thuộc Cửu Tiên Sơn, khiến cho bọn đạo sĩ càng thêm sùng bái vị tiên này.

nhật thích hợp khắp ba căn, chắc cũng được Thiên Hoàng chân nhân tán thành, chấp thuận.

Quang là một ông tăng tầm thường, sao dám dối xưng là bậc thông gia hòng tu chỉnh bốn bộ Sơn Chí của *tứ đại danh sơn*! Nhưng do ở đậu núi Phổ Đà hơn 30 năm; năm Dân Quốc 11 (1922), Tri sự huyện Định Hải là ông Đào Tại Đông đề xướng tu chỉnh bộ Phổ Đà Sơn Chí, thỉnh bậc túc nho trong vùng là tiên sinh Vương Nhã Tam chủ trì việc ấy. Đối với đạo Nho, có thể xưng tụng ông Vương là bậc bác lãm, nhưng đối với đạo Phật ông ta chưa hề nắm được đường lối. Ông ta tu chỉnh Sơn Chí xong, bậc kỳ túc trong núi sai Quang sửa chữa lại. Gần đây Quang do khắc in các sách trọn chẳng được rảnh rỗi. Đến năm Dân Quốc 19 (1930), yểm quan tại thành Tô Châu, mới in ra sách, thì một đệ tử là Lý Viên Tịnh nhiệt tâm làm chuyện công ích, nói: "Phổ Đà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa là tứ đại danh sơn của Trung Quốc, thầy đã sửa đổi bộ Phổ Đà Sơn chí thỏa đáng rồi đem ấn hành, nhưng ba bộ Sơn Chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa cũng chớ nên mặc kệ không quan tâm đến!"

Do vậy đặc biệt cầu thỉnh người trước kia đã soạn Quán Âm Bổn Tích Cảm Ứng Tụng, Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ và Phật Học Cứu Kiếp Biên là một đệ tử quy y ở Bành Trạch tỉnh Giang Tây tức cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh soạn cương yếu. Quang chỉ đảm nhiệm việc cắt xén cho thỏa đáng và ấn hành, còn việc giảo chánh đưa về cho vị hiện đang ở nơi xa lãnh nhiệm vụ trụ trì chùa Thọ Lượng ở Cám Châu là pháp sư Đức Sâm và cư sĩ Trần Vô Ngã. Thanh Lương Chí đã in thành sách vào năm ngoái. Nga Mi Chí chẳng bao lâu nữa cũng sẽ cho ấn hành. Cửu Hoa Chí chắc là trong khoảng từ xuân sang hạ năm sau sẽ in ra được. Bốn bộ Sơn Chí cũ chỉ có Thanh Lương Chí là hay nhất, kế đến là Phổ Đà Chí, Nga Mi Chí lại kém hơn nữa, Cửu Hoa Chí đứng hạng bét. Ấy là vì ba bộ Sơn Chí đều do hạng Nho sĩ chẳng thông hiểu Phật học sửa chữa, mới đến nỗi mua rương trả lại ngọc[331], kính trọng lính hầu, khinh mạn chủ nhân, chỉ dốc sức miêu tả hình thế núi non huyễn vọng, chẳng hình dung được chỗ Bồ-tát khởi lòng từ, vận lòng bi cứu khổ ban vui. Chú trọng đến núi, chẳng chú trọng vào Phật, làm việc điên đảo. Tuy có Sơn Chí nhưng chẳng thể làm cho người thấy, kẻ nghe tăng trưởng thiện căn, gieo nhân Bồ-đề. Đấy là chỗ ngụ ý sâu xa của bộ Sơn Chí hiện thời, nên tôi trình bày đại lược ý ấy. Nhưng vì chẳng phải là người đích thân trải qua cảnh sắc nơi ấy, nên chẳng thể hỏi han tường tận được, chỉ dựa theo bộ Sơn Chí cũ và các kinh truyện để tra cứu, điều chỉnh. Đối với những bậc danh đức gần đây và những

[331] Nguyên văn "mãi độc hoàn châu" là một thành ngữ ngụ ý chỉ chú trọng bề ngoài không trọng thực chất.

kiến trúc mới đều nhất loạt chẳng ghi thêm vào, để khỏi vướng lỗi sót tên bậc danh đức, bị chê bai "ghi tên một vị để sót cả vạn". Người sáng mắt hiểu biết ắt sẽ lượng thứ cho!

24. Lời tựa tu chỉnh Cửu Hoa Sơn Chí

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Chân như Phật tánh, chúng sanh và Phật đồng thể, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng. Dẫu tánh đức tuy đồng, tu đức khác biệt, nên đến nỗi chúng sanh và Phật khác xa, khổ vui khác biệt vời vợi. Chư Phật vì thuận tánh tu hành, do đấy bỏ vọng về chân, trái trần hợp giác, đoạn sạch phiền hoặc, triệt chứng chân như Phật tánh sẵn có trong chính cái tâm này. Vì thế được yên trụ trong Tịch quang, vĩnh viễn hưởng pháp lạc Niết-bàn thường trụ. Chúng sanh vì nghịch tánh mà tu, do vậy mê chân đuổi theo vọng, trái giác hiệp trần, khởi hoặc tạo nghiệp, hoàn toàn bị mê nơi chân như Phật tánh sẵn có trong chính cái tâm này. Do vậy thường trụ trong Sa-bà, luôn chịu nỗi khổ huyễn vọng luân hồi trong sáu nẻo. Do chư Phật thấy chúng sanh về tâm thể thì đồng nhưng tâm tướng lại khác, nên thương xót khôn ngằn, chẳng nài khổ nhọc, phát hoằng thệ nguyện độ thoát chúng sanh, bởi coi hết thảy chúng sanh đều là Phật vậy! Vì thế kinh Phạm Võng nói: "Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh." Lại nói: "Ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành. Thường tin được như vậy thì giới phẩm đã trọn đủ." Bởi lẽ nếu đã tin chính mình là Phật trong tương lai, chắc chắn sẽ chẳng chịu tùy thuận phàm tình tạo nghiệp sanh tử, chắc chắn lập tức tin nhận lời Phật dạy, tu đạo Bồ-đề.

Có kẻ mê muội cạn, túc căn sâu xa, vừa nghe lời Phật dạy, liền được liễu ngộ, tin nhận phụng hành. Có những kẻ mê muội sâu xa, túc căn nông cạn, vừa nghe lời Phật dạy, liền ngược ngạo sanh lòng phỉ báng, hoặc còn hủy diệt cho hết sạch chẳng còn sót gì, bởi họ coi Phật là chúng sanh vậy. Dùng cái tâm chúng sanh tham sân si của chính mình để suy lường tâm Phật, cho những gì ngài đã nói đều là những lời dối trá nhằm lừa bịp ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Phật, hoàn toàn chẳng chân thật, chẳng thể tin cậy được. Nếu tin theo sẽ vĩnh viễn đi vào nẻo mê, không cách gì thoát ra được. Đối với loại chúng sanh ấy, tâm chư Phật trọn chẳng có một niệm vứt bỏ, càng sanh lòng xót thương yêu tiếc gấp bội. Như kẻ mắc bệnh cuồng, đánh chửi cha mẹ, cha mẹ chẳng trị tội mà lòng càng thêm thương xót, biết hắn đã mất bản tâm rồi! Nếu lành bệnh cuồng sẽ tự chẳng mắc lỗi ấy.

Nếu là kẻ mê cực sâu, từ kiếp này sang kiếp khác cũng khó tỉnh ngộ, cho nên chư Phật thệ nguyện "độ thoát chúng sanh đến hết đời vị lai", những vị Bồ-tát đã

chứng pháp thân không vị nào chẳng đều như vậy. Những kẻ do tự tư tự lợi bèn báng Phật nếu biết được nghĩa này há chẳng thẹn đến chết ư? Kẻ mê cạn, túc căn sâu xưa nay chẳng thiếu người. Nay nêu lên những trường hợp đặc sắc nhất, như Thừa tướng Trương Thương Anh đời Tống, cư sĩ Chung Đại Lãng thời Minh.

Thương Anh thoạt đầu chẳng biết đến Phật pháp, do đến chơi một ngôi chùa, thấy kinh Phật trang nghiêm thù thắng, giận dữ nói: "Sách của người Hồ lại được trang nghiêm như vậy, sách của bậc thánh nước ta vẫn chưa thể sánh bằng." Tối đến, cầm bút, rên rỉ, không viết được một bài nào. Phu nhân là Hướng Thị khá tin Phật, thấy vậy bèn hỏi chồng rên rỉ về chuyện gì. Ông đáp: "Ta định viết bài luận chứng minh không có Phật." Phu nhân nói: "Đã là không có Phật, cần gì phải luận nữa! Mà ông đã từng đọc kinh Phật chưa vậy?" Đáp: "Ta đời nào chịu đọc loại kinh ấy!" Phu nhân nói: "Đã chưa đọc kinh của người ta thì dựa vào ý nghĩa nào để luận định đây!" Ông bèn thôi.

Sau đấy ở chỗ bạn đồng liêu, thấy trên bàn có cuốn kinh Duy-ma-cật bèn ngẫu nhiên mở ra xem, cảm thấy từ lý cao siêu, tuyệt diệu, nhân đấy bèn thỉnh về đọc cho hết. Chưa được quá nửa, bèn sanh lòng hối hận, ngộ đạo lớn lao, phát nguyện hết báo thân này hoằng dương pháp hóa. Đối với Giáo lẫn Tông thảy đều tâm đắc, soạn cuốn Hộ Pháp Luận cực lực tán dương, luận ấy được đưa vào Đại tạng. Ông ta vào triều làm Thừa tướng đời Tống Huy Tông, lúc ấy hạn hán đã lâu, ngay đêm đó trời liền đổ mưa ngọt lai láng, Huy Tông viết hai chữ to "Thương Lâm" thưởng cho ông. Ấy là lấy ý nghĩa trong thiên Thuyết Mạng của sách Thương Thư: *"Nhược tuế đại hạn, dụng nhữ tác lâm vũ"* (Như gặp năm bị hạn hán to, dùng ngươi như được trận mưa dầm) để khen ngợi vậy.

Chung Đại Lãng[332] người trấn Mộc Độc, Tô Châu, cha mẹ cầu đảo Quán Âm sanh được ông. Thuở nhỏ theo cha mẹ lễ tụng, nhưng đến khi đi học nghe được cái học của đạo Nho bèn lấy việc hoằng dương đạo Nho làm trách nhiệm của chính mình. Do vậy chẳng những không lễ tụng mà còn tự tiện viết văn báng Phật. Về sau đọc bài tựa cuốn Tự Tri Lục của đại sư Liên Trì mới biết hổ thẹn, chẳng còn báng Phật nữa. Đọc kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện, ông liền phát tâm học Phật làm cư sĩ, rồi nghiên cứu các sách của Thiên Thai và Thiền tông, mỗi mỗi đều có sở đắc, bèn lễ môn nhân[333] của đại sư Hám Sơn xin xuất gia, pháp

[332] Tổ Ngẫu Ích tên thật là Chung Tế Minh, sau khi đọc cuốn Tự Tri Lục và Trúc Song Tùy Bút của tổ Liên Trì, ngài tự biết trước kia mình đã sai trái, bèn đốt hết những bài văn báng Phật. Năm 20 tuổi, do đọc kinh Địa Tạng Bổn Nguyện bèn phát chí xuất gia, đến năm 23 tuổi, tự phát ra 48 nguyện, tự xưng là Ưu-bà-tắc Đại Lãng. Do vậy đa số sách vở khi viết về giai đoạn trước khi ngài xuất gia đều gọi ngài là cư sĩ Chung Đại Lãng.

[333] Tổ Trí Húc xin xuất gia với ngài Tuyết Lãnh, đệ tử của đại sư Hám Sơn.

danh là Trí Húc, tự là Ngẫu Ích. Giới hạnh trong sạch như băng tuyết, kiến địa sáng tỏ như nhật nguyệt, nhưng ngài chú trọng một pháp Tịnh độ. Do chúng sanh đời mạt chẳng nương theo Phật lực, quyết khó thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Cả đời hoằng pháp, chẳng làm trụ trì, do thường ngụ tại chùa Linh Phong ở núi Bắc Thiên Mục nên người đời sau thường gọi ngài là Linh Phong, chứ thật ra ngài chẳng phải là chủ nhân của Linh Phong.

Như bọn Hàn, Âu báng Phật, chỉ căn cứ theo những hành vi luân thường gần gũi của đạo Nho và lấy lễ nhạc, hình phạt, sự cai trị để luận, trọn chẳng dẫn kinh văn nhà Phật để luận. Do vậy biết những lời chê bai của bọn họ đều là chưa thấy màu sắc đã bàn luận mù quáng. Họ Hàn (Hàn Dũ) do gặp được thiền sư Đại Điên[334], họ Âu (Âu Dương Tu) do gặp được đại sư Minh Giáo[335] mới hơi biết về

[334] Đại Điên Bảo Thông (732-824), người xứ Dĩnh Châu, họ Trần, pháp hiệu Bảo Thông, tự đặt hiệu là hòa thượng Đại Điên. Trong niên hiệu Đại Lịch, sư theo học với ngài Dược Sơn Duy Nghiễm, rồi qua Nam Nhạc tham yết ngài Thạch Đầu Hy Thiên, đại ngộ tông chỉ, được nối pháp Tào Khê. Sư dựng thiền viện Linh Sơn tại dưới rặng Tây U ở Triều Châu, ra vào thường có cọp đi theo, môn nhân hơn ngàn người. Lúc ấy Đường Hiến Tông thờ phụng xá-lợi trong cung, cảm được xá-lợi phóng quang, quần thần dâng biểu chúc mừng, riêng Hàn Dũ lại dâng sớ can vua đừng mê tín đạo Phật, đòi đốt kinh Phật, dẹp chùa, đuổi tăng về làm dân. Vua tức giận, đày Hàn Dũ đi Triều Châu. Tới Triều Châu, nghe danh Đại Điên, Hàn Dũ bèn mời tới, giữ lại hơn mười ngày, định dùng lời lẽ đánh bại sư. Rốt cuộc Hàn Dũ hết sức khâm phục sư, thường lui tới hỏi đạo, tà kiến báng Phật cũng giảm dần. Sư từng tự chép kinh Kim Cang một ngàn năm trăm biến, chép Pháp Hoa, Duy-ma mỗi kinh ba mươi bộ. Trước thuật gồm hai bộ Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh Thích Nghĩa và Kim Cang Kinh Thích Nghĩa. Tháp sư được dựng bên chùa. Cuối đời Đường, giặc giã phá tháp, thấy xương sọ đã tiêu hết, chỉ còn lưỡi vẫn tươi nhuận như khi còn sống, bèn chôn đàng hoàng, gọi là Ế Thiệt Trủng (mồ chôn lưỡi). Đến niên hiệu Chí Đạo đời Tống, người trong vùng lại đào lên, chỉ thấy lưỡi vẫn còn, bèn chồng đá dựng tháp, đặt tên là Thiệt Kính Tháp (tháp gương lưỡi).

[335] Đại sư Minh Giáo chính là ngài Khế Tung (1007-1072), một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn sống vào đời Tống, quê ở Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng tỉnh Quảng Tây), tự Trọng Linh, hiệu Tiềm Tử. Sư xuất gia năm 7 tuổi, 13 tuổi được thế phát, thọ giới, 19 tuổi đi tham học khắp nơi, đầu thường đội tượng Quán Âm, mỗi ngày trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát mười vạn câu. Về sau sư đắc pháp nơi thiền sư Hiểu Tông thuộc tông Tào Động. Sư đọc trọn khắp các kinh điển, sách vở, rất giỏi văn chương, thường nhấn mạnh thuyết "Nho - Phật nhất trí". Khi Âu Dương Tu cực lực bài xích đạo Phật, dùng những lời lẽ báng Phật để mê hoặc Tống Nhân Tông, sư soạn Phụ Giáo Biên dâng lên vua, vua đọc xong hết sức khâm phục, sai Hàn Kỳ đưa cho Âu Dương Tu coi, họ Âu kinh ngạc, nói: "Không ngờ trong tăng chúng có được người như thế?" Bèn xin Hàn Kỳ cho gặp mặt. Khi gặp sư, Âu Dương Tu cật vấn suốt cả ngày, bị sư hoàn toàn khuất phục, từ đó không báng Phật nữa. Ngoài bộ luận Phụ Giáo Biên nổi tiếng ra, sư còn trước tác những cuốn Truyền Pháp Chánh Tông Định Tổ Đồ, Truyền Pháp Chánh Tông Ký v.v.. Những trước tác của sư được Tống Nhân Tông hết sức ngưỡng mộ, hạ lệnh đưa vào Đại tạng, ban tặng cho sư ca-sa tía và ban hiệu là đại sư Minh Giáo. Sau khi sư thị tịch tại chùa Linh Ẩn vào năm Hy Ninh thứ năm (1072), môn nhân thu thập những ngữ lục của sư soạn thành bộ Đàm Tân Văn Tập, 20 quyển.

Phật, nên chẳng thể hoằng dương như họ Trương, họ Chung được. Nhưng những ông Chu, Trình, Trương, Chu đời Tống là người tiếp nhận được đạo tâm truyền của Khổng Mạnh xét về nguồn gốc đều do học Phật mà được. Ông Chu Mậu Thúc người cực thuần hậu, trọn chẳng báng Phật một chữ. Hai ông Trình, họ Trương và họ Chu[336] thì ngấm ngầm khâm phục, ngoài mặt chống đối, họ lấy những ý nghĩa sâu thẳm trong kinh Phật để giải thích kinh điển đạo Nho, sợ người đời sau bảo những gì họ nói đều phát xuất từ kinh Phật bèn cực lực báng bổ thật sự, thật lý "nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo" do đức Phật đã nói, cho là Phật bịa chuyện để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu, ngu phụ tin thờ giáo pháp của Phật, chứ thật sự không hề có chuyện ấy.

Từ đấy trở đi, phàm là nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả, sợ bị người khác công kích là dị đoan. Phàm bọn Lý học đều lén lút xem kinh Phật để tự hùng, nhưng đều cực lực báng Phật để tự củng cố địa vị, danh tiếng, đến nỗi càng lúc càng đi xuống, cho nên mới diễn ra thảm kịch tai họa liên miên, dân không lẽ sống. Nếu như mọi người đều đề xướng nhân quả sẽ hoàn toàn chẳng đến nỗi cùng cực như thế này. Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để chư Phật độ chúng sanh. Bỏ nhân quả đi sẽ không thể lập ra cách nào khác được. Nay đời loạn đến cùng cực, mong cõi đời yên ổn, mà nếu vẫn chẳng lấy nhân quả làm gốc thì cái họa mai sau sẽ còn thê thảm kịch liệt hơn nữa!

Núi Cửu Hoa là đạo tràng ứng hóa của Địa Tạng Bồ-tát. Địa Tạng Bồ-tát trong vô lượng kiếp trước đã chứng pháp thân từ lâu, đã thành Phật đạo, nhưng chẳng ở địa vị Phật. Do phát nguyện "độ hết chúng sanh mới chứng Bồ-đề, địa ngục chưa trống thề chẳng thành Phật", tâm xót thương chúng sanh chịu nỗi khổ sanh tử sâu đậm, thiết tha không cách nào diễn tả được! Vì thế khi đức Phật vì mẹ thuyết pháp trên cung trời Đao-lợi, mười phương thế giới chư Phật Bồ-tát, thiên long bát bộ đều đến dự hội, dẫu dùng Phật nhãn vẫn chẳng thể tính biết được. Những vị Phật Bồ-tát ấy đều do ngài Địa Tạng giáo hóa nên mới đắc đạo quả, nhưng ngài Địa Tạng vẫn hiện thân dưới hình thức Thanh văn. Ngoài việc hiện đủ mọi loại thân để thuyết pháp trong mười phương thế giới ra, ngài lại thường trụ trong chốn u minh khổ sở tột bậc để cứu độ. Mười phương chư Phật Bồ-tát không vị nào chẳng tán thán tấm lòng sâu thẳm "hưng lòng từ, vận lòng bi" của ngài. Đại sư Ngẫu Ích vừa đọc kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện liền phát tâm đại Bồ-đề, do đức Địa Tạng là thầy của chư Phật, là mẹ của các Bồ-tát vẫn còn

[336] Hai ông Trình là anh em Trình Di, Trình Hạo, Trương là Trương Tải, Chu là Chu Hy, đều là những nhà sáng lập ra Lý học. Mậu Thúc là tên tự của Chu Đôn Di, cũng là một nhà Lý học.

miệt mài chuyên chú độ bọn ta, nếu bọn ta chẳng coi "ta và người cùng thoát sanh tử" là chí hướng, sự nghiệp thì cô phụ từ ân cũng lớn lắm thay!

Bồ-tát thị hiện giáng sanh tại nước Tân-la vào đời Đường (Trước thời Đường Cao Tông, vốn có ba nước Cao-câu-ly, Tân-la, Bách-tế riêng biệt. Đường Cao Tông diệt Cao-câu-ly, đất đai của Bách-tế đều gộp vào nước Tân-la, hợp thành một nước. Thời Ngũ Đại, Vương Kiến kế thừa nước Tân-la, đặt quốc hiệu là Cao-ly. Từ đầu đời Minh đến nay, đặt tên nước là Triều Tiên. Người ta thường cho Tân-la chính là Tiêm-la[337], thật lầm vậy), dòng dõi nhà vua, họ Kim, tên Kiều Giác, đến năm Vĩnh Huy thứ tư (653) đời Đường Cao Tông, sư đến núi Cửu Hoa, sự khổ hạnh tu tập của ngài trong cõi đời không ai hơn được. Thức giả coi ngài là Địa Tạng thị hiện, xin coi chi tiết trong Sơn Chí, ở đây không cần phải viết nhiều. Nhưng những kẻ câu nệ hẹp hòi, chẳng biết hành trạng phân thân ứng hóa trong cõi nước nhiều như số vi trần của Bồ-tát, thường nói vị Địa Tạng này chẳng phải là Địa Tạng trong kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện. Nếu vậy thì cũng có thể nói hòa thượng Bố Đại chẳng phải là Đương Lai Hạ Sanh Di-lặc Bồ-tát hay sao? Núi này kể từ khi được Bồ-tát kiến lập đạo tràng trở đi, sau nhiều năm tháng

[337] Tân-la (Silla) là một trong ba vương quốc cổ thuộc lãnh thổ Đại Hàn hiện thời, còn Tiêm-la là gọi tắt từ chữ Tiêm-la-hộc (tức tên gọi gộp chung của hai vương quốc Siam và Lwo), một vương quốc cổ tại Thái Lan. Trong ba nước cổ của Đại Hàn, Cao-câu-ly (Koguryo) lớn nhất, tồn tại từ năm 37 trước Công Nguyên cho đến năm 668. Địa phận nước này bao gồm vùng Đông Bắc Trung Hoa (gần trọn vùng Mãn Châu hiện thời) và ¾ bán đảo Triều Tiên (Joseon). Quốc gia này do Đông Minh Thánh Thái Vương Cao Chu-mông (Jumong) sáng lập. Bách-tế (Baekje) khá nhỏ, nằm ở vùng Tây Nam của bán đảo Triều Tiên, tồn tại từ năm 18 trước Công Nguyên đến năm 660 thì bị Tân-la liên minh với nhà Đường thôn tính tiêu diệt. Theo truyền thuyết, Bách-tế được sáng lập bởi Ôn-tộ (Onjo), con thứ của Chu-mông, sau khi bị anh dòng đích là Lưu-ly vương (Yuri) đàn áp phải trốn khỏi Cao-câu-ly. Ôn-tộ đặt quốc đô tại thành Úy-lễ (Wiryeseong, nay thuộc phụ cận Seoul). Tân-la (57 trước Công Nguyên đến 935) nhỏ nhất, nằm ở Đông Nam Hàn quốc hiện thời. Theo truyền thuyết, vua sáng lập Tân-la là Hách-cư-thế (Hyeokgeose) vốn là thần nhân từ trên trời cưỡi bạch mã xuống nhân gian, đóng đô tại Kim Thành (Geumseong, nay là Khánh Sơn - Gyongsan), xưng quốc hiệu là Từ-la-phạt (Seora-beol). Vào thời kỳ đầu, ba bộ tộc lớn là họ Phác (Pak), họ Tích (Seok) và họ Kim tranh giành quyền cai trị Từ-la-phạt. Đến năm 356, Nại-hốt vương (Naemul) họ Kim giành được uy quyền tuyệt đối, trở thành hoàng gia vĩnh viễn của Từ-la-phạt. Như vậy, ngài Kim Kiều Giác là hậu duệ của Nại-hốt vương. Đến năm 503, mới chánh thức đổi tên vương quốc Từ-la-phạt thành Tân-la. Khi nhà Đường diệt Bách-tế và Cao-câu-ly, Tân-la thừa cơ chiếm trọn bán đảo Triều Tiên, trở thành một vương quốc hùng mạnh. Đến năm 780, khi Huệ-cung vương (Hyegong) chết, trong triều đình xảy ra chuyện tranh giành ngôi vua, vương quốc Tân-la lâm vào cảnh quân phiệt cát cứ. Cho đến năm 901, Tân-la bị chia thành ba mảnh nhỏ: Tân-la, Hậu Bách-tế và Hậu Cao-câu-ly. Sử gọi là Hậu Tam Quốc thời đại. Về sau Vương-kiến (Wang Geon) xứ Hậu Cao-câu-ly đánh bại hoàng tộc ba nước, thống nhất sơn hà, đổi tên nước thành Cao-ly (Goryeo).

sâu xa, bao lượt đổi thay, đến nỗi sách vở thất truyền. Đến thời Gia Tĩnh nhà Minh mới biên tập Sơn Chí. Từ thời Vạn Lịch, Sùng Trinh nhà Minh cho đến Khang Hy, Càn Long, Quang Tự nhà Thanh, trải qua sáu lần biên soạn Sơn Chí đều do triều đình chủ trì, do Nho sĩ biên tập. Đối với lòng hoằng từ đại bi của Bồ-tát, ý nghĩa tinh diệu của pháp môn đều chưa nêu tỏ được, nên chẳng khác gì những sơn kinh thủy chí tầm thường, thật đã mất đi ý nghĩa của một đạo tràng vì nước cầu an, vì dân chúc phước nơi danh sơn, nhưng cũng không có câu chữ nào hủy báng Phật pháp. Bộ Sơn Chí thời Quang Tự, khi Chu Sơn Môn tu chỉnh đã đưa thêm vào rất nhiều lời văn hủy báng hòng phô phang tri kiến cao minh của chính mình, buộc tăng chúng bỏ tiền, nhưng bản thảo vẫn giữ tại công đường nơi huyện lỵ, không cho phép khắc in, tôi chẳng biết ý ông ta như thế nào!

Do ông Lý Viên Tịnh xin tu chỉnh, tôi bèn cậy cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh xem xét, hiệu đính, nhờ thầy Đức Sâm biên tập. Sách đã hoàn thành (hết thảy nhân duyên thành tựu, trong lời bạt của thầy Đức Sâm nơi quyển cuối đã nêu cặn kẽ, ở đây không nhắc lại nữa). Do vậy trình bày đại lược lòng đại từ bi sâu xa của Bồ-tát hòng người thấy kẻ nghe ai nấy đều sanh chánh tín, ngõ hầu cậy vào từ lực của Bồ-tát thoát khỏi nỗi khổ huyễn vọng, được sự vui rốt ráo. Nhân đó bèn tán rằng:

Đại sĩ thệ nguyện bất khả trắc,
Vận bi châu biến trần sát quốc,
Chúng sanh tận hậu thệ phương hưu,
Địa ngục không thời nguyện thỉ tức,
Thọ hóa đa thành vô thượng đạo,
Tự thân do thị Thanh văn tích,
Chỉ duyên sanh Phật tánh duy nhất,
Dục linh đồng hoạch Cứu cánh tức.

(Đại sĩ thệ nguyện há thể lường,
Lòng bi trọn khắp cõi vô ương,
Chúng sanh độ hết mới xong thệ,
Địa ngục trống rồi nguyện mới thôi.
Giáo hóa nhiều người thành Phật đạo,
Tự thân vẫn hiện tướng Thanh văn,
Chúng sanh và Phật tánh vốn một,
Cùng muốn ta người chứng Pháp Vương.)

25. Lời tựa cho cuốn Nhật Tụng Kinh Chú Tuyển Lục

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao trùm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng được nêu lên, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Bậc Đăng địa Bồ-tát[338] vẫn chưa thể thấu hiểu triệt để đến tột nguồn tận đáy được, huống là phàm phu sát đất đầy dẫy hoặc nghiệp ư? Nhưng rút lấy những ý nghĩa trọng yếu trong giáo pháp nhà Phật thì chỉ là mong sao chúng sanh hiểu rõ tự tâm, chứng Phật tánh triệt để. Muốn hiểu rõ tự tâm để chứng Phật tánh, ắt phải dùng giới để trói buộc cái thân, dùng định để dứt vọng, dùng tuệ để đoạn hoặc ngõ hầu có thể tự thoát khỏi sanh tử huyễn vọng, chứng Niết-bàn chân thường. Về thứ tự tu trì thì nên lấy việc mở mang tri kiến của chính mình để dẫn đường, dùng tín - nguyện - niệm Phật làm chánh hạnh, lấy vạn thiện trang nghiêm làm trợ tu. Vì thế sách này xếp kinh Kim Cang lên đầu, rồi đến Tâm Kinh, phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn, chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông, kinh A-di-đà, chú Vãng Sanh, Niệm Phật Khởi Chỉ Nghi (nghi thức niệm Phật), Phát Nguyện Văn, và các chú Đại Bi, Chuẩn Đề, hoặc kiêm trì các thứ, hoặc chuyên trì một thứ đều nhằm để giúp cho sự tu trì tịnh nghiệp ngõ hầu triệt ngộ "ngũ uẩn vốn là không, các pháp chẳng có tướng", hành khắp muôn hạnh nhưng chẳng thấy tướng năng hành, chuyên chí niệm Phật mà hiểu rõ "tâm làm, tâm là".

Tu được như thế sẽ nhanh chóng ra khỏi đường mê, lên thẳng bờ giác. Ấy là vì chúng sanh đời mạt chướng sâu tuệ cạn, nếu chẳng cậy vào Phật lực thì thật khó thể giải thoát, bởi một pháp niệm Phật chính là pháp môn vô thượng thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh; so với hết thảy những pháp cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân hòng liễu sanh tử thì khác biệt một trời một vực. Lại muốn cho sơ cơ hành nhân biết sâu xa nguyên do của các pháp môn, hai chúng tại gia trong cuộc sống hằng ngày và trong luân thường có thể dung thông cả chân lẫn tục, trọn hết cả Phật lẫn Nho, nên bèn in kèm theo Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Giác Thế Kinh và những khai thị về tu trì Tịnh độ để làm quy củ, chuẩn mực hòng cải ác hướng thiện, hướng lành tránh dữ, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, ngõ hầu ngay trong đời này liền vượt ra ngoài tam giới lục đạo, vào thẳng chín phẩm sen bảy báu. Nguyện những người tu đều cùng ra sức chú ý.

26. Lời tựa sách Tịnh Độ Thiên

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Pháp môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, đối với người tại gia lại càng khẩn yếu, vì người tại gia ai nấy đều có công việc, chẳng dễ gì tham cứu những pháp

[338] Đăng địa Bồ-tát: Hàng Bồ-tát từ Sơ địa trở lên.

như Thiền, Giáo v.v. được. Chỉ có pháp niệm Phật này là khế lý khế cơ nhất. Thật thà cắm cúi niệm Phật, niệm đến lúc nghiệp tận tình không thì "bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra", Như Lai tạng diệu chân như tánh thảy đều tỏ lộ trọn vẹn sát sao, đến khi lâm chung chắc chắn lên thượng phẩm. Nếu như căn cơ kém hèn chưa thể nghiệp tận tình không, nhưng do lòng thành tin tưởng chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, ắt sẽ có thể cảm ứng đạo giao với Phật, đích thân được Phật tiếp dẫn, liền được mang nghiệp vãng sanh. Tịnh độ mầu nhiệm chính là ở chỗ này đây!

Nếu chẳng biết nghĩa này, dẫu tham thiền đạt được cốt tủy, khán giáo minh tâm, hễ còn mảy may hoặc nghiệp chưa hết sạch thì vẫn luân hồi sanh tử y như cũ, chẳng thể thoát lìa được. Hãy chớ nên tự ỷ lại, để đến nỗi bị hàng ngu phu ngu phụ do niệm Phật cầu sanh Tây Phương được mang nghiệp vãng sanh phải thương xót. Than ôi, kẻ ngu dại tầm thường tột bậc phần nhiều đạt được lợi ích thật sự, còn người đại thông minh chẳng mong chi sát cánh kề vai! Phần đông là vì ỷ mình thông minh, tuy có Phật lực vẫn chẳng chịu nương cậy, rốt cuộc phải luân chuyển số kiếp dài lâu, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Từ xưa bậc cổ đức vốn sẵn mang lòng bi của Phật đề xướng Tịnh độ, bao nhiêu trước thuật nhiều khôn kể xiết, nhưng phần lớn viết bằng thể loại văn ngôn, chẳng thuận tiện cho hạng bình dân.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh vốn dựa theo bốn kinh Tịnh độ và ý tứ từ những trước thuật của cổ đức, dùng lối văn nói (bạch thoại) để xiển dương Tịnh tông. Tuy nội dung sách được chia thành mười môn, lời văn gần đến một vạn chữ, nhưng mỗi chữ mỗi nghĩa đều xuất phát từ kinh Phật hay lời tổ, trọn chẳng tự lập ý kiến để tự khoe khoang đến nỗi mắc lỗi "lầm người, hoại pháp". Do thấy sách này có ích cho kẻ sơ cơ, Phật Học Thư Cục đặc biệt xếp nó vào loại tiểu tùng thư để sách được lưu truyền rộng rãi. Nay lại in riêng theo lối chữ Tam Hiệu Đại Tự để những người lớn tuổi mục lực suy yếu chẳng bị khó đọc. Lại cậy Quang viết lời tựa dẫn giải hòng khơi gợi chánh tín. Những nghĩa trọng yếu khác trong sách đã tự có đủ, không cần phải rườm lời. Phải biết pháp môn Tịnh độ là biển pháp để hết thảy các pháp đổ về, nếu ai tin được như thế thì người ấy liền có thể cao đăng chín phẩm ngay trong đời này, tương lai chắc chắn viên mãn tam giác[339]. Có kẻ cho lời ấy nói quá lố, tôi thưa: "Tội lỗi này tôi đâu dám gánh vác, đã có Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật và A-di-đà Phật gánh chịu rồi!"

[339] Tam giác có thể hiểu theo hai cách:

1. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

2. Bổn giác (tâm thanh tịnh sẵn có trong tự tánh), thỉ giác (sự giác ngộ có được do bổn giác huân tập và do tu tập) và cứu cánh giác (bổn giác lẫn thỉ giác đạt đến cùng cực, hợp nhất).

27. Lời tựa cho bản in gộp chung hai sách Tịnh Độ Vấn Biện và Công Quá Cách

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Cổ nhân nói: *"Tử sanh diệc đại hỹ, khả bất bi tai!"* (Chết - sống cũng lớn thay, chẳng đáng buồn ư?) Biết chết sống đáng buồn, hãy nên cầu lấy pháp có thể liễu được sanh tử thì chuyện đáng buồn sẽ biến thành đáng vui. Nếu chẳng cầu pháp liễu sanh tử, sanh lòng bi cảm suông, có ích chi đâu? Đại trượng phu sống trong thế gian, không chuyện nào chẳng tính toán sẵn, nhưng chỉ có mỗi một chuyện sanh tử đa số đều ngược ngạo bỏ mặc không hỏi tới, mãi cho đến khi báo hết mạng tận phải theo nghiệp chịu báo, chẳng biết một niệm tâm thức này sẽ lại đi thọ sanh trong đường nào! Cõi trời người là quán trọ, tam đồ là quê nhà, mỗi lần thọ báo trong tam đồ là trăm ngàn kiếp, trọn chẳng có dịp nào lại được sanh trong cõi trời người. Do vậy nói rằng: "Đương nhiên không thể nào không miệt mài cầu tìm pháp liễu sanh tử!" Phải biết, pháp môn vô lượng, nhưng đều phải dùng tự lực để đoạn hoặc chứng chân thì mới có phần liễu sanh tử, nên chúng sanh đời mạt hơi khó thể được lợi ích thật sự ngay trong đời này. Chỉ có tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thật là bậc nhất, do cậy vào Phật từ lực nên dẫu là kẻ chưa đoạn được hoặc nghiệp vẫn có thể thoát khỏi cõi Sa-bà này, lên cõi Cực Lạc kia. Pháp môn Tịnh độ quả thật là một sự nương tựa lớn lao cho hạng không có sức đoạn hoặc như lũ chúng ta.

Vì thế, cư sĩ Chu Tiếp Thần chỉ sợ người đời quen thói chấp thường, chẳng chịu tu tập đến nỗi tự lầm, do vậy đem những thứ nghi tình chính mình từng ôm ấp trước kia, mỗi mỗi đều mổ xẻ rạch ròi để hướng dẫn hết thảy mọi người cùng hàng. Lại còn đính kèm những thiên sách khuyên hiếu răn dâm để làm những hướng dẫn hòng nghiêm ngặt vâng giữ điều thiện tột bậc, răn dè điều ác tột bậc, ngõ hầu nền tảng vững vàng, tiến tu không bị vướng mắc. Lại sợ bị sai sót trong luân thường và xử sự hằng ngày nên đem Công Quá Cách in kèm vào phần sau. Trộm nghĩ: Công Quá Cách này chính là nhiệm vụ trọng yếu để cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, hễ tận hết tâm lực thực hiện thì lo chi chẳng đạt đến địa vị thánh hiền. Phàm những ai có chí mong thành thánh thành hiền, xin chớ vì pháp này vụn vặt rồi xem thường thì tốt đẹp lắm thay!

Thêm nữa, Công Quá Cách viết theo thể văn xuôi, chẳng thuận tiện tụng thuộc. Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn thật sự là cội nguồn của Công Quá Cách, vì thế cung kính chép vào đầu sách để mong sao sáng chiều tụng đọc, chiếu rọi lẫn nhau, ngõ hầu ba nghiệp thanh tịnh, một dạ thuần thành, chuyên dốc, hòng đấng sanh ra ta khỏi thẹn, hành vi trở thành mẫu mực cho cõi đời. Do vậy thế

pháp lẫn Phật pháp một bề cùng tu, thành tựu chính mình, thành tựu người khác, trọn chẳng sai biệt. Trước là kế thừa bậc thánh đời trước, sau là mở mang nếp học cho người sau, tán trợ quyền sanh trưởng, giáo hóa của trời đất, giúp cho đất nước yên lành, đều do những lời lẽ tầm thường, hành vi tầm thường ấy mà đạt được. Nếu bỏ đi những điều này chẳng thực hành, cầu lấy pháp huyền diệu nào khác, dẫu cho sở đắc lớn lao vẫn chỉ có thể lợi lạc cho hạng căn tánh nào đó mà thôi, huống chi là kẻ chuyên chuộng bàn suông mà hòng được lợi ích ư?

28. Lời tựa cho bộ Giác Hậu Biên

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Khổng tử nói: *"Tánh tương cận dã, tập tương viễn dã"* (Tánh thì gần giống như nhau, nhưng do rèn luyện mà thành khác xa nhau). Tánh chính là bản thể của giác, tập chính là công dụng của giác. Tánh thì phàm - thánh, chúng sanh - Phật trọn chẳng khác nhau, nên nói "tương cận", cũng giống như nói *"nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý"* (con người có cùng một cái tâm này, tâm có cùng một lý này). "Tập" thì có thuận tánh, nghịch tánh sai khác. Thuận theo tánh thì suy tư, nẩy sanh ý niệm, xử sự đều tự có thể nén giận, khắc chế được ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành. Cho đến khi nhân dục hết sạch, thiên lý thông suốt, sẽ khôi phục trọn vẹn giác tánh nơi bản thể, cho đến trở thành hiền thành thánh, vượt ra ngoài điều mong đợi lúc ban đầu. Người như thế gọi là *giác giả*. Người đã giác ngộ trước (tiên giác) đem điều chính mình đã giác để giác ngộ kẻ chưa giác, khiến cho họ đều cùng được giác, khiến cho những kẻ chưa giác sau đấy mỗi mỗi đều giống như bậc tiên giác vậy.

Đại pháp để kế thừa đời trước, mở mang cho đời sau, tham dự quyền sanh thành giáo hóa của trời đất, duy trì thiên hạ hậu thế ấy cũng chính là nguyên do vì sao con người cùng với trời đất được xưng là tam tài vậy. Vì thế Y Doãn nói: *"Dư thiên dân chi tiên giác giả dã, dư tương dĩ tư đạo giác tư dân dã, phi dư giác chi nhi thùy dã"* (Ta là người giác ngộ trước hết thảy nhân dân, ta phải đem cái đạo ấy để giác ngộ cho những người dân ấy. Chẳng phải là ta giác ngộ họ thì còn ai vào đây nữa?). Ông ta đã coi hết thảy nhân dân như thánh hiền, nhân dân nghe được lời lẽ ấy, ai chịu tự hạn cuộc trong phận ngu hèn, chẳng thể không sốt sắng tu trì để tiến thẳng vào địa vị thánh hiền ư? Tiếc cho đời sau chưa được bậc tiên giác chỉ dạy, thường mê chân, đuổi theo vọng, trái giác, xuôi trần, rong ruổi trong thanh, sắc, của cải, lợi lộc, đến nỗi đạo đức nhân nghĩa đều bị bỏ lửng hết. Tuy cùng sẵn có giác tánh ấy, nhưng vì trái nghịch nên không những chẳng thể là hiền thánh, mà trái lại còn đọa xuống phận ngu tối, tầm thường, thành phường bạo loạn, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư?

Kinh Thư dạy: *"Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh"* (Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh), nên chẳng thể không miệt mài tìm tòi đạo hậu giác (giác ngộ cho người chưa giác)! Cư sĩ Chánh Định Vương Khắc Am là một vị ẩn sĩ vào đời Thanh xưa kia, do cõi đời đang trong thuở mạt, khó thể thân cận thánh hiền, không thể do đâu mà bắt chước theo khuôn phép được, hạng người bình thường lại chẳng thể lãnh hội những lời lẽ trong sáu kinh, Luận Ngữ, Mạnh Tử. Do vậy bèn chọn lọc những lời dạy trong Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Công Quá Cách… và những lời lẽ tốt lành về hiếu thảo cha mẹ, kính trọng bậc trưởng thượng, giữ thân xử thế, sửa lỗi hướng thiện từ những trước tác của những bậc hiền triết xưa nay, biên soạn thành một tập sách, tổng cộng gồm 14 môn. Đầu tiên là Minh Tông (nêu rõ tông chỉ), sao lục ba thứ cảm ứng để làm tổng cương (cương lãnh tổng quát), mỗi môn sau đó đều nhằm nêu tỏ ý nghĩa "những khuôn phép nên tuân theo, những điều nên răn dè" thuộc về ba thứ cảm ứng ấy.

Nếu người đời sau đọc được cuốn sách này sẽ giống như giở cái lưới lên, mọi mắt lưới đều căng ra, gốc đã lập đạo bèn sanh, phàm mỗi lời nói, mỗi hành động không gì chẳng theo đúng khuôn khổ. Giống như vàng lỏng đổ vào cái khuôn tốt đẹp, lẽ đương nhiên phải trở thành món vật đàng hoàng; như giống lúa tốt được đẫm mưa ngọt, chắc chắn mùa màng bội thu. Thiện quả thế gian đã đạt được thì ai chịu vạch đất tự hạn chế, chẳng chịu chăm chú tu trì pháp môn Tịnh độ để mong chứng trọn vẹn giác tánh ấy, để trở thành vô thượng đại giác trong thế gian lẫn xuất thế gian ư? Em ông ta là Lôi Hạ tính lưu truyền sách này, đưa cho tôi xem, do vậy bèn quyên mộ tiền bạc ấn loát để lưu truyền rộng rãi. Người có duyên gặp được hãy nên đọc kỹ nghĩ sâu, đừng để luống qua thì may mắn lắm thay!

29. Lời tựa sách Học Phật Thiển Thuyết

(Năm Dân Quốc 13 - 1924)

Phật pháp rộng sâu như biển cả, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu tột nguồn đáy. Chín pháp giới kia dù thánh phàm, lợi độn khác nhau, ai nấy đều tùy theo khả năng của chính mình để tu tập hòng chứng nhập. Ví như tu-la, hương tượng[340] và muỗi mòng uống nước biển cả, mỗi loài uống no bụng rồi đi. Nếu muốn một

[340] Hương tượng (gandha-hastin) là một loài voi lớn thân có mùi thơm nồng gắt thường tỏa mùi rất hăng trong thời kỳ nó động dục. Theo luận Đại Tỳ-bà-sa, quyển 30 chép: "Trong thời kỳ ấy, hương tượng rất mạnh, tánh chất cực hung bạo, khó thể chế ngự, sức của nó mạnh bằng mười con voi thường." Vì loài voi này rất mạnh có thể vượt sông dễ dàng, nên kinh thường dùng hình ảnh "hương tượng độ hà" (voi thơm vượt sông) để chỉ bậc đại căn đại lực có thể dũng mãnh thoát dòng sanh tử.

hơi hút cạn hết, trừ phi là kẻ có dung lượng bằng biển cả mới làm được. Nếu không, chỉ có thể đích thân nếm vị nước biển, chưa dễ gì thấu tột nguồn đáy được! Nhưng Phật pháp chính là pháp sẵn có trong tâm của hết thảy chúng sanh, ngoài cái tâm của chúng sanh ra thì trọn chẳng có pháp nào thêm vào được, vì bản thể của tâm hết thảy chúng sanh và tâm Phật chẳng hai. Nhưng do mê muội chưa ngộ, bèn khởi hoặc tạo nghiệp, theo nghiệp chịu khổ, đến nỗi trí tuệ đức tướng sẵn có nơi cái tâm ấy bị phiền não, ác nghiệp che lấp giống như mây phủ kín mặt trăng, chẳng thấy được tướng sáng. Tuy chẳng thấy được tướng sáng, nhưng tướng sáng của mặt trăng vẫn tự thường chẳng biến đổi, trọn chẳng bị giảm suy. Do vậy đức Như Lai khởi lòng từ vô duyên, vận lòng bi đồng thể, tùy thuận cơ nghi thuyết pháp. Tuy tùy theo căn cơ đặt ra Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, đủ mọi thứ sai khác, nhưng bổn ý của đức Phật không lúc nào chẳng nhằm làm cho hết thảy chúng sanh đều trái trần hiệp giác, bỏ mê về với ngộ, thoát khỏi sanh tử huyễn vọng, thành tựu Phật đạo vốn sẵn có mới thôi.

Do chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng chưa dễ gì tiêu trừ, nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ tín nguyện niệm Phật để hết thảy dù phàm hay thánh, dù ngu hay trí đều cùng nương vào hoằng thệ nguyện lực của đức Di-đà vãng sanh Tây Phương hòng khôi phục tâm tánh sẵn có, thành vô thượng Bồ-đề dễ dàng. Từ khi Phật pháp được truyền vào Chấn Đán (Trung Hoa), hơn 1.800 năm qua, phàm là bậc vua thánh, tôi hiền, vĩ nhân, danh sĩ, không ai chẳng tuân phụng lời Phật dặn dò mà hộ trì, lưu truyền, bởi lẽ Phật pháp tuy thuộc pháp xuất thế, nhưng tất cả đạo xử thế trong cõi đời đều được bao gồm chẳng sót. Phàm những gì Phật pháp đã nói về cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, đều chẳng khác gì với những điều thánh nhân thế gian đã nói. Thánh nhân thế gian chỉ dạy dỗ con người trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, còn đức Phật dạy rõ báo ứng thiện ác của việc trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận và không trọn hết tình nghĩa, không trọn hết bổn phận. Trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận thì chỉ có thể dạy bậc thượng trí; còn nếu là kẻ bẩm tánh ương bướng, kém cỏi, nếu không giả vờ làm, ắt sẽ chống trái. Nếu biết báo ứng thiện ác thì muốn làm lành ắt sẽ gắng sức, muốn làm ác ắt chẳng dám làm. Đối với những pháp nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Như Lai đã nói, kẻ sâu sắc sẽ thấy là sâu sắc, kẻ nông cạn sẽ thấy là nông cạn. Dùng những pháp ấy để tu tâm sẽ có thể đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử. Dùng những pháp ấy để giữ yên cõi đời sẽ thắng được tàn bạo, bỏ được giết chóc, bỏ sự bạc ác trở thành thuần lương. Gần đây thế đạo nhân tâm suy hãm đã đến cực điểm, đua nhau đề xướng cách thức mới, vứt bỏ đường lối cũ. Ngay như cả mối quan

hệ cha con, vợ chồng họ còn muốn đạp đổ, huống chi những mối quan hệ nhỏ hơn ư?

Vì thế thiên tai nhân họa liên tục giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Những người có tâm lo cho thế đạo muốn cứu vãn, đều khuyên khắp mọi người nghiên cứu Phật học, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, từ một truyền mười, từ mười truyền trăm, cho đến ngàn, đến vạn, không ai chẳng ngả theo chiều gió mong sao thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Đây quả thật là pháp luân căn bản để dứt đời loạn, vãn hồi vận nguy, uốn nắn thế đạo lòng người vậy. Đang trong thời này, nếu chẳng dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để dạy dỗ, dù thánh hiền đều cùng xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng biết phải làm như thế nào. Nếu chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để tu, dẫu là kẻ thiên tư cao thượng cũng khó lòng đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử.

Cư sĩ Vương Bác Khiêm túc căn sâu dày, tâm cứu đời tha thiết, lại còn là chủ bút một tờ báo, nắm mấu chốt thao túng ngôn luận, muốn khiến cho mọi người cùng hàng đều cùng học Phật. Do kinh luận, trước thuật Phật giáo văn sâu nghĩa thẳm, dẫu là văn nhân sẵn đủ trí tuệ nghiên cứu lâu ngày vẫn khó thể hiểu được mấu chốt để bước vào chỗ sâu thẳm, huống hồ ngu phu ngu phụ ư? Do vậy ông ta đem những lý chính mình đã thấy soạn thành Học Phật Thiển Thuyết (những lời bàn nông cạn về sự học Phật) gồm 20 thiên, nhất loạt dùng những chữ nghĩa thông tục, nhưng những lời lẽ ấy vốn đều xuất phát từ kinh luận của Phật, tổ, chẳng qua mượn lối văn đơn sơ, rõ ràng để trình bày, mong sao người nhã kẻ tục cùng xem, trí hay ngu đều thấu hiểu vậy. Do Quang hình tích tuy khác, nhưng chí đạo vốn đồng, ông Bác Khiêm đã trống lòng hỏi xuống[341], đem bản thảo gởi cho xem, lầm lạc cậy Quang giám định, sửa chữa để tiện lưu truyền. Do vậy bèn đọc kỹ càng, khôn ngăn hoan hỷ, bày tỏ nỗi lòng ngu độn để tỏ sự đồng ý. Nguyện khắp những người đọc đều sanh lòng tin, bao nhiêu lợi ích sẽ tự chứng biết.

30. Lời tựa lưu thông cho bản in gộp chung hai sách Phật Tổ Tâm Đăng và Thiền Tịnh Song Úc

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Tâm đăng của Phật - tổ thường luôn sáng ngời, lý tột cùng Thiền - Tịnh tràn ngập pháp giới, ai nấy đều sẵn có, cần chi phải tán dương? Do vì kẻ chưa hiểu rõ mà phải ghi chú tỉ mỉ bên dưới! Kinh Phạm Võng dạy: "Hết thảy chúng sanh đều

[341] Nguyên văn là "hạ vấn": Một cách nói khiêm tốn, ngụ ý chính mình ngu hèn, tối tăm, ý kiến không ra gì, hiểu biết thua xa người ta, nhưng người ta vẫn khoan dung, rộng lòng hỏi đến.

có Phật tánh." Lại nói: "Ngươi là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành." Trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ-tát trông thấy tứ chúng đều lễ bái thưa: "Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật." Trong hội Hoa Nghiêm, khi đức Như Lai thành Đẳng chánh giác, than rằng: "Lạ thay, hết thảy chúng sanh đều có đủ trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, tự nhiên trí sẽ được hiện tiền." Do vậy biết chúng sanh về bản thể là Phật, nhưng vì mê muội nên chưa ngộ, hoặc ngộ nhưng chưa chứng, nên chẳng thể tránh khỏi vẫn là chúng sanh.

Pháp khiến cho họ được ngộ, không chi hơn tham Thiền, tức tham cứu điều thường được gọi là "thấy được bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra", nhằm dạy con người hướng về lúc trước khi dấy lên ý niệm để đích thân thấy được chủ nhân ông. Nếu có thể thấy triệt để thì gọi là ngộ; nhưng phiền não chưa đoạn thì vẫn chẳng thể thoát khỏi luân hồi y như cũ! Nếu có thể đoạn hết sạch phiền hoặc thế gian thì mới vượt khỏi được ba cõi. Do vậy biết rằng chứng là chuyện lớn lao, chẳng dễ dàng gì. Vì thế chẳng thể không nương vào tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để mong cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Suy nghĩ chín chắn nghĩa này, sẽ biết Như Lai đặc biệt mở ra một môn Tịnh độ chẳng phải chỉ để tiếp dẫn riêng hạng hành nhân tầm thường, mà thật ra còn nhằm bảo vệ những người đã có ngộ chứng trong Tông, trong Giáo nhưng chưa đạt đến mức "phàm tình lẫn thánh kiến đều bất khả đắc".

Phiền hoặc hết sạch đương nhiên sẽ giải thoát. Người đã ngộ đã chứng nhưng chưa đạt đến mức cùng cực, nếu không có pháp môn Tịnh độ che chở, nhiếp trì thì những hành nhân ấy lại phải thọ sanh, kẻ bị chìm đắm thì nhiều mà kẻ tấn tu thật ít. Cảm ân đức của Phật khiến con người khôn ngăn nghẹn ngào ứa lệ! Đại sư Liễu Nhiên túc căn sâu dày, từ lúc mới xuất gia bèn dốc chí nơi Tông thừa, nhọc nhằn tận lực tham cứu, lãnh hội được chỗ chỉ quy. Do những bài kệ của Thất Phật[342] và 33 vị tổ[343] của Tây Trúc, Đông Chấn (Trung Hoa) văn sâu nghĩa thẳm,

[342] Thất Phật là Tỳ-bà-thi Phật, Thi-khí Phật, Tỳ-xá-phù Phật, Câu-lưu-tôn Phật, Câu-na-hàm Mâu-ni Phật, Ca-diếp Phật và Thích-ca Mâu-ni Phật. Sáu vị trước đều là những vị Phật tại thế giới Sa-bà trong quá khứ. Những bài kệ truyền pháp của các vị Phật này được chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục.

[343] 33 vị tổ là những tổ sư nhà Thiền, theo truyền thống Thiền tông Trung Hoa gồm 28 vị tổ Ấn Độ và 6 vị tổ Trung Hoa (tổ Đạt-ma được kể là tổ 28 của Thiền tông Ấn Độ, đồng thời là sơ tổ Thiền tông Trung Hoa) gồm: 1) Ma-ha-ca-diếp 2) A-nan 3) Thương-na-hòa-tu 4) Ưu-ba-cúc-đa 5) Đề-đa-ca 6) Di-già-ca 7) Bà-tu-mật 8) Phật-đà-nan-đề 9) Phục-đà-mật-đa 10) Tôn-giả Hiếp (vị này do chưa bao giờ đặt lưng nằm xuống giường nên có tên như vậy) 11) Phú-na-dạ-xa 12) Mã Minh Bồ-tát 13) Ca-tỳ-ma-la 14) Long Thọ Bồ-tát 15) Ca-na-đề-bà 16) La-hầu-la-đa 17) Tăng-già-nan-đề 18) Già-da-xá-đa 19) Cưu-ma-la-đa 20) Xà-dạ-đa 21) Bà-tu-bàn-

thật khó thể lãnh hội, sư bèn chú thích rõ ràng, thêm vào một vài câu chữ khiến ý nghĩa càng được sáng tỏ, bèn đặt tên là Phật Tổ Tâm Đăng.

Tiếp đó, sư vân du các phương, nghiên cứu cùng tột kinh luận, mới biết pháp môn Tịnh độ quả thật là biển pháp rất sâu để chư Phật, chư tổ tự lợi, lợi người rốt ráo, hết thảy các pháp, không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp này, không pháp nào chẳng quy hoàn pháp này. Do vậy sanh lòng tin chân thật, tận lực tu trì để mong được vãng sanh ngay trong đời này hòng thỏa ý nguyện ban đầu, lúc nhàn hạ bèn nêu tỏ những lý cốt yếu của Thiền và Tịnh, lời lẽ đích xác thiết thực, khiến người khác tỉnh ngộ sâu xa, đặt tên Thiền Tịnh Song Úc (Thiền và Tịnh cùng ra công gắng sức).

Tuy đề xướng Thiền tông, nhưng thật ra chú trọng Tịnh độ ngõ hầu người đã ngộ chứng lẫn kẻ chưa ngộ chứng đều cùng được liễu thoát ngay trong đời này. Bạn của sư là đại sư Đức Sâm muốn ấn hành lưu truyền, cậy tôi thẩm định và thuật những ý nghĩa cốt yếu, do vậy bèn thâu tóm những ý nghĩa quan trọng để giãi bày. Điều đáng tiếc là văn tự lẫn ý nghĩa của hai cuốn sách ấy hơi sâu, kẻ sơ cơ thông thường chưa thể vừa đọc đã hiểu rõ được ngay, nhưng sách tiếp dẫn kẻ sơ cơ rất nhiều, nên điều này vẫn chưa phải là điều đáng ân hận vậy. Tuy thế, sách này cũng có thể khiến cho kẻ tham thiền nhưng chưa ngộ chứng sẽ có được đạo để hoàn tất ngay trong đời này, có ích cho kẻ tu thiền lớn lắm. Nguyện những ai thấy nghe đều cùng sanh lòng tin tưởng.

31. Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Tề Chú

(Bài tụng vỡ lòng cho trẻ bằng thể loại ba chữ nhằm hướng dẫn về cái học chánh đáng với lời chú giải của ông Tề Dụng Tu)

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, thánh phàm như một. Thánh nhân đạo Nho đạo Thích là những bậc đã thấu hiểu "tâm của chúng ta giống hệt như nhau" trước hết, thương xót chúng sanh vì mê hoặc nên chưa ngộ được lý ấy, chưa thụ dụng được. Do vậy, mỗi vị đều lưu lại ngôn giáo để dẫn dắt, khơi gợi, mong sao ai nấy đều đích thân chứng được lý đó. Lại còn dùng tiên giác để giác kẻ hậu giác. Nhưng đạo Nho chú trọng cách xử thế nên chú trọng giảng về luân thường, đối với lý tột bực về tâm tánh bất quá chỉ trình bày đại lược đầu mối mà thôi. Nếu có thể nghiên cứu Phật học

---

đậu 22) Ma-noa-la 23) Hạc-lặc-na 24) Sư Tử 25) Bà-xá-tư-đa 26) Bất-như-mật-đa 27) Bát-nhã-đa-la 28) Bồ-đề-đạt-ma 29) Huệ Khả 30) Tăng Xán 31) Đạo Tín 32) Hoằng Nhẫn 33) Huệ Năng.

đến tột cùng, hễ có sở ngộ, lãnh hội thì ngay trong luân thường xử sự hằng ngày sẽ không một điều nào chẳng thấm đẫm nhất chân, đâu đâu cũng gặp nguồn. Vì thế xưa nay những vị lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng tinh trung chói lòa nhật nguyệt, hạo khí lấp trời đất, phần nhiều là do học Phật đắc lực mà ra. Đó gọi là "chẳng biết đến Phật pháp sẽ không thể nào biết đạo Nho được". Chẳng biết đến cái hay của pháp xuất thế sẽ không có cách nào xử thế trọn vẹn được.

Đạo Thích đặt nặng xuất thế, vì vậy toàn bộ luân thường thế gian và lẽ tột bực về tâm tánh mỗi mỗi đều nêu tỏ đến triệt để, tùy theo căn cơ mà lập giáo, đối bệnh phát thuốc, ngõ hầu hết thảy chúng sanh ai nấy tùy theo cơ nghi đều được lợi ích thật sự. Do đấy, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, mỗi mỗi đều dạy về nhân đời trước, quả hiện tại, nhân hiện tại, quả đời sau, khiến cho con người có muốn làm ác cũng chẳng dám, không muốn làm điều thiện cũng không thể được. Nếu ai nấy đều biết nghĩa này, há luân thường chẳng được chỉnh đốn, thiên hạ thái bình ư? Phật pháp dạy về Nhân thừa, Thiên thừa mà hiệu quả còn được như thế ấy, nếu lại xét đến lợi ích của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật thừa, há còn có thể suy lường được ư?

Điều đáng tiếc là Tống Nho hẹp lượng, do học Phật pháp, họ hiểu được tâm pháp của thánh nhân, nhưng muốn suy tôn Nho giáo bèn ngược ngạo bài bác Phật pháp. Thật ra về căn bản, họ bài bác là vì muốn cho con người thành ý chánh tâm, trọn hết tình nghĩa, bổn phận; nhưng nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là thật lý, thật sự trong thiên hạ xưa nay. Nếu con người biết điều này, há có dám trái tâm nghịch lý để chuốc lấy tội lệ đến nỗi tương lai bị đọa vào chỗ chẳng vừa ý, ắt sẽ tự nhiên chánh tâm, thành ý, trọn hết tình nghĩa, bổn phận. Tống Nho nói: "Phật dùng nhân quả báo ứng, luân hồi sanh tử để dụ dỗ, mê hoặc kẻ ngu tục, chẳng biết con người do bẩm thụ khí trời đất mà sanh, đến khi đã chết rồi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dẫu có hình phạt, lấy gì để thi thố đây?" Họ lầm lạc tưởng chết đi là diệt mất vĩnh viễn, trở thành đại tà kiến. Từ một truyền ra nhiều, di hại cho đời sau, rất trái nghịch đạo *"nguyên thủy phản chung, cố tri sanh tử chi thuyết*[344]*"* (truy xét đến tận nguồn gốc ban đầu cho nên hiểu được lời

[344] "Nguyên thủy phản chung": Phản là suy ngược lại, tìm đến tận cội nguồn. Pháp sư Nguyệt Khê giảng: "Nguyên thủy phản chung là truy ngược lại cái nguồn để biết sanh ra từ đâu, quay ngược lại xem xét chỗ kết thúc để biết vì sao chết." Giáo sư Cái Kiến Dân lại giảng "nguyên thủy phản chung" là truy xét đến tận nguồn gốc sự vật từ ban đầu cho đến kết thúc. Tổng hợp hai cách giải thích này thì "nguyên thủy phản chung" là cách suy luận dựa trên tình trạng nguyên sơ của sự vật và tình trạng lúc chung cục của chúng để quy nạp lại mà phán đoán, nhận định.

nói về sanh tử) và ý nghĩa *"tinh khí vi vật, du hồn vi biến, cố tri quỷ thần chi tình trạng*[345]*"* (tinh khí là vật, du hồn biến đổi, từ đó biết được tình trạng của quỷ thần) của thánh nhân. Do vậy, phường gian tà dám làm ác, vì hễ chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả, sao còn khư khư giữ chừng mực, chịu đựng ràng buộc, đến nỗi uổng công nhọc nhằn cả đời, sao không buông lung tình ý, mặc lòng thích gì cứ làm để hưởng hạnh phúc tự do tự tại ư? Do đấy, thiện không có gì để khuyên, ác chẳng có gì để phạt, đây kia bắt chước nhau đến nỗi trở thành hiện tượng phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường. Trong ý bọn họ (tức bọn Tống Nho), cứ sợ đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, con người đa số sẽ theo về đạo Phật, nên mới đặc biệt xướng ra chuyện bài xích để ngăn chặn hòng con người không cách nào tiến nhập đạo Phật được, ngõ hầu Nho giáo hưng thịnh, vĩnh viễn không bị suy sụp. Nào biết là ngược lại khiến cho đạo thánh nhân do vậy bị diệt mất, chẳng đáng buồn ư?

Cư sĩ Giang Dịch Viên[346] ở Vụ Nguyên xưa đã trồng cội đức, phẩm đức cao cả, học vấn ưu tú, thoạt đầu chuyên đề cao Trình - Chu, chẳng biết Phật là người

---

[345] Theo chương Nội Nghiệp trong sách Quản Tử thì "tinh khí" phải hiểu là "hồn thần". Trịnh Huyền giảng câu "tinh khí vi vật, du hồn vi biến" như sau: "Tinh khí là thần, du hồn là quỷ." Tức là: Quỷ thần là hình thái do tinh khí biến hóa ra. Sách Lễ Ký cũng giảng: "Thể phách tụ xuống đất thành quỷ, bốc lên không thành thần. Những thứ này có tri giác, hưởng thụ nhân gian cúng tế." Hàn Khang Bạch đời Tấn còn đi xa hơn, chú giải rằng: "Khí tụ lại hiển hiện thành vật chất là thần, phân tán, ẩn kín thì gọi là hồn." Trang Tử, Liệt Tử đều cho rằng tinh khí phải hiểu là hình hài thể chất (do đó về sau Đạo gia chủ trương con người gồm ba phần là tinh - khí - thần), còn du hồn (linh hồn lãng đãng vô định) chính là tinh thần. Nói cách khác, đạo Nho, đạo Lão thừa nhận con người gồm hai phần là tinh thần và vật chất, vật chất (tức thể xác) có biến đổi, hư hoại, nhưng tinh thần còn tồn tại. Thế mà Tống Nho lại chủ trương con người chết đi, thể xác đã diệt mất, thần hồn cũng phiêu tán, không còn đời sau nữa.

[346] Giang Dịch Viên (1876-1942), tên thật là Giang Khiêm, hiệu Dương Phục, người huyện Vụ Nguyên, tỉnh An Huy, vốn thuộc dòng danh sĩ (ông là hậu duệ của học giả Giang Thận Tu). Dịch Viên nổi tiếng thông minh từ nhỏ, năm 13 tuổi đã biết làm thơ văn, đậu được danh hiệu *Bác sĩ đệ tử viên* trong khóa thi Đồng Tử năm 17 tuổi. Năm Quang Tự 28 (1902), bỏ thi cử theo lề lối cũ, Trương Quý Trực ở Nam Thông bèn mở trường Sư Phạm, mời Dịch Viên cộng tác, giữ chức hiệu trưởng. Ông cực lực áp dụng thuyết "tri hành hợp nhất" của Vương Dương Minh vào đường lối giáo dục trong nhà trường. Vào đời Tuyên Thống, khi bộ Học lập ra phân cục thống nhất Quốc Ngữ, do biết Dịch Viên tinh thông về ngôn ngữ học đã cung thỉnh ông làm Cục trưởng. Ông đã nghiên cứu đưa ra đề nghị rất có giá trị về cách dùng phù hiệu để ghi âm tiếng Hán. Ông từng đảm nhiệm các chức vụ hội trưởng hội giáo dục tỉnh An Huy, nghị viên hội đồng tỉnh An Huy v.v.. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), ông được cử làm trưởng ty giáo dục tỉnh An Huy, rồi được đưa về làm hiệu trưởng trường Cao Đẳng Sư Phạm Nam Kinh, lần lượt giữ nhiều địa vị danh giá trong giới giáo dục. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), trong khi dưỡng bệnh, ông đã đọc bản Kinh Vô Lượng Thọ do Bành Thiệu Thăng biên tập và luận Khởi Tín, sanh lòng tin sâu xa, quy mạng Di-đà, nhất tâm niệm Phật, không thuốc thang mà bệnh tự lành. Do vậy, năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông từ bỏ mọi chức vụ, chuyên tâm học Phật,

như thế nào, về sau do đã từng trải sâu xa, tri kiến câu nệ dần dần tiêu tan, thử đọc kinh Phật mới biết giống như lên non Thái, nhìn khắp bốn phương, tâm thần thông suốt, vui sướng không chi ví được, mới biết tiên Nho do tri kiến môn đình khiến cho hậu thế chẳng được hưởng lợi ích nơi pháp, đau tiếc khôn cầm. Vì thế ẩn cư ở quê nhà, noi theo tu trì, người trong cả làng đều được ông giáo hóa. Lại mong khơi gợi, dẫn dắt cho thế hệ tương lai, mong sao họ được hưởng lợi ích thật sự. Do vậy bèn soạn bài tụng mỗi câu gồm ba chữ, lược thuật ý chỉ lớn lao vì sao Nho, Phật lập giáo giác ngộ cõi đời và những nét chánh về hành trạng của chư tử[347] trong lịch sử, ngõ hầu người học chẳng bị lầm lạc bởi những lời lẽ mang tính chất môn đình của người xưa, để đều cùng trọn hết luân thường học Nho, tận hết tánh học Phật, lo toan cõi đời hay xuất thế đều gộp thành một việc. Sáng tỏ minh đức để ở yên nơi chí thiện, không trụ vào đâu mà sanh tâm, chẳng chấp một pháp nào, tu trọn các điều lành, vĩnh viễn lìa khỏi bốn tướng, phô trọn vạn đức, chứng pháp sẵn có trong tâm ta, kế tục đạo Như Lai đã đắc, xa là thỏa thích bổn hoài của tiên thánh, gần là bù đắp cho lỗi lầm của Tống Nho. Công đức ấy thật chẳng cạn cợt!

Môn hạ của ông ta là Tề Dụng Tu lại chú giải bài tụng ấy để người đọc vừa xem liền hiểu rõ. Cư sĩ Lý Viên Tịnh đặc biệt cho ấn hành, cậy tôi viết lời tựa, ngõ hầu lưu truyền rộng rãi. Do vậy chẳng nài kém cỏi, trình bày đại lược. Nguyện những vị phụ huynh và những người mang chức trách giáo dục hãy bảo con em cùng đọc tụng sách này thì sẽ biết dù Nho hay Thích đều trọn chẳng phải là hai đạo, lo toan cõi đời hay xuất thế vốn là một pháp. Nhân quả tỏ thì tâm tánh tự ngộ, luân thường rành mạch, thiên hạ thái bình, lẽ tất nhiên là như thế ấy. Người sáng mắt chớ nghĩ lời tôi là viển vông vậy!

32. Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Du Chú

giao du mật thiết với các vị đại lão đương thời như Đế Nhàn, Ấn Quang v.v. nghiên cứu rộng khắp kinh tạng. Ông sáng lập Phật Quang Xã ở làng Giang Loan thuộc huyện Vụ Nguyên để đề xướng Tịnh tông. Năm Dân Quốc 12 (1923), ông Giang đến Thượng Hải, gặp được pháp sư Hoằng Nhất và cư sĩ Vưu Tích Âm đang họp nhau ở đó cùng nhau soạn bài văn Công Đức In Kinh Tạo Tượng. Ngài Hoằng Nhất khuyên Dịch Viên nên đọc bộ Linh Phong Tông Luận. Đọc xong, Dịch Viên vô cùng ngưỡng mộ tổ Ngẫu Ích nên đã đề xướng sáng lập Linh Phong Học Xã với mục đích nghiên cứu Nho giáo lẫn Phật giáo. Tiếc rằng ông ta quá say mê cầu cơ nên về sau này đã có nhiều luận thuyết khiên cưỡng, thậm chí pha tạp những tà thuyết của cầu cơ vào trong các tác phẩm của mình cũng như nghiên cứu Phật pháp chưa chuyên tinh, thường ỷ vào trí thông minh để tự diễn giải Phật pháp theo ý riêng. Vì thế, tuy trước tác khá nhiều, các tác phẩm diễn giảng Phật pháp của ông không được những vị tôn túc thời ấy coi trọng.

[347] Các vị triết gia của cổ Trung Hoa, sống vào thời Xuân Thu Chiến Quốc như Mạnh tử, Tuân tử, Cáo tử, Liệt tử v.v..

(Năm Dân Quốc 27 - 1938. Khi soạn hai bài tựa này, vẫn chưa biết nhóm cư sĩ Giang đã chìm đắm quá sâu vào chuyện 'mâm cát bút gỗ' (cầu cơ))

Lòng người suy hãm, chánh đạo khó nghe lắm thay! Con người tánh vốn lành, sẵn có minh đức, nhưng vì không có người chỉ dạy nên tối tăm chẳng biết. Nhưng có kẻ được chỉ dạy càng thêm mê muội, đến nỗi suốt cả đời chẳng được nghe chánh đạo. Vì thế Khổng tử nói: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!"* (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được), đủ thấy cõi đời kẻ sống uổng chết phí nhiều lắm thay! Ấy là vì đạo ở gần lại cầu nơi xa, sự tuy dễ mà cầu nơi khó. Kẻ giảng giải đạo học toan làm sáng tỏ đạo của thánh nhân, lại ngược ngạo làm cho tâm thánh nhân bị tối tăm che lấp là vì chẳng khởi sự từ cội rễ, cứ dốc sức nơi nhánh ngọn, lại còn tưởng cội rễ là nhánh ngọn, tưởng nhánh ngọn là cội rễ. Tuy muốn thành ý chánh tâm, nhưng chẳng chú trọng trừ sạch món vật tư dục trong tâm thì cái tâm này đã bị món vật tư dục che lấp, nên tri kiến đều lấy tư dục trong tâm làm chuẩn mực. Như kẻ yêu vợ thương con, dù vợ con tồi tệ đến đâu đi nữa vẫn cứ cảm thấy là tốt, trọn chẳng biết là tồi tệ. Do tâm chìm đắm trong tình yêu thì sẽ không có chánh tri chánh kiến. Nếu trừ sạch được tư dục yêu thương thì vợ con tốt hay xấu sẽ như gương hiện bóng, tốt xấu thấy ngay lập tức.

Tư dục đã không có thì chân tri sẽ tự hiện, ý chẳng mong thành mà tự thành, tâm chẳng mong chánh mà tự chánh, thân chẳng mong tu mà tự tu. Tri chính là minh đức, "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân" chính là công phu để làm sáng tỏ minh đức vậy. Đầy đủ năm điều này thì minh đức sẽ sáng tỏ, sau đấy sẽ chú trọng tề gia, trị quốc cho đến thân dân[348] để ở yên nơi chí thiện vậy. Sự lý nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch cũng như Sử Ký, Hán Thư đều đã có ghi, chẳng qua chưa thể nói tường tận nguyên do đấy thôi! Có những chuyện ấy thì kẻ căn cơ hạng trung hạng hạ biết "làm lành sẽ được điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành, tai ương sẽ giáng xuống". Đã có những điều mong mỏi, hâm mộ, có những điều sợ hãi như vậy thì chẳng muốn "thành ý chánh tâm, mong mỏi thiện báo" cũng không thể được, vì sợ ác báo mà chẳng dám làm chuyện ác. Nay có kẻ cho rằng "sự lý nhân quả luân hồi ấy chính là do đức Phật bịa ra để gạt gẫm ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy". Lại còn cho rằng: "Con người chết đi thần hồn diệt mất, còn ai để chịu hình phạt và thác sanh? Hễ chết sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu lẫn Kiệt đều chết sạch." Do vậy thiện không có gì để khuyên, ác không

[348] Theo Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích, chữ thân trong "thân dân" đúng ra phải đọc là *tân*, vì thời cổ không phân biệt giữa chữ thân và tân. Theo sách ấy, "thân dân" là làm cho dân chúng ngày một đổi mới, tiến bộ không ngừng.

có gì để phạt, đến nỗi ùa nhau phế kinh điển, phế luân thường, thực hành biến con người thành loài thú, chẳng đáng buồn ư?

Cư sĩ Dịch Viên thoạt đầu chẳng biết Phật, cũng chẳng khỏi "người ta nói sao mình bảo vậy". Đến khi xem kinh Phật, mới biết trước kia sai lầm, bèn ngầm tu tại gia, người trong cả một làng đều được ông giáo hóa. Do muốn tạo sự hướng dẫn sáng suốt cho thiên hạ đời sau, bèn soạn bài tụng theo lối ba chữ để nêu rõ vì sao Phật là Phật; Khổng, Lão và Phật tuy giống nhau nhưng chẳng giống nhau, Phật và Khổng, Lão tuy khác nhau nhưng chẳng khác nhau. Do con người chưa xem kinh Phật thì không những chẳng biết Phật mà cũng chẳng biết Nho. Đã xem kinh Phật, mới thật sự biết Nho. Vừa xuất thế vừa lo toan cõi đời, vừa tiêu cực vừa tích cực. Tâm pháp nhà Nho, nhà Phật một mực thông suốt. Lại còn trình bày đại lược những điểm quan trọng trong lịch sử đạo học, ngõ hầu mở toang rào giậu, cùng trở về đại đồng. Môn nhân là Tề Dụng Tu đã đặc biệt soạn "tiên chú" (lời chú giải đại lược) để người đọc đều hiểu. Đến năm Dân Quốc 20 (1931), ấn hành lưu truyền trong đời, Quang từng viết lời tựa.

Nay môn nhân là Du Hữu Duy do thấy bản chú giải của ông Tề quá đại lược, kẻ chưa đọc kinh Phật và các sách vở Nho giáo sẽ khó thể thấu triệt, do vậy bèn viện dẫn kinh luận để diễn giải thông suốt, lợi ích không thể kể xiết. Nếu chịu nghiên cứu, ắt mong thâm nhập, từ đấy tuân theo lời Khổng - Mạnh dạy để duy trì thế đạo, tu pháp của Như Lai để triệt chứng tự tâm, ắt sẽ tuân giữ lòng dè dặt kinh sợ tu trì "ba điều phản tỉnh"[349], vâng lãnh "bốn điều đừng"[350], để chẳng thẹn vì phải ẩn giấu những điều nhỏ nhặt, ngũ uẩn rỗng rang, chẳng lập mảy trần, tịnh sáu căn, lìa trọn các tướng, đạt thẳng đến chỗ trở về chỗ "không có gì để đạt được" thì mới đắc Bồ-đề viên mãn, làm bậc trượng phu điều ngự, làm đạo sư cho trời người, đều do lấy những điều này làm nền tảng vậy!

33. Lời tựa cho bộ Tấn Liên Tông Sơ Tổ Lô Sơn Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

---

[349] Ba điều phản tỉnh: Trong Luận Ngữ, Tăng tử đã nói: *"Ngô nhật tam tỉnh, hồ ngô thân vi nhân mưu nhi bất trung hồ? Dữ bằng hữu giao nhi bất tín hồ? Truyền bất tập hồ?"* Sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích giảng nghĩa câu này như sau: "Ta hằng ngày ba lần phản tỉnh: Mưu tính công việc cho người khác, bản thân ta có tận hết sức hay không? Chơi với bạn có giữ được chữ tín hay không? Thầy dạy dỗ có thực hiện, tập luyện được hay không?"

[350] Trong Luận Ngữ, Nhan Hồi hỏi về cách thực hiện lòng nhân, Khổng tử dạy: *"Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động"* (Điều phi lễ đừng nhìn, chuyện phi lễ đừng nghe, lời phi lễ đừng nói, chuyện phi lễ đừng làm). Câu nói này thường được biết đến với thành ngữ *"Nhan Hồi tứ vật"* (bốn điều đừng của Nhan Hồi).

Đại pháp của Như Lai bao trùm pháp giới, bao quát có - không, chỉ dạy chân tâm sẵn có, tỏ rõ diệu dụng tùy duyên. Tâm thể ấy chúng sanh và Phật giống hệt như nhau, phàm thánh chẳng hai, chân thường bất biến, tịch chiếu viên dung. Do Phật chứng rốt ráo nên được ngũ uẩn đều là không, vượt khỏi các khổ, chẳng lập mảy trần, phô bày trọn vẹn vạn đức. Do chúng sanh triệt để mê nên đến nỗi mê chân đuổi theo vọng, trái giác hiệp trần, luân hồi sanh tử, trọn không có lúc thoát ra. Do vậy, đức Như Lai tùy theo căn cơ của chúng sanh nói đủ mọi pháp khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, đích thân thấy được cha mẹ vốn có. Lần chéo áo tìm được hạt châu, liền được của báu vô tận nhà mình sẵn có. Bậc thượng căn cố nhiên được giải thoát, nhưng hàng trung hạ vẫn trong luân hồi, nên đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ "vượt ngang ra khỏi tam giới", khiến cho khắp các hạng trung hạ nối gót bậc thượng căn, lợi ích ấy không thể nào diễn tả được! Nghĩa này tuy phát xuất từ hội Phương Đẳng, nhưng thật ra đạo ấy bắt nguồn từ hội Hoa Nghiêm, chỉ vì phàm phu, tiểu thánh chẳng thể dự hội Hoa Nghiêm nên không có cách chi vâng nhận được. Trước khi kinh Hoa Nghiêm được truyền đến Trung Quốc, pháp môn Tịnh độ thường bị coi là đạo phương tiện hay Tiểu thừa. Sau khi phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã được dịch ra rồi, mới biết đây là lời giảng chân thật về pháp thành Phật.

Viễn công ở Lô Sơn xưa đã vâng lời Phật phó chúc, thừa nguyện tái lai. Chưa được thấy kinh Niết-bàn đã soạn luận Pháp Tánh Thường Trụ; chưa xem kinh Hoa Nghiêm đã xiển dương tông chỉ hướng dẫn về Cực Lạc, lập pháp ngầm hợp với các kinh, đạo thích hợp khắp ba căn, thông trên thấu dưới, thỏa thích bổn hoài xuất thế của đức Như Lai, giải quyết trọn vẹn đại sự sanh tử của hàm thức. Nếu chẳng phải là bậc đại quyền thị hiện[351], làm sao có thể dự đoán như vậy được? Vì thế pháp sư La-thập nói: "Kinh dạy: Trong đời mạt sau này, phương Đông sẽ có vị Bồ-tát hộ pháp. Gắng lên nhân giả, hãy khéo hoằng dương chuyện này." Tăng chúng Tây Vực đều nói đất Hán có bậc Khai sĩ[352] Đại thừa, liền hướng về phương Đông cúi lạy, dâng lòng lên rặng Lô Sơn. Tung tích thần lý chẳng thể lường được!

---

[351] Đại quyền: Có thể hiểu theo hai cách:

1. Phật, Bồ-tát vì cứu vớt chúng sanh nên hiện ra đủ mọi thân hình sai khác, thậm chí thị hiện những hạnh ngũ nghịch thập ác để hóa độ chúng sanh. Như phu nhân Vi-đề-hy và vua A-xà-thế đều là những bậc đại quyền thị hiện.

2. Riêng chỉ Đại Quyền Tu Lý Bồ-tát, còn gọi tắt là Đại Quyền Bồ-tát, là thần hộ pháp cho Thiền tông Trung Hoa tại các vùng duyên hải thuộc tỉnh Chiết Giang, thường được coi là vị Bồ-tát bảo hộ cho những người đi biển.

Ở đây, chữ đại quyền được dùng theo nghĩa thứ nhất.

[352] Khai sĩ là một cách dịch khác của chữ Bồ-tát. Khai có nghĩa là mở thấu hiểu thông đạt, chỉ dạy chánh đạo, dẫn dắt chúng sanh. Sách Thích Thị Yếu Lãm, quyển thượng, viết: "Trong kinh

Xét ra Viễn công, vào năm Giáp Thân tức năm Thái Nguyên thứ chín (384) đời Hiếu Vũ Đế nhà Đông Tấn mới đến Lô Sơn, trụ tại chùa Tây Lâm của đồng môn là pháp sư Huệ Vĩnh. Sau này do người đến học đông đảo, Tây Lâm chật hẹp không chứa hết nổi, nên lại dựng chùa Đông Lâm. Lúc mới lo liệu, sơn thần hiển linh, gỗ rường tự đưa đến, Thứ sử[353] Hoàn Y bèn đứng ra xây cất, đặt tên cho điện ấy là Thần Vận để biểu thị sự linh dị. Do vậy bậc cao hiền tăng tục lũ lượt tìm đến. Đến ngày 28 tháng 7 năm Canh Dần (390), tức năm Thái Nguyên mười lăm, sư cùng tăng tục 123 người kết xã niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Những người ấy lúc lâm chung đều ứng hiện tướng lành, đều được vãng sanh. Ấy là vì mọi người đều có trí tuệ siêu quần bạt tụy, lại được Viễn công chỉ dạy và được sức dùi mài, gọt giũa của các bạn nên đạt được lợi ích ấy. Đấy chính là những người kết xã đầu tiên.

Nếu xét theo cả một đời Viễn công, trong hơn 30 năm, những người được hưởng sự pháp hóa tu trì tịnh nghiệp, đắc tam-muội lên liên bang kể sao cho xiết! Xét từ năm Giáp Thân tức năm Thái Nguyên thứ chín (384), Viễn công đến Lô Sơn, về Tây vào ngày mồng 6 tháng 8 năm Bính Thìn, tức năm Nghĩa Hy 12 (416), suốt 32 năm không ra khỏi núi, chẳng dấn mình vào cõi tục. Những trước thuật hoằng dương pháp hóa, hộ trì Phật giáo của ngài được chép đầy đủ trong Lô Sơn Tập. Trải bao cuộc biển dâu, thất lạc gần hết. May là trong những bộ Hoằng Minh Tập, Quảng Hoằng Minh Tập đều có sao lục khiến cho dấu thơm của cổ đức được truyền mãi mãi trong cõi đời.

Thái sử[354] Sa Kiện Am ở Như Cao đến tuổi già dốc lòng tin tưởng Phật pháp, chuyên tu tịnh nghiệp, xem rộng khắp các sách, phàm những trước thuật Viễn công và những bài truyện, tán, ký, tụng v.v. do người đời sau soạn ra đều sao lục

---

thường gọi Bồ-tát là Khai sĩ, thời Phù Kiên nhà Tiền Tần thường phong tặng danh hiệu Khai sĩ cho những vị tăng có đức hạnh, thông suốt giáo lý."

[353] Thứ sử là một chức quan được đặt ra từ đời Hán, tùy theo mỗi thời đại có nhiệm vụ quyền hạn khác nhau. Thời Hán chia toàn quốc thành mười ba châu, mỗi châu có một quan Thứ sử. Chức vụ Thứ sử khi ấy tương đương với chức *Ngự sử trung thừa* đời Tần, đóng vai trò giám sát quan lại tại mỗi châu. Đến thời Ngụy - Tấn, chức Thứ sử là quan cai trị đứng đầu một châu. Đến đời Tống, Thứ sử quyền lực rất nhỏ, chỉ còn chuyên đảm nhiệm việc thuyên chuyển các quan võ trong một châu.

[354] Thái sử là một chức quan đã có từ thời nhà Thương, đứng đầu cơ quan Thái sử liêu, tức cơ quan chuyên trách khởi thảo văn thư, chiếu chỉ, sách vở, thiên văn, lịch pháp, nghi thức tế lễ cho triều đình. Tư Mã Thiên từng đảm nhiệm chức vụ này nên những lời bàn của ông được ghi trong bộ Sử Ký đều mở đầu bằng từ ngữ *"Thái sử công viết"* (ông Thái Sử nói). Nhưng chức quan này ngày càng bị giảm vai trò quan trọng, đến đời Tấn trở đi chỉ đảm nhiệm việc tính toán lịch pháp. Đời Minh - Thanh, Thái sử là một tên gọi khác của chức quan Hàn lâm biên tu, vì Hàn lâm viện đảm nhiệm việc biên soạn sử sách.

đầy đủ, tập hợp thành sách đặt tựa đề là Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao, phân thành hai bộ Chánh Biên và Phụ Biên. Môn nhân là Hạng Trí Nguyên lại còn sao lục bổ sung, ủy thác Quang giảo chánh và ấn hành. Trộm nghĩ: Viễn công là sơ tổ Liên tông, sách ấy được lưu truyền rộng rãi thì người đọc sẽ có dấy lòng tu trì, nhưng do tài lực không đủ, trước hết bèn in một vạn bản để xướng suất, sau này sẽ có người kế tiếp liên tục in thì làm sao biết được con số. Người học đời sau do cuốn sách này đều biết cội nguồn của pháp môn Tịnh độ, ắt đều gặp việc nhân chẳng chịu nhường, nối gót bậc tiên giác, cùng thoát khỏi ngũ trược, cùng lên chín phẩm sen. Vì thế trước lúc sắp chữ, bèn lược thuật lai lịch. Còn như đạo đức, công nghiệp, văn chương, sự cảm thông của Viễn công đã được chép đủ trong Chánh Biên và Phụ Biên của [Huệ Viễn Pháp Sư] Văn Sao, ở đây không cần rườm lời tường thuật nữa.

Cõi đời truyền tụng Viễn công và 18 vị cao hiền, 123 người kết xã. Trong số 18 vị ấy, Viễn công đứng đầu, 15 người kia đa số là những vị kết xã đầu tiên. Nếu ngài Phật-đà-bạt-đà-la vào năm Nghĩa Hy thứ 2 (406) đời Tấn An Đế mới dự vào liên xã, tức là năm thứ 17 sau khi Lô Sơn kết xã. Ngài Phật-đà-da-xá dự vào liên xã trong năm Nghĩa Hy thứ 10 (414) thì đấy là năm thứ 25 sau khi Lô Sơn kết xã. Trong Bảo Vương Luận, pháp sư Phi Tích có nói Viễn công nhận lãnh phép niệm Phật tam-muội từ ngài Phật-đà-bạt-đà-la xong bèn cùng những vị cao hiền tăng tục kết xã niệm Phật. Đấy chính là đề cao những vị tăng Tây Trúc, nhưng chưa khảo cứu tường tận thời gian ngài Phật-đà-bạt-đà-la dự vào liên xã vậy.

34. Lời tựa bộ Vệ Sinh Tập

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Giữa khoảng trời đất hoàn toàn là một khối nguyên khí thái hòa, vì thế mưa gió đúng thời, lúa thóc chín rộ, các loài động thực vật đều được sanh trưởng. Nếu con người thấu hiểu, hành theo điều này cố nhiên chẳng thẹn đứng chung với trời đất thành ba ngôi, xưng là tam tài. Từ đấy sẽ tự bảo vệ, bảo vệ kẻ khác, cốt sao hết thảy hàm thức đều được sống yên ổn, cùng vui lẽ thiên chân. Đấy chẳng phải là "kế thừa đời trước, mở mang đời sau, dùng tiên giác để giác hậu giác, bù đắp cho chỗ thiếu sót của trời đất, giúp cho quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất" đó ư? Nhưng người đời do tham vui sướng bụng miệng, bắt lấy các loài vật bơi dưới nước, chạy trên đất, bay trên không để giết ăn, cốt sao thỏa thích bụng miệng mình, bảo vệ cái sanh mạng của ta, như vậy thì muốn cầu giữ gìn mạng sống lại đâm ra gặt phải kết quả trái ngược. Do sát sanh nên gây ảnh hưởng lớn lao đến thiên hòa, cảm lấy lệ khí (khí hung dữ, độc hại), đến nỗi những thiên tai như lụt

lội, hạn hán, ôn dịch, sâu rầy v.v.. Do kết quả của sát nghiệp, phát sanh những nhân họa (tai họa do con người gây ra) như đôi bên chiến tranh.

Xét đến nguyên do của những tai họa ấy, nói chung là do trong đời trước hay đời này đã sát sanh ăn thịt mà ra. Tai họa do ăn thịt cực kỳ khốc liệt, không chỉ gây hại cho đời này mà còn gây lụy đến nhiều kiếp. Phàm những ai muốn tự bảo vệ cuộc sống của chính mình, không thể nào không bảo vệ cuộc sống của khắp hết thảy các loài dưới nước, trên hư không, trên mặt đất vậy thay! Ăn thịt để bảo vệ mạng sống là chuyện lạ lùng quá sức! Do thói quen, cứ coi đó là thường. Như người châu Phi giết người làm tiệc, người xứ ấy cứ điềm nhiên chẳng lấy gì làm lạ cả. Nghĩ lại thuở xưa thánh nhân ngự trên ngôi, kinh Thư đã chép: *"Điểu thú ngư miết hàm nhược"* (Chim, thú, cá, ba ba đều sống yên vui), "nhược" nghĩa là thuận, "hàm nhược" nghĩa là đều thuận theo thiên tánh của nó, chẳng mắc nỗi khổ giết hại và sợ hãi kinh hoàng chạy trốn. Đấy quả thật là nói đến hoài bão: *"Càn vi đại phụ, Khôn vi đại mẫu, dân ngô đồng bào, vật ngô dữ dã"* (Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt với ta, loài vật giống như ta vậy). Được như thế thì chẳng xứng là một vị bảo vệ cuộc sống lớn lao ư? Tiếc rằng những chuyên viên vệ sinh học[355] hiện thời cứ hại sanh mạng kẻ khác để bảo vệ cuộc sống của chính mình, rốt cuộc đời này, đời sau khổ báo vô cùng. Dê và người lần lượt xoay vần, mạnh yếu lần lượt thay đổi vai trò đến tận đời vị lai cũng khó thể kết thúc được. Do vậy, những bậc bảo vệ sanh mạng lớn lao xưa nay đều đề xướng yêu thương loài vật, thực hành lòng từ, kiêng giết, phóng sanh, trì trai, ăn chay, tín nguyện niệm Phật, quả thật là nghĩa cử bảo vệ sanh mạng rốt ráo, viên mãn đến tột bậc vậy.

Cư sĩ Hoa Ngộ Thê dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu trì tịnh nghiệp, muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm, đặc biệt tập hợp những ngôn luận của các bậc danh nhân xưa nay và đủ mọi chuyện quả báo do sát sanh hay phóng sanh, đặt tên là Vệ Sinh Tập, mong sao người đời muốn bảo vệ sanh mạng của chính mình thì trước hết hãy bảo vệ mạng sống của những sanh vật bơi dưới nước, sống trên mặt đất, bay trên không kia. Tự bảo vệ sanh mạng như vậy thì chẳng phải chỉ trong một đời này mà còn khiến cho đời đời kiếp kiếp phàm sanh vào nơi đâu đều được tốt lành, không có các tai họa. Nếu lại niệm Phật, đem công đức bảo vệ sanh mạng này hồi

[355] Vệ sinh theo nghĩa gốc là bảo vệ tánh mạng, giữ cho thân thể khỏe mạnh. Khái niệm này được Đạo gia diễn dịch như những phương pháp tập luyện hít thở (đạo dẫn), uống các thứ thuốc, không nhổ nước miếng v.v. để được trường thọ, không bệnh tật. Về sau, vệ sinh được hiểu theo nghĩa rộng là những phương pháp giữ gìn sức khỏe, kể cả những phương pháp dinh dưỡng và thậm chí Bộ Y tế cũng được gọi là Bộ Vệ sinh. Ở đây, tổ nói đến quan điểm dinh dưỡng của Tây Phương "phải ăn thịt động vật cơ thể mới khỏe mạnh được". Xin lưu ý chữ vệ sinh ở đây không có nghĩa hẹp như chữ "vệ sinh" (hygiene) trong tiếng Việt.

hướng vãng sanh thì sẽ có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, đoạn hết sạch phiền hoặc, đắc đại vô úy, bảo vệ sanh mạng cho khắp hết thảy những chúng sanh cô đơn, lênh đênh không nơi nương tựa trong sáu nẻo. Đấy gọi là ý nghĩa nhỏ nhiệm của việc bảo vệ sanh mạng vậy.

Cư sĩ Quách Hàm Trai do thấy mấy lúc gần đây sát nghiệp ngút ngàn, trọn chẳng ngơi dứt, liền muốn lưu truyền tập sách này, ngõ hầu người đọc đều cùng phát tâm bảo vệ sanh mạng hòng dứt sát kiếp, uốn nắn phong hóa, cậy tôi giảo duyệt. Do vậy tôi sửa đổi đôi chút thứ tự, danh xưng, số quyển. Lại đăng kèm vào theo mấy đoạn phê phán của tiền nhân dưới mỗi đoạn văn, đăng kèm theo Khuyến Hiếu Ca và Bát Phản Ca[356] của người đời Đường vào sau sách, ngõ hầu ai nấy đều coi trọng bảo vệ sanh mạng, đều vâng giữ lòng hiếu để mở rộng lòng nhân đức hầu báo ân cha mẹ; nhưng hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong tương lai, ắt sẽ mở rộng lòng hiếu kính để mong rốt ráo tự bảo vệ sanh mạng, bảo vệ sanh mạng kẻ khác vậy.

35. Lời tựa cho bộ Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lưỡng Phong

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Vì thế đức Phật coi hết thảy chúng sanh đều là Phật, thương họ trái giác hiệp trần, luân hồi sáu nẻo, trải kiếp số nhiều như mảy trần không cách gì thoát lìa được. Do vậy tùy theo căn cơ lập giáo, đối bệnh cho thuốc, đủ mọi phương tiện chỉ dạy, mong sao họ sẽ trái trần hiệp giác, bỏ vọng về với chân, tiêu trừ hoặc nghiệp vốn chẳng có, chứng trọn vẹn Phật tánh sẵn có mới thôi. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh cho nên nghe lời Phật, nhìn hành vi của Phật, chẳng thể tin nhận ngay, có kẻ cho là huyễn vọng chẳng thật, chỉ nhằm gạt gẫm kẻ ngu tục. Có kẻ cho rằng đạo Phật phế bỏ luân lý, làm hại chánh đạo. Có kẻ cho rằng càng gần lý, càng gây loạn lớn lao cho lẽ chân. Nhưng đức Phật chẳng vì những điều ấy mà vứt bỏ họ, chỉ đợi khi thời tiết nhân duyên chín muồi sẽ ra tay độ thoát.

Có lắm kẻ vì thoạt đầu chẳng hay biết nên lầm lẫn bài xích, tiếp đến do hiểu biết sâu xa bèn tận lực tu, sau đấy do chân tu nên ngộ chứng. Do vậy liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, rộng để lại ngôn giáo nhằm khơi gợi người sau. Do họ đã biết rõ đức Phật lập pháp bao gồm trọn vẹn hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, không những chẳng trái pháp thế gian mà còn hữu ích lớn

[356] Bát Phản Ca là một bài ca đã có từ thời Đường, không rõ ai là tác giả, gồm tám khổ thơ, có nội dung khuyến cảnh tỉnh người đời về lòng hiếu, lòng nhân, xin trích dẫn một hai đoạn: "Con thơ mắng chửi ta, lòng ta sao hớn hở, cha mẹ quở mắng ta, sao ta chẳng cam lòng, một đằng thì hoan hỷ, một đằng lại bực mình, đối cha, đối con cái, sao lại khác xa nhau? Gặp lúc cha mẹ giận, xin anh hãy nhủ lòng, coi hệt như con thơ."

lao cho pháp thế gian. Luận về mặt tu trì thì chẳng bỏ sót điều thiện mảy may nào, nhưng nhất tâm vô trụ. Bàn đến đế lý, chẳng lập mảy trần nhưng vạn đức đều tỏ lộ trọn vẹn. Vì thế, những người có tri kiến lỗi lạc, có chí đặc biệt quy hướng, không một ai chẳng dốc lòng sùng phụng để mong tự lập lập người, tự lợi lợi tha.

Cũng có kẻ ăn trộm những nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để hoằng dương đạo Nho, lại ngược ngạo ra sức bài bác Phật pháp hết sức dữ dội hòng ngăn chặn người trong thiên hạ đời sau đừng bước vào Phật pháp. Bổn ý của họ chẳng qua là do tri kiến môn tường nặng nề, sợ chẳng ra sức ngăn lấp thì mọi người đua nhau theo Phật, cửa Nho do đó sẽ bị lạnh lẽo, điêu tàn! Họ chẳng biết bậc thượng căn thật sự quyết chẳng bị ngăn chặn, nhưng kẻ trung hạ do họ bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi sẽ cho đó là những điều đức Phật dùng làm căn cứ để gạt gẫm kẻ ngu tục. Đối với những pháp đức Phật dạy như sửa lỗi hướng thiện và liễu sanh thoát tử v.v. họ chê bai là tự tư tự lợi, hễ có điều gì để làm lành thì đấy chính là ác, ắt sẽ mong sao không làm gì mới là làm lành, trái nghịch ý chỉ "đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình, giảm bớt lỗi, bậc hạ thì học, bậc thượng thì thấu đạt" của thánh hiền quá lớn, cũng như trái nghịch đạo "hướng theo thì lành, trái nghịch thì xấu, xuôi theo thì tốt lành, trái nghịch thì hung hiểm" của kinh Dịch, kinh Thư, vận dụng suông thuật "trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm" nhằm yên đời và tạo ra phong tục tốt đẹp. Đối với căn bản khiến cho con người không thể nào không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm lại hoàn toàn vứt bỏ, đem chuyện thuộc về khả năng của thánh nhân giao cho phàm phu thực hành; cho nên đến nỗi thiện không có gì để khuyên, ác chẳng có gì để phạt. Đến khi gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, đủ mọi vở tuồng xấu ác như phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường đều được diễn ra. Cái gốc họa quả thật là do cái tâm trộm cướp bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và quan niệm "có làm gì để làm lành thì đó chính là ác" và "tự lợi lợi tha, liễu sanh thoát tử" là tự tư tự lợi mà ra. Do vậy người có tâm lo cho thế đạo liền xúm nhau nghĩ cách cứu vãn.

Khéo sao tôi được tặng cuốn Chánh Tín Lục do cư sĩ La Lưỡng Phong biên soạn. Đọc xong, nỗi canh cánh bên lòng được cởi gỡ! Cư sĩ thừa nguyện tái lai, dùng tầm mắt thông suốt lớn lao vô ngại, đối với những chuyện thế tục nghi ngờ như thiên đường, địa ngục, con người và súc vật luân hồi, thân trước, thân sau v.v., mỗi mỗi đều dựa theo kinh, dẫn chứng từ sử để chứng minh những chuyện đó. Đạo học uyên nguyên, những lời bàn luận tột cùng của các bậc danh nhân và các lối tu trì, cũng như pháp cậy vào Phật từ lực để vượt ngang ra khỏi tam giới thảy đều chỉ bày tường tận duyên do khiến cho con người biết được cửa nẻo, có

chỗ dựa nương, cốt sao kẻ câu nệ hẹp hòi thấy được vầng mặt trời, khiến cho những kẻ cô đơn, lênh đênh trở về quê nhà vốn có, tạo lợi ích không thể nào diễn tả được. Tôi bèn giảo chánh câu chữ, tính in ra trước hết một vạn cuốn để đề xướng. Sau đấy mặc lòng những nhà từ thiện bao lượt tái bản ngõ hầu lưu truyền khắp toàn quốc. Bạn tôi là đại sư Thể Phạm nguyện bỏ tiền ấn loát, cư sĩ Quách Phụ Đình ở Triều Châu muốn khắc mộc bản cho tinh tường, cậy tôi giảo duyệt bản in gốc và viết lời tựa ngõ hầu được lưu truyền rộng rãi.

Đủ thấy con người có cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, người có tâm ưa điều lành ai mà chẳng giống như ta! Trong cùng một lúc vừa được sắp chữ vừa được khắc in, đúng là một chuyện may mắn lớn lao trong hiện thời. Nguyện những ai thấy nghe, do những điều ông Lưỡng Phong đã nói sẽ tin sâu xa vào lời Phật, dùng ngũ giới thập thiện, lục độ vạn hạnh tùy phần tùy sức tu trong luân thường hằng ngày, lúc sống sẽ dự vào địa vị thánh hiền, mất đi sẽ lên cõi Cực Lạc, ngõ hầu chẳng phụ chân như Phật tánh sẵn có và lòng đại từ phổ độ của Như Lai, cũng như một phen ông Lưỡng Phong khổ tâm đề xướng, hướng dẫn vậy!

36. Lời tựa nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của sách Khuyến Thế Bạch Thoại Văn

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Thế đạo nhân tâm ngày nay đã suy hãm đến cùng cực lắm thay, những người mang tâm lo lắng cho đời bày đủ mọi cách để duy trì. Nếu không, đạo làm người gần như diệt mất, thật đáng sợ thay! Tuy nhiên, muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm hãy nên giải quyết từ căn bản thì dùng sức ít mà được hiệu quả lớn lao. Người có tri kiến chân chánh đích xác ắt sẽ ùa nhau vâng theo như gió lùa cỏ rạp. Thầy thuốc trị bệnh có bệnh đằng gốc, có bệnh đằng ngọn, xét coi bệnh tình gấp rút hay hòa hoãn để trị liệu, chẳng thể chấp vào một phía để luận định. Nay chứng bệnh nơi thế đạo nhân tâm đã sâu lắm rồi, nếu chỉ dựa trên mặt sự để khuyên dụ, tuy cũng đạt được hiệu quả biến đổi phong tục, nhưng cố nhiên chẳng thể đạt hiệu quả bằng cách dốc sức nơi căn bản được. Nói đến chuyện dốc sức nơi căn bản chính là đề xướng giáo dục trong gia đình, đề xướng nhân quả báo ứng, sao cho hết thảy mọi người ai nấy biết đạo làm người, ai nấy trọn hết bổn phận của chính mình, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành. Nếu ai nấy đều được như vậy thì cửa nhà hưng thịnh, con cháu hiền thiện. Lại phải biết thường nghiêm giữ những lời về "phước thiện, họa dâm, thiện ác, tai ương, may mắn" để tự tu, lại còn dùng những điều ấy dạy người trong nhà thì người nhà sẽ dự vào địa vị thánh hiền tốt đẹp mà chẳng tự biết.

Vì thế Khổng tử nói: *"Thiên hạ chi bổn tại quốc, quốc chi bổn tại gia, gia chi bổn tại thân"* (Gốc của thiên hạ là đất nước, gốc của đất nước là nhà, gốc của nhà là thân). Lời này đâu phải nói riêng với người mang tước vị, mà thất phu thất phụ đều cùng mang trách nhiệm này. Cổ nhân đã nói: *"Thiên hạ bất trị, thất phu hữu trách"* (Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm). Bởi lẽ nhân tài trong thiên hạ đều từ gia đình mà ra, gia đình khéo dạy, con cái tự nhiên đều hiền thiện; gia đình không khéo dạy, đứa con nào có thiên tư sẽ quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư sẽ quen nết bướng bỉnh, hung ác. Hai loại ấy đều là sâu mọt cho quốc gia xã hội! Do vậy biết giáo dục gia đình chính là căn bản để trị quốc, bình thiên hạ, còn nhân quả báo ứng là đạo trọng yếu để phụ trợ cho giáo dục gia đình. Từ đứa bé con cho đến kẻ bạc đầu, từ chính bản thân cho đến xã hội, từ làm người cho đến thành thánh hiền, từ tu thân cho đến bình thiên hạ đều phải nương theo những điều ấy để được thành tựu, thật đúng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, thành thủy thành chung vậy, là đại pháp để cùng trị cả gốc lẫn ngọn, phàm lẫn thánh đều phải tuân theo.

Những nhà Nho đời sau chẳng biết đến ý nghĩa này, xằng bậy bài bác, đến nỗi thành ra thái độ xấu xa không kiêng dè ngày nay. Nguyện những ai có chí giác thế yên dân vãn hồi kiếp vận hãy dốc sức nơi đây thì chẳng mấy chốc sẽ được thỏa nguyện vậy. Cư sĩ Hoàng Hàm Chi lòng tha thiết vì người khác, dùng thể văn bạch thoại viết ra hơn 20 loại, không loại nào chẳng phanh gan phơi mật, đi vào từng chi tiết sát sao. Người có thiên lương xem đến ắt sẽ rửa lòng gột ý, sửa lỗi hướng lành, hòng khôi phục chân tâm vốn có thì thật là hạnh phúc lớn lao không chi hơn được nữa.

37. Lời tựa tái bản hai thiên sách Đạt Sanh và Phước Ấu

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Kẻ khéo trị bệnh sẽ trị từ lúc bệnh chưa phát, sẽ được lợi ích sâu xa mà chẳng tốn kém, vì thế nói: *"Chí trị vu vị loạn, bảo bang vu vị nguy"* (Đạt đến yên ổn khi chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy). Như vậy là đã không có cái gọi là bệnh thì đâu cần phải trị nữa? Tuy nhiên người làm được như vậy có mấy ai? Con người sống trong thế gian chỉ có sống và chết là quan trọng nhất. Nếu chẳng hiểu thấu đạo ấy thì khi sanh nở rất có thể mẹ lẫn con cùng chết. Dẫu cho chẳng chết, chắc cũng oan uổng chịu đủ mọi thống khổ, trong khi chết chắc vạn phần may lại được sống, thật đáng thương xót quá! Cư sĩ Cức Trai đặc biệt soạn ra Đạt Sanh Thiên để chỉ rõ sản nạn trong thế gian, phần nhiều do tưởng lầm những cơn đau

bụng quặn lên[357] là vì sắp sanh, đến nỗi sanh ra đủ mọi hiểm nạn như sanh ngang, sanh ngược v.v.. Đấy là một điều quan hệ lớn lao khi sanh nở.

Lại nói: "Dưỡng thai bằng cách tuyệt dục, đấy là ý nghĩa bậc nhất", vì thế tâm pháp đầu tiên để dưỡng thai là phải kiêng ăn nằm. Thiên sách ấy ghi: "Hễ vợ có thai rồi thì phải hết sức kiêng ăn nằm. Đó là lý do vì sao người xưa hễ có thai bèn ở phòng khác, chẳng ngủ chung với nhau nữa vì sợ dấy lên dục niệm. Nói chung, trước khi thai được ba tháng mà phạm chuyện cấm kỵ ấy thì do dục niệm dấy lên, tử cung lại bị mở ra, rất dễ bị nguy cơ chảy máu, động thai. Sau khi thai đã được ba tháng mà phạm lỗi ấy thì bọc thai sẽ dày, khó sanh. Phải biết lửa dục làm tổn thương thai đến nỗi những chất nhơ bẩn lắng đọng. Hơn nữa, những đứa nhỏ thân có chất nhơ màu trắng, đậu mùa, ghẻ chốc khó chữa lành được đều là vì cha mẹ chẳng cẩn thận." Đây chính là điều có quan hệ lớn lao lúc mới thọ thai vậy.

Nếu biết mối quan hệ giữa chuyện thọ thai và sanh nở thì hễ sanh nở chẳng bị các nguy cơ sẩy thai hay khó sanh, mà con cái sanh ra đều có thể chất mũm mĩm, tánh tình dịu dàng, hiền lành, đã ít bị lên sởi, lên đậu v.v. lại mạnh khỏe sống lâu. Nếu con người sẵn biết những nghĩa này thì thân tâm ắt sẽ yên vui, con cháu hiền thiện, gia tộc tiếng tăm rạng rỡ, hữu ích cho xã hội. Đấy gọi là "trị bệnh phải trị từ lúc chưa có bệnh", mà cũng bao gồm những lợi ích thù thắng như "đạt đến yên ổn từ lúc chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy ngập". Vì thế nói rằng cuốn sách này cũng quan trọng lắm!

Ông Trương Thiện Trưng ở Duy Dương do mẹ là phu nhân họ Lưu qua đời lúc tuổi còn rất bé, chưa thể phụng dưỡng ngọt bùi trong thuở sanh tiền, muốn vì báo đáp mẹ sẽ khiến cho hết thảy những người làm mẹ, những kẻ làm con đều được hưởng thụ lợi ích yên vui, trường thọ, bèn phát tâm ấn hành bốn vạn cuốn sách này để tặng hết thảy những ai hữu duyên, khiến cho họ đều biết cách trị bệnh từ lúc chưa bệnh và cách trị khi đang bị bệnh, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị đau khổ trong khi sanh nở và mang nỗi lo sanh con nhưng chẳng nuôi lớn được.

Hơn nữa từ xưa đến nay, những đứa mắc chứng kinh phong lâu ngày, mười đứa hết chín bị chết rất nguy hiểm, nhưng y theo thiên sách Phước Ấu do tiên sinh Trang Nhất Quỳ biên soạn để trị thì mười đứa sống được cả mười, quả thật là cuốn sách quan trọng nhất về bệnh tật trẻ nhỏ, nên cũng in kèm vào cuối sách

[357] Nguyên văn là "thí thống": Theo Trung Y Từ Điển và Dựng Sanh Tập (của Trương Diệu Tôn), thí thống là một chứng bệnh đau bụng quặn lên nơi sản phụ thường vào tháng thứ tám hoặc đầu tháng thứ chín, hoặc đau liên tiếp vài ba trận, hoặc cách quãng. Nguyên nhân vẫn chưa rõ vì sao, nhưng dễ khiến cho sản phụ tưởng lầm là sắp sanh đến nơi.

để được lưu truyền rộng rãi. Nhân đấy bèn cho đánh máy thành bốn bản để những người sau này muốn tạo phước lợi cho người khác sẽ ấn loát thuận tiện.

Hơn nữa, cái nhân gần của tai biến khi sanh nở đã được trình bày như trên rồi, nếu bàn về cái nhân xa thì phần nhiều do sát nghiệp trong đời trước hay đời này chiêu cảm. Nếu con gái từ lúc thơ ấu thường niệm thánh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật và Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ tự tiêu trừ được sát nghiệp trong đời trước và đời này. Hễ sát nghiệp tiêu thì sanh nở sẽ chẳng bị oán gia gây chướng ngại chẳng sanh được. Đấy cũng là một cách trị sẵn trước khi chưa bệnh. Hoặc nếu có kẻ chưa được nghe Phật pháp, nhưng tới lúc sanh nở, nếu chẳng sanh được ngay, hãy nên dạy sản phụ và những kẻ thân thuộc chăm sóc bên cạnh đều dùng tâm chí thành niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát thì tất cả những oán gia đời trước gây chướng ngại khiến cho sản phụ chẳng thể sanh vừa được nghe danh hiệu Bồ-tát sẽ do oai đức, thần lực của Bồ-tát mà liền tránh xa, chẳng dám khuấy rối nữa. Có kẻ nói đang sanh nở lõa lồ bất tịnh, niệm danh hiệu Bồ-tát chắc sẽ mắc tội khinh nhờn. Đấy chính là đem tình kiến phàm phu để lầm lạc suy lường tâm hạnh của Bồ-tát. Chẳng biết đấy là lúc liên quan đến tánh mạng, chẳng thể đem lúc bình thường trọn chẳng bị bệnh khổ để bàn luận. Ví như con cái té vào nước lửa, gọi cha mẹ cầu cứu, cha mẹ nghe được liền đến cứu ngay, trọn chẳng vì đứa con áo mũ không tề chỉnh, thân thể chẳng sạch sẽ mà chẳng chịu cứu giúp.

Một đệ tử của tôi mấy năm trước ở Tứ Xuyên đến nhà một người bạn, nghe người vợ bạn kêu gào rất thương tâm, nhân đó hỏi thăm duyên cớ. Người bạn đáp: "Vợ đã hai ngày không sanh con ra được, sợ chẳng giữ được tánh mạng." Ông ta nói: "Hãy gấp bảo sản phụ niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, còn ông ở ngoài giếng trời[358], đốt hương quỳ niệm, đảm bảo sẽ sanh ngay." Người ấy liền nói với vợ, lại còn tự niệm. Chẳng mấy chốc liền sanh ra đứa nhỏ mà người vợ vẫn chưa hay. Đến khi nghe con khóc mới biết đã sanh rồi. Người vợ kể: "Khi trước lúc sắp sanh, thấy một người dùng vải chèn kín phần dưới thân thể nên sanh không được. Đến khi niệm thánh hiệu Quán Thế Âm thấy vải bị tuột ra, nên sanh rồi mà vẫn không biết, nghe con khóc mới biết là con đã sanh."

Cổ nhân nói: *"Tử sanh diệc đại hỹ, khả bất bi tai!"* (Chết - sống cũng lớn lao thay, chẳng đáng buồn ư?) Pháp môn Tịnh độ đặc biệt lập ra cho lúc chết và sau khi chết đi thần hồn sẽ siêu sanh Tịnh độ. Sách này lập ra cho khi sắp sanh và những cách bảo vệ, che chở sau khi đã sanh. Nguyện khắp những bậc nhân từ,

[358] Giếng trời (thiên tỉnh - courtyard) là khoảng sân trống, bốn phía là nhà xây bọc kín. Mục đích của thiên tỉnh trong những khu cao ốc là vừa để làm sân chung, vừa để giúp khí trời được lưu thông, tạo sự thoáng mát cho toàn bộ khu cao ốc.

quân tử lần lượt lưu truyền ngõ hầu nhà nào cũng có một bản, cùng nhau dốc sức vun bồi đức, tiết dục thì những điều đã được nói trong sách này sẽ đều chẳng cần đến nữa, và ý niệm của tiền nhân lưu thông, và ông Thiện Trưng in tặng, cũng như ý Bất Huệ trình bày hai mối quan hệ mới trọn chẳng còn tiếc nuối nữa!

38. Lời tựa cho sách tường trình hoạt động cứu trợ lũ lụt của hội Cứu Trợ Từ Thiện tỉnh Giang Tô

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là ruột thịt của ta, loài vật giống hệt như ta. Vì thế ông Vũ, ông Tắc[359] thấy thiên hạ đói kém như chính mình bị đói kém, Y Doãn thấy một người chẳng được hưởng ân trạch khác nào chính mình xô đẩy người ấy xuống ngòi rãnh vậy. Phật xem hết thảy chúng sanh dường như con một, nói đủ mọi pháp để độ thoát. Người đời sau tuy chẳng có quyền như ông Vũ, ông Tắc, Y Doãn, chẳng có đạo như đức Phật, vẫn chẳng ngại gì tùy sức mình thực hiện hầu trọn hết tấm lòng vậy! Vì thế, ông Tào Tung Kiều nhiều năm chuyên đảm nhiệm nghĩa cử cứu giúp, chu cấp dân nghèo tại địa phương. Lại còn trù tính cứu trợ cho Thiểm Tây hơn mười vạn đồng. Trước kia cha ông ta từng làm Phiên đài tại đất Dự (tỉnh Hà Nam), nặng lòng yêu dân. Nay ông Tào lại mở rộng lòng thương dân ấy sang đất Thiểm, càng chẳng nài nhọc nhằn, vì trăm vạn sinh linh vùng Giang Bắc trù tính kế sách an ổn. Có thể nói là người có đức trong cõi đời, không ai hơn được!

Ông Viên Hiếu Cốc người huyện Đan Đồ, ông nội cũng từng làm Thái sử, vốn làm quan ở đất Tô nhiều năm, giữ lẽ công chánh, tuân thủ pháp tắc, có cảm tình sâu đậm với người địa phương, bèn đến kiều ngụ[360] nơi thành Tô Châu, thong dong tu tịnh nghiệp. Giữa thu, vùng Giang Bắc bị thủy tai thật là từ trước đến nay

---

[359] Vua Đại Vũ họ Tự, tên Văn Mạng, thuộc thị tộc Hạ Hậu, chắt của Chuyên Húc, là con ông Cổn. Thời vua Thuấn, lũ lụt lớn, ông Cổn trị thủy thất bại, bị phạt tội chết. Ông Vũ kế nhiệm, trị thủy thành công nên được vua Thuấn truyền ngôi, lập ra nhà Hạ.

Ông Tắc còn gọi là Chu Hậu Tắc, tên thật là Khí, con Đế Khốc (thuộc dòng dõi Hoàng Đế). Mẹ là bà Khương Nguyên ra đồng thấy một dấu chân rất lớn, ướm thử, bèn hoài thai, sanh ra ông. Đến khi sanh ra, cho là bất tường, bèn đem vứt ngoài ngõ, nhưng trâu ngựa đi qua đều đi vòng, tránh giẫm vào đứa bé. Lần lượt đem vứt vào rừng, vào suối, nhưng đều vô sự. Khương Nguyên thấy lạ bèn đem về nuôi. Do bị vứt đi, ông được đặt tên là Khí. Khí từ nhỏ đã thích trồng trọt, trồng mè, trồng bắp rất xanh tốt, khéo cày bừa, chọn đất, dân chúng học theo. Đế Nghiêu nghe tiếng bèn phong cho Khí làm Nông Sư. Do có công phát triển nông tang, ông được Đế Nghiêu phong cho ở đất Thai, với danh xưng là Chu Hậu Tắc (Tắc là tên một loại lúa ngon), và ban cho quốc tính là Cơ.

[360] Không phải quê quán tại nơi đó mà dọn đến sinh sống, lập nghiệp tại đó thì gọi là "kiều ngụ".

chưa hề có. Vào ngày 28 tháng 8, hội Từ Thiện Cứu Trợ Lũ Lụt tỉnh Giang Tô cấp tốc gọi điện cho hai ông Tào và Viên hãy đi cứu trợ trước, đừng chần chờ. Họ liền khởi hành đến đất Dương, trước hết hội họp quan viên, thân sĩ, rồi lập cơ sở cứu trợ. Tiếp đó mới chia nhau điều tra tình hình lũ lụt các nơi, rồi gởi thư hay gọi điện thoại cho những nhà từ thiện ở Tô Châu và các nơi kêu gọi đóng góp, vì những người dân bị nạn mà van xin, lần lượt được số tiền khoảng mười lăm vạn. Áo đơn, áo kép, áo bông, giày, vớ v.v. mới hay cũ tổng cộng hơn mười vạn bộ, mền bông hơn một ngàn cái. Nồi niêu, thuốc men số lượng thật nhiều. Khoản đóng góp của những nơi khác được bốn phần mười, khoản tiền và quần áo, đồ đạc đóng góp lớn nhất đều do Tô Châu quyên tặng.

Một là vì hai ông Tào và Viên được người địa phương kính tin; hai là vì Tô Châu là chỗ hai đức Phật Duy-vệ[361] và Ca-diếp từng ở, cũng như do phong cách, sự cai trị tốt lành của Lục Nguyên Phương[362] đời Đường, Phạm Văn Chánh[363] đời Tống vẫn còn giữ lại. Vì thế nhân dân phần nhiều đều từ thiện, nhân ái, coi người khác như chính mình, nên mới đóng góp một khoản lớn lao như thế. Đối với mỗi một biện pháp tiến hành đều thuật rõ tình hình, tổng cộng mười bảy điều, đọc đến liền biết rõ. Những khoản chi tiêu được nêu trong điều thứ tư, chủ yếu là cứu trợ dân chúng bị thiên tai tại các địa phương. Điều thứ bảy là những chuyện phải gấp rút tiến hành. Điều thứ tám là bảo vệ trâu cày. Điều thứ chín những việc phải sử dụng nhiều nhân công như tu bổ đê điều, cầu cống. Điều thứ mười là cho vay hay cấp thóc giống. Điều thứ mười một là nuôi nấng trẻ bị thiên tai. Điều thứ mười hai là trù tính lập ra những địa điểm phát cháo. Điều thứ mười ba là phân phát quà cứu trợ giúp dân nghèo ổn định cuộc sống. Điều thứ mười bốn là duy trì cơ sở phước lợi. Điều thứ mười lăm là duy trì những văn phòng giúp đỡ tiền bạc, củi, gạo v.v.. Những duyên do, biện pháp đều được chép tường tận trong cuốn sách này.

Nhưng điều thứ mười bảy là phát chẩn vào mùa đông: Do ngày dài quá, sẽ cần đến một khoản tiền rất lớn, vẫn mong những nhà đại từ thiện mọi giới nghĩ thương nỗi khổ của người dân bị thiên tai, lại quyên tặng những khoản tiền lớn

---

[361] Phật Duy-vệ: Theo kinh Thất Phật Phụ Mẫu Tánh Tự, Phật Duy-vệ chính là cách phiên âm khác của chữ Tỳ-bà-thi (Vipashin), tức là vị Phật đầu tiên trong quá khứ thất Phật.

[362] Lục Nguyên Phương là một vị đại thần sống vào thời Võ Tắc Thiên đời Đường, làm quan đến chức Loan đài Thị lang, kiêm Đồng bình chương sự, nổi tiếng là người trung thực, công bình, liêm chánh, hễ đã hứa thì dù chết vẫn giữ lời.

[363] Văn Chánh là thụy hiệu của Phạm Trọng Yêm, ông từng làm đến chức Tham tri chánh sự (Phó Tể tướng) kiêm Khu Mật Phó Sứ, đời Tống Nhân Tông, nổi tiếng nhân từ. Lúc sinh thời, vợ chồng con cái sống đạm bạc, bao nhiêu tiền của dùng hết vào việc chu cấp cơm áo cho người nghèo khổ, giúp đỡ con cháu nghèo hèn đi học.

để cứu dân mắc phải thiên tai, làm nhẹ vận nước, để cầu quyến thuộc cõi trời đến giúp tránh khỏi sát kiếp, sẽ thấy Phật trời che chở như mây nhóm, tốt lành may mắn ùa nhau kéo đến, giàu, thọ, yên ổn hiện đời được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, hiền lương, tước lộc, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như Y Doãn đã dạy. Kinh dạy: "Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả", sợ nhân sẽ chẳng gây nhân ác, nào có quả ác? Sợ quả thì nhân ác đã chín, khó tránh quả ác! Dẫu sanh lòng sợ hãi, trọn chẳng ích gì. Sao bằng sửa lỗi hướng thiện để tiêu nghiệp cũ, gieo phước cho tương lai, để làm biện pháp căn bản rốt ráo hòng tránh khỏi ác quả ư?

Hơn nữa bố thí có ba loại:

- Một là thí tài, tức là dùng tiền tài và quần áo, thức ăn, chỗ ở để chu cấp hay giúp đỡ người bần cùng, khốn khổ.

- Hai là thí pháp, đối với người chẳng biết thiện ác, tà chánh và nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo và pháp môn thiết yếu để liễu sanh thoát tử bèn dùng phương tiện khéo léo tuyên nói, hoặc ấn tống, lưu thông những sách ghi chép những câu nói khế lý khế cơ của chư Phật Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức, ngõ hầu người thấy nghe sanh lòng chánh tín, dần dần thâm nhập cho đến khi liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Đó đều gọi là thí pháp.

- Ba là thí vô úy: Hết thảy chúng sanh ham sống sợ chết, khuyên khắp những người cùng hàng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, và hễ ai có điều sợ hãi thì hoặc là dứt tai họa ấy, hoặc bày tỏ lòng quan tâm. Đấy chính là thí vô úy nhỏ nhoi. Hết thảy chúng sanh rốt cuộc khó tránh khỏi cái chết, chết rồi lại sanh, sanh rồi lại chết, bao kiếp vĩnh viễn ôm nỗi lo sợ ấy, dạy cho họ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương dần dần tấn tu, cho đến khi thành Phật đạo. Đấy gọi là thí đại vô úy.

Trong ba thứ bố thí này, thí tài chỉ thuộc đời này, hai thứ sau tồn tại mãi đến đời vị lai. Phàm những ai muốn lợi người để trọn thành phước tuệ của chính mình, hãy nên tùy theo sức mình để thực hành thì nhân dân may mắn, nước nhà may mắn lắm thay!

39. Lời tựa cho sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Hiện nay thế đạo loạn lạc quả thật là từ ngàn xưa chưa hề nghe thấy, xét đến nguồn gốc đều do cái tâm tự tư tự lợi ươm thành.

Vì hễ ôm lòng tự tư tự lợi sẽ mặc tình giành nhau làm chuyện tổn người lợi mình, thương thiên hại lý, coi rẻ đạo "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" chẳng đoái hoài. Do vậy thế đạo nhân tâm ngày càng thêm tăm tối, không cách nào đạt đến chỗ chánh đại quang minh. Nếu như biết "họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy", thiện báo ác báo như bóng theo hình, lợi người chính là lợi mình, hại người còn quá hại mình, giết cha người ta thì người ta cũng giết cha mình, giết anh người ta thì người ta cũng sẽ giết anh mình. Khéo thờ cha mẹ ắt con ta có hiếu, khéo thờ anh ắt con ta hòa thuận. Như giọt nước rỏ nơi mái hiên, giọt sau tiếp nối giọt trước.

Xem đó, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng anh, yêu người lợi vật đều là nền phước về sau cho chính mình; tổn người lợi mình, thương thiên hại lý đều là gốc họa về sau cho chính mình. Người dẫu chí ngu chắc chắn chẳng sung sướng vì mắc tai gặp họa, theo dữ tránh lành! Nhưng xét đến hành vi thì lại hoàn toàn trái nghịch, vì sao thế? Do chưa gặp được người hiểu rõ lý giảng giải tường tận sự lý nhân quả báo ứng cho kẻ đó. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Thất phu sao có thể làm cho thiên hạ yên ổn được? Nếu người trong thiên hạ đều cùng biết nhân hiểu quả, thì cái tâm tham sân si chẳng đến nỗi lẫy lừng, nghiệp giết trộm dâm chẳng dám làm càn. Yêu người lợi vật, biết vui theo mạng trời, tâm địa đã chánh đại quang minh thì tương lai đi đến đâu, không chỗ nào chẳng phải là chỗ quang minh.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh thương cõi đời suy hãm, đặc biệt viết sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh. Điểm quan trọng là đề xướng nhân quả báo ứng. Ông Chu An Sĩ nói: *"Nhân nhân tri nhân quả, đại trị chi đạo dã. Nhân nhân bất tri nhân quả, đại loạn chi đạo dã"* (Ai nấy đều biết nhân quả thì là đạo để bình trị lớn lao vậy. Ai cũng chẳng biết nhân quả, đấy là đường lối dẫn đến đại loạn vậy). Do vậy biết nhân quả báo ứng quả thật là đạo trọng yếu từ đầu đến cuối để giữ thân, tiếp vật, yên đời, hiền dân, mong thành thánh, thành hiền, làm Phật, làm tổ vậy. Mong sao những người đọc đều triệt để gột sạch cái tâm tự tư tự lợi, để tự sáng tỏ minh đức thì thiên hạ may mắn lắm thay!

40. Lời tựa cho bộ Dương Tiêu Sơn Tiên Sinh Ngôn Hạnh Lục

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Con người bẩm thụ chánh khí của thiên địa mà sanh ra, thường phỏng theo đức cao dày, che chở của trời đất để giúp cho sự sanh thành, trưởng dưỡng, kế tục đời trước, mở mang đời sau, ngõ hầu chẳng thẹn đứng cùng trời đất thành ba ngôi, xưng tên là tam tài. "Trung, hiếu, tiết, nghĩa" chính là giềng mối chánh yếu

của đạo làm người, nếu không có những điều này thì con người khác gì cầm thú? Dẫu vào thời dân chủ, cũng chẳng thể nào không dạy trung nghĩa, bởi "trung" chẳng phải chỉ có nghĩa là trung với vua. Vì thế, Tăng tử dùng "trung thứ" (trung thành, rộng lượng) để tỏ rõ đạo của Phu tử, thường phản tỉnh "hằng ngày vì người khác mưu toan công việc, bản thân có hết lòng trung hay không". Vì thế biết một chữ trung có ý nghĩa xuyên suốt vạn hạnh, thờ vua chỉ là một khía cạnh mà thôi!

Trộm nghĩ: Trung có nghĩa là "tận hết tấm lòng của chính mình, chân thành, không dối trá". Nếu con người giữ tấm lòng trung, ắt sẽ có hiếu với cha mẹ, kính anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, xót thương kẻ côi cút, giúp đỡ người góa bụa, nhân từ với mọi người, yêu thương loài vật, chẳng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, vì sao vậy? Do trung nên chẳng dối, do chẳng dối nên trọn hết bổn phận. Do trọn hết bổn phận nên đối với những chuyện thuộc về bổn phận của chính mình đều chăm chú thực hiện, quyết chẳng mắc lỗi đối phó vờ vĩnh cho xong chuyện, chẳng tận hết lòng, hết sức mình. Trong đời gần đây, tuy đã lật đổ đế chế nhưng mọi sự đều phải nói đến trung thì mới chẳng đến nỗi "ta dối gạt, ngươi mắc lừa", luông tuồng, không chuẩn mực vậy. Đắc thế bèn hùa nhau phò tá, sa cơ kéo nhau bỏ đi, hoặc còn đâm ra công kích, chà đạp lẫn nhau, trọn chẳng ngưng dứt. Đấy đều là vì chẳng màng đến trung nghĩa mà ra. Trung nghĩa chẳng màng tới thì quan hệ cha con, vợ chồng đều coi như mảy lông! Coi nhẹ lâu ngày, những quan hệ ấy sẽ trở thành gông cùm. Mang những gông cùm ấy chẳng được tự do, chẳng thể nào không diễn ra những vở tuồng tồi tệ giết cha giết mẹ, nghịch trời trái lý, hòng mặc tình tùy ý, chẳng bị câu thúc gì. Than ôi, chẳng nói đến trung nghĩa, họa hại tới mức cùng cực như thế đó, há chẳng đau đớn tuôn lệ, thở dài sườn sượt ư?

Cư sĩ Trầm Di Sanh muốn đẩy lùi ngọn sóng cuồng, tính ấn hành những chuyện tận trung báo quốc, tận tụy hành hiếu đễ, di huấn để lại cho con cháu của tiên sinh Dương Tiêu Sơn[364] hòng lưu truyền rộng rãi để mong sao ai nấy có hiếu

[364] Dương Kế Thịnh (1516-1555), tự Trọng Phương, hiệu Tiêu Sơn, người Dung Thành, tỉnh Hà Bắc, làm quan nhà Minh nhằm thời Gia Tĩnh. Ông tánh tình thẳng thắn, cương nghị, không xu nịnh, làm quan đến chức Thị lang Bộ binh. Khi quân Thát-đát (Tartar) xâm nhập biên giới cướp phá, Hàm Ninh Hầu Cừu Loan dâng sớ xin triều đình mở chợ buôn bán ngựa với bọn Thát-đát để xoa dịu quân cướp. Kế Thịnh dâng sớ đàn hặc, nhưng gian thần Nghiêm Tung bênh vực Cừu Loan, sàm tấu với vua, nên Kế Thịnh bị giáng chức làm Địch đạo điển sứ. Sau đó ông lại dâng sớ đàn hặc, xin vua tru diệt gian thần Nghiêm Tung, chỉ đích danh Nghiêm Tung phạm năm tội gian, mười đại tội. Nghiêm Tung bèn giả mạo thánh chỉ, tống giam Kế Thịnh vào ngục, phạt đánh một trăm trượng, cắt đứt gân cốt, bêu xác ngoài chợ. Lúc sắp chết, ông ung dung đọc thơ: *"Hạo khí hoàn thái hư, đan tâm chiếu thiên cổ"* (khí thiêng trả lại hư không, tấm lòng son sắt chiếu ngời ngàn năm). Mười hai năm sau, khi Minh Mục Tông lên ngôi, ông mới được minh oan, được phong thụy hiệu là Trung Mẫn.

với cha mẹ, kính trọng anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, thương kẻ côi cút, giúp người góa bụa, nhân từ với người khác, yêu thương loài vật, lòng thành sắt son vì nước, nhiệt tâm cứu đời, mỗi mỗi đều phỏng theo tiên sinh Tiêu Sơn để thực hiện, cốt sao trọn hết chức phận của chính mình, chẳng ôm lòng chần chừ, lười nhác, hư giả chút nào. Như vậy thì lòng người đã chuyển, nhân họa tự mất. Một khi nhân họa đã mất, lòng trời tự thuận; đương nhiên sẽ mưa nắng đúng thời, vật mạnh dân khỏe, thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui!

Đọc hai tờ sớ xin dẹp chợ bán ngựa, giết tặc thần, có thể nói là tiên sinh chỉ biết vì nước, chẳng màng đến thân. Đang trong lúc tặc thần chuyên quyền, bậc chánh nhân quân tử hễ hơi kình chống bèn mắc họa ngay, tiên sinh vẫn dám dâng sớ, xin bãi chức, xin giết, nếu không phải là hạo khí ngập trời đất, lòng tinh trung lòa nhật nguyệt, há được như thế ư? Tuy vì thế mà mất mạng, nhưng người trăm ngàn năm sau thảy đều kính ngưỡng. So ra những kẻ địa vị chót vót một thời, nhưng chẳng tạo lập công nghiệp gì làm sao bằng được? Huống chi lúc sắp bị hành hình, tiên sinh soạn ra Niên Phổ và những bài văn khuyên vợ, răn con, đúng là tâm như gương sáng, chiếu rọi tỉ mỉ, nếu chẳng phải là người hàm dưỡng thuần túy, gác chuyện sống chết ra ngoài thì làm sao được như vậy?

Nay để thuận tiện cho những người bình thường nên xếp bài răn dạy con lên đầu, kế đến là lời khuyên vợ, tiếp đó là Niên Phổ, rồi đến hai bài sớ. Tiếp đó là tiểu truyện của tiên sinh, sao cho vừa mở sách ra liền được lợi ích thật sự, chẳng đến nỗi do văn chương dài dòng, chẳng liên quan thiết thực đến phận mình bèn ngán đọc. Lòng trung của Tiêu Sơn chẳng phải chỉ là thờ vua, đọc kỹ lưỡng Niên Phổ của ông thì thờ cha mẹ, kính anh, đãi người tiếp vật, không một chuyện nào chẳng bắt nguồn từ lòng trung. Phải biết tám sự "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", tám pháp "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" đều phải lấy trung làm giềng mối. Do trung nên tận tâm thực hiện sao cho trọn vẹn hết khả năng mới thôi. Do vậy nên nói, đạo trung xuyên suốt muôn hạnh, lòng trung tăng thêm sự thành tựu cho muôn sự. Bất luận chuyện mình hay chuyện người, không có lòng trung quyết khó thể thành tựu lớn lao được! Xưa nay những vị lập đại công, tạo đại nghiệp, cùng lý tận tánh, mong thành thánh thành hiền, ai không lấy lòng trung làm gốc? Vì nếu chẳng dốc sức nơi lòng trung thì sẽ ngả theo biếng nhác, chần chừ, vì chính mình còn chưa thể được, huống là vì xã hội, nước nhà ư? Người thời nay chẳng những không màng đến thực hiện lòng trung mà ngay cả hiếu và tiết nghĩa cũng chẳng chú ý. Tôi thường muốn khuyên chỉ, nhưng chẳng cách nào phát khởi được!

Khéo sao cư sĩ Bành Mạnh Am đưa truyện người con gái có hiếu ở Hồ Nam cho đọc. Cô con gái có hiếu ấy chỉ biết có mẹ, người con gái tiết hạnh chỉ biết đến nghĩa, sự sống chết của chính mình chẳng thèm màng đến nữa. Tuy đã thể hiện gương táng thân vì mẹ, vì nghĩa, nhưng chẳng thể dùng gương ấy để răn dạy người tầm thường được, tuy vậy lòng thành tận hiếu, tận nghĩa, ngay đến cả thiên địa, quỷ thần cũng bị cảm động, huống chi những người sẵn cùng một cái tâm ấy ư? Những kẻ chẳng nghĩ đến ân dưỡng dục, tùy ý tự do luyến ái, thấy nghe những chuyện này há chẳng thẹn muốn chết, do đó bèn đau đáu sửa đổi lỗi trước, dốc lòng tu đức sau ư? Điều này liên quan đến thế đạo nhân tâm cũng lớn lắm. Hơn nữa, tiết tháo như Tần Chiêu[365], ngay trong khi ấy mà giữ được lòng chẳng loạn lại càng sâu sắc gấp trăm lần. Do giữ cho một lúc chẳng loạn thì dễ, nhưng nhiều ngày chẳng loạn thì khó lắm. Huống chi ông Đặng X… đã nói: "Nếu chẳng thể kiềm chế được thì cô gái ấy sẽ thuộc về anh" đó ư? Thêm nữa, thiếu niên nam nữ trong mấy chục hôm, ngày cùng ăn, đêm cùng ngủ mà có thể trọn chẳng có chuyện nam nữ tình dục, chẳng xáo trộn thiên lý, chẳng phải là kẻ trọn chẳng có nhân dục mà làm được ư? Tôi đem chuyện này ghi thêm vào An Sĩ Toàn Thư và Thọ Khang Bảo Giám, hai cuốn sách ấy đã in hơn hai mươi vạn cuốn, nay lại ghi kèm câu chuyện trên đây vào cuốn sách này, hợp thành truyện trung hiếu tiết nghĩa để làm nhát kim đâm xuống đỉnh đầu những gã phế trừ luân lý, ngõ hầu căn bệnh đã lậm vào tạng phủ được mau lành, khôi phục chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, không làm các điều ác, vâng giữ những điều lành. Gia huấn của Lục Phóng Ông chú trọng nơi kiệm ước, trung hậu, khoan dung, phần dạy về tang chế quả thật là món thuốc mầu nhiệm để trị chứng bạc bẽo của thế tục, nên cũng in kèm vào sau sách để cùng được phổ biến lưu truyền, ắt những vị nhân từ, đầy đủ chánh tri chánh kiến, quan tâm đến thế đạo lòng người

[365] Theo sách Thọ Khang Bảo Giám, câu chuyện này như sau: Tần Chiêu là người đời Nguyên, quê ở Dương Châu, đến năm 20 tuổi lên kinh sư, lúc lên thuyền, bạn của ông ta là Đặng X… đem rượu tiễn chân. Hai người đang chén chú, chén anh, chợt một cô gái xinh đẹp bước tới. Họ Đặng bảo cô ta chào Tần Chiêu, rồi nói: "Cô gái này do tôi mua cho vị đại nhân nọ ở bộ kia làm thiếp, nhân tiện nhờ anh dẫn theo lên kinh." Tần Chiêu ba bốn lần chối từ, họ Đặng nghiêm mặt bảo: "Sao anh cố chấp thế? Nếu anh không kiềm chế được, cô gái này liền thuộc về anh, chẳng qua chỉ có hai ngàn năm trăm đồng thôi mà." Tần Chiêu bất đắc dĩ phải nhận lấy, đem theo. Khí trời đã nóng, muỗi mòng quá nhiều, cô gái khổ sở vì không có màn, Tần Chiêu đành phải cho cô ta nằm chung màn. Thuyền đi mấy chục ngày mới đến kinh đô. Họ Tần dẫn cô ta đến giao cho chủ nhân. Chủ nhân hỏi: "Anh có dẫn theo gia quyến hay không?" Tần Chiêu thưa: "Chỉ có một mình tôi!" Chủ nhân lộ vẻ khó chịu, nghi ngờ, nhưng do có thư giới thiệu của Đặng X… nên miễn cưỡng tiếp nhận. Đến tối, mới biết cô ta vẫn còn trong trắng, cảm thấy rất xấu hổ đã nghĩ oan cho Tần Chiêu, cấp tốc gởi thư cho họ Đặng biết chuyện, rồi đến xin lỗi Chiêu, nói: "Các hạ đúng là bậc quân tử thịnh đức."

sẽ đề xướng lớn lao, khiến cho mọi người trở về với sự thuần chân, chất phác, khôi phục lại cõi đời hưng thịnh bình trị tột bậc.

41. Lời tựa tái bản bộ Hoàn Cầu Danh Nhân Đức Dục Bảo Giám

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Thiên hạ không hai đạo, thánh phàm chẳng hai tâm. Khắp xưa nay, trong nước, ngoài nước, không đâu chẳng dùng hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ và sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để làm căn bản lập thân hành đạo và trị quốc an dân. Ấy là vì những sự lý này đều là những giềng mối thường hằng vốn sẵn có trong tâm tánh của chúng ta, bất luận trí - ngu, hiền - tệ đều sẵn đủ, nhưng có những hành động, cử chỉ phù hợp hay trái nghịch với những điều ấy sai khác là vì "dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ điều ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa" hay vì "mê tâm chạy theo vật, phóng túng tình ý" mà ra. Vì thế kinh Thư có lời giáo huấn: *"Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh"* (do thánh mất niệm nên thành cuồng, do cuồng khắc chế được ý niệm nên thành thánh). Phật dạy đạo "mê thì Phật là chúng sanh, ngộ thì chúng sanh chính là Phật". Do vậy biết: Thánh hay cuồng, chúng sanh hay Phật chỉ trong khoảng một niệm mê hay ngộ. Do thoạt đầu lập tâm sai khác đôi chút, rốt cuộc đến nỗi cách biệt một trời một vực, con người há chẳng nên tự gắng sức để mong thành thánh thành hiền ư?

Trăm nghề hay khéo trong thế gian mỗi nghề đều có quy củ, chuẩn mực. Căn cứ theo quy cách do cổ nhân đã thành lập để tập luyện, đến khi đã nhuần nhuyễn tột bậc rồi thì không chuyện gì chẳng "tùy lòng nghĩ đến, tay liền hoàn thành". Mong thành thánh thành hiền cũng giống như vậy đó! Nêu lên đại cương thì chỉ có ba điều "làm sáng tỏ minh đức, làm cho dân mỗi ngày một tiến bộ, an trụ nơi chí thiện" mà thôi. Nhưng muốn làm sáng tỏ minh đức thì trước hết phải thực hiện bằng trừ khử vật dục phiền não, thúc đẩy lương tri vốn sẵn có. Có nghĩa là "dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa," mãi cho đến khi trừ khử, thấu hiểu đến tột cùng rồi thì nhân dục đã hết sạch, thiên lý sẽ tự lưu hành. Đại cương "làm sáng tỏ minh đức" đã đạt được rồi thì những chuyện khác hễ làm bèn được, không chuyện gì chẳng thuận theo lòng nghĩ tay liền thực hiện thành tựu. Nhưng cần phải biết nhiều về ngôn hạnh của người xưa để phụ trợ cho việc duy trì, trưởng dưỡng sự suy xét phản tỉnh.

Cư sĩ Dương Chương Phủ ở Vô Tích tập hợp những lời hay hạnh đẹp của các bậc danh nhân xưa nay trong nước, ngoài nước soạn thành tám quyển. Đầu tiên

là luân lý, rồi đến những sự tu tỉnh, lòng từ thiện của quan viên, thân sĩ, thương nhân, khuê các, và những lời hay ý đẹp nên vâng giữ trong gia đình, xã hội, quốc gia của Trung Hoa và phương Tây. Khi ấy sách được in hơn một vạn cuốn, gởi đi khắp các huyện trong toàn quốc, lợi ích quả thật chẳng nông cạn vậy. Từ đấy một nhà đại từ thiện ở Thượng Hải là cư sĩ Vương Nhất Đình cho rằng sách này khá hợp thời cơ, tính in mấy ngàn cuốn để đề xướng, ngõ hầu ai có tâm cứu vãn thế đạo nhân tâm sau này sẽ tiếp tục ấn hành sao cho sách được lưu truyền khắp hoàn cầu, hòng ai nấy biết rõ sự lý "nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi", sẽ miệt mài hành những mối luân thường "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ". Như vậy thì nhà nhà hành hiếu đễ, người người giữ vẹn lễ nghĩa, nhân nhượng, dẫu ở trong nhà tối vẫn như đối trước Phật, trời, hòng lương tri chẳng bị vật dục che lấp. Rốt cuộc minh đức được sáng ngời, lẽ đâu thiên hạ chẳng thái bình, nhân dân chẳng yên vui ư? Do vậy, tôi bèn viết đại lược để phô rõ ý nghĩa ẩn kín này. Sau đấy, do lại có được những lời hay đẹp về mặt đức dục của các danh nhân hoàn cầu bèn cho in chung vào sách này để hết thảy những ai muốn tự lợi lợi người đều có căn cứ. Do vậy bèn ghi kèm vào đây thêm mấy câu nữa.

42. Lời tựa cho sách Phật Học Cứu Kiếp Biên

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Đời loạn đến cùng cực, con người hết sức mong mỏi bình trị. Đạo để bình trị vốn thật gần thật dễ, nhưng những kẻ thông minh trong thế gian thường muốn lập dị để mong lấn áp cổ nhân. Vì thế họ coi thường những điều gần gũi, dễ dàng, chẳng thèm sử dụng, cứ muốn coi trọng những điều xa xôi, khó khăn để tỏ rõ bản lãnh của chính mình. Rốt cuộc chỉ thành rối ren, đạt hiệu quả trái ngược, nước loạn, dân khốn khổ hết thuốc chữa, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư? Chẳng biết thánh nhân vốn từ thiên lý, luân thường để lập pháp, khiến cho ai nấy đều giữ vẹn bổn phận, tôn trọng luân thường, tận tụy hành hiếu đễ, nên mới nói: *"Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu đễ nhi dĩ hỹ"* (đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi); *"lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu, trị thiên hạ khả vận chi chưởng thượng"* (dùng lòng phụng dưỡng, tôn kính người già cả của ta để phụng dưỡng, tôn kính người già cả của kẻ khác, đem lòng thương yêu con thơ của ta để thương yêu con thơ của người khác, thì giữ cho cõi đời bình trị sẽ là chuyện nắm chắc trong tay). Nếu ai nấy đều giữ được tấm lòng trung hậu, khoan thứ, cùng thấu hiểu sâu xa "mọi người là ruột thịt của ta, muôn vật cũng giống như ta" thì lễ nghĩa, nhân nhượng sẽ thịnh hành, thắng hung tàn, bỏ giết chóc, phong tục thuần thiện, thiên hạ thái bình.

Thánh nhân lại lo con người không nghĩ chín chắn tới nơi tới chốn, bèn dùng sự lý nhân quả báo ứng để răn dạy. Vì thế kinh Thư chép: *"Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng"* (Thuận theo đạo thì tốt lành, trái nghịch thì xấu xa, giống như bóng theo hình, như tiếng vọng theo âm thanh vậy)[366]. Lại chép: *"Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương"* (Làm lành trăm điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành, trăm tai ương giáng xuống). Khổng tử khen ngợi Chu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích chứa điều thiện, sự vui có thừa. Nhà làm điều chẳng lành, tai ương có thừa). Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối thiên sách mới nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu nỗi cực nhọc). Những nhà Nho về sau chẳng biết nhân quả ba đời, gom hết ngũ phước lục cực về sự cai trị của nhà vua. Chẳng những vu báng sự cai trị của vua là bạo ngược, mà còn vu báng cả từ ngữ "phước, cực" nữa. Vì thế khó thể nào giải thích không khập khiễng cho được.

Nay lại dùng lẽ nhân quả rõ ràng để nói thì *"ái nhân giả, nhân hằng ái chi; kính nhân giả, nhân hằng kính chi"* (yêu người, người mãi thương yêu; kính người, người sẽ luôn thường kính ta). Nói ra lời trái tai thì sẽ nghe lời trái tai; cho vay sự trái nghịch thì cũng sẽ nhận lại sự trái nghịch. Giết cha người khác, người ta cũng sẽ giết cha ta; giết anh người ta, người ta cũng sẽ giết anh mình. Phàm những gì đã làm cho người khác thì không chuyện gì bản thân ta sẽ gặp phải lại chẳng giống như vậy. Còn đối với nhân quả tự tu thì nói: "Thánh do mất niệm thành cuồng, cuồng do khắc chế được ý niệm bèn thành thánh." Thánh hay cuồng chỉ do mất niệm hay khắc chế được ý niệm mà thôi. Như câu nói: *"Cẩu chí ư nhân hỹ, vô ác dã. Năng chí ư nhân, tắc kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri ư khâm ảnh. Bất chí ư nhân tắc nhân dục nhật tứ, thiên lý nhật mẫn, tiện dữ cầm thú cơ hy hỹ!"* (Nếu dốc chí vào lòng nhân thì không ác, dốc chí nơi nhân sẽ thấy bậc tiên triết trong canh, nơi tường, cẩn thận dè dặt như sợ cả bóng áo của chính mình sẽ biết được tội lỗi của chính mình. Nếu lòng chẳng hướng về điều nhân thì lòng ham muốn ngày một phóng túng, thiên lý ngày một mất đi, có khác gì cầm thú cho mấy). Mạnh tử nói: "*Tây tử mông bất khiết, tắc nhân giai yểm tỵ nhi quá chi*" (Tây Thi bôi đồ dơ thì mọi người đều bịt mũi, quở trách) (Tây Tử (tức nàng Tây Thi) cực đẹp, nhưng bôi phân khắp mặt thì mọi người đều sợ hôi thối, chẳng những không chịu nhìn mà còn bịt mũi chê trách). *"Tuy hữu ác nhân* (ác ở đây là

[366] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giảng của Khổng An Quốc, trích dẫn bởi Hà Yến và Hình Bỉnh trong cuốn Luận Ngữ Chú Sớ. Câu nói này lấy từ thiên Đại Vũ Mô trong sách Thượng Thư.

xấu xa, "ác nhân" là người diện mạo xấu xí), *trai giới mộc dục, tắc khả dĩ sự Thượng Đế"* (Tuy người xấu xí, nhưng trai giới tắm gội sẽ có thể thờ Thượng Đế). Đấy đều là sự lý nhân quả báo ứng vậy! Thánh nhân dạy người, trước hết nói thẳng vào những cách thức nên làm, rồi lại dạy những lẽ lợi hại, được mất do tuân thủ hay chống trái những phương cách ấy. Hai điều này tiến hành song song thì sẽ chẳng thể nào lệch lạc hay phế bỏ được.

Thánh nhân muốn cho con người ai nấy đều tu đức, đều trọn hết phận mình, chỉ sợ có kẻ coi thường nên dùng sự lý nhân quả báo ứng để đôn đốc sao cho họ nghiêm túc tuân thủ, chẳng trái nghịch vậy. Nhưng nhân quả được thánh nhân nói đến chỉ là nói về bản thân và con cháu mà thôi. Do chẳng nói đến chuyện trước khi sanh ra và sau khi đã mất, nên đối với chuyện quá khứ, vị lai của người ấy dù nhân hay quả đều chẳng nhắc tới. Cơ Tử nói đến ý nghĩa ngũ phước lục cực chính là chỉ rõ cái nhân quá khứ tạo thành cái quả trong hiện đời. Vì thế biết rằng: Do kẻ tầm thường chẳng dễ gì hiểu được nên thánh nhân chẳng nói, chứ không phải là chẳng biết có nhân quả ba đời! Từ khi Phật giáo truyền sang phương Đông, nêu rạng rỡ lý "tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt" và sự "nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi", nhân dân được hưởng ngầm lợi ích chẳng thể kể xiết. Thử nêu ra một hai điều ắt sẽ biết rõ.

Vào đầu đời Chu, ân trạch của Văn Vương thấm đến cả xương khô, nhưng chưa đầy ba bốn trăm năm thì tục lệ giết người tuẫn táng đã phổ biến cả thiên hạ. Thiên tử, chư hầu, đại phu, kẻ sĩ đều tùy sức giết người để tuẫn táng, những kẻ có thế lực mạnh mẽ đều cho rằng càng giết nhiều càng sang. Mục Công là vua hiền của nước Tần còn giết 177 người, ba vị họ Tử Xa đều là hiền thần của nước Tần vẫn chẳng thể vì nước vì dân mà được miễn khỏi cái chết. Trong các nước còn có mấy trăm mấy ngàn người bị tuẫn táng theo. Từ khi Phật giáo xiển minh sự lý nhân quả ba đời thì tục lệ này mới vĩnh viễn chấm dứt. Nếu không, cũng hiếm người được hưởng hết tuổi thọ rồi mới chết. Lợi ích ấy, nếu chẳng suy nghĩ sâu xa, ai hòng biết được!

Tống Nho trộm lấy nghĩa lý sâu thẳm về tâm tánh trong kinh Phật để hoằng dương, xiển phát đạo Nho, quá sợ người đời sau học Phật sẽ khiến cho môn đình Nho giáo bị lạnh lẽo đìu hiu, nên đã học từ nơi người ta lại ngược ngạo bảo người ta chẳng bằng mình, tà vạy bài bác, bảo Phật dùng nhân quả luân hồi để làm căn cứ phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tin thờ giáo pháp của ngài. Hơn nữa con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có những dụng cụ hành hình trong địa ngục thì sẽ thi thố vào đâu? Nếu đúng như họ nói thì con người sanh ra không từ đâu đến, chết rồi cũng chẳng đi về đâu, Nghiêu lẫn Kiệt

đều chết sạch cả rồi, dẫu thiện hay ác hễ chết đều là không cả! Do vậy thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, chỉ dạy dỗ tận nghĩa tận phận, thành ý chánh tâm suông, nhưng lại ra sức bài xích phương tiện đôn đốc con người chẳng thể không tận nghĩa tận phận, thành ý chánh tâm. Sai lầm của kế sách ấy chẳng thể nói xiết!

Do vậy, nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả, cũng chẳng dám dạy con người nỗ lực làm lành, do họ thường cho rằng "hễ có làm gì để làm lành thì đấy chính là ác", tức là dạy con người tự tư tự lợi vậy. "Không làm gì để làm lành quả thật là làm lành đến cùng cực", đấy chính là chuyện của bậc thánh nhân, sao lại đem chuyện này dạy người bình thường? Nếu dạy điều ấy cho người bình thường thì sẽ ngăn trở người ta làm lành, hướng dẫn người ta làm chuyện chẳng lành. Tuy "thánh nhân không làm gì là làm lành" nhưng thánh nhân cũng thường có chuyện để làm, chứ không phải là hoàn toàn chẳng làm gì hết. Ông Cừ Bá Ngọc[367] tuổi tròn 20 biết 19 năm trước sai trái, đến khi 50 tuổi biết 49 năm trước sai quấy, muốn giảm bớt lỗi nhưng chưa thể được, đấy chính là những gì bình sinh ông ta đã thực hiện vậy. Tăng tử hằng ngày dùng ba chuyện để tự phản tỉnh, đến lúc lâm chung mới nói: *"Kinh Thi chép: Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phù"* (Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, từ rày mai sau, ta biết thoát rồi). Đấy là từ đầu đến cuối "có làm" vậy.

Nhan Uyên hỏi về lòng nhân, Khổng tử bảo "dùng đánh đổ điều ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa". Hỏi đến chi tiết, ngài dạy: *"Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động"* (Điều phi lễ đừng nhìn, chuyện phi lễ đừng nghe, lời phi lễ đừng nói, chuyện phi lễ đừng làm). Cả hai câu đáp đều là "có làm", chứ không phải là không làm gì! Khổng tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Chu công trong mộng. Tuổi đã bảy mươi vẫn mong trời cho sống thêm vài năm nữa để học kinh Dịch hòng tránh được lỗi lớn, đều là "có làm" sâu xa.

Tống Nho cất giọng cao xa, muốn tự khoe khoang cao minh, chẳng hề biết đã trái nghịch đạo "khéo léo khuyên dụ dần dần" của thánh nhân. Họ tự lầm, gây

[367] Cừ Bá Ngọc: Tên thật là Cừ Viện, Bá Ngọc là tên tự, vốn giao du thân thiết với Khổng tử. Ông là người nước Vệ, nổi tiếng là người hiền, giữ lễ, làm đại phu dưới thời Vệ Linh Công, ông thường được coi như học trò của Khổng tử. Một buổi nọ, Vệ Linh Công và phu nhân tên Nam Tử đang ngồi trong cung nghe tiếng xe lăn bánh đến gần cửa cung, đột nhiên tiếng xe im bặt. Bà Nam Tử nói: "Người ngồi xe đến đây chắc chắn là Cừ Bá Ngọc!" Vệ Linh Công ngạc nhiên: "Sao bà biết?" Nam Tử trả lời: "Phàm người hiền giữ lễ, đến trước cửa nhà vua ắt phải xuống xe đi bộ vào, đang cưỡi ngựa thấy người hiền phải xuống ngựa chào hỏi." Cừ Bá Ngọc là một người trong số Thất Thập Nhị Hiền được thờ phối hưởng với Khổng tử ở Văn Miếu.

lầm lạc cho người và cả thiên hạ đời sau cũng lớn lắm. Từ sau khi Tống Nho bài xích nhân quả luân hồi, phàm là người đọc sách đều chẳng dùng những gì được nói trong Ngũ Kinh để luận định, mà cứ coi những thuyết của Tống Nho như khuôn thước. Nếu có ai biết thì sợ bị mang tiếng "trái nghịch tiên Nho", hoặc nếu có thành tựu đáng dự vào Văn Miếu nhưng vì đã dự phần học Phật thì sẽ trở thành tuyệt vọng. Do vậy chẳng dám hé răng! Nhưng kẻ hiểu Phật lý sâu xa, đem những pháp ấy diễn tả rõ ràng ra, nhưng vẫn kèm theo lời lẽ bài bác, chỉ vì muốn có chỗ đặt chân hòng được dự vào Văn Miếu trong mai sau. Vì thế mấy trăm năm qua, phương tiện lớn lao để khuyên lành phạt dữ đã nhất loạt bị bỏ lửng, dù có khuyên hay phạt đều là chuyện thuộc về cành nhánh, chẳng đạt được cội rễ, được lợi ích quá ít. Gần đây do gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, những kẻ ham mới chuộng lạ đối với những chuyện người Âu Tây làm, không gì chẳng bắt chước, biến đổi dữ dội tận gốc càng nhiều gấp mấy lần hơn nữa, đến nỗi đối với những chuyện "vì nước, vì lẽ công" họ bỏ mặc, coi như không nghe thấy, nên mới đề xướng những đường lối phế kinh điển, phế luân thường, phế bỏ lòng hiếu, không hổ thẹn v.v., chẳng nỡ thấy nghe! Cả nước thành cuồng không sao kể xiết!

Nếu hết thảy mọi người đều biết có sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, dẫu dùng cái chết để uy hiếp họ, ép họ phải làm những chuyện như trên đây thì họ sẽ thà chết chứ chẳng dám làm những chuyện đại ác ấy. Do vậy biết cái gốc họa của chuyện diệt Nho giáo, diệt luân lý để mong thực hiện biến con người thành cầm thú, đều từ học thuyết bài xích nhân quả của Tống Nho ươm thành, thật vậy đó! Học thuyết gây lầm lạc cho con người, dù nước lũ, mãnh thú, cũng chẳng gây họa khốc liệt như vậy.

Trước kia có người hỏi tôi: "Đời đã loạn tột bậc, nên bình trị như thế nào?" Tôi nói: "Nếu ông biết được nguyên nhân của sự loạn lạc thì sẽ biết được pháp tắc để bình trị." Ông Chu An Sĩ nói: "Ai nấy đều biết nhân quả, đó là đạo để bình trị lớn lao. Ai nấy đều chẳng biết nhân quả thì đấy là con đường dẫn đến đại loạn vậy." Do nhà Nho kỵ nói đến nhân quả khiến cho thế đạo nhân tâm ngày càng bạc bẽo dần dần, cho đến tận ngày nay rốt cuộc có kẻ dám đề xướng phế kinh điển, phế luân thường v.v.. Nếu thật sự biết nhân quả thì chẳng những miệng không dám thốt ra lời ấy, mà cũng chẳng dám để lọt vào tai. Bởi đấy là những tiếng xấu xa, bạc ác, người có tấm lòng lo cho con người chẳng nên nghe. Hễ nghe sẽ khiến cho con người đau lòng buốt óc, không làm sao được. Nay muốn biến loạn lạc thành bình yên mà nếu chẳng cực lực đề xướng giáo dục trong gia đình thì sẽ không thể thực hiện được. Nhưng giáo dục trong gia đình thì điều đầu tiên là lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" làm gốc. Lại phải thường bàn về

sự lý nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo thì những nhân tài xuất hiện trong gia đình đều là bậc hiền thiện. Trong gia đình đã có nhân tài hiền thiện xuất hiện thì thiểu số chẳng hiền thiện cũng sẽ được un đúc, đều được cảm hóa. Vì thế nói: *"Thiên hạ bất trị, thất phu hữu trách"* (thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm). Đấy là lời bàn luận xác định "do cái nhân suy sụp mà đời yên bèn thành loạn, do cái nhân được hưng thịnh mà đời loạn bèn thành yên" vậy. Chẳng nương theo đó mà muốn đất nước được bình trị thì làm sao thực hiện cho được? Đấy là điều những người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm đều cùng lo nghĩ.

Cư sĩ Phan Đối Phù thấy được điều này, vào năm trước đã thỉnh cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh biên soạn cuốn Phật Học Cứu Kiếp Biên, dùng tam quy, ngũ giới, thập thiện để sửa lỗi hướng lành, bỏ mê trở về với ngộ, giữ ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, tu tam học giới định tuệ để mong trừ khử vọng nghiệp vốn chẳng hề có, khôi phục chân tâm vốn sẵn có. Lại còn dạy người đời tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương để vĩnh viễn lìa khỏi đời ác ngũ trược, thường hưởng pháp lạc tứ đức. Lại còn lấy mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát để làm chỗ nương về, ngõ hầu nương vào từ lực của Phật Di-đà và nguyện luân của chính mình, tùy loại hiện thân trong mười phương các cõi, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh, khiến cho khắp mọi hàm thức đều thành Phật đạo. Hư không có cùng tận, nguyện của ta vô cùng. Đấy là công lao cứu vãn kiếp nạn đến cùng cực vậy.

Tục ngữ có câu: "Cứu người phải cứu tới nơi tới chốn", cứu như vậy có thể nói là triệt để đến cùng cực! Nhưng đối với người chưa biết đến chân lý Phật pháp thì thoạt đầu chẳng thể không dùng những sự tích nhân quả nông cạn gần gũi để khơi gợi tín tâm của họ. Đừng vì những chuyện ấy nông cạn gần gũi mà chẳng muốn đọc rồi bỏ qua, thì sẽ tự đạt được diệu đạo thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Nguyện khắp những người cùng hàng ai nấy đều cùng gắng sức.

43. Lời tựa cho bộ Vụ Bản Tùng Đàm

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Đời đã loạn tột cùng hết thuốc chữa, xét đến cái gốc họa thì chỉ vì các tiên hiền bên Lý học đã bài xích những sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Phật đã dạy. Họ nói Phật bịa đặt những chuyện đó để làm căn cứ dụ dỗ, mê hoặc hàng ngu phu ngu phụ; chẳng biết "thuận theo thiên lý thì tốt lành, trái nghịch thì xấu, tích thiện sự vui có thừa, tích bất thiện thì tai ương có thừa", cũng như "tinh khí là vật, du hồn biến chuyển" chẳng phải là nhân quả đó sao? Chẳng phải là

luân hồi đó ư? Huống chi những chuyện nhân quả luân hồi được ghi chép trong sử sách kể sao cho xiết. Há họ trọn chẳng hề đọc đến hay sao? Chỉ vì tri kiến môn tường quá nặng, muốn tạo đường lối khác biệt nhà Phật để ngăn trở người đời sau, sợ họ đều học theo Phật hết thì Nho giáo sẽ bị lạnh lùng, suy sụp. Bọn họ chỉ lấy "trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý chánh tâm" làm đạo giáo hóa dân, để biến đổi phong tục thành tốt đẹp. Đối với phương tiện khiến cho dân không thể không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý chánh tâm, sửa lỗi hướng thiện, họ chẳng những phế bỏ không bàn tới mà còn bài xích sâu đậm là sai trái, chỉ sợ lỡ ra người ta tin vào nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo. Do vậy bậc thượng trí biếng nhác tu trì, kẻ hạ ngu dám làm ác, bởi Nghiêu hay Kiệt đều cùng chết, đều mất sạch cả rồi, cần gì phải chú tâm, dè dặt, không dây mà tự buộc để tự khổ sở cả một đời ư? Sao chẳng mặc tình buông lung cốt sao đời này được sung sướng, quản chi cái danh suông sau khi đã chết? Đến nỗi thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt. Tới khi gió Âu thổi dần sang phương Đông, biến đổi tận gốc càng thêm tệ hại, rốt cuộc đến nỗi phế kinh điển, phế luân thường v.v. lậm sâu mê hoặc bên trong, biến thành những chuyện tranh thành, tranh đất v.v. làm giặc bên ngoài. Nông nghiệp thì thiên thời lẫn địa lợi đều mất, nhân họa thiên tai cùng xảy tới. Xót thay dân đen, mắc phải sự hung tàn này. Xét đến nguồn gốc của họa loạn chẳng thể nào không quy tội cho học thuyết bài xích "nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo"! Xưa kia khi họ đề xướng thuyết này, chẳng qua chỉ muốn chèn ép Phật giáo để đề cao Nho giáo, chẳng biết do đấy con người sẽ phóng túng không kiêng dè, đến nỗi phát sanh những hiện tượng phế kinh điển, phế luân thường, phế bỏ lòng hiếu, vứt bỏ hổ thẹn.

Ôi, tình người như nước, nhân quả như đê, đắp cho chắc còn sợ nước ngập lênh láng, huống hồ là trừ bỏ đê đi, há nước chẳng chảy tràn lan hay sao? Học thuyết lầm người, họa đến cùng cực như thế đấy, chẳng đáng buồn ư? Gặp phải thời vận này, người có tâm sao nỡ bỏ mặc được ư? Vì thế, cư sĩ Quách Giới Mai phổ biến lưu thông sách Vụ Bản Tùng Đàm để mong cứu vãn. Sách ấy nêu tỏ từng sự lý giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, cũng như pháp tắc phát tâm Bồ-đề, tự lợi lợi tha, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương v.v.. Nếu có thể hành theo đó thì khi sống ắt sanh vào địa vị thánh hiền, khuất bóng sẽ lên cõi Cực Lạc, ngõ hầu chẳng phụ chân tâm có thể làm Nghiêu - Thuấn, có thể thành Phật và tiếng thơm cùng sánh với trời đất xưng là tam tài vậy!

Những ai muốn mở rộng giềng mối "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" lớn lao, muốn thành tựu đại sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", muốn chứng đại quả hết sạch phiền hoặc, phước tuệ

viên mãn, xin hãy dùng sách này để làm hướng dẫn hòng dẫn dắt người khác bước vào nơi thù thắng và những ai đã vào rồi sẽ tiến sâu thêm thì cuốn sách này sẽ không thể nào diễn tả tường tận sự thành tựu của người ấy cho được. Nguyện người thấy nghe chớ có xem thường thì may mắn lắm thay!

44. Lời tựa duyên khởi cho Phật Giáo Tây Phương Liên Hoa Hội ở Côn Sơn

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài được, nhiếp trọn các pháp thuộc chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối, thích hợp khắp ba căn thượng trung hạ, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, chắc chắn thoát sanh tử trong đời hiện tại. Chẳng trải qua tăng-kỳ[368] kiếp số mà đích thân chứng được pháp thân, chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, quả thật là đạo trọng yếu để thoát khổ trong hết thảy sự tu trì của chúng sanh. Do pháp này cậy vào Phật từ lực, nên lợi ích so với những pháp chuyên cậy vào tự lực sẽ khác biệt vời vợi một trời một vực. Vì vậy kẻ sắp đọa A-tỳ do mười niệm liền được vãng sanh, bậc đã chứng Đẳng giác phát ra mười nguyện để hồi hướng Tịnh độ. Do vậy biết, pháp môn này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Bởi đó, từ hội Hoa Nghiêm hướng dẫn về, từ lúc được diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, vãng thánh tiền hiền người người hướng đến, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ về. Huống chi nay thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến tột cùng, chánh pháp suy tàn, tà thuyết hoành hành, nếu chẳng dùng những điều lành thế gian như "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" và điều lành xuất thế "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh" để duy trì thì đạo làm người chắc sẽ gần như biến mất! Do vậy bèn tập hợp những vị tăng tục cùng hàng, lập ra Liên Hoa Thắng Hội cầu sanh Tây Phương này, dùng cái tâm "lập mình lập người, tự lợi lợi tha" để hành đạo "đôn đốc luân thường, tu ròng tịnh nghiệp", ngõ hầu làm tiêu chuẩn uốn nắn những kẻ xô đổ luân lý, dùng tà thuyết dối dân, để làm hướng dẫn cho kẻ mê muội tâm tánh ở trong đường hiểm không thoát ra được. Những người trong hội nếu có thể tận tụy thật sự thực hành ắt sẽ làm cho những người cùng hàng nhìn theo nhau bắt chước làm lành thì chẳng

[368] Tăng-kỳ, gọi đủ là a-tăng-kỳ (asamkhya), là một trong hai mươi lăm con số lớn nhất của Ấn Độ. Đôi khi còn được phiên âm là a-tăng-già, a-tăng-xí-da, hay a-tăng, có nghĩa là "chẳng thể tính toán được". Một a-tăng-kỳ là một vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn triệu (tám chữ vạn).

riêng gì kẻ có tín tâm được gội Phật ân sâu xa, mà ngay cả kẻ một mực phản đối cũng sẽ phát ra thiện niệm lớn lao. Ấy là vì sẵn có Phật tánh, do gặp được nhân duyên tăng thượng sẽ được hiển hiện ngay lập tức. Những điều khác đã được nói tường tận trong kinh luận Tịnh độ, nguyện những người tham gia hội và thấy nghe đều cùng gắng công.

45. Lời tựa cho Bôi Độ Trai Văn Tập

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Đời loạn đến cùng cực, phàm những người có tâm không ai chẳng ôm lòng lo lắng. Cư sĩ Quách Giới Mai do muốn cứu vãn nên trước kia đã từng soạn bộ Vụ Bản Tùng Đàm, tiếp đó lại chọn lọc từ văn cảo nhiều năm, gạn lọc thành sách. Phàm những gì được trước thuật đều là những sự tích thiện ác, lời hay hạnh đẹp trích từ *kinh, sử, tử, tập*[369], các kinh luận của Phật, tổ và đủ mọi ngôn luận cân nhắc cặn kẽ của người đương thời, chia thành bốn môn: một là hiếu hữu (hiếu thảo, hòa thuận), hai là chánh trị (đường lối cai trị đúng đắn), ba là hoằng pháp, bốn là đức hạnh, đặt tựa đề chung là Bôi Độ Trai Văn Tập.

Vì sao lại dùng Bôi Độ để đặt tên cho Trai[370]? Ấy là vì muốn độ người nơi biển cả phiền não ác nghiệp thì phải dùng những lời hay hạnh đẹp của cổ thánh tiên hiền và sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Như Lai đã dạy để làm căn cứ, tùy sự tùy cảnh dùng văn tự của chính mình để tỏ rõ. Đối với những chỗ nào chẳng thể dùng lý luận giảng rõ được bèn dẫn những sự tích xưa nay làm chứng cứ ngõ hầu kẻ cứng cổ phải quay đầu, kẻ tánh tình buông lung phải sửa đổi cái tâm. Nhưng vì đạo đức của chính mình nhỏ bé, mỏng manh, chẳng thể cảm hóa lớn lao, giống như dùng cái chén (bôi) để độ (cứu vớt) người, nên chỉ độ được hữu hạn. Đấy chính là danh xưng tự khiêm.

Phải biết: Cái chén này thuộc loại đại nguyện thuyền của Như Lai. Chịu lên cái chén ấy sẽ có thể ngay lập tức lên thẳng thuyền đại nguyện theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, rộng lớn không bờ

---

[369] *Kinh, sử, tử, tập* là cách phân chia sách vở Trung Hoa theo quan điểm của nhóm biên soạn Tứ Khố Toàn Thư. Kinh là những trước tác của thánh hiền như Tứ Thư, Luận Ngữ, sáu kinh Nho gia chẳng hạn. Sử là những trước tác về mặt lịch sử như Tả Truyện, Sử Ký, Hán Thư v.v.. Tử là những trước tác của các triết gia thời Xuân Thu Chiến Quốc như Tuân Tử, Hữu Tử, Cáo Tử, Mặc Địch, Trang Tử v.v.. Tập là những trước tác của những văn hào các thời.

[370] Trai có nghĩa là trong sạch, chuyên chú vào một chuyện. Người xưa thường dành riêng một gian nhà cách biệt để học hành, nghiên cứu cho yên tịnh, thanh vắng, nên cũng gọi phòng học là Thư Trai, đôi khi cũng được gọi tắt là Trai. Vì thế, các danh sĩ thường thích đặt tên tự hoặc biệt hiệu có kèm theo chữ Trai như Nguyễn Trãi có tên tự là Ức Trai, Nguyễn Đình Chiểu có hiệu là Hối Trai.

bến. Chín pháp giới dù phàm hay thánh đều do thuyền này đến được bờ giác Bồ-đề. Nguyện những ai trong biển khổ phiền não gặp được cái chén này chớ thấy nó nhỏ nhoi mà vứt bỏ. Nếu không, dẫu gặp được đại nguyện thuyền ắt cũng chẳng hay biết để rồi bỏ lỡ, tự mình lầm lạc cũng lớn lắm đấy! Tôi thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh." Bỏ nhân quả mà bàn về bình trị thì chẳng qua là trị lành đôi chút căn bệnh ngoài da. Nếu là tâm bệnh thì ngược lại, bệnh càng tăng trưởng, chẳng lẽ nào chữa lành bệnh cho được. Những người nói giọng cao xa, cứ bảo "nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi chính là lời bàn luận hư vọng để dối người của đức Phật" chẳng những không biết nhân quả mà còn hoàn toàn u mê nơi chánh lý thế gian. Thánh nhân cùng lý tận tánh, đức Như Lai đoạn hoặc chứng chân, đều chẳng ra ngoài nhân quả. Nếu con người tin sâu nhân quả sẽ tự nhiên ý thành, tâm chánh, thân tu.

Họ dùng thành ý, chánh tâm, tu thân để làm căn cứ khiến cho đời yên dân hiền, mong thành thánh, thành hiền, nhưng cực lực bài xích nhân quả luân hồi, chẳng biết "chỉ có sự lý nhân quả luân hồi là phương tiện làm cho con người thành ý, chánh tâm, tu thân". Đã không có nhân quả luân hồi thì có mấy ai chịu theo đuổi thành ý, chánh tâm, tu thân? Muốn cho ai nấy đều thành ý, chánh tâm, tu thân, mà trước đó đã bài xích phương tiện khiến cho con người không thể không thành ý, chánh tâm, tu thân, chẳng dám không thành ý, chánh tâm, tu thân! Cái tội đã vu báng bậc thánh đời trước, gây lầm lẫn cho người học đời sau, dù hết sạch trúc cũng khó ghi trọn được! Họ vẫn tự kiêu là "đề cao điều chánh, trừ bỏ lẽ tà, khiến đời yên dân lành", đến nỗi xuất hiện những cảnh phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu thuận, bỏ hổ thẹn, tàn sát lẫn nhau, dân không lẽ sống v.v. đều là do sự bài xích nhân quả luân hồi ấy ươm thành.

Nếu họ mộng thấy được cái họa ấy, dù có bị hình phạt tan xương nát thân bức bách họ đề xướng bài xích, họ cũng chẳng dám làm. Huống là do chỉ cầu lấy hư danh chẳng liên quan khẩn yếu mà lại dám làm ư? Thật vậy, chúng sanh ác nghiệp sâu nặng, cảm phải học thuyết này, nghiệp tăng nặng thêm, há chẳng đáng thương quá ư? Nguyện cho hết thảy những người cùng hàng đều cùng ôm lòng tự lợi lợi tha, đừng giữ những tri kiến môn đình đây kia. Do giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành mà đạt đến minh tâm kiến tánh, đoạn hoặc chứng chân và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, thì bởi cái chén này sẽ lên thẳng đại nguyện thuyền của đức Như Lai, đến được bờ giác kia, lại còn lần lượt độ thoát đến hết đời vị lai, ngõ hầu chẳng uổng cuộc sống này và dịp gặp gỡ này.

46. Lời tựa cho bản in gộp chung Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục và các bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Phàm những loài có huyết khí đều có tri giác, đã có tri giác ắt tham sống sợ chết, hướng lành lánh dữ. Chim, thú, côn trùng, rận, rệp, không loài nào chẳng như vậy. Nếu coi thường bắt giết thì tuy sức chúng nó chẳng thể chống lại, đành không biết làm sao được, nhưng tâm chúng nó thù hận quả thật chẳng ngôn ngữ văn tự nào có thể hình dung được. Nếu chúng sắp bị giết mà có người mua đem thả khiến cho chúng được sống, tâm chúng nó cảm kích cũng lại chẳng thể hình dung được. Dẫu cho chúng nó hiện thời chẳng có sức báo ân báo oán, nhưng cái duyên thiện ác đã kết thì hoặc là trong đời này, hoặc trong tương lai ắt sẽ có sự báo ứng chẳng ngờ được. Dẫu chúng nó chẳng thể báo đền ngay lập tức, nhưng thường hành phóng sanh hay thường hành sát sanh thì thiên địa quỷ thần đều thường soi xét để giáng phước hay giáng họa, chớ coi thường, nghĩ chúng nó yếu ớt rồi khinh khi.

Người đời chẳng biết nhân quả, coi sát sanh ăn thịt là lẽ chánh đáng, là điều nên làm, chẳng biết những tai ương thê thảm như đao binh, giặc cướp, lũ lụt, hạn hán, tật dịch v.v. phần nhiều đều do sát sanh ăn thịt mà ra. Nếu ý niệm từ bi thật sự tinh thuần, dù ở trong cùng một thời kiếp này nhưng mỗi người mỗi thọ quả báo khác biệt. Xưa kia có một đứa bé được cha dẫn đến quy y, tôi hỏi: "Con có thích ăn thịt hay không?" Nó thưa: "Thích lắm ạ!" Tôi lấy ngón tay nó bỏ vào miệng nó, bảo: "Miếng thịt này ngon lắm, ăn thử xem nào!" Nó cực lực phản đối: "Không ăn được, không ăn được đâu!" Tôi nói: "Thịt của chính mình thì không ăn được, sao lại ăn thịt của những sanh linh khác được? Hiện tại con ăn thịt nó, tương lai nó cũng ăn thịt con. So với việc ăn thịt chính mình càng khổ độc gấp vạn lần." Do vậy thánh nhân dùng lòng trung hậu, khoan thứ dạy người, những gì chính mình không thích bị làm thì đừng làm cho người khác, không giống như người đời vô tri ỷ mạnh nuốt yếu, quen thói coi đó là chuyện thường, nào biết sát sanh ăn thịt là tội ác, là phi lễ. Thấy người không ăn thịt lại chê là hủ bại, là mê tín! Giả sử người ấy đột nhiên bị biến thành chim, thú, cá, tôm, bị người ta bắt được sắp bị giết, trong tâm liền tự nhủ đấy là chuyện đúng lẽ, là chuyện nên làm, hoan hỷ trám đầy miệng bụng người khác hay sao? Hay sẽ nói là tội ác, là phi lễ, ôm lòng hận thù không cởi gỡ được ư? Nếu lúc ấy có người kiêng giết, bảo vệ sanh mạng loài vật, chẳng ăn thịt, khuyên người ta đừng giết, sắp muốn mua đem thả, trong tâm con vật có chê người ấy là viển vông, hủ bại, là mê tín hay không? Hay là sẽ cảm đức cứu mạng, suốt đời chẳng quên vậy? Nếu kẻ đó đặt mình vào

chỗ ấy, suy đi nghĩ lại, tôi e rằng kẻ ấy thà ăn thịt của chính mình chứ chẳng chịu ăn thịt của chúng sanh nữa! Than ôi, ai nấy đều có thể thành Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, sao lại trái giác hiệp trần đến mức cùng cực như vậy?

Tiên sinh Giang Thận Tu[371] chính là vị quân tử ẩn dật vào đời Thanh trước kia, học vấn uyên bác, phẩm hạnh thuần chánh, tuy chưa từng nghiên cứu Phật lý đến tột cùng, nhưng tin sâu nhân quả. Vì thế, cụ sao lục những chuyện thấy nghe được về sự báo ứng do sát sanh hay phóng sanh, biên soạn thành sách. Hậu duệ của cụ là Dịch Viên đem ấn hành vào năm Dân Quốc 11 (1922), Quang đã viết lời tựa, nên ở đây không cần phải nói nhiều. Hiện nay sát kiếp ngập tràn, lại thêm lũ lụt, hạn hán, đủ mọi tai họa, dân không lẽ sống, hết cả thuốc chữa. Những người cùng hàng muốn giải quyết vấn đề từ căn bản, tính ấn hành rộng rãi bộ Hiện Báo Lục để làm căn cứ vãn hồi kiếp vận.

Lại do đối với lý tột cùng, bộ Hiện Báo Lục chưa nêu tỏ đầy đủ, nên đem những bài văn "kiêng giết, phóng sanh" của Quang trong phần phụ lục của cuốn Vạn Thiện Tiên Tư trước kia in gộp vào cuốn Hiện Báo Lục này. Do vậy sẽ thấy tâm pháp của Nho và Phật chẳng hai, miệt mài cứu vật quả thật là miệt mài cứu người. Cách cứu vãn này chính là dốc sức từ nơi căn bản, đừng gièm chê là hoãn gấp, nặng nhẹ không thích đáng! Những bài văn khuyên kiêng giết, phóng sanh của Liên Trì, Từ Vân, Tăng Đoan Phủ[372] đều là vàng ròng trải qua trăm lần luyện, là ngọc đẹp không tỳ vết. Đọc những bài văn ấy sẽ khiến cho cái tâm tàn nhẫn của con người nhanh chóng tiêu diệt, ý niệm từ bi tràn trề nẩy sanh. Chỉ có một bài sớ kêu gọi tu bổ ao phóng sanh ở Nam Tầm của Quang khó tránh khỏi bị chê bai là đem thau xen lẫn vào vàng, nhưng cạn hết tấc lòng ngu thành của tôi, gắng trọn hết thiên chức, khen hay chê cũng chẳng màng!

47. Lời tựa cho bộ Viên Anh Pháp Vựng

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

---

[371] Giang Vĩnh (1681-1762), tên tự là Thận Tu, người huyện Vụ Nguyên, tỉnh Giang Tây, bác học đa văn, suốt đời không ra làm quan, chỉ lo dạy học, tinh thông rất nhiều học thuật, trước tác rất nhiều, hơn 20 tác phẩm của ông được đưa vào Tứ Khố Toàn Thư. Trước tác nổi tiếng nhất là bộ Hà Lạc Tinh Uẩn, được coi như một tác phẩm chú giải tinh vi nhất về Dịch học, cũng như chứa đựng rất nhiều kiến giải đặc sắc, mới lạ về kinh Dịch.

[372] Theo Cư Sĩ Truyện, Tăng Đoan Phủ tên thật là Tăng Đại Kỳ, người huyện Thái Hòa tỉnh Giang Tây, sống vào cuối đời Minh, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, rất có văn tài, soạn bộ sách Thông Dực để xiển dương nhân quả và các nghĩa lý khổ, không, vô thường, giải trừ nghi hoặc của người đời, vận dụng rộng rãi kinh truyện để làm chứng cứ nên rất được người đương thời tán thưởng. Ông còn soạn bài Hộ Sanh Thiên để đề xướng kiêng giết phóng sanh.

Tri kiến Như Lai chúng sanh đều cùng sẵn có, nhưng nếu đức Phật chẳng nói thì ai hòng tự biết được? Vì vậy đức Thế Tôn ta thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, vì khắp chúng sanh chín giới, tùy theo căn cơ tuyên nói diệu pháp sao cho lý lẫn cơ đều khế hợp, giải lẫn hạnh cùng trọn vẹn, ngõ hầu đoạn hoặc chứng chân, khôi phục tâm tánh vốn có mà thôi!

Lại do những nhân duyên như: Chúng sanh độn căn khó mong đoạn chứng được, hễ phải thọ sanh lần nữa, tiến chỉ một, lùi cả vạn; chỉ có bậc thượng sĩ Nhất thừa đích thân chứng được pháp thân, chẳng phải trải qua tăng-kỳ đại kiếp, mau thành Phật đạo v.v. nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, để chín pháp giới thượng thánh hạ phàm đều cùng vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Bậc thượng sĩ sẽ viên mãn Bồ-đề, kẻ hạ căn cũng đích thân lên bậc Bất thoái. Ân che chở, vỗ về, nuôi dưỡng ấy dù hết cả kiếp cũng chẳng thể nói trọn. Do vậy biết, một pháp Tịnh độ chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Đang thời mạt pháp này, căn cơ con người kém hèn, thọ mạng ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, tà ma ngoại đạo tung hoành, nếu không có pháp này thì làm sao yên được? Vì thế khi Phật pháp được truyền sang Chấn Đán, hai ngàn năm qua, tất cả tri thức ai nấy hoặc chuyên tu hoặc kiêm tu, hoặc hiển tu hoặc ngầm tu pháp này để mong rốt ráo tự lợi lợi tha.

Pháp sư Viên Anh xưa đã sẵn huệ căn, nghiên cứu Giáo quán đã lâu, tuy thị hiện dáng vẻ duy trì Tông môn, nhưng thật ra lòng chuyên chú nơi Tịnh độ. Người căn cơ viên mãn thọ pháp, không pháp nào chẳng viên, tùy lòng người ưa thích mà giảng các kinh. Phật Học Thư Cục tập hợp những trước tác của sư để ấn hành lưu truyền, đặt tên là Viên Anh Pháp Vựng. Đầu sách là A-di-đà Kinh Chú (chú giải kinh A-di-đà) để nêu rõ ý pháp sư chú trọng Tịnh độ. Trộm nghĩ vùng Chiết Giang xưa kia đã có Vân Thê Pháp Vựng, gần đây thì có Đế Nhàn Giảng Lục, Viên Anh Pháp Vựng, đều là người hướng dẫn nơi đường hiểm, là thuyền từ trong biển khổ. Kẻ có duyên gặp được may mắn chi hơn? Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, ngoài niệm Phật ra thì chẳng biết một chuyện gì, được sư chẳng chê bỏ, sai viết lời tựa dẫn giải, chỉ đành lược thuật những gì được biết cho xong trách nhiệm, nhưng lời văn chẳng ăn nhập gì đến đầu đề, đành mặc cho bậc đại thông gia chỉ trích, chê cười mà thôi!

48. Lời tựa cho viện mồ côi của hội Phật giáo Thượng Hải

Nuôi dạy con người thuở bé là chuyện cấp bách. Ấy là vì lúc mới hiểu biết sẽ hấp thụ sự huân tập dễ dàng, tập tành chuyện lành sẽ là người lành, tập thói ác sẽ thành kẻ ác, huống gì những cô nhi không cha không mẹ, không cơm không áo

ư? Những hạng người này không được nuôi dạy thì nếu không chết đói sẽ lưu lạc thành ăn mày, hoặc thành kẻ bậy bạ. Bởi lẽ tài đức thiên phú do nghèo cùng nên chẳng thể bộc lộ, chẳng tiếc lắm ư? Nếu được nuôi dạy thì sẽ như Thích Đạo An đời Tấn, Thích Diệu Phong đời Minh, đạo truyền Phật tâm, trên hoằng dương, dưới hóa độ. Lã Văn Mục[373], Phạm Văn Chánh đời Tống, dùng đạo cứu giúp cõi đời hoạn nạn, kế thừa người trước, mở mang hậu học, xưa nay vốn chẳng thiếu những người giống như thế. Dẫu đứa không có thiên tư cũng sẽ được nuôi thành lương thiện, biết tự chủ, trở thành bậc thuần thành, cẩn thận trong một làng một ấp, tận tụy hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", sẽ biến đổi thế đạo nhân tâm mà chẳng hay chẳng biết. Do vậy củng cố nền tảng đất nước, giúp cho sự bình trị, cố nhiên chẳng riêng gì đứa bé côi cút được hưởng lợi ích ấy.

Nguyện những người nhân từ, những bậc quân tử, hãy đem cái lòng thương yêu trẻ thơ của ta để nhất trí tiến hành giúp đỡ cho chuyện này ngõ hầu an ủi tấm lòng thương trẻ của Khổng tử, cái tâm thương yêu chúng sanh như con một của Phật Thích-ca, vậy thì cái tâm thương yêu trẻ thơ mới được viên mãn, không còn thiếu sót gì, khôn ngăn thơm thảo ngày đêm cầu khẩn vậy!

49. Bài tụng và lời tựa nêu bày ý nghĩa ẩn kín nhân dịp khánh thành công trình xây dựng thêm nhà cửa cho viện mồ côi của hội Phật giáo thành phố Thượng Hải

Tử Dư Thị[374] từng nói: *"Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu, trị thiên hạ khả vận chi chưởng thượng"* (Đem lòng phụng dưỡng người già của ta để phụng dưỡng người già của kẻ khác, đem lòng thương yêu

[373] Văn Mục là thụy hiệu của Lã Mông Chánh (944-1011), tự Thánh Công, người xứ Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, làm Tể tướng dưới đời Tống Thái Tông và Tống Chân Tông. Ông vốn thuộc dòng dõi quyền quý, cha là Lã Quy Đồ làm quan Thị lang, nghe lời người thiếp gièm xiểm, nhẫn tâm đuổi mẹ con ông ra khỏi nhà. Mẹ phải làm thuê vất vả để kiếm sống, Mông Chánh còn bé đã phải đi đốn củi giúp mẹ đắp đổi cuộc sống. Mỗi lần gánh củi đi ngang trường học, Mông Chánh rình nghe học trò đọc sách, không bao lâu đã thông thuộc Tứ Thư, Ngũ Kinh. Mẹ thấy con chăm học, đến van nài với thầy dạy. Thầy giáo thấy Mông Chánh thông minh, hiếu học bèn chu cấp bút mực, tận lực dạy dỗ. Ông tánh tình cương trực, nói thẳng không kiêng dè. Tống Thái Tông từng khoe kinh thành giàu có, ấm no, ông liền vạch thẳng tình trạng cả đống dân chết đói, chết rét, nhưng các quan giấu giếm không báo lên vua biết, khiến vua giận xám mặt. May mắn cho ông là Tống Thái Tông không phải là hôn quân, nên ông vẫn giữ được tánh mạng. Do cương nghị, đầy tài năng, ông từng kiêm nhiệm nhiều chức vụ trọng yếu như Đồng bình chương sự, Chiêu văn quán Đại học sĩ, Tư không, Thái tử thái sư, tước phong Tưởng Quốc Công.

[374] Theo Sử Ký, Tử Dư Thị là tên gọi chung của ba anh em họ nhà Tử Dư, tức Trọng Hành, Yểm Tức, và Châm Hổ. Cũng như ba anh em họ Tử Xa, họ là những vị hiền thần dưới thời Tần Mục Công. Khi Tần Mục Công chết, họ là những người bị chôn sống theo vua trong số 177 người bị tuẫn táng. Không rõ câu nói trên do ai trong số ba người này đã nói.

đùm bọc trẻ thơ của ta để đùm bọc, thương yêu con thơ người khác thì thiên hạ bình trị là điều nắm chắc trong tay). Từ khi cái học chân chánh bị thất truyền, nhà Nho đều lấy bài xích luân hồi làm chí hướng sự nghiệp. Dẫu có biết cũng chẳng dám nói ra miệng. Do vậy phụng dưỡng người già, nuôi dạy trẻ thơ của chính mình đều chẳng đạt đến đạo rốt ráo, huống hồ là với người già, trẻ thơ của người khác ư! "Lão lão" vừa nói đó chính là dùng đạo để cha mẹ được tự yên và dưỡng cái chí của cha mẹ, khuyên dụ cha mẹ hướng về đạo. Nếu không, dù có phụng dưỡng cẩn thận, vẫn chẳng thể khiến cho thân tâm cha mẹ rốt ráo yên vui, đều chẳng được gọi là thật sự "lão ngô lão" vậy.

Hãy để câu ấy lại mà bàn đến chuyện "ấu ấu", ấu ấu là dùng thân làm gương ngõ hầu nuôi dạy đúng đắn con thơ, mỗi một lời nói, mỗi một hành vi chẳng để vượt khỏi quy củ, sao cho đều là hiền là thiện, có ích cho nước nhà, chẳng gây hại cho xã hội thì mới được. Nếu không, dẫu chẳng tiếc tiền của cung cấp học phí, học vấn thành tựu xong, con cái chẳng hề chú trọng đạo nghĩa thì đều chẳng gọi là "ấu ngô ấu" thật sự. Con thơ của ta còn chẳng thể chân thật nuôi dạy như vậy, huống chi đối với những đứa con thơ của người chung quanh hay người đời, làm sao có thể quan tâm đến nơi đến chốn cho được? Gần đây thế đạo hoang tàn loạn lạc, dân không lẽ sống, bao nhiêu cô nhi không cha không mẹ, không áo không cơm sắp bị chết đói. Dẫu chẳng chết đói nhưng do không được dạy dỗ, ắt khó thể trở thành người đàng hoàng được. Chẳng thành gã dân ương bướng, ắt sẽ trở thành kẻ hư hỏng!

Các đại thiện sĩ như Quan Quýnh Chi v.v. nhiệt tâm làm chuyện công ích, nghĩ đến nỗi khốn khổ của cô nhi, trong năm trước đã lập một cô nhi viện Phật giáo ở nhờ chùa Bảo Liên tại Áp Bắc. Nay người đông nhà ít, xây cất thêm bao nhiêu gian nữa, nay đã hoàn thành, cho in đặc san Kỷ Niệm, sai Quang lược thuật những nét chánh. Do vậy bèn tụng rằng:

Giúp đỡ cô nhi,
Tài cao chót vót,
Nếu chẳng cứu giúp,
Sống bằng cách nào?
Đã được nuôi dạy,
Chánh khí ắt thành,
Hoặc là công, thương,
Học hành, cày cấy,
Là hiền, là thiện,
Tốt lành, thuần thục,

Chăm giữ đạo nghĩa,
Tuy hèn vẫn vinh,
Huống chi chẳng ít,
Anh tuấn lỗi lạc,
Do vậy biết rằng:
Nuôi dạy cô nhi,
Lợi ích sâu rộng,
Lời ông Tử Dư
Thật đã nghĩ chín,
Chỉ nguyện người nhân,
Cùng sẵn từ bi,
Nhà viện tuy thành,
Nhu cầu vẫn thiếu,
Ai nấy ra tay,
Giúp cho hoàn thành,
Thương con của người,
Con ta ắt nhờ.
Hiền thiện tiếp nối,
Nêu gương cho đời,
Lợi người, tự lợi,
Nhân quả như thế,
Chớ nên chẳng tin,
Lời Phật chẳng dối!

50. Lời tựa cho bộ Đạo Đức Tùng Thư

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Khổng tử khen ngợi Chu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa. Nhà tích điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa). Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối cùng mới nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều cực), đấy chính là nghĩa "nhân đời trước, quả đời này" vậy. Nho gia trong cõi đời chẳng biết nhân quả, quy hết mọi chuyện về sự cai trị của vua. Thế nhưng tánh tình hung bạo, thọ mạng ngắn ngủi, tấm thân bệnh tật, nỗi lòng lo sầu, cảnh ngộ nghèo cùng, diện mạo xấu xí, thân thể yếu đuối đều do sự cai trị của vua gây ra hay sao? Vu báng sự cai trị của vua, trái nghịch tâm pháp của thánh nhân quá sức!

Đạo "sửa mình trị người" của thánh nhân lấy "sáng tỏ minh đức" làm gốc, công phu bước đầu của làm sáng tỏ minh đức chính là cách vật. "Vật" chính là nhân dục tham - sân - si - mạn, trừ sạch hết đi thì lương tri sẵn có tự nhiên hiển hiện. Lương tri đã hiển hiện thì chẳng thể nào ý không thành, tâm không chánh, thân không tu! Kẻ học phải học từ đầu nguồn như vậy mới là thật học. Người căn tánh trung hạ chẳng thể trừ khử nhân dục để thành ý, chánh tâm, tu thân thì dùng thật sự, thật lý nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo để giảng nói cho họ, ắt họ sẽ gắng sức làm lành, càng cố ý bỏ ác, dùng "bốn điều đừng" của Nhan tử và "ba điều phản tỉnh" của Tăng tử để làm gương báu cho suy nghĩ, khởi niệm, hành xử, sẽ dần dần tự đạt đến chỗ hết sạch nhân dục, đạt được địa vị làm sáng tỏ minh đức. Những nhà Nho đời sau kỵ nói nhân quả luân hồi là đã đánh mất phương tiện thúc bách con người chẳng thể không thành ý, chánh tâm, tu thân. Lại còn đặc biệt cao giọng đề xướng để tự khoe bản lãnh cao minh, cho "có gì để làm lành thì đấy chính là ác", con người chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, dẫu bị chém chặt xay giã thì sẽ thực hiện vào đâu? Nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo chính là lời dối trá để phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tin phụng giáo pháp nhà Phật. Do những lời lẽ ấy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, dẫu có pháp bình trị cõi đời đi nữa cũng đều thuộc ngoài da, trọn chẳng có căn bản.

Vì thế đến khi gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, tất cả những pháp do thánh nhân Trung Quốc lập ra đều bị bỏ đi, học theo văn hóa mới của Thái Tây, biến đổi tận gốc càng thêm dữ dội, những tấn tuồng xấu xa như phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, không hổ thẹn, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau đều thấy diễn ra, đạo làm người gần như bị diệt mất. Do vậy, người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm đua nhau cứu vãn, hoặc đề xướng Phật học, hoặc biên soạn thiện thư, không gì chẳng muốn cho con người đều biết nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo, đổi ác hướng lành, dứt lòng tà, giữ lòng thành, sốt sắng hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", luyện tập tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" hòng tự sáng tỏ minh đức, ở yên nơi địa vị chí thiện. Tự giác được giác tâm để khôi phục bầu trời sẵn có, sao cho nhân họa dứt, lễ nghĩa nhân nhượng thịnh hành, thuận lòng trời thì mưa nắng đúng thời. Cõi đời quay lại thuở Đường, Ngu, con người trở lại hiền thiện. Đấy chính là thâm tâm cứu thế của các vị hữu tâm ở mọi nơi.

Tiên sinh Trần Kính Y ở Hải Môn bác học đa văn, chú trọng tận tụy hành thực tiễn, hiểu nhân rõ quả, cực lực mong giác thế yên dân, soạn ra bộ Đạo Đức Tùng Thư gồm 15 loại, văn tự lẫn ý nghĩa đều viên thông, sự lý đích xác, quả thật là món thuốc tốt lành cho căn bệnh trầm kha, là người hướng dẫn trong đường mê.

Nếu có thể khắc in lưu hành rộng rãi thì lợi ích há thể tính lường được ư? Nguyện những người có tâm lực, khẩu lực, tài lực đều cùng chú ý.

51. Lời tựa nêu duyên khởi in cuốn Khuê Phạm theo lối thạch bản

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Hai khí âm dương trong trời đất hóa sanh vạn vật, thánh nhân lấy nam nữ "chánh vị" (chánh vị là hành xử đúng theo địa vị, tức là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận) để lập ra giềng mối. Trời đất rộng lớn, con người chẳng thể nào diễn tả được! Nhưng con người sống giữa trời đất, bảy thước bé tẹo, đứng cùng trời đất thành ba ngôi xưng là tam tài, bởi có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, kế thừa người trước, mở mang cho người sau, tham dự giúp đỡ quyền sanh thành, trưởng dưỡng, chẳng đến nỗi uổng công trời đất sanh ra muôn vật. Đấy là duyên do con người là "vạn vật chi linh", chỉ riêng con người được danh xưng cực tôn quý nhất. Nếu chẳng lấy đạo nghĩa làm gốc, chỉ mải miết ham muốn ăn uống, trai gái, há có khác gì cầm thú đâu? Gần đây thế đạo nhân tâm suy hãm đã đến mức cùng cực, những người dân vô tri bị tà thuyết bên ngoài mê hoặc, đua nhau đề xướng phế kinh điển, phế luân thường, cứ muốn cho con người trong cả cõi đời đều trọn chẳng khác gì cầm thú mới thôi. Mối họa ấy khốc liệt có thể nói là đến mức cùng cực.

Xét đến căn nguyên đều do gia đình thiếu dạy dỗ và chẳng biết nhân quả báo ứng mà ra. Nếu con người từ lúc được sanh ra, hằng ngày được cha mẹ hiền khéo dạy và biết họa phước, tốt xấu khác gì bóng theo hình, tiếng vọng theo âm thanh, chẳng khác gì trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, dẫu dùng oai thế bức hiếp bắt theo tà thuyết ấy, nếu không ắt phải chết, họ vẫn cứ nghĩ "do trọn hết luân thường mà chết cũng là may mắn", quyết chẳng đến nỗi sợ chết mà cẩu thả đi theo. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm, cái gốc để thiên hạ yên ổn hay loạn lạc chính là ở chỗ thất phu thất phụ có trọn được hết luân thường, trọn hết bổn phận hay không. Vì thế nói: "Cái gốc của thiên hạ là đất nước, cái gốc của đất nước là gia đình. Cái gốc của gia đình là cái thân." Cố nhiên đây là thiên chức của hết thảy thất phu thất phụ, chứ không phải chỉ nói đến người có tước vị.

Trong sự dạy dỗ nơi gia đình thì sự dạy dỗ của mẹ là quan trọng nhất, bởi tánh tình của con người phần nhiều tiếp nhận từ mẹ. Lúc còn trong thai thì bẩm thụ khí phận của mẹ, lúc nhỏ quen theo oai nghi của mẹ, nếu mẹ hiền thì chắc chắn chẳng đến nỗi sanh ra con cái không ra gì. Ví như vàng lỏng đúc thành món đồ, nhìn vào khuôn liền biết món đồ ấy sẽ tốt hay hư, nào đợi phải đổ khuôn rồi mới biết hay sao? Nhân tài nước nhà đều từ gia đình. Nếu ai nấy chú trọng vào

giáo dục gia đình thì chẳng đầy mấy chục năm hiền nhân sẽ xuất hiện đông đảo. Lòng người đã chuyển, lòng trời sẽ tự thuận, thời tiết hòa thuận, mùa màng sung túc, dân giàu vật mạnh, phong thái đại đồng thuở Đường Ngu ắt sẽ được thấy trong ngày nay. Do vậy, những bậc lo cho đời không ai chẳng đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình để làm căn cứ vãn hồi thế đạo nhân tâm.

Nhưng muốn đề xướng cần phải có trợ giúp, bốn quyển Khuê Phạm do tiên sinh Lã Thúc Giản[375] đời Minh biên tập vào năm Canh Dần tức năm Vạn Lịch 18 (1590) đời Minh được lưu truyền rộng rãi khắp nước, mọi nơi đều khắc bản ấn hành. Gần đây sách bị thất truyền, con người không biết đến. Ông Chu Nghiệp Cần tìm được trong tiệm sách cũ, cầm đưa cho ông Ngụy Mai Tôn coi. Mai Tôn thấy quyển một trích lục những lời hay ý đẹp dạy dỗ nữ giới trích từ Tứ Thư, Ngũ Kinh và các truyện ký. Quyển hai, quyển ba, quyển bốn chép cặn kẽ ngôn hạnh của các hiền nữ, vợ hiền và mẹ hiền. Trước mỗi chuyện có hình vẽ, sau mỗi chuyện có lời bình để mắt người vừa chạm vào liền dấy lòng cảm kích, đua nhau bắt chước làm theo; thật đáng để giữ yên phương Khôn[376] hòng giúp cho đạo bình trị, phụ trợ sự dạy dỗ trong gia đình, bồi đắp thêm cho oai nghi người mẹ, nên khôn ngăn vui thích, tán thưởng. Lý Kỳ Khanh nghe vậy, do bà vợ ông ta lúc còn sống đã tính lưu truyền những thiện thư hầu giữ yên chốn khuê các, nhưng chưa được toại nguyện, bèn tự đảm nhiệm in 500 bộ để hoàn thành chí nguyện ấy, xin tôi đề tựa. Tôi nghĩ cuốn sách này vừa được in ra, ắt sẽ có đông đảo bậc thục nữ anh liệt hưng khởi tấm lòng mong sao trọn hết phận mình, hoàn thành thiên chức. Trên là noi bước hai bà Phi, ba bà Thái, trong xử sự luân thường hằng ngày, lo liệu, giúp đỡ, un đúc, giáo hóa, dạy dỗ, ngõ hầu chồng lẫn con đều thành hiền thiện hòng cõi đời đạt đến yên ổn tột bậc. Công đức ấy há thể diễn tả được ư? Do xét đến cội nguồn như thế liền viết thành lời tựa.

52. Lời tựa trình bày duyên khởi của liên xã Tịnh Niệm tại trấn Hợp Hưng, thành phố Phụ Ninh

[375] Lã Khôn (1536-1618), tự Thúc Giản, biệt hiệu Tân Ngô và Tâm Ngô, quê ở Ninh Lăng (nay là huyện Ninh Lăng, tỉnh Hà Nam), đỗ tiến sĩ năm Vạn Lịch thứ hai (1574), làm quan đến chức Tả hữu thị lang Bộ hình. Năm Vạn Lịch 14 (1586), do dâng sớ bày tỏ nỗi lo về sự an nguy trong thiên hạ, bị gian thần sàm tấu, phải cáo bệnh xin về hưu, chuyên lo dạy học. Ông là người cương trực, làm quan rất thanh liêm, không bận tâm đến lẽ vinh nhục. Thường nói: "Thân ta vốn không có nghèo giàu, quý hèn, được mất, vinh nhục. Ta chỉ là ta, nên giàu sang, nghèo hèn, được mất, vinh nhục như gió mùa xuân, trăng mùa thu, tự đến tự đi, chẳng hề bận lòng!" (Trích từ thiên Tu Thân trong sách Thân Ngâm Ngữ do ông viết).

[376] Trong Dịch học, phương Khôn tượng trưng cho đất, là quẻ thuần âm nên thường dùng để ví cho nữ giới và đạo làm vợ.

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, hoàn toàn thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Bậc Đẳng giác Bồ-tát sắp thành Phật chẳng thể vượt ra ngoài pháp này được, tội nhân ngũ nghịch thập ác sắp đọa địa ngục cũng có thể dự vào trong ấy. Là con đường tắt để chúng sanh lìa khổ, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai. Vì thế pháp này được vãng thánh tiền hiền, người người hướng về, ngàn kinh muôn luận chốn chốn chỉ quy. Xét từ khi đại giáo truyền sang phương Đông, Viễn công mở liên xã đầu tiên, bậc cao tăng, đại Nho dự hội gồm 123 người. Nếu xét trọn cuộc đời ngài, trong hơn 30 năm những người tham gia liên xã tu tịnh nghiệp được vãng sanh khi báo thân đã tận làm sao đếm xuể? Từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân hoằng dương truyền bá rộng khắp trong và ngoài nước. Tri thức các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật hoặc chuyên chú ngầm tu, hoặc còn tán dương rõ rệt, đều lấy Tịnh độ làm chỗ quy túc, vì đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Gần đây thế đạo nhân tâm đắm chìm đến cùng cực, những vở tuồng xấu ác như phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, không thẹn, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau, mỗi mỗi đều diễn ra, đến nỗi thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Người có lòng lo cho thế đạo đua nhau đề xướng Phật học, nêu tỏ nhân quả ba đời, chỉ rõ luân hồi lục đạo, chỉ ra Phật tánh sẵn có, tu tịnh nghiệp niệm Phật để mong đẩy lùi cơn sóng cuồng loạn, khôi phục phong hóa thuần phác, lập Cư sĩ lâm, Tịnh nghiệp xã v.v. ở các nơi để làm phương cách cứu vãn. Nếu không, đạo làm người gần như bị diệt mất!

Cư sĩ Thí Nguyên Lượng ở Hải Môn, ngụ cư[377] ở Phụ Ninh, khai khẩn đất hoang, thương người đời muốn tu tịnh nghiệp nhưng khổ vì không có người biết pháp, rốt cuộc đi theo các thứ ngoại đạo luyện đan vận khí để cầu trường sanh và thành thần tiên Đại La, ăn trộm những câu nói trong kinh Phật để chứng tỏ đạo của chính mình là Phật pháp chân truyền, như kẻ ngu coi mắt cá là chân châu, thật đáng thương xót! Nhưng Phật pháp mênh mông, chẳng tranh với người. Nếu có thể tận lực tu trì chánh pháp thì chắc chắn sẽ có ngày bọn họ nghe biết thanh danh rồi dấy lòng cải tà theo chánh. Phàm những người tham dự liên xã ắt đều phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, dùng tín nguyện chân thành trì danh hiệu

[377] Nguyên văn là "ký cư" (sống gởi), ngụ ý ông Thí Nguyên Lượng không phải là người có quê quán tại Phụ Ninh, chỉ đến sinh sống lập nghiệp tại nơi đó.

Phật, quyết chí cầu sanh thế giới Cực Lạc. Dùng pháp này để tự hành, lại đem giáo hóa người khác để trong là cha mẹ, anh em, vợ con, ngoài là xóm giềng, thân thích, bè bạn đều cùng được gội ân Phật giáo hóa, đều cùng tu tịnh nghiệp, cùng trong đời này được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, ngõ hầu chẳng phụ một phen thành tâm dự vào liên xã ngày hôm nay.

Phải biết: Pháp môn niệm Phật lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông, điều quan trọng của niệm Phật là "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối". Muốn "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" thì bất luận đi đứng nằm ngồi hãy thường niệm Phật hiệu, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, đều cần phải lắng nghe tiếng niệm Phật của chính mình. Nếu làm được như thế thì nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước cao, phàm làm bất cứ điều gì đều thuận lợi. Đối với những nghề nghiệp sĩ - nông - công - thương chẳng những hoàn toàn không trở ngại gì mà còn có thể khơi mở tâm linh nơi nghề nghiệp của chính mình, do vì tâm không tán loạn sẽ tự chủ trong công việc. Như đối trước mọi lẽ rối ren, nếu tâm thần ngưng lặng sẽ giải quyết dễ dàng; nếu tâm thần chao động sẽ gặp khó khăn. Do vậy những bậc lập đại công, dựng đại nghiệp thuở xưa, công huân trùm bốn biển, ngôn hạnh lưu lại ngàn thu, đều là do học Phật đắc lực mà ra.

53. Lời tựa cho sách Niệm Phật Khẩn Từ

Pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, bình đẳng nhiếp thọ phàm lẫn thánh. Trên là bậc Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài, dưới là tội nhân ngũ nghịch thập ác cũng có thể dự vào trong số ấy. Dạy dỗ không phân biệt, hễ ai sanh chánh tín đều được lợi ích thật sự, hoàn thành ngay trong đời này. Kẻ trọn đủ phiền hoặc vẫn dự vào dòng thánh. Dường như biển cả dung nạp khắp trăm sông, như thái hư chứa khắp muôn hình tượng. Nếu Như Lai chẳng lập ra pháp này thì chúng sanh đời mạt ai có thể đoạn phiền hoặc để liễu sanh tử, thoát ngũ trược, vượt khỏi tam giới? Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải nương vào đạo lực giới định tuệ để đoạn phiền hoặc tham sân si. Nếu đạt đến mức có sức định tuệ sâu, đoạn sạch được phiền hoặc thì mới có phần liễu sanh tử. Nếu chưa thể đoạn sạch phiền hoặc, dẫu cho anh có đại trí tuệ, có đại biện tài, có đại thần thông, biết được quá khứ vị lai, muốn đi liền đi, muốn đến liền đến, vẫn chẳng thể liễu thoát được, huống chi những kẻ kém cỏi hơn ư? Cậy vào tự lực để liễu sanh tử sẽ khó lắm, thật khó như lên trời vậy!

Nếu nương theo pháp môn niệm Phật, sanh lòng tin phát nguyện niệm thánh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận xuất gia hay tại gia, sĩ nông công thương, già trẻ, trai gái, sang hèn, hiền ngu, chỉ cần nương theo giáo pháp tu trì thì đều có

thể nương vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì định tuệ chẳng mong được mà tự được, phiền hoặc chẳng mong đoạn mà tự đoạn. Thân cận Di-đà, thánh chúng, vẫy vùng nơi đất vàng, ao báu. Nương theo duyên thù thắng ấy để trợ thành đạo nghiệp, để những người mang nghiệp vãng sanh sẽ lên thẳng địa vị Bất thoái, những vị đã đoạn được hoặc vãng sanh sẽ mau chứng Vô sanh. Đấy toàn là cậy vào đại bi nguyện lực của A-di-đà Phật và sức tín nguyện niệm Phật của chính người ấy, cảm ứng đạo giao mà được lợi ích lớn lao ấy; so với kẻ chuyên cậy vào tự lực thì khó dễ khác biệt vời vợi như trời với đất.

Nhưng thường có kẻ ngu cam phận kém hèn, chẳng dám gánh vác. Cũng có kẻ học đạo tự xưng là Đại thừa, nghĩ pháp này chẳng xứng để tu tập. Nếu biết kẻ ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, được bạn lành dạy niệm Phật, chưa đủ mười tiếng đã được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương thì kẻ cam phận kém hèn sẽ dấy lòng tu trì. Kinh Hoa Nghiêm là vua cả Tam tạng, trong chỗ quy tông cuối cùng của bộ kinh ấy, Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương, khuyên Thiện Tài và khắp Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật quả. Sao lại dám coi pháp môn này là Tiểu thừa? Huống chi Thiện Tài đã chứng Đẳng giác, hải hội thánh chúng đều chứng pháp thân, các vị ấy còn cầu sanh, ta là hạng người nào mà nghĩ pháp này chẳng xứng để tu tập? Chẳng những dựng cao tràng kiêu mạn mà còn là hủy báng kinh Hoa Nghiêm. Muốn phô trương hư danh Đại thừa, đích thân tạo cái họa báng pháp cùng cực vậy!

Nếu kẻ ấy một hơi thở ra không hít vào được nữa, cảnh giới thế giới Hoa Tạng chẳng thể nghĩ bàn vốn thường mong mỏi đều biến thành cảnh khổ địa ngục A-tỳ, chịu đựng đầy ắp những hình phạt để đền cái lỗi thuyết pháp trái nghịch kinh điển, tự lầm lầm người. Đến khi nghiệp báo sắp mãn, mới tỉnh ngộ, liền phát tâm niệm Phật, liền được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Khổ thay! May mắn thay! Nguyện những ai học Đại thừa đều dự ghé vào Hoa Tạng hải hội thì tự lợi lợi người cũng lớn lắm. Phàm những ai tu pháp môn niệm Phật thì phải chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, khuyên khắp những người cùng hàng cầu sanh Cực Lạc. Nếu làm được như thế thì "vạn người tu, vạn người đến", quyết chẳng sót một ai!

Ông Trịnh Bá Thuần ở huyện Bảo Sơn tỉnh Vân Nam là bậc học rộng ngầm tu, thoạt đầu nghiên cứu kinh Dịch để mong hiểu thấu gốc đạo của Nho giáo, tiếp đó nghiên cứu cặn kẽ nguyên ủy kinh điển luyện đan để mong hiểu được bí quyết chân thật của thuật bảo vệ tánh mạng. Sau đấy lại bỏ đạo luyện đan để tham thiền,

biết tự lực chẳng bằng Phật lực, cuối cùng chuyên tu pháp môn niệm Phật, miệt mài lấy việc "mình lẫn người đều cùng sanh Tây Phương" làm chí hướng sự nghiệp, gởi thư xin quy y, liền được pháp danh là Đức Thuần. Ấy là vì pháp môn niệm Phật tuy nhiếp khắp các pháp Thiền, Giáo, Luật, Mật, nhưng tu trì nơi địa vị phàm phu cố nhiên phải lấy thuần nhất không tạp làm gốc. Ông ta còn phát khởi đại tâm mạnh mẽ, muốn lợi lạc khắp những người cùng hàng, do vậy bèn soạn cuốn Niệm Phật Khẩn Từ để mong trí hay ngu đều biết rõ. Lời lẽ tuy nông cạn gần gũi, nhưng lý thật sâu xa, như cái mốc chỉ lối cho người đi đường, như kim chỉ nam cho người đi biển, nương theo đó mà hành sẽ có thể về đến quê cũ, lên được bờ kia. Do vậy, tôi bèn trình bày duyên do tự lực và Phật lực ngõ hầu những ai thấy nghe đều tu trì vậy.

54. Lời tựa cho tác phẩm Kỷ Văn Đạt Công Bút Ký Trích Yếu (Trích yếu bút ký của ông Kỷ Quân)

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Nếu chẳng đề xướng nhân quả thì thiện chẳng có gì để khuyên, ác không có gì để phạt. Chỉ có bậc đại hiền mới có thể giữ phận tuân đạo, những kẻ khác ai có thể cam lòng chẳng phóng túng tình ý cho sướng khoái một đời ư? Do đã không có "nhân trước quả sau" thì hễ chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt đều chết hết sạch, sao lại không dây tự buộc, khư khư theo lễ giữ phận để đến nỗi mọi việc đều chẳng được tự tại ư? Trong kinh sử Nho giáo, sự lý nhân quả nhiều không xiết kể! Tiếc rằng những nhà Nho sau này chẳng chịu suy xét sâu xa, thường thấy kinh Phật nói đến nhân quả tường tận, bèn muốn ra vẻ khác biệt với tông chỉ nhà Phật, ngược ngạo bảo những gì đức Phật đã nói đều là hư vọng, chẳng biết là đã trái nghịch thánh đạo, diệt thiên lý, chôn vùi cái gốc bình trị, hưng khởi đầu mối loạn lạc, gây nghi ngờ, lầm lạc cho người đời sau, chôn vùi đạo thể, những chuyện ấy đều là do những lời lẽ này tạo ra nền tảng vậy, chẳng đáng buồn ư?

Từ khi có nhà Thanh đến nay, trong số những người bác học đa văn thì tiên sinh Giang Thận Tu là bậc nhất. Tiếp đó là ông Kỷ Văn Đạt[378], rồi đến ông Viên Tử Tài. Họ Giang là bậc quân tử ẩn dật cùng lý tận tánh, tuy chưa nghiên cứu Phật học, nhưng đối với Phật pháp cũng chẳng bài bác, lại còn tin sâu nhân quả báo ứng. Vì thế đối với những quả báo do bảo vệ sanh mạng hay sát sanh, ông đều ghi chép hết để mong khơi gợi thiện niệm, dứt cơ duyên giết chóc. Từ những điều này có thể biết được cách suy nghĩ của ông ta. Viên Tử Tài thoạt đầu báng

[378] Văn Đạt là thụy hiệu của Kỷ Quân, tên tự là Kỷ Hiểu Lam. Ông Kỷ là người giữ nhiệm vụ Tổng toản tu (Tổng biên tập) bộ sách đồ sộ Tứ Khố Toàn Thư thời Càn Long.

Phật, nhưng từ tuổi trung niên trở đi, do lịch duyệt ngày càng sâu, liền sanh lòng chân tín đối với Phật pháp. Chỉ vì cuồng vọng tự đại, lười nhác, biếng trễ, không chịu thân cận cao nhân, lắng lòng nghiên cứu, tuy những sự tích cảm ứng trong Phật pháp ông ta đều sao chép, nhưng những gì ông ta bàn luận khó thể hợp lý, thích đáng được! Ông Kỷ Văn Đạt từ bé đến già dốc lòng tin tưởng nhân quả, hễ được thấy nghe những sự tích nhân quả nào đều ghi chép hết, trình bày cặn kẽ sáng sủa, văn bút thông suốt. Do ông ta hoàn toàn chưa từng nghiên cứu Phật pháp nhưng cứ thường muốn bàn bạc thông suốt lý sâu nên có khi bị mâu thuẫn thật nghĩa.

Phật nói "thế trí biện thông, khó thể nhập đạo", ba ông Giang, Kỷ, Viên học rộng mà vẫn chẳng biết "Phật pháp chính là tâm pháp nơi chính mình" để rồi chuyên tinh nghiên cứu, hòng đích thân chứng được, chẳng đáng tiếc quá ư? Nếu họ bỏ chút thời gian rảnh rỗi, nghiên cứu đại lược, lẽ đâu chẳng phát tâm đại Bồ-đề, chuyên tinh dốc sức, hoằng dương đại pháp để mong ta lẫn người đều cùng thoát khổ luân, đều cùng thành giác đạo, lẽ nào chỉ ghi chép sự tích nhân quả để mở ra một con đường hướng thiện cho người đời mà thôi! Nhưng những sao chép ấy thật sự có lợi ích lớn lao. Vì thế, cư sĩ Trần Địch Châu trích lục một trăm thiên từ bộ Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký[379], tính in ra để phổ biến lưu thông hòng làm tấm gương xét soi cho những kẻ không biết nhân quả trong cõi đời.

Nhân quả giống như bóng theo hình, tiếng vọng đi theo âm thanh, chưa hề có hình mà không có bóng, có âm thanh mà chẳng có tiếng vọng vậy. Vì thế kinh Thư nói: *"Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng."* (Thuận theo đạo lý thì tốt, trái nghịch thì xấu, giống như bóng theo hình, như tiếng vọng đi theo âm thanh vậy). Những kẻ bàn chuyện cao xa, cho nhân quả là hư huyễn, khác gì chấp rằng "mẹ quyết chẳng thể sanh được con, con quyết chẳng phải do mẹ sanh ra" ư? Trong đời nếu có kẻ như vậy, ắt bị người ta coi là điên khùng! Rất lạ là nhà

[379] Duyệt Vi Thảo Đường chính là tên gọi một tòa biệt thự của Kỷ Quân tại Bắc Kinh. Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký là một tác phẩm mang tính tổng hợp những chuyện truyền kỳ thời ấy. Ông Kỷ đã biên soạn tác phẩm này từ năm Càn Long 54 (1789) đến năm Gia Khánh thứ 3 (1798). Ngoài những chuyện về nhân quả báo ứng, khuyến thiện trừng ác, còn có những chuyện hồ ly, thần tiên v.v. và cả những chuyện lạ lùng do chính tác giả đích thân chứng kiến. Xuyên qua những câu chuyện ấy, tác giả dí dỏm đả kích thói hư ngụy giả nhân giả nghĩa của bọn Tống Nho, thói mê tín của người đương thời cũng như kín đáo đả kích pháp luật hà khắc dưới đời Càn Long. Tác phẩm này khá đồ sộ, gồm 24 quyển, có tất cả 1.208 câu chuyện, 40 vạn chữ, và đã được Sun Haichen dịch sang tiếng Anh với nhan đề "Fantastic Tales by Ji Xiaolan" (Kỷ Hiểu Lam Kỳ Quái Cố Sự Tuyển Tập) do nhà xuất bản New World Press ấn hành. Bollati Boringhieri cũng đã dịch bộ sách này sang tiếng Ý với nhan đề "Note scritte nello studio Yuewei" và cho ấn hành tại Torino (Turin).

Nho đọc sách thánh hiền mà chẳng lấy ngôn luận của thánh hiền làm chuẩn, chẳng lấy sự thật xưa nay làm chuẩn, cứ lấy sự thiên chấp, cái nhìn lầm lạc của chính mình làm chuẩn. Một người xướng, mọi người hùa theo, kẻ mù dẫn lũ đui kéo nhau vào lửa, đến nỗi thế đạo nhân tâm ngày một đi xuống, đến nỗi phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, không hổ thẹn, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau mà vẫn nhơn nhơn tự đắc, cho là ta chú trọng quay về đại đạo, chẳng bắt chước bọn hủ bại đời trước cứ luôn luôn câu nệ, trói buộc, khiến cho con người suốt đời chẳng thể tùy ý làm được gì, nay ai nấy đều được tự tại! Từ nay trở đi chúng ta cùng được hưởng hạnh phúc tự do, nghĩ đến điều gì đều làm được cả, cõi đời may sao có bọn ta cải cách, con người may sao được sống cùng thời bọn ta! Tà thuyết như vậy đều do những kẻ bài xích nhân quả ươm thành.

Nếu như lý nhân quả được nhà nhà khuyên dạy, giảng giải, cha mẹ dùng đó để dạy con cái, sư trưởng dùng đó để giáo huấn học trò thì có ai chịu diệt lý, rối luân thường, hiện dáng vẻ xấu xí trước gương sáng nữa ư? Chỉ vì bậc đại Nho trong cõi đời thường hay bài xích, kẻ tiểu Nho dẫu biết là sai mười mươi đi nữa cũng chỉ đành người ta nói sao ta cũng ừ vậy, để khỏi bị mọi người chõ miệng chê bai khích bác. Nơi trường học đã như vậy thì trong gia đình càng không có lý do gì để bàn đến. Rốt cuộc đến nỗi những kẻ theo tân học hoàn toàn vứt bỏ nhân luân, diệt thiên lý, muốn cho con người hoàn toàn chẳng khác gì cầm thú. Mối họa ấy chẳng quy vào những kẻ bài xích nhân quả thì còn quy vào ai đây? Lành thay lời nói của tiên sinh Chu An Sĩ: "Người người đều biết nhân quả, đấy là đạo để thiên hạ đại trị; người người đều chẳng biết nhân quả, đấy là con đường khiến thiên hạ đại loạn." Tôi thường thương cõi đời rối ren, nhưng không sức cứu vãn, do lời thỉnh của cư sĩ Trần bèn trình bày đại lược cội nguồn lợi hại như thế đó.

55. Lời tựa lưu thông sách Lịch Triều Danh Họa Quán Âm Thánh Tượng Kha La Bản Ấn

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Quán Thế Âm Bồ-tát thành Phật đã lâu trong vô lượng kiếp trước, hiệu là Chánh Pháp Minh, an trụ trong Tịch quang tịnh độ, thường hưởng pháp lạc chân thường, nhưng do bi tâm vô tận, từ thệ chẳng cùng, lòng cứu khổ ân cần, niệm độ sanh tha thiết, nên lại chẳng lìa Tịch quang, hiện hình trong chín giới. Trong các cõi Phật nhiều như số vi trần trong mười phương, hiện khắp các sắc thân, tầm thanh cứu khổ; nhưng đối với thế giới Sa-bà, càng thương xót sâu đậm hơn. Có những kẻ nào thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa độ thoát, liền dạy họ gieo, khiến cho chín muồi, khiến cho độ thoát, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Những thân đã hiện, những pháp ngài đã nói mỗi mỗi

tùy thuận cơ nghi, trọn chẳng nhất định, nhưng hiện tiền được lìa mọi khổ, tương lai thường hưởng chân lạc thì đều giống hệt. Nhiều năm gần đây, thế đạo nhân tâm càng ngày càng đi xuống, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau, nhân họa đã khốc liệt, thiên tai lại xảy đến, lũ lụt, hạn hán, sâu rầy, ôn dịch cùng lúc giáng xuống. Những tai họa ấy đều do những ác nghiệp của mọi người trong đời trước hoặc đời này chiêu cảm.

Nhưng tâm đã tạo được nghiệp thì tâm sẽ chuyển được nghiệp, đang trong lúc thiên tai nhân họa đồng thời xảy ra này nếu có thể phát tâm chí thành, niệm thánh hiệu "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát", thệ nguyện từ nay trở đi giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì chắc chắn sẽ được ngài rủ lòng từ che chở, gặp dữ hóa lành, trong các hoạn nạn chẳng bị nguy hiểm, ấy là dùng biệt nghiệp niệm thánh hiệu Bồ-tát trong hiện tại để chuyển cộng nghiệp[380] đã tạo trong đời trước hoặc đời này. Vì thế thường được tốt lành. Chư Phật, Bồ-tát coi hết thảy chúng sanh trong lục đạo như con ruột, thường muốn cho họ được lìa khổ hưởng vui. Hiềm rằng chúng sanh mê muội chẳng sanh lòng tin tưởng, đến nỗi uổng phí từ tâm, chẳng thể được lợi ích. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa trời chiếu khắp muôn phương, kẻ đội chậu dù có đứng ngay dưới đó cũng chẳng được chiếu. Lỗi do đội chậu, chứ mặt trời đâu có lỗi!

Gần đây sát kiếp ngập tràn, nhân dân tử vong, lưu lạc tan tác, khổ chẳng nói nổi! Cư sĩ Phí Huệ Mậu ở Nam Thông muốn bày cách cứu vãn từ lâu, nên đặc biệt sưu tầm những thánh tượng Quán Thế Âm do những nhà danh họa thuộc năm triều Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đã vẽ, được 142 bức, dùng loại giấy

[380] Biệt nghiệp (āvenika-karma) còn gọi là *bất cộng nghiệp*, là những nghiệp thiện ác do mỗi cá nhân chiêu cảm; còn cộng nghiệp (venika-karma) là những nghiệp do mình lẫn người đều phải gánh chịu. Nói cách khác, cộng nghiệp là những nghiệp chung mà một tập thể, một đoàn thể, một thành phố, một quốc gia, một dân tộc, nói rộng ra là cả thế giới phải gánh chịu, do trong đời trước đã gây tạo những nghiệp giống nhau nên nay sanh cùng một chỗ, gánh chịu những quả báo do nghiệp thiện hay ác đời trước kết thành. Nhưng trong đó, mỗi cá nhân do nghiệp riêng của chính mình mà cảm thụ sắc thân, thọ mạng, tướng mạo, tài sản, tài năng, bệnh tật, tai ương v.v. khác biệt. Đấy chính là biệt nghiệp.

Tuyên[381] tốt nhất, in theo lối kha-la-bản[382] 1.000 bộ, ngõ hầu người thấy nghe đều cùng sanh chánh tín, cùng niệm thánh hiệu, cùng tiêu trừ ác nghiệp trong đời trước và đời này, cùng gieo thiện căn Bồ-đề.

Phải biết: Bồ-tát vô tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm, Bồ-tát không cảnh, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh, vì thế hễ cảm liền thông, chẳng phải suy nghĩ để ứng. Ấy là vì bản thể của tâm chúng sanh và bản thể của tâm Bồ-tát tương thông khít khao, do chúng sanh trái giác hiệp trần nên thành ra hiện tượng "tuy thông mà chẳng thông". Nếu chúng sanh một niệm sanh lòng tin, kiền thành trì thánh hiệu, trái trần hiệp giác, bỏ mê về với ngộ, sẽ lại biến thành hiện tượng "chẳng thông mà thông". Vì thế, hễ gặp phải hiểm nạn cực lớn, vừa niệm liền được cảm ứng. Lại nữa, Bồ-tát hiện thân chẳng chuyên hiện thân hữu tình, ngay như núi, sông, cây cối, cầu, bến, thuyền, bè, lầu, đài, nhà cửa, tường, vách, thôn, xóm cũng đều tùy cơ mà hiện, ắt đều khiến cho kẻ đã lâm vào tuyệt địa lại gặp đường thông, không chỗ trốn tránh lại được nơi che đậy lớn lao. Đủ mọi loại cứu vớt, che chở, khó thể tuyên nói trọn.

Hãy nên đọc Quán Âm Bổn Tích Tụng, Quán Âm Linh Cảm Lục, Quán Âm Từ Lâm Tập sẽ biết được đại lược. Đang trong lúc thiên tai, nhân họa liên tiếp giáng xuống này, nếu chẳng sửa ác tu lành, thường niệm thánh hiệu Quán Âm để được nương cậy thì muốn được yên vui sẽ là chuyện khó khăn nhất trong mọi điều khó. Dẫu hoàn toàn chẳng có tai nạn gì, cũng nên thường niệm, ngõ hầu sống sẽ hưởng ngũ phước, dự vào địa vị thánh hiền cao cả, thác sẽ lên chín phẩm, triệt chứng tâm đại giác. Người làm được như thế thì mới an ủi được tâm Bồ-tát cứu

[381] Tuyên chỉ (giấy Tuyên) là một loại giấy nổi tiếng chuyên dùng trong hội họa cổ của Trung Quốc. Đây là một sản phẩm đặc thù của huyện Kính tỉnh An Huy, có những tính chất rất quý như không giòn gẫy khi để lâu ngày, giữ được màu sắc không phai, và không dễ bị hoen ố bởi thời tiết. Đến thời Tống, các xứ Huy Châu, Trì Châu, Tuyên Châu v.v. đều chế được loại giấy này. Do trong thời ấy, những vùng này đều thuộc về Tuyên Châu Phủ nên loại giấy này được gọi chung là Tuyên chỉ (giấy Tuyên). Giấy này được chế bằng vỏ cây thanh đàn, pha lẫn với loại cỏ có tên là thủy đạo. Từ đời Tống - Nguyên trở đi, bột giấy còn được pha thêm các loại gỗ dó, dâu, tre, hay đay để tạo thành các loại giấy Tuyên khác nhau nhằm tạo hiệu quả sống động cao nhất cho tranh vẽ.

[382] Kha-la-bản là phiên âm của chữ collotype, là một lối in tranh rất thịnh hành trước khi có kỹ thuật in offset lithography. Cách in này cho ra những bản in đẹp và tinh xảo không kém những bản in được khắc trực tiếp trên bản kim loại. Để in, người ta phải chế tác bản in bằng thủy tinh hay kim loại, phủ lên tấm kính một lớp gelatine để khô, rồi phủ lên một lớp mực bằng chất gelatine có pha muối Chrome. Sau đó đem rửa qua bằng nước lạnh ở nhiệt độ 16°C. Bản in sửa soạn xong, được dùng làm âm bản chụp tranh vẽ muốn in. Sau khi chụp xong, lại đem rửa bằng nước lạnh rồi để khô trong chỗ mát khoảng 24 tiếng đồng hồ. Khi in, giấy in loại tốt và mịn được trải trên bản in nói trên rồi ép cho chất bột màu từ bản in dính vào giấy in. Do vậy, cách in này rất tốn công và mắc tiền, nhưng đẹp và sắc sảo hơn in theo lối thạch bản rất nhiều.

khổ. Do Bồ-tát phổ thí vô úy (ban cho khắp tất cả mọi loài sự không sợ hãi) nên chúng sanh được viên mãn Bồ-đề rồi thì tâm đại từ bi thí vô úy của Bồ-tát mới thôi. Kinh Pháp Hoa dạy: "Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát liền được lìa dục, lìa sân, lìa si." Nguyện người thấy nghe đều thường niệm!

56. Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Trưng Tín Lục của chùa Pháp Vân

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Xem khắp cổ kim, thời bình trị thì ít, thời loạn lạc lại nhiều, dẫu cho thịnh trị thì bất quá chỉ được một trăm mấy chục năm mà thôi. Nguyên do vì đâu? Ấy là do cái nghiệp đời trước sát sanh ăn thịt kết thành và do cái tâm tự tư tự lợi trong đời này mà ra. Kết quả của sát nghiệp chỉ có ăn thịt là dữ dội nhất. Cả một đời người chẳng biết ăn thịt mấy trăm ngàn vạn sanh mạng, chỉ mong thỏa thích bụng miệng ta, bất kể nỗi thống khổ của chúng. Tuy là cậy mạnh nuốt yếu mặc sức ta làm, nhưng chất độc oán hận kết lại trong tám thức điền, đời đời kiếp kiếp giết chóc lẫn nhau, chẳng nhổ bỏ cái gốc ấy thì khó chuyển được sát kiếp. Huống chi kẻ có trí thức nhưng chẳng biết thật sự thật lý "nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo", bèn coi chuyện "tự lập lập người, tự đạt, làm cho người khác đạt" là viển vông, sai lầm, chỉ muốn đoạt hết của cải người khác về tay ta. Do vậy tranh thành, giành đất, dẫu giết người ngập thành, ngập đồng vẫn chẳng đoái hoài. Ý họ muốn mở rộng cương thổ của ta, tăng lớn thế lực của ta, để con cháu ta hưởng phước vĩnh viễn. Chẳng biết trời đất lấy hiếu sanh làm đức, đã sống trong khoảng trời đất hiếu sanh ghét giết, sao lại khiến cho con cháu hưởng cái phước nghịch trời trái lý đạt được bởi sự giết người vô lượng ấy? Chính họ khi một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ vĩnh viễn đọa trong tam đồ ác đạo, sao lại đáng thương như vậy? Con cháu nếu chẳng phải là những người bị ta chiếm đoạt [tài sản trong đời trước nay] đến sanh vào nhà ta thì sẽ tuyệt diệt đến hết sạch, trọn chẳng sót một ai!

Thanh Lương Sơn Chí chép: Vào đời Tùy, Triệu Lương Tướng ở Đại Châu giàu nứt đố đổ vách, có hai đứa con, trưởng tên là Mạnh, thứ tên là Doanh. Doanh mạnh mẽ, Mạnh yếu đuối. Lúc sắp mất, Lương Tướng chia tài sản ra làm hai phần, Mạnh được phần hơn. Đến khi Lương Tướng mất rồi, Doanh cướp đoạt sạch, chỉ để lại cho Mạnh một rẻo vườn nhà. Mạnh làm thuê kiếm sống. Sau đó Doanh chết đi làm con của Mạnh tên là Hoàn. Mạnh chết đi đầu thai làm cháu của Doanh tên là Tiên. Hoàn lớn lên làm đầy tớ cho Tiên, lòng hận Doanh cướp đoạt sản nghiệp. Đúng dịp Tiên muốn đi triều bái Ngũ Đài sai Hoàn theo hầu. Vào trong núi, đến chỗ đồng trống không người, Hoàn rút dao nói: "Ông nội mày đoạt gia nghiệp của tao, tao sẽ giết mày!" Tiên chạy lẹ, Hoàn đuổi theo. Tiên chạy

vào một am tranh, một vị lão tăng ngăn họ lại, trao cho mỗi người một chén trà thuốc. Uống xong, như mộng vừa tỉnh, biết rõ chuyện trước kia, cảm thấy hổ thẹn đau xót. Lão tăng nói: "Doanh là tiền thân của Hoàn, cướp đoạt sản nghiệp của người khác chính là tự vứt bỏ sản nghiệp của chính mình. Tiên là Mạnh đầu thai trở lại để hưởng sản nghiệp trước kia. Lời cha vẫn còn đó!" Hai người bèn xuất gia tu đạo tại Ngũ Đài. Hai người này đời trước có thiện căn nên được Bồ-tát điểm hóa, được kết quả như thế đó. Nay người đời coi giết người là vui, quả báo về sau sẽ khó lòng tưởng tượng được!

Năm Dân Quốc 11 (1922), các vị thiện sĩ Phùng Mộng Hoa, Ngụy Mai Tôn, Vương Ấu Nông v.v. do thấy sát kiếp tràn lan, nghĩ cách cứu vãn, bèn tậu đất bên sông Tam Xoa, lập chùa Pháp Vân làm đạo tràng niệm Phật phóng sanh. Đến năm Dân Quốc 12 (1923), đào chín cái ao sâu để phóng sanh theo từng loài. Năm Dân Quốc 13 (1924) liền bắt đầu lo phóng sanh, hoặc chính mình mua về thả, hoặc có thiện sĩ mua đến thả. Tám năm qua, số lượng loài vật do chính hội ấy mua về phóng sanh tính ra tổng cộng là ba trăm sáu mươi, bảy mươi gánh, tiền chi phí tổng cộng là bốn ngàn sáu trăm mấy chục đồng, đều do các thiện sĩ nối tiếp nhau thực hiện. Nay đem số lượng những con vật được thả và khoản tiền chi dụng trong tám năm lập thành báo cáo, ngõ hầu ai nấy đều biết rõ. Suốt chín năm nay, vị thường sống ở nơi ấy chịu đựng nhọc nhằn, chẳng nề gian khổ, chính là hòa thượng Tâm Tịnh. Những người khác tuy cũng tận lực duy trì, nhưng chưa ai chuyên dốc sức vào đấy bằng sư Tâm Tịnh.

Xét ra hành động phóng sanh vốn nhằm phát khởi cái tâm kiêng giết ăn chay của những người cùng hàng. Nếu có thể kiêng giết, ăn chay thì sát nghiệp chẳng tạo, sát báo sẽ tự dứt. Đối với những nghiệp đã tạo từ trước thì dùng sự kiệt lực tu thiện, chí thành niệm Phật để tiêu diệt. Phải biết, chùa Pháp Vân phóng sanh quả thật đã đi tiên phong dẫn đường cho hết thảy những người cùng hàng kiêng giết ăn chay vậy. Người có tâm do nghe được chuyện ấy sẽ dấy lòng, cùng sanh tâm từ bi, rộng lòng trắc ẩn, cùng hành đạo nhân từ với người khác, yêu thương loài vật, sẽ thấy lòng người chuyển biến, quyến thuộc trời thường giáng xuống, mưa nắng đúng thời, ngũ cốc sung túc, lễ nghĩa nhân nhượng hưng thịnh, chiến tranh tiêu diệt, trong ngoài hiệp hòa, thiên hạ thái bình. Đấy chính là điều các vị như ông Phùng vốn dốc chí qua việc tạo dựng chùa Pháp Vân, đề xướng phóng sanh vậy.

57. Lời tựa cho bài Ca Tụng Kinh Vô Lượng Thọ

(Năm Dân Quốc 25 -1936)

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài, toàn thể sự chính là lý, toàn thể tu chính là tánh, hạnh cực bình thường, lợi ích cực thù thắng. Ấy là vì dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, nên được nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân. Hết thảy pháp môn không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Thích hợp khắp ba căn, gồm thâu trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài được, tội nhân ngũ nghịch thập ác cũng có thể dự vào trong ấy. Thống nhiếp các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, xuyên suốt các giáo Quyền, Thật, Đốn, Tiệm. Trong cả một đời giáo hóa của đức Phật, riêng một pháp môn này là đặc biệt. Chớ nên dùng giáo nghĩa theo đường lối thông thường để phân định nhân quả tu chứng của pháp này.

Xưa nay có nhiều kẻ thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm, nhưng chẳng sanh lòng tin tưởng đối với pháp môn này vì chấp chặt vào giáo nghĩa "cậy vào tự lực" của đường lối thông thường để luận định nhân quả đặc biệt "cậy vào Phật lực" mà nên nỗi. Nếu biết nghĩa này thì tấm lòng tin tưởng, tu trì ngay đến cả đức Phật cũng chẳng thể ngăn trở được, vì pháp môn này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Bởi thế, pháp này được chín giới cùng quay về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Xét đến chỗ phát khởi pháp này thì quả thật từ cuối hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến chỗ Phổ Hiền Bồ-tát được oai thần của đức Phổ Hiền gia bị, sở chứng bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật, trở thành Đẳng giác Bồ-tát. Phổ Hiền bèn xưng tán công đức Như Lai thù thắng nhiệm mầu, khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Do Hoa Tạng hải chúng đều là các Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác. Do các vị ấy đi trọn khắp các cõi Phật số nhiều như vi trần, nên thệ nguyện Di-đà, cảnh duyên Cực Lạc, nhân quả vãng sanh, mỗi mỗi đều hiểu rõ, không cần phải nói nữa. Nhưng trong hội Hoa Nghiêm, trọn chẳng có ai là phàm phu Nhị thừa và Quyền vị Bồ-tát[383], do vậy tuy hoằng dương lớn lao pháp này, nhưng phàm phu, tiểu căn không cách chi vâng nhận được.

[383] Quyền vị Bồ-tát là những vị Bồ-tát chứng ngộ giáo pháp thuộc Quyền Đại thừa. Gọi là Quyền Đại thừa (hay Đại thừa Quyền giáo, hoặc Quyền giáo Đại thừa) vì những giáo pháp ấy do phương tiện quyền xảo (quyền biến, khéo léo) của chư Phật lập ra nhằm tùy thuận căn cơ,

Đến hội Phương Đẳng, đức Phật vì khắp hết thảy trời, người, phàm, thánh nói kinh Vô Lượng Thọ, chỉ rõ nhân hạnh quả đức xưa kia của Phật A-di-đà, cảnh duyên Cực Lạc đủ mọi thứ thù thắng, nhiệm mầu, nhân quả, phẩm vị tu chứng của hành nhân. Kinh này chính là chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm vậy. Tuy được nói trong thời Phương Đẳng, nhưng giáo nghĩa quả thật thuộc thời Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chỉ hạn cuộc nơi Pháp thân đại sĩ, nhưng kinh này nhiếp trọn khắp thánh phàm trong chín giới. Dẫu dùng thời Hoa Nghiêm để luận thì kinh này vẫn là đặc biệt, huống là các thời khác ư? Nếu đức Như Lai chẳng mở ra pháp này, chúng sanh đời mạt không một ai có thể liễu sanh tử! Do lòng đại từ, đức Phật rất sợ chúng sanh chẳng thuận tiện thọ trì được, bèn lại nói kinh A-di-đà, ngõ hầu họ thường đọc tụng hằng ngày. Lại nói kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật để y báo chánh báo trang nghiêm cõi Tây Phương thường hiện hữu trong tâm mục của các hành nhân.

Ba kinh này tuy kinh văn tuy rộng - lược khác nhau, nhưng lý chẳng hề khác biệt. Người học đời mạt pháp nếu trí lực sung mãn, chẳng ngại gì tu trọn vạn hạnh, hồi hướng vãng sanh. Nếu không, đương nhiên nên chuyên tu tịnh nghiệp, để mong nương vào Phật từ lực vượt ngang ra khỏi tam giới, lên thẳng chín phẩm sen. Kinh Vô Lượng Thọ có rất nhiều bản chú giải cổ, gần như đều bị thất lạc hết, còn sót lại chẳng được mấy! Đại sư Đạo Truyền đọc tụng kinh này, cảm niệm sâu xa ơn Phật, soạn bài tụng để tán dương. Tuy chưa thể nêu tỏ, giãi bày trọn vẹn ý nghĩa kinh và tâm Phật, nhưng cũng có thể phụ trợ tín nguyện cho bọn ta là hạng không có sức đoạn hoặc chứng chân, khiến cho hùng tâm kiên quyết vãng sanh được mạnh mẽ. Vì thế cho ấn hành lưu thông vậy.

58. Lời tựa cho bài ký "Địa Tạng Bồ-tát cứu mẹ trong kiếp xưa"

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Tâm chúng sanh và tâm Phật chẳng hai, kẻ chẳng thể làm Phật thường làm chúng sanh là vì chính họ không có tuệ lực, chẳng thể giác ngộ, lại không được thiện tri thức chỉ dạy. Do vậy dùng diệu tâm sẵn có Phật tánh để làm căn bản khởi hoặc tạo nghiệp, đến nỗi trải vô lượng kiếp luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Vì thế, đức Thế Tôn ta lúc mới thành Chánh giác, lên cung trời Đao-lợi, vì mẹ thuyết pháp, muốn khiến cho hết thảy chúng sanh đều mong báo ân cha mẹ, liền đặc biệt nêu rõ chuyện Địa Tạng Bồ-tát trong kiếp xưa do cứu mẹ nên rộng phát thệ nguyện Bồ-đề làm thuyền bè vượt biển khổ cho

---

hòng khơi gợi, dẫn dắt căn cơ từ Tiểu thừa hướng về Đại thừa, chứ chưa phải là giáo pháp Đại thừa thật sự (Thật Đại thừa), hoặc chưa phải là giáo pháp Nhất thừa tối hậu.

chúng sanh đời vị lai. Trọn bộ kinh văn lý sự rõ ràng tường tận, văn từ thoáng đạt rõ rệt. Hai chuyện ngài Địa Tạng cứu mẹ trong ấy càng cho thấy rõ những nghĩa lý "tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh" và "tâm tạo được nghiệp thì tâm chuyển được nghiệp. Tâm chẳng thể chuyển được nghiệp thì nghiệp sẽ trói buộc tâm". Thật có thể nói là người dẫn đường nơi nẻo hiểm, là đuốc tuệ nơi ngõ tối, là kho báu cho kẻ nghèo thiếu, là thóc gạo trong năm đói kém, khiến cho hết thảy chúng sanh mê muội mau được giác ngộ, hết thảy những đứa con hiếu thuận có được sư thừa. Lợi ích của kinh chẳng thể tuyên nói được!

Từ khi đức Phật nói kinh này xong, phàm tại Tây Thiên, Đông Độ, những người đọc kinh này tâm được hưng khởi kể sao cho xiết! Cư sĩ Phụng Trì xót mình chưa thể hiếu dưỡng với mẹ, truy niệm ân đức, ôm hận suốt đời, nguyện khắp những kẻ làm con trong thế gian tùy thời tùy sự để trọn đạo hiếu, nghĩ đến ân sâu cù lao ắt sẽ làm sao cho cha mẹ ta được rốt ráo yên ổn nơi bảo sở mới thôi! Do vậy dùng tâm chí thành niệm thánh hiệu Phật, kiêm dùng lòng cung kính giữ vẹn luân thường, tận hết thiên chức của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng công đức ấy để giúp cho cha mẹ ta được lợi ích, quyết mong sao cha mẹ còn sống thì nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, phước thọ tăng cao, trí tuệ mở mang, khi khuất núi thì thần thức siêu thăng cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, chứng Vô sanh nhẫn, lên địa vị Bất thoái. Lại phải biết: Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, hãy nên dùng tâm đại Bồ-đề tùy thuận cơ nghi vì họ tuyên nói và cứu vớt, ngõ hầu trên khế hợp tâm Phật, dưới phù hợp nguyện của chính mình. Gió từ vừa dấy, sát nghiệp liền tiêu, sẽ thấy lễ nghĩa, nhân nhượng hưng thịnh, can qua dứt bặt vĩnh viễn, phong tục tốt đẹp, thiên hạ hòa bình.

59. Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh độ Linh Nham Sơn Tự

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Nghe Di-đà thệ nguyện, dạy chúng sanh phương hướng "tâm làm, tâm là" thích hợp khắp chín giới. Pháp môn Tịnh độ là đạo thành thủy thành chung của Như Lai, thỏa thích lớn lao bản hoài của Phật. Phật, tổ xuất thế đều lập pháp thuận theo cơ nghi, kẻ độn căn đời mạt nên chọn lấy pháp vừa khế lý lại vừa khế cơ để chuyên ròng dốc sức, ngõ hầu nương theo Phật từ lực, vượt ngang ra khỏi tam giới, ngay trong một đời này giải quyết xong xuôi đại sự sanh tử chẳng thể dễ dàng giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. Linh Nham là ngôi chùa cổ được khai sáng từ thời Đông Tấn, trải các đời Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường, bao lượt

được sắc tu[384]. Những vị trụ trì xưa kia phần nhiều chẳng thể tra cứu được, còn những vị trụ trì đời Tống phần lớn là bậc đại lão nhà Thiền, vì thế đạo phong đứng đầu miền Giang - Chiết. Sau đấy mãi đến tận đầu đời Thanh vẫn cứ như vậy, [lịch sử truyền thừa của nhà chùa] đã được ghi chép trong sách vở, ở đây không cần phải ghi cặn kẽ.

Gặp loạn Hồng Dương, chùa cháy tan hoang, vị tăng tên Niệm Thành ở trong tháp báu, gặp đúng lúc ông Bành Cương Trực lên chơi núi, chuyện trò hợp ý, bèn tra xét rõ ràng ruộng đất. Nhân đấy dựng hơn mười gian điện đường, nhưng vẫn chưa sắp xếp tăng sĩ tu hành nơi đây. Đến đời Tuyên Thống, vị tăng sống ở đấy do bị mất y, đánh lầm người lui tới. Người dưới núi bèn kéo nhau đến hỏi tội, ông tăng liền bỏ trốn. Tất cả đồ đạc trong chùa đều bị những kẻ kéo đến dọn sạch. Vị hương thân là Nghiêm Lương Xán do thấy danh sơn vô chủ, bèn bảo vị tăng chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy vị tăng ấy là hòa thượng Chân Đạt đến tiếp nhận. Hòa thượng Chân Đạt phát nguyện sau này tìm được người thích hợp sẽ giao cho người ấy chuyên tu pháp môn Tịnh độ. Lập ra cách thức chẳng giống với những nơi khác, chuyên nhất niệm Phật, nhất loạt chẳng thực hiện hết thảy Phật sự mang tính cách thù tiếp. Bắt đầu từ năm Dân Quốc 15 (1926), hơn mười năm qua, nghiễm nhiên trở thành một đạo tràng lớn mà chẳng cầm sổ hóa duyên.

Mỗi ngày tu trì chẳng khác gì đả Phật thất. Khi mở Phật thất chỉ thêm lễ cúng dường Phật, hồi hướng trước bàn linh mà thôi. Bất luận thí chủ thỉnh bao nhiêu vị tăng tham dự niệm Phật đều là cả chùa cùng niệm, đem số tiền cúng dường của thí chủ với ý định mời bao nhiêu vị tham dự niệm Phật chia đều cho cả chùa. Vì thế chẳng lập danh sách những vị tăng được mời tham dự Phật thất, do không lập danh sách nên không bị tỵ nạnh "ghi tên người ta mà chẳng ghi tên tôi". Nếu làm Phật sự thù tiếp các nơi thì chánh khóa (khóa tụng chánh yếu) của chùa ắt bị gián đoạn. Khi Linh Nham đả Phật thất, công khóa chỉ có tăng thêm chứ không giảm. Vì thế tuy công khóa nghiêm ngặt, nhưng mỗi kỳ Phật thất số người đến ghi danh thường là ba bốn chục, chỉ có mấy người bỏ đi mà thôi. Ăn uống giống hệt nhau, không phân biệt chủ, khách, hay người làm công. Chùa này đúng là chùa thập phương:

1. Trụ trì bất luận là Thiên Thai, Hiền Thủ, Lâm Tế, Tào Động, chỉ lấy "giới hạnh tinh nghiêm, tin sâu pháp môn Tịnh độ" làm chuẩn. Chỉ truyền hiền, chẳng truyền pháp[385] để dứt thói tệ pháp quyến riêng tư.

---

[384] Chùa được triều đình xuống chiếu cấp tiền trùng tu hay cử người đứng trông nom trùng tu thì gọi là "sắc tu".

[385] Ý nói: Chỉ truyền ngôi trụ trì theo đức hạnh của người đáng làm trụ trì, chứ không vì người ấy thuộc cùng sơn môn hay là pháp quyến mà truyền ngôi trụ trì.

2. Truyền thừa trụ trì luận theo thứ tự, chẳng luận theo thế hệ, để tránh thói tệ bậc cao đức phải ở dưới kẻ đức hạnh tầm thường.

3. Không truyền giới, không giảng kinh, để khỏi bị chèo kéo, dao động, nhiễu loạn chánh niệm. Trong chùa tuy hằng ngày thường giảng, nhưng chẳng thăng tòa và níu kéo người ngoài đến nghe.

4. Chuyên nhất niệm Phật, trừ đả Phật thất ra, nhất loạt không làm hết thảy Phật sự thù tiếp.

5. Bất luận là ai chẳng được thu nhận, thế độ đồ đệ trong chùa.

Trong năm điều hễ trái một điều nào, lập tức ra khỏi chùa. Khóa tụng sớm tối phần lớn giống như công khóa thông thường, nhưng cũng có chỗ khác biệt. Người mới đến nếu không có kinh sách để xem, chắc là sẽ hiểu lầm. Vì thế giám viện là Diệu Chân đại sư tính sắp xếp, ấn hành, cậy tôi viết lời tựa. Do vậy tôi lược thuật duyên khởi như vậy đó.

60. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ[386] của Linh Nham Sơn Tự

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Chùa Linh Nham do thiền sư Bảo Chí[387] đời Lương khai sơn, Trí Tích Bồ-tát[388] trùng hưng, là cuộc đất đạo tràng thù thắng được nhiều đời cao tăng thuộc các tông Thiền, Giáo, Luật trụ trì. Pháp môn Tịnh độ là pháp môn thù thắng vừa

[386] Vạn Niên Bạ: Sổ ghi tài sản, đồ vật trong một ngôi chùa.

[387] Bảo Chí (418-514), thường được gọi là hòa thượng Chí Công, người huyện Kim Thành, xuất gia từ nhỏ, theo học với Tăng Kiệm chùa Đạo Lâm, chuyên tu thiền. Trong niên hiệu Thái Thủy (466-471), sư lên kinh đô, không ở nơi nào cố định, thường làm thơ lời lẽ phảng phất sấm ký, dân chúng đua nhau đến hỏi chuyện họa phước. Tề Vũ Đế cho là sư dối gạt dân chúng bèn bắt giam, nhưng vẫn thấy sư hằng ngày ngao du ngoài chợ, vào trong ngục khám xét, vẫn thấy sư nằm khểnh trong đó. Vua nghe tin, bèn cho đón vào cúng dường trong hoa viên, cấm không cho ra ngoài, nhưng sư vẫn ngao du các chùa Long Quang, Kế Tân, Hưng Hoàng, Tịnh Danh v.v.. Đến thời Lương Vũ Đế lập quốc, mới giải tỏa lệnh cấm, thường vời sư đến hỏi đạo rất tương đắc. Khi sư thị tịch, Đế phong tặng thụy hiệu Quảng Tế Đại Sư, lần lượt các đời sau truy tặng Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát, Từ Ứng Huệ Cảm Đại Sư, Phổ Tế Thánh Sư Bồ-tát, Nhất Tế Mật Chân Thiền Sư v.v.. Do lời thỉnh của Lương Vũ Đế nhằm cầu siêu giải nạn cho phu nhân Hy Thị, sư đã tập hợp danh tăng soạn ra bộ Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp (thường được gọi là Lương Hoàng Sám).

[388] Trí Tích Bồ-tát nói ở đây là một vị cao tăng Ấn Độ. Theo Linh Nham Ký Lược, sư từ Ấn Độ sang Trung Hoa vào cuối đời Tấn, trùng hưng chùa Linh Nham tại Tô Châu, rất nổi tiếng về tài đức. Theo truyền thuyết có một bà lão nghèo không có gì cúng dường, đem một miếng nhựa cây sơn dâng cho sư, sư vẫn vui vẻ nhận lấy, nhờ đó bà được khai ngộ. Do vậy, sau này vào ngày sinh nhật sư, chùa vẫn cử hành lễ kỷ niệm, gọi là Giác Tất Hội. Cũng theo truyện ký của chùa, đại sư nhiều lần thị hiện hóa độ tăng tục rất đông.

tiểu vừa đại, vừa cạn vừa sâu, hết sức bình thường nhưng hết sức đặc biệt lạ lùng: thoát khỏi sanh tử ngay trong một đời này! Cách tu dễ dàng nhất, lợi ích sâu rộng nhất. Nơi cuộc đất tối thắng này, tu pháp mầu nhiệm nhất này, nếu không phải nhiều kiếp vun bồi há được gặp gỡ ư? Nhưng muốn tu hạnh thù thắng ắt phải nhờ vào các món vật cần dùng. Vì thế, trên là kinh tượng và các món đồ vật, mỗi mỗi phải sắm sửa đầy đủ thì mới có thể thẳng đường tu tập không trở ngại. Nhưng đạo tràng tồn tại vĩnh viễn muôn đời, người thì mấy chục năm đã đổi thay. Tất cả những thứ có được này, nếu không ghi chép vào sổ, lâu ngày có thể bị mất mát. Hơn nữa, qua bao lần thay đổi, cũng không thể truy xét được nguồn gốc ban đầu.

Do vậy mỗi món đều được ghi lại để phàm những ai sống trong chùa này và làm trụ trì, làm giám viện, thấy những vật này, tâm liền tự suy nghĩ: "Những vật này là những vật cần dùng để giúp chúng ta tu trì pháp môn Tịnh độ ngõ hầu tự lợi lợi tha, để cùng sanh về thế giới Cực Lạc, phải yêu mến như thịt nơi thân mình, giữ gìn như tròng mắt. Chẳng phải là keo tiếc các vật mà chính là kính trọng tấm lòng thành trợ đạo của thí chủ để mong ít cần, bớt dùng, đạo nghiệp sẽ dễ thành tựu. Hết thảy pháp môn nếu chẳng đoạn sạch phiền hoặc sẽ chẳng thể thoát lìa sanh tử, chỉ có pháp Tịnh độ này chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, liền có thể dự vào cảnh giới Phật. Có được đạo tràng tối thắng này, lại tu pháp môn tối thắng này, há chẳng nên càng thêm mến tiếc, giữ gìn, quý trọng những vật cần dùng này ư? Nếu chẳng càng thêm giữ gìn, quý trọng tức là phung phí vật của trời, phụ ân thí chủ. Dẫu có tu trì cũng khó được tương ứng cùng Phật, vì sao? Do kẻ ấy chỉ cốt sao mình được yên ổn, thảnh thơi, mặc kệ công sức người khác chế tạo, người xưa sắp đặt, lo liệu, đủ mọi nỗi khó khăn. Nguyên do sắm sửa những thứ ấy là để cho ta tu đạo hòng liễu sanh tử. Đã coi thường những vật này, chẳng biết mến tiếc, tâm hạnh ấy hoàn toàn chẳng tương ứng với đạo, làm sao cảm được Phật xót thương nhiếp thọ để được thoát ngay khỏi biển khổ sanh tử!" Phàm những người chân thật tu hành ắt phải nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, hành được những điều người khác chẳng thể hành, chịu nhọc nhằn thay cho người, thành tựu điều tốt đẹp cho người. Được như thế thì tương ứng với đạo, tương ứng với Phật. Nguyện những người sống trong chùa này ai nấy đều cố gắng.

61. Lời tựa cho Linh Nham Khai Thị Pháp Ngữ

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Linh Nham chính là cuộc đất thánh đạo tràng trời tạo đất dựng. Ngô Vương Phù Sai thiếu đức, chẳng tuân theo đạo "chánh tâm thành ý, siêng năng việc nước,

yêu dân" của các vị tổ là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung[389], chỉ chuộng dâm lạc, bèn dựng cung Quán Oa[390] nơi này, mắc tội với trời đất và tổ tông cũng lớn lắm. Cung điện xây xong được mấy năm, nước mất, thân chết, chẳng đáng buồn ư? Đến đời Tấn, Tư không Lục Ngoạn[391] xây nhà trên đó, sau nghe Phật pháp, bèn biến nhà thành chùa, đấy chính là duyên khởi khai sơn đầu tiên của Linh Nham vậy. Đến đời Lương, ngài Bảo Chí Công cầu xin Vũ Đế, chùa lại được trùng hưng. Trí Tích Bồ-tát nhiều lượt hiện thân tượng vẽ[392], hiển thị đạo nhiệm mầu, dẫn dắt kẻ tục còn đang mê. Đến đời Đường, em trai Tể tướng Lục Tượng Tiên[393] (người Tô Châu) mắc bệnh ở kinh đô, ngự y bó tay. Một vị tăng xin gặp, nói có thể trị được bệnh, bảo lấy một chén nước sạch, hướng vào đó niệm chú mấy câu, ngậm nước phun ra, lập tức khỏi hẳn bệnh. Đem mọi vật đáp tạ sư đều không nhận, nói: "Tôi tên là Trí Tích. Sau này ông trở về Tô Châu, nên đến núi Linh Nham gặp gỡ tôi." Về sau người ấy đến núi hỏi thăm, không có ai tên là Trí Tích cả, tâm rất buồn bã, xem khắp các điện đường, thấy hình vẽ trên vách chính

[389] Thái Bá và Trọng Ung là hai người con lớn của Thái Vương. Theo sách Hoài Nam Tử, vì muốn nhường ngôi cho người em út là Quý Lịch, tức cha của Văn Vương, hai người này liền giả vờ đi hái thuốc rồi trốn xuống miền Nam sông Dương Tử, lập ra nước Ngô. Nước Ngô bị Câu Tiễn nước Việt thôn tính và diệt vong dưới thời Phù Sai.

[390] Sau khi Câu Tiễn bị Phù Sai đánh bại nhằm trả thù mối nhục giết cha là Hạp Lư, theo mưu kế của Phạm Lãi, Câu Tiễn đã dâng mỹ nhân Tây Thi cho Phù Sai. Phù Sai bèn xây cung Quán Oa cho nàng Tây Thi ở. Cô Tô Đài cũng thuộc quần thể cung điện này. Khi Câu Tiễn phục quốc, đánh bại Phù Sai, diệt nước Ngô đã cho phóng hỏa đốt trụi cung Quán Oa. Chùa Linh Nham được xây ngay trên nền cũ cung Quán Oa.

[391] Tư không là một chức quan được lập ra từ thời Tây Chu, là một trong ngũ quan (Tư mã, Tư khấu, Tư sĩ, Tư đồ). Chức quan này chuyên trông nom về việc thủy lợi, xây dựng. Từ sau thời Hán trở đi, chức quan này không còn tồn tại, mà được thay thế bằng danh từ Công bộ thượng thư. Lục Ngoạn (278-341), còn gọi là Lục Lưu, tự Sĩ Dao, người Ngô Quận (nay là Tô Châu, tỉnh Giang Tô), là một thi nhân nổi tiếng thời Đông Tấn, từng giữ chức Tư không.

[392] Ngoài câu chuyện được nhắc đến trong bài tựa này, ngài còn nhiều lượt thị hiện chữa bệnh cho người khác. Những ai hỏi đến trụ xứ, ngài đều bảo đến chùa Linh Nham tìm. Những người được lành bệnh đều nhận ra vị tăng vẽ trên vách chính là người đã chữa bệnh cho họ. Vì thế tổ mới nói "nhiều lượt hiện thân tượng vẽ".

[393] Lục Tượng Tiên (665-736), người Ngô Huyện, tỉnh Giang Tô, làm Tể tướng đời Đường Duệ Tông. Cha ông từng giữ chức Tể tướng dưới thời Vũ Tắc Thiên. Ông thoạt đầu giữ chức Tham quân đất Dương Châu, được thăng lên làm Tể tướng năm Cảnh Vân thứ hai (711). Trước khi ông làm Tể tướng từng giữ chức Trưởng sử thuộc Đô đốc phủ Ích Châu, quan Tư mã phủ ấy là Vi Bão Trinh xúi giục: "Tôi nghĩ minh công nên dùng hình phạt nghiêm khắc để ra oai, nếu không, sợ rằng những kẻ dưới quyền lười nhác, không biết kiêng sợ!" Tượng Tiên đáp: "Nếu ông bảo cai trị ngay thẳng thì còn được, chứ dùng hình phạt khốc liệt để tạo oai phong, tổn người lợi mình ích gì? Đấy là việc làm của kẻ thiếu nhân từ đấy." Ông đối xử với thuộc hạ rất nhân từ, rộng lượng, thường nói: "Thiên hạ vốn vô sự, chỉ có kẻ tầm thường tự khuấy động lên, khiến cho sự tình càng thêm rối, chỉ cần giữ thái độ trầm tĩnh thì hết thảy sự việc sẽ thành đơn giản ngay."

là vị tăng đã trị bệnh cho mình. Vì thế đặc biệt dựng điện Trí Tích, chùa lại được trung hưng. Từ đời Tấn đến đời Đường, danh tánh tất cả trụ trì đều chẳng thể tra cứu được.

Đến đời Tống, phàm những vị trụ trì núi này đều là bậc đại lão lỗi lạc trong Tông môn, đạo tràng Linh Nham bèn trở thành đứng đầu Giang Tô; do đất thiêng nên mới có người tài giỏi, do người tài giỏi nên đất mới thiêng. Cuối đời Minh, đầu đời Thanh, chùa lại hưng khởi mạnh mẽ, hai đời vua Thánh Tổ (Khang Hy) và Cao Tông (Càn Long), mấy lần tuần du phương Nam đều nghỉ tại hành cung[394] trên núi. Trong cơn loạn Hồng Dương, chùa bị đốt cháy gần như hết sạch. Về sau đại sư Niệm Thành trụ trong lòng tháp, nhằm đúng khi ông Bành Cung Bảo Ngọc Lân đi chơi núi gặp gỡ, bèn tra xét ruộng đất chuộc lại hơn 600 mẫu, dựng hơn mười gian điện đường, nhà cửa.

Đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), trụ trì là Đạo Minh vốn là quân nhân xuất gia, tánh tình thô bạo, do mất y ca-sa mà đánh đập người tới chùa quá đáng, người dưới núi vùng lên đánh đuổi, Đạo Minh bỏ trốn. Đồ đạc trong chùa đều bị khuân sạch, trở thành một ngôi chùa không ai ở. Đây chính là cơ hội để đạo tràng Linh Nham được phục hưng. Nếu không, giả sử như ông ta tận lực vâng giữ thanh quy, chắc chắn chùa chẳng thể trở thành đạo tràng tịnh nghiệp duy nhất trong cả nước được. Họa phước dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người khéo dụng tâm hay không mà thôi. Bắt nguồn từ việc thân sĩ vùng Mộc Độc là ông Nghiêm Lương Xán bảo nhà sư chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy của vị sư ấy là hòa thượng Chân Đạt tiếp nhận trông nom chùa. Ngài Chân Đạt bèn phái người đến tiếp nhận, lại sai Minh Hú đứng trông nom tạm thời, ý muốn có người thích hợp sẽ biến chùa thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh độ. Năm Dân Quốc mười lăm (1926), pháp sư Giới Trần[395] đến đây, bèn giao cho ngài làm trụ trì. Tăng chúng thường trụ lấy 20 người làm hạn, trừ số tiền huê lợi mấy trăm đồng ra, hễ chi tiêu không đủ thì ngài Chân Đạt sẽ bù cho. Chẳng quyên mộ, chẳng làm pháp hội,

[394] Hành cung: Cung điện dành cho vua ở tại các địa phương.

[395] Pháp sư Giới Trần (1878-1948) là người xứ Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc, họ Khưu, tự là Địch Ngô, xuất gia năm 19 tuổi, chuyên tu khổ hạnh, sống trong núi Chung Nam, toàn tâm toàn ý tu thiền. Sau sư chuyên tu niệm Phật. Dưới thời Quang Tự, sư vào núi Kê Túc ở Vân Nam chuyên tu pháp ban-chu niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), sư đến mở Đại học Hoa Nghiêm tại Hàng Châu. Về sau sư bế quan tại chùa Phật Thản ở Thường Thục, ngầm tu tịnh nghiệp. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), cùng với các vị Liễu Trần, Từ Châu v.v. lập Đại học Hoa Nghiêm tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Sư từng đảm nhiệm trụ trì chùa Linh Nham một thời gian. Sư thị tịch vào năm Dân Quốc 37 (1948) tại chùa Cùng Trúc ở Côn Minh, thọ 71 tuổi, pháp lạp 53 năm. Trước tác gồm Hoa Nghiêm Nhất Trích, Hoa Nghiêm Thất Xứ Cửu Hội Đồ, Liên Xã Minh Huấn, Tịnh Tông Yếu Ngữ v.v..

chẳng truyền pháp, chẳng thu đồ đệ, chẳng giảng kinh, chẳng truyền giới, chẳng làm chuyện kinh sám thù tạc[396], chuyên nhất niệm Phật. Khóa tụng mỗi ngày đều giống như trong khi cử hành Phật thất thông thường. Trụ trì bất luận Thiên Thai, Hiền Thủ, Lâm Tế, Tào Động đều được, chỉ quan tâm đến thứ tự, không quan tâm đến thế hệ truyền thừa[397], chỉ cần là người giới hạnh tinh ròng, trì giới nghiêm ngặt, thông hiểu giáo lý, tin sâu Tịnh độ là được. Nếu những mặt khác đều khá, nhưng chẳng chuyên chú Tịnh độ thì quyết chẳng thể mời làm trụ trì.

Từ đấy trở đi, người thường trụ ngày càng nhiều, phòng ốc chẳng đủ, trong năm Dân Quốc 21 (1932), trước hết dựng niệm Phật đường, bốn năm năm qua, liên tục xây cất. Nay điện Đại Hùng đã khánh thành, chỉ còn thiếu điện Thiên Vương chưa xây, nhưng cũng chẳng quan trọng chi lắm. Tháng 2 năm Dân Quốc 19 (1930), Quang đến đây, tháng 4 liền bế quan tại chùa Báo Quốc, đã hơn sáu năm rồi. Do già cả, bất tài, toan chết già trong nơi bế quan. Vì các vị trong hội Phật giáo mời mọc, xin Quang trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai[398] mỗi ngày giảng khai thị một lần, tỏ rõ lý "nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo", đề xướng pháp "tín nguyện niệm Phật, liễu thoát ngay trong đời này" để cứu vãn thế đạo lòng người. Cố sức từ chối chẳng được, bèn vào ngày mồng 6 tháng này ra khỏi chỗ bế quan đến đất Hỗ (Thượng Hải), nhằm trọn nghĩa vụ hộ quốc của tôi. Ngày 15 viên mãn, ngày 16 vì họ nói tam quy ngũ giới.

Sáng nay theo đường tắt từ đất Hỗ trở về đây, nhưng các vị cư sĩ ở thành Tô Châu[399] đã đến trước rồi. Lên núi, trông thấy điện vũ nguy nga, tăng chúng thanh tịnh, hòa thuận, khôn ngăn hoan hỷ tột bậc. Do được giám viện là đại sư Diệu Chân mời vào pháp đường, vì các vị diễn nói pháp yếu[400] Tịnh độ. Nếu chỉ nói

---

[396] Tức là không làm các pháp sự cầu an, cầu siêu, giải hạn, đảo bệnh, cầu phước, cúng sao, chúc thọ v.v. như các đạo tràng khác.

[397] Nguyên văn "chỉ luận thứ số, bất luận đại số": Quan tâm đến thứ tự (tức tuổi tác, mức độ tu chứng, trì giới), chứ không quan tâm đến thế hệ truyền thừa. Tức là tăng chúng trong chùa được xếp bậc theo người tu hành lâu năm, giới hạnh tinh nghiêm, chứ không vì người ấy thuộc thế hệ trước hay sau mà coi trọng. Trong các đạo tràng khác, thứ tự truyền thừa rất được coi trọng. Chẳng hạn, một vị tăng mới xuất gia chưa được bao lâu nhưng vì là đệ tử của một vị ngang vai với thầy của vị trụ trì hay người thuộc thế hệ cao hơn, nên được coi là sư thúc, sư bá, thái sư thúc. Các vị tăng khác dù cao tuổi hơn, giới lạp cao hơn nhưng thuộc vai vế thấp hơn, vẫn phải lễ kính vị tăng trẻ tuổi này.

[398] Hộ Quốc Tức Tai: Bảo vệ đất nước, chấm dứt tai nạn. Thông thường pháp hội Hộ Quốc Tức Tai thường bao gồm cầu nguyện cho quốc thái dân an, cầu siêu cho những oan hồn uổng tử. Theo truyền thống, thường tụng kinh Nhân Vương Hộ Quốc, Pháp Hoa và Kim Quang Minh, kết thúc bằng nghi thức Diệm Khẩu hoặc Vô Già Thủy Lục.

[399] Nguyên văn là Tô Thản. Người Hoa khi xưa thường gọi thủ phủ của một địa phương là Thản. Tô Thản là thủ phủ của đất Tô Châu, tức thành Tô Châu.

[400] Pháp yếu: Những chỗ quan trọng, cốt lõi của một pháp môn.

pháp yếu, chẳng nêu lai lịch và các nhân duyên hiện thời thì kẻ ở người tới đều chẳng biết duyên do, chắc sẽ coi đạo tràng này giống hệt như các đạo tràng khác. Đối với người thông suốt rộng lớn thì không gì là chẳng được, nhưng với kẻ ngu độn như Quang, lại muốn thoát khỏi ba cõi ngay trong đời này, lên chín phẩm cõi kia thì chưa biết hướng về đâu. Do vậy trước hết thuật bày duyên khởi vậy.

62. Lời tựa cho Đại tạng kinh bản Tích Sa[401] đời Tống được in theo lối ảnh ấn[402]

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Đại tạng kinh chính là huệ mạng của Như Lai, là mắt cho trời người, là đuốc trí trong đêm dài vô minh, là thuyền từ trong biển khổ sanh tử, là nguồn pháp để bậc tiên giác giác ngộ kẻ hậu giác, là gốc của đạo thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu không phải đời trước đã trồng thiện căn, dù trải cả kiếp còn chưa được nghe tới danh tự, huống là được đích thân thừa sự cúng dường, thọ trì đọc tụng, nương theo đó mà tu tập cho đến khi được viên chứng ư? Pháp được nói trong Đại tạng chính là pháp sẵn có trong cái tâm của mười pháp giới, chúng sanh, Phật, phàm, thánh, nơi Phật chẳng tăng, nơi chúng sanh chẳng giảm, Phật do rốt ráo chứng nên thường hưởng pháp lạc thường - lạc - ngã - tịnh. Chúng sanh vì chưa ngộ nên ngược ngạo nương theo sức của diệu tâm này để trái giác hiệp trần, mê chân đuổi theo vọng, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, vĩnh viễn ngụp lặn trong tam đồ lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Tam thừa thánh nhân tuy có ngộ chứng, nhưng chưa đạt đến mức rốt ráo, vì thế vẫn chưa thể thụ dụng hoàn toàn. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh

---

[401] Tích Sa Bản hay còn gọi là Tích Sa Tạng, gọi đầy đủ là Tích Sa Diên Thánh Viện Bản, là một trong năm loại bản in Đại tạng kinh thuộc đời Tống (Đại tạng kinh được tập thành và tu chỉnh trong nhiều đời. Hiện thời, bản Càn Long Đại tạng kinh được coi là bản hoàn chỉnh nhất của Đại tạng kinh Trung Hoa, nhưng đa phần các bản in Đại tạng kinh đều căn cứ vào bản đời Tống. Ngay cả Đại Chánh Tân Tu Đại tạng kinh - bản được coi là tiêu chuẩn của Đại tạng kinh Hán truyền hiện thời - cũng chủ yếu dựa vào bản đời Tống). Vào Đoan Bình nguyên niên (1234) đời Tống Lý Tông nhà Nam Tống, có thuyết nói là vào năm Bảo Khánh thứ nhất (1225), Triệu An Quốc, Pháp Âm, Hoằng Đạo v.v. đứng ra quyên mộ, khắc in Đại tạng kinh tại chùa Diên Thánh Viện ở phủ Bình Giang (thuộc Ngô huyện, tỉnh Giang Tô). Diên Thánh Viện về sau đổi tên thành Tích Sa Thiền Viện, nên bản in này được gọi là Tích Sa Tạng hay Tích Sa Bản. Cho mãi đến năm Chí Trị thứ hai (1322) đời Nguyên Anh Tông mới in xong, gồm 1.532 bản kinh, được chia thành 6.362 quyển.

[402] Ảnh ấn: Không rõ đây là kỹ thuật in như thế nào. Thông thường, chữ ảnh ấn dùng để dịch nghĩa chữ photocopy, nhưng mãi đến năm 1948, máy photocopy mới được sáng chế bởi Haloid Corporation dựa trên phát minh của Chester Carlson. Do vậy, ảnh ấn không thể là kỹ thuật photocopy như hiện thời. Từ điển Từ Hải chỉ giải thích sơ lược: "Ảnh ấn: Phương pháp in bằng cách chụp hình nguyên bản để chế bản in."

giác, tùy cơ lập giáo, đối bệnh cho thuốc, để họ theo đường về nhà, trọn chẳng lập ra khuôn khổ nào khác. Với hàng đại căn (căn cơ Đại thừa) bèn nói thẳng đại pháp Nhất thừa, khiến họ nhanh chóng chứng được Vô sanh, với tiểu căn (căn cơ Tiểu thừa) bèn trước hết dạy nương theo những pháp môn quyền - tiệm để tu trì hòng vun bồi nền tảng bước vào Đại thừa, cuối cùng cho họ được nhận lãnh gia nghiệp, tiếp nối hưng thịnh dòng giống nhà Phật. Lời Phật dạy trong cả một đời được chia thành năm thời:

1. Thời Hoa Nghiêm: Chỉ nói đại pháp viên đốn nằm ngoài các giới[403]. Trời, người, Nhị thừa đều chẳng phải là pháp khí của thời này.

2. Thời A-hàm: Nói pháp tứ đế, thập nhị nhân duyên, quyền, tiệm, khiến cho họ vào trong hóa thành[404].

3. Thời Phương Đẳng: Bàn trọn tứ giáo[405] thích hợp khắp ba căn.

4. Thời Bát-nhã: Dùng diệu trí bát-nhã để trừ sạch tình kiến[406] của phàm lẫn thánh.

5. Thời Pháp Hoa - Niết-bàn: Khai quyền hiển thật, khai tích hiển bổn[407], thọ ký trọn khắp ba căn để họ cùng được nhận lãnh của báu trong nhà sẵn có. Niết-

[403] Giới ở đây là pháp giới. Giáo pháp của kinh Hoa Nghiêm đã vượt ra ngoài mười pháp giới nên gọi là "nằm ngoài các giới".

[404] Hóa thành: Cái thành được biến hóa ra. Đây là một thí dụ được nói trong phẩm Hóa Thành Dụ của kinh Pháp Hoa: Một người dẫn đường dẫn mọi người đến chỗ có kho báu (bảo sở), đường xa gian nan, nguy hiểm, mọi người ngã lòng, muốn quay về, người dẫn đường bèn dùng thần thông biến hóa ra một cái thành lớn lao, tốt đẹp để mọi người vào đó, nghỉ ngơi, hồi phục sức khỏe rồi mới bảo cho mọi người biết đấy chỉ là hóa thành, chỗ có kho báu rất gần, hãy mạnh mẽ lên đường. Cũng vậy, các quả vị thuộc Tiểu thừa giống như hóa thành do Phật phương tiện bày ra để người tu chứng đắc hòng làm cơ sở tấn tu đạo Nhất thừa.

[405] Tứ giáo: Bốn loại lớn trong cách phân chia giáo pháp theo tông Thiên Thai, tức Tạng, Thông, Biệt, Viên.

[406] Tình là những cảm xúc, ý niệm chấp trước, phân biệt, yêu - ghét, lợi - hại v.v. của chúng sanh, đôi khi còn gọi là "tình thức". Tình kiến là những sự hiểu biết, nhận định dựa theo những cảm xúc, ý nghĩ, ý niệm phân biệt chấp trước ấy.

[407] Khai quyền hiển thật: Chỉ ra những pháp đã lập trước kia là quyền biến, chưa thật sự là Nhất thừa, dạy rõ pháp Nhất thừa "hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có khả năng thành Phật, không có ba thừa, ba thừa chỉ là giả lập tùy theo căn cơ để cuối cùng dẫn dắt chúng sanh về một Phật thừa". Khai tích hiển bổn: Chỉ rõ đâu là những sự thị hiện, chỉ rõ sự thật nơi quả địa. Chẳng hạn, Phật Thích-ca thị hiện thành tám tướng thành đạo trong cõi Sa-bà, thọ mạng 80 năm, nhằm khích lệ chúng sanh căn cơ hạ liệt tấn tu, hướng về Phật quả, đó là tích. Theo như phẩm Thọ Lượng đã dạy: Đức Thích-ca Mâu-ni Phật đã thành Phật từ rất lâu, thị hiện thành Phật trong các thế giới khác, trong mỗi cõi thị hiện dưới danh hiệu khác, thọ mạng khác biệt, dùng những Phật sự khác biệt để thành tựu chúng sanh, đó là bổn.

bàn "phù luật đàm thường"[408], là giáo huấn tối hậu để ba nghiệp thân khẩu ý đều cùng thanh tịnh như Phật, tam học giới định tuệ cùng được viên mãn như Phật.

Tổng hợp những pháp được nói thì có năm tông, tức là Luật, Giáo, Thiền, Mật và Tịnh. Năm tông này tuy tên gọi sai khác, nhưng lý thể là một. Hãy nên chuyên chú vào một môn, nhưng chớ nên sai lệch bỏ phế các môn khác. Như do bốn cửa vào được một thành, như do bốn mùa hợp thành một năm, những tông ấy mang công năng duy trì lẫn nhau, phụ trợ lẫn nhau, nếu chẳng phải là kẻ thấu hiểu sâu xa nguồn pháp sẽ chẳng thể nào biết được. Trong ấy, luật là nền tảng ban đầu để nhập đạo, dù đạt đến viên mãn Bồ-đề vẫn phải nương tựa vào đó. Tịnh là pháp môn phổ độ, dẫu cho đã chứng Đẳng giác vẫn phải nên hướng lòng về. Chúng sanh đời mạt nếu không do pháp này sẽ chẳng độ được! Bậc trí của các tông hãy gấp nên gìn giữ. Nếu không, tất cả tu trì chỉ trở thành cái nhân lành để thành quả Phật trong đời vị lai, muốn ngay trong đời này hễ siêu thoát liền vào thẳng địa vị Như Lai, e rằng chẳng phải dễ dàng đâu! Ngoài các kinh này ra, tất cả các luật Đại Tiểu thừa đều thuộc vào năm thời, do vậy chẳng cần phải nói riêng. Ngoài kinh luật ra còn có các bộ luận do các vị Bồ-tát, tôn giả soạn ra để thích kinh, tông kinh[409], nhằm hiển lý, phá hoặc, hàng ma, chế phục ngoại đạo, ngõ hầu sự giáo hóa của đức Phật sẽ nhờ vào đây mà được phổ biến khắp trong và ngoài nước. Đấy là Tam tạng kinh - luật - luận từ Phật quốc (Ấn Độ) được dịch ra.

Đến khi đại giáo được truyền sang phương Đông, bậc pháp tượng[410] xuất hiện đông đảo, trước thuật của các tông đẹp đẽ khôn kể xiết. Những tác phẩm được đưa vào Đại tạng chỉ là một hay mười phần trong trăm ngàn phần mà thôi. Trước đời Đường, để có được kinh sách đều phải sao chép. Thời Ngũ Đại, Phùng Đạo[411]

---

[408] "Phù luật đàm thường", còn gọi là "phù luật thuyết thường", là một dụng ngữ của tông Thiên Thai nhằm mô tả giáo thuyết của kinh Niết-bàn. Theo đó, đức Phật thương xót kẻ độn căn đời mạt dễ khởi lên tri kiến đoạn diệt, hủy phá giới pháp, quên mất giáo thừa, cho Như Lai là vô thường, ham thích đọc tụng sách vở, kinh điển của ngoại đạo, nên đánh mất cả giáo pháp lẫn giới luật. Vì thế trong kinh Niết-bàn, đức Phật giảng giải cặn kẽ giới luật để phù trợ giới môn (phù luật), cũng như nói đến lý Phật tánh thường trụ (đàm thường) nhằm phụ trợ giáo thừa.

[409] Thích kinh: giải thích tường tận ý nghĩa kinh theo từng câu, từng đoạn. Còn tông kinh là chỉ chú trọng giải thích pháp được giảng dạy, được đề cao bởi bộ kinh đó. Chẳng hạn, Thập Địa Kinh Luận là thích kinh, kinh Vô Lượng Thọ Ưu-ba-đề-xá (Vãng Sanh Luận) là tông kinh.

[410] "Tượng" nghĩa là thợ cả, thợ khéo. Ví như thợ khéo chế thành đồ dùng hữu ích, khéo léo, nên bậc tôn đức hoằng dương đạo pháp khiến cho giáo pháp được hoằng truyền mạnh mẽ, chúng sanh được lợi ích vô cùng sẽ được gọi là "pháp tượng" hoặc "tông tượng".

[411] Phùng Đạo (822-954), tự là Khả Đạo, sanh vào năm Trung Hòa thứ hai đời Đường Hy Tông, mất năm Hiển Đức nguyên niên đời Hậu Chu. Ông này làm quan suốt năm triều đại thuộc tám dòng họ khác nhau, trải qua mười ba đời vua, nên những sử gia thời cổ thường gọi ông ta là hạng "thò lò muôn mặt". Theo Ngũ Đại Hội Yếu, trước đó đã có những kỹ thuật khắc ván để ấn loát lẻ tẻ trong dân gian, chứ đa phần vẫn sử dụng lối chép tay. Những kinh điển quan trọng

xướng xuất việc in bằng cách khắc ván. Đến đời Tống, sách Nho, kinh Phật đều in bằng lối khắc ván. Đại tạng kinh bản đời Tống có mười mấy loại, nhưng ni sư Hoằng Đạo[412] thuộc Tích Sa Diên Thánh Viện chặt tay đề xướng, khắc thành bản in Đại tạng này có thể nói là bậc trượng phu trong nữ giới, khiến cho mọi người khâm phục, bội phục. Từ đời Tống đến nay, hơn 700 năm, do cõi đời nhiều phen loạn lạc, những kinh đã được in phần nhiều bị mất đi. Hai chùa Ngọa Long và Khai Nguyên ở Thiểm Tây may còn giữ được. Cư sĩ Chu Tử Kiều sang đất Thiểm lo việc phát chẩn trông thấy, bèn cùng với đại cư sĩ đất Hỗ (Thượng Hải) thương lượng in lại bằng phương pháp ảnh ấn, nhọc nhằn vất vả khó thể nói trọn được. Nay sắp hoàn thành đợt đầu, sai Quang viết lời tựa. Quang là một ông tăng chẳng hiểu biết gì, chỉ biết cơm cháo, làm sao có thể nêu tỏ sự quan trọng của Đại tạng, đành nhờ vào những gì hằng ngày đã quen nghe, gom góp lẫn lộn lại để viết cho xong trách nhiệm. Diệu nghĩa của toàn bộ Đại tạng người đọc sẽ tự biết, dẫu chưa thể đọc trọn khắp, nhưng hồi quang phản chiếu nơi các pháp "căn, trần, thức, đại" hiện tiền sẽ đích thân chứng được viên thông, cần chi phải viết tràn lan cho nhiều để gai mắt người nhã ư ?

63. Đề từ và lời tựa cho bộ Gia Ngôn Lục

---

của Nho gia được các vương triều cho khắc lên đá, gọi là Thạch Kinh, nổi tiếng nhất là Khai Thành Thạch Kinh. Tháng 2 năm Trường Hưng thứ ba (933) đời Hậu Đường, Tể tướng Phùng Đạo dâng sớ kiến nghị triều đình đứng ra triệu tập những Nho sĩ học rộng sao chép lại những bản thạch kinh thật cẩn thận bằng lối chữ khải cho thật dễ đọc, rõ ràng, giáo chánh kỹ càng, trước khi tuyển thợ khéo khắc những bản kinh ấy lên gỗ, để in ra với số lượng lớn ban cho các châu huyện. Do ảnh hưởng của việc này, việc ấn loát bằng phương pháp mộc bản được tổ chức quy mô và nề nếp, đồng thời xuất hiện những nhà in chuyên nghiệp, khiến cho sách vở được in với giá rẻ hơn, số lượng nhiều hơn, đồng thời những kinh điển được tiêu chuẩn hóa.

[412] Điều rất lạ lùng là sử sách không ghi chép gì thân thế, hành trạng của ni sư Hoằng Đạo ngoài chuyện ngài chặt tay cúng dường pháp. Một số tài liệu cho biết ni sư Hoằng Đạo, pháp danh là Pháp Trân, pháp tự Hoằng Đạo, do thấy kinh tạng bị thất lạc sai sót, đã không tiếc công sức vận động, quyên mộ khắc in Đại tạng. Vào khoảng năm Bảo Khánh thứ nhất đời Tống Lý Tông, ni sư Hoằng Đạo đã mời tứ chúng đến tuyên nói công đức in kinh để mạng mạch Phật pháp được lưu truyền, rồi đối trước đại chúng tự chặt tay trái để cúng dường khiến tứ chúng hết sức cảm động hết lòng hỗ trợ công việc ấn loát. Tuy vậy, theo Nguyên Nhất Thống Chí, Thuận Thiên Phủ Chí, quyển một, thì Hoằng Đạo và Pháp Trân là hai vị khác nhau, nhưng đều cùng chặt tay để kêu gọi in Đại tạng kinh, bản của Pháp Trân là Kim Tạng (Đại tạng kinh được in dưới đời Kim), còn bản của ni sư Hoằng Đạo là Tích Sa Tạng. Cũng theo sách ấy, ni sư Pháp Trân thọ giới tại chùa Thánh An ở Yên Kinh (Bắc Kinh), chùa này được đổi tên thành Đại Diên Thánh Tự trong niên hiệu Tuyên Thống đời Kim Hy Tông, còn ni sư Hoằng Đạo thì trụ trì chùa Tích Sa, chùa này có tên cũ là Diên Thánh Thiền Viện, nên hai vị này thường bị đồng nhất với nhau.

(Đề từ được viết vào tháng 2 năm Dân Quốc 16 (1927) dành cho bản in bằng loại giấy in báo. Lời tựa được viết vào ngày mồng 8 tháng Chạp năm Dân Quốc 16 khi sách được in thành hai cuốn)

1. Tịnh độ đại pháp môn lớn lao không gì ở ngoài nó được, như trời che khắp, như đất chở trọn. Bậc Đẳng giác sắp thành Phật còn phải cậy nhờ pháp này, kẻ nghịch ác sắp đọa A-tỳ mười niệm lên cõi sen, thích hợp căn cơ khắp chín pháp giới, đều cùng siêng gắng đảnh lễ kính vâng, sướng thỏa tâm độ sanh của Phật, duy nhất không còn pháp thứ hai nào nữa. Tôi do sức túc nghiệp, từng làm một gã nhất-xiển-đề, bắt chước bọn Âu, Hàn v.v. ngu xuẩn không sao chữa được. May là bị bệnh mấy năm, lúc ấy mới suy nghĩ kỹ càng: Các bậc thánh hiền xưa nay lẽ đâu đều vô tri cả? Bọn họ đều cùng tôn thờ, ta nào dám chê bai? Dẫu bậc thánh cũng có chỗ không biết, nhưng bọn họ vẫn đủ sức làm thầy bọn Âu, Hàn! Từ đó quy y Phật, xuống tóc, khoác áo thâm. Tự lượng túc nghiệp sâu xa, Tông, Giáo ta đều chẳng thích hợp, chỉ có cậy vào Phật lực may ra mới thỏa lòng mong, nên chuyên tâm tu tịnh nghiệp hầu được dự vào Liên Trì.

Gần mười mấy năm qua, người khác đều lầm hỏi đến, lời đáp cũng giống như thế ấy, chẳng dám vượt phận tí nào. Ông Từ Úy Như ở Hải Diêm cho rằng những lời lẽ ấy thiết thực, gần gũi, đôi ba lượt đem in ở Bắc Kinh, Thượng Hải. Lời lẽ tuy chất phác, nhưng mọi người chẳng chê bai, tìm đọc càng nhiều, có nhiều người sanh chánh tín. Cư sĩ Lý Viên Tịnh túc căn vừa sâu vừa dày, chú thích các kinh luận, xiển minh tâm Như Lai, sau đó vì hao tổn tinh thần, yếu bệnh ngày càng thêm nặng, bèn bỏ nơi rộng lớn chọn lấy chỗ ước lược, lập chí nối gót Đông Lâm[413]. Lại muốn lợi lạc hàng sơ cơ, tạo thành quy củ, châm ngôn tu trì cho họ, nên bèn trích yếu những lời trong bộ Văn Sao, phân thành từng loại để biên tập, cũng như tự bỏ ra tịnh tài in tặng những ai hữu duyên, mong cho hết thảy mọi người đều gắng sức mong thành thánh thành hiền, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ai nấy đều hoàn thành tánh thiên (bầu trời chân tánh) của chính mình, vâng làm các điều thiện, tiêu trừ sạch các điều ác, tín nguyện siêng năng niệm Phật, cầu lên được chín phẩm sen, lâm chung Phật đến tiếp dẫn, đều được như trăng in bóng trên sông, ngay lập tức vãng sanh Tây Phương, vĩnh viễn thoát vực sâu sanh tử, thấy Phật ngộ Vô sanh, dần dần đạt đến phước tuệ trọn vẹn.

Do vậy thỉnh tôi viết mấy câu để rộng lưu truyền. Lời quê lọt vào mắt nhã, uổng chuốc lấy tiếng cười chê, thương xót. Mặt dày mày dạn dâng tấm lòng ngu thành, mong ai nấy đều xét tỏ tường. Nếu chưa vượt lên được bậc Đẳng giác thì cũng dự vào hàng Hồi hướng vậy.

[413] Đông Lâm là ngôi chùa do Sơ tổ Tịnh tông Huệ Viễn sáng lập tại Lô Sơn.

2. Pháp môn Tịnh độ lý cực cao sâu, sự cực giản dị. Do vậy người thiên tư thông mẫn, tri kiến cao siêu thường xem Tịnh độ là pháp tu của bọn ngu phu ngu phụ, chẳng chịu tu trì. Nào biết đây là pháp môn rốt ráo thành thủy, thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh. Họ thấy kẻ ngu phu ngu phụ tu được pháp này bèn coi thường pháp môn, sao chẳng xét trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, vẫn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc ngõ hầu viên mãn Phật quả? Miệt thị pháp môn Tịnh độ chẳng xứng đáng để tu tức là coi những vị trong hội Hoa Nghiêm thuộc hạng người gì? Hơn nữa, chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm có đáng nên tôn trọng hay nên coi thường đây?

Có thái độ như vậy không có gì khác hơn là do chưa xét kỹ nguyên do của từng pháp môn thông thường và đặc biệt, cũng như sự lớn nhỏ, khó dễ giữa tự lực và Phật lực, nên mới đến nỗi như thế. Nếu đã xét kỹ, há chẳng học đòi Hoa Nghiêm hải chúng, nhất trí tiến hành cùng cầu vãng sanh ư? Ấn Quang tôi từ lúc búi tóc đọc sách, nhiễm ngay chất độc bài Phật của Hàn, Âu, Trình, Chu, may là không có được cái tài như Hàn, Âu, Trình, Chu. Nếu như có được chút tài như họ ắt sẽ đến nỗi tự mình lầm, khiến người lầm, thân còn sống mà đã hãm trong địa ngục A-tỳ mất rồi! Từ năm 14, 15 tuổi về sau, bệnh nặng nhiều năm, từ đấy chiêm nghiệm khắp xưa nay, xem kỹ kinh sách, mới hay những thuyết do Hàn, Âu, Trình, Chu lập đó đều là những tri kiến môn đình, tuyệt chẳng đạt đến những sự huyền áo.

Nhược quan[414] được một năm, tôi liền xuất gia làm tăng, chuyên tu tịnh nghiệp. Thề trọn một đời này làm một kẻ tự lo giải thoát[415], chẳng lập môn đình, rộng thu đồ chúng đến nỗi con cháu đời sau làm cho Phật pháp bại hoại, kéo cả Ấn Quang tôi vào trong địa ngục A-tỳ chịu khổ với chúng. Đến năm Quang Tự 19 (1893), hòa thượng Hóa Văn chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà lên kinh đô thỉnh Đại tạng kinh, sai tôi coi sóc việc ấn loát. Xong việc, hòa thượng mời tôi cùng về núi. Biết tôi chẳng thích tham gia tăng sự, ngài cho tôi ở riêng một căn liêu[416], tùy ý tu trì. Đến nay đã 35 năm rồi. Ở núi lâu ngày, hễ có ai giao cho viết lách gì, tuyệt chẳng dùng đến tên gọi Ấn Quang. Ngay cả những văn tự chính mình cần phải

[414] Nhược quan: Thời xưa, con trai đến tuổi 20 sẽ làm lễ búi tóc lên, đội mũ, gọi là lễ nhược quan, tức là chính thức được coi là người trưởng thành.
[415] Nguyên văn "tự liễu hán", là một thuật ngữ của Thiền tông chỉ kẻ chỉ lo chuyên tu hòng giải thoát cho chính mình, không quan tâm đến chuyện độ sanh. Tổ tự gọi mình bằng thành ngữ này vì đương thời, rất nhiều vị trong Tông môn coi pháp Tịnh độ là Tiểu thừa, chỉ lo tự độ.
[416] Phòng ở của chư tăng.

ký tên cũng chỉ tùy tiện viết hai chữ là xong. Vì thế trong 20 năm qua trọn không có người khách nào đến thăm, cũng không có thư từ qua lại làm phiền.

Năm đầu Dân Quốc (1911), cư sĩ Cao Hạc Niên đem mấy thiên văn cảo đăng trên Phật Học Tùng Báo, chẳng dám dùng tên Ấn Quang, mà dùng tên Ấn Quang thường tự xưng là Thường Tàm Quý Tăng (ông tăng thường hổ thẹn). Vì thế ký tên là Thường Tàm. Cư sĩ Từ Úy Như và Chu Mạnh Do lại lầm lạc tán thưởng, hỏi dò cả ba bốn năm nhưng chẳng ai hay biết. Sau Mạnh Do lên núi bái yết, xin quy y, đem mấy thiên bản cảo dở tệ gởi cho Úy Như, đưa in ở kinh đô, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, khiến cho văn từ của tôi gai mắt khắp những vị cao nhã nên càng thêm hổ thẹn. Năm Dân Quốc thứ bảy, thứ tám (1918-1919), họ lại lôi ra thêm mấy thiên nữa, soạn thành sách Tục Biên, in chung với cuốn Sơ Biên. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), giao cho Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ thành hai cuốn để làm bản lưu. Mùa xuân năm Dân Quốc thứ 10 (1921), sách in xong. Quang tôi lại ở Dương Châu, đem bản đã sắp chữ năm Dân Quốc thứ 9 (1920) cho khắc thành một bản, chia ra làm bốn cuốn. Năm Dân Quốc thứ 11 (1922), lại giao cho Thương Vụ Ấn Thư Quán in thành bốn cuốn. Khi ấy các cư sĩ chỉ đảm nhiệm in hai vạn bộ, nhưng đến khi Thương Vụ Ấn Thư Quán in xong, gởi ra bán, số ấy vẫn chẳng đủ.

Mùa đông năm Dân Quốc thứ 14 (1925), lại giao cho Trung Hoa Thư Cục in bản Tăng Quảng (bản mở rộng - do thêm vào những bài mới), cũng chia thành bốn cuốn, dày hơn lần in trước một trăm tờ. Mùa hạ năm nay in sách, do phong trào công nhân đấu tranh, giá in rất cao, chỉ in được hai ngàn bản. Bản gốc đã đem cho chế chỉ bản thành bốn bản sao thì nhà in giữ lại hai bản, trả về cho Quang hai bản. Tôi bèn giao cho công ty Ấn Loát Chiết Giang tại Hàng Châu in trước một vạn bản, sau đó sẽ in tiếp, tùy theo nhân duyên.

Cư sĩ Viên Tịnh Lý Vinh Tường trong mấy năm qua chuyên tâm nơi học, đối với luận Khởi Tín, kinh Lăng-nghiêm, kinh Viên Giác đều viết sớ giải. Quang bảo: "Người thanh niên nên thiết thực dụng công niệm Phật trước đã, đến khi nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước dày rồi sẽ lại nêu tỏ ý Phật, tự có thể xiển minh ý Phật tuyên truyền khắp vũ trụ." Khi ấy ông Lý vẫn chẳng chịu là đúng. Sau này vì dụng tâm quá độ, tinh thần và thân thể mỗi ngày một suy, mới hay lời tôi nói chẳng sai. Ông ta bèn đọc kỹ Văn Sao, hoan hỷ khôn xiết nên trích lục những nghĩa trọng yếu, chia thành từng môn, từng loại, soạn thành một cuốn, cậy Quang viết lời đề từ, tính dùng giấy in báo in một ngàn cuốn để đáp ứng nhu cầu cần đọc ngay của độc giả (do những phần ấy đã được đăng trước trên tờ lâm san của Cư sĩ lâm, nên độc giả nhiều lượt thôi thúc ấn hành). Tháng 5, Quang đến đất

Thân (Thượng Hải), ông ta bèn cùng vợ xin quy y. Tháng 8 sách in ra, chẳng lâu sau sách được thỉnh hết. Thư yêu cầu nườm nượp gởi tới, tôi bèn bảo cơ quan quản trị nhà tù tại Tào Hà Kính sắp đặt việc in sách. Cư sĩ Trần Địch Châu xin đảm nhiệm việc trình bày, cũng như chịu phí tổn làm bốn bộ chỉ bản. Ông ta lại chịu tiền in hai ngàn bản. Cùng một lúc đảm nhiệm ấn loát, gần đến hai vạn. Đối với những bản chỉ bản thì dự tính để lại một bản ở cơ quan quản trị nhà tù hầu đáp ứng cho việc tái bản lưu thông sách tại Thượng Hải, một bản gởi về cho cư sĩ Viên Tịnh giữ, để chính ông ta và các vị thiện sĩ sử dụng. Một bản gởi sang Tuyên Giảng Đường tại Cáp Nhĩ Tân để những vị có tín tâm nơi vùng Quan Ngoại[417] dễ thỉnh đọc. Một bản gởi sang Thương Hội ở Tân Gia Ba thuộc Nam Dương để Hoa kiều ở các đảo đều cùng được đọc tụng.

Với xuất xứ của mỗi câu được sao lục trong bản này, thuộc quyển nào, trang nào, ông Lý đều ghi kỹ để người đọc có thể đối chiếu với toàn văn trong Văn Sao. Do chỉ chép lấy những nghĩa trọng yếu trong các bài văn, xếp thành một loại, nên thường có những đoạn trích lời văn, ý nghĩa khá giống nhau, nhưng tôi chẳng lược bớt đi, ngõ hầu người đọc hưởng lợi ích được khuyên đi khuyên lại nhiều lần sẽ đoạn ngay được lòng nghi, phát sanh lòng tin. Xuất xứ từ quyển nào, trang số mấy đều dựa theo cách đánh số trong bản Tăng Quảng Văn Sao. Lấy bản Tăng Quảng Văn Sao làm bản lưu thông vĩnh viễn, những thứ khác (tức những bản in có trước bản Tăng Quảng) thì về lâu về dài sẽ không phải tiến hành in lại nữa.

Lại vì Văn Sao văn từ sâu rộng, rườm rà, có lẽ kẻ sơ cơ khó lòng phân biệt, hiểu được đâu là pháp môn dễ hiểu nhưng hợp cơ nghi, muốn cho họ trước hết thấy được cửa nẻo, từ đấy sẽ thiết thực tấn tu, tự đạt đến chỗ cùng cực, khỏi phải đến nỗi nhìn biển cả than dài, hoặc đến nỗi đành lòng lui sụt. Nhân đây chép cả mục lục cuốn Văn Sao Tuyển Độc vào sau lời tựa cuốn Gia Ngôn Lục để người chưa từng nghiên cứu Phật học có cái nương tựa để tiến bước vào đạo. Tâm lợi người ấy có thể nói là chu đáo hết mức, không còn gì hơn được nữa! Do vậy tôi trình bày duyên do như thế để mong người đọc đều cùng được biết.

Nguyện người thấy người nghe đừng cho lời tôi nói đều là tầm thường, kém cỏi rồi bỏ qua, cứ cầu lấy những điều cao thâm huyền diệu. Đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi, đạo của Như Lai chỉ là giới định tuệ mà thôi! Thực hành được việc tầm thường, kém cỏi đến cùng cực thì lý cao thâm huyền diệu há còn phải cầu đâu khác nữa ư? Nếu không thì chỉ cao thâm huyền diệu nơi đầu

[417] Do Cáp Nhĩ Tân (Harbin) nằm trên đất Mãn Châu cũ, tức là ở ngoài cửa ải Sơn Hải Quan (cửa ải chính để vào Trung Nguyên) nên gọi là Quan Ngoại.

môi chót lưỡi, khi sanh tử xảy đến chẳng dùng được mảy may. Xin độc giả hãy lưu tâm!

64. Lời tựa cho cuốn Thích Môn Pháp Giới Lục

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Đức Như Lai chẳng xuất hiện, cõi đại thiên giống như đêm dài. Phật nhật đã chiếu khắp, các pháp đều rạng rỡ. Chẳng riêng gì tam thừa thánh nhân mau lên được bờ giác, mà còn khiến cho hàm thức[418] trong sáu đường đều dần dần thoát vòng khổ. Phật dùng một âm diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu. Ví như một trận mưa nhuần thấm trọn khắp, cây cỏ mỗi loài tự sum suê; một vầng trăng hiện bóng khắp nơi, nơi sông biển tùy mỗi người thấy khác. Chỉ rõ Phật tánh sẵn có, chúng sanh và Phật vốn đồng. Dạy rõ do tu trì thuận hay nghịch Phật tánh mà phàm - thánh thật khác biệt. Chia ra nói thành năm thừa, để mong chúng sanh theo đường về nhà. Chẳng lập một pháp ngõ hầu hiểu gốc mà biết ngọn. Ngũ tánh[419], tam thừa cùng về một đạo; tứ đế, lục độ chẳng ngoài một tâm. Hết thảy pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, pháp pháp dung nhiếp, hết thảy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thật, hạnh hạnh viên thông. Đây chính là quy củ lớn lao nuôi

---

[418] Hàm thức (sattva), còn được dịch là hữu tình, chúng sanh, hàm linh, hàm sanh, hàm loại, hàm tình, hay bẩm thức. Do hết thảy chúng sanh đều có tâm thức, tức có những chúng sanh có cảm giác, có nhận biết, nên gọi là hàm thức. Xin lưu ý, chữ chúng sanh hiểu theo nghĩa rộng bao gồm chúng sanh hữu tình (tức các sinh vật) và chúng sanh vô tình (những khoáng vật, đồ vật). Từ sau thời ngài Huyền Trang, danh từ sattva được dịch là hữu tình hay hàm thức, chứ không dịch là chúng sanh, vì theo Câu Xá Luận Bảo Sớ: "Những gì do các duyên hòa hợp mà sanh thì được gọi là chúng sanh." Do vậy, hữu tình hay vô tình (phi tình) đều do các duyên hòa hợp mà thành nên đều được gọi là chúng sanh. Nhưng trong các bản luận hay sớ giải vẫn quen dùng chữ chúng sanh để chỉ hết thảy những loài sanh vật.

[419] Ngũ tánh là một khái niệm phân chia căn tánh theo tông Hoa Nghiêm, dựa trên căn tánh thành Phật của chúng sanh mà chia thành năm loại:

1. Bất định tánh bán thành Phật, tức căn tánh bất định, nếu gặp được pháp Nhị thừa sẽ tu tập pháp Nhị thừa, nếu gặp pháp Bồ-tát sẽ tu tập pháp Bồ-tát, khả năng thành Phật tùy theo căn duyên nên gọi là "bán".

2. Vô chủng tánh bất thành Phật: Chỉ hạng người không có thiện căn, chánh tín, bài bác nhân quả, chẳng chịu nhận lãnh sự hóa độ, cam phận chìm đắm trong sanh tử, chẳng cầu giải thoát.

3. Thanh văn tánh bất thành Phật: Những người mang căn tánh Thanh văn, chỉ tu tập pháp tứ đế, chứng chân không Niết-bàn, tham đắm không tịch, kinh sợ sanh tử, chẳng muốn độ sanh, tấn tu Phật đạo.

4. Duyên giác tánh thành Phật: Những người mang căn tánh Duyên giác, chỉ quán thập nhị nhân duyên, chứng chân không Niết-bàn, cố chấp thiên không, chẳng cầu Phật đạo.

5. Bồ-tát tánh toàn thành Phật: Bồ-tát có thể tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, bi trí song vận, rộng tạo các nhân, chứng quả Bồ-đề.

dạy hàng ngàn căn cơ của đức Như Lai, là nghĩa lý lớn lao trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật.

Xét từ lúc đạo Phật được hưng khởi vào đời Chiêu Vương nhà Chu[420], đạo truyền khắp cõi Tây Càn (Ấn Độ), đến đời Hán Minh Đế, pháp được truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa). Thoạt đầu chỉ được hoằng truyền nơi đất Bắc, đến đời Ngô mới bắt đầu truyền xuống phương Nam. Từ đời Tấn trở đi, đạo được truyền khắp trong nước, ngoài nước: Cao-ly, Nhật Bản, Tiêm-la (Thái Lan), Diến-điện đều cùng được gội pháp hóa của Phật trong thời ấy. Ngài La-thập ở Quan Trung[421], Viễn công tại Lô Sơn, công huân hoằng pháp không ai to lớn bằng. Do vậy pháp được truyền đến các nước, đều được bình đẳng hưởng ơn Phật. Từ đấy trở đi, đến thời Đại Đường, kinh luận pháp môn thảy đều trọn vẹn. Tính chung những tông lớn thì có năm tông là Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Cố nhiên tri thức các tông đều thông suốt các pháp, nhưng để hoằng dương thì hoặc kiêm, hoặc chuyên, chỉ mong sao khế cơ, nên không nhất định. Đa số là bậc đã chứng thánh quả, thừa nguyện thị hiện, hoằng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Khi sống được vua quan khâm phục, kính ngưỡng, dân chúng tôn sùng; mất đi, trời người buồn khóc, cầm thú kêu ai oán. Làm bậc thầy mô phạm cho cõi đời khi ấy, làm cầu bến cho đời sau. Đạo đức lợi ích nói chẳng thể cùng!

Rặng Côn Luân tuy sanh ngọc, vẫn có đá tảng; rừng chiên-đàn phần nhiều thơm ngát, vẫn sanh cỏ thối. Đó là vì chư tăng hoặc thừa nguyện thị hiện bệnh hạnh[422], hoặc do mê tâm nên phạm thanh quy. Dấu tích của những lợi ích bị mất mát và những khổ báo chiêu cảm đều đáng để khơi gợi thiện tâm cho người đời sau, răn dạy đời mạt phải gắng chí, vĩnh viễn là gương soi về sự trái đạo nghịch pháp trong pháp môn. Vì thế, chưa chắc những gương phạm giới ấy đã là trái nghịch sự giáo hóa của Phật, mà là nhằm khiến cho con người y giáo phụng hành vậy.

---

[420] Theo quan điểm cổ truyền của Phật môn Trung Hoa, đức Phật giáng sanh nhằm thời Chu Chiêu Vương (995-977 trước Công Nguyên).

[421] Lãnh thổ nhà Diêu Tần nằm trong địa phận tỉnh Thiểm Tây, do vùng này nằm lọt giữa các cửa ải Hàm Cốc, Tán Quan, Vũ Quan và Hào Quan nên thường gọi là Quan Trung.

[422] "Bệnh hạnh" là một trong năm hạnh của Bồ-tát, được nói đến trong kinh Đại Bát Niết-bàn. Theo đó, Bồ-tát vận dụng lòng vô duyên đại từ, vận tâm bình đẳng, nhằm cứu bạt những chúng sanh đang khổ sở phiền não mà thị hiện các hạnh gây tạo tội nghiệp lớn lao. Chữ bệnh ở đây chỉ cho những tội nghiệp, vì tội nghiệp chính là bệnh nơi thân - khẩu - ý. Chẳng hạn như ngài Ưu-đà-di thị hiện phạm nhiều hạnh bất tịnh để Phật có cơ duyên chế giới, cũng như ngài Đề-bà-đạt-đa thị hiện phá hòa hợp tăng, thị hiện phạm đại tội ngũ nghịch, thị hiện đọa địa ngục A-tỳ để cảnh tỉnh người đời sau về quả báo ngũ nghịch, hoặc như Hàn Sơn, Thập Đắc, Tế Điên thị hiện điên khùng, không giữ thanh quy đều nhằm hóa độ chúng sanh.

Cư sĩ Quách Hàm Trai ở Hồ Nam xem rộng rãi các sách vở, tiện tay sao lục những chuyện đáng để làm gương, đáng để răn dè được bao nhiêu đó chuyện, đặt tên là Thích Môn Pháp Giới Lục, với chí nguyện mong mỏi lợi lạc mọi người. Nhưng do tuổi đã già suy, tinh thần chẳng đủ, chưa thể sắp xếp trước sau theo từng triều đại được, thật chưa được thỏa đáng lắm, nhưng sách khiến cho người đọc bắt chước theo, đề phòng, răn dè thì nào có trở ngại gì! Phần phụ lục cuối sách là một số đoạn giáo huấn thiết yếu trích lục từ Vân Thê Pháp Vựng. Phần trước là những hạnh đẹp đáng noi theo, phần này chính là những lời tốt lành. Miệng thường tụng, tâm thường nghĩ những lời hay hạnh đẹp của cổ đức sẽ giống như người nhiễm hương, thân tự có mùi thơm, dù kẻ ấy ương bướng, kém cỏi đến đâu cũng trở thành bậc "tri hành hợp nhất"[423], huống là những bậc đại chí một bề mong thành thánh thành hiền, học Phật, học tổ, lợi ích ấy làm sao lường được? Nguyện tứ chúng học Phật thấy người hiền mong được bằng, thấy kẻ chẳng hiền trong lòng tự phản tỉnh thì pháp môn may mắn lắm, thế giới may lắm thay!

[423] "Tri hành hợp nhất" là học thuyết của Vương Dương Minh (tức Vương Thủ Nhân 1472-1558). Ông chủ trương cái học, cái biết phải đi đôi với việc làm, kiến thức phải phù hợp với hành động, biến những điều đã học thành hành động thực tiễn, chứ không phải chỉ để nói suông, lòe đời.

QUYỂN III

65. Lời tựa cho tác phẩm Tịnh Độ Tam Yếu Thuật Nghĩa

(Năm Dân Quốc 16 - 1927)

Cư sĩ Lạc Quý Hòa ở Thiệu Hưng xưa đã có linh căn, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành, dạy người, chỉ chăm chú tín nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Lại còn chú trọng giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, mến tiếc sanh mạng loài vật. Lại cho rằng đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình là diệu pháp duy nhất không hai để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Thật có thể gọi là "người biết được cái gốc để cấp bách chú trọng trước tiên". Lúc cư sĩ còn trẻ rất hâm mộ chí hướng "chẳng làm lương tướng, ắt phải làm lương y" của cổ nhân, bèn lưu tâm nơi y lý để mong lợi người. Lâu ngày tinh thông y thuật, khá nổi tiếng. Kế đó nghĩ: "Tâm bệnh là gốc, thân bệnh là ngọn, nếu chẳng trị tâm bệnh sao cho hết thảy mọi người đích thân thấy được bản lai diện mục, thoát lìa sanh tử luân hồi thì lợi ích rất nhỏ, rốt cuộc chẳng phải là đạo tự lập lập người, tự lợi lợi tha. Đời coi đức Phật là Đại Y Vương, ta hãy nên cầu y thuật nơi ngài ngõ hầu ta cùng người đều được rốt ráo yên vui." Do vậy giao du với các thiện tri thức, nghiên cứu kinh Phật, mới biết y thuật của đức Phật độc nhất vô nhị trong cõi đời, như ra khỏi nhà tối thấy được mặt trời, tấm lòng vui sướng không thể nào sánh ví được!

Nhưng đức Phật nói ra vô lượng vô biên pháp môn, cầu lấy pháp trực tiếp, nhanh chóng nhất, viên đốn nhất, thực hiện dễ, thành công cao, ngõ hầu nghiệp lực phàm phu do không có sức đoạn hoặc sẽ có thể ngay trong đời này thoát khỏi tam giới lên chín phẩm sen, bỏ thân phàm dự vào dòng thánh thì chỉ riêng một pháp Tịnh độ là được như vậy mà thôi! Do vậy lắng lòng nghiên cứu, hiểu được cương yếu, gặp dịp pháp sư Hoa Trí kết xã niệm Phật, pháp sư bèn xin cư sĩ thay mình tuyên giảng, giảng đến đâu ghi đến đó, thành một cuốn sách, từng đăng tải trên báo Đại Vân để tặng những người cùng chí hướng. Phàm ai thấy nghe đều hoan hỷ, tán thán, bảo là hợp với căn cơ. Các cư sĩ thuộc hội Phật học ở Dư Diêu khuyên nên in ra để lưu truyền, cậy tôi viết lời tựa.

Tôi nghĩ pháp Tịnh độ lý sự viên dung, tánh tu chẳng hai, phàm lẫn thánh đều thâu nhiếp trọn vẹn. Hết thảy pháp môn, hà sa diệu nghĩa không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, không gì chẳng trở về pháp giới này. Như biển cả dung nạp

khắp trăm sông, dường thái hư chứa trọn muôn hình tượng. Quả thật là pháp môn vô thượng thành thủy thành chung để mười phương chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế được chín giới cùng tuân hành, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói. Tôi nói lời này, nếu có ai chẳng tin, xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ-tát trong hội Hoa Nghiêm, ngõ hầu cùng dự vào Hoa Tạng hải hội, nhất trí tiến hành, để đều mong sao trong đời này vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, tấn tu dần dần cho đến khi viên chứng vô thượng Bồ-đề mới thôi. Cao đẹp thay, tốt lành thay!

66. Lời tựa cho sách Vật Do Như Thử

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Phật xem hết thảy chúng sanh đều là Phật, nên kinh Phạm Võng nói: "Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như vậy, giới phẩm đã đầy đủ", bởi lẽ tin chính mình là Phật chưa thành thì chắc chắn muốn cải ác tu thiện, phát tâm đại Bồ-đề tự lợi lợi tha, ngõ hầu đoạn sạch phiền hoặc, đích thân chứng được chân như Phật tánh sẵn có nơi cái tâm này. Tin hết thảy chúng sanh trong sáu đường đều là Phật chưa thành thì chắc chắn sẽ tận lực khuyên lơn, chỉ bảo, duy trì đồng loại, chắc chắn chẳng làm chuyện tranh giành, tàn sát lẫn nhau, chắc chắn sẽ muốn kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tạo sự thuận lợi lớn lao cho dị loại, chắc chắn sẽ không có cái tâm thảm độc ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cho ta. Do con người chẳng biết chính mình và hết thảy chúng sanh đều là Phật chưa thành nên mới tranh chấp, giết người ngập thành, ngập đồng chẳng tiếc nuối, cũng như giết thân chúng nó hòng thỏa thích bụng miệng ta. Người đời sát sanh quen thói nên coi thường, sự thể lớn nhỏ gì cũng đều phải giết chóc. Tế thần, cúng giỗ tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, không có thịt sẽ chẳng thể thành lễ được. Đem chuyện cực khổ, cực thảm giáng xuống thân loài vật, nhằm biểu thị tấm lòng thành khẩn, hiếu kính của ta. Nếu luận trên phương diện mê muội thì còn chấp nhận được, chứ luận trên thực tế thì đáng thương quá đỗi! Do hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi sáu nẻo, lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, sanh ra lẫn nhau, trở thành oan gia đối đầu của nhau, tuần hoàn báo thù, đền đáp, giết hại lẫn nhau. Trong các kinh Đại thừa, đức Phật đã nhiều lượt khuyên răn nhưng ít kẻ thấy nghe. Dẫu được thấy nghe, nhưng kẻ tin nhận vâng làm lại càng ít hơn nữa!

Do vậy, Phật dùng lòng đại bi, hiện trong dị loại để con người giết ăn. Đã giết xong, bèn hiện các tướng lạ ngõ hầu hết thảy mọi người biết là do Phật hiện, mong dứt sát kiếp để chúng sanh được yên. Như vỏ sò nghêu, hông bò, móng dê, răng

lợn, yếm ba ba đều có hình ảnh đức Phật ngự trong ấy khiến tai mắt con người thấy nghe phải kinh sợ, dứt cơ duyên giết chóc trong cõi đời, những chuyện như vậy được ghi chép trong sử sách kể sao cho trọn? Trước khi giết đều nói là loài thú, đã giết rồi mới biết là Phật. Do vậy biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật! Dẫu không phải do đức Phật hiện ra, cũng vẫn là Phật đời vị lai. Giết ăn thì tội quá biển cả, núi non, hãy gấp đau đáu răn chừng ngõ hầu được giải thoát. Phải biết: Con người và loài vật tuy khác, mang hình dạng có linh tánh hay ngu xuẩn, kẻ ngốc tâm thức tối tăm, loài vật có linh tánh thì trí lại sáng rỡ: ngũ luân, bát đức[424] cố nhiên chẳng nhường con người, lòng thành tha thiết so ra còn sâu đậm hơn con người. Dám cậy ta mạnh, giết chúng nó ăn thịt, đến nỗi trong tương lai thường bị kẻ khác ăn.

Lần xem sử sách từ xưa đến nay, phàm những ai lợi người lợi vật con cháu nhất định hiền thiện, phát đạt; những kẻ nào hại người hại vật con cháu nhất định tầm thường, kém cỏi, diệt tuyệt. Vì thế Khổng tử khen ngợi Chu Dịch rằng: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện sự vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, tai ương có thừa). "Dư khánh, dư ương" chính là những thứ thừa sót lại của "chánh khánh, chánh ương". Chánh khánh, chánh ương là những gì bản thân người ấy phải thọ trong đời kế tiếp hay trong những đời sau nữa do tích thiện hay tích bất thiện, so với dư khánh, dư ương sẽ còn hơn gấp trăm ngàn vạn ức lần. Nếu con người biết được điều này thì chắc chắn chẳng chịu vì sung sướng nhỏ nhặt một lúc để rồi vĩnh viễn chịu đựng mối họa hại lớn lao đến vô cùng!

Trong thời Gia Khánh - Đạo Quang nhà Thanh, tại huyện Quảng Phong tỉnh Giang Tây, Thái sử Từ Khiêm, tự Bạch Phảng, ẩn cư soạn sách hòng giác thế yên dân, chí thiết tha răn kiêng giết, đọc rộng các sách, phàm những đức hạnh tốt đẹp của loài vật đều tập hợp lại, soạn thành một cuốn sách, phân chia thành 14 tấm gương hiếu hữu, trung nghĩa, trinh liệt, từ ái, thương kẻ cô độc, quyến luyến nghĩa cũ, giữ chữ tín, giữ phận khiêm tốn, giúp đỡ điều lành, cứu nạn, báo đức, rửa sạch tiếng oan, hiểu biết nhiều thứ, thông minh trí tuệ, đặt tên là Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế ấy). Ấy là vì muốn cho người thấy kẻ nghe đều phát khởi tấm lòng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thấu hiểu đức hiếu sanh của trời đất, chẳng tàn sát dị loại, đề cao nỗi lòng "coi mọi người như ruột thịt, coi muôn vật như chính mình" của đạo Nho, che chở khắp quần sanh. Nghĩ đến những loài vật

[424] Ngũ luân: Năm mối quan hệ trọng yếu giữa người với người: vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè. Bát đức: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ.

ấy còn có những hạnh đẹp như thế, mà chúng ta mang tấm thân sáu thước, sánh cùng trời đất thành ba ngôi, xưng là tam tài, lại còn được kinh sách của thánh hiền giáo huấn, nếu chẳng kế thừa người xưa, mở lối cho người đời sau, tán trợ quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất, yêu dân thương vật, hòng thỏa tấm lòng từ của trời đất thì chẳng những đã cô phụ ân sâu nuôi dạy của trời đất, thánh hiền, mà còn hết sức thẹn với những dị loại bay, chạy, lặn ngụp nữa! Sẽ nói đến những chuyện như thế này: Nên hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng anh, trung với chủ, trọn hết nghĩa như thế nào, dùng ngũ luân để hành bát đức, nên bác ái, cứu vớt rộng khắp như thế nào để thực hành đại đạo "bình đẳng đối đãi", nên như thế nào đánh đổ sự ham muốn xằng bậy của chính mình để tu trì, hòng chẳng khiến cho đấng sanh ra ta phải hổ thẹn, chẳng bị trời đất quỷ thần thương xót, chẳng bị trời đất quỷ thần xem thường vứt bỏ, chẳng bị hết thảy loài vật khinh miệt.

Ông Từ nhân phẩm cực thuần, học vấn cực rộng, tiếc rằng đời trước chưa từng gieo thiện căn rõ ràng, đời này cũng chẳng thân cận bậc thiện tri thức sáng mắt, đến nỗi đối với Phật pháp hay ngoại đạo đều chẳng phân biệt được tà chánh, chân ngụy. Vì thế trong cuốn Hải Nam Nhất Chước do ông trước tác, đã đem quyển trung và quyển hạ của Tâm Kinh do ngoại đạo ngụy tạo - quyển hạ có hai loại - xếp chung ba thứ ngụy tạo này với Tâm Kinh chân chánh do đức Phật nói, tôn trọng như cùng một thể, chẳng hề thua kém nhau. Điều này tạo ra thói tệ khiến cho những kẻ không hiểu Phật pháp sẽ coi tà là chánh, xem ngụy là chân, khiến cho các ngoại đạo biến chánh thành tà, biến chân thành ngụy. Trong cuốn sách này (tức cuốn Vật Do Như Thử), 13 tấm gương đầu chỉ luận về luân thường, cố nhiên không gì chẳng thích đáng. Trong tấm gương thứ 14, lời phê bình về sự thông huệ của ông Từ Khiêm khó tránh khỏi khuyết điểm tà chánh chẳng phân, mong độc giả hãy suy xét tường tận.

Ông Lý Tuấn Thừa ở huyện Vĩnh Xuân, tỉnh Phước Kiến, pháp danh Huệ Giác, nhiều năm buôn bán tại Tinh Châu (Singapore) và Nam Dương. Do đứa con thứ là Nghi Tông bị bệnh, gởi món tiền 1.600 đồng xin Quang ấn tống những kinh sách vãn hồi kiếp vận, uốn nắn thế đạo nhân tâm, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng loài vật v.v.. Quang thấy thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống là do Tống Nho đả phá, bài xích nhân quả luân hồi, bảo đức Phật dùng những điều ấy để lừa bịp ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo hóa của ngài, chứ thật ra không có chuyện ấy. Do vậy thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, đến nỗi hùa nhau phế kinh điển, phế luân thường, tranh đất, giành thành, tàn sát lẫn nhau, không thể nào chấm dứt được!

Muốn vãn hồi sát kiếp thì phải bắt đầu từ kiêng sát sanh. Sách kiêng giết rất nhiều, nhưng sách cảm động lòng người, ngăn dứt cơ duyên giết chóc thì sách này có thể tôn là bậc nhất, bởi lẽ loài vật còn có những hạnh cao đẹp như thế, người có lòng nghĩ đến người khác nào dám buông lung giết ăn nữa ư? Trong lời tựa lại giảng rõ ta và loài vật đều là Phật chưa thành, đức Phật muốn ngưng dứt sát kiếp trong cõi đời, liền chẳng tiếc sức hiện thân trong dị loại để cũng bị con người giết; đã giết rồi mới biết là do Phật hóa hiện. Kẻ biết tốt xấu sẽ chẳng dám buông lung giết ăn y như cũ để tự chuốc lấy nỗi lo. Tuy cuốn sách này chẳng nói đến chuyện kiêng giết, nhưng quả thật là sách đứng đầu về kiêng giết, chấn động kẻ điếc, sáng mắt người đui, khiến cho những ai xem thấy đều dấy lòng, đều tự suy nghĩ: "Loài vật còn như thế, lẽ nào con người thua chúng?" bèn cực lực sốt sắng hành trì để khỏi hổ thẹn. Từ đấy gắng sức trọn hết thiên chức, sống chẳng làm thây đi thịt chạy, tận lực tu tịnh hạnh, chết sẽ về thẳng thế giới Cực Lạc, sẽ thấy lễ nghĩa, nhân nhượng hưng khởi, can qua chấm dứt, thiên hạ thái bình, chánh trí mở mang, tà chấp tiêu diệt, sự giáo hóa của Phật được rộng khắp. Do vậy cho tái bản sách này, dùng hết số tiền ông ta đã gởi để ấn tống, ngõ hầu người thấy nghe đều có được khuôn mẫu để làm người, làm Phật vậy.

67. Lời tựa sách Kỹ Lộ Chỉ Quy

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Tam giới không đâu chẳng phải là quán trọ, chúng sanh trong lục đạo đều là kẻ nghèo cùng. Tuy hứng chịu khổ vui tạm thời sai khác, nhưng hết vui sẽ tới khổ, rốt cuộc chẳng phải là chỗ an thân lập mạng rốt ráo. Do vậy, đức Thích-ca Thế Tôn ta đặc biệt rủ lòng thương xót, thị hiện giáng sanh trong thế gian, thị hiện thành Chánh giác, tùy theo căn cơ chúng sanh nói đủ mọi pháp khiến cho khắp các chúng sanh đều theo đường về nhà, nhận lãnh của gia bảo, vĩnh viễn hưởng an lạc. Nhưng các pháp ấy mỗi pháp lợi lạc cho một loại căn cơ, lại chẳng dễ tu tập, dẫu tu cũng khó thể liễu thoát ngay trong đời này, bởi hoàn toàn cậy vào sức giới định tuệ của chính mình để đoạn hoặc chứng chân thì mới thoát sanh tử. Chúng sanh đời mạt pháp khó lòng trông mong được!

Do lòng đại từ bi, đức Như Lai lại bày ra một pháp môn đặc biệt, đó là "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương", để những người đã đoạn hoặc sẽ nương vào Phật từ lực mau chứng Bồ-đề, kẻ chưa đoạn hoặc sẽ nương vào Phật từ lực liền thoát sanh tử. Thích hợp khắp ba căn, gồm thâu trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn; thượng thánh hạ phàm cùng nương về, kẻ mới phát tâm lẫn người tu lâu đều cùng tiến. Pháp môn này không riêng gì phàm phu đầy dẫy phiền não nên chuyên tu, ngay cả bậc Đẳng giác Bồ-tát sắp thành Phật cũng cần phải dùng mười đại nguyện

vương hướng dẫn về Cực Lạc thì mới có thể viên thành Phật quả. Pháp môn lớn lao như hư không chứa đựng rộng khắp, pháp môn lợi ích như mùa xuân khiến cho khắp mọi loài sanh trưởng, trọn cả kiếp tán dương cũng khó lòng cùng tận.

Quang nghiệp chướng sâu nặng, trí tuệ cạn mỏng, mấy chục năm qua chuyên tu pháp này. Gần đây các ông Chiến Đức Khắc và Lý Đức Minh ở Cử Thành, tỉnh Sơn Tây, lầm nghe người khác nói, gởi thư xin quy y. Do vậy liền dạy họ "hàng phàm phu sát đất muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này mà nếu không niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì trọn chẳng có pháp nào khác để mãn nguyện cả!" Lại gởi cho họ những sách như Văn Sao v.v. để làm căn cứ tu trì. Ông Đức Khắc bèn dựa theo những ý nghĩa ấy, soạn ra cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy (chỉ đường về nơi ngã rẽ), mượn hình thức vấn đáp để tháo gỡ nghi ngờ, làm sáng tỏ tông chỉ. Lại cậy ông Đức Minh giảo duyệt, chí mong lợi người chẳng tiếc tâm lực. Sách đã được ấn hành lưu thông, gởi sách đến chỗ Quang cầu ấn chứng.

Quang đọc xong, khôn ngăn an ủi vui vẻ. Trong ấy có chỗ câu chữ, ý nghĩa chưa viên mãn, sợ độc giả khó thể lãnh hội, nên sửa chữa đôi chút để vừa xem sẽ hiểu ngay, trọn chẳng còn nghi ngờ, bàn bạc nữa! Cho ấn hành để lưu thông rộng rãi ngõ hầu người đọc đối với giáo điển trong suốt một đời đức Phật, chỉ nương theo một pháp khế lý khế cơ "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để tu. Các pháp khác tuy cao sâu huyền diệu, rộng lớn tinh vi, khế lý nhưng không khế cơ đều để làm căn cứ sau khi vãng sanh sẽ tự hành, dạy người. Đối với đủ mọi tà kiến, kiến giải sai lầm, truyền dạy riêng tư, bí mật chẳng truyền của hết thảy ngoại đạo, những lời nói nhăng nói cuội tự xưng là "thật sự được tâm truyền của Phật, tổ" cần gì phải nhắc đến nữa! Tu chỉnh xong xuôi, sắp giao cho thợ in, lại nhận được bài Phát Lộ Sám Hối Văn của ông Thành Phục Sơ gởi đến. Đây cũng là một sự chỉ dạy đường về nơi ngõ rẽ lớn lao rất phổ thông, do vậy bèn đem in kèm vào sau sách hòng lưu thông rộng rãi để làm gương soi cho người khắp cõi đời vậy!

68. Lời tựa giãi bày ý nghĩa việc Cúng Tế Tổ Tiên Bằng Cỗ Chay

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Chuyện ăn thịt là chuyện kỳ quái nhất, nhưng do quen làm đã lâu, chẳng biết là sai, ngược ngạo coi đó là lễ. Vì thế, tế trời đất, cúng giỗ tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa đều dùng thịt làm vật biểu thị tấm lòng cung kính. Thánh nhân thế gian chẳng nói đến sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, cũng tùy thuận tâm tình của thế tục mà làm theo, nhưng vẫn ra rả về đạo "thương dân yêu vật". Suy từ lòng nhân yêu thương loài vật của thánh nhân, đủ biết sự vô nghĩa của việc dùng thịt nhằm biểu lộ lòng thành, lòng hiếu thảo, hay lòng cung

kính. Để biểu thị tấm lòng thành, hiếu thảo, cung kính của ta, hãy nên dùng những món hết sức nhân từ, tươi tắn, thanh tịnh thì mới nên, sao lại dùng những con vật hết sức ô uế như heo, dê, gà, vịt, cá, tôm v.v.. Chúng đang sống sờn sơ lại đem giết chết. Lúc những con vật ấy chết, nỗi đau đớn thảm khốc, lòng oán hận khó thể tuyên nói được. Người có lòng nhân sao nỡ giết những con vật ấy để biểu thị tấm lòng của chính mình ư? Hãy thử suy nghĩ xem lòng thành kính ấy có phải là lòng thành kính thuận lý hay không? Hay là lòng thành kính trái đức vậy? Người nhân cúng giỗ tổ tiên còn tìm thóc từ nơi người có lòng nhân. Nay cầu món thịt bị giết, bị chặt mà là thành kính hay sao?

Do vậy nói: Sát sanh để tế trời đất chính là trái nghịch đức hiếu sanh của trời đất, thiên thần địa kỳ[425] há coi những con vật ô uế ấy là thơm sạch mà hâm hưởng[426] hay sao? Phàm những kẻ cúng tế chỉ là muốn mượn cớ đó để ăn những thứ đồ cúng đấy thôi! Đối với chuyện cúng tế tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa, hãy nên nghĩ cách có ích cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa thì mới hợp lý. Nay dùng sát nghiệp cực thảm khốc để biểu thị tấm lòng hết sức thành kính của ta, khiến cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa đều phải mang lấy cái họa do sự giết chóc thì tấm lòng thành kính ấy chính là họa hại, chứ chẳng phải là thành kính! Huống chi hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, chẳng càng ra sức cứu vớt, lại ngược ngạo biểu thị lòng thành kính của ta bằng cách ra tay sát hại ư?

Kinh Phạm Võng dạy: "Nếu là Phật tử thì do lòng từ nên thực hiện chuyện phóng sanh. Hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta. Ta đời đời không lúc nào chẳng được họ sanh ra. Vì thế chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta, giết để ăn thịt tức là giết cha mẹ ta vậy." Kinh Lăng-nghiêm nói: "Do con người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê, chết chết sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, do ác nghiệp cùng sanh đến hết đời vị lai. Ngươi thiếu mạng ta, ta trả nợ ngươi. Do nhân duyên ấy, trải trăm ngàn kiếp thường ở trong sanh tử!" Phẩm Đoạn Thực Nhục (bỏ ăn thịt) của kinh Nhập Lăng-già dạy: "Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi chẳng ngơi trong sanh tử, không ai chẳng từng là cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc cho đến bạn bè, người thân ái, tôi tớ, đổi sang kiếp khác lại mang những thân cầm thú v.v.. Sao lại giết chúng để ăn thịt?"

Người đời chỉ biết đời hiện tại, chẳng biết đến quá khứ, vị lai, vì thế giết thân chúng nó để no ứ bụng ta mà coi đó là lẽ đương nhiên. Nếu biết đời đời kiếp kiếp

[425] Thiên thần địa kỳ: Thần trên cõi trời gọi là "thiên thần", thần cai quản cõi đất được gọi chung là "địa kỳ".
[426] Hâm hưởng: Quỷ thần hưởng thụ vật cúng bằng cách ngửi mùi thì gọi là "hâm hưởng".

phải đền trả lẫn nhau, cũng như ta và những con vật ấy là cha mẹ, anh em, quyến thuộc của nhau, sanh ra nhau, là oán gia đối đầu của nhau, giết lẫn nhau, đừng nói chẳng dám tự ăn, dù tế lễ trời đất, tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa cũng chẳng dám dùng thịt! Bởi lẽ thịt là vật do tinh huyết tạo thành, nói trời đất thần thánh hưởng những thứ ấy, khác gì vu báng các ngài ăn thịt người! Cúng giỗ tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa, nào khác giết tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong quá khứ để cung phụng tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong hiện tại, lại còn khiến cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong hiện tại bao kiếp phải thường chịu quả báo giết hại ư?

Chớ nói con người luân hồi thành súc vật là chuyện mờ mịt khó thể tra cứu, sử sách đã ghi chép nhiều không thể kể xiết. Ngay cả những chuyện thấy nghe gần đây cũng chẳng ít gì! Vì thế, đương nhiên phải tin tưởng sâu xa, đừng tạo sát nghiệp, do đã tạo sát nghiệp ắt sẽ phải chịu sát báo. Kinh dạy: "Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả", sợ nhân thì chẳng gây nhân giết chóc, sẽ tự chẳng có sát báo; sợ quả chỉ là uổng công kinh sợ, trọn chẳng có ích gì. Ông Chu Thiện Xương ở Dư Diêu từ sau khi quy y chẳng ăn đồ mặn, do năm sau nhằm đúng dịp ông phải lo liệu cỗ bàn cúng giỗ vị tổ đời thứ 29 là Liễu Am Công. Những vật phẩm để cúng từ trước đến giờ đều có lệ nhất định rồi, chẳng được thay đổi. Ông ta đã bàn bạc sẵn biện pháp với tộc thúc tổ (ông chú trong họ) là cụ Sở Thường. Cụ Thường là người thông suốt, hiểu lý, hết sức tán thành. Bèn vào ngày Đông Chí, tập hợp cả họ bàn bạc, kể từ năm sau trở đi, từ rày giỗ tổ nhất loạt dùng đồ chay, chẳng dùng cỗ mặn. Mọi người đều cùng chấp thuận, vĩnh viễn lấy đó làm lệ nhất định, cậy tôi viết lời tựa để con cháu đời sau và những người thấy nghe ai nấy đều hành lòng hiếu chân chánh. Do vậy bèn nói đại lược nguyên do như thế đó.

69. Lời tựa cho bản kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm được viết bằng lối chữ khải

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Thật tế lý địa chẳng lập mảy trần, phàm - thánh, chúng sanh - Phật đều khó xưng nói. Về phương diện tu trì cần phải đầy đủ các đức, nếu thiếu một pháp thì chẳng thể chứng pháp thân được. Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn ta trong trần điểm kiếp[427] trước đã sớm thành Chánh giác, vì độ chúng sanh bèn thị hiện giáng sanh trong thế gian, ẩn giấu thánh đức, thị hiện chưa ngộ giống như chúng sanh để làm gương cho muôn loài. Xuất gia tu đạo, đến lúc sao Mai vừa ló dạng, hoát nhiên đại ngộ, than rằng: "Lạ thay, hết thảy chúng sanh đều sẵn đủ trí tuệ của

[427] Số kiếp như số bụi vi trần.

Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì nhất thiết trí, vô sư trí, tự nhiên trí[428] đều được hiện tiền." Do vậy trong hội rộng lớn như biển, những vị tụ họp như mây nhóm về thế giới Hoa Tạng đều là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, tức các Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị. Trong Bồ-đề tràng và sáu nơi khác[429], nói nhất chân pháp giới tịch chiếu[430] viên dung, chúng sanh và Phật chẳng hai, lý tánh chẳng thể gọi là có hay không, và sự tu nhân chứng quả của các giai đoạn từ Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác cho đến Diệu giác Phật quả.

Vì thế biết, lý do sự hiển, sự do lý thành, lý sự viên dung mới hợp Phật đạo. Đời có kẻ cuồng chuyên trọng lý tánh, chẳng chuyên chú sự tu, trên là trái nghịch lời Phật dạy, dưới là phụ bạc tự tâm, tự lầm lầm người, thật đáng thương xót! Kinh này gồm 81 quyển, 39 phẩm, quốc sư Thanh Lương chia thành bốn phần

---

[428] Nhất thiết trí (sarvajña) còn được phiên âm là *tát-bà-nhã trí*, tức trí đúng như thật hiểu rõ hết thảy các pháp tướng bên trong lẫn bên ngoài. Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển hạ giải thích: "Trọn đủ vô lậu giới, thường tịnh giải thoát thân, tịch diệt chẳng nghĩ bàn, gọi là nhất thiết trí." Luận Du-già Sư Địa, quyển 38 giảng: "Trong hết thảy cõi, hết thảy sự, hết thảy phẩm, hết thảy thời trí vô ngại nên gọi là nhất thiết trí." Luận Đại Trí Độ giảng: "Về tổng tướng thì là nhất thiết trí, biệt tướng là nhất thiết chủng trí, nhân là nhất thiết trí, quả là nhất thiết chủng trí, nói lược là nhất thiết trí, nói rộng là nhất thiết chủng trí. Nhất thiết trí là phá hết thảy sự vô minh tối tăm trong hết thảy các pháp, nhất thiết chủng trí là quán các pháp môn, phá các vô minh… Nhất thiết trí là chuyện của Thanh văn, Duyên giác, đạo trí là chuyện của Bồ-tát, nhất thiết chủng trí là chuyện của Phật."

Vô sư trí (anupadista-jñāna), tức trí thành tựu không nhờ vào sức của người khác, không đợi người khác dạy mà tự nhiên thành tựu. Trí tuệ do tự mình chứng ngộ, như trí tuệ do đức Phật tự chứng chẳng hạn, hoặc như bậc Duyên giác, quán các pháp nhân duyên sanh diệt bèn chứng trí giác.

Tự nhiên trí (svayambhū-jñāna), chư Phật không cần dụng công, tự nhiên sanh ra nhất thiết chủng trí. Trong Pháp Hoa Kinh Huyền Tán, quyển năm, pháp sư Khuy Cơ đời Đường đã viết: "Phật do giác ngộ mà sanh ra hai trí: quán không trí và quán hữu sự trí, hai trí ấy được gọi là tự nhiên trí." Đại Nhật Kinh Sớ, quyển sáu chép: "Tự nhiên trí là trí do đức Như Lai tự giác tự chứng, chứ không do tu học mà có, cũng không có cách nào truyền dạy cho người khác được." Tổng hợp hai cách giải nghĩa này thì *tự nhiên trí* chính là tác dụng của sự giác ngộ hoàn toàn, tức nói đến mặt lực dụng của *nhất thiết chủng trí* sau khi đã viên mãn Phật quả.

[429] Kinh Hoa Nghiêm được giảng tại bảy chỗ là Tịch Diệt đạo tràng (tức Bồ-đề tràng), điện Phổ Quang Minh, Đao-lợi thiên cung, Dạ-ma thiên cung, Đâu-suất thiên cung, Tha Hóa Tự Tại thiên cung và rừng Thệ-đa.

[430] Tịch: Vắng lặng, không xao động. Đây là thuật ngữ mô tả Phật tánh thường hằng bất biến, không bị ngoại cảnh làm ô nhiễm, biến đổi, thường được diễn tả bằng câu nói "bất sanh, bất diệt, bất nhất, bất nhị, bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh". Giải thích một cách nông cạn thì *chiếu* là khả năng nhận biết thông suốt mọi sự. Tuy thông suốt nhưng không chấp trước, không bị ô nhiễm bởi ngoại cảnh nên nói là "tuy chiếu mà thường tịch", dẫu vắng lặng nhưng không hề mất khả năng thấu hiểu trọn vẹn nên gọi là "tuy tịch nhưng thường chiếu".

Tín - Giải - Hạnh - Chứng. Lại gọi 6 phẩm thuộc phần Tín là *Sở tín nhân quả châu*[431], 31 phẩm kinh thuộc phần Giải được chia thành hai châu: 29 phẩm đầu gọi là *Sai biệt nhân quả châu*, 2 phẩm sau gọi là *Bình đẳng nhân quả châu*. Phần thứ ba là Hạnh gồm một phẩm kinh, được gọi là *Thành hạnh nhân quả châu*. Phần thứ tư là Chứng gồm một phẩm kinh, được gọi là *Chứng nhập nhân quả châu*.

"Châu" có nghĩa là sự lẫn lý đều trọn đủ, không bị khiếm khuyết. Đại cương của trọn bộ kinh đã được nêu ra hết sạch, y theo đây để tu trì sẽ đạt thẳng tới chỗ sâu thẳm. Tám hội trước trọn chẳng có phàm phu, Nhị thừa. Tuy có thiên long bát bộ, nhưng đều là bậc đại quyền thị hiện, chẳng thật sự là phàm phu bị trói buộc bởi nghiệp. Một hội cuối tuy có Thanh văn như ngài Xá-lợi-phất v.v. dẫu đã chứng thánh quả, nhưng ở trong hội chẳng thấy được pháp thân thắng diệu của đức Như Lai, chẳng nghe diệu lý viên đốn Nhất thừa, chỉ thấy thân ứng hóa của Như Lai và nghe pháp sanh diệt tứ đế mà thôi. Đấy gọi là "một thân hiện tướng, nhưng thấy thù thắng hay kém hèn khác biệt; một âm thuyết pháp, nhưng nghe thành pháp thiên hay viên khác biệt". Đến khi ngài Văn-thù đến trước Đại Tháp

---

[431] Đây là cách phán định giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm đã được ghi trong quyển ba và bốn của Hoa Nghiêm Kinh Sớ:

1. Sở tín nhân quả châu từ phẩm thứ nhất đến phẩm thứ sáu. Năm phẩm đầu hiển thị quả đức của Tỳ-lô-giá-na Như Lai, phẩm thứ sáu xiển dương rõ ràng cái nhân chánh yếu để thành Phật. Do khơi gợi lòng tin tưởng khiến chúng sanh nhận lãnh giáo pháp nên gọi là Sở tín nhân quả.

2. Sai biệt nhân quả châu là phần nói về nhân quả tu hành, nói về những pháp môn sai biệt của 41 địa vị Pháp Thân đại sĩ và 10 địa vị thuộc Thập tín (Thập tín không thuộc vào Pháp thân đại sĩ), gồm tổng cộng 29 phẩm: 26 phẩm đầu nói về nhân sai biệt trong 51 địa vị (Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác), 3 phẩm sau nói về quả tướng sai biệt của tam đức.

3. Bình đẳng nhân quả châu (còn gọi là hiển tu nhân quả, xuất hiện nhân quả), gồm 2 phẩm: phẩm Phổ Hiền Hạnh nói về cái nhân viên mãn bình đẳng; phẩm Như Lai Xuất Hiện Tướng nói về quả báo viên mãn của đức Tỳ-lô-giá-na. Do nhân quả nhiếp thụ lẫn nhau, bình đẳng bất nhị nên gọi là Bình đẳng nhân quả.

4. Thành hạnh nhân quả châu (còn gọi là xuất thế nhân quả): Chỉ gồm một phẩm, tức phẩm Ly Thế Gian, phần đầu nói về nhân hạnh nơi 5 địa vị, phần kế dạy rõ về quả tướng đại dụng của 8 tướng thành Phật, nên gọi là Thành hạnh nhân quả.

5. Chứng nhập nhân quả châu: Chỉ gồm một phẩm, tức phẩm Nhập Pháp Giới, phần đầu giảng về đại dụng tự tại của Phật quả, phần sau hiển thị Bồ-tát khởi dụng tu nhân, đồng thời chứng nhập cả nhân lẫn quả nên gọi là Chứng nhập nhân quả.

Xin lưu ý là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện thật ra là phần cuối của phẩm Nhập Pháp Giới, bản Bát Thập Hoa Nghiêm do ngài Thật-xoa-nan-đà dịch bị thiếu mất phần này; về sau ngài Bát-nhã đem phần này sang Trung Hoa và dịch ra tiếng Hán, kinh Hoa Nghiêm mới được viên mãn. Do phần cuối này là cương yếu của toàn phẩm Nhập Pháp Giới cũng như của toàn bộ kinh Hoa Nghiêm nên được chia thành một cuốn riêng và lưu hành như một phẩm riêng biệt.

Miếu nơi Phước Thành[432], Thiện Tài[433] thân cận Văn-thù, đã chứng trọn tâm Thập tín rồi, vâng lời ngài Văn-thù dạy, đi về phương Nam tham học với 53 vị thiện tri thức, đầu tiên tham kiến ngài Đức Vân, liền chứng Sơ trụ. Từ đấy hễ nghe liền chứng, cuối cùng đến chỗ Phổ Hiền, Phổ Hiền dùng oai thần gia bị, khiến sở chứng của Thiện Tài bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật, thành Đẳng giác Bồ-tát. Phổ Hiền liền vì Thiện Tài xưng tán công đức thù thắng, nhiệm mầu của Như Lai, khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật quả. Kinh này dạy rõ trọn vẹn nhân quả thành Phật trong một đời, lấy cầu sanh Tây Phương làm chỗ quy kết. Đủ biết pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Trong đời có hạng hành nhân miệt thị nhân quả và Tịnh độ đều là vì chẳng biết nhân quả và Tịnh độ chính là căn bản để thành Phật, cứ tưởng điều đó chỉ thích hợp cho hàng ngu phu ngu phụ đến nỗi tự đánh mất lợi lành.

Cư sĩ Tào Tung Kiều dốc lòng tin tưởng Phật thừa, mang tâm tự lập lập người, tự lợi lợi tha, làm những chuyện giúp ngặt cứu nghèo, cứu trợ tai nạn, cứu khổ, hơn mười năm qua miệt mài gắng sức, tận lực thực hiện việc lành, tốn kém chẳng ít. Mười chuyện dự tính thực hiện lúc đầu, nay chỉ còn hai chuyện chưa thể tiến hành. Do quyên mộ khó khăn nên phát tâm chép toàn bộ kinh Hoa Nghiêm để mong những nhà đại từ thiện thỉnh về thọ trì đọc tụng, rồi sẽ chẳng tiếc khoản tiền lớn lao để thành tựu hai việc lành ấy thì người chép, kẻ thọ trì đều thực hiện được tài thí lẫn pháp thí. Những kẻ nghèo khổ kia do được che chở đều sanh lòng cảm kích xưng niệm Phật hiệu sẽ có thể trong đời này hoặc trong tương lai vãng sanh Tây Phương, đều là do việc chép kinh và tụng kinh phát khởi. Công đức ấy há thể nói tận ư?

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có câu: "Nếu Bồ-tát có thể tùy thuận chúng sanh thì chính là tùy thuận cúng dường chư Phật. Nếu tôn trọng, thừa sự chúng

---

[432] Theo kinh Bát Thập Hoa Nghiêm, khi ngài Văn-thù du hành về phương Nam đã nghỉ chân tại rừng Trang Nghiêm Tràng Sa-la ở phía Đông của Phước Thành. Thành này là nơi chư Phật trong quá khứ từng an cư để giáo hóa chúng sanh. Nơi ấy có một ngôi tháp miếu lớn, chính là chỗ Phật Thích-ca trong quá khứ tu nhân hạnh Bồ-tát đã xả được những điều khó xả nhất.

[433] Theo phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử (Sudhana-śresthi-dāraka) là con một vị trưởng giả ở Phước Thành. Do lúc sanh ra trong nhà tự nhiên xuất hiện đủ thứ trân bảo nên có tên là Thiện Tài. Theo Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký quyển 10, lịch trình tham học của Thiện Tài với các vị tri thức chính là lịch trình tu học xuyên suốt 51 địa vị (chỉ riêng ở nơi ngài Văn-thù, Thiện Tài đã chứng trọn 10 địa vị thuộc Thập tín), thể hiện ý nghĩa "nhất sanh thành Phật" (thành Phật ngay trong một đời).

sanh, chính là tôn trọng và thừa sự Như Lai. Nếu làm cho chúng sanh hoan hỷ sẽ khiến cho hết thảy Như Lai hoan hỷ. Vì sao? Do chư Phật Như Lai dùng lòng đại bi làm thể, do nơi chúng sanh mà khởi đại bi. Do nơi đại bi mà sanh tâm Bồ-đề. Do tâm Bồ-đề thành Đẳng chánh giác." Do vậy biết: Cha trời mẹ đất, dân là ruột thịt, loài vật giống như ta, đối đãi bình đẳng là chuyện phải tùy theo khả năng mà gắng thực hiện vậy. Quang thẹn chẳng có tài lực, lại không có đạo đức, cảm động trước tấm lòng thành vì dân nghèo của ông ta, lược thuật đại ý kinh này để mong người thấy kẻ nghe đối với hai việc cứu giúp người nghèo và niệm Phật sẽ đều phát tâm ngõ hầu chẳng đến nỗi vốn sẵn Phật tánh có thể thành Phật mà lại chìm đắm dài lâu trong tam đồ lục đạo, oan uổng chịu khổ sở chẳng thụ dụng được.

70. Lời tựa cho bản chép kinh Pháp Hoa

(Năm Dân Quốc 22 -1933)

Kinh Pháp Hoa nghĩa lý rộng sâu, công đức rộng lớn, khai quyền hiển thật, thọ ký Thanh văn thành Phật, việc lành "tán tâm niệm Phật và giơ tay, cúi đầu" cũng đều là cái nhân để thành Phật trong vị lai. Khai tích hiển bổn, dạy rõ Như Lai thọ lượng vô biên, quyến thuộc nơi bổn địa[434] và diệu dụng lợi sanh của bậc đại sĩ cũng được tỏ rõ triệt để về mặt bổn lẫn mặt tích, khiến cho khắp hết thảy chúng sanh đều cùng biết nỗi khổ luân hồi bao kiếp là huyễn vọng, biết Phật tánh sẵn có nơi chân tâm. Từ đó, trên là ngưỡng mộ chư thánh, dưới trọng tánh linh của chính mình, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để mong vĩnh viễn thoát khỏi ngũ trược, mau chứng Vô sanh như trong phẩm Dược Vương Bổn Sự đã dạy. Thỏa mãn bản hoài xuất thế của Như Lai, là sự hướng dẫn tốt lành cho chúng sanh trong chín giới. Lợi ích ấy nếu không phải là Phật sẽ không thể biết được! Do vậy, hễ ai đọc tụng thọ trì, biên chép lưu thông thì công đức ấy phàm phu trong thế gian, Nhị thừa chẳng thể nào suy lường được!

Tôi thường nói: "Muốn được lợi ích chân thật nơi Phật pháp thì phải cầu từ nơi cung kính. Có một phần cung kính liền tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước tuệ. Có mười phần cung kính liền tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng được mười phần phước tuệ." Phàm những ai đọc tụng, thọ trì, biên

[434] Trong phẩm Tùng Địa Dũng Xuất kinh Pháp Hoa, khi các Bồ-tát từ những phương khác đến dự hội phát nguyện thụ trì, lưu thông kinh này, Phật nói "không cần, vì trong cõi này đã có các vị Bồ-tát phát nguyện hộ trì, lưu thông kinh!" Đức Như Lai nói xong, từ dưới đất vọt lên vô số vị Bồ-tát chẳng thể đếm kể được. Ngài Di-lặc Bồ-tát nhân đấy khởi lòng nghi, hỏi vì sao đức Phật chỉ thành đạo trong thời gian rất ngắn lại có thể giáo hóa vô lượng vô biên vị Bồ-tát như vậy. Tiếp đó, trong phẩm Như Lai Thọ Lượng, đức Phật bèn nói rõ thọ lượng không thể nghĩ bàn của Như Lai, cũng như ngài đã thành Phật từ bao kiếp lâu xa mà hàng phàm phu chẳng thể hình dung được.

chép đều phải giữ thân khẩu ý trong sạch, cạn lòng thành, kiệt lòng kính như trung thần tuân phụng thánh chỉ của minh chúa, như hiếu tử đọc di chúc của từ thân (cha mẹ nhân từ), cung kính run sợ, chẳng dám coi thường thì vô biên lợi ích sẽ tự đích thân đạt được. Nếu khinh mạn, không kính nể, mặc lòng khinh nhờn, cũng giống như những nhà Nho đọc sách Nho trong thời gần đây, trọn chẳng có ý tưởng giống như đang đối trước thánh hiền, chẳng dám nghĩ tưởng dễ duôi, [những kẻ đọc tụng theo kiểu khinh nhờn ấy] tuy cũng có thể gieo được thiện căn đắc độ trong tương lai, nhưng cái tội khinh nhờn, ngạo mạn thật chẳng cạn nhỏ! Vì thế chẳng thể không chú ý. Do cư sĩ Khế Thành Tào Tung Kiều kính cẩn chép kinh này, muốn cho những người thọ trì đọc tụng sau này đều được lợi ích chân thật, nên cậy tôi lược thuật ý nghĩa. Do vậy tôi bèn viết bài tựa này để tặng cho. Nếu chẳng coi lời tôi sai lầm thì lợi ích đạt được sẽ chẳng thể hình dung bằng ngôn ngữ, văn tự được đâu!

71. Lời tựa cho tập sách Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Hội Pháp Ngữ

(Năm Dân Quốc 25 -1936)

Ấn Quang tôi là một ông tăng phàm tục ở Tây Tần[435] chỉ biết đến cơm cháo, trăm sự không làm được điều gì, túc nghiệp sâu nặng đến nỗi trời phải quở trách. Mới sanh được sáu tháng đã mắc bệnh mắt, trong suốt 180 ngày không mở nổi mắt. Ngoại trừ lúc ăn, ngủ ra, thường khóc suốt ngày đêm. Nhờ thiện lực xưa, may còn được thấy ánh mặt trời, cũng may mắn lắm! Đến tuổi thiếu niên[436] đọc sách, lại bị hãm vào vực xoáy báng Phật của Trình, Chu, Âu, Hàn[437], từ đấy hằng ngày chuyên chí bác Phật, nghiệp tướng lại hiện, bệnh tật triền miên. Tận lực nghĩ ngợi, suy xét cặn kẽ mới biết lỗi đó; năm 21 tuổi, xuất gia làm tăng. Nhân thấy tăng chúng có kẻ chẳng như pháp nên phát nguyện chẳng trụ trì chùa miếu, chẳng thu đồ đệ, chẳng hóa duyên[438], chẳng cùng ai kết xã lập hội. Hơn 50 năm chẳng đổi chí ban đầu, sống lẩn quất[439] gần Ngô Môn. Đầu tháng 9, lý sự trưởng (hội trưởng) hội Phật giáo Trung Quốc là pháp sư Viên Anh, các vị lãnh tụ của học

[435] Tổ Ấn Quang quê ở Thiểm Tây. Tỉnh Thiểm Tây thuộc lãnh thổ cũ của đất Tần (thời Xuân Thu Chiến Quốc) nên Thiểm Tây còn được gọi là Tây Tần.
[436] Nguyên văn "thành đồng": Theo tự điển Từ Hải, từ 13 tuổi trở lên, 17 tuổi trở xuống thì gọi là "thành đồng".
[437] Trình, Chu, Âu, Hàn là Trình Y Xuyên, Chu Hy, Âu Dương Tu, Hàn Dũ, họ là những nhà Tống Nho cực lực bài xích đạo Phật. Người bài bác đạo Phật nặng nề nhất là họ Trình và họ Chu.
[438] Hóa duyên: Kêu gọi tín đồ đóng góp cúng dường.
[439] Nguyên văn là "hoạt mai" (chôn sống), ý tổ nói sống mà ẩn dật như người đã chết rồi. Ở đây chúng tôi chỉ dịch gọn là "lẩn quất".

hội Bồ-đề như cư sĩ Khuất Văn Lục v.v. thấy Quang tuổi cao, ngỡ tôi có chút tâm đắc, nào hay tôi chỉ biết húp cháo nuốt cơm, họ thỉnh tôi khi pháp hội Tức Tai Hộ Quốc khai mạc, sẽ đến đất Hỗ[440] diễn thuyết. Cố sức từ chối chẳng được, chỉ đành đem điều mình hiểu biết lầm lạc bù đắp sự lầm lạc[441].

Đến kỳ, mỗi ngày ông Đặng Huệ Tải và hai ba vị cư sĩ ở Vô Tích đều dùng máy thu âm thu lại, nghe băng chép ra, mang đến xin tôi giám định, tính đem ấn hành. Những bản sao lục này có vài điểm sai khác đôi chút, nhưng bản sao của ông Đặng chép chữ to, nên tôi dựa theo đó sửa đổi, tóm tắt lại. Cảo bản[442] này bậc thông huệ chẳng cần xem đến, còn ai ngu độn như Ấn Quang tôi mà lại muốn ngay trong đời này kết liễu đại sự sanh tử và muốn trị tâm, trị thân, trị gia, trị quốc, nhưng chẳng biết bắt đầu từ đâu, xem đến cảo bản này họa chăng có điều bổ ích vậy.

72. Lời tựa cho niên san của Phật giáo Tịnh nghiệp xã tại Vô Tích

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Thánh giáo của Như Lai pháp môn vô lượng, hễ y theo một pháp nào dùng Bồ-đề tâm để tu trì thì đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo. Nhưng trong khi tu còn chưa chứng, sẽ có sự khó dễ, nhanh chậm khác biệt lớn lao. Tìm lấy một pháp chí viên chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, khế lý khế cơ, vừa là tu, vừa là tánh, thích hợp khắp cả ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn độn căn lẫn lợi căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt cho người trời, phàm thánh chứng chân thì không gì bằng một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương! Ấy là vì hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn niệm Phật lại kiêm nhờ vào Phật lực. Cậy vào tự lực thì nếu chưa đoạn sạch phiền hoặc sẽ chẳng thể vượt khỏi tam giới. Cậy vào Phật lực, nếu tín nguyện chân thật thiết tha sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Con người hiện thời muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này thì trọn chẳng còn hy vọng gì hết.

Phải biết: Pháp môn Tịnh độ pháp pháp viên thông, như vầng mặt trăng sáng ngời giữa trời, dòng sông nào cũng đều hiện bóng, thủy ngân rớt xuống đất, giọt

---

[440] Ở vùng Thượng Hải có con sông lớn tên là Hỗ Độc giang, nên người Hoa hay gọi Thượng Hải là đất Hỗ.

[441] Ở đây đại sư ý muốn dùng câu "tương thác tựu thác" của ông Vô Vi Tử (Tống Dương Kiệt), ngụ ý: Khi chưa triệt chứng Phật tánh thì cầu sanh Tịnh độ vẫn là lầm lạc, nhưng phải dùng cái lầm lạc đó để tạo cơ hội dứt trừ cái lầm lạc trong đường sanh tử.

[442] Cảo bản: Bản nháp, ở đây tổ dùng với ý nghĩa lời giảng giải của ngài thô sơ, thiếu sót, không hoàn chỉnh.

nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng gì cách vật trí tri, cùng lý tận tánh, giác thế yên dân, giữ cho nước nhà yên ổn, đều có lợi ích lớn lao thần diệu, mà ngay như cả sĩ nông công thương muốn phát triển sự nghiệp, già trẻ nam nữ muốn tiêu diệt tật bệnh, khổ não, không ai chẳng "hễ cảm liền ứng, vừa lòng mãn nguyện". Nay lòng người suy hãm, cõi đời rối ren đến cùng cực, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, vứt lòng thẹn, tranh đất giành thành, tàn sát lẫn nhau, đủ mọi tà thuyết bạo hành được cực lực đề xướng. Nếu chẳng cứu vãn, chắc đạo làm người sẽ gần như diệt mất. Do vậy, những người hữu tâm các nơi đua nhau đề xướng Phật pháp, nêu bày nhân quả ba đời, tỏ rõ luân hồi lục đạo, chỉ ra Sa-bà trược ác, nêu rõ Cực Lạc nghiêm tịnh để mong con người trong thời buổi này sẽ dẹp trừ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lại lễ nghĩa, sống thì dự vào địa vị thánh hiền, liễu sanh thoát tử, mất sẽ trở về cõi Cực Lạc.

Ở Vô Tích, các cư sĩ Dương Tiểu Lệ, Tần Hiệu Lỗ, Viên Lệ Đình, Tào Bội Linh v.v. lập một Tịnh nghiệp xã tại chùa Sùng An, mồng 1, ngày Rằm mỗi tháng tụ họp mọi người niệm Phật, đồng thời diễn thuyết đạo "sống trong cõi trần học đạo, nơi rẫy bái báo quốc, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" và pháp "thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ" ngõ hầu hết thảy mọi người biết duyên do "ai nấy đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai nấy đều có thể thành Phật" sẽ trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều chuyên chú mong thành thánh, học Phật. Đấy thật sự là pháp môn đại phương tiện để "chẳng có địa vị mà hộ quốc cứu dân, chẳng tỏ lộ hình tích mà thay đổi phong tục". Nay đã thực hiện được tròn một năm, thành tích của tất cả những việc lành đã thực hiện và những kinh phí chi ra, thu vào mỗi mỗi đều liệt kê trong sách để bố cáo, cậy tôi soạn lời tựa để nêu sơ lược đại ý vậy.

73. Lời tựa trình bày duyên khởi của liên xã Đôn Luân

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Phật pháp là tâm pháp, tâm pháp ấy chúng sanh, Phật, phàm, thánh, ai nấy đều có. Chúng sanh thì toàn thể là mê trái nên dẫu có vẫn như không. Phật thì triệt ngộ, triệt chứng, đích thân được thọ dụng, lại còn dấy lòng đại từ bi, đem sở ngộ sở chứng của chính mình chỉ dạy hết thảy chúng sanh ngõ hầu họ đều triệt ngộ, triệt chứng mới thôi. Nhưng vì chúng sanh mê muội, trái nghịch đã lâu, dù nghe đủ mọi pháp môn đối trị, nhưng bởi hoặc nghiệp sâu dày, phước tuệ cạn mỏng nên khó lòng đạt được hiệu quả thành công ngay trong đời này. Do đã khó thể đạt được hiệu quả thành công ngay trong đời này nên lại phải thọ sanh, quá nửa bị mê mất, đến nỗi trải kiếp lâu xa luân hồi sanh tử, không do đâu thoát lìa được.

Đức Như Lai thương xót, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu hết thảy dù thánh hay phàm, thượng trung hạ căn đều nương vào đại bi nguyện lực của đức Phật Di-đà cùng trong đời này thoát cõi Sa-bà đây, sanh về cõi Cực Lạc kia, khiến cho kẻ đã đoạn hoặc mau chứng Vô sanh, kẻ chưa đoạn hoặc cũng lên Bất thoái.

Pháp này vừa cạn vừa sâu, vừa là quyền vừa là thật, thượng thượng căn chẳng thể vượt khỏi cửa thành này. Vì thế bậc đã chứng Đẳng giác còn phải dùng mười nguyện dẫn về, kẻ hạ hạ căn cũng có thể đạt đến cõi này. Do vậy kẻ sắp đọa địa ngục A-tỳ vẫn có thể dự vào chín phẩm. Thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, đạt hiệu quả nhanh, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai, là đạo thông đạt để chúng sanh thoát khổ. Vì thế các vị Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v, các tổ sư như Viễn công, Trí Giả, Thanh Lương, Vĩnh Minh v.v đều cùng hiện tướng lưỡi rộng dài để tán dương, phát tâm Kim Cang để lưu truyền rộng khắp; bởi pháp này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh vậy. Chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn, bỏ pháp môn này thì làm sao yên được?

Tần Xuyên chính là cõi đất hoằng dương Tịnh độ của các đại sư Thiện Đạo, Pháp Chiếu, Phi Tích, Huệ Nhật[443] v.v. xưa kia, hết thảy tứ chúng xưa kia cũng đã gieo thiện căn sâu đậm, nhưng do từ sau đời Đường hiếm có người hoằng dương pháp này đến nỗi túc căn chẳng thể phát sanh tăng trưởng, đáng than thay! Gần đây thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Người có tâm lo cho thế đạo đều cùng đề xướng Phật học, bởi trong đời hiện thời nếu chẳng cực lực đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi v.v. thì thiện không có gì để

[443] Huệ Nhật (680-748) là một vị cao tăng Tịnh độ đời Đường, quê ở Đông Lai (tỉnh Sơn Đông), từ nhỏ đã theo học với pháp sư Nghĩa Tịnh sau khi ngài cầu pháp từ Thiên Trúc trở về, tự thề sẽ noi gương thầy sang Ấn Độ. Năm Tự Thánh 19 (702), sư ngồi thuyền qua các quần đảo Côn Luân (nay là nhóm đảo Mã Lai, Nam Dương), Phật Thệ (nay là Sumatra), qua Sư Tử Châu (Sri Lanka), rồi đến Ấn Độ, triều lễ thánh tích, tìm cầu kinh điển bằng Phạn văn, tham phỏng các vị thiện tri thức suốt 13 năm không nề hà gian khổ. Qua gian khổ, ý nguyện nhàm chán Sa-bà, sanh về Phật quốc yên vui càng sâu đậm, các vị Tam tạng pháp sư mà sư được tiếp xúc đều nồng nhiệt khen ngợi Tịnh độ A-di-đà thù thắng. Khi sư đến nước Ma-kiệt-đà, ở phía Đông kinh đô có một quả núi trên đó có tượng Quán Âm, sư đến lễ thánh tượng, nhịn ăn cầu nguyện, đến ngày thứ bảy mới cảm được Đại sĩ hiện thân sắc vàng, xoa đầu khai thị. Sư tiếp tục đi tham học nơi bảy tiểu quốc nữa, đến năm Khai Nguyên thứ bảy (719) mới trở về Trường An, dâng lên tượng Phật và kinh điển. Huyền Tông sắc tứ danh hiệu Từ Mẫn Tam Tạng. Sư siêng tu pháp môn niệm Phật, hoằng dương giáo nghĩa Tịnh độ, biên soạn các tác phẩm như Vãng Sanh Tịnh Độ Tập (3 quyển), Ban-chu Tam-muội Tán v.v..

khuyên, ác không có gì để phạt, muốn cho con người chẳng ăn nuốt lẫn nhau há có được chăng? Nếu chẳng đề xướng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, trì trai, ăn chay thì sát kiếp ngập trời làm sao dứt được? Nếu chẳng đề xướng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, chẳng thẹn, tranh thành giành đất, tàn sát lẫn nhau, những tà thuyết bạo hành sẽ khiến cho nhân dân trong khắp cõi đời cùng mắc nỗi khổ tử vong. Nếu chẳng đề xướng tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì lục đạo luân hồi ai có thể thoát được? Đây chính là lý do những bậc quân tử hiểu lý đề xướng Phật học trong thời gần đây.

Phật pháp chứa trọn cương thường, luân lý thế gian, lại còn nói rõ quả báo thiện ác do trọn hết hay không trọn hết tình nghĩa, bổn phận. Quả thật là đạo trọng yếu để trị quốc bình thiên hạ. Những kẻ đố kỵ là vì chẳng suy xét nghĩa lý, bài xích xằng bậy, nói nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi đều là những lời Phật dối trá để bịp người. Do vậy, mọi người đều coi nhân quả luân hồi là chuyện mông lung, khi gió Âu vừa thổi qua, đều tranh nhau hùa theo. Nếu tin sâu nhân quả luân hồi, những tà thuyết ấy dù có dữ dội đến mấy cũng làm sao gây mê hoặc rối ren cho được? Đây chính là nguyên do các nơi đề xướng Phật học.

Cư sĩ Đức Tấn Ninh Chí Vũ thừa dịp phát khởi, đặc biệt lập một chỗ niệm Phật ở làng mình, đặt tên là liên xã Đôn Luân. Do Phật pháp gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành, khiến cho ai nấy trọn hết bổn phận, trước hết làm người hiền, người thiện trong thế gian, lại còn sanh lòng tin, phát nguyện khẩn thiết niệm Phật, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, ngõ hầu đoạn sạch phiền hoặc, khôi phục tâm tánh, viên mãn Bồ-đề, thành vô thượng đạo, lại còn dùng sở ngộ sở chứng của chính mình để dẫn dắt hết thảy hàm thức. Nguyện những người cùng quê với tôi đều cùng dấy lòng tin tưởng tu tập thì may mắn lắm thay!

74. Lời tựa cho việc ông Triệu Vận Xương thỉnh bộ Đại tạng kinh bản đời Tống được in theo lối ảnh ấn

(Năm Dân Quốc 22 -1933)

Ông Triệu Vận Xương ở trấn Bao Trường thuộc Nam Thông đời đời kế thừa đức hạnh, đời đời vừa cày vừa học, chỉ tu tước vị cõi trời, chẳng màng vinh hoa cõi thế, tin sâu nhân quả, dốc lòng tu tịnh nghiệp, muốn cho con cháu đời đời vĩnh viễn vâng giữ chẳng để suy sụp, nên đặc biệt thỉnh một bộ Đại tạng kinh bản đời Tống, thờ nơi Phật đường trong nhà để mong con cháu và những người trong họ

đều được thọ trì đọc tụng, chẳng đến nỗi sống uổng chết phí, cậy Quang viết lời tựa để dạy hậu thế. Do hội ấn tống Đại tạng kinh bản đời Tống theo lối ảnh ấn đã sai Quang viết lời tựa, Quang bèn chép nguyên văn lời tựa ấy và lược thuật ý niệm thương yêu con cháu, họ hàng sâu xa của ông Triệu. Nguyện những người thấy nghe sẽ liền tùy phần tùy sức thực hành, đừng chỉ như gã si đã đến núi báu vẫn trở về tay không, thì chẳng những không cô phụ sự giáo hóa của đức Phật mà cũng chẳng phụ tánh linh của chính mình, và cũng an ủi được một phen dốc hết tâm ý thỉnh kinh của ông Triệu vậy.

75. Lời tựa cho bài luận Khuyến Tu Pháp Môn Niệm Phật

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Pháp môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, quả thật đạo mầu nhiệm thành thủy thành chung để Như Lai trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Thệ nguyện của đức Di-đà cả chín giới đều được nương nhờ, chính là khuôn mẫu tốt lành "tâm làm, tâm là" để chúng sanh mau thoát biển khổ, mau dự vào Liên Trì. Pháp này là pháp môn đặc biệt nương vào Phật lực trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, chẳng thể luận định giống như hết thảy các pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật cậy vào tự lực. Cõi đời phần nhiều chẳng suy xét, kẻ hơi thông minh thì đa số kiêu căng về trí lực của chính mình, chẳng chịu tu trì, lại còn miệt thị những ai tu trì pháp này, coi khinh là ngu phu ngu phụ, như sợ bị dính bẩn vậy! Do vậy nhường đại lợi ích liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này cho hàng ngu phu ngu phụ, còn chính mình chẳng muốn đạt được, chẳng đáng buồn ư? Họ chẳng biết pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài được, là pháp môn bắt nguồn và quy túc của hết thảy pháp môn. Do vậy, hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, không pháp nào chẳng trở về pháp giới này.

Nếu đã đoạn sạch tam hoặc, chứng trọn vẹn tứ đức thì không tu pháp này cũng chẳng sao! Nếu vẫn chưa đạt đến địa vị này, xin hãy theo gót những vị Bồ-tát Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác trong Hoa Tạng hải chúng để nhất trí tiến hành, dùng công đức chẳng thể nghĩ bàn của mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhằm mong mau tròn Phật quả. Người được như thế có thể gọi là đại trí tuệ, là đại trượng phu, đã hoàn tất sự nghiệp thế gian lẫn xuất thế gian vậy. Lại còn phải làm giống như những vị Quán Âm, Phổ Hiền v.v. sau khi đã chứng được Phật quả liền tùy loại hiện thân hoằng dương pháp này ngõ hầu chúng sanh đều được thành Phật đạo mới thôi.

Quang túc nghiệp sâu nặng, hơn 50 năm luống dự vào hàng tăng chúng, hết thảy các pháp đều chẳng biết được một pháp nào, tuy thường niệm Phật nhưng do nghiệp nặng nên tâm chưa hề tương ứng với Phật. Nhưng tin tưởng Phật chẳng nguyện hư vọng, sẽ chẳng vứt bỏ ta, vì thế dẫu là ai cũng chẳng chuyển chí nguyện của Quang được. Gần đây pháp sư Viên Anh nhân lúc giảng diễn các kinh được rảnh rỗi, đã soạn bài luận Khuyến Tu Pháp Môn Niệm Phật, muốn lưu truyền, gởi thư sai Quang viết lời tựa. Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ, đã tạ tuyệt những chuyện sai khiến viết lách từ lâu. Nay may mà pháp niệm Phật lại được có người đề xướng bèn tóm nêu đại ý cho xong trách nhiệm vậy!

76. Lời tựa cho sách Trập Viên Trát Ký

Đời loạn đến tột cùng hết thuốc chữa, người có chí sao nỡ ngồi nhìn? Tuy sống nơi rẫy bái, nhưng những bàn luận trong gia đình, bầu bạn, chưa hề chẳng phải là lời hay ý đẹp để cứu vãn thế đạo nhân tâm vậy. Ông Trần Đôn Phục ở Sở Kỳ, pháp danh là Huệ Phục, đem những ngôn luận trong lúc thù tạc giữa gia đình và thân hữu, chọn lấy những điều trọng yếu biên soạn thành sách. Bạn bè khuyên đem in, do vậy bèn đem bản thảo gởi cho Quang, xin giám định. Quang đọc xong, thấy những lời lẽ lập luận vốn lấy ý từ sách Nho, nhưng ý nghĩa chẳng trái Phật pháp, nếu có thể y theo đó tự tu thì sự nghiệp mong thành thánh thành hiền nơi mọi người há nào khó thấy!

Lòng người đã chết, chẳng dễ vãn hồi. Khổng tử chẳng từng nói như thế này đó sao? *"Pháp ngữ chi ngôn, năng vô tùng hồ? Cải chi vi quý, tốn dữ chi ngôn, năng vô duyệt hồ? Dịch chi vi quý, duyệt nhi bất dịch, tùng nhi bất cải, ngô mạt như chi hà dã dĩ hỹ*[444]*"* (Lời thánh nhân nói, chẳng thể không nghe theo ư? Sửa đổi lỗi lầm mới quý. Lời nói mềm mỏng, ai mà chẳng vui? Suy xét tìm ra đầu mối mới quý. Chứ vui sướng rồi không chịu suy xét tìm ra đầu mối, chỉ nghe theo lời thánh nhân mà chẳng sửa đổi, rốt cuộc ta phải làm như thế nào đây). Cõi đời lúc này, lời thánh nhân, lời mềm mỏng đều khó tạo được lợi ích vì không có ba ý niệm kinh sợ[445], chỉ toàn là khoe khoang tài năng của chính mình. Nghe lời thánh

[444] Chúng tôi dịch câu nói này theo cách diễn giảng của cụ Lý Bỉnh Nam trong bộ Luận Ngữ Giảng Yếu.

[445] "Ba điều kinh sợ" xuất phát từ câu nói của Khổng tử được chép trong thiên Quý Thị sách Luận Ngữ: *"Quân tử hữu tam úy, úy thiên mạng, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn. Tiểu nhân bất tri thiên mạng nhi bất úy dã, hiệp đại nhân, vũ thánh nhân chi ngôn"* (Quân tử có ba điều sợ: Sợ mạng trời, sợ những người nắm quyền cai trị công chánh, sợ lời dạy của thánh nhân. Tiểu nhân chẳng biết mạng trời nên không sợ, khinh thị đại nhân, coi rẻ lời thánh nhân). Theo cụ Lý Bỉnh Nam trong Luận Ngữ Giảng Yếu, "úy" có nghĩa là kính nể, không dám trái phạm. "Đại nhân" là những người có quyền vị, nắm giữ sự cai trị công bình, chánh trực. "Thiên

nhân bèn vỗ gươm đứng dậy, nghe lời mềm mỏng bèn coi như gió luồn qua cây, dẫu là bậc trí đức như Chu công, Khổng tử cũng chỉ có thể nói: "Rốt cuộc ta phải làm như thế nào đây!"

Nhưng trong khi không thể bày ra cách nào, chẳng ngại gì lập riêng một pháp. Do thế đạo đã loạn, lòng người đã chết là vì chẳng nói đến nhân quả, chẳng bàn đến giáo dục trong gia đình. Nếu có thể chú trọng hai việc này thì người người đều biết nhân quả, nhà nhà đều có giáo dục, hết thảy những lời của thánh nhân, những câu mềm mỏng đều trở thành những câu nói thường nhật trong gia đình, không một ai chịu bỏ một ngày không nhắc tới. Quang thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân bình trị thiên hạ, để Phật độ chúng sanh." Dạy con là căn bản để trị quốc, bình thiên hạ; nhưng dạy dỗ con gái lại càng quan trọng hơn, vì có hiền nữ thì mới có hiền thê, hiền mẫu. Con cái do hiền mẫu sanh ra đều là hiền nhân. Đây là nguyên do tại sao ba bà Thái khiến cho nhà Chu được hưng thịnh, đời sau xưng tụng nữ nhân là Thái Thái. Vì thế lại nói: "Quyền trị quốc bình thiên hạ, phụ nữ nắm quá nửa vì sự giáo dục của mẹ là cội gốc vậy." Nguyện những người đọc đều cùng chú ý!

---

mạng" phải hiểu là thiện ác báo ứng như kinh Thư đã chép: "Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng", chứ không phải là ý muốn độc đoán của một đấng tạo hóa nào.

III. KÝ

1. Bi ký trình bày sự thần dị của suối Bát Công Đức thuộc thiền viện Tam Thánh núi Phổ Đà

Quán Thế Âm Bồ-tát tùy loại hiện thân trong mười phương thế giới, tầm thanh cứu khổ, nhưng vẫn lấy Phổ Đà làm cuộc đất ứng hóa, là vì muốn cho hết thảy tứ chúng có chỗ để gieo lòng thành. Sự từ bi linh cảm của Bồ-tát cố nhiên ai nấy đều biết rõ, ngay cả một hòn đá, một dòng nước, không gì chẳng tỏ rõ dấu tích chẳng thể nghĩ bàn của Bồ-tát. Những hòn đá kỳ lạ ở Phổ Đà cố nhiên nhiều lắm, nhưng chỉ có đá Bàn Đà[446] là bậc nhất. Người hiểu lý trông thấy tảng đá này thì thần thông, oai đức chẳng thể nghĩ bàn của Bồ-tát chẳng cần phải đợi nói tường tận mà sẽ đều ngộ giải cả. Những cuộc đất gần biển thì nước đều mặn chát, chẳng thể dùng để uống được, vậy mà khắp núi Phổ Đà nước đều ngọt ngào, tuy là cuộc đất ở sát bên biển mà trọn chẳng có nước mặn, nhưng con suối Bát Công Đức thật là bậc nhất!

Theo Sơn Chí, vào thời Vạn Lịch nhà Minh, vị tăng tên Đại Phương dựng lều tranh nơi đây. Năm Vạn Lịch ba mươi (1602), nội giám[447] Trương Tùy, Đảng Lễ vâng chiếu đốc thúc xây cất điện chứa kinh, nhàn du đến nơi đây, uống nước thấy ngọt ngào, nghe tăng chúng kể lại dẫu hạn hán hay lũ lụt thì nước suối vẫn không tăng không giảm, hễ cầu mưa ắt lấy nước từ nơi đây, liền quyên tiền dựng Tam Thánh Đường, đặt tên cho con suối ấy là Bát Công Đức. Ấy là phỏng theo tên nước trong ao bảy báu nơi thế giới Cực Lạc. Suối Bát Công Đức do Tam Thánh Đường mà được tên, Tam Thánh Đường do nước tám công đức mà khởi đầu; ấy gọi là do thời tiết nhân duyên cho nên có chuyện chẳng mong cầu mà tự được! Theo kinh Phật, nước ở cõi Cực Lạc có tám công đức là:

1. Trong trẻo: Khác với nước ở phương này thường nhơ đục.

2. Sạch mát: Khác với phương này nước thường lạnh hay nóng.

3. Ngọt ngào: Khác với phương này nước thường mặn, nhạt, hay vị rất tệ.

---

[446] Đá Bàn Đà là một tảng đá chồng có hình dáng kỳ lạ, trên to dưới nhỏ, phần trên to đến hơn 20 mét (có thể đứng được 30 người), nằm chông chênh trên một tảng đá lớn khác cao đến 3 mét, rộng 7 mét. Chỗ tiếp xúc của hai tảng đá rất nhỏ, tạo cảm giác nếu khẽ đẩy sẽ bị rơi xuống, đã bao người thử đẩy nhưng tảng đá chỉ rung rinh rồi vẫn đậu chênh vênh như cũ. Theo truyền thuyết, đây là nơi Đại sĩ Quán Âm thuyết pháp. Khi chiều sắp tắt nắng, cả tảng đá trông óng ánh như được dát vàng, những ai leo lên đỉnh đá Bàn Đà khi ấy, dõi nhìn ra biển cả sẽ thấy phong cảnh tráng lệ, không bút mực nào tả xiết. Vì thế, *"Bàn Đà tịch chiếu"* (chiều soi bóng trên tảng Bàn Đà) được coi là một trong những cảnh đẹp nhất của núi Phổ Đà.

[447] Nội giám: Danh xưng khác của Hoạn Quan, tức Thái Giám.

4. Mềm nhẹ: Khác với phương này nước thường nặng nề.

5. Trơn láng, tươi tắn: Khác với phương này nước thường tù đọng, màu sắc ủ dột, bệch bạc.

6. An hòa: Khác với phương này nước thường chảy xiết, dữ dội.

7. Trừ đói khát: Khác với phương này, nước thường gây cảm giác lạnh lẽo.

8. Trưởng dưỡng các căn: Khác với phương này nước gây tổn hoại các căn và tạo ra tật dịch, tăng thêm bệnh tật, chết chìm v.v..

Chúng sanh đời trược nghiệp lực sâu nặng đến nỗi nước cõi này không có những công đức, lực dụng ấy. So với những loại nước thông thường khác, nước suối Bát Công Đức có rất nhiều công đức. Vì thế, đặc biệt nêu rõ để tỏ bày dấu tích chẳng thể nghĩ bàn của Bồ-tát ngõ hầu những người sống trong núi và những ai đến núi chiêm bái sẽ từ mỗi tảng đá, mỗi dòng nước đều có thể ngộ sâu xa thường lý viên thông, hòng lấy tâm Bồ-tát làm tâm của chính mình, lấy sự nghiệp của Bồ-tát làm sự nghiệp của chính mình vậy!

2. Bài ký về chuyện xây dựng đại điện của đạo tràng chuyên tu tịnh nghiệp tại núi Linh Nham

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Kinh Hoa Nghiêm mầu nhiệm lý sự viên dung, lý do sự hiển, sự do lý thành. Lý lẫn sự đều đạt đến tột cùng, viên chứng pháp thân Tỳ-lô. Vì thế, lúc đức Như Lai mới thành Chánh giác bèn cùng với các vị Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác nói các pháp môn và các pháp nhân quả do đức Như Lai đã tự chứng. Nhân quả chính là sự, pháp do đức Như Lai tự chứng chính là nhất chân pháp giới[448], chân như Phật tánh tịch chiếu viên dung, bất sanh bất diệt, chẳng phải có, chẳng phải không. Phật tánh ấy nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Phật do chứng rốt ráo nên thường hưởng pháp lạc thường - lạc - ngã - tịnh[449], chúng sanh do triệt để mê nên hằng

[448] Theo Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao quyển 16, nhất chân pháp giới được giải thích như sau: "Nhất tức không hai, chân tức chẳng vọng, đan xen lẫn nhau triệt để viên dung nên gọi là pháp giới. Đây chính là pháp thân bình đẳng của chư Phật, vốn chẳng sanh chẳng diệt, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng trong, chẳng ngoài, chỉ một bề chân thật, chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là nhất chân pháp giới."

[449] Thường - lạc - ngã - tịnh là bốn đức trọn đủ nơi pháp thân của Như Lai, bốn đức này còn gọi là Niết-bàn tứ đức. Bốn đức này được giải thích tường tận trong kinh Đại Bát Niết-bàn. Nếu hiểu đại lược thì sự giác ngộ nơi cảnh giới Niết-bàn vĩnh viễn chẳng biến đổi nên gọi là *thường*, cảnh giới ấy không khổ, luôn an vui nên gọi là *lạc*, tự do tự tại không bị trói buộc mảy may nào nên gọi là *ngã*, không bị phiền não ô nhiễm nên gọi là *tịnh*.

chịu nỗi khổ huyễn vọng sanh tử luân hồi. Ví như tấm gương báu tròn lớn bị bụi phủ cả kiếp, tuy có ánh sáng chiếu trời soi đất nhưng không do đâu tỏ lộ để thụ dụng được. Vì thế, nhờ vào các vị Bồ-tát cùng nhau xướng đáp để nói ra các pháp môn Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác. Lại còn dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Đấy chính là đức Như Lai dùng nhân quả tự chứng để làm một khuôn mẫu lớn lao hòng dạy khắp hết thảy chúng sanh, khiến cho ai nấy đều đích thân chứng đắc. Kinh Hoa Nghiêm riêng thích hợp cho căn cơ Đại thừa; chứ Nhị thừa, phàm phu chẳng thể vâng nhận được! Vì thế trong hội Phương Đẳng, đức Phật đặc biệt nói ra ba kinh Tịnh độ để dù phàm hay thánh đều cùng chuyên chú tu trì, ngõ hầu trong đời này thoát khỏi cõi ngũ trược đây, lên được cõi sen chín phẩm kia.

1. Trong núi Linh Thứu nước Ma-kiệt-đề, đức Phật nói đến nhân địa đầu tiên của đức Phật A-di-đà: Bỏ nước xuất gia, phát ra 48 nguyện, lại trải qua nhiều kiếp dài lâu tu hành đúng như lời nguyện cho đến khi phước tuệ viên mãn, được thành Phật đạo, cảm được thế giới trang nghiêm, mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được, mười phương chư Phật đều cùng tán thán. Mười phương Bồ-tát và hàng Nhị thừa hồi tiểu hướng đại lẫn phàm phu đầy dẫy hoặc nghiệp đều được vãng sanh, được bình đẳng nhiếp thọ. Đấy là kinh Vô Lượng Thọ.

2. Trong vương cung nước Ma-kiệt-đề, nói ba phước tịnh nghiệp, mười sáu phép quán mầu nhiệm để hết thảy chúng sanh hiểu rõ những nghĩa "tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biển chánh biến tri của chư Phật từ tâm tưởng mà sanh. Tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh. Biển nghiệp phiền não của chúng sanh từ tâm tưởng mà sanh" vượt ngoài ngôn ngữ. Nếu có thể hiểu được sâu xa nghĩa này, ai chịu bị luân hồi oan uổng? Cuối kinh nói rõ những nhân vãng sanh của chín phẩm ngõ hầu ai nấy đều tu thượng phẩm. Đó là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

3. Nơi vườn Cấp Cô Độc nước Xá-vệ, nói diệu quả y báo chánh báo của Tịnh độ để người nghe sanh lòng tin, khuyên người nghe hãy nên phát nguyện cầu vãng sanh, dạy hành giả lập hạnh chấp trì danh hiệu. Ba điều tín - nguyện - hạnh là cương tông của pháp môn Tịnh độ. Đầy đủ ba pháp này rồi, hoặc suốt một đời chấp trì đã đắc nhất tâm, hoặc lâm chung mới được nghe pháp này chỉ xưng mười tiếng, đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đấy là kinh A-di-đà.

Ba kinh này chuyên nói về Tịnh độ, nhưng kinh A-di-đà lời lẽ đơn giản, ý nghĩa phong phú, nhiếp thọ căn cơ bậc nhất nên các tông Thiền, Giáo, Luật đều vâng dùng làm kinh nhật tụng. Các kinh Đại thừa nói kèm về Tịnh độ nhiều không thể kể xiết, nhưng chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng-

nghiêm quả thật là khai thị mầu nhiệm nhất về pháp niệm Phật. Nếu có thể như con nhớ mẹ, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm, há chẳng trong hiện tại hay tương lai nhất định thấy Phật, gần là chứng viên thông, xa là thành Phật đạo ư? Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt một đời đức Phật: Tuy là phàm phu sát đất đầy dẫy hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện niệm Phật sẽ có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Dù là vị Bồ-tát đã chứng địa vị Đẳng giác cao cả vẫn phải hồi hướng vãng sanh thì mới viên mãn Phật quả được!

Do vậy biết: Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài được, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn. Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp này thì trên sẽ chẳng có gì để viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật lìa pháp này thì dưới chẳng có gì để phổ độ quần manh[450]. Hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy hạnh môn không hạnh nào chẳng trở về pháp giới này, bởi đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế được chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Nhưng pháp môn này do hai đức Thế Tôn hai cõi tạo lập, đức Thích-ca nơi Sa-bà dạy rõ Tịnh độ để đưa con người đi về cõi Cực Lạc, đức Di-đà nơi Cực Lạc đợi lúc họ lâm chung tiếp dẫn từ Sa-bà về tới Cực Lạc. Ấy là muốn cho chúng sanh thoát được nỗi khổ sanh tử ngay trong đời này, chứng sự vui chân thường. Tâm thương xót, che chở, bảo vệ ấy dẫu hết cả kiếp khó thể nói trọn. Có kẻ bảo: "Đã là đệ tử Phật Thích-ca, hãy nên niệm Thích-ca Mâu-ni Phật cầu sanh thế giới Hoa Tạng trong cõi này", họ chẳng biết đức Thích-ca dạy niệm A-di-đà Phật là nhằm làm cho hàng phàm phu sát đất nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng siêu phàm nhập thánh. Chỉ có bậc Đại sĩ đã phá vô minh chứng pháp thân mới thấy được thế giới Hoa Tạng của cõi này; phàm phu chỉ thấy uế độ, chẳng thấy được cõi Thật báo trang nghiêm, há nên mong tưởng quá phận! Huống chi Tây Phương cũng nằm trong thế giới Hoa Tạng, mà trong hội Hoa Nghiêm hết thảy các vị Bồ-tát trong thế giới hải Hoa Tạng đều dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật quả. Ông là hạng người như thế nào mà dám chống đối các vị ấy?

---

[450] Quần manh (bahu-jana) còn dịch là quần sanh, có nghĩa là các loài chúng sanh. Đây là tên gọi khác của chúng sanh. Chữ "manh" hàm nghĩa giống như cây cỏ mới nẩy mầm, chưa thấy được rõ ràng. Chúng sanh vừa mới phát đạo tâm, nhưng vẫn còn bị vô minh che lấp giống như cây cỏ vừa mới nảy mầm, nên mới gọi là quần manh.

Kể từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn công lập liên xã đầu tiên, một người xướng, trăm người hòa, không ai chẳng noi theo, thỏa thích bổn hoài của Phật chỉ có mỗi một mình pháp môn này là bậc nhất. Từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân, tục diệm truyền đăng[451], rạng rỡ trong ngoài nước mãi cho đến tận hiện thời, tông phong chẳng suy sụp, nhưng đại sư Trí Giả thuộc tông Thiên Thai, quốc sư Thanh Lương thuộc tông Hiền Thủ, pháp sư Khuy Cơ thuộc tông Từ Ân, thiền sư Bách Trượng thuộc Thiền tông, luật sư Đại Trí[452] thuộc Luật tông, không vị nào chẳng giải thích kinh, soạn luận, khuyên khắp mọi người tu trì. Những sự tích của họ đã được chép tường tận trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Do vậy biết những vị tri thức các tông Thiền, Giáo, Luật đều noi theo Hoa Tạng hải hội, nhất trí tiến hành cầu sanh Cực Lạc, huống chi kẻ căn cơ cạn mỏng đời mạt pháp ư? Nhân duyên Linh Nham sáng lập đạo tràng Tịnh độ đã được chép đầy đủ trong tấm bia thuật duyên khởi xây dựng niệm Phật đường trước kia. Nay tu bổ đại điện, đặc biệt nêu rõ nguyên do của pháp môn Tịnh độ để những bậc thông sáng mai sau có cái để nương tựa, hướng về. Chi phí xây cất và phương danh của người đã quyên tặng được ghi trong một tấm văn bia riêng, không ghi tường tận nơi đây.

3. Bi ký về việc chùa Linh Nham vĩnh viễn trở thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh độ và công đức xây dựng lần này

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Có được cuộc đất tối thắng thì mới hoằng dương được đạo tối thắng, tạo dựng chuyện phi thường ắt phải đợi người phi thường. Tuy bỉ cực thái lai[453] thuộc về

---

[451] Tục diệm truyền đăng: Tiếp nối ánh sáng ngọn đèn, ý nói "nối tiếp, lưu truyền mối đạo từ đời này sang đời khác".

[452] Luật sư Đại Trí, tức là ngài Linh Chi Nguyên Chiếu (1048-1116), người đất Dư Hàng, tự là Trạm Nhiên, hiệu An Nhẫn Tử. Xuất gia từ bé, 18 tuổi thọ giới cụ túc, học giáo nghĩa tông Thiên Thai với ngài Thần Ngộ Xử Khiêm, nhưng dốc chí nơi Luật tông. Về sau lễ ngài Quảng Từ thọ Bồ-tát giới, nối pháp Nam Sơn Chánh Truyền của ngài Doãn Kham. Trong niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085), sư trụ tại Chiêu Khánh hoằng truyền Luật tông, đến tuổi già, dời sang ở tại chùa Linh Chi ở đó suốt 30 năm nên người đời thường gọi sư là hòa thượng Linh Chi. Khi mất, sư được ban thụy hiệu là luật sư Đại Trí. Sư viết chú giải cho hai kinh là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và kinh A-di-đà, chú giải bộ Tứ Phần Luật San Phiền Bổ Khuyết Hành Sự Sao của ngài Đạo Tuyên, soạn thành bộ Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký.

[453] "Bỉ cực thái lai" nguyên gốc là "bỉ chung tắc thái". Bỉ và Thái vốn là tên hai quẻ kép tương phản trong sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch. Quẻ Bỉ gồm quẻ Càn ở trên, quẻ Khôn ở dưới ghép thành, hàm nghĩa: Dương khí bốc lên, âm khí chìm xuống, âm dương chẳng giao hội, vạn vật bế tắc. Do vậy đây là quẻ xấu. Quẻ Thái thì Càn dưới, Khôn trên, nên âm dương giao hội, vạn vật thông suốt, do vậy là quẻ tốt. Phần Hệ Từ giảng: *"Bỉ chung tắc thái"* (quẻ Bỉ kết thúc sẽ chuyển biến thành quẻ Thái), hàm nghĩa vận xấu đến cùng cực sẽ chuyển biến thành vận

vận trời, nhưng sửa cũ dựng mới thật sự phải nhờ vào con người thực hiện. Núi Linh Nham là cuộc đất thánh đạo tràng trời tạo đất dựng. Ngô Vương Phù Sai dựng cung Quán Oa nơi đây, chỉ chuộng dâm lạc, làm ô nhục núi này quá sức! Vì thế, xây xong cung điện chưa được bao lâu liền bị nước tan, mạng mất, đúng là nhân quả phù hợp nhau. Nếu ông ta lập đức thi thố lòng nhân noi theo phong cách cai trị tốt đẹp của tổ tiên là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung đã lưu lại, ắt sẽ ngang ngửa với Văn Vương trên linh đài[454], lúc sống được hưởng phước vòi vọi, khi mất để lại thanh danh vang dội, đâu đến nỗi quỳ gối xin được sống cũng chẳng được, rốt cuộc che mặt tự vẫn[455], gây nhục lây cho tổ tiên ư? Do vậy biết kẻ không có đức cao trội mà có cuộc đất thù thắng, đâm ra lại là cái gốc họa! Nguyện những bậc quân tử đời sau đều lấy Phù Sai làm gương thì lợi ích ấy chẳng thể nào diễn tả được!

Đời Tấn, Tư không Lục Ngoạn sống tại núi này, do nghe Phật pháp bèn biến nhà thành chùa, đấy chính là khởi đầu của đạo tràng Linh Nham vậy. Đến đời Lương lại càng được phát triển. Đến đời Đường lại càng thêm trùng hưng. Trong khoảng thời gian ấy, phần nhiều là do hình vẽ của Trí Tích Bồ-tát hiện thân, khơi gợi lòng tin tưởng, ngưỡng mộ của mọi người, khiến cho đạo tràng Linh Nham đứng đầu đất Ngô. Cung khuyết dâm lạc xưa kia nay trở thành cuộc đất thánh đạo tràng, cho thấy các pháp tùy duyên, hễ có người tài giỏi ắt cuộc đất sẽ linh ứng! Những vị trụ trì trong đời Tấn, đời Đường chẳng thể tra cứu được. Từ đời Tống cho đến đời Thanh, ngôi trụ trì đều do *Giáo hải lão long, Thiền quật cự sư*[456], đức hạnh đáng làm bậc thầy gương mẫu cho cả trời lẫn người, đạo tiếp nối được huệ mạng của Phật, của tổ. Đầu đời Thanh, sư Hoằng Trữ trụ nơi đây, mở mang giảng tòa rộng lớn, điện đường, liêu xá mới mẻ rạng ngời. Thánh Tổ, Cao Tông (Khang

---

hanh thông, giống như hết đông sẽ tới xuân. Do ý nghĩa này, "bỉ chung tắc thái" được biến đổi thành "bỉ cực thái lai".

[454] Linh Đài: tên một cái đài do Văn Vương xây dựng được nhắc đến trong bài thơ Linh Đài thuộc thiên Đại Nhã của kinh Thi. Bài thơ này có nội dung ca ngợi đức hạnh của nhà vua, đoạn đầu bài thơ có câu: *"Kinh thỉ linh đài, kinh chi, doanh chi, thứ dân công chi, bất nhật thành chi"* (Vừa tính xây đài thiêng, tính toán, lo liệu, nhân dân góp công, chưa đầy một buổi, đài đã xây xong). Do vậy "linh đài" được dùng như một từ ngữ để ca ngợi vị vua cai trị nhân dân bằng đức hạnh và lòng nhân từ, được nhân dân hết sức yêu mến.

[455] Khi Việt Vương Câu Tiễn diệt nước Ngô, bắt sống Phù Sai. Phù Sai đã quỳ lạy, khóc lóc, van xin được sống sót làm nô lệ chăn ngựa giống như xưa kia Việt Vương Câu Tiễn bại trận đã phải xin làm nô lệ giữ ngựa cho Phù Sai. Khi bị Câu Tiễn ép tự sát, Phù Sai xõa tóc che mặt với ngụ ý không còn mặt mũi nào nhìn tổ tiên dưới suối vàng.

[456] "Rồng già nơi biển Giáo, sư tử lớn nơi hang Thiền", ý nói toàn là những bậc tông tượng lỗi lạc thuộc Giáo môn hay Thiền tông.

Hy, Càn Long) tuần du phương Nam đều nghỉ lại nơi đây, pháp môn hưng thịnh chói ngời xưa nay.

Năm Hàm Phong thứ 10 (1860), gặp cơn binh hỏa[457], cháy tiêu gần hết. Trong thời Đồng Trị, vị tăng tên Niệm Thành được ông Bành Cung Bảo Ngọc Lân hộ trì những mong sẽ dần dần được phục hưng. Năm Quang Tự 18 (1892), vị tăng tên Biến Ngọc đúc hồng chung, nhưng chưa xây lầu chuông. Năm Tuyên Thống thứ ba (1911), vị tăng tên Đạo Minh do bị mất y ca-sa đánh lầm kẻ khả nghi, khiến cho dân chúng phẫn nộ, phải bỏ trốn. Chùa đã không có chủ, tất cả đồ đạc không còn được một vật nào, ruộng đất cũng bị mất mát chẳng ít. Vị hương thân vùng Mộc Độc là Nghiêm Lương Xán khải thỉnh hòa thượng Chân Đạt[458] làm trụ trì. Cụ Chân bèn sai học trò là Minh Hú thay mặt trông coi, trước hết dựng lầu chuông.

Đến năm Dân Quốc 15 (1926), đất Ngạc (tỉnh Hồ Bắc) loạn lạc, pháp sư Giới Trần và học trò xuống miền Nam, cụ Chân liền đem Linh Nham giao cho, biến thành đạo tràng thập phương chuyên tu tịnh nghiệp vĩnh viễn. Nhất loạt chẳng giảng kinh, truyền giới, truyền pháp, thu nhận đồ đệ, làm chuyện kinh sám thù tạc, chỉ quanh năm niệm Phật, chương trình giống như Phật thất phổ thông. Huê lợi ruộng đất chỉ thâu được tám chín trăm đồng, hạn định số người sống ở đây là

[457] Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Toàn khởi xướng. Quân Thái Bình Thiên Quốc đã đốt sạch, phá trụi các chùa miếu, đạo quán mỗi khi chúng chiếm được một địa phương nào.

[458] Tuy hòa thượng Chân Đạt đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đời hoằng pháp và là người nỗ lực thực hiện tông chỉ chuyên tu tịnh nghiệp của tổ Ấn Quang, hầu như không thấy có tài liệu nào ghi chép chi tiết về tiểu sử của hòa thượng. Dựa theo những ghi chép của môn nhân tổ Ấn Quang, chúng ta chỉ biết hòa thượng Chân Đạt vốn xuất thân từ Tam Thánh Đường tại núi Phổ Đà, do thường bế quan nên chưa hề gặp mặt tổ Ấn Quang. Sau khi bộ Văn Sao được lưu hành, hòa thượng rất ngưỡng mộ tổ Ấn Quang, nhưng lúc đó hòa thượng đã sang Thượng Hải nên chưa gặp tổ được. Đến mùa xuân năm Dân Quốc 15 (1926), ông Cao Hạc Niên từ núi Bôi Độ trở về Ninh Ba, ước hẹn với tổ Ấn Quang sẽ cùng nhau đến Thượng Hải lo việc in sách. Hòa thượng Chân Đạt biết tin liền dặn ông Cao đưa tổ Ấn Quang đến nghỉ ngơi tại chùa Thái Bình là Hạ viện của Tam Thánh Đường tại Thượng Hải, do vậy hai vị mới được gặp mặt nhau và nhanh chóng trở thành bạn thiết. Từ đấy về sau, mỗi dịp cần sang Thượng Hải, tổ Ấn Quang thường đến ở tại một gian phòng dành riêng cho ngài trong chùa Thái Bình. Hòa thượng Chân Đạt chẳng tiếc sức hỗ trợ tổ Ấn Quang trong công cuộc hoằng pháp. Khi tổ muốn tránh phiền nhiễu do bị các nơi gởi thư hỏi han quá nhiều, tính đi sang Hương Cảng để bế quan, hòa thượng Chân Đạt đã tha thiết mời tổ về bế quan tại chùa Báo Quốc do hòa thượng quản nhiệm cũng như tận lực ủng hộ tổ Ấn Quang trong công cuộc biến Linh Nham Sơn Tự thành thập phương đạo tràng chuyên tu tịnh nghiệp. Cảm kích trước thịnh tình của hòa thượng Chân Đạt, trong những thư từ trao đổi, tổ luôn gọi hòa thượng Chân Đạt là "huynh" tuy tuổi tác lẫn pháp lạp của tổ đều cao hơn hòa thượng Chân Đạt. Khi tổ Ấn Quang viên tịch, chính hòa thượng Chân Đạt đã đứng ra dựng tháp, chủ trì lễ trà-tỳ và tuyên pháp ngữ trước khi châm lửa.

20 vị, nếu chi phí không đủ, cụ Chân sẽ bù đắp, chứ Linh Nham cũng chẳng mộ duyên. Năm Dân Quốc 17 (1928), thầy Giới đặc biệt sang Phổ Đà, cầu cụ Chân dựng thêm phòng ốc, lấy năm sáu ngàn đồng làm chuẩn, cụ Chân bằng lòng. Thầy ấy trở về núi, liền rời chùa, đi sang Vân Nam, ấy là để tránh nỗi phiền phức do xây dựng. Do vậy mọi việc trong chùa giao cho pháp sư Từ Châu[459].

Thầy Từ Châu khí lực yếu ớt, không chịu đựng được khổ nhọc, liền mấy lượt sang Hán Khẩu giảng kinh. Mùa hạ năm ngoái lại nhận lời mời của Cổ Sơn, chẳng từ tạ, bỏ đi. Hai ba năm gần đây, đàn-việt[460] nhiều người biết đến đạo phong của Linh Nham, có người muốn cầu siêu cho tiên vong, chúc thọ cho cha mẹ, xin đả thất. Số người ở lại đã trên 40 vị, phòng ốc chẳng chứa nổi, lại thêm hẹp nhỏ, trời mùa hè rất nóng. Nay dựng năm gian lầu cao, phía dưới làm niệm Phật đường, rộng rãi mát mẻ. Ngoài ra lại dựng thêm hơn 30 gian nữa, chi phí ước chừng hơn năm vạn đồng. Cụ Chân bỏ ra hơn hai vạn hai ngàn đồng, khoản còn lại góp từ số tiền chi dùng của thường trụ còn dư và do đàn-việt vui vẻ giúp sức. Nay đã hoàn thành, thầy Diệu Chân làm sư đương gia. Do hai lần xây dựng, cụ Chân bỏ ra gần ba vạn, lần này cụ cũng đứng ra xướng suất, công đức ấy và việc biến ngôi chùa này thành đạo tràng thập phương đều đáng nên lập bia, do vậy tăng chúng Linh Nham thỉnh tôi lược thuật chuyện ấy để ghi chép công đức hòng bảo với mai sau, vì thế bất đắc dĩ chẳng thể từ tạ chuyện viết lách được! Thuở ban đầu đã lập năm điều quy ước:

1. Trụ trì bất luận thuộc tông phái nào, chỉ cần lấy chuẩn mức là "tin tưởng Tịnh độ sâu xa, giới hạnh tinh nghiêm". Chỉ truyền hiền, chẳng truyền pháp để dứt thói tệ pháp quyến riêng tư.

---

[459] Từ Châu (1877-1957) là người huyện Tùy, tỉnh Hồ Bắc, pháp danh là Phổ Hải. Từ bé đã theo cha học Phật. Đến năm 33 tuổi, vợ chồng đồng lòng xuất gia. Không lâu sau, sư thọ giới cụ túc nơi chùa Quy Nguyên tại Hán Dương, từng theo hầu dưới tòa pháp sư Nguyệt Hà là một vị đại đức thuộc tông Hoa Nghiêm. Sư thường giảng kinh Hoa Nghiêm, xiển dương giới luật, hoằng hóa rất sâu rộng, trì luật rất nghiêm, kiêm tu Tịnh độ lẫn pháp giới quán. Tuy thông hiểu Hoa Nghiêm sâu xa, trong khi thuyết pháp, sư vẫn dùng những lời lẽ giản dị, chẳng bàn đến những lý lẽ cao siêu khó hiểu, mà chỉ chú trọng vào những điểm cốt lõi, thực tiễn. Sư chuyên giảng Hoa Nghiêm, Viên Giác, luận Khởi Tín, luật Tứ Phần v.v.. Năm 1920, sư sáng lập Đại học Hoa Nghiêm, Học viện Minh Giáo để đào tạo tăng tài. Nhận lời mời của hòa thượng Hư Vân, sư sáng lập Học viện Pháp Giới tại chùa Pháp Hải ở Phước Kiến, về sau trường được dời sang chùa Tịnh Liên ở Bắc Kinh. Sư thị tịch tại tinh xá An Dưỡng, còn để lại những tác phẩm như Tỳ-ni Tác Trì Yếu Lục, Bồ-tát Giới Bổn Sớ, Đại Thừa Khởi Tín Luận Thuật Ký, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Thân Văn Ký v.v.. Những trước tác của sư đã được biên tập thành bộ Từ Châu Đại Sư Pháp Vựng.

[460] Đàn-việt (dānapati): Thí chủ, tức người bố thí. Đàn là gọi tắt của chữ dāna (bố thí).

2. Trụ trì chỉ luận thứ số, chẳng luận theo thế hệ để bậc cao đức khỏi bị đứng sau kẻ đức hạnh tầm thường.

3. Chẳng truyền giới, chẳng giảng kinh để khỏi chèo kéo, xáo động, gây nhiễu loạn chánh niệm. Trong chùa tuy hằng ngày thường giảng nhưng chẳng lôi kéo người ngoài đến nghe.

4. Chuyên nhất niệm Phật, ngoại trừ đả Phật thất ra, nhất loạt chẳng làm hết thảy các Phật sự mang tính cách thù tạc.

5. Bất luận là ai, chẳng được ở trong chùa mà thu nhận đồ đệ xuất gia.

Ai phạm một điều nào trong năm điều sẽ lập tức ra khỏi chùa. Đại sư Tử Bách đời Minh một đời xây dựng hơn mười ngôi đại tùng lâm, nhưng chẳng làm phương trượng, chẳng thu nhận đồ đệ, hễ xong việc liền bỏ đi, gác bỏ mọi việc. Đại sư Diệu Phong phàm những công trình chùa, tháp, cầu cống, đường sá người khác chẳng thể lo liệu được, thỉnh sư trông nom, hễ qua tay sư đều thành công, hoàn tất xong liền cáo từ. Trong lúc đang tu bổ hay xây dựng, có khi sư sai học trò thay mình lo liệu, công trình hoàn thành, trọn chẳng để lại đó một người nào của chính mình cả. Tấm lòng sư chánh đại quang minh, mấy trăm năm sau còn nghe tiếng, khiến cho mọi người khâm phục khôn nguôi, đáng được vua tôi cung kính, long thiên ủng hộ, lúc sống tiếng tăm vang dội, lúc mất chứng thánh quả. Người đời nay phần nhiều âm mưu cướp đoạt đạo tràng của người khác, ai chịu đem những gì mình đã có nhường cho người khác?

Cụ Chân khẳng khái làm như vậy, tuy đạo còn kém xa Tử Bách, Diệu Phong, nhưng tấm lòng sáng ngời không riêng tư cũng gần bằng các vị ấy, thật đáng khâm phục! Nguyện những người làm trụ trì và giữ chức trách trong nhà chùa, cũng như những người nhập chúng tu trì đều cùng giữ tấm lòng đại công vô tư, chuyên tinh tu tập, ngõ hầu chẳng phụ ân Phật đã nói ra pháp môn Tịnh độ hoành siêu và lịch đại tổ tông hoằng pháp, ân cụ Chân Đạt tạo dựng cũng như một phen yêu thương, siêng năng nhọc nhằn lo toan sâu đậm của thầy Diệu Chân.

4. Bi ký thuật công đức của phân hội Tô Châu Hội Cứu Giúp Loài Vật Trung Quốc quyên tặng vĩnh viễn khu vườn ao phóng sinh cho Linh Nham Sơn Tự để làm hạ viện

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Đức Đại Giác Thế Tôn là đại sư của ba cõi, cha lành của bốn loài, xem hết thảy chúng sanh như con một vì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật đời vị lai. Trong các kinh

Đại thừa, Phật đã nghiêm cấm sát sanh ăn thịt ngõ hầu hết thảy chúng sanh đều được hưởng quả báo gần là trường thọ yên vui, quả báo xa là cùng chứng giải thoát Niết-bàn. Đại sư Trí Giả đề cao lòng từ bi của Phật, trong niên hiệu Đại Kiến (569-583) đời Trần đã mua hơn 60 chỗ thuộc Lâm, Hải, Giang, Hỗ, Khê, Lương, cả hơn 300 dặm để làm ao phóng sanh, xin vua ban sắc chỉ, lập bia ngăn cấm đánh cá, kẻ nào bắt trộm sẽ bị mắc họa. Đến niên hiệu Trinh Quán (627-649) đời Đường vẫn còn như thế. Đấy chính là bi tâm phổ độ chúng sanh của Phật, tổ vậy.

Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt của ta, loài vật giống như ta[461]. Đấy chính là chí hướng thường hằng coi con người và loài vật bình đẳng như nhau của nhà Nho vậy. Nghiêm cấm đọa thai phá trứng để chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui (*"điểu thú ngư miết hàm nhược"*: "nhược" nghĩa là thuận, "hàm nhược" là đều được sống thuận lợi vậy). Đấy chính là sự cai trị bằng đức để thắng tàn bạo, trừ giết chóc của bậc thánh vương. Ấy là vì đức lớn của trời đất là sanh, nỗi khổ lớn lao của con người lẫn loài vật chính là sát. Thắng bạo tàn, trừ giết chóc phải từ nhỏ đến lớn. Nhân từ với con người, yêu thương loài vật ắt phải từ dễ đến khó. Nếu chẳng hàm dưỡng lòng nhân từ, khoan dung từ cội gốc ắt sẽ trở thành bỏ nhỏ lấy lớn, bỏ dễ lấy khó vậy! Hằng ngày làm chuyện tàn sát, mà lầm lạc mong mỏi nhân từ với con người, yêu thương loài vật sẽ trở thành nói suông, chắc chắn khó thể thật hành được chuyện ấy. Vì sao nói vậy? Trẻ nhỏ, kẻ bình thường đều có thể thật hành chuyện yêu thương loài vật, hành lâu ngày, bụng dạ đầy ắp nhân từ, mai kia có địa vị, nắm quyền cai trị sẽ có thể che chở dân đen lớn lao. Dẫu ẩn cư trong một làng vẫn có thể lấy thân mình đốc thúc mọi người thay đổi phong tục. Như vậy, đạo nhân từ với người khác phải được bồi đắp từ lòng yêu thương loài vật thì mới có thể viên mãn trọn khắp, không có điều tệ vậy.

Nếu chẳng do lòng yêu thương loài vật thì tuy trong đời này chưa có gì đáng tiếc, nhưng trong tương lai ắt sẽ phải lo lắng lớn lao, vì đã gieo cái nhân tàn hại loài vật sẽ khó tránh được cái quả luân phiên báo đền lẫn nhau! Nguyện người có lòng nhân với kẻ khác thường suy nghĩ cẩn thận vậy. Chuyện phóng sanh vốn nhằm khơi dậy thiện tâm của con người trong hiện tại, vị lai, cốt sao họ kiêng giết, ăn chay, khiến cho khắp mọi hàm thức đều được sống yên ổn, đều hưởng

[461] "Vật ngô dữ dã." Trong nguyên bản, sau chữ dữ có chú thích "與,友也" (dữ, hữu dã: Dữ là bạn bè). Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Giảng Yếu. Trộm nghĩ, "vật ngô dữ dã" là "loài vật là bạn bè của ta" và "loài vật giống như ta" theo cách giải thích của Tứ Thư Giảng Yếu ý nghĩa không khác nhau cho lắm. Chúng tôi vẫn giữ theo cách giải thích của Tứ Thư Giảng Yếu cho nhất quán.

hết tuổi thọ. Gần là dứt được cái nhân giết chóc, xa là diệt được quả báo do giết chóc, nhỏ là khiến cho tâm chúng ta toàn thuần là lòng nhân, lớn là chấm dứt sát kiếp cho toàn thế giới. Chớ nghĩ đây là chuyện chẳng cấp bách, rồi coi thường bỏ qua.

Nguồn gốc khu vườn ao phóng sanh tại cầu Hổ Khiếu (Hổ Gầm) của Hội Cứu Giúp Loài Vật Trung Quốc phân hội Tô Châu như sau: Vào tháng 7 năm Giáp Tý tức năm Dân Quốc 13 (1924), hội viên Hội Cứu Vớt Loài Vật tại Thượng Hải là ông Lục Duy Dung đến đất Tô bàn bạc, mới biết những hội viên Hội Cứu Giúp Loài Vật phân hội Tô Châu đã bàn tính chuyện thiết lập khu vườn ao phóng sanh bèn cực lực tỏ ý tán thành. Ông cho biết: Khéo sao ông Trầm là người đất Tô có một khu đất rộng khoảng sáu mẫu, đã quyên tặng cho Hội Cứu Vớt Loài Vật Thượng Hải, nay đem tặng lại cho phân hội Tô Châu để làm cơ sở tạo lập khu vườn ao phóng sanh. Trong khu đất ấy có một cái đầm, đào vét thành ao rất đỡ tốn công, tiếp đó ông ta đem bằng khoán đất gởi xuống Tô Châu.

Đến tháng 9 năm Dân Quốc 14 (1925), hội viên thuộc phân hội Tô Châu là ông Dương Đạt Toàn giới thiệu ông Uông Cát Đình gia nhập phân hội, ông Uông đứng ra ngỏ ý quyên tặng tiền để xây dựng, các hội viên lại đóng góp thêm vào được hơn một vạn đồng, xây dựng liên tục, đào ao, dựng đình, sắp đặt hết thảy. Tuy chẳng hoa mỹ, nhưng thanh nhã không phàm tục, đáng gọi là chốn "thế ngoại đào nguyên" (chốn tiên bồng ngoài cõi tục). Đến tháng Chạp năm Dân Quốc 15 (1926), công trình mới hoàn thành. Tháng 5 năm Dân Quốc 17 (1928), ông Viên Hiếu Cốc tậu thêm một nền đất rộng bảy phân ở phía Nam, nhờ đó khu vườn ao càng thêm rộng rãi, vẽ họa đồ, trình lên huyện, lập hồ sơ đầy đủ. Việc quản lý kinh phí trong mấy năm đều do nhóm các ông Ngô Dĩnh Chi v.v. trước sau lo toan.

Mùa hạ năm ngoái, giám viện Linh Nham Sơn Tự là thầy Diệu Chân do thấy Linh Nham không có hạ viện tại thành Tô Châu, sau này đến đất Tô cảm thấy khá bất tiện, chú ý đến khu vườn ao phóng sanh tại cầu Hổ Khiếu, cậy Quang hỏi thăm tình hình nơi ông Tào Tung Kiều, cũng như nhờ cậy ông ta thương lượng với mọi người trong hội ấy. Nếu chịu thí tặng thì sự nghiệp phóng sanh càng được tiến hành mạnh mẽ hơn; lại không cần phải phái người chuyên lo quản lý, đôi bên đều có lợi, đúng là "một chấm thủy mặc, đôi bên đều thành rồng". Ông Tào đi hỏi, mọi người đều cùng tán thành, bảo rằng: "Linh Nham sơn chưa đầy mười năm mà đạo phong đã nghe tiếng khắp xa gần, nghiễm nhiên trở thành đạo tràng thanh tu bậc nhất của Ngô Huyện. Nếu biến khu vườn ao phóng sanh thành hạ

viện thì sau này sẽ phát đạt, an hòa nào kém Linh Nham?" Bèn bàn bạc, ước định năm điều kiện ngõ hầu vĩnh viễn chẳng suy sụp:

1. Danh xưng khu vườn ao phóng sanh thuộc hội Phật Giáo Cứu Vớt Loài Vật Trung Quốc phân hội Tô Châu.

2. Điện thờ tổ sư Tế Công.

3. Bài vị của thầy Ngộ Căn.

4. Tòa cát đình[462] trên bờ ao.

5. Mộ phần của chủ đất họ Trầm nằm ngoài tường bao quanh khu vườn.

Năm thứ này phải được bảo tồn vĩnh viễn, chẳng được bỏ đi. Những thứ kiến trúc, mở mang khác do tăng chúng chùa Linh Nham tùy ý tiến hành. Duyên khởi ấy được khắc vào bia, ghi vào sổ sách để lưu lại vĩnh viễn. Do vậy đem tất cả khế ước, họa đồ, hồ sơ, giấy tờ chứng minh đã lập từ trước kia đều giao ra hết. Có thể nói là thành tựu cho đạo tràng Tịnh nghiệp Linh Nham, phát triển sự nghiệp phóng sanh, công đức lớn nhất! Mong sao hội viên hội này và giám viện Linh Nham, mọi người đồng tâm dốc sức đề xướng bảo vệ sanh mạng, ăn chay, để thành tựu chuyện "không phóng sanh mà là phóng sanh lớn lao", chí thành niệm Phật để được vãng sanh hòng liễu sanh tử, dứt sát kiếp để vời thỉnh quyến thuộc cõi trời, vãn hồi thế đạo, uốn nắn nhân tâm thì công đức ấy há văn tự, ngôn ngữ có thể hình dung được ư?

5. Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai thành lập ao phóng sanh

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Đức Đại Giác Thế Tôn... (cho đến) coi thường bỏ qua (phần này giống hệt như trong bài bi ký ở trên nên lược đi). Chùa Quốc Thanh là ngôi chùa hàng đầu của núi Thiên Thai. Hòa thượng Khả Hưng cực lực khôi phục, lại thỉnh pháp sư Tĩnh Quyền phụ trợ, muốn mở rộng lòng từ bi của Phật, tổ để khơi gợi thiện niệm cho người đời, do đó bèn lập ao phóng sanh nơi vườn rau phía Tây của Tam Môn. Dòng Khê Thủy từ Tây Sơn đổ vào nơi đó, nước chảy vào chảy ra cuồn cuộn, là chỗ thích hợp nhất để nuôi cá. Mùa thu, mùa hạ, nhằm buổi trời trong, đêm trăng, tiết xuân, tiết đông thì sau giờ Ngọ, trước lúc xế chiều, đại chúng đến đây niệm Phật hiệu vang vang, nhiễu quanh ao ba vòng hồi hướng Tịnh độ để những loài thủy tộc ấy đều gieo thiện căn xuất thế cũng như khiến cho đại chúng đều phỏng

[462] Một loại đình nhỏ (gazebo) là một loại kiến trúc nhỏ, lợp mái, nhiều cột, không có vách, thường dùng làm nơi hóng mát hay ngắm trăng.

theo bi nguyện của Phật, của tổ. Do muốn tỏ rõ ý nghĩa "do phóng sanh mà đạt được lợi ích", chùa Quốc Thanh sai Quang viết bài ký để thưa cùng bậc sáng suốt mai sau.

Trộm nghĩ: Phóng sanh vốn là để đề xướng kiêng giết, ăn chay. Nếu con người suốt đời ăn chay sẽ trở thành không phóng sanh mà phóng sanh lớn lao vậy. Nay tôi chép lại bài thơ răn đừng ăn thịt của cư sĩ Hoàng Sơn Cốc[463] đời Tống để mong mọi người lúc ăn thịt hãy suy nghĩ đôi ba phen, ắt chẳng nỡ ăn và tâm chẳng dám ăn nữa sẽ bừng bừng dấy lên. Bài thơ ấy như sau:

Ngã nhục, chúng sanh nhục,
Danh thù, thể bất thù,
Bổn thị nhất chủng tánh,
Chỉ vi biệt hình khu,
Khổ não tùng tha thụ,
Phì cam vi ngã nhu,
Mạc giao Diêm Quân đoán,
Tự sủy ứng hà như?

(Thịt ta, thịt chúng sanh,
Danh khác, thể vốn đồng,
Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ hình hài khác nhau!
Khổ não chúng hứng chịu,
Béo ngon ta hưởng riêng,
Chớ đợi Diêm-la xử
Tự suy sẽ biết mà!)

Bài thơ ấy có ý nghĩa lắm thay! Trung hậu, khoan dung cách đạo chẳng xa, điều gì chẳng muốn người khác làm cho chính mình thì chớ làm cho người khác. Lòng nhân với con người, yêu thương loài vật ấy chính là đại kinh đại pháp thành thủy thành chung, chẳng cần phải nói tường tận về ý nghĩa nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo sâu xa. Nguyện những ai thấy nghe đều suy nghĩ sâu đậm.

[463] Hoàng Sơn Cốc tên thật là Hoàng Đình Kiên, tự là Lỗ Trực, hiệu là Sơn Cốc đạo nhân, vốn là một nhà thư pháp (calligrapher) nổi tiếng thời Bắc Tống, quê ở huyện Tu Thủy, tỉnh Giang Tây. Ông làm thơ, viết chữ, vẽ tranh đều xuất sắc nên được xưng tụng là Tam Tuyệt. Đương thời, ông nổi tiếng không kém Tô Đông Pha nên người đương thời thường dùng từ ngữ Tô Hoàng để chỉ hai bậc văn gia này.

6. Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai sáng lập ba viện dưỡng lão, dưỡng bệnh và trợ niệm

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Sa-bà là cõi khổ sở cùng cực, vì thế cõi này thuộc về quán trọ trên đường lữ thứ; An Dưỡng là chốn vui sướng tột bậc, vốn là quê nhà sẵn có. Nhưng do chúng sanh mê muội chưa ngộ, bèn cứ khăng khăng coi quán trọ là quê nhà, chẳng biết có trụ xứ thanh tịnh an ổn tột bậc do cha ông đã tạo dựng. Do vậy khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, luân hồi trong sáu nẻo, chìm đắm trong tam đồ từ kiếp này sang kiếp khác, không cách nào thoát ra. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, tùy thuận căn cơ thuyết pháp để các chúng sanh bỏ mê về với ngộ, theo đường về nhà. Do chúng sanh căn cơ chẳng phải chỉ có một, nên mỗi pháp đức Như Lai nói ra đều khác biệt. Nhưng các pháp ấy đều phải cậy vào tự lực, chỉ bậc thượng căn cao nhất mới có thể hoàn thành được ngay trong đời này. Nếu là kẻ kém hơn thì sẽ hai đời, ba đời mới giải quyết xong. Những kẻ trải kiếp dài lâu vẫn chưa thể giải quyết xong vẫn chiếm đa số. Lòng Như Lai phổ độ chúng sanh chan chứa nhưng chưa thỏa mãn được, do vậy bèn đặc biệt mở ra một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, để thượng thánh hạ phàm đều cùng trong đời này thoát cõi Sa-bà đây lên cõi An Dưỡng kia. Bậc thánh sẽ mau thành Phật đạo, kẻ phàm sẽ dần dần chứng được Bồ-đề. Phổ độ chúng sanh cô đơn quạnh quẽ không nơi nương tựa, thỏa thích lớn lao bổn hoài xuất thế của đức Như Lai. Trên là Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, dưới là tội nhân ngũ nghịch thập ác cực nặng đều là căn cơ được thâu nhiếp bởi pháp này. Chúng ta trên chẳng bằng được các vị như Văn-thù v.v., dưới chưa đến nỗi giống như hàng ngũ nghịch thập ác, há lẽ đâu chẳng mạnh mẽ phát ra đại chí ngõ hầu vượt ngang ra khỏi tam giới ư?

Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, tuy có môn đình Thiền, Giáo, Luật, Mật, Tịnh bất đồng, nhưng không một môn nào chẳng lấy vãng sanh Tịnh độ làm chỗ quy túc! Núi Thiên Thai là đạo tràng của đại sư Trí Giả. Đại sư dùng *ngũ thời bát giáo*[464] để phán thích[465] giáo pháp cả một đời đức Như Lai nhưng vẫn chú trọng nơi một môn Tịnh độ. Tuy chưa thấy được phần kinh văn quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm nhưng đã lập pháp ngầm hợp, đủ thấy Phật và tổ vốn thờ cùng một lỗ mũi! Chùa Quốc Thanh là ngôi chùa được xây

[464] Ngũ thời: Hoa Nghiêm, A-hàm, Phương Đẳng, Bát-nhã, Pháp Hoa - Niết-bàn. Bát giáo: Tám loại giáo hóa, gồm *hóa nghi tứ giáo* (bốn phương thức dùng để giáo hóa) gồm: đốn, tiệm, bí mật, bất định và *hóa pháp tứ giáo* (bốn nội dung giáo hóa) gồm: tạng, thông, biệt, viên.
[465] Phán thích: Phán định, giải thích.

trên nền đất ngôi chùa lúc đại sư sắp nhập diệt định[466]. Đến nay đã một ngàn ba trăm mấy chục năm, tuy trải qua nhiều lượt biển dâu, có khi hưng khi phế, nhưng nhờ được cao nhân làm trụ trì, cho đến hiện thời đạo phong vẫn chẳng suy sụp.

Đầu thời Càn Long nhà Thanh, Bảo Lâm Trân Công trùng hưng, điện đường, liêu xá mới toanh rạng ngời, nhưng còn ba viện chưa đủ sức để thành lập. Một là dưỡng lão: Vì bậc danh đức các phương, bậc kỳ cựu trong chùa, tuổi già lắng lòng chuyên lo tu tập đạo nghiệp của chính mình nhưng chưa có một tòa viện chuyên biệt thì làm sao giúp cho tịnh nghiệp được? Hai là dưỡng bệnh: Thập phương tăng lữ cô quạnh một thân, đã đến chùa này nương tựa thì chính là người ruột thịt, hễ bị bệnh tật chẳng thể theo đại chúng, bèn dời đến nơi này để an dưỡng mong cho chóng lành. Nếu tuổi thọ sắp hết sẽ đưa sang Trợ Niệm đường. Ba là trợ niệm: Phàm người bệnh nặng sắp mất sẽ chuyển sang viện này. Thường trụ liền phái người luân phiên trợ niệm. Trụ trì hay người trưởng ban sẽ khai thị, hướng dẫn người sắp mất ấy, để người ấy toàn thân buông xuống hết, nhất tâm niệm Phật. Trước mặt người ấy nên thờ tượng Phật tiếp dẫn, để người ấy tâm niệm, miệng niệm, tai nghe, mắt nhìn, trừ đức Phật ra, không còn nghĩ gì khác nữa, ngõ hầu chánh niệm rạng rỡ, theo Phật vãng sanh. Đây chính là một đại sự khẩn yếu tột bậc của chốn tùng lâm hoằng pháp lẫn người xuất gia tu hành.

Người làm trụ trì và những vị có chức trách hãy nên coi người khác già - bệnh - chết giống như chính mình già - bệnh - chết, ắt sẽ lo liệu ổn thỏa, chắc chắn chẳng chịu quấy quá cho xong chuyện thì đạo đức hiện tại sẽ ngày một cao quý, phẩm sen vãng sanh càng thù thắng vậy! Huống chi cổ nhân tạo dựng tùng lâm vốn là vì người già kẻ bệnh mà lập, cũng như khiến cho tăng chúng đông đảo có chỗ nương tựa, người học ùn ùn có nơi để tham học, thừa sự. Có ai chẳng già? Có ai không bệnh? Ai mà không chết? Nếu chẳng đặc biệt lập ra một viện thì người già người bệnh, thân tâm khó yên. Thân tâm đã chẳng yên thì niệm Phật

[466] Chùa Quốc Thanh nằm ở phía Nam ngọn Phật Lũng rặng Thiên Thai, do Tấn Vương Dương Quảng (sau này là Tùy Dạng Đế) xây dựng cho ngài Trí Khải (đại sư Trí Giả). Thoạt đầu, thiền sư Định Quang trụ trì tại núi này, thường bảo đệ tử: "Không lâu sau sẽ có vị thiện tri thức thù thắng lãnh chúng sống tại núi này." Quả nhiên, không lâu sau có ngài Trí Khải vượt Trường Giang đến nơi này, mở mang pháp thí rộng lớn. Đại sư tính xây dựng chùa ở phía nam núi Phật Lũng, nhưng xây chưa xong đã nhập diệt. Tấn Vương Dương Quảng tiếc nuối khôn cùng, bèn lập hội trai tăng một ngàn vị, xây dựng ngôi phạm vũ nguy nga này, thoạt đầu đặt tên là Thiên Thai Sơn Tự. Nhưng sau này, vua nhớ lại khi còn là Thái tử, nhằm khi ngài Trí Khải tới nơi đây, sư Định Quang đã từng báo mộng với nhà vua: "Ba nước (tức Bắc Chu, Bắc Tề, Trần) sẽ hợp thành một, người có thế lực lớn lao mới ở được chùa này, chùa xây xong, đất nước sẽ thanh bình." Do vậy, đổi tên là chùa Quốc Thanh.

cầu vãng sanh sẽ bị chướng ngại. Đấy chính là nguyên do thành lập riêng hai tòa điện đường dưỡng lão và dưỡng bệnh.

Nhưng già và bệnh còn có thể tạm để đó, chứ lâm chung chắc chắn khó thể coi thường, trì hoãn được. Nếu công phu chưa sâu, Phật niệm chưa thuần, lại thêm bệnh khổ trầm trọng, chẳng có tri thức khai thị, hướng dẫn, tịnh lữ trợ niệm, sẽ trở vào luân hồi, trọn chẳng có hy vọng gì được liễu thoát. Nếu là người công phu đã sâu, Phật niệm đã thuần, lại có sức trợ niệm của đại chúng, há chẳng mau chóng thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô sanh nhẫn ư?

Do vậy biết chuyện trợ niệm quan hệ rất lớn. Đang trong lúc tánh mạng sắp chấm dứt ấy, nhằm lúc phán định thăng trầm, mà đã có người khai thị, hướng dẫn, trợ niệm, ví như kẻ khiếp nhược tránh giặc tính ngồi thuyền trốn xa, được mọi người nâng đỡ, liền có thể vọt lên thuyền, liền được ngồi yên ổn đến tận bờ kia. Nếu là người không được khai thị, hướng dẫn, trợ niệm, ắt sẽ mắc cái họa phá hoại chánh niệm, đừng nói người công phu chưa sâu chẳng thể liễu thoát, dẫu là người Phật niệm đã thuần vẫn khó vãng sanh. Ví như dũng sĩ phá vòng vây lọt ra, tính ngồi thuyền thoát đi, bị mọi người chèo kéo, ngay lập tức té xuống vực sâu. Siêu phàm nhập thánh hay vẫn luân hồi y như cũ chỉ trong một hơi thở này! Lẽ được mất quá nửa nằm trong tay vị trụ trì, một phần ít nằm trong tay những người giữ chức trách. Nếu vị trụ trì hay những vị có chức trách thấy người khác chết giống như cha mẹ, thầy, bạn của chính mình chết ắt sẽ cực lực trợ niệm đúng pháp, thành tựu vãng sanh. Đã được vãng sanh, lâu dần ắt sẽ viên thành Phật đạo. Thành tựu một người vãng sanh chính là thành tựu một chúng sanh thành Phật, công đức ấy há thể diễn tả được ư?

Đến năm Dân Quốc 17, 18, do không kiếm được người trụ trì nên [Quốc Thanh Tự] lâm vào cảnh suy bại sát đất. Năm Dân Quốc 19 (1930), những bậc kỳ lão trong núi và các vị hương thân cung thỉnh hòa thượng Khả Hưng là bậc đã xin thôi chức trụ trì về hưu trước kia trở lại làm trụ trì để mong khôi phục nhà chùa. Cụ Hưng bèn mời người bạn thân là pháp sư Tĩnh Quyền giúp sức. Do vậy đặc biệt mở học xã để hoằng dương xiển phát tông Thiên Thai, hưng khởi điều lợi, trừ thói tệ, tiến hành đầy đủ trăm chuyện đã bị phế bỏ. Nay lại tính lập ra ba viện này, mỗi viện gồm năm gian, vị trí ở gần nhà bếp để tiện cung cấp những thứ thức ăn, trà nước cho những vị già cả, bệnh tật. Mỗi viện đều cử người trông nom, đều lập quy ước. Trụ trì và những vị có chức trách thường đi xem xét, chẳng để cho những người chăm sóc lười nhác, coi thường. Dụng tâm cẩn thận, sát sao đáng cho người khác khâm phục! Hòa thượng Khả Hưng sai Quang soạn bài ký. Do vui đẹp trước tấm lòng thành vì pháp vì người của chùa Quốc Thanh nên

Quang quên mình hèn tệ, viết những ý chính. Nguyện từ nay trở đi, trụ trì và những vị có chức trách chùa Quốc Thanh cũng như trụ trì và những vị có chức trách các nơi trong hiện tại lẫn tương lai ai nấy đều chú ý sâu xa.

7. Bi ký về chuyện liên xã Hương Quang thuộc thảo am Hương Sơn ở Ngô Huyện xây dựng điện Tam Thánh

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Đức Đại Giác Thế Tôn khéo trị những căn bệnh nơi thân nơi tâm chúng sanh, khéo làm cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tâm bệnh có những thứ nào? Chính là tham sân si. Đã có những bệnh ấy, tâm chẳng thể chánh được, những ý niệm thuận theo tình kiến, trái nghịch lý sẽ ồ ạt dấy lên. Những niệm ấy đã khởi, ắt sẽ muốn thỏa lòng ham muốn của chính mình, cái tâm hèn tệ giết trộm dâm sẽ ngay lập tức biến thành sự thực. Đấy gọi là "do hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chuốc khổ trải trần điểm kiếp[467] chẳng thuở nào xong". Đức Như Lai thương xót, tùy theo từng căn bệnh của chúng sanh mà ban thuốc, bảo họ: "Tâm tham sân si chẳng phải là cái tâm vốn có của các ngươi, tâm các ngươi vốn viên minh tịnh diệu như tấm gương sáng sạch, trọn chẳng có một vật nào! Hễ có vật ở trước gương thì không vật nào chẳng được soi trọn vẹn. Vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng lưu giữ. Giữ được tánh thiên chân của ta, chẳng bị chuyển theo vật. Mê tâm đuổi theo cảnh thì gọi là ngu phu. Trái trần hợp giác liền dự vào dòng thánh." Nếu con người biết được điều này, tâm bệnh sẽ lành. Tâm bệnh đã lành, thân bệnh chẳng có cội gốc nữa, dẫu cảm xúc lạnh nóng cũng chẳng bị nguy hiểm. Tâm đã chánh thì thân sẽ chánh theo. Do đã không có tình niệm tham sân si thì sẽ do đâu mà có những hạnh hèn tệ giết trộm dâm cho được? Ai nấy đều như thế thì dân là đồng bào, loài vật giống như ta, đối đãi bình đẳng, nào còn có chuyện tranh đất giành thành, tàn sát lẫn nhau nữa ư?

Vì thế, những bậc vua quan thông minh duệ trí thời xưa không vị nào chẳng sùng phụng hộ trì, bởi Phật pháp giữ yên đất nước khi chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy, nên đạt đến thái bình mà chẳng hay chẳng biết, chẳng tỏ lộ dấu vết vậy. Tiếc cho những nhà Nho đời sau tâm lượng hẹp hòi, nhỏ nhen, lấy diệu nghĩa từ kinh Phật để giúp cho những chuyện bàn suông của bọn họ, nhưng bài xích thật lý do đức Phật đã nói, bảo là bịa đặt. Sự lý nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo chính là đại kinh đại pháp khiến cho người hiền mau lên cảnh thánh, kẻ ngu gắng sức làm người dân lương thiện, thế mà bọn chúng bảo "thật ra chẳng có chuyện nhân quả báo ứng, con người chết đi, thần hồn đã diệt, còn ai để chịu tội

[467] Trần điểm kiếp: Kiếp số nhiều như số vi trần.

và thác sanh?" Từ đấy thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt, đến nỗi hùa nhau phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, bỏ thẹn, chẳng hề xấu hổ, ngược ngạo coi đó là vinh, đều là do những thứ học thuyết ấy ươm thành. Cõi đời đã loạn đến cùng cực, ai nấy đều lo sợ, muốn cứu vãn thì chẳng thể không noi theo đại pháp của đức Như Lai. Do vậy các nơi đều lập Tịnh nghiệp xã hoặc Cư sĩ lâm để đề xướng nhân quả, chuyên tu tịnh nghiệp.

Trụ trì thảo am Hương Sơn ở Ngô Huyện là đại sư Thanh Thiền và các cư sĩ tại địa phương đã sáng lập liên xã Hương Quang từ lâu, nay đặc biệt xây cất năm gian điện Tây Phương Tam Thánh ở phía Đông thảo am. Những tăng nhân sống trong am suốt năm tu tập, tăng tục tham dự liên xã định kỳ cử hành, sắm sửa đầy đủ kinh sách Tịnh tông để mọi người đọc tụng. Ngày Rằm mỗi tháng mọi người đều tụ lại, niệm Phật một ngày, hễ thuận tiện bèn giảng diễn tông chỉ của pháp môn Tịnh độ ngõ hầu những người tu trì hiểu thấu triệt tự tâm, chẳng đến nỗi miệng nói cầu sanh Tây Phương mà lòng vẫn nhớ tưởng cõi này, đến nỗi công phu sắp thành nhưng vì mắc lỗi hiểu lầm đến nỗi mong thoát sanh tử mà vẫn đọa luân hồi! Lại còn chỉ dạy cặn kẽ nhân quả, thuật đủ tội phước.

Phàm những ai tham dự liên xã đều phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện, giữ gìn tám đức "hiếu, đễ, lễ, nghĩa, trung, tín, liêm, sỉ", dốc chí nơi tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", ắt sẽ khiến cho Nho tông nhờ Phật pháp mà được phục hưng, sự giáo hóa của Phật do hàng Nho sĩ mà được truyền rộng rãi, bù đắp thiên kiến "trong lòng sùng phụng, ngoài mặt chống trái", tự lầm lầm người của tiền nhân, dạy đời sau quy củ rộng lớn "sống trong cõi trần học đạo, tự lập lập người". Ba người cùng đi ắt có người là thầy ta; một ấp mười nhà ắt có nhà trung tín. Ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật. Người ta là trượng phu, mình cũng là trượng phu, chớ nên tự khinh rồi cam phận lui sụt, ngõ hầu chẳng cô phụ Phật tánh sẵn có nơi tâm mình và đại pháp liễu thoát ngay trong đời này. Nguyện khắp những người đến với liên xã này đều ghi nhớ chớ quên thì may mắn lắm thay!

8. Bi ký thuật duyên khởi của điện Tây Phương tại Vô Tích

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh độ là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật, là cội nguồn của các pháp, cả phàm lẫn thánh đều được độ, thích hợp khắp ba căn thượng, trung, hạ; Thiền, Giáo, Luật cùng hướng về một đạo, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít nhưng đạt hiệu quả nhanh chóng. Quả thật là con

đường tắt cho chúng sanh trong chín pháp giới trở về lẽ chân, thỏa thích bản hoài xuất thế của đức Bổn sư Thích-ca. Xét từ khi pháp được truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa), Viễn công mở liên xã đầu tiên, từ đấy những bậc cao nhân chí hâm mộ Tây Phương ai nấy vâng theo tông phong, sự giáo hóa lan khắp cả nước và các nước ngoài. Tuy hơn một ngàn năm qua không lúc nào chẳng có những tình trạng hưng thịnh hay suy vi, trong tâm chúng sanh vẫn thường giữ lòng thành quy hướng.

Huyện Vô Tích chính là cuộc đất thù thắng nơi Thái Bá, Trọng Ung ẩn mình. Điện Tây Phương là đạo tràng cùng tu cả Phật pháp lẫn thế pháp. Nhằm năm Quang Tự 29 (1903) đời Thanh đã có năm vị ưu-bà-di là Cao Siêu Tắc, Tần Học Tây, Triệu Tịnh Chứng, Đằng Tâm Tịnh, Cố Tịnh Minh, hạnh noi theo ba bà Thái[468], chí mong nơi chín phẩm sen, mỗi người bỏ ra một món tịnh tài là năm trăm đồng, tính dựng tinh xá niệm Phật ngoài cửa Tây, [thuộc khu vực đánh số] 22-7 trên bản đồ. Bà Siêu Tắc lại bảo con là Chấn Thục tặng cho tinh xá 6 phân 5 ly đất nữa để góp thêm vào khoảnh đất do các xã hữu đã chung sức quyên góp tậu được. Bèn dựng đại điện, cửa tam quan, nhà khách, tịnh thất, tổng cộng hơn mười gian, mất ba năm mới xây dựng xong. Phàm tượng Phật, kinh điển, pháp khí trang nghiêm nói chung đều đầy đủ, lại còn định quy ước rõ ràng, ghi chép lại để lưu truyền, vâng giữ. Nếu là hàng phụ nữ quy y tam bảo, dốc lòng tu tịnh nghiệp thì đều có thể tùy hỷ tu trì, đây chính là nơi tiên khởi của liên xã dành cho nữ giới tại Vô Tích vậy.

Thuở đầu, bà Siêu Tắc lòng nhàm chán sanh tử mong mau được liễu thoát, được hai người chú là các tiên sinh Ngưng Phong và Đạo Nam chỉ dạy pháp môn Tịnh độ, bèn phát tâm kết xã đồng tu tịnh nghiệp. Lúc ban đầu, lập hội trong am Thạch Sư, tiếp đó sáng lập điện này để tự có thể chủ trì được việc này. Tới năm Tuyên Thống thứ hai (1910), bà sắp về Tây, bèn mời khắp các vị hương thân, cao niên, thiện tín hộ pháp đến, giao cho bà Học Tây kế tục đảm nhiệm mọi việc. Nối tiếp bà Học Tây chủ trì đến nay là bà Hiển Trung. Bà Hiển Trung xưa đã gieo huệ căn, hiếu học, chuyên tu, thường nương theo bà Siêu Tắc tu trì tại đây. Gần đây bà lãnh đạo tịnh hữu rất được tiếng khen. Trong điện từ trước đến nay khóa tụng sáng tối, ba thời niệm Phật quy củ nghiêm túc, tu trì tinh tấn, khiến cho kẻ thấy nghe đều sanh lòng chánh tín. Do vậy những người bỏ mê về với ngộ, chuyển tà thành chánh mà chẳng hề hay biết không thể đếm xuể được! Gần đây liên xã

[468] Ba bà Thái chính là Thái Khương (vợ Chu Thái Vương, tức bà nội của Văn Vương), Thái Nhậm (vợ Chu Vương Quý, mẹ vua Văn Vương) và Thái Tự (vợ Chu Văn Vương), ba người đàn bà hiền đức mẫu mực nhất thời cổ.

thành lập như rừng, tiếng niệm Phật chở đạo[469] chưa hề có nơi nào chẳng phải do điện này phát khởi vậy. Lại ở trước cửa dành ra 2 phân 5 ly đất, dự tính mai sau sẽ dần dần mở rộng cuộc đất ra.

Hiển Trung do chủ trì đã lâu, bị già - chết bức bách, ý muốn thoái ẩn, hòng chuyên tu tịnh nghiệp. Do vậy trình bày với Quang về duyên khởi, lai lịch của điện này, cậy tôi viết bài ký. Do vậy, tôi bèn trình bày đại lược sự rộng lớn cao sâu của pháp môn Tịnh độ, cũng như do sự tu trì tinh tấn của mọi người trong điện này nên được thiện tín khâm phục, ngưỡng mộ, hộ trì, nhằm thành tựu đạo tràng thù thắng nhiệm mầu "tu chân ngay trong cõi tục, tự lợi lợi tha" này, ngõ hầu hết thảy mọi người đều biết "ở ngoài thế giới giống như nhà cháy này, vốn có quê hương thanh tịnh yên vui tột bậc", cùng chuẩn bị tư lương tín - nguyện - hạnh để trở về nhà, mong sao đích thân thấy được bậc cha mẹ đại từ bi là A-di-đà Phật, liền được cùng với Phật chứng vô lượng quang thọ. Nguyện ai nấy gắng sức, nguyện mỗi người hãy gắng công lên! (Tam môn chính là ba môn giải thoát *không, vô tướng, vô tác*, nhưng một môn có đủ cả ba nghĩa giải thoát này vậy.)

9. Bi ký ghi duyên khởi sáng lập chùa Pháp Vân bên sông Tam Xoa tại Nam Kinh

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Như Lai vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện trong cõi đời, gọi là "đại sự" là vì muốn cho hết thảy chúng sanh đều khai - thị - ngộ - nhập tri kiến Phật, ai nấy đều được thành Phật mới thôi. Do chúng sanh căn tánh lớn - nhỏ khác biệt, nên pháp môn của đức Như Lai có quyền - thật bất đồng. Vì vậy tâm phổ độ chúng sanh của Như Lai chưa được thỏa mãn lớn lao. Bởi thế, đặc biệt mở ra một pháp "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này thoát khỏi cõi khổ này, sanh sang nước vui sướng kia. Bậc thượng căn sẽ mau chứng pháp thân, kẻ căn cơ trung hạ cũng đều cùng lên Bất thoái, khiến cho chúng sanh cùng thoát sanh tử, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai. Lợi ích ấy chẳng thể diễn tả được! Vì thế, pháp này được chín giới hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói, vì pháp này là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

[469] Nguyên văn "Phật thanh tải đạo": Dựa theo ý câu "văn dĩ tải đạo" dùng văn chương để chuyển tải đạo lý. Tương tự, tiếng niệm Phật khiến người nghe thức tỉnh, phát khởi thiện căn, mỏng nhẹ phiền não, do vậy, tiếng niệm Phật cũng chuyên chở đạo lý vậy.

Chùa Pháp Vân phỏng theo đạo tràng niệm Phật phóng sanh do chùa Vân Thê đã lập. Nguyên do là vì trong tháng 8 năm Dân Quốc thứ mười (1921), Quang sang Dương Châu để khắc in sách, ông Vương Ấu Nông đi cứu trợ ở Nam Kinh, theo lời ước hẹn đến thăm viếng. Ngày hôm sau đến thăm ông Lưu Viên Chiếu, ông Ngụy Mai Tôn cũng đến gặp, cho biết chính ông ta "khá tin tưởng Phật pháp, đã từng đọc Văn Sao của thầy, gần đây cũng niệm Phật, nhưng hận rằng nghiệp chướng, tập khí sâu dày, chẳng thể ăn chay được". Quang bảo: "Bệnh ấy dễ trị, xin hãy đem bài sớ kêu gọi tu bổ ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm đọc kỹ, đảm bảo ông sẽ ăn chay được!" Vào tháng 10, ông ta liền ăn chay trường, lòng đau đáu nghĩ tưởng sát kiếp tràn lan đều do sát sanh ăn thịt cảm thành, nhân đấy bèn miệt mài đề xướng niệm Phật, phóng sanh, mong sao người và vật đều được sống yên vui, đều được vãng sanh Tây Phương. Năm sau, ông Mai Tôn cùng với Ấu Nông, Bàng Tánh Tồn, Diệu Liên, Tâm Tịnh v.v. thương lượng mua chừng đó mẫu đất của ông Phương Tuấn Sanh bên sông Tam Xoa để thực hành chuyện ấy.

Ông Tuấn Sanh vốn là con cháu của một gia tộc đời đời đức hạnh, khôn ngăn hoan hỷ, đặc biệt bán giá rẻ, xin đem bài vị tổ tiên cha mẹ thờ vĩnh viễn trong niệm Phật đường để mong cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh hòng báo ân cha mẹ. Liền khởi công vào tháng Chạp, đào ao, đắp nền. Năm sau, dựng liên xá[470] và mười mấy căn nhà để sử dụng, đào chín cái ao để phóng sanh theo từng loại nhằm tránh cái nạn cá dữ nuốt cá. Năm ấy lại đề xướng lập cô nhi viện nuôi dạy cô nhi để chúng nó học chữ, học nghề hầu có thể tự lập, chẳng đến nỗi lang thang chết đói và trở thành phường không ra gì. Do vậy, xây dựng cô nhi viện trước, còn chuyện dựng chùa sẽ tính từ từ. Do nhiều năm liên tiếp thời cuộc không ổn, nên lần khân mãi đến ngày nay. Ông Đặng Phác Quân và Mai Tôn đều là học trò của ông Phùng Mộng Hoa, lại cùng quy y với Quang, xin ông Phùng và Quang đề tựa cho sổ vàng Bốn Mươi Tám Nguyện nhằm quyên mộ khoản tiền xây dựng Pháp Vân. Phàm những người khác quyên mộ cũng gộp vào trong sổ vàng ấy. Mỗi nguyện là một ngàn đồng, hễ có được bốn năm vạn đồng liền có thể xây dựng. Ghi đến hơn năm chục nguyện, đã giao ra hai vạn hai ngàn bảy trăm bảy chục đồng mà vẫn chưa khởi công, vì thế chẳng quyên góp nữa.

Năm Dân Quốc 19 (1930), ông Phác Quân quy Tây, hai cuốn sổ ấy con ông ta là Hàn Phân giao lại cuốn đầu, cuốn sau bị thất lạc, nên không biết được tên những người quyên mộ, cũng như do có người đã qua đời hay chuyển chỗ ở nên

[470] Liên xá: Gian nhà để niệm Phật. Do chỉ là một gian nhà tạm thời để niệm Phật nên không gọi là niệm Phật đường.

tuy có tên trong sổ cũng khó lòng thu hết được. Mấy năm qua, khi kinh phí cho cô nhi viện chẳng đủ nên đã tự tiện dùng tiền lời của khoản tiền ấy để bù đắp, vì thế trọn chẳng tăng thêm được. Năm ngoái, ông Mai Tôn quy Tây, ông Ấu Nông do thấy Quang và ông ta đều là khách chẳng còn ở lâu trong cõi đời này, nếu chẳng gấp rút lo toan, sau này chắc sẽ bị mất tích, bèn quy định biện pháp cho khởi công động thổ, sắm sửa vật liệu, mùa xuân năm nay sẽ đứng ra đốc thúc xây cất. Gặp đúng lúc chánh phủ cử ông ta làm ủy viên chánh phủ tỉnh Thiểm Tây kiêm nhiệm chức vụ trưởng ty dân sự vụ tỉnh Thiểm Tây, giữ nhiệm vụ trông nom xây dựng, nên mọi việc giao lại hết cho thầy trụ trì Tâm Tịnh.

Hơn nữa, việc này do Quang phát khởi nên thầy Tâm Tịnh bảo Quang soạn bi ký nhằm thưa với những người thông sáng mai sau. Trong năm Dân Quốc 11 (1922), lúc mua đất đã bàn bạc quyết định chương trình là đạo tràng chuyên tu tịnh nghiệp, quanh năm niệm Phật, công khóa mỗi ngày giống như Phật thất phổ thông. Nhất loạt chẳng giảng kinh, truyền giới, truyền pháp, thu nhận đồ đệ, làm chuyện kinh sám thù tạc. Trụ trì bất luận Thiên Thai, Hiền Thủ, Lâm Tế, Tào Động, nếu giới hạnh tinh nghiêm, thông hiểu giáo lý, tin tưởng Tịnh độ sâu xa, chí mong lợi người thì đều có thể mời đảm nhiệm [chức trụ trì]. Nếu những mặt khác đều xuất sắc, chỉ có với Tịnh độ chẳng hề chú ý thì quyết chẳng thể thỉnh được! Trụ trì luận theo tuổi hạ, đức hạnh, chẳng luận trên thế hệ truyền thừa, do theo lệ truyền hiền chứ không theo lệ thầy truyền cho trò. Trong niệm Phật đường, mỗi ngày vị trụ trì hoặc người trưởng ban nói về Tịnh độ và giới luật, khai thị một lần để các sư phát tâm tăng thượng thù thắng. Có vị tín sĩ nào hâm mộ đạo phong nơi này xin mở niệm Phật thất để cầu cho cha mẹ được tăng tuổi thọ, cầu siêu linh hồn của tổ tông, tiêu trừ tội khiên của chính bản thân, hoặc vun đắp nền phước cho con cháu thì vẫn cứ niệm Phật như thường lệ, chỉ thêm vào ba lượt hồi hướng mà thôi. Lễ Diệm Khẩu cũng nhất quyết không thực hiện, nhằm ngăn ngừa hạng tăng ứng phó thừa cơ ẩn nấp phá hoại đạo tràng[471]. Phàm những ai xin mở Phật

[471] Do nghi lễ Diệm Khẩu rất phức tạp, bao gồm nhiều lễ nghi, thể loại tán tụng, ấn quyết, cũng như lễ nhạc rất phức tạp, nếu không phải là một vị tăng được huấn luyện chuyên môn sẽ không thể tham dự vào ban kinh sư để cử hành lễ này được. Chữ "ứng phó" ở đây thường bị đọc trại thành *ứng phú* với ý nghĩa "có khả năng thực hiện các nghi lễ thành thục, thông thạo, đúng cách". Muốn cử hành lễ Diệm Khẩu phải mời những vị tăng chuyên được đào luyện về khoa ứng phú, tuy vậy trong số những vị tinh thông nghi lễ ấy, không đảm bảo họ sẽ đều là người chú trọng tu trì, giới hạnh tinh chuyên. Nếu thường xuyên cử hành lễ Diệm Khẩu sẽ phải mời những vị ấy đến ở trong chùa. Nếu họ không phải là người chú trọng tu trì, sẽ rất dễ gây xáo trộn trở ngại cho sự thanh tu trong đạo tràng, cũng như khiến cho việc chuyên tu bị xen tạp. Hơn nữa, để cử hành lễ Diệm Khẩu phải tốn nhiều công sức chuẩn bị, rất tốn kém, nếu không mời tăng bên ngoài thì tăng chúng bổn tự phải dành nhiều thời gian để tập luyện khoa ứng phú cho nhuần nhuyễn nên sẽ xao nhãng việc niệm Phật.

thất chỉ được đến một hai người để tỏ lòng kính trọng, lễ bái, nhưng phải ra về ngay trong ngày hôm ấy. Nếu tụ họp bạn bè đông đảo và đem theo quyến thuộc nữ giới trẻ tuổi ở lại cho đến khi viên mãn mới về thì quyết chẳng chấp thuận. Đạo tràng này thực hành pháp môn đặc biệt nên chẳng tuân theo thông lệ đã thành lập. Chương trình ấy đã ấn định ổn thỏa ngay trong lúc mua đất, nhưng trong năm Dân Quốc 15 (1926), tại Linh Nham ở Tô Châu, hòa thượng Chân Đạt khi biến ngôi chùa của mình thành đạo tràng thập phương đã thực hiện quy định này trước hết.

Hiện thời do khoản quyên góp hữu hạn, lại thêm thời cuộc khó khăn chẳng dễ gì quyên mộ, chỉ có cách tốt nhất là thu nhỏ phạm vi để khỏi bị bó tay. Đại điện dựng năm gian lầu cao, phía trên thờ Đại tạng kinh bản đời Tống mới được ấn hành và làm chỗ xem kinh. Phía dưới là đại điện, niệm Phật cũng ở chỗ đó. Hai bên đều dựng mười mấy gian để làm nhà khách, nhà kho, nhà bếp, phòng để bế quan. Cửa Tam Quan chính là điện Di-lặc Vi-đà[472]. Phạm vi tuy nhỏ, nhưng nói chung hình thức đầy đủ. Trước đó đã sắp xếp mười mấy vị tăng thật lòng tu đạo, tích cực tu trì để cầu vận nước tốt đẹp, hưng thịnh, tai họa tiêu diệt, mưa nắng đúng thời, thiên hạ thái bình. Tất cả việc đả thất hoặc cầu siêu cho vong linh, hoặc cầu thọ, do bài vị được thờ sau khám thờ Phật sẽ được nghe tiếng Phật hiệu suốt năm, giúp ích cho thần thức cũng lớn lắm. Phương danh công đức cho lần xây dựng này được khắc trong một tấm bia khác. Nếu có vị đại công đức chủ phát tâm hộ trì thì số người thường trụ nơi đây sẽ được tăng thêm. Kính mong những vị sống trong chùa này đều cùng phát tâm "tự lợi lợi tha, cùng sanh Tây Phương", ngõ hầu khỏi phụ bạc sự giáo hóa của Phật, chẳng phụ rẫy tánh linh của chính mình, báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi vậy.

10. Bi ký ghi công đức xây dựng lầu chứa kinh chùa Đại Phật Lăng Vân thuộc huyện Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Tam bảo Phật - pháp - tăng là đèn đuốc cho đêm dài vô minh, là thuyền bè trong biển khổ sanh tử, không riêng gì người có chí mong đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử phải nên nương tựa, mà ngay cả những ai chuyên tâm nơi "minh đức, thân dân, trị quốc, an bang" cũng phải lấy việc "sáng tỏ diệu lý tâm tánh, nêu rõ sự thực nhân quả" làm một trợ duyên lớn lao cho việc xoay chuyển lòng người, phụ trợ nền bình trị của nước nhà vậy. Vì thế, xưa kia những bậc lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng trung lòa nhật nguyệt, hạo khí lấp trời đất, phần nhiều

[472] Gọi như vậy vì tầng trên Tam Quan thờ Di-lặc Bồ-tát và đức Hộ Pháp Vi-đà Bồ-tát.

do học Phật đắc lực mà ra, không ai chẳng dốc sức nơi trang nghiêm tượng Phật, lưu thông kinh Phật, hộ trì tăng chúng tu hành, mong cho hết thảy nhân dân đều cùng do trụ trì tam bảo[473] mà ngộ nhập nhất thể tam bảo[474], đích thân chứng được chân như Phật tánh sẵn có nơi tâm này. Ở chùa Lăng Vân xưa kia thế nước chảy xiết[475], thuyền đi ngang bị đụng vỡ gây hại rất lớn. Đầu đời Đường, thiền sư Hải Thông thấy vậy thương xót, muốn tìm cách cứu vớt che chở, bèn tạc một bức tượng Đương Lai Hạ Sanh Di-lặc Tôn Phật ngồi trên núi, cao đến 36 trượng, kích thước của tòa sen ngài ngồi chẳng tính vào trong [con số 36 trượng ấy]. Do nguyện lực của sư nên cảm được đức Phật rủ lòng từ gia hộ, nước đổi dòng, chạy sát vào chân núi, nổi lên một bãi cát bồi để người ta có thể sống được ở đó. Ý sư cho rằng ngài Di-lặc là đức Đương Lai Thế Tôn lòng từ không ai hơn được, tạo bức tượng lớn này chẳng những chỉ muốn cậy vào Phật từ lực để cứu giúp, che chở thuyền bè qua lại mà còn vì mong mỏi sâu xa những kẻ thấy nghe sẽ nạp vào tám thức điền tạo thành một đại nhân duyên hòng trong đời này phát tâm tu trì, vãng sanh Tây Phương, tương lai trở vào Sa-bà phù tá Di-lặc Phật trong hội Long Hoa. Sư đến hết đời vẫn chưa hoàn thành được công trình, đến niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường Đức Tông công trình mới hoàn thành. Gặp dịp Nam Khang

---

[473] Trụ trì tam bảo là một trong ba loại tam bảo, có tác dụng hiện diện trong cõi thế gian để duy trì Phật pháp, gồm tượng Phật, hình Phật là Phật bảo, kinh sách là pháp bảo, tăng chúng xuất gia là tăng bảo.

[474] Nhất thể tam bảo, còn gọi là đồng thể tam bảo, đồng tướng tam bảo. Tuy phân thành ba ngôi, nhưng vốn cùng một thể nên gọi là nhất thể. Nếu giải thích chi tiết hơn thì:

1. Luận trên mặt sự, Phật thể mang ý nghĩa giác chiếu là Phật bảo. Phật đức mang tác dụng làm khuôn mẫu (quỹ pháp) nên là pháp bảo, đã dứt hết những sự tranh cãi, trái nghịch nên là tăng bảo. Ba nghĩa này tuy khác, nhưng xét về mặt bản thể của mỗi đức lại chẳng khác nên gọi là nhất thể. Đây là giáo nghĩa được tuyên dương bởi các bộ luận Thành Thật, A-tỳ-đàm cũng như các kinh luận Đại thừa.

2. Luận trên phương diện phá tướng và "bản thể vốn là không" thì sự tuy có sai khác, nhưng thể đều không, nên gọi là nhất thể. Giáo nghĩa này chỉ hạn cuộc trong giáo pháp Đại thừa.

3. Luận trên thực tế, tuy tam bảo khác biệt nhưng đều lấy thực tánh làm thể nên gọi là nhất thể. Đây cũng là một giáo nghĩa chuyên biệt của Đại thừa. Hoa Nghiêm Kinh Khổng Mục Chương, quyển hai, giảng: "Đồng tướng tam bảo nghĩa là đồng một pháp tánh chân như, có ba nghĩa khác biệt là giác nghĩa, quỹ pháp nghĩa (khuôn phép), hòa hợp nghĩa, nên gọi là tam bảo."

[475] Chùa Lăng Vân nằm ngay bờ Đông chỗ hai dòng Đại Độ và Mân Giang giao nhau. Núi Lăng Vân có chín ngọn nên còn gọi là núi Cửu Đảnh. Từ chùa nhìn sang bên kia sông là thành Lạc Sơn. Vào thời Đường, nơi mỗi ngọn núi đều có chùa, hiện giờ chỉ còn mỗi chùa Lăng Vân. Tượng Phật Di-lặc được đục thẳng vào vách núi trong tư thế ngồi, cao đến 71 mét, vai tượng rộng đến 28 mét. Tượng được tạc từ Khai Nguyên nguyên niên (713) đời Đường Huyền Tông đến năm Trinh Nguyên 19 (803) đời Đường Đức Tông mới hoàn thành, tức là tượng được tạc ròng rã trong 90 năm. Tượng này thường được gọi là Lạc Sơn Đại Phật hay Lăng Vân Đại Phật.

Vương là Vi Cao làm Tiết độ sứ[476] Tây Xuyên bèn soạn bi ký, có câu: "Thân cao ba trăm sáu mươi thước, đầu to chừng đó thước, mắt rộng hai trượng, những tướng hảo khác mỗi mỗi đều xứng hợp. Đây chính là tượng Phật lớn nhất nước ta. Nhưng pháp thân thật sự của Phật trọn khắp pháp giới, còn thân ứng hóa biến hiện thì mênh mông chẳng nhất định." Năm Dân Quốc thứ 9 (1920), ông Trang Tư Giam ở Thường Châu triều bái Phổ Đà, đem theo ba bức "mễ Phật" (tượng Phật hiện trên hạt gạo) đưa cho xem. Những tượng ấy trang nghiêm vi diệu, cả cõi đời không thể sánh bằng, ấy chính là tượng đứng do thiên nhiên tạo thành, dưới hạt gạo vẫn còn vòng cám. Hễ ai thấy nghe đều cảm kích ân Phật.

Đối với những đế lý được nói trong kinh Phật, cố nhiên chẳng dễ gì tỏ rõ, nêu được những điều quan trọng là luận. Tứ thánh, lục phàm, nhân quả của mười pháp giới vốn trong một tâm. Đối với bản thể của tâm, phàm thánh chẳng hai, chúng sanh và Phật hệt như một, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng, thường hằng khắp xưa nay, chẳng đổi dời, chẳng biến chuyển, Thể tuy bất biến, dụng thường tùy duyên. Thuận theo tịnh duyên, do công đức có sâu hay cạn mà có chứng quả Thanh văn, chứng quả Duyên giác, chứng quả Bồ-tát, chứng quả Phật sai khác. Tuy Thanh văn là nhỏ nhất, nhưng đã đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, thường hưởng pháp lạc, chẳng thọ thân sau nữa. Theo nhiễm duyên, do hoặc nghiệp nặng hay nhẹ mà có sanh lên đường trời, sanh trong đường người, sanh trong đường a-tu-la, sanh trong đường súc sanh, sanh trong đường ngạ quỷ, sanh trong đường địa ngục khác biệt. Dẫu trời người là cao nhất, vẫn là đầy dẫy hoặc nghiệp, sanh tử luân hồi, thường ở trong tam giới, lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Mười pháp giới ấy do một tâm của chính đương nhân tạo ra, thăng trầm, khổ vui khác biệt vời vợi một trời một vực; nhưng thể tánh của cái tâm ấy vẫn thường tự như như, nơi phàm chẳng nhiễm, tại thánh chẳng tịnh. Vì thế kinh Hoa Nghiêm nói: *"Nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo"* (Nếu ai muốn hiểu rõ hết thảy Phật ba đời, hãy quán tánh pháp giới, hết thảy chỉ tâm tạo).

Do vậy, đức Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật chưa thành, tùy thuận cơ nghi của họ mà trước hết nói *ngũ giới thập thiện* thuộc Nhân Thiên thừa, rồi

[476] Tiết độ sứ là một chức quan được đặt ra vào đời Đường. Thoạt đầu, những vị võ tướng nắm giữ binh quyền ở một đạo (tương đương với tỉnh bây giờ) được gọi là Đô đốc, chỉ những vị Đô đốc được vua ban cờ Tiết (một loại cờ hiệu tượng trưng cho uy quyền) mới được gọi là Tiết độ sứ. Đến đời Đường Duệ Tông, chức vụ này mới được chính thức thiết lập và phạm vi cai quản của Tiết độ sứ được mở rộng, trông coi cả về nội chính lẫn binh quyền trong một đạo. Các Tiết độ sứ cũng thường được phong tước Quận Vương, quyền uy rất lớn, khi chính quyền trung ương suy yếu, các Tiết độ sứ thường thừa cơ chiếm đất làm vua một cõi. Do vậy đến đời Tống, triều đình quy định Tiết độ sứ chỉ trông coi về nội chính, không được giữ binh quyền nữa.

nói *tứ đế* của Thanh văn thừa, rồi nói *thập nhị nhân duyên* của Duyên giác thừa, rồi nói đến *lục độ vạn hạnh* của Bồ-tát thừa, rồi nói đến phước lẫn tuệ cùng trọn vẹn, tịch chiếu cùng dung thông, hết sạch tam hoặc, vĩnh viễn mất hai thứ chết, viên mãn Bồ-đề, trở về chỗ "không có gì để đạt được" của Phật thừa. Lại nghĩ chúng sanh kém hèn, không cậy vào sức thệ nguyện rộng sâu của Phật Di-đà chắc chắn khó lòng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này được, nên đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu bọn phàm phu đầy dẫy hoặc nghiệp nương vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Đã được vãng sanh thì hoặc nghiệp đã hết, đã chứng địa vị thánh, so với những kẻ chỉ cậy vào tự lực thì sự khó dễ dù hết cả năm cũng chẳng thể nói trọn!

Nhưng pháp môn này chính là nhằm tiếp độ thượng căn, tiếp độ kèm thêm hàng trung hạ, vì thế Thiện Tài đã chứng Đẳng giác, Phổ Hiền Bồ-tát bèn dạy dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả, cũng như khuyên khắp các vị Bồ-tát thuộc Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành, bởi đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Đời có những kẻ bẩm tánh thông minh đôi chút thường coi rẻ pháp môn Tịnh độ, chẳng chịu tu trì, chẳng những tự lầm lầm người, mà đúng là còn hủy báng Phật pháp nữa. Như Hoa Tạng hải chúng là các vị Đại sĩ đã chứng pháp thân thuộc 41 địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, dùng công đức của mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh Tây Phương hầu mong mau chứng viên mãn Bồ-đề, trở về Phật quả "không có gì để đạt được". Những vị ấy là hạng người như thế nào, chuyện ấy là chuyện như thế nào, ta là hạng người nào mà dám chống đối các vị ấy?

Còn như kinh văn trong giáo pháp của cả Đại tạng được chia thành ba phần là kinh, luật, luận, nên có tên là Tam tạng. Tạng có nghĩa là "sâu chắc, u viễn, lấy để sử dụng chẳng bị cạn kiệt". Nếu đối với mỗi một chữ, một câu mà có thể thâm nhập thì sẽ thông suốt hết thảy pháp, hiểu hết thảy nghĩa. Vì thế Lục tổ của Thiền tông nghe một câu *"ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"* (hãy không trụ vào đâu để sanh tâm) bèn nối tiếp ngôi vị tổ; hành nhân Liên tông thường trì sáu chữ "Nam-mô A-di-đà Phật" liền có thể ngay trong đời này sanh về nước Cực Lạc, dự vào hội Liên Trì.

Ba tạng kinh, luật, luận ấy từ Thiên Trúc truyền sang, trong bộ Khai Nguyên Thích Giáo Lục[477] đời Đường đã chép kinh điển nhà Phật có đến năm ngàn bốn

[477] Khai Nguyên Thích Giáo Lục còn được gọi là Khai Nguyên Mục Lục hay Trí Thăng Lục do ngài Trí Thăng biên soạn vào năm Khai Nguyên 18 (730) đời Đường, gồm 20 quyển, nội

mươi tám (5.048) quyển. Từ đấy liên tục dịch thêm cũng chẳng ít, nhưng cũng có những quyển bị thất lạc. Hiện thời Đại tạng kinh đời Thanh (Càn Long Đại tạng kinh) từ chữ "*Thiên, Địa, Huyền, Hoàng"*[478] đến chữ *Tất* trong câu *"Tất Thư Bích Kinh*" gồm có bốn trăm tám mươi lăm (485) hòm[479], tức bốn ngàn tám trăm năm mươi quyển. Trước thuật thuộc phương này (Trung Hoa) gồm thích kinh, tông kinh, các sớ luận và truyện ký, ngữ lục v.v. từ chữ *"Thư, Bích, Kinh"* đến câu *"Lưỡng Sớ Kiến Cơ"* mới hết, gồm hai trăm ba mươi chín (239) hòm, tức hai ngàn ba trăm chín mươi quyển, tổng cộng là bảy ngàn hai trăm bốn mươi quyển. Bộ này được khởi công khắc từ tháng Hai năm Ung Chánh mười ba (1735) đến ngày Rằm tháng Chạp năm Càn Long thứ ba (1738) mới hoàn thành.

Bậc thượng căn lợi trí đối với mỗi chữ một câu trong những kinh này, nếu tâm hồn thông hiểu liền có thể tự lợi lợi tha, tự lập lập người. Tiếp đó lại chí thành khẩn thiết thọ trì đọc tụng, y giáo phụng hành, hiểu nhân quả, rõ tội phước, dùng thân xướng suất người khác, ngõ hầu hết thảy mọi người nhìn vào bắt chước làm

---

dung ghi nhận danh mục kinh nhà Phật được phiên dịch sách và những bản chú sớ, ngữ lục được trước tác từ năm Vĩnh Bình thứ 10 (67) đời Hán Minh Đế cho đến năm Khai Nguyên 18 nhà Đường. Đến năm Trinh Nguyên thứ 10 (794) đời Đường, ngài Viên Chiếu lại soạn thêm bộ Tục Biên (thường được gọi là Đại Đường Trinh Nguyên Tục Khai Nguyên Thích Giáo Lục) gồm ba quyển để bổ sung danh mục những kinh điển đã được dịch thêm hay chưa được nhắc đến trong bộ Khai Nguyên Thích Giáo Lục.

[478] Đây là cách đánh số thứ tự các hòm (tức rương hay tráp đựng kinh) trong Càn Long Đại tạng kinh dựa theo mỗi một chữ trong Thiên Tự Văn, vốn là một bài văn vần dùng để dạy trẻ học vỡ lòng chữ Hán. Gọi là Thiên Tự Văn vì bài này gồm một ngàn chữ Hán khác nhau. Theo truyền thuyết, để luyện tập thư pháp cho công chúa, Lương Vũ Đế sai Chu Hưng Tự (407-521) soạn ra bài văn này với tên gọi đầy đủ là Thứ Vận Vương Hy Chi Thiên Tự Văn. Thiên Tự Văn bắt đầu bằng câu *"Thiên địa huyền hoàng, vũ trụ hồng hoang, nhật nguyệt doanh trắc, thần tú liệt trương, hàn lai thử vãng"* (trời thẳm sắc đen, mặt đất sắc vàng, vũ trụ rộng lớn vô biên, mặt trời mặt trăng hết vơi lại đầy, tinh tú chi chít trong không trung, lạnh qua nóng đến) rồi kết thúc bằng câu *"Vị ngữ trợ giả, yên tai hồ dã"* (Những trợ ngữ dùng trong câu nói là 'yên, tai, hồ, dã'). Từ chữ Thiên trong câu *"Thiên Địa Huyền Hoàng"* đến chữ Tất trong *"Tất Thư Bích Kinh"* (Tất Thư là sách viết theo lối cổ chép bằng sơn trên các mảnh trúc (vì thuở đó chưa có giấy), Bích Kinh là những kinh điển của Khổng tử được chôn giấu trong tường khi Tần Thủy Hoàng hạ lệnh đốt sách, chôn học trò) là 485 chữ. Từ chữ Thư trong câu *"Tất Thư Bích Kinh"* đến *"Lưỡng Sớ Kiến Cơ"* (hai ông Sớ Quảng và Sớ Thọ thấy trước nguy cơ bèn cáo lão hoàn hương) là 239 chữ nữa. Chúng tôi dịch những câu này theo cách giải thích của Wikipedia.

[479] Nguyên văn là "hàm", tức gọi tắt của chữ "hàm quỹ", một loại rương nhỏ để tăng chúng cất giữ pháp phục, những vật dụng tùy thân nhỏ nhặt, thường để dưới gầm giường. Do đó, tráp đựng sách cũng theo thói quen được gọi là "hàm", ta thường dịch là "hòm". Để tiện phân loại, đánh số, lưu trữ, tìm kiếm, Đại tạng kinh được chia thành nhiều hòm (mỗi một hòm như vậy là mười quyển, giống như hình thức chia thành từng tập (volume) hiện thời). Do khổ giấy khi xưa khá hẹp, mỗi quyển như vậy thường có từ 30 đến 40 trang, in cả hai mặt giấy, mỗi mặt thường từ 10 đến 20 dòng, mỗi dòng từ 10 đến 12 chữ (tùy theo khổ chữ).

lành thì đối với pháp môn, đối với xã hội đều có lợi ích. Nếu hoàn toàn chẳng có ý niệm cung kính, chỉ cầu đa văn, hoặc lầm lạc dùng ý kiến ức đoán để luận định nghĩa lý sâu xa trong kinh thì tuy là nhân lành lại chắc chắn chuốc lấy quả ác. Nguyện những người đọc ai nấy hãy gắng công!

Trụ trì chùa Lăng Vân là hòa thượng Quả Tĩnh đã muốn cung thỉnh Đại tạng từ lâu, để những người có đại chí trong hàng tăng tục đều được nghiên cứu, xem đọc, nhưng lầu chứa kinh chưa xây, thỉnh về sẽ không có chỗ để. May sao năm Dân Quốc 18 (1929), pháp sư Vinh Nham cùng cư sĩ Vương Húc Đông đến chùa vãn cảnh, nhân đó nói chuyện thỉnh kinh cần phải dựng lầu, hai vị liền khẳng khái mỗi người giúp 500 đồng. Do vậy bèn dốc hết sức lo toan, nung ngói, mua gỗ, khởi công từ tháng Giêng năm Dân Quốc 23 (1934) đến tháng 4 năm nay mới hoàn thành. Lầu ấy gồm bảy gian, cao 5 trượng 6 thước, hai bên lầu dựng năm gian nhà mỗi bên để làm chỗ nghỉ ngơi cho người đọc kinh. Đã lên Bắc Bình[480] thỉnh kinh, trước khi kinh về tới, đã sai Quang soạn bi ký về việc xây dựng lầu tàng kinh; do vậy bèn viết đại lược về nguyên do lập chùa và những nghĩa trọng yếu của Đại tạng cùng số hòm, số quyển để những bậc thông sáng đời mai sau đều thấu hiểu cặn kẽ. Kính mong nền tảng đất nước vững bền, đạo bình trị hưng thịnh, Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường chuyển, đàn-việt tín chủ hưởng phước, tăng chúng an hòa, binh đao vĩnh viễn chấm dứt, mưa gió thuận thời!

11. Bài ký về việc trùng tu tháp viện của lão nhân Đại Từ

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Xem rộng khắp những bậc anh hiền lỗi lạc xưa nay, tài năng tót vời, tại gia thì lập đại công, dựng đại nghiệp, thờ vua giúp dân, nêu gương cho hậu thế, xuất gia thì triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, dạy dỗ lợi lạc trời người, nối tiếp huệ mạng của Phật thì đều là do đức hạnh cao đẹp của ông bà cha mẹ cảm thành. Nếu không, làm sao sanh được con cháu hiền tài siêu quần bạt tụy, giúp đỡ hết thảy như vậy được ư? Người ta chỉ thấy quốc sư Ngọc Lâm đạo đức cao vời, ngộ chứng sâu thẳm, trên cảm động cửu trùng[481], dưới hóa độ tứ chúng, Phật tổ, tâm ấn, đại pháp chiếu khắp nhân quần, sống tươi chết héo[482], khuôn mẫu tốt đẹp lưu lại đời sau, chẳng biết đấy đều là do ông nội và cha mẹ ngài đã giữ vẹn luân

[480] Bắc Bình là tên gọi của Bắc Kinh trong khoảng thời gian từ 1928 đến 1949.

[481] Cửu trùng (chín tầng, chín bệ) chỉ hoàng đế. Theo Dịch học, từ Hà Đồ và Lạc Thư, những con số thuộc về trời là 1, 3, 5, 7, 9. Như vậy 9 là con số dương lớn nhất. Vì thế con số 9 được dùng để tượng trưng cho ngôi vị cao cả nhất, sáng đẹp nhất. Do vậy, nhà vua được gọi là Cửu Trùng (chín bậc). Từ ý nghĩa này, những hào dương trong quẻ Dịch cũng được gọi là cửu.

[482] Đây là một cách nói thông dụng trong Phật môn Trung Hoa ngụ ý sống chết thuận theo lẽ tự nhiên, thung dung tự tại, như cây cỏ đã chết thì phải khô héo, hễ còn sống thì tươi tốt.

thường, trọn hết bổn phận, lợi người giúp vật, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành, dạy người mà ra!

Xét ra, sư có họ ngoài đời là Dương, thuộc dòng vọng tộc ở Diên Lăng (thuộc tỉnh Thiểm Tây), đời nào cũng có người hiển đạt, cha húy là Phương, tuổi ngoài 30 vẫn chưa có con. Người trong họ là Dương Hưng bị thổ hào[483] vu hãm, sắp đến nỗi phải chết. Ông nội ngài bảo cha ngài vào triều kêu oan, quan liền thả Dương Hưng, đánh đòn thổ hào. Thổ hào ôm hận, không lâu sau, trong ấp bắt được kẻ gian, giải lên quan xét án. Gã thổ hào thừa dịp ghi tên ông nội ngài vào sổ, quan xét án rất nghiêm khắc tàn khốc, truyền bắt giữ khẩn cấp. Chú ngài và cha ngài tranh nhau chịu tội thay, cha ngài không chịu liền tự đi. Quan xét án rất ghét kẻ chịu tội thay, dùng hình phạt quá đáng để giết chết. Ngày hôm ấy đã giết chết liên tiếp mấy người rồi. Đến phiên cha ngài liền gào to: "Tôi chịu đòn thay cho cha tôi", quan xét án nghe tiếng cảm động vô cùng, xét hỏi cặn kẽ, biết là bị vu cáo bèn thả ra.

Tháng 4 năm ấy, tức năm Giáp Dần thuộc niên hiệu Vạn Lịch 42 (1614) đời Minh, liền sanh ra sư. Lúc sanh, bà mẹ là Mậu Thị mộng thấy Quán Âm ẵm một đứa bé trao cho, liền sanh ra sư. Thêm nữa, cha mẹ sư thường giảm bớt sự chi tiêu của chính mình để mua những con vật đem phóng sanh. Cha mẹ sư hiếu hữu nhân từ như vậy đó! Năm sau, cha sư quy y với đại sư Liên Trì, có pháp danh là Quảng Phức, cũng xin quy y cho sư, được pháp danh là Đại Tiềm. Đến năm 12 tuổi, lúc cha sư sắp mất, bèn đối trước tượng ngài Liên Trì, cầu cao tăng thay mặt cho đại sư Liên Trì xuống tóc, thuyết giới cho cụ; nửa tháng sau cụ mất. Năm 19 tuổi, sư lễ ngài Khánh Sơn xin xuất gia. Chưa đầy hai năm đã đại triệt, ngài Khánh Sơn rất coi trọng, dặn dò sư hãy xuống tóc, thuyết giới cho mẹ, đặt pháp danh là Thông Quang. Năm sư 22 tuổi, ngài Khánh Sơn thị tịch tại chùa Báo Ân, sư giữ tâm tang hầu hạ bên khám thờ đồng thời lo liệu việc trong chùa. Năm sau, tăng tục thỉnh sư kế nhiệm, trăm điều đã bỏ phế đều được tiến hành, tông phong chấn hưng lớn lao.

Năm 29 tuổi, tuân theo di mạng của ngài Khánh Sơn, sư thay ngài Khánh Sơn xuống tóc, thuyết giới cho mẹ, lại đón về chùa Báo Ân, dựng nhà tranh để phụng dưỡng suốt đời, gọi là lão nhân Đại Từ. Bà cụ chuyên tu tịnh nghiệp, kiêm tu tham cứu, liền được đại ngộ. Mười một năm sau, tức năm sư 40 tuổi, nhằm năm Thuận Trị thứ mười (1653) đời Thanh, lão nhân Đại Từ thị tịch, thọ 71 tuổi. Sư ở trước khám thờ ngồi xếp bằng trên mặt đất suốt bảy ngày đêm, chẳng đụng đến một hạt gạo. Một thị giả đứng cạnh sư suốt bảy ngày đêm đến nỗi chân và đầu

[483] Thổ hào: Kẻ có thế lực tại một địa phương.

gối nước vàng chảy ròng ròng, vẫn chẳng tạm rời đi. Đại chúng chùa Báo Ân thấy sư đau buồn quá mức, muốn khích cho sư ăn uống liền niêm phong nồi, đóng chặt bếp. Sư nghe nói như vậy liền húp cháo, bảo mở nồi ra. Sư đã xuất gia còn đau buồn như thế, hiếu tử trong thế gian cũng chẳng hơn được! Nhưng sư làm cho mẹ ngộ đạo thì hiếu tử trong cõi đời có ai làm được như vậy đâu? Sư nghĩ đến ân của phụ sư, mẫu sư[484] tính tìm một cuộc đất thích hợp để an táng hòng báo ân sâu dưỡng dục, dạy dỗ. Tìm được một cuộc đất ở Ngữ Sơn bèn dời quan tài cha về chôn tại đó.

Đến năm Thuận Trị 15 (1658), đạo phong thấu đến bề trên, tháng Chạp sứ giả cầm chiếu đến triệu sư về kinh lập tức. Sư lấy cớ sắp dựng tháp chôn mẹ để từ tạ, vua xuống chiếu rằng: "Đợi khi gặp sư hỏi đạo xong liền đưa sư về núi chôn mẹ, quyết chẳng giữ lâu." Tháng 3 năm sau, sư lên kinh đô chầu vua, vua dùng lễ đãi sư như thầy, phong hiệu là Đại Giác Phổ Tế Năng Nhân Quốc Sư. Đến tháng 4, sư từ tạ chốn cung khuyết trở về Nam, tìm được miếng đất phía sau chùa Tạng Hải ở Ngu Sơn bèn dựng tháp cho lão nhân Đại Từ, nhân đó lập ra chùa Tạng Hải, sai đệ tử là Đức Nham Thiệu làm trụ trì. Như vậy, nguồn pháp Tạng Hải do lão nhân Đại Từ khởi đầu; kẻ làm pháp tự[485] phải quan tâm. Đương thời, xây dựng phức tạp hay giản dị đều thích nghi. Năm tháng lâu sau, lại thêm chiến tranh, nên bị tan nát, còn sót lại một cái tháp, chứ những thứ khác đều thành gò hoang hết.

Nay vị trụ trì đã về hưu là Giới Công, thấu hiểu sâu xa tấm lòng hiếu thảo của quốc sư, đặc biệt trùng tu, dựng lại đình, bia, xây tường vây quanh, cũng dựng lại bia mộ mới, lát con đường đá hơn mười trượng, vun trồng cây cối để lấy bóng mát ngõ hầu những ai sau này đến đây đều biết tới tháp viện của bậc cao ni đắc đạo là lão nhân Đại Từ mẹ của quốc sư Ngọc Lâm, do đó sẽ khởi lòng kính ngưỡng, ai nấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, lợi lạc cứu giúp người lẫn vật, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành dạy người, để mong sanh được đứa con phước đức trí tuệ, hễ nghèo túng thì riêng bản thân kẻ ấy tốt lành, làm gương cho cả một làng, một ấp, hễ hiển đạt thì sẽ làm cho người khác cùng thiện, để lợi lạc, cứu giúp khắp bốn biển chín châu! Do vậy soạn bài ký.

Hơn nữa, khi Quang mới xuất gia, thấy các vị thiền tăng khắp Nam Bắc lên núi triều bái, tụ tập bàn đến chuyện quốc sư Ngọc Lâm tâm liền khinh thường họ, cho là những hạng tăng nhân này không những chẳng biết tâm tướng của Phật, Bồ-tát mà cũng chẳng biết tâm tướng của thánh hiền thế gian, chỉ dùng tri kiến

[484] Do cha mẹ ngài Ngọc Lâm đức hạnh, nhân từ; nhân cách cao đẹp của ngài Ngọc Lâm do cha mẹ uốn nắn hình thành nên họ vừa là cha mẹ vừa là thầy của ngài Ngọc Lâm. Vì thế, tổ Ấn Quang mới dùng chữ "phụ sư, mẫu sư".
[485] Người nối dòng pháp, tức môn nhân đệ tử.

của bọn vô lại đầu đường xó chợ bịa đặt đồn đãi để vu báng, miệt thị cổ đức, tội cùng cực đến đâu! Về sau, đọc Niên Phổ của quốc sư thì những gì bọn họ đã nói ngay cả một câu cũng không có, mà những điều chép trong Niên Phổ bọn họ cũng chưa hề nghe thấy một câu nào. Do vậy biết những lời nói lưu truyền trong cõi tục chẳng đáng tin tưởng! Kính mong bậc quân tử hiểu lý đừng coi những lời lẽ đó là chuyện thật, rồi vì đó mà coi thường cổ đức, khinh miệt Phật pháp thì sẽ tự gieo được thiện căn sâu dày, được gội pháp trạch lớn lao vậy.

12. Bi ký về việc chùa Bích Sơn núi Ngũ Đài được thảo am Quảng Tế tiếp pháp thành tựu[486], vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Trộm nghĩ phàm phu đầy dẫy triền phược lấy mê nhiễm làm căn bản để thọ sanh, bậc Pháp thân đại sĩ dùng bi trí làm nguồn ứng hóa. Vì thế, đức Văn-thù Sư Lợi Bồ-tát ta đạo chứng lưỡng túc[487], đức trỗi Thập địa, thành Chánh giác đã lâu, an trụ Tịch quang, do bi nguyện rộng sâu nên chẳng động chân tế mà hiện thân trong các cõi nhiều như vi trần. Trong thế giới này, ngài thị hiện làm Bồ-tát, dùng sức đại trí phù tá Thích-ca, thị hiện ứng hóa tại núi Thanh Lương như trong kinh Hoa Nghiêm đã báo trước. Vì thế khi đại pháp được truyền sang phương Đông, Ngũ Đài liền được khai sơn, từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân hoằng dương pháp hóa, lợi ích quần manh. Từ đời Hán đến nay, tiếp nối chẳng dứt. Đến khoảng niên hiệu Thành Hóa[488] đời Minh, có thiền sư Cô Nguyệt Tịnh Trừng[489] Thiền lẫn

[486] Chùa Bích Sơn suy vi sắp vỡ nợ, các vị Hằng Tu, Thừa Tham, Quả Định thương xót, sát nhập chùa Quảng Tế vào Bích Sơn để đứng ra chấn hưng, trang trải nợ nần. Do các vị này không thuộc sơn môn chùa Bích Sơn mà lại đứng ra tiếp nhận nhằm chấn hưng chùa Bích Sơn ngõ hầu môn hộ Bích Sơn được tiếp tục tồn tại nên gọi là "tiếp pháp thành tựu".

[487] Lưỡng túc: trí tuệ và phước đức đều trọn đủ, tức đã thành quả vị Phật.

[488] Thành Hóa là niên hiệu của Minh Hiến Tông, thời gian kéo dài từ 1465 đến 1487.

[489] Thiền sư Cô Nguyệt: Hành trạng của vị này không được biết đến nhiều, theo Thích Giám Kê Cổ Lược Tục Tập quyển 3 và Ngũ Đài Sơn Danh Tăng quyển 5 thì thiền sư Cô Nguyệt húy Tịnh Trừng, người Yên Đô, họ Trương, cha mẹ mất sớm, tham học với lão nhân Nguyệt Khê, đắc ngộ, nghe tiếng pháo trúc hốt nhiên tâm rỗng không. Thoạt đầu sư học kinh giáo, kiêm chuyên tu niệm Phật tam-muội. Lại đến tham học với ngài Vân Cốc, được giao phó y bát. Khi thầy mất, sư gặp được ngài Thanh Thiện chùa Thọ Ninh ở Ngũ Đài bèn theo đến Ngũ Đài nhập chúng, đổi tên là Tịnh Trừng. Tại Ngũ Đài sau khi đắc ngộ do tu tập thiền quán, sư vào Tuyết Sơn tại Tứ Xuyên khổ công tu thiền, đến năm Thành Hóa nguyên niên (1465) mới trở về Ngũ Đài và dựng chùa Bích Sơn. Trước tác có bộ Thanh Lương Ngữ Lục được lưu truyền trong cõi đời.

Tịnh đều đạt đến tột bậc, tiếng tăm đạo hạnh nhân đấy vang dội. Vua đất Đại[490] là Thành Luyện thờ sư làm thầy, dựng chùa ở Hoa Nghiêm Cốc để cung phụng, xin được vua xuống chiếu ban biển tên Bích Sơn Phổ Tế Thiền Tự, pháp đạo hưng thịnh lớn lao, tông phong rạng rỡ. Đầu đời Thanh, thiền sư Uẩn Chứng Như Bích trụ trì chùa này, lâu dần được vua quan tôn kính. Đầu thời Khang Hy, đổi tên chùa thành Hộ Quốc. Đến cuối đời Thanh, bậc triết nhân đã khuất, chùa khá điêu linh.

Năm Quang Tự 32 (1906), hai sư Thừa Tham, Hằng Tu đến núi triều bái các Đài, thấy trên đảnh các Đài chỉ có nhà đá, trọn chẳng có tăng ở. Phàm những người triều bái các Đài khát không có nước uống, đói không có gì để ăn, mệt không có chỗ nghỉ, liền phát đại tâm, dựng một am tranh nơi đảnh Bắc Đài, đặt tên là Quảng Tế, chuyên làm chỗ nghỉ ngơi, ăn uống cho người triều bái các Đài[491], tùy sức kết duyên hòng lợi lạc hết thảy tăng tục trong ngoài nước. Dân Quốc thành lập, tăng chúng chùa Bích Sơn không thể duy trì được, ruộng đất đã cầm cố gần như hết sạch. Thừa Tham, Hằng Tu, Quả Định nhập tịch chùa Bích Sơn, xưng danh thảo am Quảng Tế là Đông Phòng. Thừa Tham đổi tên là Xương Thừa, Hằng Tu đổi tên là Xương Hằng, Quả Định đổi tên là Long Quả, đó gọi là "tiếp pháp thành tựu". Do vậy tận lực quyên mộ duy trì đạo tràng, kiến thiết thảo am hòng tiếp đãi thập phương tăng chúng, dốc hết sức cúng dường. Từ đấy trở đi, mùa xuân mở niệm Phật thất, mùa hè giảng kinh, thu - đông thì mở thất tọa hương đả tịnh[492] để trọn hết bổn phận của chính mình cầu chúc quốc dân. Xây cất thêm thiền đường, liêu xá[493], tính khôi phục lại quy mô cũ, tiếp nối vĩnh viễn tổ đăng. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), quyên tiền chuộc lại nhà đất thuộc hai viện Đông, Tây. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), chuộc lại ruộng lúa mạch ở thôn chùa Quang Minh thu tô được 40 thạch[494] để làm cái ăn cho tăng chúng.

Trong hai năm Dân Quốc thứ chín và thứ mười, hai vị Thừa Tham, Hằng Tu nối nhau viên tịch. Môn nhân nối pháp là Quả Định tuân theo di mạng, gắng sức

---

[490] Đất Đại chính là Đại Quận, thuộc lãnh thổ nước Đại thời Chiến Quốc, nay thuộc huyện Cao Dương tỉnh Sơn Tây. Chu Thành Luyện được phong tước vương và được ban thái ấp ở đất Đại nên gọi là Đại Vương, vương hiệu đầy đủ của Thành Luyện là Đại Huệ Vương.

[491] Ngũ Đài gồm có năm ngọn, danh xưng mỗi ngọn đều có chữ Đài vì đảnh núi bằng phẳng, rộng rãi như một cái đài. Do đó, người lên tận các ngọn để lễ bái gọi là "triều đài".

[492] Tức thiền thất, do trong các tùng lâm xưa, mỗi khóa ngồi thiền sẽ chừng khoảng thời gian cháy hết một cây hương lớn (từ 45 phút đến một tiếng đồng hồ) nên gọi là "tọa hương đả tịnh".

[493] Phòng ở của tăng gọi là liêu. Liêu xá là tên gọi khác của tăng đường.

[494] Thạch là đơn vị đo lường thời cổ, có hai đơn vị:

1. Nếu là đơn vị đo dung lượng, một thạch là 100 lít.
2. Nếu là đơn vị đo trọng lượng thì một thạch là 71 kg.

Không rõ ở đây dùng thạch theo nghĩa nào. Nếu theo như kiểu người Việt thường đong lúa bằng giạ thì thạch sẽ được hiểu theo nghĩa thứ nhất.

duy trì, được các vị đại hộ pháp, chư sơn trưởng lão ra sức nâng đỡ, xây dựng thêm nhà cửa hơn 30 gian nữa, in thêm tạng kinh, trồng trọt cây cối, sửa chữa ngòi nước từ thôn chùa Quang Minh chạy thẳng đến bên trong chùa Bích Sơn, lại tu bổ đập đá bên sông để ngừa nước ngập làm hại hoa màu. Các chùa Nam - Bắc, các vị đại cư sĩ do thấy chùa Bích Sơn đã là thập phương thường trụ, mọi người đều tán thành là hợp lý, trình công văn lên chánh phủ, ra cáo thị, lập hồ sơ ngõ hầu vĩnh viễn không bị suy sụp, mọi người cử Mã Ký Bình, Uông Đại Tiếp làm đại biểu, pháp sư Đế Nhàn và các vị thuộc hội Duy Trì Phật Giáo tại Thượng Hải như ông Trình Tuyết Lâu v.v. gởi thư xin Đốc biện Diêm[495] tỉnh Sơn Tây ủng hộ. Do vậy, Tổng tham nghị trưởng[496] là Triệu Tải Văn ủy cho hội trưởng pháp giới tỉnh Sơn Tây là hòa thượng Lực Hoằng cùng các hội viên lên núi vào tháng 5 năm Dân Quốc 16 (1927), mời chánh phó hội trưởng của tăng chúng trong núi này, khu trưởng, hội trưởng thương hội, những người có danh vọng trong giới tăng tục thuộc mười ngôi chùa lớn, cùng bàn định: Chùa Bích Sơn mắc nợ quá lớn, không có người gánh vác, sẽ do Đông Phòng là thảo am Quảng Tế đứng ra trả thay món nợ hơn một vạn bảy ngàn bảy trăm đồng. Tất cả điện, phòng, ruộng đất của Bích Sơn vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ, không chấp thuận cho thu nhận đồ đệ để khỏi bị cái họa chôn vùi tổ đức, làm nhục Phật môn.

Vào ngày 29 tháng 7 năm Dân Quốc 17 (1928), cùng với đại chúng trả món nợ do sư Long Phước đời Thanh đã thiếu bên ngoài gồm hơn một vạn bảy ngàn bảy trăm đồng. Những bằng khoán ruộng đất nhà cửa do Long Phước đã đem cầm cố trước kia đều thu hồi để giữ vĩnh viễn. Hội Phật giáo tỉnh Sơn Tây đại diện trình lên chánh quyền tỉnh và huyện để lập hồ sơ, ra thông cáo, ngõ hầu mọi người đều biết chùa Bích Sơn vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ, chỉ chuyên tâm tu hành, tu trì tịnh nghiệp, sẽ thấy trong hang sư tử trọn chẳng còn có loài thú khác, trong rừng chiên-đàn vĩnh viễn mất giống y-lan[497], gắng sức kế tục đạo của

[495] Đốc biện là một chức quan đã có từ thời nhà Thanh. Khi Khang Hy dẹp yên được Thiên Địa Hội, thu phục Đài Loan đã đặt ra chức Đài Loan Phủ Đốc Biện Khẩn Đại Thần với nhiệm vụ cai quản dân chúng Đài Loan và trông nom việc khẩn hoang nhằm phát triển Đài Loan. Đến năm 1895, khi nhà Thanh suy yếu, để mất Đài Loan vào tay Nhật Bản, chức quan này bị bãi bỏ. Đến thời Dân Quốc, tướng lãnh quân phiệt họ Diêm chiếm cứ Sơn Tây, tự xưng là Đốc biện. Các tướng quân phiệt khác cũng thích xưng là Đốc biện.

[496] Dưới thời Minh và Thanh, Tham nghị là chức quan giúp việc cho quan Thông chánh sứ ty, tức một chức quan giúp việc hành chánh, chuyên giảo duyệt công văn tường trình lên nội các. Đến thời Dân Quốc, chức Tổng tham nghị trưởng tương đương với Đổng lý văn phòng.

[497] Y-lan (eranda) có nghĩa là cây cực thối, là một loại thực vật thuộc họ bế-ma (thầu dầu), mùi thối nồng gắt, hạt có dầu, thường được ép và tinh chế thành dầu thầu dầu. Kinh điển thường ví phiền não với y-lan, còn Bồ-đề thì ví với chiên-đàn. Y-lan cũng dùng để ví với những kẻ đầy dẫy tập khí xấu ác.

thiền sư Cô Nguyệt, hòng an ủi tấm lòng của Đại sĩ Văn-thù thì một phen khổ tâm nâng đỡ, thành toàn của hết thảy tăng tục mới chẳng trở thành luống uổng. Phàm những ai sống tại đây ai nấy đều nên gắng sức lên!

13. Bi ký thuật duyên khởi hạ viện Linh Nham Sơn Tự lập thêm hội phóng sanh bên ao phóng sanh

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Đức lớn của trời đất là sanh, gốc lớn của nhân dân là thiện. Sanh thì thực vật, động vật đều sanh thành, thiện thì yêu người thương vật đều cùng thực hành. Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt của ta, loài vật giống như ta. Nếu chẳng khiến cho dân lẫn loài vật được sống yên vui, làm sao hợp lòng trời? Muốn cho quyến thuộc cõi trời thường rủ lòng thương xót, hãy nên gấp rút chú trọng nơi lòng nhân ái. Được như thế thì mưa gió sẽ đúng thời, thóc lúa trúng mùa, nhân dân yên vui, thiên hạ thái bình. Dù chỉ luận về phương diện cá nhân thì cũng được nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước tăng, sống dự vào bậc thánh hiền, mất sẽ lên cõi Cực Lạc.

Khu vườn ao phóng sanh tại cầu Hổ Gầm ở Tô Châu vốn do hội Cứu Giúp Loài Vật phân hội Tô Châu sáng lập. Năm Dân Quốc 24 (1935) tặng cho Linh Nham Sơn Tự làm hạ viện. Giám viện là thầy Diệu Chân do được tặng hậu hĩ như vậy càng ra sức tiến hành chuyện phóng sanh để mong người có lòng nhân nơi ấy và những kẻ thấy nghe đều hiểu được ý nghĩa phóng sanh, do vậy sẽ kiêng giết bảo vệ sanh vật, ngõ hầu chim, thú, cá, rùa đều sống yên vui, sao cho câu nói "dân là người ruột thịt, loài vật giống như ta" chẳng trở thành chuyện nói suông, mà phong thái yêu người thương vật cũng ngày càng được phát triển.

Do vậy cùng với những vị thuộc hội Cứu Giúp Loài Vật trước kia như các ông Dương Đạt Toàn, Viên Hiếu Cốc, Tào Tung Kiều v.v. và vị phát khởi lần này là hòa thượng Chân Đạt, cư sĩ Huệ Thường, các vị tăng tục tổ chức một hội phóng sanh. Phàm những người gia nhập hội đều nên kiêng giết, ăn chay, lấy thân làm gương thì những người ưa điều lành ai mà chẳng giống như ta, nhìn nhau bắt chước làm lành, hiệu quả rất lớn. Nếu chẳng thể đoạn ngay được thì cũng nên giảm dần dần, giảm đến cùng cực thì sát nghiệp vĩnh viễn chấm dứt. Nếu một người suốt đời chẳng giết thì những sanh mạng được sống sót đã chẳng thể tính được, huống chi là từ một người cho tới mười, một trăm, một ngàn, một vạn người sẽ trở thành không phóng sanh mà thường hành phóng sanh rộng khắp vậy! Gần đây sát kiếp ngập tràn, hễ giặc cướp kéo đến, dân chúng đều gặp cảnh lầm than, đôi bên chẳng hề biết nhau, vừa thấy nhau liền giết phăng, hoặc đánh đập, tra

khảo, nung đốt để lòi ra tiền của. Luận theo cuộc sống hiện thời, quả thật là mắc họa ngang xương! Nhưng hễ có quả ắt phải có nhân, có nhân ắt phải chuốc lấy quả. Thử nghĩ xem, người đời vì bụng miệng mà giết hại sanh mạng đủ mọi nỗi thảm khốc, ai có thể chịu đựng được? Nhưng do quen thói, chẳng những không sanh lòng thương xót, lại ngược ngạo nẩy lòng vui sướng, đến nỗi tuần hoàn báo đền, trở thành kiếp vận lớn lao này. Chư Phật, Bồ-tát vì cứu sát kiếp mà hiện thân trong dị loại, cũng bị con người giết. Đã giết rồi, thấy các tướng lạ mới biết là do Phật hiện, nhân đấy ai nấy đều kiêng giết. Trong năm Dân Quốc 20 (1931), Quang từng vì ông Lưu Công Lỗ ở Quý Trì (thuộc tỉnh An Huy) viết bài tán làm lời bạt cho bài ký về chuyện tượng Phật hiện trên răng hàm lợn như sau:

-"Hết thảy chúng sanh, đều có Phật tánh. Do mê trái nên đánh mất lẽ chánh, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cái thân mình. Sát nghiệp đã kết, trải nhiều kiếp giết lẫn nhau. Đức Như Lai thương xót, bèn làm thuyền từ, khơi mở giáo huấn lớn lao về lòng từ. Người ta vẫn không tin nên Phật bèn đặc biệt hiện hình dáng để mong chúng sanh tùy thuận lời Phật dạy. Vỏ nghêu sò, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm rùa đều có hình Phật ngự trong ấy. Có người họ Chức vào đời Tống giết lợn quăng đầu, chó giữ bốn ngày chẳng dám táp. Đuổi chó chẻ xương, trên răng hàm lợn hiện hình Phật. Mắt biếc, búi tóc xoắn ốc, nghiễm nhiên là bậc Đại Giác. Trước khi chưa giết, mọi người đều nói là "súc sanh", đã giết xong mới biết là Phật. Do vậy biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật, dẫu chẳng phải do Phật hiện cũng là vị lai Phật. Giết để ăn thịt, tội quá non biển! Hãy gấp đau đáu ngăn dè, hòng được giải thoát! Anh em họ Triều làm văn tán dương, nghĩa lý uyên thâm, văn từ sáng đẹp, ông Thiên Trì biên chép, các vị đề tựa, viết lời bạt, để làm bài cảnh sách vĩnh viễn nhằm khơi gợi hậu giác. Đã hiểu nghĩa này, ai dám giết chóc? Tranh thành giành đất sẽ chấm dứt ngay. Ông Lưu ở Quý Trì dốc lòng tin tưởng Phật pháp, bảo tồn sách của ông Từ, lời đề tựa, lời bạt đều phù hợp, sai con là Công Lỗ đem đưa cho xem, kính viết mấy lời tỏ bày chí hướng của tôi. Nguyện kẻ thấy nghe sẽ ăn chay kiêng giết, chắc chắn trong đời này sẽ về Cực Lạc."

Lời bạt này tuy văn từ thô thiển, nhưng cũng có thể làm cho người xem sanh lòng cảm động. Kính sao lục nguyên văn để mong dứt diệt si tâm của kẻ ham giết ăn thịt, phát khởi thiện niệm kiêng giết ăn chay. Phật Bồ-tát hiện thân trong dị loại để dứt sát kiếp cho cõi đời, thấy trong khắp các sách vở. Đọc phần Hiện Tướng Trong Loài Vật của sách Quán Âm Bổn Tích Tụng sẽ biết được đại khái. Do đức Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật nên chẳng nỡ tàn sát lẫn nhau,

kẻo bị vĩnh viễn chìm đắm trong ác đạo. Đây chính là những thứ biến hiện khiến cho con người thấy nghe mà kinh sợ, chẳng thể không suy nghĩ cặn kẽ sâu xa ư?

14. Bi ký về việc Linh Nham Sơn Tự xây dựng tháp Phổ Đồng cho tứ chúng

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Con người sống trong thế gian thật giống như huyễn hóa, dẫu thọ trăm tuổi cũng chỉ là một khoảng khảy ngón tay. Lúc sanh ra cũng tùy theo túc nhân (nhân trong đời trước) mà đến, lúc chết cũng tùy theo hiện nhân (cái nhân trong đời này) mà đi. Dẫu sẵn đủ Phật tánh thường trụ bất biến, tịch chiếu viên dung, nhưng do mê chưa ngộ nên ngược ngạo nương vào sức công đức của Phật tánh ấy để khởi hoặc tạo nghiệp luân hồi sáu nẻo, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Đức Như Lai thương xót nên khi họ còn sống bèn dạy tu tịnh hạnh để mong bỏ mê về với ngộ, lìa vọng theo về chân ngõ hầu khôi phục Phật tánh sẵn có, sau khi chết bèn hỏa thiêu thân xác nhằm chỉ rõ sáu trần không có thể, năm uẩn đều là không, đích thân chứng được diệu tâm thường trụ. Ở Tây Vực có bốn cách an táng:

1. Một là thả trôi trong nước, tức là bỏ trong các sông rạch cho cá, rùa ăn.

2. Hai là hỏa thiêu, dùng lửa đốt xác ngõ hầu phá được ngã chấp.

3. Ba là chôn xuống đất, tức vùi kín trong huyệt để thân xác khỏi bị phơi bày. Nước ta thường chú trọng chôn xuống đất, nhưng biển dâu biến đổi, đường đất nhiều lượt thay đổi, đào mộ lộ xương, thảm thương tột cùng!

4. Bốn là thi lâm (rừng thây), tức bỏ xác trong rừng cho chim thú ăn. Nay tại Ngoại Mông Cổ[498], bỏ xác trong đồng hoang để nuôi chim thú.

[498] Gọi là Ngoại Mông Cổ nhằm để phân biệt với Nội Mông Cổ. Khi người Mông Cổ chiếm Trung Hoa lập ra nhà Nguyên, Hốt Tất Liệt sát nhập đất đai Mông Cổ vào lãnh thổ Trung Hoa. Khi Chu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ) lật đổ nhà Nguyên, người Mông Cổ bị đuổi ra ngoài cửa ải, nhưng các vương hầu, tộc trưởng Mông Cổ gây chiến liên miên với nhau nên càng ngày càng suy yếu, phải dựa dẫm vào thế lực của một sắc dân ngày càng quật cường là dân Mãn Châu. Do ngày càng cường thịnh, dân Mãn Châu đã lần lượt biến các bộ tộc Mông Cổ thành chư hầu của họ. Khi Mãn Châu chiếm được Trung Hoa lập ra đế quốc Đại Thanh, toàn bộ đất đai Mông Cổ một lần nữa lại bị sát nhập vào lãnh thổ Trung Hoa. Ngoại Mông Cổ là vùng nằm gọn trong địa bàn nước Cộng Hòa Mông Cổ ngày nay (đa số là dân Mông Cổ sắc tộc Khalkha), còn Nội Mông Cổ bao gồm phần đất sát với Vạn Lý Trường Thành, có rất đông người Mông Cổ sinh sống, chủ yếu là các sắc tộc Hung Nô, Ô Hoàn, Tiên Ty, Đột Quyết và Đông Hồ (hai tộc này là người Mông Cổ). Khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, Nội Mông Cổ trở thành một đặc khu tự trị với thủ phủ là Hohot.

Từ khi Phật pháp truyền sang phương Đông, tăng chúng đều an táng theo cách hỏa thiêu. Những bậc cao nhân thông đạt, sùng tín Phật pháp đời Đường đời Tống cũng thường dùng cách này, vì Phật pháp trọng thần thức, chỉ sợ đắm chấp thân xác, chẳng thể giải thoát được. Thiêu đi thì sẽ biết đấy chẳng phải là ta, không còn đắm chấp nữa. Lại vì người đã khuất tụng kinh niệm Phật, mong họ chứng được pháp thân. Nho giáo trọng hình tích, còn thần thức thăng hay giáng trọn chẳng để ý tới, nên làm quan quách[499] cho bền chắc để mong xác thân thường còn, chẳng bị biến hoại.

Hiện nay cả nước mở mang đường tàu hỏa, đường xe hơi, đào lên những hài cốt vô chủ nhiều không thể kể xiết, thảm thương chẳng nỡ nhìn! Những bậc cao nhân hiểu biết đều muốn sửa đổi cách an táng. Chùa Thiên Ninh ở Thường Châu có tháp Tứ Chúng Phổ Đồng: Đào một cái huyệt lớn, trong chia thành bốn ngăn, phía trên xây tháp bốn mặt, mỗi mặt đều trổ cửa. Phàm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc hay ưu-bà-di đều đem các túi đựng cốt đặt vào trong những lỗ huyệt.

Mùa xuân năm ngoái, chùa Linh Nham dựng tháp này, phỏng theo cách ấy nhưng sửa đổi thành hai loại phổ thông và đặc biệt. Phổ thông là phía dưới đào bốn cái huyệt, phía trên dựng bốn cái tháp, xương của chúng nào thì đặt túi đựng cốt vào trong lỗ huyệt thuộc tháp của chúng đó. Tháp đặc biệt là phía trên dựng khám thờ Phật để thờ Tây Phương Tam Thánh, phía sau làm một cái khám nhỏ đề thờ bài vị của người nhập tháp. Phía dưới dùng xi-măng (cement) xây thành tầng ngầm, chia ra hai gian Đông và Tây.

Mỗi gian chia thành bốn khu, mỗi khu nhìn ra hai hướng, mỗi hướng gồm sáu nhóm, mỗi nhóm là bao nhiêu đó ô đựng cốt, tổng cộng là 1.399 ô. Gian phòng thờ được chia thành bốn bộ phận: một là tỳ-kheo, hai là tỳ-kheo-ni, ba là ưu-bà-tắc, bốn là ưu-bà-di. Hỏa thiêu xong, đựng tro trong hũ sứ, đem từ khám thờ Phật xuống đặt trong tầng ngầm.

Nếu đã nạp lệ phí, ghi danh sẵn, ước định sẽ đặt vào nhóm nào, ô nào thì bất luận nhập tháp lúc nào vẫn xếp theo đúng ước định. Nếu không, người nhập tháp trước sẽ được xếp đằng trước, người nhập sau xếp đằng sau.

Phía trên tầng ngầm xây năm gian nhà lớn, ba gian chính giữa là khám thờ Phật, phía dưới là tháp đặc biệt. Bốn tháp ở phía Đông và phía Tây sau khám thờ chính là tháp phổ thông.

---

[499] Quách: Giới quyền quý thời cổ khi mai táng, ngoài quan tài còn thêm một lớp bọc nữa gọi là quách. Sách Chu Lễ, thiên Địa Quan ghi: *"Bất quyền giả vô quách"* (kẻ không có quyền thế thì quan tài không có quách).

Hai gian hai bên dùng làm chỗ ở cho vị trông coi nhang đèn, nước nôi và những vị già cả không thể ở chung với chúng được. Chuyên nhất niệm Phật suốt năm để người mất thường được nghe Phật hiệu, phẩm sen tăng cao, người còn sống đau đáu nghĩ tới vô thường, gấp cầu vãng sanh. Âm dương đều được lợi, cùng gội ân sâu khế lý khế cơ. Kẻ thấy nghe phát tâm cùng tu diệu đạo "tâm làm, tâm là", ngõ hầu phàm phu sát đất cậy vào Phật lực siêu phàm nhập thánh. Đã dự vào hải hội sẽ đoạn hoặc chứng chân ngay trong đời này, thật là nhân duyên tối thắng để liễu sanh tử, mà cũng là chỗ quy túc tốt lành nhất sau khi hết tuổi thọ.

Tụng rằng:

Tịnh độ đại pháp môn,
Mười phương Phật cùng khen,
Mất - còn siêng tu trì,
Chóng được lên bờ giác.

15. Bài ký về chuyện cư sĩ Chu Tử San sanh Tây

Cư sĩ húy Dục Anh, hiệu Tử San, là cháu đích tôn của vị đại thương gia đất Cát An tỉnh Giang Tây tức tiên sinh Chu Phù Cửu. Mất cha mẹ từ bé, do bà nội là thái phu nhân Đàm chăm bẵm thành người, bẩm tánh thông minh, sáng suốt hiếu học, ưa tìm tòi, nhân từ hòa nhã, lòng dạ rỗng rang tựa hang trống, sanh trưởng trong nhà phú quý nhưng chẳng có mảy may thói quen kiêu căng xa hoa. Ra làm quan, hoàn toàn chú trọng trung thực, giữ lòng từ ái. Từ bạn đồng liêu, thân hữu cho đến tôi tớ, nếu ai trái ý chưa hề hiện vẻ giận dữ, thốt lời thô tháo! Luôn luôn tươi tỉnh, hòa nhã, chuyện nghịch xảy đến bèn thuận chịu.

Đến khi cáo quan về ở ẩn, đóng cửa ngầm tu dưỡng, ngẫu nhiên đọc nội điển (kinh Phật) liền biết Phật pháp là căn bản của hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, tạo phước lợi cho xã hội, phổ độ chúng sanh đều toàn nhờ vào Phật pháp cả. Vì thế liền quy y với lão pháp sư Đế Nhàn chùa Quán Tông, được đặt pháp danh là Trí Tạng. Từ đấy ăn chay trường, niệm Phật, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, đối xử người khác bằng lòng khoan dung, trung hậu, tự sống đạm bạc, bạn bè thường vay mượn nhưng chẳng nề hà, hết thảy chuyện lành đều khảng khái giúp cho thành tựu. Nêu gương giúp kẻ đói rét là chuyện thường làm, thực hiện những điều lành thế gian đều dùng tâm Bồ-đề để hồi hướng hòng tạo duyên tăng thượng thù thắng nhất hòng vãng sanh Tây Phương. Lại thấy lòng người hiểm ác, thời sự mỗi ngày một sai trái nên càng dốc sức làm lành, lòng ưa - chán[500] càng sâu.

[500] Ưa cõi Cực Lạc, chán cõi Sa-bà.

Năm Dân Quốc 21 (1932), tức năm Nhâm Thân, nhằm độ tuổi tri mạng (50), ngày mồng 8 tháng 4 gặp đúng hôm thánh đản đức Thích-ca Văn Phật[501], vào lúc bảy giờ sáng, ông thị hiện chút bệnh nhẹ, cảm thấy hông lưng đau nhức, bảo người xoa nắn nhè nhẹ cho dễ chịu. Tự mình ngồi xếp bằng ngay ngắn hướng về Tây, chuyên tâm xưng niệm A-di-đà Phật. Thanh âm rõ ràng, rồi cúi đầu qua đời. Người nắn lưng thấy cư sĩ im lặng hồi lâu chẳng ừ hử gì liền thăm dò hơi thở nơi mũi mới biết cư sĩ đã bỏ báo thân này vãng sanh Tây Phương rồi. Lúc ấy mùi hương lạ ngập nhà, năm ngày sau mới tan. Tướng lành như vậy có thể nói là chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập thiền định, tức là được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương chẳng còn mảy may nghi ngờ, bàn tán chi nữa! Ôi, đang trong lúc kiếp trược khổ chẳng kham nổi này, cư sĩ đến lúc lâm chung mới thị hiện chút bệnh, chỉ trong khoảnh khắc liền ngồi mà mất, đã nêu tấm gương lớn cho những kẻ chịu đựng khổ sở chẳng kham nổi! Cư sĩ Ngô Nam Phố gởi chuyện này cho Quang, nhân vậy bèn ghi lại những nét chánh yếu.

16. Bi ký về ao phóng sanh của am Liên Hoa tại Thường Thục

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là ruột thịt của ta, loài vật giống như ta, đấy chính là chí hướng chủ yếu "coi dân và loài vật giống như nhau" của nhà Nho, nghiêm cấm gây đọa thai, phá trứng, ắt sẽ khiến cho chim, thú, cá, rùa đều được sống yên vui. Đấy chính là lối cai trị bằng đức hòng thắng tàn bạo, trừ khử giết chóc của bậc thánh vương. Đó là vì đức lớn của trời đất là sanh, nỗi khổ lớn của người lẫn vật là giết. Thắng tàn bạo, trừ giết chóc phải từ chuyện nhỏ mà thành lớn, thương người yêu vật phải từ dễ đến khó. Nếu chẳng hàm dưỡng lòng nhân từ, khoan thứ từ cái gốc ắt sẽ đến nỗi bỏ nhỏ lấy lớn, bỏ dễ lấy khó, hằng ngày tàn sát mà cứ lầm lạc muốn yêu người thương vật, ắt chỉ thành chuyện nói suông, quyết khó thể thực hiện được chuyện ấy!

---

[501] Thích-ca Văn hay gọi đủ là Thích-ca Văn-ni là cách phiên âm khác của chữ Thích-ca Mâu-ni (đa phần các bản kinh dịch trước thời pháp sư Cưu-ma-la-thập dùng cách phiên âm này). Chẳng hạn như trong kinh Thất Phật Phụ Mẫu Tánh Tự (mất tên người dịch), có ghi: *"Kim ngã tác Thích-ca Văn-ni Phật, tánh Cù Đàm"* (nay ta là Thích-ca Văn-ni Phật, họ Cù Đàm). Phẩm Nhập Lục Đạo Chúng Sanh của kinh Bồ-tát Tùng Đâu-thuật Giáng Thần Mẫu Thai Thuyết Phổ Tế (Bồ-tát từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ nói kinh cứu tế rộng khắp) do ngài Trúc Pháp Niệm dịch có câu: "Thích-ca Văn-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hạnh Túc Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn nay đang ở trong thai mẹ rộng nói pháp tạng vô thượng thâm yếu." Kinh Phật Thuyết Di-lặc Hạ Sanh (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn) khi nhắc đến danh hiệu đức Phật Thích-ca đều viết là Thích-ca Văn v.v..

Vì sao nói thế? Trẻ nhỏ, kẻ bình thường đều có thể thực hiện chuyện yêu thương loài vật thì do làm lâu ngày bụng dạ sẽ đầy ắp nhân từ, mai sau có địa vị, nắm quyền cai trị, sẽ che chở dân đen lớn lao, dẫu ẩn cư trong một làng cũng có thể dùng thân làm gương để thay đổi phong tục. Như vậy thì cái đạo thương dân phải vun bồi từ lòng yêu vật mới có thể viên mãn trọn khắp không điều tệ. Chẳng xuất phát từ lòng yêu thương loài vật thì trong đời này tợ hồ cũng chẳng có chi đáng áy náy, nhưng trong tương lai ắt phải lo nghĩ lớn lao, bởi đã gieo cái nhân tàn sát loài vật sẽ khó thể tránh cái quả tuần hoàn báo đền. Nguyện những ai có lòng thương người hãy suy nghĩ cặn kẽ!

Chuyện phóng sanh vốn nhằm để khơi gợi thiện tâm nơi con người hiện tại và tương lai, ngõ hầu họ sẽ kiêng giết, ăn chay, làm cho khắp các loài hàm thức được sống yên vui, đều trọn hết tuổi thọ. Gần là dứt được cái nhân giết chóc, xa là diệt được sát quả; nhỏ là trọn tấm lòng thuần nhân của ta, lớn là dứt sát kiếp cho cả thế giới. Đừng bảo đấy chẳng phải là chuyện cấp bách, rồi coi thường bỏ qua.

Am Liên Hoa bốn mặt đều là nước, chính giữa nổi lên một bãi bồi, cất am trên ấy, thờ Tây Phương Tam Thánh, chuyên thỉnh vị tăng có giới đức làm trụ trì. Cảnh sắc thanh u, chẳng bén hồng trần, tu trì nghiêm mật, giới đức lan xa, dùng cừ chặn khúc sông trước mặt am làm ao phóng sanh. Từ đời Minh đến nay, thời gian đã lâu xa. Hiện tại có những vị thân sĩ trong ấp như Cù Lương Sĩ, Bàng Đức Siêu v.v. hết sức muốn chỉnh đốn, và muốn làm sáng tỏ ý nghĩa trọng yếu và lợi ích của việc phóng sanh, cậy tôi soạn bài văn để thưa cùng bậc sáng suốt trong mai sau.

Trộm nghĩ: Phóng sanh vốn nhằm để đề xướng kiêng giết ăn chay, nếu con người ăn chay trọn đời sẽ trở thành không phóng mà hóa ra là phóng sanh lớn lao vậy! Nay sao chép lại bài thơ răn đừng ăn thịt của cư sĩ Hoàng Sơn Cốc để mong mọi người lúc ăn thịt hãy suy nghĩ lại, ắt sẽ chẳng nỡ lòng ăn mà lòng chẳng dám ăn cũng bừng bừng dấy lên! Thơ rằng:

Ngã nhục, chúng sanh nhục,
Danh thù, thể bất thù,
Bổn thị nhất chủng tánh,
Chỉ vi biệt hình khu,
Khổ não tùng tha thụ,
Phì cam vi ngã nhu,
Mạc giao Diêm Quân đoán,
Tự sủy ứng hà như?

(Thịt ta, thịt chúng sanh,

Danh khác, thể vốn đồng,
Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ hình hài khác nhau!
Khổ não chúng hứng chịu,
Béo ngon ta hưởng riêng,
Chớ đợi Diêm-la xử,
Tự suy sẽ biết mà!)

Bài thơ này ý vị làm sao! Trung hậu, khoan thứ sẽ cách đạo chẳng xa, điều gì chẳng mong người khác làm cho chính mình thì chớ gây cho người khác, đấy chính là đại kinh đại pháp thành thủy thành chung để yêu người thương vật vậy. Do vậy, chẳng cần phải nói cặn kẽ về những nghĩa lý sâu xa nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo. Nguyện những ai thấy nghe đều suy nghĩ sâu xa.

17. Bi ký thuật công đức trùng tu lâu các Di-lặc của Linh Nham Sơn Tự

(Năm Dân Quốc 29 - 1940, cuối Hè năm Canh Thìn)

Di-lặc là đấng giáo chủ của thế giới Sa-bà sẽ giáng sanh trong tương lai, lâu các là phòng ốc nơi đức Di-lặc ở khi Thiện Tài đi về phương Nam tham học. Nhà nhiều tầng là lâu, lầu cao là các. Lâu các này thắng diệu khôn sánh, phàm phu, Nhị thừa, Quyền vị Bồ-tát đều chẳng thể thấy được. Đấy chính là báo cảnh do công đức thắng diệu thượng cầu hạ hóa của đức Di-lặc từ vô lượng kiếp đến nay cảm thành. Thiện Tài đã tham học với hai vị thiện tri thức là Đức Sanh và Hữu Đức[502] xong, họ lại dạy Thiện Tài đi qua Tỳ-lô-giá-na Trang Nghiêm Tạng Đại Lâu Các trong vườn Đại Trang Nghiêm ở nước Hải Ngạn tại phương Nam thỉnh giáo Di-lặc Bồ-tát: "Vị Bồ-tát ấy ắt sẽ có thể vì ngươi nói diệu pháp khế lý khế cơ rốt ráo, khiến cho ngươi được đại lợi ích." Do vậy, Thiện Tài cực lực đối trị tập khí phiền não, cực lực tu trì đạo giới - định - tuệ, đến trước Tỳ-lô-giá-na Đại Lâu Các ở nước Hải Ngạn, năm vóc mọp sát đất, nguyện thấy đức Di-lặc, nói kệ tán thán, bèn thấy Di-lặc Bồ-tát từ chỗ khác đi tới.

Thiện Tài đảnh lễ, Di-lặc đối trước đại chúng cùng đi với ngài, tán thán Thiện Tài là chân Phật tử, là chân pháp khí. Lại vì Thiện Tài nói đủ mọi công đức của tâm Bồ-đề hòng bồi đắp nền tảng thành Phật, dạy vào trong đại lâu các quan sát

[502] Đức Sanh đồng tử (Śrī-Sambhava) là vị thứ năm mươi mốt trong số năm mươi ba vị thiện tri thức được Thiện Tài đến tham học. Vị này cùng với Hữu Đức đồng nữ cùng ở tại thành Diệu Ý Hoa Môn, đều đã chứng môn giải thoát của Bồ-tát, do tịnh trí quán sát thấy các thế gian đều là huyễn trụ, đều do nhân duyên sanh cho đến các việc biến hóa điều phục của hết thảy các vị Bồ-tát đều là huyễn trụ, đều do nguyện và trí hợp lại mà thành vậy.

trọn khắp sẽ biết rõ cách học hạnh Bồ-tát. Học xong sẽ thành tựu vô lượng công đức. Thiện Tài bạch rằng: "Kính xin Đại Thánh mở cửa lâu các cho con được vào!" Ngài Di-lặc khảy ngón tay ra tiếng, cửa liền mở ra, bảo Thiện Tài vào. Vào xong cửa đóng lại. Thấy lâu các ấy rộng rãi vô lượng giống như hư không. Mặt đất và cung điện, hết thảy vật cúng đều dùng vô lượng các thứ báu để hợp thành. Lại thấy trong ấy có vô lượng trăm ngàn các thứ lâu các nhiệm mầu, mỗi mỗi rộng lớn nghiêm trang, đẹp đẽ, đều bằng với hư không, chẳng ngăn ngại nhau, cũng chẳng tạp loạn. Nơi mỗi một chỗ thấy hết thảy chỗ, trong hết thảy chỗ đều thấy như thế.

Khi đó Thiện Tài rạp mình lễ kính, vừa mới mọp đầu đã tự thấy thân mình trọn khắp trong hết thảy các lâu các, lễ khắp hết thảy Phật - pháp - tăng, thấy đủ các thứ cảnh giới tự tại chẳng thể nghĩ bàn, như là: Hoặc thấy đức Di-lặc vừa mới phát tâm Bồ-đề hành đạo Bồ-tát, thân cận vị thiện tri thức nào, chứng tam-muội nào cho đến đích thân chứng được pháp thân, trong mười phương pháp giới, trải qua số kiếp nhiều như số vi trần trong cõi Phật hiện những thân tam thừa lục đạo để giáo hóa, mỗi mỗi đều thấy trọn vẹn và hết thảy chư Phật trong mười phương thế giới từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật độ sanh và nhập Niết-bàn, pháp tồn tại lâu - mau cũng đều thấy trọn vẹn. Thiện Tài ở trong lâu các thượng cầu hạ hóa, trải số kiếp nhiều như số vi trần trong cõi Phật siêng năng, chuyên ròng tu trì đủ mọi diệu hạnh mà chẳng mỏi mệt, nhất tâm tiến thẳng đến Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy, Di-lặc Bồ-tát liền thu hồi thần lực, vào trong lâu các, khảy ngón tay ra tiếng, bảo Thiện Tài: "Thiện nam tử! Hãy dậy đi, pháp tánh như vậy đó. Đây chính là trí biết các pháp của Bồ-tát, biết các pháp là tướng được hiện bởi nhân duyên tụ tập. Tự tánh như thế giống như huyễn, như mộng!" Do vậy, đại lâu các ấy chính là pháp giới tạng. Phàm tất cả những sự vi diệu trong pháp giới không gì chẳng thấy trọn vẹn trong lâu các này. Đó gọi là "mười pháp giới xưa nay, từ đầu đến cuối chẳng lìa một niệm hiện tại; vô biên cõi nước, ta người chẳng cách biệt chừng bằng mảy lông". Nếu không có thần thông đạo lực của Di-lặc, Thiện Tài cạn lòng thành tận lòng kính, làm sao đạt được như vậy?

Đời gần đây, các nơi không nơi nào chẳng thờ tượng Di-lặc nơi tiền điện, chẳng gọi là điện Di-lặc mà lại gọi là điện Thiên Vương, đúng là coi ngài Di-lặc như khách ăn nhờ ở đậu các Thiên Vương, quá mất ý nghĩa tôn kính! Linh Nham tu bổ tiền điện, nhân đấy tôi bèn nói nguyên cớ với giám viện là đại sư Diệu Chân, lại trích lục chương Thiện Tài tham học với ngài Di-lặc từ kinh Hoa Nghiêm để chứng tỏ ngài Di-lặc đức vượt trỗi Thập địa, đạo đã chứng Đẳng giác, từ bi cứu

vớt chúng sanh, nếu không phải là Phật sẽ chẳng thể biết được. Do vậy bèn đặt tên cho tiền điện là lâu các Di-lặc để mong sau này ai bước vào đó sẽ đều giống như Thiện Tài hoặc trong đời này hoặc trong đời mai sau, ai nấy đích thân chứng được đạo trong lâu các, để an ủi tấm lòng đại từ bi "luôn dạy cho người đương thời" của ngài Di-lặc.

Hơn nữa, các nơi thờ tượng Di-lặc chính là tượng hòa thượng Bố Đại, do ngài Di-lặc thị hiện vào cuối đời Đường. Nay đã biết là do Di-lặc thị hiện thì cố nhiên hãy nên thờ bổn tượng vi diệu trang nghiêm. Nhằm tỏ rõ ngài đang sống trên trời Đâu-suất nên tạc tượng ngài đội mũ Ngũ Phật để làm tiêu thức[503]. Lược thuật duyên khởi để bảo cùng người thông sáng mai sau, hiểu tôi hay trách tội tôi, tôi cũng chẳng màng! Chuyện tu bổ điện từ đầu đến cuối, công đức của đàn-na tín chủ được ghi cặn kẽ trong tấm bia khác, nên chẳng ghi lại tường tận ở đây.

Phụ lục: Toa chế thuốc hoàn tiêu đờm chữa ho

Cách chế tạo:

Dùng kinh giới, cát cánh, tử uyển, bách bộ, bạch tiền, trần bì, tang bạch bì, cam thảo[504], mỗi thứ một lạng, đều để tươi nghiền nát thành bột mịn, lại thêm vào

[503] Tiêu thức là những vật dụng nhằm biểu thị hạnh nguyện, phương tiện của một vị Phật hay một vị Bồ-tát, chẳng hạn tiêu thức của ngài Quán Âm là bình cam lộ với nhành dương liễu, tiêu thức của Địa Tạng Bồ-tát là viên minh châu và tích trượng, tiêu thức của Văn-thù Bồ-tát là thanh kiếm trí tuệ v.v.. Trong Mật tông thường tạc tượng Di-lặc Bồ-tát cầm tháp báu (tượng trưng cho Tỳ-lô-giá-na Lâu Các) đội mũ Ngũ Phật và mặc y phục cõi trời, ngồi thõng hai chân (ngụ ý ngài vẫn chưa thành Phật).

[504] Kinh giới (schizonepeta tenuifolia) là một loại rau thơm thuộc họ bạc hà, có vị hơi the, thường được dùng như rau thơm ăn chung với rau muống chẻ, nhất là khi ăn bún riêu. Cây này được dùng rất phổ biến trong các bài thuốc Nam để chữa ho, cảm lạnh, xông hơi v.v..

Cát cánh (balloon flower - platycodon grandiflorus) là một loại thân thực vật, hoa màu từ tím đậm đến nhạt, hình như hoa loa kèn, có năm cánh, ta thường gọi là hoa chuông tím, thân có chất nhựa thơm dịu.

Tử uyển (tatarian astert - asteris radix) thuộc họ cúc, thân ngầm. Bộ phận chính để làm thuốc là phần thân ngầm và rễ, có vị ngọt đắng và thơm nhẹ, chủ yếu dùng để trừ đàm trong Đông y.

Bách bộ (stemona root - radix stemonae) là một loại thực vật lá to, bóng mượt nhưng hẹp và dài, mọc rất chậm nên còn gọi là mạn sanh bách bộ, phần để làm thuốc chính là phần thân ngầm của nó.

Bạch tiền (willowleaf swallowwort - cynanchum stauntonii) là một loài thực vật có thân hình trụ dài, cành thường cong quẹo, có màu trắng ngả vàng hoặc vàng nâu, phần để làm thuốc chính là phần thân ngầm và rễ.

Trần bì: vỏ cam hay quýt.

Tang bạch bì: chất vỏ trắng lấy từ rễ cây dâu tằm (mulberry tree).

hai lạng hạt củ giền[505] tươi để nghiền. Lại dùng một lượng lá tỳ bà[506] nấu nước để lọc nước cốt hạt củ giền, rồi thêm vào hai lạng nước cốt củ giền tươi, hòa [chất bột của những thứ thuốc nói trên] với nước cốt củ giền vò thành hoàn, thêm vào hai hay ba lạng bách luyện mật[507] nữa là được. Mỗi hoàn nặng hai tiền năm phân[508].

Cách uống:

Dùng nước sôi để chiêu thuốc, mỗi lần uống một hoàn, trẻ nhỏ thì giảm xuống một nửa. Mỗi ngày sáng dậy lúc chưa ăn gì và lúc tối sắp đi ngủ, uống mỗi lúc một lần.

- Bài thuốc này vốn trích từ sách Y Học Tâm Ngộ Nghiệm Phương Tân Biên nhưng thiếu trần bì, cam thảo. Hơn nữa mỗi thứ đều sao rồi mới chế thuốc, uống vào sợ rằng gây khô háo[509], nay thêm vào tang bạch bì, và lại dùng lá tỳ bà, hạt củ giền, nước cốt củ giền, vò thành hoàn. Các thứ thuốc đều nghiền tươi. Từ đấy áp dụng không ai chẳng công hiệu, phong - hàn - đàm - nhiệt đều thích hợp. *(Nhiếp Vân Đài ghi)*

- Tôi bị trúng gió ho húng hắng, xin được từ chỗ cư sĩ Vân Đài mười mấy hoàn, uống mấy hoàn liền khỏi bệnh. Những hoàn thuốc còn lại cùng với số xin thêm từ Tam Lạc xã đem gởi tặng cho người khác, họ đều khen là linh nghiệm. Do vậy đặc biệt ghi thêm toa thuốc vào đây. Nguyện người đọc dựa theo toa chế thuốc nhằm tạo tiện lợi cho người khác thì công đức vô lượng. *(Đức Sâm ghi thêm)*

---

[505] Nguyên văn "la bặc". Theo từ điển Hán Việt, chữ la bặc thường dịch là củ cải trắng; thế nhưng theo Wikipedia phiên bản tiếng Hán, chúng tôi thấy chữ la bặc được dùng để chỉ ba loại khác nhau: bạch la bặc (củ cải trắng), thanh la bặc (củ su hào) và anh đào la bặc (củ radish, ta thường gọi là củ giền, hay củ la đì). Do trong đoạn dưới ông Nhiếp Vân Đài nói dùng la bặc để giảm tính khô nóng của các vị thuốc nên chúng tôi dịch là củ radish, vì củ cải trắng quá hàn và hạt củ cải trắng lẫn hạt su hào đều có chất độc có thể gây chết người, có lẽ không thích hợp để chữa bệnh ho.

[506] Tỳ bà (japanese plum, loquat - eriobotrya japonica), còn gọi là lô quất, thường thấy ở Trung Hoa và Nhật Bản, là một loại cây thân mộc, xanh tươi quanh năm, lá to xanh thẫm, bóng mướt, mặt dưới lá nâu nhạt, thuôn dài như hình dáng giống thân đàn tỳ bà, hoa có mùi thơm ngọt, năm cánh, sắc trắng. Trái có hình bầu dục hoặc thuôn như trái lê, mọc thành chùm, dày đặc, sớ thịt của trái tỳ bà hơi giống thịt trái lê, có vị ngọt nhẹ, hơi chua.

[507] Bách luyện mật: Mật ong được đun sôi riu riu cho bốc hơi bớt chất nước, nhằm cô đặc lại.

[508] Một tiền 3,73 gram, một tiền gồm 10 phân. Như vậy, hai tiền năm phân là 2,5 x 3,73 gr = 9,325 gram.

[509] Nguyên văn là táo, ý nói người bệnh uống vào cảm thấy nóng, bức rức, uống nhiều nước vẫn thấy khát, ta thường gọi là "khô háo".

IV. TỤNG TÁN

(phụ thêm phần kệ)

1. Phật Bảo Tán

Phật bảo khen ngợi khôn cùng,
Từ trần kiếp[510] trước chứng Đại Hùng,
Thường trụ Tịch quang bi tâm sâu,
Hóa hiện độ quần mông[511],
Thuyết pháp khế cơ cùng khế lý,
Chấn động điếc - đui trong chín cõi,
Linh Sơn pháp hội nguyện tương phùng,
Thọ ký, rạng tông phong.

2. Pháp Bảo Tán

Ngợi khen pháp bảo khó lường thay!
Không - hữu thể - dụng thảy trọn bày,
Mảy trần chẳng lập muôn đức trội,
Vô trụ tâm quang tỏa rạng ngời,
Chân - tục cùng còn, cùng diệt mất,
Thế nào mới có thể tán dương?
Chứng đến chỗ không gì để được,
Ắt đáng xưng là Pháp Trung Vương.

3. Tăng Bảo Tán

Tăng Bảo thật chẳng thể nghĩ bàn,
Bổn tích thánh phàm há dễ hay!
Ngài Văn-thù thầy bảy đức Phật,
Còn hiện tướng Hàn Sơn si ngây.
Phàm tăng tận lực tu tam học,
Gánh vác đạo Bồ-đề Như Lai.
Do vậy hai khuôn mẫu rộng lớn,
Pháp đạo phàm thánh mãi truyền trì.

---

[510] Trần kiếp: Gọi đủ là "trần điểm kiếp" hoặc "vi trần số kiếp" tức số kiếp (kalpa) nhiều như số vi trần. Đôi khi còn nói là "Phật sát vi trần số kiếp" (số các kiếp nhiều như số vi trần trong một cõi Phật).

[511] Quần mông: Những kẻ tăm tối, chỉ những chúng sanh bị phiền não vô minh che lấp.

4. Tán dương tượng Phật Dược Sư

Mười hai đại nguyện đức khó lường,
Xưng danh liền được thoát khổ ương,
Đến khi nghiệp tận tình không ấy,
Đông - Tây cõi giác vốn chân thường!

5. Dược Sư Phật kệ

Dược Sư Như Lai Lưu Ly Quang,
Thệ nguyện rộng sâu đời khó lường,
Hiển: sanh điều lành, nhóm phước khánh.
Mật: khiến diệt ác, tiêu họa ương.
Dẹp khổ: cốt sao sạch nhị tử[512],
Ban vui: muôn đức ắt phô bày.
Pháp giới thánh - phàm đều quy mạng,
Gội ân mau chứng được chân thường.

6. Tán dương tượng Phật A-di-đà

Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh,
Nghịch ác hướng lòng cũng tiếp nghênh,
Xen trộn đúng sai không chọn lựa,
Vì thương những kẻ Phật chưa thành.

7. Tán dương kinh tháp Phật A-di-đà

Bảo tháp nguy nga tột hư không,
Vô biên pháp tạng chứa vào trong,
Cực Lạc trang nghiêm đều hiện trọn,
Di-đà quang thọ vẹn hình dung,
Sáu phương chư Phật thường ca ngợi,
Chín giới chúng sanh trọn hướng lòng,
Một câu sáu chữ hồng danh gọn,
Quy căn kết đảnh thật mênh mông!

8. Tán dương tượng Tây Phương Tam Thánh

Tam Thánh vô tâm đều đã chứng,
Vô tâm ứng trọn hữu tâm nhân,
Dẫn khắp chúng sanh về Cực Lạc,

[512] Nhị tử: biến dịch sanh tử và phần đoạn sanh tử.

Thân tâm trọn không, chẳng dấu hằn.

9. Tán dương tháp Đa Bảo

Đa Bảo Như Lai,
Vì thỏa nguyện xưa,
Hiển trọn thật tế,
Hiện tháp vọt lên.
Hiển bổn để làm khuôn mẫu lớn,
Mọi kẻ thấy nghe lên bến kia.

10. Tán dương tượng Quán Thế Âm Bồ-tát

Khắp trần sát cõi thảy hiện thân,
Thương nhất Sa-bà lũ thế nhân,
Hễ còn ai đó chưa thành Phật,
Tầm thanh cứu khổ chửa nguôi lòng.

11. Kệ tán dương Quán Thế Âm Bồ-tát

Quán Âm thệ nguyện diệu khôn lường,
Cảm ứng tùy cơ há trễ tràng,
Cứu khổ tầm thanh: từ hút sắt[513],
Hiện thân thuyết pháp: nước in trăng,
Cứu vớt muôn sự trần sát cõi,
Sa-bà càng nặng tấm lòng từ,
Ân sâu hết kiếp khen sao trọn,
Che chở quần manh khắp xót thương.

Quán Âm thệ nguyện thật mênh mông,
Độ mọi chúng sanh lìa cõi khổ,
Hưng khởi từ bi khắp sát trần,
Phổ Môn mỗi mỗi đều thâu nhiếp,
Nay ứng hiện khắp băm hai thân,
Khiến chúng rốt ráo chứng tâm Phật,
Cung kính thường xưng niệm Quán Âm,
Cát khánh thường hưởng, chướng dứt bặt.

12. Kệ hồi hướng cho thất Quán Âm

[513] Từ hút sắt: Nam châm hút sắt.

Nguyện do công đức trì tụng này,
Liền cảm được Đại sĩ gia bị,
Tiêu trừ ta - người nghiệp xưa nay,
Thiện căn ta - người cùng tăng trưởng,
Bao kiếp giữ mãi Đại sĩ tâm,
Khắp cõi thường hành Đại sĩ sự,
Gây tạo lợi ích tột vị lai,
Khiến mọi hữu tình chẳng họa hại.

Nguyện do công đức này,
Tiêu trừ nghiệp xưa nay,
Tăng trưởng mọi phước tuệ,
Viên thành thắng thiện căn,
Tất cả đao binh kiếp,
Cùng với nạn đói khát,
Đều bị diệt trừ sạch,
Thế giới mãi thanh bình,
Mưa gió thường thuận hòa,
Nhân dân đều an ninh,
Pháp giới các hàm thức,
Cùng chứng vô thượng đạo.

13. Kệ khánh chúc Quán Âm

Đoan tọa Phổ Đà thường nhập định,
Chúng sanh hễ cầu, trọn rủ lòng,
Muốn biết nghĩa cảm ứng huyền diệu,
Xin nhìn trăng rọi khắp muôn sông.

14. Sửa đổi cho đúng bài kệ tán dương đức Quán Âm thường được lưu truyền trong cõi đời

Quán Âm Bồ-tát đức tối ưu,
Chánh Pháp Minh Phật chứng đã lâu,
Ân sâu lồng lộng trùm muôn cõi,
Kim Phật vòi vọi ngự trên đầu,
Nước bình cam lộ gột trần cấu,
Tay phóng hào quang diệt ưu sầu,
Hễ trần sát cảm, trần sát ứng,

Vầng trăng in bóng trọn muôn sông.

15. Tán dương tượng Đại Thế Chí Bồ-tát

Như con nhớ mẹ siêng niệm Phật,
Nhiếp trọn sáu căn tai lắng nghe,
Vâng theo lời Đại sĩ khai thị,
Quả giác ắt khế hợp nhân tâm.

16. Kệ tán dương Đại Thế Chí Bồ-tát

Thế Chí Bồ-tát đức vô biên,
Phù tá Di-đà thả từ thuyền,
Cứu khổ hệt như Quán Tự Tại,
Dẫn dắt về Tây tợ Phổ Hiền.
Tu nhân dùng trọn căn - trần - thức,
Chứng quả đều đạt viên thông thường,
Nhiếp người niệm Phật về Tịnh độ,
Ân này muôn kiếp dễ đâu quên!

Đại Thế Chí lợi sanh sâu rộng,
Chuyên chú trọng pháp môn niệm Phật.
Như con nhớ mẹ nhớ Thế Tôn,
Liền được gội ngay ân đức Phật,
Khế hợp quả giác lẫn nhân tâm,
Lập tức trở về với nguồn cội,
Nhiếp trọn sáu căn diệu khó lường,
Nguyện khắp chín giới thường vâng giữ.

17. Tán dương tượng Địa Tạng Bồ-tát

Cao cả thay Đại sĩ, thệ nguyện rộng sâu, nghĩ thương chúng sanh luân hồi kiếp dài lâu, vận lòng bi đồng thể, khởi lòng từ vô duyên, thường ở trong địa ngục để mong cứu kẻ bị treo ngược[514]. Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ-đề, địa ngục chưa trống thề chẳng muốn thành Phật. Do nhân duyên ấy, chư Phật ngợi khen. Huống chi những kẻ đang trong lục đạo há nên chẳng bi luyến? Hư không có

[514] Cứu giúp kẻ bị treo ngược: Chữ "treo ngược" (đảo huyền - ullambana) chỉ những người có tội sau khi đã chết bị đọa trong địa ngục, chịu những hình phạt khổ sở giống như bị treo ngược đầu xuống.

cùng tận, nhưng thệ nguyện vô cùng. Muốn báo ân sâu, riêng in tôn kinh. Nguyện kẻ thấy nghe đều cùng sanh tịnh tín, lần lượt lưu truyền, lợi ích vô tận.

18. Kệ tán dương Địa Tạng Bồ-tát

Đại sĩ thệ nguyện há thể lường,
Lòng bi trọn khắp cõi vô ương,
Chúng sanh độ hết mới xong thệ,
Địa ngục trống rồi nguyện mới thôi.
Giáo hóa nhiều người thành Phật đạo,
Tự thân vẫn hiện tướng Thanh văn,
Chúng sanh và Phật tánh vốn một,
Cùng muốn ta người chứng Pháp Vương[515].

Địa Tạng Bồ-tát đại từ bi,
Thệ nguyện vĩnh viễn chẳng hề hết,
Giáo hóa thành Phật số khôn xiết,
Vẫn hiện oai nghi bậc Thanh văn,
Đến khi địa ngục độ hết sạch,
Mới chịu thị hiện chứng Bồ-đề,
Khẩn nguyện ban ân khắp u - hiển,
Cùng theo hải hội dự liên trì.

19. Kệ tán dương Di-lặc Bồ-tát

Đấng Bổ xứ Từ Vô Năng Thắng[516]
Thường ngự Đâu-suất diễn viên âm,
Hiện thân trần sát nào ai biết?
Tâm cùng pháp giới tự dung thông,
Dốc cạn kho tàng trong đãy vải,
Tươi cười bình đẳng ban thế nhân,

[515] Nguyên văn là *Cứu cánh tức*. Trong nguyên bản có ghi thêm một đoạn chú thích như sau: "Ngài Trí Giả thuộc tông Thiên Thai đã dùng khái niệm *lục tức* để giải thích về Phật. Một là Lý tức Phật, hai là Danh tự tức Phật, ba là Quán hạnh tức Phật, bốn là Tương tự tức Phật, năm là Phần chứng tức Phật, sáu là Cứu cánh tức Phật." Cứu cánh tức Phật chính là quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, do đức Phật còn được gọi là Pháp Vương nên chúng tôi chuyển dịch chữ *Cứu cánh tức* thành Pháp Vương cho thuận với âm vận của bài kệ.

[516] Ngài Di-lặc Bồ-tát họ Di-lặc (Maitreya: lòng từ), tên là A-dật-đa (Ajita - dịch nghĩa là Vô Năng Thắng: không ai hơn được). Vì thế, đôi khi tên ngài được dịch nghĩa là Từ Thị Vô Năng Thắng. Do đó câu này có thể hiểu: Ngài là đấng từ bi không ai hơn được, hoặc chỉ có thể hiểu đơn giản đây là tên họ đầy đủ của ngài.

Nguyện cùng Di-đà thương tiếp dẫn,
Khéo trong ba hội[517] chứng nhất chân.

20. Kệ tán dương Văn-thù Sư Lợi Bồ-tát

Văn-thù Bồ-tát đức khôn lường,
Thành Phật Long Chủng Thượng Pháp Vương,
Do thương chúng sanh mê tự tánh,
Riêng giúp Thích-ca mở đạo mầu,
Thầy bảy vị Phật thể khôn thấu,
Mẹ chư Bồ-tát dụng khôn ngằn,
Thường trụ Tịch quang ứng mọi cảm,
Muôn sông khắp hiện bóng muôn trăng.

(Long Chủng Thượng Phật chính là danh hiệu khi ngài Văn-thù đã thành Phật trong kiếp quá khứ, hãy nên biết là vị Long Chủng Thượng Tôn Phật được nói trong kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội là vị khác.)

Văn-thù phù tá Pháp Vương,
Trí tuệ chỉ Phật suy lường được thôi,
Chấn hưng Viên Đốn đạo huyền,
Người nghe tình kiến bỗng nhiên mất liền,
Bồ-đề tràng hiểu cội nguồn,
Ân quang nguyện gội giống như Thiện Tài,
Rốt ráo chứng được chân thường.

---

[517] Khi ngài Di-lặc thành Phật, sẽ ba lần chuyển pháp luân (tam chuyển pháp luân), mỗi lần chuyển pháp luân đó được gọi là một hội thuyết pháp (chứ không có nghĩa ngài chỉ thuyết pháp có ba lần), xin xem chi tiết trong kinh Quán Di-lặc Hạ Sanh. Tam chuyển pháp luân là ba giai đoạn giáo hóa của đức Phật, gồm: Căn bản pháp luân, Chi mạt pháp luân, Nhiếp mạt quy bổn pháp luân. *Căn bản pháp luân* tức là những giáo pháp dạy cho hàng đại Bồ-tát chứng ngộ cảnh giới siêu việt của Phật, tương ứng với thời Hoa Nghiêm. *Chi mạt pháp luân* là những giáo pháp dành cho mọi căn tánh nhằm hướng dẫn họ bước vào Phật đạo, lần lượt dạy từng bậc, từng lớp theo mức độ kiến giải cao dần để dẫn nhập họ từ Tiểu thừa bước vào Đại thừa. Cuối cùng là *Nhiếp mạt quy bổn pháp luân*, tức là nói ra chân tướng sự thật Nhất thừa, gộp ba thừa vào một thừa, khiến mọi căn cơ đều liễu ngộ căn bản pháp luân, tương ứng với thời Pháp Hoa. Do ngài thành Phật dưới cội bồ-đề, những cành nhánh của cây bồ-đề ấy giống như những con rồng đang phun ra những đóa hoa, nên cây bồ-đề ấy được gọi là cây long hoa. Vì thế, kinh sách nhà Phật thường gọi ba hội thuyết pháp của Đương Lai Di-lặc Tôn Phật là "long hoa tam hội". Do không hiểu rõ ý nghĩa chữ long hoa, tam chuyển pháp luân, cũng như sự thị hiện giáng sanh của chư Phật, rất nhiều thứ ngoại đạo mượn danh Phật giáo đã lập lờ đánh lận con đen rao giảng Thượng Đế sai Di-lặc Bồ-tát mở hội Long Hoa để thanh lọc chúng sanh, lập đại hội Vạn Linh. Theo họ, hội Long Hoa đã bắt đầu diễn ra từ năm 1992, thế gian đang bước vào thời Hạ Nguơn (Nguyên), sắp tận thế, phải tu theo đạo của họ thì mới được quần tiên tiếp dẫn sanh về thiên giới.

21. Kệ tán dương Phổ Hiền Bồ-tát

Bồ-tát từ bi khó thuật trần,
Thánh phàm đều được chứng viên nhân,
Nhất tâm chẳng trụ, siêu các vị,
Mười nguyện dẫn về, nối Năng Nhân[518],
Tam thừa đều được khế quả giác,
Quần manh mau được thoát phiền trần,
Khăng khắng tuân lời răn thanh tịnh,
Chắc chắn đời này thấu bổn chân.

Đức Phổ Hiền hạnh nguyện sâu thẳm,
Khuyên người phát Bồ-đề đại tâm,
Dạy cho Tam hiền, Thập địa thánh,
Đều cùng được thấy Di-đà Tôn,
Mười đại nguyện vương nếu tuân giữ,
Lợi ích chỉ Phật kham tuyên bày,
Quả giác, nhân tâm cùng lặng bặt,
Pháp thân thanh tịnh chứng lên ngay.

22. Kệ tán dương Trí Tích Bồ-tát

Lâu xa hầu Đa Bảo,
Đến lễ Thích-ca Tôn[519],
Dạo khắp sát trần Phật quốc độ,
Riêng thương chúng sanh cõi Sa-bà,
Tượng vẽ hiện oai thần.
Xiển dương Phật hóa đời Lương,

[518] Năng Nhân (Śākya), còn được phiên âm là Thích-ca, tức họ của đức Phật. Đức Phật Thích-ca là một vị hiền nhân (Muni, còn dịch là Tịch Mặc) xuất thân từ dòng họ Thích-ca nên có hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Năng Nhân có nghĩa là "người ban bố, thực hiện lòng nhân". Do vậy, hiểu theo nghĩa hẹp, chữ Năng Nhân chỉ cho Phật Thích-ca; nhưng hiểu theo nghĩa rộng thì đây là danh xưng chung để tán dương các đức Phật. Riêng đối với danh hiệu Thích-ca Mâu-ni Phật, tổ Ấn Quang còn giảng thêm: "Năng Nhân nghĩa là rộng độ chúng sanh; Tịch Mặc là triệt chứng tự tánh" (xin xem trong bài Duyên khởi của thư viện Phật học Phước Châu trong phần "Những bài viết khác" của Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển 3).

[519] Theo phẩm Hiện Bảo Tháp của kinh Pháp Hoa, khi đức Thích-ca Mâu-ni Phật đang giảng kinh Pháp Hoa, từ dưới đất vọt lên tháp báu chứa toàn thân xá-lợi của Phật Đa Bảo, tán thán và chứng minh cho pháp hội Pháp Hoa. Trí Tích Bồ-tát là một trong số những vị thượng thủ theo hầu Phật Đa Bảo đến dự hội Pháp Hoa, đàm luận Phật pháp với Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, tôn giả Xá-lợi-phất và Long nữ (con gái của vua rồng Ta-kiệt-la).

Muốn cho tể tướng triều Đường kính tin.
Hiện thân sư trị bệnh người,
Đại điện được bóng tháp ngời rợp che,
Bí tạng của đức Như Lai,
Ai lên nơi đó tức thời hiểu ra,
Giếng đào trên đỉnh non xa,
Uống vào Bát-nhã đạo huyền đều thông.
Tranh ngài vẽ tướng đang ngồi,
Dợm mình như thể sắp dời chân đi.
Tay cầm gậy giữ thẳng,
Trực chỉ pháp bất nhị,
Tuy chẳng phải đích tổ[520],
Truyền tâm chùa Linh Nham,
Quả thật là khách quý,
Trong biển khổ độ sanh.

23. Tán dương Trí Tích Bồ-tát

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Xét nghĩ Bồ-tát, bi trí rộng sâu, ở phương dưới thường hầu Đa Bảo Phật, thị hiện dấu tích khắp trần sát, hiện thân nơi tượng vẽ, Linh Nham đạo trường tồn.

24. Tán dương tổ đường Tịnh độ

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Một tông Tịnh độ khởi nguồn từ đức Phổ Hiền, Viễn công nối tiếp nguồn pháp ở Chấn Đán, trong ngoài rộng lưu truyền, khiến cho khắp mọi phàm thánh chứng Niết-bàn ngay trong đời này.

25. Tán dương tượng đại sư Viễn công

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Xét nghĩ Viễn công, thừa nguyện tái lai, sáng lập Liên tông, thỏa Phật bổn hoài, khiến các phàm thánh nhớ niệm Phật danh, cậy Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Bậc đã đoạn hoặc liền chứng Vô sanh. Bậc chứng Vô sanh mau tròn Phật quả. Dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, cảm ứng đạo giao lợi ích thật sâu.

[520] Chữ "đích tổ" ở đây được dùng với ý nghĩa là vị tổ khai sáng một ngôi chùa. Trí Tích Bồ-tát chỉ là một vị tăng nhập chúng tại Linh Nham Sơn Tự thời Lương, chứ không phải là tổ sư khai sáng ngôi chùa, nên không phải là đích tổ của Linh Nham.

Chưa thấy kinh Niết-bàn đã tuyên giảng Phật tánh thường trụ, chưa đọc phẩm Hạnh Nguyện đã khuyên khắp mọi người về Tây, lập ra được pháp ngầm hợp ý kinh. Bậc hộ pháp Bồ-tát thể hiện sự đại giác của chính mình. La-thập dâng kinh càng thêm tán thán sâu đậm. Tăng sĩ Tây Vực sanh lòng ngưỡng mộ, tâm hương liền dâng. Hơn ngàn năm qua, chẳng được nghe viên âm. May còn di giáo để hòng noi theo. Kính nguyện thầy ta, sẽ lại thị hiện giáng sanh, dẫn khắp quần luân cùng lên cõi Ngũ Thanh[521]. In di cảo của ngài để mô tả chân dung đạo pháp của ngài, hòng kẻ thông sáng mai sau sẽ bắt chước theo.

26. Tán tụng mười hai vị tổ của Liên tông

1. Sơ tổ Đông Lâm Lô Sơn Huệ Viễn đại sư đời Tấn

Dùng pháp đặc biệt vĩnh viễn làm khuôn phép cho đời, ý chỉ ngầm hợp với phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, lưu thông khắp trong ngoài nước, khiến cho kẻ tầm thường lẫn bậc cao nhã giải quyết đại sự xong xuôi ngay trong đời này.

Mở nguồn Liên tông khiến Trung Hoa được phước, thỏa thích bổn hoài của Phật, lập phương tiện, viên âm vừa được xiển dương, sĩ phu đều về với Lô Sơn, đại pháp sắp hoằng khai, [sơn thần hiển thần thông chuyển vật liệu xây dựng] điện Thần Vận, hết thảy pháp môn lưu xuất từ đây, hết thảy hạnh môn được thực hiện từ đây, khiến cho các tông đều quy hướng, muôn sông đổ về biển, nương theo hạnh nguyện.

2. Nhị tổ Trường An Quang Minh Thiện Đạo đại sư đời Đường

Sư sống vào đầu đời Đường, các tông đều hưng thịnh, đề xướng Tịnh độ thỏa lòng mọi người, Phật lực ai dám sánh bằng? Nếu chịu gieo lòng thành, Tây Phương quyết định vãng sanh.

Đời truyền tụng sư là Phật A-di-đà thị hiện, đề xướng giáo nghĩa niệm Phật trọn vẹn, phong phú, thiết tha răn người học phải khiêm nhường, cũng như phải cực lực ưa - chán[522]; về mặt giải phải thông thạo hết thảy pháp, nhưng về hạnh chỉ chọn lấy một pháp vừa khế cơ khế lý. Niệm Phật tỏa hào quang khích lệ đại chúng, hãy nên xem lời ngài như do chính đức Phật nói.

3. Tam tổ Nam Nhạc Ban Châu Thừa Viễn đại sư đời Đường

[521] Ngũ Thanh: Tên gọi khác của Cực Lạc, do cõi ấy không có năm thứ nhơ uế (ngũ trược) nên gọi là Ngũ Thanh.
[522] Ưa mến Cực Lạc, nhàm chán cõi Sa-bà.

Thân gầy mặt bẩn, hầu bên Di-đà. Thần thức ngài Pháp Chiếu du hành [đến cõi Cực Lạc] vãng cảnh[523], Phật chỉ ngôi đình ghi danh ngài [Thừa Viễn], môn đình từ đấy được kế tục, tâm pháp vĩnh viễn truyền dương.

Ban-chu[524] khổ hạnh đời khó thể chịu đựng được, nhịn cơm dùng bùn đất làm món ăn, thường đem những điều trọng yếu trong kinh và danh hiệu Phật ghi khắp trên các lối ngõ, đá núi. Niệm Phật, Phật dạy pháp đặc biệt, kẻ đến học dùng pháp ấy để an cái tâm, thiên tử nghe tên hướng về Nam vọng bái, vì thế đạo phong lưu truyền bốn biển.

4. Tứ tổ Ngũ Đài Trúc Lâm Pháp Chiếu đại sư đời Đường

Xét nghĩ Tứ tổ đức cao đẹp đáng khâm phục, được Phật, thầy chỉ dạy cõi Cực Lạc, đức Văn-thù dạy túc nhân, khiến cho khắp mọi người thấu đạt bổn chân ngay trong đời này.

Tại Hành Châu[525] thấy được thánh cảnh trong bát, mỗi điều đều đích thân tạo dựng nơi non Ngũ Đài. Nơi Tịnh độ được thấy sư Thừa Viễn. Tại Trúc Lâm[526]

---

[523] Theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ngài Pháp Chiếu nhập định, thần thức đến cõi Cực Lạc, thấy bên cạnh Phật Di-đà có một vị tăng gầy gò đứng hầu, mặt nám đen, mặc áo rách, bèn hỏi thì được biết đó là ngài Thừa Viễn ở Nam Nhạc. Do tổ Thừa Viễn không muốn mất thời gian hóa duyên để chuyên dành trọn thời gian tu trì, nên ẩn cư trong rừng sâu, thường móc bùn đất ăn thay cơm đỡ đói hòng chuyên tu tập. Do vậy ngài gầy nhom, mặt nám đen, quần áo rách rưới.

[524] Ban-chu gọi đủ là ban-chu tam-muội (pratyutpanna-samādhi), đôi khi còn đọc là bát-chu tam-muội, là một trong các phép tu định. Phép này còn được dịch là thường hành tam-muội, ban-chu định, chư Phật hiện tiền tam-muội hoặc Phật lập tam-muội. Căn cứ theo những điều được dạy trong kinh Ban-chu Tam-muội (Pratyutpanna Buddha Sammukhāvasthita Samādhi Sūtra) do ngài Chi-lâu-ca-sấm dịch vào năm Quang Hòa thứ hai (179) đời Hán Linh Đế thì để tu pháp này, trong vòng 49 ngày, ngoại trừ lúc ăn uống ra, hành giả đều phải luôn kinh hành, mỗi bước đều niệm A-di-đà Phật, ý quán tưởng Phật, tam nghiệp tương ứng, cho nên cách tu này được gọi chung là "tam nghiệp vô gián". Theo sử truyện, tại Lô Sơn, tổ Huệ Viễn đã đề xướng cách tu này đầu tiên. Các vị Thiện Đạo, Trí Khải, Huệ Nhật, Thừa Viễn, Pháp Chiếu đều tiếp tục hoằng dương cách này, vì nếu người dụng công khẩn thiết, chí thành, trong định sẽ thấy được Phật.

[525] Hành Châu nay là thành phố Hành Dương thuộc tỉnh Hồ Nam, khác với Hàng Châu thuộc tỉnh Giang Tô.

[526] Thoạt đầu tổ đã hâm mộ di phong của tổ Huệ Viễn, tu niệm Phật tam-muội, trong định thấy chính mình qua cõi Cực Lạc gặp được tổ Thừa Viễn thân gầy áo rách đứng hầu bên Phật Di-đà, khi xuất định bèn sang Nam Nhạc y chỉ với ngài Thừa Viễn. Khi tổ ngụ tại chùa Vân Phong ở Hành Châu đã thấy thánh cảnh Ngũ Đài hiện trong bát cháo. Khi được biết đó là thánh cảnh Ngũ Đài, tháng 4 năm sau, tổ lên Ngũ Đài triều bái, đến chùa Phật Quang, chợt thấy có hai đồng tử đến đón, dẫn vào chùa Trúc Lâm, được hai vị Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền dạy cho pháp yếu Niệm Phật cũng như dạy phương pháp Ngũ Hội Niệm Phật (tức niệm Phật gồm năm đoạn với tiết tấu khác nhau), rồi hai vị Bồ-tát bảo tổ lui ra. Trong lúc theo đồng tử trở ra, tổ

cung kính nhận lãnh lời ngài Văn-thù dạy dỗ. Tiếng niệm Phật vang khắp ngả đường Tinh Châu. Đường Đại Tông sai sứ dâng chiếu thỉnh: "Niệm Phật rốt ráo mầu nhiệm như thế nào?" Sư đáp: "Khiến được mau thành đạo Bồ-đề."

5. Ngũ tổ Tân Định Ô Long Thiếu Khang đại sư đời Đường

Tránh bàn đến thế đế, nên đã bảy tuổi vẫn chưa nói. Thốt lời bèn kinh động trời người. Rộng kết duyên Tịnh độ, cho tiền trẻ nhỏ, ai nấy đều gieo chín phẩm sen.

Lên bảy tuổi trọn chẳng thốt một lời, thốt lời liền xưng danh hiệu Thế Tôn. Vừa đọc bài Tây Phương Văn của ngài Thiện Đạo liền biết Tịnh độ là nơi đáng nương tựa, đem tiền dụ trẻ niệm Di-đà, chưa lâu sau tiếng niệm Phật vang khắp nẻo đường. Niệm Phật, tượng Phật từ miệng bay ra, có ai thấy nghe chẳng tuân theo lời dạy?

6. Lục tổ Hàng Châu Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư đời Tống

Một bộ Pháp Hoa, một trăm lẻ tám Phật sự, bốn thứ liệu giản lợi lạc kẻ ngu lẫn người thông sáng, muôn điều thiện xét suy, mong siêu bạt trọn khắp, vãng sanh cõi Cực Lạc.

Thấy các chúng sanh đều là Phật, chỉ nghĩ cứu sanh mạng quên luật nước. Bị giải ra chợ hành hình tâm vui vẻ[527], sắc mặt chẳng đổi, được xá tội liền thỏa

---

ngầm bẻ cây đánh dấu để sau này có dịp trở lại, nhưng lúc ngoảnh lại, đã thấy tất cả đều biến thành đồng hoang núi vắng, hai đồng tử cũng mất dạng. Bi thương khôn xiết, tổ lập chùa Trúc Lâm Đại Thánh tại đó để kỷ niệm pháp duyên hy hữu ấy. Nhạc phổ Ngũ Hội Niệm Phật hiện đã thất truyền, khúc Ngũ Hội Niệm Phật đang lưu hành hiện thời do người đời sau soạn ra, chứ không phải là nguyên khúc do Bồ-tát truyền dạy cho tổ Pháp Chiếu. Người đương thời thường cho rằng tổ là hóa thân của ngài Thiện Đạo (theo Ngũ Đài Sơn Linh Tích, không rõ tác giả, Hòa Tục Xuất Bản Xã, Đài Loan, ấn hành năm 1995).

[527] Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ vừa là tổ thứ sáu của Tịnh độ, vừa là tổ thứ ba của Pháp Nhãn tông bên Thiền. Theo Tống Cao Tăng Truyện và Cảnh Đức Lục, tổ họ Vương, tự là Xung Huyền, hiệu Bão Nhất Tử, nguyên quán tại Đan Dương, sau dời qua Dư Hàng. Từ bé tổ từ năm sáu tuổi đã ngưỡng mộ Phật giáo, không ăn mặn. Đến tuổi trưởng thành, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, thường tụng kinh Pháp Hoa, làm chức quan coi kho cho Tiền Văn Mục Vương xứ Ngô Việt, rồi đến năm 28 tuổi, ngài được thăng lên chức Hoa đình trấn sứ, trông kho quân nhu. Ngài thường lấy tiền trong kho để mua cá, tôm đem phóng sanh đến nỗi tiền trong kho bị thiếu hụt. Sự việc vỡ lỡ, Tiền Văn Mục Vương hạ lệnh giải ngài ra chợ chém. Tiền Văn Mục Vương sai người theo dõi xem ngài phản ứng ra sao, thấy ngài trong khi ngửa cổ đợi đao phủ xuống tay, nét mặt thật vui sướng, hân hoan. Giám trảm quan hỏi duyên cớ, tổ đáp: *"Ta dùng tiền trong kho để phóng sanh, chứ chẳng dùng riêng cho mình một đồng nào nên tâm không thẹn thùng."* Do vậy, Tiền Văn Mục Vương bèn hạ lệnh tha, tổ bèn đi xuất gia với thiền sư Thúy Nham tại chùa Long Sách.

nguyện xuất gia. Công khóa mỗi ngày là "một trăm lẻ tám Phật sự, tụng một bộ Pháp Hoa, niệm Phật mười vạn tiếng". Nếu chẳng phải là bậc đại quyền thị hiện trong thế gian, ai có thể dựng được pháp tràng như thế?

7. Thất tổ Hàng Châu Chiêu Khánh Tỉnh Thường đại sư đời Tống

Hâm mộ đạo Lô Sơn, nối gót liên xã, trích máu biên chép phẩm Tịnh Hạnh, tể tướng [Vương Đán] theo về dưới tòa. Một trăm hai mươi vị chí hướng lớn lao, cao nhã, nguyện phỏng theo các ngài Long - Mã (Long Thọ, Mã Minh) vãng sanh.

Hâm mộ đạo phong Lô Sơn lập tịnh xã, do vì đời sau ít người thực hành, liền tùy theo sự việc mà phát thệ một trăm bốn mươi mốt nguyện để ai nấy đều được an trụ nơi Bồ-đề. Tể tướng Vương Đán đã quy y, công khanh một trăm hai mươi người được un đúc. Tuy trong Diêm-phù phò tá cơ đồ nhà vua, vẫn chẳng bằng vãng sanh cõi Cực Lạc hưởng phước nhà Phật.

8. Bát tổ Hàng Châu Vân Thê Châu Hoằng đại sư đời Minh

Vừa trụ tại Vân Thê đã chấm dứt được nạn hổ. Lúc hạn hán, dân chúng cầu thỉnh, sư niệm Phật mưa liền tuôn xuống thỏa lòng dân mong mỏi. Thôn dân đều cảm thán, sắm gỗ lo liệu, đạo tràng được trùng hưng.

Thuở nhỏ nghe niệm Phật ý đã quyết, về sau răn môn đồ đừng làm trò quái gở[528], hạnh là khuôn mẫu cho thế gian, lời lẽ là pháp tắc cho cõi đời. Chú trọng Tịnh độ và quy giới. Chống đỡ sóng cuồng thật khế lý, khế cơ. Xiển minh tâm Phật, đuổi ong, rết. Khiến cho khắp mọi phàm phu đầy dẫy triền phược cậy vào Phật từ lực, lên cõi sen.

9. Cửu tổ Bắc Thiên Mục Linh Phong Trí Húc đại sư đời Thanh

Ngay từ nhỏ đã tin Phật, theo mẹ lễ tụng, đến lúc đi học theo đạo Nho liền phóng túng, đọc bộ Trúc Song Tùy Bút[529] bèn tự trách, tận lực hoằng dương Đại thừa, mong cho mọi người cùng thoát khỏi hầm bẫy.

Tông thừa giáo nghĩa thảy dung thông. Sở ngộ giống hệt như Phật chẳng khác biệt. Hoặc nghiệp chưa đoạn thì giống như bát đĩa chưa nung, gặp mưa liền rã, uổng công lao đã tu tập từ trước. Do vậy tận lực tu hạnh Niệm Phật. Quyết muốn

[528] Một môn nhân của tổ Liên Trì ẩn cư trên núi thường nhập định dự đoán mưa nắng, nói chuyện hậu vận, tai họa cho người khác. Tổ gởi thư quở trách, khuyên hãy chú tâm tu luyện hầu được giải thoát hơn là phô phang huyền thuật.

[529] Trúc Song Tùy Bút là một tác phẩm của tổ Vân Thê Liên Trì gồm ba quyển được biên soạn vào năm Vạn Lịch 43 (1615), gồm hơn 400 bài viết ngắn trình bày những nhận định của tổ Liên Trì về Thiên Thai, Thiền, Tịnh v.v..

trong đời này thoát khỏi bẫy lồng. Rát miệng thiết tha khuyên người học đạo, có sanh về được Tây Phương thì mới có thể kế thừa đấng Đại Hùng.

10. Thập tổ Ngu Sơn Phổ Nhân Hành Sách đại sư đời Thanh

Xiển dương Tịnh độ, khẩn thiết ít ai bằng, dùng lòng tín nguyện sâu để dốc cạn lòng thành tu tập. Tâm và Phật đôi bên khế hợp, muôn niệm đều dứt, quyết định thoát gò khổ.

Hám Sơn nguyện xưa chưa làm trọn, nên lại thị hiện giáng sanh làm Triệt Lưu[530], quở trách "kẻ tu phước cõi trời đúng là bọn xiển-đề, chiên-đà-la[531]". Tâm tánh của Phật và ta vốn chẳng khác. Phật là đã thành, ta chưa tu. Muốn được tâm và Phật đều không sai khác, hãy nên cầu nơi "nhớ Phật niệm Phật"!

11. Thập nhất tổ Hàng Châu Phạm Thiên Thật Hiền đại sư đời Thanh

Bốn mươi tám nguyện, kính phỏng theo Di-đà, một trăm lẻ tám bài thơ hay hơn Sở Ca[532], người nghe chán Sa-bà, khiến kẻ chần chừ phấn khởi chứng ba-la-mật-đa.

Thâm nhập kinh tạng rất khó khăn mà ngài đích thân chứng được, triệt ngộ tâm rồi tận lực hoằng dương Tịnh tông. Muốn cho người đời biết nguyên do, viết văn làm thơ nêu bày Phật lệnh: "Phát tâm Bồ-đề để dẫn đường, chân tín nguyện hạnh làm đường lối thực hiện. Nếu đầy đủ được những pháp thù thắng ấy, sẽ siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này."

---

[530] Triệt Lưu là pháp tự của tổ Hành Sách.

[531] Chiên-đà-la (candāla), còn phiên âm là chiên-trà-la, dịch nghĩa là nghiêm xí (hừng hực dữ dội), bạo lệ (tàn nhẫn dữ dội), chấp ác, hiểm ác, chủ sát nhân, trị cẩu nhân v.v.. Chiên-đà-la vốn là một danh xưng chỉ giai cấp hạ tiện nhất trong hệ thống giai cấp của Ấn Độ thời cổ. Bọn họ chuyên làm những nghề coi ngục, buôn bán, đồ tể, đánh cá, chôn người chết, quét dọn nhà vệ sinh v.v.. Do nghề nghiệp bị coi là nhơ uế và bị xã hội ruồng rẫy, khinh rẻ, đa số rất hung bạo, tham lam và tìm mọi cách bòn rút khi những người thuộc giai cấp trên có việc phải nhờ đến họ. Theo luật Mã Nỗ (Manu) của đạo Bà-la-môn, những người bị xếp vào hạng chiên-đà-la là con của đàn ông thuộc giai cấp thủ-đà-la (sudra) lén ăn nằm với nữ nhân thuộc dòng Bà-la-môn. Bọn họ bị cấm bước vào đền thờ Ấn Độ giáo vì sợ hình bóng của họ sẽ làm ô uế tượng thần. Kinh Phật mượn từ ngữ này để chỉ những kẻ tánh tình bạo ác, hung hăng, không biết nhân từ, lễ nghĩa, chứ không hàm ý miệt thị giai cấp như trong kinh điển Bà-la-môn.

[532] Sở Ca là những khúc hát bằng tiếng nước Sở thời Xuân Thu Chiến Quốc. Khi quân Hán của Lưu Bang vây hãm quân Sở của Hạng Vũ tại Cai Hạ (nay thuộc huyện Linh Bích, tỉnh An Huy), Hạng Vũ vẫn còn rất đông quân, Trương Lương bèn bày kế cho người thổi sáo và hát những điệu dân ca nước Sở, quân Hạng Vũ động lòng nhớ nhà, đào ngũ gần hết. Do đó, từ ngữ "Sở Ca" thường được dùng để chỉ những câu hát mang tính chất lay động lòng người, khiến người khác thay đổi chí hướng. 108 bài thơ được nhắc đến ở đây là 108 bài thơ khuyên tu, tán dương Tịnh độ do tổ Thật Hiền đã viết.

12. Thập nhị tổ Hồng Loa Tư Phước Tế Tỉnh đại sư đời Thanh *(tức đại sư Triệt Ngộ)*

Thông trọn kinh sử, mong làm người hướng dẫn cho cõi đời, vừa bị bệnh liền biết [thông thạo kinh sử] chẳng thể nương cậy được, nghiên cứu chỗ uyên áo của các tông, thấy đều khó chứng được, bèn chuyên chú nơi giáo pháp Tịnh độ.

Pháp ngữ dạy đại chúng lợi ích rất nhiều. Kệ niệm Phật thảy bao la. Toàn chân biến thành vọng chỉ do tâm này. Toàn vọng biến thành chân cũng chẳng có gì khác. Bất biến tùy duyên nên tùy tịnh, tùy duyên bất biến chớ thuận theo sai ngoa. Nếu ai nấy y theo nghĩa này để tu trì thì quang thọ sẽ giống như đức Di-đà.

27. Tán dương tượng thiền sư Triệt Ngộ

Bậc tuấn kiệt làng Nho, đấng khôi hùng cửa Phật, sư tử hùng mạnh nơi hang Thiền, rồng thần nơi biển Giáo, nghiên cứu Từ - Hiền[533] nhưng hoằng dương giáo pháp Thiên Thai, trụ trì chùa Thiền thổi gió sen, chỉ mong khế cơ cùng khế lý, chẳng tính môn đình là dị hay đồng, nêu tỏ ý nghĩa "làm Phật, là Phật", phá sạch sự tối tăm chấp lý phế sự, đang lúc tà thuyết tung hoành trong đời ác này, kẻ nhỏ nhoi, người có địa vị lớn lao không đâu chẳng noi theo!

28. Tán dương tượng tổ sư Đạt-ma

Đặc biệt từ trời Tây đến đây truyền tâm Phật, Đông Độ vốn nhiều kẻ căn cơ Đại thừa. Sau đấy một chiếc dép trở về Tây[534], con cháu khắp cõi rền tiếng huyền diệu.

29. Tán dương tượng thiền sư Tế Công

Nhằm khơi gợi lòng chân tín nguyện cho chúng sanh, nên hiển lộ đủ mọi đại thần thông, chẳng giả khùng điên để che mắt mọi người, làm sao trụ mãi trong cõi đời để đánh động bọn điếc đui?

---

[533] Từ là Từ Ân tông (Duy Thức tông), Hiền là Hiền Thủ tông (Hoa Nghiêm tông).

[534] Theo truyền thuyết, tổ Bồ-đề-đạt-ma thị tịch vào ngày mồng 5 tháng 10 nhằm năm Đại Thống thứ hai (536) đời Ngụy Văn Đế. Đến ngày 18 tháng Chạp năm ấy, môn nhân đưa pháp thể tới chôn tại núi Hùng Nhĩ (tỉnh Hà Nam), dựng tháp thờ tại chùa Định Lâm. Ba năm sau, Tống Vân được vua Ngụy sai sang sứ Tây Vực, khi trở về đến Thông Lãnh (tức cao nguyên Pamir hiện thời), gặp tổ quảy một chiếc dép phiêu diêu đi một mình, liền hỏi: "Sư đi đâu vậy?" Tổ đáp: "Ta trở về Tây Thiên!" Tống Vân trở về, thuật lại chuyện ấy, môn nhân đào mộ, mở quan tài ra chỉ thấy trong ấy có một chiếc dép. Triều đình bèn sai đem chiếc dép ấy về thờ tại chùa Thiếu Lâm. Về sau, đến năm Khai Nguyên thứ 15 (727) đời Đường, có kẻ trộm lấy đưa về thờ tại chùa Hoa Nghiêm trên Ngũ Đài, đến nay không biết đã thất lạc về đâu.

30. Ca tụng Nam Bình Tông Thừa[535]

Túy Bồ-đề, Bồ-đề túy. Kẻ vô trí chớ theo đuổi. Nếu nhận lầm phương hướng, muôn kiếp thường đọa lạc nê-lê[536]. Nguyện người học khéo phân biệt: Thuận tâm nghịch tích[537] là phương cách tối thượng, nhưng nếu không có mắt chọn lựa pháp chân chánh, chắc chắn sẽ bị tổn hại không lợi ích.

31. Tán dương bài ký "hình Phật hiển hiện trên răng lợn" của ông Lưu Công Lỗ ở Quý Trì

Hết thảy chúng sanh, đều có Phật tánh. Do mê trái nên đánh mất lẽ chánh, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cái thân mình. Sát

---

[535] Núi Nam Bình là một trong mười thắng cảnh vùng Tây Hồ (nằm ở phía Tây Hàng Châu, tỉnh Giang Tây), cảnh núi đẹp đến nỗi họa sĩ Trương Trạch Đoan đời Tống đã vẽ một bức họa rất nổi tiếng với tựa đề Nam Bình Vãn Chung Đồ (Bức họa tiếng chuông chiều tại Nam Bình). Trên núi có rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng, nổi tiếng nhất là chùa Hưng Giáo (đại bản doanh của phái Sơn Gia tông Thiên Thai) và Tịnh Từ. Trong bài tụng này, tổ Ấn Quang ca ngợi tông phong của chùa Tịnh Từ. Ngô Việt Vương Tiền Hoằng Thục xây chùa Tịnh Từ tại núi Nam Bình vào năm Hiển Đức nguyên niên (954) đời Hậu Chu, thoạt đầu chùa mang tên Huệ Nhật Vĩnh Minh Tự (đến đời Tống Thái Tông đổi thành chùa Thiên Ninh, rồi thành Tịnh Từ), thỉnh ngài Đạo Tế (tức hòa thượng Tế Điên) đến trụ trì, ngài trở thành tổ khai sơn của chùa. Sư tính đúc tượng 18 vị La-hán, chưa tâu lên, vua đã mộng thấy 18 người khổng lồ đến tìm, bèn giúp cho sư hoàn thành chí nguyện. Khi ngài Đạo Tế thị tịch năm Kiến Long thứ hai (961) đời Tống, vua bèn thỉnh ngài Vĩnh Minh Diên Thọ từ chùa Linh Ẩn về trụ trì, chấn hưng tông phong mạnh mẽ, độ hơn 1.700 đệ tử xuất gia. Tổ hằng ngày làm 108 Phật sự, niệm Phật mười vạn tiếng, tụng hết một bộ Pháp Hoa khiến khắp xa gần đều ngưỡng mộ tông phong chùa Tịnh Từ. Ngài Vĩnh Minh cũng đã soạn bộ Tông Kính Lục (100 quyển) lừng danh tại chùa Tịnh Từ. Túy Bồ-đề là xước hiệu của ngài Tế Điên, vì ngài thường làm ra vẻ điên cuồng, hay uống rượu say sưa, nhưng mỗi lời ngài nói ra không câu nào chẳng hợp thiền cơ, khiến người hữu duyên nghe xong tỉnh ngộ sâu xa.

[536] Nê-lê (naraka), còn phiên âm là na-lạc, na-lạc-ca, na-la-kha, hay nại-lạc, dịch nghĩa khổ khí, khổ cụ, chính là địa ngục. Chữ nê-lê bao gồm những ý nghĩa "tối tăm, không đúng, chẳng thể vui sướng". Theo Câu-xá Quang Ký quyển tám, chữ *na-lạc* nghĩa là "người", *ca* nghĩa là "ác". Như vậy na-lạc-ca là người tạo nhiều tội ác, bị đọa vào trong ấy vì thế gọi là na-lạc-ca. Có thuyết giải thích *ca* có nghĩa là "vui sướng", *nại* là "không", *lạc* là "cùng với, tương ứng", như vậy nại-lạc-ca nghĩa là "chẳng tương ứng với vui sướng", hoặc "chẳng thể cứu vớt được".

[537] Do ngài Đạo Tế thường thị hiện những hạnh trái nghịch phạm hạnh xuất gia như uống rượu, ăn thịt chó, nhằm ẩn giấu thần thông để hóa độ người hữu duyên, nên có nhiều kẻ tưởng lầm tu thiền đã giải ngộ rồi thì không cần giữ giới luật nữa, cứ phóng túng làm càn, nên tổ Ấn Quang khuyên: "Nếu nhận lầm phương hướng, muôn kiếp thường đọa lạc nê-lê. Nguyện người học khéo phân biệt." Sở dĩ gọi là "thuận tâm nghịch tích" vì ngài Đạo Tế là bậc kim thân La-hán, tâm đã giác ngộ thanh tịnh ("thuận tâm") nhưng thị hiện những hành vi trái với oai nghi của người xuất gia nhằm ẩn giấu thân phận, nên gọi là "nghịch tích" (thể hiện hành vi trái nghịch).

nghiệp đã kết, trải nhiều kiếp giết lẫn nhau. Đức Như Lai thương xót, bèn làm thuyền từ, khơi mở giáo huấn lớn lao về lòng từ. Người ta vẫn không tin nên Phật bèn đặc biệt hiện hình dáng để mong chúng sanh tùy thuận lời Phật dạy. Vỏ nghêu sò, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm rùa, đều có hình Phật ngự trong đó. Có người họ Chức vào đời Tống giết lợn quăng đầu, chó giữ đầu lợn bốn ngày chẳng dám táp. Đuổi chó chẻ xương, trên răng hàm lợn hiện hình Phật. Mắt biếc, búi tóc xoắn ốc, nghiễm nhiên là bậc Đại Giác. Trước khi chưa giết, mọi người đều nói là "súc sanh", đã giết xong mới biết là Phật. Do vậy, biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật, dẫu chẳng phải do Phật hiện thì cũng là vị lai Phật. Giết để ăn thịt, tội quá non biển. Hãy gấp đau đáu ngăn dè, hòng được giải thoát!

Anh em họ Triều làm văn tán dương, nghĩa lý uyên thâm, văn từ sáng đẹp, ông Thiên Trì biên chép, các vị đề tựa, viết lời bạt, để làm bài cảnh sách vĩnh viễn nhằm khơi gợi hậu giác. Đã hiểu nghĩa này, ai dám giết chóc? Tranh thành giành đất sẽ chấm dứt ngay. Ông Lưu ở Quý Trì, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, bảo tồn sách của ông Từ, lời đề tựa, lời bạt đều phù hợp, sai con là Công Lỗ đem đưa cho xem, liền kính viết mấy lời tỏ bày chí hướng của tôi. Nguyện kẻ thấy nghe sẽ ăn chay kiêng giết, chắc chắn trong đời này sẽ về cõi Cực Lạc.

32. Tán dương tượng đại sư Niệm Thành

Nghĩ tới đức lớn của ngài, ước mong khôi phục Linh Nham, sau cơn tai kiếp một mình ở trong lòng tháp, gặp được ông Bành lên chơi núi, hứa tra xét ruộng đất của nhà chùa, dần dần trở thành chốn danh lam.

33. Bài ca tụng nhân dịp cô nhi viện tại Thượng Hải khánh thành nhà mới

Giúp đỡ cô nhi, tài cao chót vót. Nếu chẳng cứu giúp, sống bằng cách nào? Đã được nuôi dạy, chánh khí ắt thành. Hoặc là công, thương, học hành, cày cấy, là hiền, là thiện, tốt lành, thuần thục, chăm giữ đạo nghĩa, tuy hèn vẫn vinh. Huống chi chẳng ít anh tuấn lỗi lạc. Do vậy biết rằng: Nuôi dạy cô nhi, lợi ích sâu rộng, lời ông Tử Dư thật đã nghĩ chín, chỉ nguyện người nhân, cùng sẵn từ bi, nhà viện tuy thành, nhu cầu vẫn thiếu, ai nấy ra tay, giúp cho hoàn thành. Thương con của người, con ta ắt nhờ. Hiền thiện tiếp nối, nêu gương cho đời, lợi người tự lợi, nhân quả như thế, chớ nên chẳng tin. Lời Phật chẳng dối!

34. Ca tụng pháp môn Tịnh độ thù thắng

(Chỉ do pháp môn này thù thắng mà bà Trí Nghi được vãng sanh)

Pháp môn Tịnh độ dạy dỗ không phân biệt phàm thánh, trí ngu, đều được bình đẳng nhiếp thọ. Hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, chỉ có mỗi pháp này hoàn toàn cậy vào Phật lực, Phật lực khác biệt tự lực một trời một vực. Tín nguyện ức niệm quyết định sanh về nước Phật. Bao nhiêu người tín niệm, bấy nhiêu người vãng sanh. Phật có lời thệ nguyện, nay đã tỏ lộ dấu hình: Nữ sĩ Trí Nghi tâm niệm Phật tha thiết, niệm chưa được mấy năm đã được Phật đón tiếp. Nguyện người thấy nghe ai nấy chăm chú tu trì, để dự vào hội Liên Trì, vui sướng nào hơn!

35. Ca tụng chuyện sanh Tây của cư sĩ Từ Úy Như

Cao cả thay ông Từ, xưa đã trọn đủ huệ căn, hiếu hữu, nhân từ, tận hết bổn phận, trọn vẹn luân thường, nghiêm cẩn tuân theo lời tổ tiên giáo huấn, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu hạnh niệm Phật, mong sanh cõi Tịnh. Tuổi trung niên tận lực đảm nhiệm việc khắc in kinh điển để nối tiếp huệ mạng của Phật hòng giúp cho cả Mật lẫn Hiển. Thời cuộc chẳng yên, càng ưa - chán thiết tha, nương nguyện về Tây, đại sự giải quyết xong, được Phật thọ ký, liền trở lại Sa-bà, tiếp dẫn khắp hàm thức cùng thân cận Di-đà.

36. Ca tụng đức cao đẹp của ông Sa Tuyết Phảng

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Cao cả thay cụ Sa, túc căn rất sâu, hiếu hữu nhân từ, cả làng cùng khâm phục, tuổi đã tám mươi mới tu Tịnh độ, phát trọn ba tâm, mong sanh thượng phẩm, tâm sẵn có, tâm tạo tác, tâm làm, tâm là. Giải lẫn hạnh đều viên dung, lý sự nhất trí. Vì thế, khi lâm chung được an nhiên qua đời, đỉnh đầu ấm, vẻ mặt rạng rỡ, để biểu thị đã thật sự đến được Cực Lạc.

37. Ca tụng chuyện quy Tây của cư sĩ Khuất Tử Kiến

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Phật tâm và chúng sanh tâm, về bản thể vốn chẳng hai. Do nhân duyên mê ngộ nên tâm chẳng khác mà tướng thành sai khác. Nếu chịu trái nghịch trần lao, kiêm trì thánh hiệu Phật, hễ được vãng sanh Tây Phương thì sẽ đích thân đến được bờ giác. Cao đẹp thay ông Tử Kiến! Túc căn thật sâu, thác sanh vào gia đình đời đời thiện lương, giữ tấm lòng trung hậu, khoan dung. Chuộng nghĩa, khinh tài, thân sơ đều bình đẳng quan tâm. Có tư cách lỗi lạc, nhưng chuyên trọng niệm Phật. Tịnh nghiệp đã chín muồi, biết trước lúc nào sẽ đi, quyến thuộc đều nhất tâm niệm Phật tương trợ. Vì thế được nương nhờ Phật lực vãng sanh cõi Cực Lạc.

Di tướng[538] càng thêm rạng rỡ, ai nấy đều khen là lạ lùng đặc biệt. Các hành nhân đời mạt muốn thoát khỏi bẫy sanh tử, chỉ có một pháp niệm Phật là có thể dự vào bậc thánh trong đời này. Nêu toát yếu đại lược hòng lưu lại vĩnh viễn cho con cháu, mong ai nấy đều noi theo đức của người xưa thân cận Di-đà Thế Tôn.

38. Ca tụng đức cao đẹp của cư sĩ Trương Miện Đường

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Cao đẹp thay ông Miện Đường, thừa nguyện thị hiện giáng sanh. Đang trong lúc kiếp nạn ngập trời này, biển cả, đất liền đầy dẫy cọp, kình, nhân dân bị nuốt cắn, phát tâm dẹp cho yên. Do vậy vào quân ngũ, dùng đức giáo hóa binh lính, lấy nhân nghĩa làm vũ khí, dùng nhân quả làm lũy thành. Phàm đóng quân chỗ nào, tiếng khen ngợi vang rền truyền đến đất Tô. Trừ bạo, an dân lành, hoằng pháp độ hữu tình, ma tà, ngoại đạo đều dẹp yên, Phật nhật được chiếu rạng. Chán nghiệp võ theo nghề văn. Sắt - cầm thường trỗi tiếng. Giảm bớt sự phiền toái trong việc cai trị nên được nhiều lúc rảnh rỗi. Niệm Phật có chương trình nhất định. Dùng móng tay vẽ tượng Tam Thánh, tinh diệu khôn sánh tầy. Phàm có ai thấy nghe, tâm đều hướng về Cực Lạc. "Tâm làm Phật là Phật", Quán kinh nghĩa rộng sâu. Sự thế gian, xuất thế, đều lấy gốc nơi lòng thành, nguyện khắp người mọi giới, nghe phong thái đều dấy lòng hành theo, ngõ hầu từ nay trở đi thiên hạ thường thái bình.

39. Ca tụng hạnh cao đẹp của cụ bà họ Từ, mẹ ông Chu

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Cao đẹp thay Chu mẫu, xưa có huệ căn, thờ mẹ nuôi em, tiếng khen rộn xóm làng. Gả về nhà ông Chu, giúp chồng làm điều nhân, sửa đổi nghề nghiệp trước, lòng từ không ai bằng. Trông nom gia đình, dạy con, buôn bán, làm lành, phàm tính toán những gì đều hợp tình lý, lòng mong lợi lạc, giúp người, tài lẫn pháp cùng thí. Xót thương chỉ dạy, không điều nhỏ nhặt nào chẳng quan tâm đến. Những gì cụ tích tụ [cho riêng mình] suốt cả một đời, chỉ chứa được đầy tráp. Xét về đạo Nho, hạnh của cụ phù hợp với lẽ đại đồng, xét nơi đạo Thích, hạnh cụ khế hợp pháp tứ nhiếp. Phong thái cao đẹp của hai bà Phi, ba bà Thái vẫn chưa mất, cho nên viết đại lược để nêu gương cho người sau.

40. Ca tụng liệt nữ Trương San Trinh

[538] Chỉ thân xác, vẻ mặt của ông Khuất Tử Kiến sau khi đã mất.

Chánh khí trong trời đất, được con người thực hiện rộng rãi. Nam nữ tuy sai khác, lý này cố nhiên chẳng sai biệt. Do cùng sẵn đủ Phật tánh, tức là cái được gọi là "bỉnh di" (vâng giữ luân thường), nhưng phải khéo mở rộng sự ấy, muốn làm thánh hiền phải lấy đó làm nền tảng. Tiếc thay con người trong thời gần đây, cứ coi điều hay là chuyện tệ. Tận lực trừ cho hết sạch phạm vi giữa nam nữ, gọi luyến ái là cao thượng, coi trinh tiết là tỳ vết! Đúng là muốn cho người trong khắp cõi đời giống hệt như cầm thú. Cao cả thay cô Trương San Trinh, dẫu chết chí chẳng dời, không được mẹ thông cảm, dùng kéo tự rạch cổ. Tuy là con nhà nông, nhưng đáng là điển hình cho nữ giới. Dùng thân phụ trợ danh giáo[539], đáng gọi là đại trượng phu. Người tuy đã qua đời, trinh đức chẳng hề mất. Tiếc rằng chưa biết Phật pháp, rốt cuộc khó thoát khỏi bẫy phàm. Nếu sanh được lòng tín nguyện, chí tâm niệm A-di-đà, ắt được Phật tiếp dẫn, vãng sanh ao bảy báu. Thấy Phật nghe diệu pháp, tiến dần lên chứng được Bồ-đề. Đến tận cùng kiếp vị lai, thường làm thầy trời người.

41. Ca tụng hạnh đẹp của cư sĩ Trình Chí Bằng ở Vụ Nguyên

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Sanh trong đời nay mà hành đạo xưa. Nêu gương cho làng ấp. Giữ chí khí, tiết tháo của Liêm Lạc[540]. Tin sâu Phật pháp, chẳng tập tành lỗi lầm "trong lòng tuân phụng ngoài mặt chống trái" [của bọn Trình - Chu]. Nguyện sanh về Liên Bang, lúc mất được cảm ứng đạo giao thù thắng. Ôi, con người như vậy là trụ đá giữa dòng chảy, là hướng dẫn tốt lành trong đường mê! Do vậy bèn viết đại lược để bảo với người thông sáng đời mai sau.

42. Bài ca tụng nhân dịp minh thọ[541] trăm tuổi của cụ Tề Dữu Nam và phu nhân Kim

---

[539] Theo tác phẩm Thiên Hạ Tàn Cuộc (tác giả Đàm Bá Ngưu, nhà xuất bản Đồng Tâm, Hoa Lục, 2006): "Chữ Danh tương đương với 'hình thái ý thức' trong ngôn ngữ hiện thời, tức là vận dụng lịch sử và kinh nghiệm cá nhân, phương pháp lý luận suy diễn từ nguyên nhân đến hậu quả để đề ra một khái niệm, hay một nguyên tắc hòng định khuôn mẫu cho nếp sống. Giáo tức là dạy dỗ, tuyên truyền sao cho mỗi cá nhân đều sống sao cho đạt được những mục đích chuẩn mực đã đặt ra trong danh." Như vậy, danh giáo có thể hiểu đại lược là những chuẩn mực về luân lý, đạo đức được đề cao trong xã hội.

[540] Liêm Lạc nói đủ là "Liêm Lạc Quan Mân" là bốn đại học phái Lý học đời Tống, Liêm là phái Lý học của Chu Đôn Di ở Liêm Khê, Lạc là phái Lý học của Trình Di ở Lạc Dương, Quan là phái Lý học của Trương Tải ở Quan Trung, còn Mân là phái Lý học của Chu Hy ở đất Mân Việt (Phước Kiến).

[541] Minh thọ là sinh nhật của người đã mất.

Ông Tề hiếu hữu đức siêu quần, phu nhân càng giúp nêu gương thơm. Chớ bảo bình sinh lo buôn bán, phải biết toàn thân đầy học thức. Học thức ấy thật sự có thể lưu tiếng thơm suốt cả một đời. Tiếc chưa được nghe Phật pháp, ngộ nguồn tâm. May có con cháu vừa hiền vừa hiếu, cầu siêu mong cha mẹ được sanh về cõi trời Cực Lạc. Cực Lạc vui sướng khôn lường, luôn được đích thân chầu hầu bậc cổ Giác Hoàng[542]. Chứng Vô sanh nhẫn nương bi nguyện, riêng đến cõi này làm thuyền từ. Thuyền từ thả trong biển khổ, khiến cho khắp mọi người về Tây bỏ Đông. Đến ngày tự lợi lợi tha đều viên mãn, sẽ trong pháp giới xưng Đại Hùng.

43. Bài ca tụng nêu tỏ những ý nghĩa ẩn kín của việc Tiền Vũ Túc Vương giương nỏ bắn sóng biển

Kính lễ Vũ Túc Vương[543], từ trời thẳm giáng thần, nhóm dân lập quân nghĩa dũng, diệt Hoàng Sào, giết Đổng Xương[544], công lao đại nghiệp lớn lao, cổ kim ít sánh bằng. Được phong tại Ngô Việt, giúp nước chẳng tai ương. Tính đắp đê ngăn biển, phát triển nghề nông tang. Sóng to, nền khó vững, tế thần cầu giáng

---

[542] Giác Hoàng là một danh hiệu tôn xưng đức Phật, ý nghĩa giống như chữ Giác Vương. Do A-di-đà Phật đã thành Phật từ mười kiếp trước nên gọi là "cổ Giác Hoàng".

[543] Tiền Vũ Túc Vương tức Ngô Việt Thái Tổ, tên thật là Tiền Liêu (852-932), tự Cụ Mỹ (có sách ghi là Cự Mỹ), người huyện Lâm An, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, người sáng lập ra nước Ngô Việt vào thời Ngũ Đại. Vào cuối đời Đường, do theo tướng quân Đổng Xương dẹp yên loạn Hoàng Sào, Tiền Liêu lãnh chức Trấn hải Tiết độ sứ. Sau đó, Tiền Liêu đánh bại Đổng Xương, chiếm cứ mười ba châu huyện thuộc vùng Lưỡng Chiết (nay là toàn bộ tỉnh Chiết Giang, phần Đông Nam của tỉnh Giang Tô và phần Đông Bắc tỉnh Phước Kiến. Những vùng đất này thuộc lãnh thổ nước Ngô và Việt thời Xuân Thu Chiến Quốc, nên khu vực này được gọi chung là Ngô Việt), được phong làm Ngô Việt Vương. Tiền Liêu chú trọng phát triển nông nghiệp vùng Ngô Việt, cho đắp đê trên sông Tiền Đường từ năm 907 đến 932 để ngừa nạn lụt cũng như thiết kế mạng lưới thủy lợi nhằm điều hòa mực sông. Chuyện bắn sóng để buộc thủy triều rút ra xa được tiến hành trong khoảng thời gian này. Nước Ngô Việt tồn tại từ năm 907 đến 978.

[544] Đổng Xương (?-896) là người huyện Lâm An, tỉnh Chiết Giang. Năm Càn Phù thứ hai (875) đời Đường Hy Tông, Vương Trình dấy loạn tại Giang Tây, Đổng Xương tự chiêu mộ nghĩa quân chống lại. Sau khi đánh bại Vương Trình, Đổng Xương được phong là Cảnh Trấn tướng quân. Năm Càn Phù thứ sáu (879), Đổng Xương được sự phù tá của Tiền Liêu, đánh bại loạn quân Hoàng Sào, giữ yên được Hàng Châu, được thăng làm Thứ sử. Năm 883, Đổng Xương thừa cơ đoạt binh quyền của Tiết độ sứ Châu Bảo, trở thành một tay quân phiệt đáng gờm ở vùng Chiết Giang. Năm 886, Đổng Xương đem quân vượt sông Tiền Đường, đánh bại Quan sát sứ vùng Chiết Đông là Lưu Hán Hoằng, chiếm trọn Việt Châu. Do đút lót với triều đình, họ Đổng được phong làm Thái úy, Đồng trung thư môn hạ bình chương sự, tước Lũng Tây Quận Vương. Năm Càn Ninh thứ hai (895) đời Đường Chiêu Tông, do triều đình không phong cho họ Đổng làm vua vùng Ngô Việt, y bèn làm phản, tự xưng là hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Việt La Bình Quốc, lấy niên hiệu là Thuận Thiên. Đổng Xương phong Tiền Liêu làm Chỉ huy sứ, không ngờ Tiền Liêu khuyên họ Đổng nên bỏ đế hiệu. Đổng Xương không nghe liền bị Tiền Liêu trở giáo làm phản đánh bại, rồi trúng kế giả chiêu hàng của Tiền Liêu, bị giết chết tại đô thành Việt Châu.

phước, lại sai các tinh binh giương nỏ bắn vệt sóng. Sóng rút, nền đê vững; ruộng nương chẳng bị [sóng biển làm] hại, nên lợi nhiều. Hễ lòng thành ắt có cảm ứng. Bắn sóng chỉ nhằm hư trương thanh thế, vì sợ tâm quần hùng vẫn muốn đến xâm lăng. Bắn sóng, sóng rút đi, nhờ đấy, bọn cọp sói khiếp sợ. Đời loạn mấy chục năm, riêng cõi Ngô Việt ca tụng thái bình, yên ổn. Lo tính cho mọi người, ý niệm thật sâu dài. Vào thời Ngũ Đại[545] cuối đời Đường, không xứ nào yên ổn. Nho và Phật giáo ở Ngô Việt được xiển dương từ đời Thịnh Đường. Lúc ấy, nếu không có xứ Ngô Việt, cương thường đều diệt mất. Bậc trung nghĩa xưa nay, không một ai chẳng tỏ lộ, ban đức sâu xa đầy tràn cho dân, dân cả nước ngưỡng vọng. Gã Vĩnh Thục[546] tánh quái quỷ, báng Phật, giữ môn tường đạo Nho, dốc chí tu chỉnh hai bộ sử, tính làm kế ngăn ngừa muôn đời. Gạt bỏ hết những lời đệ tử Phật, vu báng, miệt thị vua Ngô Việt, đến nỗi kẻ trung nghĩa ai nấy đều ôm lòng cảm thương. Xem bài biểu Lang Cương[547] của ông ta, đức của cha mẹ thật huy hoàng. Mặc tình riêng tư sửa sử, thật chẳng hổ thẹn quá sức. Cương lãnh của sách Đại Học là "minh minh đức, cách vật trí tri", trong lòng ôm tư dục, khó được kết quả tốt. Kính khuyên các văn sĩ, khiêm tốn, kiềm chế, tự suy lường, chớ kiêu căng, lập dị, phải thuận theo lẽ trời. Khắc niệm cuồng thành thánh, mất niệm thánh thành cuồng. Thông minh khắc chế được ý niệm, lưu tiếng thơm muôn đời.

Lời bạt

(Một ngày mùa thu năm Canh Thìn, Quảng Đức Tiền Văn Tuyển, Sĩ Thanh Phủ soạn tại chỗ cư ngụ ở Thượng Hải, lúc ấy tuổi đã sáu mươi bảy)

Pháp sư Ấn Quang soạn bài tụng nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc Vũ Túc Vương bắn sóng, chỉ bày nguyên do thuở trước: Do Vũ Túc Vương bắn sóng mà sóng lùi ra xa, ấy là vì Thủy Thần cảm mộ đức hạnh bảo vệ dân chúng của Vương, chứ

[545] Cuối đời Đường, chính quyền trung ương suy vong, các tướng lãnh quân phiệt nổi lên cát cứ, tự lập quốc xưng vương. Năm vương triều kế tục nhà Đường trong thời gian trước khi Triệu Khuông Dẫn thống nhất Trung Hoa lập ra nhà Tống, được gọi chung là Ngũ Đại, gồm: Hậu Lương (907-923), Hậu Đường (923-936) Hậu Tấn (936-947), Hậu Hán (947-951) và Hậu Chu (951-960). Thịnh Đường là thời gian Đường thi được sáng tác phong phú, tuyệt diệu nhất trong đời Đường, tức khoảng từ niên hiệu Khai Nguyên cho đến hết niên hiệu Đại Lịch (713-779), chứ không phải là thời gian nhà Đường hưng thịnh nhất. Trong thời Thịnh Đường, tuy văn chương thi phú rất hưng thịnh, chính sự lại rất rối ren, điển hình là loạn An Lộc Sơn xảy ra vào cuối niên hiệu Khai Nguyên của Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng).

[546] Vĩnh Thục là tên tự của Âu Dương Tu. Ông này rất nổi tiếng về những bài văn đả kích, xuyên tạc Phật giáo. Hai bộ Tân Đường Thư và Tân Ngũ Đại Sử của ông ta có rất nhiều câu miệt thị những vua chúa tôn sùng Phật giáo là mê tín, hủ bại, giả nhân giả nghĩa, cũng như thẳng tay gạt bỏ những nhân vật và sự kiện thuộc giới Phật giáo đã chép trong hai bộ Cựu Đường Thư và Tân Ngũ Đại Sử.

[547] Bài Lang Cương Biểu do Âu Dương Tu viết vào năm 64 tuổi để truy điệu cha, lời lẽ rất cảm động, hết lời đề cao cha mẹ như những con người nhân đức, ưa làm lành.

hoàn toàn chẳng phải vì sợ oai thế giương nỏ của Vương. Đời sau không có đức như Vương, toan bắt chước Vương giương oai, chưa thể nào đạt được như vậy. Trong tương lai in lại Văn Tập, hãy nên đem ý này nêu cho rõ ràng mọi lẽ. Pháp sư xiển minh những chân lý này, muôn đời chẳng mòn. Lại đọc ba điều quan trọng để cầu con do pháp sư dạy, chỗ nào cũng là lập luận từ trên căn bản, thật là lời văn có công đối với thế đạo. Thế nào là ba điều trọng yếu? Một là tiết dục để làm căn cơ cho nòi giống mạnh mẽ. Hai, tích đức là đạo trọng yếu để phát khởi phước. Ba là khéo dạy loài người tiến hóa. Nếu như người trong nước thiết thực phụng hành, dù đạt đến thái bình thịnh trị cũng chẳng khó. Có kẻ cho rằng Phật giáo phần nhiều chỉ cốt tốt đẹp cho riêng thân mình, lấy vãng sanh Tây Phương về Tịnh độ làm điều gắng sức, dường như tiêu cực, hoàn toàn chẳng phải là tích cực. Nếu nhìn từ bài văn này và bộ Văn Sao của pháp sư, quả thật Phật giáo là tích cực, chẳng phải là tiêu cực. Người đời nay chẳng suy xét, thường cho Phật giáo là trống rỗng, hư dối, đến nỗi Phật học chưa thể xiển dương rộng lớn, rạng rỡ. Do vậy thế đạo suy vi, giang sơn mỗi ngày một đi xuống, thật đáng cảm khái! Thử nhìn thuở Phật học được xương minh, chính là lúc nhân loại thái bình. Nhìn ngược lại thời Ngũ Đại, thiên hạ đại loạn, kẻ giết người nhiều như mè, nhưng xứ Ngô Việt trong cả trăm năm nhân dân sống tới già chẳng biết đến chiến tranh, quả thật là do đạo nào mà đạt được như vậy?

Nếu nói "bởi Tiền Vũ Túc Vương đắp đê ngăn biển, phát triển nghề nông tang, khơi sông ngòi, mở mang thủy lợi khiến cho nhân dân giàu có, cho nên được như vậy"; cố nhiên là như thế, nhưng đạo căn bản vẫn chẳng nằm ở đó. Đương thời, nhân dân chẳng biết đến chiến tranh, quả thật là do công bảo vệ bờ cõi, giữ yên dân chúng của Vũ Túc Vương. Bảo vệ bờ cõi, giữ yên nhân dân chính là chẳng muốn so gươm chọi giáo, rộng mở sự kiêng giết. Muốn giảm thiểu sự tàn sát nhân loại, thì phải tôn sùng nguyên lý Phật giáo. Do một niệm chân thành ấy nên chẳng có cái tâm tự đại của Tử Dương[548], mà có điều răn tri túc của nhà Phật. Vũ Túc Vương được nguyên lý Phật giáo un đúc, nên có thiện niệm bảo vệ bờ cõi, giữ yên dân chúng ấy. Đấy là do tinh thần thường ngày hoằng dương, tuyên

[548] Tử Dương là tên tự của Công Tôn Thuật (?-36), người xứ Mậu Lăng (nay là huyện Hưng Bình, tỉnh Thiểm Tây) là một chính trị gia thời Hán. Thoạt đầu được phong làm huyện trưởng huyện Thanh Thủy (tỉnh Cam Túc), giữ yên một phương thái bình, nên Công Tôn Thuật rất kiêu ngạo, cho là mình tài năng không ai hơn. Đến khi Vương Mãng soán đoạt ngôi vua từ tay nhà Tây Hán, Công Tôn Thuật quy phục, được phong làm châu mục Ích Châu. Khi Quang Vũ trùng hưng nhà Hán vào năm 25, Công Tôn Thuật bèn tự xưng đế, đặt quốc hiệu là Thành Gia, niên hiệu là Long Hưng. Năm Kiến Vũ 12 (36 Tây Lịch), Đại Tư Mã Ngô Hán tấn công Thành Đô, giết sạch cả nhà họ Công Tôn, nước Thành Gia diệt vong. Trong Hán Thư quyển 5, truyện Mã Viện, có chép Mã Viện từng chê: "Tử Dương (Công Tôn Thuật) là hạng ếch ngồi đáy giếng mà vẫn lầm lạc tự tôn tự đại"; do đó mới có điển tích "Tử Dương tự đại chi tâm".

thuyết sự giáo hóa của Phật mà ra. Do vậy, La Ẩn khuyên vua đánh nước Lương (tức [nước Hậu Lương của] Chu Ôn), nói: "Nếu không thành công, vẫn có thể lui về giữ được Hàng Việt, tự xưng Đông Đế Vương", Vương vẫn chẳng nghe theo lời đó. Ấy là vì sợ một mai dấy binh chinh phạt phương Bắc, dân chúng sẽ gặp cảnh lầm than. Để một nhà, một họ được vinh hiển cao sang, khiến cho người trong cả thiên hạ đều chịu thảm họa nước sôi lửa bỏng, lẽ nào đành nỡ? Tâm nào đành yên?

Đến khi Tống Thái Tổ thống nhất cả nước, Trung Ý Vương[549] liền vâng theo di huấn của Vũ Túc Vương nạp đất cho triều đình, xem bỏ nước như nhường lại nhà, trọn chẳng khiến dân vùng Ngô Việt phải chịu họa can qua. Đức của Vũ Túc Vương chẳng thấm nhuần riêng gì dân Ngô Việt thời ấy, mà phong thái tiếng vang truyền mãi hơn ngàn năm. Đến nay Hàng Châu vẫn còn mang danh xưng là Phật quốc, phong tục thuần hậu, con người lắm thiện căn, vốn do lẽ này. Vũ Túc Vương tin Phật, nhất tâm làm lành, nên tích đức cho con cháu, liên tục dằng dặc, quấn quít chẳng suy, bao đời tế lễ trọng thể, được thờ phụng ngàn thu. Đây thật là quả báo do tin Phật. Càng vào đời loạn, càng phải đề cao Phật học khiến cho nhân loại đều có mỹ đức nhường nhịn lẫn nhau, không có dã tâm tranh đoạt, để tránh khỏi cái họa sát nhân, còn mong có ngày thái bình. Nay lúc khí phận trời Âu đang hừng hực, mưa Mỹ sắp ào tới, tương lai chết vì đại bác, máy bay, chẳng biết mấy ngàn trăm vạn người! Nếu nhân sĩ Âu Mỹ triệt ngộ được Phật lý Trung Hoa, buông dao đồ tể, há chẳng thể thành Phật ư? Kiếp vận này toàn do con người tạo ra. Nếu có thể như Vũ Túc Vương tin Phật kiêng giết, một dạ vì dân dụng tâm, thì đại chiến bên Âu Mỹ sẽ ngừng, cái họa giết chóc sẽ tiêu. Chớ nói Phật giáo thuộc về tiêu cực, chưa thể cứu đời! Chuyện cũ của Vũ Túc Vương có thể lấy làm chứng cớ rành rành; do nhìn từ chỗ này, Phật học quả thật là mấu chốt để nhân loại hướng lành đổi lỗi. Nói: "Đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành", nào phải cốt riêng tốt đẹp cho thân mình, mà là thật sự làm cho khắp thiên hạ đều cùng được tốt lành. Công lao của Phật lý, há có thể nói sơ sài mà tường tận được hết ư?

44. Bài tụng hồi hướng cho khắp mọi người trong hiện tại ấn tống và vĩnh viễn lưu truyền Văn Sao

[549] Trung Ý Vương (929-988) tên thật là Tiền Thục, cháu gọi Vũ Túc Vương Tiền Liêu bằng ông, là vua thứ năm của nước Ngô Việt. Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ hai (978) đời Tống, khi Tống Thái Tông thôn tính các nước chư hầu, Tiền Thục yếu thế, phải đến Biện Kinh. Để tránh cảnh tàn sát vô ích, Tiền Thục bằng lòng quy thuộc nhà Tống. Trung Ý Vương là thụy hiệu được Tống Thái Tông phong tặng sau khi ông mất.

(Năm Dân Quốc 16 - 1927)

Pháp môn Tịnh độ là pháp giới tạng, khế cơ và khế lý, thật là vô thượng. Bậc Đẳng giác đại thánh, kẻ nghịch ác tiểu phàm, Luật - Giáo - Thiền - Mật, đều khắp bao hàm. Mười phương chư Phật hết kiếp tuyên dương vẫn khó nói trọn diệu nghĩa, công huân lạ lùng. Huống chi tôi là kẻ tầm thường phàm tục, ngẫu nhiên nêu tỏ được một hạt bụi trong cõi đất, một giọt nước trong biển cả, thật quá nhỏ nhoi! Tự lượng kém hèn, nếu chẳng phải đức Phật sẽ không thể độ được, cũng có những người cùng chí hướng chỉ chuyên chú nơi chuyện này, do vậy mới có đủ mọi thứ lời lẽ hủ bại. Giãi bày lòng ngu thành, chứ nào phải hoằng dương Tịnh độ! Do các cư sĩ nghĩ những lời lẽ ấy có lợi cho hàng sơ cơ, ấn hành nhiều lượt để mong hàng sơ cơ có chỗ nương tựa. Có ông Diệp Đức Quảng bỏ ra ba ngàn đồng, tính để làm ấn phí mong sách được lưu truyền rộng rãi. Trong tháng 8, thành Thiểm Tây bị vây hãm, tình thế rất đáng buồn, cầu cứu giải vây, liền dùng hết số tiền ấy để cứu đói. Phàm có các thiện sĩ tùy ý quyên góp giúp đỡ, ấn tống năm ba ngàn bộ, vẫn gom thành đủ số. Nguyện những người bỏ tiền và những ai đọc tụng đều tiêu trừ nghiệp chướng, tăng cao nền phước, cửa nhà yên vui, thân tâm bình yên, mạnh khỏe, sống dự vào bậc thánh, thác về Tây Phương. Tổ tiên đã khuất, oán thân bao đời, đều nhờ lòng từ của Phật mà chứng được diệu tâm vốn có. Can qua vĩnh viễn chấm dứt, lễ nghĩa nhân nhượng thịnh hành, nhân dân yên vui, thiên hạ thái bình, trọn báo tứ ân, giúp đều ba cõi, pháp giới chúng sanh cùng chứng Bồ-đề.

Phụ lục: Toa thuốc thần hiệu bạch phàn cứu mạng

(Bạch phàn[550] còn gọi là minh phàn hoặc phàn thạch)

Phàm ăn nhầm hà đồn[551] hoặc hết thảy những món độc khác, hoặc do sự việc trái ngang bức bách, ý muốn coi rẻ mạng sống, toan tự tận, nuốt nha phiến, tỳ

[550] Bạch phàn (alumen) thường được gọi là phèn trắng, hay phèn chua, thường có màu trong suốt hoặc trắng ngả vàng, có công thức hóa học là $KAl(SO_4)_2 \cdot 12H_2O$. Đông y thường dùng bạch phàn để giải độc sát trùng, chữa ghẻ, hoặc uống để cầm máu, chữa thổ tả, trừ phong đàm.

[551] Hà đồn (globefish, puffer fish), có tên khoa học takifugu rubripes, là một loại cá rất độc, hình dáng giống cá nóc bên ta, thân hình tròn ung ủng, đuôi và vây ngắn củn, trông giống như quả cầu nhỏ bị thổi phình lên nên còn có tên là *khí cổ ngư* (cá trông như cái trống bơm căng) hoặc *xuy đỗ ngư* (cá thổi phình bụng). Do thịt loại cá này ăn rất ngon, nên người Hoa xếp nó vào *Trường Giang tam tiễn* (ba món tươi ngon của sông Trường Giang), tức hà đồn, đao ngư và thời ngư (cá cháy), nhưng trong mình hà đồn nó chứa một lượng chất độc có thể giết chết được 30 người trưởng thành (theo Wikipedia). Nếu không biết cách khử chất độc trên da cá, ăn vào sẽ bị trúng độc. Người Nhật gọi loại cá này là fugu và chế biến thành một món sushi rất đắt tiền, người đầu bếp làm món này khi được mướn phải trình cho nhà hàng văn bằng chứng

sương, đằng hoàng[552], hết thảy những thứ có thể hủy hoại tạng phủ con người khiến cho con người mất mạng, tức những thứ được đặt tên là độc vật và uống lầm những loại thuốc độc v.v. đều có thể dùng một cục bạch phàn nghiền nát, dùng nước sôi hòa tan, hòa thêm chừng mấy chén nước lạnh, cốt sao nước phèn vẫn giữ được tánh chất, mùi vị chua rít đậm đặc là được. Liền bảo người bị nạn uống mấy chén nước phèn ấy, chưa đầy một khắc đồng hồ, sẽ ói hết sạch những thứ độc vật đã ăn vào, liền bảo toàn được tánh mạng.

Nếu như ăn phải chất độc thời gian quá lâu, đổ nhiều nước phèn cho lọt vào bụng cũng vẫn có thể cứu chữa được! Dẫu cho tạng phủ đã bị hư hoại, cứu vãn không kịp, cũng không có hại gì. Xét ra, bạch phàn tánh mát, vị chua rít, giải được các chất độc, vì thế rất thích hợp. Cũng có thể dùng bài thuốc này để chữa trị chứng hoắc loạn (bệnh dịch tả). Bài thuốc này do y sĩ Phùng Văn Phù ở Thiên Tân trải hơn mười năm kinh nghiệm, áp dụng trăm lần đều công hiệu, nhiều lần chứng kiến hiệu quả thần kỳ. In toa thuốc lưu truyền rộng rãi ngõ hầu cứu giúp rộng khắp quả thật là dụng tâm của người nhân từ, quân tử. Hơn nữa, bạch phàn ở chỗ nào cũng mua được, giá lại phải chăng. Nguyện người đọc lưu tâm [dùng bài thuốc này] làm phương tiện cứu người, công đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Liền đem công đức cứu người ấy hồi hướng Tây Phương thì cũng có thể dùng làm duyên tăng thượng thù thắng.

---

nhận anh ta đã được huấn luyện cách chế biến đúng mức. Tuy thế, mỗi năm tại Nhật vẫn có cả trăm trường hợp chết vì trúng độc do ăn món cá này.

[552] Tỳ sương (arsenic trioxide) còn gọi là thạch tín, chất độc không giết chết người ngay nếu uống với liều lượng nhỏ. Trong thế kỷ 18-19, do chưa hiểu biết về độc tánh của chất này, Âu Tây vẫn dùng một loại thuốc chứa chất thạch tín mang tên arsphenamine để chữa bệnh.

Đằng hoàng (garcinia morella) là chất nhựa trích từ một loài cây leo thuộc họ đằng hoàng (clusiaceae) thường có hoa đơn màu vàng, mọc thành chùm, trổ từ kẽ lá, lá hình trứng. Chất keo đằng hoàng thường được dùng trong Đông y để cầm máu, sát trùng, chữa bệnh phù thũng. Do họ đằng hoàng có nhiều loại cây hình dạng tương tự nên khi thu thập chế biến rất dễ hái lầm loại có chất độc.

V. NHỮNG BÀI VIẾT KHÁC

1. Lâm chung tam đại yếu (ba điều quan trọng nhất lúc lâm chung)

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Điều bi thảm nhất trong thế gian không chi bằng cái chết, nhưng người trong khắp cả cõi đời, không một ai may mắn thoát được! Vì vậy, người có tâm muốn lợi mình lợi người chẳng thể không sớm lo liệu. Thật ra, một chữ "chết" vốn chỉ là giả danh, do kỳ hạn của quả báo chiêu cảm từ các nhân đời trước đã hết nên bỏ tấm thân này rồi lại thọ cái thân khác vậy. Kẻ chẳng biết Phật pháp thì đúng là không tìm được cách gì, chỉ đành mặc cho nghiệp xoay chuyển. Nay đã được nghe pháp môn Tịnh độ phổ độ chúng sanh của đức Như Lai thì phải nên tín nguyện niệm Phật, sắp đặt sẵn tư lương vãng sanh, hầu mong thoát được nỗi khổ luân hồi sanh tử giả huyễn, chứng sự vui Niết-bàn thường trụ chân thật.

Nếu ai có cha mẹ, anh em và các quyến thuộc mắc phải bệnh nặng, bệnh tình khó bề thuyên giảm thì hãy nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây phương và trợ niệm cho họ để mong người bệnh nhờ đó sau khi chết liền được sanh về Tịnh độ. Sự lợi ích như thế làm sao diễn tả được? Nay tôi nêu lên ba điều trọng yếu để làm căn cứ hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung; lời lẽ tuy thô vụng, quê kệch, nhưng ý vốn lấy từ kinh Phật. Gặp được nhân duyên này đều nên làm theo. Ba điều trọng yếu vừa nói đó chính là:

- Một là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến người sắp mất sanh chánh tín.
- Hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm cho người sắp mất.
- Ba là hết sức tránh dời động, khóc lóc, kẻo làm hỏng việc.

Nếu có thể tuân theo ba pháp này để hành thì chắc chắn sẽ tiêu trừ được túc nghiệp, tăng trưởng tịnh nhân (cái nhân để vãng sanh Tịnh độ), được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây phương. Hễ đã được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, dần dần tấn tu ắt sẽ đạt tới viên thành Phật quả mới thôi. Sự lợi ích như vậy hoàn toàn nhờ vào sức trợ niệm của quyến thuộc. Có thể làm được như thế mới là chân hiếu đối với cha mẹ, mới thật là chân đễ[553] đối với anh em trai, chị em gái, mới thật là chân từ đối với con cái, mới thật là chân nghĩa, chân tuệ đối với bằng hữu và đối với mọi người; dùng những điều ấy để vun bồi cái nhân Tịnh độ của chính mình, khơi gợi lòng tin tưởng của những đồng nhân, lâu

[553] Chân đễ: Tình thương yêu, hòa thuận thật sự đối với anh em.

ngày chầy tháng nào có khó gì mà chẳng tập thành lề thói được. Nay tôi sẽ trình bày từng điều một để chẳng đến nỗi có những điều không thích đáng lúc lâm chung vậy.

Thứ nhất là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến cho người sắp mất sanh chánh tín

Thiết tha khuyên người bệnh buông xuống hết thảy, chỉ nhất tâm niệm Phật. Nếu như cần phải giao phó việc gì thì phải mau giao phó. Giao phó xong thì chẳng đếm xỉa đến nữa, chỉ nghĩ ta nay sắp theo Phật vãng sanh cõi Phật; tất cả sự giàu sang, vui sướng, quyến thuộc thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến ta mắc hại. Vì thế chẳng nên sanh một niệm quyến luyến vướng mắc. Phải biết rằng một niệm chân tánh của chính mình vốn chẳng có chết, sự chết vừa mới nói đó chỉ là xả thân này để lại thọ cái thân khác mà thôi! Nếu chẳng niệm Phật thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác để lại thọ sanh trong nẻo lành, đường dữ (đường lành là trời người; đường ác là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục; a-tu-la vừa gọi là đường lành vừa gọi là đường ác vì họ tu nhân cảm quả đều là thiện ác xen tạp). Nếu như trong lúc lâm chung, nhất tâm niệm Nam-mô A-di-đà Phật thì do tâm niệm Phật chí thành ấy, ắt quyết định cảm được Phật dấy lòng từ bi lớn lao, đích thân tiếp dẫn khiến cho ta được vãng sanh.

Thêm nữa, đừng nghi rằng: Ta là nghiệp lực phàm phu, chỉ do niệm Phật trong một thời gian ngắn sao lại có thể thoát khỏi sanh tử, vãng sanh Tây phương? Nên biết rằng: Vì đức Phật đại từ bi nên dẫu là kẻ tội nhân ngũ nghịch thập ác rất nặng, lúc lâm chung tướng địa ngục đã hiện ra, mà nếu có thiện tri thức dạy cho niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây phương. Hạng người ấy chỉ niệm mấy câu còn được vãng sanh, sao còn cho rằng ta nghiệp lực nặng nề, niệm Phật ít ỏi rồi sanh lòng nghi ư? Phải biết rằng chân tánh vốn sẵn có của chúng ta và chân tánh của Phật chẳng hai, chỉ vì ta hoặc nghiệp sâu nặng nên chẳng thọ dụng được. Nay đã quy mạng nơi Phật như con nương về với cha, chính là trở về với quê nhà ta vốn sẵn có, chứ nào có phải là điều gì ra ngoài khả năng của ta đâu. Hơn nữa, xưa kia đức Phật đã phát nguyện: "Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu của ta mà chí tâm tin ưa, dẫu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh giác." Vì thế hết thảy chúng sanh lúc lâm chung phát tâm chí thành niệm Phật cầu sanh về Tây phương thì không một ai là chẳng được ngài rủ lòng từ tiếp dẫn. Ngàn vạn phần chẳng được hoài nghi nữa, hoài nghi tức là tự mình lầm lạc, họa ấy chẳng nhỏ đâu!

Huống hồ lìa khỏi thế giới khổ não này sanh về thế giới vui vẻ kia là chuyện hết sức sung sướng, hãy nên sanh tâm hoan hỷ, ngàn vạn phần chẳng được sợ chết! Dẫu sợ chết vẫn chẳng thể không chết, lại còn đâm ra mất phần vãng sanh

Tây phương nữa, vì tâm mình trái với tâm Phật rồi. Dẫu Phật sẵn lòng đại từ bi cũng không làm thế nào được đối với chúng sanh chẳng nương theo lời dạy của Phật. Vạn đức hồng danh của Phật A-di-đà giống như lò luyện lớn lao, tội nghiệp trong nhiều kiếp của chúng ta như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phàm phu do bởi niệm Phật nên nghiệp liền tiêu diệt, giống như mảnh tuyết ở gần bên lò lửa lớn liền bị tiêu hết chẳng còn gì nữa. Vả lại, huống chi nghiệp lực đã tiêu thì bao nhiêu thiện căn sẽ tự nhiên tăng trưởng thù thắng, sao lại còn ngờ chẳng được vãng sanh và Phật chẳng đến tiếp dẫn nữa ư?

Mềm mỏng, uyển chuyển chỉ dạy, an ủi như thế thì người bệnh sẽ có thể tự sanh tâm chánh tín. Đấy chính là những điều chỉ dạy cho người bệnh. Còn như những việc chí thành, tận hiếu mà ta phải nên làm thì cũng chỉ chú trọng ở những điểm ấy, chớ nên thuận theo thói tục van cầu thần thánh, tìm thầy chạy thuốc. Mạng lớn đã sắp hết thì làm sao quỷ thần, thuốc men giữ cho người ấy khỏi chết được. Nếu đã nhọc lòng vì những sự vô ích như thế thì lòng thành khẩn đối với một sự niệm Phật sẽ bị xen tạp, không cách gì cảm thông đức Phật được. Nhiều kẻ lúc cha mẹ lâm chung chẳng tiếc tiền của, mời khá nhiều thầy thuốc đến khám. Đấy gọi là mua tiếng hiếu, muốn được người đời khen ta tận hiếu đối với cha mẹ; nào hay trời đất, quỷ thần thật sự xét soi tường tận nỗi lòng. Vì vậy đối với những sự thuộc về chuyện tống táng cha mẹ mà quá sức phô trương thì nếu chẳng mắc thiên tai ắt cũng bị nhân họa. Kẻ làm con chỉ nên chú trọng những gì thần thức của cha mẹ đạt được. Lời xưng tụng của người đời cố nhiên chẳng đáng cho kẻ sáng mắt nhếch mép cười, lẽ đâu lại dốc lòng mong mỏi, thật chỉ khiến cho ta mắc phải cái lỗi bất hiếu to lớn mà thôi!

Thứ hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm cho người chết

Trước đó đã chỉ dạy người bệnh khiến cho kẻ ấy sanh chánh tín, nhưng vì người bệnh tâm lực yếu ớt, đừng nói chi hạng người lúc còn khỏe mạnh chưa bao giờ niệm Phật, chẳng dễ gì niệm liên tục lâu dài được, ngay cả người chuyên trọng niệm Phật đến lúc ấy cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm thì mới có thể hữu hiệu. Vì vậy, quyến thuộc trong nhà hãy nên cùng nhau phát tâm hiếu thuận, từ bi, vì người ấy trợ niệm Phật hiệu. Nếu bệnh tình còn chưa đến nỗi sắp chết vào bất cứ lúc nào thì nên chia ban niệm Phật. Nên chia thành ba ban, mỗi ban hạn định mấy người. Ban đầu tiên niệm Phật ra tiếng, ban thứ hai và thứ ba niệm thầm. Niệm một tiếng đồng hồ thì ban thứ hai niệm tiếp; ban thứ nhất, ban thứ ba niệm thầm. Nếu có chuyện nhỏ thì nên lo liệu trong lúc niệm thầm, còn trong lúc trực ban trọn chẳng nên bỏ đi. Ban thứ hai niệm xong, ban thứ ba niệm tiếp. Xong

rồi liền trở lại từ đầu. Niệm một tiếng, nghỉ hai tiếng, như vậy thì niệm suốt cả ngày đêm thì cũng không mệt nhọc lắm.

Phải biết: Chịu giúp người đạt được tịnh niệm vãng sanh thì cũng sẽ được hưởng quả báo có người trợ niệm. Chớ có nói "chỉ vì cha mẹ nên mới phải tận hiếu như vậy", đối với người dưng cũng nên vun bồi ruộng phước của chính mình, trưởng dưỡng thiện căn của chính mình thì mới đúng là cái đạo tự lợi, chứ chẳng phải chỉ vì người khác mà thôi! Thành tựu một người được vãng sanh Tịnh độ chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật. Công đức như thế há thể nghĩ lường được ư?

Ba ban liên tục, tiếng niệm Phật chẳng ngớt. Nếu sức bệnh nhân niệm được thì nương theo đó niệm nho nhỏ theo. Chẳng thể niệm nổi thì lắng tai nghe kỹ, tâm không có niệm gì khác thì tự có thể tương ứng với Phật vậy. Tiếng niệm Phật chẳng nên quá to, niệm to sẽ hao hơi, khó niệm lâu được; cũng chẳng thể quá nhỏ khiến cho bệnh nhân nghe chẳng rõ. Chẳng nên niệm quá mau, cũng chẳng nên quá chậm. Quá mau bệnh nhân niệm theo chẳng nổi, dẫu có lắng nghe tiếng niệm cũng khó nghe rõ. Quá chậm thì chẳng tiếp hơi nổi nên cũng khó có ích. Nên niệm chẳng lớn tiếng, chẳng nhỏ tiếng, chẳng rề rà, chẳng gấp gáp; từng chữ phân minh, từng câu rành mạch khiến cho từng chữ, từng câu lọt tai thấu dạ bệnh nhân, như vậy thì dễ có sức niệm theo. Đối với pháp khí dùng để niệm Phật, chỉ nên dùng dẫn khánh, hết thảy các thứ khác nhất loạt chẳng nên dùng. Tiếng dẫn khánh trong trẻo khiến tấm lòng người nghe thanh tịnh. Tiếng mõ trầm đục chẳng thích hợp cho việc trợ niệm khi lâm chung.

Lại nữa, nên niệm Phật hiệu gồm bốn chữ. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu sáu chữ, rồi sau đó chuyên niệm bốn chữ A-di-đà Phật, chẳng niệm Nam-mô. Do ít chữ dễ niệm nên bệnh nhân sẽ niệm theo được hoặc nhiếp tâm lắng nghe, đều đỡ tốn tâm lực. Quyến thuộc trong nhà niệm như vậy mà thỉnh thiện hữu bên ngoài đến thì cũng niệm như vậy. Dù nhiều người hay ít người đều phải niệm như thế, chẳng nên niệm một chốc lại ngưng nghỉ, rồi lại niệm khiến cho bệnh nhân niệm Phật gián đoạn. Nếu gặp lúc ăn cơm thì nên ăn vào lúc thay phiên, đừng ngớt tiếng niệm Phật. Nếu như lúc bệnh nhân sắp tắt hơi thì cả ba ban nên cùng niệm cho đến tận sau khi đã tắt hơi hẳn rồi mới lại chia ba ban niệm suốt ba tiếng đồng hồ nữa. Sau đấy mới ngưng niệm để lo liệu, sắp đặt mọi việc.

Trong lúc niệm Phật, chẳng để cho bè bạn đến trước bệnh nhân thăm hỏi, vỗ về. Đã có lòng đến thăm thì hãy theo đại chúng niệm Phật mấy thời. Ấy mới là tấm lòng yêu mến chân thật, có ích cho bệnh nhân. Còn nếu cứ theo thói tục thường tình thì chính là đã xô người ta xuống biển. Tình ấy tuy đáng cảm, nhưng

để xảy ra sự ấy thật đáng đau đớn. Toàn là cậy vào người chủ chốt hiểu rõ đạo lý, bảo trước với người đến thăm để khỏi tổn thương tình cảm, lại khỏi gây hại cho bệnh nhân bị phân tâm chẳng được vãng sanh vậy.

Thứ ba là kiêng dè dời động, khóc lóc để khỏi làm hỏng đại sự

Lúc người bệnh sắp chết chính là lúc phân biệt giữa thánh, phàm, người, quỷ, tình trạng khác nào ngàn cân treo sợi tóc, quan trọng cùng cực! Chỉ nên dùng Phật hiệu để chỉ dạy thần thức của người ấy, trọn chẳng nên tắm rửa, thay áo, hoặc dời chỗ nằm. Mặc kệ người ấy nằm - ngồi như thế nào, cứ để yên người đó trong tư thế ấy, chẳng nên dời động chút nào. Cũng chẳng nên đối trước người ấy mà lộ vẻ buồn bã, thương xót, hoặc đến nỗi khóc lóc. Vì khi đó người sắp chết, thân chẳng tự chủ được, hễ lay động là toàn thân lẫn chân tay đều bị đau đớn như bị bẻ, chặt, giằng xé. Hễ đau đớn thì sanh tâm sân hận nên tâm niệm Phật bị ngưng dứt. Mang tâm sân hận ra đi, phần nhiều bị đọa vào độc loại (những loài vật hung dữ, độc địa như rắn, bò cạp, rết v.v.), đáng sợ hãi quá sức! Nếu người sắp chết thấy thân quyến đau đớn, khóc lóc thì tâm mến luyến phát sanh nên tâm niệm Phật cũng bị ngừng nghỉ. Vì mang tâm ái luyến mà ra đi nên đến nỗi đời đời kiếp kiếp chẳng được giải thoát.

Lúc ấy có lợi nhất thì không gì bằng nhất tâm niệm Phật, điều gây hại nhất không chi bằng vọng động, khóc than. Nếu như vọng động, khóc than đến nỗi người chết sanh lòng sân hận hay mến luyến thì dẫu có muốn sanh Tây phương, cả vạn trường hợp cũng chẳng được một!

Thêm nữa, người sắp chết hơi nóng rút từ dưới rút lên trên là tướng siêu thăng, còn hơi nóng từ trên rút xuống dưới là tướng đọa lạc. Vì vậy có thuyết:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc
Súc sanh tất cái ly
Địa ngục cước bản xuất.

(Đảnh thánh, mắt sanh thiên

Tim người, ngạ quỷ bụng
Súc sanh đầu gối lìa
Địa ngục bàn chân thoát.)

Nhưng nếu mọi người chí thành trợ niệm thì người chết ắt tự có thể sanh thẳng về Tây phương; chẳng nên thăm dò nhiều lượt khiến cho khi thần thức người chết chưa rời khỏi xác, có thể sẽ do bị kích thích như vậy mà tâm sanh phiền đau nên

chẳng được vãng sanh, lỗi lầm ấy thật là vô lượng vô biên. Xin các thân hữu ai nấy đều khẩn thiết niệm Phật, chẳng cần thăm dò hơi nóng cuối cùng bị lạnh đi ở chỗ nào. Kẻ làm con hãy nên lưu tâm điều này mới là hiếu thật sự. Nếu cứ thuận theo các tình cảm thông tục trong thế gian thì chính là xô người thân xuống biển khổ chẳng thương xót, mong một lũ vô tri vô thức xúm lại khen ngợi ta đã tận hiếu. Hiếu như vậy thì có khác chi là tình yêu của la-sát nữ!

Kinh dạy: "La-sát nữ ăn thịt người, bảo: Vì ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi!" Kẻ vô tri kia thể hiện lòng hiếu khiến cho người thân mất vui bị khổ, há chẳng phải là giống hệt cái tình yêu người của la-sát nữ hay sao? Tôi nói ra lời này, chẳng phải là không đếm xỉa tình người, chỉ là muốn cho ai nấy đều xét rõ sự thực, cốt sao người chết vãng sanh, kẻ còn sống được phước, để thỏa tấm lòng thành sắt son của con hiền cháu thảo thương yêu người thân, chẳng ngờ lời lẽ dường như quá khích. Người thương yêu cha mẹ thật sự ắt sẽ lượng thứ cho!

Thuyết: *Đảnh thánh, nhãn sanh thiên...* là nói về khi người đã tắt hơi, toàn thân đã lạnh, chỉ còn đảnh đầu ấm thì ắt là siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. *Nhãn sanh thiên* là nếu mắt và trán còn nóng thì sanh trong thiên đạo. Riêng chỗ ngực còn ấm thì sanh vào nhân đạo. Riêng bụng còn nóng thì sanh trong ngạ quỷ đạo. Riêng đầu gối còn nóng thì sanh trong súc sanh đạo. Riêng bàn chân còn nóng thì sanh địa ngục đạo. Đấy là do hai nghiệp thiện ác đã tạo của người ấy lúc còn sống đến giờ đây cảm hiện như thế, chứ chẳng thể dựa vào thế lực nào để làm giả ra như vậy được. Khi đó nếu bệnh nhân có thể chí thành niệm Phật, lại thêm sức của quyến thuộc và bạn lành trợ niệm chắc chắn có thể mang nghiệp vãng sanh, siêu phàm nhập thánh vậy. Chẳng cần phải để ý thử sờ xét nghiệm, đến nỗi làm hỏng việc. Mong mỏi lắm thay!

2. Tịnh Độ Chỉ Yếu (chỉ bày những điều trọng yếu trong pháp môn Tịnh độ)

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Bậc Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài được, tội nhân nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Chẳng đoạn hoặc nghiệp mà thoát khỏi luân hồi, ngay trong một đời này quyết định lên cõi Phật. Chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn, bỏ pháp môn này làm sao yên được? Phàm những ai tu tịnh nghiệp thì điều thứ nhất là phải giữ tịnh giới nghiêm ngặt, điều thứ hai là phải phát tâm Bồ-đề, điều thứ ba là phải đầy đủ lòng tín nguyện chân thật.

Giới là cơ sở, nền tảng của mọi pháp, tâm Bồ-đề là chủ soái của tu đạo, tín nguyện nhằm dẫn đường cho việc vãng sanh. Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông: Không tin sao có thể phát nguyện cho được? Không có nguyện làm sao khởi hạnh? Không có diệu hạnh trì danh thì làm sao chứng điều đã tin, mãn điều đã nguyện cho được? Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn! Tín - nguyện - hạnh như ba chân của cái đỉnh, thiếu một sẽ đổ nhào.

Nếu chẳng chú trọng tín nguyện, chỉ mong trì danh cho đạt được nhất tâm, dẫu đạt được nhất tâm sâu xa cũng khó thể liễu sanh thoát tử. Vì sao vậy? Do phiền hoặc chưa hết sạch, chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử được. Tín nguyện đã không có, chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử. Đời có kẻ ham cao chuộng xa, thường phô phang tự lực, miệt thị Phật lực; chẳng biết từ sống đến chết không chuyện gì chẳng cậy vào sức người khác nhưng chẳng lấy đó làm thẹn, sao riêng đối với đại sự liễu sanh tử và Phật lực lại chẳng muốn tiếp nhận, chắc là mất trí điên khùng nên mới đến nỗi như vậy! Hành giả Tịnh tông hãy nên thống thiết răn dè.

Đối với pháp tắc tu trì hãy nên thường như con nhớ mẹ, đi đứng nằm ngồi, nói năng, im lặng, qua lại, một câu Phật hiệu miên miên mật mật. Dẫu gặp bất cứ sự duyên nào cũng chẳng để cho gián đoạn, nhiếp trọn sáu căn tịnh niệm tiếp nối. Người làm được như thế chắc chắn vãng sanh! Lại phải nên tâm niệm nhân từ, rộng lượng, tánh khí khiêm nhường, thuận thảo, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, hành được những điều người khác chẳng thể hành, chịu cực nhọc thế cho người khác, thành tựu điều tốt đẹp cho người ta. Thường nghĩ mình sai quấy, đừng bàn lỗi của kẻ khác. Bậc Đẳng giác Bồ-tát trong mười hai thời lễ mười phương Phật để sám trừ túc nghiệp, huống là kẻ còn đang trong địa vị phàm phu. Hãy nên thường hổ thẹn, nào dám ỷ y! Nếu ỷ y, dẫu có tu trì thảy đều thuộc về ma nghiệp. Con người như thế chớ nên thân cận, để khỏi đến nỗi lâu ngày đều bị biến đổi giống như họ.

Phải vâng giữ chắc tông chỉ, chẳng bị xoay chuyển bởi kinh giáo và lời lẽ của thiện tri thức rồi bỏ pháp này tu pháp khác. Pháp môn này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất, hết thảy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Vì thế pháp này được chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói. Bọn ta là hạng mạt

học sao lại lập dị, tự chuốc lấy tội khiên tự lầm, lầm người ư? Nguyện hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu xa!

3. Trình bày ý nghĩa ẩn kín nơi cuốn Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Xem cặn kẽ khắp những bậc đại trung đại hiếu thuở xưa, lập đại công, dựng đại nghiệp, đạo che trùm thời ấy, đức thấu đến hậu thế, hạo khí lấp trời đất, lòng tinh trung mờ nhật nguyệt đều do học Phật đắc lực mà ra. Những nhà Nho trong cõi đời chẳng biết gốc đạo, chỉ thấy được dấu vết đã bộc lộ, chẳng biết đến cội nguồn của cái tâm, khiến cho cái gốc bị ẩn kín chẳng hiển lộ, tiềm tàng chẳng tỏ rõ. Do những Nho sĩ câu nệ thường đố kỵ Phật, nên những vị danh nhân phần nhiều chú trọng tiềm tu mật chứng, chẳng tự bộc lộ. Nếu xét kỹ hành vi của bọn họ ắt sẽ có những điểm chẳng thể giấu được. Nếu con cháu chẳng đầy đủ chánh tri kiến ắt chỉ sợ bị kẻ tục Nho chê cười, nên cũng chẳng chịu xiển dương. Do nhân duyên này, khiến cho tiềm đức u quang[554] ẩn mất không được nghe đến nhiều lắm! Trong bộ Cựu Đường Thư[555], phàm những sự tích về Phật pháp và ngôn luận trao đổi giữa các bậc sĩ đại phu và cao tăng đều được chọn lọc những điều trọng yếu để ghi chép lại. Âu Dương Tu soạn bộ Tân Đường Thư[556] đã gạt

---

[554] Tiềm đức u quang: Những đức hạnh tốt đẹp ngầm kín, không bộc lộ.

[555] Cựu Đường Thư được biên soạn dưới đời Hậu Tấn. Năm Thiên Phúc thứ sáu (941), Tấn Cao Tổ (Thạch Kính Đường) sai bọn văn thần Trương Chiêu Viễn, Giả Vĩ… soạn bộ sử về triều Đường do tể tướng Triệu Oánh làm Tổng giám tu (Chief Editor). Đến năm Khai Vận thứ hai (845) sách mới hoàn thành. Lúc ấy Lưu Hú đã thay Triệu Oánh làm Tể tướng nên sách ghi tên vị Tổng giám tu là tể tướng Lưu Hú. Thoạt đầu sách mang tên là Đường Thư, đến đời Tống khi nhóm các văn thần do Âu Dương Tu cầm đầu biên soạn bộ sử mới về nhà Đường, liền đổi tên tác phẩm này thành Cựu Đường Thư. Bộ Cựu Đường Thư dày đến 200 quyển, chép những sự kiện lịch sử từ năm Vũ Đức nguyên niên (618) đời Đường Cao Tổ đến năm Thiên Hựu thứ tư (907) đời Đường Ai Đế.

[556] Bộ Tân Đường Thư do các văn thần Âu Dương Tu, Tống Kỳ, Phạm Trấn, Lã Hạ Khanh cùng biên soạn, tổng cộng gồm 225 quyển. Do Tống Nhân Tông chê bộ Đường Thư biên chép lộn xộn, nhiều chi tiết thừa thãi, văn phong không rõ ràng, nên năm Khánh Lịch thứ tư (1044) xuống chiếu sai Âu Dương Tu, Phạm Kỳ v.v. sửa chữa, tu đính bộ Đường Thư tạo thành bộ sử mới. Bộ sử mới biên soạn trong suốt 17 năm mới xong. So với bộ Cựu Đường Thư, văn phong Tân Đường Thư tao nhã hơn, những bài viết dài hơn, hoa mỹ hơn, nhưng nội dung, dữ liệu chỉ bằng 7/10 bộ sử cũ. Tư Mã Quang khi soạn bộ Tư Trị Thông Giám chỉ sử dụng dữ liệu từ bộ Cựu Đường Thư; ông chê Tân Đường Thư chỉ có ưu điểm văn phong tao nhã, chứ đã tùy tiện lược bớt quá nhiều những sự kiện lịch sử, nhất là những dữ kiện về mối quan hệ ngoại giao giữa Đại Đường và các nước lân cận, lược bỏ truyện ký của những nhân vật có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng học thuật thời ấy như các ngài Huyền Trang và Nhất Hạnh (vì các vị đó là cao tăng nhà Phật), cũng như thiếu hẳn khí thế bi tráng khi mô tả sự kiện như trong bộ Cựu

bỏ hơn hai ngàn điều. Bộ Ngũ Đại Sử[557] cũng vậy. Ấy là do chỉ sợ thiên hạ đời sau biết Phật pháp hữu ích cho thân tâm tánh mạng, cho nền chánh trị của nước nhà, rồi sẽ học theo. Những sử quan khác đa phần thuộc loại tri kiến hẹp hòi câu nệ ấy. Vì vậy, sự tiềm tu mật chứng của những bậc đại nhân xưa kia đều chẳng được biết đến.

Văn Trung Công Lâm Tắc Từ học vấn, trí thức, chí khí, tiết tháo, trung nghĩa đều ít thấy trong đời Thanh trước kia. Tuy bận bịu việc nước, ông chẳng hề gián đoạn việc tu trì tịnh nghiệp chút nào, vì học Phật chính là căn bản của học vấn, chí khí, tiết tháo, trung nghĩa vậy. Đã có được căn bản này thì ứng xử đều thích đáng, xử sự đều hợp lẽ. Đấy chính là nguyên do vì sao bậc đại nhân đời xưa vượt trỗi những hạng tầm thường. Một bữa nọ, chắt của Văn Trung Công là ông Tường,

---

Đường Thư, nhiều sự kiện bị họ Âu tùy tiện sửa đổi theo thiên kiến nên không đáng được coi như một sử liệu khả tín. Sau này Ngô Chẩn đã viết cuốn Tân Đường Thư Củ Mậu (uốn nắn những sai lầm trong bộ Tân Đường Thư) để nêu lên 460 điều sai lầm trong bộ Tân Đường Thư, đồng thời phê phán rất nặng: *"Không biết cách san định những điểm trọng yếu, chỉ biết tuân theo những gì mình ưa thích!"* Học giả Vương Hân Phu còn chê thẳng thừng: *"Bọn Âu Dương Tu chỉ biết viết văn, coi thường khảo chứng!"*

[557] Ngũ Đại Sử gồm hai bộ Cựu và Tân. Cựu Ngũ Đại Sử vốn có tên là Lương Đường Tấn Hán Chu Thư, nên thường được gọi tắt là Ngũ Đại Sử, được biên soạn từ tháng 4 năm Khai Bảo thứ sáu (973) đến tháng 10 năm Khai Bảo thứ bảy (974) theo lệnh của Tống Thái Tổ, do Tiết Cư Chánh cầm đầu một nhóm văn thần chấp bút. Bộ sử này chép những sự kiện lịch sử từ năm Khai Bình nguyên niên (907) đời Hậu Lương đến năm Hiển Đức thứ bảy (960) đời Chu Thế Tông (tức năm nhà Hậu Chu bị Bắc Tống diệt), gồm 150 quyển. Về sau, Âu Dương Tu tự biên soạn tu chỉnh bộ Ngũ Đại Sử, đặt tên là Ngũ Đại Sử Ký (đến thời Càn Long được gọi là Tân Ngũ Đại Sử), bộ sử mới được hoàn tất vào năm Hoàng Hựu thứ năm (1053), nhưng chỉ cất giữ tại tư gia, không phổ biến. Đến khi Âu Dương Tu mất, người nhà dâng lên triều đình, được phê chuẩn lưu hành. Khi bộ này được lưu hành, bộ Cựu Ngũ Đại Sử dần dần biến mất. Theo những sử quan thời cổ như Tư Mã Quang nhận định, khi biên soạn Tân Ngũ Đại Sử, Âu Dương Tu đã tùy tiện cắt xén những dữ liệu lịch sử theo thiên kiến yêu ghét cá nhân, thiếu hẳn tính công bình, cẩn trọng cần có nơi một sử quan. Do vậy đến thời Càn Long, dựa vào những phần được bảo tồn trong bộ Vĩnh Lạc Đại Điển đời Minh và 20 bộ sách giá trị khác như Sách Phủ Nguyên Giám, Thái Bình Ngự Lãm, Tư Trị Thông Giám Khảo Dị, Cẩm Tú Vạn Hoa Cốc, Thiên Trung Ký, Cổ Kim Tánh Thị Thư Biện Chứng v.v.. Thanh triều đã cố gắng phục hồi diện mạo của bộ Cựu Ngũ Đại Sử, quy định bộ Cựu Ngũ Đại Sử là chánh sử, còn Tân Ngũ Đại Sử chỉ được coi như một tác phẩm văn chương. Ngô Chẩn (một học giả đời Thanh) đã biên soạn cuốn Ngũ Đại Sử Toản Ngộ (tập hợp những sai lầm trong bộ Ngũ Đại Sử) ba quyển để nêu lên những điều sai lầm nặng nề trong bộ Tân Ngũ Đại Sử. Sau đấy Ngô Lan Đình đời Thanh cũng soạn bộ Ngũ Đại Sử Ký Toản Ngộ Phụ gồm sáu quyển để nêu tiếp những sai lầm trong bộ sử của Âu Dương Tu mà Ngô Chẩn chưa nhắc đến. Các sĩ phu nổi tiếng đời Thanh như Cố Viêm Vũ, Tiền Đại Hân cũng chê Âu Dương Tu luôn tự phụ đã viết sử theo phong cách kinh Xuân Thu, nhưng hoàn toàn chẳng hiểu thấu đáo cách viết sử của kinh Xuân Thu cũng như không phân biệt được sự khác biệt giữa viết sử và viết văn.

tự là Bích Dư, đưa cho tôi xem cuốn kinh gồm các bài kinh chú Di-đà, Kim Cang, Tâm Kinh, Đại Bi do Văn Trung Công đã đích thân viết, trang bìa ghi "Tịnh độ Tư Lương". Trên mặt cái hộp đựng sách đề Hành Dư Nhật Khóa (khóa tụng hằng ngày trong lúc ngồi xe).

Đủ biết Văn Trung Công ngầm tu pháp môn Tịnh độ, tuy ra vào, đi lại vẫn chẳng chịu bỏ phế. Do dùng để trì tụng lúc đi xe, cuốn kinh ấy chỉ dài khoảng bốn tấc, rộng ba tấc. Chữ viết cung kính, mực thước, không một nét bút nào cẩu thả, đủ thấy lòng cung kính chí thành của ông, chẳng dám coi thường, chểnh mảng chút nào! Bản kinh ấy mỗi trang gồm sáu hàng, mỗi hàng gồm mười hai chữ.

Bích Dư sợ thủ bút của tiên nhân lâu ngày bị mất đi, liền cho sắp xếp thành sách in theo lối thạch bản để mong được lưu truyền trong nhân sĩ các giới, ngõ hầu mọi người đều biết Văn Trung Công suốt đời tu trì, cốt sao ai nấy gặp việc nhân chẳng nhường, thấy người hiền mong được bằng. Do vậy sẽ cùng mong vượt ngũ trược lên chín phẩm. Ông Bích Dư sai Quang lược thuật nguyên ủy, Quang từ bé đã nghe danh ngưỡng vọng Văn Trung Công, nay biết ông tu trì nghiêm mật như thế, thật có thể nói là bậc thừa nguyện tái lai, hiện thân tể quan để thuyết pháp. Nguyện những người thấy nghe sẽ nhất trí tiến hành, cùng noi theo vết chân thì quốc gia may mắn lắm, mà nhân dân cũng may mắn lắm thay.

4. Nêu tỏ ý nghĩa giáo dục trong gia đình là căn bản khiến cho thiên hạ thái bình

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Đời đã loạn đến cùng cực rồi, ai nấy đều mong mỏi bình trị nhưng chẳng biết cội gốc thì có mong cầu cũng uổng công. Hãy nên gấp biết cái gốc nằm ở đâu! Sự dạy dỗ của người mẹ trong gia đình chính là căn bản khiến cho hiền tài được dấy lên đông đảo, thiên hạ thái bình. Chẳng chú trọng nơi ấy thì làm sao đạt được bình trị?

Mẹ dạy dỗ thì thứ nhất là thai giáo, thai giáo chính là dạy dỗ về bẩm tánh, phẩm chất từ thuở đầu. Phàm nữ nhân sau khi có thai, hãy chú trọng suy nghĩ, tưởng niệm, xử sự sao cho chỉ một bề chân thành, cẩn trọng, nhất cử nhất động chẳng trái lẽ chánh. Nhất là phải nên vĩnh viễn dứt trừ những món tanh tưởi, hằng ngày thường niệm Phật khiến cho thai nhi được bẩm thụ chánh khí của mẹ, thì lúc sanh nở ắt được yên vui không khổ sở, sanh được đứa con tướng mạo đoan nghiêm, tánh tình từ thiện, thiên tư thông minh.

Đến lúc con bắt đầu hiểu biết, liền nói cho nó nghe về đạo lý làm người, như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v. và tội phước nhân quả ba đời, luân hồi

lục đạo chuyển biến, khiến cho trong tâm nó thường luôn có những điều kiêng sợ, có những điều mong mỏi, hâm mộ. Lại dạy nó niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để mong tăng phước tăng thọ, tránh tai tránh nạn. Chẳng cho phép nó nói lời dối trá, nói lời thị phi, đánh người, chửi người, chẳng cho nó giẫm đạp giấy có viết chữ, giẫm đạp ngũ cốc, giẫm đạp hết thảy các món đồ vật. Chẳng cho nó ăn uống bừa bãi, chẳng cho nó tụ tập chơi giỡn cùng bọn trẻ cùng xóm. Hơi lớn lên bèn dạy nó đọc thuộc sách Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Âm Chất Văn, Quan Đế Giác Thế Kinh, để cho nó biết có khuôn pháp để noi theo, có những điều ngăn cấm. Đối với mỗi điều đều nói sơ lược đại ý để làm phương tiện hướng dẫn hòng mai sau nó học hành sẽ được lợi ích.

Lúc bé như thế, càng học hành sẽ càng hiền thiện, lo gì nó chẳng đạt đến địa vị thánh hiền, rạng mày nở mặt tổ tông. Nếu không, cứ mặc cho nó quen thói kiêu căng, nuôi thành phường bại hoại, dẫu có thiên tư cũng chẳng biết học hành là để học làm thánh hiền nên càng học càng thêm tồi bại. Những kẻ đại gian đại ác xưa nay đều là những kẻ có thiên tư tốt đẹp, có bản lãnh lớn lao, chỉ vì cha mẹ, thầy giáo của chúng đều chẳng biết dạy chúng học thành thánh hiền, tận lực thực hiện, chỉ dạy bọn chúng học văn tự để làm căn cứ hòng đối phó với đời, mưu cầu lợi lộc, trí thức hèn tệ đến tột cùng, đến nỗi những thảm kịch phế kinh điển, phế luân thường, tranh thành giành đất, tàn sát lẫn nhau ồ ạt diễn ra. Mối họa loạn ấy đều do cha mẹ, thầy giáo chẳng biết phương cách dạy dỗ con em mà ra. Dù chính họ chẳng làm điều ác lớn lao nào, nhưng cái tội hoại loạn thế đạo nhân tâm cũng sẽ khiến cho họ đời đời kiếp kiếp cùng chịu ác báo giống như con em!

Vì thế tôi nói: “Dạy con là căn bản khiến thiên hạ thái bình, nhưng dạy con gái càng quan trọng hơn nữa”, do con người thuở thơ ấu chuyên cậy vào mẹ dạy dỗ. Cha chẳng thể thường ở trong nhà, còn mẹ thường chẳng rời con. Nếu mẹ hiền lương, có trí tuệ thì hành vi lời lẽ đều đáng làm gương, con cái thấy nghe quen mắt, trong tâm đã thành nề nếp, lại do thường xuyên răn dạy, đã tập quen thành tánh như vàng lỏng đúc thành đồ dùng, nếu cái khuôn đúc tốt đẹp, chắc chắn chẳng đến nỗi đúc ra vật xấu xí. Vì thế dạy dỗ con gái so ra càng khẩn yếu hơn dạy con trai. Bởi lẽ hiền mẫu do hiền nữ mà có, nếu không có hiền nữ thì làm sao có hiền mẫu cho được? Không có hiền mẫu thì lại làm sao có được con cái hiền lương cho được?

Đạo lý cực bình thường ấy ai cũng đều có thể làm được. Điều đáng đau tiếc là quá ít người đề xướng khiến cho những kẻ làm mẹ chỉ biết nuông chiều mù quáng, những kẻ làm cha cũng chẳng khéo dạy. Đến khi con vào trường học hành, kẻ làm thầy cũng do thuở bé chẳng nghe được nghĩa lý này, vì thế cũng trọn chẳng

biết học hành là để học làm thánh hiền, chẳng dạy học trò tận tụy thực hành đạo do thánh hiền đã nói, chỉ học văn tự hòng mưu cầu lợi lộc, chẳng hề biết học làm thánh hiền có lợi ích không chi lớn hơn, chính bản thân mình và con cháu đời đời kiếp kiếp hưởng dùng chẳng hết. Còn mưu cầu lợi lộc, nếu mưu cầu một cách tốt đẹp thì chẳng qua đạt được phú quý nhỏ nhoi trong đời này mà thôi; nếu mưu cầu xấu xa, trong đời này những kẻ thân bại danh liệt, con chết yểu, cháu tuyệt diệt đâu đâu cũng có!

Con người cùng trời đất được gọi là tam tài là vì có công năng "dùng tiên giác để giác ngộ kẻ hậu giác, kế tục bậc thánh đời trước, mở lối cho người học đời sau"; do vậy mới được tôn xưng như thế. Nếu chẳng chú trọng học làm thánh hiền sẽ là thây đi thịt chạy, chỉ biết niềm vui ăn uống, trai gái, còn khác gì cầm thú nữa đâu? Một chữ "người" còn là mạo danh, há còn có thể cùng với trời đất xưng là tam tài nữa ư? Nhưng con người tánh vốn lành, ai nấy đều có thể làm Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, nhưng kẻ chẳng thể làm Nghiêu - Thuấn, chẳng thể thành Phật thì chỉ có tánh đức, trọn chẳng có tu đức "đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, dứt lòng tà, giữ lòng thành và tu giới định tuệ, đoạn tham sân si". Tu đức ấy lúc ban đầu là do cha mẹ hiền, sư trưởng khơi gợi vậy, kế tiếp là do chính mình khăng khăng nỗ lực tu trì. Dẫu chưa thể đạt đến địa vị Nghiêu - Thuấn hay địa vị Phật, nhưng đã khác hẳn một trời một vực với kẻ hạ ngu hằng ngày chôn vùi trong nhân dục rồi.

Kinh Thư chép: *"Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh"* (Chỉ vì thánh đánh mất niệm mà thành cuồng, chỉ vì kẻ cuồng khắc chế được ý niệm mà thành thánh). Kinh dạy: "Hễ mê thì Phật chính là chúng sanh, ngộ rồi thì chúng sanh chính là Phật." Ta may mắn có căn cơ làm Nghiêu - Thuấn, thành Phật, là trang nam tử hào hùng, há chịu bỏ mặc cho tánh đức này bị vùi lấp trong nhân dục, vĩnh viễn làm chúng sanh hạ ngu trầm luân trong biển khổ ư? Nguyện những người làm cha mẹ, làm sư trưởng, làm con cái, làm học trò trong cõi đời ai nấy đều gắng sức thì nước ta thật may mắn mà toàn cầu cũng may mắn lắm thay!

5. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng của phân xã Phật Quang tại Xung Điền, Vụ Nguyên

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Phật quang là tâm quang, tâm quang ấy chúng sanh và Phật đều cùng có, bình đẳng giống hệt như nhau, nơi Phật chẳng tăng thêm, nơi chúng sanh chẳng giảm bớt. Vì thế lúc mới thành Chánh giác, đức Thế Tôn than thở sâu xa: "Hết thảy

chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì chưa ngộ nên chẳng tránh khỏi biến trí tuệ đức tướng ấy thành vô minh nghiệp thức, mê tâm đuổi theo cảnh, trái giác hiệp trần, ví như đi mãi trong đêm dài, chẳng thấy được đường chánh, chẳng va tường đụng vách thì cũng đọa hầm sụp hố, luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra!" Đức Như Lai thương xót, thị hiện giáng sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, tùy thuận cơ nghi, diễn nói các pháp, chỉ dạy thể tướng của nhất tâm, nói ra nhân quả ba đời, pháp thế gian lẫn xuất thế gian không gì chẳng trọn khắp.

Lại muốn lợi lạc khắp ba căn nên đặc biệt mở ra một môn Tịnh độ, ngõ hầu hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, đích thân chứng được tâm quang mà Phật và chúng sanh đều cùng có, cũng như chứng được tánh thể vô lượng quang thọ. Lại còn rủ lòng từ tiếp dẫn đến tột cùng đời vị lai, ngõ hầu pháp giới chúng sanh đều được đẫm Phật quang, cùng chứng tâm quang. Quang quang chiếu sáng lẫn nhau, thành một thế giới Thường tịch quang mới thôi. Đấy chính là cội nguồn của việc cư sĩ Dịch Viên lập ra Phật Quang xã.

Còn những gì được đề xướng trong liên xã thì trọn chẳng lập ra cách thức sai khác, tức là ai nấy đều dốc tâm thực hiện ngay trong những cư xử thường ngày của chúng ta, có nghĩa là "cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành", mỗi mỗi đều nghiêm túc trọn hết bổn phận. Như thế thì chính là người lành "chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành". Hơn nữa, trong khi đi lại, nói năng, làm lụng, đi đứng nằm ngồi luôn luôn chấp trì một câu thánh hiệu A-di-đà Phật, dùng vạn đức hồng danh của Phật để hun đúc nghiệp thức vô minh của chính mình, hun đúc lâu ngày thì vô minh nghiệp thức ấy sẽ biến thành trí tuệ đức tướng. Quốc sư Thanh Lương nói: "Phàm phu cắm cúi niệm Phật, niệm đến cùng cực sẽ có thể ngầm thông trí Phật, thầm hợp đạo mầu", chính là nói về điều này vậy. Huống chi dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha để cảm Phật, Phật sẽ dùng thệ nguyện từ bi nhiếp thọ, do đó được cảm ứng đạo giao, vạn người tu vạn người về. Lòng từ của đức Như Lai, sự nhiệm mầu của pháp môn không chi hơn được, nếu không có túc căn sẽ chẳng thể gặp gỡ!

Cư sĩ Giang Dịch Viên đã đạt được lợi ích sâu xa, lại còn khuyên dạy người trong ấp cùng tu pháp này. Do vậy, người do nghiệp tiêu trí rạng mà vãng sanh và những người cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh kể sao cho xiết! Vì thế các vị thiện sĩ ở Xung Điền nghe tiếng tăm dấy lòng noi theo, lập riêng phân xã để mong cư dân lân cận sẽ cùng được đẫm Phật quang, cùng sanh về Cực Lạc,

đủ thấy con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này, đã gieo thiện căn sâu xa trong nhiều đời nhiều kiếp vậy.

Phải biết rằng Phật pháp vốn là tâm pháp, là gốc của hết thảy các pháp thế gian. Nếu biết Phật pháp thì đạo "cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" của thế gian đều được viên mãn rốt ráo. Nếu không, chỉ là bày biện nơi cành nhánh, chứ trọn chẳng được lợi ích thật sự nơi căn bản. Vì cái thân mưu tính sẽ chẳng thể vượt ra ngoài thân xác, vì đất nước mưu tính sẽ chẳng thể khiến cho phong thái đại đồng được thông suốt. Bậc thượng mà còn như thế thì bậc hạ cần chi phải nói nữa! Ngu phu ngu phụ nếu y theo pháp môn Tịnh độ do đức Phật đã nói để tu trì thì khi còn sống sẽ tận hết bổn phận, trọn hết tình nghĩa để trở thành hiền thiện, mất đi sẽ cao đăng chín phẩm sen liễu sanh thoát tử. Bậc hạ mà còn được như thế huống gì là bậc thượng! Nguyện những thiện tín tham dự liên xã và những ai thấy nghe trong hiện tại, tương lai đều cùng nhờ vào tâm quang để đề cao Phật quang thì xã hội may mắn lắm, mà thiên hạ cũng may mắn lắm thay!

6. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc thành lập phân xã Phật Quang tại nội thành Vụ Nguyên

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Phật quang là tâm quang, tâm quang ấy nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Chỉ vì chúng sanh chưa ngộ nên chẳng thể thụ dụng được, lại ngược ngạo nương vào sức tâm quang ấy để khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi lục đạo trọn chẳng ngừng nghỉ. Vì thế đức Phật tùy thuận căn cơ của chúng sanh, vì họ nói nhân quả của các pháp môn tứ đế, thập nhị nhân duyên, lục độ v.v. và lý tánh sâu mầu trạm tịch viên dung thường - lạc - ngã - tịnh để chúng sanh y theo đó tu tập, sẽ có ngày tự viên mãn Bồ-đề, rốt ráo đích thân chứng được tâm quang ấy chiếu khắp pháp giới.

Nho giáo cũng hết sức chú trọng pháp nhân quả, vì thế Khổng tử khen ngợi Chu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện tai ương có thừa). Cuối cùng ngài nói: "Một âm, một dương gọi là đạo." Phàm tích thiện hay tích bất thiện, đó là nhân; dư khánh, dư ương chính là quả. Đức Phật nói nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là nêu bày nhân quả đến rốt ráo vậy.

Có người bảo nhân quả là Tiểu thừa, chẳng chịu đề xướng, đấy đều là hạng chuyên bàn suông, chẳng tu thật đức! Đức Như Lai thành Chánh giác, chúng sanh

đọa ác đạo đều chẳng ra ngoài nhân quả, sao lại riêng coi là Tiểu thừa ư? Như Khổng tử nói "một âm một dương gọi là đạo", vậy cái đạo vừa nói ấy thật sự là đạo gì? Chẳng phải là đạo thành và minh hợp nhất đó ư? Thành chính là minh đức, tức diệu tánh bất sanh bất diệt vốn sẵn có trong tâm chúng ta, đấy chính là tánh đức. Do không có công phu khắc phục phiền não nên chẳng thể hiển hiện được, vì thế gọi nó là âm. Minh chính là như chữ *minh* thứ nhất trong câu *"minh minh đức"* (làm sáng tỏ đức sáng), tức là công phu "triêu càn tịch dịch[558], gắng sức tu trì", tức tu đức. Do những sự thuộc về tu đức hiển hiện rõ ràng nên gọi là dương. Dốc công tu đức đến cùng cực thì tánh đức sẽ tỏ lộ trọn vẹn, thành và minh hợp nhất, tức là cái thường được gọi là *"minh minh đức, chỉ ư chí thiện"* (làm sáng minh đức, đạt đến chí thiện). Công phu phía trước điều này (tức những phương cách tu tập để đạt đến "minh minh đức, chỉ ư chí thiện") là cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, còn sự nghiệp phía sau điều này (tức những diệu dụng được thể hiện sau khi đã đạt đến "minh minh đức, chỉ ư chí thiện") là tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Nhưng nếu chỉ dùng những công phu tu tập thành và minh hợp nhất "minh minh đức, chỉ ư chí thiện" này để đạt tới "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" thì chưa thể nào đạt như vậy được, cho nên mới cần phải có những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được (tức là những điều khiến cho chúng ta phải gắng sức cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý). Thế nào là "những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được"? Chính là nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo! Kẻ tuy chí ngu quyết cũng chẳng chuộng hung ghét lành, vui mừng vì bị tai họa. Nghe "chất chứa điều thiện ắt sự vui có thừa, chất chứa điều bất thiện ắt tai ương có thừa" thì người hiền ắt sẽ càng thêm siêng tu, kẻ không ra gì cũng phải gắng sức làm lành. Cố gắng lâu ngày, nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, không có lầm lỗi, đức được sáng tỏ, xưa kia là kẻ chẳng ra gì, nay là bậc đại hiền.

Do vậy biết đối với việc tự tu thì đạo thành - minh đã đủ rồi, nhưng để dạy người khác, nếu chẳng dùng nhân quả để giúp vào thì cũng khó khiến cho trọn hết mọi người đều tuân theo được. Kết hợp hai pháp nhân quả và thành - minh thì mới là đạo kế thiên lập cực[559] nêu gương mẫu cho muôn đời của thánh nhân, đấy

---

[558] "Triêu càn tịch dịch" vốn là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói trong sách Chu Dịch: *"Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược lệ, vô cữu"* (Quân tử suốt ngày từ sáng đến tối cẩn thận dè dặt, không có chút coi thường, chểnh mảng nào, nên không lầm lỗi). Do vậy, "triêu càn tịch dịch" có thể hiểu là luôn cố gắng cẩn thận, giữ gìn, không coi thường, buông lung ý niệm.

[559] "Kế thiên lập cực" là một thành ngữ hiểu theo nghĩa đen là kế thừa ngôi vua, do vua được xưng tụng là thiên tử (con trời), ngôi vị cao nhất trong vạn dân, nên gọi là "kế thiên lập cực".

cũng chính là ánh sáng sẵn có trong tự tâm và Phật quang phổ chiếu pháp giới vậy.

Bất Huệ thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh." Muốn vãn hồi kiếp vận, cứu chữa nhân tâm nhưng chẳng chú ý điều này thì giống như tìm cá trên cây. Bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, trộm cắp những nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để phát huy tâm pháp của thánh nhân Nho giáo đời trước, muốn cho kẻ học đời sau chẳng nghe tới Phật pháp nên âm thầm sùng phụng, bề ngoài chống trái, càng ra sức bài bác Phật pháp, cho là thật sự chẳng hề có những chuyện nhân quả luân hồi như đức Phật đã nói, ngài chỉ nhờ vào đó để gạt gẫm hàng ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của ngài mà thôi! Do báng Phật nên tuy là nhân quả do thánh nhân đã nói cũng như những sự tích luân hồi sanh tử được chép trong các bộ Sử Ký, Hán Thư họ đều chẳng buồn nhắc tới, chỉ lấy "trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý" để làm căn bản trị mình, trị người, trị nước mà thôi.

Họ lại còn nói con người chết rồi, hình hài đã mục nát, thần thức cũng phiêu tán, dẫu có chém, chặt, xay, giã thì lấy gì để thực hiện? Hơn nữa thần thức đã phiêu tán, còn ai để thác sanh? Kẻ nói như vậy chẳng những phản bác Phật pháp mà còn hết sức phản bác những sự tích về thác sanh, biến hóa được chép trong Tứ Thư, Ngũ Kinh, Sử Ký, Hán Thư, riêng muốn dùng những cách ngăn lấp hậu học ấy khiến cho hàng hậu học đời đời chẳng được nghe Phật pháp để không ai biết những gì chính họ (tức bọn Tống Nho) đã đạt được là do đâu mà có, và nhờ đó Nho giáo cũng sẽ hưng thịnh. Họ chẳng biết cội gốc đã bị tổn thương thì cành nhánh làm sao tươi tốt cho được.

Từ đấy trở đi, phương cách để duy trì thế đạo nhân tâm chỉ là "trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý" mà thôi, hoàn toàn phế bỏ sự lý nhân quả thiện ác là cái thúc đẩy người khác chẳng thể không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý. Cõi đời bậc đại hiền thì ít, kẻ căn cơ trung hạ lại nhiều, nếu coi nhân quả là hư vô, con người chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất thì chính là lấp mất con đường gắng sức làm lành của kẻ trung hạ, mở tung đầu mối cho kẻ cuồng vọng phóng túng chẳng kiêng dè. Đến khi gió Âu vừa thổi qua, bồng bột ngả theo, lại bị biến đổi dữ dội đến tận gốc, rốt cuộc đến nỗi phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, vứt lòng thẹn, mà vẫn khoe khoang, chẳng biết hổ thẹn. Nếu như lý nhân quả chẳng bị bài xích, đả phá, có ai chịu xướng lên

---

Hiểu theo nghĩa rộng, "kế thiên lập cực" là kế thừa đạo trời, dự vào ngôi vị cao cả, tức ngôi vị thánh nhân, thuận theo mạng trời, được vạn dân ngưỡng vọng.

những vở tuồng xấu ác ấy để chuốc lấy quả báo vĩnh viễn đọa trong ác đạo ư? Các vị tiên sinh bên Nho giáo chỉ biết dùng kiểu đó để bảo vệ đạo Nho, chẳng ngờ do đấy mà đạo Nho bị diệt! Học thuyết gây lầm lạc cho người khác, còn quá nước lũ, mãnh thú, chẳng đáng sợ hay sao?

Gần đây phong hóa trong cõi đời ngày một đi xuống, những người hữu tâm ai nấy đều đề xướng học Phật. Tại Vụ Nguyên kể từ khi được cư sĩ Giang Dịch Viên đề xướng đến nay, nhân sĩ cả một vùng đua nhau phụ họa, đã có nhiều nơi lập phân xã. Ấy là vì mong được nhờ từ quang của đức Phật để từ đó bỏ ác tu thiện, tiêu tai lành bệnh, giặc cướp nhiều phen chẳng kéo đến, tật dịch nhiều phen không xảy ra, hễ mưa nắng trái thời thì niệm Phật cầu đảo bèn được ứng nghiệm. Người cả một vùng khâm phục lời lẽ của Dịch Viên giống như 70 người khâm phục Khổng tử[560] vậy.

Nay tại huyện thành cũng lập phân xã, trước khi mở cửa, cư sĩ Tề Dụng Tu xin Bất Huệ lược thuật những nét chánh yếu dù ẩn hoặc hiển về Phật quang, cho nên tôi trình bày những chuyện trong hơn tám chín trăm năm qua để bậc thông sáng mai sau có cái để soi xét. Còn đối với những người ắt dốc sức thực hành thì hãy nên giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, vâng giữ tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", thực hiện tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", lại còn phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, tự hành dạy người cùng sanh về Tây Phương, cùng chứng vô lượng thọ, vô lượng quang để tâm quang của mỗi người cùng với Phật quang thường tịch và tâm quang từ Hạnh Đàn[561] Tứ Thủy chiếu rọi lẫn nhau, vậy thì quốc gia may mắn lắm mà pháp đạo cũng may mắn lắm!

7. Trình bày ý nghĩa ẩn kín của chữ nhân (人)

[560] Theo Pháp Ngôn Nghĩa Sớ của Dương Hùng, chữ "thất thập tử" phát xuất từ một câu nói của Khổng tử: *"Tốc tai, thất thập tử chi tiếu Trọng Ni"* (Nhanh chóng thay, 70 người có thể giống như Trọng Ni vậy). Tiếp đó, Dương Hùng đã dẫn các lời chú giải như sau: "Nhan Sư Cổ chú thích: Thất thập tử nghĩa là trong số 72 người đệ tử thấu đạt đạo của thầy, chỉ nêu số người đã học thành cái đạo của thầy nên nói là 70." Ở đây, tổ Ấn Quang đã mượn thành ngữ này để khen ngợi ông Giang Dịch Viên cũng như khen ngợi những người do khâm phục ông Giang đã tự đề xướng tu trì tịnh nghiệp tại các nơi giống như học trò Khổng tử đã truyền bá cái đạo của thầy vậy.

[561] Hạnh Đàn là tên gọi ngôi nhà nơi Khổng tử dạy học tại huyện Tứ Thủy thuộc nước Lỗ xưa kia (nay thuộc địa phận tỉnh Sơn Đông). Hạnh Đàn tại Khổng Miếu hiện thời là một công trình được xây dựng từ đời Kim trên nền cũ của ngôi trường ấy.

(Năm Dân Quốc 27 - 1938, giảng cho một đệ tử)

Con người là một sinh vật trần trụi, thân bất quá mấy thước, tuổi thọ chẳng quá mấy chục năm, lại cùng với trời cao đất dày dài lâu không lường xưng là tam tài, nghĩa ấy như thế nào? Phải biết: "Tài" là danh xưng của đức năng, trời có đức năng che phủ trọn khắp, sanh thành trưởng dưỡng muôn vật; đất có đức năng chuyên chở trọn khắp, hàm dưỡng, bồi đắp muôn vật; con người lấy việc "phụ trợ quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất, kế tục bậc thánh đời trước, khơi lối cho người học đời sau" làm đức năng. Nếu không có đức năng của con người bổ trợ thì đức năng của trời đất vẫn còn thiếu sót. Do được đức năng "giúp đỡ, kế thừa, khơi lối" của con người bù đắp mà đức năng của trời đất được viên mãn đầy đủ, theo chiều dọc cùng khắp ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Con người cùng với trời đất được xưng là tam tài là vì lẽ đó! Đức năng của con người nói tổng quát có bốn điều:

1. Nhân (人 - con người) tức là nhân (仁), tức lòng nhân từ trắc ẩn, tự lợi lợi tha, vì thế gọi là nhân.

2. Nhân là nhẫn (忍), chịu thương chịu khó, đảm đương nhiệm vụ chống trời đỡ đất, vì thế gọi là nhân.

3. Nhân là nhiệm (任), tận lực đảm nhiệm tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" sao cho không bị khiếm khuyết. Vì thế gọi là nhân (Tám sự này thất phu thất phụ cũng đều làm được. Đấy chính là đại sự "giúp đỡ quyền sanh thành, trưởng dưỡng của trời đất, kế tiếp bậc thánh đời trước, khơi lối cho người học đời sau, chống đỡ trời đất" vậy. Nếu coi thường hoặc quên mất một hai sự, hoặc cả tám sự đều quên, sẽ trở thành kẻ giả dối mạo danh con người, chứ không phải là con người thật sự sánh cùng trời đất xưng là tam tài. Nếu suy gẫm như thế thì mong thành thánh thành hiền, học làm Phật làm tổ ắt sẽ dư dùng).

4. Nhân là tận (盡), tận hết đạo luân thường của Nho giáo để giữ vẹn luân thường, tận hết đạo tâm tánh của Phật giáo để chứng tâm, vì thế gọi là nhân.

Ý nghĩa của chữ nhân lớn lao thay! Nguyện hết thảy những người cùng hàng ai nấy gánh vác bốn nghĩa của chữ nhân thì nào phải chỉ mình nước ta may mắn, mà thật ra muôn nước trong thiên hạ đều hưởng may mắn sâu xa. Nếu nói: "Ông nói như thế, ông có thực hiện được mỗi một điều ấy không thiếu sót hay chăng?" Thưa rằng: "Con chim sắp chết tiếng kêu cũng bi thương, con người sắp chết cũng nói lời phải. Tôi xót cho tôi mỗi điều đều thiếu sót, chỉ mong sao hết thảy những người cùng hàng điều nào cũng chẳng thiếu sót, để mỗi một người cùng hàng lúc tuổi thọ đã hết sẽ khỏi phải xót xa sâu đậm giống như tôi vậy! Ông chẳng thấy

trong kinh Vị Tằng Hữu Nhân Duyên con dã can[562] thuyết pháp, trời Đế Thích vái lạy mà nghe đó ư? Nếu người trong khắp cõi đất đều là trời Đế Thích thì cũng chẳng đến nỗi con dã can phải mở miệng, sao ông lại cố chấp tướng nhân ngã để rồi trách móc tôi vậy? Tôi biết lỗi rồi, từ rày chẳng dám nói nữa!"

8. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc học nghề y

(Năm Dân Quốc 27 - 1938, nói với đệ tử là Chu Thanh Thái)

Phật là Đại Y Vương trị khắp những bệnh thân tâm sanh tử cho chúng sanh, nhưng đại bệnh sanh tử do tâm khởi, nên trước hết phải lấy trị tâm bệnh làm điều kiện tiên khởi. Nếu có thể tu trì theo đúng pháp thì thân bệnh cũng sẽ nhờ đó mà được trị lành. Thân bệnh có ba thứ: một là túc nghiệp, hai là nội thương, ba là ngoại cảm. Trong ba thứ bệnh này chỉ có túc nghiệp là khó trị. Nếu có thể dốc lòng thành, cạn lòng kính, phát tâm đại Bồ-đề tự lợi lợi tha niệm thánh hiệu "Nam-mô A-di-đà Phật" và "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" để siêu độ những oan gia đối đầu đã bị người bệnh hãm hại trong những đời trước. Nếu họ (tức những oan gia đối đầu ấy) lìa khổ được vui thì người bệnh sẽ tiêu nghiệp, lành bệnh; họ chẳng những không còn quấy phá mà trái lại còn cảm cái ơn siêu độ nên sẽ âm thầm phù hộ. Phàm những ai mắc bệnh này và những người chữa trị bệnh ấy đều không thể không biết đến nghĩa này.

Hai là nội thương, hoặc do dụng tâm quá độ, hoặc do rượu chè, sắc dục, tiền bạc, hút sách, đối với mỗi thứ đều tham ưa. Nếu có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành và dùng thuốc chữa trị ắt sẽ dễ lành bệnh. Nếu chẳng chú ý nơi căn bản, chỉ cậy vào thuốc men, cũng khó thấy được hiệu quả. Dù có hiệu quả thì vẫn khó giữ cho vĩnh viễn không bị tái phát.

Ba là ngoại cảm, chỉ cần làm theo như cách đã nói trong phần nội thương trên đây. Dẫu có bị trúng phải gió, lạnh, nắng, mưa bên ngoài cũng hết sức dễ chữa. Nếu chẳng chú ý ngăn ngừa giận dữ, gạt bỏ ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành thì tuy là bệnh ngoại cảm vẫn chẳng dễ gì chữa trị, vì bị tổn thương từ căn bản mà chỉ trị nơi cành nhánh, thật khó được lợi ích! Do vậy thánh nhân giữ yên đất

[562] Theo Phật Quang Từ Điển, dã can (śrgāla) được phiên âm là tất-già-la, là một loại cáo nhỏ. Nhưng trong Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa, ngài Huyền Trang lại giảng: "Dã can, tiếng Phạn là tất-già-la, sắc vàng lẫn xanh, giống như con chó, sống thành bầy, tối đến tru lên giống như tiếng sói tru. Chữ dã can đôi khi được viết thành *xạ can*." Như vậy, có lẽ dã can là một loài sói hay chó rừng thì đúng hơn, không biết đây có phải là một loài chó rừng mà người Anh - Mỹ thường gọi là jackal hay không?

nước khi chưa loạn, bảo vệ thân khi chưa bệnh, tuy không có kỳ tích bình trị, bảo vệ, nhưng sự bình trị, bảo vệ cũng lớn lắm.

Tôi hoàn toàn chẳng biết gì về thuốc men, nhưng rất mong cho người đời đều không bệnh tật, hằng ngày trì chú Đại Bi gia trì vào nước sạch, có người mắc bệnh ngặt lâu ngày, thầy thuốc Bắc, thuốc Tây đều chẳng chữa được, [tôi cho người ấy uống nước đã được trì chú Đại Bi], dạy người ấy kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật và niệm Quán Âm, nếu thật sự chí thành sẽ lập tức xoay chuyển được tình thế, không lâu sau tự lành bệnh. Dẫu chẳng thể lành ngay, quyết cũng chẳng lẽ nào bị bệnh nặng thêm, lại còn có thể tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, lại chẳng tốn kém chi.

Ông muốn học y, tuy chú trọng nơi châm cứu, dược phẩm, nhưng cần phải phát tâm đại Bồ-đề, thường dùng thánh hiệu của Phật, Bồ-tát và chú Đại Bi khắp vì ta người trì tụng, để mong đôi bên cùng được thân tâm an lạc trong đời này, lâm chung quyết định vãng sanh Tây Phương thì chẳng uổng là đệ tử Phật, tùy phần tùy sức thực hiện đạo lợi khắp ta người. Nếu giống như những gã thầy thuốc tầm thường trong cõi đời chỉ cầu lợi, chẳng coi trọng chuyện cứu chữa người bệnh, dẫu cho giàu nứt đố đổ vách cũng chỉ được kết quả là chính mình vĩnh viễn đọa trong ác đạo, con cháu hoặc thành phường bại hoại, hoặc rốt cuộc bị tuyệt diệt. Uổng có cơ hội tự lợi lợi tha mà lại ngược ngạo biến thành cái quả tự hại hại người, chẳng đáng thương sao? Chẳng đáng sợ sao? Sách Cảm Ứng Thiên có câu: "Họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy", người thông minh trong cõi đời phần nhiều đều muốn hưởng phước lạc, đâm ra chuốc lấy họa ương. Nếu ông chẳng thuận theo thói đó ắt sẽ được "danh xứng với thật", là bậc đại quốc thủ. Nếu không, chỉ trở thành kẻ giặc cho dân mà thôi. Lấy bỏ thế nào, mong ông hãy tự chọn lựa!

9. Pháp ngữ dạy thầy Hoa Quyền đang bị bệnh

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Con người sống trong thế gian ai cũng chẳng thể nào tránh khỏi nỗi khổ tật bệnh, chết chóc! Trong khi những sự khổ như vậy xảy ra thì chỉ nên buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm "Nam-mô A-di-đà Phật". Nếu hơi thở ngắn thì chỉ niệm bốn chữ A-di-đà Phật, nhất tâm cầu Phật từ bi tiếp dẫn ông vãng sanh Tây Phương. Trừ một niệm ấy ra, trong tâm chẳng được khởi lên mảy may tưởng niệm khác biệt nào, cũng đừng mong bệnh chóng lành, cũng chớ có tưởng niệm cầu thần cầu trời giáng phước. Hễ có những thứ tưởng niệm ấy, tâm ông sẽ bị cách

ngăn với tâm đức A-di-đà Phật, do vậy sẽ chẳng hưởng được sức gia bị do lòng từ của Phật.

Ông phải hiểu rằng, trời đất cha mẹ đều chẳng thể làm cho ông thoát luân hồi sanh tử được, chỉ có đức A-di-đà Phật là có thể làm cho ông thoát luân hồi sanh tử. Giả sử ông chịu buông xuống hết thảy, nhất tâm niệm Phật thì nếu tuổi thọ chưa hết sẽ được chóng lành, nếu tuổi thọ đã hết liền vãng sanh Tây Phương; nhưng chớ nên cầu bệnh chóng lành, chỉ nên cầu mau được vãng sanh. Nếu tuổi thọ đã hết mà cầu lành bệnh sẽ chẳng được vãng sanh, còn cầu vãng sanh thì nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh. Vãng sanh Tây Phương có những điều hay chẳng thể nói trọn, so với những kẻ sanh lên cõi trời làm thiên đế, thiên vương vẫn cao cả hơn vô số vô lượng vạn vạn vạn vạn lần.

Ông đừng có si tâm vọng tưởng sợ chết, có cái tâm sợ chết sẽ chẳng thể vãng sanh được! Chúng ta sống trong thế gian giống như loài giòi trong hầm phân, tù nhân trong lao ngục, khổ chẳng chịu đựng được. Vãng sanh Tây Phương như thoát khỏi hầm phân, lao ngục, đến quê nhà thanh tịnh an lạc tiêu dao tự tại, há nên sợ chết? Nếu có tâm niệm sợ chết thì sẽ vĩnh viễn chịu khổ trong sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng có thuở thoát khổ. Nếu ông niệm ra tiếng được thì cũng nên niệm nhỏ tiếng, chẳng thể niệm ra tiếng nổi thì niệm thầm trong tâm, tai nghe người khác niệm, trong tâm cũng niệm như thế. Mắt lại dõi nhìn A-di-đà Phật (tức đức Phật được thờ trong thất), trong tâm tưởng đến A-di-đà Phật. Hễ có những niệm khác khởi lên, hãy nên tự trách: "Ta muốn cậy vào Phật lực vãng sanh Tây Phương, sao lại khởi lên những thứ ý niệm này làm hỏng đại sự của ta?"

Nếu ông chịu niệm theo như lời tôi nói, chắc chắn được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, bao kiếp vĩnh viễn thường hưởng khoái lạc, trọn chẳng phải thấy nghe mảy may sự khổ gì, há còn có những thứ khổ não tật bệnh như thế này hay sao? Nếu gặp lúc trong tâm dấy lên phiền não, phải hiểu rằng đấy chính là do ác nghiệp trong đời trước xui khiến, muốn phá hoại đạo vãng sanh Tây Phương của ta, muốn khiến cho ta vĩnh viễn bị khổ vì sanh tử luân hồi, ta nay hiểu được nó muốn hại ta, ta chẳng để cho nó xoay chuyển, trừ chuyện niệm Phật ra, chẳng nghĩ đến chuyện gì khác. Như vậy thì tâm tâm tương ứng với Phật, được Phật tiếp dẫn, sẽ liền vãng sanh. Hãy nhớ kỹ lời tôi thì sẽ tự mau được lợi ích không chi lớn hơn được!

10. Pháp ngữ dạy mẹ con ông Ân Đức Tăng (hai bài)

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

1. Hai chữ "nhân quả" gồm trọn hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, trọn hết không bỏ sót gì. Do vậy, chẳng riêng gì Phật giáo đề cao nhân quả, mà pháp thế gian cũng chẳng bỏ qua nhân quả. Trong sách Nho đã sớm để lại giáo huấn rõ ràng, kinh Dịch chép: *"Tích thiện dư khánh, tích bất thiện dư ương"* (Tích chứa điều thiện niềm vui có thừa, tích chứa điều bất thiện tai ương có thừa), kinh Thư ghi: *"Tác thiện giáng tường, tác bất thiện giáng ương"* (Làm lành thì điều tốt lành sẽ giáng xuống, làm điều chẳng lành thì tai ương sẽ giáng xuống), đây chẳng phải là nói về nhân quả hay sao? Nhưng hết thảy những chuyện kỳ kỳ quái quái, thiện thiện ác ác được biên chép trong bộ Xuân Thu Tả Truyện đều là những ghi chép thật sự về nhân quả. Nếu người đời sau đọc bộ sách ấy, xét nghĩ những chuyện ấy sẽ thấy rành rành họa phước vô thường, báo ứng chẳng sai vậy.

Do có quỷ thần nên dè dặt kinh sợ, bậc thượng trí sẽ mạnh mẽ dấy lên chí hướng ưu thời mẫn thế, gắng tu đức của chính mình; kẻ hạ ngu cũng biết nể sợ, chẳng dám làm ác. Vì thế nhân quả thật sự là sự phòng ngừa lớn lao để ràng buộc lòng người, đáng để phụ trợ cho những chỗ mà sự cai trị của nhà vua chưa được thấu tới, mà cũng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, và cũng là mấu chốt khiến cho đất nước yên ổn hay loạn lạc, hưng thịnh hay suy vi từ xưa đến nay vậy.

Hiện thời thế đạo ngày một suy vi, lòng người chìm đắm, sở dĩ tệ hại đến cùng cực như thế này đều là vì chẳng hiểu rõ lý nhân quả báo ứng mà ra. Lý nhân quả chẳng được sáng tỏ thì tuy cái nhân gần là do bị ảnh hưởng bởi những học thuyết mới, nhưng thật ra cái nhân xa là do Tống Nho bác Phật đã ươm thành. Ấy là vì từ khi học thuyết Tống Nho được xướng suất mạnh mẽ: "Quỷ thần chỉ là lương năng của hai khí (âm dương), con người chết đi thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém, chặt, xay, giã sẽ thực hiện vào đâu, quân tử có làm gì để làm lành thì chuyện làm lành ấy cũng chẳng thật, cần gì phải bàn đến nhân quả?" Phàm "không làm gì mà là làm lành" chỉ để nói với bậc thượng trí, chứ đối với hạng người từ bậc trung trở xuống, ắt phải nhờ vào khuyên bảo "hãy có làm"[563] thì mới là lành. Nay nói "chẳng làm gì mà là làm" sẽ ngăn trở con đường hướng thiện của người khác.

Thánh nhân dùng thần đạo để lập giáo, ngầm khen ngợi thần minh, từ kết quả truy ngược về cội nguồn nên biết được lẽ sanh tử. Tinh khí là vật, du hồn biến chuyển, do vậy biết được tình trạng của quỷ thần. Nay coi quỷ thần là hư vô,

[563] Ý nói: Phải tích cực làm lành (tức là có thực hiện điều thiện thì mới là làm lành), chứ không phải như bọn Lý học rêu rao "hễ có làm gì để làm lành thì là ác". Các nhà Lý học không hiểu thánh hiền đạo Nho dạy "không có gì để làm mới là làm lành" chính là làm lành nhưng không chấp trước vào việc làm lành, làm lành với tâm không phân biệt, tự nhiên làm lành như đói cần ăn, khát cần uống, nên làm lành mà cũng như không làm lành.

hoang đường, tức là đã phế trừ giáo huấn của các bậc tiên vương. Nếu chết đi đã thành đoạn diệt, không nhân quả, không báo ứng thì hết thảy hạnh nghịch ác hễ tỏ được cái chí thì đâu cần kiêng sợ gì mà không làm cơ chứ? Loạn thiên hạ, gây họa cho nhân loại, ắt đều bắt nguồn từ đây!

Bọn Trình - Chu chỉ biết cổ vũ "quân tử không làm gì chính là làm lành", chẳng thèm lo tới chuyện "bọn tiểu nhân không kiêng sợ nên cứ làm ác" hay sao? Trong thiên hạ, bậc quân tử thì ít mà tiểu nhân lại nhiều, lời lẽ của bọn Trình - Chu lợi thiên hạ thì ít mà hại thiên hạ cũng nhiều, chẳng đáng đau xót ư? Nhưng cái thuyết Lý học của bọn Trình - Chu phần nhiều lấy từ các nghĩa lý trong kinh Phật, nhưng họ lại toan dùng đó để tự khoe tài, đã học được từ người ta lại ngược ngạo bảo người ta chẳng bằng mình, bịt tai trộm linh, trong lòng sùng phụng, mặt ngoài chống trái, thậm chí chẳng tiếc công đàn áp.

Thật sự là vì đâu mà lại như thế? Đáp: Do tri kiến môn đình và muốn được phối hưởng[564] trong Văn Miếu mà thôi! Bọn họ chỉ vì tri kiến môn đình, gây họa hoạn vô cùng cho hậu thế. Đấy cũng là điều bọn Trình - Chu chẳng lường tới, nhưng những người có lòng lo cho đời đều đau đớn sâu đậm! Trình - Chu từng là những bậc đại Nho một thời dưới đời Tống, công duy trì nhân luân kỷ cương của họ đâu thể không tính kể tới, nhưng lập luận của họ chẳng tránh khỏi trái nghịch tiên thánh, gây lầm lạc cho đời sau. Bọn ta đọc sách để học đòi cổ nhân, há chẳng suy xét sâu xa ư?

2. Hiện nay muốn xương minh sự lý nhân quả và phương pháp thực hành điều đó thì trước hết phải thực hiện bằng sự giáo dục trong gia đình; nhưng giáo dục trong gia đình lại phải lấy phụ nữ làm chủ thể, bởi lẽ đời có mẹ hiền thì mới có con hiền. Noi theo bậc hiền mẫu thời cổ, thực hiện thai giáo: un đúc bẩm chất từ lúc ban đầu, nuôi nấng dạy dỗ từ khi chưa sanh ra ngõ hầu con sẽ tập quen thành tánh. Như ba bà Thái đời Chu (Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự) ngầm giúp đỡ chồng, dạy con từ lúc nó còn nằm trong thai, đều là bậc thánh nhân trong nữ giới, quả thật họ đã lập nên nền tảng mở mang vương nghiệp nhà Chu. Tôi thường nói: "Quyền trị quốc bình thiên hạ hàng nữ nhân nắm quá nửa." Lại nói: "Dạy con gái là cái gốc để tề gia, trị quốc", tức là nói đến chuyện "trọn hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con". Nữ giới ngày nay phần nhiều chẳng hiểu nghĩa này, lầm lạc muốn tham gia chánh trị nắm quyền, tính làm đại sự, bỏ mặc đạo căn bản là vun bồi gia đình. Điều này quả thật gom sắt của muôn nước chín châu cũng chẳng đúc

[564] Văn Miếu là nơi thờ Khổng tử và 72 môn đệ (Thất Thập Nhị Hiền). Tại Văn Chỉ (một hình thức thu gọn của Văn Miếu tại mỗi làng), những người có chí khí, danh tiết cao đẹp trong làng cũng được thờ trong gian bên cạnh hoặc nơi bàn thờ phụ, gọi là "thờ phối hưởng".

được cái lỗi lầm lớn lao ấy[565], thật đáng cảm khái sâu xa! Thế nào là đạo căn bản để vun bồi gia đình? Chính là hễ dạy dỗ con cái, ắt phải khi con đang còn trong độ tuổi măng sữa, trước hết phải làm cho nó biết về thuyết nhân quả báo ứng thì đối với hết thảy những hành vi nghịch ác nó sẽ tự kiêng sợ chẳng dám làm. Giảng giải sách nhân quả không chi hay bằng Cảm Ứng Thiên[566] và Âm Chất Văn[567],

---

[565] Câu nói này vốn dựa theo ý một câu nói của La Thiệu Uy vào cuối đời Đường. Theo Tư Trị Thông Giám, nguyên văn câu nói của La Thiệu Uy là: *"Hợp lục châu tứ thập tam huyện thiết bất năng chú thử thác"* (Gộp sắt của bốn mươi ba huyện trong sáu châu cũng không đúc được lỗi lầm này). Nguyên lai, vào cuối đời Đường các phiên trấn (những tướng lãnh nắm giữ binh quyền tại các địa phương) thế lực rất lớn. Khi Điền Thừa Tự giữ chức Tiết độ sứ vùng Ngụy Bác (bao gồm sáu châu Ngụy, Bác, Tương, Vệ, Bối, Đàn, nay thuộc vùng duyên hải của Bột Hải thuộc phía Bắc Hoàng Hà) đã tuyển lựa những quân sĩ thân tín, chu cấp hậu hĩnh, huấn luyện kỹ càng, tổ chức thành một đội quân tự vệ, gọi là Nha Quân. Đến khi La Thiệu Uy làm Tiết độ sứ vùng Ngụy Bác, do thấy Nha Quân thế lực quá lớn, kiêu binh tung hoành không thể kiềm chế được, thậm chí đôi khi còn làm loạn, giết cả Tiết độ sứ. Năm Thiên Hựu thứ hai đời Đường Chiêu Tông, một viên chỉ huy của Nha Quân là Lý Công Toàn gây binh biến, La Thiệu Uy bèn cầu cứu viên Tiết độ sứ có thế lực mạnh nhất thời ấy là Vũ Châu Ôn (ông này làm Tiết độ sứ vùng Tuyên Vũ, nay thuộc huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam). Châu Ôn liền phái bảy vạn nhân mã tiến vào Ngụy Bác, giết được tám ngàn Nha Quân, dần dần dẹp tan sự đối kháng của Nha Quân. Để cung cấp cho quân đội của Châu Ôn, La Thiệu Uy đã phải tốn hơn nửa ức tiền, giết đến gần bảy chục vạn trâu dê cho quân Châu Ôn ăn trong nửa năm, tốn kém lương thảo vô số. Lúc quân Châu Ôn rút đi, lại còn phải biếu tặng cả trăm vạn quan tiền. Từ đấy vùng Ngụy Bác suy sụp, kiệt quệ, hoàn toàn không còn sức đối kháng ngoại địch. Như vậy, tuy La Thiệu Uy trừ được mối lo do Nha Quân gây ra, nhưng cũng đồng thời tự diệt sạch lực lượng chính bảo vệ vùng Ngụy Bác, hoàn toàn chịu sự chi phối của Châu Ôn. Do đó La Thiệu Uy mới hối hận thốt lên thời than thở như vậy. Từ câu nói ấy đã phát sanh thành ngữ 'chú thành đại thác' vốn thường được dùng để chỉ lỗi lầm chết người do ham mối lợi nhỏ trước mắt mà ra.

[566] Theo thiên Nghệ Văn Chí trong Tống Sử và sách Quận Trai Độc Thư Phụ Chí, ẩn sĩ Lý Xương Linh đời Tống đã biên soạn cuốn Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, thác danh Thái Thượng Lão Quân giáng cơ. Tuy thế, các nhà nghiên cứu vẫn chưa đồng ý ai thật sự là tác giả của cuốn sách này. Do nội dung sách này khuyến thiện làm lành rất tích cực, nó được người Trung Hoa rất ngưỡng mộ, cũng như được rất nhiều người viết lời chú giải. Sách càng được nổi tiếng lưu hành mạnh mẽ hơn khi được học giả Huệ Đống đời Thanh chú giải tường tận, cho đến hiện thời cuốn sách này vẫn được lưu hành rất rộng và được Phật môn Trung Hoa rất coi trọng.

[567] Âm Chất Văn tên gọi đầy đủ là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, chưa rõ ai là tác giả. Chu Khuê đời Thanh khi giảo chánh cuốn Âm Chất Văn Chú đã nhận định: "Âm Chất Văn nói những chuyện liên quan đến đời Tống, ắt phải do người đời Tống biên soạn." Học giả Tửu Tỉnh Trung Phu của Nhật lại cho rằng tác phẩm này phải được hình thành vào cuối đời Minh, nhưng không đưa bằng chứng đủ tính thuyết phục nào. Dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của Âm Chất Văn, các đạo sĩ đã biên soạn Văn Đế Cứu Kiếp Kinh và Văn Đế Diên Tự Kinh để tiếp tục xiển dương tư tưởng khuyến thiện trừng ác trong Âm Chất Văn. Âm Chất Văn thác danh Văn Xương Đế Quân giáng cơ. Văn Xương Đế Quân vốn còn gọi là Tử Đồng Đế Quân, theo truyền thuyết vốn là Trương Á Tử, làm quan đời Tấn, chết trận, được dân chúng lập miếu thờ, rất hiển linh. Do các đạo sĩ đời Tống - Nguyên viết truyện nói ông Trương được Thượng Đế sắc phong làm

hai cuốn sách này phải thường giảng nói, ắt sẽ tự có lợi ích không chi lớn bằng! Bởi lẽ, trẻ thơ thiên tánh chưa xấu xa, lời lành dễ tiếp nhận, tập quen từ bé, lâu ngày sẽ thành bản tánh, đến khi lớn lên sẽ chẳng thay đổi được! Gốc chánh nguồn trong được bắt nguồn từ đấy! Vì thế, kinh Dịch chép: *"Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã"* (Dạy cho trẻ thơ điều đúng đắn, có công như thánh nhân vậy).

Ngày nay thiên hạ sở dĩ đại loạn đều là do cha mẹ chẳng hiểu nguyên lý giáo dục đã ươm thành vậy. Bởi lẽ đã chẳng thể dùng thai giáo để dạy dỗ điều lành từ đầu, lại còn chẳng thể dùng nhân quả để răn nhắc lúc sau. Căn bản đã hỏng thì sẽ bừa bãi, tràn lan chẳng thể nào thu thập được. Do vậy mới xướng lên những thuyết bất hiếu, không cần cha mẹ, mới bàn đến chuyện cách mạng gia đình không kiêng dè chi! Dẫn đến [tình cảnh] bạn bè chơi với nhau vì lợi lộc hòng bán chác, vợ chồng hợp lại hay chia tay nhau giống như cầm thú, chôn vùi đạo nghĩa liêm sỉ, thiên lý tuyệt diệt [như] nước lũ cuồn cuộn tận trời chẳng biết khi nào ngừng. Dẫu Khổng tử, Thích-ca sống trong thời buổi này cũng không có cách gì cứu giúp được, nguy ngập vậy thay!

Làm như thế nào đây? Đáp: Đường lối để cứu vãn chỉ có cách chú trọng giáo dục gia đình sao cho ai nấy giảng rõ sự lý nhân quả cho con cái hòng vun bồi căn bản mà thôi! Đã gieo thiện nhân ắt gặt thiện quả, mới hòng có hy vọng trong tương lai lòng người biến đổi tốt đẹp, phong tục dần dần thuần lương, thiên hạ nước nhà thái bình vậy.

11. Trả lời những câu hỏi của cư sĩ Khúc Thiên Tường (hai mươi bảy câu)

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

1) Hỏi: Nguyên nhân khiến đệ tử tin Phật bắt nguồn từ việc nghiên cứu thuật thôi miên. Xưa kia con đã nghe tục ngữ có câu: "Chín lần tu làm thiên tử, mười lần tu làm Phật", nghĩ rằng tu mười đời mới thành tựu được, thường sợ bỏ dở giữa đường, phí sạch hết công lao tu tập từ trước. Nếu sớm biết sẽ thành tựu ngay trong

---

Tử Đồng Đế Quân và đã nhiều lần giáng thế, được thiên đình giao cho nhiệm vụ chưởng quản phủ Văn Xương chuyên coi về việc học hành, thi cử, quan chức của thế gian nên còn có tên là Văn Xương Đế Quân. Do vậy, năm Diên Hựu thứ ba (1316) đời Nguyên, vua đã sắc phong cho Văn Xương Đế Quân một tước hiệu thật dài "Tử Đồng Thần Vi Phụ Nguyên Khai Hóa Văn Xương Tư Lộc Hoằng Nhân Đế Quân". Chữ *âm chất* phát xuất từ thiên Hồng Phạm sách Thượng Thư: "Duy thiên âm chất hạ dân", thường được giải thích là "trời ngấm ngầm bảo vệ, che chở muôn dân". Từ đó, âm chất được hiểu là làm những việc công đức ngấm ngầm, không khoe khoang, rêu rao cho người khác biết. Đặc điểm của Âm Chất Văn là dung thông những quan điểm của tam giáo, đặc biệt đề cao nhân quả, luân hồi, báo ứng, nên rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

đời này thì đã sớm niệm Phật rồi. Tuổi con đã hai mươi bảy, rất hối hận đã phát tâm trễ tràng.

Đáp: "Chín lần tu làm thiên tử, mười lần tu làm Phật" chính là lời nói nhảm của kẻ chẳng biết gì về Phật pháp. Người biết Phật sẽ trọn chẳng nói câu đó. Pháp môn Tịnh độ chính là cậy vào Phật lực để liễu sanh tử, đều phải có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, quyết định mong cầu đến lúc lâm chung vãng sanh Tây Phương. Nếu chẳng cậy vào Phật lực mà muốn liễu sanh tử thì ngàn đời vạn kiếp chẳng thể liễu thoát rất nhiều!

2) Hỏi: Con tin tưởng tịnh tâm sẽ thành Phật, giống như trong thuật thôi miên ắt phải trầm tĩnh rồi sau đấy mới có hiện tượng chẳng thể nghĩ bàn.

Đáp: Tịnh tâm niệm Phật quán Phật sẽ dễ tương ứng với Phật. Nếu có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chắc chắn được vãng sanh, rồi sẽ dần dần tấn tu, ắt sẽ thành Phật. Đừng nên nói "hiện tại tịnh tâm sẽ được thành Phật"!

3) Hỏi: Con tin tưởng nhờ cậy vào Phật lực, như trong thuật thôi miên tự thôi miên chính mình sẽ khó hơn bị người khác thôi miên. Vì thế biết là tự lực chẳng bằng tha lực.

Đáp: Hết thảy pháp môn đều phải cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân hầu liễu sanh thoát tử, như người thọt chân tự đi, một ngày khó đi được trăm dặm. Pháp môn Tịnh độ nương vào sức từ của Phật sẽ có thể mang nghiệp vãng sanh, giống như kẻ thọt chân ngồi trên bánh xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương, trong một ngày đến khắp bốn châu, làm sao có thể lấy chuyện thôi miên để chứng minh cho được!

4) Hỏi: Miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, vậy thì đức Phật được tưởng ấy có giống như đức Phật được tưởng trong phép quán thứ 8[568] của Quán kinh hay không?

---

[568] Phép quán thứ 8 là tổng quán Tây Phương Tam Thánh cùng với cảnh giới trang nghiêm của cõi Cực Lạc, kinh dạy: "Muốn quán Phật Vô Lượng Thọ trước phải tưởng hình tượng làm sao cho khi nhắm mắt, mở mắt đều thấy một tượng báu như sắc vàng diêm-phù-đàn, ngồi trên tòa sen kia. Lúc thấy Phật tượng rồi, tâm nhãn tự được mở mang rõ ràng sáng suốt. Bấy giờ hành giả thấy cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm, như: đất báu, ao báu, hàng cây báu, trên cây có mành báu của chư thiên che phủ, các lưới báu giăng khắp giữa hư không. Khi đã thấy được cảnh tướng rất rõ ràng như nhìn vào bàn tay rồi, lại tưởng hai hoa sen lớn, một ở bên trái, một ở bên phải của Phật, cả hai đều giống như tòa sen trước. Xong lại tưởng hình tượng Quán Thế Âm Bồ-tát ngồi tòa sen bên trái, tượng Đại Thế Chí Bồ-tát ngồi tòa sen bên mặt, thân tướng đều rực rỡ như sắc vàng diêm-phù-đàn…"

Đáp: Quán tưởng phải bắt đầu tu tập từ phép quán thứ 13[569]. Nếu không, cảnh tế tâm thô, khó thể thành tựu, hoặc nếu như dụng tâm không thích đáng sẽ dấy lên ma sự.

5) Hỏi: Như khi gặp nguy hiểm, lâm vào tình thế chẳng thể cùng một lúc kiêm tụng các chú thì hãy nên ứng dụng như thế nào?

Đáp: Gặp phải tai nạn cực nguy hiểm, chỉ nên niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát là đỡ tốn tâm lực nhất, lại có cảm ứng nhiều nhất.

6) Hỏi: Nếu chuyên tụng Phật hiệu, hiệu lực so với thần chú như thế nào?

Đáp: Phật hiệu và thần chú có công đức giống hệt như nhau, chỉ do lòng chí thành thì mới có cảm ứng. Nếu trong tâm trước hết đã khởi lên ý niệm coi thường Phật hiệu thì sẽ chẳng có lợi ích gì, vì đã không chí thành lại còn ngờ vực nên chẳng được lợi ích chân thật.

7) Hỏi: "Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà" với "Tịnh độ và đức Phật ở Tây Phương" là một nhưng mà hai, là hai nhưng mà một phải không?

Đáp: Có duy tâm Tịnh độ thì mới sanh về Tây Phương Tịnh Độ. Nếu tự tâm chẳng tịnh, làm sao vãng sanh được? Dẫu là kẻ tội nhân nghịch ác nhưng do niệm Phật mười tiếng bèn được vãng sanh là vì tịnh tâm niệm Phật mà cảm được quả báo vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Trong đời lắm kẻ tưởng "duy tâm là không có cõi nước", trở thành tri kiến của tà ma, ngoại đạo! Loại tà kiến tựa hồ là đúng nhưng thật ra là sai ấy chiếm hơn quá nửa, đến nỗi người niệm Phật chẳng được lợi ích thật sự mà vẫn tưởng mình là cao minh, chẳng biết đấy là tà kiến "chấp lý phế sự, tự lầm lầm người". Do tự tánh Di-đà nên phải niệm đức Di-đà ở Tây Phương để cầu vãng sanh hòng tấn tu dần dần để có đích thân chứng được Di-đà nơi tự tánh. Nếu chỉ chấp vào tự tánh Di-đà, chẳng niệm đức Di-đà ở Tây Phương, dẫu có ngộ thật sự vẫn không thể liễu sanh tử được. Huống chi những kẻ nói lời ấy toàn là bọn chấp chặt một bề, toàn là phường nói suông. "Là một nhưng hai" là chuyện trước khi thành Phật, "tuy hai nhưng một" là chuyện sau khi đã thành Phật.

8) Hỏi: "Sanh thì quyết định sanh, đi thì chẳng thật sự đi", sanh và đi đều chỉ cho điều gì?

[569] Phép quán thứ 13 chỉ quán thân Phật cao một trượng sáu đứng bên ao thất bảo, thân của hai vị Bồ-tát cũng đồng phân lượng, đồng thời giảm bớt rất nhiều chi tiết cho phàm phu dễ quán, chẳng hạn chỉ quán hai vị Bồ-tát khác nhau ở chỗ đức Quán Âm có hóa Phật đứng trên đảnh đầu, còn Đại Thế Chí là bảo bình trên nhục kế.

Đáp: "Sanh thì quyết định sanh" là nói theo mặt sự, "đi chẳng thật sự đi" là nói theo mặt lý. Chẳng biết cội nguồn của sự - lý thì tốt hơn là hãy chất phác niệm Phật theo sự tướng. Nếu không ắt sẽ trở thành bọn tà ma ngoại đạo chấp lý phế sự.

9) Hỏi: Người tên X… nọ khi mạng chung chợt nói: "Tịnh độ ngay trong góc sân", vậy cõi đất này là Tịnh độ ư?

Đáp: Đấy chính là nghĩa lý "duy tâm Tịnh độ" phát hiện. "Duy tâm Tịnh độ" chính là cảnh của một mình người đó, ngoài ra đều là duy tâm uế độ. Há có nên dựa theo cái thấy của người ấy để phán đoán ư?

10) Hỏi: Tụng kinh có phải là để làm cho chính mình sanh tâm hoan hỷ, chán lìa, hay là còn có tác dụng chi khác?

Đáp: Ông tụng kinh chỉ biết cầu hoan hỷ cho chính mình, đáng tiếc là vô biên diệu nghĩa bị ông xem chẳng đáng một đồng!

11) Hỏi: Hiểu *đệ nhất nghĩa* là như thế nào?

Đáp: Hiểu đệ nhất nghĩa tức là triệt ngộ diệu lý thật tướng, duy tâm tự tánh.

12) Hỏi: Cái tánh còn lại sau khi chết, cái tánh đi vãng sanh và Phật tánh có những điểm giống nhau, khác nhau như thế nào?

Đáp: Cái tánh của hết thảy chúng sanh trước khi sanh ra sau khi chết đi, cái tánh vãng sanh và Phật tánh, ba tánh ấy đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng. Gọi là đồng vì bản thể của tâm tánh không hai, nói là bất đồng vì do mê hay ngộ nên sai khác vời vợi một trời một vực. Do có nghĩa này nên dạy người đoạn hoặc chứng chân để mong đích thân chứng được tâm tánh vốn đồng ấy. Chỉ có *thể* là đồng, nhưng do mê chưa chứng nên bày ra đủ mọi pháp khiến cho họ bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác hòng đích thân chứng được. Cách tu rất nhiều, chỉ có niệm Phật cầu sanh Tây Phương là dễ thực hiện nhất, dễ thành tựu nhất.

13) Hỏi: Phật dạy tu quán chính là vì chúng sanh đời sau ác trược chẳng lành bị năm thứ khổ bức bách mà lập giáo. Nếu dùng thôi miên để bộc lộ *thiên nhãn thông* ngõ hầu nói ra để chứng minh thì hiển hiện cõi nước Cực Lạc cũng chẳng phải là chuyện khó. Huống chi rất cần chứng minh cho việc niệm Phật, sao không khuyên người tu quán mà lại bảo đó là chuyện khó khăn?

Đáp: Thôi miên là do sức huyễn thuật, há phải là thật sự có thiên nhãn thông ư? Người thật sự có thiên nhãn thông há chịu để cho người khác thôi miên! Ông nay đã học Phật, hãy nên chuyên chí học Phật. Muốn hiện cõi Cực Lạc, chỉ dùng tịnh tâm mà niệm cho chuyên nhất thì sẽ làm được. Ví như mài gương, mài đến cùng cực thì gương tự nhiên tỏa sáng. Dùng thuật thôi miên để hiện thì trước hết tâm đã chẳng tịnh, niệm cũng chẳng chuyên nhất, ví như dùng bột trắng xoa lên gương mà cứ mong gương tỏa sáng, chẳng biết là đã phủ lấp tấm gương càng dày vậy!

14) Hỏi: Tu quán có phải là cậy vào Phật lực hay không? Trong phép quán thứ 13 của Quán kinh có nói: "Vô Lượng Thọ Phật thân lượng vô biên, tâm lực của phàm phu chẳng thể thấu hiểu được, nhưng do sức túc nguyện của đức Như Lai ấy nên có kẻ ức tưởng ắt được thành tựu." Điểm khác biệt giữa phép quán này và tham thiền là gì? So với tham thiền có dễ hơn hay không?

Đáp: Tham thiền chỉ cốt suy cứu tự tâm, niệm Phật kiêm cậy vào Phật lực. Hai pháp đạt đến rốt ráo viên thành thì hoàn toàn giống như nhau, nhưng dụng công trong lúc tu trì thì rất khác biệt. Ví như đi đường ngồi thuyền hay ngồi xe khác nhau, nhưng về đến nhà thì giống như nhau.

15) Hỏi: Tu quán là tưởng hay là quán, hay dùng cả quán lẫn tưởng? Lấy gần hay lấy xa?

Đáp: Hai chữ "quán tưởng" há nên chia ra làm đôi! Nhiếp tâm để tưởng chính là quán. Ông nghĩ là hai tức là trở thành chỉ biết mười bằng một nhân với mười, chẳng biết con số mười ấy nó cũng là hai lần năm. Hơn nữa, quán tưởng sao có thể chia ra thành gần hay xa cho được!

16) Hỏi: Mỗi phép quán phải cần tu tập tối thiểu bao nhiêu ngày?

Đáp: Ông cho rằng tu một phép quán này mấy ngày, rồi sẽ tu pháp quán khác đó ư? Chẳng biết đức Phật tuy nói 16 phép quán nhưng thoạt đầu hãy nên thực hành phép quán thứ 13 thì mới là tu khế lý khế cơ.

17) Hỏi: Thoạt đầu là tưởng tượng thì chẳng phải là lan man ư?

Đáp: Đã biết như trên đã nói thì cứ dựa theo đó mà suy.

18) Hỏi: Phép quán đầu tiên là nhất tâm tưởng mặt trời, hay là phải ngầm trì danh hiệu?

Đáp: Quán và trì danh vốn là một chuyện, ông cho rằng khi quán thì chẳng thể trì danh, chẳng được trì danh hay sao?

19) Hỏi: Khi ngồi thì tu quán, những lúc khác thì trì danh, so với chuyên trì một thứ thì là hơn hay kém?

Đáp: Có cái tâm trầm tĩnh, kín đáo, thuần túy thì tu quán cũng tốt mà trì danh cũng hay. Nếu không, so ra trì danh ổn thỏa hơn, bởi tâm chí sôi động, hời hợt, vọng động mà tu quán thì sẽ bị nhiều ma sự.

20) Hỏi: Quán thấy cõi nước Cực Lạc thì đấy có phải là Tịnh độ thật sự hay là tướng giả hiện?

Đáp: Quán thấy Cực Lạc chính là do duy tâm biến hiện, bảo đó là giả thì trở thành gã đứng ngoài cửa mất rồi!

21) Hỏi: Quán thấy cõi Cực Lạc và được nghe pháp thì có phải là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông hay không?

Đáp: Đấy chính là do sức quán tạo nên. Nếu là thiên nhãn, thiên nhĩ thì không cần quán cũng vẫn thấy nghe được.

22) Hỏi: Có người nói thấy Phật chính là thấy vị Phật ở trong tâm chứ không phải là thấy vị Phật ở Tây Phương. Nếu đúng như vậy thì khi vãng sanh, vị Phật trong tâm có hiện ra hay không? Hay là A-di-đà Phật đến tiếp dẫn?

Đáp: Lâm chung thấy Phật chính là đức Phật do tự tâm cảm thành, chớ nên quy hết về tự tâm rồi nói rằng "không có chuyện Phật đến đón"!

23) Hỏi: Còn như khi tu phép quán thứ 13, lúc ấy có thể tùy ý vãng sanh hay không? Hay phải đợi đến khi lâm chung mới có thể vãng sanh?

Đáp: Nghiệp báo chưa tận, làm sao vãng sanh ngay được? Xưa kia cũng có người làm được như vậy, nhưng không thể áp dụng cho hết thảy mọi người được.

24) Hỏi: Quán đến khi thấy Phật nghe pháp rồi, mỗi ngày lại quán có cần phải bắt đầu quán từ phép quán đầu tiên hay không?

Đáp: Quán tưởng thì chỉ cần quán sao cho đắc lực, cần gì phải từ đầu đến đuôi, hằng ngày tập đi tập lại. Phật nói ra 16 phép quán thì những phép quán đầu nhằm khiến cho con người biết đến sự trang nghiêm của Cực Lạc, các phép quán về chín phẩm vãng sanh ở phần sau nhằm làm cho con người biết nhân quả của phép

được tu. Mỗi phép quán đã biết thì qua một phép quán Phật sẽ có thể quán trọn vẹn các phép quán kia.

25) Hỏi: Từ phép quán thứ 14 trở đi chính là quán các phẩm vãng sanh. Đã không có cảnh để hiện mà dạy quán, nghĩa là làm sao?

Đáp: Nghĩa này đã nói rồi, hãy xem những điều đã nói ở phần trên.

26) Hỏi: Những người vãng sanh trên đây dường như chẳng phải là những vị do tu quán mà vãng sanh, chẳng biết nên tưởng sự vãng sanh của người tu quán như thế nào?

Đáp: Phẩm vị của người vãng sanh muôn sai ngàn khác, trong kinh chỉ dùng chín phẩm để nói tóm gọn, sao ông biết những người vãng sanh trên đây chẳng do tu quán mà được vãng sanh? Phải biết: Căn tánh con người bất đồng, dẫu chỉ cùng là một pháp mà vẫn có cao thấp rất khác nhau, há nên câu nệ nơi pháp được tu ư? Ấy là do khả năng trong tâm địa của mỗi người, ông cho rằng các vị như Văn-thù, Phổ Hiền v.v. chẳng tu quán ư?

27) Hỏi: Nhớ số niệm Phật: hít vào niệm sáu câu, thở ra niệm bốn câu là như thế nào? Tâm đã nhớ số lại niệm Phật, rồi lại phải tưởng Phật nữa ư?

Đáp: Niệm Phật nhớ số là từ một đến ba, từ bốn đến sáu, từ bảy đến mười, sao lại hạn định trong hơi thở? Ông là kẻ học luyện đan vận khí nên mới thấy một hai chữ hơi tương tự, liền nói đó là công phu của họ. Cách niệm Phật nhớ số là vì kẻ vọng tâm khó chế ngự mà đặt ra. Niệm được như thế, ghi nhớ như thế, lắng nghe như thế, chắc chắn tâm sẽ dần dần điều phục. Ở đây có ai dạy ông thêm vào hai chữ "tưởng Phật" đâu? Ở đây là tùy tiện niệm, nào phải bận tâm thở ra hay hít vào? Nếu hít thở như thế lâu ngày sẽ bị tổn khí mắc bệnh, chẳng thể không biết điều này!

12. Pháp ngữ dạy nữ cư sĩ Chu Dư Chí Liên

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Bà đã ngoài 70 tuổi rồi, chẳng bao lâu nữa sẽ phải chết. Hiện thời phải nhanh chóng thu xếp hết thảy mọi việc cho tốt đẹp, trong tâm ngoại trừ niệm Phật ra, không để vướng mắc bất cứ chuyện gì khác thì khi lâm chung mới có thể không vướng mắc, không ngăn ngại. Nếu bây giờ cứ vẫn chuyện gì cũng không buông xuống được như thế, vẫn nhìn không thông suốt, khi lâm chung tất cả những tâm tham luyến y phục, đồ trang sức trên đầu, nhà cửa, con cháu sẽ đều hiện ra hết, như thế thì làm sao có thể vãng sanh Tây Phương cho được? Đã không thể vãng

sanh được thì bà một đời thủ tiết niệm Phật và làm đủ mọi chuyện hữu ích sẽ hoàn toàn trở thành phước báo!

Hiện thời bà vẫn chưa có trí tuệ, tuy thường tinh tấn niệm Phật, trong tâm vẫn chưa quyết định cầu sanh Tây Phương, đến đời sau trong lúc hưởng phước chắc chắn bị phước mê hoặc, sẽ tạo các ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, chắc chắn phải đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chịu khổ! Nỗi khổ lớn lao ấy đều là do đời này niệm Phật chẳng biết quyết định cầu sanh Tây Phương chiêu cảm. Quang thương xót bà, sợ bà mai sau có thể lâm vào tình huống ấy cho nên lập sẵn cách cho bà. Nếu bà chịu nghe theo lời tôi thì sẽ chẳng do phước mà mắc họa.

Hiện thời tuy bà rất mạnh khỏe nhưng phải nghĩ mình sắp chết. Bây giờ cần mặc những thứ quần áo nào thì giữ lại để mặc, phàm những thứ y phục quý trọng như lượt, là, áo da v.v. đều chia cho cháu, cho dâu. Những thứ cài đầu, xuyến đeo tay, hoa tai, vàng, bạc, phỉ thúy[570] v.v. đều dùng để cứu giúp dân chúng bị tai nạn. Dùng công đức ấy để hồi hướng vãng sanh. Nếu trong tâm thấy biết nhỏ nhoi, chẳng thể đem cứu vớt tai nạn thì cũng nên chia cho con gái, cháu dâu, cháu gái v.v.. Bên thân mình quyết chẳng được giữ lại những thứ khiến cho con người dấy lòng tham luyến ấy. Tất cả những khoản tiền dành dụm để phòng khi dưỡng già cũng nên giao hết cho con cháu, dù là khế ước, sổ sách ruộng đất v.v. đi nữa cũng nên giao hết sạch cho người khác. Trong tâm bà trừ chuyện niệm Phật, chẳng để cho có một chút ý niệm nào khác! Ngay cả cái thân của bà cũng chẳng tính toán sẵn sau khi chết đi sẽ nên an bài ra sao. Ngay cả với cháu chắt cũng đều nên coi như người không quen biết, mặc kệ chúng nó hay dở ra sao, ta chỉ quan tâm niệm đức Phật của ta, nhất tâm mong chờ đức Phật đến tiếp dẫn ta vãng sanh Tây Phương.

Bà làm theo đúng như lời tôi nói, hết thảy mọi sự đều buông xuống hết, đến lúc lâm chung tự nhiên cảm được Phật đích thân rủ lòng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu vẫn cứ tham luyến hết thảy những vật tốt đẹp, tiền bạc, ruộng đất, nhà cửa, đồ cài đầu, quần áo và con cái, cháu chắt v.v. y như cũ thì vàn muôn phần chẳng thể vãng sanh Tây Phương được. Đã không sanh về Tây Phương được thì đời sau chắc chắn có si phước để hưởng, do hưởng phước sẽ tạo nghiệp, chắc chắn khi một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa lạc trong tam đồ vì ác nghiệp ngăn lấp vậy. Tâm thức chẳng rõ, dẫu có một vị Phật sống đến cứu bà

[570] Phỉ thúy (jadeite) là một loại ngọc quý, còn được gọi bằng những danh xưng ngọc thúy, ngọc ngạnh, ngọc Miến Điện, màu xanh lục đậm hơi biếc giống như màu lông chim phỉ thúy (chim bói cá, chim trả) nên mới có tên như vậy. Ở Trung Hoa không có loại ngọc này, phải nhập từ Miến Điện về nên rất quý và mắc tiền.

cũng chẳng cứu được, há chẳng đáng thương đáng xót lắm ư? Xin bà hãy tin lời tôi nói thì thật là may mắn không chi hơn được!

13. Pháp ngữ khai thị cho cư sĩ Phùng Hữu Thư lúc lâm chung

Bệnh ông đã nặng, chỉ nên nhất tâm niệm Phật cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu tâm ấy chân thành, ắt sẽ được mãn nguyện. Còn đối với tất cả tội nghiệp, chớ nên lấy đó làm điều lo lắng. Vì nếu có thể cực lực chí tâm cầu sanh Tây Phương thì sẽ có thể cậy vào từ lực của đức Phật để mang nghiệp vãng sanh. Ví như tảng đá to bỏ lên thuyền liền có thể từ bờ biển này sang được bờ kia. Cần biết rằng: Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức lực chẳng thể nghĩ bàn. Ba thứ chẳng thể nghĩ bàn ấy nếu không có cái tâm chí thành tín nguyện niệm Phật sẽ không có cách gì hiển hiện được. Có lòng chí thành cầu sanh Tây Phương thì ba thứ thần lực oai đức lớn lao chẳng thể nghĩ bàn ấy sẽ liền được hiển hiện. Như ngồi trên chiếc tàu thủy lớn lại được xuôi gió, chẳng lìa ý niệm trong hiện tại đây mà liền sanh về Tây Phương. Ông chỉ nên tin tưởng sâu xa lời tôi, tự nhiên ông sẽ được mãn nguyện. Nay tôi đặt pháp danh cho ông là Huệ Thoát, nghĩa là dùng trí tuệ, tín nguyện niệm Phật liền được vãng sanh Tây Phương, thoát ly sanh tử vậy.

14. Lời thông cáo nhún nhường của hội Phật giáo huyện Ngô tỉnh Giang Tô dành cho tăng chúng các tự viện

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Đức Đại Giác Thế Tôn nương theo bi nguyện thị hiện giáng sanh, vốn thuận theo tâm con người mà lập giáo để kẻ mê nhận lầm hình bóng cái đầu sẽ đích thân thấy được bản lai diện mục, kẻ ôm của báu mà chịu cùng quẫn sẽ mau chóng có được của cải trân bảo sẵn có trong nhà. Vì thế tam thừa chóng chứng Bồ-đề, lục phàm cùng lên bờ giác. Đấy chính là nguyên do khiến đạo này được truyền rộng rãi khắp trên trời dưới đất, giáo pháp lan truyền khắp cõi tam thiên đại thiên. Ấy là vì Phật pháp là tâm pháp. Tâm pháp ấy chúng sanh và Phật đều cùng có, phàm thánh giống hệt như nhau, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Phật do ngộ chứng rốt ráo nên phước lẫn tuệ đều cùng trọn đủ, phiền hoặc vĩnh viễn mất, hưởng pháp lạc chân thường, thí đại giáo tùy thuận căn cơ. Chúng sanh do triệt để mê trái nên phiền hoặc vĩnh viễn hừng hực, luân hồi chẳng ngơi, như chạm phải của báu trong nhà tối, đâm ra lại bị tổn thương. Các giáo trong thế gian đều là nói quyền biến, chỉ có mình Phật giáo khế lý lẫn khế cơ. Vì thế, từ đời Hán đến nay, khi giáo pháp được truyền sang Đông Độ, bao đời đều khâm kính, cả cõi đời thảy tôn sùng.

Nếu Phật pháp không tỏ rõ nhân để chỉ quả khiến cho người đời giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận hòng giúp cho đạo cai trị, hiểu tâm thấu gốc khiến cho người học đoạn hoặc chứng chân để dự vào dòng thánh thì làm sao có thể kéo dài đến tận ngày nay mà mối đạo vẫn chẳng bị suy sụp cho được? Huống chi từng bị ba vua Vũ[571] bạo ngược, bọn Nho sĩ câu nệ như Hàn Dũ, Âu Dương Tu và lũ Trình - Chu trong lòng sùng phụng, bề ngoài chống trái bài xích mà vẫn được chấn hưng, tiếp tục tồn tại trong cõi đời, là do được hàng vua quan có thế lực lớn lao hộ vệ, do bậc đại đức cao tăng hoằng dương. Cuối đời Thanh, phong hóa cõi đời ngày một đi xuống, nước nhà không rảnh rỗi để đề xướng, tăng chúng phần nhiều biếng nhác tu trì, đến nỗi kẻ không có chánh tri kiến ai nấy đều ôm giữ ý niệm "đuổi tăng, chiếm đoạt tài sản". Nhưng do cõi đời ngày càng loạn đến cùng cực, những người có lòng liền đua nhau dấy lên học Phật, cho nên cõi đời vẫn chưa đến nỗi bị khốn khổ ách nạn lớn lao.

Những người cùng sắc áo với tôi hãy thường nghĩ "ta là đệ tử Phật phải nên hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, giáo hóa chúng sanh để làm cầu bến cho cõi đời, báo ân đức của Phật". Nếu chính mình vẫn chẳng tự gắng sức thì hóa ra đã tạo căn cứ cho những kẻ đuổi tăng chiếm đoạt tài sản [biện minh cho hành động của chúng], bị kẻ tại gia chuyên ròng tu hành coi thường, há chẳng phải là tự mình chuốc lấy nỗi lo hay sao? Con người ai mà không mong được người khác tung hô, nếu chẳng gắng sức tu trì thì chính là tự chuốc lấy sự chán ghét. Phật pháp chẳng thể bị bại hoại bởi thiên ma, ngoại đạo, mà chỉ bị bại hoại bởi tăng sĩ chẳng tuân phụng giáo pháp, giới luật của đức Phật, ví như trùng trên thân sư tử tự ăn thịt sư tử. Chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh, con người ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng có thể thành Phật, điều đáng quý là tự gắng sức vậy!

Cuối đời Minh, đại sư Ngẫu Ích là con nhà họ Chung ở Mộc Độc, thiên tư thông minh, mẫn tiệp, lúc nhỏ theo mẹ ăn chay lễ tụng, lên 7 tuổi đi học, coi thánh học (Nho học) là trách nhiệm của chính mình, thề diệt Thích - Lão, bắt đầu ăn mặn, uống rượu, viết mấy chục bài luận báng Phật. Năm 17 tuổi đọc bài tựa cho cuốn Tự Tri Lục của đại sư Liên Trì và Trúc Song Tùy Bút bèn chẳng báng Phật. Sau đấy bèn cực lực nghiên cứu, năm 24 tuổi bèn xuất gia, triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, một đời trước thuật mấy chục tác phẩm đều là những thứ xưa nay hiếm thấy.

[571] Tức Thái Võ Đế nhà Bắc Ngụy, Vũ Đế đời Bắc Chu, Vũ Tông đời Đường. Ba ông vua này nghe lời bọn đạo sĩ sàm tấu, toan phá hủy sạch mọi chùa chiền, hủy diệt Phật giáo.

Hiện thời có ông Đặng Trịnh Khôn ở Tứ Xuyên là sinh viên tốt nghiệp trường Pháp Luật Chánh Trị hết sức cuồng ngạo, chống đối. Đầu thời Dân Quốc, ông ta chuyên môn hủy hoại Phật giáo, bất luận miếu thờ thần hay chùa thờ Phật đều suất lãnh đồ đảng phá hủy. Sau đấy chợt biết là sai, tận lực cải hối, đến Phổ Đà xin quy y, ở Cư sĩ lâm Thượng Hải tám năm, tinh tấn tu trì. Năm trước, chiến tranh nổ ra tại đất Hỗ (Thượng Hải), ông ta ở trong Cư sĩ lâm chẳng kinh sợ, chẳng dời động, trước - sau - trái - phải Cư sĩ lâm đều biến thành vùng đất tan hoang, bom đạn lớn nhỏ rớt vào trong Lâm nhưng chẳng nổ một trái nào. Đủ thấy con người sửa lỗi hướng thiện, Phật Bồ-tát liền ban thưởng trọng hậu, che chở cho. Dẫu chúng ta chẳng được như ngài Ngẫu Ích, há cũng chẳng bằng được ông Trịnh Khôn ư? Trịnh Khôn là người mang tội ác cực lớn lao còn được cảm ứng như thế, chúng ta há nên lần khân cho qua ngày, chẳng thêm gắng sức, giống như lên núi báu mà trở về tay không ư?

Gần đây chánh phủ thường ra lệnh rõ ràng cho tổng hội Phật giáo Trung Quốc, buộc hội phải nhắc nhở răn đe tăng-già ai nấy tận lực giữ thanh quy. Phải biết rằng, tăng-già là bậc thầy khuôn mẫu cho trời người, chánh phủ ban lệnh đốc thúc tức là tăng-già đã mất thể thống. Nếu vẫn cứ như đang nằm mộng thì sợ rằng sau này khó tránh được nạn tăng sĩ bị xua đuổi, tài sản bị chiếm đoạt! Hiện thời hội Phật giáo của huyện nhà đã được thành lập, mọi người đều nên nhất trí tiến hành duy trì đại cuộc cho Phật giáo, chớ nên chỉ mong tu tập cho riêng mình. Nếu hội Phật giáo không có cách gì để duy trì thì muốn tự tu tập cũng chẳng thể tu tập được đâu. Vì thế, ai nấy đều phải nghiêm túc tu trì, tự tôn trọng lấy mình. Hiện thời cư sĩ tại gia ai nấy đều chuyên chú tu tập tinh ròng và nghiên cứu, nỡ nào đường đường là một bậc tỳ-kheo lại đâm ra thua kém hàng cư sĩ ư? Người có hào khí hãy nên phát khởi mạnh mẽ, cũng như ai nấy đều nên góp phần tài lực để hỗ trợ cho công việc của hội. Công việc của hội có liên quan đến sự an nguy của chính mình, ví như hai tay hai chân sử dụng lẫn cho nhau, thứ này chẳng giúp đỡ thứ kia sẽ khó thể sống được. Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, đang đợi chết, sống uổng phí cả một đời, hổ thẹn sám hối còn chẳng kịp, sao dám khoe xấu trước mặt những vị thiện tri thức các chùa. Do chủ tịch là hòa thượng Đạo Hằng thấy Quang già cả, nói ra chắc người ta sẽ nghe theo, bèn cậy tôi soạn lời tuyên cáo. Tuy biết mình thiếu đạo đức để khiến người khác cảm phục, nhưng một phen giãi lòng thành tính toán lo liệu cho pháp môn ắt sẽ có người đồng ý. Do vậy, đem tình hình Phật giáo đã trải qua và tình hình trong thời gần đây trình bày đại lược. Phàm những vị cùng một sắc áo với tôi, ai nấy hãy mạnh mẽ phát khởi đại tâm để mong trên là tiếp nối huệ mạng của Phật của tổ, dưới làm phước điền cho chúng sanh, ngõ hầu Phật pháp được hưng thịnh trở lại

trong buổi nguy ngập suy vong, nhân dân đều được hưởng lợi ích pháp hóa thì may mắn chi hơn?

15. Đôi lời đề tựa cho cuốn kinh A-di-đà của nữ sĩ Vương Tông Ý

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng lấy lòng thành làm gốc, những người tu hành càng phải nên chí thành. Hễ có lòng thành thì nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Phàm lúc tụng kinh ắt phải dứt bặt lo nghĩ, vọng duyên, nhất tâm tịnh niệm như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám manh nha chút niệm lười nhác, coi thường! Lâu ngày chầy tháng sẽ tự ngầm thông trí Phật, thầm hợp đạo mầu. Ví như ánh nắng xuân vừa chiếu đến, băng cứng tự tiêu tan. Lòng thành đến mức cùng cực sẽ hoát nhiên thông suốt. Đấy chính là cách hay nhất để xem kinh, niệm Phật. Bà có thể suốt đời hành theo cách này thì lợi ích sẽ chẳng thể nào diễn tả được, Tông Ý hãy ghi nhớ nhé!

16. Lời răn dạy khích lệ các học trò ghi sau cuốn Quy Ước của cô nhi viện Phật giáo chùa Pháp Vân

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Chuyện trong thiên hạ đều lấy lòng thành làm căn bản, lòng thành đến mức cùng cực thì sắt đá cũng phải cảm động. Thành tích, hiệu quả thật sự đều cậy vào lòng thành. Cô nhi viện từ thuở được đề xướng, thành lập đến nay, các vị quản trị đều thật lòng cứu người nghèo, giúp đỡ trẻ mồ côi, cạn hết tinh lực để lo toan khiến cho cô nhi nghèo khổ đều thành tựu chánh khí, thành gia lập nghiệp, vận dụng phong thái đại đồng bác ái rộng lớn hòng cứu vãn thế đạo nhân tâm đang trong lúc ai nấy đối xử với nhau bằng thái độ khinh dễ, tranh chấp mới thôi. Các vị quản trị đều có tấm lòng thành ấy, vì thế cảm được viện trưởng Lưu chẳng quản già yếu, đích thân lo liệu việc trong viện, mỗi một việc dù to lớn hay nhỏ nhặt đều lo liệu thích nghi. Do vậy các vị giáo viên đều cùng hết lòng dạy dỗ.

Các trò trong viện được ăn no mặc ấm, sống yên nơi đây, ắt phải chú trọng dấy lòng cảm kích, nỗ lực học chữ học nghề, ngõ hầu khỏi phụ một phen hết lòng của viện trưởng, giáo viên, quản trị và những vị thiện sĩ đã giúp đỡ tiền bạc. Nếu có được cái tâm ấy thì gốc đã lập, đạo sẽ sanh, sau này thành gia lập nghiệp, phẩm cao hạnh trỗi, được xã hội khâm phục ngưỡng mộ sẽ là điều có thể đoán trước được. Nhưng muốn mai sau được thành tựu thì phải lập chí hành sự từ ngay bây giờ, cần phải trung hậu, siêng năng, cẩn thận, khiêm cung, hòa thuận, tâm và miệng như một, những gì biểu lộ ra ngoài và những gì ẩn kín trong lòng chẳng

hai, thường giữ lòng hổ thẹn, đừng tự kiêu căng, sáng tối chí thành niệm Phật để mong tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, chuyện gì cũng lấy lòng thành làm gốc, niệm niệm thường tự soi xét tự tâm thì sự thành tựu của các trò đều chẳng thể lường được. Vì sao vậy? Do có căn bản vậy! Nếu hiện tại chẳng dấy lòng thành cảm kích, hổ thẹn, sốt sắng, dũng mãnh siêng học, chỉ mong cho xong việc sao cho qua ngày đoạn tháng thì hóa ra đã cô phụ tấm lòng thiết tha của viện trưởng và các vị ân nhân. Do không có lòng thành nên dẫu chẳng bị tổn phước giảm thọ, chết yểu, thì cũng là thây đi thịt chạy, là hạng người cả cõi đời đều chán ghét, vứt bỏ. Các trò phải biết tốt xấu, ai nấy gắng sức lên thì may mắn lắm thay!

17. Khuyên khắp mọi người kính tiếc giấy có chữ và tôn kính kinh sách

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Con người sống trong thế gian được thành tài đạt đức, dựng công lập nghiệp, cho đến có được một tài một nghề để nuôi bản thân lẫn gia đình đều nhờ vào sức chủ trì của văn tự. Chữ là thứ quý báu nhất trong thế gian, có thể khiến cho kẻ phàm trở thành thánh, kẻ ngu thành trí, kẻ bần tiện trở thành phú quý, kẻ tật bệnh trở thành mạnh khỏe, đạo mạch thánh hiền được lưu truyền muôn đời, lo toan cho bản thân gia đình, truyền lại cho con cháu, không gì chẳng cậy vào sức văn tự. Nếu cõi đời không có chữ thì hết thảy mọi sự lý đều chẳng thành lập được, con người khác gì cầm thú đâu! Đã có công sức như thế, cố nhiên phải nên trân trọng, mến tiếc.

Trộm thấy người thời nay mặc tình khinh nhờn, làm nhơ bẩn, đúng là coi vật quý báu nhất hệt như phân đất vậy, há chẳng khỏi đời này tổn phước giảm thọ, đời sau vô tri vô thức ư?

Hơn nữa, không chỉ chẳng nên khinh nhờn, làm dơ, vứt bỏ chữ hữu hình mà đối với chữ vô hình lại càng chẳng nên khinh nhờn, làm bẩn, vứt bỏ! Nếu chẳng tận lực thực hiện "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" tức là đã quên mất tám chữ vậy. Đã quên tám chữ ấy thì sống là loài cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa trong tam đồ ác đạo, chẳng đáng buồn ư?

Chữ là thứ quý báu nhất trong thế gian; vàng, bạc, châu ngọc, tước vị chẳng thể sánh bằng, vì vàng, bạc, châu ngọc, tước vị đều do chữ mà có. Nếu thế gian không có chữ thì vàng, bạc, châu ngọc, tước vị cũng không có cách gì để đạt được cả! Ân đức của chữ nói chẳng thể tận.

Kính tiếc chữ viết phước báo rất lớn. Cha của ông Vương Văn Chánh đời Tống hết sức kính tiếc giấy có chữ, về sau mộng thấy Khổng phu tử dùng tay xoa lưng bảo: "Ông dốc lòng tiếc chữ của ta như thế nên ta sẽ sai Tăng Sâm sanh vào

nhà ông hòng làm rạng rỡ môn hộ.” Do vậy, về sau sanh con bèn đặt tên là Vương Tăng[572], đỗ đầu liên tiếp ba kỳ thi, được phong làm Tể tướng, khi mất được đặt thụy hiệu là Văn Chánh Công, tước phong Nghi Quốc Công. Hậu duệ đỗ đạt liên miên, con cháu hiền thiện đều do đời trước kính trọng sách vở và giấy có viết chữ mà ra.

Gần đây gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, chẳng những kẻ bình dân chẳng biết kính tiếc sách vở, giấy có chữ, ngay cả Nho sĩ đọc sách cũng chẳng cung kính sách vở và giấy có chữ, hoặc bỏ sách trên sập ngồi, hoặc dùng sách để gối đầu, hoặc giận dữ bèn quăng sách xuống đất, hoặc đi tiêu tiểu vẫn xem thi thư. Chẳng những đại tiểu tiện xong nhất loạt chẳng rửa tay, mà ngay cả đêm nằm ngủ với vợ, sáng dậy đọc sách cũng chẳng rửa tay. Thường dùng giấy có chữ viết để lau chùi đồ đạc, rồi vẫn giả vờ giữ tiếng là kính trọng giấy có chữ bèn đốt [những mảnh giấy đã dùng để lau chùi đồ đạc ấy]. Vì thế khiến cho những kẻ bình dân không có gì để học theo, nên trong thùng rác, trong nhà tiêu, đầu đường cuối ngõ, không đâu chẳng là giấy có chữ la liệt khắp đất. Người đi tàu, ngồi xe thường dùng giấy báo để lót chỗ ngồi, phụ nữ đi ra ngoài đều dùng giấy báo để bọc giày, vớ. Đủ mọi nỗi khinh nhờn chẳng thể nêu trọn.

Vì thế, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống đều là vì khinh nhờn vật quý báu nhất trong trời đất mà ra. Chẳng biết trong những tờ giấy có chữ ấy đều có những chữ “thiên, địa, nhật, nguyệt”, có những câu văn trích từ kinh sách của thánh hiền. Coi vật trân bảo tôn quý tột bậc ấy như phân, như đất, há lẽ nào chẳng giảm phước tổn thọ, hiện tại gánh lấy tai ương, gây nên quả báo con cháu ngu hèn ư?

Bài văn ở phía trên của thầy ta đã bao quát những nét chánh yếu, nhưng tôi vẫn sợ “nêu ra một điều chưa chắc người đọc đã suy nghĩ đến ba”, cho nên tôi lại chọn lựa những điều con người dễ coi thường để nhắc thêm, ngõ hầu người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm sẽ xoay vần khuyên chỉ, để ai nấy đều cùng mến tiếc giấy có chữ viết, vậy thì sẽ giàu, thọ, mạnh khỏe, bình yên, thân hiện tại được

[572] Vương Tăng (997-1038), tự Hiếu Tiên, người xứ Thanh Châu, đỗ trạng nguyên trong niên hiệu Hàm Bình đời Tống Chân Tông. Khi khảo quan Dương Ức chấm bài thi Đình của Vương Tăng đã kinh ngạc thốt lên: “Đúng là văn chương của một nhân tài phù tá triều chánh!” Ông nổi tiếng là người cương trực, dám can gián thẳng thừng không e ngại nên rất được Tống Chân Tông và Tể tướng Khấu Chuẩn coi trọng. Đến thời Tống Nhân Tông, ông làm Thừa tướng, ra sức cải tổ triều chánh, cực lực thẳng tay gạt bỏ những kẻ do chạy vạy hay nhờ quyền thế mà được nắm giữ những chức vụ to tát. Khi ông mất, Tống Nhân Tông rất thương tiếc và đích thân đề bốn chữ “Tinh Hiền chi bi” (bia của bậc hiền nhân tinh ròng) trên bia mộ, đổi tên làng quê của ông thành làng Tập Hiền.

hưởng năm điều phước như Cơ Tử đã luận, thông minh sáng suốt, hậu duệ sẽ nhận lãnh trăm điều tốt lành như trong bài giáo huấn của Y Doãn *(Trần Tiên Thiện viết)*

18. Luận về tên gọi của Tam Dư Đức đường

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Ông Ninh Đức Tấn xin khai thị về tên gọi *Tam Dư đường* của chính mình, mong sao đối với pháp thế gian liền hiểu thông suốt Phật pháp, ngõ hầu con cháu đời sau ai nấy đều vâng giữ đạo "trọn vẹn luân thường, tu tâm" hòng làm chuyện lợi mình lợi người. Tôi nói: Hai chữ Tam Dư[573] bất quá để khuyên răn siêng năng, tận lực học hành, đừng bỏ phí thời gian, một khắc ngàn vàng, hễ đã mất không cách nào tìm lại được. Hãy nên thêm vào một chữ Đức thì ý nghĩa sẽ sâu xa hơn.

Dư là như câu "tích thiện dư khánh, tích bất thiện dư ương" trong kinh Dịch, mang ý nghĩa dài lâu chẳng ngơi, lưu truyền mãi mãi chẳng hư nát vậy. Không một pháp thế gian nào thường còn mãi, chỉ riêng có người lập đức, lập công, lập ngôn thì mới có thể vĩnh viễn truyền lại cho đời sau và thường còn lâu dài; nhưng tạo lập được đức nghiệp ấy, nói dễ dàng sao? Nay dạy cho ông cách thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, dẫu chẳng có bản lãnh tạo dựng ấy nhưng lợi ích sẽ lớn lao hơn nhiều.

Ấy chính là dốc lòng tu "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, mến tiếc sanh mạng loài vật, rộng hành phương tiện, tạo lợi ích cho hết thảy, thật sự vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, quyết định cầu sanh thế giới Cực Lạc". Dùng điều này để tự hành, lại còn dùng đó để dạy người. Phàm trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là làng nước, xóm giềng, thân thích, bạn bè, đều lấy chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận và niệm Phật cầu vãng sanh để khuyên lơn sao cho bọn họ đều cùng trong đời này vượt trỗi, dự vào bậc thánh hiền, đến khi lâm chung cao đăng cõi Cực Lạc.

---

[573] Tam Dư vốn là một điển cố xuất phát từ câu nói của Đổng Ngộ thời Tam Quốc diễn tả chuyện khéo dùng thời gian dư thừa để học hành, tức *"Đông giả, tuế chi dư; dạ giả, nhật chi dư; âm vũ giả, tình chi dư dã"* (Mùa đông là thời gian thừa của một năm; ban đêm là thời gian thừa của một ngày. Lúc mưa dầm tối tăm là thời gian thừa của lúc quang tạnh). Ông Ninh Đức Tấn dùng chữ Tam Dư đặt tên cho nhà học để khích lệ con cháu quý tiếc thời gian, chăm chỉ học hành, nhưng tổ Ấn Quang đã thêm vào chữ Đức với ý nghĩa khuyên răn con cháu ông Ninh không chỉ lo học hành mà còn vun bồi điều lành để hòng đạt được ba đức của Phật tánh là pháp thân, giải thoát và bát-nhã.

Luận về phương diện sự nghiệp, thành tích thì những người kia (tức những người lập đức, lập công, lập ngôn) to lớn hơn những người này nhiều lắm, nhưng luận về lợi ích thì những người này trội hơn những người kia thật sâu. Ấy là vì một đằng thì chuyên chú vào pháp thế gian, một đằng còn chú trọng thêm nơi pháp xuất thế. Một đằng chỉ hữu ích cho sắc thân, một đằng thì kèm thêm lợi ích cho huệ mạng nữa. Đấy chính là ba dư đức cho pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian. Đến khi vãng sanh Tây Phương thấy Phật nghe pháp, ngộ Vô sanh nhẫn thì tam đức bí tạng pháp thân, bát-nhã, giải thoát sẽ từ phần chứng mà đạt đến chỗ viên chứng rốt ráo, thì mới là rốt ráo ba dư đức vậy! Ba đức ấy theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, hằng cổ hằng kim, chẳng dời chẳng biến, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng, nhưng do mê chưa ngộ nên chẳng thể thụ dụng được.

"Pháp thân đức" chính là bản tánh bất sanh bất diệt của chúng ta, "bát-nhã đức" chính là chánh trí lìa niệm thường hiểu biết của chúng ta, "giải thoát đức" chính là tịnh hạnh trong sạch không tỳ vết của chúng ta. Ba đức ấy chẳng tách rời nhau, ước trên mặt nghĩa lý thì chia thành ba, chứ thật ra thì một còn chẳng lập, huống là có ba! Vì thế gọi là "ba dư đức rốt ráo". Nếu không gieo thiện căn trong đời trước, dẫu hết kiếp cũng chẳng nghe được nghĩa này. Dùng ngay những pháp thế gian như luân thường, hiếu, đễ v.v. để tu Phật pháp, dùng ngay pháp xuất thế liễu sanh tử để hướng dẫn những pháp luân thường, hiếu đễ v.v., khác nào dựng tháp trên đỉnh núi và đào giếng nơi đất thấp, tuy cùng đạt được những cái giống nhau, nhưng dụng công có hình tướng khó dễ khác biệt vô cùng. Nếu có thể y theo đó để tu thì lợi ích lớn lao thay!

19. Luận về cái tên Tông Đạo

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Đứa con chưa sanh ra có pháp danh là Tông Đạo, cái tên ấy dùng để xưng hô suốt cả một đời, chẳng cần phải đặt ra nhũ danh, quan danh, tự và hiệu[574]. Vì sao vậy? Muốn cho nó thấy cái tên mà nghĩ đến ý nghĩa để tự giữ bản thân cho tốt lành lại còn nêu gương cho hết thảy nữa. Tông là gốc, là chủ; đạo là cái tánh bọn ta đều cùng sẵn có và là pháp phải nên trọn hết, phải nên hành vậy. Tánh tức là Phật tánh, do mê chưa ngộ bèn thành chúng sanh. Nay lấy tánh ấy làm tông tức

[574] Nhũ danh là tên thật được đặt khi còn nhỏ. Khi đến tuổi trưởng thành, lúc làm lễ nhược quan (đội mũ) cha mẹ hoặc người bề trên đặt cho một cái tên khác nhằm gởi gắm kỳ vọng hoặc cầu chúc, tên ấy được gọi là quan danh. Khi đi học thường chọn thêm một cái tên nữa gọi là tự (nhằm biểu lộ chí hướng). Hiệu là tên dùng khi trước tác, hoặc tự xưng nhằm tự trào hoặc bày tỏ chí hướng.

là giành được quyền làm chủ, tất cả những vọng niệm tham sân si sẽ chẳng tới mức tự buông lung, ào ạt đến nỗi lấn chủ gây họa. Những pháp "phải nên trọn vẹn hết, phải nên hành" chính là "cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành". Tám điều ấy tuy thuộc vào tám đối tượng, nhưng thật ra không một ai chẳng đều trọn đủ tám vai trò ấy. Hễ đã có chức trách thì phải tận hết bổn phận, ắt sẽ chẳng phải lo gia đình không yên vui, con cái không được dạy dỗ. Lại cần phải "ngăn giận, chặn dục, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện", vậy sẽ làm gương cho làng xóm, khiến cho ai nấy đều dõi theo nhau, bắt chước nhau mà làm lành. Lại còn phải chí thành niệm Phật cầu sanh Tây Phương, tự hành dạy người cùng sanh về Tịnh độ, đích thân chứng được Phật tánh vốn có thì cái tên Tông Đạo mới có thực chất. Xin hãy thường dùng những điều này để dạy bảo nó.

20. Sớ quyên mộ nạo vét ao hoa sen chùa Phổ Tế núi Phổ Đà

(Năm Dân Quốc 20 - 1931, viết thay)

Phổ Đà danh sơn chính là cuộc đất thù thắng thị hiện dấu tích của Đại sĩ, Phổ Tế Thiền Tự quả thật là đạo tràng cầu phước cho quốc dân. Do vậy các triều đại khâm kính, cả cõi đời tôn sùng. Phật điện, lầu kinh chót vót tận trời thẳm, lời văn của hoàng đế, bia ngự huy hoàng trong chốn biển Đông. Thiện tín vì gội ân toan báo đức mà chẳng sợ trèo núi vượt biển nhọc nhằn, những bậc mong thành chánh giác, mong chứng chân trong ngoài nước ai nấy đều muốn giãi bày tấm lòng kiệt thành tận kính. Nhưng do điện vũ rộng lớn, mà tài sản nhà chùa đạm bạc, hằng năm cần phải chi tiêu rất nhiều, lương thực cho tăng chúng tốn kém rất lớn, chỉ chuyên lo đối phó với chuyện ấy, nên chưa rảnh rang để lo đến ao sen. Ao chính giữa sen còn mọc đầy, nhưng bùn sâu nước cạn, cũng khó thể là kế lâu dài được! Ao ở phía Tây đã từng là vườn rau, rồi lại đào thành ao. Ao ở phía Đông lớn nhất, ước chừng mười mẫu, bùn lầy tràn ngập, khác nào chằm cỏ.

Bất Huệ thay mặt vị trụ trì, thẹn thiếu tài đức, trộm nghĩ tiền nhân đào ao đâu phải chỉ nhằm mục đích mỹ quan, mà chính là vì muốn biểu thị cảnh tượng Tây Phương ngõ hầu những người tạm đến đây hoặc thường trụ khi đi kinh hành bên bờ ao hoa sen, thần thức sẽ dạo chơi Cực Lạc. Nếu có thể tịnh niệm tiếp nối, chắc chắn lâm chung sẽ vãng sanh. Quả thật là duyên trợ đạo thù thắng, thực sự là nhiệm vụ cấp bách để hoằng pháp, tính cho khơi vét cả hai ao chánh giữa và ao phía Đông, dùng đá be bờ ao phía Đông, phía trên xây lan can bằng xi-măng để bảo vệ và tạo vẻ mỹ quan. Như vậy thì cái ao vuông mười mẫu mênh mông như tấm gương, có được nguồn nước lưu chuyển sẽ soi bóng mây và ánh sáng mặt

trời khiến cho bậc thượng sĩ Nam tham, bậc cao nhân Đông thỉnh[575] kinh hành trên những tầng cấp ở bốn phía sẽ khế ngộ "nhất niệm tịnh tâm". Mối quan hệ ấy há nông cạn, nhỏ nhoi ư? Nhưng bát rỗng tuếch như chiếc khánh treo cậy tay người đẽo gọt, khẩn cầu các vị đại hộ pháp cùng phát thâm tâm thành tựu sự tốt đẹp, ai nấy quyên ra của báu tốt đẹp vô tận để do tài thí mà thành pháp thí, chỉ làm một chuyện mà được lợi ích đôi bề, công đức ấy há thể diễn tả được ư?

21. Sớ thuật bày duyên khởi trùng hưng chùa Thọ Lượng tại Cám Châu (tỉnh Giang Tây)

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Thật tế lý địa trải trần kiếp chẳng biến chẳng dời, nhưng trên phương diện Phật sự thì theo nhân duyên mà có hưng vượng hay suy bại. Tuy "bỉ cực thái lai" vốn thuộc vận trời, nhưng sửa cũ dựng mới quả thật phải nhờ vào con người thực hiện. Xưa kia khi đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn đã đem pháp đạo phó chúc cho quốc vương đại thần, dạy họ hộ trì lưu thông. Ấy vì ngài đã thấy trước đời sau pháp yếu ma mạnh, nếu không cậy vào hạng vĩ nhân có quyền lực bảo vệ bình yên, ngăn chặn kẻ khinh lấn, thì tròng mắt của trời người, huệ mạng của Như Lai chắc sẽ gần như bị diệt mất.

Chùa Thọ Lượng là một đạo tràng cổ đã lâu 1.500 năm của Cám Châu. Nhằm thời Tiêu Lương[576], Phòng ngự sứ[577] là Lô Quang Đảo vì sư Đạo Thành mà dựng chùa này. Thoạt đầu đặt tên là Lô Hưng Diên Thọ, rồi đổi thành Thánh Thọ, đến niên hiệu Tường Phù đời Tống, vua Chân Tông đặc biệt sắc tứ cho chùa cái tên hiện thời. Trong những đời Nguyên, Minh, Thanh, đời nào cũng hưng vượng, đến thời Quang Tự nhà Thanh đột nhiên bị suy vi. Năm Dân Quốc thứ 4 (1915), lại bị lụt lớn, đến nỗi ngôi chùa Phật trang nghiêm trọn thành gò hoang, chỉ có mình tượng Quán Âm cao một trượng sáu đúc bằng sắt là còn nguyên vẹn không bị hư hại. Những vị thân sĩ trong vùng thỉnh hòa thượng Đại Xuân chùa Quang Hiếu

[575] "Nam tham" xuất phát từ câu chuyện Thiện Tài đồng tử đi về phương Nam tham học với các vị thiện tri thức trong phẩm Nhập Pháp Giới kinh Hoa Nghiêm. "Đông thỉnh" là từ ngữ chỉ các vị cao tăng từ Thiên Trúc, Quy Tư v.v. tận trời Tây nhận lời thỉnh của vua chúa Trung Hoa, chống tích trượng sang phương Đông hoằng pháp.

[576] Tiêu Lương tức là Nam Lương (502-557), tức một triều đại vào thời Nam Bắc Triều ở Trung Hoa, được sáng lập bởi Tiêu Diễn (Lương Cao Tổ Vũ Đế) sau khi diệt nhà Nam Tề, xưng đế đóng đô tại Kiến Khang (nay là Nam Kinh). Do vậy, sử thường gọi triều đại này là nhà Tiêu Lương để phân biệt với những triều Lương khác.

[577] Phòng ngự sứ là một chức quan võ được lập ra từ thời Đường nhằm trông coi việc binh tại những huyện trấn trọng yếu. Qua những đời quyền hạn của chức quan này bị giảm dần, chỉ nhằm trông coi việc huấn luyện và phòng thủ địa phương, chứ không có toàn quyền về binh bị như những đời trước.

kiêm nhiệm trụ trì. Hòa thượng bèn cùng với đại sư Đức Sâm - là vị tăng trụ ở đấy, cạn sức lo liệu, dựng Quán Âm Điện.

Sau này cụ Đại Xuân qua đời, thầy Đức Sâm rời đất Cám, tìm người kế nhiệm trụ trì không ra, đến nỗi tòa thị chánh coi là đất bỏ hoang, tính sửa thành chợ rau, mở đường sá. Những hàng tăng tục trong vùng báo cho thầy Đức Sâm biết, do vậy thầy bèn gởi thư đến những bậc tai to mặt lớn các giới lần lượt khẩn cầu bảo vệ.

May sao được Ủy viên trưởng Tưởng thuộc Quân sự Uỷ viên hội và Tổng tư lệnh Trần tỉnh Quảng Đông cùng Quân trưởng Từ đều đánh điện cho vị Sư trưởng đang đóng quân ở đất Cám là tiên sinh Lý Toàn Không lập cách bảo vệ. Hội Phật giáo Trung Quốc cũng lại gởi thư, đánh điện cầu xin Sư trưởng Lý duy trì cũng như tuyển lựa người thích hợp qua lại phụ trách, quy hoạch, chỉnh lý. Ông Lý bèn hạ lệnh bãi bỏ đề nghị trước kia, lại còn bằng lòng duy trì cho nhà chùa mau được khôi phục. Những vị quan viên, thân sĩ trong vùng như ông Lưu Cấp Phủ v.v. tận lực đảm nhiệm vai trò trung gian và nguyện làm hậu thuẫn giúp cho ngôi chùa được khôi phục. Ấy là vì pháp đạo được hưng thịnh đều do có nhân duyên, chẳng qua cơn sóng gió này thì ngôi chùa này sẽ gần như biến mất.

Chỉ vì hiện thời đang nhằm thuở mạt pháp, con người căn tánh kém hèn, nếu không cậy sức đại thệ nguyện của Phật Di-đà để vãng sanh Tây Phương thì ai có thể đoạn sạch phiền hoặc, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này? Do vậy, khôi phục lần này sẽ chuyên tu pháp môn Tịnh độ và lập thêm Cư sĩ lâm, lưu thông xứ (phòng phát hành kinh sách), để các nhân sĩ trong vùng đều biết đạo trọng yếu hòng thoát ngũ trược lên chín phẩm, và biết khuôn mẫu tốt lành để giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, biết nhân quả, tu trì cẩn thận. Như thế thì do liên xã được mở mang mà tông phong chấn hưng, lễ giáo hưng khởi, vận nước tốt đẹp, sáng sủa, ngõ hầu xứng với ý nghĩa lập chùa đặt tên của cổ nhân, cũng như để an ủi một phen nhiệt tâm bảo vệ duy trì của các vị.

Nhưng do nhà chùa không có hằng sản, tăng không tích trữ, bèn cậy Bất Huệ viết lời sớ dẫn giải hòng khẩn cầu các vị đại hộ pháp và các thiện tín phát tâm Bồ-đề hành phương tiện sự, chở vàng chở gạo, xoay vần khuyên bảo quyên mộ, khiến cho điện báu thênh thang sớm có ngày thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ suốt kiếp. Tịnh tông được thịnh hành, con người đều biết đạo thoát khổ, nhân quả phô tỏ rõ ràng, mọi người cùng nhau đi theo con đường mong trở thành thánh, sẽ thấy Phật, trời bảo vệ như mây nhóm, tốt lành mừng vui đua nhau đưa đến, cửa nhà yên vui, quyến thuộc bình an, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên,

thân hiện tại được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, lan quế[578] ngào ngạt, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn, chỉ mong ai nấy đều phát lòng tùy hỷ, đều cùng được tiếng thơm.

22. Sớ quyên mộ tu bổ điện vũ và thánh tượng chùa Quán Âm ở thôn Triệu Gia thuộc Đông Hương, huyện Cáp Dương

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Đại sĩ Quán Âm thệ nguyện rộng sâu, pháp giới chúng sanh đều được bình đẳng nhiếp thọ, khiến cho kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa được độ thoát liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát. Đối với kẻ nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp.

Ấy là vì Đại sĩ vô tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm của chính mình; Đại sĩ không có cảnh, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh của chính mình, nên gặp kẻ mê muội tự tâm bèn nói những lời pháp ngữ mềm mỏng khiến cho kẻ ấy khai ngộ, gặp kẻ mắc phải các hiểm nạn bèn hiện thành cầu bến hay nhân sĩ khiến cho kẻ ấy được thoát lìa. Do Đại sĩ thành Phật đạo đã lâu, bi nguyện vô tận, nên giống như vầng trăng rạng ngời in bóng ngàn sông, dường như ánh nắng xuân sanh thành muôn cây cỏ, chẳng mong tưởng mà được như vậy. Do vậy, ai nấy đều cảm mộ hồng ân bảo vệ, phù trợ, cho nên nơi nào cũng lập miếu để thờ phụng ngài.

Chùa Quán Âm thuộc thôn Triệu Gia tại Ấp Đông, vốn tên là viện Quán Âm, điều này thấy ghi trong bi ký do một sinh viên[579] trong ấp là Lô Tường Hưng soạn vào năm Thiên Khải thứ hai (1622) đời nhà Minh. Người đời sau dựng thêm Phật điện ở đằng trước, đổi tên viện thành chùa Nho Đông, nhưng do hai chữ này đối với pháp đạo chẳng biểu lộ được ý nghĩa sâu xa nào, mà kẻ thấy nghe cũng khó thể gieo thiện căn. Huống chi đang trong lúc luôn gặp phải tai họa này, nếu chẳng

---

[578] Lan quế: Ý nói con cháu hiển đạt. Đây là hai điển tích được ghép chung lại. Một người tiểu thiếp của Trịnh Văn Công thời Đông Chu nằm mộng thấy có người xưng là tổ tiên họ Trịnh trao cho nhánh lan, tỉnh dậy liền biết đã thọ thai, do đó đứa con sinh ra được đặt tên là Lan. Về sau Trịnh Lan trở thành Trịnh Mục Công, là một ông vua hiền sáng suốt khiến nước Trịnh tuy nhỏ lại làm bá chủ chư hầu một thời. Do vậy, người ta hay dùng điển tích "mộng lan" để chỉ người phụ nữ có thai sanh con quý hiển.

Chữ quế phát xuất từ điển tích Đậu Yên Sơn (tên thật là Đậu Vũ Quân) sống vào đời Hậu Tấn thời Ngũ Đại. Ông này có năm người con trai đều đỗ đạt, đức cao trọng vọng, được người đời khen ngợi là *Yên Sơn Đậu thị ngũ long* (năm con rồng họ Đậu đất Yên Sơn). Phùng Đạo làm thơ mừng Vũ Quân có câu: *"Linh xuân nhất châu lão, đan quế ngũ chi phương"* (Linh xuân một gốc thọ, đan quế năm cành thơm). Do vậy người đời sau thường khen ngợi nhà có con cháu hiển đạt, hiền đức là "lan quế chi gia".

[579] Sinh viên chính là danh xưng của học vị tú tài vào thời Minh - Thanh, tức là người đã trúng tuyển kỳ thi tổ chức tại một huyện.

đề xuất thánh hiệu Quán Âm khiến cho nhân dân xưng danh thoát khổ thì chẳng những cô phụ lòng từ mênh mông của Đại sĩ mà còn cô phụ sâu xa thâm tâm của người kiến lập viện Quán Âm thuở ấy. Vì thế đổi tên là chùa Quán Âm.

Kiến trúc của chùa là một tòa cửa tam quan, bên trong ấy thờ hai vị Kim Cang; một tòa Phật điện thờ ba vị Phật Thích-ca, Dược Sư, Di-đà, có Ca-diếp, A-nan đứng hầu bên cạnh; sau Phật điện là một tòa điện Vi-đà[580], hai bên là hai tòa phối điện[581], phía Đông thờ Quan Đế, phía Tây thờ già-lam[582]. Chính giữa là một tòa điện Quán Âm, bên trong thờ đức Quán Âm, đứng hầu hai bên là Thiện Tài, Long Nữ. Hai bên vách là thập bát La-hán[583]. Dựa theo hình thế ấy, đủ biết Phật điện là do sau này xây dựng thêm vào.

---

[580] Vi-đà (Skanda), còn gọi là Kiện-đà thiên, Vi-đà thiên, Vi Tướng Quân, Vi Thiên Tướng Quân, vốn là một vị Bồ-tát thị hiện dưới thân phận một vị thần có danh xưng là Kārttikeya (người 6 mặt), hoặc Kumāra (Đồng Tử), 6 đầu, 12 tay, tay cầm cung tên, cỡi chim công, tức là một trong 8 vị đại tướng quân của Nam phương Tăng Trưởng thiên vương, đứng đầu 32 tướng quân của trời Đế Thích. Ngài nhận lãnh lời phó chúc của đức Phật bảo vệ ba châu Đông, Nam và Tây. Sau khi luật sư Đạo Tuyên nằm mộng thấy Vi-đà Bồ-tát hiện thân phát thệ bảo vệ chốn tùng lâm, Vi-đà Bồ-tát được coi là một vị hộ pháp chuyên bảo vệ chốn già-lam, thủ hộ tăng chúng. Tại các nước chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, ngài thường được tạc tượng như một vị võ tướng tươi trẻ, dung mạo đoan nghiêm, thân mặc kim giáp, tay chống kiếm báu, hoặc cầm kim cang giản.

[581] Phối điện: Tòa điện thờ phụ thêm vào công trình chính.

[582] Già-lam ở đây chính là thần già-lam, tức 18 vị thiện thần thủ hộ chốn tùng lâm. Hiểu theo nghĩa rộng, chữ thần già-lam là chỉ tất cả chư thiên thiện thần bảo vệ chốn chùa chiền. Theo Thất Phật Bồ-tát Sở Thuyết Đại Đà-la-ni Thần Chú Kinh quyển bốn, danh xưng của 18 vị thần già-lam như sau: Mỹ Âm, Phạm Âm, Thiên Cổ, Xảo Diệu, Thán Mỹ, Quảng Diệu, Lôi Âm, Sư Tử Âm, Diệu Mỹ, Phạm Hưởng, Nhân Âm, Phật Nô, Thán Đức, Quảng Mục, Diệu Nhãn, Triệt Thính, Triệt Thị, Biến Quán. Tuy thế, trong rất nhiều tùng lâm Trung Hoa, Quan Công được coi là Bồ-tát Già-lam và được thờ đại diện cho 18 vị thần già-lam kể trên.

[583] Thập bát La-hán: Đúng ra chỉ có 16 vị La-hán. Theo tôn giả Khánh Hữu viết trong tác phẩm Pháp Trụ Ký, lúc đức Phật sắp nhập Niết-bàn đã phó chúc cho 16 vị La-hán trụ thế lâu dài cho đến khi Phật Di-lặc ra đời để hoằng dương Phật pháp. Một số nhà nghiên cứu cho rằng người Trung Hoa coi số 9 là con số cát tường nên đã tự động thêm vào hai vị nữa cho đủ con số 18, nhưng những người chủ trương thuyết này không đưa ra được bằng chứng thuyết phục nào. Ngoài 16 vị La-hán được ghi tên trong Pháp Trụ Ký, danh tánh của hai vị được thêm vào này bị biến đổi theo nhiều thời đại, chẳng hạn sách Phật Tổ Thống Ký ghi hai vị La-hán cuối cùng là tôn giả Ca-diếp và tôn giả Quân-đồ-bát-thán. Truyền thống Tây Tạng cũng kể tên 16 vị La-hán giống như sách Pháp Trụ Ký và thêm vào hai vị nữa là tôn giả Đạt-ma và hòa thượng Bố Đại. Vua Càn Long sau khi tham khảo ý kiến các bậc đại đức đương thời, đã xuống chiếu khâm định danh tánh 18 vị La-hán như sau: Tân-độ-la-bạt-la-đọa-xà (Pindolabharadvaja), Ca-nặc-ca-phạt-tha (Kanakavatsa), Ca-nặc-ca-bạt-la-đọa-xà (Kanaka-bharadvaja), Tô-tần-đà (Suvinda), Nặc-củ-la (Nakula), Bạt-đà-la (Bhadra), Ca-lý-ca (Karika), Phạt-xà-la-phất-đa-la (Vajraputra), Thú-bác-ca (Svaka), Bán-thác-ca (Panthaka), La-hỗ-la (Rahula), Na-già-tê-na (Nagasena), Nhân-yết-đà (Ingata), Phạt-na-bà-tư (Vanavasin), A-thị-đa (Ajita), Chú-đồ-bán-

Người trong ấp tôi từ sau thời Càn Long - Gia Khánh, Phật học bặt tiếng vang, ngoại đạo cũng không có. Gần đây nạn đói kém dồn dập xảy ra, quân binh, giặc cướp nhiều lượt quấy nhiễu, nhân dân khổ sở cùng cực, mong yên vui nhưng chẳng được. Các thứ ngoại đạo thừa cơ kéo đến, môn đình tuy khác nhau, nhưng nói chung là dùng luyện tinh - khí - thần để cầu thành tiên làm bầy tôi của Thiên Đế mà thôi. Thoạt đầu ông Lý Tiên Đào lên Thượng Hải buôn bán nghe pháp quy y. Đến khi quay về, thỉnh một số kinh sách để tặng cho những bạn tri giao có học thức tại các huyện Cáp, Trừng, Triều. Do vậy mới biết pháp môn Tịnh độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng, cậy vào Phật từ lực liền có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, so với những kẻ cậy vào tự lực để liễu sanh tử thì khó dễ khác biệt vời vợi hệt như một trời một vực.

Mùa hạ năm nay, ông Lý từ Cam Túc trở về làng, ngày mồng 8 tháng 4 đến chùa Quán Âm lễ Phật, thấy điện vũ điêu tàn, thánh tượng long lở, sứt mẻ, muốn tu bổ đôi chút, nhưng tiếc rằng sức chẳng thể kham nổi, đến đất Tô cậy Quang viết sớ để hô hào người khác giúp tay. Quang nói: "Đang trong lúc tai họa liên tiếp xảy ra, nhân dân khốn khổ này, chỉ sợ chẳng có mấy người chịu thí xả, nhưng đem tờ sớ của tôi cho mọi người xem, dẫu người ta chẳng bỏ ra một đồng nào cũng đã gieo được thiện căn liễu thoát ngay trong đời này cho người ấy, huống chi nghĩ đến ân Đại sĩ ắt sẽ có người tùy phận tùy sức giúp đỡ. Khoản tiền quyên được nếu nhiều sẽ tu bổ lớn, nếu nhỏ sẽ sửa chữa nhỏ. Dẫu chẳng được một đồng nào thì tôi vẫn không uổng công soạn tờ sớ, ông vẫn có công quyên mộ lớn lao! Vì sao vậy? Do người ta đọc tờ sớ này sẽ biết hồng ân độ chúng sanh của đức

---

thác-ca (Cuda-panthaka), Hạ-sa-nhã-ba (tôn giả Ca-diếp) và Nạp-đáp-mật-đáp-lạt (tôn giả Di-lặc).

Trong dân gian lại thường gọi tên 18 vị La-hán theo tư thế hay hình dạng được tạc tượng như sau: La-hán Phục Long (La-hán hàng phục rồng - Khánh Hữu), La-hán Tọa Lộc (La-hán ngồi trên con nai - Tân-đầu-lô-phả-la-đọa), La-hán Cử Bát (La-hán nâng bát - Ca-nặc-ca-bạt-ly-đọa-xà), La-hán Quá Giang (La-hán vượt sông - Bạt-đà-la), La-hán Phục Hổ (La-hán hàng phục cọp - Tân-đầu-lô), La-hán Tịnh Tọa (La-hán tịnh tọa - Nặc-củ-la), La-hán Trường Mi (La-hán lông mày dài - A-thị-đa), La-hán Bố Đại (La-hán cầm túi vải - Nhân-yết-đà), La-hán Khán Môn (La-hán nhìn cửa - Chú-đồ-bán-thác-ca), La-hán Thám Thủ (La-hán sờ bàn tay - Bán-thác-ca), La-hán Trầm Tư (La-hán trầm tư - La-hỗ-la), La-hán Kỵ Tượng (La-hán cưỡi voi - Ca-lý-ca), La-hán Hoan Hỷ (La-hán vui vẻ - Ca-nặc-ca-phạt-tha), La-hán Tiếu Sư (La-hán cưỡi sư tử, mỉm cười - La-phất-đa, tức tên ngài Vajraputra được gọi tắt), La-hán Khai Tâm (La-hán phạch ngực - Thú-bác-ca), La-hán Thác Tháp (La-hán cầm tháp - Tô-tần-đà), La-hán Ba Tiêu (La-hán cầm quạt Ba Tiêu - Phạt-na-bà-tư) và La-hán Oát Nhĩ (La-hán ngoáy tai - Na-già-tê-na). Như vậy, trong cách gọi dân gian, tôn giả Tân-đầu-lô được nhắc lại hai lần và tên ngài Khánh Hữu được thêm vào danh sách này.

Quán Âm và đại pháp niệm Phật để liễu sanh tử, sẽ thấy sau này những kẻ nối tiếp nhau khởi lên nhiều không thể kể xiết. Cớ gì cứ phải chấp nhặt một thời một chỗ mới là báo ân hoằng pháp hay sao?"

23. Sớ quyên mộ xây dựng đại điện của tịnh xá Liên Tu tại đập Dương Thiện, huyện Giang Đô, Dương Châu

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Pháp môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít mà hiệu quả nhanh chóng, chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào địa vị Nhất sanh bổ xứ, ngay trong đời hiện tại chắc chắn thoát khỏi luân hồi lục đạo. Do pháp này là chỗ quy túc của hết thảy các pháp Thiền, Giáo, Luật, Mật, là đạo trọng yếu để ba đời chư Phật viên mãn Bồ-đề vậy.

Vào cuối đời Minh, hòa thượng Giác Căn mở một đạo tràng Tịnh độ tại đập Dương Thiện thuộc Giang Đô, chuyên tu niệm Phật tam-muội. Từ đấy về sau luôn có cao nhân trụ trì, vì thế pháp đạo tồn tại lâu dài chẳng suy vi. Trong thời Hàm Phong - Đồng Trị nhà Thanh, sau cơn binh hỏa, hòa thượng Tịch Sơn phái người trông coi, gần đây giao cho đồ đệ là Trí Định làm trụ trì, nghiêm túc tuân theo quy củ xưa, chẳng dính đến ngoại duyên. Năm ngoái bị gặp trận lụt lớn, điện đường, liêu xá đều bị cuốn ra biển Đông, tường vách đại điện chẳng còn sót gì. Lúc dựng đại điện đã dùng ba cây gỗ lớn để chống đỡ khám thờ Phật, cũng bị trôi đi mất. Khám thờ Phật bị nước lũ xoáy vỡ, cũng bị cuốn đi.

Nước ngập đến gối tượng Phật, kim thân của bộ tượng Tây Phương Tam Thánh cao tám thước đều tạc bằng gỗ hương chương[584] kể cả tòa sen gặp cơn vùi dập này chẳng bị tổn hoại mảy may. Đủ thấy nước lũ do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm, tượng Phật gặp phải trận tấn công dữ dội này vẫn nghiễm nhiên như cũ. Ấy là vì muốn thị hiện cho khắp mọi chúng sanh được thấy để họ quy mạng, gieo tấm lòng thành cầu được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Sau khi nước rút, trước hết sư Trí Định dựng một lều tranh để tượng Phật chẳng bị nắng hun mưa xối, nhưng chuyện tu bổ đại điện thì chỉ biết than vãn suông chẳng biết làm sao hơn! May có huyện trưởng huyện Giang

[584] Hương chương, còn được gọi là bổn chương, điểu chương, lão chương, hoặc chương tử, là một loài cây thân mộc, không rụng lá vào mùa đông, thuộc họ long não, có tên khoa học là cinnamomum camphora, thường mọc nhiều ở các tỉnh miền Đông Trung Hoa cũng như phân bố rải rác tại Việt Nam, Nhật Bản, Lưu Cầu, sớ gỗ trắng nhạt hơi ngả nâu, có mùi thơm nhẹ. Người Trung Hoa tin rằng những cây gỗ chương này có thần nhân nương gá nên không dám chặt đẽo làm vật dụng, chỉ dùng để tạc tượng Phật, tượng thần.

Đô là ông Dương, Cục trưởng Cục Tài chánh là ông Diệp, Cục trưởng Cục Công an là ông Trần, Cục trưởng Cục Kiến thiết là ông Lý và những vị thân sĩ, cao niên vùng Giang Đô ai nấy thấy chuyện kỳ lạ như thế đều bỏ tiền ra giúp đỡ hòng khôi phục ngôi cổ đạo tràng làm chỗ cho người địa phương cầu phước, do vậy sư Trí Định xin tôi viết bài sớ giãi bày nguyên ủy để khẩn cầu mười phương đàn-việt (phần dưới lược đi).

24. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện và các điện đường, liêu xá chùa Nam Thiên Trúc Diễn Phước tại Hàng Châu

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Quán Thế Âm Bồ-tát trong vô lượng kiếp trước đã sớm thành Phật đạo, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi tha thiết, lòng độ sanh ân cần nên lại chẳng lìa cõi Tịch quang, hiện hình trong chín giới, tùy loại hiện thân tầm thanh cứu khổ, đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh. Tức là khiến cho kẻ chưa gieo thiện căn, chưa chín muồi, chưa độ thoát sẽ liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Do vậy nơi nơi đều lập đạo tràng, nhưng Thiên Trúc là nơi thấy rõ nhất, vì Hàng Châu thường được xưng là Phật quốc, nhân dân thiện căn sâu dày, nên Bồ-tát linh cảm dị thường.

Chùa Nam Thiên Trúc Diễn Phước là do ông Trần Trọng Bảo xây dựng vào năm Khai Hoàng 15 (595) đời Tùy, thỉnh pháp sư Chân Quán khai sơn. Pháp sư vốn thuộc dòng họ Phạm danh giá ở Tiền Đường, đã thoát khỏi bẫy lồng từ bé, trí tuệ thiên bẩm thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm. Thoạt đầu đến yết kiến đại sư Thiên Thai Trí Giả, được đại sư dùng lễ đồng môn để đối đãi thì có thể hình dung được mức độ cao sâu nơi đạo đức và sự ngộ chứng của sư. Đến khi trụ tại chùa này, sư thường giảng kinh Pháp Hoa, pháp đạo hưng thịnh ít ai sánh bằng. Vì thế người đương thời nói: "Thiên Trúc có Chân Quán là bằng nửa thiên hạ rồi." Từ đấy về sau bể dâu biến đổi, hưng phế không nhất định.

Đến năm Thuần Hựu thứ tám (1248) đời Tống Lý Tông, chùa lại được trùng hưng, vua ban biển ngạch là Sùng Ân Diễn Phước Tự, cho mãi đến đời Nguyên, thời nào cũng có cao nhân, nhưng được pháp sư Nhuận trụ trì 6 năm hoằng dương lớn lao giáo nghĩa Thiên Thai và Liên tông. Pháp sư lễ tụng siêng gắng, cõi đời ít ai sánh bằng. Lúc mới xuất gia, sư lễ thần già-lam, tượng bèn hư đổ, nếu chẳng có cội gốc sâu xa, làm sao được như vậy? Đến cuối đời Minh, gặp cơn binh hỏa, chùa biến thành gò hoang, dân phụ cận chiếm cứ làm của riêng đã hơn 200 năm.

Năm Dân Quốc thứ 5 (1916), hòa thượng Hổ Bão Pháp Luân nhân đọc sách vở mới biết nguyên do, muốn bảo tồn cổ tích, chí mong khôi phục, hỏi những bậc

cao niên tìm được nền chùa cũ, đem ba ngàn đồng chuộc lại được hơn mười mấy mẫu, liền dựng một am tranh, phái người chăm sóc, để đợi cơ duyên. Đến năm Dân Quốc 12 (1923), đại sư Phật Duyên mới tiếp nhận trông nom, sáng chiều lễ tụng, mong có người nương theo đại nguyện luân sẽ trải vàng[585] trùng hưng đạo tràng Tịnh độ hoành siêu (phần sau lược đi).

25. Sớ quyên mộ tổ chức pháp hội cầu đảo hằng năm để lợi lạc rộng khắp

(Năm Dân Quốc 18 - 1929. Viết thay cho nhóm cư sĩ Vương Nhất Đình, về sau do thầy Minh Giác qua đời nên chưa tiến hành được)

Trộm nghĩ thế giới vốn bình yên, do tình kiến khác biệt mà thành rối loạn; lòng trời vốn từ thiện, do sự ác của chúng sanh chiêu cảm nên tai ương thường giáng xuống. Do vậy mấy năm gần đây đao binh, lụt lội, hạn hán, đói kém, tật dịch liên tiếp xảy ra, dân không lẽ sống; nhưng đã cùng sống trong khoảng trời đất, há chẳng ôm lòng "dân là người ruột thịt, loài vật giống như ta" ư? Vì vậy, những người cùng hàng hèn kém như chúng tôi trong nhiều năm qua, hễ các thứ tai ương, hoạn nạn xảy ra ở các nơi đều tận hết sức mọn để cứu giúp. Ấy chính là thương xót cho nỗi khổ sở đắng cay trong đời này mà lập phương cách. Thêm nữa, hồn người đã khuất không chỗ quay về, lâu ngày biến thành vong linh dữ dằn, nếu chẳng lập cách siêu độ thì làm sao an ủi được những loại cô hồn ấy dưới suối vàng cho được? Vì thế mỗi năm phải đặc biệt lập đạo tràng để cứu vớt cô hồn, cầu chúc thái bình. Đấy chính là nhiệm vụ cấp bách để ngăn dứt tai ương trong tương lai vậy! Từ trước đến giờ, việc cầu đảo chưa quyết định tại chỗ nào, cứ tùy ý cử hành tế độ cô hồn.

Trộm nghĩ Đại sĩ Quán Âm thệ nguyện rộng sâu, danh sơn Phổ Đà là nơi ngài ứng hóa. Hòa thượng Minh Giác lại là vị tăng chân thật tiến hành chuyện công ích, do vậy tính giao phó cho ngài thực hiện pháp hội này ngay tại am của ngài. Vào dịp Thanh Minh[586] trong tháng 3 [âm lịch] sẽ niệm thánh hiệu Quán Thế Âm

[585] Trải vàng (bố kim): Khi Cấp Cô Độc Tu-đạt-đa tính mua ngôi vườn của thái tử Kỳ-đà (Jeta) để xây dựng tịnh xá cho Phật và tăng đoàn tại Xá-vệ, thái tử không muốn bán liền nói giỡn: "Nếu ông đem vàng đến lót hết mặt đất thì tôi sẽ bán cho." Nào ngờ, ông Cấp Cô Độc chở vàng đến lót khắp mặt đất. Xúc động trước tấm lòng mộ đạo của Cấp Cô Độc, thái tử nguyện dâng cúng những cây trong vườn cho tăng đoàn, do đó ngôi vườn này được gọi là vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc. Về sau, các sách vở nhà Phật thường dùng chữ "bố kim" để chỉ hành động sẵn lòng cúng dường hộ trì Phật pháp của hàng Phật tử tại gia.

[586] Thanh Minh là một trong 24 tiết khí của âm lịch. Tiết khí này thường rơi vào ba tuần cuối của tháng 4 dương Lịch. Bộ Lịch Thư quy định: "Ngày Rằm sau tiết Xuân Phân khi sao Bắc Đẩu chỉ về hướng Đinh là tiết Thanh Minh. Do thời tiết trong sáng, thanh khiết nên gọi là Thanh Minh." Thời cổ, hoàng đế thường đi tảo mộ tổ tiên vào tiết Thanh Minh nên dân gian bắt chước theo. Do tiết khí này nhằm vào đầu xuân, khí trời ấm áp, cỏ cây xanh tốt nên còn gọi

bảy ngày, vào ngày viên mãn sẽ đặc biệt làm lễ thí thực. Vào tháng 7 bèn niệm thánh hiệu đức Địa Tạng bảy ngày, thí thực bảy hội. Tiết Đông Chí sẽ niệm thánh hiệu Phật Di-đà bảy ngày, đến ngày viên mãn sẽ thí thực một hội. Mỗi lần đều thỉnh 48 vị tăng.

Dùng công đức ấy để siêu độ hết thảy những cô hồn chết vì đao binh, lũ lụt, hạn hán, đói kém, tật dịch để họ đều được sanh vào đường lành, ngõ hầu chẳng đến nỗi biến thành oán quỷ gây ra chuyện hung ác. Từ đấy nhân dân yên vui, lòng trời hòa thuận vui sướng, mưa nắng do vậy sẽ đúng thời, sâu rầy do vậy chẳng sanh sôi thì vật mạnh, dân yên, thiên hạ thái bình vậy! Lại nguyện quân, dân, trưởng quan, ai nấy phước thọ đều tăng cao, chuyện tốt lành xảy đến, hưởng đủ năm thứ phước như Cơ Tử đã luận, cùng nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Dùng phước đức này vỗ về chăm bẵm dân ta, phong thái đại đồng sẽ lại được thấy trong ngày nay. Phàm những ai cùng hàng với tôi xin hãy giúp đỡ, tán thành!

26. Sớ lễ niệm Quán Thế Âm Bồ-tát cầu con

(Năm Dân Quốc 29 -1940.
Soạn vào cuối xuân năm Canh Thìn)

Ngưỡng vọng Đại sĩ Quán Âm thệ nguyện sâu xa mênh mông, bình đẳng nhiếp thọ pháp giới hữu tình, khiến cho kẻ chưa gieo thiện căn, chưa chín muồi, chưa độ thoát sẽ liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Ấy là vì Đại sĩ vô tâm dùng tâm của chúng sanh để làm tâm, Đại sĩ vô niệm, dùng niệm của chúng sanh làm niệm. Vì thế khởi lòng từ vô duyên, vận lòng bi đồng thể, như vầng trăng vằng vặc in bóng khắp ngàn sông, như ánh nắng xuân khiến cho khắp muôn loài cỏ cây sanh sôi, khắp các cõi nước nhiều như bụi trần cảm thì ngài sẽ ứng trong khắp các cõi nước nhiều như bụi trần. Không điều mong cầu nào chẳng được toại ý, có nguyện gì đều được vừa lòng.

Đệ tử… và vợ là… đau xót trước cảnh thế đạo nguy ngập, thương cho lòng người chìm đắm ngày càng thêm xuống dốc, trọn chẳng ngưng dứt. Ngưỡng mong Đại sĩ ban cho chúng con một đứa con phước đức trí tuệ để trong tương lai nếu nó nghèo cùng thì sẽ riêng mình nó thiện hòng xướng suất, hướng dẫn một làng;

---

là "hội Đạp Thanh" (đạp lên cỏ xanh), tức là dịp cho nam thanh nữ tú vừa đi tảo mộ, vừa có dịp gặp gỡ nhau.

hễ hiển đạt thì khiến cho người khác cũng được tốt lành, đẩy lùi con sóng cuồng nghiêng ngửa.

Riêng lập ra ba điều ước định để làm điều kiện tiên khởi. Thứ nhất là giữ thân tiết dục, thứ hai là giữ vẹn luân thường, tích đức, thứ ba là khéo dạy từ lúc còn nằm trong thai và khi còn thơ ấu. Gắng sức hành ba điều này để mong khỏi phụ tấm lòng từ mênh mông của Đại sĩ. Lại mong hết thảy đồng nhân trong ngoài bốn biển đều dứt ác tâm, đều phát thiện niệm, đều sanh con phước đức trí tuệ, đều thấu hiểu lòng nhân che khắp chở đều, coi nước láng giềng như chân tay, xem thiên hạ như một nhà, duy trì lẫn nhau, chẳng xâm lăng, ngược đãi nhau, để mong trên là an ủi được ơn lớn mênh mông của cha trời mẹ đất, dưới xứng danh con người cùng với trời đất xưng là tam tài, chuyển đại loạn thành đại trị, khắp nơi cùng vui sướng, sự giáo hóa của đức Phật được tỏ suốt hai nơi, muôn nước đều yên ổn. Kính nguyện Bồ-tát phổ thí sự không sợ hãi, thương xót tấm lòng ngu thành của con, cho con được mãn nguyện. Ngày… tháng… năm… đệ tử… trăm lạy trình lên.

*** Ba điều trọng yếu để cầu con**

Thứ nhất giữ thân tiết dục để vun bồi *tiên thiên*[587]. Thứ hai là giữ vẹn luân thường, tích đức để lập nền phước, thứ ba là khéo dạy từ khi còn trong thai và khi con còn thơ ấu để con khỏi học theo thói phàm. Ba chuyện trọng yếu này phải chú tâm thực hành. Ngoài ra lại còn dùng lòng chí thành lễ niệm đức Quán Thế Âm, cầu ngài ban cho đứa con phước đức trí tuệ, rạng danh tổ tiên, vẻ vang đất nước, ắt sẽ được như lòng mong cầu, chẳng phụ thánh ân vậy!

Thứ nhất, giữ thân tiết dục để vun bồi tiên thiên

Nếu chẳng tiết dục thì tinh khí bạc nhược ắt khó thọ thai được. Dẫu có thọ thai ắt khó thành người! Dẫu được thành người, nhưng vì tiên thiên chẳng đủ, chắc chắn sẽ bấy bớt, đã không có thân lực mạnh mẽ, dũng mãnh, khỏe khoắn, mà cũng chẳng có tâm lực thông minh, mẫn tiệp, nhớ dai, chưa già đã suy, chẳng làm nên cơm cháo gì. Cầu được đứa con như thế dù Bồ-tát có thỏa nguyện thì thật ra người cầu con cũng đã phụ ân Bồ-tát rất sâu vậy.

Thứ hai, giữ vẹn luân thường, tích đức để lập nền phước

[587] Trong Đông y, *tiên thiên* chỉ cho những gì được bẩm thụ từ lúc mới thụ thai, tức cơ sở vật chất hình thành một cá nhân, còn *hậu thiên* là những gì được bồi đắp, trưởng dưỡng sau khi sanh ra.

Muốn sanh được đứa con phước đức trí tuệ, rạng danh tổ tiên, vẻ vang đất nước, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng người bề trên, đối đãi tốt đẹp với quyến thuộc, thương xót giúp đỡ tôi tớ, đấy là những điều phải làm trong gia đình. Còn đối với xóm giềng, bạn bè đều phải nên hòa mục, khuyên dạy, khiến cho người già khéo dạy con cái, trẻ nhỏ khéo phụng sự cha mẹ, người bề trên, thường dùng những thuyết "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, nguyện sanh Tây Phương, vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân" để khẩn thiết diễn nói với khắp mọi người cùng hàng khiến họ bồi đắp cái nhân xuất thế thù thắng, đều thành dân lành giữ đạo. Người làm được như thế thì nhất cử nhất động đều có ích cho mình lẫn người, mỗi lời nói, mỗi hành vi đều đáng làm khuôn phép, đứa con sanh ra ắt sẽ siêu quần bạt tụy, có thành tựu lớn lao. Cố nhiên Bồ-tát khiến cho con người được mãn nguyện mà con người cũng an ủi tấm lòng Bồ-tát vậy.

Thứ ba, khéo dạy từ khi còn trong thai và khi con còn thơ ấu để con khỏi học theo thói phàm

Những bậc thánh nhân thuở trước đều do cha mẹ hiền khéo dạy mà thành, huống chi phàm nhân? Nếu người cầu con chịu dùng cách thai giáo, đứa con nhất định hiền thiện. Sau khi cấn thai rồi, [người mẹ phải giữ sao cho] hình dung đoan trang, chân thành, thanh tĩnh, lời lẽ phải trung hậu, hòa bình, cư xử phải hiếu hữu, cung kính, hòa thuận. Đi, đứng, nằm, ngồi thường niệm thánh hiệu Quán Âm. Bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm đều phải lắng tai nghe. Hễ nghe thì tâm quy về một mối, công đức càng lớn. Nếu áo mũ tề chỉnh, rửa tay, súc miệng sạch sẽ thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Nếu chưa tắm gội, súc miệng, đi đến nơi không sạch sẽ và lúc ngủ nghỉ, hãy đều nên niệm thầm.

Công đức niệm thầm giống hệt niệm ra tiếng, chứ những lúc ấy mà niệm ra tiếng thì không hợp nghi thức cung kính. Nhưng đến khi sanh nở chớ nên niệm thầm, vì lúc sanh nở phải dùng sức để đẩy đứa con ra. Nếu ngậm miệng niệm, ắt sẽ bị bệnh tắc khí. Sản phụ tự niệm, gia quyến đều trợ niệm, chắc chắn chẳng bị khó sanh, cũng không bị những điều nguy hiểm sau khi sanh nở. Nếu có thể cẩn thận thân miệng ý như thế, kiền thành niệm Quán Âm mong cho thai nhi được hưởng chánh khí thuần thiện ấy thì đứa con sanh ra chắc chắn chẳng phải là hạng tầm thường.

Đến khi con hiểu biết, liền nói với nó về nhân quả báo ứng, lợi người lợi vật ắt tốt lành, hại người hại vật ắt tiêu vong! Phải biết: Lợi người lợi vật thật sự là lợi mình, hại người hại vật còn quá hơn hại mình, làm lành ắt có thiện báo, tạo ác ắt bị ác báo. Lại còn nói làm người ắt phải tuân hành tám đức "hiếu, đễ, trung,

tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" thì mới chẳng thẹn làm người. Nếu không, tuy mang hình dáng con người, tâm hệt như cầm thú vậy! Chẳng được nói dối, chẳng được bừa bãi, cuồng ngạo, chẳng được chiếm đoạt đồ vật của người khác, chẳng được đánh chửi người ta, chẳng được giẫm đạp trùng kiến, giấy có chữ, ngũ cốc, đồ vật. Cử động hành vi ắt phải có ích cho cha mẹ, cho chính mình, không gây tổn hại đến người đến vật.

Ngoài ra, hãy nên dạy nó thường niệm thánh hiệu Quán Âm để mong tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn. Tập quen từ thơ ấu, lớn lên sẽ là người thuần thành, chuyên dốc, chẳng đến nỗi tự kiêu khinh người, thành phường cuồng vọng. Khéo dạy như thế thì đối với tổ tông là đại hiếu, đối với con cái là đại từ, đối với nước nhà xã hội là đại trung. Tôi thường nói "quyền trị quốc bình thiên hạ hàng nữ nhân nắm quá nửa" là vì lẽ này. Đức cao đẹp ấy có thể nối gót ba bà Thái đời Chu ngõ hầu chẳng phụ danh xưng Thái Thái. Nguyện những người cầu con hãy đều nên lấy những điều trên đây làm khuôn phép thì nước nhà sẽ may mắn lắm thay!

*** Ghi thêm những chuyện cấm kỵ để tránh họa hại**

Phàm người cầu con thì vợ chồng phải ước định đoạn dục nửa năm để bồi đắp tiên thiên cho đứa con. Đợi khi người vợ sạch kinh nguyệt bèn chung đụng ắt sẽ thọ thai. Chưa sạch kinh nguyệt chớ nên ân ái, ân ái ắt sẽ bị bặt kinh, gây ra bệnh bạch đới rất nguy hiểm. Lại phải nhằm ngày lành tháng tốt, khí trời trong trẻo; lúc mưa to gió lớn, sấm chớp sét lòa phải hết sức kiêng kỵ. Trong thiên Nguyệt Lệnh sách Lễ Ký có chép: *"Quý xuân, tiên lôi tam nhật, tù nhân dĩ mộc đạc tuần vu đạo lộ, viết: "Lôi tương phát thanh, hữu bất giới kỳ dung chỉ giả, sanh tử bất bị, tất hữu hung tai"* (Cuối xuân, trước khi sấm động ba ngày, viên quan truyền lệnh dùng linh gỗ đi khắp các nẻo đường truyền lệnh: 'Sắp có sấm động, kẻ nào chẳng kiêng ăn nằm thì sanh con chẳng toàn vẹn, ắt sẽ bị tai nạn hung hiểm'). Bậc vua thánh thời cổ đau đáu nghĩ đến cuộc sống người dân, đặc biệt phái quan đi tuyên bố lệnh ấy, lại còn cho chép vào kinh điển, chẳng phải là tấm lòng của trời đất cha mẹ ư? "Tù nhân" là ông quan tuyên bố mệnh lệnh, "mộc đạc" chính là cái linh, rung linh cho dân chúng đều nghe thấy, "tuần" là đi, "đạo lộ" bao gồm đường nẻo trong thành thị và làng quê, "dung chỉ" là ăn nằm, "bất bị" là ngũ quan, tứ chi không trọn vẹn hoặc sanh ra quái vật, "hung tai" là vợ chồng hoặc bị bệnh ngặt, hoặc bị tử vong.

Đã cấn thai rồi, vĩnh viễn thôi ăn nằm thì chắc chắn sanh được đứa con thân tâm mạnh khỏe, phước thọ sâu dày. Có thai rồi chung đụng một lần thì thai bị

trúng độc một lần, lớp bọc thai nhi dày thêm một lần, sản nạn tăng thêm một tầng. Nếu có thai lâu ngày rồi giao phối, có thể bị sẩy thai hoặc gây tổn thương cho thai. Những điều này là do cư sĩ Trương Đức Điền ở huyện Vĩnh Gia, tỉnh Chiết Giang nghĩ thương cho thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống nên vào mùa thu năm ngoái bèn gởi thơ xin Quang viết bài sớ lễ niệm Quán Âm cầu con và nói lên cách giữ gìn thân thể, tích đức, dạy dỗ khéo léo v.v. để mong sanh ra những đứa con đều là hiền thiện, ngõ hầu đất nước dần dần đạt đến thái bình. Quang nhiều lần nại cớ già cả để từ chối, ông ta vẫn nhiều lần khẩn cầu, khó lòng khước từ mãi, bèn soạn bài sớ đơn giản cùng với ba điều trọng yếu cho xong trách nhiệm.

27. Lời bạt cho cuốn Liên Tông Chánh Truyền

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Cuốn sách Pháp Vũ Quyên Trích Lục (Giọt nước Pháp Vũ) đã trình bày khá rõ ràng về những lẽ lợi hại do trợ niệm khi lâm chung và phá hoại chánh niệm của việc tắm rửa, thay quần áo, khóc lóc v.v.. Mẹ ông Chu Sư Đạo may nhờ sức trợ niệm mà được chánh niệm rỡ ràng, hiện các tướng lành qua đời. Do vậy anh em ông ta đem in cuốn sách ấy theo lối thạch bản mấy trăm bản để tặng những người hữu duyên xa gần.

Nay lại dùng số tiền do mẹ để lại để in một vạn cuốn Liên Tông Chánh Truyền nhằm kết tịnh duyên mong cho mẹ chưa vãng sanh sẽ được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Do vậy đem cuốn Pháp Vũ Quyên Trích Lục in kèm vào sau cuốn sách này ngõ hầu hết thảy mọi người đều biết lẽ lợi hại do trợ niệm và phá hoại chánh niệm để chẳng đến nỗi vì yêu thương cha mẹ và yêu thương anh em, vợ con, quyến thuộc mà làm chuyện trái đạo, do cái tâm yêu thương làm chuyện tổn hại, mà vẫn tưởng chính mình đã hết lòng vì người chết. Nhưng do phàm phu hiểu biết kém hèn, chưa nghe Phật pháp, nào ai biết được bao nhiêu chuyện tổn hại hay hữu ích.

Sách này lưu truyền xa gần để cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc của hết thảy những ai chánh tín niệm Phật khi còn sống gieo thiện căn sâu xa, mất đi thì thần thức siêu thăng Tịnh độ. Phương pháp này do hòa thượng Thiện Đạo đời Đường đã phát minh ra, cho rằng người thường ngày chẳng niệm Phật mà nương theo trợ niệm cũng có thể vãng sanh. Hòa thượng Thiện Đạo là hóa thân của Phật Di-đà; do vậy biết pháp ấy lợi ích sâu rộng, nguyện khắp những người thấy nghe đều sanh chánh tín, khuyên dạy lẫn nhau công đức vô lượng, đến khi chính mình lâm chung chắc chắn có người trợ niệm. Vì sao vậy? Do nhân như vậy sẽ cảm được quả như vậy, nhân lẫn quả đều phù hợp nhau.

28. Lời bạt ấn tống Tịnh Độ Ngũ Kinh

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Kinh Phạm Võng chép: "Ngươi là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường tin được như vậy thì giới phẩm đã đầy đủ." Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Hết thảy chúng sanh sẵn đủ trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, [chấp trước] thì nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí đều được hiện tiền." Do vậy biết tâm tánh chúng sanh và tâm Phật vốn đồng, ba pháp "tâm, Phật, chúng sanh" không sai biệt, chỉ vì mê hay ngộ mà phân biệt vậy! Hiềm rằng khi chúng sanh còn mê chưa giác, dẫu sẵn đủ Phật tánh viên mãn rộng lớn theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, nhưng tánh ấy hoàn toàn bị vùi lấp trong trần lao, ngược ngạo nương theo sức công đức của Phật tánh ấy để khởi hoặc tạo nghiệp, hủy báng tam bảo, tự hại hại người. Thật giống như dòng suối chảy ngầm dưới đất, hoàn toàn chẳng hay biết, ắt phải đợi thời tiết nhân duyên khơi mở mới dần dần tỏ lộ được. Vì thế xưa nay nhiều bậc vĩ nhân có quyền lực thuở bé mê muội, chuyên lo hủy báng Phật pháp, đến khi sự lịch duyệt đã dần dần sâu hơn, gặp cảnh chạm duyên đột nhiên giác ngộ, bèn quy y tam bảo, tận lực phụng hành cũng chẳng thể kể xiết. Đủ chứng tỏ Phật pháp rộng lớn, quả thật là tâm pháp vốn sẵn có của hết thảy chúng sanh vậy.

Cư sĩ Ngô Nam Phủ ở Cát An, tỉnh Giang Tây túc căn sâu dày, từ nhỏ buôn bán ở bến Thượng Hải, giữ tấm lòng từ thiện, hiềm rằng hoàn toàn chẳng biết đến Phật pháp, ngược ngạo coi chuyện tin Phật là mê tín, vợ ông ta là Trương Thị tuy sẵn đủ tín tâm, nhưng lại chẳng biết phân biệt tà chánh, dẫu có khuyên can cũng khó thể khơi gợi được. Năm Dân Quốc 20 (1931), [ông Ngô Nam Phủ] bị cướp bắt trói dẫn về sào huyệt, sầu khổ chen lẫn, suy nghĩ không ra cách nào, sực nhớ lời Trương Thị khuyên nên tin tưởng Phật pháp. Do vậy bèn mong Phật từ bi cứu giúp hòng thoát sào huyệt bọn cướp. Nào ngờ Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, lòng từ của Phật như mẹ nhớ con, cảm ứng đạo giao nhanh chóng như dùi vừa chạm mặt trống liền vang ra tiếng, chợt có cảnh sát vì cứu người khác mà chạy lầm đến nơi đó, liền cứu ông ta ra, chẳng tốn một phân tiền mà an nhiên thoát hiểm. Ông ta mới biết Phật pháp linh ứng, hơi dấy lòng tin, bèn đến những nơi như Phổ Đà v.v. dâng hương lễ Phật.

Năm Dân Quốc 22 (1933), cùng với vợ là Trương Thị, dẫn theo một đứa con, ngồi xe hơi, chạy đến chỗ đường cong giữa đường, chợt một thiếu nữ phương Tây từ bên đường băng ngang, va ngay vào xe, bị xe chẹt ngang, ngã sóng soài dưới xe. Ba người cha con bọn họ sợ đến nỗi hồn muốn lìa khỏi xác, mồ hôi đẫm lưng,

cho là cô gái ấy đã thành ba đoạn rồi, cấp tốc niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để mong Phật rủ lòng từ gia bị giải cứu. Đến khi ngừng xe lại coi chỉ thấy cô gái phương Tây ấy nằm ngửa dưới gầm xe, lọt thỏm giữa bốn bánh, bị xe lôi đi mấy chục bước. Cùng lúc, tuần cảnh, dân phố xúm lại đông nghẹt, cha cô gái ấy cũng tìm tới, đỡ cô ta lên, chỉ thấy khắp mặt cô ta đỏ bừng, trọn chẳng bị sây sát gì! Trải qua kiểm nghiệm, cô ta trọn chẳng bị tổn thương mảy may gì, cô ta liền theo cha bỏ đi.

Cư sĩ trải qua hai trận nguy hiểm, lòng tin rộng mở. Năm Dân Quốc 23 (1934), đặc biệt xin được quy y với Quang, bèn đặt cho pháp danh là Huệ Vân, Trương Thị có pháp danh là Huệ Hiền, tiếp đó lại thọ ngũ giới. Từ đấy tín tâm chân thật thiết tha, tinh tấn tu trì, lại tạo công đức rộng rãi tại các chỗ như Linh Nham.

Thêm nữa, mấy người con trai ông ta sanh liên tiếp mấy đứa cháu gái, khó thể có được cháu trai. Đến năm Dân Quốc 24 (1935), đúng dịp cư sĩ mừng thọ sáu mươi, cô dâu cả sanh được một đứa con trai, các thân hữu xúm lại chúc mừng. Do cư sĩ đã trường trai thờ Phật, trong tiệc thọ của chính mình và lễ đầy tháng cho cháu nội đều dùng cỗ chay, trọn chẳng dùng mảy may món mặn nào để nhằm đề xướng kiêng giết, ăn chay. Nay lại dùng một ngàn đồng để in Tịnh Độ Ngũ Kinh hòng biếu tặng kết duyên, thỉnh Quang viết lời bạt lược thuật nhân duyên tin Phật của ông ta. Nguyện khắp những ai chưa phát lòng tin, do thấy nghe chuyện này sẽ khởi tín tâm, người đã phát tín tâm thì sẽ do vậy mà lòng tin được tăng trưởng, ngõ hầu người người tin Phật cùng sanh Tây Phương, cùng viên chủng trí, để an ủi bổn hoài phổ độ chúng sanh của chư Phật vậy.

29. Lời tựa cho bài Sám Hối Văn của ông Thành Phục Sơ

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân bình trị thiên hạ, Phật độ chúng sanh. Nếu ai nấy đều biết nhân quả sẽ tự trừ khử nhân dục, noi theo thiên lý để khôi phục lương tri sẵn có thì chuyện thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ đều do điều này mà được hiển lộ rộng rãi. Phật pháp là căn bản của các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Từ khi Phật pháp được truyền vào Trung Quốc dưới đời Hậu Hán, hơn 1.800 năm do được vua thánh, tôi hiền, những vị thông suốt thấu đạt hộ trì, đề xướng, nên được truyền bá khắp trong ngoài nước. Trong thời gian ấy, tuy bị đôi ba tên vua hung bạo và những nhà Nho câu nệ bài xích, hủy trừ, nhưng bọn chúng đều là hạng ngửa mặt nhổ lên trời, đương nhiên tự bị nhơ bẩn.

Bọn Trình - Chu đời Tống đọc kinh điển Đại thừa nhà Phật, thân cận tri thức Thiền tông để mong trộm lấy ý nghĩa hòng tự khoe khoang, do chưa đọc trọn khắp các kinh, chưa tham học rộng khắp với tri thức các tông, bèn trộm lấy ý nghĩa "toàn sự chính là lý" trong kinh Phật và "pháp gì, chuyện gì cũng đều quy về tự tâm" trong Tông môn để giải thích kinh đạo Nho, rốt cuộc trở thành tà kiến chấp lý phế sự, như nói: "Trời chính là lý, nào thật sự có vị vua đội mão xử đoán đâu? Quỷ thần là lương năng của hai khí (âm và dương). Con người sau khi chết đi hình hài đã mục nát, thần thức cũng phiêu tán, dẫu có chém, chặt, xay, giã sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần hồn đã phiêu tán rồi, lấy ai để thác sanh?" Thoạt đầu do chấp lý mà phế sự, kế đến trở thành đoạn diệt, ngoan không[588]. Do vậy hết sức phô trương ý kiến của chính mình, báng Phật pháp sâu xa, bảo sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Phật đã nói chính là căn cứ để phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của đức Phật, chứ thật ra không có chuyện ấy.

Từ đấy, phàm những kẻ theo Lý học đều lén lút xem kinh Phật nhưng đều cật lực báng bổ Phật pháp, chẳng suy xét căn bản của đạo, chỉ chấp chặt vào tri kiến môn đình. Từ đấy cách trị tâm, trị thân, trị quốc, trị thế chỉ còn bề ngoài, trọn chẳng có căn bản. Vừa bị Âu hóa liền ngả rạp theo gió, rốt cuộc biến thành hiện tượng phế kinh điển, phế luân thường, tranh thành giành đất, thê thảm chẳng nỡ nghe, trở thành cuộc loạn lạc lớn nhất kể từ khi có con người đến nay. Xét đến căn nguyên đều là do học thuyết bài xích nhân quả luân hồi ươm thành.

Từ sau Trình - Chu trở đi, người học hễ thiên tư thông minh thì không ai chẳng trúng phải chất độc do bọn Chu - Trình truyền lại này, tất cả đều tự khoe là bảo vệ đạo pháp, chứ chẳng biết đã trái nghịch đạo cũng lớn lắm. Đối với đại đa số con người, suốt một đời không cách gì được nghe đến đạo, nhưng cũng có người lúc đầu bị hãm vào lối xe đổ, về sau thống thiết cải hối, thương mình xót người, muốn đem sự mê chấp của chính mình để làm tấm gương cảnh tỉnh cho hết thảy mọi người giống như ông Thành Phục Sơ ở huyện Tần An tỉnh Cam Túc nào có hạn lượng?

Dựa theo lời con ông ta là Tịnh Niệm đã viết thì: "Gia nghiêm từ thuở 16, 17 tuổi liền trúng phải chất độc do bọn Trình - Chu để lại, tự lấy chuyện bài xích Phật - Lão làm trách nhiệm của chính mình, tiếc cho một bề chống trái, thiên kiến, nhưng kinh Phật rất khó được thấy, lại không có bậc cao tăng hoằng pháp hay bậc thông đạt lỗi lạc để thân cận, bèn coi lời lẽ của Trình - Chu là lời bàn quyết định

[588] Ngoan không, còn gọi là *thiên không*, tức là một loại tà kiến cho không được nói trong Phật pháp là cái không trống rỗng, không có gì hết, rồi quy kết Phật giáo là một thứ hư vô chủ nghĩa (nihilism), không biết đến nghĩa chân không diệu hữu của nhà Phật.

ngàn đời chẳng xê xích được, liền y theo những gì bọn họ nói để bài xích Phật - Lão, chứ thật ra trọn chẳng biết cội nguồn Phật - Lão ra sao! Do lầm lạc bài xích Phật - Lão và chỉ coi những điều mình sùng phụng là tông chỉ chân chánh của Nho giáo nên càng thêm mê muội."

May sao đời trước đã gieo thiện căn, trời xét soi tấm lòng ngu thành, khiến cho cụ bệnh nặng mấy năm hòng tự phản tỉnh. Thoạt đầu cụ vẫn nói "thiên đạo vô tri", rồi đại ngộ chính mình thấy hiểu lầm lạc, trái nghịch. Từ đấy thống thiết sửa đổi lỗi trước, tận lực tu tịnh hạnh, bắt chước ông Liễu Phàm lập mạng, học đòi ông Tịnh Ý sửa đổi cái tâm. Tuy được tâm địa quang minh, mắt vẫn lòa như cũ (năm Dân Quốc 16 (1927), mắt phải kéo màng, chẳng thể thấy mọi vật. Đến năm Dân Quốc 20 (1931), mắt trái cũng thế, bèn cùng với con cực lực sám hối. Người con trích máu vẽ hình Phật, dùng chất son hòa máu chép kinh. Ông ta tự soạn bài văn thú lỗi, mắt bèn thấy được mọi vật), mới biết chẳng bộc lộ lỗi mình, trọn khó thể tiêu nghiệp được, nếu phơi bày lỗi xưa thì còn làm lợi cho người khác. Do vậy bèn soạn bài văn sám hối in ra gởi cho những người cùng hàng, đem sự mê ngộ của chính mình để làm khuôn phép răn dè cho kẻ thông sáng mai sau, cậy Quang viết lời bạt mong được lưu truyền rộng rãi. Do vậy, tôi lược thuật nguyên ủy mắc bệnh [của ông Thành Phục Sơ] để mong những người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm cùng đẩy lùi phong thái suy đồi, cùng giữ vẹn hạnh Nho, cùng tu tịnh nghiệp, cùng được gội ân Phật, cùng trừ khử món vật nhân dục huyễn vọng, cùng đạt được lương tri sẵn có, ngõ hầu có thể "sáng tỏ minh đức" nhằm "an trụ nơi chí thiện", trì Phật hiệu để sanh Tây Phương. Mất niệm biến thành cuồng, khắc chế được ý niệm sẽ thành thánh, lấy thân làm gương, phổ độ quần mê đều là do những điều đã được nói ở đây vậy.

30. Duyên khởi của Tịnh nghiệp xã chùa Tiên Khánh tại Tam Giang Khẩu, Hàm Giang

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Một pháp niệm Phật là pháp môn tổng trì trong Phật pháp, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, trên từ bậc Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài pháp này, dưới là phàm phu nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Nói nông cạn thì đàn bà, trẻ nít đều có thể tu trì, nói sâu xa thì bậc thánh triết cũng chẳng thể hiểu trọn.

Đã thế, đối với hàng thiện tín tại gia, pháp này thích hợp căn cơ nhất. Do đức Như Lai gọi "hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp" là "chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật", nên hễ là người

niệm Phật thì đối với gia đình, luân thường đều phải trọn hết bổn phận. Tức là cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành vậy. Lại còn phải ngăn giận, dứt ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành; nhưng tu thiện trừ ác thì rất cần phải tích cực phản tỉnh xem xét tại nơi khởi tâm động niệm, dốc lòng thực hiện rộng rãi để trừ khử [những thói hư tật xấu, phiền não, ác niệm]. Dè dặt kiêng sợ, đừng coi thường thì mới là người lành. Người lành niệm Phật mới có thể được hưởng lợi ích chân thật nơi niệm Phật. Ví như nền tảng vững vàng chắc chắn thì mới có thể tùy ý xây dựng lầu cao muôn trượng được.

Hiện nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, nói chung là vì chẳng nói đến đạo "trọn hết tình nghĩa, tận hết bổn phận" và lý "phước thiện, họa dâm". Đối với chuyện luân hồi lục đạo và pháp niệm Phật vãng sanh thì càng không có cách gì nghe tới được! Do tâm chẳng chú trọng đạo đức nhân nghĩa, nhân quả báo ứng, dẫu có nghe cũng chẳng thể sanh lòng tin. Bởi những lẽ đó nên đã ươm thành đại kiếp, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, cơ duyên giết chóc ngập tràn, dân không lẽ sống. Những người có lòng lo cho cõi đời muốn cứu vãn đều đề xướng Phật học và tu pháp môn niệm Phật, bởi pháp này thật sự là pháp dễ tu trì, dễ thành tựu nhất trong Phật pháp, như người tập bắn lấy mặt đất làm đích, bắn không phát nào chẳng trúng.

Pháp này cậy vào Phật từ lực, nếu chịu tuân theo lời dạy tu trì thì không một ai chẳng thành tựu. Do vậy ai nấy hãy nên quy y tam bảo, thọ trì ngũ giới, tuân hành thập thiện, dùng ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, sanh lòng tin phát nguyện niệm thánh hiệu Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Người như thế sống là bậc thánh bậc hiền, thác lên cõi Cực Lạc. Khuyên dạy lẫn nhau, nhìn nhau bắt chước làm lành, khó gì chẳng dứt tai tiêu họa, tu đức sẽ hưởng phước, giữ vẹn cái gốc, trọng luân thường, thay đổi phong tục để đạt đến thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Do vậy nói rằng "một pháp niệm Phật há chẳng là căn bản pháp luân để chấn hưng sức dân, phụ trợ chánh trị, giáo hóa, chẳng nắm giữ địa vị mà dạy dỗ dân, chẳng nhờ đến hình phạt mà dứt được chuyện ác ư?" Nguyện những vị mang lòng vãn hồi kiếp vận đều cùng dự vào Tịnh nghiệp xã.

Những người ở xa xôi hoặc thân mang chức vụ bận bịu, hoặc thanh niên, phụ nữ chẳng tiện đến Tịnh nghiệp xã thì đều có thể nhiếp tâm tịnh niệm ở nhà. Lập ra Tịnh nghiệp xã chẳng qua chỉ nhằm tạo một tổ chức để đề xướng diễn thuyết mà thôi. Hằng ngày niệm Phật cố nhiên là chuyện tu trì tại gia, chẳng thể không biết điều này. Tịnh nghiệp xã được lập tại chùa Tiên Khánh, vào ngày nào đó mỗi

tháng xã hữu cùng đến niệm Phật. Niệm xong, mời vị nào thông hiểu văn từ lý lẽ giảng diễn chương trình lẫn lợi ích do niệm Phật cũng như quy củ lẫn lợi ích của việc giáo dục con cái trong gia đình. Lại còn sắm sửa những sách giảng về niệm Phật tu thiện đơn giản gần gũi, ai muốn xem thì cứ trả tiền theo giá vốn để thỉnh về xem, chẳng tốn nhiều tiền lắm. Lại dùng khoản tiền ấy để thỉnh đầy đủ sách đọc. Nếu mọi người có thể đua nhau thực hiện chuyện này mạnh mẽ thì thế đạo nhân tâm sẽ tự nhiên thuần thiện, thiên tai nhân họa không cách chi xảy ra được. Đây quả thật là sách lược tối thượng vì nước, vì dân, vì xã hội, vì gia đình vậy. Nguyện những người thấy nghe đều cùng khởi lòng.

31. Duyên khởi của Trợ Niệm Vãng Sanh xã tại trấn Cấp Tân, Hải Môn

(Năm Dân Quốc 20 -1931)

Mỗi một tài, một nghề trong thế gian đều phải do mọi người giúp đỡ thì mới có thành tựu. Vì thế nói: *"Bách công cư tứ dĩ thành kỳ sự, quân tử học dĩ trí kỳ đạo"* (Trăm thợ sống ở xưởng thợ để nghề nghiệp được thành, quân tử học để thấu hiểu đạo[589]). Pháp thế gian còn như thế, sao riêng pháp xuất thế gian lại chẳng giống như vậy cho được? Phải biết "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ" chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài, mà phàm phu nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Hết thảy pháp môn chẳng đạt đến mức "nghiệp tận tình không" sẽ chẳng thể liễu sanh thoát tử được, vì chỉ cậy vào tự lực, cho nên khó khăn.

Pháp môn niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha sẽ liền có thể siêu phàm nhập thánh, bởi chuyên cậy vào Phật lực, cho nên dễ dàng. Hễ được vãng sanh thì sẽ đạt được lợi ích cao siêu hơn những người "nghiệp tận tình không" nhiều lắm. Pháp môn này bất luận già trẻ, trai gái, sang hèn, trí ngu, sĩ nông công thương, tại gia, xuất gia đều nên tu trì, chẳng những không trở ngại hết thảy nghề nghiệp mà còn có thể giúp cho hết thảy nghề nghiệp dễ thành tựu.

Phàm là người niệm Phật ắt phải chăm chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật sự vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện kiên quyết cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người khác, trong là gia đình, quyến thuộc, ngoài là xóm giềng, bầu bạn đều cùng tu pháp này, cùng cầu vãng sanh. Công đức ấy há thể diễn tả được ư? Vì thế, ông Thành Huệ Dân

[589] Chúng tôi dịch câu nói này của Tử Hạ theo cách diễn giải của sách Luận Ngữ Tường Giải.

và các cư sĩ tổ chức Trợ Niệm Vãng Sanh xã tại miếu Vũ Thánh[590] trong trấn của họ, mỗi tháng đúng kỳ đến đấy niệm Phật. Niệm xong, giảng nói lợi ích của pháp môn niệm Phật và cách thức tu trì, cũng như biện pháp trợ niệm lúc lâm chung. Phàm những ai tham dự Trợ Niệm xã đều nên hành theo đó. Hễ có xã hữu hoặc không phải xã hữu thỉnh đến nhà trợ niệm đều nên vận dụng tâm đại Bồ-đề vốn có, khai thị, hướng dẫn bệnh nhân và quyến thuộc của người ấy để ai nấy đều y theo Phật pháp, đừng thuận theo thói phàm. Khai thị xong, mọi người cùng nhất tâm niệm Phật để mong cho người mất vãng sanh về thẳng Tây Phương mới thôi. Thành tựu người khác vãng sanh thì đến khi chính mình lâm chung ắt sẽ có người khác thành tựu sự vãng sanh cho chính mình, đừng cho chuyện ấy là không quan hệ rồi coi thường!

Đối với những đạo hữu niệm Phật cùng một Trợ Niệm xã, trong lúc bình thường hãy nên nói với người trong nhà về lợi ích do trợ niệm khi lâm chung cũng như những họa hại do tắm rửa, thay áo sẵn, hoặc đối trước người sắp mất khóc lóc. Hãy nên thỉnh một cuốn Sức Chung Tân Lương cho họ đọc để họ biết tường tận. Để rồi đến khi cha mẹ hoặc các quyến thuộc khác sắp mạng chung, quyến thuộc trong nhà sẽ cùng nhau vì người ấy niệm Phật, khiến cho tâm người sắp mất ấy giữ được chánh niệm, theo Phật vãng sanh, cũng như thỉnh xã hữu trợ niệm cho người sắp mất ấy. Lúc ấy là lúc ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ rất lớn. Hãy nên đem những chi phí ma chay cúng tế rỗng tuếch, hoa mỹ dùng vào lúc ấy, hãy biến tấm lòng buồn đau, tận hiếu chân thành trở thành cái tâm vì cha mẹ niệm Phật. Lại còn bảo quyến thuộc đều nghe theo lời chỉ dạy của xã hữu, đừng khư khư theo tập tục kẻo làm hỏng đại sự.

Mạnh tử nói: "Dưỡng sanh giả bất túc dĩ đương đại sự, duy tống tử khả dĩ đương đại sự"[591], huống chi lúc lâm chung dùng niệm Phật để tương trợ thì chánh niệm rạng rỡ, theo Phật vãng sanh. Thành tựu cho cha mẹ được vãng sanh tức là thành tựu cho cha mẹ thành Phật, phàm thành Phật sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Chuyện tận hiếu trong thế gian há có lớn hơn điều này được chăng? Do vậy hãy nên cạn kiệt tấm lòng thành của ta mà tận lực giúp đỡ.

---

[590] Miếu Vũ Thánh là miếu thờ Quan Công. Do người Trung Hoa tôn xưng Quan Công là Vũ Thánh, Khổng tử là Văn Thánh, nên các miếu thờ Quan Công thường hay gọi là miếu Vũ Thánh. Trong miếu Vũ Thánh thường thờ tượng Quan Công, hai bên là tượng Quan Bình và Chu Thương đứng hầu. Tuy vậy, ngoài bàn thờ chính thờ Quan Công ra, có những nơi còn thờ xen lẫn đủ thứ thần tượng của Đạo giáo, kể cả tượng Quán Âm.

[591] Câu nói này trích từ thiên Ly Lũ sách Mạnh Tử, Triệu Kỳ đời Hán giảng như sau: "Người con hiếu tận hết sức hiếu dưỡng cha mẹ, vẫn chưa đáng coi đó là giữ được chuyện lớn, mà đến lúc mất, tống táng đúng lễ thì mới đáng coi là giữ được chuyện lớn vậy."

Nếu cứ khư khư theo tập tục chẳng coi trọng việc thành tựu chánh niệm, hoặc tắm rửa, thay quần áo sẵn, do bị đụng chạm, tâm người sắp mất bị nhiễu động có thể bị đau đớn, ắt sanh lòng giận bực. Nếu khóc lóc, người ấy ắt sanh lòng bi luyến. Đã loạn động thì chánh niệm bị mất, không cách gì vãng sanh được! Hễ nóng giận sẽ có thể đọa trong các loài độc trùng; mà mến luyến cũng thuộc về căn bản sanh tử. Con người nếu không bị bệnh cuồng, ai nỡ vì trọn hết lòng ngu thành tận hiếu mà phá hoại chánh niệm của cha mẹ khiến cho họ đánh mất lợi ích lớn lao "liễu sanh thoát tử hòng được thành Phật", đến nỗi chịu sự khổ lớn lao "đọa lạc trong tam đồ ác đạo, thường bị luân hồi nhiều kiếp" ư? Thực hiện lòng hiếu kiểu đó khác gì la-sát nữ yêu người đâu? La-sát nữ bảo người bị nó ăn thịt: "Ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi!" Nguyện hết thảy những người con hiếu cháu hiền và những quyến thuộc nhân từ hãy cùng tùy thuận cái tâm độ chúng sanh của đức Phật, đừng yêu thương giống như la-sát nữ thì người thác lẫn kẻ sống đều được lợi ích lớn lao vậy!

32. Duyên khởi của liên xã Xí Lô

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót chúng sanh do mê muội diệu tâm vốn có mà luân hồi sanh tử, bèn thị hiện giáng sanh trong thế gian thành Đẳng chánh giác, tùy thuận căn cơ của chúng sanh, nói đủ mọi pháp. Tuy Đại, Tiểu, Thiên, Viên bất đồng, Quyền, Thật, Đốn, Tiệm mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều nhằm làm cho chúng sanh khai - thị - ngộ - nhập tri kiến của Phật, rốt ráo thành Phật mà thôi. Nhưng chúng sanh căn cơ có lớn hoặc nhỏ, mê có cạn hoặc sâu, nên chẳng thể thỏa thích bổn hoài của Phật được ngay. Lại do chúng sanh đời mạt nghiệp chướng sâu dày, trí tuệ cạn mỏng, thọ mạng ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, nếu không cậy vào Phật lực quyết khó thể liễu thoát trong đời này. Do vậy đặc biệt mở ra một pháp môn Tịnh độ nhiếp trọn sơ - trung - hậu, độ khắp ba căn cơ thượng - trung - hạ để những vị đã chứng pháp thân sẽ mau thành Phật đạo, kẻ chưa đoạn phiền hoặc cũng thoát luân hồi, lợi ích ấy vượt trỗi hết thảy giáo pháp trong cả một đời, bởi lẽ một đằng chuyên cậy vào tự lực, một đằng kiêm nương vào Phật lực.

Ví như gã thọt suốt ngày chỉ đi được mấy dặm, nếu cưỡi luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương sẽ trong một ngày đến khắp bốn châu. Vì thế pháp này được chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói, bởi pháp này là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn

công mở liên xã đầu tiên, khi ấy bậc cao tăng đại nho dự vào hội cả 123 người. Từ đấy về sau đời nào cũng có cao nhân tục diệm truyền đăng, truyền khắp trong ngoài nước. Đại pháp của đức Như Lai có năm thứ là Luật, Giáo, Tông, Mật, Tịnh, nhưng chỉ có một pháp Tịnh độ là tu trì dễ dàng nhất, thành tựu dễ dàng nhất, là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Tông, Mật. Vì thế các vị thiện tri thức Luật, Giáo, Tông, Mật xưa nay đều chăm chú ngầm tu, rất nhiều vị cực lực hoằng dương công khai. Pháp này chân tục viên dung, vừa khế cơ vừa khế lý, chẳng những vì người học đạo lập ra một môn mầu nhiệm để thoát luân hồi, mà thật ra còn là đạo trọng yếu để người cai trị đất nước ngồi hưởng thái bình. Do đó vãng thánh tiền hiền, bậc thông suốt, người trí sáng đều cùng tu trì như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước xuôi về biển Đông.

Gần đây lòng người thua kém thuở xưa, bỏ gốc chạy theo ngọn, gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, con người đua nhau chuộng duy tân, tranh thành giành đất, tàn sát lẫn nhau, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Những người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm thấy hiện tượng ấy, sợ đạo làm người gần như diệt mất, đua nhau lập cách vãn hồi. Do vậy các nơi đều lập Tịnh nghiệp xã, Cư sĩ lâm đề xướng Phật học hòng nêu tỏ nhân quả ba đời, chỉ ra sự luân hồi trong sáu nẻo, tỏ lộ Phật tánh chân thường, tán dương Tịnh độ cao siêu thù thắng, khiến cho hết thảy mọi người vâng giữ tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", hành tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", đều phải ngăn lòng giận, dứt lòng ham muốn, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền, người lành trong thế gian, phát tâm Bồ-đề, tự hành, dạy người "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương", để đến khi lâm chung Phật và thánh chúng đích thân đến tiếp dẫn cho người ấy được vãng sanh, hòng thành bậc thượng thiện nhân xuất thế gian. Đấy chính là đại ý các nơi thành lập Tịnh nghiệp xã, mở Cư sĩ lâm vậy.

Tô Châu vốn là xứ Phật giáo hưng thịnh từ xưa đến nay, cố nhiên có nhiều người túc căn sâu dày, dù bị ngoại đạo lung lạc, bước lầm vào ngõ rẽ, chẳng mấy chốc lại quay về đường chánh. Cư sĩ Tào Tung Kiều sáng lập hội Ẩn Bần để chu cấp, cứu giúp dân nghèo chính là ban bố lòng từ trên phương diện sắc thân. Nay lại lôi kéo hai cư sĩ Trần Y Nhân và Chu Lương Tế mở liên xã Xí Lô nhằm đề xướng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu kẻ mê trái quê cũ trọn chẳng có tư lương để trở về sẽ đều được đầy đủ tư lương, đấy chính là lo lắng cho phương diện huệ mạng vậy. Nhưng đạo của Lô Sơn ai có thể nối tiếp dấu tích được, chỉ đành ngưỡng mộ dõi theo mà thôi thì cũng chẳng thẹn là đồ đệ của Lô Sơn, vì thế đặt tên là liên xã Xí Lô (ngóng theo Lô Sơn)! Họ cậy Quang viết duyên khởi để

phô tỏ ý nghĩa ẩn kín, vì thế mới dài dòng một phen, mong sao người thấy nghe và các xã viên biết rõ ý nghĩa "đạo sẵn có ngay nơi tự tâm, pháp để tu chân trong cõi tục, dùng niệm Phật để hộ quốc, ngầm tu mà giúp đời" vậy.

33. Duyên khởi của thư viện Phật học Phước Châu

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Phật là giác; tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì mới gọi là Phật, tức là hết sạch phiền hoặc, phước tuệ trọn đủ, ngũ uẩn đều không, chứng triệt để ba đức, là danh hiệu cao đẹp của bậc "thánh trong các thánh, trời trong các trời", là danh hiệu chung của mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Thích-ca Mâu-ni chính là tên riêng của đấng giáo chủ cõi Sa-bà. Tiếng Phạn "Thích-ca Mâu-ni", cõi này dịch là Năng Nhân Tịch Mặc. Năng Nhân nghĩa là rộng độ chúng sanh; Tịch Mặc là triệt chứng tự tánh. "Học" là bắt chước theo, tức là tùy phần tùy sức tu hành theo lời dạy. Đã tu hành theo lời dạy, sao lại nói "tùy phần, tùy sức"? Là vì đức Phật thuyết pháp tùy theo căn tánh của chúng sanh. Do căn tánh chẳng chỉ có một nên tùy theo sự hiểu biết, khả năng của họ mà nói pháp thích hợp.

Tùy theo căn cơ ban bố giáo pháp, đối bệnh cho thuốc, sao cho giáo pháp phù hợp căn cơ, khiến cho ai nấy đều được lợi ích. Dạy chúng sanh chìm đắm trong biển khổ sanh tử quy y tam bảo Phật - pháp - tăng để làm chỗ nương tựa, dạy họ giữ năm giới "chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu", dạy họ tu thập thiện, đối với ba điều nơi thân, bốn điều nơi miệng, ba điều nơi ý đều dạy dứt ác làm lành. Tức là thân chẳng làm chuyện giết trộm dâm, miệng chẳng nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói ác độc, ý chẳng khởi ý niệm tham dục, nóng giận, ngu si. "Ngu si" nghĩa là không tin nhân quả, nói ra những lời tà kiến như "làm lành làm ác chẳng có báo ứng, con người chết đi thần hồn diệt mất, không có đời sau v.v.". Lại còn gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, khuyên bạn bè hướng thiện sửa lỗi, chủ giữ lòng nhân, tớ giữ lòng trung, mỗi mỗi đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Đấy chính là pháp Nhân thừa, tu theo pháp này sẽ đời đời làm người. Nhân thừa là căn bản của Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa, như đắp nền đất vững vàng, có thể tùy ý xây dựng lầu cao.

- Thiên thừa thì ngoài ngũ giới thập thiện ra, còn tu thêm các thứ thiền định để sanh vào các cõi trời Lục dục, Tứ thiền, Tứ không v.v.. Nhân thừa lẫn Thiên thừa đều chẳng phải là pháp liễu sanh tử.

- Thanh văn thừa thì y theo giới định tuệ, tu pháp tứ đế để liễu sanh tử.

- Duyên giác thừa thì y theo giới định tuệ, quán sát hai môn lưu chuyển và hoàn diệt[592] của thập nhị nhân duyên hòng liễu sanh tử.

- Bồ-tát thừa thì y theo giới định tuệ tu lục độ vạn hạnh, dưới hóa độ chúng sanh để mong trên là thành Phật đạo.

Nhưng pháp ba thừa này đều thuộc vào pháp phổ thông cậy vào tự lực, người tối thượng thượng căn mới có thể liễu sanh tử ngay trong đời này, dẫu khi Phật đang còn tại thế cũng là trăm người mới có được một. Nếu như hiện thời thì e rằng cả thế giới cũng không có được một hai người!

Nhưng do tâm đại từ bi, đức Phật biết trước chúng sanh đời sau không có kẻ nào cậy vào tự lực để liễu sanh tử ngay trong đời này được, bèn mở riêng một pháp môn đặc biệt là tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận già trẻ, trai gái, sang hèn, trí ngu, sĩ, nông, công, thương, công chức, quân nhân, giới giáo dục học thuật, tại gia, xuất gia, thượng thánh, hạ phàm đều trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Phàm phu sát đất mang nghiệp vãng sanh. Đã vãng sanh Tây Phương, ba thứ hoặc - nghiệp - khổ thảy đều tiêu diệt. Ví như mảnh tuyết rớt vào lò to, chưa đến nơi đã tan mất. Hàng nhị thừa đã liễu sanh tử và Quyền vị Bồ-tát vãng sanh sẽ mau chứng Vô sanh pháp nhẫn. Bậc Pháp thân đại sĩ đã chứng Vô sanh mà vãng sanh sẽ mau chứng Phật quả.

Hết thảy các pháp Đại thừa, Tiểu thừa do đức Thế Tôn đã nói trong cả một đời đều cậy vào tự lực, cho nên khó khăn; chỉ có một pháp này hoàn toàn cậy vào sức từ bi thệ nguyện nhiếp thọ của A-di-đà Phật và sức tín nguyện thành khẩn ức niệm của hành nhân nên được cảm ứng đạo giao, giải quyết xong xuôi ngay trong một đời này. Nhưng đã muốn vãng sanh Tây Phương thì phải nghĩ hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, nghĩ báo ân ấy sẽ càng thêm mến tiếc, che chở, chẳng dám giết ăn, thấy hết thảy những người cùng hàng và các quỷ thần cùng với chim thú, côn trùng đều tâm niệm miệng nói, dạy bọn họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu như ba nghiệp thanh tịnh, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đem pháp môn Tịnh độ khuyên lơn thì người ta sẽ nhìn

[592] Lưu Chuyển (Pravrtti) ngụ ý sanh tử tiếp nối không ngừng, xoay lăn trong tam giới, luân hồi trong lục đạo. Quán Thập Nhị Nhân Duyên theo chiều thuận, tức là quán từ vô minh cho đến lão - tử thì gọi là Lưu Chuyển Môn hoặc Thuận Quán.

Hoàn Diệt có nghĩa từ mê trở về với lẽ chân, diệt hết phiền não, tiến nhập Niết-bàn. Quán Thập Nhị Nhân Duyên theo chiều nghịch, từ lão - tử quán ngược lại cho đến cội nguồn của mọi đau khổ là vô minh, sẽ phá được vô minh nên gọi là Hoàn Diệt hoặc Nghịch Quán.

theo bắt chước nhau làm lành, ắt sẽ có hy vọng thay đổi cảm hóa ngấm ngầm, khiến cho phong tục tốt đẹp thuần hậu.

Người đời chưa đọc kinh Phật, chẳng biết Phật suy tính sâu xa để hóa độ chúng sanh, thấy bọn Hàn - Âu - Trình - Chu báng Phật, liền tự mình gánh lấy trách nhiệm "đề cao điều chánh, quở trách thói tà", người ta nói sao mình cũng bảo vậy, thốt lời khinh miệt, phỉ báng cho sướng miệng, chẳng biết bọn Hàn - Âu hoàn toàn chưa từng đọc kinh Phật. Lý luận về đạo Phật của họ Hàn vốn chỉ có hai chữ *tịch diệt* là từ ngữ trong Phật pháp, còn những từ ngữ khác đều là lời lẽ của Lão tử, Trang tử. Về sau do thiền sư Đại Điên khơi gợi, hướng dẫn, Hàn Dũ mới không báng Phật nữa. Họ Âu chỉ đề cao họ Hàn, căn cứ để ông ta báng Phật là "do sự cai trị của nhà vua đã suy vi, đạo nhân nghĩa không ai đề xướng, nên Phật thừa cơ xâm nhập". Nếu như ông ta hiểu biết đạo giúp đời độ sanh do đức Phật tùy thuận cơ nghi mà lập như đã nói trong phần trước, ắt chẳng đến nỗi coi Phật là họa hoạn của Trung Quốc để rồi muốn xua quét đi. Họ Âu đề xướng như thế, kẻ học đạo Nho coi họ Âu như tông sư, đều bắt chước bài bác Phật giống như vậy. Đại sư Minh Giáo[593] muốn cứu vãn thói tệ ấy, soạn Phụ Giáo Biên dâng lên hoàng đế Tống Nhân Tông. Nhân Tông đưa cho Hàn Ngụy Công[594] xem, ông Hàn đưa cho họ Âu xem, họ Âu kinh ngạc nói: "Chẳng ngờ trong tăng chúng lại có người như vậy? Sáng mai sẽ gặp mặt một phen!" Ngày hôm sau, ông Hàn đưa Minh Giáo đến gặp, bàn luận thông suốt trọn một ngày, từ đấy họ Âu chẳng còn báng Phật nữa. Hàng môn hạ của Âu Dương Tu tiếp nhận giáo huấn của ngài Minh Giáo, đa số đều cực lực học Phật.

---

[593] Đại sư Minh Giáo chính là ngài Khế Tung (1007-1072), một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn sống vào đời Tống, quê ở Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng tỉnh Quảng Tây), tự Trọng Linh, hiệu Tiềm Tử. Sư xuất gia năm 7 tuổi, 13 tuổi được thế phát, thọ giới, 19 tuổi đi tham học khắp nơi, đầu thường đội tượng Quán Âm, mỗi ngày trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát mười vạn câu. Về sau sư đắc pháp nơi thiền sư Hiểu Tông thuộc tông Tào Động. Sư đọc trọn khắp các kinh điển, sách vở, rất giỏi văn chương, thường nhấn mạnh thuyết "Nho Phật nhất trí". Ngoài bộ luận Phụ Giáo Biên nổi tiếng ra, sư còn trước tác những cuốn Truyền Pháp Chánh Tông Định Tổ Đồ, Truyền Pháp Chánh Tông Ký v.v.. Những trước tác của sư được Tống Nhân Tông hết sức ngưỡng mộ, hạ lệnh đưa vào Đại tạng, ban tặng cho sư ca-sa tía và ban hiệu là đại sư Minh Giáo. Sau khi sư thị tịch tại chùa Linh Ẩn vào năm Hy Ninh thứ năm (1072), môn nhân thu thập những ngữ lục của sư soạn thành bộ Đàm Tân Văn Tập, 20 quyển.

[594] Hàn Ngụy Công chính là Hàn Kỳ (1008-1075), tự Trĩ Khuê, quê ở An Dương, Tương Châu (tỉnh Hà Nam), là một văn quan đời Tống, cùng với Phạm Trọng Yêm là những văn quan thống lãnh quân phòng ngự biên giới phía Tây, chuyên kháng cự quân Tây Hạ xâm lăng Đại Tống. Về sau, họ Hàn làm Tể tướng vào năm Gia Hựu thứ ba (1058), rồi được Tống Anh Tông phong cho tước Ngụy Quốc Công.

Họ Trình, họ Chu đọc kinh Đại thừa nhà Phật, thân cận thiện tri thức Thiền tông, biết được những nghĩa "toàn sự chính là lý" trong kinh và "pháp gì, chuyện gì cũng quy về tự tâm" của Tông môn, liền tưởng mình đã lãnh hội lớn lao, chứ thật ra chưa hề đọc trọn các kinh Đại thừa, Tiểu thừa và thân cận tri thức các tông, bèn chấp lý phế sự, bác không nhân quả, bảo đức Phật nói ra nhân quả ba đời, luân hồi sáu đường để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu ngu phụ sùng phụng giáo pháp của ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy. Lại còn nói: "Con người chết đi, hình hài đã mục nát thì thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém, chặt, xay, giã sẽ thi thố vào đâu? Thần hồn đã phiêu tán, lấy ai để thác sanh?" Do vậy kẻ ác mặc lòng tạo nghiệp, người lành cũng khó gắng sức làm lành.

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Như Lai độ chúng sanh mà họ bảo là "không có thật" khiến cho những kẻ học đời sau đều chẳng dám nói đến nhân quả, chỉ lấy chánh tâm, thành ý để làm gốc cho tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ; nhưng nhân quả chính là cái khiến cho người lành chẳng thể không chánh tâm thành ý, kẻ ác chẳng dám không chánh tâm thành ý. Đã không nói đến nhân quả thì pháp trị quốc, trị gia, trị thân, trị tâm chỉ là lời suông, chẳng có lợi ích thật sự. Mấy trăm năm qua vẫn còn duy trì được là nhờ phong thái lẫn sự cai trị tốt đẹp của bậc đại nhân thời cổ còn chưa bị hoàn toàn diệt mất.

Gần đây những kẻ phế bỏ đường lối cũ đua nhau đề cao duy tân, tranh thành giành đất, tàn sát lẫn nhau, cậy mạnh nuốt yếu, ươm thành đại kiếp đều là do Nho sĩ trong cả nước chẳng dám nói đến nhân quả, sợ bị người khác công kích mình đã trái nghịch tiên hiền. Hơn nữa, nếu kẻ nào có chút thành tựu sẽ được dự vào Văn Miếu, nếu nói đến nhân quả sẽ bị người khác coi là nịnh Phật rồi ngăn trở, nên coi việc nói đến nhân quả là điều phải tránh né. Do vậy bèn phát sanh đại loạn từ xưa đến nay chưa hề có! Nếu gia đình, nhà trường, xã hội đều giảng nhân quả, chắc chắn chẳng đến nỗi loạn lạc cùng cực như thế. Vào thuở ấy, Trình - Chu sợ Phật giáo hưng thịnh thì Nho giáo sẽ suy tàn, nên mới bài báng bằng cái tâm mê muội trái lý ấy hòng bảo vệ Nho giáo. Thảm trạng tranh chấp, tàn sát lẫn nhau nhiều năm không dứt quả thật chưa hề thấy. Đó gọi là *"nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu"* (người không lo xa, ắt có buồn gần).

Bọn họ sợ rằng nếu không báng Phật, Nho sĩ sẽ đều học theo Phật hết, chẳng biết nếu nhà Nho học Phật thì Nho giáo sẽ càng thêm hưng thịnh. Nghĩa lý này đã được trình bày tường tận trong bài viết nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín qua cuốn Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công, bài viết ấy sẽ được sao chép riêng để những nhà Nho nơi quý địa được mở rộng tầm mắt, có chỗ nương theo. Đời đã

loạn đến cùng cực, những vị nghĩ đến phương cách bình trị đều cùng đề xướng Phật học để sao cho ai nấy đều hiểu rõ nhân quả, biết tội phước, hồi tâm hướng thiện, vãn hồi kiếp vận để dân được sống yên. Các vị cư sĩ như La Khanh Đoan v.v. tính lập ra thư viện Phật học, cậy tôi viết lời trần thuật duyên khởi hòng nêu tỏ chỉ thú giúp đời độ sanh của Phật giáo, do vậy tôi bèn viết bài này cho xong trách nhiệm.

34. Duyên khởi quyên mộ tu bổ tháp Báo Ân chùa Báo Ân, Tô Châu

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Đó gọi là chánh nhân, thuộc về tánh đức, cũng còn gọi là bổn giác. Tuy có chánh nhân, nhưng nếu chẳng nghe Phật pháp sẽ như đồ báu trong kho, như viên châu buộc trong chéo áo, do không biết nên phải oan uổng chịu bần cùng. Đã được nghe Phật pháp, biết "Phật là vị Phật đã thành, ta và hết thảy chúng sanh đều là những vị Phật chưa thành", từ đấy tu giới định tuệ, đoạn tham sân si, bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác. Đấy gọi là duyên nhân, thuộc về tu đức, cũng gọi là thỉ giác vậy. Công tu đức sâu thì tánh đức hiển lộ, mới biết từ xưa đến nay đã nương theo sức của chánh nhân Phật tánh ấy để làm đủ mọi chuyện trái nghịch tánh, chịu đủ mọi nỗi khổ huyễn vọng, giống như trong nhà tối đụng phải của báu, đâm ra bị tổn thương. Nay đã đích thân thấy được Phật tánh sẵn có thì cái gốc cũ chẳng mất, mà Phật tánh mới giác ngộ hiện thời cũng chẳng được[595], toàn vọng chính là chân, toàn tu chính là tánh. Đấy gọi là liễu nhân, chính là tánh và tu dung hợp, thỉ bổn hợp nhất vậy.

Phàm hết thảy những pháp môn Đại - Tiểu - Quyền - Thật do đức Phật đã nói, không môn nào chẳng nhằm làm cho chúng sanh đích thân chứng được điều này mà thôi. Nhưng căn cơ chúng sanh có lợi độn, chức phận có thân sơ, nên khó thể tạo lợi ích rộng khắp được. Vì thế dùng chuyện tạo dựng tháp miếu, pháp tướng trang nghiêm, gõ chuông, đánh khánh, giơ nắm tay, dựng đứng cây phất trần để tạo duyên phát khởi, giúp cho người khác nhập đạo. Ở mỗi chỗ cư dân đông đảo, cổ nhân xây dựng đại tháp miếu cốt sao người thấy nghe sẽ gieo được hạt giống Phật vào trong tám thức điền, sau này ắt sẽ đích thân chứng được giác đạo, chứ không phải chỉ để tạo cảnh tráng lệ hòng nhìn ngắm cho sướng mắt.

Chùa Báo Ân ở Tô Châu do vua nước Ngô thời Tam Quốc là Tôn Quyền xây dựng để báo ân mẹ, vốn có tên là chùa Thông Huyền. Đến năm Đại Thông thứ tư (530) đời Lương Vũ Đế, chùa được trùng tu, vị tăng tên Chánh Huệ lập tháp báu

[595] Do luôn thường hằng sẵn có, nên nói "chẳng mất mà cũng chẳng được", chỉ là thấy được Phật tánh hay không mà thôi!

mười một tầng, hết sức trang nghiêm. Khi Tùy Văn Đế thay nhà Trần làm chủ giang sơn, chùa bị huyện lệnh đất Ngô là Tôn Khoan phế bỏ. Đầu đời Đường vị tăng tên Huệ Quân xây dựng lại. Năm Khai Nguyên 26 (738) đời Đường Huyền Tông, vua xuống chiếu mỗi châu quận trong thiên hạ lập một ngôi chùa lớn đề tên là Khai Nguyên; chùa bèn được đổi tên là chùa Khai Nguyên, trong chùa có tượng Huyền Tông bằng đồng thếp vàng. Trong niên hiệu Đại Thuận (890-891) thời Đường Chiêu Tông, chùa bị tên giặc ở Hoài Tây là Tôn Nho[596] đốt cháy rụi. Năm Đồng Quang thứ ba (925) nhà Hậu Đường, Ngô Việt Vương Tiền Liêu dựng chùa Khai Nguyên khác ở bên cạnh chùa Thụy Quang phía trong Bàn Môn, vì trong năm Kiến Hưng nguyên niên (313) đời Tấn Mẫn Đế, hai tượng Phật bằng đá từ biển trôi tấp vào, được xây điện thờ bằng gạch không có rui kèo để thờ. Từ đời Đường Hy Tông, Ngô Việt Vương Tiền Liêu đã chinh phạt Hoàng Sào[597], dẹp tan Đổng Xương, tận trung với nhà Đường, được phong vương vào thời Chiêu Tông, cai quản xứ Ngô Việt, đạo pháp hưng thịnh lớn lao. Thời Ngũ Đại, chỉ có xứ Ngô Việt là yên ổn nhất do mấy đời vua đều tin Phật, trọn không cai trị hà khắc.

Đến năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba đời Tống Thái Tông, Ngô Việt Vương hiến hết khu vực cai quản cho nhà Tống. Trong tám chín chục năm ấy, đối với Phật hay đối với Nho đều có quan hệ lớn lao không gì hơn được. Trong niên hiệu

[596] Tôn Nho chính là bộ tướng của Tần Tông Quyền (một trong các tướng cướp đầu hàng Hoàng Sào). Sau khi Hoàng Sào chết, Tần Tông Quyền xưng đế, sai Tôn Nho đánh Lạc Dương, Trịnh Châu v.v.. Khi bị Chu Ôn đánh bại, Tần Tông Quyền gọi em là Tần Tông Xung và Tôn Nho về tiếp cứu, Tôn Nho bèn giết Tông Xung, tự xưng vương, chiếm cứ một giải các quận huyện dọc miền Dương Châu. Nhà Đường khi ấy quá suy yếu, phải phong cho hắn làm Hoài Nam Tiết Độ Sứ. Tôn Nho đánh nhau liên tiếp với Dương Hành Mật để giành quyền làm chủ vùng Hoài Nam. Cho đến năm 892, Tôn Nho đem quân sang đánh Dương Hành Mật tại Tuyên Châu, bị họ Dương dùng kế tiêu thổ kháng chiến vây hãm. Cuối cùng quân lương hết, Tôn Nho bị họ Dương xử tử. Một bộ tướng của Tôn Nho là Mã Ân chạy thoát chiếm cứ miền Hồ Nam, xưng đế, lập quốc, sử gọi là nước Mã Sở.

[597] Hoàng Sào vốn là con một người buôn muối, thi rớt tiến sĩ, phẫn chí bèn cùng với con là Hoàng Quỹ và cháu là Hoàng Ân Nghiệp tập hợp những tay du thủ du thực, dựng cờ khởi nghĩa tại Oan Cú (nay thuộc thành phố Hà Trạch, tỉnh Sơn Đông) với chiêu bài "thế thiên hành đạo, cứu khổ dân nghèo" để lật đổ nhà Đường vào năm Càn Phù thứ hai (875). Thế lực của Hoàng Sào phát triển nhanh chóng, chiếm lĩnh một vùng đất rộng lớn từ Sơn Đông đến các tỉnh Hồ Bắc, An Huy, chiếm được cả kinh đô Trường An của nhà Đường, xưng đế, lấy quốc hiệu là Đại Tề, niên hiệu là Kim Thống. Nhờ sự phản bội một đại tướng của Hoàng Sào là Chu Ôn và đội quân dũng mãnh của tướng quân Lý Khắc Dụng người tộc Sa Đà, quân của Đường Hy Tông mới có thể phản công, tái chiếm lại Trường An. Đôi bên đánh nhau dằng dai mãi đến ngày 13 tháng 7 năm 884 Hoàng Sào bị bộ hạ là Lâm Ngôn ám sát, cuộc phản loạn mới được dẹp yên.

Hiển Đức (954-960) nhà Chu thời Ngũ Đại, tại nền cũ của chùa Khai Nguyên, Tiền vương đã xây lại chùa, dời biển ngạch của chùa Báo Ân từ núi Chi Hình về đấy, đấy là nguồn gốc của tên chùa Báo Ân vậy.

Đến niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085) đời Tống Thần Tông, trùng tu chùa tháp, Tô Đông Pha bỏ ra con rùa đồng để chứa xá-lợi, từ đấy có lúc hưng, lúc suy lắm phen. Đầu đời Vạn Lịch nhà Minh, chùa tháp lại bị cháy rụi, do vị tăng là Tánh Nguyệt đảm nhiệm trùng hưng. Đến khi vị tăng tên Như Kim đến đây, sư Tánh Nguyệt liền giao phó lại cho Như Kim. Sư Như Kim nói rộng về nhân quả, hiển hiện đại thần lực khiến cho đàn-việt tín thí tụ tập như mây nhóm, dốc hết công sức suốt chín năm trời. Năm Khang Hy thứ năm (1666) đời Thanh, pháp sư Nhất Nguyên muốn trùng tu, gặp đúng dịp Thái phó[598] Kim Văn Thông Công cáo lão hồi hưu, do vậy bèn khuyên dụ, đề xướng trùng tu khiến cho chùa có quy mô lớn hơn trước. Năm Đạo Quang 16 (1836), vị thân sĩ trong ấp là Phan Mai Khê tự mình bỏ ra một khoản tiền lớn để sửa sang như mới.

Năm Quang Tự 24 (1898), lão pháp sư Mẫn Hy đến đất Tô, thân sĩ trong ấp do thấy tháp chùa Báo Ân đã hư sụp, muốn cậy vào đức độ, danh tiếng của lão pháp sư để khôi phục, bèn thỉnh ngài làm trụ trì. Pháp sư bằng lòng, nhưng chưa kịp khởi công đã viên tịch. Pháp đồ là sư Vịnh Hà cực lực đảm đương, lệnh đồ tôn[599] là sư Chiêu Tam giúp sức. Ông cháu hai người dốc cạn sức lực trông nom, đốc thúc, mới khởi công được nửa năm, sư Vịnh Hà mất, khi ấy là năm Quang Tự 31 (1905). Sư Chiêu Tam kế nghiệp làm trụ trì, nhọc nhằn lo toan cho tới năm sau ngôi tháp chín tầng và các điện đường đều được hoàn chỉnh.

Cho đến bây giờ đã hơn 30 năm, mưa gió vùi dập, gỗ mục ngói vỡ, trung tuần tháng 5 năm nay, góc cạnh của tầng thứ 8 nơi đỉnh tháp đột nhiên bị sụt lở, từ trên xuống dưới tầng nào cũng bị hư hoại. Nếu chẳng cấp tốc tu bổ thì sau này sẽ khó thể nào duy trì được. Cụ Chiêu Tam cầm tự chí đến cho Bất Huệ xem và kể lể tình trạng hiện thời, tính quyên mộ để sửa chữa, cậy Bất Huệ soạn một bài văn

[598] Thái phó là một chức quan đã có từ đời Chu, có quyền lực rất lớn, cùng với Thái sư, Thái bảo được xưng là Tam công, khi vua còn nhỏ họ nắm toàn quyền cai trị. Thái sư tương đương với Tể tướng trong những đời sau. Đến đời Tùy - Đường, ba chức vụ này gọi là Tam sư để phân biệt với Tam công là Thái úy, Tư đồ, Tư không. Trải qua các triều đại, ba chức vụ này dần dần mất thực chất, có lúc bị phế bỏ, hầu như chỉ còn hư vị. Đến thời Minh - Thanh, Thái phó, Thái sư, Thái bảo lại được gọi là Tam công, tuy được xếp vào ngạch Chánh nhất phẩm nhưng hoàn toàn là hư vị. Tam công thường do đại thần kiêm nhiệm, được coi như cố vấn của nhà vua khi cần thiết. Chức Thái phó thường do các vị quan từng giữ chức Thái tử thái phó (tức vị thầy dạy học cho vua khi vua còn là Thái tử) kiêm nhiệm.

[599] Sư Chiêu Tam là đồ đệ của học trò sư Vịnh Hà nên gọi là "đồ tôn", vì thế trong phần sau mới nói "ông cháu hai người".

thuật duyên khởi, khẩn cầu mười phương tể quan, trưởng giả, hàng thiện tín v.v. phát tâm Bồ-đề, hành phương tiện sự, bỏ tiền của chẳng bền chắc để vun bồi phước đức vô tận, sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, điều tốt lành đua nhau xảy đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại hưởng năm thứ phước như Cơ Tử đã luận, quế lan sum suê, hậu duệ hưởng trăm điều tốt lành như trong bài giáo huấn của Y Doãn.

35. Duyên khởi trùng tu niệm Phật đường và mở liên xã tại chùa Tư Phước, Phụ Dương

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Trong thánh giáo của Như Lai pháp môn vô lượng, tùy ý nương theo một pháp nào đó, dùng tâm Bồ-đề tu trì cũng đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo. Nhưng khi đang tu còn chưa chứng, sẽ có sự khó dễ, nhanh chậm rất lớn.

Cầu lấy pháp viên mãn nhất, nhanh chóng nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, vừa khế cơ lẫn khế lý, vừa là tánh vừa là tu, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt để trời người, phàm thánh chứng chân thì không chi bằng một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ấy là vì hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn niệm Phật cậy thêm Phật lực. Cậy tự lực thì nếu chưa đoạn sạch phiền hoặc sẽ chẳng thể vượt thoát tam giới, còn cậy vào Phật lực thì tín nguyện chân thành thiết tha sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Người trong thời hiện tại muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này sẽ trọn chẳng có hy vọng gì!

Cần biết rằng: Pháp môn Tịnh độ pháp nào cũng viên thông, như vầng trăng vằng vặc sáng ngời giữa trời, con sông nào cũng đều hiện bóng. Thủy ngân rớt xuống đất, viên nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng gì cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thế, yên dân, trị quốc, giữ yên cõi bờ đều có lợi ích lớn lao, mà ngay cả sĩ nông công thương muốn phát triển sự nghiệp, già trẻ trai gái muốn tiêu diệt bệnh tật khổ sở, không gì chẳng tùy theo lòng cảm mà ứng, thỏa lòng mãn nguyện. Nay lòng người chìm đắm, cõi đời loạn lạc đã đến mức tột cùng, biến loạn thị phi, điên đảo đen trắng, tranh đoạt lừa gạt, lấn áp cực lực diễn ra. Nếu chẳng cứu vãn thì đạo lý làm người gần như diệt mất.

Do vậy, những người hữu tâm các nơi đua nhau đề xướng Phật pháp, nêu tỏ nhân quả ba đời, tỏ rõ sự luân hồi lục đạo, chỉ rõ Sa-bà trược ác, nêu rõ Cực Lạc nghiêm tịnh để mong con người trong cõi đời này sẽ đánh đổ những tư dục xằng

bậy, khôi phục lễ nghĩa, hòng còn sống sẽ dự vào bậc thánh bậc hiền, liễu sanh thoát tử, mất về cõi Cực Lạc.

Chùa Tư Phước ở Phụ Dương là ngôi chùa cổ đã trải mấy triều, được ghi chép trong sách vở. Gần đây vị trụ trì không có tư cách hoằng pháp, những kẻ không biết Phật pháp đua nhau đề xướng duy tân, phá trừ mê tín, toan muốn gấp rút hủy diệt ngôi chùa ấy. Tuy bậc minh triết dùng chánh lý để khuyên nhủ, bọn họ trọn chẳng chịu nghe.

Đại biểu hội Phật giáo Phụ Dương là ông Hình Thuần Trai phẫn uất chẳng quản tấm thân, bôn tẩu tỉnh thành, gặp mặt chủ tịch là ông Lưu Tuyết Á, xin hãy ra thông cáo bảo vệ. May được ông Lưu tâm hộ pháp thiết tha, lòng yêu dân sâu đậm, lập tức ra thông cáo ngăn cấm nên mới giữ được chùa.

Nhân sĩ địa phương do nghĩ Phật pháp lý trí cao sâu, lợi ích rộng lớn liền nghĩ đến chuyện Tư Phước là chỗ danh thắng của đất Dĩnh[600], từ xưa đến nay nhân dân gội ân đội đức của Phật nhiều khôn kể xiết, chẳng nỡ để mặc cho chùa hoang lương. Do vậy lại tính chuyện phục hưng.

Hiện thời đã tạo dựng năm gian niệm Phật đường, thỉnh pháp sư Bỉnh Sơ tạm thời chủ trì chuyện ấy, tính thỉnh bao nhiêu đó vị sư có giới đức an trụ nơi đó để tu trì tịnh nghiệp quanh năm. Mồng 1, ngày Rằm mỗi tháng tín sĩ tại gia tụ tập niệm Phật một ngày để giúp cho việc đề xướng. Buổi chiều sau khi niệm Phật xong, bất luận là tăng hay tục đều có thể giảng diễn ý chỉ niệm Phật lớn lao và pháp "ở trong trần lao học đạo, sống nơi rẫy bái mà báo đền đất nước" cùng với sự "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" và lý "thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương", để hết thảy mọi người đều biết duyên do "ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật", sẽ trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều chăm chú mong thành thánh, học thành Phật. Đấy chính là pháp môn đại phương tiện "chẳng giữ địa vị mà bảo vệ đất nước, cứu dân, thay đổi phong tục nhưng chẳng lộ dấu vết". Nguyện dù tăng hay tục đều cùng gắng công thì lợi ích ấy càng thêm lớn lao vậy.

36. Trình bày về việc quyên mộ in cuốn Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

(Năm Dân Quốc 14 - 1925, lược đi phần trình bày về biện pháp)

[600] Dĩnh là tên vùng đất (gồm các huyện Dĩnh Thượng, Dĩnh Châu, Dĩnh Đông, Dĩnh Tuyền) thuộc lưu vực con sông Toánh (thường đọc thành Dĩnh), trực thuộc sự quản hạt của thành phố Phụ Dương, tỉnh An Huy.

Quán Thế Âm Bồ-tát trong quá khứ đã thành Phật từ lâu trong vô lượng kiếp trước, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi tha thiết, lòng cứu khổ ân cần, chẳng lìa Tịch quang, hiện hình trong chín giới, trong mười phương vô lượng thế giới tùy loại hiện thân độ thoát chúng sanh. Phẩm Phổ Môn nói "nên dùng thân nào để độ được, liền hiện thân ấy để thuyết pháp". Tuy là mười phương thế giới không cõi nào chẳng hiện thân, nhưng đối với thế giới Sa-bà nhân duyên rất sâu. Tuy những thân trong mười pháp giới không thân nào chẳng hiện, nhưng người đời thường gọi ngài là Bồ-tát. Tuy những chỗ ngài ứng hóa trọn khắp hoàn vũ, nhưng Phổ Đà Sơn tại Chiết Giang là nơi rõ ràng nhất.

Ấn Quang được hưởng ân thật lớn, đội ân thật sâu. Thoạt đầu xuất gia tại Nam Ngũ Đài Sơn tại Thiểm Tây, tức là đạo tràng nơi đức Quán Âm hiện thân hàng phục rồng độc. Tiếp đó sống nhờ ở Phổ Đà trong biển Nam, chính là thánh địa nơi Thiện Tài đi về Nam tham học với đức Quán Âm. Thường nghĩ người đời chẳng biết lòng từ sâu xa, lòng bi rộng lớn của Bồ-tát, muốn sưu tập từ Đại tạng và các sách vở, phàm những hạnh nguyện nơi bổn địa của Bồ-tát và những sự tích Bồ-tát cảm ứng nơi phương này, soạn thành bài văn ca tụng, lại còn chú thích tường tận, để những người cùng hàng trong cõi đời đều biết tấm lòng đại từ bi của ngài Quán Âm, cũng như thật sự thật lý "tùy loại hiện hình, tầm thanh cứu khổ" ngõ hầu ai nấy sẽ đều cùng trì thánh hiệu, cùng tiêu nghiệp chướng, cùng tăng phước tuệ, khi sống thì làm người thân tâm thanh tịnh, thác sẽ dự vào hội của liên trì hải chúng. Dùng những điều này để uốn nắn lòng người, vãn hồi kiếp vận, ngõ hầu thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tuy đã phát cái tâm ấy, nhưng do học thức thiển cận, kém hèn, bút mực vụng về, chất phác, chưa thể tiến hành ngay được.

Khéo sao nhà đại văn học tỉnh Giang Tây là cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh lên núi thăm viếng, vừa gặp nhau đã thành bạn thiết, do vậy bèn đem chuyện này gởi gắm, ông ta liền vui vẻ chấp thuận rồi lắng lòng soạn thuật suốt cả hai năm ròng, viết ra bản Tụng Văn đến hơn hai vạn chữ. Đối với sự tích trong mỗi câu đều chú thích sau mỗi đoạn văn để người đọc vừa xem liền hiểu rõ ngay, tổng cộng gồm ba quyển. Lại sao lục những nghĩa trọng yếu trong kinh, đặt tên là Kinh Chứng (những dẫn chứng trích từ kinh điển) gồm một quyển, ghi kèm vào sau Tụng Văn. Lại còn có Kim Cang Kinh Công Đức Tụng một quyển cũng ghi kèm vào sau để người tụng kinh niệm Phật đều biết phương hướng, cốt sao từ phàm tâm thấy được Phật tâm, thỏa mãn nguyện độ sanh của Như Lai.

Hiện nay thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, thế đạo nhân tâm suy hãm đến cùng cực, riêng nhờ vào cuốn sách này để dẫn đường hòng đẩy lui con sóng

cuồng, nâng đỡ thế đạo, cùng lên bậc thánh, cùng chứng Bồ-đề. Nay đã sắp chữ, cho khắc in, nguyện những thiện tín có sức đều cùng bỏ ra tịnh tài ngõ hầu những người cùng hàng trong khắp cõi đời ai nấy đều được gội từ ân của Quán Âm Bồ-tát, để rồi cùng được đích thân chứng đắc Phật tánh vốn có, viên mãn vô thượng giác đạo, một tấm lòng khăng khăng như thế mà thôi! *(phần sau lược đi)*

VI. CÂU ĐỐI

Bắt nguồn từ đầu đời Tống, Thục Hậu Chúa Mạnh Sưởng[601] viết câu đối mừng xuân mới. Từ đấy tăng tục đều dùng câu đối để tán tụng công đức, nêu tỏ đạo nhiệm mầu, giãi bày những điều ấp ủ trong lòng, hoặc nhờ đó để khuyên nhủ những người cùng hàng. Bộ Vân Thê Pháp Vựng[602] từng chép những câu đối, nay noi theo dấu thơm để đổi lấy một trận cười. *(Ấn Quang ghi)*

1. Câu đối tán dương Phật Thích-ca

a) Hạ Đâu-suất nhi giáng thần, trụ thế bát thập kỳ niên, linh cửu giới chúng sanh triệt kiến bản lai chân diện mục,

Đổ minh tinh nhi ngộ đạo, đàm kinh tam bách dư hội, tỉ đại thiên Phật tử phục quy nguyên hữu cựu gia hương.

(Từ Đâu-suất giáng thần, trụ thế suốt tám mươi năm khiến cả chín giới chúng sanh thấy tột cùng bản lai chân diện mục,

Thấy sao Mai ngộ đạo, giảng kinh hơn ba trăm hội hòng Phật tử khắp cõi đại thiên trở về lại chốn quê hương sẵn có.)

b) Phật ứng Tây Càn, độ chúng sanh dĩ ngộ chứng Bồ-đề, cố cảm thiên long thường ủng hộ,

Pháp lưu Đông độ, khai văn hóa nhi chấn phát lung quý, trí linh hiền trí tận quy tông.

(Phật ứng hiện trời Tây, cứu độ chúng sanh, ngộ chứng Bồ-đề, nên cảm trời rồng thường ủng hộ,

---

[601] Mạnh Sưởng (919-965) vốn tên là Nhân Tán, tự Bảo Nguyên, là con thứ ba của Cao Tổ (Mạnh Tri Tường) nhà Hậu Thục (nước Hậu Thục nằm lọt giữa các tỉnh Cam Túc và Thiểm Tây hiện thời. Tiết độ sứ Tây Xuyên là Mạnh Tri Tường nhân dịp nhà Hậu Đường diệt Tiền Thục, đất nước loạn lạc, bèn chiếm Tây Xuyên và Đông Xuyên, xưng đế, lập ra nước Thục). Lúc mới lên ngôi, Mạnh Sưởng chăm lo việc nước, khiến nước Hậu Thục hùng mạnh, bờ cõi mở rộng đến tận Trường An. Về sau vua đam mê dục lạc, rượu chè be bét, hoang dâm vô độ, xa xỉ vô cùng, ngay cả bô đi tiểu cũng chế bằng ngọc quý, do vậy triều chánh nát bét, cuối cùng nước Hậu Thục bị nhà Bắc Tống diệt vong. Nhà Tống đem Mạnh Sưởng về giam lỏng tại Biện Kinh, phong tước Tần Quốc Công. Mạnh Sưởng mất năm Càn Đức thứ ba (965) đời Bắc Tống. Có thuyết nói Mạnh Sưởng bị Tống Thái Tổ đầu độc chết.

[602] Vân Thê Pháp Vựng là một tác phẩm tổng hợp các trước tác của đại sư Vân Thê Liên Trì Châu Hoằng, bao gồm 31 tác phẩm. Công trình biên tập này khởi sự từ năm Thiên Khải thứ tư (1624) với sự tham gia của 17 vị danh tăng như Đại Hiền, Đại Văn, Đại Sâm v.v. và 16 vị danh sĩ như Vương Vũ Xuân, Trâu Uông Minh v.v. biên tập, giảo đính, in khắc ròng rã suốt 10 năm mới hoàn thành. Năm Quang Tự 25 (1891), bộ Vân Thê Pháp Vựng được khắc in lại, bổ sung thêm những cuốn Vân Thê Di Cảo, Vân Thê Quy Ước, Vân Thê Tháp Kệ Tán v.v..

Pháp truyền sang xứ Đông, mở mang văn hóa, rúng động điếc đui, khiến cho hiền trí đều quy ngưỡng.)

c) Tam hoặc tận nhi nhị tử vong, nhất trần bất lập,
Ngũ uẩn không nhi lục căn tịnh, vạn đức viên chương.

(Tam Hoặc hết, nhị tử tiêu, mảy trần chẳng lập,
Ngũ Uẩn không, sáu căn sạch, muôn đức trọn bày.)

d) Viên ngộ tạng tánh, triệt chứng tự tâm, đạo thông thiên địa hữu hình ngoại,
Từ khởi vô duyên, bi vận đồng thể, ân biến thánh phàm hàm thức trung.

(Viên ngộ tạng tánh, chứng tột tự tâm, đạo thông trời đất, vượt khỏi hữu hình,
Khởi vô duyên từ, vận bi đồng thể, ân trùm thánh phàm, thấu cùng hàm thức.)

e) Ký hữu tình cộng chứng chân thường bản tịch diệt tâm, thuyết viên thông pháp,
Kỳ hàm thức đồng đăng giác ngạn, y nhất thật đạo, khai phương tiện môn.

(Mong hữu tình cùng chứng tâm chân thường sẵn tịch diệt, nói pháp viên thông,
Cầu hàm thức đều lên bến giác nương đạo nhất thật, mở cửa phương tiện.)

f) *Hoa Nghiêm đốn diễn viên tông, độc bị thượng căn, thượng vị tất phù xuất thế độ sanh chi hoằng thệ,*
Hạnh Nguyện đạo quy Cực Lạc, toàn thâu cửu giới, phương kham đại sướng thành đạo lợi vật chi bản hoài.

(Kinh Hoa Nghiêm giảng tông viên đốn, chỉ thích hợp thượng căn, vẫn chưa khế hợp hoằng thệ "độ trọn chúng sanh",
Phẩm Hạnh Nguyện dẫn về Cực Lạc, trọn bao trùm chín giới, mới kham thỏa bản hoài thành đạo lợi muôn loài.)

2. Câu đối tán dương A-di-đà Phật

Mạc nhạ nhất xưng siêu Thập địa,
Tu tri lục tự quát tam thừa.

(Chớ ngờ một câu siêu Thập địa,
Phải hay sáu chữ trọn tam thừa.)

3. Câu đối tán dương Phật Thích-ca

Hoa biểu viên nhân, hiển Như Lai thành thủy thành chung chi đạo,

Nghiêm chương thật quả, thị chúng sanh tâm tác tâm thị chi môn.

(Hoa biểu thị viên nhân, tỏ rõ đạo thành thủy thành chung của Như Lai,
Nghiêm trang bày thật quả, chỉ bày môn "tâm làm, tâm là" nơi chúng sanh.)

4. Câu đối tán dương Phật Di-đà

a) Như Lai chửng tế vô phương, quảng độ chúng sanh tu độ ngã,
Ngô bối linh bình một ký, bất niệm Di-đà cánh niệm thùy?

(Như Lai cứu vớt khôn ngằn, muốn rộng độ chúng sanh phải độ ta [trước đã],
Bọn ta lênh đênh không nơi nương tựa, chẳng niệm Di-đà còn biết niệm ai?)

b) Y hoằng thệ nguyện, kiến chiết nhiếp chi pháp môn, đản khẳng nhất tâm trì danh, tự nhĩ tiềm phù thật tướng, tỉ tứ thánh lục phàm đồng chứng chân thường, cố đắc cửu giới hàm quy, thập phương cộng tán.

Dĩ đại từ bi, lập yểm hân chi thắng hạnh, nhược năng sơ độ thác chất, hà nan đốn nhập Tịch quang, đạo tam thừa ngũ tánh tề đăng tịnh vực, nhân tư thiên kinh câu xiển, vạn luận quân tuyên.

(Nương thệ nguyện rộng sâu, lập pháp môn chiết - nhiếp[603], chỉ cần nhất tâm trì danh, từ đấy ngầm hợp thật tướng, khiến tứ thánh lục phàm cùng chứng chân thường, nên được chín giới đều hướng về, mười phương cùng khen ngợi.

Dùng từ bi rộng lớn, tạo thắng hạnh ưa - chán, nếu được sanh về Sơ độ[604], khó gì mau nhập Tịch quang, dẫn tam thừa ngũ tánh đều lên cõi tịnh, do vậy ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.)

c) Ưng đương phát nguyện, nguyện vãng sanh, khách lộ khê sơn, thiết mạc tùng đầu tái quyến luyến,

Tự thị bất quy, quy tiện đắc, cố hương phong nguyệt, trực tu toàn thể tổng thân thừa.

(Hãy nên phát nguyện, nguyện vãng sanh, núi khe nẻo khách, từ rày thôi quyến luyến,

Tự mình chẳng về, về liền được, gió trăng quê cũ, toàn thể hãy tự vâng.)

d) Thành tựu lục bát đại nguyện, cư Tây Phương dĩ tác Phật, cử Hoa Tạng thế giới chư trang nghiêm viên chương Tịnh độ,

Mẫn niệm cửu phẩm hàm linh, hướng Đông vực nhi thùy từ, dẫn Sa-bà quốc trung chúng nam nữ đồng vãng liên bang.

---

[603] Chiết nhiếp: Chiết phục và nhiếp thọ.
[604] Tức cõi Phàm thánh đồng cư.

(Thành tựu bốn mươi tám đại nguyện, làm Phật chốn Tây Phương, toàn thể thế giới Hoa Tạng trang nghiêm trọn phô Tịnh độ,

Nghĩ thương khắp chín phẩm hàm linh, rủ lòng từ Đông độ, dẫn khắp cõi nước Sa-bà nam nữ cùng đến liên bang.)

e) Xả Tây quy tiệp kính, cửu giới hữu tình thượng hà dĩ viên thành giác đạo?
Ly Tịnh độ pháp môn, thập phương chư Phật hạ bất năng phổ lợi quần manh.

(Bỏ đường tắt Tây Phương, chín giới hữu tình trên lấy gì để viên thành giác đạo?

Lìa pháp môn Tịnh độ, mười phương chư Phật dưới chẳng thể lợi khắp quần manh.)

g) Ngũ trụ nhị chấp, mông quang đốn viên phù tứ đức,
Tam thừa lục đạo, khắc niệm định chứng ư nhất chân.

(Ngũ trụ nhị chấp[605], nương quang nhanh chóng viên thành tứ đức,
Tam thừa lục đạo, quyết lòng chắc chắn chứng nhập nhất chân.)

h) Phật nguyện hoằng thâm, thập phương cộng tán,
Sanh tâm khẩn đáo, cửu giới đồng quy.

(Nguyện đức Phật rộng sâu, mười phương cùng khen ngợi,
Tâm chúng sanh gấp tới, chín giới đều hướng về.)

i) Thọ lượng vô biên, thụ cùng tam tế,
Quang minh hữu tượng, hoành biến thập phương.

(Thọ lượng không ngằn mé, theo chiều dọc tột cùng ba đời,
Quang minh hiện hình ảnh, theo chiều ngang trọn khắp mười phương.)

---

[605] Ngũ trụ, gọi đủ là ngũ trụ phiền não, tức năm thứ căn bản làm nơi nương tựa cho hết thảy phiền não, gồm:

1. Kiến nhất thiết xứ trụ địa: gồm những kiến hoặc trong tam giới như thân kiến v.v..

2. Dục ái trụ địa: tức những phiền não trong Dục giới, nhưng không kể vô minh và kiến, bao gồm những phiền não liên quan đến ngũ dục bên ngoài (sắc, thanh, hương, vị, xúc).

3. Sắc ái trụ địa: gồm những phiền não trong Sắc giới, nhưng không kể kiến hoặc và vô minh, tức những phiền não do đã lìa bỏ ngũ dục nhưng vẫn chấp trước mê đắm nơi sắc thân của chính mình.

4. Hữu ái trụ địa: gồm hết thảy vô minh trong Vô sắc giới, không tính kiến hoặc và vô minh, tức những phiền não do đã lìa bỏ tham sắc nhưng vẫn chấp trước mê đắm nơi sắc thân của chính mình.

5. Vô minh trụ địa: gồm hết thảy những thứ vô minh.

Nhị chấp là ngã chấp và pháp chấp.

j) Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn,
Lạc bang hữu lộ, khởi tín tức sanh.

(Biển khổ vô biên, quay đầu là bờ,
Cõi vui có nẻo, tin tưởng liền sanh.)

k) *Duy kỳ ngũ trược đốn không, nhậm tha hương vô nhân phần, địa vô nhân tảo,*
Thảng đắc nhất chân cộng chứng, tự nhĩ nguyện linh ngã mãn, tâm linh ngã an.

(Chỉ mong mau không ngũ trược, nào quản hương không người thắp, đất không người quét,
Nếu được cùng chứng nhất chân, từ đấy nguyện khiến ta thỏa, tâm khiến ta an.)

5. Câu đối tán dương Phật Di-lặc

Bảo các phú thập hư, uyển nhược không hàm vạn tượng,
Phân thân biến trần sát, trực đồng nguyệt ấn thiên giang.

(Gác báu rợp mười phương, giống hệt hư không chứa muôn hình tượng,
Phân thân khắp cõi trần, nào khác vầng trăng in bóng ngàn sông.)

6. Câu đối tán dương Phật Di-đà

a) Tế độ vô phương, lân y thể nhất,
Tân lương võng trắc, mẫn bỉ mê thâm.

(Tế độ khôn ngằn, xót chúng sanh vốn cùng một thể,
Bến bờ nào thấu, thương hữu tình mê muội sâu xa.)

b) Thệ nguyện hoằng thâm, thập phương cộng tán,
Từ bi quảng đại, cửu giới đồng quy.

(Thệ nguyện rộng sâu, mười phương cùng khen ngợi,
Từ bi rộng lớn, chín giới đều nương về.)

7. Câu đối tán dương ngài Di-lặc

a) Thản phúc tiếu dung nhiếp hải chúng,
Phân thân tán ảnh thị thời nhân.

(Bụng rộng mặt cười nhiếp hải chúng,
Phân thân hiện bóng dạy người đời.)

b) Yến tọa đẳng nhân lai, dự nhiếp Long Hoa hội lý hữu duyên chi bối,
Phùng cơ dĩ tiếu ứng, viên chương đại đỗ bì trung vô sở bất dung.

(Ngồi lặng đợi người đến, nhiếp sẵn hạng hữu duyên trong hội Long Hoa,
Gặp căn cơ bèn cười, phô trọn bụng to đùng không gì chẳng chứa.)

c) Lâu các môn khai, viên chương pháp giới tu nhân sự,
Từ bi nguyện phổ, dự nhiếp Long Hoa chứng quả nhân.

(Cửa lâu các mở, trọn bày sự tu nhân nơi pháp giới,
Từ bi nguyện khắp, nhiếp sẵn người chứng quả hội Long Hoa.)

8. Câu đối tán dương đức Quán Âm

Hữu cảm tức thông, thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,
Vô cơ bất bị, vạn lý vô vân vạn lý thiên.

(Có cảm gì liền thông, ngàn sông in bóng nước ngàn trăng,
Không căn nào chẳng ứng, vạn dặm không mây vạn dặm trời.)

9. Câu đối tán dương đức Phật

Triệt chứng nhất chân pháp giới, tam hoặc tận nhi nhị tử vong, đức siêu Thập địa,
Phổ linh cửu loại thánh phàm, ngũ uẩn không nhi lục độ cụ, đạo kế Đại Hùng.

(Chứng tột nhất chân pháp giới, tam hoặc hết, nhị tử[606] tiêu, đức siêu việt hàng Thập địa,
Khiến khắp chín loại thánh phàm, ngũ uẩn không, lục độ trọn, đạo thừa kế đấng Đại Hùng.)

10. Câu đối tán dương Quán Âm Bồ-tát

a) Nhất trần bất lập, đắc chân viên thông, hiện tùy loại trục hình chi thân, tầm thanh cứu khổ,
Ngũ uẩn giai không, chứng đại tịch diệt, y tức tâm tự tánh chi đạo, thuyết pháp độ sanh.

(Mảy trần chẳng lập, đắc chân viên thông, tùy loại theo hình hiện thân, tầm thanh cứu khổ,
Ngũ uẩn đều không, chứng đại tịch diệt, nương đạo tự tánh nơi tâm, thuyết pháp độ sanh.)

[606] Nhị tử: Phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử.

b) Vân khởi từ môn, mẫn bỉ mê tình bất dị ngộ,
Ba đằng nguyện hải, lân y Phật tánh liễu vô thù!

(Mây dấy cửa từ, thương lũ mê tình chưa dễ ngộ,
Sóng trào biển nguyện, xót thay Phật tánh khác chi đâu!)

c) Từ bi tâm thiết, tuy cứu khổ dĩ tầm thanh, thường trụ Lăng-nghiêm đại định,
Dữ bạt tình ân, túng đậu cơ nhi thuyết pháp, viên chương tịch diệt chân tông.

(Tâm từ bi tha thiết, tuy hay cứu khổ tầm thanh, vẫn thường nhập Lăng-nghiêm đại định,
Lòng cứu vớt ân cần, dẫu thuận căn cơ thuyết pháp, cứ trọn bày tịch diệt chân tông.)

d) Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, thuyết pháp độ sanh, thụ cùng tam tế,
Chứng cực nhất thừa thật tướng, tầm thanh cứu khổ, hoành biến thập phương.

(Soi thấy năm uẩn đều không, thuyết pháp độ sanh, dọc cùng tột ba đời,
Chứng cực nhất thừa thật tướng, tầm thanh cứu khổ, ngang trọn khắp mười phương.)

e) Thệ nguyện hoằng thâm, xứ xứ hiện thân thuyết pháp,
Từ bi quảng đại, thời thời cứu khổ tầm thanh.

(Thệ nguyện rộng sâu, chốn chốn hiện thân thuyết pháp,
Từ bi rộng lớn, luôn luôn cứu khổ tầm thanh.)

f) Pháp pháp viên thông, cố danh Tự Tại,
Đầu đầu hợp đạo, nhân hiệu Phổ Môn.

(Pháp nào cũng viên thông, cho nên tên Tự Tại,
Chuyện gì thảy hợp đạo, bởi vậy hiệu Phổ Môn.)

g) Từ khởi vô duyên, ân châu thứ loại,
Bi hưng đồng thể, đạo khải đa môn.

(Dấy lòng từ vô duyên, rộng ban ân muôn loại,
Vận lòng bi đồng thể, mở mối đạo nhiều môn.)

11. Câu đối tán dương Thế Chí Bồ-tát

a) Bổn nguyện bất vi, nhiếp niệm Phật nhân quy Tịnh độ,
Phân thân vô lượng, cư Cực Lạc quốc biến thập phương.

(Chẳng trái bổn nguyện, nhiếp người niệm Phật sanh về Tịnh độ,

Phân thân vô lượng, ngự cõi Cực Lạc trọn khắp mười phương.)

b) Đô nhiếp lục căn, hoạch đại tịch diệt,
Đơn đề nhất niệm, chứng chân viên thông.

(Nhiếp trọn sáu căn, đắc đại tịch diệt,
Chỉ khởi một niệm, chứng chân viên thông.)

c) Dĩ trí tuệ quang, phổ chiếu nhất thiết,
Thừa viên thông đạo, quảng độ chúng sanh.

(Dùng trí tuệ quang chiếu khắp hết thảy,
Nương viên thông đạo rộng độ chúng sanh.)

12. Câu đối tán dương Bồ-tát

Chứng chư Phật bổn diệu giác tâm, tùng tư an trụ Tịch quang, hưởng chân thường chi pháp lạc,

Mẫn chúng sanh mê Như Lai tạng, cố phục hiện thân trần sát, tác đắc độ chi nhân duyên.

(Chứng tâm vốn diệu giác của chư Phật, từ đấy an trụ Tịch quang hưởng pháp lạc chân thường,

Thương chúng sanh mê tạng tánh Như Lai, nên lại hiện thân trần sát làm nhân duyên đắc độ.)

13. Câu đối đề Phật điện

Minh hiển hàm gia, ân du phụ mẫu,
Thánh phàm phổ lợi, đức mại khung thương.

(Ngầm lẫn hiển đều gia hộ, ân hơn cha mẹ,
Thánh cùng phàm đều lợi khắp, đức quá trời cao.)

14. Câu đối tán dương đức Vi-đà hộ pháp

Bồ-tát hóa thân, phụ chánh tồi tà hoằng thánh giáo,
Đồng chân nhập đạo, an bang hộ quốc, độ quần mê.

(Bồ-tát hóa thân, giúp chánh dẹp tà, hoằng dương thánh giáo,
Đồng chân nhập đạo[607], yên cõi vững bờ, rộng độ quần mê.)

15. Câu đối tán dương Vi-đà Bồ-tát ở Phổ Đà

[607] Đồng chân nhập đạo: xuất gia từ lúc còn thơ ấu.

Hộ pháp an tăng, tỉ hữu tình cộng nhập Phổ Môn, mãn Quán Âm nguyện,
Hàng ma chế ngoại, linh hàm thức tề đăng giác ngạn, toại Thiện Thệ tâm.

(Hộ pháp, giữ yên tăng chúng, mong hữu tình cùng nhập Phổ Môn, thỏa tâm đức Quán Âm,

Hàng ma, chế phục ngoại đạo, khiến hàm thức đều lên bờ giác, toại lòng đấng Thiện Thệ[608].)

16. Câu đối tán dương Thiên Vương ở Phổ Đà

Xí từ vân phổ phú trần hoàn, dĩ thiên vương thân tác Như Lai sứ,
Kỳ pháp vũ quân triêm sa giới, hiện đại nhân tướng trấn viên thông tràng.

(Ngóng mây từ che khắp trần hoàn, dùng thân thiên vương làm sứ giả Như Lai,

Mong mưa pháp thấm đều sa giới[609], hiện tướng đại nhân trấn đạo tràng viên thông.)

17. Câu đối tán dương Quan Đế

Hạo khí xung thiên, ngưỡng hiệu nghĩa thiên chi phú tý,
Tinh trung quán nhật, thường tùy Phật nhật dĩ chiêu chương.

(Hạo khí ngút trời cao, kính học Nghĩa Thiên[610] thường che chở,
Tinh trung lòa nhật nguyệt, thường nương Phật nhật rạng phô bày.)

18. Câu đối đề Phật điện

Hạnh mãn quả viên, đạo tam thừa dĩ tề thành giác đạo,
Bi thâm nguyện trọng, chửng tứ sanh nhi cộng giới liên bang.

(Hạnh mãn quả viên, dẫn tam thừa đều thành giác đạo,

---

[608] Thiện Thệ (Sugata), đôi khi còn phiên âm là Tu-già-đà, Tô-yết-đa, hoặc dịch nghĩa là Thiện Khứ, Thiện Giải, Thiện Thuyết Vô Hoạn, Hảo Thuyết, Hảo Khứ, là một trong mười hiệu chung của chư Phật. Danh hiệu này tán dương đức Phật khéo nhập đủ mọi thứ chánh định rất sâu, có vô lượng trí tuệ. Danh hiệu Hảo Thuyết hàm nghĩa đức Phật khéo nói các pháp dựa theo thật tướng, chẳng chấp trước pháp ái, khéo quán biết sức trí tuệ của đệ tử để giảng pháp khế cơ khế lý. Khi dịch là Thiện Thệ thì có nghĩa là "đúng như thật đến được bờ bên kia (bờ giải thoát), chẳng còn nổi trôi trong biển sanh tử". Nói chung, danh hiệu này nhằm tán dương sự tự tại giải thoát của Phật quả cũng như công năng thuyết pháp mầu nhiệm phát lộ từ Phật tánh.

[609] Sa giới: Các thế giới số lượng nhiều như cát.

[610] Nghĩa Thiên: nói đầy đủ là Đệ Nhất Nghĩa Thiên, hay Đệ Nhất Nghĩa Tịnh Thiên, danh xưng để chỉ những vị Phật, hay nói rộng hơn là các vị Bồ-tát đã trụ đại Niết-bàn, hoặc hiểu rộng hơn nữa là các vị Bồ-tát từ Thập trụ trở lên. Do các vị ấy đã khéo hiểu các nghĩa, nên ví diệu lý đệ nhất nghĩa như Thiên (theo Pháp Hoa Huyền Nghĩa quyển 4).

Bi sâu nguyện nặng, độ tứ sanh cùng đến liên bang.)

19. Câu đối tán dương tượng Quán Âm được thờ tại giếng Tiên Nhân thuộc Phổ Đà

Bi nguyện hoằng thâm, cố tùng cá lý dũng cam lộ,
Từ ân hạo đãng, trí sử hoàn khu tận kiệt thành.

(Bi nguyện rộng sâu, nên từ chốn này vọt lên cam lộ,
Từ ân lồng lộng, khiến khắp trần gian cạn tấc lòng thành.)

20. Câu đối đề tại điện Phật

Giáo diễn Thiên, Viên, thống cửu giới nhi tề độ,
Đức toàn phước tuệ, siêu Thập địa dĩ độc tôn.

(Giáo giảng Thiên, Viên, độ trọn khắp chín giới,
Đức tròn phước tuệ, độc tôn hơn Thập địa.)

21. Câu đối tại điện Trí Tích ở núi Linh Nham

Chứng Pháp Hoa nhi lai Linh Sơn, truy tùy Đa Bảo tháp trung Phật,
Hiện sắc thân dĩ y Lục đệ, mẫn niệm Diêm-phù thế thượng nhân.

(Để chứng minh pháp hội Pháp Hoa, đến Linh Sơn, theo hầu Phật trong tháp Đa Bảo,
Hiện thân trị bệnh em tể tướng Lục Tượng Tiên, nghĩ thương người đời cõi Diêm-phù.)

22. Câu đối tán dương ngài Trí Tích ở Linh Nham

a) Linh Nham linh tích hữu vĩnh phù, túc hiển luân hồi khoáng viễn,
Trí Tích trí mưu khải Lục tướng, dụng chương Phật đạo uyên thâm.

(Linh Nham dấu thiêng hãy còn vĩnh viễn, đủ rõ luân hồi xa vời,
Trí Tích khôn khéo khơi gợi Lục tướng[611], nhằm phô Phật đạo thẳm sâu.)

b) Thánh đức nan tư, đặc hiện tượng thân thuyết pháp yếu,
Bi tâm vô ký, vĩnh lưu bổn tự tác bình mông.

(Thánh đức khó lường, riêng hiển hiện thân tượng nói pháp yếu,
Bi tâm vô ký[612], mãi lưu lại chùa này để chở che.)

[611] Lục tướng: Tể tướng Lục Tượng Tiên.
[612] Vô ký: Không thiện, không ác.

23. Câu đối đề tại tàng kinh các

Như Lai quảng vận từ bi, sướng đàm tam tạng thậm thâm chi diệu điển, phổ sử chúng sanh khai phát Bồ-đề, tiêu dung hoặc nghiệp, đãng hôn mê nhi phục thường tịch chiếu, nhiếp quả giác nhi tổng tác nhân tâm, trực đồng lộ trích thương minh, tiện thị uông dương đại hải, chân đào hóa dục, lợi ích nan danh, ngã bối hân phùng minh hối, cảm bất tốt niên ngột ngột, y giáo tu hành, triệt để cùng nguyên, ẩm tư nhất vị, tự thử khánh không hậu tế, đạo oán thân dĩ cộng xuất úy đồ, dụng ký ngưỡng thù phù Phật lực.

Hoàng đế bất vong phó chúc, ban bố ngũ thời bí mật chi chân thuyên, tất linh hàm thức văn huân Bát-nhã thanh tịnh căn thân, liễu quái ngại hề hoạch bổn viên thông, tức phàm tình hề toàn chương thánh trí, vô dị trần đầu hoa nhạc, đốn thành ngập nghiệp cao sơn, hộ niệm bảo tuy, công huân võng trắc, ngô sài hạnh ngộ chỉ nam, cố đương chung nhật càn càn, kiệt thành trì tụng, đăng phong tạo cực, quán bỉ thái hư, do tư châu biến thập phương, phù bão dữ dĩ tề trăn đạo ngạn, vĩnh kỳ thượng báo ư quân ân.

(Như Lai rộng mở lòng từ bi, giảng thông suốt diệu điển Tam tạng rất sâu, khiến khắp chúng sanh khơi mở Bồ-đề, tiêu tan hoặc nghiệp, gột sạch hôn mê, khôi phục tịch chiếu thường hằng, nhiếp quả giác về trọn nội tâm, hệt như giọt sương rơi vào biển thẳm bèn thành biển cả mênh mông, un đúc trưởng dưỡng, lợi ích khôn nêu, bọn mình mừng gặp giáo huấn rạng ngời, dám chẳng quanh năm miệt mài, y giáo tu hành, thấu đáy tột nguồn, uống một vị ấy, từ đấy rỗng toang hậu tế[613], dẫn oán thân cùng thoát nẻo đường kinh sợ, hòng cung kính đáp đền Phật lực.

Hoàng đế thường chẳng quên phó chúc[614], ban bố lời chân thuyên năm thời bí mật, hòng mọi hàm thức nghe tập Bát-nhã, thanh tịnh căn thân, trọn không vướng mắc, thấu đạt viên thông vốn sẵn, dùng phàm tình trọn nêu thánh trí, khác gì hạt bụi vun vào Hoa sơn mau thành núi cao ngất ngưởng, hộ niệm chở che, công huân chẳng xiết, lũ ta may gặp chỉ nam[615] thông tỏ, ắt nên trọn buổi khăng khăng, kiệt thành trì tụng, tới ngọn lên đỉnh, thấy thái hư kia, do đây trọn khắp mười phương, ôm giữ mọi loài cùng ta tới bến đạo, mong vĩnh viễn báo đáp ơn vua.)

---

[613] Hậu tế là một trong tam tế, tức tiền tế (hay sơ tế), trung tế, hậu tế (chặng đầu, chặng giữa, chặng sau).
[614] Ở đây tổ nhắc lại chuyện khi Phật sắp nhập Niết-bàn đã phó chúc các hoàng đế hộ trì lưu thông Phật pháp.
[615] Tức kim chỉ nam.

24. Câu đối đề pháp đường

Huệ diệm trùng trùng, thước phá thiên niên chi ám thất,
Pháp nguyên cổn cổn, tư sanh ngũ tánh chi linh miêu.

(Lửa huệ trùng trùng, sáng bừng nhà tối ngàn năm,
Nguồn pháp cuồn cuộn, sanh thành mầm thiêng ngũ tánh.)

25. Câu đối đề tàng kinh các

Pháp hải uông dương, thâm thám triệt để chi nguyên, phương khả vị vô cô Phật hóa,
Nghĩa sơn tiêu tuấn, trực thượng tuyệt cao chi đảnh, thỉ kham vân bất phụ kỷ linh.

(Biển pháp mênh mông, dò tận đáy nguồn thăm thẳm, mới dám bảo chẳng phụ ơn Phật giáo hóa,
Núi nghĩa vòi vọi, lên thẳng đảnh cao chót vót, mới đáng nói không phụ bạc tánh mình.)

26. Câu đối đề tại Phật điện trong tàng kinh các

Phật quang phổ chiếu thập phương giới,
Pháp vũ quân tư ngũ tánh căn.

(Phật quang chiếu khắp cõi nước mười phương,
Mưa pháp thấm đều căn cơ ngũ tánh.)

27. Câu đối đề tàng kinh các

Ngũ thời ngôn giáo, phi dị phi đồng, vị thật thi quyền, khai quyền hiển thật, hữu như hải dựng bách xuyên, xuyên phó hải,
Tam thừa đế lý, tức đa tức nhất, do tánh hiện tướng, nhiếp tướng quy tánh, trực tự không hàm vạn tượng, tượng y không.

(Năm thời ngôn giáo, chẳng khác, chẳng đồng, vì thật bày quyền, mở quyền hiển thật, dường biển cả chứa đựng trăm sông, sông xuôi về biển,
Ba thừa đế lý, vừa nhiều vừa một, do tánh hiện tướng, nhiếp tướng về tánh, hệt hư không bao hàm muôn tượng, tượng[616] nương hư không.)

28. Câu đối đề giảng đường

[616] Tượng ở đây là hình bóng, sắc cảnh.

Pháp hội hoằng khai, giáo hạnh tịnh tấn, dục đắc thiên cơ phổ dục, lợi độn tề tu, thị cố lược tư thông đồ, biến sùng đặc biệt, dĩ Hoa Nghiêm viên mãn Bồ-đề chi diệu nhân duy tại đạo quy Tịnh độ.

Giảng diên đại khải, lý sự song thuyên, nghĩ cầu vạn phái triều tông, thánh phàm đẳng ích, do tư giản khứ tự lực, chú trọng Phật gia, ký Sa-bà cụ túc hoặc nghiệp chi hàm thức, hiện sanh đồng phó liên trì.

(Pháp hội mở rộng, giáo hạnh cùng tiến, muốn lợi khắp ngàn căn cơ, lợi độn đều tu, vì thế bỏ qua đường chung, trọn đề cao pháp đặc biệt, bởi diệu nhân viên mãn Bồ-đề trong Hoa Nghiêm chỉ nhằm dẫn về Tịnh độ.

Giảng tòa khơi lớn, lý sự cùng giảng, toan cầu trọn muôn phái hướng về, thánh phàm cùng ích, do vậy, lựa bỏ tự lực, chuyên chú trọng Phật gia hộ, mong hàm thức đầy dẫy phiền nghiệp tại Sa-bà, đời này cùng đến liên trì.)

(Cậy vào tự lực gọi là pháp môn theo đường lối thông thường, cậy vào Phật lực gọi là pháp môn đặc biệt. Phật giáo Tịnh nghiệp xã khánh thành giảng đường, sai tôi soạn câu đối, do vậy bèn nêu bày tông chỉ.)

29. Câu đối tại niệm Phật đường

a) Hà tất vấn thị thùy, thử đạo ư kim chiêu nhật nguyệt,
Đản năng thường hệ niệm, Phật tâm vô xứ bất từ bi.

(Cần gì hỏi là ai[617], đạo này nay đã rạng ngời nhật nguyệt,
Chỉ cần thường hệ niệm, Phật tâm không đâu chẳng từ bi.)

b) Quyết chí cầu sanh, hiệu tích hiền tương thác tựu thác,

Nhất tâm ức niệm, chí kim nhật nhân vân diệc vân,

(Quyết chí cầu sanh, phỏng người hiền thuở xưa đem lầm đáp lạc,
Một lòng nghĩ nhớ, tới nay người nói sao ta cũng nói vậy.)

c) Nhân giới sanh định, định - tuệ viên minh bồ-đề bổn,
Do Giáo nhập Tịnh, Tịnh - Thiền quán triệt giác đạo thành.

(Bởi giới sanh định, định - tuệ viên minh là cội bồ-đề,
Do Giáo nhập Tịnh, Tịnh - Thiền quán triệt thành tựu giác đạo.)

d) Lực tu giới - định - tuệ - không tắc vô ngã kiến,
Thường niệm từ bi hỷ xả phương khế Phật tâm.

(Tận lực tu giới - định - tuệ - không sẽ không ngã kiến,

[617] Thiền gia thường dạy tham cứu câu "niệm Phật thị thùy" (người niệm Phật là ai?)

Thường luôn niệm từ - bi - hỷ - xả mới hợp Phật tâm.)

e) Liễu quân đại sự duy tu tịnh,
Sướng Phật bổn hoài tại vãng sanh.

(Xong đại sự của ông chỉ có tu tịnh,
Thỏa bổn hoài của Phật ở nơi vãng sanh.)

f) Tam nghiệp tương ứng, vãng sanh hữu phần,
Lục căn đô nhiếp, kiến Phật vô nan.

(Ba nghiệp tương ứng, vãng sanh có phần,
Sáu căn nhiếp trọn, thấy Phật chẳng khó.)

g) Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, viễn ly điên đảo mộng tưởng,
Đô nhiếp lục căn tịnh niệm, thượng hợp bổn diệu giác tâm.

(Soi thấy năm uẩn đều không, xa lìa mộng tưởng điên đảo,
Nhiếp trọn sáu căn tịnh niệm, trên hợp giác tâm vốn mầu.)

h) Ngũ uẩn giai không, lục căn câu tịch,
Nhất trần bất nhiễm, vạn đức viên chương.

(Năm uẩn đều không, sáu căn đều lặng,
Mảy trần chẳng nhiễm, muôn đức trọn bày.)

30. Câu đối đề Tam Giáo đường

Nho Thích bổn đồng nguyên, đạo tịnh hành nhi bất bột,
Nội ngoại nguyên nhất thể, lý giao hiển nhi di chương.

(Nho - Thích vốn cùng nguồn, hai đạo cùng hành không chống trái,
Trong - ngoài nguyên một thể, lý rọi lẫn nhau thêm rạng ngời.)

31. Câu đối đề tháp viện ngài Vĩnh Minh

Tông kính viên chiếu, vạn thiện đồng quy, bổn giáo nghĩa nhi tục huệ mạng,
Pháp Hoa nhất bộ, Phật sự bách bát, chấn đại cơ dĩ cảnh ngu ngoan.

(Tông kính chiếu trọn, vạn thiện đồng quy, bổn giáo nghĩa nối tiếp huệ mạng,
Pháp Hoa một bộ, Phật sự trăm tám, dấy đại cơ nhắc nhở bướng ngu.)

32. Câu đối đề Trí Giả phường[618]

[618] Trí Giả phường: đình kỷ niệm tổ sư Trí Giả, tức đại sư Trí Khải.

Giáo phán ngũ thời, hóa nghi hóa pháp song thuyên, Linh Thứu thân thừa chư Thiện Thệ,

Phật minh lục tức, tâm tác tâm thị tịnh xiển, Chi Na hoằng đạo vô nhị nhân.

(Phán định giáo pháp gồm năm thời, hóa nghi, hóa pháp[619] cùng giảng, non Linh Thứu đích thân hầu chư Thiện Thệ,

Giải nghĩa chữ Phật bằng lục tức, "tâm làm, tâm là" đều phô, cõi Trung Hoa hoằng đạo chẳng một ai bằng.)

33. Câu đối đề điện Khổng Thánh

Kế vãng khai lai, đạo thông thiên địa hữu hình ngoại,
Tổ Nghiêu thuật Thuấn, ân biến phi tiềm dị loại trung.

(Kế thừa người trước, khơi lối kẻ sau, đạo thông trời đất vượt ngoài hữu hình,

Sùng phụng đạo Nghiêu, noi giữ phép Thuấn, ân trùm bay lặn trọn khắp muôn loài.)

34. Câu đối đề liêu Như Ý[620]

Vạn đức hồng danh thường ức niệm,
Bách ban huyễn bệnh tự tiêu trừ.

(Vạn đức hồng danh thường nghĩ nhớ,
Trăm cơn huyễn bệnh tự tiêu trừ.)

35. Câu đối đề Địa Tạng Đàn

Hồng nguyện phát thời, sanh mông độ thoát,
Tôn kinh diễn xứ, tội tự tiêu vong.

(Nguyện lớn phát lên, chúng sanh được độ thoát,
Tôn kinh vừa giảng, tội chướng tự tiêu vong.)

36. Câu đối đề Pháp Hoa Đàn

---

[619] Đây là hai thuật ngữ của tông Thiên Thai. Theo Thiên Thai Tứ Giáo Nghi Tập quyển thượng và Pháp Hoa Huyền Nghĩa quyển 1, Hóa Nghi là những hình thức, phương pháp nhằm hướng dẫn, chỉ dạy chúng sanh nhập đạo, Hóa Pháp là nội dung của kinh điển, giáo pháp... Như vậy hóa pháp giống như dược tánh, còn hóa nghi giống như các món thuốc. Tổ Trí Giả lập ra thuyết *hóa nghi tứ giáo* (đốn, tiệm, bí mật, bất định) và *hóa pháp tứ giáo* (tạng, thông, biệt, viên).

[620] Liêu Như Ý chính là tòa nhà dành cho các vị tăng nằm dưỡng bệnh ở chùa Pháp Vũ. Xin xem 'Sớ quyên mộ xây dựng liêu Như Ý chùa Pháp Vũ' trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2.

Đại sự nhân duyên, đoan quy thật tướng,
Nhất thừa nguyên bổn, tại báo thân ân.

(Đại sự nhân duyên, đầu mối quy về thật tướng,
Cội nguồn Nhất thừa tại nơi báo ân mẹ cha).

37. Câu đối đề cửa tam quan

a) Kinh thừa Bắc khuyết, luật xiển Nam Sơn, tục huệ mạng ư tương lai, trực sử phổ thiên hàm thức đốn minh tịch diệt chân tâm, thụ cùng tam tế.

Đạo kế Tây Càn, tông truyền Đông Chấn, khai Phật tri ư đương niệm, hàm linh pháp giới hữu tình triệt ngộ viên thông diệu tánh, hoành biến thập phương.

(Kinh nương cửa Bắc, luật hoằng non Nam, nối tiếp huệ mạng tới tận tương lai, khiến hàm thức khắp trời mau tỏ chân tâm tịch diệt, theo chiều dọc cùng tột ba đời.

Đạo nối trời Tây, tông truyền xứ Đông, mở bày Phật tri kiến nơi đương niệm, khiến hữu tình pháp giới triệt ngộ diệu tánh viên thông, theo chiều ngang trọn khắp mười phương.)

b) Nghệ Bồ-đề tràng, thú tịch diệt điện,
Đăng viên thông lộ, nhập giải thoát môn.

(Đến Bồ-đề tràng, tới điện tịch diệt,
Lên đường viên thông, vào cửa giải thoát.)

38. Câu đối đề vườn rau

Địa tráng thái căn thô, nhân chân quả chánh,
Phấn đa gia tử đại, đức hậu phước long.

(Đất phì nhiêu củ mập, nhân chân quả chánh,
Phân mùn nhiều cà to, đức dày phước thịnh.)

39. Câu đối đề sân khấu

a) Quyền chế bài trường phù giáo hóa,
Xảo thùy minh huấn chấn cương thường.

(Phương tiện lập sân khấu để giúp giáo hóa,
Khéo léo nêu minh huấn chấn hưng cương thường.)

b) Ngụ bao biếm, biệt thiện ác, khánh ương phước cực, báo bất sảng ư thục nặc hiền gian, phát quý chấn lung, doãn tác thiên thu tảo giám.

Phù giáo hóa, chấn cương thường, từ hiếu nhân trung, nghĩa các tận ư quân thần phụ tử, di phong dịch tục, tuân vi vạn thế điển hình.

(Ngụ ý khen chê, phân biệt thiện ác, lành dữ, phước xui, quả báo chẳng sai lành dữ, hiền gian, chấn động kẻ đui người điếc, xứng làm gương soi ngàn thu.

Giúp đỡ giáo hóa, chấn chỉnh cương thường, từ hiếu, nhân trung, tiết nghĩa trọn hết vua tôi, cha con, thay đổi nề nếp phong tục, tuân theo điển hình muôn đời.)

c) Điển hình thị bỉ tương lai, tỉ cuồng phu khắc niệm tác thánh,
Gian du tru ư dĩ vãng, thứ tiềm đức đại phát u quang.

(Nêu bày gương mẫu cho tương lai khiến kẻ cuồng khắc niệm thành thánh,
Giết lũ gian nịnh trong quá khứ hòng đức ngầm tỏa rạng u quang.)

40. Câu đối tại cửa tam quan am Pháp Như

Pháp đạo u thâm, trực nhập viên thông diệu cảnh,
Như môn quảng đại, toàn chương tịch chiếu chân tông.

(Pháp đạo thẳm sâu, vào thẳng viên thông diệu cảnh,
Như môn rộng lớn, trọn bày tịch chiếu chân tông.)

41. Câu đối mừng lễ truyền giới

Trương giới võng dĩ chấn tông phong, nhị đế viên minh, thành túc truy tung vãng triết,
Bố từ vân nhi giáng pháp vũ, tam căn phổ bị, doãn kham di phạm hậu côn.

(Căng lưới giới để rạng tông phong, nhị đế[621] viên minh, thật đáng noi dấu hiền nhân thuở trước,
Bủa mây từ hòng tưới mưa pháp, ba căn trọn độ, quả xứng nêu gương hậu học mai sau.)

42. Câu đối về khóa giảng Thiền Lâm Bảo Huấn

Lãm kính tri tàm hoằng bảo huấn,
Quy kim sư cổ chấn thiền lâm.

(Soi gương biết thẹn hoằng dương bảo huấn,

[621] Nhị Đế: chân đế và tục đế.

Sửa nay noi cổ[622] rạng rỡ thiền lâm[623].)

43. Câu đối viếng pháp sư

a) Dĩ cầu sanh đắc cố hương chi phong nguyệt, sanh bổn vô sanh, vô sanh nhi sanh, sanh ư vô sanh chi Tịnh độ,

Dĩ thị diệt tác hiểm đạo chi đạo sư, diệt thật bất diệt, bất diệt nhi diệt, diệt ư bất diệt chi uế bang.

(Lấy cầu vãng sanh để được cảnh gió trăng quê cũ, sanh vốn chẳng sanh, vô sanh nhưng lại sanh, sanh về nơi Tịnh độ vô sanh,

Dùng hiện tịch diệt để làm đạo sư nơi đường hiểm, diệt thật bất diệt, bất diệt mà vẫn diệt, diệt nơi cõi uế chẳng diệt.)

b) Viên mãn Bồ-đề, thường quang hiện xứ huyễn duyên diệt,
Trang nghiêm Tịnh độ, bổn hữu triệt thời chân trí sanh.

(Viên mãn Bồ-đề, thường quang hiển hiện, huyễn duyên diệt,
Trang nghiêm Tịnh độ, bổn hữu tỏ rồi, chân trí sanh.)

44. Câu đối mừng thọ năm mươi tuổi

Hiệu Bá Ngọc chi tri phi, ngũ thập niên khiên vưu, tùng tư tận sám,
Sư Trọng Ni chi lập mạng, bách thiên thế ý phạm, vĩnh dụng tuân hành.

(Phỏng Cừ Bá Ngọc biết sai, tội lỗi suốt năm chục năm, từ đây sám sạch,
Noi Khổng Trọng Ni lập mạng, hạnh đẹp cả trăm ngàn đời, vĩnh viễn tuân hành.)

45. Câu đối viếng vị giảng sư chuyên giảng Lăng-nghiêm

Hội ấm nhập giới nhi đầu đầu hợp đạo, sổ thập niên giáo nghĩa tông phong, đồ thành cảnh ngưỡng,

Mẫn căn trần thức nhi pháp pháp quy chân, nhất sát na nhân viên quả mãn, vĩnh tác tân lương.

---

[622] Noi gương người xưa để sửa đổi chính mình trong hiện tại.

[623] Thiền Lâm Bảo Huấn, còn có tên là Thiền Môn Bảo Huấn, hoặc Thiền Môn Bảo Huấn Tập, là một tác phẩm do sư Tịnh Thiện biên soạn vào đời Nam Tống, ghi chép các giáo huấn của chư tổ sư nhà Thiền đời Tống từ ngài Hoàng Long Huệ Nam đến Phật Chiếu Chuyết Am, gồm hơn 300 thiên, mỗi thiên đều ghi rõ xuất xứ. Cuốn sách này vốn do hai vị Diệu Hỷ Thiện Giác và Trúc Am Sĩ Khuê chùa Vân Môn tỉnh Giang Tây biên soạn, trải qua nhiều năm bị thất lạc phần lớn. Vào niên hiệu Thuần Hy (1174-1189), ngài Tịnh Thiện bèn biên tập chỉnh lý thành bộ Thiền Lâm Bảo Huấn như hiện thời.

(Gom ấm - nhập - giới, chuyện gì cũng đều hợp đạo, mấy chục năm giáo nghĩa tông phong, thật đáng ngưỡng mộ,

Diệt căn - trần - thức, pháp nào tất thảy quy chân, một sát-na nhân tròn quả mãn, mãi là cầu bến.)

46. Câu đối mừng thọ

Kỷ lập, lập nhân, thị danh thượng thọ,
Tri phi, phi đoạn, khả vị trưởng niên.

(Tự lập, lập người, ấy là thượng thọ,
Biết sai, sai dứt, đáng gọi trưởng niên.)

47. Câu đối viếng người tu hành cao tuổi

Thiền tâm hư tịch, tịnh nghiệp tinh thuần, mông Phật tiếp dẫn dĩ vãng sanh, bất uổng sổ thập niên lai cư hải đảo,

Đạo mạo oai lăng, thanh thần trác lạc, linh nhân kính úy nhi cảnh ngưỡng doãn kham thiên bách thế hậu tác điển hình.

(Tâm thiền trống lặng, tịnh nghiệp tinh thuần, được Phật tiếp dẫn vãng sanh, chẳng uổng mấy chục năm sống ngoài hải đảo,

Dáng đạo oai nghiêm, lòng thanh siêu việt, khiến người kiêng nể ngưỡng mộ, đáng cho trăm ngàn đời sau noi gương mẫu.)

48. Câu đối viếng hòa thượng Ký Thiền chùa Thiên Đồng

a) Truy ức niêm đề, ý chỉ chiêu trước, tất linh nhận ảnh cuồng đồ tức thời hoàn đắc bổn đầu, khả thán thiên bất giá niên, trí sử pháp môn vong chỉ trụ.

Mỗi ngâm kệ tụng, thanh vận khanh tương, phổ tử phao gia lãng tử trực hạ đốn khai bảo tạng, kham bi sự vị toại chí, cự giao hậu tấn thất quy thằng.

(Chạnh nhớ niêm đề[624], ý chỉ rành rành, đều khiến những gã cuồng lầm bóng[625] tức thời nhận biết đầu mình, đáng than thay, trời không cho sống thêm, khiến cho pháp môn mất đi cột trụ.

---

[624] Niêm đề: là một thuật ngữ Thiền tông, còn gọi là niêm cổ, hoặc niêm tắc, có nghĩa là "niêm bình cổ tắc" (chọn ra một câu chuyện cũ để bình giảng). Trong cách thuyết pháp của Thiền lâm, vị giảng sư nêu lên một câu chuyện xưa, hoặc một công án để khơi mở tâm địa, chỉ dạy yếu chỉ tông môn cho người học. Tuy gọi là "bình giảng" nhưng lời giảng thường khiến cho người nghe hoang mang nhiều hơn, với mục đích thúc đẩy nghi tình để người nghe tự lãnh ngộ ý chỉ, chứ không dựa theo tri kiến văn tự để giải thích công án.

[625] Chỉ chàng cuồng Diễn-nhã-đạt-đa trong kinh Lăng-nghiêm, anh ta soi gương thấy hình bóng cái đầu của mình hiện trong gương, đâm ra hoảng sợ phát cuồng.

Thường ngâm kệ tụng, thanh vận réo rắt, khiến khắp bọn lãng tử bỏ nhà lập tức mở ngay kho báu, buồn tiếc vậy, sự nghiệp chưa thỏa chí, đến nỗi hậu học thiếu người uốn nắn.)

(Câu đối này người quen biết, pháp tự hay vãn bối đều có thể dùng được.)

b) Thập tải trụ Thiên Đồng, hằng dĩ thi ca truyền mật ấn,
Nhất triêu sanh Phật quốc, vĩnh tùy Quán Thế chứng viên thông.

(Mười năm trụ Thiên Đồng, thường lấy thi ca truyền mật ấn,
Một hôm sanh nước Phật, mãi theo Quán - Thế[626] chứng viên thông.)

49. Câu đối viếng hòa thượng Ký Thiền

a) Giải đồng tễ nguyệt phong quang, thượng kế Mật Vân chi pháp đạo, phương dục hoằng khai học hội, tiếp dẫn hậu côn, khải liệu cánh sanh Cực Lạc khắc nhân khứ,

Thi đẳng kim thanh ngọc chấn, vĩnh vi khổ hải chi từ hàng, thượng kỳ thân chứng viên thông, truy tung tiên giác, cấp nghi phục nhập Sa-bà liễu nguyện lai.

(Giải hệt trăng trong gió mát, kế thừa pháp đạo của Mật Vân, vừa muốn rộng mở học hội tiếp dẫn đàn em, nào ngờ đã sanh về Cực Lạc để thỏa cái nhân,

Thơ như vàng gieo ngọc chạm, mãi là thuyền từ trong biển khổ, vẫn mong tự chứng viên thông nối gót tiên giác, gấp nên quay trở lại Sa-bà hòng thỏa chí nguyện.)

b) Thống pháp đạo chi thức vi, phúc uẩn kinh luân, chí đồ khôi phục, viện quan trưởng dĩ tác kim thang, hà ý bán đồ nhi thệ,

Ký tông phong chi phi chấn, tâm huyền tảo giám, khẩu thổ châu ky, xan cức lê dĩ phổ lưu bố, khả vân vĩnh kiếp thường tồn.

(Đau vì pháp đạo suy vi, bụng chứa kinh luân, chí mong khôi phục, cậy nhờ quan chức để bảo vệ, nào hay nửa đường khuất bóng,

Mong cho tông phong rạng rỡ, lòng sáng gương trong, miệng phun châu ngọc, gạt trừ gai góc hòng rộng truyền, đáng gọi muôn kiếp thường còn.)

50. Câu đối viếng hòa thượng Lưu Vân Quán Nguyệt

Ngưỡng thừa sư chí, sáng kiến thiền lâm, phổ linh tham thỉnh truy lưu đắc dĩ an thân lập mạng, hạnh trị niên cao đức thiệu, thức phạm hậu côn, hà duyên nguyệt lạc thanh thiên thủy đáo hải.

[626] Quán Thế Âm và Đại Thế Chí.

Thượng khấu đế hôn, khất ban Long tạng, tất sử tông giáo khai sĩ nhân tư đạt bổn cùng nguyên, ký kinh chất tạ thần thiên, thân thị đại giác, đương tất tâm minh lý địa đạo phù không.

(Kính vâng chí thầy, tạo dựng thiền lâm, khiến khắp tăng nhân tham thỉnh[627] nhờ đó an thân lập mạng, may được tuổi cao đức trọng, răn nhắc đàn em, duyên chi trăng khuất trời xanh, nước trôi ra biển?

Tới gõ cửa khuyết, xin ban Long tạng[628], khiến mọi khai sĩ Thiền Giáo do đây hiểu nguồn tột đáy, đã đành thân trả hồn dời, hầu hạ Đại Giác, ắt sẽ tâm mờ cõi lý, đạo hợp chân không.)

51. Câu đối viếng vị tăng quen biết sống ở ngôi miếu nhỏ nơi chợ búa

Bản lai diện mục, tức tục hằng chân, phủ hướng bích đàm quán dạ nguyệt,
Tất thế tháo trì, tự thoái thật tấn, đảo kỵ lư tử thượng Lô Sơn.

(Bản lai diện mục, dẫu cõi tục vẫn luôn là chân, dõi nhìn đầm biếc xem bóng trăng đêm,

Suốt đời tu dưỡng, tưởng là lùi thật ra luôn tiến, cưỡi ngược chú lừa[629] trèo lên Lô Sơn.)

52. Câu đối của ông tăng viếng vị đại thương gia hộ pháp

Bạch thủ khởi gia, cư triền vi chánh, sổ thập niên quảng hành từ tế, đại triển kinh luân, vô biên tế thanh tháo cao phong, cự liệu đồ thành phù cảnh ngưỡng,

Xích thành hộ pháp, tức tục tu chân, đương tư thời đốn khí huyễn khu, trực thăng An Dưỡng, tuyệt đối đãi bổn quang thường thọ, tất tương triệt chứng ư duy tâm.

---

[627] Tham thỉnh: tham vấn, thỉnh đạo.

[628] Càn Long Đại tạng kinh.

[629] Cưỡi ngược chú lừa (đảo kỵ lư): Ở đây tổ nhắc đến điển tích Trương Quả Lão. Trương Quả Lão không rõ năm sinh và mất, là một trong Bát Tiên, sống vào thời Đường (vào khoảng đời Đường Cao Tông đến Đường Huyền Tông), là một đạo sĩ nổi tiếng về thuật luyện đan. Theo thần thoại, ông ta thường cỡi một con lừa trắng, nhưng ngồi ngược hướng, tức là quay mặt về phía đuôi lừa. Con lừa ấy mỗi ngày đi được ngàn dặm, không cần ăn uống, khi cần nghỉ ngơi, chỉ cần vỗ nhẹ vào nó, lừa liền xẹp xuống như một tấm da lừa, khi cần đi chỉ thổi hơi vào nó lại biến thành con lừa sống như cũ. Do vậy, dân gian hay dùng tích "cưỡi lừa ngược" để chỉ người thung dung tự tại không bị ràng buộc trong cõi trần. Ở đây tổ dùng điển tích này để khen ngợi vị sư ấy sống nơi đô hội, chợ búa, vẫn thong dong tu tịnh nghiệp khác nào Trương Quả Lão cỡi ngược con lừa dạo chơi khắp chốn.

(Tay trắng làm nên, sống trong chợ búa cầm quyền, mấy chục năm rộng hành từ tế, rộng mở kinh luân, phong thái cao sạch nào có ngằn mé, đâu mong cầu được ngưỡng mộ,

Lòng son hộ pháp, ngay nơi cõi tục tu chân, đúng lúc này chợt bỏ huyễn thân, lên thẳng An Dưỡng, quang minh thọ lượng vốn bặt đối đãi, ắt sẽ triệt chứng duy tâm.)

53. Câu đối nhân dịp huyện Định Hải làm lễ tống ôn

Kinh tuyên bí tạng, tống ôn thần tức quy thiên phủ, khởi đồ nhất ấp an khang, túng thuộc lân bang bất vi hác?

Chú tụng chân thuyên, kỳ cát diệu thường chiếu hạ phương, ký tích hạp cảnh phước khánh, kiêm linh thông quốc mộc dung quang.

(Kinh tuyên bí tạng, tiễn ôn thần về ngay thiên phủ, nào chỉ một ấp an vui, còn thì lân bang chẳng được hưởng nhờ?

Chú tụng chân thuyên[630], mong sao lành thường chiếu hạ phương, mong ban cả vùng phước khánh, kèm thêm cả nước gội đẫm dung quang.)

54. Câu đối tống ôn

Hạ dân bối giác hợp trần, chí sử thiên tai dĩ kiến cáo,
Đại sĩ tầm thanh cứu khổ, nhân lân quỳ khổn chi thành cầu.

(Dân đen trái giác hợp trần, đến nỗi thiên tai thường giáng xuống,
Đại sĩ tầm thanh cứu khổ, do thương tha thiết[631] chí thành cầu.)

55. Câu đối phúng điếu ông Tôn Truyền Phương (viết thay)

Tâm khế chân thường, phổ vị oán thân tu thánh đạo,
Thân thường nghiệp trái, hồn vong nhân ngã quy liên bang.

(Tâm hợp chân thường, khắp vì oán thân tu thánh đạo,
Thân đền nợ nghiệp, quên phăng nhân ngã về liên bang.)

56. Câu đối tống tiễn thần ôn dịch

Huệ nhật lệ trung thiên, diệt tận ôn dịch chi sương lộ,

---

[630] "Thuyên" có nghĩa là rõ ràng. Do vậy, trong nhà Phật gọi những câu nói giảng giải chân lý là chân thuyên.

[631] Nguyên văn "quỳ khổn" (tấm lòng tha thiết của hoa quỳ). Do hoa quỳ (còn gọi là hoa hướng dương) thường xoay theo hướng mặt trời nên cổ văn thường dùng từ ngữ này để chỉ lòng tha thiết ngưỡng vọng. Do âm vận bó buộc, chúng tôi đành tạm dịch gọn là "tha thiết" tuy không đủ ý.

Từ vân phú đại địa, tư vinh phước thọ chi căn miêu.

(Huệ nhật rạng giữa trời, trừ sạch sương móc ôn dịch,
Mây từ trùm cõi đất, tốt tươi rễ mầm phước thọ.)

57. Câu đối tự khích lệ

a) Tất tương cách trí thành chánh thố kỷ cung, thị chân hào kiệt,
Bất dĩ thân tâm tánh mạng trí độ ngoại, nãi đại trượng phu.

(Tận lực thực hiện cách trí thành chánh[632], thật đáng bậc hào kiệt,
Gác bỏ chẳng màng thân tâm tánh mạng, mới xứng đại trượng phu.)

b) Nhữ tương tử khoái niệm Phật, tâm bất chuyên nhất, quyết đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thượng nan cầu, vật vọng tưởng nhân thiên phước quả.

Nhữ tương tử khoái niệm Phật, chí nhược chân thành, tiện dự liên trì, Thanh văn, Duyên giác do phất trụ, định khắc chứng đẳng diệu viên thừa.

(Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, tâm chẳng chuyên nhất, quyết đọa địa ngục, ngạ quỷ súc sanh còn khó mong cầu, chớ vọng tưởng quả phước trời người,

Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, chí nếu chân thành, liền dự liên trì, Thanh văn, Duyên giác vẫn chẳng muốn trụ, chắc chắn chứng viên thừa đẳng diệu[633].)

c) Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, tâm cảnh câu quyên, trực đồng hạo nguyệt cô viên, quang thốn vạn tượng,

Chứng đáo nhất trần bất lập, trí bi song vận, bất dị hạo thiên hạo đãng, thể phú quần luân.

(Soi thấy năm uẩn đều không, tâm cảnh đều mất, hệt như vầng trăng vằng vặc, ánh sáng rọi trùm muôn vật,

Chứng đến mảy trần chẳng lập, trí bi cùng vận, khác nào mặt trời rực rỡ, thể tánh che khắp mọi loài.)

d) Niệm Phật phương năng tiêu túc nghiệp,
Kiệt thành tự khả chuyển phàm tâm.

(Niệm Phật mới hòng tiêu túc nghiệp,
Kiệt thành sẽ tự chuyển phàm tâm.)

e) Bế hộ cự lai nhân, thống niệm tử kỳ tương chí,
Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thâm tàm đạo nghiệp vị thành.

---

[632] Cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý.
[633] Bình đẳng, vi diệu.

(Đóng cửa chẳng tiếp ai, xót nghĩ thân này sắp chết,
Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thẹn thay đạo nghiệp chưa thành.)

f) Trác lập bất di, thường sư Khổng thánh,
Hữu phi tất cải, nghi hiệu Cừ hiền.

(Kiên quyết chẳng dời, thường tôn thờ Khổng thánh,
Có lỗi bèn sửa, hãy học hạnh Cừ hiền[634].)

g) Chứng đạo phương năng siêu lục đạo,
Minh tâm tự khả liễu tam tâm.

(Chứng đạo mới hòng siêu lục đạo,
Minh tâm sẽ tự rõ ba tâm.)

h) Đạo nghiệp vị thành, cảm sử thử tâm tán loạn,
Tử kỳ tương chí, lực từ nhất thiết ứng thù.

(Đạo nghiệp chưa thành, há dám để tâm này tán loạn,
Kỳ chết sắp đến, tận lực từ tạ mọi thù tạc.)

i) Duyệt biến trần hoàn nguyên thị huyễn,
Nghiên cùng diệu tánh cấp quy chân.

(Xem khắp trần gian đều huyễn ảo,
Xét cùng diệu tánh gấp quy chân.)

j) Quả quá vị năng vi ngã hám,
Cư tâm vô ngụy nhậm nhân phi.

(Bớt lỗi chưa xong, thường áy náy,
Giữ lòng không dối, mặc người sai.)

k) Tri Phật tánh thường, phấn khắc chứng chí,
Tư địa ngục khổ, phát tâm Bồ-đề.

(Biết Phật tánh thường hằng, quyết chí chứng đắc,
Nghĩ địa ngục khổ não, phát tâm Bồ-đề.)

58. Câu đối khi nhàn rỗi

a) Giải hạnh toàn vô, cảm sung thiên điểu,

[634] Tức Cừ Bá Ngọc, người sống cùng thời Khổng tử, nổi tiếng với câu nói "đến năm tròn 50 tuổi, biết 49 năm trước đều sai".

Căn thân vị tịnh, miễn hiệu vân ngưu[635].

(Giải hạnh trọn không, nào dám như chim trời,
Căn thân chưa tịnh, gắng bắt chước trâu mây.)

b) Vị học nhật ích, vị đạo nhật tổn,
Sư hiền tâm thật, sư thánh tâm không.

(Vì sự học ngày càng tăng thêm, vì đạo ngày càng bỏ bớt,
Noi theo người hiền tâm thành thật, noi bậc thánh tâm rỗng không.)

c) Tuy hữu châu hải kim sơn, bất như tọa tấn thử đạo,
Túng linh phong thiện bái quốc, hà nhược lập vãng Tây Phương.

(Tuy có biển ngọc núi vàng, chẳng như tấn tu nơi đạo này,
Dẫu cho lên ngôi dựng nước, nào bằng đứng sanh về Tây Phương.)

d) Sự sự lợi nhân, xuất nhĩ phản nhĩ,
Tâm tâm tỉnh kỷ, niệm tư tại tư.

(Chuyện chuyện lợi người, ra từ đâu trở về đó,
Tâm tâm xét mình, niệm nơi này nghĩ tại đây.)

e) Nhất chế phù tâm thành thiết hán,
Tam giam kỳ khẩu học kim nhân.

(Một phen chế phục tâm, thành gã sắt,
Ba lượt ngậm kín miệng, học người vàng.)

59. Câu đối tán dương Phật Dược Sư

Như Lai thệ nguyện hoằng thâm, phổ lợi hữu tình, quả năng tâm vô sở trụ trì hồng danh, tự khả tai biến tiêu tận lục đạo khổ,

Kinh chú oai thần quảng đại, tề tư hàm thức, nhược khẳng niệm bất phân trì bẩm thánh giáo, định nhiên thọ đắc diên cập Lưỡng Túc Tôn.

(Như Lai thệ nguyện rộng sâu, lợi khắp hữu tình, nếu tâm vô sở trụ trì hồng danh, sẽ tự tiêu sạch tai ương hết khổ lục đạo,

Kinh chú oai thần lớn rộng, giúp trọn hàm thức, nếu chịu niệm chẳng rong ruổi tuân thánh giáo, chắc chắn hưởng tuổi thọ dài như đấng Lưỡng Túc.)

---

[635] Vân ngưu là một loài vật tưởng tượng. Cổ nhân thường tạc tượng vân ngưu có hình dáng một con trâu hay bò mập mạp, chân ngắn, sừng cong ngắn, cổ bạnh, khắp mình có những xoáy tròn như mây cuộn, bốn chân có những đám mây nhỏ. Vân ngưu tượng trưng cho sự cần cù, kiên quyết.

60. Câu đối đề pháp đường

Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, tướng tướng ly tướng, nhi vạn đức viên chương, cứu cánh thân chứng phù thật tướng,

Sanh từ tâm, sanh bi tâm, sanh hoan hỷ tâm, sanh đại xả tâm, tâm tâm ấn tâm, nhi nhất trần bất lập, triệt để hiển hiện hồ Phật tâm.

(Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, tướng tướng ly tướng, muôn đức trọn bày, rốt ráo tự chứng thật tướng,

Sanh từ tâm, sanh bi tâm, sanh hoan hỷ tâm, sanh đại xả tâm, tâm tâm ấn tâm, mảy trần bất lập, triệt để hiển hiện Phật tâm.)

61. Câu đối về Quán Âm, Địa Tạng

Quán Thế Âm hiện chúng thân dĩ thuyết diệu pháp, tùy trần sát cảm, biến trần sát ứng,

Địa Tạng Vương không địa ngục nhi tận sanh giới, hành Như Lai sự, úy Như Lai tâm.

(Quán Thế Âm hiện mọi thân để nói pháp mầu, trần sát cảm bèn ứng khắp trần sát,

Địa Tạng Vương trống địa ngục hòng hết sanh giới[636], làm chuyện Như Lai thỏa tâm Như Lai.)

62. Câu đối chúc mừng Công đức lâm

Nhục thực nhẫn tâm chiêu kiếp vận,
Tố xan thiện niệm trí thái bình.

(Ăn thịt nhẫn tâm chuốc kiếp vận,
Dùng chay thiện niệm dẫn thái bình.)

63. Câu đối về Quán Âm, Địa Tạng

Biến pháp giới tầm thanh cứu khổ, tùy loại hiện thân, thủ thôi Phổ Môn đại sĩ,

Cử minh dương hưng từ vận bi, thường thời thùy thủ, mạc quá Địa Tạng nguyện vương.

(Khắp pháp giới tầm thanh cứu khổ, tùy loại hiện thân, phải nhường Phổ Môn đại sĩ,

[636] Sanh giới chính là chúng sanh giới.

Trọn âm dương hưng từ vận bi, thường luôn xòe tay, ai hơn Địa Tạng nguyện vương.)

64. Câu đối chức mừng Công đức lâm

Thể càn phụ khôn mẫu chi tâm, vĩnh trừ nhục thực,
Tồn dân bào vật dữ chi niệm, đặc bị tố xan.

(Thấu hiểu lòng cha trời mẹ đất, vĩnh viễn thôi ăn thịt,
Vâng giữ niệm dân bào vật dữ[637], riêng sắp đặt món chay.)

65. Câu đối tán dương đức Địa Tạng

Chúng sanh độ tận, phương chứng Bồ-đề, miễn dữ lạc bạt khổ chi tâm, cộng tam tế thập hư nhi mạc ký,
Địa ngục dĩ không, thỉ thị thành Phật, tố hưng từ vận bi chi niệm, cử ngũ thừa cửu giới nhi vô di.

(Chúng sanh độ hết, mới chứng Bồ-đề, tưởng tấm lòng ban vui dẹp khổ, khắp ba đời mười phương vẫn chưa trọn,
Địa ngục không rồi, mới hiện thành Phật, nghĩ dấy niệm hưng từ vận bi, cả năm thừa chín giới đều chẳng sót.)

66. Câu đối về các pháp sâu thẳm như biển

Phật nguyện hồng thâm, phổ bị tam căn, nhân tư cửu giới đồng quy, thập phương cộng tán,
Pháp môn quảng đại, bất di nhất vật, cố đắc thiên kinh tịnh xiển, vạn luận quân tuyên.

(Phật nguyện rộng sâu, độ khắp ba căn, do vậy chín giới cùng nương về, mười phương cùng khen ngợi,
Pháp môn bao la, chẳng sót một ai, nên được ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.)

67. Câu đối giải thích đích xác ý nghĩa từ ngữ "cách vật trí tri"

Cách trừ huyễn vọng tư dục vật,
Trí hiển trung dung bỉnh di tri.

(Trừ khử vật tư dục huyễn vọng,
Thấu tột luân thường giữ trung dung.)

---

[637] Dân bào vật dữ: Nói gọn của câu *"Dân thị ngô bào, vật thị ngô dữ"* (dân là kẻ ruột thịt của ta, loài vật giống như ta).

68. Câu đối về ăn chay niệm Phật

Miễn Như Lai mẫn niệm thù ân, thường trì hồng danh, ký lịch kiếp tội khiên do tư tức diệt,

Quán thế nhân nhai xải tất báo, vĩnh đoạn nhục thực, dĩ sát thân oán hận quyết định nan tiêu.

(Nghĩ đến ân đức Như Lai sâu xa thương tưởng, thường trì hồng danh hòng diệt ngay tội khiên bao kiếp,

Ngó thấy quả báo người đời chớp mắt phải chịu, quyết không ăn thịt để giải trừ hận giết khó tiêu.)

69. Câu đối đề chỗ ăn chay

Thôi ngô nhân ố tử chi tâm, xảo hành cứu tế,
Thể thiên địa hiếu sanh chi đức, vĩnh giới tàn thương.

(Suy lòng lũ ta sợ chết, khéo hành cứu tế,
Hiểu đức trời đất hiếu sanh, mãi kiêng sát thương.)

70. Câu đối về ăn chay niệm Phật

Khẩu phúc ngộ nhân, xuất nhĩ phản nhĩ kết oán đối,
Phật danh tế thế, niệm tư tại tư dự thánh lưu.

(Miệng bụng lầm người, từ đâu ra trở về đó, kết oán thù,
Phật danh cứu đời, niệm từ đâu, nghĩ tại đấy, dự dòng thánh.)

VII. PHỤ LỤC

Cổ nhân nói: "Bá Di, Thúc Tề[638] tuy hiền, nhưng do được Phu tử nhắc đến mà thêm nổi tiếng; Nhan Uyên tuy chăm học, nhưng do bám vào đuôi ngựa ký[639] mà hạnh thêm rạng." Đức Sâm khổ não khôn xiết, hạnh lẫn học đều thiếu, nếu không được lão nhân Ấn nhiếp thọ, nâng đỡ, quả thật chẳng biết sẽ đặt chân nơi đâu, huống là bàn đến những chuyện chi khác! Mà cũng là nhờ các vị tăng tục để lọt mắt xanh[640] thương xót, chứ nào phải chỉ riêng mình lão nhân gia bị mà được như thế! Ngẫu nhiên có ghi chép, viết lách thì quê kệch, không ra hồn, lời lẽ thiếu thứ tự, nào kham lưu truyền trong cõi đời kẻo gai mắt nhã của người khác. Nhưng do cư sĩ Tra Tân Thần gởi thư thuật tình huống sanh Tây của cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, lão nhân liền gởi thư bảo Đức Sâm ghi thuật chuyện ấy để đính kèm vào cuối bộ Văn Sao Tục Biên. Do vậy tuân theo mạng lệnh ấy, ghi lại đôi lời về những sự thật, tình hình rõ ràng liên quan đến pháp yếu để tạo thành phần Phụ Lục, rồi trình lên lão nhân giám định, đã được ngài chấp thuận mới dám bám vào đuôi ngựa ký để nhờ đó được lưu truyền rộng rãi. Nếu nói muốn nối gót lão nhân hoằng tuyên pháp đạo thì tôi chẳng dám, chỉ là nương từ quang của lão nhân ngõ hầu những sự thực được ghi chép sẽ truyền bá xa gần khiến cho người ta tin ngay chẳng ngờ mà thôi!

Khổ não tỳ-kheo Đức Sâm kính cẩn viết

1. Niệm Phật nhiếp tâm kệ

(Sao chép theo bài viết trên vách Vân Thủy Đường)

Sách A-di-đà Kinh Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích có câu: "Nếu tín nguyện kiên cố thì lâm chung dù mười niệm hay một niệm cũng chắc chắn được vãng sanh. Nếu không có tín nguyện, dù trì danh hiệu đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa táp chẳng ướt, hệt như tường bạc vách sắt cũng không lẽ nào được vãng sanh!"

---

[638] Bá Di và Thúc Tề đều là con vua nước Cô Trúc (nay thuộc thành phố Đường Sơn, tỉnh Hà Bắc) cuối đời Thương. Bá Di là con cả, Thúc Tề là con trai thứ ba. Lúc vua Cô Trúc còn sống, tính truyền ngôi cho Thúc Tề. Sau khi cha chết, Thúc Tề lại nhường ngôi cho anh, Bá Di không chịu, bỏ nước trốn đi. Thúc Tề cũng không chịu làm vua, trốn theo anh sang đất nhà Chu dưỡng lão. Khi Chu Vũ Vương (Cơ Phát) hưng binh diệt Trụ, Bá Di và Thúc Tề ra cản đầu ngựa để khuyên can, nhưng Vũ Vương không nghe. Sau khi Trụ Vương tự vẫn, Bá Di lẫn Thúc Tề thề không ăn gạo thóc của nhà Chu, sống ẩn dật trong núi Thủ Dương, hái rau rừng để ăn. Sau có người bảo rau rừng mọc trên đất Chu thì cũng là tài sản của nhà Chu, họ liền nhịn đói đến chết.

[639] Ký là thiên lý mã, tức giống ngựa theo truyền thuyết một ngày đi được ngàn dặm.

[640] Theo Tấn Thư, Nguyễn Tịch có cặp mắt đặc biệt, khi nể trọng ai thì nhìn bằng cặp mắt xanh, khi khinh rẻ ai thì nhìn bằng cặp mắt trắng. Do đó cổ văn thường dùng chữ "thùy thanh" (để lọt mắt xanh) với ngụ ý đặc biệt tôn trọng.

Tổ sư cực lực nói toạc ra như thế, chính là lời thành thật phun gan nhả mật, mổ tim vẩy máu dành cho bọn người dùng trì danh để đè nén vọng tưởng chẳng biết cầu sanh vậy, kẻ tu tịnh nghiệp chẳng thể không biết điều này. Nhưng bọn ta đã biết sanh lòng tin phát nguyện quyết định cầu sanh, hiềm rằng vọng tưởng tơi bời, miệng tuy niệm Phật, tâm hoàn toàn mê muội, tán loạn, đấy cũng là điều chướng ngại vãng sanh. Nếu giống như Sâm là kẻ nghiệp chướng sâu nặng, độn căn tệ nhất thì dẫu tuân chiếu theo mấy phương cách tốt lành của tiền nhân vẫn cảm thấy tốn sức mà khó thể chế ngự tâm vào một chỗ.

Ở đây tôi sao chép bài kệ Nhiếp Tâm Niệm Phật của Vân Thủy Tăng viết trên vách để dường như khơi gợi những gì tiền nhân chưa khơi gợi. Dùng cách ấy để điều phục thân tâm, quả thật so ra hữu hiệu hơn những phương cách khác. Huống chi niệm niệm còn nghĩ đến hoa sen, tức là an tâm nơi cảnh thù thắng cõi Tây Phương, tự nhiên sẽ có ích cho tịnh hạnh, trọn chẳng có điều tệ nào, chẳng suy tính mà ngầm hợp với pháp "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" của đức Thế Chí, đem trình lên, có lẽ lão nhân Ấn công cũng khen ngợi là tuyệt hay. Vì thế dám đem chép kèm vào đây để những tịnh nghiệp hành nhân độn căn hèn kém như Sâm nương theo tu tập, kệ rằng:

Nếu hỏi pháp niệm Phật
Nhiếp tâm tự có cách
Niệm mỗi một câu Phật
Miệng tỏa hương hoa sen
Do tâm ta thanh tịnh
Nên có mùi hương này
Hoa từ miệng thoát ra
Đóa đóa về trời Tây
Mỗi câu Phật, một đóa
Có màu và quang minh
Niệm Phật hiệu câu đầu
Hoa xanh, tỏa ánh xanh
Niệm Phật hiệu câu kế
Hoa vàng, tỏa ánh vàng
Niệm Phật đến câu ba
Hoa đỏ, tỏa ánh đỏ
Niệm Phật hiệu câu bốn
Hoa trắng, tỏa ánh trắng
Xoay vần tưởng như thế
Niệm niệm chẳng hề quên

Chẳng cần phải nhớ số
Chỉ tưởng sắc, hương, quang
Nếu tâm chẳng tán loạn
Quyết thấy Đại Nguyện Vương.

2. Bài ký và bài tụng về chuyện cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh vãng sanh

Cư sĩ tên là Nghiệp Hốt, người huyện Bành Trạch tỉnh Giang Tây, làm quan Hàn lâm năm Giáp Thìn (1904) đời Quang Tự nhà Thanh, làm quan 8 năm, sau khi quang phục (Trung Hoa Dân Quốc thành lập) liền ẩn cư. Năm Dân Quốc thứ hai (1912), hướng lòng học Phật, đốc chí nơi Tịnh độ. Tiếp đó đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, liền biết lão nhân là bậc long tượng trong pháp môn, thật đúng là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong Tịnh tông. Rồi biết Đại sĩ Quán Âm chính là vị phù tá bên trái Phật Di-đà, là bậc hướng dẫn trí tuệ của cõi sen, liền khởi ý niệm triều bái Phổ Đà, lễ Đại sĩ, yết kiến cụ Ấn.

Năm Dân Quốc 11 (1922) đi triều bái, lễ bái, chiêm ngưỡng xong, đem bài Sớ Lễ Quán Âm đã soạn trình lên (toàn văn bài sớ này được chép ở đầu cuốn Quán Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng), trong ấy có câu *"thực Đình Chương chi vu, khắc nhật Tây hành"* (ăn khoai Đình Chương[641], hẹn ngày về Tây), lão nhân liền nghĩ ông ta còn chưa thôi ăn mặn, bèn hỏi: "Ông đã ăn chay hay chưa?" Đáp: "Ăn chay theo kỳ." Lão nhân nghiêm mặt quở trách: "Thật là tệ! Bậc đại thông gia như vậy mà vẫn chưa lấy thân làm gương ăn chay thì làm sao cảm hóa được người khác?" Lớn tiếng quát to, cư sĩ vui vẻ ưng chịu, chẳng những không một mảy may nào trái ý, mà thật ra tâm còn vui sướng thành thật khâm phục. Hôm sau, dâng thư xin lão nhân tiếp tục biên tập Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, tự nguyện sẽ giúp cho thành tựu. Gặp mặt nhận lời quở trách từ bi mà biểu lộ muôn phần cảm kích, đáng khen "danh chẳng hư truyền"! Lão nhân thấy cư sĩ tri kiến thuần

[641] Cư sĩ Chu Đình Chương, hiệu là Sở Phong. Theo Cư Sĩ Truyện, cư sĩ Chu Đình Chương người tỉnh Vân Nam, sống vào khoảng niên hiệu Chánh Đức - Gia Tĩnh đời Minh, tánh tình thuần phác, gia cảnh nghèo hèn. Ai mắng nhiếc, chửi bới gì cũng cười mà thôi. Một lòng tin tưởng Phật pháp, mỗi sáng đều tụng kinh Kim Cang, Di-đà, Quán Âm mỗi thứ một biến. Một hôm vào tiết Thanh Minh, từ biệt cha và vợ nói: "Tôi sắp đi đây, Di-đà đến đón tôi, Quán Âm cũng đã đến", rồi lại nói: "Đức Quán Âm bảo tôi phải thôi ăn mặn trong năm ngày thì mới về Tây được", bèn mỗi ngày ăn một bữa cháo, một bữa rau. Đến thời hạn, liền tắm gội đội mũ, bảo con em tụng danh hiệu của bảy đức Như Lai, tụng kinh xong bèn ngồi ngay ngắn qua đời, đến hôm sau thân vẫn còn tỏa mùi thơm, vẻ mặt như lúc sống. Do Đình Chương lúc sắp mất mới ăn chay, nên khi tổ Ấn Quang thấy ông Hứa Chỉ Tịnh nguyện "ăn khoai Đình Chương" liền biết ngay ông ta hãy còn ăn mặn.

chánh, văn bút siêu diệu, đúng là lòng rỗng rang như hang núi, thật hiếm có trong đời mạt, bèn thỉnh cư sĩ biên tập Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng.

Từ đấy thư từ qua lại càng thêm mật thiết, nhưng vẫn giữ lễ đệ tử, xin được quy y với lão nhân, ban cho pháp danh. Lão nhân bèn đặt pháp danh là Chỉ Tịnh. Năm Dân Quốc 16, 17 (1927-1928), tỵ nạn tại Thượng Hải, cư sĩ Nhiếp Vân Đài thỉnh ông Hứa biên tập bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ. Hai cuốn sách ấy lần lượt được lưu truyền, phàm những vị tăng tục có chánh tri kiến đều khen là Phật lý cao sâu, văn học tinh túy. Lão cư sĩ Phan Đối Phù lại thỉnh ông Hứa biên soạn Phật Học Cứu Kiếp Biên. Ba cuốn sách soạn xong đều được lão nhân Ấn lo liệu ấn hành, ngay cả việc ấn hành Sơn Chí của tứ đại danh sơn, cư sĩ cũng đều góp sức, trong lời tựa những bộ Sơn Chí ấy lão nhân cũng đã thuật đại khái. Năm Dân Quốc 25 (1936) tại chùa Báo Quốc, cư sĩ lại cầu lão nhân đích thân truyền Bồ-tát giới (do trước kia vâng theo lời lão nhân dạy đã tự thọ giới trước đức Phật).

Cư sĩ tuy có học vấn đạo đức người khác khó thể sánh kịp, nhưng tấm lòng rỗng rang, khiêm tốn, gặp tăng ắt vái chào, thấy Phật ắt lễ, toàn thân buông xuống, nghiêm ngặt giữ thân phận hàng tại gia bạch y làm đệ tử quy y tam bảo, chẳng tơ hào kiêu căng ngạo mạn, thật là chuyện người hiện thời khó thể làm được! Hơn nữa, tuy pháp nào cũng dung thông, nhưng tu trì cẩn trọng lại hoàn toàn giống như ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật, nhất tâm cầu sanh Tây Phương chẳng mảy may đổi dời. May được tam bảo gia bị, túc nghiệp lẫn tịnh hạnh đều cảm vời, chuyển quả báo nặng "ắt phải đời đời kiếp kiếp đọa lạc tam đồ" trong đời sau do ác nghiệp "sát sanh ăn thịt, não hại chúng sanh trong thuở trước" thành báo nhẹ trong hiện tại để liễu thoát ngay trong đời này, nhanh chóng về Tây Phương. Vì thế trong nhiều năm gần đây, cư sĩ thường bị bệnh khổ (xin hãy coi tiểu sử hai vị cổ đức là Giới Hiền và Huyền Trang sẽ tự tin tưởng lời nói này chẳng hư vọng).

Do Sâm thường hầu cụ Ấn, lại có tình đồng hương với cư sĩ, mỗi khi ít việc thường thông tin cho nhau, nên biết khá tường tận, nay chỉ trình bày những chuyện chánh yếu, còn đối với hết thảy những chuyện nhỏ nhặt như công khóa nhất định mỗi ngày, tinh tấn tu trì, và kiêm hành điều lành thế gian, cạn hết lòng thành duy trì, hộ trì tam bảo đều chẳng rảnh rang để viết đầy đủ được.

Đến tháng 5 năm Dân Quốc 27 (1938), cư sĩ tỵ nạn tại chùa Hoàng Long trên ngọn Cổ Lãnh, Lô Sơn, lại mắc bệnh nặng. Đến tháng 7 nhuận, bệnh đỡ hơn một chút, nhưng vẫn nằm bẹp, không thể cầm bút được, bèn đọc thư, bảo cháu ngoại viết thay, thuật diễn biến bệnh tình và thuật những ý như "từ nay trở đi gấp cầu giải thoát, sớm được sanh về Tây, nhưng nghĩ Cửu Hoa Sơn Chí chưa xong, nếu như chưa vãng sanh ngay, mong sẽ đọc trước cho lẹ v.v.". Sâm nghĩ cụ đã suy

yếu đến mức ấy, biết cụ sẽ chẳng còn là khách trọ lâu ngày trong cõi người nữa. Tháng 10 nhận được thư của thầy Phước Hải gởi đến, biết cụ đã về Tây, khi ấy cụ thọ 63 tuổi. Đến năm Dân Quốc 28 (1939), cư sĩ Tra Tân Thần sao lại lá thư của một vị cư sĩ sống cùng chùa là cư sĩ Diêu Bán Tăng viết cho anh ông ta (anh ông ta là Diêu Tiết Khanh, là môn sinh của cư sĩ) đem gởi cho Sâm, nhờ đấy biết tường tận tình hình cư sĩ Hứa sanh Tây.

Thư nói: Ngày mồng 1 tháng 9 (chỉ ngày tháng âm lịch của năm 1938), gọi em đến trước giường dặn dò hậu sự, tiếp đó mỉm cười nói: "Sáng nay mộng thấy Phật đến, khắp thân là chuỗi ngọc, tướng hảo quang minh, hướng về tôi bảo: 'Ta đến gặp ông', tôi liền lễ bái, trong khoảnh khắc liền tỉnh giấc, chẳng phải là đức Thế Tôn từ bi, riêng đến an ủi tôi hay sao? Nếu lại được ngài thị hiện tiếp dẫn khiến cho tôi được mang nghiệp vãng sanh thì may mắn quá!" Nói xong liền chắp tay nói: "Hẹn gặp lại ở Tây Phương", từ đấy không còn nói năng gì nữa, chỉ chuyên tâm thầm niệm Phật hiệu, đến 7 giờ sáng ngày mồng 3, an tường về Tây. Toàn thân lạnh hết, chỉ còn mình đảnh đầu vẫn ấm.

Lúc nhập khám, toàn thân mềm mại như bông, nghiễm nhiên giống như vị lão tăng nhập định, sắc mặt tươi nhuận hơn lúc còn sống. Đúng là các căn tươi vui, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập thiền định. Tăng tục thấy nghe khởi lòng kính nể sâu xa, khen là hy hữu. Giữ lại chùa niệm Phật 7 ngày theo đúng luật hỏa thiêu, tro xương vẫn giữ tại chùa Hoàng Long.

Sâm nói: "Do nhân như thế mà cảm được quả như thế, được như sở nguyện, mãn nguyện Bồ-đề, nguyện người thấy nghe phát tâm Bồ-đề cùng niệm Phật hiệu, cùng sanh Tây Phương, tương lai trong ao bảy báu sẽ được kề vai với cư sĩ cùng đi, cùng là đệ tử của Phật Di-đà, nghe pháp chứng Vô sanh nhẫn, cùng độ chúng sanh Sa-bà." Nhằm mãn nguyện của cư sĩ nên soạn bài ký, lại còn nói bài tụng rằng:

Than ôi Tịnh công! Bậc kim thang cho pháp môn, đủ chánh tri kiến, an phận thủ thường, nghiên cứu khắp kinh tạng, thâm nhập chỗ thẳm sâu của Phật, tổ, thị hiện thân phận bạch y, giữ vững biên cương Kỳ Viên, thường than cuối đời mạt, tăng tục phần nhiều thiếu sót bổn phận, tận lực đề xướng liên xã, ắt phải cậy tăng-già nêu kỷ cương, tông lẫn thuyết đều thông, đáng xưng là bậc ngoại hộ vây cánh, giữ cho tăng sống yên, bảo vệ đạo pháp, thật đáng khen là bậc long tượng vô song.

Pháp nào cũng viên dung, nhưng chỉ giữ mỗi giáo pháp Tịnh độ khế cơ khế lý. Môn nào cũng thấu đạt thông suốt, chỉ thẳng tới cõi Cực Lạc dễ hành dễ đạt. Nay đã dưa chín, cuống rơi, quả thật được Tây Phương giáo chủ tiếp dẫn, càng

mong mau chứng vô sanh, chẳng trái bổn nguyện, liền trở lại Sa-bà, hộ trì tam bảo, làm thuyền từ phổ độ chúng sanh.

3. So sánh sự tổn hại và lợi ích giữa được và không được trợ niệm

Cư sĩ Lưu Hiểu Ngu tên là Cảnh Liệt, người huyện Cám tỉnh Giang Tây, thuở trẻ du học Đông Doanh (Nhật Bản), là bạn học với ông Thái Tùng Pha v.v.. Sau khi quang phục, từng làm Nghị viên Quốc hội khóa đầu tiên. Năm Dân Quốc thứ sáu, thứ bảy (1917-1918), đảm nhiệm chức Ty trưởng ty Chức phương[642]. Do người anh họ là cư sĩ Hảo Ngu, tên ngoài đời là Cảnh Hy, vốn là một thân sĩ tiếng tăm ở Cám Châu rất tôn sùng Phật học, cho nên từ thuở bé đối với pháp môn cư sĩ cũng chịu hộ trì. Ngôi chùa cổ Thọ Lượng trong thành bị bỏ hoang, sụp nát từ lâu. Đầu thời Dân Quốc, người dân trong vùng tính mượn danh nghĩa lập trường tiểu học cho quốc dân để che đậy ý đồ chiếm hết cả chùa, chiếm đóng nơi ấy. Về sau do cư sĩ phát khởi, thỉnh hòa thượng Đại Xuân kiêm nhiệm trụ trì, giúp sức bảo vệ. Đến năm Dân Quốc thứ tám, thứ chín (1919-1920), nhà chùa cùng trường học dính vào chuyện thưa kiện, đều do cư sĩ đức cao trọng vọng mà một người xướng, trăm người hòa, ngả rạp theo gió, phàm những vị chánh sĩ thuộc các giới thân sĩ, thương nhân, giáo dục ở địa phương đều nhất trí chủ trương công đạo, dời nhà trường khỏi chùa, bảo toàn được cơ sở nhà chùa và chuộc lại chừng đó ruộng cho cấy rẽ.

Đến năm Dân Quốc 22 (1933), chánh quyền địa phương phóng đường cái, nhà chùa nằm ngay trên tuyến đường được quy định thiết lập đại lộ, hai bên đều biến thành trang trại nhỏ, họ tính phá sạch cả chùa, muôn phần không còn cách gì bảo tồn được nữa! Hàng tăng tục đã đến chỗ sơn cùng thủy tận rồi, biết Sâm khi xưa đã từng phụ giúp hòa thượng Đại Xuân, có mối nhân duyên với chùa ấy; khi đó Sâm đang hầu hạ cụ Ấn tại đất Tô, ắt sẽ quen biết vị hộ pháp có thế lực, họ bèn gởi thư xin lập phương cách cứu vãn.

Khéo sao cư sĩ cũng do tỵ nạn mà đến đất Tô, đã quy y với lão pháp sư Ấn, ăn chay theo kỳ, tu tịnh nghiệp, pháp danh là Đức Thành. Sâm vì tạo dựng tượng Đại sĩ bằng sắt cao 20 thước mà bôn tẩu hô hào, nhà chùa được giữ nguyên vẹn; tiến hơn một mức nữa là lại được trùng hưng cũng nhờ công sức cư sĩ giúp đỡ

[642] Đây là một trong sáu ty trực thuộc Bộ Nội vụ của Trung Hoa Dân Quốc được thành lập vào năm 1912 tại Nam Kinh. Thoạt đầu sáu ty này có tên gọi là Dân trị (coi về hành chính trị an), Cảnh vụ (công an, cảnh sát), Lễ giáo (trông coi giáo dục và thuần phong mỹ tục), Thổ mộc (trông coi về xây dựng, thiết kế những công trình công cộng) và Biên lý (quản trị biên cương, quy hoạch bản đồ lãnh thổ quốc gia). Khi chính quyền Dân Quốc chiếm được Bắc Kinh, dời kinh đô từ Nam Kinh lên Bắc Kinh, ty Biên lý được đổi tên thành ty Chức phương (dựa theo ý nghĩa xưa của chữ *Chức phương* là bản đồ).

không ít. Đến năm Dân Quốc 25 (1936), cư sĩ trở về quê, chuyện duy trì nhà chùa càng nhờ cậy cư sĩ nhiều hơn, nhưng do việc công chuyện tư bề bộn, tuy đã phát tín tâm, nhưng khó chuyên thực hành được. Mỗi ngày bất quá thực hiện công khóa chốc lát, tùy duyên tu tập mà thôi!

Đến cuối thu năm Dân Quốc 27 (1938), do sát nghiệp trong đời trước đời này chiêu cảm, lại bị bệnh nặng (khi chưa quy y Phật, cư sĩ thích bẫy chim lưới cá, sát hại rất nhiều sanh mạng. Năm Dân Quốc mười mấy, từng bị chứng *đối khẩu sang*[643], bệnh tình rất nguy hiểm, đau khổ cùng cực, bèn phát nguyện đoạn trừ thói quen xấu ác ấy. Do niệm Quán Âm Bồ-tát cứu khổ cứu nạn, chợt nghe trên hư không tỏa hương, bệnh tình dần dần được bình phục), dây dưa lâu ngày, đau khổ khó kham, sai con là Phát Trang đem món tiền mấy trăm đồng, cậy Sâm cúng dường cho cụ Ấn và làm công đức thay cho mình. Sâm lo liệu xong, viết thư phúc đáp khuyên cư sĩ nên ăn chay trường; nghe nói đến cuối năm cư sĩ mới thực hành chuyện thôi ăn mặn. Cho đến tháng 3 năm Dân Quốc 28 (1939), bệnh tình ngày càng thêm nặng. May nhờ thê thiếp, dâu, con đều là đệ tử quy y với cụ Ấn, đều biết trợ niệm lúc lâm chung là chuyện khẩn yếu, bèn trong ngày 17 thỉnh hai vị tăng ở chùa Thọ Lượng đến trợ niệm.

Niệm đến sáng ngày 19, cư sĩ tự biết sắp từ biệt trần thế, sai khiêng ra trước sân để đổi không khí, gọi anh em dặn dò hậu sự, bảo người con cả là Phát Trang quỳ nghe di chúc. Nói xong, mọi người thấy sắc mặt cư sĩ rất lạ, bèn khiêng trở vào phòng ngủ. Hai vị tăng và người nhà đồng thanh niệm Phật hiệu để trợ niệm. Phát Trang kính cẩn nâng tượng A-di-đà Phật tiếp dẫn, thỉnh cư sĩ hãy nhìn xem. Do lúc mới phát bệnh ngặt thì vẫn là chứng bệnh ở phía ngoài cổ (tức chứng đối khẩu sang tái phát) khiến cho tay trái rũ xuống mấy tháng không thể giở lên được; chính đang lúc hấp hối vừa thấy tượng Phật, tay trái chợt hoạt động như thường, giơ lên chắp tay, liền tỏ vẻ hoan hỷ hớn hở, niệm gấp A-di-đà Phật. Lúc ấy chẳng có mảy may đau khổ nào, an tường qua đời giữa tiếng niệm Phật của mọi người, thọ được 61 tuổi, nhằm ngày 19 tháng 3 năm Kỷ Mão (1939) âm lịch.

Cư sĩ bệnh nặng mấy tháng, đau khổ khó kham, quả thật là báo nặng trong đời sau do não hại chúng sanh đã chuyển thành báo nhẹ trong hiện đời, đến khi lâm chung có được tướng lành ấy, có thể nói là các căn tươi vui, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập thiền định, chắc chắn sanh về Tây Phương không

[643] Đối khẩu sang, còn gọi là não thư, khẩu thư, khẩu đinh, lạc đầu thư, đại thư, là một chứng bệnh lở loét ở phía trên phần cổ, giáp ót. Sang và thư đều có nghĩa là lở loét. Bệnh nhân mọc một cái nhọt độc lớn ở phần sau cổ, lở loét mãi không lành miệng, thường có mủ, khiến bệnh nhân hay bị sốt cao, rất đau đớn. Nếu không chữa trị đúng lúc, bệnh nhân bị hôn mê rồi chết.

còn ngờ gì nữa! Việc ma chay, đãi khách nhất nhất đều tuân theo lời cụ Ấn đã dạy trong thư: Nhất loạt dùng cỗ chay, mở ra đầu mối đầu tiên theo đường lối Phật hóa ở miền Nam Cám Châu. Thiện lợi như vậy tuy do chính thiện căn của chính cư sĩ chín muồi, nhưng quyến thuộc giúp sức đúng pháp khéo trợ niệm vào lúc lâm chung cho nên cũng thật sự là một trợ duyên rất lớn. Vì thế, cuối cùng tôi mong tứ chúng Phật tử hãy sớm chú ý điều này.

Bà Đinh nhà họ Lý, pháp danh Đức Hoằng, từng làm vợ cả ông Lý X… ở Dương Châu. Do chồng đã cưới vợ lẽ mà bà lại chưa từng sanh nở, khó sống yên trong nhà chồng được, bèn đến sống nhờ nơi mẹ kế là cư sĩ Đinh Đức Nguyên. Bà mẹ kế cũng coi bà Đinh như con ruột, nâng đỡ lẫn nhau, quây quần bên nhau gần suốt 20 năm mà giống hệt như một ngày. Năm Dân Quốc 17 (1928) ở tại đất Thân (Thượng Hải), do thân hữu dẫn đến gặp lão pháp sư Ấn, bèn cùng nhau cầu khẩn xin được nhiếp thọ, quy y, xin ban pháp danh. Lão nhân cũng nghĩ tới lòng họ thành khẩn bèn từ bi chấp thuận, và ghi cho pháp danh là Đức Nguyên, Đức Hoằng.

Từ đấy ăn chay trường, thờ Phật, tu trì nghiêm cẩn, mẹ con nương tựa nhau, chuyển thành pháp lữ. Đau đáu nghĩ tục duyên bạc phước, quyến thuộc thưa thớt, nay gặp Tịnh tông là cha mẹ tốt lành hướng dẫn xuất thế, được nương tựa nơi thầy, cũng là may mắn muôn vàn. Do vậy đối với lão nhân tâm hiếu kính mười phần chân thật, thiết tha.

Luận về sự tin tưởng, tu trì thường ngày thì hết thảy mọi mặt cư sĩ Lý Đinh Đức Hoằng đều trội hơn cư sĩ Lưu, chỉ hận túc nghiệp ngăn chướng, nhân duyên khiếm khuyết! Mùa hạ năm Dân Quốc 27 (1938), thấy Vũ Hán sắp lâm vào cảnh vây hãm, nguy ngập, bèn từ Hương Cảng đến tỵ nạn tạm thời tại đất Hỗ (Thượng Hải). Do giá nhà quá cao, thuê mướn chẳng dễ dàng, bèn ở tại khách sạn, vừa quá tốn kém vừa quá bất tiện. Cụ Chân Đạt chùa Thái Bình biết mẹ con bà tin Phật chân thật, thiết tha, trong lúc đại kiếp này lênh đênh không nơi nương tựa, quyến thuộc đìu hiu, thật đáng thương xót, nên trong chùa có lập một tịnh thất cho năm người già trẻ cùng sống.

Đến đầu tháng 3 năm Dân Quốc 28 (1939), cư sĩ Lý đột nhiên mắc bệnh thương hàn, dây dưa tới tháng 4 thuốc men không công hiệu, bệnh tình ngày càng nặng thêm, trong chùa Phật sự bề bộn, phòng ốc lại ít, nếu chết tại chùa không cách chi xếp đặt ổn thỏa được, bất đắc dĩ phải đưa vào bệnh viện. Quy định của bệnh viện là phải theo quy cách của phương Tây, việc trợ niệm lúc lâm chung muôn phần khó thể thực hiện được. Nhập viện hai ba ngày, những người biết Phật

pháp chẳng thể đến thăm được, cư sĩ bèn chết hồ đồ tại bệnh viện vào sáng ngày 18 tháng 4, thọ 50 tuổi.

Người có tín tâm tu trì như thế nếu lâm chung được trợ niệm đúng pháp, sẽ hiện tướng lành vãng sanh chẳng kém cư sĩ Lưu Hiểu Ngu; nhưng vì cơ duyên bị trở ngại, hoàn toàn chẳng được hưởng lợi ích do trợ niệm, đến nỗi tín tâm hằng ngày chẳng thể thọ dụng được trong đời này, chỉ thành nhân duyên đắc độ trong vị lai, thật đáng tiếc quá! So sánh những chuyện này, biết đích xác trợ niệm lâm chung có quan hệ rất trọng yếu. Tuy nhiên, công chẳng luống uổng, quả không bỏ phí!

Cõi đời chẳng có quả nào không có nhân, cũng như không có nhân nào chẳng kết thành quả. Cư sĩ Lưu hưởng thiện lợi như thế là do nhân gieo trong đời trước nay đã chín muồi, vì thế có được thiện duyên quyến thuộc giúp cho thành tựu.

Cư sĩ Lý chịu cảnh ngang trái như thế chắc là vì đời trước phá hoại chuyện thù thắng của người khác đến nỗi cảm lấy đủ mọi thời tiết nhân duyên chẳng đúng pháp gây nên chướng nạn. Hết thảy thiện hạnh do tín phụng tam bảo trong hiện tại chắc chắn sẽ tạo thành cái nhân đắc độ trong vị lai, chẳng thể nghi ngờ, bàn bạc mảy may nào nữa, nhưng rốt cuộc chẳng thắng chóng bằng liễu thoát ngay trong đời này.

Do vậy lão nhân thường nói: "Lợi người tức là lợi mình, hại người còn quá hại mình." Nguyện những vị tăng tục cùng hàng có chí sanh Tây trong nhất cử nhất động hãy chú ý nhân quả, khiến cho mỗi bước mỗi chuyện đều tạo thành duyên thù thắng để thành tựu vãng sanh, đấy là điều thiết yếu vậy!

4. Người tu tịnh nghiệp ăn chay niệm Phật trong xử sự thường nhật chuyện gì cũng phải rất phù hợp với tịnh hạnh thì mới có thể vãng sanh

Cư sĩ Tào Á Bá người huyện Dương Tân tỉnh Hồ Bắc, thiên tư khá tốt, đến tuổi búi tóc đi học, liền cùng với những vị tham gia cuộc khởi nghĩa Vũ Xương[644] cực lực đề xướng cách mạng. Triều đình nhà Thanh nghiêm cấm, bèn liều mạng bỏ ra nước ngoài, đi khắp Âu - Mỹ, cùng hoạt động chung với các vị như Tổng lý Tôn[645]. Đến năm Dân Quốc 11 (1922), cư sĩ bèn chẳng muốn nghe đến chuyện quốc sự nữa, ẩn cư tại Thượng Hải. Tiếp đó tậu sản nghiệp, dựng nhà tại Côn Sơn, rồi nghe theo lời khuyên của cư sĩ Trương Thuần Nhất tin tưởng Phật pháp,

[644] Tức cuộc Cách Mạng Tân Hợi (1911), xảy ra vào ngày 10 tháng 10 năm Tân Hợi, bắt đầu từ Vũ Xương, lật đổ nhà Thanh, lập ra Dân Quốc. Thoạt đầu, Tào Á Bá là một trong những lãnh tụ của nhóm thanh niên chủ trương cách mạng, canh tân Trung Hoa.
[645] Tức Tôn Văn (tự Dật Tiên, hiệu Trung Sơn), quốc phụ của Trung Hoa Dân Quốc.

đọc khắp những bộ kinh luận nổi tiếng của Đại thừa. Đến năm Dân Quốc 18, 19 (1929-1930), sau khi thân cận cụ Ấn, cũng khá hợp tính với Sâm, hễ gặp người khác bèn đem Phật pháp khuyên lơn, đề xướng tuyên truyền, khá có ảnh hưởng.

Đối với chuyện thuộc pháp môn, cư sĩ tận lực hộ trì, chẳng hề né tránh, kiêng dè, cũng là người làm được những điều người khác khó thể làm. Sâm lo liệu những chuyện thuộc về tài sản nhà chùa tại Giang Tây cũng được cư sĩ giúp sức không ít. Ông ta khinh tài trọng nghĩa, thanh cao thật thà, chẳng tranh quyền lợi với ai, cũng là hạng người hiếm có trong thời này.

Tiếc là chuyện gì cũng luông tuồng, chẳng tuân theo quy củ đã định, đến nỗi phần nhiều những chuyện ông làm đều trở thành trò đùa. Vì thế chỉ gieo được cái nhân xa, chứ khó thể được lợi ích thật sự trong đời này.

Thường ngày do thân lẫn tâm đều mạnh mẽ, ông tự coi mình là anh hùng, mong có thể sống tới 120 tuổi! Hiềm rằng thuở thiếu niên chơi bời bừa bãi (chuyện này ông ta thường tự lớn tiếng nói cho người khác biết), trác táng quá độ nên đã trở thành bề ngoài mạnh mẽ nhưng bên trong thì khô héo, cho nên đến tuổi xế chiều cũng thường sanh bệnh. Mùa thu năm Dân Quốc 26 (1937), bị bệnh thổ tả nhẹ, trị gần lành, vẫn gởi thư cho Sâm ước hẹn kỳ hạn đến đất Tô lễ bái, thân cận cụ Ấn, nhân đấy bày tỏ nỗi lòng.

Nào ngờ tối hôm trước ngày đã định, cư sĩ mắc chứng dịch tả. Lần này những người bạn thân đã ước hẹn đồng hành đến mời cư sĩ lên đường, thấy ông ta đã sắp mất, chưa đầy một tiếng đồng hồ đã thiêm thiếp qua đời, thọ 62 tuổi, chỉ được nửa số tuổi mong muốn, mất đúng vào giữa trưa ngày 25 tháng 8. Hết thảy các sự thế gian lẫn xuất thế gian đã nói trước đây đều trở thành bánh vẽ. Đây chính là bằng chứng chắc như sắt về chuyện đùa bỡn nơi pháp môn, khó được lợi ích thật sự trong đời này. Người tu tịnh nghiệp đối với hết thảy những chuyện chẳng tuân theo quy củ đã định phải thống thiết răn ngừa vậy!

Cư sĩ Bành Thủ Chuyết người huyện Nam Xương, tỉnh Giang Tây, năm Dân Quốc 18 (1929), đặc biệt sang đất Hỗ chọn đầu bếp chuyên nấu món chay về Nam Xương trông coi tiệm đồ chay. Nhân đó đến chùa Thái Bình lễ cụ Ấn nên mới bắt đầu quen biết Sâm. Về sau ông lại trông coi Phật Kinh Lưu Thông Xứ tại chùa Hựu Dân. Do làm việc nghiêm túc, ông được các cư sĩ tín nhiệm, cho nên công việc cả hai nơi đều giao cho ông chăm sóc. Đối với chuyện trong pháp môn, ông luôn ủng hộ các vị tăng tục, cũng như dốc cạn tâm lực hộ trì đề xướng. Sâm phải lo chuyện tài sản nhà chùa ở vùng Nam Cám, được ông lập nhiều cách giúp đỡ, hưởng lợi ích cũng sâu đậm lắm. Nhưng vì ông đông con quá, trong nhà chẳng

có của cải gì, duy trì sanh kế cho gia đình khá vất vả. Công khóa tự tu tuy chưa thể không gián đoạn, nhưng cũng chẳng chịu bỏ luống.

Khi ngoài 50 tuổi, do lao lực chất chứa, thân suy nhược, đến nỗi thường đổ bệnh. Đến khoảng tháng 7 năm Dân Quốc 27 (1938), biết trước lúc mất, đã định sẵn kỳ hạn với người nhà. Khi ấy người nhà vây quanh trợ niệm Phật hiệu, cư sĩ cũng chánh niệm phân minh, an tường về Tây giữa tiếng niệm Phật của đại chúng. Do ông ta cung kính tam bảo, chuyện gì cũng học theo ông Hứa Chỉ Tịnh, nghe nói tướng lành lúc vãng sanh cũng gần giống như vậy (nhưng lúc nghe còn chưa ghi lại, nên vẫn còn nhiều chuyện chưa thể tường tận được).

Cư sĩ Tra Tân Thần, người huyện Cửu Giang tỉnh Giang Tây, năm Dân Quốc 24 (1935), làm nghề buôn bán, gia đạo cũng dư dả đôi chút, nhiệt tâm làm chuyện công ích, ưa làm lành, thích bố thí. Những chuyện từ thiện trong địa phương đều khẳng khái giúp cho thành tựu, làm phó xã trưởng của liên xã Cửu Giang. Năm Dân Quốc 24 (1935), Sâm qua Cửu Giang vừa gặp mặt lần đầu liền được ông đặc biệt ưu đãi. Năm Dân Quốc 25 (1936) triều bái Phổ Đà, đến đất Tô, càng thêm quen biết đậm đà hơn. Mùa xuân năm Dân Quốc 28 (1939), do tỵ nạn về sống tại Cám Châu, tuy phải lênh đênh trôi nổi, vẫn cứ nhất tâm thờ Phật, mấy lần gởi thư cho Sâm để bàn bạc chuyện trong pháp môn.

Đến tháng Giêng năm Dân Quốc 29 (1940), chẳng may máy bay oanh tạc Cám Thản, bom rớt xuống gần nơi cư sĩ cư ngụ, bị kinh hãi trúng phong, tiếp đó bị chứng bệnh viêm màng não cấp tính, qua đời vào giờ Thân ngày 21 tháng 2. Do bình nhật tin tưởng Tịnh độ sâu xa, thật sự có tu trì, lại thêm quyến thuộc cũng hơi biết về ý nghĩa quan trọng của sự giúp sức trong lúc lâm chung, nên tuy bị mất vì bệnh ngặt, tâm vẫn giữ được chánh niệm, trọn chẳng có hiện tượng hôn mê, vướng mắc, xưng niệm A-di-đà Phật liên tiếp, nhắm mắt an nhiên qua đời. Dựa theo kinh giáo, người mất như vậy có khá đầy đủ tướng lành sanh về Tây, cũng là do chuyện gì cũng đều tuân theo quy củ đã định, phần nhiều phù hợp với Tịnh độ mà cảm vời ra.

Xét ra thì ba vị cư sĩ này đều quy y dưới tòa của lão nhân Ấn, giữ lễ đệ tử, đối với cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh không ai chẳng đồng thanh tán dương, nhưng hết thảy hành vi của hai vị Bành - Tra phần nhiều lấy hai vị lão nhân (tức tổ Ấn Quang và ông Hứa Chỉ Tịnh) làm khuôn mẫu để phỏng theo; nếu có chỗ nào sức không kham nổi thì cũng tự biết hổ thẹn, chẳng dám buông lung, do vậy kết quả cũng chẳng thua kém cho mấy. Cư sĩ Tào xưng tụng ngoài miệng, có thực hành, nhưng không có gì tới nơi tới chốn, chỉ tự mình hành động, phần nhiều gần như là làm quấy quá, chứ thật ít khi thực hiện thật sự. Hơn nữa, hoàn toàn chẳng có công

khóa nhất định để lễ bái, trì tụng đúng pháp, lại còn thuận theo tâm hạnh của chính mình, nên mang tiếng là niệm Phật nhưng kết quả cũng hoàn toàn chẳng có ảnh hưởng gì. Đủ chứng tỏ Phật pháp quý nơi thật hành, chứ không phải chỉ nói suông là có thể giải quyết xong việc. Công chẳng lãng phí, quả chẳng phí uổng. Sâm viết bài này để tự răn mà cũng để răn nhắc hết thảy những ai cùng bệnh vậy!

5. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hiểu Phố, viện trưởng Ân Thí Pháp Viện

(Đính kèm nguyên văn thư gởi đến, cư sĩ Hoàng có pháp danh là Đức Hoằng)

"Sau tiết Đoan ngọ hai bữa, lời chỉ dạy của thầy được gởi đến, để mãi cho đến hôm nhằm tiết Đại thử mới cung kính mở ra đọc, tính ra đã 31 ngày[646]. Giao thông bất tiện như thế này, nhằm vào lúc chẳng bình thường, hết thảy mọi việc đều phải xem xét theo quy cách chẳng bình thường thì mới được trời cao đất rộng vậy. Tự nghĩ nghiệt nặng chướng sâu, may giữ được cái mạng tàn để thưa hỏi cùng thầy đều là do sức Phật, Bồ-tát thầm gia hộ vậy!

Ngày 20 tháng 4 âm lịch máy bay Nhật ném bom huyện thành Ân Thí, khi ấy nhằm đầu giờ Dậu, Đức Hoằng từ pháp viện (tòa án) trở về chỗ ở; còi báo động hú lên, hai đứa con gái và đứa tớ gái ẵm bé Phước Châu chạy vào hang núi trú ẩn, cô tiểu thiếp ẵm bé Phước Bị ở lại với Hoằng, không chạy đi. Còi hụ báo động khẩn cấp rú lên từng hồi, Hoằng đối trước Phật niệm Quán Âm Bồ-tát, máy bay chao qua lượn lại gầm rít ầm ĩ. Trước Phật tòa có một cái bàn vuông, bên trên phủ vải bông, người tiểu thiếp nép dưới gầm, chợt kéo áo Hoằng, Hoằng cúi đầu nhìn xuống. Đầu Hoằng vừa rúc xuống gầm bàn, bom đạn liên tiếp nổ rền, nhưng không quá dữ dội. Bé Phước Bị khóc thét, lưng Hoằng bị miểng văng trúng, trầy nhẹ, đứng lên xem thử, nhà cửa bị rung sụp, Phật tòa cũng bị nghiêng lệch, tro

---

[646] Đoan ngọ (ngày mồng 5 tháng 5), gọi đủ là tiết Đoan ngọ, còn gọi là tiết Đoan dương, tiết Ngọ nhật, tiết Ngũ nguyệt, tiết Ngũ nhật, tiết Ngải, Trùng ngọ, tiết Hạ v.v.. Thoạt đầu, theo mê tín, đây là ngày thạnh dương nên sâu bọ sanh sôi, ôn dịch dễ xảy ra, nên có nhiều tập tục như uống rượu pha hùng hoàng, dùng lá ngải vò nát xoa vào móng tay để giết sâu bọ trong bụng v.v.. Ngoài ra vào thời cổ, ở phương Nam Trung Quốc, đại khái vùng Chiết Giang, có một sắc dân thiểu số được coi là hậu duệ của loài rồng, thường tế lễ thần Đồ Đằng để cầu mưa thuận gió hòa vào ngày mồng 5 tháng 5. Về sau do Khuất Nguyên, quan đại phu nước Sở, do can vua không được đã đâm đầu xuống sông Mịch La nhằm tiết Đoan ngọ, nên người ta cũng dùng ngày này để kỷ niệm một vị ái quốc.

Đại thử là một tiết khí trong 24 tiết khí của một năm, kéo dài từ 22 tháng 7 đến ngày mồng 8 tháng 8 dương lịch. Theo Nguyệt Lệnh Thất Thập Nhị Hầu Tập Giải, sở dĩ gọi là Đại thử vì lúc ấy khí hậu nóng nhất trong năm.

Ở đây ông Hoàng đã tính sai ngày, sau Đoan ngọ hai ngày (tức mồng 7 tháng 5) cho đến ngày đầu tiên của tiết Đại thử (22 tháng 7) là 75 ngày, chứ không phải 31 ngày.

bụi phủ đầy nhà. Dưới chân có bức tượng Quán Âm nhỏ bằng sứ, bèn vội nhặt lấy ôm vào lòng (năm ngoái, phòng ngủ ở pháp viện bị tàn phá, tượng sứ ấy bị vùi trong đống gạch ngói, chẳng bị hư hao mảy may nào). Tường đã ngã xiêu ra phía ngoài. Tôi cùng với người tiểu thiếp ra khỏi cửa xem mới biết hai dãy phố trước và sau đều bị trúng bom, kèo gãy rui sụp. Nhà hàng xóm ở dãy phố phía sau lại trúng phải đạn lưu huỳnh bốc cháy, họ thảng thốt chạy ra khỏi chỗ ẩn núp có kèo gỗ chống đỡ nơi dãy phố phía trước. Người tiểu thiếp và cô bé hàng xóm chạy tránh đến chỗ an toàn.

Hoằng tính vớt vát quần áo, đồ đạc, nên quay trở lại cổng ngõ nơi trú ngụ, một mình không ai giúp tay, chẳng dám chui vào một mình. Đang trong lúc ngần ngừ, chẳng ngờ bốn mặt lửa bốc lên nghẽn lối, phải gấp tránh né, vội nằm nép mình trong cái rãnh bùn lầy phía trong tường, nhắm mắt niệm Phật. Trên dưới, trái phải tàn lửa rụng như mưa, lấy tay phủi liền tắt. Ngọn lửa cách đầu chưa đầy một trượng, hơi nóng vô cùng khó chịu đựng được; bùn trong rãnh đã trở thành nước nóng, quần áo đã bén lửa một hai chỗ, trong tâm vẫn không sợ hãi, chỉ tự trách chớ nên tham luyến quần áo, đồ đạc để rồi bị hãm trong tuyệt địa, lặng lẽ chờ Phật, Bồ-tát tiếp cứu mà thôi!

Một hồi lâu sau, thế lửa ở phía Nam giảm đi, nhờ gót giày bị bùn lầy thấm ướt, liền cố sức đạp lửa xông qua, đi xa được mười trượng, rốt cuộc được an toàn, không bị thương tổn mảy may; bất quá da thịt bị lửa hun đã lâu, ông mập đã trở thành chàng gầy nhom! Tất cả quần áo, đồ đạc, sách vở, và nhật ký, bản thảo thơ văn mười mấy năm qua đã mất sạch không còn gì. Những hồ sơ, vật dụng trong pháp viện cũng tiêu sạch. Cũng may là các bộ phận hành chánh, tài chánh đều do viện trưởng phân viện thứ ba thuộc Pháp viện Tối cao đảm nhiệm. Ngày hôm qua theo lệnh của bộ, các chức vụ viện trưởng, chủ tịch phân viện đều bị bãi trừ.

Trong tương lai, tuy Hoằng bị kỷ luật, nhưng chắc là chén cơm cũng không bị trở ngại. Pháp viện dời về khu vực tạm trú Đông Hương, Hoằng bèn thuê một gian nhà tranh ở vùng phụ cận, mượn của bạn bè một hai bộ quần áo. Đồng hương tặng cho mấy đứa trẻ mấy bộ, hai đứa con gái, hai thằng con trai có áo không có quần. Phần lớn những tiệm buôn trong thành bị bom phá hủy, ở trong làng muốn ra chợ mua sắm vải vóc rất khó, sống cuộc đời dân tỵ nạn gần hai tháng trời.

Nghĩ đến minh đản bát tuần của tiên khảo[647], không có sức làm chay, chỉ dâng lên 5 đồng, cầu xin thầy chuyển lời thỉnh đến đạo tràng Một Trăm Lẻ Tám Phật Thất làm lễ cầu siêu, lại xin mua giùm một "món đồ câu cơm" (tức Lục Pháp

[647] Cha đã mất gọi là tiên khảo, minh đản (hay còn gọi là minh thọ) bát tuần là ngày sinh nhật tám mươi tuổi của người đã khuất.

Toàn Thư[648]). Đứa con thứ vốn tên là Phước Bị, chẳng ngờ lão pháp sư Ấn khi đặt tên liền dùng ngay hai chữ ấy, Phật pháp cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn.

Hoằng từ sau khi thoát ra khỏi cơn nạn lửa, thề suốt đời trì chú Đại Bi, đi đứng nằm ngồi trong tâm đều thầm tụng để cầu thế giới hòa bình, chỉ quan tâm đến chuyện cày bừa, chẳng hỏi đến chuyện thu hoạch, thầy có cho là đúng hay không? Sanh con lẫn nuôi dạy đều quan trọng, người tiểu thiếp răn dạy rất nghiêm, lúc cấp bách cũng biết niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, bé Phước Châu cũng biết lạy Phật. Con thưa gởi những gì nghĩ biết, rất mong thầy gởi thư răn dạy về lý nhân quả trong lần bị nạn lửa này. Phiền thầy cho con gởi lời vấn an trước tòa lão pháp sư."

* * *

Ngày hôm qua nhận được thư gởi tới bằng đường tàu, ông trải qua một phen nguy hiểm kinh sợ này khác nào được sống sót từ nơi miệng cọp, đúng là khiến cho người khác chẳng rét mà run! Phật Bồ-tát hữu cầu tất ứng, tầm thanh cứu khổ, cảm thông chẳng thể nghĩ bàn, [nay đã] có [thêm] chứng cớ để càng thêm tin tưởng. Sâm tính soạn một bài ký về sự linh cảm đăng trên những tờ báo như bán nguyệt san Phật Học v.v. để tuyên dương nhằm khơi gợi lòng tin tưởng của mọi người, mà thiện căn của cư sĩ cũng ngày càng được tăng thêm.

Gặp phen cư sĩ mắc đại kiếp về quần áo, vật dụng lần này, Sâm ở xa ngoài mấy ngàn dặm, quả thật chỉ ôm lòng thương cảm nhưng không cách nào giúp đỡ được. May là cả nhà lớn bé đều được thoát hiểm không hề hấn gì. Chỉ có thân hình bị lửa dữ hun lâu nên chàng mập biến thành gã ròm chứ không bị tổn thương chi khác thì cử động lại càng thêm thoải mái, cũng không trở ngại chi.

---

[648] Lục Pháp Toàn Thư là một bộ sách tổng hợp tất cả những dữ liệu, thông tin cần thiết về luật pháp được áp dụng tại Trung Hoa Dân Quốc và Nhật Bản. Nội dung bao gồm sáu thể loại luật pháp:

1. Hiến pháp
2. Dân pháp: gồm những điều luật dân sự, chẳng hạn khai sanh, khai tử, đăng bộ nhà, xe, ruộng vườn v.v..
3. Dân sự tố tụng pháp: những điều luật về thưa kiện dân sự, chẳng hạn ly hôn, ly thân, tranh chấp gia sản, điền sản v.v..
4. Hình pháp: những điều luật về tội phạm.
5. Hình sự tố tụng pháp: những điều luật quy định về sự tranh cãi kiện tụng liên quan đến những tội hình sự.
6. Hành chánh pháp và Hành chánh tố tụng pháp: những điều luật, quy định về biện pháp xử lý hành chánh và thưa kiện trong lãnh vực hành chánh.

Do tài liệu này vô cùng cần thiết cho nghề nghiệp của một quan tòa nên ông Hoàng gọi đùa nó là "món đồ câu cơm".

Còn như trong lúc chưa thoát khỏi hang lửa, đang trong lúc nguy hiểm nhất vẫn có thể tâm không sợ hãi, đấy chính là chỗ biểu hiện một dạ tu trì vậy, nhưng chỉ biết lặng lẽ chờ Phật Bồ-tát đến cứu giúp, chẳng biết nghĩ đến chuyện đã lâm vào cảnh hãm tuyệt, đang trong lúc muôn phần không còn lẽ sống, càng phải nên chuyên niệm Nam-mô A-di-đà Phật hoặc Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (niệm danh hiệu nào cũng đều được), nhất tâm mong mỏi Phật Bồ-tát rủ lòng từ. Nếu chẳng thể thoát hiểm tìm ra lẽ sống, liền chuyên mong được tiếp dẫn vãng sanh. Chẳng biết suy nghĩ như thế thì chưa phải là triệt để rốt ráo, may là được thoát hiểm, nếu không sợ rằng đã chôn thân trong hầm lửa, chẳng được lợi lành vãng sanh thì lầm lẫn lớn quá rồi! Chú tâm tưởng Phật Bồ-tát tiếp dẫn vãng sanh, nếu như chưa đến lúc thì cũng cảm được Phật Bồ-tát cứu giúp, che chở thoát hiểm. Rất mong hãy "đầu sào trăm thước, tiến thêm bước nữa" thì lợi ích lớn lao mới là triệt để.

Còn như luận về lý nhân quả trong lần này thì bọn ta từ vô thỉ đến nay không oan nghiệt nào chẳng tạo, chỉ cần nhân duyên hội ngộ ắt sẽ chịu quả báo. Ngay như hết thảy tâm hạnh hiểm ác của những kẻ ngay trong hiện thời khiến cho chúng ta mắc phải đại kiếp này đều là vì bọn ta xưa kia khi mê muội chẳng biết giác chiếu [đã trót mang những tâm hạnh hiểm ác ấy], dẫu có nặng nhẹ, mạnh yếu khác biệt thì cũng không gì chẳng phải là "chỉ mong sao ta sống, chẳng sợ người khác chết, cậy năm mươi bước cười kẻ một trăm bước" mà thôi! Cõi đời không quả nào chẳng có nhân, mà cũng không nhân nào chẳng có quả. Tương lai rốt cuộc sẽ phải đền bù ra sao, hoặc ngấm ngầm hoặc rõ rệt, sẽ tự có giá trị tương đương, chúng ta chỉ nên tin tưởng sâu xa nhân quả chẳng sai tơ tóc là được rồi. Nếu nói rốt ráo là như thế nào thì chính tôi là hạng tăng phàm tục chỉ biết cơm cháo chẳng thể nào phân tích được.

Về minh thọ 80 tuổi của lệnh tiên nghiêm lão nhân, tôi đã gởi thư cho đạo tràng Một Trăm Lẻ Tám Phật Thất lập bài vị cầu siêu. "Bộ đồ câu cơm" Lục Pháp Toàn Thư đã cậy bạn bè mua giùm, gởi giùm rồi. Tôi gởi kèm theo thư này thư trả lời của người bạn ấy để ông biết đầu đuôi. Còn ý nguyện cao quý suốt đời trì chú Đại Bi để cầu nguyện thế giới hòa bình của ông cố nhiên rất tốt, nhưng đang trong lúc muôn phần không có lẽ sống, đối với kiếp sống thừa sau cơn tai kiếp, quang âm hữu hạn này, càng phải nên niệm Nam-mô A-di-đà Phật cho nhiều và đem hết thảy công đức hồi hướng cho khắp mọi chúng sanh cùng cầu sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, để mình lẫn người đều được lợi ích rốt ráo liễu sanh thoát tử thật sự, ngõ hầu chẳng phụ Phật Bồ-tát từ bi cứu vớt lần này vậy!

6. Lời bạt ghi sau bài ký về chuyện bà Phó Trâu Nhân Hiển niệm Phật cảm được cọp thả con lợn mà nó đã bắt

(Đính kèm nguyên văn bài ký được gởi đến)

1. Bài ký

Phó Trâu Nhân Hiển, người thôn Đông Quách, huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây, là vợ cư sĩ Phó Xuân Phố (chuyện sanh về Tây của ông Phó Xuân Phố chồng bà ta xin xem ở cuối phần Phụ Lục này), là người nhân từ, mềm mỏng, thành thật, khắc khổ, tự gắng sức, tin thờ tam bảo, niệm Phật chẳng lười nhác. Cư sĩ Phó khuất núi, bà lênh đênh cô khổ, trơ trọi một thân, mất nơi nương tựa, nhiều lần bàn tính với bạn bè của cư sĩ Xuân Phố về chuyện ăn ở, gặp phải nhiều nghịch cảnh.

Giữa tháng 5 năm Dân Quốc 28 (1939), được người ta đưa đến cư trú tại am Thanh Tịnh ở làng Thạch Pha cách trấn Chương Thụ mười mấy dặm. Bà Nhân Hiển niệm tụng siêng ròng, chăm chỉ, lúc rảnh lên núi đẵn củi về bán để đổi lấy thưng thóc đấu gạo. Người trong làng đại đa số không nghe đến danh hiệu Phật, thấy Nhân Hiển tu trì như vậy đều thân cận. Có ai mắc bệnh thì Nhân Hiển bèn vì người ấy tụng kinh, cho thuốc (thuốc do cư sĩ Dư Kính Tây chế tạo gởi đến), liền có công hiệu lạ thường, trong mười trường hợp có tới tám chín người lành bệnh.

Một ngày nọ sau khóa tụng buổi sáng, bà Nhân Hiển theo lệ thường lên núi đẵn củi. Củi đã bó chặt xong, đặt lên vai gánh đi, dõi mắt thấy ở phía trước chừng một trượng, trong đám lau lách có con vật gì to như con trâu, đúng lúc ấy có hai con lợn trong thôn chạy qua chỗ đất ấy, con vật đó liền chụp lấy một con lợn, ra vẻ sắp ăn thịt. Bà Nhân Hiển thấy vậy liền lớn tiếng niệm Nam-mô A-di-đà Phật. Nào ngờ con vật ấy buông con lợn ra, mặc cho nó trốn chạy. Con vật ấy hai mắt sáng quắc, chăm chú nhìn Nhân Hiển, Nhân Hiển nhìn kỹ mới biết là hổ. Lúc ấy tuy niệm Phật không ngớt nhưng gần như niệm không ra tiếng, kinh hoảng luống cuống, chẳng giở chân lên được.

Phía dưới núi mấy chục bước chân có nông dân đang cày ruộng, trong lúc hổ đến - đi những người nông dân ấy đều trông thấy, bà Nhân Hiển niệm Phật những người ấy cũng nghe rõ. Con lợn bỏ chạy về nhà, chạy đúng ngang qua khoảnh ruộng đó, máu tươi đầm đìa, những người nông dân đều kinh dị, đều bảo "con lợn ấy có thể đào thoát khỏi miệng hổ quả là một sự kỳ lạ lớn, nhưng người niệm Phật có thể gặp bất trắc!" Đương trong lúc phân vân suy tính, nghe tiếng niệm Phật đứt nối vẫn thoảng bên tai, ùa nhau lần theo tiếng niệm đi đến, thấy bà Nhân

Hiển đứng ngây như con gà gỗ, nhưng vẫn niệm Phật như cũ. Mọi người ùa tới hỏi han, Nhân Hiển mới trở lại dáng vẻ bình thường, kể lể đầu đuôi, bỏ củi quay về.

Do câu chuyện lạ gặp hổ niệm Phật giải thoát tai ách cho con lợn này, người dân làng Thạch Pha mới biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, người tin tưởng do vậy ngày càng đông đảo, đàn-na tín thí cũng chẳng thiếu người. Người bố thí đầu tiên chính là chủ nhân con lợn thoát miệng hổ. Con lợn ấy nay vẫn mập mạnh như thường.

(Bài ký này thu thập từ những điều được lược thuật trong những lá thư do cư sĩ Dư Kính Tây nhiều lượt gởi đến)

2. Lời bạt

Phó Trâu Nhân Hiển, năm Dân Quốc… đã cầu được truyền tam quy dưới tòa hòa thượng Định Hằng ở Nam Xương. Mùa thu năm Dân Quốc 24 (1935), Sâm trở về đất Cám khi đi ngang qua trấn Chương Thụ, bà ta theo chồng là Xuân Phố xin Sâm truyền thụ ngũ giới. Từ đấy ăn chay niệm Phật, tinh tấn chẳng lười nhác. Tới khi Xuân Phố về Tây vào năm ngoái, mắt thấy tướng lành hiện rõ, mọi người khen là hy hữu, nhân đấy tín tâm càng thêm vững chắc. Đã thế, trên không cha mẹ, dưới không con cái, lại chẳng có miếng đất cắm dùi, cô quạnh khổ sở, không nơi nương tựa, tâm nhàm chán Sa-bà, cầu sanh Cực Lạc càng thêm thiết tha.

Hiềm rằng túc nghiệp chướng ngăn, tuy có những bạn già của chồng như cư sĩ Tạ Song Hồ v.v. đôi phen giúp đỡ, rốt cuộc do nhân duyên chướng cách, khó sống yên được. Nhìn vào những nỗi khốn khổ bà đã trải qua, quả thật là ách nạn bị đói rét bức bách, không lối nào cầu xin được! May là bà có tâm tin Phật chuyên nhất, thiện niệm chân thật thiết tha, gặp phải chướng ngại vẫn luôn "thà tự mình chịu khổ, chẳng muốn gây khó khăn cho người khác". Khổ vui, an nguy trong cuộc đời này đều không bận tâm đến, một dạ dốc chí niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Do lòng chân thiện ấy nên được cảm ứng như vậy, đủ diệt được túc nghiệp nặng nề. Những nghịch cảnh bà đã phải trải qua trước đây quả thật đã bị lòng chân thiện ấy cảm ứng mà bị trừ sạch, chuyển quả báo nặng nề chẳng thể tưởng tượng được trong đời sau thành quả báo nhẹ nhàng trong đời hiện tại. Vốn là bà góa đói khát khổ sở, không cách gì lo liệu được ba món ăn, mặc, ở, nay do chẳng mảy may tham cầu mà tự nhiên có cái ăn, cái mặc, chỗ ở.

Tuy do các thiện sĩ thương xót, giúp đỡ thành tựu cho, nhưng nếu không được lòng từ của đức Phật gia bị thì làm sao có thể đạt được như vậy? (Xét rằng: Hổ là con vật cực ác, vốn bắt chim chóc, gia súc làm thức ăn, nhưng vừa được nghe

Phật hiệu nhân đấy tánh hung ác tiêu ngay, tâm từ thiện nẩy sanh, liền thả đi con lợn đã ngoạm vào miệng. Nhưng điều chưa từng được nghe qua là hổ ra khỏi rừng thấy người niệm Phật, đến khi hổ thấy bà Nhân Hiển kinh hãi, hổ liền lánh đi. Sáu chữ hồng danh oai thần thật chẳng thể nghĩ bàn! Hổ còn như thế, con người là "vạn vật chi linh", nghe rồi rốt cuộc sẽ như thế nào? Nay người trong cả làng ấy nhân chuyện này bèn cảm động, sanh lòng tin. Do vậy con hổ ấy là hộ pháp của Nhân Hiển, là đạo sư (người hướng dẫn) cho người làng vậy. Kinh dạy: "Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh", con hổ là một chứng minh càng rõ rệt vậy. Nguyện khắp những người cùng hàng mang bẩm tánh tối linh hãy dũng mãnh thức tỉnh, giác ngộ để khỏi bị chê trách người thua kém hổ).

Nhưng Nhân Hiển nay đã được như vậy, nếu đột nhiên sanh tâm tự mãn, tự cho là đủ, tự cậy là ta có công hạnh, hoặc xen tạp vọng niệm tham cầu không biết đủ sẽ khó khỏi chọc giận hộ pháp long thiên, tương lai sẽ bị tai ách y như cũ. Chỉ mong bà ta biết mình vốn là bà góa khốn khổ, chắc chắn trở thành người đói khát, nay được ba thứ ăn - mặc - ở để có thể sống qua ngày thì càng phải sanh lòng hổ thẹn sâu đậm, biết đủ, biết ngừng, khẩn thiết sám hối, chuyên ròng niệm Phật, ác niệm tham sân si v.v. đều mong nhổ sạch cội rễ, phát khởi tâm đại Bồ-đề, tự độ độ người, đối với những tài vật được đàn-việt thí cho, trừ những thứ sử dụng tiết kiệm chánh đáng cho chính mình ra, tất cả những gì còn dư đều nên thí lại cho người cô đơn nghèo túng. Suốt đời hành như thế thì sanh Tây sẽ là điều đoán biết được, ngõ hầu khỏi uổng dịp gặp gỡ được Phật Bồ-tát linh cảm gia bị này, mà công đức của các vị đàn-việt hộ trì cũng được thành tựu viên mãn.

7. Qua thư của cư sĩ Thôi trả lời cư sĩ Du, nhân tiện dâng lên lời phúc đáp cư sĩ Giang Dịch Viên

Cư sĩ Giang Dịch Viên vốn là một đại văn nhân có túc căn, có học vấn, tuy đối với đế lý tinh áo của Phật pháp còn chưa thâm nhập (xem phần luận về tam quán trong cuốn Diễn Giảng Lục của ông ta thì người có đầy đủ con mắt sẽ tự biết được trình độ Phật pháp của ông ta). Do về thế đế, ông ta thông minh hơn người nên đối với những nghĩa lý Phật pháp thông tục có thể nêu tỏ rực rỡ, lớn lao. Lại còn là con người chẳng câu nệ, hẹp hòi, luôn hòa nhã, khiêm hư, thật chẳng giống như những kẻ cuồng ngạo tự cao, lầm lạc nghĩ mình cao quý lớn lao, coi rẻ hết thảy.

Vì thế Sâm nghe tiếng ông ta, xem văn của ông ta (chỉ cho bài Tam Tự Tụng và tập đầu bộ Dương Phúc Trai Thi Kệ) liền khát ngưỡng, hâm mộ khôn nguôi. Đến khi gặp mặt trò chuyện, càng cảm thấy yêu mến, rất mong mỏi ông ta sẽ cùng với các vị cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, Từ Úy Như, Nhiếp Vân Đài, Phạm Cổ Nông v.v.

làm kim thang đuổi tà giúp chánh cho pháp môn (ở đây là nói đến những vị ngoại hộ còn có thể hoằng pháp lợi sanh. Nếu chỉ làm ngoại hộ thì có nhiều người lắm). Hiềm rằng do nghiệp cảm của chúng sanh, ông Từ, ông Hứa nối nhau quy Tây, ông Vân bệnh nặng, ông Cổ thân thể cũng suy yếu, chỉ còn ông Dịch là mạnh khỏe. Về mọi mặt thì ông Giang Dịch Viên đều khá, chỉ vì tâm hiếu kỳ nặng nề, đến nỗi bị bút gỗ, mâm cát[649] mê hoặc. Lại do những kẻ khéo tâng bốc người khác đến mức thành phường giảo quyệt mượn sức linh quỷ để bợ đỡ hòng làm mồi nhử, [khiến cho người say mê cầu cơ bị những tà thuyết ấy] thâm nhập tận tạng phủ, đến nỗi hễ mê rồi chẳng quay lại được! Ngay như vị được ông ta thường sùng bái, tín phụng nhất là pháp sư Ấn Quang ra sức quạt gió tuệ, cực lực quét sạch cũng chẳng thể lay động được màn sương mê. Sâm tự xét mình học thức hẹp hòi, chẳng cần phải nói nữa.

Vì thế, ông ta lầm lẫn coi đám mây mê của những lời giáng cơ và vầng mây từ Phật pháp giống hệt như nhau, từng gởi thư cầu khẩn cụ Chân và Sâm xin cụ Ấn cho lưu thông hòng trừ bỏ màng ngăn khiến cho đôi bên đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu với nhau. Sâm cũng muốn phúc đáp gấp ngõ hầu ông ta ra khỏi hang tối, lên được cây to. Một phen suy nghĩ kỹ lại, thấy mình người hèn lời nhẹ, thật khó ra tay.

May sao có cư sĩ Thôi Chú Bình vốn theo hầu ông Dịch lâu ngày (Diễn Giảng Lục của ông Dịch phần lớn do ông Thôi ghi lại), ông Thôi là người vẫn còn có thể phân biệt tà chánh, chân ngụy, chẳng đến nỗi bị làn sương mê phủ kín. Xem thư ông ta trả lời cư sĩ Du Hữu Duy xót lòng đơn độc chỉ bảo[650], nói thẳng khuyên can, ngăn đón, đáng gọi là đã cảm nhận trước tấm lòng tôi, vì thế liền nhờ vào nhân duyên này để giảm bớt công bút mực giãi bày, bèn dâng lời thưa trung thực, thành khẩn nhất đáp lời ông Dịch, không chừng ông ta nghe lọt tai.

Ông Dịch làm thơ rằng: *"Tạp niên Nho Phật phả trầm tư, Phật quỷ thiên uyên khởi vị tri"* (Ba chục năm ròng nghĩ Phật - Nho, Phật quỷ trời - vực vẫn chưa tường). Niệm Phật trì trai mà gọi là "quỷ giáo" (lời dạy của quỷ) thì lời lẽ ấy có

---

[649] Thời ấy để cầu cơ người ta làm lễ thỉnh tiên, rồi hai đồng tử (người hầu cơ) vịn cơ bút (cơ bút thường có hình dáng như một cái giỏ, có vành để cầm được, một đầu giỏ có cái bút gỗ hình chim loan có mỏ nhọn) để viết chữ xuống một cái mâm đầy cát hay gạo. Lối cầu cơ ấy gọi là "phù loan" (thường đọc trại thành "phò loan"). Ngoài ra, còn có loại cơ bút mang hình dáng như một cái bút gỗ có hai cái cán dài được nối vào đuôi bút. Hai đồng tử hầu cơ sẽ cầm hai cái cán ấy nâng lên hạ xuống cho bút viết chữ xuống mâm cát, nhóm ông Giang Dịch Viên cầu cơ theo lối này nên mới nói là "bút gỗ, mâm cát".

[650] Sở dĩ bảo là "đơn độc chỉ bảo" (cô chỉ) là vì khi ấy các môn sinh của Giang Dịch Viên đều mê man cầu cơ giống như thầy, tin mê muội vào những lời cơ bút, riêng mình ông Thôi Chú Bình là tỉnh táo, cực lực khuyên lơn các bạn đồng môn.

khác gì báng Phật A-di-đà! Do điều này càng biết ông Dịch còn thiếu con mắt chọn lựa pháp. Vì sao vậy? Kinh Lăng-nghiêm, quyển thứ chín, trong phần giảng về tưởng ấm gồm mười loại ấm ma, mỗi đoạn đều nói thiên ma thừa dịp thuận tiện, loài phi tinh[651] dựa vào con người, khiến cho người ấy miệng nói kinh pháp, nhưng người ấy chẳng biết là ma dựa, tự nói đã đắc vô thượng Niết-bàn, điều này có thể làm chứng cớ sắt đanh để vạch trần ông Dịch đã nhận lầm phương hướng. Do không biết điều này nên chẳng lạ gì đã mê rồi không trở lại được nữa!

Huống chi lúc này lòng người chẳng bằng thời xưa, chuyên chú trọng đầu cơ trục lợi, xin ông Dịch hãy đọc kỹ Lăng-nghiêm, nghiên cứu tinh ròng nghĩa kinh cho đến khi hiểu sâu xa tỉ mỉ ma sự hiểm ác mới thôi. Nếu vẫn cứ coi bút gỗ, mâm cát có thể thay thế cho sự tuyên nói, giáo hóa của đức Phật thì sẽ có lỗi với lời khuyên dạy của những vị như cụ Ấn chẳng hạn, những vị ấy là bậc đầy đủ chánh tri kiến, hạnh giải tương ứng, rát miệng xót lòng, trong ngoài như một; nếu không phải là hạng người giống như Điều-đạt[652] thì chẳng biết còn là loại người nào khác nữa! Sao lại nghĩ lời khuyên niệm Phật ăn chay và những bậc thiện tri thức hiện thời là chẳng đáng tin tưởng, cứ nhất định tin chắc vào những lời nhận được từ nơi bút gỗ, mâm cát vậy?

Nay tôi giãi bày lôi thôi như thế, chính là vì ông Dịch là người cao thượng bất phàm, mong hãy vứt bỏ bút gỗ, mâm cát, chuyên dùng đạo niệm Phật ăn chay để tự hành, dạy người thì chẳng những pháp môn may mắn mà thật ra chúng sanh trong cả đại địa cũng may mắn lắm đấy. Khăng khăng một lòng ngu thành, kính mong lượng thứ!

8. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh

Thư ông gởi đến có những câu như: "Đang trong lúc mạt pháp, ma đảng tà kiến thân thể thường mạnh khỏe, còn bậc chánh tín đâm ra lại nhiều bệnh, lắm nỗi khổ não. Nếu chẳng phải là định nghiệp khiến cho như vậy làm cho con người phải than dài sườn sượt chẳng ngớt v.v.". Sâm rất không đồng ý. Vì sao? Một là do định nghiệp trong đời trước xui khiến thành ra như vậy.

Hơn nữa nhân quả phức tạp, bọn ta là phàm phu mắt thịt chẳng thể hiểu rõ rốt ráo được! Luận sư Giới Hiền, pháp sư Huyền Trang đã gieo nhân trong quá khứ, nay quả báo hiện hành, thiện căn phước đức rốt cuộc như thế nào mà vẫn phải chịu bệnh khổ nặng nề? Trả sạch sát nghiệp xa xưa mới được sanh lên nội viện

[651] Phi tinh là danh từ chỉ chung những loài quỷ thần có thần túc, có thể di chuyển rất lẹ làng giữa các nơi, chẳng hạn như loài quỷ dạ-xoa (thường có tên là quỷ tiệp tật)
[652] Điều-đạt là gọi tắt của chữ Đề-bà-đạt-đa (Devadatta). Đề-bà-đạt-đa là em họ của Phật, do ganh ghét nên đã lập cách phá hoại tăng đoàn, mưu hãm hại đức Phật nhiều lần.

Đâu-suất, lần lượt tấn tu, viên mãn Bồ-đề. Bọn ta nghiệp chướng sâu nặng, luận về chánh tín, công hạnh, phước đức, trí tuệ đều chẳng thể mong sánh bằng các vị cổ đức như Giới Hiền, Huyền Trang, huống chi thân ác tuy ít, ý ác quả thật rất nhiều (Đây là Sâm tự thuật tâm hạnh, chứ nơi miệng vẫn thường phạm lỗi. Mỗi phen đọc bài ký Du Tịnh Công gặp Táo thần, khôn ngăn rét run tận xương lông!) dẫu có phát tâm cũng khó chân thật, thiết tha.

Nay muốn nương theo pháp môn Tịnh độ hoành siêu hoàn toàn cậy vào Phật lực để mang nghiệp vãng sanh, liền cảm được Phật từ gia bị, hòng quả báo nặng nề "trầm luân nơi tam đồ hết sức khổ sở" trong đời sau sẽ chuyển thành quả báo nhẹ nhàng là "bệnh tật triền miên" trong đời hiện tại, ngõ hầu trong một đời này giải quyết xong đại sự sanh tử chẳng dễ giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. Đấy chính là Phật từ nhiếp thọ, hữu cầu tất ứng, có cảm liền thông (Đối với tâm Bồ-đề và hết thảy sự thực hành của hai vị cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, Nhiếp Vân Đài, Sâm thường cảm thấy hổ thẹn không bằng, nhưng hai vị ấy bệnh khổ triền miên quả thật hơn bọn ta nhiều lắm. Sâm suy nghĩ kỹ lưỡng hồi lâu, lại dùng lòng người và sự thật trong xã hội để chứng minh thì mới biết "gây nghiệp dễ dàng, đền trả thật khó"! Mới tin rằng hai vị ấy bị bệnh khổ quả thật là do nghiệp nặng chuyển thành báo nhẹ để được lợi ích thù thắng là siêu phàm nhập thánh. Còn bọn tà ma mạnh khỏe thì một là trong đời này có lẽ ác quả chưa chín muồi, còn cậy vào túc phước, hai là có thể là vì ác tâm dữ dội, đạo trời khéo léo mầu nhiệm, hậu đãi bọn tánh tình hung ác cho chúng nó mau vào tam đồ. Bất luận như thế nào, dẫu là khổ quả trong tương lai, chúng ta cũng quyết chẳng muốn nhận lãnh. Cõi đời chẳng có quả nào không có nhân, mà cũng không có nhân nào chẳng kết thành quả. Nhưng báo ứng rõ ràng hay ngấm ngầm, nhanh hay chậm, quả thật do nhân quả phức tạp gây nên, chúng ta là phàm phu mắt thịt chẳng dễ phân biệt rõ ràng được, chớ nên hiểu lầm).

Suy nghĩ sâu xa như vậy thì tuy ma bệnh khuấy nhiễu triền miên, đau khổ nhiều năm, thân dù khó chịu đựng được, tâm thật mừng vui sung sướng, chẳng hề có ý oán trách than vãn mảy may! Chỉ thuận theo "tùy duyên tiêu nghiệp chướng, chẳng tạo thêm ương họa mới", ắt mong món nợ nặng phải đền trả nhẹ, oán gia trái chủ mỗi mỗi đều khoan dung, tha thứ để cùng vãng sanh mới thôi. Ngu kiến như vậy đó, chẳng biết bậc cao minh nghĩ như thế nào?

9. Tờ kêu gọi quyên mộ của thiền viện Thiên Hoa ở núi Phổ Đà [để có đủ chi phí] tiếp nhận chủ quyền am Sùng Ninh tại Thượng Hải

Quán Thế Âm Bồ-tát thệ nguyện rộng sâu, tầm thanh cứu khổ. Bài kệ trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa có câu: "Hoặc trôi giạt biển lớn, cá, rồng các

nạn quỷ, do sức niệm Quán Âm, sóng mòi chẳng chìm được.” Đấy chính là đoạn văn sáng tỏ ghi chép lời thành thật thốt từ miệng vàng của đức Thích-ca Thế Tôn ta từ ba ngàn năm trước qua lời kệ đáp cho Vô Tận Ý Bồ-tát. Chuyện linh cảm như thế được sử sách ghi chép, đâu đâu cũng tra cứu được. Ở ngay trước mắt, càng có những sự thật để chứng minh, quả thật là lòng tin có chứng cớ vậy!

Trụ trì thiền viện Thiên Hoa núi Phổ Đà là đại sư Tu Điền. Năm Dân Quốc 15, 16 (1926-1927), khi Sâm ở tại chùa Pháp Vũ giúp lão pháp sư Ấn giảo chánh bộ Văn Sao, giảo chánh sửa lỗi Sơn Chí, liền cùng ở một chỗ với sư Tu Điền, Sâm khuyên sư nên niệm Phật, niệm Quán Âm, sư liền sanh lòng tin tưởng. Đến năm nay, do ảnh hưởng thời cuộc, lương thực thiếu hụt, sư đặc biệt ngồi thuyền từ Phổ Đà sang đất Thân (Thượng Hải) quyên mộ, đáp đúng tàu của hãng Hoa Dân. Bởi đã lâu năm, thuyền mục nát, nước tràn vào khoang, tại vùng biển Châu Sơn (thuộc tỉnh Chiết Giang) đụng phải đá ngầm, thuyền chìm.

Khi ấy nhằm lúc trời tối đen, chẳng biết phương hướng, khách ngồi thuyền mấy trăm người kinh hoàng cuống quít, xúm nhau kêu cứu mạng. Do đại sư biết đức Quán Âm linh cảm, liền khuyên mọi người đồng niệm thánh hiệu để cầu ngài cứu giúp. Do tai họa cấp bách như lửa cháy mày, đông đảo người tin tưởng cùng niệm theo. Gần 200 người trong đêm tối trong lúc muôn phần vạn phần chết chắc đã nắm được một sợi dây đõi, lần lượt ven theo kè đá, vịn bò lên núi; hơn 100 người khác táng thân vào bụng cá. Chuyện này đã sớm thấy đăng tin trên báo, nào biết đại sư cũng là một trong những người vẫn còn sống sót sau cơn tai kiếp!

Đến khi đại sư đổi thuyền đến được đất Hỗ, gặp đúng lúc am Sùng Ninh ở cửa lớn phía Đông trong thành đang bàn bạc chuyện sang nhượng chủ quyền. Do vậy, sư nghĩ mỗi năm phải đi kêu gọi quyên mộ như thế này, cảm thấy thật khó khăn. Nếu lập cách sang lại chủ quyền am này, biến nó trở thành hạ viện của chùa Thiên Hoa thì tăng chúng Thiên Hoa qua lại đôi bên, đem phần thu nhập còn dư thừa của Sùng Ninh bù đắp cho cơm gạo chùa Thiên Hoa; đấy chính là kế nhọc nhằn một phen, an nhàn vĩnh viễn, mà cũng tốt lành, thỏa đáng vậy.

Bàn bạc với các vị thiện tín hộ pháp, cũng được nhiều người tỏ ý tán đồng; hiềm rằng chi phí mua lại chủ quyền và tu bổ cần đến mấy ngàn đồng, do vậy bèn bảo Sâm lược thuật duyên khởi để tiện kêu gọi quyên mộ. Sâm bèn đem kinh nghiệm linh cảm của đại sư do tin niệm đức Quán Âm mà được may mắn sống sót tường thuật đại lược. Chỉ mong hộ pháp tể quan thiện nam tín nữ nghe sự tích Đại sĩ linh cảm tầm thanh cứu khổ này đều cùng phát tín tâm, gặp được nhân duyên đặc biệt sùng phụng tam bảo này đều vui vẻ giúp cho thành tựu, phát lòng

bi đồng thể, quyên ra vô tận bảo tạng thì công đức đã làm ấy chỉ có đức Phật chứng biết. Do vậy bèn làm tờ khải[653].

10. Trả lời cư sĩ Tăng Di Chi (bốn bài)

1. Phật thất ở Linh Nham phần nhiều hồi hướng một lần (những nơi khác phần lớn cũng làm như thế), tức là mỗi ngày trước lúc giữa trưa, cúng Phật xong, liền đến trước bài vị cúng cơm (dẫu là Phật thất cầu sống lâu mà kèm thêm lễ cúng cơm cho các bài vị tổ tiên cũng không trở ngại gì) thì cũng là một lần hồi hướng. Mỗi ngày trừ công khóa sáng chiều hết sáu cây hương[654] ra, sau cây hương thứ hai và sau khi cúng Phật, cúng cơm cho người đã khuất xong, tạm nghỉ giây lát rồi dùng cơm trưa.

2. Công khóa sáng tối vì vong nhân xưng danh hồi hướng, Sâm chiếu theo công khóa phổ thông chốn tùng lâm, mỗi lần xong khóa sáng vào mồng 1 hay Rằm, lúc lễ tổ gần xong, liền đọc câu: "Mỗi người hãy vì cha mẹ sanh thành, lễ Phật ba lạy cầu sanh Tịnh độ." Vì thế mỗi ngày Rằm hay mồng 1, dù chỉ có một người tụng niệm khóa sáng xong cũng chiếu theo lệ thường lễ tổ (chỗ này lúc hành lễ cùng đại chúng thì có phần đầy đủ hơn). Lễ xong liền xưng danh lễ Phật một lần, coi như hồi hướng.

Nếu như hồi hướng cho cha mẹ thì trong tâm thầm niệm quán tưởng rằng: "Thay cho cha mẹ sanh thành lễ Phật ba lạy" (nếu lễ một lạy thì đọc "một lạy"), sám hối nghiệp chướng, giải trừ vô biên tội nghiệp, tiêu tan, tháo gỡ oan khiên tội lỗi, thoát lìa đường khổ, cầu Phật từ bi xót thương nhiếp thọ, sớm được tiếp dẫn vãng sanh Tịnh độ (vừa lạy vừa thầm niệm, trong tâm nghĩ tưởng hình dáng cha mẹ cùng ở trước đức Phật lễ bái với ta. Một lạy tưởng như thế, mỗi lạy cũng đều như thế). Đối với cha mẹ làm như vậy mà đối với những người khác cũng tưởng như vậy. Thậm chí oán thân bình đẳng cho đến hết thảy chúng sanh trong pháp giới lần lượt khắp vì họ xưng danh lễ Phật hồi hướng.

Dẫu chẳng phải mồng 1, ngày Rằm, trong công khóa sáng tối, khi đọc tam quy y xong, nếu chẳng lễ tổ thì cũng nên thay cho cha mẹ sanh thành và những ân nhân có liên quan (hoặc có nhân duyên đặc biệt, như thân hữu mới vừa qua

[653] Khải là một thể văn của các quan dùng để tâu trình lên thượng cấp. Ở đây, thầy Đức Sâm dùng chữ khải với ý nghĩa khiêm nhượng, tâu trình lên thiện nam tín nữ chuyện quyên mộ của am Sùng Ninh.

[654] Theo quy định của Phật thất phổ thông, thời gian công phu niệm Phật mỗi ngày bằng sáu cây hương (mỗi cây hương ở đây tức là thời gian tàn hết một cây hương dài làm theo lối xưa, mỗi cây hương cháy được khoảng một tiếng rưỡi. Công phu sáng là một cây hương, sau đó niệm Phật buổi sáng hai cây hương, buổi chiều hai cây hương, buổi tối niệm Phật và đại hồi hướng một cây hương, tổng cộng là sáu cây hương).

đời v.v.) đều hồi hướng như thế. Điều này Sâm chẳng được truyền dạy, hoàn toàn dựa theo ý kiến của chính mình để làm (ở Linh Nham mỗi tối đại hồi hướng cũng có ba lạy), chuẩn theo lý thì đương nhiên không trở ngại gì. Hồi hướng xong, hoặc liền lễ Phật ba lạy lui ra thì cũng được.

Sâm còn thực hiện khóa lễ Quán Thế Âm Bồ-tát, trì chú Đại Bi, Vãng Sanh v.v. để cầu thế giới hòa bình, ta người cùng thoát khỏi ách nạn v.v.. (Công khóa của Linh Nham được gọi là Linh Nham Niệm Phật Nghi Quy, mùa hạ năm nay đã sớm xuất bản rồi, tiếc rằng lúc này không gởi được. Đợi khi có thể gởi được sẽ gởi mấy bản thì ông sẽ biết).

3. Chuyện trà-tỳ (hỏa thiêu) thì tăng hay tục đều không trở ngại gì. Người Tây Vực chết rồi có bốn cách mai táng: Một là thả trôi trong nước, tức bỏ xuống các sông rạch để no lòng cá rùa (cách này cần phải ở gần sông rạch lớn mới được, nếu ở tại con suối nhỏ nơi vách núi thì chẳng thích hợp). Hai là hỏa thiêu, tức dùng lửa đốt xác hòng phá ngã chấp (cách này chỗ nào cũng thực hiện được). Ba là chôn xuống đất, đào đất chôn vùi để khỏi bị bộc lộ (cách này cũng phổ biến). Bốn là lâm thi, tức bỏ trong rừng cho chim thú ăn (cách này phải ở trong rừng sâu, chằm lớn mới được, rốt cuộc chẳng ổn thỏa bằng ba cách trước). Nước ta xưa nay chủ yếu là chôn dưới đất (đọc thiên sách của Mạnh Tử nói "trong đời thường có kẻ chẳng chôn cất cha mẹ" sẽ biết nguyên do), thật ra vẫn chẳng mỹ mãn bằng hỏa thiêu.

Khi Phật pháp truyền sang phương Đông, tăng chúng đều hỏa thiêu với ý nghĩa phá trừ ngã chấp. Con người bị phiền não sanh tử hoàn toàn là do ngã chấp, thân kiến làm căn bản, ngay như cả họa hoạn lớn lao như dâm dục v.v. cũng do ngã chấp, thân kiến mà sanh. Nếu thân kiến, ngã chấp đã phá thì dâm dục còn do đâu mà sanh? Vì thế vào thời Đường, thời Tống, những vị cao nhân đạt sĩ thông hiểu sâu xa Phật pháp tuy chưa xuất gia cũng thường chú trọng hỏa thiêu. Đời sau phần nhiều chẳng thích theo gương ấy chính là giữ chặt thân kiến, ngã chấp! Thân Kiến quá nặng chính là một chướng ngại lớn cho việc tu hành.

Trong thư ông gởi đến, có câu: "Cư sĩ phần nhiều chưa đoạn dục, sắc thân chẳng thanh khiết, chớ nên hỏa thiêu", đây cũng không phải là lời bàn luận thông suốt! Cái thân của hạng phàm phu sát đất là do *tứ đại* giả hòa hợp, chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không thì chẳng cần biết là tăng hay tục, đều là do máu thịt tanh tưởi, hôi thối, bẩn thỉu hợp thành. Nếu dựa theo tình kiến thiển cận của kẻ phàm ngu mà luận thì tuy cái thân đoạn dục so với kẻ tham dục dường như thanh khiết hơn, nhưng tâm dục chưa sạch thì ô uế vẫn còn! Nếu luận theo đế lý cao sâu

thì tứ đại vốn không, ngũ uẩn chẳng có, các pháp nhân duyên đều không có tự tánh.

Biển chánh biến tri của chư Phật ở trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh, một niệm hồi quang liền giống như vốn đã đắc, diệu thể Tỳ-lô-giá-na phô bày trọn vẹn khắp các giới. Vốn chẳng có sanh diệt, tăng giảm sai khác, sao lại có tăng tục, nhơ sạch khác biệt? Vì thế Tâm Kinh nói "bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm" chính là chỉ cho bản thể thật tướng chân như của ba pháp tâm, Phật, chúng sanh không sai biệt. Chúng ta mê chân đuổi theo vọng, trái giác hiệp trần đến nỗi trôi giạt sanh tử trọn chẳng có thuở thoát ra. Nay muốn bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh thì phá trừ thân kiến, ngã chấp phải là công phu cần thực hiện trước hết!

Do điều này, phàm là người học Phật nếu biết cầu cho thần thức được yên vui thì chẳng nệ là tăng hay tục đều nên hỏa thiêu, chẳng những không trở ngại gì mà còn có ích thật sự (đối với hoàn cảnh hiện thời và mai sau, hỏa táng rất thích hợp vì do đường sắt cắt ngang, phần nhiều những ngôi mộ bị phơi thây lộ xương. Nếu ở nơi đô hội thì quan tài giá mắc, kiếm đất chôn rất khó, e rằng dẫu chẳng phải là đệ tử Phật cũng phải làm theo cách này. Nhưng điều quan trọng là cần phải tìm cho được cách thức hỏa thiêu tốt đẹp). Nếu như quyến thuộc chẳng nỡ lòng hỏa táng thì cũng là vì chẳng biết những ý nghĩa "chú trọng đến sự yên vui của thần thức" và "họa hại của thân kiến, ngã chấp" mà ra. Nếu hơi hiểu biết thì chỉ sợ người trong cuộc chẳng làm cho nhanh ấy chứ! Hàng quyến thuộc cũng nên khéo thấu hiểu tấm lòng người thân, há nên sanh chút lưu luyến nào.

4. Về chuyện áo mũ dùng để nhập liệm cho hai chúng tại gia, do đã biết là "cần phải phá trừ thân kiến, ngã chấp" thì áo mũ miễn sao thuận tiện là được rồi, chẳng cần phải nói nữa. Cái sắc thân suốt cả một đời phải nhờ vả nó để làm hết thảy mọi chuyện mà còn bỏ được như đồ thừa thì áo mũ là thứ bao bọc bên ngoài huyễn thân nào còn đáng để coi trọng. (Đối với người còn sống trên đời, Khổng tử còn chẳng coi áo xấu, thức ăn dở là điều đáng thẹn, huống chi là những thứ dùng để nhập liệm gán theo cái xác đã hư nát sau khi con người đã chết.)

Theo ngu kiến, ắt phải tiết kiệm, giản lược là hay nhất. Thà giảm bớt chi phí chế tạo áo mũ mới [rồi dùng khoản tiền dôi ra đó] để hoằng pháp lợi sanh và làm những sự nghiệp từ thiện như cứu tế kẻ đói rét khốn khổ hòng giúp ích cho thần thức người đã khuất được yên vui. So với chuyện tốn kém để khâm liệm cho trọng hậu thì chuyện được mất như một trời một vực, nhưng cần phải thuận theo tình cảm thế tục của kẻ làm con đôi chút, đừng vì chú trọng thần thức mà bỏ sạch những lễ nghi.

Tùy theo tâm nguyện của người đã khuất mà mặc tăng phục hay y phục thế gian đều chẳng sao cả, nói chung là chớ nên tốn kém quá. Nếu như do chính người đã khuất chủ trương đồ khâm liệm gần đến mức quá tốn kém, rườm rà thì cũng nên khéo léo giải thích để người ấy chẳng chấp vào thân kiến là được. Nếu thuận theo lòng tham đắm của người ấy rồi khâm liệm trọng hậu để giúp cho thân kiến, ngã chấp của người ấy được thỏa mãn thì sẽ gây chướng cho sự vãng sanh, đấy chính là điều không nên vậy. Nếu người đã khuất chủ trương khâm liệm đạm bạc tức là không bị vướng mắc nơi thân kiến, thì tăng phục hay y phục thế gian đều chẳng trở ngại gì. Ngu kiến như vậy đó, chẳng biết bậc cao minh nghĩ thế nào?

11. Bài ký về sự sanh Tây của cư sĩ Phó Xuân Phố

(Viết vào tháng 9 năm Dân Quốc 27 - 1938. Dư Ngẫu Sinh và Trần Triển Tây cùng ghi)

Cư sĩ húy là Xuyên, hiệu Xuân Phố, người thôn Đông Quách, huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây, mồ côi cha từ bé, mẹ là thái phu nhân Nhiếp nhọc nhằn, tiết kiệm nuôi dạy, theo học trường Pháp Chánh Tuần Cảnh, từng được bổ nhiệm những chức vụ viên chức văn phòng huyện lỵ huyện Thanh Giang, sở trưởng sở Cảnh sát tại trấn Châu Đàm thuộc huyện Vạn Tải, hiệu trưởng trường Nghĩa Vụ thuộc trấn Chương Thụ v.v.. Sống tại huyện thành nhiều năm, tham dự đủ loại công vụ, được quan chức, thân sĩ tin cậy, hễ có chuyện nghi nan lớn lao nào thường bàn bạc, quyết định với ông ta.

Thái phu nhân Nhiếp thờ Đại sĩ Quán Âm đã lâu, ăn chay niệm Phật. Năm Dân Quốc 17 (1928), thái phu nhân mắc bệnh, cư sĩ phát nguyện triều bái Phổ Đà, cụ không uống thuốc mà lành bệnh. Tháng 9 năm Dân Quốc 20 (1931) bèn đến Phổ Đà hoàn nguyện, lễ động Phạm Âm, cảm được Bồ-tát thị hiện dưới hình dạng áo trắng, cầm tịnh bình với cành dương. Lại cầu được biết rõ túc mạng, thấy một vị đầu-đà y phục lam lũ bèn ngộ luân hồi chẳng phải hư huyễn, ý niệm cầu thoát lìa Sa-bà càng thêm khẩn thiết. Do pháp sư Minh Tịnh gởi thư giới thiệu, bèn yết kiến pháp sư Ấn Quang và thầy Đức Sâm tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu, lúc ấy mới được nghe pháp yếu của Tịnh tông. Từ đấy trở đi, những sách vở do Hoằng Hóa Xã xuất bản đều thỉnh cả, do vậy tín giải càng tăng, bèn gởi thư khẩn cầu quy y. Thầy Đức Sâm bèn đặt pháp danh là Thiền Xuyên, tự là Hàng Tây, lại nhân lúc thầy Đức Sâm đi qua Chương Thụ, bèn xin thọ giới ưu-bà-tắc. Ông ta tín nguyện niệm Phật, tinh tấn không lười nhác phần lớn là nhờ sự khơi gợi chỉ vẽ của thầy Đức Sâm.

Năm Dân Quốc 22 (1933), ông được cử làm người chuyên trách tuyên giảng tại Niệm Phật lâm Lộc Giang, khuyên dụ chỉ dẫn, từ đấy Niệm Phật lâm rất đông. Cư sĩ gia cảnh nghèo nàn, thân yếu lắm bệnh, thường muốn xuất gia, nhưng khổ vì không có chùa chiền để nương náu, thường đến khám bệnh tại nhà Ngẫu Sinh. Ngẫu Sinh nói đến chuyện thời tiết nhân duyên chẳng thể cưỡng cầu được, nhưng cái tâm "chán trược, ưa tịnh" đã sâu, ý nguyện giảm thọ cầu được vãng sanh càng thiết tha, lễ bái, quán tưởng đều mong sớm được tiếp dẫn, chóng đến liên trì.

Mùa xuân năm nay, ông mộng thấy Quán Âm Bồ-tát thị hiện, báo cho biết kỳ hẹn là tháng 7. Đến sau hội Vu Lan Bồn, ông bèn ngã bệnh, nhất tâm niệm Phật quên cả khổ sở. Ngày 23, thân thích, bạn bè trợ niệm, đã nằm bằn bặt hồi lâu rồi tỉnh lại, mời thầy Đại Nhân ở điện Đại Bảo thuộc Vĩnh Thái đến nhờ cậy chuyện trà-tỳ. Ngày 26 lại thiêm thiếp, người nhà khóc lóc, cư sĩ cười ngăn lại, bảo: "Ta sẽ về Tây vào ngày thánh đản Địa Tạng Bồ-tát", đến ngày ấy, ngồi ngay ngắn trên ghế dựa, kết ấn Di-đà[655], mắt đăm đăm nhìn tượng Phật, an nhiên về Tây, khắp thân đã lạnh, chỉ còn đỉnh đầu vẫn ấm, sắc mặt tươi đẹp còn hơn lúc sống.

Mồng 2 tháng 7 nhuận, trụ trì chùa Thông Huệ ở Chương Thụ là hòa thượng Đại Tùng và thầy Đại Nhân đều tới, lo liệu việc nhập khám. Ông ngồi xếp bằng chắp tay hệt như người còn sống. Bữa hôm trước trời nổi cơn mưa gió to, đến giờ Tý nổi lửa, trời chợt sáng sủa, mùi hương lạ ngào ngạt, chẳng phải là mùi thơm của chiên-đàn hay hoa lan, một tia sáng trắng từ khám tỏa ra xẹt về phía Tây. Đang lúc đầu thu, khí trời nóng bức, chết đã ba bốn hôm mà xác chẳng thối nát, lại còn tỏa mùi thơm lạ, nếu chẳng phải do Phật pháp linh dị làm sao được như vậy? Người thấy kẻ nghe đều tán thán, khởi lòng cung kính, xưng tụng Phật pháp thật chẳng thể nghĩ bàn. Xuân thu được 48 tuổi.

Ngẫu Sinh nói: Đời mạt, người niệm Phật thì nhiều nhưng thành tựu lại ít là vì không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha vậy! Mạnh tử luận về đại trượng phu phải nên "phú quý chẳng dâm lạc, nghèo hèn chẳng đổi dời chí khí, chẳng khuất phục trước oai quyền, sức mạnh". Pháp thế gian còn như thế, huống gì là Phật pháp cầu sanh Tịnh độ siêu phàm nhập thánh ư?

---

[655] Thoạt đầu, ấn Di-đà chính là ấn thiền định, tức hai bàn tay xòe thẳng, đặt trên lòng, tay phải đặt trên tay trái, đầu hai ngón cái giao với nhau như thường thấy trong các tượng Thích-ca Mâu-ni Phật. Tuy thế, về sau dưới ảnh hưởng của Mật giáo, khi tượng A-di-đà Phật được tạc với tư thế ngồi, nếu tay Phật không cầm hoa sen sẽ kết ấn Di-đà, tức là ấn thiền định bị biến đổi hơi khác: Tay phải vẫn đặt trên tay trái, các ngón xòe thẳng, nhưng trong mỗi bàn tay ngón trỏ cong lên chạm đầu ngón cái, giống như hai cái vòng giáp lưng vào nhau, đầu hai ngón cái chạm vào nhau.

Cư sĩ bị vướng bận vì nghèo, bệnh, gia đình, nhưng nhất loạt chẳng quan tâm tới, khăng khăng, miệt mài chỉ lo niệm Phật, bị chê bai, nhục mạ, gặp trắc trở, trăm nỗi khó khăn chẳng xoay chuyển được, lúc mất biết trước ngày giờ, tướng lành rạng rỡ, đủ làm chứng có chứng tỏ đã sanh Tây. Bi tâm triệt để của đức Như Lai, pháp môn Tịnh độ không ai hỏi mà tự nói, quả thật là con đường tắt cho chúng sanh trong đời mạt thoát khổ, chỉ cần chịu dốc lòng, quyết chẳng giả dối, cổ nhân thật chẳng dối ta! Ngẫu Sinh do giao du với cư sĩ mà thật sự được un đúc, dấy lên lòng tin. Vui nhìn bước chân nhanh nhẹn của người trước, gắng đè nén nỗi đau nhân cầm[656], lưu truyền sự tích vãng sanh của cư sĩ Phó để khuyến khích người đời mà cũng là để tự cảnh tỉnh mình.

12. Bài ký về sự sanh Tây của cư sĩ Nhiếp Vân Sanh

(Trần Triển Tây ghi)

Cư sĩ húy Truyền Tăng, hiệu Vân Sanh, người huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây, mồ côi cha từ bé, được mẹ nuôi dạy, tánh tình đoan nghiêm, trang trọng, ham học, đậu tiến sĩ năm Giáp Thìn (1904) thời Quang Tự, làm quan tại Hồ Bắc, người anh họ mất, bèn trở về quê, về sau được bầu làm ủy viên hội đồng cố vấn tỉnh Giang Tây. Vào thời Dân Quốc, ông làm nghị viên hội đồng tỉnh, luôn tận hết trách nhiệm, giữ lời hứa, chẳng quanh co lật lọng. Vào thời Trù An Hội[657],

---

[656] Đây là điển tích *"nhân cầm câu vong"* (người lẫn đàn cùng mất). Đại thư pháp gia Vương Hy Chi đời Tấn có 7 người con, trong số đó Huy Chi (tự Tử Do) và Hiến Chi (tự Tử Kính) là hai người nhân phẩm cao nhất, tính tình khoáng đạt, thích văn chương, coi thường danh lợi, thường đàm luận thi văn với nhau rất tâm đắc. Tuy là hai anh em nhưng coi nhau như bạn tri kỷ, đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Huy Chi ưa đánh đàn, Hiến Chi thường gõ phách hòa theo. Về sau hai anh em cùng bị bệnh nặng, Hiến Chi mất trước. Huy Chi im lặng, không nhỏ giọt nước mắt nào, gượng bệnh, bắt người nhà đưa đến trước linh sàng của em, ngồi ngơ ngẩn hồi lâu rồi ôm đàn toan gảy một khúc diễn tả nỗi đau thương; nhưng do nội tâm quá bi thương không thể gảy thành xoang điệu nào, liền quăng đàn hét lớn: "Tử Kính, Tử Kính nay thì người lẫn đàn đều mất cả rồi ư!" Hét xong, ngã lăn ra đất hôn mê bất tỉnh. Hơn một tháng sau, Huy Chi cũng qua đời.

[657] Trù An Hội (Hội mưu tính an định cho đất nước) là một tổ chức do Viên Thế Khải đạo diễn nhằm tuyên truyền, cổ xúy quốc dân ủng hộ Viên Thế Khải tái lập đế chế trong khi chánh quyền Dân Quốc còn non trẻ, các tướng lãnh quân phiệt nổi lên chiếm cứ các nơi, chánh quyền trung ương chưa thể kiểm soát toàn bộ đất nước. Vào ngày 14 tháng 8 năm 1915, bọn Dương Độ, Tôn Dục Quân, Lý Tiếp Hòa, Hồ Anh, Lưu Sư Bội và Nghiêm Phục cùng ra tuyên cáo thành lập Trù An Hội, Dương Độ ra thông cáo với lời lẽ mị dân: "Chúng ta làm thân người dân Trung Quốc, quốc gia còn hay mất chính là chuyện liên quan đến sự sống chết của bản thân và gia đình, há nỡ ngồi yên ngó lơ chờ chết? Do vậy tập hợp những người cùng chí hướng tổ chức thành hội này hòng mưu tính sự an định cho đất nước v.v.. Vào thời Cách Mạng Tân Hợi, nhân dân Trung Quốc tình cảm sôi sục nhưng do bị vấn đề chủng tộc gây chướng ngại, bèn lập ra

dùng phương cách hối lộ để khuyên dụ các đại biểu bỏ phiếu tán thành Viên Thế Khải làm hoàng đế, hễ bỏ phiếu ưng thuận sẽ được ngay một ngàn đồng, chống đối sẽ đem quân bắt giữ. Cư sĩ phất tay áo quay về, giữ gìn khí tiết như thế.

Cư sĩ ưa thích viết văn chương theo lối cổ, nhưng những thứ chẳng có quan hệ bảo vệ lớn lao cho thế đạo bèn chẳng cẩu thả viết ra. Trong 20 năm tuổi xế chiều, dốc lòng nơi kinh sách nhà Phật, xoay vần trì tụng các kinh Đại thừa như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Kim Cang, Viên Giác, nhưng quy túc nơi Tịnh Độ Ngũ Kinh, ăn chay trường, niệm Phật có thời khóa nhất định. Đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, hận chưa được thân cận đại sư Ấn Quang.

Năm Đinh Sửu (1937) cầu mưa được thỏa nguyện, bèn thành lập Niệm Phật lâm Cao Vũ, thường đến diễn giảng tại Niệm Phật lâm Lộc Giang tại trấn Chương Thụ, cảm hóa rất nhiều người. Mùa hạ năm Kỷ Mão (1939), nhiều lần mắc bệnh đi tả, tự mình dốc chí quy Tây, chẳng còn muốn tìm thuốc men linh nghiệm để chữa trị nữa. Vào tháng 10 bệnh tình nguy ngập đến tột cùng, nhiều lần mộng thấy Phật Bồ-tát thị hiện, tự biết đã đến lúc, miệng dặn dò di chúc, mời tăng lữ, thân thích, bạn bè suất lãnh con cháu niệm Phật. Tới lúc hấp hối, hơi thở dần dần nhẹ đi giống như Kim Cang niệm, chẳng đau khổ mảy may gì, chánh niệm phân minh, nhất tâm bất loạn xả báo an tường như nhập thiền định, toàn thân mềm mại, đỉnh đầu lạnh đi sau cùng, vẻ mặt tươi tắn, vui sướng, uy nghi như hãy còn sống. Các tướng lành phù hợp khít khao với chứng cớ vãng sanh, xét theo Quán kinh phẩm sen ắt cao. Ấy là vì pháp môn Tịnh độ dùng tự lực để cảm Phật lực, cho nên có thể hoàn tất ngay trong đời này.

Cư sĩ sanh vào năm Kỷ Tỵ tức năm Đồng Trị thứ tám (1869) đời Thanh, về Tây ngày mồng 1 tháng 11 năm Kỷ Mão, tức năm Dân Quốc 28 (1939), hưởng thọ 71 tuổi, biên soạn bộ Tư Phụ Đường Thi Văn Nhật Chí phần nhiều xiển dương rõ giáo nghĩa Tịnh tông được cất giữ tại nhà.

(Trọn bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên)

---

nền Cộng Hòa, nhưng chưa hề suy nghĩ kỹ Cộng Hòa có thích hợp với tình hình đất nước hay không? Một khi đã đề xướng, ai dám bắt bẻ, người thông hiểu sâu xa tuy biết rõ chủ trương ấy ẩn chứa mối họa hoạn, nhưng vẫn phải miễn cưỡng thuận theo hầu tránh khỏi mối họa nguy vong một chốc. Do vậy nhà Thanh thoái vị, Dân Quốc sáng lập, chánh quyền lâm thời gặp nhiều lúng túng, quốc gia gặp cơn nguy hiểm, nhân dân khốn khổ v.v..” Họ ra nhiều thông cáo, tuyên bố để cổ vũ tái lập đế chế, suy cử Viên Thế Khải lên ngôi hoàng đế. Để đạt mục đích, hội đã dùng những biện pháp bẩn thỉu nhằm đe dọa, ép buộc các nghị viên bỏ phiếu tán thành đế chế.

Hồi Hướng

Nếu việc dịch thuật này có chút công đức nào đều xin hồi hướng cho lịch đại phụ mẫu, sư trưởng, họ hàng, quyến thuộc, pháp giới chúng sanh đều cùng được vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nguyện cùng thân cận đức Di-đà, Quán Âm, Thế Chí, chứng ngộ Vô sanh, trở lại Sa-bà, hóa độ muôn loài cùng sanh Cực Lạc. Nguyện những ai thấy nghe dù tin tưởng hay phỉ báng đều cùng được vãng sanh Cực Lạc.

Chân thành cảm tạ đạo hữu Minh Tiến và Huệ Trang đã tốn nhiều công sức giảo chánh, nhuận văn cũng như liên tục khuyến khích giúp cho mạt nhân có đủ nghị lực theo đuổi việc chuyển ngữ này. Nguyện tam bảo thường gia hộ khiến cho nhị vị đạo hữu tín tâm kiên cố, đạo lực kiên cường, phẩm sen cao cả, cùng nhau hội ngộ nơi Cực Lạc, thân cận Từ Phụ Di-đà.